TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

26

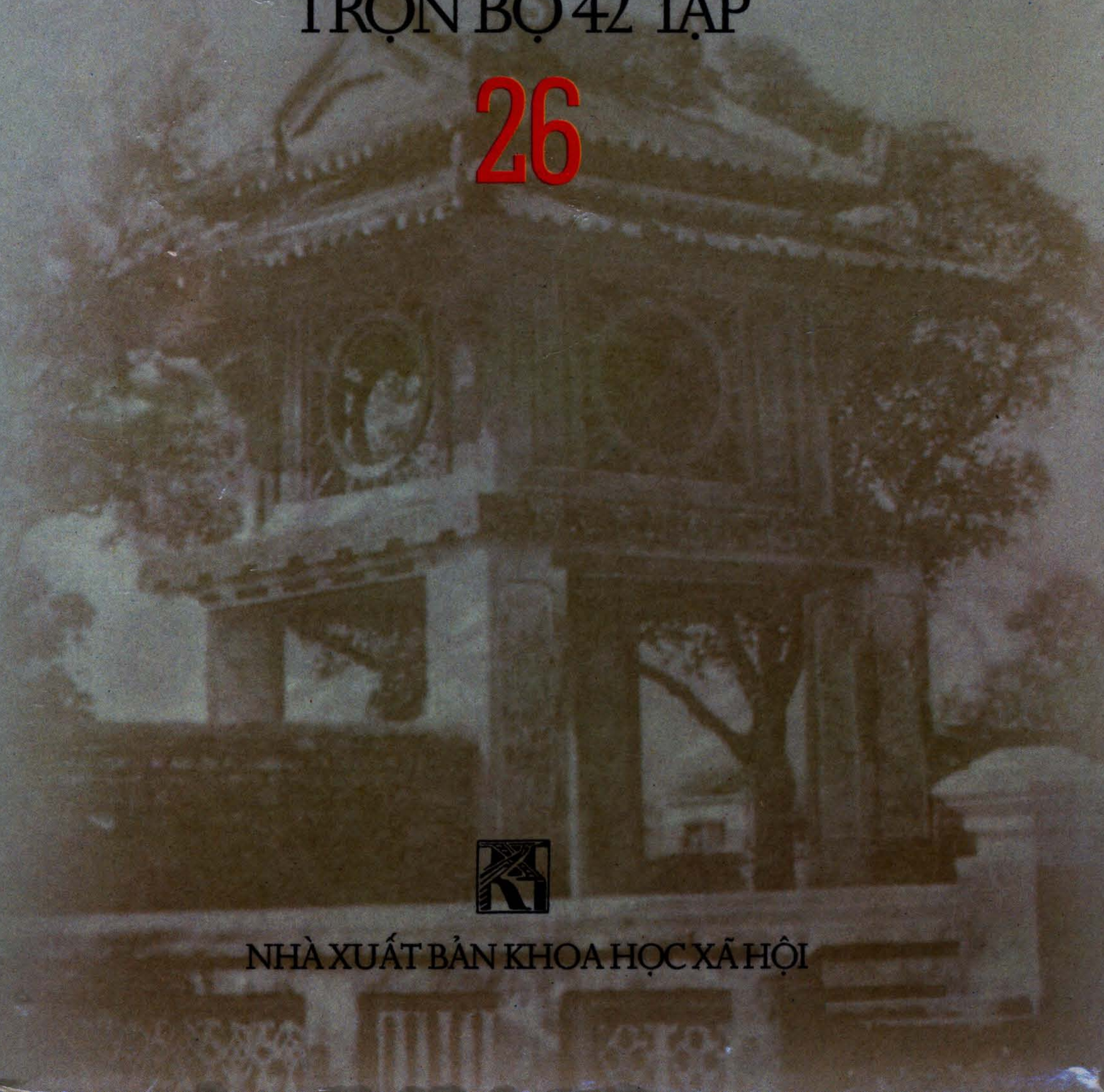

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
Trọn bộ 42 tập

Chủ tịch
ĐINH GIA KHÁNH
Phó chủ tịch
NGUYỄN ĐỨC DIỆU - VŨ TÚ NAM
Ủy viên
NGUYỄN TÀI CẨN - NGUYỄN VĂN HOÀN
Thư ký
NGUYỄN CỪ

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
Trọn bộ 42 tập

Chủ tịch
ĐINH GIA KHÁNH
Phó chủ tịch
NGUYỄN ĐỨC DIỆU - VŨ TÚ NAM
Ủy viên
NGUYỄN TÀI CẨN - NGUYỄN VĂN HOÀN
Thư ký
NGUYỄN CỪ

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

I333.11

TẬP 26

Chủ biên: HÀ MINH ĐỨC

Sưu tầm, biên soạn:

ĐẶNG VIỆT NGOẠN - MINH HÀ

广西民族大学图书馆
98415662

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

KHẢI LUẬN (+)

Vào đầu những năm 30 của thế kỷ này văn chương Việt Nam bước vào một chặng đường lịch sử mới bừng sáng và khởi sắc lạ thường. Từ những tác phẩm văn học còn in đậm dấu ấn của phong cách cổ với tính quy phạm và ước lệ trong phương thức biểu hiện, với sự gò bó trì trệ về ý thức hệ, văn học đang chuyển nhanh sang thời kỳ mới. Thời kỳ hiện đại, sự bừng tỉnh của ý thức và quyền sống cá nhân, tâm lý mới của công chúng đô thị, sự giao lưu văn hóa phát triển đã góp phần tạo nên những giá trị mới trong văn học.

Dòng văn học lãng mạn trong thời kỳ 1930 – 1945 là sự hợp thành của nhiều yếu tố, hoàn cảnh và tâm thế xã hội, chất lãng mạn trong văn chương quá khứ, ảnh hưởng của văn chương lãng mạn nước ngoài. Tiếp theo những sự kiện chính trị và sự khủng bố của chính quyền thực dân, không khí xã hội nặng nề và buồn chán. Người ta muốn tìm đến sự giải thoát qua văn chương. Văn chương lãng mạn, như một cứu cánh về tinh thần với lớp công chúng thành thị, vừa tiếp tục hướng đấu tranh chống lễ giáo phong kiến lại vừa tạo nên một thế giới lãng mạn đầy mộng tưởng, làm dịu đi những trăn trở, nhức nhối của tình hình thời cuộc. Tác phẩm của văn chương lãng mạn được tiếp nhận như một hướng đi tới, có mục tiêu đấu tranh lại biết mở ra những khát vọng và mơ ước về quyền sống cá nhân, cho dù đó chỉ là cá nhân của con người dưới chế độ thực dân phong kiến. Với những ý tưởng và mục tiêu chính đáng ấy, nhiều tác giả muốn phát biểu, bộc lộ quan điểm sáng tác của mình.

Trên con đường dài mười lăm năm với biết bao nhiêu biến động chính

---

(+) Bài Khải luận ở tập 26 chung cho cả tập 26 và 27. Năm 1994, lần xuất bản thứ nhất tập 26, 27 này đứng số là tập 28A và 28B. Tập 28A có các tác giả *Khái Hưng, Nhất Linh* và *Thế Lữ*. Tập 28B có các tác giả *Thạch Lam, Xuân Diệu, Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo*. Vì có việc có *Khái Hưng, Nhất Linh* dàn ra cả 2 tập, để tiện theo dõi và hợp lý, lần in lần thứ hai này chúng tôi xin dồn những tác phẩm của *Khái Hưng* vào tập 26, của *Nhất Linh* vào tập 27 còn các tác giả, tác phẩm khác vẫn giữ nguyên.

Ngoài các tác giả, tác phẩm đã có, chúng tôi bổ sung một số tác giả mới: *Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Đỗ Tốn, Trần Huyền Trân, Huy Cận*.

Toàn bộ công việc ở trên do *Nguyễn Cừ - Thư ký hội đồng* chịu trách nhiệm chỉnh lý, bổ sung và biên soạn.

trị, xã hội, hướng phát triển có thể khác đi nhiều, nhưng điểm xuất phát cần được ghi nhận là đúng đắn, tích cực. Từ Nhất Linh trong *Đoạn tuyệt* đến Nhất Linh với *Bướm trắng*, từ phong cách văn chương giàu tình cảm, trong sáng tế nhị của Thạch Lam đến phong cách sáng tác độc đáo của Nguyễn Tuân, dòng đời đã xô đẩy văn chương vào nhiều nẻo đường vừa mới mẻ vừa xa lạ, vừa giàu có thêm, lại vừa nặng nề phức tạp.

Ở mỗi chặng đường mới, trong hành trang của người viết có cái gì đó thuộc về di sản của người đi trước. Nói như Xuân Diệu "Chất lãng mạn thì vạn đời vẫn có ở trong gió mây, sấm chớp của trời đất, vốn có trong thơ Khuất Nguyên, thơ Nguyễn Trãi, thơ Nguyễn Du... nhưng chủ nghĩa lãng mạn với cái "tôi", cái "bệnh của thế kỷ" như tôi đã trình bày ở trên đây, với cái buồn mơ màng, cái xúc cảm chơi vơi của cái "tôi" thì phải thời hiện đại của thế giới mới có, ở Việt Nam phải những chục năm đầu của thế kỷ 20 với Tản Đà mới có". Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* cũng chỉ rõ vị trí của Tản Đà, người kết thúc cho một thời kỳ và mở ra một chặng đường mới "Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa". Đó là nói về thơ, một lĩnh vực tài hoa của Tản Đà. Về văn xuôi, Tản Đà cũng là người gợi mở cho một hướng viết. Ông đã tạo ra một thế giới mộng tưởng với những *Giấc mộng con, Giấc mộng lớn* để trò chuyện, giãi bày, mơ ước. Cái tôi của Tản Đà vừa mang những nét riêng của nhà nho ngông với đời lại vừa có chất phong tình tài hoa của một nghệ sĩ ham sống, ham những thú vui trần thế. Tản Đà không thuộc về những nhà văn lãng mạn kiểu mới, vì ông vẫn giữ nguyên nếp sáng tác cũ cho đến cuối đời khi dòng văn học lãng mạn đã phát triển, bộ mặt của văn chương đã in đậm nét của thời kỳ hiện đại. Văn xuôi lãng mạn của Tản Đà là một trong những cái gạch nối giữa thời kỳ cận đại và hiện đại.

Đáng chú ý hơn là mạch văn xuôi công khai của những năm hai mươi đầu thế kỷ mà tiêu biểu nhất là cuốn *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách. Tác giả Hoàng Ngọc Phách dường như đã sống với chính cuộc đời của nhân vật. Khát vọng của một tình yêu say đắm, một tình yêu tự tìm đến của một đôi trai gái đã bị lễ giáo và khuôn phép của gia đình phong kiến kiềm chế để rồi rơi vào bi thảm. Một tình yêu lãng mạn không nhằm mục đích hôn nhân, nhưng thực chất là sự giải thoát khỏi hôn nhân gò bó, là mạch tình cảm chính của nhân vật. Tố Tâm đã tâm sự: "Em vẫn tự hiểu rằng: cuộc đời của em là cuộc đời vẩn vơ, ái tình của em là ái tình vô hy vọng, nhưng em đã đem lòng yêu anh thì em cứ biết yêu anh, em lấy tình luyến ái của anh em ta làm khuây khỏa, còn về sau nữa em phó mặc khôn thiêng". Chưa đầy một thập kỷ sau, bi kịch trong tình yêu của đôi trai gái sẽ bước đầu được giải tỏa trong công luận qua văn chương Tự lực văn đoàn.

Dòng văn xuôi lãng mạn thời kỳ 1930 – 1945 phát triển trong một giai đoạn mà xã hội có nhiều biến cố chính trị, xã hội và những sự kiện này đã làm cho khuynh hướng thoát ly lãng mạn không còn tính chất thuần nhất

nữa. Thời kỳ 1932 – 1935 là chặng đường cực thịnh của văn chương. Thơ mới, văn chương Tự lực văn đoàn đã ngự trị trên văn đàn, đem lại một hơi thở và sức sống mới cho văn học. Phê phán lễ giáo phong kiến, đề cao quyền sống và hôn nhân tự do của thế hệ trẻ, tạo dựng được nhiều hình ảnh đẹp của một số thanh niên có chí hướng trong hoạt động xã hội, những cô gái tân học có bản lĩnh và biết vượt qua mọi trở ngại trong đời sống để giữ vững nhân cách của mình (Loan, Mai, Liên). Nhiều tác phẩm trong thời kỳ này mang đậm chất lãng mạn thoát ly khi khai thác và đi sâu vào những mối tình lãng mạn, ảo tưởng, những bi kịch của số phận không có căn nguyên xã hội, những tính cách cá nhân không phổ biến.

Bước vào thời kỳ Mặt trận dân chủ, khuynh hướng xã hội hướng về những vấn đề cần lao. Quan tâm đến cuộc sống của những người cực khổ bùn lầy nước đọng, trong xóm nghèo ngoại ô... là đề tài chung của nhiều sách báo. Khuynh hướng cải cách cũng trở thành mộng tưởng cho nhiều nhà hoạt động xã hội. Văn chương thoát ly lãng mạn trong thời kỳ này có xu hướng trở về với những vấn đề của đời sống. Các tác phẩm như *Gia đình, Thừa tự, Thoát ly* của Khái Hưng đều có giá trị hiện thực như sự miêu tả từ bên trong, mặt trái, sự phân hóa, suy tàn của những gia đình phong kiến. Văn chương của Hoàng Đạo trong giai đoạn này chịu ảnh hưởng sâu sắc của những luận đề chính trị và cải cách xã hội của nhóm Tự lực văn đoàn. Nhất Linh cũng quan tâm khai thác những đề tài xã hội và sinh hoạt của giới cần lao. Trước đây một số nhân vật có chí hướng hoạt động xã hội theo những đích xa xôi, mờ ảo. Trong giai đoạn này, chúng ta không bắt gặp lại Dũng, Trúc mà lại là Duy, Hạc, Bảo... những nhân vật hăng say trong cải cách xã hội có tính chất cải lương. Và rồi đây sau khi xã hội bước vào thời kỳ khủng hoảng, các hoạt động tinh thần của xã hội rơi vào bế tắc, các nhân vật trên lại nhiễm triết lý sống cá nhân cực đoan chạy theo sự hưởng thụ.

Dòng văn học lãng mạn thoát ly ở thời kỳ 1940 – 1945 phát triển với nhiều biến thiên nghệ thuật khá phức tạp, có lúc xô bồ hỗn loạn, và cũng có những nhánh có vẻ đẹp thanh cao. Nhiều cuốn tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn như *Bướm trắng* của Nhất Linh, *Thanh Đức* và *Đẹp* của Khái Hưng không còn mang thuần túy tính chất lãng mạn nữa mà đã nhiễm triết lý hiện sinh, lối sống hưởng lạc, nhập cuộc với cuộc đời ở những mặt phức tạp nhất. Cũng trong giai đoạn này cái tôi cá nhân đã mang nhiều khuôn mặt, có cái tôi cao ngạo, khinh bạc, có người hùng nhiều tham vọng và tài tử phóng đãng, có nhân vật thất bại chất chứa bi kịch, có số phận nhỏ bé đáng thương. Hình ảnh con người mộng tưởng và lãng mạn trở nên chơi vơi trước cuộc đời nhiều sóng gió.

Trong văn xuôi lúc này chúng ta có thêm Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Hồ Dzếnh, Lan Khai và cả Lê Văn Trương nữa. Nhiều phong cách, nhiều giọng điệu không còn sự thuần nhất nữa mà các khuynh hướng có lúc như xen lẫn và chi phối lẫn nhau. Nhìn theo chiều dọc thời gian, con đường đi

của nhiều nhà văn lãng mạn chỉ trong vòng mười lăm năm đã khác đi nhiều lắm. Tác phẩm của Khái Hưng, Nhất Linh giàu chất lãng mạn trong thời kỳ đầu, giá trị hiện thực được gia tăng nhiều ở chặng đường giữa và giai đoạn cuối pha tạp với chủ nghĩa hiện đại.

Thạch Lam thuần nhất với bản sắc riêng nhưng một số truyện ngắn của ông lại khó phân định giữa lãng mạn và hiện thực. Hiện tượng trên không phải chỉ có ở những nhà văn lãng mạn.

Trong quá trình sáng tác của mình, nhiều nhà văn hiện thực cũng có giai đoạn mang nặng cảm hứng lãng mạn. Những truyện ngắn đầu tay của Nam Cao mang tính chất lãng mạn và mãi tới Chí Phèo (1941) mới cắm được mốc vững chắc cho khuynh hướng hiện thực. Nguyễn Công Hoan cũng như Vũ Trọng Phụng đều có tiểu thuyết lãng mạn. Từ thực tế trên cần và có thể xác định những chuẩn mực cho tác phẩm văn xuôi lãng mạn Việt Nam ở thời kỳ này.

Trước hết văn xuôi lãng mạn thể hiện ở *tính chất thoát ly của nó,* thoát ly khỏi thực tế, khỏi những vấn đề bức thiết và những sự kiện quan trọng nhất của xã hội. Tác giả văn xuôi lãng mạn thường tạo dựng nên những câu chuyện tưởng tượng xa thực tế: Một mối tình thơ mộng trong cảnh chùa dưới bóng của Phật tổ, câu chuyện tình giữa một thanh niên ngư dân và cô gái Hà Nội... và có thể còn nhiều mộng tưởng khác. Có tác giả tìm đến khai thác những miền đất xa xưa của lịch sử. Ở đấy dường như trí tưởng tượng có thể tung hoành và không bị hiện thực đời sống kiềm chế. Viết về chuyện đường rừng, nơi cuộc sống chứa đựng nhiều bí ẩn, các nhà văn lãng mạn có thể thêu dệt những mối tình đặc biệt, những câu chuyện ly kỳ ở chốn sơn lâm hoang dã. Mặt khác có những tiểu thuyết tập trung miêu tả cuộc sống riêng tư và dường như cắt đứt mọi sợi dây ràng buộc giữa cá nhân và xã hội, số phận nhân vật phát triển theo mạch riêng tự nó, và vì nó, không quan hệ gì đến hoàn cảnh xã hội. Có bao nhiêu cách thoát ly thì có bấy nhiêu cách từ chối hiện thực trong tác phẩm để đi về hướng lãng mạn phiêu bồng.

Một tiêu chuẩn thứ hai được xem như đặc trưng của nhiều tiểu thuyết lãng mạn là *mọi định hướng, mọi chuẩn mực trong tác phẩm đều do cái tôi quyết định.* Nhà văn không dựa vào quy luật của xã hội, không nghiên cứu, khảo sát hoàn cảnh mà lấy cái tôi làm quyền lực tối cao quyết định tất cả. Thế giới nghệ thuật không được tổ chức song song với cuộc đời như một tấm gương phản chiếu mà theo vòng tròn hướng tâm. Tùy bút của Nguyễn Tuân có nói đến chuyện đời, nhưng thực chất ông quan tâm hơn đến những suy nghĩ riêng. Đây là thế giới riêng của những chiêm nghiệm, suy ngẫm, luận bàn, ngắm nghía cuộc đời với một con mắt độc đáo của một nghệ sĩ có tài. Ông tự tạo cho mình một cái lý, một chuẩn mực riêng để yêu thích, có thể yêu cái mà mọi người không thích, quan tâm tới đối tượng mà mọi người dễ bỏ qua. Thạch Lam rất chú trọng đến thế giới tâm linh những tiên cảm, dự đoán, ước mong. Cái tôi của ông không in đậm nét, có góc cạnh và lộ hình như kiểu Nguyễn Tuân. Ông điều khiển tình cảm như một ma lực cuốn hút

dần người đọc đến những kết luận mà ông muốn rút ra, dắt dẫn người đọc theo những mạch cảm xúc nhẹ nhàng, tinh tế, gợi cảm. Thạch Lam không chú trọng việc tái hiện hiện thực mà cảm nhận hiện thực qua những ấn tượng, cảm xúc, ký ức của mình. Phải chăng đặc điểm ấy thuộc về chất lãng mạn của nghệ thuật.

Một tiêu chuẩn quan trọng của văn xuôi lãng mạn *thuộc về phương thức biểu hiện*. Các tác gia văn xuôi lãng mạn thường vận dụng nhiều mạch cảm xúc trữ tình khác với miêu tả và tái hiện trực tiếp hiện thực của đời sống. Theo dòng cảm xúc, câu chuyện thường được tô điểm, nhấn mạnh, thậm chí cường điệu để tạo nên nhiều khác biệt, nhiều tương phản gây ấn tượng rõ rệt với người đọc. Dấu ấn của người viết với nhiều sắc thái khác nhau nhiều khi in đậm qua trang viết. Người đọc có thể nhận thấy lối văn gọn, chặt chẽ của Thế Lữ, chải chuốt và tình cảm của Khái Hưng, trong sáng, gợi cảm của Thạch Lam, cầu kỳ, độc đáo của Nguyễn Tuân, chân thực, thương cảm của Hồ Dzếnh.

Trào lưu văn xuôi lãng mạn tạo được nhiều phong cách. Nhất Linh là người có những đóng góp quan trọng cho văn chương Tự lực văn đoàn, ông là cây bút tiểu thuyết chính, lại tham gia có hiệu quả vào các hoạt động báo chí xuất bản của văn đoàn. Nhất Linh là một tác giả bộc lộ rõ nhất sự đổi thay của phong cách trong một thời gian không dài. Có thể kể đến *Nho phong, Người quay tơ*... những sáng tác còn mang nhiều nét xưa cũ và có phần xa lạ với văn chương hiện đại. Nhất Linh là nhà văn "Tây học", ông chịu ảnh hưởng lối tư duy mới, khoa học: Nhất Linh thực sự thay đổi quan điểm và phong cách viết từ thời kỳ hoạt động Tự lực văn đoàn. Trong thời kỳ đầu, Nhất Linh phê phán khá mạnh đạo đức lễ giáo của đại gia đình phong kiến. Từ quan hệ gia đình, Nhất Linh đã nêu lên thành những vấn đề xã hội đòi hỏi sự quan tâm của công luận và đã giải quyết theo hướng tiến bộ. Các tác phẩm *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh, *Nửa chừng xuân* của Khái Hưng thực sự là những mũi nhọn công kích vào lễ giáo phong kiến. Một số nhân vật của Nhất Linh cũng mang chí hướng hoạt động xã hội như Dũng, Trúc. Họ theo đuổi một lý tưởng xã hội và nhiều khi từ bỏ cuộc sống riêng tư hạnh phúc để dấn thân vào con đường gió bụi. Song mọi việc đã quá chậm, cơ sở xã hội làm điểm tựa cho những tư tưởng trên đã kết thúc, các nhân vật trở nên chơi vơi, không có định hướng và mục đích. Những quan niệm chính trị và xã hội của Nhất Linh thường tạo luận đề cho nhiều cuốn tiểu thuyết và trong nhiều trường hợp góp phần khơi sâu mạch tư tưởng, tình cảm của tác phẩm. Tiểu thuyết của Nhất Linh giàu chất lý trí. Nhân vật cũng hay luận bàn triết lý về cuộc sống, con người. Vào thời kỳ cuối, Nhất Linh không còn giữ được nhiệt tình như buổi ban đầu. Nhiều lúc tác giả như mệt mỏi, đứng ngoài dòng đời trôi chảy, không can thiệp vào, tham dự vào, không phê phán, không khen chê, mặc cho các nhân vật trôi nổi. *Đời mưa gió* đã mang những đặc điểm đó và đặc biệt đến *Bướm trắng* thì càng bộc lộ rõ rệt thái độ như buông

xuôi, như mệt mỏi của tác giả. Tuyết trong *Đời mưa gió* với lối sống hưởng lạc phóng túng đã phải chịu đựng một kết thúc bi thảm, nhưng Tuyết không phải là nạn nhân trực tiếp của xã hội mà là nạn nhân của chính quan niệm sống của mình. Còn trong *Bướm trắng* thì Trương đã tự đẩy mình vào con đường ăn chơi, lầm lỗi với những hậu quả xót xa, ê chề. Nhân vật của Nhất Linh trong thời kỳ đầu còn nuôi dưỡng một ý chí xã hội nhưng đến giai đoạn sau thì buông xuôi, chán nản. Thực tế ấy một phần nào có căn nguyên xã hội ở chặng đường lịch sử tăm tối và bế tắc. Cũng như Khái Hưng, Nhất Linh đã có công đưa tiểu thuyết Việt Nam vào thời kỳ hiện đại và bản thân những sáng tác của ông thể hiện rõ sự chuyển biến đó. Nhất Linh đến với hoạt động văn học và báo chí với mục đích xã hội rõ rệt. Tiểu thuyết của ông mang nhiều tính luận đề và triết lý. Bên cạnh tư duy văn học, Nhất Linh biết vận dụng yếu tố chính luận trong sáng tác văn chương. Sáng tác cũng chịu sự chi phối trực tiếp của thời cuộc. Ở chặng đường cuối, Nhất Linh đã tạm biệt văn học để dấn thân vào con đường chính trị và rơi vào sai lầm, phản động.

Cùng với Nhất Linh, Khái Hưng đã góp phần mở đường cho khuynh hướng hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam. Lần lượt trong khoảng mười năm trời, Khái Hưng đã khẳng định sự nghiệp văn chương của mình với nhiều tác phẩm có giá trị như *Nửa chừng xuân, Tiêu sơn tráng sĩ, Gia đình, Thoát ly, Thừa tự, Đẹp*... Khái Hưng là người mở đầu cho tiểu thuyết lãng mạn của Tự lực văn đoàn với tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên*. Tác giả đã tạo ra một không khí vừa trang nghiêm vừa thơ mộng của cảnh chùa chiền và mạnh dạn đưa vào khu vực cấm này một câu chuyện tình lãng mạn. Ý nghĩa và nội dung xã hội của truyện không phong phú, nhưng tác phẩm đã cuốn hút người đọc ở vẻ đẹp lãng mạn của tình yêu, của thiên nhiên cảnh vật. Mục tiêu xã hội của tiểu thuyết Khái Hưng trong thời kỳ này là đấu tranh cho sự giải phóng cá nhân chống lại đạo đức, lễ giáo của đại gia đình phong kiến. Khái Hưng khẳng định quyền sống, quyền được tự do và hạnh phúc của lớp thanh niên trẻ. Tình yêu, tuổi trẻ được miêu tả với nhiều nét mơ mộng, lãng mạn và có lý tưởng. Các nhân vật như Mai, Lộc trong *Nửa chừng xuân*, Liên trong *Gánh hàng hoa* đều là những nhân vật có ý thức khẳng định nhân cách sống. Sinh ra trong một gia đình quan lại phong kiến, Khái Hưng hiểu rõ mặt trái xấu xa và xung đột đầy bi kịch về tiền tài, quyền lực và nếp sống của những gia đình giàu có và có quyền thế. Các tác phẩm như *Thừa tự, Thoát ly, Gia đình* đã khai thác nhiều chất liệu gần gũi với gia đình tác giả. Không còn là những chuyện lãng mạn, các cuốn sách này đều viết theo hướng miêu tả hiện thực. Tuy chỉ bộc lộ xung đột trong phạm vi gia đình, nhưng về khách quan lại thể hiện khá rõ đặc điểm sinh hoạt của một giai cấp hằn sâu trong tư tưởng và nếp sống. Thời kỳ cuối, tác phẩm của Khái Hưng lại chịu nhiều ảnh hưởng của những quan niệm triết lý, nhân sinh phức tạp của chủ nghĩa hiện đại như *Đẹp, Thanh Đức*... Khái Hưng có sở trường miêu tả những khung cảnh sinh hoạt gia đình với nhiều màu sắc chân thực gợi

cảm. Ông xây dựng được nhiều tính cách nhân vật nữ có bản sắc, giàu nữ tính và có chiều sâu nội tâm. Nhân vật nữ của Khái Hưng mang ít nhiều màu sắc truyền thống. Những cốt truyện không vay mượn xa lạ, phong cách thiên nhiên mang nhiều cảnh sắc của thiên nhiên và làng quê Việt Nam, và những nét tâm lý quen thuộc gần gũi với truyền thống ở một số nhân vật đã góp phần tạo cho tiểu thuyết Khái Hưng và Nhất Linh ít nhiều màu sắc, phong vị của dân tộc.

Nhất Linh cũng như Khái Hưng có những đóng góp quan trọng về nghệ thuật tiểu thuyết. Văn của Khái Hưng trong sáng gợi cảm, ngôn từ chọn lọc. Tuy nhiên ngày nay đọc lại, dễ nhận thấy lối viết có phần chải chuốt, thi vị hóa và mang tính chất mòn sáo. Văn của Khái Hưng còn thiếu cái khỏe khoắn và sinh lực của đời sống. Cùng trong nhóm trung tâm của Tự lực văn đoàn, Hoàng Đạo đóng góp khá khiêm tốn về văn chương. Cuốn tiểu thuyết *Con đường sáng* mang rõ rệt tính luận đề. Con người đã từng hô hào và hoạt động hăng say cho Hội ánh sáng và Nhà ánh sáng theo hướng cải cách xã hội đã đem vào văn chương khuynh hướng chính trị của mình một cách chân thành. Có lẽ tác giả cũng thành tâm mong muốn cho những người nông dân nghèo khổ được cải thiện về đời sống, nhưng cái phương thức mà tác giả ứng dụng lại mang tính chất cải lương, nửa vời không có cơ sở xã hội vững chắc. Hoàng Đạo là cây bút thành công hơn về mặt chính luận trong hoạt động báo chí cùng với Nhất Linh. Chính ông là người tổ chức, người phát ngôn cho nhiều hoạt động chính trị, văn hóa của nhóm Tự lực văn đoàn.

Sau Nhất Linh và Khái Hưng phải kể đến một cây bút văn xuôi đặc sắc của Tự lực văn đoàn: Thạch Lam. Cùng trong một tổ chức, một văn đoàn, nhưng khuynh hướng sáng tác của Thạch Lam lại có nhiều nét khác biệt. “Đối với tôi văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có thể vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn”. Quan niệm trên không phải là tuyên ngôn của văn chương lãng mạn và luận điểm của phái nghệ thuật vị nghệ thuật mà rất gần gũi với quan điểm của Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Ngô Tất Tố đề xướng về chủ nghĩa hiện thực. Thạch Lam cũng có một số truyện ngắn có khuynh hướng hiện thực rõ rệt như *Nhà mẹ Lê, Một cơn giận, Cô hàng xén, Một đời người.*

Những sáng tác trên quan tâm đến những người nghèo khổ, những con người mà số phận không hề mỉm cười với họ và tai họa luôn chờ đợi ở mọi ngả đường. Thạch Lam đã miêu tả chân thực nhiều cảnh ngộ gia đình đang phải chịu đựng cảnh đói rét, nợ nần, thiếu tình thương, tình người. Thạch Lam không đi sâu khai thác những xung đột giai cấp dữ dội, những mâu thuẫn quyết liệt trong quan hệ xã hội như các nhà văn hiện thực mà chỉ miêu tả lặng lẽ với ngòi bút xót thương những bi kịch trong cuộc sống hàng ngày của những người nghèo khổ. Ông là nhà văn của tình thương và đối tượng

cảm thương là những cuộc đời, những con người không có được một cuộc sống xứng đáng với hai chữ con người. Huy Cận đã có lý khi nhận xét "Những truyện ngắn của Thạch Lam rõ ràng là hay không phải vì chúng ta có thể xếp loại các truyện ấy vào dòng văn học hiện thực. Những truyện ấy hay vì nó truyền đến cho người xem một cách cảm nhận cuộc đời, một lối rung cảm xót xa trìu mến trước những cảnh đời nghèo túng, đôi khi tủi cực, đôi lúc hắt hiu".

Với ý nghĩa ấy, truyện của Thạch Lam giầu giá trị nhân đạo. Thạch Lam ít miêu tả những chuyện lạ kỳ, đột xuất mà quan tâm đặc biệt đến đời thường, đời thường của những con người bình thường trong xã hội. Bên cạnh tình thương mến là tình cảm trân trọng những nét đẹp bình dị, gần gũi trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là vẻ đẹp của nội tâm. Thật không dễ dàng nhận ra điều này trong một xã hội mà mọi giá trị bị đảo lộn, cái hào nhoáng, hình thức che đậy mọi giá trị bên trong, đồng tiền chi phối mọi mặt của đời sống. Sáng tác của Thạch Lam mang ý nghĩa phát hiện vẻ đẹp của tình đời, tình người, của chút kỷ niệm thơ mộng, của một thoáng ước mơ, tất cả đều được trân trọng nâng niu, chăm sóc. Những cảm xúc dịu nhẹ mà sâu lắng khi được trở về với kỷ niệm xưa trong hương thơm hoàng lan và một tình yêu còn trong mơ ước đợi chờ *(Dưới bóng hoàng lan).* Những phút giây bừng sáng trong tâm hồn của hai đứa trẻ khi đoàn tàu đêm đi qua với ánh sáng chiếu từ các toa tàu làm quên đi cuộc sống tẻ nhạt, tăm tối của phố huyện nghèo (*Hai đứa trẻ).* Thạch Lam cũng rất trân trọng truyền thống, nếp sống văn hóa và phong tục tập quán của dân tộc. Tập ký *Hà Nội ba mươi sáu phố phường,* ngoài những sự quan sát sắc sảo, tinh tế về phố phường Hà Nội là cả tấm lòng với cuộc sống gần gũi, quen thuộc của chốn thủ đô. Truyện ngắn của Thạch Lam tuy không có cốt truyện hấp dẫn nhưng vẫn tạo được sự lôi cuốn ở chiều sâu của những khơi gợi tình cảm. Thạch Lam vừa miêu tả cuộc đời lại vừa bộc lộ những chiêm nghiệm, suy nghĩ và ấn tượng của tác giả làm cho ý nghĩa của tác phẩm được nâng cao. Với lối văn nhẹ nhàng, trong sáng, cách nhìn đời trân trọng và giàu cảm thương, sáng tác của Thạch Lam có một vị trí quan trọng, không thua kém một cây bút văn xuôi lãng mạn nào trong thời kỳ này.

Cùng một lối viết gần gũi với Thạch Lam là Thanh Tịnh. *Quê mẹ* gợi rất nhiều thương cảm và thơ mộng về một vùng quê mà tác giả gắn bó, với biết bao kỷ niệm. Nói như Huy Cận, "Thanh Tịnh đáng quý biết bao với cái làng Mỹ Lý thơ mộng và tình nghĩa của anh. Có người bảo Thanh Tịnh hơi lý tưởng hóa cái đời nông thôn vốn khổ cực hồi đó. Có lẽ, nói thế này thì đúng hơn: trong cuộc sống bề bộn của đồng quê buổi ấy, tâm hồn anh đã chắt lọc cái phần tình nghĩa, cái phần thơ rất chân thực trong cuộc đời".

Cùng đóng góp vào mạch văn xuôi của Tự lực văn đoàn trong thời kỳ này phải kể đến Thế Lữ. Thế Lữ là nhà thơ có công đầu trong phong trào thơ mới. Thơ Thế Lữ biểu hiện khát vọng tự do và tình cảm yêu nước thầm kín. Nhà thơ quan niệm thi ca có chức năng đi tìm cái đẹp trong thiên nhiên tạo vật,

trong cuộc đời. Thế Lữ có thiên hướng tìm cái đẹp thuần túy, vẻ đẹp trong trẻo thánh khiết cõi thần tiên khác với chốn tục trần ai. Về văn xuôi, Thế Lữ cũng tạo cho mình một phong cách riêng. Thế Lữ cũng là người mở đầu cho khuynh hướng viết những chuyện thoát ly có tính chất ly kỳ nhưng có giá trị văn chương. Những truyện trinh thám như *Lê Phong phóng viên* (1937), *Gói thuốc lá* (1940), truyện đường rừng như *Vàng và máu* (1934), *Gió trăng ngàn* và những truyện kinh dị như *Bên đường thiên lôi, Trại bồ tùng linh* đều được viết với một bút pháp riêng có màu sắc khoa học. Tác giả không huyền bí hóa câu chuyện mà thường đem ánh sáng khoa học để phân tích và giải thích những chuyện bí ẩn. Ngòi bút của tác giả vừa có sức cuốn hút người đọc nhập vào không khí của suốt câu chuyện và cuối cùng lại được mở ra trong lời giải đáp. Văn Thế Lữ trong sáng, kết cấu truyện chặt chẽ, mạch truyện lôi cuốn. Những truyện ly kỳ, huyền bí của Thế Lữ khác với những tác phẩm khác cùng viết về loại đề tài này. Cũng phải kể đến những đóng góp của Lưu Trọng Lư với *Chiếc cáng xanh, Người sơn nhân.* Văn xuôi của Lưu Trọng Lư giầu chất thơ mộng trữ tình. Trên những trang viết, Lưu Trọng Lư như không kìm được ngòi bút mà muốn bày tỏ, muốn thêu dệt cho cuộc sống có thêm nhiều màu sắc. Truyện của Lưu Trọng Lư bộc lộ tình cảm gắn bó của tác giả với truyền thống văn hóa của dân tộc.

Xuân Diệu cũng có những đóng góp riêng cho văn xuôi bằng những truyện, những tùy bút giầu chất thơ và được diễn tả bằng một ngòi bút thực sự tài hoa. Về *Phấn thông vàng,* Xuân Diệu đã viết "Ở đây chỉ có một ít đời và rất nhiều tâm hồn". Vũ Ngọc Phan cho rằng "đời đã tự thu gọn lại gần như tiêu tán để nhường chỗ cho tâm hồn tự do xâm chiếm, tràn lan không biết đâu là bến bờ". Chỉ một ít đời thôi nhưng cũng thật đáng quý. Không xa xôi mà là những chất liệu, những cảnh đời gần gũi, gợi cảm thương với tác giả. Nếu trong thơ, Xuân Diệu quan tâm đến việc tự biểu hiện là chủ yếu thì trong văn xuôi Xuân Diệu như mở rộng đến với một số cảnh đời gần gũi và nhiều khi chính là một vài mảnh đời của tác giả. *Kinh cầu nguyện của những kẻ đi làm* là những trang viết có màu sắc châm biếm đặc sắc nói về cuộc đời viên chức tẻ nhạt, còm cõi mà chính tác giả đã trải qua. Chính trong văn xuôi, Xuân Diệu thấy rõ "cuộc thế ao tù" của những kiếp sống mờ nhạt, trôi nổi, tối tăm.

Xuân Diệu chân thành cảm thương những người nghèo khổ "Kẻ nghèo đói là những trang anh hùng cắn chặt hai hàm răng ngậm giữ lấy đau thương". Xuân Diệu cũng đã cống hiến những trang tùy bút tài hoa làm nên bằng những liên tưởng cực kỳ tinh tế, đẹp và cái duyên bút của một tâm hồn thơ giàu có. Xuân Diệu đã có nhiều phát hiện, từ những đối tượng như khô khan, đơn lẻ, quen thuộc, Xuân Diệu đã đem vào một thứ ánh sáng mới, khơi dậy một sức sống và vẻ đẹp cho đối tượng. Tuổi hoa niên, tuổi học trò vừa đi qua được Xuân Diệu hình tượng hóa, như một bóng dáng thân thương vừa ra khỏi cuộc đời với biết bao tiếc nuối nhớ thương. Rồi những bộ phận khác trên cơ thể của con người, một sáng tạo kỳ diệu của tạo hóa cũng được Xuân

Diệu miêu tả, mở rộng liên tưởng với những ý tưởng độc đáo. Đôi bàn tay đẹp, môi giới là nhịp cầu nối với cuộc đời, nơi tiếp nhận những giao cảm đầu tiên trong tình bạn, tình yêu, nối những mong ước của tinh thần tìm được những rung động yêu thương của da thịt. Đóa hồng nhung, bông hoa đẹp ngoài đời chính cũng là bông hoa nở trên cặp môi tươi đẹp của người con gái, nơi tập trung sự sống, niềm vui và hạnh phúc của tình yêu lứa đôi. Xuân Diệu đã đem một tâm hồn thi sĩ để viết những trang giầu tính nghệ thuật. Dù ở phạm vi nào chúng ta cũng bắt gặp Xuân Diệu cảm hứng thưởng ngoạn tinh tế cái đẹp và lòng thương mến con người một cách thiết tha.

Dòng văn học lãng mạn vào đầu những năm 40 có sự phân hóa, và không thuần nhất ở dạng thoát ly mơ mộng như buổi ban đầu. Cá nhân được giải phóng khỏi sự trói buộc của đạo đức và lễ giáo phong kiến đã tự khẳng định mình, và đến lúc này cũng biến dạng. Có cái tôi tự chiêm ngưỡng và nhìn đời một cách khinh bạc như kiểu nhân vật của Nguyễn Tuân. Có cái tôi nuôi dưỡng và thực hiện một triết lý sống của người hùng như một số nhân vật của Lê Văn Trương. Lại có cái tôi như cánh chim gặp cơn gió lạnh tự thu mình lại và cảm thương thân phận của mình như trường hợp của các tác giả: Đỗ Đức Thu, Hồ Dzếnh, Đỗ Tốn. Xã hội càng biến động thì thân phận con người càng xót xa đau đớn trong cơn chìm nổi với đời. Mạch văn trữ tình len lỏi vào số phận cá nhân mà thầm thì và tâm sự. Tuy chưa có nhiều tác phẩm có tầm vóc lớn, nhưng cũng không thể quên ghi nhận chất trữ tình đằm thắm, xót xa và gợi cảm của nhiều cây bút có phong vị lãng mạn, trữ tình trong giai đoạn này.

Đánh giá văn xuôi lãng mạn trong thời kỳ 1940 – 1945 có những khó khăn riêng. Có ý kiến cho rằng đây là chặng đường suy thoái của văn học công khai, những người đeo vào mình bao nhiêu là xiềng xích và không cất đầu lên được. Nó im lặng mà chịu đựng và mang triết lý của người cùng đường. Lại có ý kiến cho rằng chính trong cảnh đời phức tạp ấy con người không thể sống bình yên mà phải đối phó, chống trả lại hoàn cảnh nên có thể phát sinh ra nhiều ý tưởng lạ.

Dòng nước không êm trôi hiền lành nữa mà đi vào quãng có thác cao, ghềnh sâu, vực thẳm nên dễ tung phá. Nhận xét này cũng có căn cứ. Chưa bao giờ trong văn học lại có những cá tính lạ, phức tạp và nhiều vẻ như giai đoạn này. Mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật như thu ngắn lại, lại vừa như xa cách thêm.

Những cây bút hiện thực và tình cảm miêu tả những cảnh ngộ gần gũi mà trang viết là những trang đời như Nam Cao, Tô Hoài, Hồ Dzếnh, Thanh Tịnh. Với một số nhà văn lãng mạn thì hình bóng cuộc đời trong tác phẩm của họ không còn là nguyên vẹn mà bị khúc xạ đi nhiều lần và người đọc hầu như chỉ còn thấy thế giới riêng của tác giả.

Tác phẩm của Nguyễn Tuân đề cao cái tôi cá nhân cực đoan. Trước hết

đây là cái tôi của một trí thức luôn có ý thức nhìn nhận cảm nghĩ về cuộc đời, cái tôi của một con người không tìm thấy sự hòa hợp với cộng đồng hay đúng hơn là với thực tại xã hội trong thời kỳ này. Ông có cái nhìn khinh bạc, coi thường những thói đời kệch cỡm, giả trá, những chuyện thường tình đơn điệu "Lòng kiêu căng xui ta chỉ chơi một lối chơi độc tấu". Ông là một người có bản lĩnh, không thích mô phỏng sao chép, thích tự đi sâu vào bản thân để chiêm ngưỡng, tự tôn thờ "Không giống ai và không cho ai bắt chước được mình, chết là mang cả cái bản chính đi chứ không để lại một bản sao nguyên cảo nào". Tuy nhiên cái tôi của Nguyễn Tuân là của một tính cách phức tạp vừa thanh cao đi tìm cái đẹp, cái cao thượng lại vừa chơi bời trụy lạc, biết quý trọng phần hồn và không quên hưởng thụ phần xác.

Muốn giải thoát khỏi cảnh tù túng, Nguyễn Tuân chủ trương triết lý xê dịch. Nhân vật của Nguyễn đều thấm sâu quan điểm xê dịch, đi để thoát ly khỏi cái tủn mủn hàng ngày để tìm hạnh phúc, và thay đổi giác quan. Xê dịch gây cảm giác về sự thoát ly nhưng sự thực lại vẫn bị ràng buộc "ta đi để rồi mà đau khổ, cả lúc đi lẫn lúc nghỉ, ôi ta ơi là ta ơi". Các nhân vật của Nguyễn Tuân, những người mang ý tưởng của tác giả đều là những khách giang hồ, lãng tử, thường hay có mặt ở nhà ga để ra đi hoặc chứng kiến một sự chia tay, ở một bến nước để nhìn một cánh buồm đi xa. Họ không chịu nổi sự tù túng của một cảnh ngộ nhưng không biết đến sự tù túng của nhiều cảnh ngộ, những nơi chốn mà họ sẽ gặp sau những chuyến đi. Nguyễn Tuân cũng thích cái đẹp, đi tìm cái đẹp. Ông xem cái đẹp là chân lý của nghệ thuật, cái chân lý khó tìm thấy trong hiện tại. Cũng vì thế mà Nguyễn Tuân hướng về một thế giới xa xưa. Ông đề cao những nếp sống văn hóa của những nhà nho qua trò thả thơ, hương cuội, thưởng trà. Có một cái gì đó thơ mộng thanh khiết khác với lối sống đua chen vật chất của cuộc đời hiện tại. Nguyễn Tuân đề cao những mẫu nhân vật có nhân cách cao đẹp như Huấn Cao, con người vừa có dũng khí, thiện tâm lại rất tài hoa. Miêu tả cái đẹp thơ mộng, tinh vi, ngòi bút của Nguyễn Tuân như phát huy sở trường của nghệ thuật hướng về nghệ thuật. Ông chiêm ngưỡng, nhìn ngắm, phát hiện rồi so sánh, liên tưởng đối tượng để tạo nên một mẫu hình mới, lấp lánh ánh sáng của nghệ thuật. Mái tóc dài mượt mà của chị Hoài mang nhiều nét tô điểm thi vị để từ đó ông đi tới kết luận cực đoan "Cái người trong suốt một đời người mà không được ngắm một mớ tóc cho tử tế thì cái thẩm mỹ quan của người ấy còn lung lay chưa lấy gì làm định". Đề cao cái đẹp, Nguyễn Tuân nhiều lúc rơi vào quan niệm thuần túy, đi tìm cái đẹp ở những nẻo chênh vênh xa vòng đạo lý. Ông miêu tả cách chém treo ngành như một thứ nghệ thuật, ông cũng cho là đẹp động tác của một tên ăn cắp giỏi. Ông quan niệm người con gái đẹp nên chết yểu, không nên để cho mọi người trông thấy sắc đẹp tàn phai dần của mình với năm tháng. Ông đi tìm cái chất tài tử tài hoa ở chốn chơi bời cô đầu, con hát. Ở Nguyễn Tuân kết tụ nhiều mặt của một cá tính nghệ thuật vừa phức tạp vừa phong phú thanh cao, vừa từng trải nhập

cuộc. Điều đáng quý là cái tôi của ông nhập vào các nhân vật tạo cho nhiều nhân vật chất tài tử, tài hoa. Những cảm xúc suy nghĩ trong các thiên tùy bút có được màu sắc trí thức, và chất thẩm mỹ tạo cho nó một chỗ đứng và dáng vẻ riêng khác với những gì lẫn lộn, bề bộn trong văn chương đương thời.

Khuynh hướng trở về với cái tôi cũng khá phổ biến trong văn chương. Khi người viết không được phép nói thẳng nói thật về cuộc đời thì tốt hơn là nói về bản thân mình. Hoàn cảnh xã hội đè nặng lên từng số phận, từng gia đình và miêu tả cái dấu ấn nặng nề đó ở mỗi cá nhân cũng là góp phần nói lên cái chung. Mạnh Phú Tư với *Sống nhờ,* Nam Cao với *Sống mòn,* Hồ Dzếnh với *Chân trời cũ,* Đỗ Tốn với *Hoa vông vang...* chỗ khác nhau của họ là một bên khai thác kỹ hiện thực nhỏ bé mà mòn mỏi đó với tinh thần phê phán và một bên trở về với những kỷ niệm một thời với những vui buồn riêng tư. Hồ Dzếnh đã có những trang viết cảm động về tuổi thơ, gia đình và hình ảnh người mẹ được miêu tả với bao kính mến xót thương. Tác giả khai thác những tình cảm vốn rất quen thuộc với mọi người nhưng lại có màu sắc riêng của một cảnh đời rất cảm động. *Hoa vông vang* là những trang viết vừa chân thực vừa thơ mộng như chính tình yêu của tuổi trẻ được kể lại qua một tiếng nói tâm tình tự bên trong. Nhưng con người nhỏ bé này như bị cuộc đời bỏ quên, nhưng họ không thể tự lãng quên mình. Họ vẫn sống với những vui buồn, mong nhớ, với đời sống tâm hồn như lặng lẽ nhưng luôn biết lắng nghe đợi chờ và mong ước. Đối lập với họ là sự nổi loạn của cá nhân với hoàn cảnh ở một số người. Họ tìm cách làm chủ hoàn cảnh với bất kỳ giá nào. Những nhân vật trong *Thanh Đức* sống với triết lý có màu sắc hiện sinh đó. Họ quan niệm "sống là thắng" và chỉ "những kẻ giàu mạnh đẹp là đáng kể". Đối với họ chẳng còn niềm tin nào đáng kể vì "thần thánh cũng đã mất hết thiêng liêng" và chỉ còn cái thú vui xác thịt.

Nhiều nhân vật của Lê Văn Trương mang bóng dáng của những người hùng. Lê Văn Trương đã viết hàng trăm tác phẩm và nhân vật người hùng của ông thường là những con người có cá tính mạnh, ưa phiêu lưu mạo hiểm, thích dấn thân vào những cơn xoáy lốc trong đời, thích làm kẻ cả, hào phóng. Ông cũng xây dựng một số nhân vật có tính nêu gương, mẫu mực trong gia đình như "Người cha, Người anh cả, Người vợ hoàn toàn", nhưng các nhân vật thường thiếu chân thực vì tính cách bị cường điệu và hoàn cảnh xây dựng lại có phần giả tạo. Trong tổng số hàng trăm cuốn nhưng người đọc nhắc đến một vài cuốn như *Trước cảnh hoang tàn, Đế thiên, Đế thích, Tôi là mẹ, Một đời người...*

Viết về đề tài lịch sử cũng là một khuynh hướng được văn xuôi khai thác nhiều. Khái Hưng mượn tư liệu lịch sử *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Sơ kính tân trang* để viết *Tiêu Sơn tráng sĩ.* Nhiều nhân vật mang chất giang hồ lãng mạn của những lãng tử si tình "A ha! chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một bồ rượu" "A ha! chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy hai con mắt mỹ

nhân". Trong tác phẩm này lịch sử nhiều khi chỉ còn là cái cớ để các nhân vật hoạt động theo những mục đích chủ quan của mình. Một vài nhân vật trong lịch sử có cá tính đặc biệt cũng được quan tâm khai thác với sự tô vẽ thêm như Đặng Mậu Lân, Đặng Thị Huệ.

Trong các tác gia viết về lịch sử thì Nguyễn Huy Tưởng là người viết nghiêm túc và tài hoa, Nguyễn Huy Tưởng ngưỡng mộ những nhân vật lịch sử có công với nước, ông cũng thích những tài năng và nhân cách đặc biệt kiểu như Vũ Như Tô, và hứng thú thêu dệt những câu chuyện tình thơ mộng trong *An Tư* và *Đêm hội Long Trì*. Nguyễn Huy Tưởng tôn trọng những sự kiện lịch sử. Ông dựa vào quan điểm của nhân dân như những chuẩn mực vững chắc để đánh giá các hiện tượng. *An Tư* cũng như *Đêm hội Long Trì* đều có những tình huống lịch sử hấp dẫn và Nguyễn Huy Tưởng đã khai thác với ngòi bút trữ tình thơ mộng. Câu chuyện tình kín đáo của An Tư và cảnh ngộ đau lòng của con người... phải vì nghĩa lớn mà ra đi cũng như mối tình giữa Quỳnh Hoa và Bảo Ngọc trong *Đêm hội Long Trì* đều được miêu tả trang trọng, tế nhị và đắm say. Nguyễn Huy Tưởng ấp ủ với lòng kính trọng và yêu quý những trang sử thân yêu của dân tộc và những trang viết đã bừng dậy sức sống qua trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng của tác giả.

Còn có thể kể thêm nhiều tác giả, tác phẩm khác nữa vào một mối của văn chương lãng mạn, tuy nhiên vẫn có những ranh giới tạo nên những phân vân đáng kể. Trần Tiêu, một thành viên của Tự lực văn đoàn với lối miêu tả chân thực về những cảnh sống, và tập quán ở làng quê, và những trang viết sâu sắc, gợi cảm về đời sống gia đình sẽ thuộc về trào lưu nào? Lãng mạn hay hiện thực. Trong tác phẩm của ông dường như có cả hai yếu tố. Trần Tiêu là nhà văn miêu tả rất thành công về phong tục. Nông thôn với ông tồn tại cụ thể với đơn vị làng và tác giả ít khai thác phía giai cấp song người đọc có thể nhận ra bóng dáng của nó. Tác phẩm của Trần Tiêu còn là những tư liệu bổ ích về xã hội học một thời kỳ qua.

Chỉ trong vòng trên mười năm, văn chương lãng mạn đã thu được những thành tựu rực rỡ và đi hết chặng đường lịch sử của nó. Từ khuynh hướng lãng mạn đến những hình thức thoát ly đa dạng và phức tạp, từ cá nhân được giải phóng trong buổi ban đầu đến những biểu hiện cá nhân có bản sắc và cực đoan... các tác phẩm văn xuôi lãng mạn đã thể hiện nhiều giá trị tinh thần đáng quý và cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Tình trạng pha tạp không thuần nhất của dòng văn học này đòi hỏi sự lựa chọn và đánh giá trong quá trình tiếp nhận. Văn xuôi lãng mạn đã đưa văn xuôi vào quỹ đạo của thời kỳ hiện đại với những tên tuổi xứng đáng: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Hồ Dzếnh, Nguyễn Huy Tưởng... Vẫn còn lại mãi mãi đó với thời gian những trang viết nhiều màu sắc và những phong cách sáng tạo hấp dẫn, độc đáo.

G.s. HÀ MINH ĐỨC

KHÁI HƯNG

(1896 - 1947) [1]

Năm 1933, Khái Hưng là người mở đầu cho dòng văn xuôi lãng mạn giai đoạn 1930 – 1945 với tác phẩm *Hồn bướm mơ tiên* (đăng báo *Phong hóa* 1932, xuất bản 1933). Cũng từ đó trên văn đàn công khai bên cạnh văn xuôi hiện thực, dòng văn xuôi lãng mạn phát triển rầm rộ, mạnh mẽ, thu hút sự chú ý của đông đảo bạn đọc đương thời.

Tên thật của Khái Hưng là Trần Khánh Dư, quê quán tại làng Cổ Cam, huyện Vĩnh Bảo tỉnh Hải Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng). Ông sinh trưởng trong một gia đình quan lại phong kiến, bố làm Tuần phủ (chức quan đầu tỉnh của một tỉnh nhỏ). Cuộc sống gia đình đó đã in dấu vào tác phẩm của ông sau này. Lớn lên, sau khi học xong trường Trung học Anbe Xarô (Albert Sarraut), ông dạy học ở trường tư thục Thăng Long (Hà Nội) và bắt đầu bước vào nghề làm báo, viết văn.

Năm 1932, cùng với Nhất Linh chủ trương tuần báo *Phong hóa* nhằm đả kích văn hóa phong kiến. Năm 1933, thành lập *Tự lực văn đoàn.* Ông là một sáng lập viên, đồng thời là một cây bút chủ chốt của nhóm. Ông viết rất khỏe, thường xuyên có bài trên báo *Phong hóa* rồi *Ngày nay.*

Do hoạt động chính trị thân Nhật nên bị thực dân Pháp bắt giam ở Vụ Bản (Hòa Bình). Sau khi Nhật đảo chính, được tha. Khái Hưng cùng với Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách ra báo *Ngày nay kỷ nguyên mới.*

Khái Hưng chết ở huyện Xuân Trường nay thuộc tỉnh Nam Định.

Những tác phẩm chính:

- *Hồn bướm mơ tiên* (đăng *Phong hóa* 1932, An Nam xuất bản cục 1933).
- *Nửa chừng xuân* (đăng *Phong hóa* 1933, xuất bản 1934).
- *Gánh hàng hoa* (viết chung với Nhất Linh đăng *Phong hóa* 1933, xuất bản 1934), *Anh phải sống* (truyện ngắn, viết chung với Nhất Linh, xuất bản 1934).

---

1. *Từ điển Văn học* (1983). *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam* (1989) của Nhà xuất bản Khoa học xã hội ghi năm sinh của Khái Hưng – 1896; Bản in *Tiêu sơn tráng sĩ* (1952), Nhà xuất bản Thăng Long Hà Nội ghi 1898.

- *Tiêu sơn tráng sĩ* (đăng *Phong hóa* 1934, xuất bản năm 1935).
- *Đời mưa gió* (viết chung với Nhất Linh, đăng *Phong hóa* 1934, xuất bản 1935).
- *Tiếng suối reo* (truyện ngắn, 1935).
- *Dọc đường gió bụi* (tập truyện ngắn, xuất bản 1936).
- *Những ngày vui* (xuất bản 1936).
- *Trống mái* (xuất bản 1936).
- *Gia đình* (đăng *Ngày nay* 1936, xuất bản 1937).
- *Thoát ly* (xuất bản 1937).
- *Tục lụy* (kịch – xuất bản 1937).
- *Hạnh* (1938).
- *Thừa tự* (đăng *Ngày nay* 1938, xuất bản 1940).
- *Đợi chờ* (truyện ngắn, 1938).
- *Đẹp* (đăng *Ngày nay* từ 8–7–1939 đến 2–3–1940. Xuất bản 1941).
- *Đội mũ lệch* (tập truyện vui, xuất bản 1941).
- *Đồng bệnh* (kịch – xuất bản 1942).
- *Thanh Đức* (xuất bản 1943).

KHÁI HƯNG

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN

(Tiểu thuyết)

TỰA

Quyển HỒN BƯỚM MƠ TIÊN là quyển truyện thứ nhất của Tự lực văn đoàn và lại là quyển truyện thứ nhất của ông Khái Hưng.

Lối viết truyện này có hai đặc sắc, khác những lối viết truyện xưa nay.

Tác giả không tả cảnh rườm rà, chỉ một vài nét chấm phá thanh đạm như những bức thủy họa của Tầu; cảnh trong truyện nhiễm vẻ nào là tùy theo tâm hồn của người trong truyện; cảnh đối với người có liên lạc nhịp nhàng và linh động.

Tác giả không bàn luận lôi thôi, ông khéo đem một vài nhận xét tinh vi, một vài việc xảy ra thích đáng để phô diễn tâm lý những nhân vật trong truyện.

Vì hai lẽ đó nên truyện HỒN BƯỚM MƠ TIÊN có vẻ hoạt động, xem ham mê từ đầu tới cuối: độc giả tưởng như được cùng với người trong truyện cùng sống quãng đời diễn trong truyện.

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN là một truyện tình dưới bóng Từ bi, một truyện tình cao thượng và trong sạch của đôi thanh niên yêu nhau "yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng" như lời tác giả nói. Tác giả đặt câu truyện vào trong một cảnh chùa ở miền trung du Bắc Việt và khéo phô diễn những vẻ đẹp thiên nhiên của miền ấy khiến ta đem lòng yêu những cảnh đồi núi non khác hẳn cái cảnh "bùn lầy nước đọng" miền hạ du phẳng lỳ và buồn tẻ.

Lại thêm được lối văn giản dị, nhanh nhẹn, tuy vui vẻ mà làm cho người ta cảm động vô ngần. Cái cảm ấy là một cái cảm nhẹ nhàng, phảng phất vui buồn tựa như những ngày thu nắng nhạt điểm mưa thưa.

NHẤT LINH

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 1933

I

Trên con đường Bắc Ninh – Đông Triều, chiếc xe ô tô hàng bon bon chạy. Bỗng một người hành khách bận âu phục thò đầu ra ngơ ngác nhìn rồi kêu:

– Cho tôi xuống đây.

Sau một tiếng còi lanh lảnh, chiếc xe từ từ đỗ. Người hành khách xuống xe, đi rẽ sang tay phải theo con đường đất gồ ghề, cong queo.

Tuy lúc đó đã vào quãng năm giờ chiều mà nắng tháng năm hãy còn gay gắt. Mặt trời xiên ánh sáng xuống cái lạch nước phía bên đường, rồi phản chiếu lên, khiến người lữ hành phải đội nghiêng cái mũ dạ về bên trái để che cho khỏi chói mắt.

Hai bên lề đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọn vừa đàn ông, đàn bà, con gái cúi khom lưng, cầm liềm nhỏ cắt lúa trông ra dáng vội vàng, chăm chỉ lắm, như sợ trời sắp tối không đủ thời giờ gặt xong thửa ruộng. Một bọn nữa phần nhiều người lực lưỡng kẻ thì lấy sức rít dây lạt bó các lượm lúa lại thành từng bó, kẻ thì cắm đòn xóc xuống đất, đứng bắt chéo chân, nhìn vơ vẩn.

Trong một thửa ruộng ngay sát chân đồi, một đám hơn mười người con gái, công việc đã xong ngồi nghỉ trên những bó lúa xếp thành từng đống ở bên vệ đường để chờ bọn đàn ông trở lại gánh nốt.

Một cô thấy người lữ khách thì trỏ bảo bạn:

– Chị em ôi, nhà tôi đã về kia kìa...

Mọi người cười rộ. Một cô hát ví:

Hỡi anh đi đường cái quan,
Dừng chân đứng lại em than vài lời.
Đi đâu vội mấy anh ôi,
Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Các cô vỗ tay, cười rũ rượi. Lữ khách như đã biết tiếng con gái vùng Bắc là đáo để, cắm đầu rảo bước trên đường không ngoảnh cổ lại; thì cô hát ví lại đứng dậy như muốn chạy đuổi theo mà gọi:

– Này anh, anh đưa va li đây em xách cho. Khốn nạn! Thương hại nhà tôi đi đường mệt nhọc, mồ hôi mồ kê thế kia kìa.

Lữ khách đi đã xa, còn nghe văng vẳng sau lưng câu hát ghẹo:

Anh về kẻo tối, anh ơi
Kẻo bác mẹ mắng rằng em dỗ giành!

Qua cánh đồng lúa, lữ khách đi vào con đường tối, giữa hai trái đồi, hai bên cây cối um tùm. Đường đã gồ ghề lại phải lên dốc, nên lữ khách mệt nhoài đặt cái va li xuống, ngồi thở.

Bỗng ở ngoài vườn sắn bên đồi, một chú tiểu quần nâu, áo nâu, chân đi dép quai ngang sơ sài, đầu đội cái thúng đầy sắn, đương lần từng bước leo xuống con đường hẻm. Thốt gặp người lạ, chú bẽn lẽn hai má đỏ bừng. Chắc vì chú tu hành ở vùng quê kệch, không trông thấy người vận tây mấy khi nên chú sợ hãi chăng?

Người kia thấy chú giật lùi lại một bước, thì mỉm cười ngả mũ chào, rồi hỏi:

– Thưa chú, chú làm ơn bảo giùm cho từ đây vào chùa Long Giáng đường còn xa hay gần?

Chú tiểu tò mò nhìn lữ khách rồi hỏi lại:

– Thưa ông, ông có phải là ông Ngọc không?

– Vâng, chính phải, tôi là Ngọc, tại sao chú biết?

Chú tiểu hai má lại đỏ ửng cúi đầu xuống trả lời:

– Thưa ông, vì mấy hôm nay cụ thường nhắc đến ông và nói ông sắp lên chơi vãn cảnh chùa.

– Vậy ra chú cũng ở chùa Long Giáng?

– Vâng.

– Thế chú cũng về chùa chứ?

– Vâng.

– Gần đến nơi chưa, chú?

– Đi hết con đường đồi này thì trông thấy chùa.

Ngọc đứng dậy, xách va li nói:

– Vậy ta cùng đi, đi.

Ngọc đi bên cạnh chú tiểu, liếc mắt nhìn trộm nghĩ thầm:

– Quái lạ! Sao ở vùng nhà quê lại có người đẹp trai đến thế, nước da trắng mát, tiếng nói dịu dàng, trong trẻo như tiếng con gái.

Rồi chàng quay lại hỏi chú tiểu:

– Chú tu ở chùa này từ bao lâu?

– Thưa ông, mới hơn hai năm nay.

Chú tiểu như muốn đổi sang câu chuyện khác thốt nhiên hỏi Ngọc:

– Thưa ông, ông là cháu cụ Long Giáng tôi?

– Phải.

– Cháu gọi bằng bác?

– Phải.

– Ông học trường Canh nông?

– Phải, chú biết tường tận lắm nhỉ.

Chú tiểu cười gượng:

– Ấy, cụ tôi vẫn nói chuyện đến ông luôn.

Lúc đó hai người ở con đường hẻm đi ra, thì mặt trời đã ẩn sau một trái đồi. Gió chiều hây hẩy đã mát, mùi lúa chín bốc lên thơm phức, khiến Ngọc ngắm cảnh nơi thôn dã êm đềm, trong lòng biết bao tình cảm.

– Chú tu ở vùng này thú nhỉ?

– Thưa ông, đã xa nơi trần tục mà mến cảnh triềm am thì không còn lấy chi làm vui thú nữa.

Nghe câu nói có vẻ ra con nhà có học. Ngọc mỉm cười hỏi chú tiểu:

– Chú biết chữ Nho?

– Vâng nhờ ơn cụ dạy bảo, tôi cũng võ vẽ đọc được kinh kệ.

– Thế thì đi tu sướng lắm, chú ạ. Có cảnh đẹp... lại có sách kinh Phật để mà quên cuộc đời náo nhiệt, phiền phức... Hay tôi xin phép cụ ở lại chùa, tu với chú nhé?

Chú tiểu quay mặt nhìn sang phía đường, rồi giơ tay trỏ lên một cái đồi, như muốn nói lảng:

– Thưa ông, chùa Long Giáng kia rồi.

Hai người dừng lại ngắm chừa. Lưng chừng một cái đồi cao, mấy nóc nhà rêu mốc chen lẫn trong đám cây rậm rạp, bốn góc bốn gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um.

– Chùa đẹp quá, chú nhỉ?

– Vâng, Long Giáng là một danh lam thắng cảnh ở vùng Bắc. cụ tôi thường thuật cho tôi nghe rằng chùa này dựng lên từ thời Lý Nhân Tông. Trước chỉ là một cái am nhỏ lợp gianh, sau vì có một bà công chúa đến xin nương nhờ cửa Phật, nên nhà vua mới cho sửa sang nguy nga như thế. Câu chuyện thụ pháp của công chúa thực tỏ ra rằng phép Phật huyền diệu biết bao!

– Chú làm ơn kể lại cho tôi nghe có được không?

– Vâng, tôi xin thuật hầu ông nghe những lời cụ tôi thường kể. Chắc ông cũng biết Đức Thái Tổ nhà Lý khi còn hàn vi, nhờ đạo Phật rất nhiều... nên lúc ngài lên ngôi rồi, ngài dốc lòng chăm chỉ sửa sang các chùa chiền. Đến đời Đức Nhân Tông vì bận việc chinh phục Chiêm Thành và chống chọi với nước Tàu nên trễ nải đạo Phật.

Ngọc Hoàng Thượng Đế như muốn giúp nhà vua tỉnh ngộ, liền cho một nàng tiên nga giáng thế đầu thai, tức là Văn Khôi Công chúa. Công chúa nhan sắc diễm lệ một thời, nhưng khi lớn lên chẳng tưởng gì tới việc trần duyên, chỉ ngày đêm học đạo tu hành. Sau vì nhà vua cố ý kén Phò mã, Công chúa liền đương đêm lẻn bước trốn đi, nhờ có các thần tiên đưa đường đi tới nơi này xin thụ pháp Đức Cao Huyền Hòa thượng.

Về sau có thám tử báo tin, đức vua mấy phen cho đến chùa đón Công chúa về triều, Công chúa nhất định không nghe. Nhà vua nổi giận, liền truyền quan quân phóng hỏa đốt chùa. Ngọn lửa vừa nhóm, bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước tắt ngay, vì thế nên chùa này mới lấy tên Long Giáng từ thuở ấy. Nhà vua được tin cả sợ. Từ đó ngài dốc lòng tin theo phép mầu nhiệm của đức Thích Ca Mầu Ni và lập tức cho sửa sang chùa để Công chúa ở lại tu hành. Ấy, chùa vì thế bắt đầu trùng tu từ thời ấy, đã bao phen tu bổ lại, nhưng kiểu chùa thì vẫn y nguyên như cũ.

Ngọc mỉm cười:

– Chú biết rộng lắm nhỉ?

Chú tiểu cúi mặt nhìn xuống đất se sẽ đáp:

– Thưa ông, đấy là cụ tôi kể cho nghe, tôi chỉ thuật lại mà thôi.

– Nhưng chú thuật khéo lắm. Lại thêm chú có cái giọng dịu dàng êm ái quá.

Lần này là lần thứ ba, chú tiểu nói lảng:

– Chết chửa, nói mãi. Hôm nay đến phiên tôi thỉnh chuông. Ta đi thôi, không về trễ cụ quở...

– Ở chùa không còn ai à?

– Có chú Mộc, nhưng nay đến phiên tôi.

– Cụ chưa thấy chú về, chắc cũng bảo chú ấy đánh chuông thay chứ gì? Nói dứt lời thì bỗng ngẫu nhiên chuông đâu như đáp lại, khoan thai dõng dạc buông tiếng. Ngọc mỉm cười:

– Đấy, chú coi, tôi nói có sai đâu.

Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng lấp loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảnh khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lờ mờ in hình trong cái cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm.

Trong làn không khí yên tĩnh êm đềm, tiếng chuông thong thả, ngân nga... như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên. Lá cây rung động, ngọn gió thướt tha, bông lúa sột soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu Ni muốn theo về nơi hư không tịch mịch.

Ngọc liếc mắt nhìn chú tiểu, thì chú tiểu vừa đi, miệng vừa lâm râm cầu nguyện, nét mặt có vẻ mặc tưởng trầm tư.

Cái buồn rất hay lây. Đi cùng đường với một người, từ hình dung cho chí tâm hồn, nhuộm tuyền một vẻ ủ ê chán ngán, Ngọc thấy trong lòng bỗng nẩy ra mối buồn vẩn vơ man mác, đoái nghĩ tới những cảnh náo nhiệt phiền phức ở Hà thành.

Nhưng tuổi thiếu niên tuy dễ buồn mà cũng dễ vui; lúc ấy lên đồi, đường vừa khấp khểnh đá sỏi vừa trơn, lại thêm trời nhá nhem sắp tối nên Ngọc trượt chân suýt ngã, văng cái va li xuống sườn đồi. Chú tiểu giật mình vội kêu:

– Chết chửa! Ông có can gì không?

– Không.

Ngọc toan xuống dốc nhặt va li thì chú tiểu đã vội đặt thúng sắn, thoăn thoắt chạy xách lên.

– Cảm ơn chú.

Hai người cười ồ. Chú tiểu nói:

– Ông nên cẩn thận, đây gần đến chùa rồi. Có cái giếng cạn ở bên đường khéo mà ngã xuống đấy thì khốn. Để tôi đi trước đưa đường cho.

– Cảm ơn chú. À quên, tôi chưa hỏi tên chú là gì?

– Tôi là Lan.

Rồi chú trỏ tay bảo Ngọc:

– Tam quan đây rồi.

Tam quan chùa Long Giáng cũng như nhiều tam quan các chùa vùng Bắc, cách kiến trúc rất sơ sài, trông giống như cái quán, có ba gian hẹp. Trên mái làm dô lên một cái mái nhỏ giống hệt cái miếu con. Vả tam quan không có cánh cửa mà hình như chỉ là một cái cảnh để bài trí cho đẹp mắt chứ không dùng để ra vào. Vì thế tam quan xây ngay trên sườn đồi đứng thẳng như bức tường không ai leo lên được, còn ra vào thì đã có cái cổng con.

Chú tiểu Lan đưa Ngọc đi qua một cái vườn sắn, rồi vòng quanh một bức tường hoa. Một người điền tốt, cởi trần, quần nâu, ống xắn lên quá đầu gối ở trong bếp chạy ra. Anh ta chưa kịp trông thấy Ngọc, vội vã gắt với chú tiểu:

– Kìa chú Lan, cụ vừa quở chú đấy.

– Cụ đâu?

– Cụ đương làm lễ trên chùa. Sao nay chú về muộn thế.

Chú tiểu vừa nói vừa trỏ Ngọc đứng cách đấy mấy bước:

– Tôi gặp ông Ngọc là cháu cụ đến vãn cảnh chùa nên đi hơi chậm, chú bảo chú Mộc lấy gạo tám thổi cơm nhé, để ông Ngọc xơi cơm.

Ngọc vội đỡ lời:

– Thôi được, chú cho tự nhiên, tôi ăn cùng một thứ cơm với các chú cũng được mà.

Anh điền tốt cười:

– Thưa ông, chúng tôi ăn cơm hẩm với dưa, ông xơi sao được.

Chú tiểu Lan mỉm cười:

– Vâng, ông nói rất phải. Đã đến ở cảnh chùa thì cũng phải ăn cơm kham khổ. Trước kia, cụ tôi chỉ xơi cơm hẩm, song mấy năm nay, vì cụ tuổi tác, yếu đuối, mà xơi mỗi bữa có một chén, nên nhà chùa cấy riêng một mẫu tám để cụ xơi. Nhưng mời ông hãy vào nghỉ trong nhà Tổ để đợi cụ xuống.

Ngọc theo chú tiểu đi vào một tòa nhà gỗ thấp, lợp ngói, bên

trong bài trí rất sơ sài. Ở gian giữa, sau cái bệ đất trên giải chiếu đã cũ là bàn thờ Tổ đặt trong một cái hậu cung xây thùng ra như cái miếu. Ngọc vén bức màn vải tây đỏ lên thì thấy lờ mờ đến hai chục pho tượng, liền hỏi chú tiểu:

– Đây là các vị sư Tổ có phải không?

Không thấy trả lời. Ngọc quay lại thì chú tiểu đã đi từ bao giờ. Ngồi đợi lâu, vẫn không thấy ai ra vào.

Trời dần dần tối. Một lúc trông không rõ các thứ bày trong nhà nữa. Lại thêm ngoài sân lờ mờ có bóng trăng, nên ở chỗ tối trông ra, thấy như mình đang ngồi trong cái hang sâu vậy.

Ngọc vừa mệt, vừa khát, đương mong có người vào để xin chén nước thì nhìn qua cái giại che hiên, thấy có ánh đèn dưới bếp đi lên, rồi nghe tiếng người nói:

– Này chú Mộc, tôi đã bạch cụ rồi. cụ sắp xuống đấy. À, trong khi tôi bận làm đèn thì chú đã lấy nước để ông Ngọc rửa mặt chưa?

Tiếng người trả lời:

– Chưa, tôi đang bận giã vừng.

– Thế bà Hộ đâu? Nhưng thôi, tôi đem đèn lên rồi tôi lấy cũng được.

Chú Lan bước vào. Cây đèn dầu tây hình búp măng chiếu ánh lên mắt chú trông càng xinh lắm. Ngọc ngắm chú lại tưởng đến bức tranh người con gái Nhật cầm chiếc đèn xếp của nhà họa sĩ Utamaro. Nụ cười tự nhiên nở trên cặp môi Ngọc, khiến chú tiểu ngước mắt trông thấy, ngượng nghịu, lúng túng, đặt cây đèn xuống án thư rồi vội bước ra ngoài.

– Này chú Lan, chú làm ơn cho tôi xin ấm nước nhé.

Chú tiểu, chân trong chân ngoài, quay cổ lại trả lời:

– Vâng, mời ông ngồi chơi, rồi nhát nữa xuống nhà trai xơi nước và xơi cơm.

– Thì chú đi đâu vội thế, hãy vào đây tôi hỏi chuyện đã.

Chú Lan ngần ngừ bước vào:

– Thưa ông, đây là nhà Tổ; sư Tổ thụ trai, nghĩa là xơi cơm (chú mỉm cười) ở buồng bên. Còn các khách thập phương thì xơi cơm nước ở nhà trai, cũng như nhà khách của ông.

– Phải đấy, chú giảng nghĩa cho tôi biết ít nhiều phong tục ở nhà

chùa. Này chú, ở nhà Tổ thì thờ các sư Tổ, còn hai gian bên cạnh này thì thờ ai thế?

– Đây là các hậu. Nghĩa là những người không có thừa tự, bầu hậu ở chùa thì nhà chùa cúng cho.

Có tiếng guốc lộp cộp ở ngoài hiên. Ngọc nhìn ra thì thấy một vị Hòa thượng mình mặc áo vải nâu rộng, chân đi đôi guốc gốc tre già, tay chống cái gậy trúc, ung dung bước vào.

Ngọc vội vàng đứng dậy chắp tay thi lễ:

– Lạy bác ạ.

– Cháu đấy à? Cháu đã được nghỉ hè rồi à?

– Vâng.

– Mẹ cháu được mạnh chứ?

– Đội ơn bác, mẹ cháu nhờ giời vẫn mạnh.

Chú Lan nghe Ngọc nói, tủm tỉm cười, đi ra. Mấy phút sau chú bưng lên thau nước. Ngọc trông thấy vội vàng bước ra hiên nói:

– Cảm ơn chú, chú cứ để đấy cho tôi.

Sư cụ nói tiếp:

– Sao không lấy ghế đẩu? Chú không trông thấy thầy ấy vận quần áo tây à?

Ngọc vội đỡ lời:

– Được, bác cứ để mặc cháu.

Rồi trỏ vào cái khăn mặt vải ta nhuộm nâu còn mới, hỏi chú tiểu:

– Khăn của chú đấy chứ, chú Lan?

– Thưa ông, khăn mới lấy ở hòm ra đấy ạ.

Sư cụ mắng:

– Sao không lấy khăn mặt bông để thầy ấy dùng.

Rồi quay lại hỏi Ngọc:

– Cháu mới đến chùa mà biết tên chú ấy là Lan?

– Bẩm bác, cháu gặp chú Lan hỏi chuyện nên biết.

Lúc đó thấy chú tiểu cười. Ngọc liền hỏi thầm:

– Sao chú lại cười tôi?

Lan sẽ đáp:

– Vì tôi thấy ông xưng cụ là bác. Ông nên bạch cụ. Đã xuất gia tu hành thì người nhà dẫu thân mật đến đâu cũng không được nhận họ.

Ngọc mỉm cười:

– Thế à? Cảm ơn chú nhé. Xưa nay tôi không hỏi tường tận nên không biết.

Một lát chú Mộc lên mời Ngọc xuống nhà trai xơi cơm. Ngọc đứng lên xin phép sư cụ rồi theo chú đi qua sân, tới một nếp nhà ngang dài đến gần mười gian, nhưng chỉ để ba gian làm nhà tiếp khách thập phương, còn thì ngăn ra từng buồng làm phòng ngủ. Ở đấy bài trí có phần lịch sự hơn nhà Tổ, gian giữa giáp bộ sập gỗ mít, kê một cái bàn, và đôi tràng kỷ gỗ lim lâu ngày đã đen bóng. Trên xà treo một cái đèn ba dây, có chụp bằng thủy tinh men trắng. Hai bên kê sát từ tường ra tới ngưỡng cửa ba bộ ghế ngựa quang dầu ghép liền với nhau.

Ngọc nhác nhìn mâm cơm đặt trên bàn, mủm mỉm cười; vì buổi tối hôm ấy nhà chùa có vẻ náo nhiệt, nhộn nhịp, kẻ lên người xuống lạch cạch bát đĩa nồi mâm, thì vẫn tưởng các chú tiểu sửa soạn một bữa tiệc sang để thết khách quí. Ai ngờ trên chiếc mâm gỗ vuông chỉ thấy lỏng chỏng đĩa dưa, đĩa cà và đĩa muối vừng.

Lúc đó, chú Lan bưng lên một bát đậu phụ kho tương khói bay nghi ngút. Chú hơi cau mặt, hỏi chú Mộc:

– Sao chú không bảo bà Hộ rán đậu?

– Dầu lạc hết rồi, mai mới mua được.

Chú Lan lại quay lại nói với Ngọc:

– Thưa ông, nay ông hãy xơi tạm. Nếu mai ông muốn dùng cơm mặn, xin bảo bà Hộ làm riêng để ông xơi.

Ngọc mỉm cười:

– Cảm ơn chú, nhưng tôi thích ăn cơm chay.

– Ông quen ăn mặn nay dùng một vài bữa cho biết mùi, chứ ông ăn mãi cơm chay thế nào được.

– Được chứ. Bên Tây cũng có người chỉ ăn rau cùng hoa quả quanh năm mà lại mạnh khỏe hơn là ăn thịt.

– Thế à, thưa ông? Nếu vậy càng hay.

– Không những tôi thích ăn chay, tôi lại muốn xin phép cụ được cùng ăn với hai chú cho vui...

Chú Lan cười:

– Thế không được.

– Sao vậy? Tôi chỉ muốn nếm thử các sự kham khổ của đạo Phật, vì tôi thấy tôi yêu đạo Phật lắm, nhất là từ ngày tôi bị...

Nói đến đấy, Ngọc ngừng ngay lại, mỉm cười vì suýt nữa chàng đem chuyện riêng của mình thổ lộ cho hai chú tiểu nghe. Ngọc không hiểu vì đâu gặp chú Lan chàng đem lòng quyến luyến ngay, như người gặp bạn thân muốn đem hết những sự đau đớn phiền muộn của mình cùng người san sẻ.

Ngọc ngồi âm thầm nghĩ ngợi, hình như ôn lại một quãng đời dĩ vãng, thì chú Lan xới bát cơm đặt lên mâm:

– Mời ông xơi cơm.

– Cảm ơn chú. Sao chú lại bảo tôi không thể ngồi ăn với các chú được?

– Thưa ông, có hai cớ: một là, như thế người ta cười, hai là chúng tôi đã đi tu hành thì không những phải ăn kham khổ, mà lại không được ngồi cùng mâm với...

– Với người trần tục phải không?

– Nghĩa là với người không tu hành. Như đến mai có dọn cơm ông ngồi xơi hầu cụ cũng phải bưng hai mâm, chứ không được ngồi cùng mâm với cụ.

– Lạ nhỉ? Nhưng nếu tôi cũng đi tu thì được chứ?

Chú Lan mỉm cười:

– Vâng, nếu ông cũng thụ giới, nhưng khi nào ông lên chức sư cụ thì mới được, nghĩa là ít ra cũng ba mươi năm nữa.

Lúc đó nghe có tiếng mõ. Chú Lan vội vàng chạy lên nhà Tổ. Ngọc cũng bắt đầu ăn cơm. Quay ra phía bên thấy chú Mộc đứng khoanh tay, Ngọc liền hỏi:

– Sao chú Lan nghe tiếng mõ lại chạy hấp tấp đi đâu thế?

– Bẩm, sư Tổ gọi.

– Cụ gõ mõ gọi à?

– Vâng. Nếu nghe hiệu lệnh không thưa khiến cụ đánh đến tiếng thứ tư thì chúng tôi phải ra ngay sân quì để chịu tội.

– Luật nhà chùa uy nghiêm nhỉ?

– Chả cứ chúng tôi, đến sư bác, sư ông cũng vậy. Năm ngoái sư ông ở đây cũng đã phải quì đến nửa ngày.

– Thế à? Vậy bây giờ sư ông đâu?

– Bẩm. cụ ấy đi trụ trì ở chùa gần đây.

– Vậy ở đây chỉ có chú với chú Lan?

– Vâng.

– Chắc rồi hai chú cũng lên sư bác chứ gì?

– Thưa ông, tôi thì còn lâu lắm. Nhưng chú Lan thì rất sáng dạ. Mới thụ giới có hai năm mà kinh kệ thông lắm. Có lẽ ít nữa thế nào cũng lên sư bác.

– Phải, tôi cũng nhận ra như vậy, nhưng chú có biết quê quán chú ấy ở đâu không?

– Bẩm, nghe đâu chú ấy ở Ninh Bình, cha mẹ mất cả.

– Nhưng kìa, sao chú không đi ăn cơm?

– Thưa ông, ở chùa chỉ ăn có hai bữa mà thôi, một bữa năm giờ sáng, và một bữa đúng ngọ.

– Thế không đói à?

– Khổ hạnh lâu ngày quen đi chứ. Chính phép nhà chùa thì chỉ dùng được một bữa cơm trưa mà thôi.

– Nhưng tôi chắc đó chỉ là luật phép nhà chùa, đã dễ ai tuân theo.

– Ấy, những người không tu hành vẫn đều tưởng thế. Có người lại ngờ cho chúng tôi ăn thịt ăn cá nữa, nhưng chẳng bao giờ có thế. Nhất là ở đây, sư Tổ tôi lại nghiêm giới lắm. Sai một tí là cụ phạt ngay.

Ngọc phần thì đói, phần thì cơm chay lạ miệng nên ăn ngon lắm, nghĩ bụng: cứ bảo ở chùa ăn kham khổ nhưng, dầu vừng cùng dưa, cà thì cũng chẳng kém gì thịt cá. Tự nhiên trong trí Ngọc nẩy ra ý tưởng muốn xa lánh chốn phồn hoa.

Ngoài sân ánh trăng chiếu lờ mờ, rặng tường hoa hồng bóng xuống lối lát gạch, mấy cây đại không lá ẻo lả, uốn thân trong vườn sắn um tươi, vạn vật có vẻ dịu dàng như nhuộm màu thiền êm đềm tịch mịch.

II

Sáng hôm sau, Ngọc đương ngủ say bỗng tiếng chuông chùa inh ỏi đánh thức. Ngọc giật mình ngồi nhổm dậy, mở choàng mắt, ngơ ngác không nhớ mình nằm ở đâu, thì thấy chú tiểu Mộc đã bưng lên thau nước đặt trên chiếc ghế đẩu. Ngọc hỏi:

– Mấy giờ rồi, chú?

– Thưa ông vào khoảng cuối giờ dần, sang đầu giờ mão.

Ngọc nghe nói mỉm cười, chàng súng sính trong bộ quần áo "pidama" ra hiên rửa mặt. Trông ra vườn trước sân, các lá sắn hình hoa thị còn đọng giọt sương lóng lánh như hạt thủy soàn.

Dưới chân đồi một dòng nước bạc thấp thoáng lượn khúc trong đám sương mù.

Mặc xong quần áo, Ngọc vội vàng lên chùa.

Trên chiếc bục gỗ, trải chiếu đậu, sư cụ ngồi tụng kinh, cặp mắt đăm đăm nhìn thẳng vào quyển sách có chữ to đặt trên cái kỷ nhỏ gỗ mộc.

Tay phải sư cụ cầm giùi gõ mõ như để chấm câu, cứ đọc bốn chữ lại đánh một tiếng. Tay trái sư cụ đặt lên trên quyển kinh, thỉnh thoảng lại rời quyển sách nhắc chiếc giùi gõ một tiếng vào cái chuông con trông hình dáng như cái lon sành.

Sư cụ có vẻ tôn nghiêm lắm. Bao nhiêu tâm trí hình như thu cả vào quyển kinh, không hề thấy cụ liếc mắt ra chỗ khác. Các pho tượng ngồi trên bệ gạch thì như đang lắng tai nghe, có vẻ trầm tư mặc tưởng.

Tiếng kinh du dương, mùi trầm ngào ngạt, Ngọc tưởng tượng sống trong một thế giới khác, thế giới mộng ảo... thần tiên... Bỗng vẳng nghe một tiếng chuông, chàng giật mình ngoảnh lại. Theo tiếng ngân, chàng lần tới bậc gạch bên tả, rón rén lần từng bước leo lên cái gác vuông con. Tới bậc thượng cùng, vừa nhô đầu lên, chàng nghe có tiếng "đà Phật" lại kế tiếp một tiếng chuông. Ngước mắt nhìn, chàng gặp chú Lan tay cầm chiếc vồ gỗ.

Thấy Ngọc, chú hơi đỏ má, mỉm cười ngả đầu chào.

Đôi bạn mới gặp nhau hôm qua, nay đã như có chiều thân

mật. Song chú vẫn chăm chú vào phận sự: cứ đọc một câu lại đánh một tiếng bớt, khi câu niệm chỉ còn ít chữ thì hai tiếng kế tiếp lại thêm gần nhau cho tới khi chú tiểu đổ hồi.

Ngọc cố chờ đến mười lăm phút cho chú tiểu đánh dứt hồi chuông cuối cùng đặt vồ xuống ván gác, rồi nghiêm trang hỏi rằng:

– Sao chú phải cầu kinh thế mới đánh được chuông?

Lan cười:

– Đánh chuông phải đọc thần chú chứ.

– Thần chú! Hay nhỉ?

– Nghĩa là mười câu niệm Phật, ba hồi, một trăm hăm ba tiếng.

– Vậy nhớ được cũng khó lắm nhỉ?

– Phải học thuộc lòng chứ.

– Những ba hồi, một trăm hăm ba tiếng! Thảo nào mãi bấy giờ mới dứt hồi. Tiếng chuông thứ nhất của chú làm tôi thức giấc. Tôi tiếc quá, vì đương nằm mơ giấc chiêm bao.

Lan dịu dàng hỏi:

– Thưa ông, chiêm bao lành hay dữ?

– Chiêm bao thú lắm. Tôi thấy tôi đi với một người sư trẻ tuổi, chỉ vào trạc tuổi chú mà thôi. Chúng tôi đi trên con đường quanh co ngoắt ngoéo, ở giữa hai trái đồi. Cây cối um tùm, ánh trăng chiếu sáng qua những khe lá, bóng in xuống đất như gấm như hoa. Một lúc chúng tôi đến một cảnh bồng lai. Dưới chân một ngọn núi, dòng nước chảy róc rách như tiếng gõ mõ, trên cành chim hót véo von, bên mình ai cười khanh khách. Tôi quay đầu lại, thì lạ quá? Bạn tôi đã biến thành một trang tuyệt thế giai nhân... Ấy chính lúc đó, tiếng chuông của chú làm tôi thức giấc.

Chú Lan cười gượng bẽn lẽn:

– Mộng mị của ông đầu Ngô, mình Sở đến buồn cười.

– Lạ nhất là người con gái ấy lại là chú.

Chú tiểu hai má đỏ ửng. Chú cười sằng sặc như muốn giấu sự hổ thẹn, rồi đáp lại:

– Nam mô a di đà Phật! Kẻ đã quyết xuất gia tu hành thì trai cũng vậy mà gái cũng vậy, có khác chi. Vậy bây giờ giá Đức Thích Ca có dùng phép mầu nhiệm bắt tiểu này hóa ra làm gái, cũng không có

chi thay đổi cả, kia mà. Tôi còn nhớ một hôm sư Tổ giảng sự tích Phật, có dạy rằng:

"Phật bình sinh đối với bọn đàn bà, con gái vẫn có bụng nghi ngờ, cho rằng bọn họ không những không đủ tư cách để tu hành được trọn vẹn mà lại thường làm ngăn trở sự tu hành của những kẻ thành tâm mộ đạo. Cho nên ngài thường dạy các môn đồ đối đãi với đàn bà con gái rất cẩn thận, phải xa lánh họ và ra công ngăn ngừa cho khỏi mắc vào lưới dục tình..."

Sư Tổ lại theo gương Phật mà dạy chúng tôi rằng: "Đối với đàn bà con gái phải coi họ như mẹ mình nếu họ hơn tuổi, hay bằng tuổi coi họ như em ruột mình, vậy lúc nào cũng phải yên tâm yên trí như thế mới mong tránh được sự cám dỗ".

Tôi đã hết sức luyện tâm trí tôi được như lời sư Tổ dạy, nên tôi coi đàn ông hay đàn bà không khác nhau chút nào nữa, và ví phỏng bây giờ tôi hóa ra làm gái, tôi cũng không biết tôi là trai hay gái, chỉ nhớ rằng mình là một người xuất gia tu hành mà thôi.

Ngọc ngờ Lan là gái, nên bịa đặt ra câu chuyện chiêm bao để dò la ý tứ. Khi nghe Lan cố lấy giọng tự nhiên, diễn lại lời Phật dạy, Ngọc lại ngờ lắm. Chàng vừa cười vừa bảo chú tiểu:

– Chú cứ dốc lòng cầu nguyện được cải nam vi nữ đi, Đức Thích Ca sẽ chuẩn y cho sự ước vọng của chú được thành sự thực đấy.

Lan có vẻ ngẫm nghĩ, rồi đột nhiên hỏi Ngọc:

– Đời này có thể có bậc Quan Âm Thị Kính không nhỉ?

Ngọc ngơ ngác hỏi:

– Thị Kính là ai thế, chú?

Lan mỉm cười:

– Vậy ra về đạo Phật ông kém cỏi lắm nhỉ? Thế mà muốn đi tu sao được. Bà Thị Kính tức Quan Âm, là một người Triều Tiên cải dạng nam trang để xuất gia đầu phật... Chắc nay trong đám phụ nữ chả ai có gan dám cải dạng như thế.

Ngọc ngẩn người ra, nghĩ vơ nghĩ vẩn có ý buồn rầu, quay lại thì Lan đã bước xuống thang.

– Chú xuống đấy à?

– Vâng, tôi đi thắp hương.

III

Ngọc nấn ná ở chùa Long Giáng đã mười hôm, tình thân mật đối với chú tiểu Lan một ngày một thêm khăng khít, đến nỗi cả chùa từ sư cụ cho chí ông Thiện, bà Hộ, đều biết rằng hai người là một cặp tri kỷ, ý hợp tâm đầu.

Từ hôm nói chuyện với chú tiểu ở trên gác chuông, mối hoài nghi của Ngọc càng tăng tiến. Luôn luôn trí nghĩ lúc nào cũng nhắc tới câu hỏi:

– Gái hay trai?

Hỏi rồi tự trả lời:

– Chả có lẽ là gái. Những lời bàn về đạo Phật của chú tiểu có ý khinh bỉ cánh phụ nữ. Nhưng ta cũng ngốc tệ! Phải, nếu hắn là gái thì hắn càng cần phải làm thế để giấu ta chứ... Đích rồi! Chính hắn là gái.

Hôm ấy Ngọc thung thăng bách bộ ở dưới rặng thông, hai tay chắp sau lưng, trông càng có vẻ tư lự.

– Ta hẹn cho ta mười hôm nữa là cùng phải tìm ra sự bí mật này.

Lúc ấy có tiếng ai gọi:

– Thầy Phán!

Ngọc quay đầu lại. Một bà lão cắp rổ chè tươi rảo bước đi tới.

– Bà cụ gọi tôi?

– Thầy có phải ở chùa Long Giáng không?

– Phải, cụ muốn hỏi điều gì? Hay cụ muốn bán chè chăng?

– Tôi nhờ thầy bảo giùm chú Lan cho rằng đừng lởn vởn đến nhà tôi nữa mà có ngày què chân.

– Sao vậy cụ?

Bà lão mặt hầm hầm tức giận.

– Ai lại đã tu hành còn ghẹo gái...

– cụ lầm đấy! Chẳng khi nào chú Lan lại bậy thế.

– Chả khi nào? Con cháu nhà tôi từ ngày nó gặp chú ấy nó

sinh ốm, sinh đau, mất ăn mất ngủ.

Ngọc cười:

– Thế thì lỗi ở cháu cụ, chứ ở đâu chú Lan. Đừng ngờ cho người ta tội nghiệp, cụ ạ.

– Nếu nhìn nó, chú ấy không cười cợt nhí nhảnh thì đâu đến nỗi?

– Được, cụ để rồi tôi bảo chú ấy cho.

Bà lão vui vẻ cúi chào:

– Cám ơn thầy.

Ngọc chau mày lo lắng tự hỏi:

– Lạ nhỉ, có lẽ hắn là trai thực ư? Mà sao hắn lại không phải là trai? Có lẽ trí ta tiêm nhiễm tiểu thuyết quá, nghĩ quẩn mất rồi.

Ngọc loay hoay ngẫm nghĩ vừa đi vừa nhìn xuống đất. Bỗng nghe có tiếng sột soạt ở trong vườn chè bên đường hẻm. Kiễng chân nhìn qua hàng rào thấy chú Mộc đương buộc bó cành khô, Ngọc chào:

– Kìa chú tiểu.

Chú Mộc chưa kịp đáp lại, chàng đã lấy tay rẽ một lối bước vào trong vườn:

– Chú đã nhặt đủ hai ôm rồi à? Đưa lạt tôi bó giúp cho một bó.

– Thôi ông để mặc tôi, không bẩn áo.

Ngọc ngắm chú Mộc từ chân đến đầu tủm tỉm cười. Chú Mộc ngước mắt thấy chàng cười chẳng hiểu chi cũng cười, có biết đâu rằng Ngọc đang so sánh chú với chú Lan, một người thì quê mùa cục kịch, một người thì trắng trẻo xinh xắn, Ngọc thốt nhiên hỏi:

– Sao tên chú ấy lại là Lan nhỉ? Như tên con gái ấy.

Mộc giảng nghĩa:

– Lan là tên cụ đặt cho. Tên chú ấy chính là Thận kia.

– Sao cụ lại đổi tên chú ấy nhỉ? Tên Thận cũng hay chứ?

– Vì ai mới đi tu hành cũng phải bỏ tên cũ rồi sư Tổ đặt cho một tên mới chọn trong các giống hoa, chẳng hạn hoa Lan, hoa Quì, hoa Hồng...

Ngọc nghĩ thầm:

– Ra ta lầm to, ta cứ tưởng Lan là tên con gái, té ra chỉ là một cái tên của sư cụ đặt cho. Khen cho sư cụ cũng khéo tìm được cái tên xứng đáng.

Chú tiểu lại nói:

– Cụ đặt cho chú ấy cái tên Lan là vì chú ấy tới chùa về đầu mùa xuân.

Ngọc muốn gợi chuyện:

– Nghe đâu chú ấy không được đứng đắn thì phải.

– Không. Chú ấy đứng đắn lắm, mộ đạo lắm.

Ngọc mỉm cười hỏi vẩn vơ.

– Chú ngủ cùng buồng với chú Lan chứ?

– Không, tôi vẫn ngủ ở nhà trai. Còn chú ấy vì cụ tin yêu, giao cho giữ buồng kho, nên hôm nào cũng ngủ trong buồng kho, cài then kỹ lưỡng lắm. Nhiều hôm đêm khuya gọi lấy thức gì rất là khó khăn.

Một tia ngờ nẩy trong trí Ngọc. Làm gì mà cẩn thận quá thế? Thôi, chắc là con gái rồi.

Ngọc ở nương chè về, dáng điệu buồn rầu, đứng tựa cột hiên chùa, nhìn vơ vẩn. Dưới chân đồi, thẳng cửa tam quan trông ra, con đường đất đỏ ngoằn ngoèo đi tít về phía rặng tre xanh biếc, bao bọc mấy xóm xa xa. Bên đường, lạch nước phản chiếu ánh mặt trời lấp lánh như tấm kính dài.

Cảnh đẹp bỗng gợi lòng thích hội họa của Ngọc.

Xưa nay chàng đi chơi đâu cũng thường đem theo giấy cùng thuốc vẽ thủy họa. Chàng liền xuống nhà trai mở va li lấy các họa cụ lên ngồi vẽ.

Đương hý hoáy chọn màu, pha thuốc, nghe có tiếng cười khúc khích ở sau lưng, chàng quay lại thì là chú Lan. Ngọc đang buồn, gặp chú, trong lòng lại thấy vui. Chàng cũng chẳng hiểu vì sao mà chàng vui, hễ cứ vắng chú lâu lâu thấy mình nhớ vơ, nhớ vẩn như thiếu cái gì mà không nhận ra. Song ở nơi hẻo lánh không mấy ai biết nói câu chuyện cho ra câu chuyện thì hai người có trí thức làm gì mà chả chóng thành một cặp tri kỷ. Cái đó cũng chẳng có chi là lạ.

Chú Lan nghiêng đầu ngắm nghía bức tranh rồi mỉm cười bình phẩm:

– Cây đại ông vẽ sao không có ngọn?

– Không cần có ngọn.

– Vẽ thế sai.

Ngọc mỉm cười:

– Nhưng gần quá thì trông sao đủ toàn thân cây được?

– Thêm vào chứ! Mà cảnh của ông không có người.

– Ấy tôi cũng biết thế, chính tôi đương muốn tìm một người đứng làm kiểu mẫu hộ. Hay chú ra đứng cho tôi vẽ nhé!

– Cứ nghĩ ra mà vẽ không được à?

– Cũng được, nhưng không đẹp, vì không giống như hệt dáng bộ... Đi, chú làm ơn ra đứng tựa gốc cây đại cho một lát.

– Vâng, thì ra. Nhưng ông vẽ mau lên nhé.

Ngọc đặt cái bìa cứng lên hai đùi, cầm bút chì ngồi nghĩ ngợi:

– Chú nhìn ngang về phía rặng đồi bên tả. Được đấy. Chú đứng yên cho.

Độ mười lăm phút sau, Ngọc hai tay cầm giơ bức tranh, nhắm một mắt lại ngắm nghía, rồi tủm tỉm cười.

– Xong rồi, cảm ơn chú.

Lan vội vàng bước lại gần ngưỡng cửa, chỗ Ngọc ngồi. Thoạt nhìn, chú kinh ngạc:

– Chết! Sao lại vẽ tôi mặc áo tứ thân như con gái thế?

– Không hề chi. Tôi chỉ mượn chú làm mẫu để vẽ một người con gái đẹp mà thôi.

Chú Lan có dáng không bằng lòng, nguây nguẩy quay đi. Ngọc vội gọi giật lại:

– Này chú, chú giận tôi đấy à?

Lạnh lùng, chú tiểu đáp:

– Ông khinh tôi quá. Lần này không biết là lần thứ mấy, ông chế riễu tôi, ông coi tôi là một người con gái.

– Không phải là tôi dám khinh chú. Chỉ vì chú đẹp trai lắm kia. Mọi lần thì tôi không nhớ nhưng lần này thì tôi xin lỗi chú, quả thật tôi không có ý chế riễu chú, tôi chỉ muốn vẽ một bức tranh cổ tích.

Chú Lan tuy giận nhưng cũng không nhịn được bật cười:

– Tranh cổ tích thì cần gì lại phải có hình tôi?

– Ấy thế mới vẽ chú ra một người con gái. Chính tôi muốn thuật lại bằng nét bút, sự tích bà Công chúa đời Đức Nhân Tông xuất gia

đầu Phật, câu chuyện chú kể cho nghe bữa nọ ấy mà.

– À ra thế!

– Đây chú coi: Công chúa vừa tới chùa, đứng tựa gốc đại già, nhìn về phía Thăng Long nghĩ tới Đức Vua cha cùng Hoàng hậu, rầu rầu giọt lệ rơi trên má.

– Thế thì ông vẽ sai rồi. Công chúa quả quyết đi tu, mới tới chùa là vui đạo Phật ngay.

– Chuyện thực vẫn là thế. Nhưng tôi muốn tả cái tâm tình Công chúa lúc bấy giờ đương phân vân, nửa muốn quay về nơi đế đô vì sợ cha mẹ nhớ thương, nửa muốn ở lại mà tu thành quả phúc.

Lan mỉm cười, Ngọc thấy Lan cười cũng cười theo, rồi nói luôn.

– Lúc bấy giờ có tiếng chuông chùa ngân nga như đánh tỉnh cơn mê, như để gột rửa linh hồn trần tục của Công chúa...

Lan lại cười.

– Ông vẽ sao được tiếng chuông?

– Vẽ được. Nghĩa là vẽ Công chúa con mắt lờ đờ ngước nhìn trời như đương nghe chuông chùa mà cầu khấn đức Thích Ca Mầu Ni xin ngài cứu vớt cho được thoát chốn trầm luân.

– Nếu ông vẽ được thế thì khéo lắm. Còn vẽ Công chúa mặc áo tứ thân thì chắc ông theo sự tích Phật khi đã rời bỏ cung điện liền cởi bỏ bộ áo gấm đổi lấy áo cà sa của một vị Hòa thượng...

Ngọc tuy không hiểu sự tích Phật cũng trả lời liều:

– Ấy chính thế.

Một lúc lâu, hai người ngồi lặng trên thềm hiên chùa, mỗi người như đương theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Về phía đông nam mấy trái đồi phản chiếu ánh chiều tà nhuộm một màu da cam. Da trời xanh nhạt lơ thơ mấy đám mây hồng. In trên cánh đồng lúa chín màu vàng thẫm, con cò trắng thong thả bay về phía tây, đôi cánh lờ đờ cất lên đáp xuống loang loáng ánh mặt trời. Bên chiếc quán gạch cũ ẩn núp với đám mây đen, trên con đường hẻm, vài ba đứa mục đồng cưỡi trâu hát nghêu ngao trở về trong xóm.

Ngọc cất tiếng khẽ bảo Lan:

– Trong cảnh này tôi tưởng tượng như còn thiếu một thứ gì.

– Ấy là ông tưởng tượng đó thôi.

– Phải. Cái cảnh đẹp thế kia, êm đềm thế kia, tôi coi vẫn như không có linh hồn. Cũng như lúc nãy chú bình phẩm bức tranh của tôi, chê rằng thiếu vẻ hoạt động vì không có vẽ người...

Lan cười hỏi:

– Vậy thiếu cái gì?

– Thiếu ái tình... Vì cảnh im lặng, diễm lệ này, tạo hóa chỉ để riêng cho những người biết yêu thưởng thức.

Lãnh đạm, Lan trả lời.

– Không phải. Thiếu tiếng chuông, vì đến giờ thỉnh chuông rồi mà tí nữa tôi quên bẵng.

Dứt lời, Lan vội vàng quay đầu chạy. Ngọc gọi:

– Đợi tôi lên với.

Rồi cũng chạy theo sau.

Khi lên tới đầu thang gác chuông, bỗng Lan kêu rú lên một tiếng, lùi lại, thì Ngọc vừa bước tới, thành thử Lan ngã ngay vào lòng chàng, Ngọc vừa ôm bạn, lim dim cặp mắt vừa hỏi:

– Cái gì thế?

Câu hỏi như đánh thức linh hồn chú tiểu.

Chú giật mình ẩy mạnh Ngọc ra rồi chạy tuột xuống chân thang. Ngọc chạy theo xuống:

– Cái gì mà chú sợ hãi quá thế?

Lan thở hồng hộc ngồi xệp xuống bậc thang, nói không ra tiếng.

– Con... rắn!

Ngọc ngơ ngác.

– Có rắn à? Chú trông thấy ở đâu? To tay bé?

Lan, mặt còn tái như gà cắt tiết, nhưng đã lại hồn, mỉm cười gượng trả lời:

– Bằng cái đũa cả ấy. Nó có đốm hoa... Giời ơi! Hú vía!

– Được, chú để nó đấy cho tôi.

Ngọc quay đi tìm khí giới. Mấy phút sau, chàng trở lại đem theo một cây đòn xóc. Lan đã hết sợ ngăn lại:

– Thôi, ông đừng đánh nó phải tội. Ở nhà chùa không được sát sinh.

– Thế nó cắn mình thì nó có phải tội không?

Vừa nói chàng vừa xăm xăm chạy lên thang, khi gần tới nơi, Lan ngửa mặt trông lên có chiều lo lắng vội gọi giật lại:

– Ông hãy đứng lại nhìn qua xem nó nằm ở chỗ nào đã chẳng nhỡ vô ý dẫm phải nó, nó cắn thì khốn.

Ngọc nghe lời, đứng kiễng chân nhìn khắp một lượt rồi cúi xuống gọi:

– Chú Lan! Cứ lên! Nó chạy rồi, không thấy nữa.

Chàng rón rén bước lên rồi xem xét lại một lượt khắp các xó gác chuông: chú Lan cũng đã tới, nhớn nhác nhìn chung quanh như chưa hết sợ.

– Bây giờ thì chú cứ yên tâm mà niệm Phật thỉnh chuông. Rắn có trở lại đã có tôi tiếp chiến.

Câu nói khôi hài khiến hai người cười ồ.

Rồi Lan bắt đầu thỉnh chuông. Còn Ngọc thì chống cây đòn xóc tựa vào tường, đứng khoanh tay, phưỡn ngực hút thuốc lá, trông ra dáng một tay hào hiệp và có vẻ tự đắc rằng ta bênh vực được một người yếu đuối và họ đã sẵn lòng ký thác sự bảo hộ cho mình.

Đêm hôm ấy, Ngọc trằn trọc loay hoay trên chiếc giường tre không sao ngủ được, trong lòng nghĩ vẩn nghĩ vơ, vì lúc chú tiểu sợ hãi ôm chầm lấy Ngọc, Ngọc thấy có cái cảm tưởng khác thường. Cái cảm tưởng ấy vẫn còn man mác ở trong lòng. Ngọc tự hỏi: "Sao khi anh em bạn ta đùa ôm ta như thế, ta không thấy trái tim ta hồi hộp? À phải rồi chỉ vì ta yên chí rằng chú Lan là con gái".

Ngọc bỗng bật cười, cười sằng sặc. Đêm khuya thanh vắng, trừ tiếng dế không còn một tiếng gì khác nữa, thành thử Ngọc tự nghe tiếng cười của mình thấy khanh khách ở giữa khoảng im lặng thì giật mình ghê sợ.

Nằm mãi không ngủ được, Ngọc liền dậy mặc quần áo đi bách bộ ngoài hiên. Hôm ấy vào hạ tuần, trăng vừa mọc, trông như cặp sừng trâu treo ngược ở trên đỉnh đồi. Cũng là trăng khuyết nhưng đối với trí tưởng tượng của Ngọc thì trăng thượng tuần trông dịu dàng âu yếm mà trăng hạ tuần trông lạnh lẽo tẻ ngắt.

Ngọc đi đi lại lại không biết bao nhiêu lượt trên hiên nhà trai. Khi tới phòng chứa là chỗ chú Lan ngủ thì như có sức mạnh thiêng liêng gì giữ chàng lại. Chàng dừng bước đứng lắng tai nghe, nhưng

không có tiếng gì lạ, lại đi.

Một lần, Ngọc áp má vào cánh cửa buồng định nghe. Bỗng cánh cửa mở tung ra. Ngọc tí nữa té nhào. Thì ra buồng kho không có ai. Ngọc đứng nhìn quanh khắp một lượt, nghĩ thầm.

– Quái! Chú này đêm khuya đi đâu thế? Được ta cứ thung thăng bách bộ, thế nào hắn cũng trở về buồng.

Khi đến đầu hiên bên kia, Ngọc trông lên chùa trên, nhác thấy chỗ khe cửa tò vò có một vật đen đen vụt đi qua, liền lần tới, se sẽ ẩy cửa bước vào.

Trong chùa tối om. Trên bàn thờ, chiếc đèn dầu lạc lờ mờ chiếu ánh sáng. Một cái bóng đen đương cầm bó hương châm ở ngọn đèn.

Ngọc trụt giầy rơm rón rén lại gần, thì thấy chú Lan cắm hương vào bát nhang rồi ra quỳ trên chiếc bục gỗ, chắp tay cầu khấn, tụng niệm. Ngọc tuy núp sau cái cột ngay bên cạnh, nhưng vì Lan khấn khứa nhỏ quá không nghe rõ, chỉ thỉnh thoảng lọt vào tai Ngọc những mẩu câu, đại khái "phù hộ cho đệ tử... có đủ nghị lực... xa chốn trầm luân...". Lạ nhất là luôn luôn Ngọc nghe rõ Lan khấn đến tên mình đi liền với một tên khác hình như Thi thì phải.

Ngọc liền ở chỗ ẩn núp đi ra, định đến gần vỗ vai chú tiểu, nhưng chú tâm trí để cả vào sự tụng niệm không biết Ngọc lại gần, thành thử chàng đứng liền ngay sau lưng mà chú vẫn không ngờ. Ngọc bỗng giật mình kinh sợ vì vừa nghe chú tiểu khấn một câu ghê gớm:

– "Đệ tử đã dốc lòng tin mộ đạo, không ngờ tới nay mới biết lòng trần tục vẫn chưa rũ sạch. Nhưng đệ tử xin thề ở trước đức từ bi..."

Nghe tới đó, Ngọc rón rén lui về phía cửa rồi lẳng lặng bước ra.

IV

Sáng hôm sau trong chùa Long Giáng, kẻ tới, người lui có vẻ tấp nập rộn rịp.

Dưới nhà ngang đối diện với nhà trai, ông Hộ cùng ba, bốn người làng đến giúp việc đứng bên chiếc bàn dài, kẻ lau lá mít, kẻ đóng oản, tiếng kêu chí chát. Chốc chốc lại thấy có người đội voi giấy, ngựa giấy cùng những hình nhân tới.

Ngọc tuy lần đầu được mục kích quang cảnh ấy ở chùa, nhưng cũng chẳng lưu ý tới. Lòng chàng đương băn khoăn về câu chuyện tối hôm trước, nên ngơ ngác chàng đi tìm Lan để dò cho ra sự bí mật.

Lên trên chùa chàng gặp chú Lan đương cầm phất trần phẩy bụi ở các pho tượng, còn chú Mộc thì lúi húi lau các cây đèn nến cùng bình hương, ống hoa. Ngọc lại gần hỏi:

– Chùa ta sắp có việc gì mà có vẻ náo nhiệt thế?

Chú Mộc quay lại trả lời:

– Hôm nay bắt đầu làm chay cho vong linh ông Hàn.

– Thảo nào ở nhà Tổ thấy nhiều đồ mã thế,

Ngọc tuy cũng hỏi, cũng nói cho qua quít, chứ bao tinh thần đều chăm chú cả vào chú Lan chỉ mong được dịp ở lại một mình với chú mà thôi. Đứng một lát lâu, chàng vơ vẩn hỏi:

– Chú không xuống nhà giúp việc đóng oản à?

– Không phải việc của tôi.

Câu trả lời cộc lốc của Mộc khiến Ngọc bẽn lẽn đứng im thin thít. May sao chú Lan như giúp lòng nguyện vọng của chàng, bỗng bảo chú Mộc chạy qua xuống nhà Tổ xem sư cụ có truyền gì không, vì hai người cắm cúi suốt từ sáng sớm đến giờ ở trên chùa. Ngọc nghĩ thầm: "Hắn vô tình hay hắn muốn ở một mình với ta?".

Song tuy được như lòng ước mong mà cũng chả biết hỏi câu gì? Quái lạ, trước chàng mới ngờ bạn là gái thì đứng trước mặt bạn, cử chỉ ngôn ngữ còn được tự nhiên. Nay đoán chắc bạn là gái rồi thì lại thấy mình bẽn lẽn ngượng nghịu. Có lẽ đó là cái tính rút rát của con người có giáo dục, có lương tâm. Hay đó chính là ái tình?

Ngọc tủm tỉm cười một mình, trong lòng lấy làm sung sướng, đương định tìm cách khai mào câu chuyện, bỗng có tiếng guốc lộp cộp. Ngoảnh lại, thì sư cụ đã đến gần. Sư cụ cười bảo Ngọc.

– Cháu lên đây để nghỉ ngơi cần được yên tĩnh mà gặp tuần chay thế này chắc phiền cho cháu lắm nhỉ?

– Bạch cụ, cũng không sao ạ. Chỉ vì cháu ở chùa làm phiền cụ và làm khó nhọc cho các chú tiểu phải săn sóc, tới nay đã hơn nửa tháng nên cháu muốn xin phép cụ mai cháu về Hà Nội.

Ngọc vừa nói vừa nhìn Lan xem có tỏ ra nét mặt vui,

buồn chăng, nhưng vẫn thấy Lan điềm nhiên như không, đứng cầm phất trần phẩy bụi, không hề lưu ý đến mình.

Sư cụ ngẫm nghĩ một lát, trả lời:

– Nếu cháu sợ chuông trống ầm ỹ thì bác chả dám giữ.

– Bạch cụ, không phải thế.

– Hay cháu sợ ngăn trở việc học của cháu? Nếu chỉ có thế thì... cháu kể các tên sách cháu cần dùng, vài hôm nữa bác bảo chú Lan về Hà Nội lấy lên cho cháu.

Ngọc ngỏ lời xin về là chỉ để dò ý tứ Lan, nên thấy sư cụ giữ lại thì đứng im. Sư cụ biết Ngọc thuận ở lại, quay ra bảo Lan:

– Xong việc làm chay chú về Hà Nội...

Ngọc vội đỡ lời:

– Bạch cụ, cháu đã đem theo đủ các sách rồi ạ.

– Thế thì càng hay. À, à cháu, bác nghe nói Tây người ta cũng dịch kinh Phật có phải không?

– Bạch cụ, vâng. Nhất là một quyển của người Đức, cháu nghe nói có giá trị lắm, nhưng cháu chưa đọc.

– Cháu biết tiếng Đức à?

– Bạch cụ không, nhưng sách ấy có bản dịch chữ Pháp.

– Vậy thì cháu nên mua xem để biết qua đạo Phật.

Ngọc nhìn Lan mỉm cười:

– Bạch cụ, để rồi cháu nhờ chú Lan giảng cho cũng đủ.

– Chú ấy đã biết gì. Nhưng cháu còn bận học bao nhiêu thứ. Khi nào thi đỗ đã rồi hãy khảo cứu về đạo Phật cũng được. Cháu cũng nên biết rằng đạo Phật huyền bí lắm, chứ những điều cháu trông thấy ở trước mắt không phải là điều cốt yếu của đạo Phật đâu. Cho chí việc lễ, bái, đàn chay cũng là phải có để khuyên đàn bà và những kẻ vô học làm điều thiện đó thôi.

Sư cụ đứng nhìn quanh một lượt rồi hỏi chú Lan:

– Chú Mộc đâu?

– Bạch cụ, chú Mộc vừa xuống nhà Tổ.

– Chú ấy chưa đi mời các sư chùa Long Vân, Hàm Long đến dự dễ à?

– Bạch cụ, chưa.

– Thôi chú ở lại sửa soạn, quét tước để ta bảo chú Mộc đi ngay kẻo muộn.

Sư cụ vội vàng đi ra.

Ngọc đứng ngắm chú Lan làm việc, cố tìm cách gợi tới câu chuyện bí mật. Chàng đến gần khẽ nói:

– Tôi xin về, cụ chưa cho về, chán quá.

Lan không quay lại, trả lời:

– Ông quen ở nơi đô hội náo nhiệt lên đây thấy cảnh chùa chiền tĩnh mịch chắc buồn lắm.

– Không phải thế. Tôi chỉ sợ tôi ở đây lâu làm phiền chú, mà phiền cả cho tôi.

– Sao lại phiền đến tôi được, thưa ông? Còn như ở đây có điều gì làm phiền ông thì ông cứ lên bạch cụ.

Nghe câu trả lời gióng giả, Ngọc tủm tỉm cười rồi bạo dạn nhìn thẳng vào mặt chú Lan mà nói rằng:

– Có gì phiền đâu, chỉ vì trước kia tôi có yêu một người hình dung diện mạo y như chú...

Chú Lan điềm nhiên nói tiếp:

– Nên nay gặp tôi ông lại nhớ tới, A di đà Phật, người tình của ông, phải không?

– Chính thế! Người tình của tôi tên là Thi.

Lan sẽ hỏi:

– Tên là Thi?

Chú cúi mặt ngẫm nghĩ, rồi ngửng phắt đầu lên, mạnh dạn nhắc lại câu hỏi:

– Tên Thi thưa ông?

– Phải, tên là Thi. Chú cho là lạ chăng?

– Cũng hơi lạ.

– Chú có thể cho tôi biết được vì cớ gì mà chú cho là lạ?

Lan chỉ mỉm cười không trả lời. Ngọc càng ngờ lắm, giả vờ kể lể chuyện riêng.

– Tôi yêu cô Thi, sắp sửa hỏi làm vợ thì bỗng cô ấy đi đâu mất. Dáng chừng chú cũng quen biết cô ta nên cho là một sự lạ chứ

gì? Có người bảo tôi rằng cô ấy đi tu, nên tôi cứ lần mò các chùa chiền để đi tìm.

Lan nghe tới đó, cười khanh khách nói tiếp theo:

– Vậy ra ông tới chùa Long Giáng chỉ có một mục đích ấy? Nhưng cô Thi tôi quen biết chắc không phải là cô Thi của ông đâu, xin ông đừng vội mừng. Đáng lẽ ở trước cửa từ bi chẳng nên nói chuyện nhăng nhít, nhưng xin ngài cũng thấu nỗi khổ tâm của kẻ tu hành này mà tha thứ cho. Ông nghe câu chuyện tôi sắp kể đây xin giữ bí mật cho nhé.

– Được, tôi xin giữ bí mật.

– Có gì đâu? Gần đây có một người thiếu phụ cũng có chút nhan sắc, hễ gặp tôi thì cô chòng ghẹo, có khi lại dám viết thư gửi cho tôi, tôi van thế nào cũng không được. Tên cô ấy là Thi. Vì thế thường thường đêm khuya tôi vẫn lên chùa cầu nguyện Đức Thích Ca phù hộ, và giảng phép mầu nhiệm cho cô ta tỉnh ngộ mà buông tha kẻ tu hành này ra.

Ngọc nghe câu chuyện ngẫm nghĩ: "Có lẽ nào lại thế? Hay hắn biết ta đã khám phá được sự bí mật của hắn nên hắn bịa ra câu chuyện ấy chứ gì?" Đã toan hỏi căn vặn, thì bỗng chú Lan nói một mình:

– Chết chửa, chưa bảo ông Hộ đi mượn bàn.

Rồi chú hấp tấp chạy xuống nhà.

Lan tưởng làm thế để đánh trống lảng, nhưng ngờ đâu càng khiến Ngọc đoán chắc rằng mình là gái. Vì Ngọc nhận ra rằng hễ khi nào câu chuyện đến chỗ nguy hiểm là Lan tìm hết cớ nọ cớ kia để xa lánh; Ngọc mừng thầm nói một mình: "Có tài thánh thì cũng không giấu nổi ta".

Vừa nói dứt câu đã thấy Lan ở nhà dưới chạy lên, nét mặt thản nhiên tươi cười như thường, Ngọc ỡm ờ hỏi:

– Chắc tối hôm nay làm chay có chạy đàn, thì thế nào cô Thi cũng đến xem nhỉ?

Lan vô tình không hiểu:

– Cô Thi nào ?

– Cô Thi của chú, chú đã quên rồi.

– Nam mô A di đà Phật! Ông chớ nói đùa nhỡ đến tai cụ thì còn ra làm sao?

– Nhưng chuyện có thực đâu mà chú sợ... Chú ạ, cô Thi của chú thì yêu chú, mà chú không thể yêu được; còn cô Thi của tôi, thì tôi yêu mà cô lại không yêu được tôi, hay cô không muốn yêu tôi.

Chú Lan nghiêm sắc mặt trả lời:

– Nếu ông còn muốn tôi nói chuyện với ông thì xin từ nay ông đừng đem những chuyện bậy bạ kể cho tôi nghe nữa.

– Xin vâng. Chỉ vì tôi coi chú là người bạn thân của tôi nên mới dám ngỏ tâm can với chú. Nhưng chú không muốn nghe thì thôi, can chi mà chú phải giận.

Lan mặt đỏ bừng, trách Ngọc:

– Xin ông biết cho rằng vì tôi thấy ông là người có lễ độ, có học vấn, nên thỉnh thoảng muốn đem đạo Phật ra bàn cùng ông, cho rộng kiến thức. Nhưng nếu chỉ là câu chuyện bất chính, phạm tới tám điều răn thì xin từ nay ông tha cho.

Ngọc cười gượng:

– Thôi, xin lỗi chú.

*

*   *

Luôn hai tối, các nhà sư ở những chùa lân cận nhận được giấy mời của sư cụ Long Giáng tề tựu đến dự lễ rất đông.

Ngoài sân chùa, ở giữa bày ba tầng án thư chồng lên nhau theo hình bậc thang. Hai bên cũng đều có án thư. Nến thắp linh tinh, áng sáng phản chiếu vào những mặt kính tròn ở các mũ giấy bày la liệt kín cả mấy hàng án thư trông lấp lánh như các ngôi sao trên trời.

Tối nào các nhà sư cũng cắt lượt nhau tụng kinh đến tận hai, ba giờ sáng, hoặc ngồi ở chiếu giữa, hoặc đứng sát các án thư bên. Cứ xong một lần tụng niệm lại có đánh trống lớn, trống con, thanh la, não bạt, nghe rất là inh ỏi.

Đến tối thứ ba thì vào đàn giải kết.

Sư cụ chùa Long Giáng vì già yếu, mà việc đàn chay lại khó nhọc, nên một đồ đệ cụ là sư ông chùa Long Vân đứng chủ trương. Sư ông ngồi ở chiếu giữa tụng kinh một lúc lại chạy vòng quanh đàn, nghĩa là đi lượt khắp các hàng án thư, theo nhịp nhanh

hay chậm của tiếng trống và tiếng thanh la. Sau lưng sư ông gần hai chục người chạy theo, nào tiểu, nào vãi, nào thiện nam tín nữ cũng là những người nhà sự chủ.

Ngọc đứng ngắm một tràng người tay chắp trên ngực, chạy lượn khúc, quanh co, khi tiến, khi lui rất là nhẹ nhàng, ăn nhịp như lăn trên đôi bánh xe nhỏ, lại tưởng tượng đến những người bằng giấy trong chiếc đèn kéo quân đêm hôm rằm tháng tám.

Chạy xong một tuần, sư ông lại vào chiếu giữa múa mênh quyết ấn trông rất dẻo tay, rồi cầm kéo cắt những đồng tiền kết giấy thành hình người và treo lủng lẳng ở ba hàng dây chung quanh bàn. Cứ mỗi lần lại cắt bốn, năm đồng kỳ cho hết là tan đàn.

Trong khi ấy thì những người tùy tòng hoặc vào ngồi lễ ở sau lưng sư, hoặc đứng sang một bên, lẫn vào chỗ người đi xem.

Ngọc đứng chờ một xó, hễ thấy chạy xong một lần lại gọi chú Lan đến để nhờ giảng nghĩa hộ. Đến lần thứ ba, thứ tư thì hễ thấy Ngọc gật sẽ một cái, Lan đã chạy vội đến ngay.

Ngọc cười hỏi Lan:

– Này chú, sao lại có hai người kia chạy đàn?

– Hai người nào?

– Một người gánh một gánh cỏ, và một người buộc con ngựa giấy vào mình trông như cưỡi ngựa vậy, nhất là nghe tiếng nhạc kêu đi càng như hệt lắm.

– Đây là người giữ ngựa và người cắt cỏ cho ngựa ăn, đi theo hầu thầy Đường Tăng đi sang Tây Tạng lấy kinh, đàn này tức là ôn những sự tích đi lấy kinh.

Bấy giờ có tiếng ai the thé trả lời sau lưng:

– Sự tích ấy tôi cũng biết, chép ở trong truyện Tây Du chứ gì?

Ngọc quay lại thấy một cô nhà quê ăn vận gọn gàng như phần nhiều các cô con gái vùng Bắc, nước da bánh mật, đôi mắt ti hí. Ngọc cho là cũng khá xinh, và nói đùa một câu:

– Cô bảo cô biết sự tích, cô thử kể lại cho tôi nghe xem nào?

Cô ta cho là Ngọc chế nhạo cúi đầu không trả lời, còn chú Lan thì không hiểu vì sao cũng bẽn lẽn đi lảng ra nơi khác.

Ngọc theo lại sẽ hỏi.

– Người nào vừa rồi đấy chú?

Chú tiểu thở dài không trả lời. Ngọc đoán ngay là cô con gái phải lòng chú, liền lại hỏi:

– Có phải cô Thi của chú đấy không?

– Nam mô A di đà Phật!

Ngọc chưa kịp hỏi câu thứ hai thì chú Lan đã vội vã vào trong đàn, vì lúc bấy giờ cắt kết xong lần thứ tư, sư ông đã lại ra sân chạy đàn. Ngọc nhìn theo, thấy người con gái ban nãy cũng chạy liền ngay đằng sau chú Lan, nét mặt có vẻ hớn hở lắm, khiến chàng không thể nhịn cười được.

Đàn vừa tạm nghỉ, Ngọc vội chạy ngay lại chỗ hai người, mỉm cười khen lấy khen để;

– Chú chạy đẹp quá, nhất là có cô... cô gì, à cô Thi, chạy theo càng đẹp lắm.

Người con gái nghe gọi đến tên Thi thì ngơ ngác nhìn Ngọc rồi lại nhìn chú Lan. Ngọc thấy vậy nhớ ngay đến câu chuyện khấn khứa đêm hôm nào. Chàng nghĩ thầm: "Thôi đích rồi, hắn bịa ra câu chuyện để chống chế chứ gì?".

Song tuy chàng nghĩ vậy mà cứ tảng lờ như không lưu ý đến dáng bộ ngạc nhiên của cô gái quê. Không những thế, chàng lại cố làm lạc hẳn câu chuyện đi mà hỏi cô kia rằng:

– Cô biết chuyện Tây Du à?

– Vâng, tôi biết! Em tôi vẫn mượn sách của con ông Bá về nhà đọc, tôi được nghe... chuyện vui lắm kia... nhỉ, chú Lan nhỉ?

Lan nghiêm nét mặt trả lời:

– Tôi không biết. Mà tôi xin cô đừng nói chuyện với tôi nữa tôi không nghe chuyện cô đâu.

Cô ả cười, ngả nghiêng cái đầu và lên giọng nũng nịu.

– Không nghe, tôi cũng cứ nói.

Chú tiểu càng giận:

– Mà tôi nói cho cô biết, cô không được phép vào trong đàn. Chỉ các sư, các tiểu, các vãi, cùng những người nhà sự chủ là được phép chạy đàn mà thôi.

Cô kia không chột dạ, vẫn cười, nhoẻn cặp môi đỏ thắm sắc quết trầu:

– Tôi cứ chạy... tôi sắp xin làm vãi kia.

Ngọc nghe cô ả đỏng đảnh quá cũng phải ngượng và đâm cáu:

– Rõ khéo cô này, người ta xuất gia tu hành lại còn cứ trêu ghẹo người ta mãi.

Cô nhà quê xấu hổ đứng im, còn Lan thì ngước mắt mỉm cười nhìn Ngọc như để cảm ơn, rồi nói luôn:

– Phải không ông? Người ta đã xuất gia tu hành thì không nên trêu ghẹo người ta nữa chứ?

– Phải lắm.

Ngọc trả lời ngớ ngẩn như vậy là vì trí chàng đương bận câu chuyện của Lan. Chàng cho là câu hỏi ấy rất đáng ngờ và có lẽ đối với mình có một ý nghĩ trực tiếp, chứ không liên can gì đến cô con gái kia. Tuy chàng đoán chắc rằng thế, nhưng vẫn cứ tảng lờ như không biết gì hết, vì chàng đã nghĩ ra được một kế rất diệu sắp đem thi hành.

Đến đàn thứ năm, chú Lan mỉm cười nhìn Ngọc như chào chàng ở lại để vào chạy đàn.

Nhưng Ngọc vẫn giữ nét mặt lãnh đạm, rồi quay sang phía cô gái quê, ghé mồm vào tận tai thì thầm:

– Cô ở lại đừng vào trong đàn nữa, tôi nói cho nghe một câu chuyện hay.

Cô ả đỏ bừng mặt không trả lời nhìn theo Lan, còn chú tiểu thì có dáng tức giận lắm.

Trong khi chú Lan chạy đàn, hễ đến gần chỗ hai người đứng thì Ngọc làm bộ ghé gần vào cô láng giềng chuyện trò có vẻ thân mật lắm.

Ngọc hỏi:

– Tên cô là Thi à?

– Không, tên em có là Thi đâu? Em là Vân kia mà. Ban nãy em thấy ông gọi em là Thi, em buồn cười quá.

– À ra cô là cô Vân kia đấy. Nhưng cô chớ nói với chú Lan rằng tôi biết cô tên là Vân nhé, chú ấy ghen đấy. Vậy này cô Vân. Sao chú Lan đã tu hành mà cô cứ trêu ghẹo chú ấy thế?

Vân giả vờ không nghe rõ, nhìn đi nơi khác.

Ngọc lại nói:

– Quyến rũ người tu hành tội chết.

Câu chuyện đến đấy thì chú Lan ở trong đàn đi ra, mặt hầm hầm, đứng gần chỗ hai người, Ngọc làm bộ như không trông thấy chú, vẫn cứ nghiễm nhiên thì thầm với cô Vân.

Lan cười gằn:

– Này cô... kia, khuya rồi đi về chứ, chẳng mai bà cô lại chửi chết.

Ngọc không để Vân kịp trả lời nói đỡ ngay:

– Thì việc gì đến chú đấy, để mặc cô ấy xem chứ?

Nhưng Vân nói sẽ với Ngọc:

– Thôi để em về, không chú Lan giận.

Ngọc cũng sẽ hỏi:

– Cô sợ chú Lan giận à?

Rồi chàng nói to cốt để Lan nghe thấy:

– Chốc nữa có sợ tối thì tôi đưa về tận nhà.

Lan nguẩy một cái quay đi nơi khác, còn Vân tưởng chú giận mình đứng nói chuyện với trai, cũng từ biệt Ngọc ra về.

Nàng vừa đi khỏi, Ngọc đã thấy Lan lại gần ôn tồn bảo bạn:

– Tính ông trai lơ lắm.

– Việc gì đến chú đấy.

– Nhỡ cụ biết cụ quở chết.

– Ai dám mách mà cụ biết? Vả cụ có biết cũng chả sao. cụ đi tu chứ tôi có đi tu đâu. Nhưng chú vô ơn lắm.

– Thế nào là vô ơn?

– Cô... Thi phải lòng chú, tôi có ý giúp việc tu hành của chú cho thành chánh quả, nên vì chú, tôi muốn quyến rũ cô ta để cô ta buông tha chú ra...

Lan đỏ mặt:

– Đứng trước người tu hành mà ông ăn nói tự do quá!

Ngọc lạnh lùng đáp:

– Xin chú đại xá cho.

Nói xong quay lưng đi thẳng. Lan gọi với:

– Ông đi đâu đấy?

Ngọc ngoái cổ lại cười gằn:

– Tôi đi đâu thì can gì đến chú?

– Lại đi...

Lan như tắc họng không nói được, hai giọt nước mắt long lanh dưới cặp mi đen quằng.

V

Sáng hôm sau cảnh chùa Long Giáng lại yên lặng như ngày thường, vì việc đàn chay đã kết liễu.

Mãi hơn bảy giờ. Ngọc mới thức giấc, mắt nhắm mắt mở nhìn qua cửa sổ ra ngoài, thấy ngổn ngang các án thư bỏ lổng chổng ở giữa sàn. Gần tường hoa, một đống tàn cao ngất, đó là đồ mã đốt tối hôm qua.

Sau mấy buổi huyên náo, kế đến hôm tĩnh mịch thành thử sự tĩnh mịch càng thấy rõ rệt hơn trước.

Trước cảnh tẻ ngắt, Ngọc có cái cảm tưởng buồn rầu, tưởng tượng như thuở bé sau mấy ngày tết.

Chùa Long Giáng sau mấy hôm rực rỡ nay bỗng lại ủ rũ như xưa, thực chẳng khác cô con gái nơi thôn dã trong ba hôm Tết thắng bộ áo đẹp, rồi hết Tết lại cởi ra mà mặc bộ quần áo nâu sồng thường nhật.

Ngọc ngồi nghĩ vơ nghĩ vẩn, hồi tưởng đến câu chuyện tối hôm qua. Sau khi rời chỗ đàn chay, chàng ra đường đi lang thang mãi đến một hai giờ sáng mới đi về chùa. Đi đâu? Chàng cũng chẳng biết đi đâu, mà cũng chẳng định đi đâu, chỉ cốt vắng chùa trong một thời gian khá lâu để chú Lan ngờ vực mà thôi. Vì vậy chàng đã yên trí, chàng đã chắc chắn rằng chú là gái cải nam trang.

Ôn lại các việc xảy ra, những sự mắt trông tai nghe, từ lời nói, dáng điệu, nước da cho tới những ý tứ giữ gìn, khép nép, Ngọc không còn thể nào cho rằng chú tiểu xinh xắn kia là trai được nữa.

Chàng mừng thầm mỉm cười, sung sướng, chứa chan hy vọng.

Cánh cửa khẽ đẩy, chú Lan rón rén bước vào phòng, nét

mặt nghiêm trang đặt một bao chè tàu xuống bàn, nói:

– Cụ truyền biếu ông bao chè để ông xơi nước, chè này của bà Hàn cúng cụ hôm qua.

– Chú bạch cụ giùm cho rằng tôi xin đa tạ cụ nhé. Ý hẳn cụ cũng biết tôi có ấm cồn đun nước.

– Ông để chúng tôi đun cũng được, can chi lại phải đun lấy.

Ngọc mỉm cười nhìn Lan:

– Ấy, tôi sợ làm phiền chú, nên tôi viết giấy về nhà xin gửi lên cho đủ thứ.

– À, ra bữa nọ anh người nhà mang lên ở trong bồ đấy.

– Chính phải.

– Tôi thấy có quyển Kiều và quyển Phật giáo đại quan nữa.

Ngọc mừng rỡ, vội hỏi:

– Chú biết quốc ngữ?

Lan điềm nhiên:

– Vâng. Chữ quốc ngữ dễ, học chỉ độ mươi hôm là đọc được. Làm gì mà không biết.

– Ồ thế thì hay quá nhỉ.

Ngọc nghĩ đến việc đương dự định, buột mồm nói ra câu ấy, nhưng Lan lại hiểu một cách khác nên trả lời:

– Đời bây giờ, ai không biết quốc ngữ? Lạ, sao ông cứ nhìn tôi, ông cười vậy?

– Chú ạ, tôi đương nghĩ đến chú thì thấy chú vào. Tôi cho rằng tư tưởng đôi ta chắc có liên lạc với nhau nên chúng ta mới có thể viễn cảm tới nhau như vậy. Vì thế nên tôi cười, chú đừng vội giận.

– Ông nói những gì, tôi không hiểu.

Lan đứng đưa mắt nhìn chung quanh mình, rồi cười khen rằng:

– Cái phòng này ông mới bài trí lại trông đẹp nhỉ.

– Phải, tôi trang hoàng thế để khi chú có bước vào trông đỡ bề bộn, chướng mắt.

Lan hai má đỏ ửng, cúi mặt xuống trả lời:

– Ông cứ dạy quá lời, tôi chỉ đáng là đầy tớ ông.

Ngọc nói đùa "A di đà Phật", rồi cười khanh khách, khiến Lan xấu hổ cắm đầu chạy thẳng.

Ngọc đứng dậy rửa mặt, rồi đem ấm cồn ra đun nước. Chàng đưa mắt ngắm lại phòng một lượt, nhớ tới câu khen ngợi của Lan lại mỉm cười một mình.

– Thực ra cái phòng của ta giống như cái phòng của một sinh viên trường Đại học.

Mà thực vậy, cái giường mắc màn ren, cái bàn thờ dùng làm án sách, cái án thư trên phủ lá cờ dạ xanh dùng làm bàn viết trông đều sáng sủa sạch sẽ lắm, khác hẳn hôm mới tới chỉ trơ trọi cái giường buông chiếc màn nâu. Các tranh ảnh cùng những bức thủy họa của chàng treo ở tường càng tôn vẻ nhã nhặn, âu yếm của cái buồng con con.

Ngọc ngắm một lượt, tự hỏi: trang hoàng như thế để làm gì?

Chàng tự hỏi như vậy rồi nhách một nụ cười:

– Thôi ta yêu mất rồi!

Mà chính thế. Phải rồi, cái tay của thần Ái tình mới có thể bài trí một cảnh u ám, buồn rầu, nên cảnh dịu dàng âu yếm được. Ngọc lại cười: Nhưng mà ta cũng ngộ nghĩnh thật. Lên ở chùa mới biết yêu, mới biết yêu là có thú vị... Song chẳng lẽ ta cứ yêu suông, yêu bóng, mãi thế này thì cũng uổng, thà chả yêu cho xong.

Sự liên tưởng của ý nghĩ tự nhiên nhắc Ngọc ôn lại một câu Kiều, mà chàng buột mồm ngâm nga:

"Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau".

– Ừ phải, người ta tu hành. Tội nghiệp!

Muốn cố giữ cho khỏi nghĩ vẩn vơ, Ngọc lấy quyển sách bàn về đạo Phật của David mà chàng mới mua tuần lễ trước ra coi. Nhưng mới được vài trang đã thấy chán ngắt, liền gấp sách lại. Bỗng chàng giật mình, mấy giọt nước nóng bắn vào tay. Thì ra ấm nước đặt trên bếp cồn sôi từ bao giờ mà chàng vẫn không biết, đến cả tiếng nước reo chàng cũng chẳng nghe thấy chi hết.

Ngọc xoa tay mỉm cười, rồi lấy ấm chén ra pha chè. Uống mấy chén Liên Tâm, thấy tinh thần tỉnh táo, tâm trí hớn hở và ngắm cuộc đời có rất nhiều tư tưởng lạc quan, rồi nghĩ chuyện nọ

nhảy sang chuyện kia, lẩn quẩn tự đặt mình vào địa vị Từ Thức sống trong cảnh động Phi Lai.

Bấy giờ chàng nhìn qua cửa sổ ngắm cảnh đồi thoai thoải sau chùa, chàng thấy hiện ra nhiều vẻ xinh đẹp huyền bí. Chàng tưởng tượng dưới đám lá che lấp lánh ngọn gió dịu dàng mơn mởn rung động kia, một cô tiên yểu điệu đương ngồi mơ màng tưởng nhớ tới ai.

Chàng mỉm cười, mỉm cười với cảnh vật, mỉm cười với làn không khí bao bọc người yêu...

Cúi nhìn xuống cái vườn con bên cạnh cửa sổ, bỗng chàng chú ý đến một vật khiến mắt chàng đăm đăm không chớp: trong hai khoảng tròn đất mới xới, bên cây đại cành khô khan, da mốc thếch có hai cây ngọc lan nhỏ mềm mại, ai vừa trồng, mỗi cây ngọn nở một bông hoa trắng nuốt.

Chàng chú ý đến là vì tâm trí đương bị cái tên Lan đẹp đẽ thôi miên...

Chàng ngây người, "Ngọc Lan! Có lẽ thế chăng? Âu yếm và kín đáo lắm!".

Bỗng chàng thấy trong lòng phấn khởi, mạnh bạo. Chàng chép miệng nói một mình: "Chà, thì ta cứ thử liều một chuyến xem nào. Không vào hang hổ sao bắt được hổ con".

Câu nói có vẻ "tuồng" khiến chàng cũng phải phì cười. Mà vào hang hổ thì đã lấy gì làm nguy hiểm. Chỉ có việc đem giấy bút ra viết một bức thư.

Bức thư ấy đã ba, bốn lần Ngọc viết rồi, nhưng lần nào viết xong đọc lại, lại xé bỏ vứt đi, vì một là chàng sợ Lan không biết quốc ngữ, hai là chàng sợ bị cự tuyệt. Lần này thì chàng nhất định quả quyết. Liền mở hộp giấy viết thư màu tím lấy một tờ ngồi viết:

Chú Lan.

Viết được hai chữ ấy, Ngọc lại mỉm cười xóa đi.

– Không được. Chẳng chú nữa.

Liền lấy tờ giấy khác viết lại:

Cô Thi.

Nam mô A di đà Phật! Tôi bắt đầu bức thư của tôi bằng một câu

niệm Phật, để xin Phật độ trì cho kẻ khổ sở này, như Phật độ trì cho hết thẩy các chúng sinh. Vì tôi chỉ là một người lạc lối trong rừng người. Như một hạt cát bị vùi trong bãi cát sông Hằng Hà.

Nhưng cô cũng là một người, cũng chỉ là một người. Dù có muốn xa lánh cõi tục, rứt bỏ trần duyên, song cái bản tính của con người dễ một lúc mà cô xóa bỏ nổi được. Cái bản tính ấy là tình, là A di đà Phật, là ái tình.

Ái tình là bản tính của loài người, mà là hạnh phúc của chúng ta. Tôi yêu cô, và tôi đoán không lầm thì cô cũng chẳng ghét tôi, vậy thì can chi ta lại làm trái hạnh phúc của ta?

Đức Thích Ca Mâu Ni xuất thế để đưa linh hồn chúng sinh tới cõi Nát Bàn mà hưởng sự hạnh phúc bất vong bất diệt.

Nhưng... hạnh phúc chúng ta chỉ ở ái tình.

Đó là... A di đà Phật! Đó là Nát Bàn của chúng ta.

Mấy hôm nay tôi đọc quyển Phật giáo tôi thấy tôi yêu đạo Phật. Tôi yêu đạo Phật thì tôi lại càng yêu cô, một cách chân thành, tôi yêu cô trong linh hồn, trong lý tưởng, cô tha thứ cho tôi, tôi không phải cứ yêu mãi chú Lan, phải cho phép tôi yêu cái linh hồn thực của chú Lan mới được; cái linh hồn ấy là cô Thi.

Cô xem thư mà xét thấu cho lòng này thì tức là cô vâng ý Phật cứu vớt được một linh hồn đương bị đắm đuối ở cõi nhân gian.

NGỌC

Ngọc chải chuốt y phục, rồi gấp thư cho vào phong bì, bỏ túi ra đi. Lên chùa trên, gặp chú Mộc. Ngọc đột nhiên hỏi:

– Chú Lan đâu?

Chú Mộc thấy Ngọc ngơ ngác, tưởng mới xảy ra chuyện gì:

– Chú Lan ở vườn sắn sau chùa. Có chuyện gì đấy, ông?

Ngọc chỉ kịp trả lời một tiếng: "Không", rồi lật đật đi thẳng, khiến chú Mộc đứng nhìn theo lấy làm ngạc nhiên.

Rồi tới vườn sắn, vì sắn lá cao mà trồng bên sườn đồi, chỗ hiện chỗ khuất, nên đến hơn năm phút sau, Ngọc nghe rõ tiếng sột soạt, mới tìm thấy chỗ Lan đứng. Bên cạnh chú một đống cây sắn nhổ lên còn để nguyên củ, cành, lá ngổn ngang.

Ý chừng Lan làm việc nhiều nên mệt nhọc đứng thở hồng

hộc, một tay để vào ngực. Ngọc rón rén đến sau lưng, ỡm ờ chào:

– Kìa cô Thi!

Lan thong thả quay mặt lại, điềm nhiên trả lời.

– Không, tôi đây mà. Cô Thi nào dám vào vườn sắn của nhà chùa?

Nói xong cười rũ rượi, chẩy cả nước mắt đỏ ửng hai má. Rồi lại tiếp theo:

– A di đà Phật! Ông muốn gặp cô Thi thì ra nhà cô ấy chứ?

– Không, cô Thi khác, cô Thi của tôi kia.

Lan không để ý đến câu trả lời của Ngọc, nhìn trời, nói:

– Mặt trời lên đã cao. Phải mang sắn về mới được, chẳng cụ quở.

Nói xong lấy dây buộc qua quít lại bó sắn. Còn Ngọc thì thò tay vào túi lấy bức thư ra, rồi lại ấn vào, như thế đến hai, ba lượt.

Lan vác bó sắn lên vai, chào:

– Thôi ông ở lại, tôi về chùa.

Ngọc nói lúng túng:

– Được... này... tôi... à! Sao chú không bẻ lấy sắn đem về, còn cành lá thì bỏ đi có nhẹ việc không?

– Cành để giồng và đun chứ.

Lan vừa trả lời, vừa bước xuống đồi.

Ngọc đi theo như toan níu lại:

– Thì hãy ở lại, chờ tôi rồi cùng về một thể.

Lan sợ hãi, đặt vội bó sắn xuống đất mà rằng:

– Vâng, thì ở lại. Nhưng ở lại làm gì mới được chứ?

– Ở lại ngắm cảnh.

– Giời nắng còn ngắm cảnh gì?

– Nắng thì ta ngồi xuống dưới bóng lá sắn.

– Này cô...

Ngọc vừa nói vừa toan rút bức thư:

– Này, chú...

– Ông dạy?

– Hôm nay chắc mát giời...

– Vâng, chắc mát giời.

Hai người nhìn vơ vẩn, Ngọc lại toan đưa bức thư.

– Chú... ạ.

– Dạ.

– Sắn ăn ngon đấy chứ?

– Vâng ngon. Nhưng ông để tôi đội về chẳng cụ kêu.

– Chú để tôi mang đỡ.

Lan không trả lời, đội bó sắn chạy vùn vụt xuống đồi để trơ Ngọc đứng lại một mình, buồn bã.

Ngọc chép miệng thở dài, rồi quả quyết lấy bức thư xé ra làm tư, vứt xuống đất.

Chàng về đến cổng chùa, thì chú Lan đi ra có dáng vội vàng hấp tấp. Ngọc buồn rầu chẳng thèm chào hỏi.

Lan chạy một mạch lên đồi sắn. Đến chỗ ban nãy, chú vui cười mà rằng:

– Đây rồi.

Thì ra chú bỏ quên con dao nhọn dùng để đào và chặt sắn. Bỗng chú mỉm cười nói một mình:

– Không biết giấy gì của ông ấy xé thế này?

Nhìn kỹ thì là chiếc phong bì xé ra làm bốn mảnh. Trên một mảnh thấy thoáng có hai chữ:

Cô Thi.

Thốt nhiên ở mồm Lan buột ra câu hỏi:

– Cô Thi nào?

Lan ngồi cặm cụi chắp lại các mảnh thư ở trong phong bì.

Bên mình gió thổi xô xát các lá sắn tiếng kêu sạt sạt. Những mảnh giấy tím chỉ chực bay. Lan phải lấy những viên gạch vụn chặn lên trên.

Một lát sau, khi đã đọc xong bức thư, Lan còn thơ thẩn trên đồi.

Gió càng thổi dữ, các tà áo Lan bay phấp phới, mà trái tim kia như chịu sức mạnh của cơn gió, cũng phập phồng trong ngực như làn lá sắn nhấp nhô tựa sóng.

Lan buồn rầu nghĩ ngợi, hai bên má có ngấn hai hàng nước mắt.

Bỗng có tiếng mõ tụng kinh ở chùa đưa tới.

Một nụ cười kín đáo trên cặp môi, Lan thong thả trở về.

Qua dãy nhà trai, Lan liếc mắt thấy Ngọc ngồi ở ngưỡng cửa buồng, tì hai tay vào má có dáng nghĩ ngợi. Thoáng thấy Lan, Ngọc gật đầu, mỉm cười, nhưng Lan vờ như không biết cứ rảo bước đi thẳng lên chùa trên.

Lan sẽ ẩy cửa rón rén bước vào nhìn trước nhìn sau, như người mới phạm một trọng tội mà sợ có kẻ biết sắp tố giác.

Vào trong chùa ngửi thấy mùi trầm ngào ngạt, nghe thấy tiếng tụng kinh dịu dàng. Lan tươi cười thở dài, như kẻ ngã xuống sông vừa ngoi lên được mặt nước vậy.

Làn không khí êm đềm tịch mịch bao bọc những pho tượng khổng lồ, nét mặt thản nhiên. Trên bục gỗ, sư cụ khoác áo bốn thân ngồi ngay thẳng như pho tượng, chỉ hơi mấp máy cặp môi và động đậy cánh tay gõ mõ.

Lan đứng sững hồi lâu, nhắm mắt lim dim hai tay chắp ngực, rồi thong thả nhẹ nhàng như cái bóng mon men lại sau lưng sư cụ, ngồi xệp xuống đất lâm râm khấn khứa...

VI

Trưa hôm ấy sư cụ gọi chú Lan bảo rằng:

– Trưa hôm nay, chú đừng đi hái chè nữa, ta nhờ mang bánh và chè sang tạ sư ông bên chùa Long Vân.

Ngọc tiến lên thưa rằng:

– Bạch cụ, cho phép cháu cùng đi với chú Lan sang Long Vân. Cháu nghe nói chùa Long Vân có cái giếng thờ, nước uống mát lắm.

Sư cụ ngần ngại:

– Đường nhiều dốc lắm, sợ cháu đi mệt nhọc.

Ngọc cười:

– Bạch cụ, cháu học trường Canh nông, cày ruộng còn được nữa là trèo dốc đã lấy gì làm khó nhọc.

– Cái đó tùy cháu.

Khi xuống nhà trai, Ngọc vui mừng chạy lại hỏi chú Lan:

– Chú có bằng lòng để tôi cùng đi không?

Lan cười gượng:

– Càng hay cho tôi, đi đường xa đỡ buồn chứ sao?

Rồi chú lẳng lặng xếp các thứ vào trong chiếc tay nải nâu, thắt miệng lại. Ngọc lại sát gần, khiến Lan sẽ né người đứng lui ra. Ngọc nhấc cái tay nải vắt lên vai một cách gọn gàng.

Lan cười nói:

– Ông vác nhẹn nhỉ.

Ngọc nói đùa:

– Đi làm phu gạo mãi lại chẳng vác nhẹn.

Lan cố giữ nét mặt lãnh đạm cắn môi, chau mày, ngoảnh nhìn ra ngoài sân. Nhưng lần nào cũng chỉ giữ nghiêm khắc được một lúc rồi thấy Ngọc vui cười nói bông đùa thì chú lại quên bẵng đi mà cũng cười, cũng nói bông đùa với nhau:

– Ông phu gạo này nghe chừng yếu ớt lắm. Hôm mới đến chùa xách có cái va li còn thở hồng hộc, leo lên dốc khó khăn nặng nhọc như thế, nữa là vai vác cái bao gạo.

– Chú nhớ lâu nhỉ?

Ngọc nét mặt tươi cười, hồi tưởng lại hôm mới tới chùa, trong lòng lấy làm sung sướng. Chàng nghĩ thầm: “Hắn không có cảm tình với ta thì sao hắn nhớ kỹ càng cái buổi mới gặp nhau như thế?”.

Chàng chợt nhớ đến hai cây ngọc lan liền quay lại hỏi:

– Hai cây ngọc lan bên cửa buồng tôi, chú giồng đấy phải không?

Lan luống cuống không trả lời. Ngọc nói luôn:

– Cảm ơn chú nhé! Tên cái cây ấy hay nhỉ, mà có nghĩa lắm.

Lan đáp:

– Vâng, rất có ý nghĩa: sắc trắng như *Ngọc*, hương thơm như *Lan*.

Ngọc cười:

– Còn ý nghĩa khác nữa kia. Chắc chú cũng biết chuyện Nhị độ mai?

Lan quay nhìn ra sân đáp:

– Không.

– Chú ạ, đối với hai cây ngọc lan của chú, tôi sẽ là chàng Mai Sinh trong chuyện Nhị độ mai, sáng chiều nào cũng xin chăm nom vun tưới cho chóng nẩy nở hoa thơm.

Lan hai má hồng hồng ngượng nghịu vắt tay nải lên vai giục bạn:

– Thưa ông, ta đi thôi...

Hai người lẳng lặng cùng đi không ai nói năng chi nữa.

Ở một ngọn đồi, xuống phía bên kia phong cảnh khác hẳn, không thấy cánh đồng lúa còn chân rạ nữa, mà chỉ nhan nhản những nương khoai, vườn mía. Hai người không bảo nhau mà cùng đứng lại ngắm cảnh, nhất là vì chỗ ấy lại có bóng mát.

Đi một quãng nữa, bỗng hai người phải dừng lại ở trước một cái suối, dưới có rạch nước chảy róc rách trong veo, trong lòng cát trắng. Bên bờ suối có mấy gốc thông già, gió chiều hiu hắt, lá thông khô lác đác rơi xuống suối rồi theo dòng nước trong trôi đi. Hai người lặng yên nhìn nhau.

Lan bảo bạn:

– Thôi, nguy rồi. Ta đi nhầm đường rồi.

Ngọc ngơ ngác hỏi:

– Bây giờ làm thế nào?

– Chỉ có một cách là đi vòng lại, chứ nhảy qua sao được cái suối này.

– Rộng chưa đầy một thước thì làm gì mà không nhẩy qua được?

Ngọc vừa nói, vừa nhảy sang bờ bên kia, rất là gọn ghẽ, nhẹ nhàng.

Lan cười:

– Ông nhẩy giỏi nhỉ?

Nói chưa dứt lời thì Ngọc đã nhẩy sang bờ bên này. Ngọc bảo Lan:

– Chú đưa tay nải cho tôi.

– Đưa làm gì?

– Thì đây.

Ngọc lại nhảy thoắt sang bên kia, đặt cái tay nải xuống đất đứng nhìn Lan, cười. Lan ngạc nhiên hỏi:

– Thế còn tôi?

Ngọc cố nhịn cười, bảo Lan:

– Hay chú để tôi cõng?

Lan giẫy nẩy người:

– Ấy chết, sao lại thế?

Ngọc nghiễm nhiên:

– Được mà, không hề gì mà.

Lan làm mặt điềm tĩnh:

– Thôi ông đợi đấy, nghỉ chân, để tôi đi vòng sang đồi kia.

Miệng nói, chân bước. Ngọc vội nhảy sang bên này giữ lại.

– Tôi nghĩ ra cách này rồi.

– Cách gì?

– Tôi sang bên kia, đưa tay cho chú nắm, rồi lôi chú sang.

Lan ngẫm nghĩ một lát rồi sẽ tắc lưỡi:

– Tôi cũng liều, ngã chết thôi.

– Không hề gì đâu, chú đừng sợ.

Ngọc nhảy sang bên kia, đưa tay ra. Lan ngần ngừ một lúc mới dám nắm tay. Ngọc nói:

– Chú cứ giữ chặt... nhảy đi... tôi kéo...

Lan nhắm mắt, nhảy liều. Ngọc kéo mạnh quá thành chú ngã ngay vào lòng mình. Lan bẽn lẽn vội cúi xuống cầm tay nải đặt lên vai đi liền.

Ngọc cười tủm tỉm, như nói một mình:

– Tay chú xinh quá, nhỏ và mát như tay con gái.

Lan không trả lời, trỏ tay về phía bên trái bảo Ngọc:

– Chùa Long Vân kia rồi.

Hai người đi quanh co, vòng hai trái đồi nữa thì nửa giờ sau trèo tới chùa. Lan thuộc lối đưa Ngọc đi thẳng vào nhà trai, mời chàng ngồi ở trường kỷ, bày các phẩm vật lên bàn rồi vội vã xuống nhà Tổ. Một lát, Lan theo sư ông đi lên. Sư ông đã gặp Ngọc ở Long Giáng hôm đàn chay, nên vui mừng chào hỏi:

– Nam mô A di đà Phật! Quý hóa quá. Xa xôi thế mà quan tham cũng chịu khó sang thăm.

Nói chuyện một lát, sư ông quay lại bảo Lan:

– Chú xuống nhà xem cơm nước chú Quì chú ấy sửa soạn có ăn được không.

Ngọc vội đỡ lời:

– Thôi, sư ông cho chúng tôi về kẻo tối.

– Không được. Chả mấy khi quan đến vãn cảnh bản am, thế nào cũng phải mời quan xơi bữa cơm chay. Lúc khác thì thực không dám giữ quan ở lại vì cơm nhà chùa muối dưa thanh đạm chả có gì. Nhưng hôm nay vừa có bà Cửu biếu mâm cỗ chay, nên mới dám mời quan...

Ngọc nhìn Lan, hỏi:

– Sư ông cho ăn cơm, chú nghĩ sao?

Lan ngượng nghịu, mãi mới ấp úng trả lời:

– Thưa quan, sư ông tôi đã có lòng quí mến giữ quan lại xơi cơm thì quan nên nhận lời, giời cũng hãy còn sớm.

Ngọc thấy Lan gọi mình là quan thì không nhịn được cười, khiến sư ông ngơ ngác nhìn không hiểu. Rồi sư ông cũng tủm tỉm cười, cho rằng cánh tây học họ vẫn trẻ con như thế.

Một lúc lâu chú Quì bưng lên một cái mâm gỗ vuông sơn son trong có hai bát nấu, có giò, chả nem trông rất long trọng.

Ngọc và sư ông ngồi xuống ghế ngựa sắp sửa cầm đũa thì bỗng trời tối ập lại, gió thổi dữ dội, mây đen kéo đến rất mau, cát sỏi bay tứ tung. Sư ông vội đứng dậy cùng hai chú tiểu đóng hết các cửa lại, rồi thắp đèn lên: trông nhà trai như ở vào trong cảnh ban đêm vậy.

Bên ngoài gió thổi càng mạnh, rồi mưa đổ xuống như trút nước. Gió mưa sấm sét ầm ầm tựa hồ như trời long đất lở, át cả câu chuyện của Ngọc và sư ông. Chú Lan đứng hầu cơm, ngắm hai người nói chuyện tưởng tượng như họ nói thầm với nhau.

Cơm nước xong, trời đã nhá nhem tối, mưa vẫn không ngớt. Lúc bấy giờ sư ông ở nhà Tổ đi vòng hiên, thân hành cầm lên một cây đèn dầu tây, và nói với Ngọc rằng:

– Chả mấy khi quan tham lên chơi, trời lại đổ mưa xuống để giữ hộ, thực là may mắn cho bần tăng quá. Thôi xin mời quan đi nghỉ để mai dậy sớm về Long Giáng cho mát.

Rồi quay lại bảo Lan:

– Chú Lan làm ơn sang phòng khách bên cạnh giải chiếu và bỏ màn để quan tham đi nghỉ.

Lan vâng lời vào buồng sửa soạn, còn Ngọc thì chỉ thở dài nhìn trời.

Mãi đến khuya mới tạnh.

Cả chùa đã yên giấc, mà Ngọc và Lan vẫn ngồi thơ thẩn ở hiên nhà trai, buồn rầu nghĩ ngợi.

Da trời như giội lượt nước, trong vắt một màu. Trăng thượng tuần như chiếc bánh bẻ treo lủng lẳng trên đồi. Những vũng nước đọng ở sân phản chiếu ánh trăng lấp lánh như những mảnh gương lớn.

Thốt nhiên, Ngọc hỏi Lan :

– Chú có buồn không?

– Thưa ông, không! Tôi không buồn chi hết.

– Còn tôi thì tôi buồn lắm, buồn vơ buồn vẩn như nhớ ai, nhớ vơ vẩn. Có lẽ vì tôi xa cách chùa của chúng ta chăng?

Dưới ánh trăng, hai người ngồi cạnh nhau...

Lan rùng mình. Ngọc lại nói:

– Chú ạ, cái cảnh xa lạ gợi tâm trí tôi những tư tưởng đặc biệt, chia rẽ... Khiến tôi nghĩ tới ngày tôi phải rời chùa, phải xa chú.

Lan im lặng, hé cặp môi cười với bóng trăng trong. Một con cóc nhảy vào vũng nước.

Lan giật mình đứng dậy bảo Ngọc:

– Thôi, mời ông đi nghỉ.

Ngọc cũng đứng dậy nhìn quanh mình không có ai, từ nhà trai đến nhà Tổ im phắc như tờ.

Chàng liền như điên cuồng, nắm lấy tay Lan.

– Ừ, phải đấy. Chúng ta đi ngủ, mai dậy sớm chắc hết buồn.

Lan tuy sợ hãi, nhưng cố làm cho ra vẻ bình tĩnh, thong thả nói:

– Vâng, mời ông vào buồng an nghỉ. Tôi xin ngủ ở ngoài nhà trai này.

– Vẽ! Đi có hai người, ở nơi xa lạ, nằm cả một giường nói chuyện cho vui, ngủ ở ngoài muỗi nó tha đi.

– Thưa ông, không tiện, sư ông biết ngài quở chết.

Lúc ấy hai người tới chỗ có ánh trăng. Lan liếc mắt nhìn nét mặt Ngọc thấy dữ tợn lắm, kinh hoảng giựt tay toan chạy, chẳng may Ngọc nắm chặt quá, vì thế người lôi đi, kẻ lôi lại, áo dài áo ngắn của Lan đều tuột cúc trễ vạt ra. Ngọc bỗng kêu rú lên một tiếng, buông tay Lan ra. Chàng vừa thoáng trông thấy ngực Lan quấn vải nâu.

Lan đứng lại thở, cười gượng:

– Gớm, quan trẻ con quá. Làm gì mà lôi kéo kẻ tu hành này thế?

Ngọc hối hận, cố trấn tĩnh, cũng vờ làm như không biết gì trả lời rằng:

– Chú cũng trẻ con quá. Cứ gọi mãi người ta là quan. Nhưng thôi, đừng đùa nữa, ta đi ngủ chẳng khuya quá rồi.

– Vâng, xin mời ông đi nghỉ trước, tôi xuống qua nhà dưới dặn chú Quì một điều.

Miệng nói chân đi. Lan vùn vụt xuống sân.

Ngọc ngồi chờ Lan nóng lòng sốt ruột mong ngóng. Vào khoảng mười lăm phút sau, vẫn không thấy Lan trở lại. Ngọc liền cũng xuống sân theo lối Lan đi ban nãy, lang thang tới một cái cổng chống. Nghĩ lẩn mẩn thế nào, chàng cúi xuống nhìn, thì cái chốt có dây buộc rời ra ngoài, mà cả cái cây tre dùng để chống cũng không đặt vào cọc. Nhìn tới cánh cổng rào khô thì quả là ai vừa lách để ra ngoài.

Ngọc không còn ngờ gì nữa: Lan sợ hãi vừa đi trốn. Lúc bấy giờ chàng hối hận vô cùng, nói một mình: "Đồ, cố tìm cho biết hắn là gái, phỏng có lợi ích gì? Để vậy còn thú chứ thế này thì không biết chừng... Không biết sao mình lúc ấy lại hung tợn đến thế? Thôi mỗi cái ta theo giữ hắn ở lại, thề với hắn rằng giữ bí mật cho hắn rồi mai về Hà Nội, cố quên câu chuyện, câu chuyện cảm động... đau đớn".

Bóng trăng đã xế về tây, chiếu ánh lờ mờ. Các cây cỏ hãy còn đầm đìa nước mưa ban chiều.

Những đồi xa, trông như đàn rùa khổng lồ nằm vọng nguyệt. Nhưng Ngọc chẳng nghĩ gì tới phong cảnh, cứ cắm cổ bước mau như một tên ăn trộm sợ có người đuổi, đi trốn.

Đi một quãng dài, Ngọc nhìn đằng trước mặt ngay trên đỉnh một

cái đồi, thấp thoáng có bóng người in lên da trời. Chàng chắc chắn lắm rồi, cắm đầu chạy một mạch tới ngọn đồi. Quả thật cái bóng ấy là Lan. Lan nghe có tiếng người chạy thình thịch sau lưng, ngoái cổ lại gặp Ngọc thì kêu rú lên một tiếng, rồi ngất người ngã gục xuống gốc cây thông bên đường, Ngọc vội quỳ xuống nâng dậy mà ngọt ngào nói rằng:

– Lan không sợ, tôi xin viện lòng từ bi của đức Quan Âm, tôi xin thề với Lan rằng tôi không phải là hạng gió giăng bậy bạ. Lan tỉnh dậy, tôi nói câu chuyện, rồi mai tôi xin từ biệt Lan, tôi về Hà Nội.

Lan mở bừng mắt nhìn, dơm dớm hai giọt lệ lấp lánh dưới ánh trăng.

Ngọc lại nói đùa:

– Thôi, xin ni cô tha cho.

Lan lúc ấy đã tỉnh hẳn, ngồi dậy lau nước mắt mà rằng:

– Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể lộ tâm can cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này ra mà thôi.

Ngọc thở dài.

– Thưa ni cô, ni cô không ngại. Tôi xin thú thực với ni cô rằng tôi yêu ni cô, tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai. Ni cô là một người thông minh dĩnh ngộ, xinh đẹp như thế thì ai lại không yêu được... mà lạy Phật tha thứ cho, có lẽ ni cô cũng đôi lần cảm động...

Ngọc vừa nói vừa nhìn Lan, Lan nức nở mà rằng:

– Tôi chỉ còn... có một cái chết. Nếu tôi có thể thổ lộ can trường cho ông biết vì sao tôi phải cải trang, vì sao tôi phải quy y đầu Phật. Nhưng sự bí mật ấy, thì tôi xin nhất định sống để dạ chết mang đi.

– Ni cô chả nên nghĩ ngợi. Ni cô nên coi tôi là một người bạn thành thực có thể vì ni cô hy sinh hết mọi sự, cho đến cả hạnh phúc của tôi, cho đến cả tấm ái tình của tôi, tấm ái tình có lẽ tuyệt vọng của tôi.

– Vâng, nếu ông có lòng quân tử như thế thì còn gì sung sướng cho tôi hơn nữa. Phải biết hy sinh thì đời ta mới có nghĩa cao thượng.

– Thưa, ni cô...

tìm phương giải thoát cho nhân loại. Vậy xin ông, cũng vì bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế thì ông sẽ cứu sống được một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời, chỉ có lòng bác ái là đáng kể.

Ngọc ngẫm nghĩ rồi quả quyết nói rằng:

– Vâng, tôi xin thuận theo những lời vàng ngọc của chú. Vậy bây giờ muốn tránh khỏi sự ngờ vực thì ta trở lại Long Vân. Tôi xin cam đoan rằng ngoài tôi ra không ai có thể rõ được sự bí mật của chú.

Hai người yên lặng cùng trở lại chùa. Đêm chìm đắm vào trong cõi hư vô tịch mịch.

Tiếng các côn trùng ri ri dưới cỏ liên miên không dứt càng làm rõ rệt sự yên lặng của một cảnh đồi hoang vắng.

Ngọc bỗng giật mình quay lại. Chàng vừa nghe thấy một tiếng thở dài, mà trong lúc mơ màng, chàng tưởng tượng ra một làn hơi nhẹ ở sườn đồi sương ướt bốc lên. Nhưng sau lưng chàng, Lan vẫn dịu dàng đều đều đặt bước, như bộ máy êm lặng nhẹ nhàng.

Về tới chùa Ngọc rón rén vào buồng, còn Lan thì ngồi tựa án phòng trai, băn khoăn suốt đêm không ngủ, ngổn ngang trăm mối bên lòng...

VII

Trên sườn đồi, nhìn về phía tây, nương chè nằm phơi dưới ánh nắng gay gắt mùa hè. Sau trận mưa hôm qua, các lá sạch hết bụi, như có người lấy khăn lau đi một lượt, lóng lánh phản chiếu ánh thái dương, bóng nhoáng tựa trăm nghìn chiếc kính bầu dục.

Dựa lưng vào một cây chè cỗi, cành lá rườm rà, bên cạnh một cái rổ không, Lan ngồi ngẫm nghĩ đến những sự xảy ra từ tối hôm qua, vẻ lo buồn in trên nét mặt rầu rầu. Lan đăm đăm nhìn trời, lâm râm khấn cùng Phật Tổ xin ngài xuống cứu vớt tấm linh hồn sắp đắm đuối. Bỗng có tiếng động bên mình, Lan giật mình quay lại: con vành khuyên đương lách tách nhảy trên cành lá rậm. Lan mỉm cười ngắm nghía con chim con xinh xắn mướt lông rồi giơ bàn tay ra vẫy. Con chim kinh sợ bay vụt, tiếng sột soạt trong đám lá, Lan thở dài, nói một mình:

– Trốn, thế nào cũng phải trốn.

Sáng hôm ấy ở chùa Long Vân về, hai người cùng nhau chỉ trao đổi một vài câu vơ vẩn. Lan chưa hiểu ý bạn định sẽ xử trí ra sao, chả biết có về Hà Nội ngay như lời bạn đã hứa không? Ngọc có lòng quân tử, nhưng đứng trước thần Ái tình, bạn có giữ mãi được lòng quân tử ấy không? Hay là sự bí mật kia cũng bị phá? Cái đó cũng chưa biết chừng. Lòng người, ai hiểu được lòng người?

Lan liếc mắt ngắm phong cảnh quanh mình, lòng hoài nghi man mác đến cả cỏ, cây, mây nước. Cúi nhìn dòng *nước bạc lấp lánh* dưới chân đồi quanh co uốn khúc, rì rì lướt giữa dọc cát vàng; trong cảnh êm đềm ấy biết đâu không ẩn núp những loài rắn độc hại người. Cho chí đám mây dịu dàng theo chiều gió thổi, làn khói lờ đờ bay, lẫn lá xanh, biết đâu không trở nên cái sức mạnh phá phách của con tạo vô tình...

Vô tình, luồng gió sẽ thoảng động cánh chè như tiếng phản thanh của ý nghĩ. Lan mỉm cười nói một mình: Vô tình! Ước gì ta được vô tình như vạn vật vô tri vô giác!

Tư tưởng của Lan lúc đó lại rời bỏ cảnh ngoại vật mà thu vào trong tâm trí. Những lý thuyết tứ diệu đề, thập nhị nhân duyên, hoặc là cái đời cao thượng của Phật Tổ lộn xộn trong trí nhớ của Lan.

Rồi nghĩ sự nọ nhảy sang sự kia, Lan lại ôn tới cái đời ký vãng. Lan con nhà dòng dõi, bẩm tính thông minh, thủa nhỏ được theo học chữ Nho. Ông thầy học lại là người mộ đạo Phật, thường đem Phật giáo ra giảng, khiến Lan yêu mến cái đạo rất dịu dàng, êm ái kia. Rồi cha mẹ Lan mất. Lan ở với chú, chú muốn ép gả Lan vào nơi phú quý. Linh hồn trong sạch của Lan đã tiêm nhiễm những tư tưởng cao thượng của Phật giáo, cho sự ấy là nhỏ nhen. Nhất là Lan lại nhớ tới lời thề cùng mẹ trong khi mẹ hấp hối. Lan liền bỏ nhà đi trốn, cải nam trang đến thụ giới tại chùa Long Giáng. Lan khôn khéo bỏ lại nhiều tang vật trên bờ sông, khiến nhà yên trí rằng Lan đã tự vẫn.

Nương náu cửa từ bi hơn hai năm nay, được sư Tổ quý mến truyền giáo đạo Phật, dốc lòng ngày đêm dùi mài kinh kệ, đã tưởng rứt bỏ được trần duyên. Ai ngờ...

Lan giật mình ngước mắt ngơ ngác nhìn. Trên cành cây chầu, con chim gáy đương gật đầu xù lông cổ, gù ở bên con chim mái. Lan nhắm mắt rồi quay đi nơi khác, thì kia, trên cành xoan khô

khan, hai con quạ khoang đương rỉa lông cho nhau. Lan lại nhắm mắt, thở dài, cuống quít như bị vây vào trong cảnh chết mà khó tìm được lối ra: "Ước gì ông ấy đi...".

Bỗng có tiếng chú Mộc gọi ở chân đồi:

– Chú Lan!

Lan sợ hãi đứng phắt dậy vội đáp:

– Cái gì đấy chú?

Chú Mộc vẫn đứng ở chân đồi nói lên:

– cụ cho tìm chú đấy!

– Tôi về đây, chú cứ về trước đi.

Lan vội vàng hái chè đầy rổ, rồi hấp tấp xuống đồi trở về chùa, đi thẳng vào buồng kho đóng cửa ngồi vào một xó, như sợ ai. Sau, vì ở mãi ngoài nắng nên thấy rức đầu, Lan vừa ngả lưng xuống giường đã thiu thiu ngủ lúc nào không biết.

Tiếng chuông chiều đánh thức Lan dậy. Mở bừng mắt trông ra sân, Lan thấy trời đã nhá nhem tối. Chợt nhớ đến giờ làm đèn, nghĩa là đèn ở buồng Ngọc, vì ở nhà Tổ chỉ thắp có ngọn đèn dầu lạc, Lan lo sợ, run lẩy bẩy bước vào nhưng may không thấy ai lên tiếng, Lan liền cầm vội cây đèn búp măng đem xuống bếp rót dầu.

Khi mang đèn lên, ánh sáng rọi khắp gian buồng con con, Lan liếc mắt nhìn không thấy Ngọc đâu, trong lòng sinh bạo dạn, đứng lại ngắm kỹ các vật: trên bàn trơ trọi cái bếp cồn cùng cái ấm sắt nhẹ. Lỏng chỏng ở trên chiếc giường không màn, quyển Phật giáo và hai ba cuốn tiểu thuyết Tây. Mà cái va li thì không thấy đâu hết.

Lan đứng nhìn quanh ngẫm nghĩ. Bỗng chú hấp tấp chạy xuống nhà ngang hỏi chú Mộc:

– Này chú, ông Ngọc đâu?

– Ông Ngọc về Hà Nội từ sáng ngày kia mà.

Lan hoảng hốt:

– Về lúc nào?

– Lúc chú ở vườn chè. Ông ấy nhắn lời chào chú đấy. Tôi quên bẵng mất.

Lan nhìn vơ vẩn, cặp mắt lờ đờ ngớ ngẩn hỏi:

– Sao lại về Hà Nội?

– Rõ chú lẩn thẩn lắm. Còn ai biết tại sao ông ấy về Hà Nội nữa. Muốn biết thì hỏi ông ấy.

Lan như vẫn không lưu ý đến câu trả lời, nhắc lại câu hỏi:

– Sao lại về Hà Nội? Về Hà Nội rồi à?

– À! Ông Ngọc cho chú quyển sách để ở trên buồng ấy.

– Được, để tôi lên lấy.

Lan nói thế để lấy cớ lên buồng Ngọc. Vào buồng Lan sẽ khép cửa rồi lấy quyển sách mở ra xem, vì Lan chắc thế nào Ngọc về Hà Nội cũng có một vài lời từ biệt. Quả Lan đoán không sai: một tờ giấy viết thư gập trong có mấy hàng vắn tắt:

Giữ lời hứa hôm qua, tôi xin kính chào chú ở lại tu cho thành chánh quả... Chú có còn tưởng nhớ tới tôi là người bạn khốn khổ này, thì xin chú cầu nguyện cho linh hồn tôi chóng được lên cõi Nát Bàn.

Lan cầm mảnh giấy ghé gần đèn đọc đi đọc lại ba, bốn lượt, rồi tắc lưỡi, cuộn nhỏ lại thò vào trong thông phong châm lửa đốt. Nét mặt rầu rầu Lan nhìn ngọn lửa cháy cho đến khi tờ giấy thành than.

Bỗng Lan ngồi phịch xuống giường, lấy tay bưng mặt khóc nức nở không ra tiếng. Nỗi sầu khổ trong lòng theo hai hàng lệ dần dần tiêu tán, Lan thấy đỡ thổn thức, tim bớt đập mạnh, rồi Lan như người sực tỉnh:

– Thôi, ta điên mất rồi! Chẳng lẽ...

Lan đứng phắt dậy, tắt đèn rồi lau nước mắt quả quyết lên chùa trên, vừa đi vừa lẩm bẩm:

"Quên, phải quên! Lời thề trước linh hồn mẹ ta, ta hãy còn nhớ đinh ninh trong trí. Đó là cái bùa để trừ bỏ những sự cám dỗ của cái tình nhỏ nhen ở nơi dương thế".

Nhưng con người ta vẫn thế. Bao giờ cũng nghĩ trái với sự thực. Một người hay do dự, luôn luôn nghĩ tới sự quả quyết, hoặc nói mình phải quả quyết; người rút rát sợ ma, đêm đi đường vắng một mình thường hay huýt sáo làm ra bộ mạnh bạo lắm, nhưng kỳ thực trong lòng lo sợ, chân tay run lẩy bẩy. Lan cũng vậy, luôn mồm nói phải quên. Nhưng đó chỉ là cái triệu chứng của sự nhớ.

Thật ra cái tình mà Lan cố tưởng tượng là nhỏ nhen, nó to tát,

nó đầy rẫy, nó chứa chan khắp linh hồn Lan: câu nói, dáng đi, điệu nhìn, giọng cười, ý nghĩ đều là hình ảnh của ái tình?

Lan lẩm bẩm: "Ta rất có tội với đức Phật Tổ".

Lúc ấy Lan thoáng ngửi thấy mùi trầm. Thì ra lên tới chùa trên từ bao giờ mà Lan không biết vẫn tưởng còn ngồi ở trong buồng Ngọc. Ngước mắt trông lên thấy các tượng thấp thoáng trong bóng đèn tù mù dầu lạc. Tuy không nhìn rõ, nhưng Lan cũng tưởng tượng ra cái vẻ tươi cười, khoan dung mà lãnh đạm của những pho bụt. Từ từ, Lan cúi mặt như người vừa bị quở mắng, rồi rón rén tới bục gỗ quỳ xuống thì thầm khấn khứa.

VIII

Chùa Long Giáng vắng Ngọc như thiếu hẳn vẻ hoạt động. Một tháng Ngọc ở chùa đã làm biến cải hẳn cái sinh hoạt của mấy người tu hành. Sư cụ, trước kia ngoài giờ tụng kinh, niệm Phật thường chỉ tĩnh tọa để trầm tư mặc tưởng đến những vấn đề giải thoát linh hồn. Chú Mộc ngoài việc dọn dẹp, quét tước, rót nước, bưng cơm, chỉ ngồi lỳ ở nhà ngang chuyện trò cùng ông Thiện và bà Hộ. Còn chú Lan thì ngày đêm chỉ biết chăm nom mọi việc trên chùa, thắp nhang, đốt đèn, thỉnh chuông và học tập kinh kệ. Các công việc nhắc lại hàng ngày đã khiến năm linh hồn kia trở nên năm cái máy, giờ nào làm việc nào, ngày ngày, tháng tháng, năm năm, không hề thay đổi.

Từ ngày có Ngọc ở chùa thì năm bộ máy khi nhanh khi chậm sai lạc nhiều. Tuy công việc chỉ có thế, song những giờ tĩnh tọa của Sư cụ nhiều lần đã đổi thành những giờ nói chuyện về đạo Phật, về sự tích. Sư cụ bản tính thâm trầm nghiêm khắc, mà nhiều lần phải phì cười về những câu hỏi ngớ ngẩn, những ý tưởng ngộ nghĩnh của Ngọc.

Nhất là khi có chú Lan đứng hầu bên cạnh thì Ngọc lại càng thấy phấn khởi tâm trí, mà cuộc đàm luận càng có vẻ náo nhiệt lắm. Những thuyết về thái tây, những tư tưởng triết lý của Ngọc không thể lọt tai nhà tu hành được, nhất là Ngọc lại đem những ý tưởng trong các sách của phái Tiểu thừa mà bàn tới đạo Phật ở nước ta theo về phái Đại thừa, thì thực hai bên không bao giờ hợp

ý nhau. Có những cuộc đàm đạo ấy, nên trong lòng sư cụ thấy vui vui và cụ chỉ lo tới ngày cùng Ngọc biệt ly.

Đến cả bà Hộ, ông Thiện, chú Mộc trong khi có Ngọc cũng thấy bận suốt ngày, nhưng tuy bận bịu, rộn rịp hơn xưa mà vẫn lấy làm vui vẻ. Nào hai bữa cơm sửa sang cho lịch sự, nào hầu hạ pha nước lấy thau. Nhất là chú Mộc thấy Ngọc tính rất dễ dãi vui đùa lại hay lên chuyện gẫu lắm.

Nay Ngọc về Hà Nội, năm người đều thấy những công việc hàng ngày buồn tẻ. Mấy cái máy uể oải nay lại càng uể oải hơn xưa.

Nhưng người buồn tẻ nhất là chú Lan.

Ba, bốn ngày sau khi Ngọc đi, chú chẳng thiết làm gì, chẳng muốn ăn uống gì. Đến nỗi sư cụ và chú Mộc cũng lấy làm lạ rằng cái tình bằng hữu của chú đối với Ngọc không ngờ thân mật đến thế.

Chiều hôm ấy, mặt trời đã lặn sau rặng đồi tây, Lan còn thơ thẩn trên vườn sắn sau chùa. Ngồi trên bó cành lẫn lá để ngổn ngang chưa buộc, cặp mắt lờ đờ nhìn về phía xa xa, linh hồn Lan như đương theo đám mây phản chiếu sắc hồng của vừng thái dương mà bay về nơi hư vô tĩnh mịch. Lan thở dài, buột mồm thong thả nói: “Nát bàn! Bồng lai!”.

Hai ý tưởng “tôn giáo” và “ái tình” hình như đương công kích nhau ở trong tâm trí.

Bỗng Lan giật mình tỉnh bừng giấc mộng. Tiếng chuông như cất giọng vỗ về, an ủi, dỗ dành. Lan mỉm cười lẩm bẩm: “Thế nào cũng phải lánh xa nơi trần tục”!

Tiếng chuông đổ hồi như vui mừng cười khanh khách vì đã giải thoát được linh hồn Lan.

Lan cũng cười tiếp theo hồi chuông, tiếng cười lanh lảnh trong làn không khí yên lặng dưới ánh lù mù thảm đạm buổi chiều tà.

Ánh sáng trong vắt của vầng thái dương tháng chạp, chiếu qua rặng lim um tùm. Mấy cây chẩu chung quanh vườn sắn xơ xác cành khô. Luồng gió thoảng qua, lá vàng rơi lác đác...

Lan ngồi sưởi dưới ánh nắng, thì thầm đọc kinh, thỉnh thoảng lại đặt quyển sách xuống ngơ ngác nhìn. Tiếng lá rụng trên vườn sắn như có mãnh lực gì khiến Lan ôn lại những mẩu đời dĩ vãng, Lan nhắm mắt trong trí lại tưởng tượng ra cái cảnh lá rụng khi đi sang

chùa Long Vân, cái cảnh bên bờ suối mấy gốc thông già, chiều hiu hắt, lá thông khô, theo dòng suối trôi đi...

Lá rụng!

Từ đó đến nay đã qua sáu tháng, Lan trải bao sự buồn, nhớ, mừng lo.

Trong khoảng mười hôm đầu, Lan ủ rũ âu sầu. Rồi dần dần ngày đêm vui đạo Phật lòng cũng nguôi nguôi.

Tuy khi đêm khuya thức giấc, khi chiều tà gió thổi, khi trăng mọc đầu non, hình ảnh người bạn cũng còn phảng phất trong tâm trí, nhưng đạo từ bi vẫn thắng nổi được ái tình. Chỉ ít lâu là ảnh ai đã mờ hẳn trong trí nghĩ. Rồi sự buồn, nhớ đổi ra mừng vui. Trong lòng, Lan hớn hở rằng đã qua được một bước khó khăn trên con đường tu hành.

Lá rụng!

Tiếng lá tí tách bên bờ rào khô bỗng gợi đến chuyện cũ đã hầu quên. Lan nghĩ mà lo một ngày kia sự bí mật của mình sẽ bị phá. Biết đâu trong lúc vui anh em chàng chẳng thuật câu chuyện gặp gỡ. Nếu chàng quên, nhưng nào chàng có quên được. Đã một lần chàng đi xe đạp đến gần chùa, ngồi nghỉ ở quán một lúc rồi lại quay xe trở về Bắc. Tuy Lan cho là Lan trông lầm, nhưng tâm trí Lan vẫn thì thầm với Lan rằng đó là chuyện thực mà Lan cũng muốn đó là chuyện thực.

Mặt trời đã xế về tây. Luồng gió lạnh thổi, Lan rùng mình ngơ ngác, nhìn quanh như sợ có người đứng nghe trộm được những ý bất chính của mình, Lan cố không tư tưởng nữa muốn theo gương sư cụ ngồi tĩnh tọa để tìm chân lý.

Bỗng có tiếng sột soạt ở sau lưng, Lan giật mình quay lại. Ngọc đương rón rén đi tới.

Lan mừng quýnh thốt nhiên kêu rú lên:

– Ông Ngọc!

Ngọc mỉm cười không trả lời. Lan sực tỉnh, bẽn lẽn, trách bạn:

– Ông đã hứa với tôi rằng ông quên, sao ông còn lên?

Ngọc mỉm cười trả lời:

– Tôi vẫn cố quên, nhưng nào có quên được!

Rồi Ngọc buồn rầu kể lể:

– Nếu chú thấu nỗi đau đớn khổ sở của tôi, thì chú cũng sẵn lòng tha thứ cho tôi.

Lan nghiêm sắc mặt:

– Tôi đâu dám.

Rồi nói lảng:

– Mời ông hãy vào chùa chào cụ, cụ nhắc tới ông luôn và nhớ ông lắm.

Ngọc vội gạt:

– Không, không. Tôi không lên thăm cụ đâu. Tôi chỉ lên đây thăm chú một lát rồi lại về ngay bây giờ.

Lan đỏ bừng mặt, Ngọc tưởng Lan xấu hổ:

– Tôi lên thăm chú, vẫn biết đối với lời hứa, đối với lời thề, tôi rất có lỗi, mà nhất là đối với sự tu hành của chú, tôi rất là người có tội. Nhưng chắc Phật Tổ cũng thấu lòng chân thành, rõ nỗi đau đớn của tôi mà xá tội cho tôi.

Lan, con mắt lờ đờ nhìn về phía xa:

– Nhưng giời gần tối rồi, ông về bằng gì?

– Tôi về bằng xe đạp. Xe tôi để tựa ngoài hàng rào kia.

– Nhưng từ đây về Bắc cũng đã xa rồi, lại còn từ Bắc về tới Hà Nội, ông đạp sao nổi?

– Cũng phải nổi. Lần này là thứ ba rồi, hai lần trước tôi cũng đã lên nhưng lại về ngay, sợ không dám vào thăm chú.

Lan lạnh lùng đáp:

– Giá lần này ông cũng về ngay thì phải.

Ngọc không để ý đến câu trả lời của Lan, lại gần đứng tựa vào cây chẩu, ngay chỗ Lan ngồi nhìn Lan, không nói.

Lá rụng!

Lan giật mình bảo bạn:

– Nhỡ cụ biết...

Ngọc vẫn nhìn Lan, đôi mắt âu yếm nồng nàn:

– Cụ biết thì ta thú tội với cụ là cùng chứ gì.

Lan cười nhạt nói:

– Tôi tưởng ông là bậc quân tử đáng kính, đáng tôn, ai ngờ thấm thoát mới sáu tháng giời, ông đã quên lời thề rồi.

Ngọc nghiêm nét mặt trả lời:

– Chỉ vì tôi không quên được lời thề, nên tôi mới khổ tâm thế này. Bản tính của con người là quên. Nếu tôi quên được hết, quên lời thề, quên cái đêm trăng rõi trên đồi, quên lời ăn tiếng nói của chú, quên sự gặp gỡ của đôi ta, quên chú, quên hết, thì đâu đến nỗi... nhưng trái lại, tôi nhớ, tôi tưởng tượng như mọi sự kia mới xẩy ra hôm qua, nào phải chăng tôi sống trong cảnh mộng?

Lan ngồi nghe, cặp môi hơi hé mỉm cười, mắt lim dim như đương thiu thiu trong giấc mộng.

Ngọc nói, lời nói rầu rầu, se sẽ như người ru em.

Mặt trời đã gần lặn sau đồi, mặt trời lạnh lẽo mùa đông. Gió chiều thoảng qua.

Lá rụng!

Lan mở bừng mắt, thở dài.

– Không, không bao giờ thế.

Ngọc vẫn như người mê man, nói luôn:

– Phải, nào phải chăng tôi sống trong cảnh mộng, sáu tháng tôi ở xa chú, tôi coi như sáu năm.

Lan nói:

– Ông điên mất rồi, ông tha lỗi cho tôi nhưng thực ông điên mất rồi, ông nên cưỡi xe đạp trở về ngay không cụ biết thì sự bí mật đều tiết lộ mất, vì ông điên mất rồi.

Ngọc cười gần:

– Tôi về ngay bây giờ, nhưng tôi xin thú thực với chú rằng không bao giờ trí tôi lại sáng suốt như bây giờ, những lời tôi nói với chú, tôi nguyện có Phật Tổ chứng minh thật là tận tâm can mà ra. Tôi vẫn biết lòng chân thành của tôi không thể cảm được linh hồn chú, nên nay tôi chỉ lên từ biệt chú lần cuối cùng mà thôi, từ nay kẻ bắc người nam, xin không gặp mặt nhau nữa.

Lan hai tay bưng mặt, nước mắt dàn dụa ướt cả vạt áo. Lan cố giữ tâm hồn lãnh đạm, nhưng chỉ giữ được đến thế.

Ngọc vội cúi xuống đỡ tay Lan, kêu van:

– Ngọc xin lỗi Lan. Đấy, Lan nghĩ xem, Lan có thể không yêu Ngọc được đâu. Cặp linh hồn ta như một điệu âm nhạc, không cảm động nhau sao được.

Dưới chân đồi, mấy đứa trẻ mục đồng cưỡi trâu về chuồng cười đùa vui vẻ, trên cây chẩu đàn chim sẻ đuổi nhau tiếng kêu chiếp chiếp.

Lá rụng!

Lan đứng phắt dậy, sẽ ẩy bạn ra:

– Không bao giờ thế được!

Ngọc lắc đầu thở dài:

– Tôi thương hại chú quá. Tôi cũng đáng thương nhưng chú còn đáng thương gấp trăm gấp nghìn lần. Linh hồn chú bị ái tình và tôn giáo, hai bên lôi kéo, mà lạy trời, lạy Phật, hai cái mãnh lực ấy lại tương đương nên tâm trí chú càng bị thắt chặt vào hai tròng.

Lan nhíu đôi lông mày lùi lại một bước:

– Thôi, ông đừng nói nữa, mỗi lời nói của ông như đốt, như xé ruột gan kẻ tu hành này. Ông nên về ngay đi.

Ngọc dịu dàng :

– Vâng thì tôi về. Xin kính chào chú ở lại nhé !

Nói xong, Ngọc quay đi. Lan ngồi phịch xuống bưng mặt khóc. Ngọc trở lại, yên lặng đứng ngắm Lan.

Mặt trời đã lặn sau dãy đồi tây. Vạn vật nhuộm mầu ảm đạm.

Lá rụng!

Lan mở choàng mắt, ngơ ngác nhìn. Rồi mỉm cười :

– Ông vẫn chưa về?

– Lan ơi! Lan đuổi Ngọc về mà Lan vẫn mừng rằng Ngọc còn ở lại. Trí Lan đi một đằng, tâm Lan đi một lối. Ngọc thương Lan. Ngọc muốn hy sinh vì Lan, nhưng chẳng biết xử trí ra sao bây giờ.

Lan, con mắt đăm đăm nhìn về phía chùa se sẽ nói:

– Quên! Phải quên!

– Nhưng nào quên được!

– Nếu thế thì chỉ còn một cách bỏ chùa đi trốn.

Lan sợ Ngọc hiểu lầm, nói tiếp theo luôn:

– Bỏ chùa đi trốn đến tu ở một ngôi chùa khác, một ngôi chùa trên thượng du.

Ngọc có vẻ sợ hãi, vội gạt đi:

– Không nên. Nếu Lan đi thì Ngọc sẽ chết khô, chết héo mất. Ngọc chẳng dám mơ màng chi, chỉ ao ước thỉnh thoảng lên chùa nhìn thấy mặt Lan là đủ rồi. Vậy xin Lan cứ ở lại đây tu hành, rồi ngày Ngọc được nghỉ, cho phép Ngọc phóng xe đạp lên chùa thăm Lan. Lan có ưng như thế không?

Lan mỉm cười :

– Nếu được mãi như thế?

– Tôi xin thề với Lan rằng tôi giữ được mãi như thế. Tôi viện Phật Tổ tôi thề với Lan rằng suốt trong đời tôi, tôi sẽ chân thành thờ ở trong tâm trí, cái linh hồn dịu dàng của Lan.

– Thế nghĩa là thế nào?

– Nghĩa là suốt đời tôi, tôi không lấy ai, chỉ sống trong cái thế giới mộng ảo của ái tình lý tưởng, của ái tình bất vong bất diệt.

Lan hai dòng nước mắt đầm đìa, dịu dàng bảo bạn:

– Không được. Còn gia đình của ông?

Ngọc lạnh lùng:

– Gia đình! Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình tôi là... hai linh hồn của đôi ta, ẩn núp dưới bóng từ bi Phật Tổ.

Lan tươi cười, ôn tồn bảo bạn;

– Tôi không ngờ Phật giáo đã cảm hóa ông được sâu xa đến thế. Giá tấm lòng của đôi ta cũng được cảm hóa như thế?

Ngọc vui vẻ:

– Âu là một luật chung của vạn vật, mà là bản tính của Phật giáo. Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng. Phật giáo cũng chẳng cấm đoán đôi ta yêu nhau như thế.

Lan đưa vạt áo lau nước mắt:

– Tôi hiểu ông lắm rồi. Vậy xin ông trở về thôi, kẻo trời đã sắp tối.

Ngọc vui cười:

– Thôi thế chào Lan ở lại nhé. Ngày khác sẽ gặp nhau...

Lan có vẻ nghĩ ngợi nhìn Ngọc, mỉm cười không nói gì, sẽ gật.

Ngọc từ giã Lan, dắt xe đạp xuống đồi.

Bây giờ sắc trời dìu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thong thả sắp rơi vào quãng êm đềm tịch mịch.

Lan đứng chắp tay tụng niệm, con mắt lờ đờ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu...

Lá rụng!

HẾT

An Nam xuất bản cục - 1933

KHÁI HƯNG

NỬA CHỪNG XUÂN

(*Tiểu thuyết*)

PHẦN THỨ NHẤT

Một buổi chiều thứ bảy. Trường Bảo hộ đương ở trong cảnh nhộn nhịp. Tiếng giầy, tiếng guốc qua sân rất huyên náo.

Trong phòng khách nhà trường, cha mẹ học trò ngồi đợi lượt vào phòng ông phó đốc để xin phép cho con ra. Tiếng nói chuyện ồn ào, nào ông hỏi thăm về việc học của con, nào bà mắng con vì bị phạt phải ở lại trong trường. Rồi từng bọn hoặc hai ba, hoặc bốn năm người cùng nhau ra cổng trường gọi xe tay, hay chờ xe điện về phố.

Đứng vơ vẩn bên hàng giậu găng, một cô thiếu nữ vào trạc mười bảy mười tám, chít khăn ngang, vận áo trắng sổ gấu, chân đi guốc, ngơ ngác nhìn sân trường như muốn vào, nhưng còn dùng dằng lo sợ. Nước da cô trắng xanh, quầng mắt đen sâu hoắm càng làm tăng vẻ rực rỡ long lanh của hai con ngươi sáng dịu. Trong cái mặt trái soan, má hơi hóp, môi khô khan, chỉ có hai con mắt là có vẻ hoạt động khác nào như hai ngôi sao lấp lánh sau làn mây mỏng. Thoáng trông cô, cũng biết cô có điều tư lự.

Người canh cổng thấy cô thập thò ra dáng băn khoăn thì lên tiếng hỏi:

– Chị kia muốn gì?

Cô ấp úng:

– Thưa thầy, tôi... tôi...

Bác canh cổng lại quát:

– Cái gì?

– Thưa thầy... không ạ.

– Không thì đi, chứ đứng đó nhìn gì? Hay lại chờ cậu nào đấy? Guốc với ghiếc!

Cô thiếu nữ xấu hổ lui ra mấy bước rồi lại ngần ngừ đứng lại. Lúc bấy giờ, một cậu học trò độ chín mười tuổi, đứng sau hàng giậu vẫy cô. Cô rón rén đến gần, mắt lấm lét nhìn người canh cổng. Qua kẽ giậu, cậu bé nói ra:

– Cô giúp tôi việc này nhé, cô nhé?

Thiếu nữ ngắm cậu bé quần áo lôi thôi, chân tay dây mực thì đoán chắc rằng không phải con nhà giầu có, bỗng đem lòng thương người có lẽ cùng ở trong một cảnh với mình. Cô dịu dàng hỏi:

– Em muốn chị giúp điều gì vậy?

– Chị làm ơn xin phép cho tôi ra.

Cô buồn rầu:

– Nhưng chị xin phép sao được cho em ra?

– Được, chị cứ nhận tôi là em.

Cô thiếu nữ ngẫm nghĩ.

– Vậy xin phép ở đâu, em?

Cậu bé vui vẻ trỏ tay vào tòa nhà bên cạnh cổng:

– Ở phòng giấy ông phó đốc kia kìa.

Cô mỉm cười:

– Nhưng ông phó đốc biết chị nói dối mất.

– Không, mọi khi tôi vẫn nhờ người xin phép như thế đấy.

– Nhưng chị để trở đại tang, thì nhận em là em thế nào được?

Cô thấy cậu bé có ý buồn rầu thì ôn tồn an ủi:

– Thôi em bằng lòng vậy. Nhưng sao mẹ em không đến xin phép cho em?

– Mẹ tôi chết rồi. Còn cha tôi với dì tôi thì chả bao giờ đến xin phép cho tôi ra.

Thiếu nữ nghe câu trả lời, động lòng thương.

Cậu bé thất vọng, toan quay vào thì cô gọi lại nói:

– Bây giờ chị lại nhờ em một việc này nhé: Em có biết anh Dương Huy không?

– Không. Anh ấy học lớp nào?

– Học năm thứ ba.

– Cô muốn hỏi anh ấy à? Bảo bác canh cổng bác ấy tìm cho.

– Anh Huy là em chị. Chị muốn xin phép cho anh ấy ra.

– Vậy thì chị vào buồng ông phó đốc mà xin phép.

Cậu bé nói xong cắm cổ chạy vào trong sân trường.

Cô thiếu nữ liền đánh bạo lại gần người canh cổng nói se sẽ:

– Thưa thầy, tôi muốn xin phép cho em tôi ra.

Bác canh cổng gắt:

– Sao ban nãy hỏi lại bảo không có việc gì? Vậy vào nhà ông phó đốc kia kìa. Mau lên! Sắp hết giờ rồi.

Cô thiếu nữ mừng quýnh, hấp tấp chạy tới chỗ người canh cổng vừa trỏ. Trong phòng khách không còn ai. Cô nhìn trước nhìn sau sợ hãi, không dám lên tiếng, rồi vơ vẩn đứng ngắm những tranh vẽ treo trên tường. Bỗng cô giật mình quay đầu lại, vì vừa nghe có tiếng giầy ở sau lưng. Một người thư ký hất hàm hỏi:

– Đến có việc gì?

Cô cất giọng run run, sẽ đáp lại:

– Bẩm thầy, tôi đến xin phép cho em Huy.

– Cậu Huy học lớp nào?

– Bẩm năm thứ ba.

– Cô là ai?

– Bẩm thầy, tôi là Dương Thị Mai.

Thầy thư ký mỉm cười:

– Không, tôi không cần biết tên tuổi cô, tôi chỉ hỏi cô là bà con gì với cậu Huy mà đến xin phép cho cậu ấy?

– Bẩm thầy, tôi là chị.

– Vậy cô vào đây.

Thầy thư ký đưa Mai vào buồng bên cạnh, trỏ cái ghế bảo ngồi đợi. Ông phó đốc đương viết ở bàn giấy, nghe tiếng thì thào liền ngẩng đầu lên hỏi thầy thư ký. Mai đứng đăm đăm nhìn hai người nói chuyện nhỏ với nhau bằng tiếng Pháp, trong lòng chỉ lo ngay ngáy không xin được phép. Bỗng thầy thư ký gọi Mai lại bảo:

– Quan phó đốc truyền đáng lẽ Dương Huy bị đuổi rồi vì chưa trả tiền ăn tháng giêng và tháng hai, tuy đã hai lần gửi giấy đòi, nhưng quan lớn thương Huy là học trò giỏi trong lớp nên còn dung thứ cho.

Vậy thế nào từ nay đến cuối tháng cũng phải đem tiền đến trả.

Mai ấp úng:

– Bẩm quan lớn thương tình chúng con bồ côi cha mẹ.

– Nhà nước đã miễn cho học phí còn kêu gì nữa? Vậy cô có đem tiền ăn nộp cho cậu Huy đấy không?

– Bẩm quan lớn con xin khất đến cuối tháng.

– Ấy, sai hẹn thì thế nào em cô cũng bị đuổi đấy nhé, hiểu chưa?

– Xin vâng.

– Thế bây giờ cô xin phép cho cậu Huy ra chứ?

– Vâng.

– Sao người thay mặt cha mẹ cậu Huy không đến?

Mai lo sợ, run lập cập không nói ra lời. Ông phó đốc trông thấy, lấy làm thương hại, bảo thầy thư ký:

– Thôi, cho phép người ta.

Thầy thư ký liền quay lại bảo Mai:

– Quan lớn cho phép đấy.

Mai mừng chảy nước mắt, chắp tay vái dài, rồi theo thầy thư ký ra phòng khách. Thầy ra sân bảo một anh chạy giấy đi tìm Dương Huy.

Mươi phút sau, một cậu trẻ tuổi vào phòng, y phục và tướng mạo từa tựa giống Mai. Nhất là cặp mắt sáng quắc của hai người thì thực hệt nhau như đúc, khiến ai mới thoát trông cũng biết ngay hai người thiếu niên ấy là chị em ruột. Gặp chị, Huy mừng quýnh vội kêu:

– Chị!

Mai cũng chạy lại:

– Em!

Rồi hai người đứng sững như nghẹn lời, hai cặp mắt nhìn nhau, nhỏ lệ. Huy cười gượng bảo chị:

– Xa xôi thế mà chị cũng về thăm em được.

– Chị về...

Mai chỉ ứa hai dòng nước mắt không nói nên lời.

Huy an ủi chị:

– Chị chả nên buồn, ở trên đời em có chị, chị có em không đủ vui sao?

Mai mỉm cười:

– Không, chị có buồn đâu, chị gặp em chị mừng quá, chị sung sướng quá. Chị về xin phép cho em ra chơi nhà bác...

Mai nói luôn như để giấu sự cảm động, giấu sự ưu phiền.

– Vậy em đi thay quần áo để ra phố với chị.

– Chị đã...

Huy không dám nói dứt câu. Nhưng Mai trả lời luôn, như đã đoán được tư tưởng của em:

– Đã, chị đã nộp tiền ăn cho em rồi.

Huy có ý không tin:

– Sao chị có tiền? Hay chị lại vay đằng bác Phán đấy?

– Không mà.

– Chị cứ giấu em mãi. Chị còn làm gì ra tiền. Còn như nhờ vả bác Phán thì em không muốn. Bác lương tháng có bảy tám chục mà các anh các chị thì đông. Mình chả nên quấy quả. Vả lại ta phải biết lập thân chứ cứ nương tựa vào họ hàng thân thích thì em lấy làm xấu hổ lắm.

– Nhưng chị có nhờ ai đâu?

– Mà nào có trông cậy vào ai được đâu mà hòng nhờ! Chị không nhớ ngày mẹ mất, bác Phán có giúp đỡ được đồng nào. Lại suốt một năm thầy ốm trước khi qua đời thì họ hàng đã ai cưu mang cho được một xu nhỏ.

– Em kể lể lôi thôi lắm.

– Không phải là em lôi thôi, em chỉ cốt can chị đừng tưởng đến sự nhờ vả bác Phán làm gì. Em học được thế này cũng đã may mắn cho em lắm rồi, mà có lẽ em cũng đủ chữ đi kiếm tiền để nuôi chị, nuôi em. Chị em ta chỉ nên tự lập lấy thân là hơn.

– Không được. Em nghĩ thế thì nhầm to, khi thầy lâm chung, thầy trối trăng những gì em còn nhớ không?

Câu hỏi của chị như gợi sự đau đớn ở trong lòng Huy, như vẽ ra trước mắt Huy một bức tranh bi thảm.

Hồi đó về cuối thu. Cụ Tú Lãm nằm ở giường bệnh, người gầy xọp chỉ còn nắm xương da bọc. Nhất là bộ mặt hốc hác, mắt sâu hoắm, má lõm hẳn xuống chẳng khác gì một cái đầu lâu.

Đêm khuya, gió lạnh vù vù thổi lọt qua khe cửa bức màn. Ngọn đèn dầu hỏa chiếu ánh rung rinh lờ mờ vào những đôi câu đối sơn đen, sơn đỏ treo ở cột ở tường. Sau bức màn the trắng, bài vị bà Tú đặt trên cái ngai sơn son thiếp vàng. Trên bàn thờ bộ thất sự bằng đồng trông ẩn lộ như một tấm hình chụp không được rõ.

Cạnh chiếc hỏa lò, than xoan đỏ ối, lách tách nổ liên thanh. Mai quì bên giường hai tay nắm bàn tay khô khan của cha già, như cố giữ người ốm lại không cho rời sang thế giới bên kia. Còn Huy thì ngồi ở cái ghế gỗ bưng mặt khóc, thỉnh thoảng lại gọi:

– Chị ơi, thầy có việc gì không, chị?

Mai cũng nức nở khóc, không trả lời.

Cụ Tú hơi thở chỉ còn thoi thóp dùng hết sức thừa nắm chặt lấy tay con gái.

Mai biết rằng cụ muốn dặn một lời cuối cùng, liền ghé gần lại hỏi:

– Thưa cha, cha dạy con điều gì?

Huy cũng làm theo chị, đứng dậy cúi đầu gần sát mặt người sắp từ trần, để nhận lấy những lời giáo huấn tối hậu. Cụ Tú sẽ động môi thì thầm:

– Lẽ tất nhiên, ai cũng phải chết. Các con không nên buồn. Lúc nào cũng phải vui thì mới đủ can đảm, đủ nghị lực mà sống ở đời. Hai con nên theo gương cha. Cha vui đến giờ cuối cùng. Cha hy vọng thế nào các con cũng làm vẻ vang cho cha, cho linh hồn cha ở nơi chín suối. Cha hy vọng rằng thế nào em Huy cũng học thành tài và trở nên một người hữu dụng cho xã hội. Cha mất đi chẳng còn của cải gì để lại cho hai con. Cha chỉ có ba thứ gia bảo này ông cha để lại cho cha, nay cha lại truyền cho hai con mà thôi. Là giữ lòng vui, giữ linh hồn trong sạch, và đem hết nghị lực ra làm việc.

Sức cụ Tú chỉ còn được đến thế. Nói dứt mấy câu tâm phúc, cụ thiêm thiếp dần dần.

Bên ngoài, gió vẫn thổi vù vù, hạt mưa lốp đốp trên mái ngói. Văng vẳng ở xóm xa tiếng chó sủa đêm...

Trong khoảng mấy giây đồng hồ cái mẩu đời dĩ vãng chạy qua trí nhớ Huy như bức tranh in loáng trên tấm kính ảnh.

Cậu đứng ngẫm nghĩ. Tiếng chị nhắc lại câu hỏi khiến cậu giật mình ngơ ngác.

– Em còn nhớ không?

Huy se sẽ trả lời:

– Em nhớ... Em nhớ lắm. Em nhớ nên em quả quyết đem hết nghị lực ra làm việc.

– Nghĩa là bây giờ em phải học đã.

Huy thở dài:

– Học? Nhưng tiền?

Mai gượng cười nói cứng cáp:

– Tiền, đã có chị, em đừng lo.

Mai buột mồm nói ra câu đó, rồi chính Mai lại lấy làm lo. Huy như hiểu thấu được ý tưởng của chị, mỉm cười bảo Mai.

– Chị làm như chị có tài quỷ thuật hóa phép ra tiền được. Dồn mấy năm thầy bán buôn thua lỗ, lại tiền thuốc tiền thang, vườn ruộng khánh kiệt, của cải khánh kiệt, chị giấu sao được em?

– Hết vườn ruộng thì ta bán nhà để kiếm ít vốn buôn. Làm gì lại không đủ tiền cho em ăn học. Em cứ yên tâm.

Huy vội gạt:

– Không được, chị ạ. Chị cứ để em thôi học ra xin việc làm ở các nhà buôn còn hơn. Em không muốn vì em mà chị phải ngược xuôi vất vả.

Mai cười:

– Thế thì em nhầm! Chị chỉ muốn vì em đem hết nghị lực ra làm việc như lời thầy dạy đấy thôi.

Lúc bấy giờ có tiếng kẹt cửa. Thầy thư ký ở buồng ông phó đốc bước vào. Hai chị em cùng quay lại. Thầy thư ký cất giọng gắt:

– Chưa về còn đứng đó làm gì thế?

Hai chị em ra đến cổng trường. Huy ngần ngừ bảo chị:

– Hay chị để em ở trong trường thôi.

Mai buồn rầu nhìn em nói:

– Mấy khi chị về thăm em được. Em chịu khó một tý.

Huy có dáng nghĩ ngợi:

– Vâng thì em ra. Lâu nay em không gặp chị, em nhớ lắm. Em chỉ ước ao được cùng chị nói chuyện, nói chuyện thực lâu để ôn

lại cái thời còn nhỏ của chúng ta khi xưa, khi còn thầy mẹ...

Mai nhìn em, cặp mi hơi cau, như muốn bảo em đừng nhắc tới câu chuyện buồn làm gì. Huy nói luôn:

– Nhưng em chỉ sợ...

Thấy Huy ngần ngại không nói dứt câu. Mai tươi cười hỏi:

– Em có điều gì?

– Em trông các anh các chị ấy, em ngượng lắm.

– Việc gì mà em ngượng. Bác Phán đối với thầy tuy là một người anh họ, nhưng chị coi cách cư xử đối với chị em ta cũng ân cần lắm, chỉ vì chả được giầu có gì, nên bác không giúp đỡ được chị em ta trong khi túng bấn đó thôi.

Hai chị em đi bên cạnh nhau trên con đường Quan Thánh nét mặt rầu rầu. Nước da trắng xanh phản chiếu mầu lá xanh của rặng sấu bên đường, lại càng xanh, lại càng lộ vẻ gầy yếu của đôi khổ mặt xương xương. Huy nhìn chị, có ý lo ngại:

– Chị độ rầy gầy lắm.

Mai cười:

– Thì em cũng chẳng béo với ai! Chị tuy gầy nhưng chị còn hơn em. Ai lại con giai mà mới đi một quãng đường đã thở hồng hộc.

Huy có lẽ cốt để chị khỏi buồn nên tươi cười nói:

– Không chị ạ, em vẫn khỏe đấy, chỉ vì sáng nay em uống thuốc tẩy nên hơi mệt đó thôi. Đến mai, em lại mạnh như thường.

Mai sợ hãi, vội hỏi:

– Giời ơi! Sao em phải tẩy thế? Có việc gì không?

– Khổ? Hơi một tý thì chị sợ cuống lên. Người ta tẩy là thường chứ.

Rồi như nói lảng sang chuyện khác, Huy trỏ Hồ Tây bảo chị:

– Chị trông cảnh Hồ Tây lúc mặt trời lặn có đẹp không kìa.

Mai sực nghĩ ra câu chuyện được nghe từ ngày còn nhỏ, nhìn hồ hỏi em:

– Có phải hồ này ăn sang bên Tầu không em?

Huy cười:

– Ngày xưa thì nó sang bên Tầu thực đấy chị ạ, nhưng bây giờ có con đê Yên Phụ ngăn nó với sông Nhị Hà thì nó không ăn sang bên Tầu nữa.

– Nào chị có biết đâu! Chị thấy người ta kể truyện: Đức Khổng Minh Không sang Tầu lấy đồng ở kho về đúc cái chuông khổng lồ. Khi đánh chuông, con hươu vàng nó tưởng tiếng mẹ nó gọi, nó chạy sang ta. Rồi đến đây, khi trước là rừng, nó tìm kiếm mẹ nó không thấy, liền phá phách trũng xuống thành hồ.

Huy bản tính không ưa những sự huyền hoặc. Hễ nghe ai kể những câu chuyện hoang đường thì bao giờ cũng cười vang, cũng chế riễu. Thế mà lần này, nghe câu chuyện hươu vàng của chị, cậu không những không cười, mà lại còn lắng tai, chú ý, và có vẻ cảm động lắm. Cậu lờ đờ đưa mắt nhìn quanh hồ một vòng như theo lối đi của con hươu mất mẹ, rồi khôi hài bảo Mai:

– Vì nó không có chị.

Mai không hiểu, ngơ ngác hỏi:

– Em nói ai?

– Em nói con hươu vàng của chị. Nếu nó còn chị ở trên đời, thì đã chẳng chạy đến tận nơi chân trời để tìm mẹ nó có lẽ đã chết rồi.

Câu nói của Huy khiến Mai sung sướng chảy nước mắt, đứng đăm đăm nhìn em cười mà không nói.

Huy thấy Mai cười thì cũng cười, rồi bảo chị:

– Ta đứng đây chờ xe điện, chị ạ.

– Chúng ta đi bộ có hơn không em? Đỡ được một hào mà lại khỏe người. Ban nãy, từ nhà bác Phán lên trường, chị cũng đi bộ đấy.

– Trời ơi! Chị đi bộ từ phố chợ Hôm lên trường. Sao chị biết đường?

– Bác Phán bảo cứ theo đường xe điện mà đi.

Huy nghe chị nói lấy làm thương hại, ngờ rằng chị trong túi dễ không còn xu nào để đi xe. Cậu liền giả vờ kêu mệt không đi nữa và nói với chị hãy dừng chân ngồi nghỉ ở tam quan đền Chấn Võ. Vẻ lo sợ lộ trên nét mặt Mai. Cô buồn rầu bảo em:

– Có lẽ em phải uống thuốc bổ mới học được.

Huy hối hận rằng đã làm cho chị kinh hãi, liền cười sằng sặc rồi an ủi chị:

– Em đùa đấy! Em không mệt mà cũng không sao cả. Chỉ vì em giàu lắm nên muốn thết chị một cái vé xe điện đó thôi.

Mai cười:

– Em làm gì mà giàu thế?

– Em chả làm gì cả, nhưng em vừa có đồng bạc.

– Ai cho em đấy?

– Một người bạn nghèo hơn chị em mình.

Mai có ý không bằng lòng:

– Sao em lại thế? Đến bác Phán, em còn chả muốn nhờ, mà nay lại nhận tiền của một người bạn nghèo.

– Vâng, chị mắng em rất phải. Nhưng chị hãy để em kể đầu đuôi câu chuyện cho chị nghe đã nào?

– Trong lớp em có một anh tên là Trọng. Anh nghèo nhưng không phải vì anh nghèo mà không ai thèm chơi với anh. Họ xa anh chỉ vì anh là con nhà hèn hạ. Cha mẹ anh làm nghề bán hàng rong...

– Đấy em coi, bán hàng rong mà cũng đủ tiền nuôi con đi học đấy!

– Thưa chị, bán hàng rong thì tất nhiên là nuôi thân cũng chẳng xong... nhưng Trọng có một người chị... Người chị tốt lắm, thương Trọng, yêu quý Trọng như một người mẹ âu yếm con. Thứ năm, chủ nhật nào cũng mang quà bánh vào thăm em. Mà thương hại! Lần nào vào thăm em cũng lẩn lút như kẻ cắp, không dám để ai biết. Ấy chỉ vì người chị mà anh em bạn học không ai thèm chơi với Trọng...

Mai cảm động:

– Khốn nạn? Sao thế em?

– Vì chị Diên – tên chị ấy là Diên... vì chị Diên làm...

Huy ngập ngừng không nói được dứt câu, như không tìm được, hay không dám nói đến tên cái nghề mà Diên đương lăn lóc để kiếm tiền nuôi em ăn học.

Mai đưa vạt áo lên lau nước mắt, trả lời em:

– Thôi! Chị hiểu rồi. Chị chỉ biết cô Diên là một người đáng thương.

– Mà thực thế, chị ạ, chị ấy tốt lắm, không những thương Trọng, mà còn đem lòng thương chung cả những người khốn khổ ở trên đời... Em vẫn cứ ái ngại cho chị ấy là người thông minh, có nhan sắc mà sao lại bị sa vào cái cảnh bùn lầy như vậy. Lần nào chị ấy vào thăm Trọng, Trọng cũng rủ em đến cùng ngồi nói chuyện. Có lần chị Diên chẳng giấu diếm, kể cho em nghe hết những nỗi khổ sở của

một đời giang hồ. Chị ấy kính mến em lắm, còn em thì đối với chị ấy bao giờ cũng chỉ có những lời an ủi.

Mai có dáng nghĩ ngợi, lo lắng:

– Thế năm nay, cô Diên bao nhiêu tuổi?

– Năm nay chị ấy đã ngoài ba mươi, nhưng trang điểm vào trông còn trẻ lắm. Thứ năm trước, chị ấy hớn hở vui cười vào thăm Trọng, em nói đùa: "Hôm nay trông chị trẻ như con gái mười tám" Chị ấy cũng cười, nói đùa lại: "Thế mà chị băm hai rồi đấy!" Chị Diên nói buông lời thì buồn rầu xin lỗi em ngay: "Chết chửa! Cậu tha thứ cho tôi nhé. Lắm lúc tôi điên rồ cứ coi cậu như em Trọng". Em cười, đáp lại: "Thì chị là chị anh Trọng cũng như chị em chứ gì!" Câu trả lời của em khiến chị Diên rơm rớm nước mắt thở dài. Chắc chị ấy tưởng đến lòng khinh bỉ của bọn anh em bạn học của Trọng đối với chị em chị ấy hẳn. Rồi chị ấy mở ví đưa cho Trọng và em mỗi người một đồng bạc, nói để lấy tiền ăn quà. Em từ chối thế nào cũng không được. Lại thêm Trọng cứ nằn nì nói mãi, nên em nể lời phải nhận cho chị em chị ấy vui lòng. Vả xưa kia, em giúp Trọng như thế là thường.

Mai ngồi nghe câu chuyện cảm động, không nói.

Buổi chiều mùa xuân hạt mưa lấm tấm, bao phủ Hồ Tây bát ngát mênh mông. Con thuyền nan của khách chơi xuân rập rờn trên mặt nước. Cơn gió may thoảng đưa, mấy chiếc lá vàng rơi lác đác. Mai ngước mắt nhìn lên, búp xuân non mơn mởn đầy cành. Cái cảm tưởng về xuân dịu dàng êm ái, khiến Mai hé cặp môi tươi thắm, mỉm cười với xuân, trong lòng chứa chan hy vọng.

Mấy tiếng "keng... keng" gọi khách của xe điện...

Mai giật mình. Giấc mộng tan, mà hy vọng cũng tan..

Hai chị em cùng nhau lên xe về nhà.

Về đến nhà ông Phán Hai thì gặp giữa lúc ông bà đương có khách. Chị em Huy ra chào, ông bà chỉ sẽ gật rồi lạnh lùng bảo vào nhà trong. Cái tính lãnh đạm của ông Phán, Huy cho là một tính tự nhiên, nên cũng không cho là bị hất hủi. Cậu vui cười vái chào một lần nữa, rồi cùng chị vào nhà trong.

Ngồi chung quanh một cái bàn vuông, năm người, ba cô con gái suýt soát tuổi Mai và hai cậu con trai còn nhỏ vừa bắt đầu ăn cơm. Nhác thấy chị em Mai, cô Liên, cô lớn tuổi nhất đặt đũa xuống bàn, chào.

– Kìa, cậu Huy đã ở trường ra. Chúng tôi chờ mãi!

Huy tươi cười:

– Mời các chị, các anh cứ xơi cơm đi. Hai bác chưa xơi cơm à?

– Hai bác còn chờ ăn cơm với khách.

Liên đứng dậy gọi sen lấy thêm bát đũa, mời Mai và Huy cùng ngồi ăn. Hai chị em chỉ ăn cho xong bữa, chứ chẳng chuyện trò gì, vì hình như có một làn không khí lãnh đạm đương bao bọc lấy cái bàn. Mai ngắm ba chị em con ông Phán, từ cử chỉ cho chí ngôn ngữ, đối với mình không có chút thân mật, nên họ hỏi câu nào thì trả lời cho qua quýt mà thôi. Còn Huy thì bản tính vẫn vui đùa đấy, nhưng lần này trí nghĩ bận loay hoay với vấn đề tiền ăn học nên cậu có vẻ tư lự phiền muộn.

Đêm hôm ấy ở nhà ngoài, chủ khách đánh tổ tôm. Ở nhà trong mọi người đều đã yên giấc, chỉ trừ Mai với Huy là còn thức. Hai chị em xa cách nhau lâu ngày, có biết bao câu chuyện kể cho nhau nghe, hết chuyện dĩ vãng, đến chuyện hiện tại, hết chuyện hiện tại sang chuyện tương lai. Luôn luôn những tính tình và cảm tưởng buồn, vui kế tiếp nhau, xô đẩy nhau ở trong tâm trí hai người. Nhưng đối với cái tuổi thiếu niên chứa chan hy vọng, lại thêm có sức tưởng tượng rất dễ dàng, thì con đường tương lai chỉ là một con đường trong vườn hoa tươi thắm dưới ánh sáng trong trẻo trời xuân. Nên cái vui bao giờ cũng thắng nổi cái buồn.

Có lúc hai chị em ngồi yên lặng cùng mỉm cười trong đêm tối. Cái hạnh phúc vẩn vơ, mơ màng hình như đương làm rung động hai tấm lòng son mà không ai có thể nói cho ai biết, không ai có thể tả cho ai hay, không ai dám cất tiếng, sợ cái hạnh phúc đương âm thầm trong tâm trí nó bay vụt đi mất, nó bay vụt vào cảnh mộng, như con chim vành khuyên thấy tiếng động bay ẩn trong đám bụi rậm um tùm.

Vì chính lúc ấy Mai đương mơ mộng... Mai thấy em thi đậu, nổi tiếng giàu có, sang trọng... Còn Mai? Nào, Mai có kịp tưởng đến Mai... Mai chỉ có cái cảm giác lờ mờ rằng suốt đời Mai được ở bên cạnh em, săn sóc trông nom em như một người vú già...

Mai nghĩ đến chữ "già" thì Mai lại mỉm cười, Mai mỉm cười vơ vẩn. Không! Mai không già... Mai trẻ lắm... mới mười chín cái xuân xanh... Mai cũng biết Mai trẻ, Mai đẹp... chỉ ngắm cái nét mặt

khinh khỉnh của mấy chị em con bác Phán, Mai cũng đủ hiểu rằng Mai đẹp... Mai lại nhớ khi ở trên xe hỏa, có một công tử vận tây đã lưu ý đến Mai, làm Mai phải bẽn lẽn cúi mặt.

– Chị!

Tiếng Huy gọi khiến Mai tỉnh choàng giấc mộng.

– Em bảo gì?

– Chị cứ để em thôi học, đi kiếm việc...

– Không được. Nhất định chị không để em bỏ học. Chị đã suy tính đâu ra đấy cả rồi. Chị về bán nhà và đất ở, thế nào cũng được ít ra là bốn năm trăm. Rồi chị em thuê cái nhà nhỏ ở trong làng Bưởi. Chị đã hỏi thăm rồi, chỉ độ ba đồng một tháng thôi. Em đi học, còn chị, chị tìm cách buôn bán, hoặc bán rau, bán đậu, hoặc bán hoa quả. Như thế, không những đủ chi dụng mà lại có tiền để dành nữa kia.

Huy tươi cười đáp lại:

– Chị nghĩ thế, em lại nghĩ khác. Sang năm hết trở, thế nào bên cụ Chánh...

Mai cười ngặt nghẹo khiến cô Liên thức giấc chép miệng thở dài, càu nhàu. Rồi Mai thì thầm bảo Huy:

– Em ơi, con ông Chánh đã lấy con ông Hàn làng Yên Ninh rồi. Chứ chị bồ côi, bồ cút lại nghèo nàn thế này thì ai thèm lấy.

Huy có dáng bực tức:

– Thế ra họ bội hôn, bội ước rồi đấy!

– Em coi đó, giời cũng giúp cho giấc mộng của chị được thành sự thực đấy nhé!

Mai ngẫm nghĩ một lát, lại nói:

– Chị cũng biết bán nhà đi thế là làm mất chỗ thờ phụng cha mẹ, nhưng sau này em làm nên, về chuộc lại, lo gì. Vả ở dưới suối vàng, cha mẹ cũng thấu nỗi lòng cho chị em ta.

Huy cho rằng những lẽ chị bàn không được ổn thỏa, nhưng biết lòng chị đương đau đớn vì nhiều điều uất ức, nên thương hại không dám cãi lý nữa, chỉ yên tĩnh ngồi nghe, như đứa con ngoan ngoãn ngồi nghe lời mẹ dạy.

Đồng hồ trên tường dè dè buông hai tiếng. Huy giật mình buồn rầu nghĩ tới cái thời gian hiện tại, dịu dàng bảo chị:

– Thôi, tùy chị tự ý định liệu. Chị làm thế nào cho chúng ta có thể không bước chân tới nhà bác Phán nữa là hơn hết.

– Chị cũng tưởng thế. Nhưng bây giờ khuya rồi, em đi nghỉ thôi.

Huy liền từ biệt chị, ra ngủ ở nhà ngoài.

ÂN NHÂN

Khi ra tới nhà ga Hà Nội, Mai ngước mắt nhìn lên cái đồng hồ to tướng, to bằng cái mặt nguyệt chùa làng Mai, thì hai cái kim đen nháy mới trỏ 12 giờ trưa. Mà mãi 1 giờ 50 mới có xe hỏa đi Phúc Yên. Trước khi từ biệt chị, Huy đã mở quyển sổ tay có bảng giờ xe chạy ra xem và dặn chị kỹ càng. Nhưng vì Mai chẳng biết làm gì, nên cũng hỏi đường thủng thẳng đi bộ ra ga cho có việc và khuây nỗi buồn bực.

Mai buồn thực, buồn lắm, vì ban nãy, khi lên chào hai bác, xin phép tiễn em vào trường, rồi ra ga về quê, Mai đã được nghe hai bác nói nhiều câu làm khổ tâm cho Mai. Nào những: "Không có tiền thì học với hành gì?" Nào những "Con gái nhớn thế kia, mà dám một mình dấn thân đi Hà Nội". Rồi bà Phán bàn, bà Phán dỗ Mai ở đây với bà để làm bầu bạn cùng các chị em cho vui. Rồi ông Phán khuyên Huy hãy tạm nghỉ học, ở đấy dạy các anh, để chờ kỳ thi trợ giáo, hoặc thừa phái.

Huy tính nóng nảy trả lời ra giọng không bằng lòng:

– Thưa hai bác, cứ để chúng cháu tự lập lấy thân.

Bà Phán cười gằn:

– Ừ, thì tự lập lấy thân!

Còn Mai, nghe lời hai bác, Mai chỉ đứng ngẫm nghĩ suy xét... Cô trông thấy rõ ràng con đường mà ông Phán định tâm hay là không chủ ý muốn đưa hai chị em cô đi qua. Theo tưởng tượng của cô, thì con đường ấy bao giờ cũng chỉ tới một cái đích chắc chắn: Suốt đời làm nô lệ. Cô đã thấy ở làng cô biết bao cháu gái vì nhà nghèo mà trở nên đầy tớ nhà bác, nhà chú, nhà cô, nhà dì!

Song cô chỉ mỉm cười, cố giữ nét mặt tươi tỉnh, ôn tồn đáp lại:

– Chúng cháu vẫn biết hai bác thương chúng cháu lắm.

Vậy chúng cháu xin phép hai bác về quê thu xếp công việc rồi chúng cháu xin tuân theo lời hai bác.

Rồi cô nhách một nụ cười cúi chào cáo biệt.

Cái nụ cười ấy vẫn còn ở cặp môi cô, khi cô đứng ở hiên ga hạng tư chờ giờ xe chạy. Những điều cô bàn định tối hôm qua với em, những điều suy tính lại với em khi đi đường từ nhà lên trường sáng hôm nay, khiến cô chứa chan hy vọng... Cô mải nghĩ đến công việc nọ, việc kia cùng là xếp sẵn trong trí cái đời lý tưởng, đến nỗi không lưu ý đến cảnh rộn rịp của nhà ga trước giờ xe chạy.

Bỗng Mai giật mình quay lại. Một người con gái bán bánh và trầu nước đặt phịch cái thúng xuống thềm ga mời cô:

– Cô xơi bánh giò nhé?

Mai lắc đầu từ chối. Cô nhớ đến số tiền trong túi: tất cả cơ nghiệp còn có hai đồng bạc. Đó là món tiền ông Phán cho hai chị em cô buổi sáng, nhưng Huy nhất định không chịu nhận, nhường cả cho chị, lấy cớ rằng ở trong trường thì không cần gì đến tiền. Cô mỉm cười nói một mình:

"Hai đồng bạc này là món tiền cuối cùng của họ hàng giúp ta".

Có tiếng còi huýt! Mai ngơ ngác hỏi người bán bánh:

– Chết! Tầu chạy rồi à, bác?

– Phải, chạy rồi!... Cô đi đâu?

– Tôi đi Thạch Lỗi.

Người kia cười:

– Ngỡ là gì! Thế thì còn sớm chán. Đấy là tầu Bắc đấy! Tầu Phúc Yên mãi một giờ năm mươi mới chạy, chạy sau cùng.

Rồi vừa mở chiếc bánh giò vừa nằn nì:

– Cô xơi cho em chiếc bánh giò nhé? Bánh còn nóng nguyên, ngon lắm cô ạ.

Mai ôn tồn đáp lại:

– Tôi cảm ơn cô, tôi vừa ăn cơm.

Bấy giờ phòng phát vé hạng tư càng tấp nập huyên náo. Người gồng gánh, kẻ bế bồng, kẻ dắt díu. Trong số hành khách, Mai thấy có nhiều người sang trọng, trong lòng lấy làm lạ. Vì Mai vẫn yên trí rằng những bà vận áo nhung, áo mùi, cùng là những ông âu phục rực

rỡ như kia, thì không bao giờ đi lẫn vào hạng người nghèo khó như mình. Cảm tưởng ấy không những không an ủi được Mai là đã được đứng ngang hàng với kẻ hơn mình trong khoảnh khắc, như nó có thể an ủi nhiều người trong hạng bình dân ; mà trái lại, Mai ngẫm nghĩ, thở dài, vơ vẩn tưởng đến những cảnh gia đình sa sút. Là vì, sự liên tưởng xui nên, Mai ngắm cái cảnh rực rỡ với cái cảnh tồi tàn đứng gần nhau, thốt nhiên những ý trái ngược, so sánh xô đẩy nhau vào trong tâm trí Mai, bắt Mai không thể không nhớ tới những quãng đời đẹp tốt, sung sướng khi xưa.

Tiếng giập vé tí tách khiến Mai chợt nghĩ tới giờ xe chạy, vội vàng cầm đồng bạc vào lấy vé.

Tuy thế mà vẫn còn sớm quá. Mai ra sân sau ga nhìn cái đồng hồ treo ở hiên thấy kim mới trỏ hơn một giờ. Còn những nửa giờ nữa xe mới chạy. Song Mai cũng hỏi thăm xe Phúc Yên lên ngồi giữ chỗ.

Chiếc toa Mai chọn ở liền ngay toa hạng ba. Vì Huy có dặn chị rằng càng những toa ở về phía sau, càng đỡ than khói. Mai tìm chỗ có mấy bà nhà quê ngồi nói chuyện cho vui. Cô biết rằng ngồi đối diện với các bà tính tình chất phác ấy thì bao giờ cũng có chuyện. Như thế thì chắc sẽ đỡ sốt ruột, đỡ phải nghĩ quanh nghĩ quẩn tới những việc đâu đâu.

Mai đoán quả không sai. Cô đương ngơ ngác tìm chỗ, thì một bà lão ngồi bên hai người con gái cùng vận quần áo vải nâu, gọi cô mà bảo rằng:

– Này, cô lại đây ngồi cho vui.

Mai tươi cười nhận lời ngay.

Mấy người đương mải chuyện trò huyên thuyên, nào về mùa màng, về buôn bán, nào về phong cảnh Hà Nội, thì Mai bỗng để ý tới một chàng âu phục ở toa hạng ba vừa xuống, đi đi lại lại trước mặt cô.

Chàng đăm đăm nhìn cô khiến cô ngượng nghịu phải giả vờ quay lại phía hai người con gái ngồi bên, nói chuyện vơ vẩn. Bà lão mau mồm tươi cười hỏi:

– Thầy muốn tìm chỗ phải không? Mời thầy ngồi đây, còn rộng chán.

Rồi bà ẩn Mai và hai người con gái về phía kia để xếp chỗ.

Chàng công tử bẽn lẽn trả lời.

– Thưa cụ, tôi cảm ơn cụ, tôi đi tìm người bán hàng mua gói thuốc lá.

Rồi chàng đi tuốt lên đầu hàng toa hạng tư. Lúc trở về, chàng lại đứng sững nhìn Mai. Bà lão lấy làm khó chịu hỏi sẵng:

– Ông muốn hỏi gì?

Chàng kia ôn tồn trỏ Mai đáp lại:

– Thưa cụ, cô... đi với cụ...

– Phải, ông quen cô ấy hay sao?

– Vâng, tôi như có quen.

Mai xấu hổ, hai má đỏ ửng, cúi đầu ra ngoài nhìn xuống sân ga. Song thấy chàng kia nói có quen mình nên vội quay lại liếc nhìn qua. Không nhận ra là ai, thì cô cho là người kia muốn trêu ghẹo, lại càng bẽn lẽn lắm. Nhưng chàng công tử vẫn đứng trước mặt cô và đối với cô, chàng không có chút gì là tỏ ra bộ dạng lẳng lơ bỡn cợt. Chàng lại gần se sẽ hỏi:

– Thưa cô, cô có phải là cô Mai, con cụ Tú Ninh Bắc không?

Mai ngước mắt nhìn lên rồi hỏi:

– Thưa ông, sao ông biết tôi?

Chàng kia cười:

– Thế ra cô quên tôi rồi? Tôi là Lộc...

Mai vui mừng hỏi:

– Cậu Lộc, con quan huyện Kim Anh?

– Vâng, chính tôi là Lộc. Nhưng thầy tôi không làm tri huyện nữa đâu. Thầy tôi đã thăng đến án sát và mất rồi.

– Khổ! Thế cậu bây giờ làm gì?

– Tôi làm tham tá ở Hà Nội.

Mai cười:

– Chóng nhỉ. Mới ngày nào!...

Lộc đỡ lời nói luôn:

– Đã bảy tám năm nay, cô còn bảo mới ngày nào.

Bảy năm về trước, quan huyện Đông Anh có mời cụ Tú Lãm đến dạy hai cô con gái học chữ Nho. Bấy giờ cụ Tú gặp lúc quẫn bách vì luôn mấy năm buôn gỗ bị thua lỗ, cái vốn dăm sáu nghìn đã

gần khánh kiệt, nên thấy người bạn xưa muốn tìm cách giúp đỡ thì nhận lời ngay.

Cụ Tú lúc đó mới góa vợ nên đưa cả con gái lên huyện cho tiện đường dạy dỗ, còn Huy thì cụ đã cho trọ học nhà ông Phán Hai ở Hà Nội.

Trong hai năm, mỗi lần nghỉ lễ, hoặc nghỉ hè, Lộc về chơi nhà đều gặp Mai. Khi ấy Mai mới 11 tuổi mà Lộc thì đã lớn, và theo học ở lớp ba trường Trung học Tây.

Lộc coi Mai như một người em nhỏ, và yêu quí Mai lắm, mỗi lần ở Hà Nội về mua quà cho hai em thức gì thì cũng mua cho Mai thức ấy.

Mai nhẩm ôn lại chuyện xưa, mủm mỉm cúi xuống nhìn guốc nói:

– Thế ra ông là anh Lộc của em đấy?

Mai cảm động buột mồm nói ra câu quá thân mật. Cô thẹn thùng, hỏi chữa luôn:

– Thưa ông, thế cô Lục và cô Thanh nay ở đâu?

Lộc như hiểu ý nghĩ của Mai đáp lại:

– Thì cô cứ gọi tôi là anh như xưa cũng được chứ sao. Em Lục lấy chồng đã vừa có cháu, em Thanh thì hãy còn ở nhà me tôi... Thế còn em... còn cô, nay chắc cô cũng xuất giá rồi chứ? Đấy cô coi tôi cũng biết chữ Nho đấy.

Mai thẹn không trả lời. Lộc nhắc lại câu hỏi:

– Thế nào, tôi hỏi cô đã có chồng chưa, sao cô lại không đáp?

– Thưa ông, em nghèo thế này thì ai lấy.

– Thế sao tôi không nghèo mà cũng chưa ai thèm lấy tôi?

Mai nghe câu nói cho là Lộc có ý muốn ghẹo, và hiểu ngay rằng ông anh thủa nhỏ, nay không còn thể nhận là anh được nữa. Bởi thế, cô ngồi im, giữ nét mặt nghiêm trang, rồi quay ra nói chuyện với bà cụ già ngồi bên:

– Ngày trước, thầy tôi ngồi dạy học ở nhà cụ thân sinh ra quan tham đây.

Ngắm nghía Mai, Lộc sửng sốt hỏi:

– Vậy ra cụ Tú đã...

Lộc sợ lầm không dám nói dứt câu. Mai buồn rầu đáp:

– Vâng thầy em mất rồi.

– Thương hại! Cụ Tú người hiền lành thông thái thế... Nhưng hình như cô còn một em trai nữa thì phải, tôi nhớ ngày xưa, cô thường nói chuyện đến cậu em.

– Vâng, em Huy, nay em đương học năm thứ ba trường Bưởi.

– Thế kia à? Thế năm nay, cậu Huy bao nhiêu tuổi?

– Em nó mười sáu.

– Mười sáu mà đã học năm thứ ba. Khá đấy!

Mai thở dài, không trả lời. Lộc lại hỏi:

– Tôi xem ra cô buồn rầu lắm. Nếu cô có cần tôi giúp đỡ điều gì thì cô cứ nói. Tôi vẫn có thể coi cô là một người em như khi xưa kia mà!

– Cảm ơn ông.

Rồi Lộc hỏi đến việc học, đến gia bản, đến họ hàng thân thích nhà Mai. Trước Mai còn giấu, nhưng sau thấy người bạn xưa săn sóc đến mình một cách thành thực thân mật, thì liền đem hết chuyện thực ra kể.

Lộc cảm động đứng lặng nghe không nói, không ngắt lời, mà bà lão cũng chạnh lòng thương mến, sẽ kéo áo Lộc:

– Ông ngồi xuống, chứ đứng mãi thế mỏi chân.

Mọi người mải về câu chuyện đến nỗi xe đã chạy mà vẫn không biết. Đến lúc xe qua cầu, làm át cả tiếng nói. Lộc phải ghé gần lại mới nghe rõ. Mai thấy thế, hơi ngượng, ngừng bặt câu chuyện rồi trỏ ra ngoài nói:

– Thôi, xin hãy tạm xếp câu chuyện để ngắm cảnh sông đã, chứ xe chạy trên cầu tiếng kêu ầm ỹ lắm, chẳng nghe thấy gì hết.

Mai tỳ tay lên bao cửa nhìn xuống con sông sâu thẳm, nước đỏ lờ lờ, điểm hạt mưa xuân lấm tấm. Chiếc buồm trắng con con xen lẫn vào bọn buồm nâu sắc thẫm, to bản, cột cao, rồi theo dòng nước, theo chiều gió trôi đi như lướt trong cảnh rộng bao la, mà biến vào đám xa xa mờ mịt. Mai thở dài lo sợ vẩn vơ cho số phận chiếc thuyền con, lại trạnh nghĩ vơ vẩn đến số phận mình...

Ngày xưa, khi cô học chữ Nho, thường thấy cụ Tú làm những bài thơ nôm có câu "chiếc bách giữa dòng". Nay cô mới ở trước cái cảnh chiếc buồm con bạt gió, cô mới hiểu tới nghĩa sâu xa của câu

thơ. Phải, cô cũng chỉ là một chiếc bách giữa dòng...

Xe hỏa sang bên kia cầu đã lâu, mà Mai vẫn còn tựa cửa nhìn ra ngoài, vì cô có cái cảm giác Lộc đương nhìn cô nên cô ngượng mà không dám quay lại.

Xe từ từ dừng bánh trước ga Gia Lâm. Mai mỉm cười, tưởng tượng trời đương mưa gió sấm sét bỗng tạnh bặt.

– Cô nghĩ gì thế?

Mai quay đầu lại, Lộc vẫn ngồi bên cạnh. Cái nụ cười của cô vẫn còn nở trên cặp môi thắm, khiến Lộc nhìn cô rồi cũng cười.

Và chàng nhắc lại câu hỏi:

– Cô nghĩ gì mà trông cô như có vẻ tư lự?

– Thưa ông, em đương nhớ tới ngày xưa.

– Thế cô có nhớ tới cái thời kỳ ở Đông Anh không?

Mai không đáp. Lộc nói tiếp luôn:

– Tôi thì tôi nhớ lắm. Ngày ấy cô mới mười một tuổi mà cô đã vấn tóc như người lớn. Nhưng có lẽ chỉ người lớn được mỗi một cái khăn, còn ngoài ra vẫn trẻ con lắm. Một hôm tôi về thăm nhà, gặp cô hai má đen sì những vết mực.

Mai thẹn cúi mặt. Bấy giờ có mấy người bán hàng cơm trên xe hỏa khiêng và dồn hòm ầm ỹ lên toa, làm hai người phải ngừng lại. Lộc ngồi ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo Mai:

– Câu chuyện ngày xưa có lẽ không quan hệ bằng câu chuyện ngày nay. Ban nãy cô có nói cô về bán nhà bán đất, để lấy tiền trả học phí cho cậu... cho cậu em. Nhưng nhỡ ra, cô không bán được thì sao?

– Bán rẻ thì thế nào cũng có người mua.

– Đã biết đâu! Mà cô bán nhà rồi thì cô ở vào đâu? Cô nói cô thuê nhà ở làng Bưởi, nhưng cô thân gái,... tôi e ngại lắm.

Hai người cùng quay ra nhìn xuống sân ga... Lộc nhắc lại:

– Phải, tôi e ngại lắm.

Mai buồn rầu đáp:

– Thưa ông, lúc này là lúc phải liều. Thế nào em cũng phải để em Huy học đến nơi đến chốn. Mà muốn được thế thì chỉ còn một cách là bán nhà... Vả nếu ông lo ngại cho em thân gái thì ở đâu

mà không lo ngại. Ở nhà quê đã chắc đâu tránh khỏi bọn hào cường hà hiếp? Dẫu sao, em vẫn nhớ lời nguyện vọng cuối cùng của thầy em: là để em Huy học thành tài và trở nên người hữu dụng.

Lộc mỉm cười:

– Nhưng còn cô?

Mai ngơ ngác:

– Em không hiểu.

– Tôi hỏi: còn cô thì cô trở nên gì? Từ nãy tới giờ tôi chưa hề thấy cô tưởng đến cô.

– Tôi ấy à?

Mai hơi lấy làm lạ. Vì thực ra cũng không mấy khi cô tự nghĩ đến cô. Lộc thấy Mai ngơ ngác thì thương hại:

– Hay tôi bàn lẽ này, cô nghe có tiện không: Cậu Huy đã muốn thôi học đi làm thì cô cứ để cho cậu ấy thôi học. Cậu Huy có thể ra ở tạm đằng nhà tôi, rồi tôi tìm giúp việc cho.

– Cảm ơn ông, nhưng em Huy nó khó tính lắm, nó chả chịu nghe thế đâu. Đến ở nhà đằng bác Phán Hai em, nó còn chẳng chịu nữa là.

– Thế thì cái đó tùy cô. Nhưng cô nhớ cho rằng khi nào cô cần đến tôi giúp cô điều gì thì xin cô đừng ngần ngại, đừng do dự. Tôi vẫn là người anh... người anh rất thân của cô như khi xưa.

Mai cảm động, vờ quay ra nhìn phong cảnh.

Lộc lại nói:

– Hay thế này này. Cô đã quả quyết bán nhà, bán đất thì tôi cũng không thể can ngăn cô được. Nhưng cô cứ cầm lấy số tiền đây đề phòng khi chưa bán được nhà thì hãy tiêu tạm.

Lộc vừa nói vừa mở ví đưa cho Mai bốn cái giấy bạc năm đồng. Mai xua tay nói:

– Em cám ơn ông, quả thực em không dám nhận, em không có quyền nhận.

Lộc cười.

– Vậy cô không coi tôi như một người anh nữa sao?

– Em không có quyền... em không thể coi ông là một người anh như xưa được nữa.

Lộc lắc đầu, chép miệng:

– Sao vậy, em?

– Ông cũng hiểu tại sao, hà tất ông còn phải hỏi.

Lộc mỉm cười:

– Thôi phải rồi. Bây giờ cô không là một cô bé con nữa mà là một cô thiếu nữ có nhan sắc chứ gì! Em nghĩ thế thì em lầm. Trong thời gian chúng ta cách biệt, anh vẫn hỏi thăm em luôn, chứ có phải bây giờ anh trông thấy em đẹp, anh mới săn sóc đến em đâu.

Mai bẽn lẽn, cúi gầm mặt xuống, Lộc lại nói tiếp:

– Vậy cô cứ cầm lấy số tiền này cho tôi bằng lòng. Anh em chỉ nhờ nhau, chỉ cứu giúp nhau trong khi hoạn nạn thôi, chứ lúc bình thường thì hồ dễ ai đã phải cần đến ai, hồ dễ tôi được cái hân hạnh giúp đỡ cô chút đỉnh. Vậy xin cô cứ cầm lấy, đừng nghĩ ngợi gì nữa.

– Quả thực em không dám, quả thực tôi không dám.

Bà cụ ngồi bên thấy Lộc nằn nì và Mai chối từ đây đẩy, cũng bàn góp một câu:

– Quan tham đã giúp thì cô cầm lấy cho quan tham bằng lòng.

Lộc vin ngay lấy lời bà lão.

– Đấy, cô coi. Ai cũng bảo thế... Hay là thế này. Tôi cho cô vay, khi nào cô bán được nhà có tiền lại hoàn lại tôi.

Lúc đó trên toa hạng ba có người mở cửa ra nhìn xuống toa hạng tư rồi gọi:

– Anh Lộc, lên tôi bảo cái này!

Lộc trả lời:

– Được tôi lên đây!

Rồi quay lại phía Mai, chàng ấn bốn cái giấy bạc vào tay:

– Cô nhận cho tôi bằng lòng nhé, không có tôi khổ tâm lắm.

Chàng lại mở ví đưa cho Mai một cái danh thiếp mà nói rằng:

– Chỗ ở của tôi đấy, khi nào cô có cần đến tôi giúp điều gì, cứ đến đó hay viết thư về đó.

Mai cảm động không nói nên lời. Lộc đứng dậy từ biệt:

– Thôi, chào cô, tôi xin sang bên kia một lát. À, cô xuống ga Thạch Lỗi phải không?

– Vâng.

– Cô coi tôi nhớ lâu thế đấy! Còn tôi thì tôi xuống ga Phúc Yên. Tôi được nghỉ phép một tuần lễ, lên chơi ông bác làm quan ở đó. Hôm tôi về nếu còn thì giờ, tôi sẽ ghé vào thăm cô nhé?... Có tiện không, cô?

Mai ấp úng:

– Đường từ Thạch Lỗi vào làng em hơi xa.

– Được rồi tôi sẽ liệu. Vậy chào cô nhé! – Xin chào cụ!

– Tôi không dám, chào thầy.

Lộc sang toa hạng ba đã lâu, mà Mai còn ngồi yên không động đậy, tay cầm mấy cái giấy bạc và cái danh thiếp. Bà cụ ngồi bên ghé lại thì thầm:

– Thầy ấy tử tế với cô nhỉ?

Mai vẫn ngồi yên, ứa hai hàng nước mắt. Bà cụ lại vỗ vào vai bảo:

– Này cô cất tiền vào hầu bao, chẳng mất.

Mai thong thả quay lại, gượng cười:

– Lấy thế này không tiện cụ ạ, để tôi giả lại ông ấy thôi.

– Cô nghĩ lẩn thẩn lắm. Người ta tử tế, cô không nên thế.

– Tôi chỉ sợ không bán ngay được nhà, thì lấy tiền đâu mà giả lại ông ấy.

– Thì bao giờ cô giả lại cũng được chứ sao!

– Không được! Tôi phải giả ngay bây giờ!

Rồi Mai đứng dậy toan sang toa hạng ba. Bà cụ kéo lại:

– Thì cứ ngồi đây, thế nào thầy ấy chẳng còn xuống.

Bà cụ vừa nói vừa mỉm cười, khiến Mai luống cuống bẽn lẽn, vội ngồi xuống, thở dài. Cô gái quê ngồi bên bảo cô chị:

– Chị ạ, trông thầy ấy giống cậu Giang ở làng nhỉ? Tính nết cũng nhanh nhẩu như thế.

Cô chị trả lời:

– Nhưng thầy ấy đẹp giai hơn chứ. Làm tham tá thế chắc lương nhiều lắm đấy nhỉ?

Cô em cười:

– Lương chả nhiều mà lại một lúc dám cho chừng kia tiền.

Mai vẫn còn cầm bốn cái giấy bạc và cái danh thiếp ở tay, đương nhìn ra xa, ngẫm nghĩ. Nghe cô kia nói thế thì như chợt nhớ ra, Mai quay lại lẩm bẩm nói một mình:

– Không được!... Phải, người ta cho. Người ta thương hại người ta cho. Người ta cho như người ta bố thí cho kẻ nghèo khó.

Rồi Mai quả quyết đứng dậy. Xe gặp chỗ lượn, mà cô lại mải suy nghĩ, quên rằng mình ngồi trên xe hỏa, nên vừa đứng dậy cô suýt ngã văng ra, may có hai cô con gái bà cụ đỡ được. Mai mỉm cười, cái cười mơ màng. Cô ngồi bên cạnh bỗng nhìn xuống ván xe, kêu lên:

– Chết chửa! Tiền rơi cả rồi kìa.

Cô vừa nói vừa cúi xuống nhặt bốn cái giấy bạc đưa cho Mai. Nhưng Mai vẫn ngồi thở hồng hộc, không lưu ý đến. Cô kia liền bọc vào trong dải yếm Mai, rồi thắt nút chặt chẽ lại mà nói rằng:

– Thôi thế này thì không lo rơi nữa. Còn mảnh giấy này thì cô bỏ vào túi.

Cô đưa cho Mai cái danh thiếp của Lộc. Mai tuy đỡ lấy song tâm trí để cả ở đâu, nên tuy đọc mà chẳng biết có những chữ gì. Mãi lúc bà cụ hỏi là giấy gì, cô mới như tỉnh dậy, định thần đọc lại và trả lời:

– Thưa cụ, cháu cũng chỉ biết có chữ tên Nguyễn Lộc và chữ số nhà 244 mà thôi.

– Vậy không đề ở phố nào à?

– Thưa cụ có, nhưng đề bằng chữ Tây, cháu không hiểu.

Bà cụ cười:

– Thế sao tên cũng bằng chữ Tây, cô lại đọc được?

– Thưa cụ, tên thì bằng chữ quốc ngữ chứ.

Bà cụ không tin, mỉm cười, cho là Mai có ý giấu. Lúc bấy giờ xe hỏa huýt còi một hồi dài. Một người hành khách ngồi đối diện Mai hỏi người ngồi bên:

– Sắp đến ga gì đấy nhỉ?

Người kia đáp:

– Thạch Lỗi.

Bà cụ thoáng nghe thấy, liền sẽ đập vào Mai mà nói rằng:

– Kìa! Gần đến ga Thạch Lỗi rồi! Có phải cô xuống Thạch Lỗi không?

– Vâng, cảm ơn cụ, cháu xuống đây.

Vì ở ga này ít hành khách lên xuống, nên xe chỉ dừng độ một phút lại đã huýt còi chạy từ từ. Mai còn đương ngơ ngác nhìn lên chỗ bà cụ và hai cô con gái để chào, thì ở toa hạng ba một người thò đầu ra cửa sổ nhìn xuống gọi:

– Cô Mai!

Cô quay cổ lại, nhìn lên, thấy Lộc đương vẫy. Như chợt nghĩ ra, cô chạy theo xe:

– Thưa ông, tiền của ông, tôi không dám...

Nhưng xe đã chạy được một quãng rồi, Mai nhìn theo chỉ còn thấy cái hình bán thân in trong khung cửa giơ tay vẫy. Rồi xe dần dần sấn tới cõi xa. Khoảnh khắc chỉ còn là một vật đen trên con đường sắt.

Mai thở dài đứng trông theo.

Ở ga ra, Mai tất tả đi ngay, vì đường từ Thạch Lỗi về làng xa đến gần mười cây số, mà trời lại lấm tấm mưa. Cô cắm đầu rảo bước trên con đường đỏ thẳng vút, hai bên cỏ xuân mơn mởn. Cô tưởng tượng đương đi trên dẫy chiếu miến hồng viền cạp xanh, thì thốt nhiên cô mỉm cười. Cô mỉm cười vì nhớ tới những truyện cụ Tú kể cho cô nghe khi cô còn bé, những truyện thần tiên, kỳ dị, tả những cảnh lạc thú ở chốn bồng lai, những truyện hôn nhân của các đấng đế vương, công, hầu, chép những sự kiêu sa, hoa lệ. Cô nghĩ thầm: "con đường giải chiếu hoa đưa cô dâu về nhà chú rể dễ đã sánh kịp con đường gấm thiên nhiên này!"

Lòng yêu đời và tính dễ vui, cô như đã nhận được của ông cha di truyền lại, khiến cô cảm thấy tâm trí phấn khởi trong cảnh trời xuân đầm ấm. Cô đi thoăn thoắt, hé cặp môi thắm cười với gió xuân. Cái vui sướng hồn nhiên cỗi rễ ở trong lòng như theo hơi thở bay ra hòa hợp với làn không khí êm đềm, mới mẻ.

Nhưng con người sẵn có lòng tốt thì trong khi sung sướng bao giờ cũng tưởng tới những người mình yêu mến, hình như để cùng san sẻ hạnh phúc, dù hạnh phúc ấy chỉ mới có trong tưởng tượng. Vì thế,

đang hớn hở tươi cười bỗng nghĩ tới em, tới việc học của em, Mai lại rầu rầu nét mặt.

Song cô cũng chỉ nghĩ qua tới mà thôi vì cô cho đó là một vấn đề đã tạm giải quyết xong: Về bán nhà lấy tiền lên Hà Nội thuê nhà cùng ở với em. Dễ như thế, có chi mà cứ phải loay hoay mãi cho thêm phiền. Cái trí tưởng tượng của tuổi trẻ bao giờ cũng dễ dàng, cũng giản dị, có hề đặt chỗ ngoắt ngoéo, khúc khuỷu của con đường đời đâu?

Nụ cười lại nở trên cặp môi thắm, vì Mai vừa nhớ tới người gặp gỡ trên xe hỏa. Con người mới nhã nhặn sao, mới hào hiệp sao! Rồi cô nhớ lại những sự đã xảy ra khi cô cùng chàng ở huyện Đông Anh ngày xưa. Nhưng cô chẳng tìm ra được một chuyện cỏn con nào. Cô lấy làm lạ, phàn nàn cho trí nhớ của mình kém cỏi. Thực ra, chẳng có chi lạ, chỉ vì hồi ấy cô chưa lưu ý đến chàng đó thôi.

– Vậy giờ thì mình lưu ý đến người ta?

Mai nghe trong thâm tâm như có câu trả lời của cô đi xe hỏa ban nãy:

– Một lúc dám cho chừng kia tiền.

Cô nóng cả mặt. Cặp má dần dần đỏ ửng. Cô thẹn, thẹn với cô, thẹn với lương tâm. Thốt nhiên cô rờ tới cái nút buộc bốn tờ giấy bạc ở dải yếm, nhưng cô không dám giở ra: cô xấu hổ. Rồi cô lại tưởng tới cái danh thiếp. Ba chữ tên với con số nhà 244 cô vẫn nhớ rành mạch, song cô cũng lấy ra đọc lại. Nhìn dòng chữ Pháp, cô mỉm cười, nghĩ nhớ tới bà cụ ngồi bên cạnh, trên xe hỏa. Những cảm tưởng của ta bao giờ cũng vậy, hễ việc gì có dính dáng tới người có cảm tình với ta thì ta vẫn nhớ lâu mà nhớ rất có thứ tự. Vì thế, nghĩ tới bà cụ Mai lại ngẫu nhiên nhớ câu nói của bà: "Thầy ấy tử tế với cô nhỉ!"

Phải, Mai cũng nhận ra rằng chàng ta tử tế với mình, tử tế một cách ân cần quá.

Rồi nghĩ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia, Mai thành ra mơ mộng. Tuổi mười tám, mười chín vẫn là cái tuổi nhiều mộng.

Mai mơ thấy chàng đến xin cưới mình làm vợ, thấy được cùng chồng, cùng em hưởng hạnh phúc gia đình. Đối với trí mơ ước của cô lúc đó cũng như phần đông các cô thiếu nữ trong bọn trung lưu, ái tình chỉ có một nghĩa là cưới xin. Vả từ xưa tới nay trừ tình yêu cha mẹ, yêu em ra cô đã khi nào thấy trái tim thổn thức vì ái

tình? Mà cho đối với người ngồi bên cô, cười nói dịu dàng, an ủi cô một cách thân thiết, cô cũng chỉ có một tấm cảm tình chân thật chất phác. Cô yêu chàng nhưng chỉ yêu chàng như một người anh.

Từ lúc cô biết chàng, cô thấy cô sung sướng, cô thấy cô có nhiều hy vọng. Cô thấy cô đỡ cô độc, đỡ lo sợ. Cô cũng chẳng biết tại sao. Một nhà tâm lý học thì cho đó là triệu chứng, là biểu hiện của ái tình. Nhưng một người con gái ngây thơ như cô khi nào biết tự nghiên cứu, biết tự giải phẫu tâm trí mình.

Vì thế nên thung thăng trên con đường đỏ dưới hạt mưa xuân lấm tấm cô mơ mộng vẩn vơ. Khi mơ mộng thì mơ mộng gì mà chẳng được? – Cô hy vọng sẽ sống một đời tương lai tốt đẹp. Cô chẳng biết nó tốt đẹp ra sao, chỉ yên trí rằng nó khác xa với cái đời hiện tại mà thôi.

Hai bên đường, lá ngô trước gió rung động lao xao. Cô cũng thấy người cô rung động. Cái rung động, cái cảm giác của sự sung sướng hồn nhiên, của tuổi thanh niên chứa chan hy vọng như cái khí lực bồng bột chứa trong cây, phát ra các búp non trên cành tơ mơn mởn.

Ở những ruộng khoai về bên vệ đường, các cô gái quê hoặc cúi lom khom tỉa lá, hoặc cầm cuốc vun luống, trông thấy Mai đi qua đều dừng tay đứng nhìn mỉm cười. Mai thấy họ cười cũng cười, coi họ như chị em ruột cả, muốn rẽ xuống ruộng làm giúp họ cùng họ chuyện trò kể lể những điều sung sướng.

Mai vui chân rảo bước trên đường chẳng bao lâu đã đến đò Bến Cốc. Cô ngồi nghỉ chờ phà trên bờ sông cao thẳng như bức tường, cúi xuống ngắm dòng nước trong xanh chảy mạnh khiến cái phà ở *bờ bên kia chở sang bị trôi giạt mãi ra xa, và người lái phải lấy sào* đẩy phà lên ngược dòng nước rất là khó nhọc. Mai ngắm chú lái phà lấy làm thương hại. Khi sang tới bờ bên kia cô đưa đãi chú những năm xu tiền đò: cô muốn ai ai cũng sung sướng như cô.

BÀN VIỆC NHÀ

Năm giờ chiều, Mai về tới nhà. Người lão bộc đầu tóc bạc phơ, nghe tiếng Mai, vội ra mở cổng. Con chó xồm trắng đã già yếu cũng chậm chạp bước theo sau, rồi lại gần Mai thong thả ve vẩy cái đuôi lông rụng xơ xác. Mai giơ tay vuốt ve con vật mà bảo người lão bộc:

– Tôi đói lắm, ông có gì cho tôi ăn không?

– Thưa cô, tôi đoán thế nào hôm nay cô cũng về, nên tôi đã thổi cơm chờ cô cùng ăn.

– Nhưng có gì ăn không, ông?

– Có rau muống với tương.

– Có muối nữa đấy chứ?

– Muối thì bao giờ cũng có.

– Thế thì tốt lắm, chúng ta đi dọn cơm ăn cho xong bữa, tôi còn có câu chuyện cần bàn với ông đây.

Lão bộc nghe cô chủ nhỏ nói muốn bàn việc quan hệ với mình thì lấy làm cảm động, chân tay run lập cập.

Cơm nước xong, dưới ánh lù mù ngọn đèn hoa kỳ đặt trên ngưỡng cửa, hai người ngồi nói chuyện ở ngoài thềm nhà trên. Mai ngẫm nghĩ đến công việc rất hệ trọng đã dự định nên ngập ngừng chưa dám ngỏ lời cùng người lão bộc, mà Mai kính mến như một người trong họ. Con chó già nằm dưới chân Mai, hình như cũng đoán rằng sắp xảy ra sự gì phi thường, đặt mõm lên bàn chân chủ ra dáng âu yếm lắm. Thỉnh thoảng nó lại ngửng đầu lên liếm bàn tay Mai. Trong đêm tối, Mai ngắm cặp mắt sáng của con vật trung thành, tưởng như có long lanh giọt lệ thì lấy làm cảm động vô cùng, cúi xuống thì thầm như nói chuyện với một người bạn:

– Chúng ta sắp sửa phải rời cái nhà này rồi.

Con vật tuy không hiểu lời chủ, nhưng chắc cũng đoán được rằng chủ đương có điều lo nghĩ, nên thong thả đặt mõm vào lòng chủ để tỏ ý an ủi. Còn người lão bộc thì cất giọng run run hỏi Mai.

– Cô định rời đi đâu vậy?

– Tôi sắp bán nhà đấy, ông Hạnh ạ!

Ông lão hốt hoảng lo sợ:

– Cô bán nhà?

– Phải, tôi bán nhà. Ông Hạnh ơi, đó cũng là một sự bất đắc dĩ. Ông tính ruộng vườn không còn, tiền của cũng không thì lấy gì ăn tiêu mà chả bán nhà?

– Không được, việc ấy tôi xin can cô. Bán nhà đi thì còn đâu là nơi thờ tự cụ Tú. Tôi theo cụ Tú ngày cụ còn giầu có, nhờ cụ mà các

cháu nhà tôi đều biết dăm ba chữ. Trước khi cụ mất, cụ trối trăng giao cho tôi trông nom cô và cậu Huy. Việc ấy tôi nhất định không để tùy ý cô được.

– Vậy, ông để tôi chết đói hay sao?

Người lão bộc cúi đầu ngẫm nghĩ rồi nói:

– Thế này này, thằng cả nhà tôi đi lính khố đỏ, tôi được làng cấp cho mấy mẫu ruộng. Vậy có lẽ cũng đủ gạo ăn. Chưa cần phải bán nhà.

Mai cảm động chảy nước mắt, gượng cười đáp lại:

– Tôi cảm ơn tấm lòng tốt của ông... Nhưng còn việc học của em Huy thì ông nghĩ sao?

Người lão bộc gãi đầu suy nghĩ rồi hỏi:

– Phải có bao nhiêu tiền?

– Ít ra cũng phải mỗi tháng một chục bạc.

– Thế thì khó lắm nhỉ?

– Vậy ta phải liều chứ biết sao. Rồi sau này em Huy làm nên có tiền, ta lại tậu đất, ta lại làm nhà, hay ta lại chuộc lại nhà cũng được.

Ông lão Hạnh không trả lời, hai bàn tay ôm trán: ông ta đương cố tưởng tượng ra ở trong trí lực chất phác cái cảnh gia đình tan tác, cửa nhà cầm bán. Cái nhà này ông ta ở đã hơn hai chục năm nay, từ ngày chưa có Mai và Huy, ông ta thuộc từng cái xà, cái rui, từng chỗ gỗ rác, gỗ mọt, từng viên gạch vỡ, từng góc tường sứt, bây giờ ông ta sắp sửa phải rời nó để đi nơi khác, để nhường lại cho người chủ mới họ đem đống bạc đến mà cướp, mà chôn biết bao những kỷ niệm của một nhà, biết bao sự vui, sự buồn, sự mừng, sự giận của gần một trăm năm. Cái nhà ấy ông ta ở đã lâu ngày, nên coi như nhà của mình vậy. Nay thấy cô chủ ngỏ lời đem bán đi thì ông ta bỗng có cảm tưởng bị ức hiếp, bóc lột.

– Ông Hạnh!

Lão bộc nghẹn ngào, cất giọng khàn khàn:

– Cô bảo gì?

– Ông khóc đấy à? Ông dở hơi lắm. Can chi mà khóc. Nếu ông tĩnh tâm mà nghĩ kế giúp tôi thì còn hơn ngồi mà thương tiếc cái nhà này.

Ông lão trách Mai:

– Cô còn trẻ người non dạ lắm! Cô tính năm nay tôi ngoài sáu mươi tuổi đầu rồi, chả mấy chốc mà xuống lỗ... Rồi khi tôi gặp cụ Tú ở dưới ấy, tôi biết ăn nói ra làm sao?

Mai gắt:

– Thôi, ông đừng ngăn tôi nữa, tôi đã quả quyết rồi.

– Còn cậu Huy. Việc này phải tùy ở cậu Huy chứ!

– Em Huy cũng bằng lòng rồi. Vậy tôi chỉ nhờ ông có một việc, ông tìm hộ tôi một người mua nhà.

– Cô đã nhất định như thế thì tùy cô. Nhưng ở làng ta, xem ra không mặt nào có tiền, mà dẫu có tiền thì cũng chả ai nỡ mua nhà của cô.

– Ở làng ta không có ai thì ta sang bán cho người làng bên cạnh cũng được. Miễn là ta phải bán thực mau.

– Nhưng cô cũng phải để thong thả thì mới bán được giá chứ!

– Được giá là bao nhiêu?

– Cả đất lẫn nhà, bán rẻ cũng phải năm sáu trăm bạc.

– Tôi chỉ cần bán được độ bốn trăm thôi, nhưng phải bán ngay.

– Làm gì mà vội vàng hấp tấp thế?

– Làm gì? Không thì em Huy phải đuổi, không thì...

Mai nghĩ đến món nợ của Lộc, nhưng cô tự lấy làm thẹn với lương tâm, nên không nói được dứt câu. Mỗi lần cô nhớ đến, muốn nhắc đến người cô gặp trên xe hỏa thì mặt cô nóng bừng, lưỡi cô díu lại. Lão bộc hỏi:

– Thưa cô không thì làm sao nữa?

– Không có tiền học giả cho em Huy thì em Huy bị đuổi chứ sao?

Hai người ngồi cúi mặt nhìn xuống sân suy nghĩ.

Mảnh trăng thượng tuần như cặp sừng trâu treo lơ lửng ở trên nóc nhà hàng xóm trông nhợt nhạt có vẻ lãnh đạm vô tình. Tiếng bà chủ nhà láng giềng the thé tính tiền công tát nước với bọn điền tốt ở bên cạnh ngọn đèn dầu, ánh sáng lấp loáng qua khe hàng rào tre khô nhắc người lão bộc nhớ tới cái cảnh trù phú tấp nập của nhà cụ Tú mười năm về trước.

– Thế nào? Ông có tìm ra được ai không?

– Tìm người mua nhà ư?

– Phải!

Ông lão thở dài đáp:

– Kể khắp vùng này dễ chỉ có ông Hàn ở làng bên.

– Vậy được rồi, ta đi ngủ sớm, mai cùng đến nhà ông Hàn nhé?

Ông lão lại thở dài, tức tối, thong thả đứng dậy xuống nhà ngang, để mặc cô chủ ngồi lại với con chó xồm. Mai mỉm cười cúi xuống, hai tay ôm lấy đầu con vật rồi ghé vào tai nó nói thầm:

– Mày có biết không, ta sung sướng lắm!

Suốt đêm hôm ấy Mai trằn trọc không sao ngủ được, hết nghĩ đến em lại nghĩ đến người gặp gỡ trên xe hỏa. Cô đem trí tưởng tượng ra xếp đặt những cuộc đời tương lai. Nhiều cuộc đời cô bầy ra tới chỗ khó khăn, nghĩa là tới chỗ mà lương tri của cô cho không thể có được, thì cô lại mỉm cười xóa bỏ đi để bầy lại một cuộc đời khác. Có một điều cô lấy làm bẽn lẽn: những cuộc đời dự định trong mộng tưởng của cô bao giờ cũng có dính dáng với người mà cô thầm yêu nhớ.

Trong khi ấy, ở dưới nhà ngang, ông lão bộc cũng đương loay hoay trở mình trên chiếc giường lát nứa tiếng kêu lạt sạt. Vì ông động nhắm mắt, lại thấy cụ Tú Lãm hiện lên đứng trước mặt. Lúc ban ngày mải công kia việc nọ, ông không nghĩ tới cụ nên không tưởng tượng ra được hình ảnh cụ. Song giữa đêm thanh vắng lại thêm có sự xúc động tới cảm giác, trí não của ông lão chất phác làm việc ngấm ngầm ở trong khối não vẽ ra hệt được cái tướng mạo cụ Tú trong lúc sinh thời. Vì thế ông Hạnh càng tin rằng linh hồn người quá khứ về trách mắng ông ta.

Ông ta trông thấy rõ ràng cặp mi cau gần giáp nhau, đôi con mắt tròn xoe nhìn chòng chọc ông ta. Ông ta trở mình quay vào phía tường lấy hai bàn tay che kín mặt, nhưng vẫn trông thấy cặp mắt trợn ngược dữ tợn... Ông ta lẩm bẩm khấn thầm: "Lạy cụ, việc này thực không phải tự tôi!".

Tiếng gà nửa đêm trong khắp xóm như tiếng dương gian đến cứu nạn cho ông lão đương bị làn không khí nặng nề của cõi âm đè nén. Ông ta lóp ngóp dậy thắp ngọn đèn hoa kỳ, và lấy cái điếu cầy ra kéo luôn ba hơi, rồi ông ta để đèn đó ngồi nhìn chứ không dám lên giường ngủ nữa.

Gà gáy sáng lần thứ nhất, ông ta đứng dậy đi lấy gạo thổi cơm thì

gặp Mai cũng đã ra sân rồi. Ông ta lại gần, cất giọng run run bảo Mai:

– Cô nên nghĩ kỹ lại xem.

Mai hơi cau mặt:

– Tôi nghĩ cả đêm rồi. Bây giờ tôi càng cả quyết lắm.

Ông lão ra dáng không bằng lòng, lẳng lặng xuống bếp. Mai cũng theo xuống để thổi cơm. Trời hãy còn tối. Ánh lửa rạ thấp thoáng chiếu vào cái đầu bạc phơ của ông lão già đổi ra sắc hồng hồng. Mai đương tò mò đứng ngắm, nghĩ ngợi, thì ông lão ngửng đầu lên đăm đăm nhìn cô con gái chủ rồi lùi lại một bước. Mai kinh hãi hỏi:

– Ông sao vậy, ông Hạnh?

Ông Hạnh vừa thở vừa đáp:

– Trông cô giống cụ Tú quá.

Mai mỉm cười:

– Mãi bây giờ ông mới biết à?

– Đêm mới rồi cụ Tú về, tôi trông cũng y như cô.

Mai cười:

– Tại ông cứ nghĩ đến, nên nằm mộng đấy chứ gì.

– Rõ ràng tôi thức hẳn hoi chứ mộng mị thì còn nói gì nữa!

Mai vẫn cười:

– Tôi cũng thấy thầy tôi về, ông Hạnh ạ.

Ông lão bộc tỏ ý sợ hãi:

– Thế à! Vậy cô thấy những gì? Cô thử kể xem có giống những điều tôi thấy không.

Mai rất thông minh, biết rằng ông lão bộc ý tưởng chất phác hay mê tín quỉ thần, nên ngày nghĩ thế nào đêm mộng thấy thế. Cô liền bịa ra chiêm bao để yên lòng ông ta. Cô xếp đặt câu chuyện cho có đầu cuối rồi nói:

– Tôi thấy cụ về. Cụ tươi cười bảo tôi nên bán nhà để lấy tiền nuôi em Huy đi học. Rồi cụ lại biến ngay.

– Thế à? Cô thấy thế à? Tôi thì thấy cụ về trợn mắt lườm tôi, tôi sợ hãi quá.

Mai cười:

– Phải rồi! Cụ giận ông, vì ông cứ can ngăn không muốn để tôi

bán nhà đấy chứ gì!...

Lão bộc yên lặng ngẫm nghĩ rồi bảo Mai:

– Nếu vậy, ta ăn cơm sớm để đi ngay, vì từ đây đến làng ông Hàn Thanh đường dài hơn một thôi, mà nếu ta đến muộn thì chỉ sợ bà Hàn lại đi coi đồng áng rồi thì nhỡ hết công việc.

Mai tỏ ý ngạc nhiên:

– Nếu bà Hàn đi vắng thì đã có ông Hàn ở nhà lo gì?

Lão bộc cười:

– Nào có thế được! Công việc mua bán ông Hàn giao cả cho bà ba, bà ba đi vắng thì ông Hàn vị tất đã dám cả quyết.

– Vậy thì ta ăn cơm mau để đi cho sớm.

BƯỚC ĐẦU

Ông Nguyễn Thiết Thanh là chánh tổng cựu đã được mông thưởng chánh thất phẩm bá hộ. Như thế thì đáng lẽ ông chỉ là một ông chánh bá dù hàm ông đã cao. Song vì trong hàng tổng phần nhiều người đều có nhờ vả, vay mượn nhà ông, và quan trên lại rục rịch hứa tư thưởng cho ông hàm Hàn lâm đãi chiếu nên khắp vùng ấy ai ai cũng gọi tôn ông lên là cụ Hàn, tuy ông mới ngoài bốn mươi tuổi.

Vả ông Thanh thực hoàn toàn là một cụ hàn, vì rằng các cụ hàn thường đẫy đà mà ông ta thì phì nộn phương phi lắm, mặc dầu ông ta có nghiện thuốc phiện. Ông ta cũng nghiện chơi nghiện bời cho vui cùng ngày tháng đó mà thôi: ở nhà quê mà không nghiện một thứ gì, thì buồn lắm, cả ngày chả có một việc để làm bận đến cái thân nhàn. Một lẽ nữa khiến ông ta ham chơi thú ả phiến, là ông ta giàu, giàu lắm, giàu nhất trong hàng huyện, và thứ nhì thứ ba trong hàng tỉnh; nên ông ta cần phải hút để tiện thức mà coi lấy của.

Ai đi qua con đường thiên lý, xa trông thấy thôn Xuân Đỉnh tất cũng thấy sau mấy tòa nhà ngói, đến hơn chục cây thóc, cao chót vót ngất từng mây, như những chòm lính canh ở các phủ huyện vậy. Đó là nhà ông Hàn và các bà vợ của ông ta.

Vì ông Hàn có những ba vợ ở riêng mỗi người một dinh cơ giáp liền nhau. Vợ cả và vợ hai đều chỉ sinh con gái. Ông Hàn liền

lấy thêm cô vợ ba, thì sinh ngay được một cậu con trai đầu lòng. Vì thế cô được ông Hàn thương yêu chiều chuộng, làm nhà gác cho ở, và cung phụng như một cô tiểu thiếp nhà quan vậy: Nào nuôi cho kẻ hầu người hạ tấp nập, nào sắm cho bàn ghế giường tủ kiểu tây, bầy la liệt trông rất là rực rỡ. Vợ cả và vợ hai, tuy cũng có ghen nhưng không dám hé môi vì ông Hàn oai nghiêm lắm, khắp hàng tổng còn sợ ép một bề nữa là các bà vợ.

Tuy thế, người vợ ba cũng không phải là người có nhan sắc, được ông Hàn yêu thương là chỉ vì sinh hạ người nối dõi tông đường cho ông đó mà thôi. Ông Hàn lại cũng không phải là người không biết thưởng thức cái đẹp, nên tuy đã có ba vợ rồi mà còn muốn kén một bực tiểu tinh diễm lệ để vui thú cảnh nhàn, vì ông Hàn vẫn tự phụ là người hào hoa phong nhã.

Hôm ấy, mặt trời đã lên cao, mà ông Hàn còn chưa thức giấc. Tối hôm qua, ông chơi những bốn năm hội tổ tôm ở nhà vợ ba, xong lại hút thuốc đến gần sáng, nên hôm nay sớm lắm cũng gần trưa, thì họa may ra ông mới dậy.

Được ông chồng luôn luôn ngủ bên nhà mình, cô Ba lên mặt hãnh diện với hàng xóm láng giềng lắm, và tỏ ý tôn kính chồng như một ông quan lớn vậy: Ra vào rón rén, bắt đầy tớ không được nói chuyện hoặc hắng giọng để được tĩnh mịch cho quan Hàn yên giấc.

Lúc đó, cô Ba bỗng nghe có người nheo nhéo gọi cổng ngoài, vì nhà các ông cự phú ở chốn thôn quê bao giờ cũng có hai ba chặng cổng và cài đóng rất cẩn thận. Cô Hàn nghe tiếng, cau mặt lẩm bẩm, sai một người đầy tớ ra xem, tên nào dám làm huyên náo như thế, để mất giấc ngủ của quan.

Một lúc, tên người nhà trở vào đưa Mai và người lão bộc theo sau. Cô Ba trông thấy vội kêu:

– Quan còn ngủ, sao mày đã cho họ vào.

Rồi chạy ra sân hỏi:

– Ông già kia đến có việc gì?

Lão bộc ấp úng chưa dám ngỏ lời, thì Mai đã ung dung đáp:

– Chúng tôi ở bên Ninh Bắc sang muốn kêu cụ Hàn chút việc.

Ý chừng bà Hàn ba nghe Mai gọi quan Hàn là cụ thì không bằng lòng nên nguây nguẩy quay vào trong nhà không thèm trả lời.

Lúc bấy giờ ông Hàn Thanh thức giấc nghe có tiếng ồn ào ở ngoài sân, liền hỏi cô Ba:

– Cái gì đấy?

Cô Ba lãnh đạm trả lời:

– Có con bé nào đi với một lão già ý chừng muốn đến vay tiền.

Cô Hàn quay bảo tên người nhà:

– Mày ra bảo chúng nó cút đi.

Ông Hàn đã ngủ được một giấc ngon, trong người thấy khoan khoái dễ chịu, vui vẻ, liền cười bảo vợ:

– Thì cứ cho người ta vào. Mình không cho người ta vay thì thôi chứ có hề gì!

Rồi ông gọi tên người nhà lại:

– Mày! Cứ bảo họ vào đây.

Cô Mai và ông lão Hạnh theo người đầy tớ bước vào căn nhà ba gian. Bên cạnh tủ chè, trên sập gụ, ông Hàn ngồi rửa mặt, mình vận cái áo để hở cả bụng, đầu búi tóc ngược trông có vẻ oai vệ lắm. Nhác thấy Mai ông ngây người ra, rồi quấn vội chiếc khăn lượt, mặc vội cái áo đoạn, như đón tiếp một người khách quý vậy. Cô Ba ngắm cử chỉ của chồng lấy làm lộn tiết. Cô thừa biết rằng chỉ vì con bé kia có chút nhan sắc mà được cái hân hạnh chồng mình xử một cách quá lễ phép đến như thế. Bởi có cái tiên kiến đó nên ban nãy cô Hàn chỉ muốn sai đầy tớ đuổi ngay bọn họ ra mà thôi: Cô vẫn không lạ gì cái tính hiếu sắc của chồng.

Khi đã khăn áo chỉnh tề, đã vuốt cẩn thận bộ râu mép cho thẳng thắn, ông Hàn mới quay mặt ra chỗ Mai:

– Cô đến có việc gì vậy? Mời cô hãy ngồi tạm xuống ghế, sao lại đứng thế? Cả ông già nữa!

Ông lão Hạnh chắp tay, lễ phép đáp lại:

– Bẩm quan lớn để mặc chúng cháu.

– Cô em với ông già ở đâu? Đến có việc gì?

Mai vẫn đứng, khép nép trả lời:

– Bẩm cụ, chúng tôi là con ông Tú Lãm ở bên Ninh Bắc.

Chả biết ông Hàn có quen cụ Tú thực không, nhưng mà có

lẽ ông thấy con cụ xinh đẹp quá nên ông vồn vã hỏi thăm như chỗ thân mật lắm:

– Thế à! Cô là con cụ Tú Ninh Bắc đấy à? Tưởng ở đâu xa lạ! Vậy cụ Tú cho cô sang hỏi tôi việc gì vậy?

Mai hai má đỏ ửng, cúi mặt se sẽ đáp:

– Thưa cụ, thầy cháu đã khuất.

Ông Hàn làm bộ sửng sốt:

– Thế à? Cụ Tú quy tiên rồi à? Thế mà chả báo tin cho tôi biết để tôi sang đưa đám. Vậy nay cô cần điều gì đấy?

– Thưa cụ, chúng cháu túng bấn...

Cô Hàn đứng lắng tai nghe, phần căm tức về chồng thấy gái thì híp mắt lại, phần lộn tiết về cô ả kia chắc chỉ đến tán tỉnh để định vay mượn. Khi nghe Mai nói đến đấy, cô Hàn vội lại gần sập rồi dằn từng tiếng bảo chồng:

– Đấy ông coi, tôi đoán có sai đâu?

Ông Hàn gạt đi mà rằng:

– Thì bà hãy để cho cô ấy nói dứt lời đã nào.

Rồi quay lại phía Mai hỏi:

– Sao nữa, cô định nhờ tôi việc gì vậy?

– Thưa cụ, thầy cháu mất đi, chị em cháu, vì cháu có em giai đương đi học, chị em cháu túng bấn, sang kêu cụ làm ơn mua giúp cho cái nhà và miếng đất...

Ông Hàn ngắt lời Mai, đáp lại:

– Cô tính tôi làm gì có tiền mà mua đất. Mà tôi mua làm gì nhà đất ở tận bên Ninh Bắc?

Cô Hàn nghe thấy chồng chối phắt, lấy làm bằng lòng lắm, tươi cười nói:

– Phải! Mua nhà cửa đất cát ở tận bên Ninh Bắc thì ai sang đấy mà ở?

Mai kêu nài:

– Bẩm nhà thì hai cụ cho dỡ ra tiện sông chở về bên làng, nhà cháu là nếp nhà gạch năm gian hai chái làm toàn bằng gỗ lim tốt, lại có cái nhà ngang, ba gian lợp cói, cũng còn tốt.

– Vẫn biết thế, nhưng có tiền đâu mà mua. Vả lại tôi là chỗ quen thuộc với cụ Tú khi xưa, nay mua nhà của cô không tiện.

– Bẩm cụ, cụ mua nhà cho cháu là làm phúc cứu sống được chị em cháu, có gì mà ngại, chắc thầy cháu ở dưới suối vàng cũng phải mang ơn cùng cụ... Bẩm vả lại cháu cần tiền thì dù cụ giả rẻ cháu cũng phải bán.

Cô Hàn ngồi nghe biết cô bé con còn dại dột, chắc có thể xoay được và có thể mua được món hời, liền đưa mắt ra hiệu cho chồng rồi nói sẽ:

– Ông vào trong buồng, tôi hỏi tý việc.

Khi vào buồng, cô Hàn thì thầm khuyên chồng nên dìm giá mà mua thực rẻ vì cô có nghe tiếng ông Tú Lãm ngày xưa ở Ninh Bắc là người giàu có thì cái nhà ấy chắc cũng dựng bằng gỗ tốt. Còn đất, bán lại cho ai mà không được, nếu không cho người nhà sang ở càng hay chứ sao, vì ở bên ấy ông Hàn cũng có mấy chục mẫu ruộng phụ canh. Ông Hàn cười bảo vợ:

– Tôi đã định liệu đâu đấy cả rồi, bà cứ để mặc tôi.

Cô Hàn khen nịnh chồng một câu:

– Phải, ông thì còn phải kể, còn bao giờ kém cạnh nước gì.

– Vậy bà cứ để tôi xoay cho con bé một mẻ. Nhà và đất của nó có lẽ đáng giá nghìn bạc chứ chẳng chơi, nhưng rồi bà xem, tôi chỉ giả độ ba, bốn trăm là mua nổi.

Cô Hàn nghe lấy làm hởi dạ, mỉm cười, nũng nịu bảo chồng:

– Thế ông mua cho tôi, văn tự đứng tên tôi nhé.

Ông Hàn lấy tay tát yêu hai bên má vợ ba, trả lời:

– Lại còn mua đất cho ai nữa! Cả mấy chục mẫu ruộng ở bên Ninh Bắc rồi cũng đứng tên ai!

Cô Hàn sung sướng đỏ bừng cả mặt. Ông Hàn nghĩ một tí rồi lại nói:

– Nhưng nếu có bà ở đây khó xoay vì bà tính hay nóng nẩy. Vậy bà ra đồng trông coi qua bọn thợ cấy, để mặc tôi với... với ông lão cùng con bé, thế nào chốc nữa bà về cũng làm xong văn tự... không khéo chỉ hai trăm cũng nên.

Cô Hàn nghĩ đến lợi quên bẵng lòng ghen, liền cắp nón đi ngay,

để mặc chồng ở nhà cùng với Mai và người lão bộc.

Ông Hàn đợi cho vợ đi được một lúc lâu mới ra nhà ngoài, mủm mỉm cười nhìn Mai, hỏi:

– Cô có biết bà Hàn dặn tôi những gì không?

Mai đương mong đợi biết kết quả sự bàn định của hai vợ chồng ông Hàn, vội vàng hỏi lại:

– Thưa cụ, bà Hàn dặn cụ những điều gì thế?

Ông Hàn lại gần sẽ nói:

– Bà Hàn dặn tôi đừng mua nhà của cô, dù cô nằn nì thế nào cũng từ chối.

Mai thực thà, tin lời ông Hàn, buồn rầu đứng dậy, toan cáo từ ra về, thì ông ta giữ lại:

– Hãy thong thả ngồi chơi uống nước đã. Làm gì mà vội vàng thế?

Mai nghe câu mời của ông Hàn có ý lả lơi, càng quả quyết muốn về ngay. Ông Hàn cười híp mắt, lấy tay vuốt mãi bộ ria, rồi hỏi Mai:

– Cô có biết tại sao bà Hàn không bằng lòng để tôi mua nhà của cô không?

Câu hỏi ngộ nghĩnh, khiến Mai phải bật cười:

– Thưa cụ, cháu còn biết tại sao?

– Tại...

Ông Hàn đương nói dở câu, bỗng ngừng lại, bảo ông Hạnh:

– Này ông già, ông xuống nhà giục nó đun nước mau lên.

Mai vội đỡ lời:

– Thôi, xin cụ tha phép cho, chúng cháu không khát.

Khi người lão bộc đã xuống bếp, ông Hàn liền ghé gần lại chỗ Mai, khiến cô sợ hãi vội lùi một bước. Ông Hàn tươi cười bảo Mai:

– Bà Hàn không bằng lòng để tôi mua nhà của cô, là vì cô đẹp lắm.

Mai vừa xấu hổ vừa tức giận, nguây nguẩy toan bước ra sân. Ông Hàn nói tiếp:

– Tôi khen cô đẹp thì đã làm sao mà cô giận?

Mai nghiêm sắc mặt nói:

– Thưa cụ, cụ nói là bạn thầy tôi, vậy tôi cũng như con cụ.

– Tôi đâu dám. Thì cô hãy tạm ngồi xuống, tôi nói nốt câu chuyện đã nào.

– Cụ để mặc cháu.

– Câu chuyện tôi sắp nói hay lắm, hay cho cô, vì cô bán được nhà, mà hay cả cho tôi, nhưng mời cô hãy ngồi xuống đã.

Mai chỉ lo không bán được nhà, nghe ông Hàn nói tới đó thì mừng thầm, cố dằn lòng ngồi xuống. Ông Hàn ngọt ngào nói:

– Tôi có ngót ba chục mẫu ruộng ở bên Ninh Bắc. Chẳng nói giấu gì cô, đó là ruộng tôi mua lại của cụ Tú nhà khi xưa. Cụ cần tiền đem bán cho tôi, tôi đưa tiền cụ tiêu, từ chối không dám nhận ruộng của cụ, song cụ nhất định không nghe, đòi viết văn tự cho bằng được. Thành thử...

Mai nhẹ dạ, nghe ông Hàn nói, lấy làm cảm động vội ngắt lời:

– Thưa cụ, việc mua bán phải ra việc mua bán chứ, cháu thiết tưởng...

Ông Hàn cười tình:

– Cô cứ bầy vẽ! Cụ với cháu mãi. Tôi đối với cụ Tú nhà chỉ vào hàng con cháu, cô cứ gọi tôi là cụ và xưng cháu với tôi, làm tôi ngượng chết đi ấy.

Ông Hàn vừa nói vừa nhích lại gần chỗ Mai. Mai vô tình ngồi yên, khiến ông Hàn tưởng cô đã dịu, liền giở giọng tán:

– Cô ạ, giá ngót ba chục mẫu ruộng ấy, có người đứng trông coi cho tôi thì tiện biết bao.

– Thưa cụ, cụ mua nhà cháu rồi cho người sang đấy ở để coi.

– Không được. Ở bên này, ba bà Hàn nhà tôi – ba bà tôi coi ngang nhau, chứ chẳng phân cả lẽ trên dưới gì đâu – ba bà đều dinh cơ vườn ruộng cả rồi, không thể cho sang bên ấy được. Mà sai đầy tớ thì không tiện vì phải vợ con mới có thể giao phó cho những công việc to tát ấy được. Vì thế tôi đương tìm một bà vợ nữa để đứng trông coi ruộng bên ấy cho tôi, mà tất phải người bên làng và trẻ tuổi, trẻ... như cô ấy.

Mai nghe nói, hơi cau đôi mày, ngồi lùi về phía tường, rồi nghiêm trang đáp lại:

– Thưa cụ, bên chúng cháu chả có ai ra hồn.

Ông Hàn mủm mỉm cười, mấy ngón tay vơ vẩn xoa cằm.

– Thôi, cô này... nói gần nói xa chẳng qua nói thật... cái nhà của cô ấy mà... không cần bán... cũng có tiền... Tiện cho cô mà tiện cả cho tôi...

– Thưa cụ, cụ dạy gì, cháu không hiểu.

– Lại còn không hiểu. Nghĩa là cô đứng trông coi nhà cửa ruộng nương bên ấy cho tôi.

Mai bỡ ngỡ hỏi:

– Thưa cụ...

– Đã bảo đừng gọi người ta là cụ mà! Gọi là ông... hay là anh cũng được.

Mai, hai má đỏ ửng, đứng phắt dậy, ra hiên gọi:

– Ông Hạnh! Ông Hạnh!

Thiết Thanh cười, chạy theo toan lôi Mai lại:

– Làm gì mà cô phải gọi rối lên thế?

Mai sợ thất sắc, tuy lúc bấy giờ người lão bộc ở nhà dưới nghe tiếng cô gọi đã vội chạy lên. Cô biết rằng nóng nẩy có khi gặp sự chẳng lành, liền đấu dịu, ung dung gượng cười, trở lại chỗ cũ:

– Thưa cụ, cháu gọi ông ấy lên để sắp xin phép cụ trở về, vì cụ chẳng thương mà mua giúp nhà đất cho.

Thiết Thanh ghé gần tận tai, bảo sẽ Mai:

– Có cô chẳng thương tôi thì có!

Mai vờ không nghe tiếng, chắp tay vái chào:

– Lạy cụ ạ, chúng cháu xin về.

– Hãy thong thả, được nước rồi, uống vài chén chè tầu với tôi đã.

Mai lễ phép:

– Thưa cụ, quả cháu nhà quê nhà mùa, không biết uống chè tầu.

– Thì làm gì mà vội thế? Vậy cả nhà lẫn đất cô lấy bao nhiêu tiền, cô lấy tôi... bao nhiêu tiền?

Ông Hàn ta nghe chừng đắc ý vì đã nói được một câu có ý vị, tình tứ, nhắc đi nhắc lại mãi câu: "Cô lấy tôi... bao nhiêu tiền".

Mai không hiểu, ngẫm nghĩ rồi đưa mắt nhìn ông Hạnh. Ông lão bộc đỡ lời cô chủ:

– Thưa cụ, đáng giá thì đến nghìn rưỡi đấy. Nhưng vì cụ là chỗ bạn cụ Tú cháu, thì cô cháu chỉ xin cụ chẵn nghìn bạc.

Ông Hàn Thanh gật gù đọc câu Kiều:

– *Thưa rằng giá đáng nghìn vàng.*

Ông ta lấy làm tự đắc rằng có tài ứng đối, vui sướng bảo Mai:

– Cô bằng lòng nhé? .... Bằng lòng tôi nhé? Nghìn vàng đấy!

Rồi cười ha hả nhắc lại câu Kiều "Thưa rằng giá đáng nghìn vàng".

Bỗng ông ta ngừng bặt, ngẫm nghĩ, quay ra bảo người lão bộc:

– À ông... ông gì? Ông Hạnh, ông giục nước mau cho.

Người lão bộc, vâng lời xuống nhà, ông Hàn liền dỗ Mai:

– Cô nghĩ kỹ mà xem... thật là lợi cho cô nhiều lắm. Này nhé, lấy tôi...

Mai tức giận chảy nước mắt, ấp úng đáp:

– Thưa cụ...

Ông Hàn vẫn thong thả tiếp:

– Lấy tôi, tôi cho nghìn bạc làm vốn, lại có ruộng có vườn, mà vừa được ở nhà ở cửa như xưa, sung sướng biết bao...

Không thấy Mai trả lời ông Hàn lại nói:

– Cô bằng lòng đấy nhé?...

Mai vẫn không trả lời, vì cô tức uất người, nghẹn ngào không nói được lên tiếng. Cô đã toan cự tuyệt, song nghĩ tới thân gái yếu đuối lỡ bước, nếu không khôn khéo thì khó lòng thoát được tay phàm tục, liền dịu dàng đáp lại:

– Thưa cụ...

– Thưa ông mà lại...

Mai cười gượng:

– Thưa ông, cháu tang tóc đâu dám nghĩ tới việc hôn nhân...

– Cô cứ bằng lòng là được rồi. Sang năm, cô hết trở – có phải sang năm không, cô?

– Vâng sang năm.

– Tháng mấy sang năm?

– Tháng sáu sang năm.

– Trời ơi! Thế ra còn những mười lăm tháng nữa... mười lăm tháng dài bằng mười lăm năm cho tôi đấy, cô ạ! Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình?

Ông Hàn tìm được câu Kiều nữa, lại đắc chí cười ngặt cười nghẹo. Rồi nói luôn:

– Vậy mười lăm năm, à quên, mười lăm tháng nữa chúng ta hãy làm lễ thành hôn, động phòng huê chúc cũng được chứ gì?

Mai không giữ nổi lòng căm tức, nước mắt dàn dụa, nâng vạt áo hỉ mũi. Ông Hàn lại gần âu yếm hỏi:

– Sao em lại khóc?

Mai thấy Hàn Thanh đứng sát cạnh mình, liền lùi lại một bước rồi vờ tươi cười – cái cười đau đớn hơn tiếng khóc – trả lời chống chế:

– Thưa cụ...

– Thưa ông, thưa mình...

– Thưa ông, tôi nhớ đến thầy tôi, nên tôi khóc.

Hàn Thanh làm bộ thương tiếc cụ Tú:

– Khốn nạn! Cụ chả ở dương gian mà mừng cho con sắp lên làm bà Hàn.

Ngẫm nghĩ một lát, Hàn Thanh đăm đăm nhìn Mai, mỉm cười, rồi lại nói:

– Vậy bây giờ tôi đưa một nghìn để cô... để em làm vốn và em vờ làm tờ cầm nhà, cầm đất để che mắt thiên hạ hẹn đến tháng sáu sang năm chuộc... Thế rồi... thế rồi đến tháng sáu sang năm... tôi lại giả văn tự cho cô, cho em... Thế thì cô tính có tiện không?

– Thưa cụ, cụ hãy cho cháu về cháu nghĩ lại đã.

– Còn nghĩ lại gì nữa? Mỗi cái giấy đây cô viết cho mấy chữ rồi tôi giao tiền là xong, cô biết viết đấy chứ?

Mai nghĩ ra được một kế, một kế hoãn binh:

– Thưa cụ cháu không biết chữ.

– Viết quốc ngữ cũng được.

– Cháu cũng không biết viết quốc ngữ. Thưa cụ hay thế này, vài hôm nữa mời cụ sang chơi bên cháu, rồi cháu nhờ người trong họ thảo hộ văn tự, với lại cũng phải có chú bác cháu ký tên vào văn tự nữa mới được chứ.

– Thế cũng được, thế càng hay, tôi sang thăm nhà cô, nhà chúng ta. Vậy chiều mai tôi sang nhé? Thế thì em ngoan lắm!

– Bây giờ cháu xin phép cụ cháu về.

– Vâng thì cô về. Chiều mai tôi đem tiền sang đấy. Nhà cô mát đấy chứ?

– Thưa cụ cũng khá.

– Thế cô ngẫm nghĩ đi nhé. Chớ đổi ý kiến mà rầy rà đấy. Nhà cô, mà tôi đã không mua thì tôi đố đứa nào ở vùng này dám mua nổi. Không những thế, còn khốn khổ cực nhục với tôi nữa kia. Nhưng ấy là nói phòng xa đấy thôi, chứ chắc cô thương tôi lắm rồi.

Ông Hạn, trong lòng sung sướng, lại ngâm một câu Kiều nữa:

– *Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên.*

Mai cắp nón vái chào:

– Lạy cụ ạ, cháu xin về.

Hàn Thanh cười.

– Không dám, em về nhà, thế chiều mai nhớ nhé... À tên em là gì nhỉ?

– Thưa cụ tên cháu là Mai.

– Thanh Mai! Thanh Mai! Đôi ta có lẽ se lại bởi duyên trời. Thanh Mai hay lắm!

Mai đã bước ra đến sân, gọi ông lão Hạnh ra về, ông Hàn còn dặn với một câu:

– Vậy nhớ nhé, Mai?

Rồi ông ta lấy làm bằng lòng rằng đã tìm được chữ mai có hai nghĩa, mỉm cười, vân vê bộ ria, đứng nhìn theo, nhắc lại một lần cuối cùng:

– Chiều mai nhé, Mai?

Mai không trả lời, không quay lại đi thẳng ra cổng.

Mặt trời đã lên cao, điểm sáng ánh nắng lên dãy núi Tam

Đảo, như vẽ chỗ tím, chỗ xanh. Một đám mây trắng nhỏ vờn ngang sườn núi như làn khói nhạt. Trên một ngọn đồi phản chiếu ánh vàng, lơ thơ mấy cây thông, lá xanh đen xòe ra như những cái tán cắm trên lưng con rùa.

Cũng cảnh ấy, hôm qua Mai ngắm thấy bao tình tứ ẩn núp ở trong, mà hôm nay Mai chỉ thấy nhuộm một sắc buồn. Cho đến tiếng chim xuân ríu rít hót trên cành, Mai nghe như toàn những lời mai mỉa.

Hai người lẳng lặng đi bên cạnh nhau, không ai nói với ai nửa lời. Bỗng Mai bưng mặt khóc. Lão bộc buồn rầu hỏi:

– Sao cô khóc thế?

Không thấy Mai trả lời, ông lại nói:

– Ông Hàn nhận lời mua nhà cho cô, cô còn buồn nỗi gì?

– Mua nhà à? Mua người ấy?

Ông lão không hiểu, nhưng biết rằng cô chủ đương có sự gì đau đớn lắm, nên không dám hỏi nữa. Còn Mai tuy người mỏi mệt, mà trời lại hơi oi, nhưng vẫn dấn bước trên đường cho mau về tới nhà. Là vì cái hình ảnh Hàn Thanh vẫn còn luẩn quẩn trong tâm trí cô, khiến cô sợ hãi, lúc nào cũng có cảm giác bị người đuổi theo sau.

Về tới nhà gọi cổng. Người ra mở cổng không phải là con bé bên hàng xóm mà ông lão bộc nhờ trông nhà hộ, nhưng lại chính là Lộc.

Mai ngơ ngác không kịp chào hỏi. Cô vừa kinh ngạc, vừa sung sướng, không nói được nửa lời. Lộc vồn vã tươi cười:

– Chào cô, tôi ở Phúc Yên đi chuyến xe tám giờ về thăm cô và xem cô có bán được nhà không. Tôi hỏi thăm mãi mới tìm được nhà cô. Khi đến nơi, gặp con bé con, nó nói cô sang làng bên cạnh.

Mai e lệ không trả lời. Lộc lại nói:

– Vậy công việc của cô ra sao? Đã dạm bán nhà cho ai chưa?

Mai se sẽ đáp:

– Thưa ông, không có ai mua, xin mời ông lên nhà ngồi chơi.

Rồi cô quay lại bảo ông lão Hạnh:

– Ông lên nhà giải chiếu mới ra mời quan tham ngồi chơi, tôi xuống nhà đun nước.

Rồi cô chào Lộc, chạy vụt xuống bếp.

Trong khi Mai lúi húi đun nước thì ở nhà trên Lộc ngồi hỏi chuyện ông lão Hạnh về công việc bán nhà, bán đất; ông lão già chỉ biết rằng buổi sáng cùng Mai sang dạm bán nhà cho ông chánh Thanh, còn việc thuận hay không thuận thì ông ta cũng không rõ.

Ở dưới bếp, siêu nước chè tươi sôi đã lâu, và Mai đã rập tắt lửa, song cô vẫn không dám lên nhà lấy ấm tích xuống rót nước. Cô sợ. Cô sợ ông tham Lộc cười cảnh nhà cô thanh bạch.

Những người xưa giàu có nay bị sa sút vẫn có cái tư tưởng ấy.

Cô đương loay hoay nghĩ ngợi, tay cầm que để cời tro, thì ông lão bộc ở trên nhà đi xuống. Cô vội hỏi.

– Lấy gì đựng nước được, ông Hạnh?

– Cô để tôi lên lấy ấm tích.

– Cái ấm tích không nắp ấy à?

– Thì thưa cô cả nhà có mỗi cái ấm ấy.

Mai mỉm cười, ngượng nghịu:

– Thôi cũng được! Vậy ông lấy xuống, đánh cho sạch cáu vối bám chung quanh đi... Nhưng còn chén?

– Uống bát cũng được, cô ạ.

– Không được! Hay ông... ông lấy tạm chén thờ cụ?

Ông già nhăn nhó:

– Chết! Sao lại lấy chén thờ?

– Thôi cũng được! Ông cứ nghe tôi, phải tội tôi chịu.

Năm phút sau, ông Hạnh kính cẩn bưng đặt lên giường cái khay thờ trong đựng cái ấm tích không có nắp và hai cái chén cổ bịt đồng. Mai cũng theo lên nhưng đứng nấp ngoài hiên, ghé mắt nhìn qua khe cửa, không dám vào.

Lộc hỏi ông lão Hạnh:

– Cô Mai đâu? Ông mời cô lên xơi nước.

– Thưa thầy, cô cháu không dám, mời thầy xơi nước.

Miệng nói tay rót nước ra chén. Lộc sợ ông Hạnh ngờ mình có tư tình gì với Mai liền kể lể:

– Ông lão ạ! Tôi với cô Mai đây cũng như anh em ruột.

Ngày trước cụ Tú ngồi dạy học ở nhà tôi, khi cụ thân sinh ra tôi còn tri huyện Đông Anh kia. Vậy tôi là môn sinh cụ Tú thì cũng như anh cô Mai.

Mai đứng ngoài mỉm cười vì cô vừa nghe thấy Lộc nói dối. Thật ra không bao giờ Lộc có học cụ Tú. Tự nhiên Mai thấy trong lòng sung sướng, cô cho là sự nói dối kia rất có ý nghĩa, rất có tình tứ. Rồi cô lẩm bẩm nói đùa một mình:

– Nếu là môn sinh thực thì đối với ta là chị em chứ anh em sao được!

Lộc ngồi uống nước, mãi không thấy Mai lên, lấy làm sốt ruột bảo ông Hạnh:

– Ông lão xuống nói với cô Mai hộ tôi rằng tôi xin về.

Mai nghe hoảng hốt không kịp giữ gìn vội vàng bước vào trong nhà chắp tay, ấp úng chào mời. Lộc cúi đầu đáp lễ.

– Mời cô xơi nước.

– Bẩm quan tôi không dám.

– Thế nào cô, nhà đất có bán được không?

– Bẩm không... bán được.

Lộc thương hại an ủi:

– Càng hay cô ạ. Thực ra tôi không muốn cô bán nhà... bán nhà thờ cụ Tú.

Lão bộc thấy Lộc nói trúng ý mình lấy làm thích chí cười bảo Mai:

– Đấy cô coi, quan tham cũng nói thế đấy nhé. Thế mà cô nỡ đem bán đi. Đến mai người ta sang làm văn tự thì còn nói năng gì nữa.

– Vậy ra cô tìm được người mua nhà rồi đấy. Thế mà cô định giấu tôi.

Mai nghĩ tới chuyện xảy ra buổi sáng phần tức giận, phần xấu hổ, không sao nói được nên lời, chỉ cúi gầm mặt xuống, nuốt ngầm nước mắt.

Lộc lại hỏi:

– Vậy bán được bao nhiêu tiền?

Lão bộc đáp:

– Bẩm một nghìn.

– Có một nghìn, rẻ lắm cô ạ! Cô cứ nghe tôi đừng bán.

Mai sẽ trả lời:

– Nhưng thưa quan, có bán được đâu!

– Sao cô cứ giấu mãi thế?

– Bẩm thực ạ, không bán được. Ông Hạnh ông ấy nghễnh ngãng nghe không ra đấy thôi. Nhưng mà không bán được lại tội bằng một trăm...

Lộc an ủi:

– Không lo cô ạ, đã có tôi giúp đỡ. Tôi về đây hôm nay cũng chỉ có một mục đích ngăn không để cô bán nhà. Về việc học của cậu Huy tôi có thể giúp cô được.

Ông lão Hạnh cảm động bước lại gần sát chỗ Lộc ngồi để nhìn rõ mặt người ân nhân của nhà cụ Tú mà có lẽ Trời Phật thương tình đã dắt lại cho. Rồi ông lão vừa đưa tay lên rụi mắt vừa nói:

– Quan tham đáng là một môn sinh cụ Tú lắm.

Lộc hơi ngượng, nói lảng để ngắt lời người lão bộc:

– Vậy ra nhà không bán được đấy. Tôi đã nói có sai đâu.

– Nhưng bẩm quan...

– Thôi cô cứ gọi ông hay anh tiện hơn cô ạ!

Mai đứng lặng ngẫm nghĩ, vì cô lại nhớ tới những câu chuyện buổi sáng, nhớ tới những lời lả lơi của ông chánh Thanh, mỗi khi cô gọi ông ta là cụ. Cô bỗng có một cảm tưởng chung về bọn đàn ông, cho rằng đứng trước mặt bạn gái họ không bao giờ giữ được ngôn ngữ cử chỉ đứng đắn.

– Thế nào, sao cô lại im?

Mai ngửng phắt đầu lên, nhìn thẳng vào mặt Lộc trong lòng căm tức. Nhưng khi cô thấy cặp mắt Lộc dịu dàng, có vẻ chân thật thì cô lấy làm hối hận rằng ngờ oan cho người có lẽ đối với mình chỉ có tấm lòng thương hại. Từ từ cô cúi đầu, cất giọng run run:

– Thưa ông, đến mai...

Mai như nghẹn lời không nói được nữa. Lộc đoán chắc mới xảy ra sự gì phi thường liền đứng dậy lại gần chỗ Mai hỏi:

– Cô có chuyện gì thế cô, cô cứ nói, tôi sẽ giúp cô.

Mai ấp úng:

– Đến mai ông Hàn Thanh sang đây.

– Ông ấy sang mua nhà cô, phải không?

Mai bẽn lẽn đáp:

– Không phải.

Lộc nóng ruột muốn biết ngay câu chuyện, hỏi dồn:

– Thế sang làm gì?... Ông ta người ở đâu?... Ông ta định sang làm cái trò gì?

Mai cố bình tĩnh đem chuyện ban sáng kể qua cho Lộc nghe. Lộc mặt đỏ bừng, mắm môi trợn mắt, nhìn thẳng như mắng ai đương đứng trước mặt:

– Thằng đểu...!

Mai thấy thế, trong lòng sung sướng, lại càng bịa đặt thêm ra cho câu chuyện có vẻ bi quan. Rồi cô kết luận.

– Đấy ông coi, những điều tôi thưa cùng ông hôm qua có sai chút nào đâu. Ở làng mà đã dễ được yên thân ư? Bị bọn hào cường họ hà hiếp, còn khốn đốn bằng mấy mươi bị lưu lạc ở nơi thành thị. Nhưng bây giờ thực tiến thoái lưỡng nan. Đi cũng dở, vì không bán được nhà, lão Hàn ấy đã thù thì không những không bán được nhà mà còn là khổ sở với lão ta...

Lộc nói to:

– Cô không sợ! Có bác tôi làm quan ở Phúc Yên, cô không sợ.

Mai thở dài:

– Thưa ông, ở nhà quê họ thù ngầm thù ngấm, quan xa biết đấy là đâu.

Ông lão Hạnh cũng bàn góp một câu:

– Bẩm quan lớn, chính thế đấy. Cách đây dăm năm ông Hàn Thanh vì có chuyện hiềm khích lấy tranh nhau một người vợ lẽ, mà ông ta đã đốt nhà ông Ấm Cả, ở bên làng Thượng.

– Sao không kiện?

– Bẩm bằng cớ đâu mà kiện. Việc ấy dai dẳng mãi rồi sau cũng thôi. Cả hàng tổng đều biết đích là ông chánh Thanh sai đầy tớ đốt nhà ông Ấm, nhưng không có tang chứng, câu chuyện rồi cũng

không ra manh mối. Ấy ông Ấm là một người có thần thế đấy.

Lộc tức tối, đi đi lại lại trong ba gian nhà, miệng lẩm bẩm:

– Thế thì ở nhà quê khó chịu lắm nhỉ! Rặt một phường cá nhớn nuốt cá bé!

Ông lão Hạnh lại bàn:

– Hay là cô bằng lòng quách... Ở riêng một mình một dinh cơ, lại có vườn có ruộng!

Mai buồn rầu nhìn người lão bộc:

– Ông lại khuyên tôi câu ấy ư?

– Cô nghĩ kỹ mà xem, bà Hàn ba cũng sung sướng chán đấy nhé, sung sướng bằng mấy bà cả, bà hai. – Cô mà lấy ông Hàn thì chắc lại còn sung sướng bằng mấy bà ba ấy chứ lại.

Mai mỉm cười chép miệng:

– Lúc quẫn bách có lẽ cũng đến phải liều, chứ biết sao.

Lộc đứng đăm đăm chờ Mai đáp lại ông lão bộc ra sao. Nghe câu trả lời, chàng cười gằn:

– Vậy cô bằng lòng đấy.

– Thưa ông, quí hồ em Huy có tiền ăn học.

– Thì tôi đã bảo cô để cậu Huy tôi trông nom cho mà lại. Hay cô cùng về Hà Nội thuê nhà ở chung với cậu Huy?

Mai cười:

– Trước tôi bàn thế thì ông gạt đi, nay ông lại khuyên tôi về Hà Nội.

– Trước đây khác bây giờ khác – Cô phải nhớ rằng ngày mai lão Hàn sang đây.

Nghe lời nói và ngắm điệu bộ của Lộc, Mai đứng im lặng, mỉm cười sung sướng và cúi xuống vơ vẩn cấu cuống chiếu. Lộc bàn:

– Việc này phải cả quyết và làm cho mau chóng – Cô nên đi Hà Nội ngay hôm nay, giao nhà cho ông Hạnh trông coi – Mai lão Hàn có sang, ông Hạnh sẽ nói với lão ta rằng vì cậu Huy ốm nặng, cô phải về Hà Nội ngay. Như thế sẽ tránh được sự thù hằn nhỏ nhen của nó, rồi sau này có xảy ra sự gì, ta sẽ lại liệu.

Mai ngẫm nghĩ, rồi thốt nhiên hỏi.

– Ăn cơm xong, đi có còn kịp tàu không, thưa ông?

– Còn kịp, còn kịp chán.

Lộc rút đồng hồ ra xem giờ, rồi nói luôn:

– Bây giờ mới một giờ mà mãi bốn giờ mới có xe hỏa. Vả nếu nhỡ chuyến bốn giờ thì ta đi chuyến sáu giờ cũng được kia mà.

Lộc cảm động, nói rất nhanh. Còn Mai, Mai cũng cảm động, hai má đỏ bừng. Từ đó hai người không dám nhìn nhau nữa, tưởng như cùng đương mưu đồ một việc gì ám muội. Mai bỗng bảo ông Hạnh:

– Ông đứng hầu quan tham, tôi chạy qua ra chợ xem có gì ăn không?

Lộc vội gạt:

– Thôi cô ạ, bày vẽ làm gì, ăn quàng qué cho xong để còn đi.

Bữa cơm hôm ấy Mai cố làm thật lịch sự, tuy chỉ có cơm hẩm và một con cá chép vừa nấu, vừa rán, bầy trong một cái mâm gỗ sơn son.

Nhưng mà Lộc cho là xưa nay chưa được ăn bữa cơm nào ngon miệng bằng.

PHẦN THỨ HAI

TIỂU GIA ĐÌNH

Một năm sau.

Trong một căn nhà ở phố Yên Phụ, bên hồ Trúc Bạch, một gia đình sống trong cảnh sung sướng êm đềm.

Một người chồng làm tham tá ở công sở, một người vợ và một cậu học trò năm thứ tư trường Bưởi.

Đó là gia đình Lộc và Mai.

Từ khi Lộc đưa Mai về Hà Nội, thuê nhà cho hai chị em Mai ở trọ trong làng Bưởi tới nay đã gần mười hai tháng. Trong mười hai tháng đã xẩy ra bao nhiêu sự buồn khổ, mừng vui!

Trong thời kỳ ba tháng đầu, Mai ở chung với em, không ngày nào Lộc không đến chăm nom săn sóc. Mà tình cảm một ngày một

nặng, chẳng bao lâu đã đổi ra tình yêu.

Rồi một buổi chiều, buổi chiều ấy Mai còn bao giờ quên được! Đứng bên làn nước biếc in trời, Lộc ngỏ lời xin lấy làm vợ. Biết bao âu yếm trong đôi cặp mắt nhìn nhau. Mai nhỏ lụy rồi quay mặt đi... Mai sung sướng quá... Mai không ngờ đâu lại có ngày hôm ấy trong đời Mai.

Nhưng giá ngay buổi tối, Mai được mục kích một tấn kịch diễn trong một căn nhà ở phố H, thì chắc sự sung sướng của nàng cũng chỉ đến đó là kết liễu. Lộc về đến nhà đem đầu đuôi câu chuyện kể lại cho mẹ nghe, người mẹ mà Lộc kính mến, mà Lộc chưa từng trái lệnh một lần. Nào những Mai là con nhà nho giáo. Mai tốt với em, Mai bị quẫn bách, Mai bị hà hiếp, Mai là một cô gái hoàn toàn, về dung nhan và đức hạnh và Lộc xin phép mẹ cưới Mai làm vợ.

Khốn thay Mai chỉ hoàn toàn đối với Lộc mà thôi, chứ đối với bà Án thì Mai chỉ là một con bé khốn nạn, vô giáo dục, một con bé trong đám hạ lưu không đáng làm vợ một quan tham tá. Những lời tán tụng của con, bà Án để ngoài tai hết. Bà cho con bà còn dại đột bị lời ngon ngọt của một gái giang hồ cám dỗ. Bà nói:

– Nếu nó bằng lòng mày thì biết đâu nó lại không bằng lòng người khác. Mày phải biết chỉ người vợ cha mẹ hỏi cho, có cheo, có cưới mới quí, chứ đồ liễu ngõ hoa tường, thì mày định đưa nó về để bẩn nhà tao ra hay sao ?

Lộc sợ hãi kiếm lời chống chế:

– Bẩm mẹ, nhưng người ta có là phường liễu ngõ hoa tường đâu, người ta là con một ông Tú kia mà.

Bà mẹ càng nổi cơn thịnh nộ:

– Nhưng mày phải biết, nó đã bỏ nhà bỏ cửa trốn lên Hà Nội, thì còn là người tử tế sao được!

Lộc cũng tức giận:

– Bẩm, con đã bẩm mẹ rằng người ta bồ côi cha mẹ bị bọn cường hào ức hiếp mới phải trốn tránh.

– Mày tin gì được lời nó nói.

– Thì chính con khuyên người ta về Hà Nội.

Bà Án đập bàn mắng át:

– Tao đã bảo tao không bằng lòng là tao không bằng lòng. Mày có giỏi mày cứ lấy nó. Vả lại tao đã hỏi con quan tuần cho mày, người ta đã thuận gả. Mày tưởng chỗ người nhớn với nhau, nói trẻ con được đấy hẳn.

Nghe mẹ nhắc tới việc con quan tuần, Lộc hơi chau mày, thưa lại:

– Bẩm mẹ, con đã xin mẹ đừng hỏi đám ấy cho con, con không bằng lòng.

Bà Án xỉa xói vào mặt con:

– À, mày giở văn minh ra với tao à? Tự do kết hôn à? Mày không bằng lòng nhưng tao bằng lòng. Mày phải biết lấy vợ gả chồng phải tìm chỗ môn đăng hộ đối, chứ mày định bắt tao thông gia với bọn nhà quê à? Với bọn cùng đinh à! Mày làm mất thể diện tao, mất danh giá tổ tiên, mày là một thằng con bất hiếu. Nghe chưa?

Lộc thấy mẹ giận dữ quát tháo, liền cúi đầu tạ lỗi và xin cam đoan vâng lời mẹ dạy. Xưa nay Lộc vẫn là người con có hiếu.

Sáng sớm hôm sau, Lộc đến thăm Mai và Huy, nói dối người yêu rằng đã xin được phép lấy Mai khiến Mai sung sướng suýt ngất người, và Huy cảm động quá, lại bắt tay Lộc một cách thân mật để tỏ lòng tạ ơn.

Suốt một tháng trời, Lộc bày mưu lập kế để lấy cho được Mai mới nghe, vì chàng yêu Mai đã đến cực điểm.

Kể ra giá chàng cứ thú thực với Mai rằng mẹ chàng không bằng lòng cho chàng kết hôn cùng Mai, nhưng ngoài Mai ra, chàng không thể yêu được một người nào khác, thì có lẽ Mai cũng vì chàng mà hy sinh hết trinh tiết cùng danh dự, hy sinh cả cái đời thanh niên.

Thực vậy, từ ngày nàng gặp Lộc đến nay, trái tim nàng đã nhiều lần hồi hộp vì những tính tình cao thượng, những hành vi quân tử của chàng. Nàng chỉ mong có dịp báo đáp ơn sâu.

Những khi nàng tưởng tới cha thì nàng lại nhớ đến lời phụ huấn: "Ở đời không có sự gì xấu hơn sự quên ơn. Cừu nhân, ta không sợ bằng ân nhân. Ta chỉ lo sẽ xảy ra sự gì khiến ta không thể trả được ơn, chứ đối với kẻ thù thì không có thứ khí giới nào mạnh bằng lòng hữu ái. Lòng hữu ái ấy, nếu ta đem ra đối đãi với ân nhân ta thì chẳng hóa ra ta đặt ân nhân ta ngang hàng với kẻ địch của ta ư?"

Lời dạy con của cụ Tú Lãm đủ tỏ rằng tuy cụ là môn đồ Khổng học, mà trí thức, tư tưởng cụ, cụ đặt hẳn ra ngoài vòng kiềm tỏa của Nho giáo. Vì cứ theo lời đức Khổng thì phải đem điều đức báo điều đức, đem điều trực báo điều ác. Có lẽ cụ Tú cho như thế còn tầm thường lắm: Tuy vẫn là một tư tưởng thiết thực của đạo làm người nhưng có chí cao thượng!

Vì thế, Mai vẫn chờ đợi có dịp được báo đáp ơn dầy một cách xứng đáng, một cách phi thường.

Dịp ấy chính là buổi chiều hôm Mai được nghe lời trần tình thành thực của Lộc. Mai mỉm cười. Người thế tục chắc cho cái nụ cười ấy là nụ cười sung sướng. Không phải. Đối với Mai, thì sự sung sướng đã đến cực điểm ngay từ ngày Mai được quen biết Lộc. Cái nụ cười của Mai đây có ý nghĩa khác: Mai nghe như lương tâm Mai thì thầm: "Thì ông không biết rằng cái thân này, cái linh hồn này đã là của ông rồi hay sao? Hà tất ông còn phải xin, phải van!". Ý tưởng ấy ở trong trí não chạy qua xuống trái tim, khi ra đến cặp môi thì nở thành một nụ cười. Vậy thì cái nụ cười ấy chỉ có ý nghĩa chất phác, chân thật, chứ nó không hề ngụ một tư tưởng dục tình.

Vả lại, Mai cũng không hề ngờ rằng, không từng hy vọng rằng đối với mình, một người trong hàng quí phái lại ngỏ lời xin lấy làm vợ như thế. Giá người ấy không phải là Lộc thì Mai cho ngay là anh chàng tán tỉnh để được hưởng chút đặc quyền trong giây lát. Nhưng người ấy là Lộc mà Mai kính yêu, thì dẫu có xin nàng hết cả những đặc quyền, những đặc ân, nàng cũng chẳng từ chối.

Ý tưởng ngộ nghĩnh ấy – ta cho là ngộ nghĩnh chỉ là kết quả một nền giáo dục quá theo nhân đạo, quá theo lý tưởng của cụ Tú Lãm, một nền giáo dục có thể gọi là lãng mạn. Bàn về cái hay, cái dở của nền giáo dục ấy là công việc của các nhà xã hội học, luân lý học. Tác giả chỉ là một nhà soạn tiểu thuyết nghĩa là chỉ biết tả ra những cảnh ngộ, những hình trạng, những tính tình của một xã hội, của một thời đại mà thôi.

Ba ngày sau hôm trần tình của hai người, Lộc đưa tới nhà Mai một bà cụ mà chàng nhận là mẹ. Bà cụ xem ra bằng lòng Mai lắm, khiến Mai sung sướng quá, nhan sắc tăng lên bội phần. Còn Huy thấy chị sung sướng thì cảm động chảy nước mắt.

Bà cụ nói đáng lẽ về tận làng Ninh Bắc để thưa chuyện với ông chú, bà bác bên nhà Mai. Nhưng chắc Mai sợ bên ông chánh

Thanh thù hằn thì cũng chẳng dám về – Mai đứng hầu chuyện, e lệ cúi đầu. Nàng nghĩ tới họ hàng mà chán ngán. Vì thế, tuy ở Hà Nội nàng có một người bác làm thông phán, mà nàng cũng giấu, không nói cho bà cụ biết. Nàng trả lời vắn tắt:

– Bẩm cụ, cụ không hề nghĩ tới nhà con nghèo khó mà thương tới con...

Mai nói được có thế.

Qua một tuần lễ. Ngày nào cũng vậy, Mai chẳng làm gì hết, chỉ ngồi nghĩ vơ nghĩ vẩn, nhìn vơ nhìn vẩn, chờ Lộc tới để bàn về việc cưới.

Mai lấy cớ rằng chưa hết trở nên cũng không bày vẽ ra sắm sửa nhiều thứ, nói chỉ nên dùng cái lễ nghi bắt buộc phải có để thành vợ, thành chồng mà thôi.

Nghe Mai nhắc tới tang cụ Tú, Lộc hơi ngượng, hỏi:

– Không biết có trở lấy nhau, họ có dị nghị không nhỉ?

Mai trước khi đáp lại, đưa mắt nhìn Lộc. Thấy chàng buồn rầu, có ý mong đợi câu trả lời của mình, Mai lấy làm thương hại. Ở đời, Mai chỉ tưởng tới hạnh phúc của hai người: Huy và Lộc. Ngoài ra nàng không còn cần một sự gì hết. Lễ nghi? Thì người đặt ra lễ nghi đã biết đâu là hoàn toàn có lý. Vả lễ nghi ấy đem so với tính tình cao thượng của nàng đã dễ sánh kịp chưa?

Bởi vậy, Mai mạnh bạo trả lời:

– Nếu cho là bất hiếu, cho là làm trái lễ nghi thì chúng ta yêu nhau thế này cũng bất hiếu, cũng trái với lễ nghi.

Lộc nghe Mai nói, sung sướng, đăm đăm nhìn nàng, mỉm cười...

Chiều hôm ấy, Huy ở trường về hơi muộn, nét mặt rầu rầu. Chị hỏi chuyện, Huy chỉ ứa nước mắt mà không nói. Mai đoán chắc đã xảy ra sự gì chẳng lành. Hỏi gạn, thì Huy do dự một lúc rồi thì thầm:

– Chị em ta khổ lắm, chị ạ.

Mai cười gượng:

– Chuyện gì mà bí mật thế, em?

– Thôi, thà chị không biết còn hơn.

– Không, em cứ nói, dẫu sao chị cũng không sợ mà!

– Chị ạ, ai ngờ người thế...

Mai vội vàng hỏi:

– Người nào? Người nào thế em?

– Người ấy... Anh Lộc ấy!

– Em im ngay. Anh Lộc là một người em không thể bình phẩm bậy bạ được.

Huy tức quá, cười gằn... Nhưng hối hận xin lỗi chị ngay.

– Chị tha lỗi cho em. Nhưng chắc sắp xảy ra sự gì đây... cái bà cụ đến đây tuần lễ trước không phải là thân mẫu anh Lộc đâu.

Mai đứng thừ ra ngẫm nghĩ, không trả lời. Huy tưởng chị ngờ mình bịa đặt hay là đoán phỏng, liền lại nói tiếp.

– Ban nãy, em đi qua phố H, thấy anh Lộc ngồi nói chuyện với một bà ở trong nhà số 224. Bà ta người còn khỏe và khuôn mặt trông giống khuôn mặt anh Lộc lắm. Em đứng lại nghe, thấy anh Lộc kêu bà kia là mẹ. Em hỏi người anh em bạn thì biết đích rằng bà ấy là bà Án...

Mai cười, ngắt lời em:

– Sao em lại nghe trộm như thế? Xấu lắm em ạ, nhất là em lại tò mò đi hỏi chuyện nhà người ta.

Huy nghe chị cự lấy làm tức tối quay đi. Mai chạy theo gọi lại, buồn rầu bảo:

– Chị xin em làm ơn cho chị một việc này nhé: Em đừng đả động gì đến chuyện ấy với anh Lộc.

Thế rồi Mai Lộc, hai người lấy nhau.

Rồi Lộc thuê nhà bên hồ Trúc Bạch ở với Mai và Huy.

Xưa nay Lộc vẫn ở với mẹ. Lần này Lộc phải nói dối mẹ xin phép đi thuê một gian phòng ở biệt hẳn một nơi cho được tĩnh mà học thêm để cuối năm thi tham tá ngạch tây.

Bà Án tuy cũng bằng lòng, nhưng vẫn ngờ vực con có tình nhân. Bà chưa quên câu chuyện Lộc xin lấy con ông Tú Lãm. Vì thế, bà nhắc cho Lộc biết rằng bà đã ngỏ lời với bà tuần đến tháng tám xin làm lễ nghênh hôn. Lộc làm ra bộ tươi cười xin mẹ hãy cho thi đậu vào ngạch tây đã rồi hãy cưới vợ cũng không muộn, chỉ đến sang năm là cùng.

Từ đó Lộc sợ mẹ đến nhà riêng thăm mình, nên ngày nào cũng ít ra một lần thân lại nhà mẹ vấn an ân cần lắm.

Nhưng mà xưa nay bọn đàn ông ta khó lòng giấu nổi, khó lòng lừa dối nổi phái phụ nữ. Nhất là người mà ta định lừa dối lại là mẹ ta. Mắt người mẹ đoán thấu ý nghĩ của con còn tinh gấp mấy mắt người vợ, mắt người tình đoán được tư tưởng của chồng hay của người yêu. Bà Án xét từ ngôn ngữ, cử chỉ cho chí tính nết vui cười, cặp mắt nghĩ ngợi viển vông của con thì bà biết ngay rằng con đương đắm đuối trong bể ái. Bà liền cho người đi rình mò để biết chỗ ở của Lộc.

Nhưng, nếu bà khôn thì Lộc cũng ngoan. Những người nhà bà phần nhiều là tay trong của Lộc. Lộc cho chúng tiền luôn nên dầu có tìm được nhà chàng, chúng cũng về nói là không thấy, hoặc nói dối là chỉ thấy chàng ở một mình.

Về phần Mai, thì tuy được hưởng hạnh phúc êm đềm của ái tình đằm thắm, song vẫn thấp thỏm hình như tâm linh báo trước cho biết rằng không khỏi xảy ra sự trắc trở sau này.

Nhiều lần nàng đã toan ngỏ lời với Lộc rằng nàng biết hết những sự bí mật của Lộc, và xin phép Lộc về lạy mẹ để tạ tội. Nhưng Mai lại sợ làm phật lòng người yêu, hoặc làm cho người yêu phải buồn rầu: Lộc đương sung sướng, đương mê man trong giấc mộng êm đềm nàng không nỡ đánh thức vội.

Trong nhân loại có một hạng người đa cảm đến nỗi thà chịu khổ còn hơn là đứng ngắm cái khổ của người khác. Vì thế, họ hay nghĩ đến hy sinh sự nọ, hy sinh sự kia.

Mai cũng đáng liệt vào hạng ấy. Huống những người mà nàng muốn vì họ hy sinh lại là hai người thân nhất trên đời. Bởi vậy, dẫu biết mình đương ở trong hoàn cảnh khó khăn, nàng vẫn tươi tắn vui cười như thường. Em có nhắc tới câu chuyện ám muội của Lộc thì nàng chỉ van xin:

– Chị lạy em, em để cho chị được sung sướng ngày nào hay ngày ấy. Em nhắc tới những chuyện xa xôi cũng vô ích. Anh Lộc yêu quý chị em mình thế, em chưa cho là đủ hay sao?

THÚ THỰC

Vào dịp nghỉ lễ Phục sinh, Lộc muốn rủ Mai và Huy đi chơi xa vài hôm. Mỗi người bàn một ý, về sau cả ba đều bằng lòng đi chơi vãn cảnh chùa Bách Môn một hôm thôi, nghĩa là sáng đi chiều về.

Sáng chủ nhật, ba người vui vẻ ra ga thực sớm, mang theo đủ lương thực bữa sáng, bữa trưa, nào bánh, nào gà, nào vịt quay, lại đem thêm một chai rượu nho và ba cái cốc sắt nhẹ.

Ngồi trên xe hỏa, Mai nghĩ tới lần gặp gỡ buổi đầu, đưa mắt nhìn Lộc mỉm cười. Mai vừa đoạn tang, hôm ấy trang sức quần trắng áo mầu trông có vẻ đẹp lộng lẫy. Mai hết sức chiều Lộc: Lộc hơi ngỏ ý thích lối y phục nào là nàng vận theo lối ấy ngay, đến nỗi ở quê ra tỉnh mới hơn một năm, nàng đã phục sức được hệt một thiếu nữ tân thời.

Tới ga Lim, ba người xuống xe hỏa. Mai hỏi Lộc:

– Đường vào tới chùa... chùa gì nhỉ?

– Chùa Bách Môn.

– Đường gần hay xa, thế mình?

– Độ hơn bốn cây số.

– Thế thì đi bộ thôi. Đã lâu lắm em chưa đi bộ, nhớ quá.

Huy mang gói gà, vịt quay, còn Lộc một tay xách chai rượu, một tay cắp một gói vừa cốc vừa bánh.

Mai cười bảo Lộc:

– Không cho em mang một thứ gì ư?

– Thôi em là đàn bà được miễn dịch.

Câu nói đùa khiến ba người cùng cười.

Trời mát, không khí trong trẻo, cây mới nẩy chồi lá xanh non, lúa con gái trải hai phía bên đường xa tắp tới tận những chân đồi và những lũy tre. Cảnh điền dã bỗng gợi trong trí Mai cái thời còn bé. Nàng nhìn em mỉm cười vì nàng nhớ tới những khi cùng em thung thăng chạy nghịch ở ngoài đồng.

Nhưng Huy không cười, nét mặt buồn rầu. Mai đoán chừng Huy lại tưởng tới câu chuyện mọi ngày, câu chuyện man trá của Lộc, liền đi gần lại bên em, ghé vào tai nói nhỏ:

– Chị lạy em, em tha cho chị, em đừng làm mọi người mất vui vì em.

Lộc nghe hai chị em thì thầm, cười hỏi:

– Chuyện chi mà bí mật vậy?

Mai cũng cười chống chế:

– Em bảo Huy nhìn hoa vàng trong ruộng cải đằng xa như đàn bướm bay lượn, lướt theo chiều gió.

– Trời ơi! Em tôi vừa là một nhà thi sĩ lại vừa là một nhà họa sĩ.

– Hẳn chứ lại!

Nhưng khi tới phố huyện Tiên Du thì sắc mặt Mai trông có vẻ mệt nhọc lắm, không tươi cười hớn hở nữa. Nàng nói hãy dừng lại nghỉ chân, rồi ngồi xuống ghế hàng nước thở hồng hộc. Huy thấy vậy bảo chị:

– Mọi lần chị đi khỏe lắm kia mà!

Mai cười khanh khách trả lời:

– Phải đấy, nhưng nay vì...

Nàng ngừng bặt, bẽn lẽn, cúi đầu, hai má đỏ hây. Lộc vội hỏi:

– Vì sao thế em!

Mai nũng nịu ghé vào tai Lộc thì thầm mấy câu, khiến chàng nhớn nhác sợ hãi.

Thấy Lộc có dáng kinh hoàng, buồn rầu Mai ngẫm nghĩ một phút rồi bỗng cất tiếng cười vang mà nói rằng:

– Em đùa đấy!

Lộc vội hỏi:

– Em nói đùa à!

– Vâng, em nói đùa... Nhưng mình sợ đó là một tin đích xác hay sao?

Lộc hối hận, nói chữa:

– Sao lại sợ, anh mừng chứ.

Thấy hai người nói chuyện một cách quá bí mật, Huy tò mò hỏi chị:

– Cái gì thế, chị?

– Không, em ạ!

Huy tức tối, sa sầm mặt lại, vì cho là chị giấu giếm mình điều gì. Lộc sợ Huy giận, lại gần khẽ nói:

– Có gì đâu, chị nói dối anh rằng chị có thai.

Huy nghiêm sắc mặt nhìn thẳng vào mắt Lộc, hỏi:

– Sao anh biết rằng chị nói dối?

Lộc chưa kịp trả lời, Huy đã nhắc lại câu hỏi:

– Sao anh biết rằng chị nói dối?

Lộc hơi luống cuống:

– Chị bảo thế thì anh cũng biết thế.

Thấy em có ý sừng sộ với Lộc, Mai liền lại gần tươi cười ghé vào tai nói thầm mấy câu. Huy khẽ gật, nhưng vẫn có dáng không bằng lòng. Mai bảo hai người:

– Thôi, ta đi!

Ai nấy đứng dậy. Mai đưa cô hàng một xu, nói trả tiền ghế, rồi vui vẻ vác chai rượu lên vai rảo bước. Mặt trời mọc đã cao. Lộc và Huy đã thấy nóng. Thế mà Mai vẫn thoăn thoắt đi thực mau, không biết mệt nhọc là gì nữa Huy như theo đuổi một định kiến gì, đăm đăm nhìn chị thở dài, nói:

– Sao ban nãy chị đi uể oải thế, mà bây giờ lại bước khỏe thế?

Mai vờ không nghe rõ câu nói kháy của Huy, trỏ về phía đường, bảo em:

– Kìa em coi, những cây đào vườn nhà ai mà sai quả thế kia?

Rồi nàng quay lại bảo Lộc:

– Em chỉ muốn ở trong cái nhà tre kia thôi. Phong cảnh ở đây đẹp quá. Mà phong cảnh đẹp thực.

Bấy giờ ba người đi vào một con đường hẻm. Về phía hữu, sườn đồi thoai thoải xuống một cái thung lũng hẹp. Một cái lạch nhỏ chia đôi thửa ruộng chạy dài. Về phía tả đi ngược lên ngọn đồi, những vườn giải thành bậc rộng, đất vàng. Trong vườn mọc um tùm và không thành luống, thành hàng, biết bao các thứ cây: nào mít, nào đào, nào bưởi, nào cam. Thỉnh thoảng trong đám lá xanh lại nhô ra vài cái mái nhà lợp lá gồi màu nâu thẫm. Bức tường đất ngăn những nương vườn cao ấy với đường đi hình như chỉ để làm vì, hoặc để trang hoàng cái cảnh thôn dã ấy cho tôn thêm vẻ đẹp mà thôi, vì không

những tường thấp, mà nhiều chỗ bỏ hổng như để mời khách qua đường bước lên chơi.

Tới một chỗ hổng, Lộc đưa gói thức ăn cho Huy giữ hộ, rồi nhảy ngoắt lên vườn. Mấy thằng bé con trông thấy, trỏ tay bảo nhau:

– Tây kìa, chúng mày ơi!

Lộc cười đáp:

– An Nam đấy, các em ạ! Em cho xin vài quả đào nhé?

– Được, ông cứ lấy.

Lộc liền vin một cành xuống bẻ một nhánh có ba quả rồi nhảy xuống đường đưa tặng Mai. Mai cười khanh khách, vui sướng như trẻ con được ai cho cái tổ chim, rồi gọi đùa Lộc:

– Đông Phương Sóc!

Lộc ngơ ngác không hiểu. Mai sợ chàng ngượng với Huy, nói tiếp luôn:

– Đông Phương Sóc ăn trộm đào tiên!

Lộc cười:

– Trời ơi! Em tôi giỏi quá! Thông thạo cả điển tích kia đấy. Nhưng đào ấy thì quyết rằng không phải đào tiên, vì vừa xanh vừa chát.

Mai cầm cành đào cắm đùa vào mái tóc, quả nhỏ và lá rủ xuống trán, xuống tai, khiến Lộc đứng ngẩn người ra ngắm nghía, tấm tắc khen:

– Trông em như tiên nga.

Huy nói đùa:

– Chị ở cung trăng xuống đấy!

Ba người cùng cười. Huy lại hỏi:

– Chị có gặp chú Cuội không?

Mai quắc mắt rồi vờ cười ầm lên. Song từ đó một không khí lãnh đạm bao bọc lấy ba người, cho mãi khi tới chùa Bách Môn, không ai buồn nói một câu.

Tới cổng chùa, một con chó trắng nhỏ sổ ra cắn, làm Huy sợ hãi lùi lại đằng sau. Mai mỉm cười bảo em:

– Em nhát quá! Chó ở nhà chùa có cắn khách thập phương bao giờ đâu.

Huy cười. Lộc cũng cười. Lòng nghi kỵ đã biến mất, anh em cùng dắt tay nhau vào chùa.

Một vị sư nữ ở nhà trai chạy ra đón tiếp ân cần, mời khách lên trên chùa trên. Chùa Bách Môn là một danh lam cổ tích vẫn thường có nhiều người đến vãn cảnh, nhất là những người ưa mỹ thuật. Ý chừng nhà sư đã tiếp nhiều khách sang, nên thấy bọn Lộc có dáng chững chạc, thì vồn vã, mời nước mời trầu tươm tất lắm.

Ba người xin phép nhà sư đi xem chùa. Chùa làm kiểu chữ khẩu, bốn mặt như nhau, bốn góc có bốn gác chuông, cách kiến trúc rất giản dị và rất kiên cố. Nhà sư dẫn đường, kể cho ba người nghe lịch sử ngôi chùa dựng từ đời chúa Trịnh. Nhà sư cũng chẳng nhớ chúa nào, chỉ biết rằng có bà công chúa họ Trịnh về tu ở đấy, nên triều đình cho sửa sang lại để xứng đáng với một cô sư công chúa.

Mai nghe câu chuyện tu hành, tự nhiên nét mặt rầu rầu: nàng cũng chẳng hiểu tại sao.

Khi ba người trèo lên gác chuông, Lộc bàn nghỉ chân ở đấy để ăn sáng vì chàng đã thấy đói. Mai gạt đi, nói không nên ăn mặn ở trong chùa.

Nửa giờ sau, khi đã đi vòng theo con đường chợ, dưới bóng rợp của hai rặng lim, ba người trèo lên tới một ngọn đồi ở sau chùa, đến ngồi nghỉ bên một cái miếu bỏ hoang chỉ còn trơ ba cái bệ phủ rêu đen nằm phơi dưới ánh mặt trời rọi qua mấy khóm thông già, cành lá xơ xác.

Huy mở hai tờ nhật trình ra giải xuống cỏ làm khăn bàn. Mai thì lấy dao cắt thịt gà, thịt vịt, rồi bày ba cái cốc sắt nhẹ ra ba phía, bên mỗi cái cốc một tờ giấy bản trông như ba cái khăn ăn.

Ánh nắng chói lọi chiếu vào nước rượu sắc vàng, làm tôn bữa tiệc tầm thường. Mọi người ăn uống vui vẻ, đua nhau pha trò, cười khanh khách. Chẳng bao lâu, các thức ăn đã hết và chai rượu đã cạn.

Lộc nói:

– Biết thế ta mua hai chai.

Mai cười:

– Nhưng không ai mang cho. Một chai còn người nọ đưa cho người kia xách nữa là hai chai.

– Hãy còn thòm thèm!

– Thế mọi khi cả tháng chẳng uống thì đã sao?

Ăn xong, Lộc và Huy ngồi hút thuốc lá cùng nhau cất tiếng hát một bài ca Pháp. Mai ngắm nghía mỉm cười, cặp mắt cảm động luôn luôn chớp. Nàng sung sướng quá!

Bỗng tiếng hát ngừng bặt. Ba người ngồi im như lắng tai cố nghe sự yên lặng ở giữa chốn thôn quê. Rồi cái buồn dần dần theo sự yên lặng len vào tâm trí ba người.

Xưa nay vẫn vậy, cái buồn, cái vui, sự khổ, sự sướng thường kế tiếp theo nhau, đuổi nhau, như những gầu gỗ trong chiếc guồng đạp. Cái buồn thường đến sau những bữa tiệc rượu chè ca hát, nhất là khi mình lại chếnh choáng hơi men.

Mai lo lắng hỏi:

– Hai anh em nghĩ gì vậy?

Lộc không trả lời. Huy buồn rầu đáp:

– Em nghĩ tới chị.

Mai như có tâm linh báo trước, đoán chắc rằng Huy sắp muốn nói lôi thôi, liền gạt đi mà nói lảng sang chuyện khác:

– Này, em làm ơn trở về chùa xin nhà sư cho chị một ấm nước vì chị khát lắm.

Huy đăm đăm nhìn Mai, nói:

– Sao chị cứ giấu em thế ?... Chị có thai.

Mai cười:

– Ừ thì có thai, đã sao?

– Không sao cả, nhưng em muốn biết vì sao anh lại không muốn chị có thai?

Mai quắc mắt, có ý trách em:

– Ai bảo em thế?... Thôi em tôi say rượu rồi.

Lộc đầu nóng bừng, ngồi ngắm hai chị em Mai nói chuyện, trên nét mặt lộ vẻ lo lắng. Chàng từ từ đưa khăn lên lau nước mắt, khiến Huy trông thấy động lòng thương và lấy làm hối hận:

– Anh tha thứ cho em.

Lộc đáp:

– Không, em không có lỗi gì hết. Chính anh đây, anh phải

xin em tha lỗi cho anh. Anh là người rất đáng khinh bỉ, rất đáng...

Mai vội lấy tay bưng miệng Lộc.

– Em cấm anh không được nói nữa. Anh say rượu rồi, nên nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt, rồi chốc nữa hãy nói chuyện. Cả em Huy cũng vậy.

Làn không khí nặng nề, khó thở, như đương bao bọc lấy ba người.

Một lúc sau, Lộc mới cất tiếng, run run:

– Em Mai, anh thực không muốn...

Mai vội ngắt lời:

– Em đã bảo không được nói gì nữa kia mà.

Lộc, cặp mắt kêu xin, nhìn Mai:

– Thà cho phép anh thú thực còn hơn để lương tâm anh cắn rứt.

– Nhưng anh có lỗi gì mà phải thú nhận. Vả lại em không muốn nghe chuyện người say rượu.

Lúc bấy giờ một con thằn lằn lấp lánh sắc vàng bò lướt trong đám cỏ xanh ngay gần chỗ Mai ngồi. Nàng vờ sợ hãi đứng dậy kêu:

– Trời ơi! Con rắn.

Lộc và Huy hốt hoảng cùng đứng dậy hỏi:

– Đâu?

Mai trỏ con thằn lằn, khiến hai người cười ồ, quên hết buồn rầu.

Muốn câu chuyện không dằng dai nữa, Mai khuyên hai người nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt, rồi một mình nàng thung thăng đi bách bộ.

Mai theo đuổi mãi một ý nghĩ, một định kiến, đến nỗi tuy mệt nhọc mà không biết rằng mình đương lên dốc. Lúc tới ngọn đồi Long Khám, nàng mới thấy hai chân mỏi khuyu.

Nàng thở hồng hộc, ngồi xuống mỉm cười, ngắm những tảng đá bị nước mưa giội lâu ngày đã nhẵn bóng như mài. Có tảng hình như con hổ khom lưng đứng ngáp, có tảng giống hệt đầu con sư tử xù lông. Phần nhiều tảng nhỏ hơn và tròn trĩnh như những quả trứng khổng lồ sắc xám rải rác trên đám cỏ xanh vàng.

Vì liên tưởng ngẫu nhiên, sự so sánh viên đá với trứng gà khiến

Mai nghĩ tới sự thai nghén, sự sinh nở. Nét mặt Mai đang vui tươi hớn hở, bỗng đổi ra rầu rầu: Mai nhớ lại dáng điệu, diện mạo Lộc, lúc nàng ngỏ cho chàng biết rằng nàng có thai. "Hy vọng, sung sướng có lẽ thành hão huyền chăng?". Câu ấy trong vòng ba, bốn giờ đồng hồ nàng đã luôn luôn tự thì thầm và bây giờ nàng lại tự hỏi nàng một lần nữa.

Nàng ngẫm nghĩ, tự trả lời: "Chả có lẽ, chàng yêu ta như thế thì khi nào...". Rồi nàng tự an ủi:

– Phải, biết đâu! Biết đâu sự kinh hãi không phải vì một cớ khác. Biết đâu không phải vì chàng sợ ta sinh nở lần đầu sẽ có nhiều sự nguy hiểm. Phải, biết đâu!

Nàng cảm thấy sự ngờ vực ở trong lòng nàng mỗi lúc một mờ. Nàng mỉm cười, nói một mình:

– Rõ ta chỉ nghĩ quanh nghĩ quẩn, chỉ lo sợ hão huyền!

Bản tính vui cười, những ý tưởng lạc quan của nàng khiến nàng lại hy vọng. Đưa mắt ngắm cảnh bao la, nàng thấy cây xanh mây đẹp trong bầu không khí trong trẻo êm đềm. Lơ lửng ở sườn đồi trông về phía đông nam chùa Bách Môn nhô lên cái nóc ở giữa và bốn gác chuông, bốn góc như hình cái gương và bốn cánh của đóa hoa sen xòe nở. Cúi xuống chân đồi, Mai thấy lí tí những người: nào trai, nào gái đương chăm chỉ săn sóc đến công việc đồng áng ở trong những thửa ruộng vuông vuông nhỏ nhỏ như những ô bàn cờ, mà con đường trắng từ chùa đến huyện lỵ là con sông ngăn giữa đôi bên.

Gió chiều hiu hiu đưa tới từng mẩu câu hát của mấy cô con gái làm việc. Mai cố lắng tai nghe, nhưng không nhận được câu nào. Bỗng Mai thoáng nghe lọt mấy tiếng "Trăng rằm trung thu", giọng đều đều. Nhớ lại câu ca dao thuộc lòng từ thời còn nhỏ, và thấy trong lòng sung sướng, Mai liền cũng cất tiếng hát:

Xin anh nghĩ lại kẻo nhầm,

Lòng em vằng vặc trăng rằm trung thu.

Trăng trung thu còn khi mờ tối,

Lòng em thì mãi mãi không sai...

– Em hát hay lắm!

Mai giật mình quay lại. Lộc đứng ở sau lưng. Nàng mỉm cười, hỏi:

– Mình không ngủ à?

– Không, anh cần phải nói chuyện với em.

– Thế Huy đâu?

– Cậu Huy ngủ. Em ạ, anh trông thấy cậu Huy mà anh thèm! Không tư lự điều gì thì sung sướng thế!

– Anh biết đâu rằng em nó không tư lự?

Câu trả lời của Mai làm cho Lộc nghĩ ngợi. Chàng lại nhớ tới nét mặt buồn rầu, tới ngôn ngữ nghiêm khắc của Huy trong ít lâu nay. Chàng đăm đăm nhìn vào mắt Mai, nửa như để dò ý tứ, nửa như để kêu van. Có lẽ nàng đọc thấy ý nghĩ của chàng, nên vờ cất tiếng cười, trỏ xuống chân đồi hỏi:

– Đố mình biết những ruộng kia trông giống cái gì?

Lộc cũng cười trả lời:

– Giống cái phên nứa xanh có nẹp trắng ở giữa.

– Không phải, giống cái bàn cờ nhé!

Rồi hai người lại im, lẳng lặng mỗi người nhìn một phía. Lộc ngồi hai tay ôm đầu, khẽ bảo Mai:

– Em tha lỗi cho anh.

Mai cười khanh khách:

– Anh điên đấy à? Anh có lỗi gì mà em phải tha.

Lộc nhìn Mai thong thả nói:

– Em Mai, không biết tại sao từ nãy đến giờ, anh nghe tiếng cười của em, anh ghê sợ lắm.

Mai vẫn cười:

– Vậy em không cười nữa.

Lộc trách:

– Em cứ đùa! Anh xin em để anh nói chuyện việc nhà với em.

Không biết Mai nghĩ đến sự đau đớn gì mà buột miệng hỏi một câu chua chát:

– Chuyện việc nhà cậu ư?

Lộc ứa nước mắt không trả lời, khiến Mai hối hận xin lỗi:

– Em lỡ lời, xin anh tha thứ cho.

– Không, em không có lỗi gì hết. Chính anh mới là người có tội đối với em. Anh đã làm hại một đời em, một đời thanh

niên của em. Anh dối em. Anh lừa em. Cái người mà anh nhận là mẹ, không phải...

Mai ngắt lời:

– Em biết rồi, em biết cả rồi, em biết đã lâu. Nhưng điều ấy có hề gì!

Lộc hoảng hốt:

– Không hề gì à?... Em biết từ bao giờ?

– Trước khi em làm vợ anh.

Lộc kinh hãi:

– Em biết mà em bằng lòng lấy anh, bằng lòng lấy anh một cách không chính đáng.

Mai cười khanh khách. Lộc rùng mình:

– Anh dặn em một lần cuối cùng. Em đừng cười nữa. Câu chuyện có vui gì mà em cười được. Phải, anh nhắc lại câu hỏi: sao em nhẫn tâm bằng lòng để anh lừa dối.

– Không! Anh không hề bao giờ lừa dối em hết. Em được anh yêu như thế là đủ rồi. Em có cần gì bà cụ đến hỏi em cho anh làm vợ là mẹ anh hay không phải là mẹ anh.

Lộc quắc mắt:

– Em không được phép nói tệ anh!

– Nào em có định tâm nói tệ anh! Vả em chỉ biết chắc chắn một điều là em yêu anh, anh yêu em... Em tưởng em hoàn toàn sung sướng, nhưng ban nãy...

Nước mắt ràn rụa. Mai không nói được nữa. Lộc hỏi:

– Ban nãy sao? Sao hở em?

– Em ngờ, em ngờ rằng anh không yêu em.

Lộc lại gần, cầm tay Mai se sẽ nói:

– Em không nên ngờ... Ở trên đời anh chỉ yêu có mình em.

Mai mỉm cười:

– Thực nhé, anh yêu em mãi mãi nhé! Vậy anh nói thực: anh có muốn em có con không?

Lộc ngẫm nghĩ rồi thong thả đáp:

– Anh xin thú thực: Khi anh bắt đầu yêu em, thì anh chỉ tưởng

tới hạnh phúc của ái tình chứ không bao giờ anh có nghĩ về gia đình, về con cái. Anh thực là một thằng ích kỷ như trăm nghìn người khác. Anh chỉ muốn ái tình đối với anh mãi mãi và hoàn toàn là ái tình, là ái tình không san sẻ. Anh có ngờ đâu, có tưởng đâu đến kết quả của ái tình.

Mai lẩm bẩm:

– Kết quả của ái tình.

– Phải! Kết quả của ái tình! Anh cứ tưởng ái tình là bông hoa thơm không bao giờ kết quả! Vì thế, lúc em báo tin mừng cho anh biết anh giật mình kinh hãi. Đó chỉ là cái cảm giác đột nhiên, xin em tha thứ cho anh... Nếu em hiểu thấu lòng anh thì chắc em cũng chẳng giận anh: anh không muốn con anh, con em... con chúng ta ra đời giữa lúc...

Lộc im bặt. Mai vờ không hiểu, hỏi:

– Giữa lúc nào?

– Nhưng để anh ôn lại đầu đuôi câu chuyện cho em nghe thì em mới hiểu rõ được. Anh là con nhà quan, cha anh là con nhà quan, mẹ anh là con nhà quan...

Mai cười gằn, ngắt lời:

– Còn em, là con nhà thường dân.

– Em không nên chế nhạo. Và xin em đừng ngắt lời anh. Nếu anh kể lể lôi thôi như thế không phải là anh muốn khoe khoang. Từ ngày còn nhỏ, anh đã theo một nền giáo dục Âu Tây, óc anh đã nhiễm những tư tưởng Âu Tây, anh hiểu, anh yêu, anh trọng cái giá trị, cái quyền tự do của cá nhân. Mà chắc em cũng thừa biết rằng hơn một năm nay, nghĩa là từ ngày anh biết em, từ ngày anh yêu em, lúc nào anh cũng dạy em, anh cũng muốn chôn sâu vào tâm trí em những tư tưởng cao thượng ấy, tuy rằng anh vẫn biết em là tín đồ Khổng Mạnh mà trí nghĩ anh không hề chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Vậy thì không khi nào anh lại phân đẳng cấp, anh lại phân biệt con quan với con dân.

Như nhà diễn thuyết không có lý tưởng dự sẵn Lộc nói huyên thiên chẳng biết định nói gì nữa, hình như bị cách nghị luận liên miên đưa tư tưởng chàng ra ngoài vòng câu chuyện. Chàng luống cuống ngồi ngẫm nghĩ một lát. Trong khi ấy, Mai yên lặng đăm đăm nhìn chàng...

– Nhưng mẹ anh... em đừng tưởng lầm, và nếu em biết mẹ anh thì em tất phải kính mến, vì mẹ anh là một người rất đáng quí trọng... song mớ lễ nghi đạo đức của Nho giáo chỉ thoáng qua trí thức, chứ đối với mẹ anh thì nó đã ăn sâu vào tâm não, đã hòa lẫn vào mạch máu, đã thành một cái di sản thiêng liêng về tinh thần bất vong bất diệt. Anh không nói quá đâu. Chính anh đây, đã chịu ảnh hưởng của học vấn, của tinh thần Âu Tây ngay từ ngày còn nhỏ, thế mà nhiều khi anh vẫn thấy anh còn nhiều tư tưởng bị kiềm tỏa trong giới hạn của Nho giáo. Chẳng nói đâu xa, hiện giờ chỉ vì một chữ hiếu, mà anh không dám đường hoàng cùng em hưởng hạnh phúc ái tình. Vì phải theo lễ nghi, phải đặt chữ tình ở dưới chữ hiếu, tuy chữ tình, chữ hiếu nhiều khi ta chỉ hiểu lờ mờ, hoặc ta tự bắt buộc ta phải cố hiểu...

Lộc bỗng im. Chàng nhác thấy hai hàng lệ ướt đẫm hai bên má Mai. Chàng vội rút khăn lau nước mắt cho người yêu, mà thì thầm nói:

– Anh xin lỗi em.

Mai ngập ngừng:

– Không... anh có lỗi gì!... Anh nói rất đúng.

Nàng ngồi ngẫm nghĩ một lát rồi lại nói:

– Em chỉ tiếc rằng ngoài những tư tưởng Nho giáo, thầy em lại dạy em biết yêu người ở ngoài vòng lễ nghi...

Mai ngừng lời, sụt sùi khóc... Lộc ghé gần, hỏi:

– Can chi em khóc. Anh yêu em không đủ ư?

Mai nức nở:

– Yêu nhau..., mà không được đường hoàng... yêu nhau.

Lộc vội ngắt lời:

– Vậy ra em không hiểu anh. Anh nói đối với lễ nghi, sự yêu nhau ấy không được đường hoàng mà thôi, nhưng đối với ái tình, đối với linh hồn của đôi ta, thì yêu là yêu chứ không là gì khác nữa.

Mai vốn rất thông minh, thừa hiểu rằng Lộc nói chữa. Nhưng nàng tươi cười đứng dậy bảo chàng:

– Em hiểu bụng anh rồi. Thế thì em sung sướng nhất trên đời.

Lộc cũng đứng dậy. Hai cặp mắt lặng nhìn nhau...

Về phía tây mặt trời ẩn sau đám mây đen chiếu ánh sáng dịu dàng.

Mai se sẽ bảo Lộc:

– Chúng ta ra ga cho kịp giờ.

Lộc mỉm cười:

– Vâng, vợ chồng ta ra ga cho kịp giờ.

Mai ngạc nhiên:

– Quái, anh ạ, sao chúng ta không mấy khi nghĩ đến ý nghĩa vợ chồng nhỉ, chúng ta chỉ biết chúng ta yêu nhau.

– Em lẩn thẩn lắm! Em không nên nghĩ đến những chữ, những tiếng chỉ là những tiếng để gọi, trăm năm hay tự do kết hôn chỉ là những chữ vô ý nghĩa. Tính tình con người ta mới là sự thực.

Mai nghe Lộc, âu yếm ngả đầu vào vai chàng, thì thầm:

– Người yêu của em!

Rồi hai người dắt tay nhau xuống đồi trở về chỗ cũ. Đến nơi Lộc cầm tay Mai giữ lại, trỏ bảo:

– Kìa, em trông, hạnh phúc đấy!

Dưới gốc một cây thông già, Huy nằm ngủ, cái mũ trắng úp trên mặt. Ánh nắng dịu dàng buổi chiều in bóng lá thông lấp loáng chạy trên mình Huy, như gợn nước động trên mặt hồ, dưới cơn gió thoảng. Mai ngắm em cất tiếng gọi:

– Huy ơi! Dậy thôi!

Huy bỏ mũ ra, mắt chói, chớp luôn, đương cố tìm xem ai gọi mình, thì đã bị hai người đến nâng dậy và âu yếm quàng tay vào cổ. Lộc se sẽ nói:

– Gia đình chúng ta!

MẸ CON

Từ hôm đi chơi Bách Môn về, Lộc mất hẳn tính vui cười tự nhiên. Có khi cả ngày, ngoài hai buổi đi làm, chàng chỉ ngủ. Mai sợ chàng ốm, có săn sóc hỏi thì chàng chỉ gạt đi mà chối rằng không sao cả.

Chàng buồn rầu ủ rũ đến nỗi Huy mọi khi vẫn hằn học với chàng mà bây giờ cũng phải đem lòng thương hại.

Một hôm, đương ăn cơm, chàng đột nhiên bảo Huy:

– Chắc cậu cho tôi là một người đáng khinh bỉ.

– Không, anh chỉ là một người đáng thương.

Mai cười khanh khách nói tiếp:

– Một người đáng trọng thì đúng hơn.

Lộc lắc đầu, thở dài.

– Em khen, làm anh thêm xấu hổ.

Mai vẫn cười:

– Những người tốt thường tự cho mình là xấu. Rồi sinh ra nghĩ ngợi điều nọ điều kia. Em chắc anh là hạng người ấy, nên mấy hôm nay lúc nào cũng không được vui.

Lộc không trả lời. Mắt lờ đờ nhìn qua cửa sổ ra phía hồ Trúc Bạch như đương dự định làm một việc gì mà chưa dám quả quyết.

Chiều hôm ấy cũng như mọi ngày, Lộc ở sở ra, lại thẳng đàng phố H... thăm mẹ. Bà Án thấy con có dáng mệt mỏi thì tỏ ý lo lắng:

– Mẹ coi con độ này xanh lắm.

Lộc đáp, giọng cứng cỏi:

– Thưa mẹ, bao giờ con cũng thế.

– Không phải. Mấy hôm nay mẹ xem ra con khác hẳn. Chắc con có điều gì phiền muộn mà con giấu mẹ.

Lộc đến thăm mẹ hôm nay là cốt để thú thực cả với mẹ, một phần để mẹ thương mà cho phép được chính thức lấy Mai, nhưng nhất là để được ngỏ cùng một người thân yêu những nỗi đau đớn của mình. Thường vẫn thế, khi ta bị lương tâm cắn rứt mà ta được thổ lộ tâm tình, trao đổi tư tưởng với một người thân thì hình như ta thấy ta đỡ khổ sở, ta thấy trút được ít nhiều sự nặng nề đè nén trái tim ta.

Vì vậy, thấy mẹ hỏi gạn, Lộc liền thưa:

– Vâng, có thế, bẩm mẹ con khổ lắm.

Bà Án cũng thừa đoán biết cái khổ của con, nhưng bà vờ hỏi:

– Chuyện gì thế con?

– Bẩm mẹ, mẹ có tha tội cho con thì con mới dám thưa.

– Con cứ nói.

Lộc cúi đầu nhìn xuống đất thì thầm:

– Cô Mai...

Lộc bỗng ngừng lại. Bà Án hỏi:

– Con Mai, có phải cái con bé nhà quê nó rủ rê, nó quyến rũ anh không?

Lộc mỉm cười:

– Bẩm mẹ, nói con quyến rũ người ta thì đúng hơn.

– Ừ, thế sao?

– Bẩm mẹ, bây giờ cô ấy vẫn ở với con, cô ấy đã...

Bà Án đứng phắt dậy trỏ tay vào mặt con, mắng:

– Thế thì mày giỏi thật... mày dối tao, mày đánh lừa tao... mày đi thuê nhà riêng để ở với nó. Mày còn coi tao ra gì nữa, thằng kia?

Lộc không trả lời. Bà Án lại nói:

– Giời ơi! Đẹp mặt! Ông tham con quan án mà làm những việc khốn nạn như thế. Nếu bên quan tuần mà biết chuyện này thì mày bảo sao? Thì tao còn mặt mũi nào, hở thằng kia?

Thấy Lộc vẫn đứng yên, bà Án càng tức giận, quát tháo:

– Muốn sống, ngày mai phải về đây ở với tao. Không biết tao điên hay sao mà lại để cho mày đi ở riêng như thế. Còn con bé thì tao sẽ trình sở cẩm bắt bỏ vào nhà thổ.

Lộc hai má đỏ bừng, cặp mắt sáng quắc:

– Bẩm mẹ, người ấy đã là vợ con.

Bà Án vỗ sập, gầm thét:

– Vợ mày! Ai hỏi nó cho mày?

– Con hỏi lấy.

– À, thằng này giỏi thực, vượt quyền cha mẹ. Không còn biết ngũ luân, ngũ thường là gì nữa! Phải rồi! Cậu văn minh! Cậu tự do kết hôn. Nhưng cậu phải biết dù thế nào cậu cũng phải xin phép tôi đã chứ.

– Bẩm mẹ, con đã xin phép mẹ, nhưng mẹ không bằng lòng.

– Vậy tôi không bằng lòng thì cậu cứ lấy, có phải không?

Lộc lại gần mẹ, dịu dàng:

– Bẩm mẹ, con thiết tưởng lấy vợ là một sự quan trọng một đời, phải tự chọn lấy một người ý hợp tâm đầu thì gia đình mới được vui vẻ, thuận hòa. Chứ xưa nay cha mẹ hỏi vợ cho con chỉ kén những chỗ môn đăng hộ đối...

Bà Án cười gằn:

– Thế thì xưa nay các gia đình dễ không hòa thuận, vui vẻ cả đấy! Bây giờ chúng mày đi học chữ tây mới biết kén vợ, còn các cụ thì lấy liều lấy lĩnh cả chăng?

– Bẩm mẹ không phải thế. Các cụ cũng có kén chọn nhưng chỉ chọn những chỗ ngang hàng mà thôi. Thí dụ: con quan thì phải lấy con quan. Còn như mẹ nói gia đình các cụ cũng vui vẻ, êm thấm nhưng cái đó chỉ nhờ ở sự bắt buộc mà có, chỉ nhờ lễ nghi mà có, chứ không phải vì tính tình của vợ chồng hợp nhau. Theo lễ nghi, vợ phải phục tòng, chồng bảo sao nghe vậy, dẫu bị áp chế cũng không dám hé môi. Như thế thì làm sao mà chả êm thấm.

Bà Án cười khinh bỉ:

– Thì hãy được thế: chả hơn bạ con đĩ nào cũng rước về tôn lên làm vợ hay sao! Nhưng thôi tôi không cần nhiều lời, cậu còn muốn trông thấy mặt tôi nữa thì phải lập tức tống cổ con đĩ ấy đi rồi về đây ở với tôi.

Lộc cất giọng run run đáp lại:

– Bẩm mẹ, thực con không thể tuân theo ý mẹ được, dẫu mẹ giết, con cũng xin cam chịu, vì người ta đã có chửa với con.

Bà Án giận uất lên, ngồi im ngẫm nghĩ. Nhưng bà nghe giọng quả quyết của Lộc thì biết rằng khó lòng mà đem oai quyền ra thi thố với con được. Bà liền xoay ngay chiến lược: là gieo sự ngờ vực vào lòng đa nghi của con.

– Con nói cũng phải. Nhưng con đã chắc đâu rằng nó có chửa với con?

Lộc cười:

– Bẩm mẹ, con không biết thì còn ai biết?

Bà Án nghe con nói, cười ngặt nghẹo:

– Rồi con sẽ rõ. Con phải hiểu mẹ còn lạ gì. Dễ thường con tưởng mẹ không biết gì hết đấy hẳn? Giấu sao được mẹ, mẹ còn biết nhiều chuyện bí mật nữa kia. Chẳng hạn, trong khi con đi làm thì ở nhà

con, ở cái nhà mà con cho là một tổ uyên ương, đã xảy ra những chuyện gì... Vì thế, mẹ đã để mặc con, mẹ chắc thế nào rồi con cũng xét ra được cái lòng trắc ẩn của con đĩ. Ai ngờ... con ngốc đến thế...Nhưng thôi, rồi con sẽ rõ...

Lộc cúi đầu ngẫm nghĩ, lo sợ vẩn vơ. Bà Án lại nói:

– Nhưng giá lấy nó làm nàng hầu thì cũng được.

Lộc vẫn suy nghĩ. Cái tính đa nghi của Lộc mà bà Án muốn lợi dụng ngờ đâu lại có hại cho mưu cơ của bà. Lộc đoán chắc rằng mẹ dùng kế ly gián đối với mình, liền thưa:

– Bẩm mẹ, nếu lấy làm nàng hầu được, thì lấy làm vợ cũng được. Hay là thế này thì con không dám trái lệnh mẹ nữa: mẹ cho phép con chỉ lấy nàng hầu chớ không lấy vợ.

Bà Án quát mắng:

– Thế mày bảo tao nói lại làm sao với bên quan tuần, hở thằng kia?

– Bẩm mẹ, mẹ cứ nói con không bằng lòng.

– Mày nói dễ nhỉ! Chỗ người lớn với nhau mà mày bảo lật lọng thế được à? Họa chăng có đồ bậy bạ như chúng mày chẳng biết tôn trọng lời hứa. Mày phải biết, ngày xưa hai người thông gia với nhau ngay từ khi có mang mà về sau cũng còn phải giữ lời ước hẹn nữa là!... Thôi mỗi cái thế này, nếu anh muốn lấy con bé ấy làm lẽ thì tôi cũng cho phép anh, làm giai lấy năm lấy bẩy mặc ý, nhưng phải nghe lời tôi: đến tháng tám này tôi cưới con quan tuần cho anh đấy... tùy anh nghĩ sao thì nghĩ. Muốn tử tế thì được tử tế.

Lộc chiều ý mẹ, xin vâng lời, rồi cáo từ ra về, trong bụng mừng thầm rằng mẹ đã nhượng bộ đôi chút. Chàng lẩm bẩm:

– Dần dà rồi cũng xong.

Ba hôm sau vào ngày chủ nhật, trong khi Lộc và Mai đang ngồi nói chuyện ở sân, một thằng bé con thập thò ngoài cổng như muốn hỏi ai mà không dám vào. Lộc thoáng trông thấy, cho thằng xe ra xem ai hỏi gì thì thằng bé con đã lảng đi nơi khác.

Một lúc sau nó lại đến ghé mắt nhòm vào trong nhà, Lộc lấy làm ngờ vực, chạy vội ra nắm tay hỏi:

– Mày định đến đây ăn cắp à?

Thằng bé con luống cuống, giấu vội một bức thư vào túi áo:

– Bẩm không.

Lộc giật lấy thư xem thì đó là một cái phong bì màu xanh có đề hai chữ: "Cô Mai".

Lộc mặt tái mét, tay run run, ấp úng:

– Thư này... đưa cho... gửi cho... cô Mai?

Thằng bé con sợ hãi:

– Bẩm không... con không biết.

– Nhưng gửi đến nhà này phải không?

Thằng bé không trả lời. Lộc lại hỏi:

– Ai bảo mày...? Thư của ai?

– Bẩm con không biết.

Lộc toan giơ tay tát, song lại ngừng lại ngay, ôn tồn, dịu dàng nói:

– Thôi được! Em cứ về. Về nói rằng đã đưa tận tay cô ấy rồi nhé!

Lộc chờ thằng bé con đi xa, cầm bức thư soi lên, ghé vào mũi ngửi thấy sực nức mùi nước hoa. Chàng toan xé ra xem, lại thôi, vì chàng nhiễm chút phong tục lịch sự Âu Tây không muốn coi thư trộm của kẻ khác. Nhưng tính tò mò và lòng ghen tuông vẫn đắc thắng, nhất là trong những lúc tức giận. Lộc liền quả quyết bóc thư ra. Chàng giật mình, kinh hoảng: Chiếc phong bì đựng một cái giấy bạc hai chục và một bức thư, trong có gọn gàng mấy dòng chữ:

Em Mai yêu quý,

Giữ lời hứa, anh gửi tặng em số tiền ấy, và chiều mai đúng 5 giờ như lần trước, anh chờ em ở vườn Bách thú.

Ng. Y.

Lộc đứng đờ người, tức uất không thở được nữa.

Bỗng nghe có tiếng giầy đi ra, chàng liền vội vàng bỏ bức thư vào túi quay lại làm ra mặt vui vẻ, tươi cười. Nhưng giấu sao nổi mắt người yêu. Mai ngơ ngác hỏi:

– Mình làm sao vậy?

Lộc đáp:

– Không, anh có làm sao đâu.

– Sao mặt mình tái mét đi thế?

– Anh hơi đau bụng nhưng không hề gì.

– Em lấy dầu để anh xoa nhé.

– Thôi!... Anh khỏi rồi.

Hai người lại vào ngồi chỗ cũ, vơ vẩn ngắm hồ. Mai đột nhiên hỏi:

– Mình nghĩ gì vậy?

Lộc thong thả quay lại, song không trả lời câu hỏi, se sẽ bảo Mai:

– Chắc mình cần tiền lắm phải không?

Mai cười:

– Em thiếu thứ gì anh sắm cho thứ ấy, tiền học của em Huy thì anh đã giả cho rồi. Em còn cần tiền làm gì?

Mai cười khanh khách, cố làm cho Lộc vui lòng:

– Họa chăng dăm tháng nữa em mới cần đến tiền.

Lộc ngửng phắt đầu hỏi:

– Em cần tiền?... Em cần tiền làm gì?

Mai bẽn lẽn nói sẽ:

– Để sắm sửa cho con.

Lộc sợ hãi, nghĩ thầm: "Hay nó chửa với thằng kia, thằng Ng. Y. nào đó, nên xin sẵn tiền để dành. Biết đâu?... Chắc nó không muốn dùng tiền của ta vào việc đó".

– Mình làm sao vậy?

Lộc giật mình cười gằn:

– Không.

– Em chắc mình đương lo nghĩ điều gì.

Lộc không trả lời, cúi xuống cầm viên gạch vạch đi vạch lại xuống đất hai chữ Ng. Y. Mai tò mò nhìn theo, rồi cười. Lộc ngửng lên hỏi:

– Sao em lại cười?

– Vì em biết anh yêu em.

– Sao em biết?

– Anh đương viết tắt chữ Người Yêu xuống đất chứ gì?

– Ng. Y. là người yêu?

– Anh lại còn vờ. Ng. Y. không là người yêu thì người gì?

Lộc lại ngồi yên lặng... Chàng cố tìm ra hai tên bắt đầu bằng Ng. và Y. Rồi lẩm bẩm:

– Nguyễn... Nguyễn...

Mai nói tiếp:

– Nguyễn Yên à?

Lộc sửng sốt hỏi.

– Em quen Nguyễn Yên?

– Nào em biết Nguyễn Yên là ai? Em thấy anh chắp thì em cũng chắp hộ.

Lộc càng nghi ngờ, nghĩ thầm: "Chẳng lẽ nó tinh quái, dối trá đến thế được!... Nhưng còn số tiền? Ta không ngờ sao được?" Chàng đăm đăm nhìn vào mắt Mai, hỏi:

– Em có quen một người nào tên là thế không?

Mai ngơ ngác:

– Tên là thế nào?

– Tên có chữ Ng. và Y.

Mai ngẫm nghĩ:

– Không. Họa chăng có ông lý Nghi ở làng. Nhưng chắc không phải. Sao anh lại hỏi em thế?

– Không! Thôi, được!

Mai lấy làm lo ngại, đoán chắc đã xảy ra sự gì.

Lúc bấy giờ Huy đi chơi về tươi cười lại bắt tay Lộc:

– Ở vườn hoa Bách thú hôm nay có nhiều chuyện hay quá.

Lộc giật mình, nghĩ tới sự gặp gỡ hẹn hò trong thư. Chàng lạnh lùng mỉm cười hỏi:

– Chắc lại chuyện trai gái chứ gì?

– Chính thế.

Lộc đưa mắt nhìn Mai, không thấy nàng đổi sắc mặt, lại hỏi luôn:

– Hay mai chúng ta đi chơi Bách thú?

Mai vui mừng vỗ tay:

– Phải đấy.

Lộc hỏi:

– Em chưa xem Bách thú lần nào à?

– Chưa.

– Rõ em quê mùa quá. Ở Hà Nội hơn một năm giời mà không biết vườn Bách thú... Hay vì trước mắt ta luôn luôn có cảnh hồ rồi, nên ta không thích một cảnh nào khác nữa.

Lộc đăm đăm nhìn Mai để dò ý tứ song vẫn không thấy diện mạo nàng lộ ra vẻ gì gọi là khả nghi.

– Vậy chiều mai, năm giờ nhé. Anh xin về sớm một chút cho kịp.

Mai cười:

– Thì anh cứ để hết giờ làm việc về cũng được. Cần gì phải năm giờ!

Lộc vội hỏi:

– Em sợ cái giờ ấy hay sao?

– Rõ anh hỏi lẩn thẩn. Sao em lại sợ cái giờ ấy.

Huy cười:

– Thôi, chuyện phiếm mãi. Ta đi ăn cơm thôi.

Chiều hôm sau Mai và Huy y phục chỉnh tề, ngồi chờ Lộc ở sở về để đi chơi vườn Bách thú. Chốc chốc Mai lại chạy ra cổng nhìn hai bên đường, trong lòng thắc thỏm vì quá năm giờ rưỡi vẫn chưa thấy Lộc về.

Huy cười bảo chị:

– Chị làm gì mà mong mỏi như chờ đợi một người bạn xa thế?

Mai không trả lời, thở dài. Huy nhìn chị, lo lắng:

– Chị sao vậy?

Mai cười gượng:

– Không, chị có sao đâu?

Hai chị em lại lẳng lặng ngồi nhìn ra sân. Huy chẳng biết làm gì, đánh diêm hút thuốc lá, rồi nhìn khói, cặp mắt mơ mộng. Mai hơi cau mày:

– Em hút thuốc lá ư?

– Vâng.

– Không nên! Em chưa nên tập hút thuốc lá. Ít lâu nay chị thường thấy em húng hắng ho.

Huy cười:

– Hút cho đỡ buồn chị ạ! Có thiệt đi mất mấy năm sống cũng chẳng sao.

Mai đau đớn nhìn em:

– Độ rày, em làm sao ấy. Chị thấy em không vui như xưa nữa.

– Có lẽ vì trời nóng quá đấy, chị ạ.

– Không phải!

Có người gọi cổng. Mai vội chạy ra. Người chạy giấy ở sở đưa cho Mai một bức thư của Lộc nói Lộc bận có chút việc không thể cùng đi chơi vườn Bách thú được, và dặn Mai với Huy cứ đi, đừng chờ nữa. Mai vừa đọc vừa bước vào trong nhà. Huy hỏi:

– Thư nào thế, chị?

– Thư của anh, anh nói bận việc không đi chơi được.

Huy trả lời bằng một hơi thở khói thuốc lá.

Mai lại hỏi:

– Vậy em có đi không?

– Tùy chị.

– Hay thôi, em ạ! Ở nhà quách, chị đi làm món kem cà phê để chốc nữa hai anh em ăn tráng miệng.

– Cũng được.

– Đi thì đi cả, không thì thôi chứ, em nhỉ?

– Phải đấy, nhất là đối với anh Lộc có tính hay ghen.

Mai chau mày:

– Em chỉ hỗn.

Huy cười, nói tiếp:

– Hay ghen mà lại cục.

Mai cười mát:

– Em không tốt, nói xấu người ta trong khi vắng mặt.

Mai tuy cự Huy, nhưng lời nói của em đã làm cho nàng phải nghĩ đến cử chỉ, cùng ngôn ngữ của Lộc trong hai hôm nay. Cái tính nết khó chịu ấy, cái bộ mặt cau có ấy, cái giọng nói gióng một ấy xưa nay thực Lộc không từng có.

Nếu giờ ấy, Mai gặp Lộc ở vườn Bách thú thì nàng lại càng

cho lời bình phẩm của em là đúng.

Vì tuy Lộc đưa tin về nói thác là bận việc, kỳ thực, chàng lên thẳng vườn Bách thú chờ sẵn.

Cây cỏ xanh tươi, nước hồ trong vắt, gió chiều dịu dàng lướt qua làm rung động mấy nõn sen mới mọc cuộn tròn như cái tổ sâu. Cảnh có đẹp, trời có mát, nhưng lòng chàng vẫn như nung như nấu bởi sự ghen tuông.

Thực vậy. Từ lúc nhận được bức thư nặc danh đến giờ, Lộc khổ sở, lo lắng. Hai tay chắp sau lưng, chàng lững thững cúi xuống nhìn đường, có vẻ tư lự, trầm mặc.

Qua một cái chuồng khỉ nghe có tiếng cười trong trẻo, chàng ngửng đầu ngơ ngác nhìn, tưởng là Mai. Nhưng đó chỉ là một cô gái quê đứng ném lạc đùa với một con bú dù nhỏ. Chàng lẩm bẩm nói một mình:

– Giá nó cứ quê mùa hẳn như thế cũng xong!

Cái ý kiến ngộ nghĩnh ấy khiến chàng cười thầm, tự lấy làm thẹn cho lòng ích kỷ của mình.

Khi gần đến chân cái gò mà các nhà thi sĩ xưa kêu là núi Nùng, một chàng nhớn nhác vừa đi vừa nhìn những người qua lại, vô ý đâm sầm vào Lộc. Chàng ta xin lỗi rồi lại hấp tấp đi liền. Lộc ngờ vực, rảo bước theo sau. Người kia đến ngồi nghỉ chân ở một cái ghế dài gần chỗ dựng những cột đu.

Lộc cũng ngồi xuống, lân la gợi chuyện:

– Chừng ông tìm người quen?

– Vâng, tôi hẹn đợi ở đây.

Lộc cười, hỏi đùa:

– Thôi lại gái chứ gì?

Người kia ngượng nghịu nói sẵng:

– Có thế!

Lộc thấy nóng mặt. Chàng nghĩ mưu kế để cố tìm ra sự bí mật của người lạ. Một lúc, chàng quay lại hỏi:

– Thưa ông, tôi ngồi gần ông chắc làm phiền cho ông lắm.

– Việc gì mà phiền. Trong khi chờ đợi mà có người ngồi nói chuyện thì càng đỡ sốt ruột chứ sao.

– Có thể. Vậy ta nói chuyện cho đỡ sốt ruột, vì tôi cũng như ông, cũng đương đợi một người.

Rồi Lộc vờ như nói một mình:

– Quái, cô Mai làm gì giờ chưa đến!

Người kia quay lại, hỏi:

– Tên tình nhân ông là Mai?

Lộc sửng sốt đáp:

– Phải! Chắc ông cũng có quen cô Mai?

– Không! Tôi không quen.

Câu trả lời lạnh lùng khiến Lộc càng nghi lắm.

Người kia thấy Lộc hỏi lôi thôi liền đứng dậy đi nơi khác. Lộc thở dài. Rồi chàng tự lấy làm xấu hổ về cái tính đa nghi của chàng, cũng đứng lên thủng thẳng ra về.

Tới nhà, trời đã nhá nhem tối. Chàng vào các buồng, không thấy Mai và Huy, toan gọi thằng xe ra hỏi, thì có tiếng cười khanh khách ở bếp đưa lên. Chàng rón rén xuống xem, thấy hai người đang lúi húi bên cạnh một cái đĩa tây. Liền hỏi:

– Hai chị em cặm cụi làm gì thế?

Mai cười, đáp:

– Làm kem cà phê. Đấy, mình coi, có khéo không?

– Sao không đi Bách thú?

– Mình không đi thì em đi làm gì?

– Thôi, đi ăn cơm.

Khi Lộc đã lên nhà, Huy sẽ bảo Mai:

– Đấy, chị coi. Tính nết có khó chịu không?

– Ừ, không biết có chuyện gì mà từ hôm qua tới nay anh ấy cảu nhảu như thế?

Huy ngẫm nghĩ, thở dài.

– Ấy may mà chị không đi chơi vườn Bách thú đấy!

Bữa cơm chiều hôm ấy thực là buồn tẻ. Lộc chẳng nói chẳng rằng, ăn vội vàng như làm cho xong một việc bắt buộc. Mỗi lần Mai gợi chuyện, chàng chỉ trả lời cộc lốc hoặc chỉ khẽ gật đầu.

Cơm xong, vừa buông đũa bát, Lộc đã lấy mũ đội, ra đi.

Mai, nét mặt rầu rầu, thầm hỏi:

– Mình đi đâu đấy?

– Tôi lên thăm mẹ.

– Có việc gì cần không?

– Không.

– Thế thì hãy thong thả ăn kem đã.

– Thôi.

Mai có giọng kêu van:

– Anh ăn một tí cho em bằng lòng. Kem tay em làm ra.

– Tôi hơi đau bụng... Mình với cậu Huy ăn hộ.

Nói dứt lời chàng vùn vụt ra đi. Huy nhìn Mai, Mai cúi đầu không nói.

Ra đến ngoài, Lộc thấy khoan khoái dễ thở. Chàng lẩm bẩm:

– Thà rằng biết hẳn nó có...

Chàng không dám đọc đến, không dám nghĩ tới chữ mà chàng kinh sợ: chữ tình nhân. Phải! Thà biết chắc rằng có hay không, còn hơn cứ phân vân ngờ vực.

Một người kéo xe chào chàng. Chàng mải suy nghĩ không nghe tiếng. Anh xe lẽo đẽo theo sau tán:

– Có món khá lắm, "dô li" lắm, chỉ độ mười tám thôi. Có chồng cẩn thận.

Lộc quay lại nhìn anh xe, lộ vẻ ghê tởm, quát mắng:

– Cút ngay, đồ khốn nạn!

Rồi chàng cắm đầu rảo bước. Một cái xe khác hạ càng mời chàng. Chàng như không lưu ý tới lẳng lặng lên xe. Nửa giờ sau, luồng gió mát làm chàng giật mình tỉnh ra, thấy đương ở bờ sông mới nhớ rằng định về nhà thăm mẹ, liền bảo xe kéo đến phố H...

Đến nơi thấy cửa ngoài còn khép, vì con sen vừa ra phố có việc, chàng rón rén lẻn vào, đi thẳng tới nhà trong. Bỗng thoáng mấy mẩu chuyện ở buồng bên cạnh, chàng liền nép mình vào cánh cửa đứng nghe.

Tiếng bà Án: "Mày trông cậu có buồn lắm không?"

Tiếng tên người nhà: "Bẩm, cậu con buồn lắm. Chiều nay đi chơi

đâu mà lúc hơn bảy giờ chưa về".

Tiếng bà Án: "Được rồi!... cũng là một sự bất đắc dĩ"

Lúc bấy giờ con sen ở ngoài chạy vào trông thấy Lộc liền kêu:

– À, cậu Tham!

Bên buồng câu chuyện im. Lộc cất tiếng vờ hỏi:

– Cụ có nhà không sen?

– Bẩm cậu có. Cụ ở buồng bên cạnh.

– Thế à?

Lộc mở cửa bước vào. Bà Án mừng rỡ:

– Chiều nay mẹ mong con mãi.

Lộc nét mặt thản nhiên tươi cười trả lời:

– Bẩm mẹ, chiều nay nhiều việc con phải ở lại buồng giấy mãi tới bảy giờ.

Bà Án hỏi săn sóc:

– Thế con dễ chưa ăn cơm.

– Bẩm đã.

Bà Án nhìn con có vẻ ái ngại:

– Con độ này gầy lắm. Phải uống thuốc mới được.

Lộc vâng dạ cho qua quít, chỉ định lảng xuống nhà hỏi dò anh bếp, người đứng nói chuyện với bà Án vừa rồi, vì chàng biết mẹ kín đáo lắm khó lòng mà biết được sự bí mật. Nhưng bà Án giữ chàng ngồi nói chuyện lâu lắm, hỏi thăm lan man hết việc nọ đến việc kia. Mãi gần mười một giờ mới trông lên đồng hồ, bảo con:

– Thôi, khuya rồi con về nghỉ kẻo mệt.

Thế là mấy mẩu chuyện vừa thoáng nghe trộm, chàng vẫn chưa thể dò được ra manh mối. Nhưng về phần bà Án thì bà biết rõ rệt hai điều: Một là sự ngờ vực đương nung nấu lòng con, hai là con đã thoáng nghe được câu chuyện bà bàn bạc với anh bếp. Bà nghĩ thầm:

"Phải làm cho mau mới mong có kết quả: Kể thì cũng hơi ác. Nhưng vì lòng thương con, biết sao!".

Lòng thương con của các bà mẹ Việt Nam, cho dầu con đã lớn tuổi, không thể đem sự gì ra so sánh được. Họa chăng có thể ví

với sự chăn dắt đàn con của con gà mái. Nếu ai có ngắm qua cái dáng điệu, cái lòng can đảm của con gà mái khi nó xòe hai cánh, quả quyết đưa ngược cái mỏ yếu ớt lên để chống với con quạ hay con diều hâu bay là xuống định bắt con nó, thì sẽ thấu lòng thương con của bà mẹ Việt Nam.

Tình bà Án đối với con cũng vậy. Bà yên trí rằng Mai sắp sửa làm hại đời con bà như con diều hâu định ăn thịt con gà con. Vậy thì cái mưu kế bà sắp dùng dẫu kẻ khác có cho là tàn ác đến đâu bà cũng không ngại. Làm một việc để cứu vớt một linh hồn đương bị đắm đuối ở chỗ dơ bẩn, thì có mưu kế gì là vô nhân đạo, là tàn ác đối với lương tâm bà!

Huống chi cái linh hồn đương bị đắm đuối ấy lại là linh hồn con bà, con một rất yêu quý của bà. Bà nghĩ thế thì bà mỉm cười nói một cách quả quyết:

– Ngày mai!

HỘI KIẾN

Vào khoảng chín giờ sáng, trong khi Lộc ở sở và Huy đi học, Mai lúi húi với mấy gốc hồng ở vườn trước cửa. Mai vốn là một cô gái quê, hay làm, không mấy khi chịu ngồi rỗi, nên thường phải bày ra công nọ việc kia cho bận bịu đỡ buồn. Nhất là mấy hôm nay, khi ở một mình, lúc nào Mai cũng không yên chân yên tay được, tuy nàng có nghén đã năm, sáu tháng, và thân thể nàng mệt nhọc yếu đuối.

Là vì hễ nàng ngồi một mình không làm gì thì trí nghĩ nàng lại để cả vào mọi việc đã xảy ra trong mấy hôm, và tâm linh nàng lại báo cho nàng biết trước rằng sắp sửa còn xảy ra nhiều sự chẳng lành cho nàng. Rồi nàng tưởng tượng ra những cảnh ghê gớm, những cảnh lìa rẽ, bơ vơ, đau ốm, không cửa, không nhà, không người thân thích.

Có tiếng ai gọi cổng. Mai vội vàng chạy ra. Một bà trạc ngoài năm mươi tuổi, nhưng da dẻ còn hồng hào mà tóc chỉ hơi đốm bạc, ở trên xe cao su nhà bước xuống, mỉm cười, hỏi:

– Tôi hỏi thăm cô, đây có phải nhà cậu tham Lộc không?

Mai, mặt tái mét, vì tuy nàng không nhận ra ai, nhưng nàng đoán chắc là bà Án.

Nàng ấp úng:

– Bẩm cụ vâng... nhưng... ông tham cháu đi làm vắng.

Bà kia vẫn mỉm cười khẽ gật:

– Tôi cũng biết thế, mà vì biết thế tôi mới đến đây... À tôi hỏi: Có phải cô là cô Mai không?

Mai cúi đầu, run run đáp:

– Vâng ạ.

Bà kia bước vào sân, ung dung nói:

– Tôi là mẹ cậu tham Lộc, tôi đến để xem chỗ cậu ấy ở có được rộng rãi, mát mẻ không?

Mai vờ giật mình:

– Bẩm bà lớn tha lỗi cho con, con không biết.

– Có lỗi gì mà phải tha. Vậy tôi muốn nói chuyện với cô, cô có sẵn lòng tiếp chuyện tôi không?

Mai gượng tươi:

– Xin rước bà lớn vào chơi.

Mai mời bà Án ngồi ở phòng khách rồi chạy vội vào trong buồng mặc áo thâm. Khi nàng ra, vẫn thấy bà Án đứng tò mò ngắm hết thảy các thức bày trong phòng. Bà mỉm cười nói:

– Ở đây mát nhỉ. Mà nhà cửa có ngăn nắp lắm.

Mai nghe câu khen trong bụng đã hơi mừng, khúm núm mời:

– Xin rước bà lớn ngồi chơi ạ.

Bà Án gật:

– Được! Mặc tôi.

Rồi bà ngồi xuống ghế, bảo Mai:

– Mời cô ngồi.

Mai lễ phép:

– Bẩm bà lớn, con không dám.

Bà Án đăm đăm ngắm nghía Mai từ đầu đến chân, khiến Mai lo sợ, hai tay nắm chặt lấy lưng tựa ghế. Bà Án gật gù thong thả nói:

– Tôi nghe nói cô cũng biết chữ nghĩa, cũng học đạo thánh hiền thì phải?

Mai biết là bà Án bắt đầu khai chiến, quả quyết ngửng đầu lên đáp lại:

– Bẩm bà lớn có thế. Thủa nhỏ con có được học chữ Nho và khi thầy con ngồi dạy học ở nhà quan huyện Đông Anh, con cũng có theo học với các cô con quan huyện.

Bà Án vẫn còn nhớ rành rọt cái thời kỳ ở huyện. Bà cũng không quên được nét mặt và dáng điệu Mai. Nhưng bà không muốn nhớ tới, nên nghe Mai nhắc lại chuyện cũ, bà tìm cách nói lảng ngay:

– Năm nay cô bao nhiêu tuổi?

– Bẩm bà lớn con hai mươi.

– Cha mẹ cô làm nghề gì?

Nghe bà Án lục vấn như bắt một người có tội cung khai mọi điều, Mai cũng nén lòng tức mà trả lời cho xong xuôi:

– Bẩm cha con đậu tú tài và đã mất rồi. Mẹ con cũng đã qua đời.

Bà Án cười:

– Thảo nào!

Hai chữ "thảo nào" đi liền sau một tiếng cười khinh bỉ làm cho Mai ứa nước mắt. Nhưng bà Án sợ Mai không hiểu, lại nói tiếp luôn:

– Con có cha như nhà có nóc. Cô là gái mà lại mồ côi cha mẹ thì tránh sao được sự lầm lỡ.

Mai tái mặt, cất tiếng run run đáp lại:

– Bẩm cha con cũng mới mất, con vừa đoạn tang. Ý chừng bà lớn cho con là một đứa vô giáo dục?

Bà Án không trả lời, đăm đăm nhìn Mai, khiến nàng sợ hãi cúi mặt. Bà hỏi:

– Vậy cô có được cha cô thương yêu không?

Mai không ngần ngừ:

– Bẩm bà lớn, cha con thương con lắm.

– Vậy chắc cô hiểu tình cha con thế nào thì tình mẹ con cũng thế, có lẽ tình mẹ con còn khăng khít, âu yếm, thân mật hơn nhiều.

Mai biết là bà Án nói năng gang thép và chỉ cốt bày mưu đưa mình vào tròng, nên yên lặng cúi đầu không dám trả lời hấp tấp. Thấy Mai đứng im, bà Án lại nói:

– Đem chuyện mẹ con tôi ra nói với cô, tôi thực lấy làm ái ngại. Vì một là cô không muốn hiểu, hai là cô không đáng nghe. Thằng Lộc nó muốn nói tốt cô đến đâu với tôi, song tôi nhất định cho rằng ở ngoài vòng lễ nghi, vượt hẳn quyền thúc bá thì dầu sao người con gái cũng không thể là một người con gái có đức hạnh được. Bởi vậy đã mấy lần tôi định đến đây nói rõ mọi lẽ cho cô hiểu, mà tôi vẫn ngần ngại không muốn đến.

Mai đưa vạt áo lên lau nước mắt. Bà Án mỉm cười:

– Cô đừng vội giận. Thà rằng mất lòng trước thì rồi sẽ được lòng sau, cô ạ. Vả tôi đến hôm nay mục đích chỉ cốt cùng cô nói hết các lẽ phải trái, mọi điều gần xa. Vậy cô nên ôn tồn, tĩnh tâm mà nghe tôi thì hơn. Cô khóc có ích gì?

Mai lau ráo nước mắt. Lòng phẫn uất của nàng đã lên đến cực điểm. Linh hồn lãng mạn của nàng đã bắt đầu bồng bột.

– Cô ngồi xuống đây, đứng thế mỏi chân, vì câu chuyện tôi nói với cô còn dài.

Mai lẳng lặng kéo ghế ngồi:

– Con xin phép bà lớn.

– Được cô ngồi. Ban nãy tôi hỏi cô có hiểu lòng cha mà nhất là lòng mẹ thương con đến bậc nào không? Tình cốt nhục dẫu loài cầm thú còn có, huống chi là người. Chả nói thì cô cũng thừa biết rằng Lộc là con một của tôi thì tôi lại càng thương lắm.

Bà cảm động, ngừng lại mở chiếc hộp nhỏ lấy trầu ra ăn rồi nói tiếp:

– Tôi chỉ có một mình nó là trai... vì thế tôi muốn nó phải là người hoàn toàn...

Mai mỉm cười, ngắt lời:

– Bẩm bà lớn, thế nào là người hoàn toàn?

Bà Án thong thả dằn từng tiếng, đáp lại:

– Cô không biết thế nào là người hoàn toàn? Điều thứ nhất là phải trai không trộm cắp, gái không đĩ thõa.

Bà vừa nói vừa nhìn Mai, nhưng Mai cũng chẳng vừa, rất lễ phép trả lời:

– Bẩm bà lớn, nếu chỉ cần có thế thì ông tham nhà hẳn là một người hoàn toàn.

Bà Án điềm nhiên, làm như không lưu ý đến lời hỗn xược của Mai, nói tiếp luôn:

– Nếu tôi đoán không sai, thì cô kính trọng và yêu mến con tôi lắm.

Mai cố kiên nhẫn, nhưng đến đây thì nàng không thể giữ được nữa, nức lên khóc. Bà Án lắc đầu:

– Cô nên theo gương tôi, ôn tồn mà nói chuyện chứ khóc có ích gì!

Mai kể lể:

– Nếu bà lớn hiểu được tấm lòng luyến ái của con, thì bà lớn không nỡ khinh bỉ con. Bẩm bà lớn, vì con yêu... anh... vì con yêu ông Lộc mà con đã hy sinh hết cả danh tiết cùng tính mệnh của con. Sau khi thầy con mất đi, con tưởng ở trên đời con chỉ còn yêu có một người là em Huy con, ai ngờ trời lại run rủi cho con gặp ông Lộc...

Bà Án vờ hỏi:

– Vậy ra cô có em nữa đấy?

– Vâng, em con đương theo học năm thứ tư trường Bảo hộ. Em con nó coi con không những như một người chị mà thực như một người mẹ. Mà đối với em con, con có thể hy sinh tính mệnh để em con được sung sướng... Bẩm bà lớn, bà lớn có cho phép con kể lại đầu đuôi câu chuyện hầu bà lớn nghe không?

– Được, cô cứ kể.

– Bẩm bà lớn, sau khi nhà con bị sa sút, cha con mất đi thì chị em chúng con bơ vơ không nơi nương tựa. Nhà thì không bán được, con thì bị một người cường hào định hà hiếp, em Huy con thì vì không có tiền giả học phí sắp bị đuổi. Trong lúc quẫn bách, con đã toan lấy một ông Hàn cự phú, không phải là để tìm chỗ nương thân, vì con xin thú thực, con không hề tưởng đến thân con, nhưng chỉ cốt giữ được lời hứa với cha con lúc lâm chung: là thay cha nuôi em ăn học thành tài và trở nên người hữu dụng.

Bà Án không muốn để Mai trông thấy mình biểu lộ sự cảm động, liền vội gạt:

– Tôi hiểu cô rồi, nhưng...

– Bẩm bà lớn, con xin phép bà lớn được kể hết đầu đuôi câu chuyện. Trong khi con quẫn bách như thế thì con gặp anh, xin bà lớn cho phép con gọi anh con là anh, tuy con chẳng xứng đáng

cái hạnh phúc ấy, trong khi ấy con gặp anh Lộc con. Anh con nhận được con là con gái ông thầy học của các cô. Rồi anh con đem lòng luyến ái con, cứu giúp con và em con. Chúng con được ngày nay thực là nhờ ở anh con, dẫu con ở lại thế nào cũng khó mà cân đối được cái lòng hào hiệp ấy. Huống anh con chỉ xin con có một điều là lấy anh con, là yêu mến anh con. Một hôm anh con đưa một bà đến, nhận là mẹ, và bà ngỏ lời hỏi con cho anh...

Bà Án tức giận mắng:

– Thằng con bất hiếu bất mục đến thế!

– Bẩm bà lớn coi đó, nào con có vượt ra ngoài vòng lễ nghi đâu? Mà nếu, bẩm bà lớn, vì anh con, có phải hy sinh đến lễ nghi nữa, con cũng cam chịu.

Bà Án mỉm cười vì bà nghe Mai nhắc đi nhắc lại mãi chữ hy sinh thì bà đã lưu ý đến chỗ nhược điểm của bên địch rồi. Bà định sẽ xoay hết chiến lược về phía đó. Nhưng bà còn vờ hỏi:

– Tôi nghe chuyện cô thì hình như cô cũng thâm hiểu lễ nghi, đạo đức của thánh hiền lắm.

– Vâng con hiểu. Nhưng thuở xưa cha con còn dạy con nhiều điều mà cha con cho là hay hơn, quí hơn cả những điều lễ nghi.

Bà Án bĩu môi:

– Hay hơn! Tôi đây hủ lậu, vẫn tưởng sự quí nhất của ta là lễ nghi, là ngũ luân ngũ thường, là tứ đức, tam tòng của đàn bà. Vậy những điều hay của cô đó là những điều gì thế?

– Bẩm bà lớn, là lòng thương người và lòng hy sinh.

– Có lạ gì điều đó. Chính là điều nhân của đạo Nho.

– Bẩm bà lớn, vâng, chính thế, nhưng điều nhân của đạo Nho ta cũng chỉ là điều nhân trong phạm vi Nho giáo mà thôi.

Bà Án mỉm cười:

– Cô biết rộng lắm. Nhưng có lẽ biết rộng như thế cũng không hay ho gì cho cô. Cô thấy ai cô cũng thương thì nguy hiểm cho cô lắm. Tôi đã thú thực với cô rằng tôi hủ lậu, nghĩa là tôi chỉ trọng có: lễ, nghĩa, trí, tín. Thí dụ như thằng Lộc con tôi, tôi đã hỏi con quan tuần cho nó rồi, đã có đủ các lễ dạm, hỏi tử tế thì dẫu sao tôi cũng không thể thất tín được, không thể bội ước được.

Mai nghe tái mặt, đứng dậy, ngập ngừng:

– Bẩm bà lớn... sao anh Lộc... không cho con biết.

Bà Án cười:

– Cô còn lạ gì bọn đàn ông đang tuổi chơi bời!

Mai không nói, chỉ ứa hai hàng nước mắt. Bà Án lại bịa thêm:

– Có phải không, cũng có điều tôi theo lễ nghi, cũng có điều tôi không theo. Như cha mẹ thì vẫn bắt ép con lấy người vợ mình chọn, chứ tôi, tôi cho Lộc được gặp mặt người vợ tôi định hỏi cho nó, nó có bằng lòng, tôi mới hỏi đấy... Thôi, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Bây giờ thế này này. Làm trai lấy năm lấy bảy. Tôi cũng chẳng bắt nó phải bỏ cô, nhất là cứ như lời nó thú thực với tôi, cô lại đương thai nghén. Nhưng đến tháng tám này, tôi cưới vợ cho nó, mà nếu bên nhà gái họ biết nó có nhân tình nhân ngãi thì ai người ta chịu để yên. Vậy cô nghe tôi, tôi sẽ cấp vốn cho cô đi tìm một nơi khác mà ở tạm ít lâu, rồi khi nào nó cưới vợ cả về đã, tôi sẽ cho phép nó lấy cô về làm lẽ.

Mai căm tức, cười mũi:

– Bẩm bà lớn, nhà con không có mả đi lấy lẽ.

Bà Án thở dài:

– Cái đó tùy cô! Nhưng đến tháng tám này, thế nào tôi cũng cưới vợ cho con tôi. Tôi cam đoan với cô rằng thế nào tôi cũng cưới được vợ cho con tôi.

– Vâng, cái đó là quyền ở bà lớn.

– Đã cố nhiên.

Mai toan làm ra mặt lãnh đạm. Nhưng không thể chống nổi với lòng cảm xúc, đứng bưng mặt khóc. Bà Án lẳng lặng ngồi nhìn cô không tỏ chút động tâm. Mai lau nước mắt, rồi ngập ngừng nói:

– Bẩm bà lớn... người vợ chưa cưới của anh Lộc con, nếu chẳng lấy anh con thì cũng lấy được người khác. Còn con thì trinh tiết, tính mệnh... cả một đời con, con đã gửi vào anh con... con không thể lấy ai được nữa. Không phải con sợ mất, sợ thiệt một sự gì cho con, nhưng xa anh Lộc, thì con không thể sống được. Mà con chắc anh con cũng yêu con như con yêu anh con. Vả lại bà lớn đã biết đâu người vợ chưa cưới của anh con yêu anh con, nhất là anh con thì thực không yêu người ta một chút nào, vì nếu anh con yêu người ta thì đã chả yêu con. Vậy nếu bà lớn cho phép chúng con lấy nhau, bà lớn sẽ gây được

hạnh phúc cho ba người: cho anh con, cho con và cho cô con quan tuần nào đó. Trái lại, nếu bà lớn không cho phép con thì không biết ba cái đời ấy sau này ra sao. Nhất là con, không biết con sẽ sa vào cái hang sâu vực thẳm nào. Vì, con xin thú thực với bà lớn, con không thể nào yêu chồng người khác được. Thà con chết còn hơn đi lấy lẽ. Lương tâm con không cho con làm những điều vô nhân đạo như thế.

Bà Án ngẫm nghĩ rồi mỉm cười nói:

– Ông cha ta lấy vợ lẽ là thường chứ. Có hề gì?

– Bẩm bà lớn, nhưng con thì con không thể thế được. Con yêu ai thì con chỉ muốn người ấy là người yêu hoàn toàn của con mà thôi.

– Vậy ra cô yêu Lộc lắm.

– Bẩm, hà tất bà lớn còn phải hỏi.

Bà Án cười khanh khách rồi nói:

– Tôi lấy làm lạ cho cô quá. Cô bảo cô yêu con tôi. Cô lại khoe cô giàu lòng hy sinh, thế mà cô chỉ nghĩ đến cô, chứ cô không hề tưởng đến con tôi.

– Bẩm bà lớn, sao bà lớn lại bảo con không tưởng đến anh con?

– Này, cô phải biết. Con đường tương lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất chính nay mai. Tôi hỏi con quan tuần tỉnh kia là người có thế lực cho nó là tôi đã suy xét kỹ lưỡng lắm. Quan tuần còn trẻ bước hoạn đồ còn dài, sau này con tôi tất phải nương tựa vào bố vợ mới mong chóng thăng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó tự do kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nương tựa mà nó lại mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong lý lịch. Đấy cô nghĩ mà xem, nếu quả cô yêu con tôi và cô giàu lòng hy sinh thì chả còn sự hy sinh nào to bằng, quí bằng, cao thượng bằng sự hy sinh này. Vì cô sẽ giúp cho tương lai của người yêu cô.

Mai tức uất lên, đã toan cãi lại. Nhưng không tìm được lời kháng nghị, nên chỉ đứng nức nở khóc. Mãi sau nàng mới cố ôn tồn nói:

– Bẩm bà lớn, xin bà xét lại cho con được nhờ, con có phải là người bậy bạ đâu, cha con cũng đỗ đạt, nhà con cũng là một nhà đời đời theo Nho giáo.

– Đành thế, nhưng người ngoài người ta biết đâu. Thôi, tôi hiểu

rồi, cô chẳng yêu con tôi đâu. Chẳng qua cô chỉ muốn làm bà lớn đấy thôi. Phải, bà tham rồi ít nữa lại bà huyện... To lắm!

Mai đứng khoanh tay vào ngực mỉm cười nói:

– Bẩm bà lớn còn kém bà án một tý.

Bà Án hầm hầm tức giận đập tay xuống bàn:

– À ra con này hỗn thực! Mày phải biết, bà gọi đội xếp đến tống cổ mày đi bây giờ, không khó gì đâu!

Mai lẳng lặng ra gọi anh xe, người nhà bà lớn:

– Bẩm bà lớn, anh xe đó, bà lớn truyền cho gọi đội xếp.

Bà Án biết Mai chẳng vừa, khó mà dùng oai quyền được, ngồi thừ nghĩ tìm mưu kế khác. Một lát, bà thong thả đứng dậy bảo Mai:

– Nhiều lời vô ích. Rồi tôi sẽ bảo thằng Lộc nó tự xử. Thôi chào cô.

Mai hoảng hốt chạy theo, kêu van, kể lể:

– Lạy bà lớn, nếu bà lớn không rủ lòng thương con thời xin bà lớn thương đến đứa bé nó nằm trong bụng mẹ nó. Bẩm bà lớn, tình mẫu tử... Bà lớn thương anh Lộc con làm sao thì con sẽ thương con của con làm vậy. Bẩm bà lớn nó tội tình gì, nó đã làm gì nên tội, mà nó chịu khổ ngay từ lúc ở trong bụng mẹ nó. Nếu bà lớn đuổi con đi, con bơ vơ lưu lạc thì không biết số mệnh con con sau này ra sao. Bẩm bà lớn, hai tính mạng ở trong tay bà lớn, xin bà lớn nghĩ lại cho.

Bà Án hơi cảm động, nhưng cố giữ mặt lãnh đạm:

– Về làng mà đẻ!

Mai cười gằn:

– Người ta sẽ bảo con chửa hoang.

Bà Án bĩu môi:

– Người ta bảo! Cần gì người ta bảo?

Mai đứng phắt dậy, lạnh lùng đáp:

– Bẩm bà lớn, thôi được rồi. Tôi không ngờ! Thực là tôi không ngờ!... Tôi không ngờ lòng bà lớn lại là sắt đá. Bẩm bà lớn, xin mạn phép bà lớn... bà lớn chỉ là một người ích kỷ. Bà lớn theo Nho giáo, mà bà lớn không nhớ câu:

"Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân"

Bà Án mỉm cười, khinh bỉ:

– Chữ nghĩa cũng khá đấy! Hữu tài vô hạnh!

– Thôi bà không cần nhiều lời. Tôi sẽ đi. Tôi rời cái nhà này ngay hôm nay. Trách nhiệm nặng nề sau này bà chịu lấy.

Bà Án ngơ ngác hỏi:

– Trách nhiệm cái gì?

Mai mỉm cười, lắc đầu:

– Tôi quên. Không, chẳng có trách nhiệm gì hết! Vì hai mạng hạ tiện này có chết đi nữa, lòng bà lớn chắc cũng không rung động.

Hai giọt nước mắt nhỏ trên gò má răn reo. Bà Án thong thả ngồi xuống ghế:

– Cô im ngay!

Ngẫm nghĩ một lúc, bà nói:

– Trước khi cô đi, cô lại đằng nhà, tôi sẽ giúp cô một số tiền, xứng đáng với sự hy sinh của cô, với tấm lòng hào hiệp của cô. Và khi nào cô có điều gì cần đến tôi giúp cô cứ lại nhà tôi, bao giờ tôi cũng sẵn lòng giúp cô.

Mai lạnh lùng:

– Cảm ơn bà lớn, nhưng tôi không phải hạng ăn xin.

Bà Án chỉ lưu ý đến một việc là Mai đi, nên lại hỏi như để nhắc:

– Vậy bao giờ cô đi?

Mai cười:

– Thưa bà lớn, một lời đã hứa thì bao giờ cũng phải giữ. Tôi nói nội nhật ngày hôm nay thì chắc không phải ngày mai. Bà lớn cứ yên lòng. Trong năm điều nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bà lớn viện ra ban nãy, có hai điều tôi trọng nhất là: nhân và tín. Bà lớn không lo tôi thất tín...

Bà Án lộ vẻ vui mừng, kể lể:

– Cô nên nghĩ đến lão già này tuổi tác chỉ có một trai. Nếu nó say hoa đắm nguyệt mà sinh ra bất hiếu bất mục, thì tôi đến buồn mà khô héo, mà chết mất. Đó là một sự hy sinh cuối cùng mà tôi xin cô ban riêng cho tôi.

Mai mỉm cười:

– Vâng bà lớn nói rất đúng. Tôi có thể hy sinh được, chứ bà lớn là bà lớn thì khi nào lại phải hy sinh vì một đứa con gái ti tiện. Thôi

được! Bây giờ giá bà lớn xin tôi ở lại, tôi cũng không nghe lời kia mà. Biết đâu con bà lớn lại không giống bà lớn?

Mai ngẫm nghĩ nhớ lại cử chỉ, ngôn ngữ của Lộc mấy hôm trước, trong lòng ngờ vực. Bà Án đứng dậy ra về:

– Thôi, chào cô. Tôi tin cậy ở cô. Chốc nữa lại đằng nhà, thế nào cũng lại đấy. Nhà tôi ở phố H... 244.

Mai tiễn bà Án ra tới cổng rồi quay vào trong nhà ngồi phịch xuống ghế, bưng mặt khóc.

Những người có tính vui vẻ, yêu đời thường dễ khóc. Sự buồn rầu đau đớn chảy theo nước mắt mà cạn dòng. Khi chiếc vạt con ướt đầm nước mắt, Mai thấy Mai đỡ khổ, và sự ước mong một cuộc đời tốt đẹp khiến Mai tưởng tượng có người yêu đứng bên sắp cất tiếng an ủi, khuyên can, dỗ dành. Nàng ngoảnh đầu lại: Huy, nét mặt rầu rầu đương ngắm nàng, có chiều ái ngại, thương yêu.

Thấy em, Mai lại khóc. Huy đến gần, đặt cặp sách xuống bàn, hỏi chị:

– Có điều gì thế, chị?

Mai không trả lời. Huy đứng vịn vào lưng tựa ghế để yên cho chị khóc. Tuy chị chưa nói, chưa kể nỗi đau khổ cho Huy nghe, Huy đã đoán được hết. Huy đã biết ngay từ buổi đầu rằng thế nào cũng sẽ có ngày nay. Vì vậy không bao giờ Huy vui. Luôn mấy hôm ngắm nét mặt lạnh lùng, thờ ơ của Lộc, Huy càng chắc chắn, càng yên trí rằng sự phỏng đoán của mình là không sai. Huy ghé gần vào tai chị, khẽ nói:

– Anh Lộc, phải không chị?

Mai vẫn khóc, không đáp. Huy lại nói:

– Có điều gì chị chả nên giấu em. Em có thể bàn tính giúp chị được. Can chi chị lại để bụng mà đau ngấm, đau ngầm.

Mai nức nở:

– Chị khổ lắm em... ạ!

Huy dò ý chị:

– Ở đời còn có anh Lộc, còn có em thì việc gì chị khổ.

Mai gục mặt xuống cánh tay lại khóc:

– Ấy chính vì anh Lộc mà chị khổ đấy, em ạ.

– Nhưng đầu đuôi câu chuyện ra sao mới được chứ?

Mai liền kể lại cho em nghe mọi sự vừa xảy ra rồi kết luận một câu quả quyết:

– Thế nào chị em ta cũng phải đi ngay hôm nay.

Huy đập tay xuống bàn:

– Đuổi! Có lý nào như thế không?

Mai dịu dàng:

– Có cái lý chắc chắn nhất là nhà này của họ... Còn có ngót tháng nữa em đã thi, chị cũng toan nấn ná...

Huy ngắt lời:

– Không! Không cần thi với cử gì hết. Nhưng có thể như thế được không? Lấy người ta có thai nghén rồi đuổi người ta đi, bỏ người ta bơ vơ. Luân lý gì thế? Thế gọi là cân nhắc chữ tình với chữ hiếu, thế gọi là đặt chữ hiếu ở trên chữ tình được à? Thế là vô nhân đạo!... là... đểu!

Mai ôn tồn bảo em:

– Nếu thế thì càng nên đi lắm.

Huy ngẫm nghĩ, mặt hầm hầm tức giận. Mai hỏi:

– Em tính sao?

Huy đáp:

– Được!... Nhưng hãy để em hỏi anh Lộc mấy câu đã.

Mai vội gạt:

– Hỏi làm gì, em không thấy mấy hôm nay anh ấy nhạt nhẽo với chị em mình ư?

Huy mấm môi:

– Ấy chính vì thế, em mới định hỏi cho ra lẽ.

Mai cười, giọng cười thảm hơn tiếng khóc:

– Lẽ? Em còn lạ gì! Mẹ con họ bàn tính chán với nhau rồi. Họ chỉ tìm mưu lập mẹo tống chị em mình đi để họ cưới con quan tuần nào đó thôi. Chi bằng mình đi trước cho họ khỏi phải đuổi.

Huy tức uất hai tay ôm ngực ho thất thanh. Mai đứng dậy lại gần lo lắng hỏi:

– Em sao vậy? Sao mặt em tái đi thế kia?

Huy gượng mỉm cười:

– Không, em không sao hết... Chị ơi, vì em mà chị khổ một đời.

Mai cố vui để yên lòng em:

– Chả việc gì mà chị khổ! Chúng ta nên nhớ lời trối trăng của thầy, em ạ: Đem hết nghị lực ra chống chọi với đời.

Huy ngẫm nghĩ, rồi hỏi:

– Thế chị nhất định đi à?

– Chị quả quyết lắm rồi!

Huy lắc đầu:

– Nhưng chị đương có nghén.

– Chà! Trời sinh voi, trời sinh cỏ, thì hãy cứ liều.

Cho hay tính liều lĩnh, tính lãng mạn cũng là một tính di truyền ở nhà cụ Tú. Cụ khi xưa vì cái tính ấy mà mấy lần gia thế thăng trầm, rồi đến khi bị khánh kiệt tài sản. Mai với Huy cũng chỉ vì phẫn uất, vì tự do, không chịu được một sự khinh mạn mà sắp liều sống đời phiêu lưu.

Bước đường tương lai mờ mịt ấy, Mai và Huy đương im lặng ngồi ngẫm nghĩ tới. Có tiếng giày ở ngoài cổng thong thả bước vào, Mai vội bảo em:

– Đừng nói gì với anh Lộc, nhé!

Huy khẽ gật.

Lộc vào, lạnh lùng treo mũ lên mắc áo, rồi bần thần ngồi xuống ghế.

Hai chị em nhìn nhau, như cùng hiểu thấu những sự mờ ám, và cùng quả quyết thi hành những điều đã dự định.

CÔ HÀNG QUÀ

Về buổi chiều vào giờ tan học và giờ đóng cửa các nhà máy, các cửa hàng, người ta trông thấy từ đường Quan Thánh tới Sở thuộc da rải rác từng tốp bốn, năm người hay chín, mười người hoặc đi chân, hoặc đi xe đạp. Màu trắng, màu chàm, màu nâu của bộ quần áo xen lẫn nhau, và tiếng Pháp tiếng Việt ồn ào lẫn tiếng cười khanh khách.

Đó là bọn học sinh với bọn lao động đi về làng Thụy Khuê xưa nay vẫn là nơi ăn trọ của hai hạng người: cắp sách và làm thợ.

Làng Thụy Khê sáu, bảy năm về trước không giống hệt làng Thụy Khuê ngày nay, vì ngày nay cái trại trồng hoa của thành phố về phía đoạn đường bên hồ đã làm mất hẳn cái đặc sắc của làng: Cái đặc sắc ấy là cái hố rác khổng lồ về mùa hè bốc mùi ô uế rất nồng nực khó chịu.

Song ngoài sự thay đổi về hình thức ra, cái tính cách bản nguyên của làng Thụy Khuê không hề suy xuyển: làng ấy vẫn và sẽ mãi mãi là nơi ẩn trọ của bọn học sinh và bọn thợ thuyền cho đến ngày trong hai hạng ấy không còn người nghèo nghĩa là không bao giờ. Vì thế, dù ngày nay hay hai mươi năm về trước, những tên "xóm Ổi", "xóm Đồng Bảng", "xóm Hàn lâm" đều là những tên quen tai các bác mặc màu chàm hay các cậu cắp sách vở.

Chiều hôm ấy trên con đường từ trường Bưởi tới làng Thụy Khuê, họ chuyện trò vui vẻ khác thường. Vì mới xảy ra một sự lạ lùng, rất không ngờ trong cái đời ít thay đổi của anh em học sinh. Buổi sớm người gánh hàng quà bánh đến bán ở cửa trường không phải là bà Cán, mà lại là một cô gái. Bà Cán, người bán hàng cho các cậu, cho những người học trước các cậu không biết từ đời nào, còn ai dám đến đây cướp mối hàng của bà. Thế mà bỗng thấy một cô gái ung dung gánh một gánh quà đến ngồi bán ở cổng trường thì phỏng có lạ không. Gánh hàng quà cũng giống gánh hàng quà của bà Cán, một bên quang thúng đựng bánh dầy, xôi, giò, chả, và một bên quang đặt nồi cháo đậu.

Trước buổi học sáng các cậu học sinh phần còn bỡ ngỡ, phần thấy cô hàng quà có nhan sắc, nên bẽn lẽn và vì nể không muốn vội hỏi lôi thôi.

Những buổi trưa, anh em đã quen quen, không bảo nhau mà cùng đến trường sớm lắm, ý chừng để nhìn cô hàng xinh đẹp, cũng như buổi sáng cô hàng đặt gánh dưới bóng mát cây bàng, rồi mỉm cười cúi xuống lẩm nhẩm đếm những nắm xôi trên mẹt.

Một cậu đứng trong giậu găng thò tay ra ngoài vẫy hỏi:

– Cô có bán chịu đấy chứ?

Cô hàng lắc đầu, đáp:

– Không, tôi biết cậu là ai mà tôi bán chịu?

Anh em bạn đứng gần cô hàng cất tiếng cười to nhưng cậu kia không chột dạ, không thẹn thùng, hỏi lại:

– Vậy bà Cán xóm Ổi đâu lại không đến và cô là người nào mà dám đến bán tranh. Cô phải biết tôi ăn quà chịu bà Cán đã bốn năm nay, không bao giờ tôi chịu quịt một xu và hiện bây giờ tôi còn nợ bà Cán đến bốn năm hào. Nay vì lẽ gì cô không bán chịu cho tôi?

Bài diễn thuyết của cậu học trò khiến mọi người lại cười vang. Cô hàng cũng cười nói:

– Nếu thế thì càng không nên bán chịu cho cậu. Cậu hãy trả nợ cũ đi đã.

– Trả cô à? Tôi nợ gì cô?

– Trả nợ cho bà Cán chứ. Vì đây chính là hàng của bà Cán.

– À ra cô bán hộ bà Cán. Bà Cán ốm à?

Cô hàng mỉm cười:

– Không, tôi là cháu bà Cán.

Thế là từ ngoài đường vào đến trong sân trường, anh em học sinh họp nhau từng tốp, chỗ nọ thì thào, chỗ kia khúc khích, bảo nhau:

– Chúng mày ạ, bà Cán có con cháu kháu ra phết!

– Tình lắm!

– Nó láu dữ chúng mày ạ!

Luôn năm hôm cô hàng xinh xắn gánh hàng đến bán ở cổng trường, mà hôm nào hàng cũng bán chạy rầm rầm. Nhà hàng và khách nghe chừng đã quen nhau vì đã có dăm sáu cậu mua chịu.

Hôm thứ năm đương lúc anh em xúm xít chung quanh gánh hàng, thì một ông lão già hớt hơ hớt hải chạy lại hỏi:

– Thưa các thầy, có phải đây là trường Bưởi không?

Một cậu đáp:

– Không phải đâu, ông cụ ạ, đây là trường Bảo hộ.

Ông lão buồn rầu:

– Vậy trường Bưởi ở đâu, nhờ thầy làm ơn bảo giùm.

Ba bốn cậu vỗ tay cười:

– Mãi tận dưới chợ Cam kia, cụ ạ.

– Nhưng chợ Cam ở đâu kia thầy?

– Chợ Cam ở gần đường Quýt ấy.

Một cậu ra dáng hiền lành trách bạn:

– Các anh cứ đùa cụ ấy thế.

Rồi quay lại ông lão, ôn tồn bảo:

– Phải đấy, cụ ạ. Chính đây là trường Bưởi. Vậy cụ muốn hỏi gì?

Ông lão mừng rỡ:

– Cám ơn thầy, thưa thầy làm ơn tìm hộ tôi cậu Huy.

Cô hàng nghe thấy tên Huy, ngửng đầu lên nhìn rồi không kịp giữ gìn buột miệng kêu:

– Kìa ông Hạnh!

Ông Hạnh cũng vừa nhận ra được cô hàng:

– Giời ơi. Cô Mai!

Các cậu học sinh tò mò xúm quanh cô hàng với ông lão. Một cậu hỏi:

– Thầy cô đấy à?

Nhưng Mai chỉ ứa nước mắt, đứng lặng nhìn người lão bộc:

– Sao cô lại đến nông nỗi này?

– Thôi chốc về nhà hãy nói chuyện.

Rồi cô lại thản nhiên bán hàng, tươi cười đáp những câu hỏi ngớ ngẩn của các bạn hàng. Sau một hồi trống, anh em học sinh vội vàng kéo nhau vào trường. Mai thong thả đặt gánh hàng lên vai quay lại bảo ông Hạnh:

– Bây giờ ta về.

Ông lão ngớ ngẩn hỏi:

– Về đâu, cô?

– Về nhà. Nhưng trước hết tôi hãy hỏi ông: ông đến đây làm gì?

Ông Hạnh buồn rầu thuật lại cho Mai biết rằng hôm trước ông ta nhận được thư của ông tham Lộc gửi về nói Mai và Huy bỏ nhà đi đâu không biết, và hỏi thăm ông ta xem có về làng không. Ông ta nhờ người đọc thư rồi lo sợ đâm bổ đi tìm. Ông lão nói tiếp:

– Nhưng còn cô thì vì duyên cớ gì lại ra nông nỗi này?

Mai cười:

– Chả vì nông nỗi gì cả. Tôi đi bán hàng để kiếm ăn.

– Thế ông tham Lộc?

– Thì mặc ông ấy! Ông nên nghĩ đến em Huy còn hơn, vì em đương ốm nặng.

Ông Hạnh lo sợ nhớn nhác hỏi:

– Ốm làm sao? Giời ơi, rõ khổ tôi quá!

Mai buồn rầu đáp:

– Em nó ho, đau ngực. Mà giờ không có chỗ ở, không có tiền ăn, chứ đừng nói tiền uống thuốc nữa, may mà còn có người tử tế giúp đỡ, không thì cũng chưa biết tính mệnh ra sao rồi.

Nguyên ngay chiều hôm bà Án đến nhà Mai thì Mai và Huy quả quyết ra đi, dù Huy đã bắt đầu ốm nặng.

Nhưng đi đâu? Chị hỏi em. Em nhìn chị. Bạn của Huy cũng nhiều, khốn nỗi chả nhẽ đưa chị đến ở nhờ. Dù thế nào mặc lòng, cũng phải rời bỏ ngay cái nhà mà mẹ con người ta hình như đồng lòng đuổi mình ra khỏi cửa.

Huy chợt nghĩ đến Trọng, nay cũng không còn là lưu học sinh nữa vì lý do eo hẹp đã xin ra ở ngoài, trọ nhà bà Cán bán hàng quà cho học trò. Lúc cấp bách còn biết sao, thôi cũng đành liều.

Vừa tới nhà trọ, Huy lên cơn sốt nặng nằm liệt giường ngay.

Chị em Trọng hết sức cùng Mai trông nom săn sóc, nên ba hôm sau bệnh Huy hơi thuyên giảm.

Nhưng tiền không có một đồng, biết làm sao? Chẳng lẽ ở ăn bám chị em Trọng cũng đương gặp lúc quẫn bách. Nghĩ tìm vật quí đem đi cầm bán thì bao nhiêu đồ nữ trang Lộc sắm cho, trước khi đi, Mai đã trút hết ra để trả lại rồi.

May sao, bà Cán nghe Trọng thuật cho nghe chuyện đau đớn của chị em Mai thì đem lòng thương hại. Bà ta tuổi đã già, chồng đã chết, được một đứa con gái lấy chồng xa, nên bà ta nghĩ ngay tới nuôi chị em Mai làm con nuôi. Nhưng bà ta chưa dám ngỏ ý, định hãy cứ ăn ở tử tế với hai người đã.

Bà ta liền nghĩ cách gây dựng cho Mai, giao gánh hàng cho Mai đi bán. Mà Mai ở vào một hoàn cảnh khác hẳn với hoàn cảnh phú quí vừa rời bỏ, cũng muốn theo ngay cách sinh hoạt mới. Bởi vậy, nàng tươi cười cảm ơn nhận lời bà Cán ngay, rồi vận áo nâu tứ thân,

quần vải thâm, ngày ngày hai buổi gánh hàng quà đến cổng trường Bưởi ngồi bán.

Bà Cán thấy Mai mới buổi đầu đã thạo nghề mà bán hàng lại chạy hơn mình thì đem lòng quí mến, chia lãi cho. Mai từ chối, chỉ xin được ăn, ở nhờ ít bữa để chờ khi về làng cầm hay bán được nhà sẽ đem tiền lên hoàn lại.

Giữa lúc Mai luống cuống lo sợ về bệnh trạng của Huy, về cách xoay tiền thuốc thang thì ông lão Hạnh tới Hà Nội.

Mai tuy cũng biết ông lão bộc chẳng có tài cán gì cứu được mình ra khỏi vòng quẫn bách, song lúc khốn cùng gặp người thân thuộc thì vẫn nhẹ được vài phần khổ sở.

Hai người yên lặng đi bên cạnh nhau, không ai nói nửa lời, và cùng có dáng suy nghĩ đến những sự đã xảy ra hay sắp xảy ra. Bỗng ông Hạnh quay lại hỏi:

– Cô ở tận đâu mà đi xa thế?

Mai đáp:

– Gần đến nơi.

Rồi trỏ về phía tay trái nói tiếp:

– Đây là xóm Đồng Bảng. Xóm Ổi kia kìa, ở ngay trước cửa đình làng Thụy Khuê.

Một lát sau, ông lão bộc đi theo Mai, rẽ vào một cái ngõ, qua một cái cầu nhỏ làm bằng hai tấm ván bắc qua rãnh nước bùn, mà Mai kêu là sông Tô Lịch khiến ông lão phải mỉm cười.

Cuối ngõ ấy, mãi trong cùng xóm, là nhà bà Cán: một nếp nhà bằng tre lợp rạ năm gian khá rộng, và một cái nhà ngang ba gian ngăn khu đất nhỏ ra làm hai mảnh, mảnh trước là sân, mảnh sau là vườn, trồng đủ các thứ rau dùng vào sự nấu nướng và làm gia vị các hàng quà. Cái cơ nghiệp ấy, anh em học sinh trường Bưởi và anh em thợ thuyền các nhà máy đã gom góp bằng mấy chục năm tiền quà để gây dựng cho bà Cán.

Vì nhà trên lúc bấy giờ không có ai, Mai đưa thẳng ông Hạnh xuống nhà ngang làm ở dưới bóng mát một cây doi xanh tốt, lấm chấm rất nhiều hoa trắng.

Trên một chiếc giường lát tre buông màn nâu và đầy những mụn vải tây điều, Huy đương nằm vơ vẩn nghĩ ngợi... Bỗng nghe rõ

tiếng người quen ở ngoài hiên, Huy ngồi nhổm dậy. Thấy Mai và ông Hạnh vừa bước vào, Huy mừng rú kêu to:

– Ồ! Ông Hạnh!

Mai vội vàng chạy lại gần:

– Em nằm xuống, không ngồi dậy như thế lại ho bây giờ.

Huy dịu dàng vâng lời. Ông Hạnh đứng bên đưa tay sờ trán Huy, nói:

– Cậu gầy và xanh lắm! Có uống thuốc không?

Mai ứa nước mắt cúi đầu không đáp.

Khốn nạn! Ông lão bộc còn chưa rõ tình cảnh hay sao: Lấy tiền đâu mà uống thuốc! Ông Hạnh sau nghe chừng cũng hiểu, thì thầm hỏi:

– Thế ông Tham? Ở đâu?

Mai cười ngất đánh trống lảng, quắc mắt nhìn ông Hạnh, rồi trỏ tay vào Huy có ý bảo đừng nhắc đến cái tên Lộc ở trước mặt em. Mấy hôm nay, hễ ai nói đụng đến cái tên ấy, Huy lại lên cơn sốt dữ dội ngay. Mai ngắm Huy có dáng mệt lả, da đã xanh lại phản chiếu sắc lá cây doi trồng ngay bên cạnh nhà nên càng xanh thêm... Nàng khẽ bảo người lão bộc:

– Thôi ta ra ngoài kia nói chuyện để cho em nó nghỉ.

Lên đến nhà trên, ông Hạnh bỡ ngỡ hỏi:

– Vậy cô thuê cái nhà này?

– Không, ở trọ đấy, cả nhà đi vắng, mỗi người một việc. Nhưng bây giờ, ông bàn nên làm thế nào?

– Thế ông Tham?

Mai gắt:

– Ông Tham ông Tham mãi! Ông cứ coi như ông Tham chết rồi, mà tôi cấm ông không được đả động đến ông Tham ở trước mặt em Huy đấy. Bây giờ chúng tôi không có một xu nhỏ, vậy ông tính làm thế nào? Tôi chỉ hỏi ông có thế?

Ông Hạnh ngẫm nghĩ rồi thong thả đáp:

– Được!... Được!... Mai tôi về tàu sớm.

– Nhưng về làm gì mới được chứ?

– Được, cô cứ yên lòng. Thế nào chuyến này tôi cũng bán được nhà cho cô, không ít ra cũng cầm được. Cô cứ vững tâm mà tin cậy ở tên đầy tớ già này... Ngày xưa tôi can cô đừng bán nhà, nhưng lần này thì ta phải quả quyết bán, mà linh hồn cụ Tú khôn thiêng chắc cũng giúp cho công việc ta được chóng xong xuôi.

Mai cảm động ứa nước mắt cười gượng bảo người lão bộc:

– Ông Hạnh ạ, ở đời chỉ có một sự đáng quý, là lòng tốt của con người ta. Còn ngoài ra, vứt đi hết.

Hai hôm sau, cũng đương lúc Mai bán hàng quà cho học trò, người lão bộc tươi cười đi tới, trên vai vác một cái tay nải nâu nặng trĩu. Mai hớn hở:

– Thế nào, ông Hạnh có xong không?

– Xong rồi, cô ạ!

Mai vui mừng:

– Thôi, về nhà, ông thuật lại chuyện cho tôi nghe.

Rồi quay ra chỗ anh em học sinh, Mai xin lỗi:

– Các cậu cho phép tôi về thôi, tôi có việc cần lắm.

Một cậu tò mò hỏi:

– Việc gì thế cô?

Mai cười:

– Việc bí mật, không thể nói được.

Một cậu nữa hỏi:

– Có phải thầy cô đấy không? Thầy cô lên tìm cô về gả chồng cho cô chứ gì!

Mai đã đặt gánh hàng lên vai. Nghe cậu kia nói đến chuyện gả chồng, nàng vừa tức giận, vừa bẽn lẽn cúi xuống nhìn bụng, nghĩ tới Lộc, tưởng tới đứa con khốn nạn mai sau.

Mắt ướt lệ, nàng rảo bước trên đường. Đi đã được một quãng xa, nàng hãy còn nghe rõ tiếng nói đùa chế riễu ở sau lưng. Ông lão Hạnh cười bảo Mai:

– Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò, câu tục ngữ thật không sai.

Mai cũng cười gượng đáp:

– Không đâu ông ạ, họ thế mà tử tế lắm!

Rồi Mai thở dài nói tiếp:

– Họ đương tuổi vô tư lự, sung sướng thực! Còn em Huy,...

Ông Hạnh an ủi:

– Cô cứ nghĩ làm gì thêm đau lòng. Có tiền thuốc thang, rồi cậu Huy khỏi bệnh đi học, đỗ đạt ra làm quan, làm tư chứ có lo gì!

Mai hớn hở quay lại hỏi:

– À, thế nào, việc bán nhà thế nào, ông?

– Không, có bán được đâu.

Mai cau mặt:

– Sao ban nãy ông bảo xong rồi?

– Nghĩa là không bán được, chỉ cầm được thôi.

Mai hơi hoàn hồn, thở dài:

– Ông làm tôi lo sợ quá. Thế cầm được bao nhiêu và cầm cho ai?

Ông Hạnh liền đem đầu đuôi câu chuyện kể cho Mai nghe:

– Vừa về tới làng tôi đi khắp các nơi giàu có hoặc khá giả dạm bán, dạm cầm nhưng họ đều từ chối, kẻ thì nói không sẵn tiền, kẻ thì nói không nỡ mua nhà của cụ Tú. Tôi đã nản chí, thất vọng thì bỗng tôi lại nhớ đến ông bá Thanh...

Nghe tới tên Thanh, Mai mỉm cười ngắt lời:

– Cái ông Hàn ba vợ ấy à?

– Vâng. Khi tôi không dạm bán đâu được thì tôi liền sang liều bên ông Hàn. Ông ấy thế mà khá cô ạ. Ông ấy săn sóc hỏi thăm cô, cứ tiếc cho cô không nghe theo lời ông ấy. Ông ấy bảo giá cô bằng lòng lấy ông ấy thì nay sung sướng biết bao.

Mai hơi cau mày:

– Chuyện cũ, ông nhắc đến làm gì?

– Ông Thanh lại nói, nếu bây giờ cô muốn về lấy ông ấy, ông ấy cũng bằng lòng.

Mai gắt:

– Thế nghĩa là không bán được nhà, phải không?

– Vâng, không bán được nhà.

– Thế mà ông kể lôi thôi mãi.

– Thưa cô không bán được, nhưng cầm được.

– Cầm cho ai?

– Cho ông Hàn Thanh mà lại. Ông ấy không mua chỉ bằng lòng cho cầm thôi, vì ông ấy muốn để sau này cô chuộc lại, nên lãi ông ấy lấy rất nhẹ, chỉ có hai phân. Cô phải biết ở quê ta không mấy khi lại có người lấy lãi hai phân như vậy.

Mai nói đùa:

– Sao tự nhiên ông ấy lại giở chứng đâm ra tử tế thế nhỉ?

– Thì ông ấy vẫn tử tế đấy chứ!

Mai cười:

– Chừng ông ấy nhờ ông đến ca tụng ông ấy với tôi đấy chứ gì?

Ông Hạnh giận, thở dài:

– Cô ngờ vực tôi thì còn giời đất nào!

Mai hối hận, nói chữa:

– Tôi nói bỡn đấy mà. Thế cầm được bao nhiêu tiền, ông Hạnh?

– Cô đoán thử xem.

– Độ trăm bạc nhé?

– Hai trăm cô ạ.

– Ồ! Khá nhỉ. Thế có tiền rồi đấy chứ?

Ông Hạnh cười:

– Có tiền làm sao chóng thế được! Còn phải làm văn khế đã chứ.

Mai buồn rầu hỏi:

– Thế độ bao giờ thì có?

– Cũng phải dăm hôm nữa. Đây, văn khế tôi đã mượn người viết rồi. Tôi cầm lên lấy chữ ký của cô với của cậu Huy, rồi về chỉ điền một chữ giả vào nữa là có tiền.

– Chữ giả gì?

– Nào tôi biết? Thấy chú khóa Vạn chú ấy nói thế thì cũng biết thế.

– Đâu, ông đưa văn khế tôi xem.

Ông Hạnh đặt tay nải xuống bên đường mở túi lấy đưa cho Mai một tờ giấy tín chỉ có viết chữ Nho. Mai đọc một lượt rồi nói:

– Được, để tôi ký. Thôi mọi việc nhờ ông trông nom cả cho đấy nhé!

Nàng nhìn cái tay nải hỏi:

– Những vật gì mà nghe loảng xoảng thế?

– Về nhà rồi tôi mở cho cô xem.

Mai cười:

– Cái gì mà bí mật thế, ông Hạnh?

Về tới nhà, hai người gặp bà Cán đương ngồi bên giường nói chuyện với Huy. Bà lão vui mừng đứng dậy hỏi:

– Kìa ông Hạnh, công việc xong chứ?

Ông lão bộc đặt cái đẫy xuống đất:

– Chào cụ, vâng, xong rồi.

Mai vội ngồi xuống cởi đẫy ra xem thì thấy có một cái nồi, một cái xanh, một cái chậu thau và một đôi hạc thờ bằng đồng. Nàng cười, hỏi:

– Ông đem những vật này lên đây làm gì thế?

Ông Hạnh ngần ngừ đáp:

– Vì tôi lo cô cần tiền ngay... Hôm nọ tôi nghe thấy cô gì cô ấy hỏi cô có vật gì đem cầm không... nên tôi nghĩ đến những thứ này để ở nhà cũng vô ích.

Mai giọng cảm động:

– Ông Hạnh ơi, ông thực là người trời đưa lại giúp chúng tôi, ông nghĩ chu đáo quá! Lại đánh cát cẩn thận. Trông sáng nhoáng đẹp quá!

Bà Cán cũng ngồi xuống ngắm nghía các thứ nói:

– May ra cầm được dăm đồng đây!

Mai hỏi:

– Cầm ở đâu được bà?

Bà Cán cười:

– Rõ cô quê mùa quá! Không biết cầm ở đâu à? Cầm ở Vạn Bảo chứ ở đâu?

Ông Hạnh nhớn nhác:

– Nhưng tôi biết Vạn Bảo ở đâu?

– Được, để tôi đưa đi. Phải đấy! Tôi đi cho. Chứ ông ngờ nghệch, họ bắt bí mất!

Mai cũng nói vào:

– Phải đấy, bà đi giùm.

– Vậy cô ở nhà trông coi cậu Huy nhé. Cầm được tiền, khi về qua phố hàng Thiếc tôi mời cụ lang Giao luôn thể...

Huy đương nằm, nghe nói mời thầy thuốc thì ngồi nhổm dậy:

– Thôi, bà đừng mời ai hết. Họ chẳng biết gì đâu.

Bà Cán cười:

– Cậu khéo lẩn thẩn lắm! Ốm thì phải uống thuốc chứ!

– Nhưng tôi chỉ tin thuốc tây thôi.

– Khéo vẽ, thuốc tây nhiệt, người Việt Nam mình uống sao chịu.

Huy nghe bà Cán nói, im lặng nằm cười thầm.

ÔNG THẦY THUỐC

Trên đường Quan Thánh, ông Hạnh và bà Cán rảo bước trở về làng Thụy Khê. Bà Cán đã đến mời ông Giao, bà ta chỉ biết ở Hà Nội có một ông lang ấy, song ông đi vắng.

Bấy giờ trời đã gần tối. Các đèn điện chiếu ánh lờ mờ lên những cây bàng trồng hai bên vệ đường, cành lá giao nhau như cái cổng tò vò cao vót.

Thợ thuyền đi về làng rầm rập, cười đùa vui vẻ. Nhiều người quen biết bà Cán. Họ chào bà và hỏi thăm ân cần lắm. Rồi họ bắt đầu bình phẩm người nọ, việc kia: nào oán giận ông đốc công ác, nào phàn nàn tiền công hạ, giờ làm việc nhiều, nào muốn bỏ nơi này xin làm nơi khác. Họ đem những câu chuyện ấy kể cho bà Cán nghe, tưởng như bà ta có thể hiểu được.

Đối với những lời than phiền ấy, bà Cán chỉ có một câu trả lời an ủi không đâu: "Thôi việc ít người nhiều, có chỗ ăn, chỗ làm như thế là tốt lắm rồi!".

Bà Cán trả lời như thế là vì bà ta đã rõ những sự khốn khổ về

nỗi thất nghiệp của bọn thợ thuyền lắm. Bà ta đã thấy nhiều người vì tức khí chốc lát, vì nghe lời xúi giục mà bỏ việc làm, rồi, không có tiền để dành, chịu bao nỗi đắng cay, đói khát.

Những sự quẫn bách của bọn anh em lao động, nhiều lần bà ta cũng chịu gánh chung một vài phần mà không hé môi than thở: Bọn lao động từ người làm thợ cho chí người làm cu ly biết bao là khách mua quà hoặc khách ăn cơm thẳng của bà ta. Cố nhiên anh em cũng có đồng chịu đồng trả. Gặp những khi mất việc làm, chẳng giúp được họ thì chớ, bà Cán nỡ đâu lại còn đòi nợ họ, mà họ cũng chẳng có tiền đâu mà trả.

Vì thế bà ta nghe họ phàn nàn, oán trách giận dữ mà lấy làm lo cho họ, mà lấy làm lo cho mình, nên luôn luôn vui cười vỗ về, khuyên dỗ:

– Thôi, ở đời biết nhịn nhục là hơn hết!

Nhẫn nại là một tính tốt của những người đã từng trải cuộc đời, là khoa triết lý rất sâu xa của bọn dân nghèo đói. Cho dẫu họ bị xử tàn ngược đến đâu, họ cũng chỉ đem cái tính nhẫn nại ra đối phó, hoặc yên lặng chẳng nghĩ ngợi gì, hoặc có cái tư tưởng sáo của cả một cái chủng tộc, để che đậy nhu nhược, tính nhu nhược cần phải có: "Tránh voi chẳng xấu mặt nào!".

Phải, tránh voi chẳng xấu mặt nào mà nhiều khi lại khỏi mất cái "kiếm cơm áo" nữa. Bà Cán đã từng thấy sự chật vật của bọn lao động đứng trước sự sống, như cây rong mọc ở dưới hồ cố sức ngoi lên mặt nước.

Song, tính vui cười hồn nhiên vẫn là tính căn bản của hạng người làm việc bằng chân tay. Những sự phiền muộn chốc lát, họ quên ngay. Rồi người này nói đùa một lời, người kia pha trò một câu, họ lại thi nhau cười khanh khách. Một người hỏi bà Cán:

– Cái cô bé ở nhà bà là con bà đấy à?

Bà Cán đáp:

– Phải, con tôi đấy.

Một người nói đùa:

– Giống bà nhỉ, chắc khi bà còn trẻ, bà cũng đẹp như thế.

– Cô em đã có chồng chưa bà?

Bà Cán hơi cau mày:

– Cháu nó sắp có con rồi đấy.

Ông lão Hạnh nghe bà Cán nhận cô chủ mình là con thì không bằng lòng, nhưng vì thấy trong bọn lao động nhiều người có dáng dữ tợn, nên ông ta chỉ yên lặng đi bên cạnh, không dám bàn thêm một câu.

Về đến nhà, bà Cán thấy có nhiều người xúm xít chung quanh giường Huy nằm, Mai chạy ra đón rồi thì thầm:

– Chị Diên, chị ấy mời ông đốc tờ về chữa cho Huy đấy.

Bà Cán hoảng hốt:

– Ấy chết! Mời đốc tờ rồi lấy tiền đâu mà trả?

Mai ngần ngừ:

– Quý hồ khỏi bệnh thôi bà ạ, còn tiền thì đã có ông Hạnh. Phải không ông?

Ông lão bộc đáp:

– Ý chừng cô nói tiền cầm nhà, phải không?

Mai cười:

– Lại còn tiền gì nữa!

Bà Cán ngẫm nghĩ:

– Thôi cũng được! Nhưng ông đốc tờ nào thế?

Ông đốc tờ ấy là một người trong số người quen của cô Diên, chị cậu Trọng. Cũng chẳng ân nghĩa gì, chẳng qua trên con đường đời, không tình, không cảm, gặp nhau một hôm, kẻ cần sống, người cần thỏa lòng dục. Rồi mỗi người một ngả, nào ai còn tưởng đến ai?

Sự ngẫu nhiên tất phải thế. Song đây lại không phải là một sự ngẫu nhiên. Lòng sốt sắng muốn cứu giúp kẻ khốn cùng trong buổi hoạn nạn khiến Diên ngồi moi óc cố tìm được một người quen biết làm nghề thầy thuốc. Không nhớ ra, nàng liền đi lục tới những bức thư của đám tình nhân, thì chợt vớ ngay được cái danh thiếp của ông đốc Minh.

Trong lòng hớn hở, nàng trang sức, cực kỳ diễm lệ rồi rời gian phòng nàng thuê ở một phố hẻo lánh dưới xóm chợ Hôm, để đến nhà ông thầy thuốc mà, vì bạn em, nàng muốn nối lại tình xưa.

Đến nơi thì may vừa gặp Minh sắp sửa ra đi. Nhác thấy nàng. Minh mỉm cười:

– Kìa em Diên! Nay không phải anh tìm đến em mà lại chính em tìm đến thăm anh. Chắc em có việc cần đến anh?

Diên cũng cười, đáp:

– Có thế!

– Em cần tiền?

– Không. Nhưng anh sắp đi đâu thế?

– Anh định đi chơi mát. Nhưng chả mấy khi em đến thăm anh thì cố nhiên anh phải ở lại nhà để tiếp em.

– Không, ta cùng đi, cần lắm!

– Đi đâu mà cần thế hở em?

– Nhân tiện ô tô của anh đã đánh ra kia rồi thì xin anh đi ngay cho. Cần lắm.

Diên kéo Minh lên ô tô, và ghé tai bảo anh tài xế:

– Lên làng Thụy Khê.

Lúc tới nơi, Minh mới rõ Diên mời mình đi chữa bệnh. Chàng mỉm cười nói:

– Có thế mà làm bí mật quá. Lần này là lần đầu tôi gặp một cô mời đi chữa bệnh một cách ngộ nghĩnh như thế.

Xem mạch xong, Minh quay lại hỏi Diên.

– Em cô, phải không?

Diên chỉ mỉm cười không đáp. Chàng lại hỏi:

– Có phải cậu này học ở trường Bưởi mà cô thường nói chuyện với tôi không?

Diên ngắm Mai, không muốn nói dối liền đáp:

– Không, cậu Huy là bạn học của em Trọng. Chị Mai đây là chị cậu.

Minh quay lại. Dưới ánh đèn dầu trong gian nhà tối, chàng như nhận ra một người quen.

Đăm đăm nhìn Mai, chàng nói:

– Quái! Tôi gặp cô ở đâu mà không nhớ ra.

Mai thì Mai nhớ đích xác rằng ông đốc là bạn Lộc, vì đã hai, ba lần nàng gặp Minh đến chơi với chồng nàng. Song nàng chỉ bẽn lẽn cúi đầu không đáp.

Minh vừa rửa tay vừa bảo Mai:

– Vậy cậu này là em cô? Bệnh cũng không nặng lắm đâu, cô cứ yên lòng. Chắc vì cậu ấy lo phiền quá.

Mai trả lời:

– Vâng, em nó sắp thi.

– Phải cho cậu ấy nghỉ hẳn, chứ đừng nghĩ gì đến thi cử hết... cậu ấy hình như có tức tối điều gì.

Diên định kể lể câu chuyện buồn rầu:

– Vâng, chính thế...

Nhưng Mai vội lấy tay bấm, ra hiệu bảo đừng nói, nên Diên im ngay.

Hôm sau. Mai lại giao trả gánh hàng quà cho bà Cán, vì ông đốc tờ bắt Mai phải giữ phận sự cô khán hộ và luôn luôn săn sóc bên giường người ốm.

Bốn giờ chiều, Minh một mình đến Thụy Khuê, không phải có Diên đưa đường nữa. Chàng mang theo đủ các thứ thuốc cần dùng và thăm bệnh ân cần lắm. Cũng như hôm trước, chàng đăm đăm nhìn Mai, hỏi:

– Có phải tôi đã gặp cô mấy lần ở đâu...

Mai cúi đầu, đáp:

– Thưa ông, tôi không nhớ.

Minh như chợt nghĩ ra:

– À, phải rồi, ở nhà anh Lộc.

Mai, mặt tái mét. Minh lại nói luôn:

– Một hôm tôi đến chơi anh Lộc... anh Lộc đi vắng, cô ra mở cửa, rồi tiễn tôi ra tận cổng.

Mai phần tức giận Lộc, phần xấu hổ, phần sợ em nghe rõ, cuống quít, nhớn nhác nhìn quanh, hai dòng lệ từ từ chảy hai bên má. Minh vội xin lỗi:

– Cô tha thứ cho. Tôi vô tình.

Mai cất giọng run run khẽ nói:

– Xin ông làm phúc đừng nhắc đến chuyện ấy ở trước mặt em Huy.

Minh gật:

– Tôi hiểu rồi.

Kỳ thực chàng chẳng hiểu gì hết.

Từ đó, ngày ngày Minh đến Thụy Khuê thăm bệnh.

Cái thông minh tình tứ của chị em Mai như có chiều lưu luyến một chàng thanh niên chưa từng nếm lạc thú gia đình. Bây giờ thì không những chàng không hiểu gia thế, cùng hoàn cảnh của chị em Mai ra sao, mà chàng lại không muốn dò xét ra để hiểu nữa. Chàng chỉ biết có một điều là mỗi ngày ngồi nói chuyện trong một vài giờ với hai người có một tâm hồn là lạ, điềm đạm mà cảm động, khảng khái mà dịu dàng.

Một hôm, Minh đến giữa lúc Huy đương ngủ. Trông quanh phòng không thấy Mai đâu, chàng rón rén bước ra hiên đi vòng ra vườn sau, thì gặp Mai đương ngồi trên chiếc chõng tre, gục đầu khóc nức nở. Chàng lại gần, hỏi:

– Cô có điều gì buồn rầu?

Mai giật mình đứng dậy, bỏ vào túi bức thư đương cầm ở tay, rồi lau nước mắt, gượng cười đáp:

– Bẩm... không... tôi lo cho bệnh trạng của em Huy.

Minh cười:

– Không phải, bệnh cậu Huy đã bớt nhiều, mười phần đã bớt đến bảy, tám, chắc cô cũng biết thế... Nếu cô muốn tôi hết lòng chữa bệnh thì cô không nên giấu giếm tôi điều gì.

Mai sợ hãi, chẳng đừng được, đưa bức thư cho Minh, Minh đỡ lấy tờ giấy bản, mỉm cười:

– Thơ viết bằng chữ Nho thì tôi hiểu sao được?

Mai liền thuật lại câu chuyện cầm nhà cho ông Hàn Thanh, rồi nói tiếp:

– Thưa ông, vì ông Hạnh bảo cầm được nhà hai trăm bạc, và văn khế lại làm xong đâu vào đấy cả rồi, nên tôi mới dám mời ông đến chữa cho em, tôi vẫn biết thuốc tây đắt lắm. Nhưng xem cơ chừng này thì thực khó lòng mà xong xuôi được. Chẳng qua ông Hàn

Thanh ông ấy chỉ bày mưu lập kế để định ức hiếp tôi mà thôi, vì ông ấy bắt tôi phải đến tận nhà ông ấy, ông ấy mới giao tiền.

Nói tới đấy, Mai lại bưng mặt khóc:

– Tôi khổ sở quá!

Minh cười:

– Tưởng là gì! Nếu chỉ có thế thì không lo. Tôi cứ chữa cho. Rồi bao giờ có tiền, trả tôi cũng được.

Thực ra sự ngờ vực đã vẩn vơ trong trí nghĩ ông bác sĩ trẻ tuổi. Các lối khóc lóc của gái, Minh đã thừa biết. Chàng vẫn muốn chữa giúp, nhưng chàng rất ghét cái trò giả dối kia. Lòng kính mến một trí thức thông minh bỗng biến đi để nhường chỗ cho lòng khinh bỉ đối với một cô gái hà tiện quen thói đi lừa... Chàng lại đứng sát gần Mai cười mát, rồi lấy tay khẽ đập vào má nàng mà an ủi bằng một câu bỡn cợt:

– Thôi em nín đi chóng ngoan!

Mai đứng phắt dậy, mặt tái mét, cất tiếng cụ tuyệt:

– Ông không được hỗn. Tôi là gái có chồng.

Minh càng ngờ vực, chỉ cười mà không đáp lại.

Mai nói tiếp:

– Tôi là vợ bạn ông... Tôi là vợ ông Lộc.

Minh hoảng hốt, ngơ ngác:

– Xin lỗi bà... Tôi vô tình... không biết.

Rồi chàng nói chữa:

– Thảo nào, tôi trông bà quen quen. Thì ra tôi gặp bà ở nhà anh Lộc.

Mai vẫn còn căm tức, đứng thở hổn hển. Minh lại hỏi:

– Nhưng vì đâu bà gặp nông nỗi này? Vì cớ gì, anh Lộc lại để bà phải khổ sở đến thế này?

Mai cười gượng:

– Bây giờ ông đã biết tôi là ai, thì tôi xin ông một điều... ông sinh phúc cho... là ông đừng nói cho ông Lộc biết rằng tôi ở đây, đừng nói cho ông Lộc rõ cái tình cảnh chị em tôi...

Minh ngẫm nghĩ, rồi đáp:

– Xin vâng.

– Thưa ông, tôi có thể tin được lòng hào hiệp của ông không?

Minh ngần ngừ:

– Nhưng tôi muốn anh Lộc... ăn năn tội lỗi...

Mai ngắt lời:

– Không... Đó là một điều bí mật tôi chưa thể để ông biết được... Nhưng rồi ông sẽ rõ... Vậy tôi có thể tin ở lòng nghĩa hiệp của ông? Tính mệnh em Huy ở trong tay ông, nếu ông Lộc mà tìm đến đây thì bệnh em Huy không hòng cứu được nữa.

Minh mỉm cười:

– Câu chuyện bí mật lắm nhỉ... Vâng, thì tôi xin giữ bí mật.

THỦ TIẾT

Một buổi trưa mùa đông, một buổi trưa khô ráo ấm áp. Ở sân đình Thụy Khuê bên Hồ Tây, Mai và Huy ngồi sưởi dưới ánh nắng mặt trời. Mấy cây muỗm, lá xanh đen, gió thoảng qua hơi rung động, rì rào mặt nước hồ bằng phẳng lấp lánh như tấm gương lớn trong cái khung bầu dục màu xám.

Ngắm những cây đại trơ trụi, khẳng kheo, giơ xương như người trần truồng giữa cảnh mùa đông giá lạnh, Mai nhớ tới tình cảnh nghèo đói của chị em mình. Nàng thở dài, mắt lờ đờ nhìn chân trời.

– Chị nghĩ gì vậy?

– Không, em ạ.

Câu hỏi của Huy thốt nhắc Mai nhớ tới hiện tại. Vì Mai đương sống trong một quãng đời quá khứ.

Sáu tháng qua...

Trong sáu tháng, đã xảy ra biết bao mừng vui, lo, sợ, ước mong: Nào bệnh Huy lúc nguy kịch lúc thuyên giảm, nào thời kỳ sinh nở của Mai...

Mai lại thở dài, Huy gượng vui nói đùa để cố làm khuây lòng chị:

– Chị ạ trông con cốc nó đậu trên cái cọc bè rau muống như

pho tượng đồng đen một cô kỹ nữ Xiêm La giơ hai tay ra múa.

Mai mỉm cười, rồi hai chị em ngồi yên lặng, nhìn vơ vẩn, nghĩ vẩn vơ, Huy bảo chị:

– Can chi chị phải lo phiền. Ông đốc tờ đã hứa tìm việc cho em, thì rồi em đi làm cũng đủ tiền nuôi cháu.

– Ấy, chính vì thế mà chị buồn, em ạ. Trong sáu tháng nay, ông đốc Minh hết sức chăm nom thuốc thang cho em lại săn sóc đến chị và cháu. Chị em mình biết làm thế nào để đền lại ơn ấy cho xứng đáng. Nói đến tiền thì tất là chả đào đâu ra được rồi...

Huy, mắt rầu rầu, nhìn chị. Cậu chẳng phải tìm đâu xa, cái duyên cớ sự tử tế của ông đốc Minh đã hiện ngay ra trước mắt cậu: Cái nhan sắc lộng lẫy, hoạt động của chị, nhất là ngày nay chị lại là cô "gái một con", tuy chị mới ở cữ được có hơn một tháng. Ý tưởng ấy khiến Huy căm tức, nhớ lại những cử chỉ và hành vi khốn nạn của Lộc. Huy thở dài, bảo chị:

– Những tư tưởng lạc quan của chúng ta sai lầm chăng? Bản tính loài người là tàn nhẫn chăng?

Mai mỉm cười:

– Em không nên vì một người mà ghét lây, mà ngờ vực cả mọi người. Biết đâu ông đốc Minh không chỉ vì nhân đạo mà muốn cứu vớt chị em ta!

Huy hơi cau mày:

– Phải, Anh tham Lộc cũng đã đem nhân đạo đối đãi với chúng ta!

Mai tỏ ý không bằng lòng:

– Em cũng nên xét lại, anh ấy chỉ vì vâng lời mẹ.

Huy gắt:

– Một người có dã tâm như thế mà chị còn bênh ư? Mẹ với con!

Mai buồn rầu bảo em:

– Chị xin em đừng nhắc tới chuyện ấy nữa.

– Chị quên câu chuyện bữa nọ rồi ư? Có phải vì anh ấy, vâng lời mẹ anh ấy mà hôm đó gặp chị, anh ấy lánh mặt không?

Mai nghe em nói lấy làm khổ tâm song sợ em vì tức giận quá mà bệnh cũ lại tái phát ra, nên nàng gượng cười đáp:

– Em tính hôm ấy chị ăn vận lôi thôi, lại gánh hàng quà đi bán thì ai còn nhận ra được!

Rồi Mai nói lảng:

– Em ngắm hồ có nhớ hôm chị mới tới Hà Nội lần đầu, vào trường đón em ra không? Hôm ấy chị em ta ngồi trước cửa đền Quan Thánh trời xuân mưa phùn, chị em ta kể chuyện con hươu vàng tìm mẹ...

Mai tưởng ôn lại chuyện cũ để làm vui lòng em, ngờ đâu càng khiến em thêm hối hận. Huy thở dài nói:

– Chỉ vì em... chỉ vì chị thương em.

Mai nghiêm nét mặt hỏi Huy:

– Thế em có thương chị không?

Huy ứa nước mắt không trả lời. Mai lại nói:

– Nếu em còn thương chị thời em không được buồn, phải nhớ lời sau cùng của thầy: giữ lòng vui, linh hồn trong sạch và đem hết nghị lực ra làm việc. Ngày nay, chị em ta càng cần phải có nghị lực...

Một tiếng còi điện ô tô. Hai người quay đầu lại. Chiếc xe hòm vừa đỗ bên cổng đình, và Minh ở trên xe bước xuống sắp rẽ vào làng Thụy Khuê, Huy vội chạy theo nói to:

– Bẩm chúng tôi ở đây!

Minh nhìn về phía hai chị em Mai, mỉm cười vẫy tay rồi hấp tấp đi tới, hỏi:

– Bà không lạnh à?

– Bẩm quan lớn không, hôm nay ấm lắm.

– Tôi đã nói bà đừng gọi tôi là quan lớn như thế không được thân, phải không cậu Huy?

Huy ngờ Minh giở giọng lả lơi cùng chị nên đứng im, nét mặt lãnh đạm. Song thực ra Minh không có ý gì bỡn cợt, chàng chỉ cốt tỏ ý không thích ai gọi mình là quan lớn hết. Chàng như hiểu thấu sự ngờ vực của hai chị em Huy, điều đó chàng không muốn có, nhất là chàng lại đứng trước mặt những người khổ sở đương bị hãm vào trong vòng quẫn bách. Chàng liền nghiêm trang nói tiếp:

– Tôi thích người ta gọi là thầy thuốc còn hơn gọi tôi là quan đốc hay quan lớn. Tôi có làm quan lớn, quan bé gì đâu!

Mấy lời như xé cái màn nghi kỵ đương bọc hai chị em Mai. Cảnh nghèo nàn khiến hai người luôn luôn tưởng tới sự khinh bỉ, sự xúc phạm của kẻ khác đối với mình. Huy lấy làm hối hận liếc mắt nhìn chị.

Minh hỏi Mai:

– Thế nào, cháu Ái ngoan đấy chứ? Đã đến nửa tháng nay, tôi bận việc luôn không đến thăm bà và cháu... Nhưng sao bà không ở nhà bế cháu?

– Bẩm, tôi nhờ bà Cán ẵm hộ.

– Không nên! Bà ấy chân tay không được sạch sẽ. Khi nào bà mỏi tay thì đặt cháu xuống giường còn hơn. Bà đưa tôi về thăm qua cháu.

Ba người cùng vào làng Thụy Khuê. Tới ngõ, nghe tiếng trẻ khóc. Mai chạy vội về, đỡ lấy con, nói nựng để dỗ. Minh đến gần nhìn thằng bé mập mạp, hồng hào, mỉm cười khen:

– Thằng bé kháu quá! Nó giống bố nó như đúc.

Câu nói vô tình khiến Mai và Huy cùng rầu rầu nét mặt. Ý chừng Minh cũng biết là mình lỡ lời, nên nói lảng:

– Bà cho cháu bú đúng giờ.

Rồi ông ngả đầu chào.

– Thôi, kính chào bà và cậu. Dăm hôm nữa tôi lại về thăm cháu.

Mấy phút sau, Minh trở lại, tươi cười bảo Huy:

– Tôi quên không báo tin cho cậu biết rằng tôi đã tìm giúp cậu một việc rồi đấy. Tôi có người anh em bạn lập ấp ở Nam Định cần một người thầy giáo để dạy các con. Tôi biên thư cho ông ấy và nhận được thư trả lời nói ngày mai cậu về chuyến xe hỏa thứ nhất. Ông ấy sẽ cho ô tô đón ở ga Gôi.

Minh mở ví đưa cho Huy cái danh thiếp:

– Tên và địa chỉ của ông ấy đây... Nhớ ga Núi Gôi nhé, qua Nam Định một ga.

Mai sung sướng nhìn em. Huy yên lặng ấp úng mấy câu cảm ơn. Minh vội gạt:

– Có gì mà ơn với huệ. Ông ấy chẳng mượn cậu cũng phải mượn người khác, mà vị tất đã giỏi bằng cậu... À! lương tháng mười

lăm đồng đấy còn cơm thì ăn với ông ta. Đây, tiền lộ phí của ông ấy gửi cho cậu đây.

Rồi chàng đưa cho Huy hai cái giấy bạc một đồng. Tiền ấy chính là tiền của chàng, mà sợ Huy không nhận, chàng phải nói thác ra là tiền lộ phí của bạn chàng gửi lên.

Bà Cán, đứng nghe cũng mừng rỡ:

– Bẩm quan lớn, thế thì hậu quá!

Tỏ lòng cảm ơn một cách gián tiếp, Huy bảo Mai:

– Vậy mỗi tháng em gửi cho chị mười hai đồng, em tiêu ba đồng cũng phong lưu chán.

– Thôi thế thì bà không phải nghĩ đến cách sinh nhai... lam lũ nữa. Không phải là tôi khuyên bà đừng làm việc, nhưng hiện giờ bà cần phải ở nhà nuôi cháu. Vả người bà còn yếu lắm.

Chàng lại mỉm cười nói tiếp:

– Tiền của em gửi biếu chắc bà không thể từ chối được nữa!... Thôi, chào cả nhà nhé!

Mai và Huy tiễn Minh ra tận cổng, cảm động không nói nên lời.

Trở vào trong nhà, Mai buồn rầu bảo em:

– Thế là ngày mai, chị em ta phải xa cách nhau.

Huy nhìn chị, khuyên giải.

– Chị đừng buồn, chị ạ. Còn sáu tháng nữa đã đến kỳ thi, em về thi đậu đi làm giáo học nhà nước thời chị em ta sẽ được sum họp mãi mãi... Nay em cần phải làm tạm kiếm tiền để chị đỡ vất vả. Số tiền mười hai đồng, chị trả bà Cán bốn đồng tiền ăn, còn thừa thì trả dần nợ cũ. Còn như tiền thuốc, chị hãy khất ông đốc đến khi em đi làm giáo học.

Mai cười:

– Em chu đáo lắm!

Tuần lễ sau, một buổi chiều, Minh lại về Thụy Khuê thăm Mai. Bà Cán đi chợ bán hàng vắng, chỉ có mình Mai ở nhà, ẵm con nằm võng. Nàng thấy Minh đến, lo sợ, đứng dậy, đặt con xuống võng, rồi nhớn nhác nhìn quanh mình như để tìm người cứu viện. Minh lại gần ngả đầu chào hỏi:

– Cậu Huy đã nhận việc rồi?

– Bẩm vâng. Bẩm thực... quan lớn, bẩm quan lớn ơn ấy...

Minh mỉm cười, nhắc:

– Ơ kìa! Bà lại kêu tôi là quan lớn kìa!

Thực ra Mai sợ hãi cuống quít, ấp úng không nói ra câu. Minh chữa thẹn cho Mai:

– Trông bà hôm nay khá nhiều lắm, da dẻ đã hồng hào.

Nói cho đúng, Minh ngắm Mai thấy Mai đẹp lắm, đẹp ít người sánh kịp. Minh đăm đăm nhìn khiến Mai bẽn lẽn cúi mặt. Chàng nói:

– Tôi lấy làm ái ngại cho bà, ở vào giữa nơi thô lậu, tục tằn.

Nghe giọng khinh bỉ của Minh, Mai đáp:

– Bẩm, nếu không có nơi thô lậu tục tằn này thì chắc đâu chị em tôi còn sống sót đến ngày nay. Bẩm vì thế, không bao giờ chúng tôi lại quên được cái nhà này cũng là những người nhân đức ở trong cái nhà này.

Minh nói chữa:

– Vẫn biết thế. Nhưng nay cậu Huy đi xa thì bà cũng chả nên ở đây nữa. Chung quanh rặt những thợ thuyền dữ tợn.

– Bẩm, anh em thợ thuyền đều coi tôi như chị em cả.

– Bà nhẹ dạ lắm. Tin thế nào được bọn họ.

– Bẩm tôi xin cám ơn... ông dạy bảo. Tôi chỉ ở tạm đây ít lâu để chờ em Huy kiếm được nhiều lương rồi cùng đi ở chung với em.

Minh ngẫm nghĩ, đăm đăm nhìn Mai, khẽ nói:

– Tôi có câu chuyện tâm sự nhiều lần muốn ngỏ cùng bà, nhưng chỉ vì bà là người còn chịu ơn tôi, nên lương tâm tôi bứt rứt, và tôi ngần ngại không dám hé môi. Song thiết tưởng đó là một việc có nhân đạo.

Mai ngẫm nghĩ, rồi đáp:

– Bẩm việc gì, xin ông cứ nói.

– Thưa bà, tôi xin làm người bạn trăm năm để che chở cho bà.

Ý Mai quả quyết từ chối. Song đối với ân nhân, nàng không nỡ nói thẳng. Nàng đương tìm lời dịu dàng để thoái thác, thì Minh tưởng nàng bằng lòng, tiếp luôn:

– Thưa bà, tôi một thân trơ trọi ở trên đời thì bà không còn sợ xảy ra gì nữa.

Mai ôn tồn trả lời:

– Thưa ông, nếu tôi tái giá thì ông thực là người chồng tôi kính phục. Nhưng tôi đã trót yêu anh Lộc thì tôi không thể yêu ai được nữa.

Minh thất vọng, buồn rầu.

– Thưa bà, ông Lộc đối với bà tàn nhẫn đến thế mà bà còn yêu được?

– Thưa ông, bây giờ thì có lẽ tôi không yêu chồng tôi, mà cũng không muốn trông thấy mặt nữa, nhưng tôi nói tôi trót yêu một người thì tôi cho rằng cái đời tôi như thế là hết, dù tôi chỉ mới tới nửa chừng xuân.

– Thưa bà, đối với một người đã lừa dối bà, đã ruồng rẫy bà để lấy vợ khác, thiết tưởng bà chả cần gì phải thủ tiết. Bà tha lỗi cho, thủ tiết thực là một điều vô nghĩa lý, nhất lại đối với một người đã khinh bỉ bà một cách rõ rệt.

Chàng vừa nói vừa cầm lấy hai tay Mai. Trong trí nhớ của Mai thoáng hiện ra cái cảnh tượng bên Hồ Tây, khi lần thứ nhất Lộc tỏ tình thương yêu nàng. Nàng vội kêu rú lên, giật tay ra ngồi bưng mặt khóc. Đứng bên, Minh kêu van:

– Xin bà tha lỗi cho... Quả tôi thực tình...

Chàng lễ phép cúi đầu chào, rồi vội vàng ra xe về thẳng như người chạy trốn.

HỌA SĨ

Độc giả chắc nhiều người mong rằng một ngày kia Lộc sẽ nhận xét nỗi oan uổng của Mai và thân hành đến nếp nhà tranh tìm Mai để xin lỗi, để đón Mai về cùng ở với mình như xưa.

Sự ước mong của độc giả có khi cũng là sự ước mong của Mai. Không phải nàng quá mơ tưởng đến một tương lai tốt đẹp, sung sướng. Chỉ vì luôn luôn ngắm đời bằng con mắt lạc quan, nàng sẵn có lòng, nàng dễ có lòng tha thứ, tha thứ mình, tha thứ người.

Rồi sự ước mong kia ở trong tâm tư Mai thành như một sự

có thực. Nàng cho rằng nàng đã yêu Lộc thì thế nào, thì cố nhiên Lộc cũng yêu nàng. Mà Lộc đã yêu nàng thì thế nào cũng phải tìm đến đón nàng dù nàng núp ở chốn hang cùng ngõ hẻm, ở nơi ẩn dật trong đám rừng xanh.

Những câu chuyện Tàu, những câu chuyện thần tiên mà nàng được nghe ngày còn nhỏ càng làm chặt chẽ cái lòng yêu đời và tin trời của nàng. Trong những chuyện ấy, người thiện bao giờ cũng được hưởng hạnh phúc, người oan uổng bao giờ rồi cũng có dịp gỡ được nỗi oan.

Mai tin ở trời, tin ở lòng tốt của mình và của người. Nàng cho rằng bản tính con người ta không thể xấu được, và khi người ta tàn ác, ngờ vực, có những tư tưởng ghét đời là chẳng qua người ta mất, trong chốc lát, cái bản tính của loài người mà thôi.

Thấy sự dễ tin ở trời và ở lòng tốt của loài người lúc nào cũng chứa chan trong trí não, trong linh hồn Mai, chắc có nhiều người cho đó là cái kết quả của một nếp Pháp văn lãng mạn. Rồi có lẽ họ sẽ kết án vai chủ động trong truyện này, cho đó là cái gương xấu của sự mơ mộng không đâu.

Nếu yêu người, nếu sẵn sàng có lòng tốt tự nhiên, để cảm động thì đứng trước những sự dịu dàng tốt đẹp hay những sự đau đớn uất ức của loài người mà họ cho là lãng mạn, thì sự lãng mạn ấy là một sự tuyệt đích của nhân loại dù có khi nó đem đến cho ta những sự thiệt hại, thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần. Song thử hỏi: ta có thể có sự phi thường nào mà lại không chịu phần thiệt hại riêng cho ta chăng? Ở đời có thể có sự tốt đẹp, lớn lao, cao thượng nào ở ngoài sự hy sinh được chăng?

Nhưng không, Mai không phải đã chịu ảnh hưởng nền Pháp văn lãng mạn. Hay nói trái lại thì tự cổ chí kim ở nước nào cũng có một hạng người giàu lòng cảm động, giàu lòng trắc ẩn, tin người đến nỗi để lụy tới mình. Hạng người ấy nhiều khi yên lặng chịu đau, chịu nhục, chịu khổ, những kẻ có linh hồn khô khan, có trái tim khô khan hiểu sao được? Mắt họ chỉ có thể trông thấy những sự nhỏ nhen đê hèn của một hạng người, mà đời vật chất nhỏ nhen đê hèn làm cho quên nhãng trong chốc lát, cái bản tính tốt đẹp, cao thượng của trời đã phú cho.

Mai chính là một người đã giữ được hoàn toàn cái bản tính đó.

Lúc Minh đã từ biệt nàng về, nàng còn ngồi khóc, khóc mãi. Một

tiếng oe ở võng. Nàng vội lau nước mắt, ra ẵm con, vừa cười, vừa nói nựng để dỗ cho con nín.

Thằng bé nghe tiếng hát ru, thiu thiu ngủ lại trong lòng mẹ. Còn Mai thì tiếng cọt kẹt đưa võng, cũng như ru nàng trong giấc mộng.

Nàng cố ôn lại thái độ và cử chỉ của Minh. Nàng không ngờ vực lòng thành thực của Minh một chút nào, song nàng cho rằng dẫu sao, nàng vẫn là một người đàn bà có chồng tuy người chồng đó ruồng bỏ nàng.

Những ý tương phản rối loạn trong óc nàng. Nàng còn như nghe mang máng bên tai lời nói của Minh: "Thủ tiết là một sự vô nghĩa lý".

Nàng hồi tưởng đến câu chuyện trên đồi tám chín tháng trước. Nàng còn nhớ rành mạch hôm ấy Lộc bảo nàng: "Nhiều khi anh thấy tư tưởng của anh bị kiềm tỏa trong giới hạn Nho giáo".

Nàng như tỉnh ngộ, nghĩ thầm: "Phải, Nho giáo! Sự thủ tiết mà ông Minh cho là vô nghĩa lý, và ta khăng khăng tôn trọng, đó là ảnh hưởng của Nho giáo. Khi nào làm việc gì mà ta suy trước tính sau, thì ta thấy ta muốn phản đối lại cái đạo mà ta cho là bó buộc, là không hợp với tính tình cao thượng của loài người. Song những lúc thốt nhiên, ta làm một việc mà chẳng hiểu sao, ta cho là phải, hay tránh một việc mà lương tâm ta cho là xấu, là bậy trước khi ta suy xét, thì việc ấy tất là kết quả của mấy đời Nho giáo".

Thằng bé con động đậy ở trong lòng nhắc nàng nhớ đến hiện tại:

"Bây giờ ta chỉ biết có hai việc: Một là ta phải thủ tiết với chồng ta, tuy chồng ta bạc bẽo với ta. Ta cũng chẳng biết vì sao ta phải thế, nhưng hình như lương tâm ta bắt ta phải thế.

"Hai là cự tuyệt ông đốc Minh. Mà muốn cự tuyệt thì trước hết phải trả tiền thuốc đã. Cái món tiền ta nợ, đã nhiều lần ta hỏi là bao nhiêu, nhưng ông ấy vẫn giấu. Song ta chắc là một món tiền to, ít ra cũng đến trăm bạc. Vậy thì đào đâu ra tiền bây giờ".

Mai lại nhớ đến món tiền hai mươi đồng nàng nhận của Lộc trong buổi gặp gỡ lần đầu. Nàng thở dài, lẩm bẩm:

"Chỉ vì hai chục bạc ấy!... Với cái lòng thương người!"

Lời bà Án còn phảng phất trong trí nàng: "Nếu thấy ai, cô cũng thương thì nguy cho cô lắm!"

Song biết sao? Bẩm sinh sẵn thương người thì cũng phải chịu khổ, chứ biết sao? Nàng mỉm cười:

"Nhưng đã biết đâu rằng ta khổ? Những người có lòng cao thượng, biết hy sinh thì không bao giờ được phép tự cho mình là khổ!"

Muốn không nghĩ quanh lo quẩn, muốn không loay hoay mãi với tư tưởng, Mai se sẽ đặt con xuống võng để đi ra đường cho được khuây khỏa và nhân tiện giúp bà Cán thu dọn hàng về.

Ra đến đình. Mai gặp bà Cán đặt gánh ngồi nói chuyện với một người vận âu phục. Nhác trông thấy Mai, bà vội chạy lại ghé tai thì thầm:

– Này cô ạ, có cái ông kia đã mấy hôm nay mang thuốc vẽ đến vẽ hồ, vẽ đình. Rồi chả biết ông ấy gặp cô bao giờ mà hôm nay ông ấy cứ đến nhì nhằng hỏi thuê cô làm kiểu mẫu. Tôi cũng chả hiểu làm kiểu mẫu là thế nào, nhưng thấy ông ta nói giả một đồng một ngày thì tôi cũng đòi hai đồng. Ông ta còn muốn xem người cô đã rồi mới định giá. Vậy cô thử lại xem.

Mai giẫy nẩy:

– Thôi, chịu thôi!

– Thì cứ lại xem sao đã.

Nghe lời, Mai ung dung đến gần chỗ người kia đứng. Chàng ta cắp ở nách một cái hộp to với mấy cái bảng gỗ nhỏ sắp sửa ra về. Nhác thấy Mai, chàng cất mũ chào, mỉm cười hỏi:

– Thưa cô, cô có phải là con bà cụ không?

– Thưa vâng, ông truyền điều gì?

Chàng kia lại mỉm cười, mắt đăm đăm nhìn, long lanh sau cặp nhỡn kính cận thị:

– Thưa cô, tôi là họa sĩ Bạch Hải, tôi đã ngỏ lời với bà thân mẫu cô muốn nhờ cô làm kiểu mẫu... Vậy cô nghĩ sao?

Mai ngần ngại hỏi:

– Thưa ông, làm kiểu mẫu là thế nào?

Bạch Hải cười:

– Có gì đâu, cô đến xưởng vẽ ngồi làm kiểu mẫu cho tôi vẽ.

Mai cặp má đỏ dần, ấp úng:

– Thưa ông, thiếu gì... người...mà ông lại thuê tôi?

–Thưa cô, chẳng giấu gì cô, tôi đi tìm kiểu mẫu đã nhiều, song chưa gặp được ai có cái nhan sắc như cô. Hôm nọ thoáng thấy cô ở chợ Bưởi, tôi dò la mãi hôm nay mới gặp.

Mai bẽn lẽn. Còn bà Cán thì bắt thóp anh chàng ham sắc, trả lời một cách quả quyết:

– Thưa ông, phải hai đồng một buổi. Nhất định phải hai đồng.

Nhà hội họa ngẫm nghĩ đăm đăm nhìn Mai:

– Vâng thì hai đồng. Vậy mai cô đến nhé?

Mai trù trừ:

– Biết làm kiểu mẫu ra sao!... Thôi, tôi chịu thôi.

Bạch Hải dỗ dành:

– Thì có gì nguy hiểm mà cô ngại. Sáng từ tám giờ đến mười một giờ, chiều từ hai giờ đến sáu giờ cô lại đằng nhà ngồi yên một chỗ cho tôi vẽ. Thế là cuối tháng cô có mấy chục bạc.

Ba chữ "mấy chục bạc" bỗng nhắc Mai cái món nợ tiền thuốc. Nàng liền đáp:

– Vâng, mai tôi xin lại.

Họa sĩ tỏ vẻ vui mừng:

– Vậy tám giờ mai cô đến nhé? Nhà tôi ở phố B... số 125.

– Thưa ông, tôi không biết phố B... ở đâu.

Bạch Hải ngẫm nghĩ:

– Thôi, để mai tôi lại đón. Vậy cô chờ tôi.. . À tên cô là gì nhỉ?

Mai mỉm cười:

– Thưa ông, ông cần gì phải biết tên tôi? Ông cứ gọi tôi là người kiểu mẫu cũng đủ.

– Thôi thế cũng được... Mai tôi đến đón cô ở đây.

Sáng hôm sau, y lời hẹn Bạch Hải đến đình Thụy Khuê.

Mai đã đứng chờ ở đấy. Họa sĩ gọi xe cho Mai ngồi rồi đi xe đạp theo sau.

Mai đến làm kiểu mẫu cho họa sĩ được chàng đối đãi một cách rất lễ phép. Buổi đầu nàng cũng hơi khó chịu vì cái tính hay hỏi chuyện lẩn thẩn của họa sĩ, song về sau quen đi, nàng cho là một

sự thường. Bây giờ, nghe họa sĩ giảng khoa tâm lý về hội họa, nàng không thấy làm lạ nữa, và bất cứ chàng nói điều gì nàng cũng cho là phải ngay, dẫu nàng nghe trái tai đến đâu mặc lòng.

Được hai tuần lễ thì bức vẽ một cô con gái ngồi tư lự đã gần xong. Suốt ngày họa sĩ chỉ loay hoay với bức tranh, hết chữa chỗ nọ chỗ kia lại ngồi thừ ra ngắm nghía.

Một hôm Mai đến nhưng chàng không biết, bao tinh thần dồn cả vào người mỹ nữ trong tranh.

Bỗng Mai kinh hoảng rón rén lảng ra ngoài hiên. Nàng vừa thấy người họa sĩ lại gần bức tranh và ghé miệng hôn ảnh mình. Một lúc sau, nàng vờ gõ cửa rồi bước vào phòng.

Bạch Hải giật mình quay lại, ngây người đứng nhìn, hồi lâu mới nói được nên lời. Chàng bảo Mai:

– Cô ngắm bức tranh có ưng ý không?

Mai bẽn lẽn đáp:

– Thưa ông, đẹp lắm. Ông vẽ đẹp hơn kiểu mẫu nhiều quá.

Bạch Hải cười.

– Cô nhún mình quá! Tôi còn lo chưa tả được hết cái đẹp dịu dàng của cô, cái tính dễ cảm động, cái lòng hay thương người của cô.

Mai ngượng ngùng:

– Sao ông biết tôi có tính dễ cảm động, có lòng hay thương người?

Bạch Hải cười:

– Thì tôi đã bảo tôi rất thích và rất sành khoa tâm lý mà lại!

Chiều hôm ấy họa sĩ khẩn khoản ép Mai cứ để y phục kiểu mẫu mà về, và chàng nói chàng tặng hẳn Mai bộ quần áo ấy. Nể lời thành thực của họa sĩ, Mai nhận và nói cảm ơn rồi ngỏ lời xin phép từ mai ở nhà vì bức tranh đã hoàn thành.

Sự thực, thấy các cử chỉ của họa sĩ, nàng sinh ra lo lắng vẩn vơ. Bạch Hải vội kêu:

– Ồ! Đã xong thế nào được, ít ra phải hai tuần lễ nữa!

Ở nhà họa sĩ ra đến cổng, Mai thoáng thấy một cái xe nhà đi qua, người ngồi trên xe đăm đăm nhìn nàng. Nàng kêu rú lên một tiếng. Cái xe vùn vụt tận đàng xa. Nàng vội vàng gọi xe mặc cả về làng Thụy Khuê.

Người mà nàng vừa gặp, người vừa nhìn nàng một cách khinh bỉ, chính là Lộc, chồng nàng.

Mai ngồi trên xe buồn rầu, nghĩ ngợi lan man chẳng biết đã qua những phố nào.

Đến làng Thụy Khuê rồi cô ạ!

Mai như chợt thức giấc, mỉm cười, lẳng lặng xuống xe trả tiền, rồi lững thững đi vào làng.

Về tới nhà, gặp Diên bế con mình đương đưa võng.

Mai mừng quýnh:

– Kìa chị Diên! Quý hóa quá! Chị lại thăm em có việc gì thế?

Diên mỉm cười nhìn từ đầu đến chân Mai một cách rất tò mò, khiến Mai bẽn lẽn. Diên khẽ hỏi:

– Cánh nào đấy?

Mai cười đáp:

– Chị hỏi bộ cánh này?... À chị chưa biết nhỉ.

Diên chau mày, hơi có giọng gắt:

– Không, tôi hỏi chị đi với ai về kia?

Mai nghe lời bạn, mặt nóng bừng, toan cự lại. Song chợt nghĩ ra, và không muốn nhắc đến cái đời giang hồ của Diên, nàng chỉ dịu dàng, bảo bạn:

– Không chị ạ. Em đi làm kiểu mẫu cho một nhà hội họa về đây mà. Bộ cánh này của họa sĩ cho em.

Diên ngờ Mai giấu giếm, nên cười mát nói:

– Thế à!

Rồi lảng sang chuyện khác ngay:

– À tôi nhờ vú em đi đàng kia có tí việc. Chị mướn vú em bao nhiêu tiền một tháng thế?

– Hai đồng đấy chị ạ. Độ này tôi bận làm kiểu mẫu nên phải mượn vú.

– Thế cũng phải.

Rồi hai người lại yên lặng, mỗi người nghĩ theo một ý tưởng riêng.

– Chị nghĩ điều gì thế chị Diên?

Diên cười chua chát rồi thong thả buồn rầu bảo bạn:

– Tôi nghĩ tới đời một người giang hồ. Người giang hồ, xưa là con nhà tử tế trong bọn trung lưu.

"Một buổi trưa mùa xuân êm ái, bên dòng nước biếc trong veo, một trang công tử, đẹp trai, thông minh, đem lời đường mật cám dỗ".

"Rồi cặp uyên ương cùng nhau sống trong một cảnh thần tiên mộng ảo... Rồi lúc tỉnh giấc mộng... Rồi lúc cặp uyên ương chia rẽ... Rồi từ đó, kẻ khốn nạn lăn xuống vực sâu hang thẳm... Ghê lắm chị ạ! Thảm lắm chị ạ.

Mai đăm đăm nhìn Diên: có vẻ thương mến, hai giọt nước mắt lóng lánh... Diên ngừng một lát rồi lại nói:

– Những kẻ đã qua cái dốc nguy hiểm ấy, khi tới đáy vực ngước mắt trông lên thấy có kẻ sắp ngã thì đem lòng thương hại, kêu to: "Đứng lại".

Bấy giờ người vú em ở ngoài đi vào đưa cho Mai bức thư:

– Thưa cô, người đi xe đạp nói là người nhà ông Bạch Hải bảo đưa cho cô cái thư này. Mai lẳng lặng xé phong bì, ghé vào ánh đèn lu mờ đứng xem. Rồi buồn rầu bảo Diên:

– Chị ạ, thế một người đã ở sườn dốc mà muốn không ngã có thể được không?

Diên lắc đầu:

– Khó lắm!... Nhưng thư của ai gởi cho chị thế?

– Đây chị xem.

Mai đưa thư cho Diên. Diên đỡ lấy, rồi trao Ái cho vú bế. Mảnh giấy vắn tắt có mấy dòng:

Thưa cô.

Cô là một trang diễm lệ, tôi là một nhà tài tử. Chúng ta nên làm một đôi bạn trăm năm. Từ mai, xin cô lại ở luôn đằng tôi, tôi xin hết sức làm cho cô sung sướng. Đã nhiều lần định ngỏ lời với cô, nhưng đứng trước mặt cô, tôi ngần ngại.

Người yêu cô,

BẠCH HẢI

Đọc xong Diên ngẫm nghĩ:

– Bạch Hải... Có phải Bạch Hải ở phố B... không?

– Chính đấy. Tôi làm kiểu mẫu cho ông ta.

Diên mủm mỉm cười:

– Hắn ta đã bắt chị cởi trần chưa?

Mai mặt đỏ bừng, tức giận đứng im, không đáp.

– Chưa, phải không? Tôi còn lạ gì anh chàng Bạch Hải. Anh ta nuôi đầy tớ gái, chỉ chọn đứa đẹp.

Mai gắt:

– Vậy chị cho ông Bạch Hải nuôi tôi làm đầy tớ, phải không?

Diên cười:

– Không! Nhân tình thì vẫn hơn đầy tớ chứ, trừ khi đầy tớ cũng là nhân tình.

Mai bưng mặt khóc. Diên xin lỗi:

– Thôi, tôi lỡ lời... Chị tha cho. Vậy đã có gì chưa? Đã có gì với nhau chưa?

Mai nức nở thuật lại câu chuyện cho Diên nghe từ khi Minh ngỏ lời xin cưới mình làm vợ cho đến khi bắt gặp Bạch Hải hôn trộm ảnh mình, Diên thương hại buồn rầu hỏi Mai:

– Bức tranh vẽ đã xong chưa?

– Tôi trông hình như xong rồi, nhưng ông ta bảo phải đến hai tuần lễ nữa.

– Chị làm kiểu mẫu được bao lâu rồi?

– Hai mươi hôm.

– Bạch Hải trả tiền rồi chứ?

– Đã. Ngày nào, ông ta trả tiền ngày ấy. Được tất cả bốn chục. Tôi muốn nhờ chị đem lại nộp hộ tiền thuốc ông Minh...

Diên gạt:

– Thôi! Cái đó đã có tôi. Hôm nọ hắn biếu tôi hai chục, tôi không nhận, tôi bảo hắn trừ vào tiền thuốc của cậu Huy.

Nói dứt lời, Diên cười khanh khách. Mai cảm động quá đứng thừ ra, một lúc lâu mới khẽ bảo bạn:

– Chị muốn tôi không lăn xuống dốc thì chị nên giúp tôi. Thế nào chị cũng nộp món tiền này cho.

Diên ngẫm nghĩ:

– Phải đấy... Thôi cũng được! Vậy chị đưa tiền đây tôi trả giúp.

Mai lấy đưa cho Diên bốn tập giấy một đồng, rồi hai người từ biệt nhau. Ra đến cổng Diên còn quay lại dặn bạn một câu:

– Thế là hết nợ rồi đấy. Không cần tiền nữa, thì từ mai đừng đến nhà Bạch Hải làm kiểu mẫu nữa nhé.

– Cám ơn chị... À, cậu Trọng bây giờ ở đâu nhỉ?

– Em Trọng làm thư ký ở Vĩnh Yên. Nó gửi lời hỏi thăm chị và cậu Huy đấy.

PHẦN THỨ BA

NGƯỜI XƯA

Năm năm sau.

Một nếp nhà ở chân đồi trong làng Trù Mật cách Phú Thọ độ hơn cây số.

Bên cánh cửa sổ, một người đàn bà còn trẻ, còn đẹp ngồi mạng áo. Thỉnh thoảng nàng lại ngừng tay, thò đầu ra ngoài nhìn một thằng bé con đang cầm cái bay đào đất.

– Ái! Không được vầy đất nữa! Đi rửa tay để ăn cơm chứ!... Cậu giáo sắp về rồi. Tao bảo không được, chốc tao mách cậu cho đấy.

Thằng bé sợ hãi, chạy lại gần kêu van:

– Ái lạy mẹ, mẹ đừng mách cậu cho Ái nhé!

– Ừ, thế đi rửa tay ngay... Chậu nước mẹ lấy rồi để ở thềm ấy.

Một lát sau, Ái chạy vào giơ hai tay khoe mẹ:

– Mẹ ơi! Tay Ái sạch rồi, mẹ đừng mách cậu cho Ái nhé!

Mai – vì người đàn bà ấy là Mai – ôm lấy con hôn, nói nựng:

– Con tôi ngoan lắm! Ái có yêu mẹ không?

Ái hai tay quàng lấy cổ mẹ:

– Có chứ!

– Thế Ái có yêu cậu Huy không?

– Có chứ!

– Ngoan lắm! Thế Ái hôn mẹ một cái thật kêu nào?

Ái kéo đầu mẹ xuống hôn chụt hai bên má, rồi nũng nịu.

– Mẹ cho phép Ái đi đón cậu nhé.

– Không được, lối ấy dốc mà có xe ô tô hàng qua lại luôn. Con đứng ở cổng đón cậu cũng được.

– Mẹ bảo ông Hạnh đưa con đi... nhé mẹ nhé?

Mai nói dỗi:

– Ừ, đấy! Ông muốn đi đâu thì đi.

Thấy mẹ gắt, Ái gục đầu vào lòng, khóc:

– Mẹ không yêu con rồi.

– Thế sao mẹ bảo không nghe?

Ái cười, lau nước mắt, thỏ thẻ:

– Vâng, thì con chỉ đứng cổng chờ cậu thôi nhé? Thế mẹ yêu con, mẹ đừng giận con nữa nhé?

Mai không trả lời, ôm lấy con hôn lấy hôn để.

Khi Ái đã ra cổng rồi, Mai xếp chỉ kim vào thúng khâu ngồi chờ em về.

Năm năm trời, Mai theo em lên Phú Thọ. Thời gian thấm thoắt, đoái tưởng đến hồi ở Hà Nội, mọi việc như mới xảy ra mấy tháng trước, Mai lẩm bẩm: "Thế mà đã năm năm".

Từ ngày Mai và Huy lên Phú Thọ đến nay, chưa về Hà Nội, dẫu tới kỳ nghỉ hè cũng vậy. Bốn người cùng nhau hưởng hạnh phúc êm đềm ở một nơi ẩn dật.

Ngày này sang ngày khác, tháng lại tháng, năm lại năm cuộc đời không thay đổi. Ngày hai buổi Huy trèo cái dốc dài lên tỉnh dạy học. Trong khi ấy thì Mai và ông Hạnh trông nom cửa nhà sửa soạn nấu ăn.

Chủ nhật, hai chị em đưa Ái lên đồi hay vào rừng, đem theo bánh mì và các món ăn ở mãi đấy cho tới gần chiều mới về. Những hôm ấy, không lần nào Mai không nhớ đem theo các sách của em đương soạn để đọc, rồi hai chị em bàn nhau, hoặc thêm hoặc bớt một vài đoạn, hoặc chữa lại một vài chỗ.

Sự mong ước của Huy là dăm năm sau sẽ có cái vốn vài ba

nghìn, và tìm nơi gần đồi, gần sông mua ít ruộng, ít đất làm nhà cùng với chị. Vì thế ngoài giờ dạy học Huy còn viết truyện gửi về Hà Nội bán cho các báo. Sau mấy năm Huy đã để dành được gần một nghìn bạc.

Mai thì ngoài việc mua đất làm nhà, Mai còn nghĩ đến cưới vợ cho em nữa. Nhưng hễ nghe Mai nhắc tới, Huy chỉ một mực từ chối nói mình hãy còn nghèo và việc ấy chưa vội.

Một đôi khi ngắm con, Mai cũng nghĩ tới ngày xưa. Nhưng nhớ nhung chỉ có trong chốc lát. Cái hình ảnh người ngồi vắt vẻo trên xe, lãnh đạm nhìn Mai, đã cắt đứt cảm động, đã tiêu tan hết âu yếm dịu dàng trong tâm hồn Mai.

– A! Cậu giáo đã về! Cậu giáo đã về.

Mai vui cười, ra cổng đón em. Ái phụng phịu chạy lại bên mẹ rớm rớm nước mắt.

– Mẹ ơi! Cậu Huy giận con. Hôm nay cậu không hôn con.

Mai đưa mắt nhìn em, nhận ra rằng Huy không được tươi tỉnh như mọi ngày. Nàng vội hỏi:

– Em sao thế?

Huy gượng cười:

– Không chị ạ!

Mai không tin hỏi luôn:

– Em có điều gì buồn?

– Không mà lại. Em có buồn đâu. Em mới về, hơi mệt đấy thôi.

Muốn cho chị hết ngờ vực, Huy cúi xuống bế Ái lên, vừa hôn vừa nói:

– Ái không ngoan rồi, chỉ làm cho mẹ buồn thôi.

Được cậu ẵm, Ái vui mừng, rồi tẩn mẩn nó thò tay vào túi áo Huy định lấy xu. Bỗng nó giơ lên một tờ giấy xanh gọi Mai:

– Mẹ ơi! Cậu có cái này đẹp quá, mẹ ạ.

Thoáng trông thấy màu giấy kiểu chữ trong thư, Mai mặt tái dần, phải đứng tựa tường như sợ ngã ngất.

Huy vội đặt Ái xuống đất, giật bức thư bỏ vào túi, rồi chạy lại hỏi chị:

– Chị sao thế?

Mai ấp úng:

– Em có điều gì giấu chị...

– Không.

– Thế thư của ai gởi cho em đấy!

Huy toan nói đó là bức thư của bạn.

Song hình như đọc được tư tưởng của em và muốn tránh cho em một sự nói dối vô ích, Mai cười gượng:

– Anh ấy vẫn dùng thứ giấy viết thư ngày xưa nhỉ?

Huy nghe chị nói, giật mình. Huy không ngờ ái tình của chị đối với Lộc lại bền chặt đến thế, trung thành đến thế, ăn sâu vào tâm tư đến nỗi nhớ đến những sự cỏn con như màu giấy viết thư dùng sáu năm về trước. Huy bỗng đem lòng thương hại chị đã trong bao lâu vui gượng để che sự nhớ nhung, sống trong lãnh đạm của cuộc đời hiện tại để cố quên tình ân ái của quãng đời quá khứ, đầu buổi thanh xuân.

– Cậu ơi! Sao mẹ lại khóc kìa, cậu ạ?

Huy nghe lời cháu gọi như câu trách mắng. Và nhìn hai giọt lệ trên gò má Mai, Huy xiết bao hối hận. Chàng khẽ bảo chị:

– Chị nghĩ làm gì cho đau lòng. Con người như thế chả đáng được chị thương nhớ.

Huy vừa nói vừa toan xé bức thư. Mai gạt:

– Em cứ đưa cho chị xem.

– Thôi chị ạ, xem làm gì?

Ái kéo áo Huy nằn nì:

– Cậu cho mẹ tờ giấy xanh đi cậu. Để mẹ làm cho Ái cái thuyền.

Mai không để ý đến con, nói:

– Không hề gì mà! Em cứ đưa cho chị xem.

Huy còn có ý do dự, thì Mai đã giật bức thư ở tay mở vội ra coi.

Thư vắn tắt có mười dòng:

Huyện Thạch Hà Ngày mùng... tháng ba 19...

Em Huy.

"Tôi xin cậu cho phép tôi được gọi cậu là em và xưng anh với cậu như ngày xưa, như những ngày sung sướng nhất trên đời ba chúng ta.

Em ơi, anh là một người khốn nạn, một người có tội rất lớn đối với vợ anh và đối với em.

Xin em làm ơn kêu van chị cho anh, tha thứ cho anh không thể tha thứ được, nhưng rủ lòng thương cho phép anh đến tạ tội và tỏ nỗi oan uổng của anh.

Thế nào, xin cậu trả lời cho biết, tôi sẽ đến ngay".

Kính thư

Nguyễn Văn Lộc.

Lời trong thư loanh quanh, lúng túng, khi xưng anh, em, khi xưng cậu, tôi, tỏ ra rằng khi viết, Lộc băn khoăn cảm động lắm. Tay Mai cầm bức thư run lẩy bẩy. Mặt Mai dần dần đỏ, rồi tái đi. Rồi cất giọng khàn khàn, ướt những nước mắt đương tắt ở họng, Mai bảo Huy:

– Thôi em ạ. Đừng trả lời nữa.

– Vâng.

Huy đáp lại vơ vẩn thế, song vẫn hiểu rằng câu nói của chị có một ý nghĩa trái ngược. Nàng muốn bảo em trả lời Lộc ngay. Huy đăm đắm nhìn chị thì thầm:

– Hay để anh ấy đến?

Mai trù trừ, ngẫm nghĩ. Cái hình ảnh người khinh bạc ngồi vắt vẻo trên xe nhà lướt qua tâm trí Mai... nàng liền quả quyết xé vụn bức thư ra, bảo em:

– Thôi. Nhất định thôi. Không trả lời gì hết.

Ái mếu máo vì thấy mẹ giận dữ xé mất tờ giấy đẹp của mình:

– Sao mẹ lại xé của con ra?

Mai gượng cười cúi xuống bế con lên hôn rất nồng nàn. Nàng có ngờ đâu rằng tình xưa còn ẩn trong tình mẫu tử, và cái hôn kia chỉ là cái hôn tiếc rẻ một quãng đời đã mất.

MỘT BỨC TRANH

Nhưng sao năm, sáu năm ròng bặt vắng tin tức nay bỗng lại có bức thư của Lộc?

Chắc trong đời Lộc, đã xẩy ra sự gì phi thường.

Thực vậy.

Hôm Lộc nhận được bức thư gửi cho Mai trong đựng cái giấy bạc hai chục, thì chàng căm tức đến mất ăn mất ngủ. Chàng không ngờ một người chàng yêu thương chiều chuộng, kính trọng đến thế mà lại nỡ lừa dối chàng một cách khốn nạn, đê hèn đến thế.

Song chàng cũng chỉ mới ghen tuông, ngờ vực mà thôi. Đương tra xét dò la, thì thốt nhiên Mai và Huy bỏ nhà trốn đi. Mai đi đâu? Chàng tự hỏi rồi tự trả lời: Còn đi đâu nữa? Đi với tình nhân, đi với người gửi cho hai chục bạc chứ còn đi đâu?

Trong lòng chàng bỗng nẩy ra sự thù ghét, thù ghét cả loài người. Loài người, trời ơi! Cái người mà chàng tưởng chỉ có tình yêu trong sạch, ai ngờ lại tà dâm đến thế.

Lộc giận quá, uất lên, bực tức muốn khóc mà không khóc được. Chàng cũng chẳng nghĩ gì đi kiếm.

Chàng cười chua chát nói một mình: "Tìm!... Khốn nạn!..."

Chiều hôm ấy, chàng cáo ốm, xin phép nghỉ ở nhà. Bữa cơm chiều, chàng không ăn. Rồi bảy giờ tối lại phố H... thăm mẹ.

Nhác thấy hai con mắt sâu hoắm, đen quầng, hai má hốc hác, thì bà Án trạnh lòng thương và hối hận rằng mình quá tàn nhẫn. Song nghĩ đến cái diệu kế vừa thi hành đã có kết quả ngay, thì bà không thể không mừng thầm trong dạ. Bà vờ hỏi Lộc:

– Con sao thế?

Lộc không nghe rõ... Bà lại hỏi:

– Con ốm đấy à?

Lộc ngồi phịch xuống ghế bưng mặt khóc nức nở:

– Bẩm mẹ... con...

Bà Án lại gần, an ủi.

– Con có điều gì cứ nói cho mẹ hay, can chi lại để bụng cho thêm khổ.

Rồi bà để cho Lộc khóc, vì bà biết rằng khóc được như thế thì sự đau đớn sẽ theo dòng lệ mà tiêu tán đi. Một lát sau, bà vờ hỏi:

– Mẹ nghe nói độ này con ham mê cờ bạc. Hay con lại thua tháy, rồi mang công mắc nợ vào đấy?

Lộc lau nước mắt ngồi ngẫm nghĩ:

– Bẩm mẹ... con có... đánh bạc bao giờ đâu!

Rồi Lộc đem đầu đuôi câu chuyện kể với mẹ, câu chuyện mà bà Án đã biết, từ bức thư đựng tờ giấy bạc hai chục đến khi Mai đi trốn. Bà Án ngồi nghe con, chốc chốc lại thở dài. Cái thở dài của người mẹ thương con, hay cái thở dài của người đàn bà bị lương tâm cắn rứt? Bà để Lộc nói... nói nữa... thỉnh thoảng chỉ chêm một câu:

– Khốn nạn!

Lộc đăm đăm nhìn mẹ, nói tiếp:

– Con xin mẹ tha tội cho con: Chỉ vì con không vâng lời mẹ...

Ba tháng sau, Lộc cưới vợ. Vì bổn phận mới, Lộc mỗi ngày một quên tình ái xưa. Chẳng bao lâu, hình ảnh Mai đã xóa nhòa trong ý nghĩ, đến nỗi hôm gặp Mai ở nhà họa sĩ Bạch Hải đi ra, chàng không còn cảm thấy mình ghen tuông, mà sự khinh bỉ, khinh bỉ lãnh đạm đối với kẻ đã lừa dối mình, càng ăn sâu mãi vào tâm hồn.

Ngày qua... tháng qua... năm qua... thời giờ, lạnh lùng qua. Và cùng thời gian, lạnh lùng qua những mẩu đời vô vị của Lộc. Vô vị và trống rỗng.

Mà Lộc vẫn yêu vợ, yêu vì bổn phận. Song ái tình của con người ta chỉ một lần có... Ái tình thứ nhất, Mai đã mang đi, nó đã bị chôn sâu trong tim, trong linh hồn kẻ mà chàng không thể yêu được nữa, mà, khốn thay! chàng vẫn không thể không yêu được.

Ái tình vì bổn phận ba năm đầu đã đem đến cho vợ chồng Lộc hai thằng con. Song có sinh mà không có dưỡng, chúng đều chết cả.

Cuộc đời nhạt nhẽo càng thêm nhạt nhẽo. Đối với bà Án, thì đó là một cuộc đời hết hy vọng. Tập quán bắt buộc bà luôn luôn nghĩ tới những ý tưởng nối dõi tông đường, đầy đàn cháu chắt. Thế mà hai đứa thừa trọng tôn của bà lại kế tiếp nhau mà chết. Đau đớn cho bà biết bao!

Bà sinh ra lo sợ, lo sợ tương lai... Đã hai năm nay, con dâu bà không thấy thai nghén nữa... Hai đứa cháu bà chết, sự đó xảy ra, biết

đâu lại không bởi lòng quả báo... lòng oán giận của linh hồn... Xưa nay bà thường nghe chuyện nhiều người rẫy vợ, bỏ con, rồi sau không thể có con với người vợ khác được nữa... Bà cố tìm chứng cứ cho cái thuyết lý ấy, và thấy có nhiều người ở vào tình cảnh đó thật.

Nào có thế mà thôi đâu! Con dâu bà, bà tự kén chọn lấy, trước kia ngoan ngoãn nết na là thế, mà mấy tháng nay, vì buồn bực, khổ sở, sinh ra gắt gỏng, hỗn xược với bà. Bà là người tôn trọng Khổng giáo và những điều ngũ luân ngũ thường, bà chịu sao nổi sự bất hiếu, bất mục ấy của con dâu? Đến nỗi nhiều khi bà nghĩ lẩn thẩn nói một mình:

– Chỉ thương hại con Mai!

Câu ấy đã một vài lần lọt tai Lộc, khiến chàng sinh nghi hoặc, ngờ rằng có sự bí mật gì mà mẹ giấu mình.

Chàng đương để ý dò xét thì tình cờ một hôm về chơi Hà Nội (Lộc vừa được bổ nhiệm tri huyện Thạch Hà) chàng đến xem những bức tranh của các nhà danh họa bày bán ở trường Mỹ thuật. Đứng trước bức tranh sơn "một mỹ nhân mơ mộng", chàng ngây ngất như bị thôi miên. Chàng nghĩ thầm: "Mai! Đích Mai rồi".

Cái nhan sắc tình tứ, dịu dàng, e lệ, âu yếm được nét bút nhà danh họa vờn chữa càng thêm tình tứ, dịu dàng, e lệ, âu yếm, khiến Lộc lặng người đứng ngắm, mơ màng trong giấc mộng xưa.

Đống than hồng phủ tro tàn bị cái que dẽ cời ra, lại bùng bùng bốc lửa nóng rực hơn xưa. Tình yêu thương đã hầu như vùi sâu, như nguội lạnh ở trong lòng, nay đứng trước ảnh người xưa, Lộc bỗng lại thấy nồng nàn, ngùn ngụt.

Bao tình cảm có năm, sáu năm về trước đã hầu như chết hẳn trong ký ức, nay thốt nhiên ngổn ngang sống lại.

Lộc ngắm bức tranh rất lâu, mà chàng cũng chỉ ngắm có một bức tranh ấy... Tiếng ai cười ở sau lưng, khiến chàng quay vội lại. Một người ngả đầu chào và hỏi:

– Thưa ông, bức tranh có được không?

– Thưa ông, đẹp lắm!... Bức tranh này của ông?

– Vâng, của tôi.

Lộc vụt nhớ hôm gặp Mai cũng vận bộ quần áo vẽ trong tranh từ nhà một người ở phố B... đi ra. Chàng đăm đăm nhìn họa sĩ, hỏi:

– Ông ở phố B... thưa ông có phải không?

– Vâng, tôi là Bạch Hải ở phố B... ông có thư thả mời ông lại chơi.

Lộc mỉm cười, khen:

– Chắc người làm kiểu mẫu cho ông cũng đẹp lắm!

Mắt Bạch Hải long lanh chớp sau cặp kính sáng trong:

– Đẹp lắm! Đẹp hơn người trong bức tranh nhiều!

Lộc hỏi lẩn thẩn:

– Chắc là người yêu của ông?

Bạch Hải thở dài:

– Người yêu trong mộng!

Lộc tỏ ý kinh ngạc:

– Sao vậy, thưa ông?

– Vì cô Mai tôi vẽ đây là một người có trái tim sắt đá, không ai làm chuyển nổi.

Lộc mỉm cười. Chàng mỉm cười vì câu nói của họa sĩ có vẻ cầu kỳ, bóng bẩy, hay vì một lẽ khác, vì lẽ khoái lạc? Chàng vui vẻ hỏi họa sĩ:

– Thưa ông, bức tranh này ông bán bao nhiêu tiền? Sao không thấy đề giá như ở các bức khác?

Câu trả lời lạnh lùng khô khan như nhát búa gõ xuống bàn:

– Tôi không bán!

Thất vọng, Lộc hỏi gạn:

– Sao đã bày ở đây, ông lại không bán?

– Không, không thể bán được!

– Đáng tiếc! Giá ông bán cho tôi bức tranh này, thì bao nhiêu tôi cũng mua.

– Không, thưa ông, ông trả bao nhiêu tôi cũng không bán.

Họa sĩ cố tìm được một câu ý vị:

– Ai lại bán một kỷ niệm êm đềm của đời mình bao giờ! Trừ khi ông là ông Lộc.

Mặt Lộc tái dần... Bạch Hải đăm đăm nhìn chàng như đem hết khoa tâm lý ra mà quan sát diện mạo. Thốt nhiên, họa sĩ hỏi Lộc:

– Vì cớ gì, ông lại cần mua bức tranh ấy?... Còn chán bức khác đẹp hơn, sao ông không mua?

Lộc ấp úng chưa kịp trả lời thì Bạch Hải lại hỏi:

– Hay chính ông là ông Lộc?

Lộc cười gượng, chối:

– Không.

Rồi ngả mũ chào:

– Kính chào ông, chắc ông còn nhiều tranh ở nhà. Chiều nay ông có cho phép tôi lại xem không?

Bạch Hải vui mừng:

– Tôi lấy làm hân hạnh mời ông lại chơi.

Chàng đưa tay bắt tay Lộc và nói tiếp:

– Vậy chiều nay năm giờ tôi chờ ông đấy. Thế nào ông cũng lại nhé?

– Xin vâng.

Năm giờ kém một khắc, Lộc đã tới cổng nhà Bạch Hải kéo chuông. Một người đầy tớ gái xinh xắn, y phục gọn gàng dễ trông, ra mở cổng. Lộc hỏi:

– Có phải đây là nhà họa sĩ Bạch Hải không?

Lộc hỏi thế cho có câu hỏi, vì chàng thấy người đầy tớ gái cứ trừng trừng nhìn mình mỉm cười, chứ cái cổng nhà Bạch Hải thì không bao giờ chàng quên được. Nó đã in hẳn vào tâm tư chàng cùng với cái hình ảnh Mai lững thững từ trong nhà đi ra, năm năm về trước, một buổi chiều mùa đông u ám. Chàng nhắc lại câu hỏi:

– Tôi hỏi có phải đây là nhà ông Bạch Hải không?

– Vâng, thưa ông hỏi gì? Ông tôi đi vắng.

Lộc chau mày ngẫm nghĩ đã toan quay gót. Chàng trù trừ mở đồng hồ ra xem giờ và nói:

– Ông Bạch Hải hẹn tôi năm giờ hôm nay lại chơi.

Người đầy tớ gái, nét mặt vẫn tươi như bông hoa, hỏi lại:

– Thưa ông, thế đã đến năm giờ chưa?

– Còn mười phút nữa.

Lộc lộ vẻ vui mừng:

– Xin cảm ơn ông. Tôi toan hỏi mua một bức.

Bạch Hải tỏ ý không bằng lòng.

– Tôi đã nói với ông rằng những bức tiếu tượng của cô Mai, không bao giờ tôi bán.

Rồi họa sĩ nói lảng sang chuyện khác ngay, phàn nàn người Việt Nam không biết chuộng mỹ thuật, không có con mắt mỹ thuật. Bỏ hàng trăm ra mua bộ phòng khách lố lăng hay cái thống, cái bát cổ đời Khang Hy, Thành Hóa thì không tiếc, chứ giá có đứng trước một bức danh họa của chàng, và trông thấy cái phiếu mã giá trăm rưởi, hai trăm đã kêu la rầng đất.

Chàng nói:

– Bao giờ cho người mình dám trả một bức tranh tới hàng vạn bạc như người Âu Mỹ?

Lộc ngồi tiếp chuyện đưa đà để chờ dịp gợi nói đến Mai. Nhưng nào họa sĩ có để cho chàng kịp hỏi. Hết phàn nàn, họa sĩ lại bình phẩm tranh, bình phẩm người, nào người Âu, người Nhật, người Tàu, người Việt Nam, người đời xưa, người đời nay. Lộc sốt ruột, đưa mắt nhìn đồng hồ. Kim đã chỉ gần sáu giờ. Chàng đứng dậy cáo biệt. Họa sĩ vội mời:

– Ấy! Ta còn lên gác xem phòng hội họa chứ, đấy mới có nhiều tranh đẹp... Vả tôi còn kể chuyện cô Mai cho ông nghe kia mà!

Lộc thở mạnh, khoan khoái, mỉm cười. Chàng đến chơi chỉ cốt có một việc: nghe chuyện Mai.

Chủ đưa khách lên gác tới phòng hội họa. Nói phòng chứa tranh thì đúng, vì ở đấy để ngổn ngang, treo la liệt không biết bao nhiêu là tranh nữa: bức dựng ở tường, bức đặt trên giá, bức không khung, bốn cái đinh đóng sơ sài vào tường kẻ hoa màu xanh nhạt.

Họa sĩ trỏ một cái ghế thấp, mời khách ngồi và nói:

– Đó, ông coi, một cô Mai đã làm kiểu vẽ cho biết bao bức tranh của tôi.

Chàng thở dài nói tiếp:

– Sung sướng nhất trên đời là người được lấy Mai làm vợ.

Lộc cảm động, hối hận:

dáng điệu buồn rầu của cô, tôi cho cô giấu một sự bí mật gì về tình ái... Ấy là tôi đem khoa tâm lý ra đoán đấy thôi.

"Cái đẹp và cái buồn là hai thứ dễ cảm lòng người, nhất khi lại hợp với cái dịu dàng ngây thơ... Đến nỗi hai tuần sau, đứng trước mặt Mai, tôi mất hết tính tự nhiên, từ ngôn ngữ cho chí cử chỉ. Xin ông tha thứ cho, nếu tôi đem sự thực ra kể chuyện hầu ông nghe."

Lộc vội đáp:

– Thưa ông, chính tôi xin ông kể hết sự thực cho tôi nghe, dù sự thực ấy có sống sượng đi nữa cũng mặc lòng.

– Thưa ông, tôi vẫn tự phụ là một nhà tâm lý học, thế mà đến tôi, tôi cũng không hiểu tôi... nghĩa là tuần lễ sau cùng, tôi chẳng vẽ được một tí gì ra hồn...

Bạch Hải ngừng lại như ngượng với Lộc mà chàng đã biết là chồng Mai. Lộc liền nhắc:

– Thưa ông, thế rồi sao?

– Thế rồi một hôm bỗng cô Mai không đến nữa. Cô ấy biết... cô ấy thông minh lắm... tôi xin thú thực rằng cái đó cũng tại tôi, vì tôi dại dột gửi cho cô một bức thư.

"Ba hôm tôi khổ sở...

Ngày thứ tư, không chịu nổi nhớ thương, tôi mò xuống Thụy Khuê, thì chính hôm ấy tôi tỉnh giấc mộng.

Nằm trên võng, trong một gian nhà tiều tụy, cô Mai đương hát ru con. Thấy tôi đến, cô đứng phắt dậy lạnh lùng nhìn.

Tôi hỏi:

– Cô bế con ai?

Cô đáp rất khẽ:

– Con tôi.

Thưa ông, thực tôi không ngờ cô Mai lại là một người đã có chồng, có con..."

Lộc cảm động thở dài. Bạch Hải nghĩ một lát lại kể:

"– Tôi hỏi cô Mai sao thôi không đến đằng nhà, thì cô nói không cần tiền nữa, cô chỉ cốt kiếm đủ trả nợ thôi. Tôi gắt:

– Cô tưởng dễ dàng như thế được ư? Cô chỉ nghĩ đến xong nợ, còn bức tranh bỏ dở của tôi, cô tính sao?

Cô Mai có vẻ ngần ngại, nhưng hình như cũng hiểu ra. Bỗng đăm đăm nhìn đứa con bế trong lòng, nước mắt cô dàn dụa hai bên má. Tôi hối hận xin lỗi và chào cô để đi. Nhưng cô lại bảo tôi:

– Mời ông hãy ngồi chơi, tôi thưa câu chuyện. Tôi cũng biết bức tranh đó ông vẽ chưa xong. Vả tôi thốt nhiên bỏ không đến nữa, như thế thật là không phải với ông. Nhưng chiều hôm ấy tôi gặp... chồng tôi ở cổng nhà ông thì tôi vụt nhớ tới bổn phận của tôi. Vẫn biết bao giờ tôi cũng nghĩ tới bổn phận, nhưng tôi không muốn để ai ngờ được lòng đoan chính của tôi.

Mai đem hết chuyện kể cho tôi nghe từ hôm cụ Án đến nhà cô, khẩn khoản nói năng xin cô rời bỏ ông ra"

Mặt tái mét, Lộc ấp úng hỏi:

– Mẹ tôi... đến?

– Vâng, cụ đến và vì cụ, Mai đã hy sinh ái tình, hạnh phúc, lạc thú của gia đình. Khốn nạn! Bụng mang dạ chửa, em thời đau ốm, bơ vơ trên đường đời, không chỗ nương nhờ, không nơi trú ẩn.

Bạch Hải ngừng lại vì thấy Lộc hai tay ôm đầu ngồi khóc như một đứa trẻ con.

– Xin lỗi ông, tôi làm phiền lòng ông...

Lộc ngửng đầu cặp mắt đỏ ngầu, cất tiếng nói như thét:

– Tôi là một thằng khốn nạn!

– Thế ra ông không biết gì hết ư?

– Nào tôi có biết gì đâu?

– Tội nghiệp! Cô Mai ngờ ông bàn mưu với cụ Án để đuổi cô đi.

Lộc hoảng hốt kêu rú:

– Thôi, khổ tôi rồi! Cái giấy bạc hai chục... Tôi ngờ oan cho người ta... Trời ơi, giờ tôi mới nghĩ ra... Chính mẹ tôi gửi đến...

Bạch Hải không hiểu, bỡ ngỡ hỏi:

– Cái giấy bạc hai chục nào? .... Tờ giấy bạc này chăng?

– Không! Không phải thế! Nhưng câu chuyện rồi ra sao, xin ông làm phúc kể nốt cho tôi nghe nhờ.

– Lúc quẫn bách may cho Mai gặp được hai người cứu giúp, một người...

Lộc lắng hết tinh thần để biết tên hai người sung sướng ấy, Bạch

Hải nói luôn:

– Là bà bán hàng quà ở trường Bưởi, và người nữa... một cô gái giang hồ.

Lộc nhắc lại:

– Gái giang hồ?

Bạch Hải mỉm cười:

– Vâng, gái giang hồ. Chính cô gái giang hồ ấy đã thân đi mời tình nhân làm thầy thuốc đến chữa cho cậu Huy và mấy tháng sau đã trông nom săn sóc cho Mai mẹ tròn con vuông. Lại chính vì món tiền thuốc nên Mai đã chịu đến làm kiểu mẫu cho tôi để kiếm tiền trả nợ. Kể tới đoạn này cho tôi nghe, cô Mai cảm động lắm, và cũng vì thế mà tôi được cái hân hạnh cô đến làm kiểu mẫu thêm cho mười hôm nữa.

Cô ứa nước mắt bảo tôi:

"– Chỉ vì hai chục bạc mà tôi đến nỗi này. Hai chục ấy thế nào cũng phải hoàn lại. Đó là món nợ thứ nhất trong đời tôi.

Thực bấy giờ tôi cũng không hiểu cô nợ ai, chỉ biết cô lại đến làm kiểu mẫu cho tôi mười buổi nữa. Rồi hôm thứ mười, khi đã nhận tiền công, cô nhờ tôi đem số tiền hai chục bạc này lại nộp ông, nói là hãy xin trả ông cái món nợ thứ nhất.

Xin ông tha thứ cho tôi, số tiền ấy tôi không mang ngay lại đằng ông, là vì sợ nhỡ ông hỏi chuyện, tôi lại buột miệng nói ra, mà cô Mai thì bắt tôi phải giữ kín, không được để ông biết, chỉ có một việc là đưa lại nộp ông số tiền mà thôi.

Vả còn điều này tôi xin thú thực, ngày ấy tuy bị cô Mai cự tuyệt như cô đã cự tuyệt ông đốc Minh, tôi vẫn hy vọng rằng một ngày kia tôi sẽ cảm động được lòng cô. Vì thế tôi không muốn gặp ông là người – xin ông tha thứ cho – tôi vừa... ghét, vừa sợ, nhất là sợ... tôi chỉ sợ ông thân lại đón cô Mai... vì tôi biết cô Mai vẫn thương yêu ông lắm.

Bây giờ tôi đã kể đầu đuôi câu chuyện cho ông nghe thì hẳn ông không thể từ chối không nhận món tiền hai chục này được nữa".

Lộc lau nước mắt, cười gượng:

– Vâng, tôi xin vui lòng mà nhận. Tôi sẽ giữ làm kỷ niệm, vì nó sẽ nhắc tôi luôn luôn nhớ đến... những sự đau đớn lặng lẽ của loài

người. Sau hết, tôi xin hỏi ông một điều nữa: Bây giờ Mai ở đâu?

Bạch Hải đáp:

– Tôi chỉ biết bây giờ... bà ấy ở với em làm giáo học, nhưng không rõ ở đâu.

Lộc ngả đầu chào, cáo biệt, rồi giơ tay bắt tay Bạch Hải và cảm ơn đi cảm ơn lại. Chàng có vẻ vội vàng, ra cổng gọi xe bảo kéo mau tới nha Học chánh.

Mãi lúc xe đỗ, Lộc mới sực nhớ hôm đó chủ nhật, các công sở đều nghỉ việc. Vả lúc bấy giờ đã gần bảy giờ chiều thì dẫu là ngày thường cũng chẳng nơi công sở nào còn mở cửa. Lúc quá hấp tấp, nóng nẩy, chàng quên bẵng rằng đó là ngày chủ nhật mình mới về chơi được Hà Nội.

Lộc xuống xe, đứng thừ người, buồn rầu nhìn qua hai cánh cổng thưa then khép chặt, dưới những cành cây leo hoa tím. Rồi chàng lại bước lên xe bảo kéo. Anh xe cắm đầu chạy, chẳng biết khách đi đâu, mà Lộc cũng chẳng biết mình định đi đâu.

Chiều hôm ấy, Lộc không ăn cơm. Lần mò đi tìm các chỗ quen biết để hỏi tin tức của Huy. Mãi chín giờ tối mới có người bạn mách nhà và viết thư giới thiệu một người làm thư ký ở nha Học chánh.

Hỏi được chỗ ở của Huy, Lộc như cất hẳn gánh nặng bên lòng. Chàng thấy đỡ khổ, lương tâm đỡ làm bứt rứt, rồi sự sung sướng lại man mác trong lòng. Có lẽ vì chàng đã biết rằng người xưa không đến nỗi bị lầm than, đầy đọa như chàng vẫn tưởng. Hay vì tưởng niệm nhắc tâm trí chàng ôn tới quãng đời âu yếm, dịu dàng khi xưa, chàng lại hy vọng đến một tương lai tốt đẹp?

Bấy giờ Lộc mới thấy đói, về khách sạn uống cốc sữa, ăn cái bánh. Rồi chàng lên buồng ngủ gọi bồi lấy giấy bút, mực viết thư... Song cảm động quá, chàng viết chẳng ra văn. Viết xong lại xé, đến ba bốn lượt.

Khi đã xé hết mấy tờ giấy, Lộc ngồi hút thuốc lá, nhìn khói, nghĩ vơ vẩn... Đêm khuya yên lặng, chuông đồng hồ nhà thờ lớn nghe rõ mồn một. Lẩn mẩn, Lộc đếm đủ mười hai tiếng dè dè như ướt đầy nước mắt. Lộc vặn tắt đèn lên giường nằm.

HAI QUAN NIỆM

Sáng hôm sau, khi về tới huyện, Lộc đi thẳng vào nhà trong, tuy ở công đường các thầy thơ lại đã đương lúi húi làm việc, và dân đã đứng đợi đông nghịt ở ngoài hiên.

Nét mặt bơ phờ, chàng vào buồng nằm nghỉ, vì đêm hôm trước, chàng thức suốt sáng không chợp mắt.

Thấy chồng kêu ốm, vợ buồn rầu theo vào buồng, hỏi thăm. Lộc biết vợ có tính hay lo sợ, nên cười gượng nói:

– Không, tôi không sao đâu, chỉ nhức đầu qua loa thôi, thế nào lát nữa cũng khỏi.

Vợ vẫn không được yên lòng nói đi mời thầy lang thì chàng gạt:

– Ấy để vậy thì tôi khỏi, chứ mợ đi rước thầy lang về thì bệnh lên rầm rầm ngay bây giờ.

Câu nói đùa khiến người vợ cười khanh khách rồi vui vẻ hỏi:

– Cậu đi Hà Nội sao không mua lấy vài cân lê để mẹ xơi.

– Ấy, tôi quên đấy, mợ ạ.

Hai người lặng yên, hai tâm hồn cùng đương rung động bởi những ý nghĩ ngấm ngầm.

Lộc lấy làm lạ rằng vợ bỗng lại có cái tính ôn tồn đáng quý như mấy năm mới cưới. Phải, ba năm đầu, ái tình chân thật lặng lẽ của người vợ trẻ đã đem đến trong gia đình chàng nền hạnh phúc êm đềm đầm ấm. Bà Án luôn mồm khen ngợi và kể lể với con những đức tốt của nàng dâu. Muốn đẹp lòng mẹ, Lộc làm ra bộ sung sướng. Nhưng kỳ thực, tính nết chàng đã đổi hẳn, lạnh lùng buồn tẻ, chứ không vui cười nhanh nhẹn như xưa.

Trong khi ấy, vợ chàng vẫn hết sức chiều chuộng để cố độc chiếm ái tình mà kẻ khác đã cướp mất, hay đương cùng mình ngấm ngầm san sẻ. Đoạn tình sử của Lộc, nàng đã rõ từ ngày chưa cùng chàng nên chồng vợ. Những hôm nàng thấy chồng ít nói, ít cười, lúc nào cũng có dáng tư lự là những hôm đó nàng mất ăn, mất ngủ, nhưng lại là những hôm nàng trở nên một người đàn bà hoàn toàn âu yếm, vui vẻ, đảm đang.

Biết Lộc kính yêu mẹ, nàng để hết tâm trí vào sự phụng

dưỡng mẹ chồng, nhẹ nhàng từ lời nói cho chí dáng điệu, nhẫn nại đến nỗi đôi khi bà Án quá nóng nẩy mắng nhiếc oan, nàng cũng chỉ ngọt ngào xin lỗi.

Lộc thấy vậy, càng ngày càng thêm vị nể vợ. Có khi chàng đương buồn bực về một việc gì, thoáng thấy vợ, chàng phải cố làm ra mặt vui tươi để vợ khỏi khổ sở, khỏi ngờ vực rằng mình tưởng đến Mai.

Nhưng mọi sự đều có giới hạn. Nhất là sự miễn cưỡng tự ép mình làm việc gì để tới một mục đích khó khăn. Sau ba năm, chịu biết bao sự nhẫn nhục, lại đau đớn vì cái chết của hai đứa con, vợ Lộc hình như đổi hẳn tính nết. Mềm mại dịu dàng, nàng trở nên cau có, gắt gỏng; vâng lời, kính cẩn, nàng đổi ra hỗn xược, vô lễ... như thế trong gần một năm nay rồi. Lộc cũng hơi lấy làm khó chịu, nhưng chàng chỉ khuyên can, an ủi, chứ không hề mắng, trách, giận dữ bao giờ.

Nay bỗng thấy vợ lại trở lại có tính nết, ngôn ngữ, cử chỉ ngày xưa thì chàng khỏi sao không cảm động!

– Cậu ạ, mẹ đi lễ đền Vân đấy.

Sau một tiếng thở dài, chàng trả lời vắn tắt:

– Thế à?

Ngẫm nghĩ một lát, nàng lại nói:

– Đền Vân có tiếng anh linh lắm, cậu ạ.

– Thế à?

– Tôi xin theo hầu mẹ, nhưng mẹ không cho đi.

– Đi làm quái gì!

Câu trả lời cộc cằn của chồng khiến vợ lấy làm lạ. Nàng gợi đến chuyện bà Án cũng chỉ vì khác hẳn mọi lần, lúc chồng mới về, nàng không thấy chàng hỏi tới mẹ, người mẹ mà chàng kính yêu, người mẹ đã có đủ oai quyền bắt con phải cùng nàng kết hôn. Thế mà nay đi chơi về chàng không hề hỏi qua một câu, không biết rằng mẹ vắng nhà nữa. Chắc đã xảy ra sự gì đây!

Người đàn bà, nhất là người yêu bao giờ cũng là một nhà tâm lý học trông rõ lòng người, như là trông vào trang giấy có chữ.

– Cậu ơi, cậu lo nghĩ điều gì thế?

Lộc nhìn vợ đáp:

– Không, có điều gì đâu?

Muốn tránh sự ngờ vực của vợ, Lộc đứng dậy mặc quần áo ra công đường.

Ngồi bàn giấy, Lộc chống tay nghĩ ngợi. Dân cầm đơn vào kêu, chàng vẫy tay trỏ sang buồng thầy lục sự. Rồi chàng lấy giấy viết cho Huy bức thư, bức thư bị Mai xé vụn...

Hôm ấy mãi quá mười hai giờ, cả nhà mới ăn cơm sáng, vì còn chờ bà Án đi lễ về. Nhưng Lộc ăn trước để còn đi nghỉ trưa. Đó là một sự ít khi xảy ra: Mọi lần dẫu trễ đến đâu, Lộc cũng chờ mẹ về, mới ăn cơm.

Lộc cố ý tránh mặt mẹ, hình như không muốn cùng mẹ nói tới câu chuyện đau đớn, có thể làm giảm lòng kính yêu của chàng đối với mẹ, và làm hư tổn lòng tự ái của mẹ đối với mình.

Nằm trong buồng, vờ ngủ nghe tiếng cười, câu nói của mẹ, chàng tưởng tượng có giấu bao sự lừa dối ở trong. Chàng kinh hoảng lấy tay bịt tai lại. Lúc buông tay ra tiếng nói nhu mì, êm ái của vợ như an ủi lòng chàng được đôi chút. Nàng nói với mẹ chồng:

– Bẩm mẹ, nhà con chỉ cảm xoàng đấy thôi, không can gì.

Bà Án đáp:

– Cũng nên cẩn thận, quẻ thẻ tôi xin cho cậu ấy không được tốt. Cung gia trạch và cung tật bệnh không được yên.

Cơm nước xong, mọi người đều đi nghỉ. Cái huyện nhỏ ở giữa làng bị vùi vào trong bầu không khí yên lặng, lạnh lùng. Thỉnh thoảng chiếc xe lượn qua cổng, tiếng cút kít, một dịp kéo dài, rồi xa xa như biến vào quãng sương mù, càng làm tăng vẻ tịch mịch của nơi thôn dã.

Có ai rón rén vào phòng, Lộc vờ nhắm mắt ngủ say.

Một bàn tay mát, đặt lên trán chàng, rồi tiếng giày lại se sẽ rón rén từ trong phòng bước ra ngoài. Lộc chẳng cần trông thấy cũng biết đó là vợ vào thăm bệnh cho mình.

Lộc lấy làm khó nghĩ... Một người vợ vừa hiền hậu, vừa khôn khéo, chàng không thể không trọng được. Đã bao lần bà Án khuyên chàng lấy vợ lẽ, nhưng chàng chỉ có một lời từ chối: "Bẩm thời này, lấy vợ lẽ người ta cười cho".

Lộc nói thế, nhưng chính Lộc không nghĩ thế. Lộc chỉ thương hại, vì nể người vợ đã thành thực yêu mến chàng. Ái tình ấy,

chàng không còn thể đáp lại bằng một ái tình nồng nàn buổi đầu xuân. Nay ái tình của chàng chỉ có thể đầm ấm mà thôi, chàng nỡ nào còn đem san sẻ với một người vợ lẽ.

Nhiều khi khuyên bảo con không được bà Án nói sẵng:

– Hay tôi gọi con Mai về cho anh nhé?

Lộc chỉ đỏ bừng mặt mà không đáp, khiến bà Án tưởng con còn lưu luyến Mai lắm.

Thực ra Lộc cho Mai là một người bỏ đi, nhất từ hôm chàng gặp nàng ở cổng nhà họa sĩ Bạch Hải. Song chàng cũng tự an ủi rằng cuộc đời đày đọa ấy chính nàng đã chuốc lấy, nào chàng có chút trách nhiệm gì...

– Trời ơi!

Tiếng kêu rú lên của Lộc khiến vợ ở phòng ngoài chạy vội vào. Nhưng thấy chồng vẫn nằm yên, nàng cho là chồng nói mê, nên lại bước ra ngay.

Lộc kêu lên như thế, là vì lúc đó trí chàng ôn lại quãng đời đã qua: Mai rời bỏ nhà chàng trốn đi. Lương tâm chàng cắn rứt. Chàng hối hận lấy làm thẹn, lấy làm buồn về những cử chỉ tàn ác của mẹ... Một người "bụng mang dạ chửa". Mấy lời của họa sĩ Bạch Hải còn văng vẳng bên tai chàng... Lộc mỉm cười nghĩ thầm:

"Cũng còn may cho ta, cho mẹ ta là Mai chống lại được sự cám dỗ, mà Mai chịu nổi sức đè nén của sự nghèo hèn, đói rét... Nếu không thì cái trách nhiệm nặng nề... nay ai mang cho?".

Nhưng biết rằng Mai vẫn giữ được tiết sạch giá trong giữa lúc lầm than đói khát cũng chẳng hay gì cho Lộc. Lòng chàng chỉ thêm phiền mà thôi. Bỗng dưng lại yêu mến một người cũ mà mình không thể yêu đường hoàng được nữa thì phỏng có ích gì?

"Thà rằng nó bậy bạ, khốn nạn, đê hèn!".

Tính ích kỷ tự nhiên của loài người đã dấn vào tâm trí chàng giữa lúc phân vân, những ý nghĩ vô lý ấy.

Phải! Thà rằng có một quãng chông gai ngáng hẳn con đường ân ái của hai người! Chứ quay về đường cũ thì khó khăn lắm, thì không thể được nữa. Vì vợ chàng kia, một người đàn bà đã phó thác tính mệnh và linh hồn trong tay chàng.

"Thà rằng nó bậy bạ, khốn nạn, đê hèn".

Vợ chàng không có chỗ nào khiến chàng có thể ghét được. Tuy một đôi khi nàng cãi lại với mẹ chàng, song cũng nên nhận xét rằng có một gia đình nào con dâu không bao giờ vô phép với mẹ chồng? Chàng thở dài lẩm bẩm:

"Với lại cũng tại mẹ ta nữa kia".

Từ khi cưới đến nay, lần này là lần thứ nhất, Lộc nghĩ tới lỗi của mẹ đối với vợ. Chàng tưởng tượng mẹ chàng là một người đàn bà cay nghiệt, cứng cỏi trong khuôn phép lễ nghi, không bao giờ cảm động khi đứng trước những sự đáng thương tâm nhưng ở ngoài vòng luân lý cổ.

"Cái đó chỉ vì giáo dục, vì tập quán, chứ nào phải lỗi ở mẹ ta!".

Không gì đáng cảm động, đáng đau lòng cho ta bằng khi ta tìm hết các lẽ để tự làm thầy cãi cho người mà ta phải kính mến. Một đằng thì lương tâm nó dõng dạc buộc tội, nào nó có xét tới tình mẫu tử? Một đằng thì lời người con run lẩy bẩy cố tìm những án kiện có thể làm nhẹ bớt tội lỗi của mẹ. Lộc thở dài:

"Phải, bao sự lầm lỡ của mẹ ta nguyên do chỉ ở chỗ quá suy tôn cổ tục, quá thiên trọng tập quán. Mẹ ta đuổi Mai cũng chỉ vì thế, chứ khi nào mẹ ta lại tàn ác được đến thế?".

Một hồi trống hầu! Lộc như ở cõi mộng quay về nơi hiện tại. Trở dậy rửa mặt, mặc áo, chàng ra công đường: Chàng muốn làm việc, làm việc thực nhiều, để bắt tâm trí phải luôn luôn nghĩ tới việc công, mà rời bỏ việc tư ra.

Tan hầu đã lâu, nha lại đã ra về cả. Lộc vẫn còn lúi húi ngồi ở bàn giấy. Chàng lẩn mẩn giở các hồ sơ ra xem lại một lượt, tuy việc chẳng có chi quan hệ.

– Ông huyện!

Nghe tiếng gọi, chàng giật mình quay lại. Bà Án đứng ngay bên cạnh:

– Bẩm mẹ... bảo con điều gì?

Bà Án thở dài, nói:

– Tôi buồn lắm, cậu ạ... Hôm nay tôi đi lễ xin cho cậu phải quẻ thẻ xấu quá.

Lộc đáp:

– Bẩm mẹ, đã chắc đâu là đúng.

– Đền Vân thiêng lắm kia cậu ạ. Thẻ xin ở đấy bao giờ cũng nghiệm. Cứ quẻ thẻ này thì mẹ lo cho đường tử tức của con lắm.

Lộc đương giận mẹ, thế mà nghe giọng mẹ run run cũng phải đem lòng thương. Chàng toan tìm lời an ủi, thì bà Án lại nói luôn:

– Mẹ đi xem bói, thầy bói cũng bảo vì có kẻ thù oán, nên cậu khó lòng mà có con được.

Lộc mỉm cười:

– Con chả có ai thù oán hết.

Bà Án đăm đăm nhìn con, khẽ nói:

– Thế mẹ con con Mai?

Lộc đứng lặng hồi lâu không đáp, như bị nghẹn lời. Chàng đã cố tránh không nói đến chuyện Mai với mẹ, ai ngờ lại chính mẹ gợi ra, khiến chàng ngây ngất cả người. Lạnh lùng chàng đáp:

– Đối với người ta, con chả làm gì nên tội mà người ta thù oán con.

Mẹ nhìn con có vẻ nghĩ ngợi, lo sợ. Con nhìn mẹ ra chiều ân hận về lời nói trách móc của mình. Bỗng Lộc ngồi phịch xuống ghế, bưng mặt khóc. Bà Án cũng kéo chiếc ghế ngồi bên cạnh con, rồi hỏi:

– Con có điều gì, cứ nói cho mẹ biết, can chi mà phiền muộn, sinh ốm người.

Lộc lau nước mắt, rồi như ông quan tòa, cất giọng nghiêm nghị hỏi mẹ:

– Thưa mẹ, nếu mẹ con người ta chết thì mẹ có hối hận gì không?

Bà Án nhìn con, cặp mắt dăn deo sáng quắc. Bà thừa biết rằng con đã rõ hết đầu đuôi câu chuyện ngày xưa. Bà lại cũng biết rằng mẹ con Mai còn sống. Bà bảo Lộc:

– Chắc con oán mẹ lắm?

Không trả lời mẹ, Lộc lạnh lùng nói:

– Ở vào địa vị Mai khi bị mẹ đuổi ra khỏi nhà con, một người không có nghị lực, không thực có ái tình đối với người yêu chắc đã bị sa xuống nơi vực sâu hang thẳm rồi...

– Thì cậu biết đâu rằng nó giữ được một lòng, một dạ với cậu?

– Bẩm con biết. Con biết nhiều hơn nữa. Con biết rằng nhiều người giàu sang gấp mấy con muốn lấy người ta làm vợ, mà người ta chỉ có một lời từ chối, và cam chịu ở cảnh nghèo nàn đói rét. Trong khi ấy thì con vui thú cảnh gia đình đầm ấm với vợ mới... mẹ cưới cho...

Lộc cảm động quá phải ngừng lời. Bà Án lãnh đạm nhìn con không nói.

– Con còn biết nhiều điều nữa. Chẳng hạn con biết rằng bây giờ người ta ở cùng với em, cùng con người ta, tiết vẫn sạch, giá vẫn trong, và không hề oán trách mẹ con ta đã làm cho người ta...

Bà Án không chờ con nói hết câu, vội hỏi:

– Bây giờ nó ở đâu? Nó sinh được một thằng con trai, phải không?

– Vâng, chính thế.

– Nhưng bây giờ nó ở đâu?

– Mẹ hỏi làm gì? Con vừa viết thư xin lỗi người ta, nhưng vị tất người ta thèm phúc đáp...

– Nhưng khổ lắm, tao hỏi mày bây giờ nó ở đâu?

– Bẩm mẹ, người ta ở Phú Thọ với cậu Huy, với ông Huy làm giáo học ở đấy.

– Được! Rồi tao lên Phú Thọ.

Lộc vội gạt:

– Chết! Sao mẹ lại lên đấy? Mẹ lên làm gì?

– Lên bắt con mày về!

Lộc cười nhạt:

– Ai người ta để cho mẹ bắt về!

– Con mày sao tao lại không bắt được?

– Nhưng con lấy người ta đã khai giá thú đâu, khi người ta sinh nở, con có nhận con con đâu?

– Được, tao sẽ có cách.

Dứt lời, bà Án lững thững xuống nhà.

CHÁU ÁI

Ái chơi ôtô ở chung quanh nhà. Trí tưởng tượng trẻ con rất dễ dàng mà rất có tài khiến một vật hay một việc trở nên sự thực như ý muốn. Ái chỉ một mình lượn vòng tròn trong miếng đất, mà mắt nó trông thấy biết bao thứ vô thanh. Mồm nó kêu luôn: "Bí bo! Bí bo!" là một cái kèn ô tô rất tốt, hai tay nó khuỳnh ra làm như hệt người tài xế lái ôtô chân nó giậm xuống đất bành bạch để bắt chước tiếng bánh xe lăn trên đường đá. Thỉnh thoảng nó dừng lại quay ra hỏi một cái thân cây bên hàng giậu:

– Có lên xe không?

Nó lại trả lời ngay một câu hỏi tưởng tượng:

– Đây đi Phủ Đoan sáu hào... Không được! Giá nhất định sáu hào, không bớt một xu, không đi thì thôi.

Rồi nó lại cắm đầu chạy.

– Bác tài ơi, cho tôi lên với.

Ái đứng lại quay cổ nhìn sang hai bên, hỏi:

– Ai gọi xe đấy?

Có tiếng trả lời ở cổng:

– Tôi!

– Mấy người?

Sau một dịp cười, bà Án – vì người ấy chính là bà Án, – đáp:

– Có hai người thôi.

– Vào mà đi!

– Nhưng cửa đóng khóa vào sao được?

– Vậy đứng đợi một tý để em gọi ông Hạnh cho nhé.

Ái lại mồm kêu bí bo chân giẫm bành bạch lượn về lối sau. Một lát nó cùng ông Hạnh đi ra. Ông lão bộc nhác trông thấy bà khách có một người đàn ông vận áo lương theo hầu, thì đoán chắc là quý khách, liền cung kính chắp tay chào:

– Lạy bà ạ. Thưa bà hỏi gì ạ?

– Không dám. Ông giáo có nhà không, ông?

– Thưa bà, cậu giáo tôi đi dạy học. Cũng sắp về đấy. Vì tàu đã

ngược thì cũng đến quá mười rưỡi rồi.

Lúc bấy giờ chiếc ôtô hàng chạy qua cổng. Ông Hạnh liền trỏ bảo bà Án:

– Đây, xe Tuyên đấy! Gần mười một giờ.

Rồi ông ta vừa mở khóa vừa nói:

– Thưa bà vì cả nhà đi vắng, tôi lại bận dọn cơm ở dưới bếp, nên phải đóng khóa cổng, sợ em Ái ra đường.

Bà Án có vẻ thất vọng, ngơ ngác hỏi người lão bộc:

– Vậy cô... vậy bà chị... ông giáo cũng đi vắng à?

– Thưa bà, cô Mai?

Bà Án chưa kịp trả lời, ông Hạnh đã tỏ ý buồn rầu và nói luôn:

– Thưa bà, kể thì là bà Tham cơ đấy, nhưng cô tôi không cho gọi là bà Tham, bắt cứ phải đọc tên tục ra như thế.

Bà Án làm bộ không hiểu:

– Thế à? Vậy cô... vậy bà ấy đi vắng ư?

– Nhưng mời bà cứ vào chơi. Ý chừng bà muốn mua sơn hẳn thôi. Cô tôi cũng sắp về.

Ông Hạnh để khách và anh người nhà vào sân rồi lại toan khóa cổng, thì bà Án vội gạt đi:

– Thôi được, ông để tôi coi cháu cho, chả cần phải đóng cổng.

– Thưa bà chả dám... Nhưng mời bà vào chơi trong nhà. Thưa bà, bà hỏi cậu giáo tôi có việc gì thế? Hay bà đến mua sơn?

Bà Án đương ngẫm nghĩ tìm câu trả lời, thì Ái lượn ở phía sau ra, vẫn còi mồm "Bí bo! Bí bo"! Thấy bà Án đứng cười, nó vội kêu:

– Kìa! Xe ôtô bóp còi mà không tránh!

Bà Án cúi xuống toan bế Ái lên, nhưng Ái giựt mạnh tay ra:

– Ô kìa! Sao lại ôm ôtô?

Bà Án cười:

– Ôtô ngoan quá, tôi hôn cái nào!

Ái vỗ tay cười hét lên:

– Ôtô lại ôtô ngoan! Mà ai lại hôn ôtô bao giờ?

Dứt lời, nó chạy lượn về sân sau. Bà Án quay ra vờ hỏi người lão bộc:

– Con ông giáo đấy à?

– Thưa không, cháu Ái là con...

Ông ta như nghẹn lời không nói được dứt câu.

Bà Án tiếp luôn:

– Con bà Tham, phải không?

– Vâng con bà Tham.

– Nó ngoan lắm nhỉ. Cháu lên mấy thế ông?

– Thưa bà, cháu lên sáu.

Bà Án đứng ngẩn người ra, nghĩ ngợi. Bà hồi tưởng lại năm năm trước, hôm bà đến nhà con... Bà chỉ còn nhớ mang máng diện mạo, cử chỉ, ngôn ngữ của Mai mà thôi. Nhưng bà biết rằng Mai đẹp lắm, đẹp dịu dàng phúc hậu. Bà lẩm bẩm nói một mình:

– Giống quá, khuôn mặt giống như đúc!

Ông lão Hạnh hỏi:

– Thưa bà, bà biết cô tôi?

Bà Án giật mình, quay lại trả lời mấy câu ấp úng. Song cũng như lần trước, tiếng còi ôtô của Ái đến giúp bà ra khỏi sự khó khăn. Ông lão Hạnh thấy Ái có dáng mệt, vừa chạy vừa thở thì giữ lại:

– Thôi, không được chạy nữa. Nghỉ còn ăn cơm chứ.

– Ông Hạnh để Ái chạy nốt cho đến Tuyên Quang đã chứ.

Bà Án cười, cũng cúi xuống giữ Ái lại:

– Thôi, đến Tuyên Quang rồi, cho ôtô nghỉ thôi, chẳng nó mệt.

Ái phụng phịu không bằng lòng. Ông Hạnh ghé tai nói thầm:

– Ái đưa bà vào chơi nhà trong đi... Chóng ngoan, không có chốc cậu về, tôi mách cho đấy.

Nghe nói mách cậu, Ái sợ hãi nhớn nhác nhìn ra cổng. Rồi hình như nhớ tới giờ cậu sắp về, nó ngoan ngoãn dắt bà khách lên thềm vào nhà. Bà Án đăm đăm nhìn Ái nghĩ thầm: "Trời ơi! cặp mắt nhanh nhẹn với cái trán cao rộng, sao mà nó giống cậu nó thế! Lại cái mồm nữa".

Lúc bấy giờ bà Án tìm ra nhiều cái giống lắm. Nói cho đúng. Ái cũng có giống Lộc thật. Song cái ý tưởng dự định trong tâm trí ngay

từ lúc ở huyện Thạch Hà bước ra đi khiến bà trông Ái càng hệt con bà. Thốt nhiên bà hỏi:

– Mợ cháu đi chơi đâu?

Ái cười như chế nhạo bà khách:

– Không có mợ... chỉ có cậu thôi... với lại có me thôi.

– Ừ thế me Ái đâu?

– Me Ái đi chợ.

Bà Án trông thằng bé con xinh xắn đáng yêu quá ôm ghì vào lòng hôn lấy hôn để. Ái đẩy ra không được kêu to:

– Ông Hạnh ơi!

– Cái gì thế? Cái gì mà hét ầm lên thế?

Nghe tiếng cậu hỏi. – Vì Huy vừa về – Ái lấy tay chùi má, vừa mếu vừa nói:

– Cậu ơi, cậu! Cái bà này bà ấy làm đau Ái đấy.

Bà Án thấy Huy, đứng dậy gật đầu chào. Huy chắp tay đáp lễ, rồi hỏi:

– Thưa cụ, cụ tha thứ cho, chúng tôi không được hân hạnh nhớ cụ. Xin cụ chỉ giáo cho chúng tôi được biết.

Bà Án trù trừ rồi hỏi lại:

– Ông có nhận được bức thư của cậu... huyện Lộc nó không?

– Thưa cụ, có.

– Vậy... tôi là... mẹ... cậu huyện Lộc...

– Thưa cụ, chúng tôi vô tình không biết, xin cụ đại xá cho. Thì ra, thưa cụ, cụ là bà Án, thân mẫu anh... thân mẫu quan huyện tôi đó... Rước cụ ngồi chơi.

Rồi Huy quay lại bảo Ái:

– Em xuống bảo ông Hạnh đun cho cậu ấm nước nhé.

Ái vâng lời, ngoan ngoãn xuống nhà. Bà Án ngồi ngẫm nghĩ, muốn hỏi chuyện Mai, nhưng chẳng biết xưng hô thế nào. Gọi là bà tham hay bà huyện thì ngượng mồm, và sợ Huy cười, mà gọi là cô thì cũng bất tiện. Chẳng có chuyện gì nói, Huy vịn ghế im lặng đứng nhìn. Bỗng bà Án tìm được một cách xưng hô mà bà cho là rất ổn liền cất tiếng hỏi:

– Thưa ông, lệnh tỉ đi chơi vắng?

– Thưa cụ, chị cháu cũng sắp về. Chị cháu sang bên làng Cao Du mua mấy lường sơn.

– Buôn sơn kia đấy à?

Huy mỉm cười:

– Thưa cụ, làm giáo học lương bổng ít ỏi lắm, chị cháu phải buôn bán cho được dư dật đồng tiền. Vả như thế cũng có việc đỡ buồn.

– Cũng phải. Tôi nghe buôn sơn lãi lắm thì phải.

– Thưa cụ, thỉnh thoảng mới được một năm lãi, còn thì cũng làng nhàng thôi.

Huy lại nói luôn:

– Thưa cụ, chả mấy khi cụ quá bộ lên chơi, xin mời cụ xơi cơm với chị em cháu một bữa cơm xoàng.

– Cám ơn ông, nhưng tôi đã ăn ở trên xe lửa rồi.

– Thưa cụ, nhưng chắc ăn cơm sớm thì bây giờ cũng đói rồi.

– Quả thực, tôi no lắm.

Bà Án làm ra thân mật, nói tiếp:

– Chỗ ông với anh Lộc thì ông cho ăn, can chi mà phải từ chối... Nếu đói thì tôi ăn ngay chứ.

Huy nghe bà Án gợi đến chuyện cũ, tình xưa, biết chắc rằng bà lên Phú Thọ có mục đích ích lợi. Nghĩ tới chị, nghĩ tới quãng đời đày đọa, khổ sở, Huy căm tức, muốn nói mấy câu cho hả dạ, song đối với một bà khách đến chơi nhà, chàng cho rằng xử như thế là bất lịch sự. Vả dẫu sao chị em chàng cũng vẫn là người đã chịu ơn Lộc, điều ấy không bao giờ chàng quên.

Hai người ngồi đối diện nhau, đăm đăm nghĩ ngợi như đương tìm một câu chuyện thù ứng thì Ái rón rén đến sau lưng cậu kéo áo nói:

– C–â–u nặng ơ–i... c–h–a–u–sắc đ–o–i sắc r–ô–i huyền.

Câu nói đánh vần mà Ái cho là một câu nói lóng, khiến khách và chủ phải bật cười. Bà Án hỏi Huy:

– Cháu đã đi học?

– Thưa cụ, vâng cháu đã học hết vần quốc ngữ.

– Cháu ngoan lắm... Ái đến đây với tôi nào.

Nhưng Ái nhớ tới cử chỉ ban nãy của bà khách nên không dám lại gần, lo lắng đứng nấp ở sau lưng cậu.

– Kìa, bà gọi, Ái?

Bà Án nghe Huy kêu mình là "bà" thì hiểu theo nghĩa bà với cháu. Bà sung sướng quá, hây hây đỏ hai má răn, híp cặp mắt nheo, cười ứa lệ. Huy thấy cháu rất ngần ngừ không dám đến, liền dắt tay đưa lại bên bà Án.

Ái sợ cậu phải đứng im, nhưng trong lòng áy náy không yên. Bà Án xoa đầu hỏi:

– Ái có yêu me không?

– Có.

– Ái có yêu cậu không?

Ái ngước mắt nhìn Huy, mỉm cười đáp:

– Có.

– Thế có yêu tôi không?

Ái không trả lời. Bà Án lại hỏi:

– Ái không yêu tôi à?

Ái lắc đầu. Huy ngượng, nhưng lấy làm sung sướng rằng cháu đã trả thù được cho chị. Chàng vờ mắng:

– Hỗn nhé!

Ái phụng phịu, nước mắt chạy quanh. Bỗng nó giựt tay bà Án, chạy vội ra và vui vẻ reo mừng:

– A, me đã về!

Nghe tiếng thằng bé, bà Án bối rối, lo sợ, nghĩ tới khoa ngôn luận, tài ngoại giao sắp phải cùng Mai thi thố.

Nhìn Mai, tay dắt con, ở ngoài ung dung đi vào, bà luống cuống trong vài giây, ngập ngừng chưa biết bắt đầu câu chuyện ra sao. Bỗng nhờ có thói quen về sự thù tiếp, bà cất tiếng hỏi một cách rất tự nhiên:

– Kìa, chào mợ! Mợ đi chơi về?

Mai chắp tay đáp lễ, rồi ngây người đứng im. Bà Án cười, vui vẻ hỏi:

– Mợ quên tôi rồi?

Mai cũng cười, cười chua chát, trả lời:

– Bẩm cụ, bao giờ con quên được cụ... Con chỉ hơi lấy làm lạ một tý thôi...

Bà Án hiểu rằng bên địch đã khai thế công mà mình thì chưa sẵn sàng để tiếp ứng, liền dùng kế hoãn binh:

– Nhưng đi ăn cơm đã chứ? Có phải không Ái? Vì Ái đ...o...i sắc rồi kia mà.

Ái quả thực đói lắm, nghe bà khách nói trúng ý nghĩ của mình thì mỉm cười, ngước nhìn, tỏ cảm ơn. Còn Mai thì nàng đưa mắt hỏi ý kiến em xem có nên mời khách ăn cơm không. Bà Án như hiểu cách bàn định lặng lẽ của hai người giục luôn:

– Mợ với ông giáo xơi cơm cho cháu ăn xong bữa đi! Tôi ăn cơm ở trên xe hỏa rồi.

Mai nói:

– Chả mấy khi cụ lên chơi, thể nào cũng xin cụ chiếu cố xơi với chị em cháu một bữa cơm xoàng.

– Tôi cảm ơn mợ. Nhưng quả thực tôi no lắm. Tôi không làm khách đâu.

Huy bảo chị:

– Ấy em đã hết sức mời cụ nhưng cụ một mực từ chối.

Mai mỉm cười:

– Hay cụ chê nhà chúng cháu nghèo, cụ khinh chúng cháu là con nhà hạ tiện.

Lần thứ hai, Mai khiêu chiến, lần thứ hai, bà Án tạm lui:

– Thôi, chỗ quen biết chẳng nên khách sáo. Đi ăn cơm rồi ra đây tôi nói câu chuyện.

Mai kính cẩn chắp tay chào:

– Vâng, vậy mời cụ ngồi chơi, chúng cháu xin vô phép cơm cụ.

Mai, Huy cúi đầu chào một lần nữa rồi dắt Ái vào trong nhà. Ái hỏi Mai:

– Me ơi! Sao bà ấy lại gọi me bằng mợ?

Câu hỏi bất thình lình của thằng bé khiến Mai buồn rầu. Còn bà Án thoáng nghe thấy cũng lấy làm ngượng ngùng.

Ngồi một mình trong phòng khách, tìm sẵn hết các ý tưởng

để chốc nữa có thể đối phó với Mai, bà nghĩ thầm:

"Ta lên đây, mục đích là để bắt thằng cháu về... Trời ơi! Thằng bé mới kháu khỉnh làm sao!... Nhưng muốn bắt cháu về thì chỉ có hai cách... Phải cần phải khôn khéo lắm mới được!"

– Mời cụ lớn xơi nước ạ!

Bà Án quay lại. Ông lão Hạnh ở sau lưng chắp tay đứng hầu. Bà chắc là Mai đã dặn ông nói như thế. Nhưng Mai cẩn thận dặn người lão bộc như thế là điều hay, hay điều dở. Mai muốn mua chuộc lòng bà hay đó chỉ là một câu giễu cợt? Bà tự hỏi, trong lòng phân vân, nửa mừng nửa lo...

Bỗng một nụ cười nở trên cặp môi khô khan của bà. Bà vừa nhác trông thấy ở trên tường ngay sát chỗ bà ngồi, treo xòe hình quạt, những ảnh của Ái từ năm Ái lên một cho tới năm Ái lên sáu tuổi. Mỗi cái chụp một kiểu, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, cái nào cũng rõ rành phân hắc bạch và tô điểm đẹp thêm ra bởi tay một ông thợ ở nơi tỉnh lỵ nhỏ... Tình yêu lại ngùn ngụt trong lòng bà Án.

– Cụ xem ảnh cháu có giống không?

Bà Án quay lại, Mai đã đứng sau lưng.

– Mợ ăn chóng thế? Thật thà đấy chứ? Hay nhà có khách lại ăn vội, ăn vàng?

Bà Án trỏ ghế bảo Mai:

– Mợ ngồi, tôi nói câu chuyện.

Mai vẫn đứng:

– Được ạ, cụ mặc con.

– Ngồi xuống chứ đứng thế mỏi, vì câu chuyện tôi sắp nói đây hơi dài.

Mai kéo ghế ngồi:

– Bẩm cụ, chuyện gì thế? Cụ làm con lo quá!

Bà Án quay lại, thấy tên người nhà mình đứng hầu, liền vẫy tay khẽ bảo:

– Cho mày xuống nhà.

Tên kia vâng lời đi ngay. Mai yên lặng ngồi chờ. Còn bà Án thì ngẫm nghĩ tìm câu để mở chuyện. Bỗng bà ngửng phắt đầu lên, trên nét mặt tỏ rõ sự quả quyết. Bà thong thả hỏi Mai:

– Mợ có biết tôi lên đây làm gì không?

Mai chưa kịp trả lời thì bà Án lại nói luôn:

– Hôm nay tôi thân hành lên đây là vì bổn phận cũng có, nhưng điều thứ nhất là vì... là vì... thôi có mình mợ với tôi đây, can gì phải úp mở... Tôi lên đây là vì sự hối hận bắt buộc phải xin lỗi mợ.

Mai vội vàng đáp:

– Ấy chết! Cụ dạy quá lời, con đâu dám.

– Không, mợ cứ để tôi nói dứt câu đã. Phải, kể ra tôi già nua tuổi tác thế này mà hạ mình xin lỗi mợ thì cũng có hơi quá thật. Song thiết tưởng, bất cứ bề trên đối với bề dưới, hay bề dưới đối với bề trên, ai ai cũng nhận biết lỗi mình. Tôi, thì tôi biết lỗi ngay, tôi hối hận ngay hôm sau... khi cô... khi mợ... bỏ nhà ra đi.

– Được, cụ lớn cứ gọi con là cô cũng được.

Bà Án bắt đầu kể một chuyện đã xếp sẵn từ trước. Bà nói bà không ngờ đâu lại xảy ra như thế khiến ròng rã sáu năm, ngày đêm đã bị lương tâm cắn rứt. Ngay tối hôm Mai từ biệt con bà một cách kín đáo, lặng lẽ, bà hối hận quá vì thấy Lộc đau đớn, khổ sở, nên bà đã đi tìm Mai khắp các nơi mà không thấy. Bà tưởng thế nào Mai cũng trở về, ngờ đâu Mai lại quyết liệt đến như thế.

Rồi bà khen ngợi Mai, lấy làm khâm phục lòng hy sinh của Mai, lòng nhẫn nại của Mai, lòng trinh tiết cao thượng của Mai: Bao lâu sống trong cảnh lầm than mà vẫn giữ được lòng trong như ngọc, trắng như ngà. Bà ví Mai với cây sen mọc trong bùn mà không nhiễm bùn.

Mai yên lặng ngồi nghe, không hề ngắt câu, không hề đáp một lời. Bà Án ngừng lại để dò ý Mai, nhưng sắc mặt Mai vẫn không thay đổi. Bà nói tiếp:

– Nay tôi muốn chuộc lại những điều lầm lỗi của tôi, mà ở đời chỉ mình mợ có thể giúp tôi được việc ấy.

Mai thành thực, kính cẩn trả lời:

– Bẩm cụ, cụ dạy thế chứ con đâu dám.

– Không, tôi nói thực đấy. Mợ không nên để tôi hối hận suốt đời, vì một điều lầm lỗi trong giây phút...

Mai làm bộ không hiểu:

– Nhưng thưa cụ, có điều gì cụ cứ cho biết, nếu có thể giúp được cụ thì thực con không dám từ chối.

Bà Án do dự một lát rồi quả quyết bảo Mai:

– Mợ ạ, một ngày là nghĩa. Huống hồ đã ăn ở với nhau có con, có cái. Mợ cũng chẳng nên giận cậu ấy nữa, chẳng nên oán tôi nữa.

Mai ngơ ngác hỏi:

– Ô hay! Sao cụ biết con oán giận? Mà con có quyền được oán giận ai đâu?

– Vậy có bao giờ mợ nghĩ tới sự tái hợp không.

Mai hai má đỏ bừng, đầu nóng như sốt, ngồi im không đáp. Bà Án lại hỏi:

– Mợ nên nghĩ đến cậu ấy, trong sáu năm nay không một phút nào là không nhớ, không thương mợ.

Mai giận đến cực điểm rồi, không nhịn được nữa:

– Tôi xin cụ đừng gọi tôi là mợ. Tôi không phải, tôi không còn là con dâu cụ, mà cũng không bao giờ cụ thèm nhận tôi là con dâu cụ, cụ nhớ điều ấy cho. Vậy cụ cứ dùng chữ cô cũng đủ lắm rồi.

Bà Án ngượng nghịu, lúng túng, không tìm được câu gì để đối phó, đành nhắc lại lời đã nói:

– Mợ chả nên thế, một ngày là nghĩa.

Mai, mắt đỏ ngầu, hỏi lại:

– Thế sao hôm cụ đuổi tôi, cụ không nhớ tới câu ấy?

Bà Án mỉm cười:

– Có cô không nhớ đấy chứ? Còn tôi thì trước sau tôi vẫn chỉ muốn cô với Lộc lấy nhau, – chẳng se vào thì chớ, ai nỡ chia rẽ duyên người bao giờ, không bằng lòng là tự cô đấy thôi.

Mai cười một cách rất chua chát.

– Phải, bà lớn khuyên tôi lấy lẽ cậu Lộc, lấy lẽ con bà.

– Lấy lẽ cũng ba bảy đường lấy lẽ. Lấy lẽ làm nàng hầu cũng có, lấy lẽ làm chị, làm em với vợ cả cũng có.

Mai không nói, hai mắt căm tức nhìn thẳng ra sân. Bà Án tiếp luôn:

– Vậy nếu bây giờ tôi rước cô về làm chị, làm em với mợ huyện nó thì cô nghĩ sao?

Mai cười:

– Thưa cụ, sáu năm về trước, hình như tôi đã trình cụ biết rằng nhà tôi không có mả lấy lẽ. Đối với kẻ khác (Mai đăm đăm nhìn bà Án) đối với kẻ kia thì được lên làm cô huyện, rồi cô phủ, rồi cô thượng nay mai, là một cái vinh dự. Nhưng tôi, tôi cho làm cô thượng không bằng, không sung sướng bằng làm chị xã, chị bếp, chị bồi mà được vợ một chồng một, yêu mến nhau khi vui có nhau... khi buồn có nhau, khi hoạn nạn có nhau... Cô huyện! Cụ lớn không nên đem cái mồi cô huyện ra dử tôi. Cô huyện!

Bà Án thong thả ung dung trả lời:

– Sao lại cô huyện? Bà huyện chứ?

Mai cười mũi:

– Phải bà huyện hai.

– Chứ sao! Các đấng đế vương ngày xưa có đông cung và tây cung hoàng hậu thì sao! Nói hơn nữa, Dương Quý Phi có là hoàng hậu đâu, có là bà vua chính thất đâu?

– Vâng tôi biết. Các bà vợ lẽ bao giờ cũng chỉ có hai đường: Một là bị họ áp chế. Lúc đó, họ như bọn nô lệ hèn hạ. Hai là họ áp chế, lấn áp cả quyền vợ cả, lúc đó thì họ trở nên hạng Đắc Kỷ, Bao Tự.

Mai cười nói tiếp:

– Đó, cụ coi, cụ nhớ sử, dễ tôi không nhớ sử. Song có điều này tôi xin thưa ngay hầu cụ: Cụ đừng đi vào con đường ấy để dụ tôi, con đường vinh hoa, phú quý...

Bà Án nghiêm sắc mặt dõng dạc nói:

– Thế thì cô lầm. Tôi chỉ đi vào đường bổn phận. Tôi có lỗi, tôi cam chịu lỗi, nhưng tôi phải ăn năn sửa lỗi. Bởi vậy, tôi không muốn vì tôi mà cô mang tiếng... mang tiếng là một người không chồng... không chồng... mà... mà có con...

Mai cũng dõng dạc đáp lại:

– Xin cám ơn cụ. Nhưng nếu chỉ vì tôi mà cụ muốn sửa lỗi thì tôi sẵn lòng – xin cụ miễn chấp – tôi sẵn lòng tha thứ cho cụ, tha thứ cho cụ đã đày đọa tôi, đã... trong bao lâu...

Mai chỉ cố làm ra can đảm được đến thế. Trí Mai ôn lại cuộc đời

quá khứ, thì thốt nhiên, lòng Mai tủi cực thổn thức. Mai cảm thấy nghị lực tiêu tán không có thể tranh luận được nữa. Như một cái xác không hồn. Mai gục đầu xuống tay vịn ghế nức nở khóc, khóc không ra tiếng.

– Ô hay! Bà lão này, sao bà lại chòng me cho me khóc?

Mai ngửng đầu lên thấy em dắt con đứng bên cạnh. Gượng cười, nàng ẵm Ái vào lòng hôn hít. Bà Án buồn rầu bảo Huy:

– Ông giáo, ông nghĩ tôi nói có phải không? Ông ngồi xuống đây, tôi thưa câu chuyện. Ai chả có lúc lầm lẫn, huống chi tôi tuổi tác thì lại càng hay lầm lẫn lắm. Bây giờ tôi nghĩ lại, tôi biết tôi lầm, tôi hối hận, tôi thân hành lên tận đây để đón mợ cháu và cháu về. Ông là người học rộng, biết nhiều, ông nên khuyên mợ cháu một câu.

Huy lạnh lùng đáp:

– Thưa cụ việc đó là việc riêng của chị cháu. Tùy ý chị cháu tự xử. Cháu không có quyền lạm bàn tới, tuy đối với cụ cũng như đối với quan huyện Lộc, cháu vẫn là người chịu ơn.

Mai như nói một mình:

– Mẹ con tôi tưởng được yên thân ở nơi hẻo lánh này, ai ngờ cụ chưa tha, cụ còn theo đuổi cho bằng được để cụ hành hạ.

Bà Án thở dài, cất giọng phàn nàn, cố làm ra thành thực.

– Khổ cho tôi chưa! Người ta không hiểu tôi. Ở nhà thì con tôi không hiểu tôi. Con tôi cũng vậy, mà cô cũng vậy, các người cho tôi là một vị hung thần trời sai xuống để phá cuộc hạnh phúc của các người.

Bà Án đưa khăn lên lau nước mắt:

– Nhưng nào tôi có ác nghiệt gì, tôi chỉ là một người bao giờ cũng nghĩ tới hạnh phúc của con, của cháu, nghĩa là nghĩ tới bổn phận của một người mẹ, của một người bà.

Huy đứng lặng nhìn bà Án, lấy làm thương hại. Chàng thong thả nói:

– Cụ cho phép cháu tỏ bày cùng cụ vài điều. Cụ là người rất tốt, bao giờ cũng nghĩ tới bổn phận. Cháu biết lắm. Không bao giờ cháu ngờ vực cụ. Song, thưa cụ, cụ dung thứ cho mấy lời sống sượng của cháu, cụ tức là cái biểu hiện, tức là một người đại diện cho nền luân lý cũ. Mà tâm trí chúng cháu thì đã trót nhiễm những tư tưởng

mới. Hiểu nhau khó lắm, thưa cụ. Cụ với bọn hậu sinh chúng cháu như hai con sông cùng một nguồn, cùng chảy ra bể, nhưng mỗi đằng chảy theo một phía dốc bên sườn núi, gặp nhau sao được. Vậy chị em chúng cháu không dám tranh luận với cụ nữa, chỉ xin cụ ban cho một cái ân tối hậu, cũng như khi xưa chị cháu đã vì cụ mà hy sinh hết hạnh phúc, lạc thú gia đình... cái ân tối hậu ấy, là cụ và ông huyện quên hẳn chúng cháu đi, đừng bận lòng nghĩ tới chúng cháu nữa.

Bà Án vội ngắt:

– Cô Mai đã vậy. Nhưng còn cháu tôi?... Khi nào tôi nỡ để cháu tôi... cháu tôi nó mang tên họ chồng tôi, tên họ con tôi...

Mai cười gằn:

– Cái đó, thưa cụ, không lo.

Rồi nàng cúi xuống hỏi con:

– Tên con là gì?

Ái nũng nịu, âu yếm, ôm lấy cổ Mai:

– Tên con là Ái.

– Vậy Ái họ gì?

Ái chẳng trù trừ, trả lời luôn.

– Ái họ Dương.

Bà Án kinh hoàng:

– Cô dạy nó thế à? Cô dám dạy cháu tôi những điều trái luân thường đạo lý như thế ư?

Mai mỉm cười:

– Thưa cụ, cụ lầm, nó là con tôi. Tôi muốn dạy nó điều gì mặc tôi. Cũng như cụ đã dạy con cụ quyến rũ người ta, rồi khi người ta thai nghén, lại ruồng rẫy người ta ra.

Bà Án đứng phắt dậy, tức giận quát tháo:

– Cô không được hỗn! Cô không được phép khinh tôi!

Mai vẫn ôn tồn:

– Thưa cụ, ở đây là nhà tôi, chứ không phải là dinh quan tri huyện, xin cụ nhớ cho.

Bà Án lại ngồi xuống ghế, nghĩa là tự để rơi xuống ghế. Mất hết

can đảm và biết rằng khó lòng cãi lý với Mai được nữa, bà quay ra giọng van lơn:

– Cô Mai ơi, cô nên thương tôi già yếu... cho tôi được cùng cháu tôi sum họp.

Mai ái ngại nhìn bà Án, không nỡ giày vò quá nữa. Nàng ôn tồn thưa lại:

– Bẩm cụ, cụ thiếu gì cháu, nào con bà huyện, nào con các cô... cháu nội, cháu ngoại đủ cả. Thêm một cháu Ái có làm gì mà bắt mẹ con con phải xa nhau.

Bà Án gắt:

– Thì tôi có muốn chia rẽ mẹ con cô đâu. Trước sau tôi vẫn xin đón cô về ở với... chồng cô kia mà...

Lòng căm tức, Mai cố nén, chỉ chực bùng bùng bốc lên. Về phần bà Án thì bà hết sức giấu nhược điểm của mình, là bà chưa có cháu nội, chưa có người nối dõi tông đường. Lòng ích kỷ của bà vẫn ngờ rằng nếu Mai biết sự thực thì nàng sẽ bắt bí.

Bỗng chợt nghĩ ra một điều, bà Án tươi cười hỏi Mai:

– Nếu tôi đền ơn cô một nghìn bạc thì cô nghĩ sao ?

Mai không hiểu:

– Thưa cụ, ơn gì ạ?

– Ơn cô nuôi nấng cháu tôi.

Mai cười nhạt:

– Thưa cụ, cụ cho tôi là một người vú em nuôi cháu cho cụ, phải không?

Bà Án như mê mẩn, không nghĩ tới câu hỏi của Mai.

– Vậy hai nghìn nhé?

Mai đứng phắt dậy dắt con đi ra cửa phòng quay lại nói:

– Cháu xin phép cụ, cháu phải đi đằng này có chút việc cần!

Rồi nàng bảo Huy:

– Cậu ở nhà hầu chuyện bà lớn nhé.

Bà Án và Huy còn ngơ ngác nhìn theo thì thoăn thoắt, Mai đã cùng Ái bước lên con đường dốc.

TRÊN ĐỒI

– Sao hôm nay chủ nhật lại không đi chơi đồi hở cậu?

Huy đương ngồi đọc một quyển tiểu thuyết ở hiên, nghe tiếng Ái hỏi, liền gập sách lại ôm cháu vào lòng, khẽ bảo:

– Vì hôm nay rét lắm nên chúng ta ở nhà.

Ái phụng phịu tỏ ý không bằng lòng:

– Không phải thế đâu, mọi lần rét hơn thế này cũng đi chơi thì sao?

Thấy Ái thông minh, có trí xét đoán, Huy vui cười cúi xuống hôn cháu hai bên má rồi hỏi:

– Vậy Ái có biết vì sao không đi được không?

Ái buồn rầu:

– Chỉ tại hôm nọ cái bà gì bà ấy đến chơi, bà ấy chòng me, nên me giận, me ở nhà. Có phải thế không cậu?

Một dịp cười khanh khách trả lời lại câu hỏi. Hai cậu cháu nhìn ra. Mai ở sân bước lên thềm hai tay ôm Ái vào lòng vừa hôn, vừa nói:

– Con tôi ngoan quá, thương tôi quá! Nhưng tôi có buồn đâu? Có giận ai đâu?

Ái hôn trả lại Mai rồi nũng nịu ghé vào tai nói thầm:

– Thế đi chơi đồi nhé, me nhé?

Mai lại cười:

– Thôi, me xin khất con đến chủ nhật sau.

Thấy Ái cứ nhì nhằng làm rầy chị, Huy nghiêm sắc mặt bảo cháu:

– Ái đứng xuống đi chơi! Không được quấy!

Ngoan ngoãn Ái vâng lời, lảng ra sân.

Hai chị em yên lặng ngồi nhìn vơ vẩn.

Rồi Huy uể oải mở tiểu thuyết ra xem. Bỗng nghe tiếng thở dài của Mai. Huy quay lại buồn rầu bảo chị:

– Chị quên câu chuyện ấy đi thì hơn.

Thì Mai có nhớ đâu tới câu chuyện ba hôm trước? Suốt mấy ngày, nàng như người mất hồn, là chỉ vì lần hội kiến thứ hai với bà Án đã nhắc nàng tưởng tới bao sự cảm động quãng đời qua.

Người mà nàng thường thề với nàng rằng không thể nào còn yêu được nữa, nàng có ngờ đâu, đã chiếm đoạt nàng đến nỗi sau gần sáu năm nay nhưng cảm giác vui buồn bỗng vì một câu chuyện không đâu lại làm rung động được lòng nàng... Rồi nàng cảm thấy sự sống lạnh lẽo, tẻ ngắt, tuy bên mình nàng luôn luôn có con và em, những người mà nàng thương yêu trong cùng tận linh hồn. Huy cất tiếng hỏi:

– Cái đời êm đềm hiện tại của chúng ta há không phải là một đời lý tưởng sao?

Mai vẫn không trả lời, mắt mơ mộng nhìn lên ngọn đồi. Huy nói luôn:

– Ta còn thiếu một thứ gì? ... Giàu có ta không mong, quan sang ta không tưởng... Bên mình chị lúc nào cũng chỉ có những người yêu mến, yêu mến thành thực... Em và con chị.

Nước mắt chảy quanh. Mai ngập ngừng đáp lại em:

– Khốn những mỗi lúc chị ngắm con... chị lại...

Mai im bặt, cảm động, thổn thức. Huy nhìn chị thương hại, buột miệng nói tiếp:

– Chị lại nhớ tới anh, phải không?

Mai bẽn lẽn, hai má đỏ ửng, chữa thẹn.

– Không! Không bao giờ nữa, em ạ!... Hết! Thực hết rồi!

Có người giựt chuông. Huy đứng dậy ra mở cổng... Mai nhìn ra, thấy người lính trạm đưa cho em một bức thư. Mai bỗng hoảng hốt, trong lòng bối rối những tính tình tương phản: vừa giận, vừa lo, vừa ghét, vừa mừng. Huy đi vào mắt nhìn chữ đề ngoài phong bì, như cố đoán xem thư của ai.

Chàng lặng thinh đưa bức thư cho Mai. Mai xua tay bảo em:

– Thôi, em đọc, chị không muốn có sự gì dính dáng đến mẹ con họ nữa.

– Thì chị thử đọc xem! Đã biết là thư của ai?

Mai lãnh đạm:

– Coi của ai?... Nhưng dầu của ai, em cũng xem hộ chị.

Rồi nàng ngồi, tò mò nhìn em xé chiếc phong bì vàng.

– Thư của chị Diên, chị ạ.

Mai vui mừng:

– Thế à? Vậy em đọc.

Huy ngần ngại, hỏi:

– Có tiện không? Thôi đây, chị xem lấy.

Mai cười:

– Em bày vẽ lắm. Chị em mình có bao giờ có điều gì giấu nhau?

Nhưng nàng cũng đỡ lấy bức thư lẩm nhẩm đọc:

Lạng Sơn, ngày ... tháng ... 193...

Chị Mai và cậu Huy thân yêu!

Chúng em xin kính chúc chị và cậu cùng hỏi thăm cháu Ái bình yên mạnh giỏi.

Sau này, em xin chị tha thứ cho em. Bức thư chị gửi cho em tháng trước để mừng em và Trọng, em đã nhận được. Song em không trả lời ngay chị là vì một cớ nói ra đau lòng, nên muốn giấu chị đó thôi. Và em Trọng cũng khuyên em đừng ngỏ cho chị biết.

Nhưng nay em hối hận lắm, em thấy em xấu xa nhơ nhuốc, có thể làm tổn hại đến hạnh phúc của kẻ khác, nên em muốn hỏi ý kiến chị, em muốn chị khuyên em nên tự xử trí ra sao.

Hồi năm ngoái, em có viết thư cho chị để báo tin em Trọng trúng tuyển số đầu kỳ thi tham tá phổ thông. Cũng tưởng cố đậu lên chức tham tá để lương bổng được rộng rãi, ăn tiêu được dư dật, chứ đối với em Trọng thì chức tham với chức thư ký có khác gì nhau.

Ấy em nó vẫn nói thế mà quả thực có thế.

Ai ngờ vì cái chức quan tham ấy mà quan bố bắn tin muốn gả con cho Trọng. Trọng bằng lòng ngay. Chắc chị đã mỉm cười, mỉm cười chế nhạo, khinh bỉ em Trọng đã hăm hở lăn lưng vào nơi phú quý.

Thực ra, anh chị đã gặp nhau nhiều lần, và tuy không hề tỏ với nhau nửa lời mà trong lòng hình như đã cùng nhau thầm hẹn.

Mai đọc tới đó, buông bức thư xuống thở dài, vì nàng nhớ tới lần gặp gỡ buổi đầu của nàng trên xe hỏa.

Huy hỏi chị:

– Chị đọc xong rồi. Trong thư nói những gì thế.

– Chưa xong em ạ.

Mai lại thì thầm, đọc tiếp:

Ấy, chỉ vì thế, nên em Trọng mừng rỡ nhờ một ông phán già làm mối hộ, và quan bố bà bố nhận lời gả ngay.

Nhưng hai tháng trước đây, một buổi chiều, quan bố cho người ra tìm Trọng vào dinh. Rồi khi Trọng vừa tới, ngài ra sân đón tiếp ghé tai nói thầm:

– Có đứa mách bà rằng chị cậu không được tử tế, đứng đắn.

Quan bố tắc lưỡi nói tiếp:

– Cái đó cũng chẳng hề chi. Nhưng khi bà có hỏi thì cứ chối phắt đi là xong.

Nhưng chị ạ, Trọng nó điên rồ quá, không những đứng trước mặt bà bố nó không chối rằng nó là em một gái giang hồ, là em một con đĩ, nó lại còn kể lể, lôi thôi hết cái đời xấu xa, hèn hạ của chị em nó ra... Thế thì chị tính có khổ cho em không.

Khi về nhà, nó thuật lại cho em nghe mà em vừa tức giận, vừa xấu hổ, xấu hổ vì đã phá hoại cuộc tương lai của em Trọng. Em bảo thế, thì nó quả quyết nói vắn tắt có một câu.

– Đối với em, chị chỉ là một người chị yêu mến chứ không là gì khác.

Rồi nó thề với em rằng suốt đời nó không lấy ai hết.

Chị tính thế thì có khổ em không? Em có ngờ đâu cái quãng đời đã qua của em lại có thể có trách nhiệm nặng nề tới tương lai của kẻ khác đến như thế.

Vậy bây giờ chị bảo em nên tự xử ra sao? Tuy chị kém em những hơn mười tuổi, song chị học rộng biết nhiều hơn, chị thực đáng là chị em, chị khuyên em nên thế nào?

Em định một là đi tu, hai là trốn biệt vào Nam Kỳ chẳng hạn, để khỏi phiền đến em Trọng, để khỏi làm ngăn trở con đường tương lai hạnh phúc của nó.

Em mong thư chị.

DIÊN

Tái bút – *Em Trọng nhắc tới chị và cậu Huy luôn. Đến lễ Sinh nhật, thế nào chúng em cũng sang chơi bên ấy.*

Bà Cán hiện ở chơi đây, bà ấy nhớ chị lắm.

Hôn cháu Ái thực kêu hộ em nhé.

Mai đưa vạt áo lên lau nước mắt rồi buồn rầu trao bức thư cho Huy:

– Em đọc.

Nàng ngồi suy nghĩ chờ Huy xem xong thư. Nghe Huy thở dài ngửng đầu lên, nàng hỏi:

– Thế nào? Ý kiến em thế nào?

Huy cười chua chát rồi như nói một mình:

– Người mình không bao giờ có giá trị riêng hết. Ta chỉ là con ông nọ, cháu bà kia. Vô phúc cho ta, nếu ta có một người anh, người chị không ra gì!

Mai cười nói tiếp:

– Cứ gì anh. Đến nhà có đứa đầy tớ gái phải lòng giai, họ cũng dị nghị... họ cũng cho là mình phạm tới luân lý nữa là!

– Bao giờ cho họ hiểu tới tự do, với danh dự cá nhân!

Mai mỉm cười bảo em:

– Nhưng mà, em ạ, bức thư của chị Diên đã làm cho chị tỉnh ngộ... Bây giờ thì chị thực đã rứt được tình yêu, vì chị trông thấy, chị nhận biết chắc chắn rằng ái tình của Lộc – nếu Lộc quả vẫn yêu chị như lời bà Án nói – còn phải thuộc quyền một người thứ ba, một người thứ tư nữa thì dẫu sao cũng không nên tưởng tới, chỉ nên coi như nó đã chết hẳn rồi, chết hẳn rồi trong trái tim đau đớn... giữa lúc đầu xanh... nửa chừng xuân...

Mai bỗng ngừng lại, cất tiếng cười, cười khanh khách, cười rũ rượi, cười chảy nước mắt, khiến Huy ngồi ngắm chị lấy làm lo lắng, thương hại, và Ái hoảng hốt ở sân sau chạy lại hỏi:

– Cái gì thế me? Me cười cái gì thế?

Mai cúi xuống ôm con vào lòng, rồi vừa hôn vừa nói:

– Bây giờ tôi mới tỉnh giấc mộng ngày xuân. Tôi cứ tưởng ở đời chỉ có ái tình!... Bên mình tôi, bao người yêu tôi, con tôi, em tôi, bạn tôi! Thế mà, trời ơi! Tôi chỉ tưởng tới một người... một người khốn nạn.

Mai không giữ nổi cảm động, ngồi bưng mặt rưng rưng khóc.

Đứng trước một cảnh đau lòng. Huy lấy làm ái ngại cho chị. Huy không ngờ tấm ái tình của chị mình với Lộc vẫn nồng nàn đến thế. Huy căn cứ ở những câu chị vừa nói ra, mà Huy cho là đầy rẫy

những ý tưởng thương mến... đối với người xưa. Thong thả dịu dàng, Huy bảo chị:

– Chị ạ ta nên nghe theo cháu Ái, lên đồi chơi đi. Chị coi, trời mát thế kia, ta không nên bỏ hoài một ngày chủ nhật.

Ái cười:

– Rét đấy cậu ạ, chả mát đâu.

Câu nói của con khiến Mai phải bật cười. Nàng đứng dậy lấy áo dạ mặc cho Ái rồi vui tươi bảo em:

– Phải đấy, em ạ, ta đi chơi đâu.

Ra tới ngoài đường, cảnh đồi xanh trong không khí sáng sủa một ngày mùa đông khô ráo, êm đềm khiến Mai lại vui vẻ, hầu như quên hẳn nỗi nhớ thương.

Một giờ sau. Trong khi Mai đương ngồi sưởi ở dưới ánh nắng dịu, đọc lại bộ tiểu thuyết của em và trong khi Ái đương chạy quanh tìm quả sim, Huy, trỏ tay xuống chân đồi khẽ bảo chị:

– Ai như anh Lộc ấy kìa.

Mai hoảng hốt bỏ rơi quyển sách, trông theo, rồi muốn giấu cảm động, nàng ôm Ái vào lòng thì thầm nói chuyện.

Đứng dưới ngước nhìn lên đỉnh đồi, bên mấy cây trẩu cành lá xác xơ, Lộc thoáng thấy bóng ba người. Chàng đoán chắc đó là Mai, Huy và Ái.

Ban nãy, khi Lộc tới nhà Huy, ông Hạnh ra mở cổng nói rằng cả nhà vừa đi vắng thì chàng lấy làm thất vọng, tưởng chừng như khát khao được gặp mặt người xưa. Nhưng bây giờ, theo lời dặn của người lão bộc, và tìm được đến chỗ Mai, Lộc bỗng thấy lòng sốt sắng, lòng quả quyết của mình tiêu tán hết.

Chàng dừng bước đứng lại thở, làm như chưa nhìn thấy Mai, rồi ung dung lấy thuốc lá đánh diêm hút. Bao nhiêu cử chỉ cốt để lui giờ hội kiến mà Lộc biết sẽ rất khó khăn.

Thong thả, Lộc theo đường nhỏ, đi trong cỏ vàng cao và sắc, mọc chen chúc với những cây sim dại hoa tím và cây mẫu đơn hoa đỏ. Giữa cảnh đồi rậm rạp hoang vu và mọi rợ, chàng lại cảm thấy can đảm, bạo dạn. Ngửng đầu lên, chàng mạnh mẽ bước thẳng tới chỗ Mai ngồi.

Mai, má nóng bừng, làm bộ lạnh lùng nhìn nơi chân trời trước mặt.

Lộc cúi đầu đứng đợi...

– Me ơi, ai thế kia?

Mai vờ không nghe rõ tiếng con hỏi, cặp mắt mơ mộng, nhìn xa.

Huy ngắm hai người lấy làm thương hại. Rón rén lại gần, chàng vỗ vai Lộc, cười nói rất tự nhiên:

– Anh Lộc! Anh lên bao giờ thế?

Lộc quay lại bẽn lẽn, ấp úng mấy câu và giơ tay bắt tay. Làm ra vẻ thân mật. Huy hỏi luôn:

– Anh vẫn được mạnh đấy chứ? Lâu nay nhớ anh quá!

Lộc khẽ trả lời:

– Cảm ơn cậu.

– Trông anh xanh lắm.

Lộc đưa mắt nhìn trộm Mai:

– Tôi khổ sở lắm, cậu ạ... khỏe mạnh sao được?

Mai đứng dậy dắt con lảng sang phía dốc bên kia đồi. Lộc nhìn theo, thở dài bảo Huy:

– Chị giận tôi lắm, phải không cậu Huy?

Huy nghe câu hỏi, lòng thương hại bỗng đổi ra lòng căm tức, cười nhạt không đáp. Lộc như hiểu thấu tính tình Huy, nói luôn:

– Phải, cậu khinh tôi là phải! Tôi thật là một thằng khốn nạn! Nay tôi lên đây không có mục đích gì khác là để trần tình cùng chị...

Tiếng cười gằn của Huy khiến Lộc ngừng lại và hình như có chiều sợ hãi, lo lắng. Huy động lòng trắc ẩn. Yên lặng vài giây, Lộc lại nói:

– Vâng, cậu ngờ tôi... mà ai cũng phải ngờ tôi... vả tôi đã tự nhận rằng tôi là một thằng khốn nạn. Song cậu nghĩ đến nỗi khổ thống của tôi trong ròng rã sáu năm... thì cậu cũng nên thương tôi... mà để tôi giãi bày tâm sự cùng chị... Mục đích tôi lên đây hôm nay chỉ có thế.

– Cậu giáo!

Ái vừa gọi vừa kéo áo cậu. Lộc ngồi xuống ôm Ái vào lòng hỏi Huy:

– Bác tài Ái đây, phải không?

Rồi chàng âu yếm hôn hít con. Thật ra lúc mới gặp Ái, chàng đã

biết là con mình rồi, và chàng chỉ muốn ẵm ngay lấy. Song thấy Ái ngồi trong lòng Mai chàng dụt dè chưa dám đường đột, sỗ sàng... Cuống quít, chàng chẳng biết hỏi con điều gì, chỉ luôn mồm kêu:

– Trời ơi!

Đó hình như chỉ là một câu vô nghĩa nhưng thực chứa bao tình yêu thương, nỗi nhớ tiếc cái thời kỳ ân ái dịu dàng. Ái giựt tay ra rồi bảo Huy:

– Cậu ơi, me bảo Ái đến giục cậu đi về.

Lộc nhìn con, thở dài ngẫm nghĩ, hàm răng trên cắn lên môi dưới. Trong lòng thổn thức, chàng cố giấu sự cảm động, sự cảm động như sắp sửa theo hàng lệ tuôn ra. Bỗng chàng quả quyết chạy thẳng sang phía dốc bên kia đồi. Ái sợ hãi toan chạy theo sang để bênh vực, bảo hộ mẹ mà Ái cho rằng sắp bị người lạ kia hà hiếp. Huy nhanh tay giữ cháu lại:

– Ngồi đây chơi với cậu.

– Thế cậu không sợ cái người kia người ta bắt nạt me à?

– Không cháu ạ, người ấy yêu me, yêu me như cháu yêu me.

Ái không tin nhưng nghe cậu nói thế cũng yên lòng.

Sang tới phía bên kia. Lộc thấy Mai ngồi bưng mặt khóc nức nở ở dưới gốc cây dọc. Chàng yên lặng đứng nhìn Mai, rồi thong thả cúi xuống ghé tận tai thì thầm:

– Em tha thứ cho anh.

Mai nghe rõ tiếng Lộc, nhưng không dám ngửng lên nhìn, nửa vì xa nhau đã hơn sáu năm, nàng tự thấy hồi hộp, bẽn lẽn, run sợ, nửa vì sự xúc cảm quá mạnh, làm tiêu tán lòng quyết đoán, khiến tim nàng như ngừng đập, tư tưởng nàng như mất hết, và nàng như cái xác không hồn. Âu yếm, dịu dàng Lộc cầm lấy tay Mai, bàn tay ngà ngọc, suốt sáu năm nay chàng hằng tưởng nhớ.

Tựa đứa trẻ ngoan ngoãn, nàng để tay trong tay Lộc.

Bỗng như luồng điện giật, nàng đứng phắt dậy, mở bừng mắt, đăm đăm nhìn Lộc. Lộc sợ hãi, mặt tái mét.

Luồng gió lạnh thoảng qua. Hai người rùng rợn thoáng nhìn nhau. Mai khẽ bảo Lộc:

– Ông về đi! Ông về ngay đi!

Lộc cúi đầu không nói. Ngắm qua dáng điệu khuất phục, vẻ mặt hốc hác, và thân thể gầy yếu của Lộc, Mai đem lòng thương hại, êm đềm khẽ hỏi:

– Ông còn lên đây làm gì?

Lộc vẫn cúi đầu, run run đáp lại:

– Anh lên thăm em... mà có lẽ thăm em lần cuối cùng.

Giọng nói của Lộc rất thành thực, âu yếm, song hai chữ "cuối cùng" khiến Mai đoái tưởng tới mấy năm qua, đoái tưởng tới những ngày xuân tàn tạ, mà tiếc cái hạnh phúc vì đâu bị tiêu diệt giữa chừng xuân. Sự căm tức thốt nhiên đầy rẫy ùa vào tâm hồn. Lạnh lùng nàng cười nhạt bảo Lộc.

– Cuối cùng! Cái lần cuối cũng đã qua hơn sáu năm rồi! Ngày nay đối với tôi, ông chỉ là một người...

Mai cố làm ra bình tĩnh, nhưng trí nghĩ vẫn không được tự nhiên đến nỗi đương dở câu mà không tìm ra lời nói cho trọn. Lộc tiếp luôn:

– Anh chỉ là một người khốn nạn, đê hèn, ti tiện... còn gì nữa?

Mai thổn thức, nức lên một tiếng bưng mặt khóc. Ngồi bên cạnh Mai, cầm tay nàng, Lộc xin lỗi. Lộc tìm hết các chữ dịu dàng êm ái để xin Mai quên, quên những điều thống khổ bởi chàng gây nên. Rồi Lộc kể lể. Lộc ôn lại hết những sự đã xảy ra, đã khiến chàng dám ngờ oan một người vợ đoan chính.

Lộc nói, nói rất lâu. Mai im lặng rồi nghe, óc Mai rung động, tim Mai hồi hộp. Mai thấy đỡ khổ, lòng dịu dịu dần. Chàng nói tiếp:

– Anh xin thề với em rằng, anh xin viện những sự thiêng liêng nhất trên đời anh thề với em rằng: đối với anh, chỉ mình em là vợ, là người vợ mà anh đã, mà anh vẫn, mà anh sẽ mãi mãi đem hết tâm trí, đem hết linh hồn ra anh yêu mến.

Như người điên, Mai cười sằng sặc, tiếng cười nức nở như tiếng khóc. Cái cười sung sướng hay cái cười ngờ vực?

Lộc nói luôn:

– Em không tin anh. Phải. Em không tin anh là phải lắm. Anh không đủ để em tin.

Nghiêm sắc mặt, Mai đáp:

– Thôi, ông ạ, dẫu sao...

Lộc vội ngắt lời:

– Em Mai ơi, anh xin em ban cho anh một cái ân tối hậu: Em đừng gọi anh là ông như thế. Đó là phát súng cuối cùng mà kẻ ngắc ngoải ăn mày kẻ hành hình.

Mai cười gằn:

– Trong hai ta, ai là kẻ hành hình? Mà ai là kẻ bị hành hình? Thưa ông... Thưa anh...

– Em nhắc tới chi những sự đau lòng. Chẳng qua số phận đôi ta...

Mai nói luôn:

– Chỉ có thế.

Lộc như tỉnh ngộ:

– Không phải em nhỉ? Chẳng lẽ lại chỉ có thế?

Mai lau nước mắt, ôn tồn đáp lại:

– Không, anh nói rất đúng: Chỉ có thế. Đôi ta nếu còn tình ái, mà sao không còn, thì tình ái ấy cũng chỉ là tình ái tuyệt vọng mà thôi. Từ nay, từ sáu năm nay, chúng ta nếu có còn yêu nhau thời cũng chỉ là để chuộc những tội lỗi của ta...

Lộc ngắt lời:

– Ta có tội gì? Ta chỉ yêu nhau.

– Em thì em cho là có. Vì yêu nhau là có tội rồi.

Mai dõng dạc, nghiêm khắc nói tiếp:

– Nay ta chỉ còn một cách là anh đi đường anh tôi đi đường tôi. Ta không nên làm phiền lòng nhau, không nên quấy rối hạnh phúc riêng của nhau nữa. Đó là sự hy sinh cuối cùng của đôi ta.

Lộc như điên, như cuồng nói rất nhanh:

– Không, em không cần hy sinh. Chỉ anh được phép hy sinh mà thôi, hy sinh để báo đáp lại tấm lòng yêu thương của em: anh sẽ bỏ hết, bỏ quan, bỏ vợ, bỏ hết để cùng em đi biệt một nơi, gây lại hạnh phúc... Anh đã sửa soạn đâu đấy cả rồi, tiền nong sẵn sàng anh đã đem đi để trong cả va li gởi ở khách sạn kia... Anh chưa dám ngỏ lời với em đó thôi.

Mai ngẫm nghĩ...

Tung trời, đôi chim nhạn liền cánh bay về nẻo xa. Mai thở dài:

– Không được. Vợ anh có tội gì mà anh nỡ bỏ?

Lộc vội đáp:

– Chỉ mình em là vợ anh.

Mai buồn rầu:

– Em sẵn lòng tin anh. Song người vợ kia dẫu sao cũng là người vợ chính thức của anh, người vợ mẹ anh cưới cho anh. Trách nhiệm nặng nề của anh đối với mẹ, đối với vợ, người vợ đã phó thác vào anh, anh phải một mình mang lấy.

Lộc ngắt:

– Thế còn em? Em không phó thác vào anh hay sao?

Mai mỉm cười:

– Không, em khác. Ở đời có phải ai ai cũng có thể hy sinh được đâu?

Lời nói của Mai có vẻ tự cao, có giọng khinh bỉ, khiến Lộc ngơ ngác nhìn, lấy làm xấu hổ. Mai tiếp luôn:

– Thôi, câu chuyện của đôi ta đã quá dài. Ngày hôm nay, anh đến thăm em, thực suốt đời em ghi nhớ, vì ngày hôm nay đã giúp em hy sinh được một sự to tát nhất trên đời. Ngày xưa vì thân mẫu anh, em đã hy sinh gia đình hạnh phúc, ngày nay vì anh, vì trách nhiệm của anh, vì thanh danh của anh, em hy sinh được một sự to trùm vũ trụ: Sự ấy là ái tình. Thôi em nhắc lần cuối cùng: Anh về ngay đi. Anh ra ga mau cho kịp chuyến xe hỏa bốn giờ, và em nhờ anh chuyển lời tạ tội của em lên cụ Án. Hôm nọ, em lỡ lời xin cụ tha thứ cho.

Mai nói rất ôn tồn.

Lộc đáp:

– Em đuổi anh?

Mai mỉm cười:

– Vâng! Em quả quyết lắm rồi. Nếu anh còn yêu em thì anh nên nghe lời em, anh về ngay cho... Thế là hơn cả.

Buồn rầu, Lộc đứng dậy toan quay đi:

– Em có cho phép anh hôn em một lần cuối cùng không?

Mai trù trừ:

– Xin vâng.

Cái hôn nồng nàn như trao cả linh hồn cho người yêu không làm

Mai cảm động. Nàng vẫn lạnh lùng, vẫn thản nhiên như không.

Khóc rưng rưng, Lộc lững thững bước xuống chân đồi.

Mai nhìn theo, mỉm cười, cái mỉm cười thương hại. Rồi thong thả nàng đi lại chỗ em và con.

Bỗng Lộc lại chạy vội đến, ôm ghì lấy Ái, vừa hôn lấy hôn để, vừa nói:

– Khốn nạn, anh mất trí nghĩ đến nỗi suýt nữa anh quên con anh và em anh.

Chàng giơ tay bắt tay Huy và nói luôn:

– Nhất là có hai việc mẹ dặn, anh đều quên cả hai. Việc thứ nhất là đón em. Việc thứ hai là xin em cho Ái về ở với bà.

Mai nghe, không hề đổi sắc mặt, dịu dàng trả lời:

– Em cũng thuận cho con anh về ở với anh và cụ Án. Song, nếu anh quả quyết chia rẽ mẹ con em thì chắc em khó lòng mà sống được.

Lộc vội nói:

– Thì nào anh có định tâm chia rẽ? Anh chỉ nhắc lại lời mẹ anh xin với em.

Mai rất ôn tồn:

– Em xin cam đoan với anh rằng ngày sau thế nào em cũng cho nó về ở với anh. Em nói câu này, xin anh đừng giận, em chỉ sợ con em có nhiễm cái giáo dục nghiêm khắc... tàn nhẫn của cụ Án...

Mai mỉm cười nói tiếp:

– Vậy anh về thưa với cụ Án hộ rằng bao giờ Ái cũng vẫn là cháu cụ, và em sẽ đổi họ nó ra họ Nguyễn để chiều lòng cụ.

Lộc không hiểu, ngơ ngác nhìn Mai. Mai giục:

– Thôi, thế là mọi việc đều xong xuôi cả. Vậy anh ra ga cho, kẻo nhỡ chuyến xe hỏa bốn giờ.

Lộc như người không hồn, buồn rầu xuống đồi.

Mai đứng trông theo. Một lát, khi Lộc đã đi khuất quãng đường vòng, nàng chép miệng:

– Thôi! Chúng ta đi về.

Ba người lững thững trở lại nhà. Mai nhìn em, nhìn con, rồi đưa mắt ngắm cảnh đồi trùng trùng điệp điệp bao bọc những thung

lũng lúa xanh, thấy trong lòng dìu dịu, êm ả như mặt hồ im sóng sau cơn gió mạnh: Hạnh phúc vẩn vơ như phảng phất quanh mình, như man mác trong bầu trời dưới ánh nắng vàng tươi một ngày mùa đông tốt đẹp.

BÊN LÒ SƯỞI

Chiều hôm ấy, ăn cơm xong thì trời đã tối. Nghe tiếng gió vù vù thổi, Mai hỏi Ái:

– Con có lạnh không?

– Có, me ạ.

– Vậy con không nhớ lạnh thì phải làm gì ư?

Ái vội vàng xuống bếp. Một lát sau nó cùng ông Hạnh mỗi người ôm lên một ôm củi. Bên cạnh lò sưởi, Huy đương ngồi làm việc ở bàn giấy, nghe tiếng lịch kịch, cúi xuống bảo Ái:

– Làm gì thế, cháu?

– Ái đốt lò sưởi cho cậu.

Huy ẵm Ái vào lòng, nói:

– Cháu tôi ngoan quá. Nhưng sao cháu ướt cả thế này?

– Giời mưa đấy, cậu ạ.

– Tội nghiệp! Mưa mà cháu tôi cũng khịu khó lặn lội xuống bếp.

Rồi Huy quay lại bảo ông Hạnh:

– Thôi, ông ạ, không rét đâu, đốt lò làm gì cho tốn củi.

Ái đáp:

– Mẹ bảo đốt đấy, cậu ạ.

Mai ngồi khâu ở giường bên, buồn rầu bảo em:

– Sao em lại thế? Chị chả bằng lòng tí nào. Ông đốc đã dặn cẩn thận rằng hễ đêm nào lạnh thì phải đốt lò sưởi. Em không nhớ năm kia vì em làm việc đêm bị cảm lạnh mà bệnh đau ngực của em lại phát ra đấy ư? Còn suốt mùa rét năm ngoái thì có việc gì đâu?

Thấy chị săn sóc chăm nom mình như một người mẹ nâng niu âu yếm con, Huy cảm động không nói được nên lời. Mai tiếp luôn:

– Bất quá mỗi tháng đốt mất độ một đồng bạc củi thôi chứ mấy!

Ở đây củi rẻ lắm kia, em ạ. Chả hơn vì hà tiện mà sinh ốm đau thì tiền thuốc có thể lại tốn gấp mấy mươi lần.

Ông Hạnh đương lúi húi nhóm lò, quay lại bảo Mai:

– Cô chỉ nói dại.

Cái tính thực thà, hay kiêng những lời nói rông của ông lão bộc khiến Huy phải bật cười. Chẳng hiểu vì sao tự nhiên cậu lại cười, Ái đứng dậy hỏi:

– Cậu cười gì thế, cậu?

Huy xoa đầu Ái, nói:

– Cậu cười Ái đấy.

– Nhưng sao cậu lại cười Ái?

Mai ngừng khâu nhìn về phía bàn giấy bảo Ái:

– Vì Ái không đi kiếm củi về cho cậu sưởi.

– Thế mai Ái đi kiếm củi, nhé? Ở trên đồi sau nhà có vô số cành khô cơ me ạ.

– Nhưng Ái có gánh được không?

– Được chứ!

Lúc đó trong lò đã bén củi, đương bùng cháy, tiếng nổ lách tách, lẹt đẹt, Ái vỗ tay reo:

– Nó kêu như pháo ấy, cậu ơi!

– Ừ, pháo của cậu đấy.

Một tiếng nổ mạnh làm bắt hẳn than hồng ra ngoài, Huy bảo Ái:

– Lại cả pháo ống lệnh nữa đấy. Tết năm nay đỡ tốn tiền mua pháo nhỉ, cháu nhỉ.

Ái nũng nịu:

– Không đâu, cậu ạ, cháu thích pháo thật cơ. Pháo thật đỏ đẹp hơn chứ...

Huy trỏ than hồng bảo cháu:

– Thế pháo của cậu không đỏ là gì? Mà lại ấm nữa kia

Ái cười, quay gọi Mai:

– Me ơi, me!

Mai vẫn khâu, hỏi lại:

– Cái gì thế, con?

– Cậu bảo pháo của cậu ấm, me ạ.

– Thế à!... Nhưng con để cậu làm việc chứ.

Ái ngoan ngoãn tụt xuống đất. Rồi sau khi đứng nghĩ ngợi vài phút. Ái đến bàn ăn khệ nệ bê lại bên lò sưởi một cái ghế mây. Huy như hiểu cháu định làm gì, ngồi yên ngắm nghía, trong lòng cảm động. Còn Mai thấy con lôi lệt sệt cái ghế thì ngửng đầu lên mắng:

– Ái nghịch nhé! Có để cho cậu làm việc không?

Ái vờ không nghe rõ tiếng mẹ, cố sức ôm cao cái ghế cho chân nó khỏi chạm đất.

Rồi khi đã đặt ghế bên lò sưởi, Ái rón rén lại gần Mai thỏ thẻ:

– Me lại ngồi ghế kia, mà khâu cho ấm.

Huy cất tiếng cười sung sướng. Còn Mai thì cảm động quá ôm lấy con mà hôn, nước mắt ướt cả hai bên má. Rồi nàng đứng dậy theo con lại ngồi bên bàn giấy của Huy.

Một lát sau, ba người cặm cụi làm việc đến nỗi không lưu ý đến tiếng chuông ở ngoài cổng. Ông Hạnh chạy ra hỏi:

– Ai.

Người đứng ngoài ghé vào khe cổng, nói khẽ:

– Se sẽ chứ ông.

– Nhưng ai đấy mới được chứ?

– Tôi, tôi là ông huyện Lộc, đến đây lúc ban chiều ấy mà.

– À ông Tham... ông Huyện!

Vội vàng ông Hạnh mở khóa. Lộc lại nói:

– Se sẽ chứ.

Cánh cổng hé từ từ, Lộc bước vào thì thầm hỏi ông Hạnh:

– Ở trong nhà chưa ai biết có người đến đây chứ?

– Bẩm hình như chưa.

– Vậy ông đừng nói có ai đến chơi nhé. Cứ để cổng đấy, một tý nữa tôi lại ra ngay.

Ông Hạnh không hiểu còn đang ngơ ngác nhìn, thì Lộc đã nhẹ nhàng rón rén bước lên thềm, và đứng dán mắt nơi khe cửa nhìn vào trong nhà.

Một bức tranh gia đình đầm ấm bỗng vẽ trước mắt chàng: Trong lò sưởi ngọn lửa hồng rung động. Xây lưng lại lò sưởi, Huy ngồi bàn giấy hí hoáy viết, thỉnh thoảng lại ngừng bút ngẫm nghĩ. Đầu bàn phía trong, Mai ngồi khâu, màu trắng của mấy vuông vải mới long lanh phản chiếu ánh vàng dịu của cây đèn dầu có chụp giấy màu xanh. Đầu bàn đối diện, Ái đứng quay lưng ra ngoài và đương đánh vần đọc chuyện Tấm Cám.

Lộc nhìn thở, yên lặng như một pho tượng. Vì trong lòng lo lắng, tưởng như Mai và Huy có thể nghe rõ được những tiếng động se sẽ của chàng. Bỗng chàng giật mình Mai ngửng đầu lên đăm đăm nhìn ra chỗ chàng đứng. Chàng toan bỏ chạy thì nghe thấy Mai bảo con:

– Ái lấy vở ra viết đi. Mai hãy tập đọc.

Ái đương muốn khoe tài với cậu, thấy mẹ không cho phép đọc nữa thì không bằng lòng, phụng phịu nhìn Mai. Rồi nó lại cúi xuống đánh vần luôn.

– Ô kìa! Đã bảo thôi để cậu làm việc mà.

Huy thương hại cháu và nói với Mai:

– Chị cứ để vậy cho cháu đọc.

– Ngày mai cậu đi dạy học thì tha hồ mà đọc.

Huy cười bảo Ái:

– Thôi cháu nên nghe lời mẹ, chóng ngoan! Đấy cậu cho quyển sổ và cái bút chì, muốn vẽ gì thì vẽ.

Một lát sau, Ái hớn hở mang những công trình của mình lại khoe cậu. Huy vừa nhác trông đã cất tiếng cười rộ:

– Trời ơi! Cháu tôi thực là một nhà hội họa có tài. Nhưng Ái vẽ ai thế?

Ái tự phụ trả lời:

– Cháu vẽ cậu đấy.

Huy lại cười:

– Cháu vẽ đẹp quá! Mà sao tóc cậu lại đứng dựng lên như thế này?

Mở sang trang sau, Huy trỏ vào một cái hình vuông bốn góc có bốn nét gạch quay ra bốn phía và hỏi Ái:

– Cái gì thế này, cháu!

– Cái bàn đấy.

Huy vừa cười vừa đưa quyển sổ cho Mai coi:

– Chị này, Ái vẽ cái bàn trông thấy đủ cả bốn chân.

Mai nhìn tranh của con cũng không sao nhịn cười được. Ái cho là mẹ và cậu không phục tài mình liền tìm ra một cách để tỏ rằng mình vẽ không sai. Nó chạy chung quanh bàn, cất tiếng đếm thực to số chân rồi bảo Huy:

– Chả bốn chân là gì, đấy nhé.

Mai cầm quyển sổ mở lật lại trang trên. Nhìn hình Huy với cái đầu tròn như quả bóng và hai bàn tay to nghêu ngao những ngón dài, nàng cười như nắc nẻ bảo Huy:

– Ái vẽ em giống như hệt. Mà đẹp trai quá,

Ái tưởng Mai khen thực, lấy làm đắc chí nói:

– Mẹ đưa sách cho con, để con vẽ cả ảnh con nữa.

– Nhưng anh thợ vẽ hãy xuống nhà bảo ông Hạnh lấy thêm củi lên đã, trong lò than đã gần tàn mà me với cậu rét lắm.

Ái vâng lời xuống bếp. Song tìm ông Hạnh không thấy đâu, nó lại lên nhà. Mai hỏi:

– Thế nào? Sao con lại lên tay không?

– Ái không thấy ông Hạnh đâu cả.

Trong khi ấy, người lão bộc vẫn đứng chờ Lộc ra để đóng cổng. Nghe tiếng Ái gọi, ông ta liền vội vàng đóng sập cánh cửa lại và lách tách cài then rồi chạy vào. Mai hỏi:

– Đêm tối ông còn mở cổng đi đâu thế?

Ông lão ấp úng:

– Không.

Nhưng ông ta tính tình chất phác, không biết nói dối nên cử chỉ và ngôn ngữ không được tự nhiên.

– Có điều gì mà ông phải giấu giếm thế?

Ông lão càng lúng túng, đứng nghĩ ngợi một lát rồi nói:

– Không, tôi có đi đâu làm gì... Tôi mở cổng cho ông...

Mai hỏi:

– Ông nào?

– Ông... ông Tham... ông Huyện.

Huy đương viết nghe nói đến ông Huyện liền ngửng lên hỏi:

– Ông huyện Lộc phải không?

Người lão bộc chưa kịp trả lời. Huy đã đứng dậy ra mở cửa. Bấy giờ Lộc đã tới cổng ngoài, Huy thoáng trông thấy chạy theo ra gọi:

– Anh Lộc!

Se sẽ Lộc đáp:

– Thôi, cậu để tôi về.

Huy nắm tay Lộc, nói:

– Về! Bây giờ còn về đâu?... Trời ơi! Quần áo ướt cả, mà tay lạnh như đồng thế này...

Vừa nói Huy vừa kéo bừa Lộc vào trong nhà. Mai đứng dậy, ngây người đăm đăm nhìn Lộc. Nhưng chỉ trong giây phút, nàng lại giữ được vẻ mặt tự nhiên, và lại gần hỏi:

– Anh chưa về?

– Chưa... ban nãy tôi ra ga nhỡ xe hỏa.

Huy vội hỏi:

– Thế anh ở đâu? Sao không về nhà ăn cơm?

Lộc không đáp. Huy lại nói luôn:

– Anh cởi áo ngoài lại ngồi gần lửa, sưởi cho ấm.

Theo lời, Lộc thong thả cởi áo tới vắt lên lưng tựa ghế, rồi đến bên lò sưởi giơ hai bàn tay hơ lên hơi nóng. Huy đỡ khăn của Lộc treo lên mắc áo:

– Trời mưa to nhỉ, đầu tóc anh ướt cả.

– Không, chỉ mưa bụi đấy thôi, nhưng vì tôi đi xa quá.

Rồi Lộc thuật cho Huy biết rằng khi chàng vừa ra tới ga thì xe lửa huýt còi chạy. Chàng buồn rầu trở về khách sạn Quảng Thành ngủ một giấc dài cho mãi đến hơn sáu giờ mới thức dậy ăn cơm. Ăn xong, chàng đi lang thang, chơi phố...

Huy ngắt lời:

– Mưa thế mà anh cũng đi chơi phố?

Không ngờ có câu hỏi đột ngột ấy, Lộc lúng túng chẳng biết trả lời ra sao, thì Huy đã hỏi tiếp luôn:

– Mà sao anh lại không đem ô?

– Ấy tôi quên.

– Anh quên, rồi chẳng biết đi đâu anh xuống dốc phố, lên dốc nhà xéc, qua trường học, qua tòa sứ, qua dinh quan tuần, lại xuống một cái dốc... rồi đến đây.

Câu khôi hài của Huy khiến Lộc bẽn lẽn, và Mai đương ngồi khâu phải lên tiếng cười, trong lòng vui sướng. Nàng nhận thấy rằng Lộc nhỡ xe là vì Lộc yêu nàng, Lộc đi hàng giờ trong mưa gió là vì Lộc bồng bột yêu nàng. Hai cặp mắt thoáng gặp nhau: Hai người cùng cúi mặt.

Ái dụi mắt, đến kéo áo Mai uể oải nói:

– Me ơi! Ái đi ngủ.

Lộc cúi xuống ẵm con:

– Ái ra đây với... tôi nào?

Thấy Lộc ấp úng không dám xưng "cậu", xưng "cha" với con, thốt nhiên Huy đem lòng thương hại. Chàng bảo Lộc:

– Anh đưa cháu cho tôi.

Ái đương ngáp và nhăn nhó, nghe cậu nói vội tụt từ tay Lộc xuống đất, vui mừng theo Huy vào buồng bên.

Mai tưởng em đưa con đi ngủ rồi lại ra ngay. Nhưng chờ mãi, Mai sinh ngượng đứng dậy toan lảng đi nơi khác, Lộc khẽ gọi:

– Mai!

Yên lặng thong thả, Mai lại gần. Lộc trỏ cái ghế đặt cạnh lò sưởi. Mai ngồi. Chàng cũng ngồi xuống cái ghế bên. Chẳng biết nói gì hai người cùng ngắm lửa cháy, cùng bâng khuâng, mơ mộng... Một tiếng nổ của cành củi non. Lộc giật mình. Mai thở dài buồn rầu hỏi:

– Sao anh lại chưa về?

Lộc nghe tiếng Mai như xa xăm từ quãng đời ký vãng đưa tới... Mai nhắc lại câu hỏi:

– Sao anh chưa về?

– Tôi nhỡ xe hỏa.

Mai, cặp mắt lờ đờ nhìn ngọn lửa cháy lom rom sắp tắt:

– Anh chả nên thế.

Lộc không trả lời, đăm đăm nghĩ ngợi, tâm trí như ở đâu đâu, như đương mơ màng tới một cuộc đời lý tưởng mà bức tranh êm đềm ban nãy đã phác họa ra trước mắt, bức tranh một gia đình đầm ấm quây quần bên lò sưởi, dưới ánh đèn dầu.

– Anh nghĩ gì thế?

Lộc thở dài không đáp.

Mai cúi xuống xếp lại củi trong lò, rồi uể oải nhặt nắm phong bì rách ở trong bồ giấy vụn, nàng vò nhàu ném vào lửa để gây cho cháy to lên. Tức thì ngọn lửa hồng lại phùn phụt bốc, và những cành non đầy nhựa lại lách tách nổ liên thanh.

– Chắc em giận anh lắm.

– Thì ban nãy em đã thưa đủ mọi lẽ với anh, sao anh còn chưa hiểu?

Buồn rầu Lộc đáp:

– Thực ra anh không muốn hiểu một tí nào! Ban chiều không biết anh điên cuồng đến đâu mà những lời em nói với anh, anh lại cho là có lý mà chịu nghe theo. Anh thiết tưởng ngoài ái tình của đôi ta ra thì chẳng còn một sự gì là có lý hết, chẳng còn một cái gì đáng kể hết. Chiều nay anh đã làm theo ý em, chỉ vì phiền muộn quá, anh mất hết nghị lực, mất hết lòng quả quyết. Nhưng khi ra tới ga, anh nghĩ lại ngay, anh cảm thấy một cách rõ rệt rằng không thể nào anh sống xa em được, không thể nào...

Lộc nói, nói liên miên, như say mê, như đắm đuối với tình thương yêu nồng nàn. Nhưng nhác thấy nét mặt thản nhiên của Mai, chàng bỗng ngừng lại. Rồi chàng thì thầm hỏi:

– Em giận anh đến ghét được anh ư!

– Anh mà không hiểu em thì thực anh làm khổ tâm cho em lắm... Nếu em ghét được anh!

Lộc lắng tai chờ Mai nói dứt câu. Giọng não nùng, Mai nhắc lại:

– Nếu em ghét được anh!

– Nếu không ghét anh thì sao em lại không bằng lòng cùng anh sum họp?

Như không nghe rõ câu hỏi của Lộc, Mai nói luôn:

– Nếu em ghét được anh thì em đã chẳng đau đớn khổ sở.

Rồi Mai kể cho Lộc nghe hết mọi việc đã xảy ra ròng rã trong năm sáu năm trời, từ khi hai người xa cách. Giọng Mai bình tĩnh, ôn tồn, có khi cố làm ra tự nhiên, để thuật lại từng mẩu đời ký vãng. Nhưng tới nhiều đoạn, Mai cảm động quá, phải ngừng lại, hoặc vờ cúi xuống cầm cái gắp than cời củi, hoặc đưa ngầm vạt áo quay ra phía sau lau nước mắt. Còn Lộc thì trong lòng tê tái, chàng cũng không khóc được mà cũng không nói được câu gì. Cổ chàng khô ráo mà tim chàng như ngừng đập. Tựa người không hồn, chàng ngồi nghe Mai nói, giọng nói đều đều, se sẽ. Thỉnh thoảng chàng hối hận quá, chàng buông một tiếng thở dài não nuột. Gặp đoạn Mai kể lể lòng thương mến đối với kẻ xa xôi, thì chàng lại càng hối hận. Nhưng đây sự hối hận đi liền với cảm giác sung sướng, êm đềm. Một lần chàng như điên cuồng, rùng mình, hai tay nắm chặt lấy bàn tay Mai. Và thì thầm chàng nói:

– Em tha lỗi cho anh, em thương hại anh, anh khổ sở lắm.

Mai ngừng kể, Lộc yên lặng vơ vẩn nhìn, không dám hỏi. Trong lò sưởi, củi cháy đã hết, nhưng than hồng bốc hơi càng nóng rát hơn lửa củi. Lộc lùi ghế lại chỗ Mai, nói:

– Nóng quá!

Mai đáp:

– Bao giờ than sắp tàn cũng nóng trội lên như thế.

Lộc cúi xuống nhắc mấy thanh củi, mà ban nãy ông Hạnh đã xếp sẵn ở bên. Chàng bỏ vào lò sưởi mà nói rằng:

– Vậy ta nuôi cho ngọn lửa khỏi tắt, chẳng chốc nữa lạnh.

Rồi Lộc và Mai ngồi yên lặng. Hai câu nói của hai người là tự nhiên vô tình thốt ra. Nhưng ngọn lửa gợi ra trong tâm trí hai người biết bao nghĩa chẳng ngờ.

Có tiếng gà gáy ở sau nhà. Mai bảo Lộc:

– Quá nửa đêm rồi. Thôi anh đi ngủ cho khỏi mệt để mai về chuyến xe sớm.

Lộc nồng nàn nhìn Mai, Mai đứng dậy toan vào buồng Huy để ẵm Ái sang giường mình, lấy chỗ cho Lộc nằm, thì Lộc giơ tay bảo ngồi xuống.

– Em nên nghĩ lại, em nên thương anh...

Mai ngắt lời:

– Em đã nghĩ kỹ rồi. Không thể nào chúng ta còn sum họp một nhà được nữa.

Sau tiếng thở dài, Lộc hỏi một cách chán ngán:

– Không thể nào?

– Vâng, không thể nào, bây giờ không còn lúc chúng ta than thở, khóc lóc với nhau được. Chúng ta chỉ nên bình tĩnh mà suy xét. Em xin hỏi anh câu này: em có thể làm vợ anh được không?... Đấy anh coi, anh cũng không trả lời được câu hỏi bất thần ấy... phải, ta nên cứ thú thực với nhau rằng ta không thể ăn ở với nhau được nữa...

Lộc chợt nghĩ tới việc đương dự định. Chàng nói rất nhanh:

– Ta đi, đi thực xa, bất cứ nơi nào, đi lập lại gia đình, gây lại hạnh phúc.

– Không được. Nhưng anh hãy để em bàn hết mọi lẽ đã. Em đã nói chúng ta nên bình tĩnh mà suy xét, không nên sôi nổi vô ích. Vậy bây giờ có ba điều này, em đã nghĩ ngay từ chiều. Một là: em có thể lấy lẽ anh được không?

– Nhưng...

– Anh để em nói đã. Em xin thưa rằng: không thể được, đã có lúc em nghĩ: "Quý hồ hai ta yêu nhau là đủ, có hề gì cả với lẽ". Nhưng không thể thế được. Em yêu anh mà em cứ nơm nớp sợ hãi người vợ cả, mà lúc nào em cũng tưởng tới sự chia đôi ái tình với người ta thì sự yêu ấy có khổ sở bằng mấy mươi sự cách biệt nhau. Lại điều này nữa. Khi anh bỏ em...

– Trời ơi!

– Khi anh bỏ em để cưới vợ thì em cho là người ta cướp chồng em. Nay lại trái ngược, nay đã thay hẳn bực đổi hẳn ngôi. Nếu em bằng lòng lấy lẽ anh tức là em cướp chồng của người ta vì cứ tin lời anh, và em cũng chắc như vậy, thì anh sẽ ruồng rẫy vợ anh mà âu yếm riêng em...

– Mai! Em...

– Anh để em nói đã. Em không muốn thế. Đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai là anh chẳng cần phân cả lẽ gì, anh chỉ biết có anh có

em. Chúng ta biệt lập hẳn một gia đình ở đây, một gia đình thứ hai của anh...

Lộc vui vẻ nói tiếp:

– Gia đình chân thật của anh.

Mai cười gằn:

– Còn gia đình kia là gia đình giả dối chăng? Không, không thể được. Vì ở lẩn lút như thế ta sẽ không thể nào hưởng được hạnh phúc. Muốn hưởng hạnh phúc ta phải đường hoàng yêu nhau. Vậy thì sum họp mà làm gì. Sum họp mà không được sung sướng, lúc nào cũng lo lo sợ sợ, lúc nào cũng thấy đời mình không chắc chắn, ái tình của mình không chính thức thì sum họp mà làm gì? Thà cách biệt hẳn nhau, thà ở xa hẳn nhau có hơn không? Ở xa nhau mà hằng tưởng tới nhau, mà vẫn yêu nhau, mà có lẽ càng yêu nhau...

Cố làm ra lạnh lùng, Lộc hỏi:

– Còn điều thứ ba?

– Là cùng nhau đi trốn.

Lộc sung sướng, nồng nàn nhìn Mai. Nhưng Mai nói luôn:

– Chính em vụt có ý tưởng ấy ngay khi được biết anh yêu em như xưa.

– Em nói hơn xưa mới đúng.

– Vâng, em tin bụng anh lắm. Em cũng vậy, chẳng bao giờ em yêu anh bằng hôm nay... Mà xin thú thực với anh rằng suốt năm năm trời chẳng một ngày nào em không nhớ tới anh, không nhớ tới cái thời kỳ...

Mai ngừng lại. Và Lộc lắng hết tinh thần để nghe Mai nói dứt câu. Nhưng Mai thở dài tiếp luôn:

– Thôi anh ạ. Nhắc chi tới những chuyện ái ân thuở trước... Ta nên nghĩ đến chuyện bây giờ thì hơn. Ngày xưa khác ngày nay khác. Ngày nay anh có gia đình của anh mà anh phải yêu, phải săn sóc tới. Còn em, em cũng có một gia đình của em mà em có thể coi là sự an ủi cho một đời thất vọng...

Lộc tay đương cầm cái gắp than cời đống than cho hơi nóng bốc ra, vì củi cháy đã tàn mà đêm thì khuya và lạnh. Nghe Mai nói lời đó, chàng ngửng lên đáp:

– Sao lại thất vọng?... Nhưng em chưa nói hết điều thứ ba. Anh vẫn còn nghe văng vẳng bên tai câu "cùng nhau đi trốn" của em.

Mai thở dài:

– Không được. Anh chẳng nên có những ý nghĩ ấy... Anh thử tưởng tượng xem một tuần lễ sau, câu chuyện chúng ta đi trốn sẽ ầm ỹ đến thế nào. Còn gì là danh dự của anh, còn gì là...

Lộc chặc lưỡi:

– Anh cần gì danh dự!

– Vâng anh không cần danh dự. Nhưng anh đi trốn với em để làm gì? Có phải để gây lại hạnh phúc cho đôi ta không? Vậy hạnh phúc ấy anh liệu có còn được hưởng nữa không?

Lộc toan ngắt lời, thì Mai đã vội nói luôn:

– Dù chúng ta ẩn núp ở một nơi hẻo lánh, dù chúng ta tìm tới một nơi rừng rú, mọi rợ, hay xa tấp đâu đâu ở tận thế giới khác, dù chúng ta sống như tự chôn vùi đời chúng ta vào một nơi sâu thẳm không ai dò biết tin tức, thì phỏng lương tâm chúng ta có được yên, có để chúng ta an nhàn mà hưởng sung sướng chăng? Hãy nói anh đã. Một ngày kia, nhớ tới cụ Án, nhớ tới vợ anh, con anh mà cho dẫu anh không yêu nữa anh khỏi sao không hối hận, đau đớn, khổ sở... Mà em, lúc bấy giờ nhận thấy rằng chính em đã làm cho anh phải hối hận, đau đớn, khổ sở, thì em càng hối hận đau đớn khổ sở gấp mấy?

Lộc hai tay ôm đầu đăm đăm ngẫm nghĩ. Trong lò trên đống tro tàn màu trắng xám, mấy mẩu củi cháy dở đã tắt hẳn. Mai lại nói:

– Đấy anh coi, ta mới tưởng tới mà cuộc đời tương lai ta muốn cùng nhau gây dựng đã hiện ra khắt khe, ghê gớm biết bao. Huống nữa là ta sống thực trong cuộc đời ấy.

Lộc thở dài cúi mặt như sợ không dám nhìn Mai. Những lời lẽ phân trần quá hợp lý của Mai khiến chàng ngờ rằng Mai không còn yêu chàng nữa. Cái giọng bình tĩnh dễ dàng của Mai chàng cho là không phải giọng ái tình. Chàng có hiểu đâu rằng thống khổ trong mấy năm trời đã làm cho Mai trở nên kiên nhẫn và biết phục tòng số mệnh. Chàng có hiểu đâu rằng những lời đo đắn trước sau của Mai, Mai đã từng bao phen tự thì thầm trong những đêm dài đằng đẵng. Những ý tưởng kia, Mai đã suy đi xét lại hàng nghìn hàng vạn lần thì làm gì nay Mai không diễn đạt được chu đáo. Mai nhớ những đêm giá rét một mình ngồi bên đống than hồng sau khi Huy đi ngủ.

Nhưng nào Lộc có hiểu tình cảnh một người thiếu phụ xa chồng. Chàng chỉ thấy đêm khuya lạnh lẽo và cảm thấy vì thiếu tình yêu của Mai mà lòng chàng lạnh lẽo hơn tiết trời đông. Tương lai, chàng tưởng tượng hình dung ra một con đường vạch giữa bãi cát trắng, mông mênh trơ trụi và đưa chàng đến một nơi vô định mịt mù. Se sẽ chàng bảo Mai:

– Em lý sự quá!

Mai cười đáp lại:

– Không, em không lý sự đâu. Em chỉ bàn hết điều phải, điều trái với anh mà thôi. Chúng ta không nên sợ lẽ phải, anh ạ. Anh thử nghĩ lại mà xem. Ngày nay mới có hai người chịu đau khổ, là anh và em. Nếu ta đi trốn thì ta cũng chẳng bớt khổ, có lẽ ta còn khổ hơn, mà ta sẽ làm cho biết bao người vì ta bị khổ lây: đằng anh thì cụ Án, vợ anh, con anh, bạn bè anh, đằng em thì em Huy. Vậy sao ta không vì người khác mà hy sinh ái tình cùng hạnh phúc của ta. Ta hy sinh hạnh phúc mà ta mới tưởng sẽ được hưởng thì ta càng nên hy sinh lắm... Em không biết anh nghĩ sao, chứ em hễ em thấy anh sung sướng thì em cũng sung sướng, nhất là từ nay trở đi, vì nay em không còn ngờ vực bụng anh chút nào nữa. Vậy anh nên vui vẻ mà gánh vác trách nhiệm của anh, mà làm hết bổn phận của anh đối với gia đình và xã hội. Trong khi ấy, ở một nơi xa xăm, một người anh yêu và yêu anh sẽ luôn luôn tưởng nhớ tới anh và ngày đêm mong mỏi cho anh được sung sướng.

Như đã tỏ bày hết các lẽ. Mai chờ câu trả lời của Lộc. Nhưng Lộc không đáp, chỉ đăm đăm nhìn lò đầy tro tàn mà ngẫm nghĩ đến những lời Mai vừa nói...

Bỗng Mai rùng mình, thấy hai bàn chân tê buốt. Nàng bảo Lộc:

– Chắc anh rét lắm.

Lộc chưa kịp trả lời, nàng đã đứng dậy xuống nhà. Một lát sau, nàng mang lên một ôm củi, rồi lúi húi nhóm lửa. Lò nóng lên bén rất mau. Chẳng bao lâu củi đã lách tách nổ. Có tiếng gà gáy. Mai hỏi Lộc:

– Anh không buồn ngủ?

– Không.

– Gà gáy sáng rồi đấy.

Lộc vẫn yên lặng nhìn lò sưởi. Mai đăm đăm suy xét. Rồi hình như sực nghĩ ra, nàng bảo Lộc:

– Ờ này! Sao hai ta lẩn thẩn lại cứ quanh quẩn mãi trong vòng ái ân, trong sự sum họp nhỉ. Ta không yêu nhau ở ngoài sự sum họp được ư?

Lộc mắt lim dim cố tìm chân lý trong những ý tưởng phức tạp của Mai.

Trong đầu Lộc bỗng nhiên hiện ra hình ảnh một chàng thanh niên cứng cáp quả quyết theo đuổi việc xã hội, những việc mà tất phải đem hết nghị lực và tài trí ra mới làm nổi. Trong khi ấy, ở một nơi hẻo lánh một thiếu phụ yêu chàng đương nhớ tưởng tới chàng, đương mong mỏi ở sự hành động của chàng, đương đếm từng bước chàng đặt trên đường đời.

Rồi Lộc nói:

– Cái ý tưởng cao thượng ấy sẽ làm cho anh phấn khởi. Phải, thở than, buồn bực có ích chi! Cái đời tẻ ngắt của anh mà anh cho là hết hy vọng, anh sẽ cam đoan với em rằng vì em nó sẽ thành một đời đầy đủ.

Thấy Lộc mặt đỏ bừng và mắt long lanh, Mai lo lắng:

– Anh không nên nghĩ xa xôi quá. Anh sung sướng là em sung sướng rồi.

Lộc như mê man:

– Nhưng em ạ, sao anh lại không nghĩ tới xã hội, đem hết nghị lực, tài trí ra làm việc cho đời. Rồi thỉnh thoảng hưởng một vài giờ thư nhàn mà tưởng nhớ tới em, mà yêu dấu cái hình ảnh dịu dàng của em, cái linh hồn cao thượng của em. Trời ơi! Anh sung sướng quá, anh trông thấy rõ rệt con đường tương lai sáng sủa của anh rồi. Đời anh từ nay thế nào rồi cũng đổi khác hẳn. Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa. Anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác, anh sẽ bỏ cái đời an nhàn phú quí mà dấn thân vào một cuộc đời gió bụi. Anh đã trông thấy hiện ra trước mắt những sự cay cực lầm than đương đợi anh. Nhưng anh không ngại, vì có em...

Lộc ngước mắt nhìn Mai:

– Em sẽ là người an ủi và khuyến khích anh.

Mai mỉm cười.

Trong lò sưởi ngọn lửa đỏ tươi vùn vụt bốc lên. Bụi than vàng lấm tấm như hoa, tiếng củi cháy lách tách reo vui. Hạnh phúc như bao bọc, như âu yếm hai tâm hồn khoáng đạt, đã siêu thoát ra ngoài vòng tư tưởng nặng nề, u ám.

Ngoài đường có tiếng người đi chợ sớm. Mai trông qua khoảng sân trước bảo Lộc:

– Kìa trời sáng rồi anh ạ.

Lộc ôn tồn nói:

– Thôi, anh đi, anh vui vẻ mà đi. Chúng ta sẽ xa nhau, mỗi người sống riêng một cuộc đời. Đời em, anh chắc sẽ được yên lặng. Còn đời anh, anh đã nói sắp sửa đổi khác hẳn, anh chưa biết rồi nó ra sao. Anh chỉ biết anh sẽ mãi mãi được sung sướng, vì anh tin rằng ngày ngày, tháng tháng lúc nào em cũng âu yếm nghĩ đến anh, như thế cũng đủ an ủi anh rồi... Em ở xa anh nhưng tâm trí hai ta lúc nào cũng gần nhau, thì trọn đời hai ta vẫn gần nhau.

Tia vàng ánh sáng mặt trời xiên qua khe cửa. Lộc tưởng tượng ngoài kia cảnh vật đương tưng bừng đón chào một ngày quang đãng.

HẾT

KHÁI HƯNG

GIA ĐÌNH

I

An bắn liền hai phát trúng hai con dẽ. Chàng mỉm cười, thong thả tra hai viên đạn khác, rồi ngón tay đặt hờ vào cò súng, đứng đợi. Vì chàng chắc thế nào đàn chim cũng còn bay trở lại khu ruộng nước ấy. Năng đi săn, chàng đã quen tính từng giống chim. Chàng biết rằng giống cuốc khôn ngoan, tài lủi, giống vịt, giống ngỗng đa nghi gìn giữ bao nhiêu thì giống dẽ ngờ nghệch ngu dại bấy nhiêu: Chúng như tìm đến tầm súng cho mình giết. An nhớ một lần ở thửa ruộng lúa chín, trong khoảng có hai giờ đồng hồ, chàng bắn được tới sáu con, cứ lần lượt rời chỗ ẩn bay ra.

Quả An đoán không sai. Chỉ năm phút sau đã nghe có tiếng kêu "chéc chéc!" ở đằng xa.

Rồi vụt một cái, đàn chim chao đôi cánh nhọn giơ cái bụng trắng và bay loăng quăng ở trước mặt chàng. Hấp tấp, An giương súng mở cò bắn trượt, nổ luôn phát nữa cũng không trúng nốt. Chàng chau mày chặc lưỡi nói lẩm bẩm, rồi lững thững đi tới gốc đa ngồi nghỉ.

Bỗng nhớ tới hai con chim chết nằm giữa ruộng, chàng liền quay lộn lại. Nhưng đứng ở bờ ngắm làn nước bùn, nổi váng như mỡ, chàng ngần ngại. Rồi nhìn vào cái túi vải vàng đựng ba con sen và hai con gáy, chàng bĩu môi nhún vai, đi thẳng.

Thằng bé con theo chàng từ sáng sớm để xem bắn, bỏ đi đâu một lát, bây giờ lại chạy đến. Nó vừa thở vừa nói.

– Thưa cậu bắn có được chim không? Con ở nhà nghe rõ bốn phát súng.

An mỉm cười:

– Được. Kia kìa!

Chàng giơ tay trỏ hai con chim nằm xõa cánh phơi bụng ở hai góc ruộng.

Tức thì thằng bé reo mừng, xắn quần lội ùa xuống nước nhặt chim. An cho nó năm xu, rồi thủng thỉnh đi tới gốc đa. Thằng kia theo sau hỏi:

– Thưa cậu, đàn chim sen ban nãy lại bay về bụi tre rồi, cậu có bắn nữa không?

Nghe câu mách, An dửng dưng không đáp.

– Bẩm cậu lại ngay.

An vẫn yên lặng, tiến bước. Về sau thấy thằng bé nhắc đi nhắc lại mãi, chàng gắt:

– Không bắn nữa! Mệt lắm rồi.

Thực ra An đi săn chẳng thiết được chim. Luôn nửa tháng nay, tuy ngày nào cũng mang về rất nhiều chim. An vẫn không có lại cái thú đi săn mấy năm trước, cái thú suốt buổi sớm bơi thuyền ở cửa biển hay lội qua bãi cói để đuổi theo đàn ngỗng. Chàng còn nhớ một hôm, hồi đầu năm, một hôm mưa dầm gió bấc, rét buốt đến ruột, chàng khoác cái áo tơi lá, ngồi núp sau đống cói tươi vừa cắt, trong khoảng gần ba giờ đồng hồ để đợi chim tới. Lúc nghe tiếng "quạc, quạc" từ ngoài biển xa bay lại chàng sung sướng, nóng bừng cả mặt, quên bẵng cả tiết trời giá lạnh. Rồi chàng kiên nhẫn đứng lom khom rình, đợi cái phút mổ cò, chuyên tâm chú ý, hai con mắt dán vào đàn chim ngờ vực lượn hàng chục vòng ở trên không, trước khi là là sa xuống bãi. Chàng như còn nghe thấy hai tiếng súng nổ liền nhau và trông thấy hai con ngỗng theo nhau chúc đầu, xõa cánh từ trên cao rơi xuống. Nhưng cái cảm giác sung sướng không trở lại nữa. Chàng coi như chàng không thể còn sung sướng được. Hạnh phúc mà chàng tưởng chắc chắn được hưởng đã cùng sự bình tĩnh xa lánh hẳn tâm trí chàng. Chàng không còn tin ở cái quan niệm sự sống và cách bài trí tương lai của chàng. Và chàng cảm thấy sự trống rỗng vô vị dần dần lấn sâu mãi linh hồn. Hôm nay cũng như những hôm trước đây, chàng vác súng đi săn, là để cố lấp sự trống rỗng đó.

Nhưng sự trống rỗng càng tăng. Nó như vết ung thư, mỗi ngày một loét rộng thêm và hiện ra trước trí tưởng tượng một cách rõ rệt như cái nhọt sâu kín kia hiện qua kính quang tuyến của ông thầy thuốc.

An chán nản ngồi ruỗi thẳng chân ở gốc cây đa to, rễ nổi xù xì. Từng cơn gió thổi lạt sạt trong đám lá rậm um tùm, lay rụng xuống

bên chàng những quả đa vàng úa răn reo. Thẫn thờ, chàng nhặt một quả, tẩn mẩn vân vê, ngắm nghía. Và buồn rầu chàng so sánh đời chàng với đời một quả héo, chỉ còn đợi giờ rụng.

Trước mặt An, mở rộng một cảnh bát ngát đầy ánh sáng trong của mùa thu, đầy sắc vàng thắm của ngàn lúa đến mùa gặt hái. Cảnh ấy năm ngoái đã làm cho chàng sung sướng, nghĩ tới ngày còn nhỏ, gặp lễ "Các thánh" được nghỉ học về quê thăm nhà chàng nô đùa chạy nhảy trong ruộng khô bên những người thợ hái vui cười, bên những đống lúa nếp vừa cắt tỏa hương thơm phức.

Hôm nay cảnh ấy cũng nhắc tới thời thơ ấu, song những ngày xa lắc kia chỉ cùng với một ý nghĩ buồn tẻ trở lại trong tâm hồn chàng.

Gia đình!

Không phải chàng ghét gia đình. Trái lại, khi xưa chàng rất yêu cha mẹ và được cha mẹ yêu. Về bên trai, chàng là con một, hai chị chàng lại lấy chồng sớm. Vì thế, từ năm mười hai tuổi, chàng như chiếm một mình tất cả tình âu yếm của song thân. Chẳng một dịp nghỉ nào, dù chỉ trong hai, ba ngày, chàng bỏ qua không về thăm nhà. Mẹ chàng là một người quê mùa, tư tưởng chất phác, nhưng không vì thế mà chàng dám coi thường. Nhiều khi chàng lại có những tính tình dịu dàng thân mật đọc được ở trong sách, hay nhận thấy ở gia đình người Âu. Một năm ở trường về nghỉ tết, chàng bá lấy cổ mẹ hôn chụt hai bên má, tuy hồi ấy chàng đã mười bốn, mười lăm tuổi. Bà mẹ ẩy con ra và cười ngặt nghẹo, khiến chàng thích chí lại hôn luôn một cái nữa. Câu "con tôi tây quá", còn như văng vẳng bên tai chàng. Không, chàng không tây, chàng chỉ nồng nàn yêu mẹ, và chàng không thấy cách nào tỏ cho mẹ nhận rõ lòng thành thực của mình bằng cách yêu của người Tây phương.

Đối với cha, thì tình yêu của chàng tuy không thân mật bằng nhưng sâu xa hơn. Ông Ấm, cha chàng, là con một viên lang trung. Ông hưởng được của cha mẹ cái gia tài khá lớn, mà suốt đời ông, ông đã chăm chỉ làm lụng để tăng mãi lên. Ông là một nhà nho dở dang. Nhưng ông không cố chấp, và ương ngạnh. Thỉnh thoảng An đem những tư tưởng mới ra giảng cho ông nghe, ông chỉ cười để tỏ rằng mình không tin, chứ không mắng nhiếc và gạt phắt con đi. An cũng thầm hiểu điều đó và lấy làm kính phục cha lắm. Vả không bao giờ chàng quên nhãng rằng nhờ cha sớm hiểu thời thế nên chàng mới nhận được nền học vấn và giáo dục Âu Tây ngày nay. Mỗi lần

gặp hai người con trai ông Án trong làng, chàng lại nghĩ đến điều đó. Một người là một anh đồ nho gàn dở, mang lắc lư trên đầu cái búi tóc to, và một người chẳng biết một thứ chữ gì, cả ngày lang thang thả diều hay đi bắt cào cào, châu chấu về nuôi chim.

Năm An mười sáu tuổi thì mẹ mất. An thương xót, đau đớn, tưởng như một phần thân thể, một phần linh hồn lìa bỏ chàng để rời sang một thế giới khác. Chàng ôm lấy thây mẹ gào khóc thảm thiết. Chàng không hề tưởng rằng tình mẫu tử lại có thể bị cắt đứt một cách mau chóng và đột ngột như thế. Hơn nữa, không bao giờ chàng nghĩ đến nỗi trong luôn hai ba tháng chẳng mấy tối không chiêm bao gặp mẹ, và không ngờ vực rằng mẹ vẫn còn sống.

Chàng không thể hiểu được tâm tính cha giữa mấy hôm tang ma mẹ, lấy làm kinh ngạc khi thấy cha bình tĩnh, lạnh lùng, thản nhiên bàn đến các công việc mời làng, mời xóm, khi thấy cha cười đùa, nói chuyện với bác, chú và gào thét, quát mắng đầy tớ ầm ĩ.

Năm hai mươi, An vừa thi xong bằng tú tài thì lại đến lượt cha chàng qua đời. Lần này chàng không lăn khóc, kêu gào như ngày mẹ chết, nhưng vết thương lòng, chàng cảm thấy sâu hơn. Vì chàng hiểu rằng mất mẹ, người con chỉ thiếu thốn tình yêu mến, nhưng mất cha, thì ngoài sự trông cậy nương nhờ ra, chàng như mất một sự thiêng liêng huyền bí mà chàng không biết đích là sự gì.

Đau đớn cho chàng nhất là cái chết của cha khiến chàng bắt đầu chịu mệnh lệnh oai nghiêm của gia đình! Chú và cậu chàng thấy anh ốm nặng, cha chàng thấy bệnh mình quá trầm trọng đều ép chàng phải cưới vợ, cưới chạy tang. Cha chàng đã hỏi con ông án Báo cho chàng. Trước kia chàng cũng không từ chối tuy không lấy gì làm ưng lắm, và thỉnh thoảng vẫn vâng lời cha đến thăm ông nhạc bà nhạc ở một làng thuộc hạt Hà Đông. Nhưng hễ cha bàn đến việc cưới thì lần nào chàng cũng gạt đi, nói xin để học xong đã. Cha đem hết các lẽ thiêng liêng của sự thờ phụng tổ tiên, của sự nối dõi tông đường, tha thiết khuyên con. An vẫn quả quyết với ý định của mình.

Nhưng lần này, nhìn cặp mắt yếu đuối, van lơn của cha sắp từ trần, chàng thương xót, không nỡ trái lời. Và chàng để mặc những người chung quanh định liệu bài trí việc hôn nhân một cách cẩu thả, hấp tấp, tuy vẫn theo đủ hết các điều lễ nghi phiền phức, nhỏ mọn, vụn vặt. Cha chàng nhận xong hai lạy của nàng dâu thì mỉm cười tắt nghỉ. Hình như ông Ấm cố ghì sức cùng, sống cho tới cái

phút quan trọng đó. "Con có thành gia thất thì cha mới đành tâm nhắm mắt được". Câu ông bảo con mấy hôm trước, tuy chỉ cốt để ép con lấy vợ, song có nghĩa chân thực đã từ hằng nghìn năm. Và An hiểu rằng chàng lấy vợ không phải vì chàng mà chỉ vì gia đình, vì tổ tiên, vì những người chết. Chàng cố cho đó là một sự thiêng liêng để không nghĩ đến nữa!

An, bản tính nhu nhược, hay nói cho đúng hơn, đối với chàng việc gì chàng cũng muốn thế nào xong thôi cho êm chuyện. Thuyết lý ầm ĩ để phản đối điều gì, hay để được làm theo ý mình, chàng cho cũng khó chịu, cũng khổ sở như phải làm theo một điều mà mình ghét.

Vì thế, trong việc tang ma ông Ấm, tuy An đã giải quyết làm giản dị, mà rút cục vẫn phải để mặc ông chú định liệu hết các khoản. Ngày mẹ chàng chết, chàng còn nhỏ chưa hiểu điều phải lẽ trái, vả đã có cha đứng trông nom, chàng chỉ biết vâng theo.

Lần này thì chàng nhận biết rằng những việc vâng kia là vô lý, và người bắt mình làm những việc ấy đối với mình không có đủ oai quyền. Người ta bảo chàng: "Chú cũng như cha". Nhưng chàng không sao tin được. Người chú mà không bao giờ chàng yêu như cha, và ít khi chàng gặp mặt hay chuyện trò thân mật với thì bảo chàng để nghiễm nhiên đến chiếm cái địa vị và giữ những trách nhiệm của cha chàng sao được?

An nhớ mãi hôm nén lòng vâng lời chú, sau mấy giờ cãi lý kịch liệt, chàng chịu đứng chủ tế trong một cuộc lễ bái long trọng, lễ tam sinh dâng cúng linh hồn cha. Chú viện hết các lẽ phải trong hết các trường hợp ra giảng cho cháu nghe. Cháu cũng lôi hết cái điều táp nham về linh hồn học, về các khoa thuần chính, nguyên lý học ra giảng cho chú nghe. Cố nhiên là hai người không hiểu nhau mà cũng chẳng thèm lưu ý đến lời nhau.

Nhưng giữa lúc hăng hái tranh luận, An bỗng buồn rầu bảo chú:

– Được, chú không cần viện đức Khổng của chú ra, cháu sẽ làm theo hết mọi điều.

Chàng vừa chợt nghĩ: "Hôm đưa đám, mình đã mặc chú làm đủ trăm thứ lố lăng, nào mời thầy bùa thầy bèn, nào đặt nhà táng minh tinh, thuyền bát nhã, nào bắt rước nghênh ngang ngoài đường những con lợn quay, những con gà luộc, lại thêm một sự lố lăng vào

bậc nhất trong những sự lố lăng: thuê hai thằng đeo mặt nạ đi theo múa hát pha trò hề để người đi xem cười phá lên từng cơn. "Mình đã chịu nhịn được những sự vô lý ấy thì sao hôm nay mình lại không tự ép đứng đại bái một lát cho xong chuyện, cho êm cửa êm nhà?".

Thế là tính nhu nhược đưa An từ sự nhượng bộ nọ đến sự nhượng bộ kia. Chàng đóng mũ rơm, áo sô, ngoài khoác cái áo ngắn đan sơ sài bằng sợi gai, lom khom chống gậy, theo dịp trống, theo người dẫn, thản nhiên, khoan thai bước vào cái ổ rơm làm lễ. Chàng đau đớn thương xót cha, nhưng lòng tức giận về sự giả dối của mớ lễ nghi phức tạp đã chiếm hết tâm hồn chàng làm cho chàng đứng trước linh tọa không còn nghĩ đến cha nữa. Chàng cũng không lưu ý tới một việc gì quanh mình, để mặc người ta mở sách gia lễ ra mà theo từng li từng tí, chỉ nóng nảy mong cho chóng diễn xong vở hài kịch có chàng đóng vai chính. Ý nghĩ vô lễ đối với cha làm cho chàng ứa lệ, nhưng chàng biết sao, người có tư tưởng không ai không nghĩ thế được. Chàng nức nở bưng miệng lâm râm khấn thầm tạ lỗi cha.

Có tiếng xướng dõng dạc: "Cử ai!" Phía sau, hai người anh rể khóc như hát: "Ha! hi hi!" Chàng không biết nên cho đó là tiếng khóc hay là tiếng cười. Còn hai người chị thì không khóc mà cũng không cười, họ chỉ kể lể những nỗi thương nhớ của họ ra.

An đương sụt sùi khóc, thấy thế bỗng im bặt. Người đứng bên chàng ghé lại khẽ nhắc: "Cậu khóc đi!". An chau mày lặng thinh.

Rồi đến lúc đọc văn tế. An quì đã sưng cả hai đầu gối, mà bác "quan viên" vẫn khoan thai, ngân nga kéo dài cái giọng hát nỉ non. Trước mắt An, trên thân con bò và con dê thui quấn nhây nhớp những lòng cùng gan, phổi, đàn ruồi bám đen kịt. An ghê tởm. Mùi hôi tanh xông ra, lẫn với mùi hương trầm, trở nên một mùi khó tả, càng làm cho chàng lợm giọng.

Chàng cố lắm mới giữ được vẻ trang nghiêm. Nhưng lúc người ta trịnh trọng hô rời rạc luôn ba lần một câu chữ nho mà chàng chẳng hiểu nghĩa là gì hết thì chàng không thể không thốt nhiên tưởng tới những tục mọi đã từng coi trên màn ảnh. Và chàng bật lên tiếng cười to. Chung quanh chàng, người ta lao xao: "Hừ! Con bất hiếu!".

Nay ngồi nhớ tới cái trò khôi hài ấy, An vẫn còn khúc khích cười. Chàng nghĩ thầm: "Chỉ tại mình nhu nhược để họ bắt làm theo ý họ. Sao mình không quả quyết ngăn cản đi!... Lại lần này nữa..."

An buồn rầu nghĩ tới hiện tại, nghĩ tới việc đương bắt chàng phải một mình chống cự lại với ba địch thủ : chú, cậu và vợ, nhất là vợ.

Chàng đeo súng vào vai đứng dậy lẩm bẩm:

"Quả quyết! Phải quả quyết!"

Qua thửa ruộng nước, An thấy mấy con dẽ vẫn chạy ăn, cái đầu và cái đuôi lắc lư như hai bên quang gánh của người đàn bà đi chợ. Chàng đưa mắt lơ đãng nhìn một lượt rồi thủng thỉnh bước qua.

*

Vừa về đến cổng, An đã nghe thấy tiếng Nga, vợ chàng, vui vẻ bảo đầy tớ:

– Kìa cậu đã về. Sắp cơm thôi.

Rồi nàng đon đả chạy ra:

– Cậu có bắn được chim không?

An hơi lấy làm lạ. Gần nửa tháng nay, vợ chồng giận nhau, không ai thèm nói với ai một câu tử tế. Cớ sao bỗng dưng Nga lại đổi tính nết? Chàng mỉm cười nhìn vợ hỏi:

– Hết giận rồi à?

– Chả bao giờ em giận anh... Vả lại anh có điều gì mà em giận?

– Thế à?

An đưa cho vợ cái túi vải vàng đựng chim.

Nàng ghé mắt đếm:

– Ồ! Anh bắn giỏi nhỉ! Được những năm con gáy,

– Em trông gà hóa quốc mất rồi! Có hai con gáy, còn ba con sen đấy.

Nga nói đùa:

– Hoài huẩn! Sao anh lại bắn chết chúng nó đi? Để em nuôi làm ba đứa ở gái có hơn không?

Không để ý nghe nên không hiểu câu khôi hài của vợ, An mệt nhọc thở dài ngồi xuống ghế. Có lẽ Nga cũng biết vậy, nên vờ ngây thơ hỏi:

– Chim sen là chim gì thế, anh? Sao lại gọi nó là sen như tên đầy tớ gái thế nhỉ?

An lặng lẽ, vào buồng thay quần áo, trong khi Nga xách túi chim xuống bếp.

Trong bữa cơm, Nga hết sức tránh không đả động đến những chuyện đã xảy ra giữa hai vợ chồng. Còn An thì chàng ăn mau cho xong, rồi thoái thác mệt nhọc vào buồng ngủ trưa.

Nhưng nào An có ngủ được. Chàng băn khoăn nghĩ đến vợ, đến sự thay đổi đột nhiên của vợ.

Chàng tự nhủ thầm: "Chẳng hiểu sao lần này Nga làm lành dễ dàng thế? Chắc lại có sự gì lạ đây! Hay đó là một mưu kế mới của Nga?".

An vẫn biết Nga thông minh lắm, và nhận thấy rằng nàng thường bày kế đưa mình vào tròng một cách rất khôn khéo.

Tự nhiên An cảm động muốn tha thứ vợ hết mọi điều và ra ngay nhà ngoài để cùng vợ bình tĩnh bàn bạc việc nhà.

Hai chữ "việc nhà" nhắc tới lại làm cho An chán nản. Thực ra chàng chẳng muốn bàn việc nhà với Nga. Vì quan niệm về sự sống trái ngược, hai người không thể hiểu nhau được. An thì thầm nói một mình: "Muốn hưởng hạnh phúc gia đình, vợ chồng phải có cùng một quan niệm, hay là chồng phải hoán cải được vợ, phải làm cho vợ có cái quan niệm của mình".

An mỉm cười nghĩ đến việc khó khăn ấy: "Hoán cải vợ! Chỉ sợ rồi mình đến bị vợ hoán cải mất thôi!".

Chàng ao ước có lại những cảm tưởng đối với vợ, buổi mới cưới, những cảm tưởng hoàn toàn tốt đẹp: Ngày ấy, cha chàng vừa mất, chàng thương xót, đau đớn. Nga đã an ủi chàng. Hơn thế, tình yêu dịu dàng của người vợ chân thật đã thay cho tình yêu âm thầm của người cha nhân từ.

Và chàng sung sướng vạch ngay ra một đời tương lai đầy đủ. Nhà chàng giàu có. Cha chàng để lại cho chàng ngoài ba trăm mẫu ruộng và của nổi rất nhiều. Vậy thì nghề nông hẳn là nghề chàng phải theo. Vả chàng rất thích làm ruộng và nuôi súc vật mà chàng yêu, ngay từ khi còn nhỏ. An liền thôi học.

Công việc thứ nhất của chàng là sửa chữa lại nhà cửa. Xưa kia, cha chàng quá cần kiệm, ăn ở luộm thuộm thế nào xong thôi. Đã nhận được một nền học vấn, giáo dục thái tây, nhất là đã nhiễm cách ăn ở của bọn lưu trú Pháp trong trường Trung học, chàng không

thể sống với sự thiếu thốn về vật chất được. Vả lại do cũng là một cách để tỏ lòng yêu vợ. Chàng đã hai, ba lần về thăm quê vợ. Chàng thấy ở nhà vợ cái gì cũng sang, từ nhà cửa, đồ dùng cho chí các thứ bài trí trang hoàng. Chàng không hề biết tiếc tiền, vì tiền ấy không phải tự chàng khó nhọc kiếm ra, nên thích cái gì là chàng sắm liền, làm liền.

Nga nhất nhất để chồng được chuyên quyền, tự ý không can ngăn một lời, không bình phẩm một câu. Có lẽ mới về nhà chồng nàng còn bẽn lẽn, ngượng ngùng. Có lẽ trong lúc chồng đau đớn vì cha mới chết, Nga không muốn làm phật ý chàng. Nàng như chỉ biết có một điều: Ngoan ngoãn chiều chồng. Nàng đáng yêu đến nỗi một hôm ông chú sang định kỳ kèo An về mọi sự phung phí, nàng van xin tha thiết khiến ông không nỡ to tiếng nữa, chỉ thở dài quay đi.

An biết chuyện, càng yêu vợ, càng vì nể vợ. Người vợ mà chàng đã tưởng là một cái nợ cho chàng sau này khi cha chàng bắt ép chàng phải thuận lấy, chàng không ngờ đâu nay chàng yêu được đến thế, yêu hoàn toàn về hết các phương diện.

Sau năm tháng, năm tháng sống trong ái tình "trăng mật". Một hôm Nga đột ngột hỏi chồng:

– Cậu định bao giờ đi Hà Nội?

An ngạc nhiên nhìn vợ. Nhưng chàng cũng mỉm cười hỏi lại:

– Mợ muốn ra Hà Nội chơi mấy hôm? Phải đấy, chúng ta đi Hà Nội chơi nhé?

Không thấy vợ trả lời, An lại nói tiếp:

– Nhân tiện sắm ít thức cần dùng, và mua mươi quyển sách. Vậy bao giờ ta đi, mợ?

Nga vẫn không đáp. Hai người yên lặng, ngồi nghĩ. Bỗng Nga lại hỏi:

– Cậu định sống mãi thế này à?

Lần này thì An kinh hoảng, không tìm được lời đáp nữa. Cái đời hiện tại mà chàng tưởng đối với vợ chàng cũng như đối với chàng là một đời đầy đủ, hoàn toàn, chàng không ngờ trong mấy tháng nay, vợ chàng chỉ nén lòng sống gượng.

Một lúc lâu, An bảo vợ:

– Nga chán cảnh nhà quê rồi! Nga không thích nghề làm ruộng?

Nga trả lời:

– Không, em thì em cần gì, em nói anh kia chứ.

– Nói anh?

– Vâng. Anh định già đời với cái nghề làm ruộng hay sao?

An nghẹn ngào, vừa bực tức, vừa chán nản, chán nản vì vụt tỉnh ngộ. Chàng nghĩ thầm: "Hừ! Đàn bà! Đàn bà họ thế cả, mình hiểu lầm họ được thì cũng lạ! Mình cứ yên trí rằng vợ mình là một người ở ngoài thường tình thì mình thực vô lý quá!" Nhưng còn ngờ vực chàng hỏi lại:

– Nga không thích nghề làm ruộng?

Nga cười:

– Anh hỏi thế thì em trả lời sao được!

Nhưng thấy mặt An đỏ bừng, nàng hiểu rằng chàng tức giận lắm, liền vui vẻ nói lảng sang chuyện khác.

Một tuần lễ sau. Nga lại quay về câu chuyện cũ. Nàng viện hết các lẽ để khuyên chồng, để tỏ cho chồng thấy nghề nông không phải là nghề của chàng, một người ham đọc sách, ham khảo cứu về văn chương.

An trả lời lại một cách lặng lẽ và cảm kích, bằng sự hành động: Chàng khóa hết tủ sách lại, ngày ngày mặc bộ quần áo vàng, đóng ghệt vào rồi đeo súng cưỡi ngựa đi thăm ruộng và chỉ bảo bọn người làm. Được mấy hôm, thân thể chàng mệt nhừ, nhưng chàng cảm thấy tâm hồn chàng khoan khoái nhẹ nhàng. Và chàng sung sướng đem bản chương trình dự định về việc mở mang ruộng vườn ra bàn với vợ.

Nga yên lặng, lơ đãng ngồi chờ cho chồng nói xong, rồi phá lên cười, cười một cách nửa ngây thơ, nửa mỉa mai.

– Mợ hãy cho tôi biết vì sao mợ cười.

Nga vẫn cười:

– Cậu mà trở nên... một nhà nông... thì em cũng đến chết.

An cáu tiết:

– Thế mợ bảo tôi chỉ có thể trở nên một nhà gì?

Nga cố nín cười, ôn tồn bảo chồng:

– Cậu còn đương ở tuổi đi học. Vậy sao không học nữa?

– Tôi hai mươi mốt mà mợ còn cho là chưa đến tuổi làm ăn, sống một đời tự lập!... Nhưng mợ bảo tôi học gì bây giờ?

Nga vờ ngẫm nghĩ:

– Cái đó tùy anh, chứ em biết thế nào được. Nhưng em thiết tưởng anh chỉ nên xin vào trường Pháp chính là hơn cả.

An lạnh lùng:

– Phải, tôi hiểu mợ rồi. Mợ muốn làm bà huyện chứ gì?

Thấy chồng trông rõ những ý nguyện trong thâm tâm mình, Nga tức tái mặt, vào buồng đóng sập cửa lại.

Từ đó, tấn kịch gia đình cách vài ngày lại diễn một lần, mà tình ái giữa hai vợ chồng một ngày một thêm phai nhạt.

*

Quả An đoán không sai: Nga làm lành với chàng là vì nàng vừa xoay chiến lược. Trong khi An đi bắn, nàng đã sang phàn nàn hết lời với ông chú và nhờ chú khuyên bảo chồng hộ.

Chú An, ông điều Vạn, là một nhà nho cổ, câu nệ và nghiêm khắc. Ông theo đuổi miệt mài nơi trường ốc cho tới khoa cuối cùng. Và ông mến tiếc đạo thánh hiền đến nỗi hai người con trai, ông bắt theo học chữ nho mãi tới năm mười hai, mười ba tuổi, thành thử về Pháp văn cũng như về Hán văn, học vấn đều dở dang.

Lúc tỉnh ngộ và hiểu rằng thời buổi này người ta chỉ có nhờ chữ Pháp mới thành đạt được, thì đã quá muộn rồi. Ông vẫn ghen ghét anh cả ông, vì thấy con anh học thành tài. Nhưng hỏng con, nay ông đành cố vớt vát lấy cháu, chứ biết sao. Ông muốn, ông hy vọng An sau này sẽ làm danh làm giá cho họ ông, cho họ Phạm nhà ông, vì ông tức tối thấy họ Hoàng có người hiện làm tham tá lục lộ và đương lăm le kế chân cụ huyện Yến mà chiếm lấy cái thủ bò, thủ lợn tiên chỉ. Ông nghĩ thầm: Nếu An làm tham tá phủ Thống sứ, phủ Toàn quyền hay hơn nữa làm tri huyện thì ở trong làng chẳng còn ai to hơn nữa, và chức tiên chỉ sẽ chắc chắn về họ ông. Từ ngày ông lang Trung, thân phụ ông khuất đi, ông vẫn hậm hực về nỗi những phần thủ bị những họ khác đoạt mất.

Vì thế, ông điều Vạn thất vọng xiết bao, khi ông nhận thấy An tỏ ý quả quyết với cái chí nối nghiệp cha, ở nhà trông coi lấy vườn ruộng. Đã hai, ba lần, ông sang nhà An, định răn bảo cháu, nhưng đều bị Nga khôn khéo can ngăn, nói xin chú hãy đợi ít lâu để

nàng sẽ đem lời hơn lẽ thiệt ra bàn với chồng: Thực ra, Nga vẫn tin rằng tài sắc mình có đủ mãnh lực cảm hóa được An, và ép nổi An làm theo ý muốn của mình.

Nhưng sự trái ngược đã xảy ra. Không những Nga không cảm hóa được An, mà nàng còn lo rằng một ngày kia vợ chồng sẽ sinh ra ác cảm lẫn nhau. Bực tức, khó chịu về cái tính bướng bỉnh của An: Nga đã có phen quá nặng lời nhiếc móc thốt ra những ý tưởng mà An cho là vừa phũ phàng, vừa bần tiện. Và chàng đã dám sống sượng bảo thẳng cho vợ biết thế. Chẳng giữ nổi bình tĩnh, nàng chu chéo:

– Phải, tôi bần tiện! Tôi bần tiện vì tôi chỉ là con nhà quê mùa, con nhà nông phu.

An cáu tiết cự lại:

– Dễ mợ phải nhắc tôi mới nhớ rằng mợ là con quan, và tôi là con thường dân.

Đuối lý – mà lần nào đuối lý cũng vậy – Nga chỉ còn đem nước mắt ra làm khí giới để đối địch lại. Vì bao giờ thấy vợ khóc, An cũng làm lành, xin lỗi. Rồi chàng đem hết những lời dịu dàng, âu yếm ra dỗ dành, an ủi.

Nhưng chí quả quyết của chàng hình như không một sự gì lay chuyển nổi.

Chẳng đừng được, Nga mới phải cầu cứu đến chú.

Chờ An ngủ trưa dậy, Nga vào buồng vui vẻ bảo chồng:

– Chú sang chơi thăm anh đấy. Em pha nước chú xơi rồi. Chú đương ngồi chờ anh ở phòng khách.

An chau mày tỏ vẻ khó chịu: Chàng thừa biết chú sang chơi vì việc gì.

Chàng vừa bước vào phòng khách và chưa kịp ngồi, ông điều Vạn đã sừng sộ thét vào mặt chàng:

– Anh là một người con bất hiếu, anh đã biết chưa? Khi bác ấm Cả qua đời có đối dặng dặn lại tôi phải khuyên anh học đến nơi đến chốn. Anh cũng nghe rõ đấy. Nay anh đã quên rồi sao?... Bây giờ anh sinh ra lười biếng, bỏ uổng cái chí xuất thân...

An mỉm cười, ngắt lời chú:

– Thưa chú, cháu xuất thân đã hai mươi năm nay rồi...

– Tôi không nói đùa với anh đâu!

Rồi tưởng An bẻ chữ "xuất thân" dùng sai nghĩa, ông điều ngẫm nghĩ, nhắc lại:

– Phải, tôi bảo anh bỏ uổng cái chí xuất chính nghĩa là ra làm quan, anh hiểu chưa?... Anh phải biết họ Phạm mình là một họ xưa kia vẫn có thanh thế nhất làng, nhất tổng, nhất huyện. Đời Trần có người làm đến thượng thư. Trải đời Tiền Lê, Hậu Lê có tới hai ông tiến sĩ. Kế đến đời Nguyễn ta, khi còn thi cử bằng chữ Hán, chẳng mấy khoa là không được ít ra một ông tú. Cụ lang Trung mà anh gọi là ông, ông thân sinh ra thầy anh với tôi cũng đậu cử nhân, mà đậu thứ năm, nghĩa là đậu rất cao. Nếu chưa bỏ khoa cử thì tôi nói có mặt anh đây, tôi chẳng tóm được cái cử nhân cũng vớ nổi cái tú tài. Họ Phạm ta xưa nay có chịu thua kém họ nào về học vấn đâu! Bao giờ cũng khoa bảng xuất thân.

An mỉm cười:

– Vì thế ngày nay cháu cũng khoa bảng xuất thân.

– Nhưng anh ương gàn không chịu xuất chính, thế mới khốn khổ!

– Thưa chú, cháu không xuất chính, thì cháu xuất nông cũng vậy.

Ông điều cười mát:

– Cũng vậy thế nào được? Các anh ngày nay dại dột lắm. Các anh tưởng thế là làm theo gương Âu–Mỹ. Hừ! Quy điền! Nhưng ở nước ta, làm ruộng chân lấm tay bùn, khổ sở, bị lép vế, bị bắt nạt, bị đòi hỏi, bị lạm thu, bị kiện cáo, bị trát đòi, bị tám mươi nhăm thứ bà dằn chứ có được sung sướng như ở bên Âu–Mỹ đâu. Tôi vẫn biết nhất sĩ nhì nông, nhưng có nông phải có sĩ, nông phải dựa vào sĩ mới sống được.

– Chú nói gì cháu không hiểu. Sao nông lại phải dựa vào sĩ? Hay chú muốn bảo theo nghề làm ruộng phải biết chữ. Nếu thế thì cháu thiết tưởng...

Ông điều lắc đầu ngắt lời An:

– Thế thì anh thiển cận quá. Thế thì anh chẳng hiểu việc đời một tí gì! Tôi nói nông phải dựa vào sĩ là thế này: Thí dụ anh ra làm quan...

An cười:

– Ấy là chú mới nói thí dụ đấy thôi.

Ông chú im bặt, tháo đôi mục kỉnh ra kéo vạt áo trắng để lau, rồi lại đặt lên cặp mắt sáng tuy hai bên khóe đuôi đã nhăn nheo. Đoạn, ông ngửa mặt đăm đăm nhìn cháu, vì An vẫn vừa nghe vừa hai tay thọc túi quần đi đi lại lại trong phòng. Bộ râu dê điểm bạc của ông cong lên ép xuống như tự nó cử động để dọa nạt An:

– Phải, tôi nói thí dụ. Nhưng nếu anh biết nghĩ, nếu anh biết ăn ở cho phải đạo, nếu anh biết nhớ công đức tổ tiên, nếu anh biết thương đến họ hàng làng mạc thì anh phải làm sao cho sự thí dụ ấy mau thành sự thực. Tôi nói gì anh ngắt lời, làm tôi quên mất rồi?

– Thưa chú, hình như chú nói: "Nông phải dựa vào sĩ mới sống được".

– Phải phải! Phải phải! Tôi nói thế. Này nhé: Thí dụ...

– Chú lại thí dụ.

– Anh đừng ngắt lời tôi.

Nga ra ngồi ở một cái ghế gian bên từ lúc nào, hai người đều không để ý đến. Chừng nàng sợ ông chú đuối lý nên ra đó để ủng hộ:

– Cậu vô phép quá! Sao không để chú nói, lại cứ ngắt lời chú thế?

An quay lại chau mày nhìn vợ. Ông điều Vạn cũng nhìn theo mỉm cười.

– Chị đấy à? Chị ạ, anh ấy chả coi tôi ra gì đâu.

– Cậu nên nhớ: chú cũng như cha.

– Phải. Chị thế mà biết điều hơn anh ấy đấy. Có phải không chị, tôi bảo anh ấy nông phải dựa vào sĩ mới sống được.

– Vâng, chú nói rất phải.

Kỳ thực, cũng như An, Nga chẳng hiểu thế nào là nông dựa vào sĩ.

– Này nhé, nếu trong họ mình không có người thần thế, không có ai ra làm quan, nhỡ gặp việc bị hà hiếp, thì lúc đó ai bênh vực mình, ai che chở cho mình? Mà những việc bị hà hiếp thì xảy ra luôn. Đấy anh chị coi, cụ án Bùi vừa mất được sáu tháng, cháu cụ làm thủ bạ đã bị người làng kiện về tội gian lận rồi.

An ngoái cổ lại cáu kỉnh đáp:

– Vì gian lận mới bị người ta kiện chứ! Mình thử không gian lận xem người ta có dám đụng đến mình không?

– Thì vẫn! Nhưng giá cụ Án còn, thì thách đứa nào dám kiện cháu cụ!

– Dù cháu cụ gian lận?

– Chứ lại gì! Anh coi, trong họ có người làm quan, thì sung sướng thế đấy. Chả có người ta lại nói: "một người làm quan cả họ được nhờ". Ấy là cụ đã về hưu rồi mà người ta còn kiêng nể họ nhà cụ như thế, chứ ngày cụ tại chức thì không những người ta kiêng nể, mà người ta còn sợ sệt, nịnh hót nữa cơ. Tôi kể cho anh nghe câu chuyện này, anh đủ hiểu. Ngày năm ấy, ông huyện về bắt bạc làng ta. Trong số con bạc có rất nhiều người trong họ Bùi. Nhưng khi giải huyện, người ta chỉ thấy toàn người họ Nguyễn, họ Hoàng, với họ Phạm. Tôi nói họ Phạm là họ Phạm nhà ta ấy. Giá họ Phạm có lấy một ông huyện tại chức thôi thì ai đã dám xúc phạm tới?

An cười:

– À, ra theo ý chú, thì làm quan, mục đích là để dung túng họ hàng làm điều phi pháp.

– Anh cãi lý sự cùn, khó nghe quá. Phải không chị tú?

Nga lễ phép đáp:

– Thưa chú, quả có thế.

– Đừng nói đâu xa, chị tú ạ, cứ một cái giấy sức ngày nào cũng đủ chết điếng đi rồi! Chị tính thân danh mình là một ông tú, mà lại ông tú tây, thế mà ai lại người ta không thèm nghĩ đến giữ thể diện cho mình, trong giấy sức, người ta viết: "Sức cho tên Phạm Văn An lên huyện lĩnh giấy phép súng"... Tên Phạm Văn An!... Nếu người ta kiêng nể thì ít ra người ta cũng viết: "Sức cho ông tú Phạm..." Nhưng họ mình không có quan, người ta cần gì, vì người ta biết mình chẳng làm cóc gì được người ta.

An tức uất người, mặt nóng bừng, yên lặng đi đi lại lại trong ba gian phòng. Nga thấy vậy, bảo chồng:

– Cậu ngồi xuống mà nghe chú dạy, chứ sao lại cứ thọc tay vào túi quần mà đi như thế có mỏi chân không?

An quay lại gắt:

– Mợ mặc kệ xác tôi!

Ông điều Vạn thở dài, phàn nàn:

– Nói chuyện với người không hiểu nghĩa lý, thêm bực mình!

Ngừng một lát, ông lại hỏi An:

– Vậy anh định ra sao?

– Cháu chả định ra sao cả, cháu chỉ thích nghề nông, nhà cháu có hơn ba trăm mẫu ruộng, cháu phải ở nhà để trông coi lấy.

– Tôi xin trông coi cho anh. Anh cứ đi học, ở nhà đã có tôi. Tôi cam đoan với anh rằng anh không phải lo lắng một tí gì về việc nhà hết. Miễn là anh cứ gắng sức học thành tài để mai sau ra làm quan mà làm vẻ vang cho họ cho hàng.

Không muốn tranh luận nữa. An vờ vui tươi trả lời chú:

– Chú để cháu nghĩ chín đã. Cháu sẽ xin định liệu.

Tiễn ông điều Vạn ra khỏi cổng, An quay vào mỉa mai bảo vợ:

– Mợ cầu viện binh để tổng công kích tôi đấy phải không?

Nga tươi cười nũng nịu đáp:

– Ô hay! Em biết đâu! Chú bảo chú sang chơi thăm anh. Em có ngờ đâu rằng chú cự anh.

– Thế sao mợ không bênh vực tôi lại đi a dua với chú?

Nga mắng yêu chồng:

– Anh ăn nói hay nhỉ! Chú cũng như cha, anh quên rồi sao?

An bĩu môi quay ngoắt ra vườn.

Hôm sau lại đến lượt ông cậu. Cậu An, ông tổng Biền, xưa làm tổng sư, nay nghỉ, ngồi dạy dăm đứa trẻ cho đỡ buồn. Ông điềm đạm, hiền lành và khi nói chuyện với An, không hề giở quyền thúc bá ra như ông chú. Vì thế, An yêu cậu hơn chú, và mỗi lần trái ý cậu, chàng vẫn lấy làm hối hận.

Lần này muốn tránh cãi lý với cậu, An chỉ ngồi im để mặc cậu nói, để mặc cậu khuyên bảo dỗ dành. Đoạn chàng ôn tồn đáp lại:

– Cám ơn cậu dạy bảo, cháu sẽ xin vâng theo. Nhưng cậu để cháu nghĩ chín đã.

Thế là lớp kịch gia đình tay đôi nay đã chuyển sang tay tư rồi. Và An, hiểu rằng từ đây chàng khó lòng sống bình tĩnh, và hưởng hạnh phúc được nữa.

*

Ở xe điện xuống, An vui vẻ ra ngay bến xe hơi để lấy vé. Nhưng người ta trả lời chàng rằng không còn chuyến nào đi Vân Đình nữa. Chàng thản nhiên trở lại chỗ hàng nước, mỉm cười bảo vợ:

– Hết ô tô rồi, mình ạ.

Nga chau mày, đáp:

– Thế mà cậu còn cười được?

– Chả cười dễ mếu? Hết ôtô thì thuê xe tay, thế thôi.

– Thì hãy thế thôi.

An trong lòng vui sướng, không lưu ý đến giọng nói dằn vặt và vẻ mặt khó chịu của vợ. Hơn tuần lễ nay, không những Nga để linh hồn chàng được thư thái, mà nàng còn hết sức âu yếm với chàng nữa. Chàng hy vọng thầm rằng Nga bắt đầu đổi tính nết và cuộc đời tương lai của hai vợ chồng không đến nỗi tan nát như chàng đã tưởng. Chàng có ngờ đâu sự thay đổi tính nết nhất thời của Nga chỉ do một cớ rất thiển cận, tầm thường: Nàng muốn chồng về cúng ky nhà mình.

Cách đây hơn một tháng, vào dịp tết nguyên đán, vì vợ chồng giận nhau, An không đi mừng tuổi cha mẹ vợ, khiến Nga phải viết thư về tạ lỗi và nói dối rằng chồng ốm nặng. Nàng vẫn lấy thế làm đau lòng, nên lần này trước ngày ky ông, nàng cố nén làm lành với chồng để chàng khỏi bỏ giỗ như chàng đã bỏ tết.

Quả thực Nga muốn sao được vậy. Thấy chồng mừng rỡ được mình hết giận, nàng sung sướng nghĩ thầm: "Lợi dụng sự giận chồng được đây". Và nàng tưởng ngay đến phương pháp để bắt An làm theo ý muốn của mình: "Phương pháp ấy phải dùng cho khôn khéo lắm mới được, vì già néo thì đứt dây, có thể nguy kịch!".

Nga lại vừa thoáng có ý nghĩ ấy nên thốt buột miệng nói một câu hờn dỗi, nàng tươi cười chữa ngay:

– Phải đấy mình ạ, đi xe cao su thế mà thú hơn ô tô. Tránh được cái tội làm cá hộp.

An cũng cười thẳng thắn nói tiếp :

– Và cái nợ để người ta om mình như om tôm.

– Om cua chứ ai om tôm?

– Thì om cua! Đằng nào cũng thế.

Rồi hai vợ chồng lên xe. Trên con đường chiều giữa những đồng lúa xanh, An theo đuổi giấc mộng êm đềm bỏ dở, và chàng sung sướng nhìn vợ mỉm cười.

Nga bảo anh xe kéo lên đi ngang với xe chàng, rồi quay sang nói:

– Cậu ạ, thế nào lão huyện cũng về.

– Mình nói anh Viết?

– Chứ còn ai nữa? Cậu có gặp hắn thì chào qua loa thôi, chẳng việc gì mà phải vồ vập.

Giấc mộng êm đềm vụt đứt. An cố nuốt tiếng thở dài. Và chàng chán nản tự nhủ thầm: "Hết gia đình của mình, đến gia đình của vợ! Còn bao giờ thoát được ra ngoài vòng!". Nga lại tiếp luôn:

– Nó được thầy mẹ yêu, lên mặt lên mũi quá!

An hơi cau mày:

– Mình cứ tưởng thế đấy, chứ tôi chẳng thấy anh ấy lên mặt lên mũi bao giờ.

– Cậu thì còn biết cái gì nữa!

Câu mỉa mai của vợ càng làm cho An cáu tiết thêm:

– Thì cứ mặc anh ấy có được không? Anh ấy lên mặt lên mũi thế nào được với tôi mà tôi cần? Đã bao nhiêu lần tôi khuyên mợ chỉ nên nghĩ đến mình, đến hạnh phúc của mình thôi, còn ngoài ra mặc.

– Nào có mặc được. Còn cha mẹ, còn gia đình...

– Gia đình của chúng ta là tôi, mợ và đứa con đương nằm trong bụng mợ.

Nga lườm chồng bĩu môi:

– Cậu thì thế được, vì cậu văn minh, vì cậu theo chủ nghĩa cá nhân... Nhưng tôi, tôi còn có cha mẹ, còn có anh trai tôi, em trai tôi, chị gái tôi, em gái tôi, tôi còn phải nhớ ngày giỗ, ngày tết...

An ngắt lời:

– Thôi mợ, để khi nào về nhà, ta hãy giở những chuyện ấy ra.

Từ đó, hai người lại im lặng, không ai nói với ai một lời...

Mãi nhá nhem tối, An và Nga mới về đến nhà "cụ án Nguyễn". Ở

làng Đống người ta quen gọi thế để phân biệt với "cụ án Bùi", vì trong làng có hai ông án cùng về hưu trí.

Đến cổng, Nga quên giận, đứng lại bảo chồng:

– Cậu nhớ nhé, nhớ xin lỗi thầy mẹ, vì độ tết cậu ốm không về dâng tuổi thầy mẹ được.

An chau mày:

– Nhưng tôi có ốm đâu?

Nga gắt:

– Nói dối một câu vô hại, thì đã chết ai?

– Không chết ai, nhưng mà khó chịu.

– Khó chịu về nỗi gì?

– Về nỗi phải nói dối.

Một đứa đầy tớ gái nghe gọi cổng, đã chạy ra. Nga bấm An bảo im.

– Lạy cô ạ, lạy cậu ạ. Thế thì kỵ năm nay vui quá.

– Cụ đâu, Sửu?

– Thưa cô, cụ đương ngồi ở phòng khách.

– Cả hai cụ?

– Vâng, cả hai cụ.

Nga trông qua bức tường bình phong gạch xây mắt cáo thấy mấy gian phòng sáng xanh dưới cái chụp cây đèn măng sông.

– Có khách nào thế, Sửu?

– Thưa cô không, ông Huyện, bà Huyện đương ngồi hầu chuyện hai cụ.

– Cả anh Huyện, chị Huyện cũng về?

– Vâng, thưa cô, kỵ năm nay vui lắm, ông Huyện bà Huyện này, cậu Tú cô Tú này...

Nga mắng át:

– Sửu, tao cấm mày, không được gọi thế. Tao đã lấy chồng thì ít ra mày cũng phải gọi tao là mợ, hiểu chưa? Với lại mày gọi ông Huyện bà Huyện, thì sao mày lại không gọi ông Tú bà Tú? Chỉ được cái láo quen!

Sửu sợ hãi đưa hai người phu xe xách hai cái va li cất vào buồng bên. Nga bảo An:

– Cậu đã thấy gì chưa?

An chau mày:

– Tôi chưa thấy gì cả.

– Cậu thì còn thấy cái gì!

Hai người tiến vào trong phòng khách. Ông Án, bà Án ngồi trên cái sập sơn son thiếp vàng. Liền sập kê một bộ bàn ghế trắc kiểu Tàu pha kiểu Pháp thập bát thế kỷ, bàn lượn sáu múi, chân vòng cánh cung, ghế sáu cái, bốn cái vuông và hai cái dài, lưng dựa chia ra hai phần. Một bên chạm bài thơ chữ Nho và một bên trổ tứ quy. Bộ bàn ghế nhà ông án Nguyễn cũng giống những bộ thấy bày trong nhiều khách đường các nhà quan, nhưng lại có thêm một đặc sắc, là bốn câu thơ ở bốn cái ghế vuông, không câu nào toàn vẹn bảy chữ. Câu thì có sáu, câu thì còn năm, có câu lại chỉ trọn vẹn ba chữ. Ông án Nguyễn là một nhà đại khoa, văn chương thi phú nổi tiếng khắp mấy tỉnh đường ngoài, nên ông không "ngửi" được những chữ Nho "nặng mùi" kia. Hôm người ta vừa khiêng bộ bàn ghế về tới nhà, ông cho gọi ngay một bác phó mộc đem tràng đến đục để làm cái việc "tẩy uế". Hai chữ "tẩy uế" ông vui sướng nhắc đi nhắc lại mãi.

Sau cái sập là cái tủ trà bằng gụ khảm xà cừ kê trên đôi mễ. Ở gian bên, trong một cái tủ đứng kiểu Nhật Bản có bày đủ các đồ quý, nào bát sứ, đĩa sứ tàu, nào ngọc Vân Nam, nào voi, ngựa bằng đồng. Phía bên kia là đối diện với cái tủ Nhật Bản, cái tủ ăn bằng mun đồ sộ, bề thế, đứng gần chật khoảng giữa hai hàng cột. Cái tủ ấy một hôm lên chơi Hà Nội, ông Án đã mua ở nhà bán đồ cũ bằng giá tiền mấy cái bát sứ để lại cho một cửa hàng đồ cổ quan, ở phố ga.

Trên tường bên tả treo hai thanh kiếm An Nam giao nhau theo hình chữ X. Chuôi kiếm bằng răng voi, bao kiếm bằng gỗ trắc khảm xà cừ và bịt bạc dát vàng. Ông Án đã nuôi thợ kim hoàn ở trong nhà để làm, và trông coi từng ly từng tý.

Phía bên hữu, treo cân đối với đôi kiếm ta là một thanh kiếm tây và một cây súng hai nòng. Thanh kiếm ấy vừa to vừa dài và lưỡi lại thẳng, ông Án quý lắm, quý như một thứ đồ cổ, tuy nó chỉ cổ được độ vài chục năm: Thời ông Án còn tại chức, một ông phó sứ đã đổi nó

cho ông lấy một cái bát Giang Tây. Ông thích quá, ngắm nghía suốt mấy ngày, rồi gọi thợ ảnh đến chụp cho ông một bức hình vận đại trào tay chống thanh kiếm tây.

Bức hình ấy đem phóng đại, tô màu và treo ngay giữa phòng khách trên cái tủ trà khảm. Khi chụp, râu ông còn đen, mặt ông còn phương phi đầy đặn, thân thể ông còn vạm vỡ, nở nang trông có vẻ võ tướng lắm, dẫu cái mũ cánh chuồn hơi yếu đuối một chút. Chẳng lần nào có khách đến chơi mà ông Án quên không khoe bức ảnh, và gật gù tự đắc ngâm nga: "Cứ tưởng rằng văn mà hóa võ". Rồi ông thích chí cười ha hả.

Cái phòng khách chật ních những đồ quí giá ấy. An ngắm mãi đã quen mắt lắm rồi. Nhưng chàng vẫn không thể giấu nổi cái mỉm cười, vì mỗi lần chàng đến lại thấy có thêm bớt một vài vật. Cái tính đổi chác, bán đi mua lại vẫn là cái tính cố thủ của ông Án, nó hầu như đã trở nên một cố tật. Vì thế, trong số bốn cái thống lớn bày bốn chân cột gian giữa, An chỉ thấy còn hai. Mà ở bức bàn giáp góc hai gian bên, mới có thêm hai pho bụt ốc khổng lồ, nước sơn đã gióc để hở từng đám bạc mờ, từng khoảng cốt đen loang lổ.

An vừa chắp tay chào, vừa đưa mắt nhìn vòng một lượt ba gian phòng rộng và cao, như ba gian đình với những kèo, trụ chạm trổ rồng phượng rất công phu.

– Cậu cũng về được?

Bà Án tiếp lời chồng:

– Khá nhỉ, còn nhớ ngày giỗ ông kia? Ngồi chơi đấy.

Viết đứng dậy ngả đầu chào Nga rồi ra bắt tay An.

– Chú thím vẫn được mạnh?

– Cám ơn anh.

An lạnh lùng ngồi xuống ghế. Còn Nga thì rón rén đến gần sập, se sẽ nói:

– Bẩm thầy mẹ, dạo tết nhà con ốm, nên chúng con không về hầu thầy mẹ được, xin thầy mẹ tha tội cho.

Bà Án cười:

– Xa xôi thế, về làm gì? Thôi, bây giờ lấy chồng thì biết nhà chồng, thầy mẹ ở nhà đã có các anh. Ngồi uống nước, cô Tú.

– Bẩm thầy mẹ, anh Tham con có về không ạ?

Bà Án càng kéo dài lời nói:

– Anh ấy thế nào được với cậu mợ. Con trưởng thì ngày giỗ ngày tết phải về chứ.

– Bẩm, cả cậu Minh cũng về?

Bà Án hơi dấu dịu:

– À, em Minh bận học không xin được phép. Năm nay nó thi tú tài, nên mẹ viết thư bảo nó đừng về. Cả em Bảo cũng vậy.

Bảo là con gái út, nên được bà Án thương yêu nhất nhà, cho học chữ Pháp, hiện đương theo năm thứ tư trường Đồng Khánh ở Hà Nội. Nga biết rằng muốn được lòng mẹ, không gì bằng tán tụng em, nên khen một câu.

– Bẩm mẹ, năm nay em con thi ra thì thế nào cũng đỗ.

Bà Án sung sướng mỉm cười:

– Các cô yêu em thì cứ tưởng thế, chứ tôi xem ra nó học cũng còn kém.

– Bẩm, kém gì đấy. Lần thi lên lớp, em con đứng đầu.

Cái khéo léo của vợ hình như đã đỡ đần được cho chồng một vài phần.

Bà Án ân cần bảo An:

– Cậu Tú xơi nước đi chứ.

– Bẩm, vâng ạ, mẹ để mặc con.

– Trông cậu độ rày không được khỏe, phải uống thuốc mới được.

Rồi bà Án và hai con gái xuống nhà để cắt đặt, sửa soạn các công việc.

An cũng muốn tìm cớ lảng ra vườn vì thấy ông nhạc chỉ quay sang nói chuyện với Viết, thỉnh thoảng mới bảo mình một câu không đầu: "Cậu Tú uống nước", "cậu xơi thuốc" hay "cậu Tú năm nay hăm nhăm tuổi rồi nhỉ?".

Nhưng chàng vẫn ngồi, vơ vẩn ngắm hết thức nọ thức kia, ngần ngừ, do dự. Đã hai, ba lần chàng nói: "Bẩm thầy, con xin phép...". Chàng toan xin phép xuống nhà, song thấy ông Án không để ý đến mình, và vẫn nhỏ to bàn chuyện với Viết, nên chàng lại thôi. Về sau chàng nghĩ thầm: "Đã thế ta thử lắng tai nghe xem sao".

Và chàng nhận ra rằng chuyện của hai người toàn là chuyện việc

quan. Viết phàn nàn về thái độ bất công của ông Tuần phủ, về tính nết hà khắc của ông Công sứ. Rồi chàng quay ra phía An nói tiếp:

– Bẩm thầy, cứ như chú An thế mà lại hơn. Không lo sợ điều gì, thật là bình tĩnh, an nhàn, chẳng bị ai kỳ kèo, hạch sách.

An đã toan đáp lại một câu, nhưng chẳng tìm thấy câu gì đích đáng. Chàng yên lặng tự nhủ thầm: "Không lo sợ điều gì thì còn có lý, chứ bảo mình bình tĩnh, an nhàn không bị ai kỳ kèo, thì thực anh ấy ước cho mình những sự cao xa quá".

Chàng nhìn Viết nghĩ tiếp: "Hay vợ anh ấy tốt hơn vợ mình, để anh ấy được yên thân?". Và chàng chua chát mỉm cười: "Hừ, còn kỳ kèo chồng về nỗi gì, được làm bà lớn là toại chí rồi!".

Chàng lẩn thẩn thương hại Nga: Lúc mới thoạt trông thấy chị, nàng sa sầm ngay nét mặt. Chàng vẫn tưởng chị em cách biệt nhau lâu ngày, nay gặp nhau thì vồ vập vui mừng. Nhưng trái hẳn, hai người lạnh lùng nhìn nhau, lạnh lùng chào nhau, uể oải, rời rạc nói chuyện với nhau như hai bên xưa nay chưa từng quen biết: "Vợ mình tức tối chị, vì chị là bà huyện đã đành, nhưng sao chị ấy cũng có vẻ khinh khỉnh đối với vợ mình. Hay chị ta cậy chị ta là bà quan?".

Viết và ông Án vẫn thân mật chuyện trò, để mặc An ngồi nghĩ liên miên. Bỗng An thấy thoáng bóng vợ ở ngoài hiên. Nga lượn đi, lượn lại và làm hiệu gật chàng ra. An liền đứng dậy lí nhí mấy tiếng:

– Bẩm thầy, con xin phép...

Ông Án quay lại đáp:

– Phải.

Rồi nghiễm nhiên nói tiếp câu chuyện với Viết.

An theo vợ ra vườn, phía sau nhà, đến đứng tựa vào gốc cây khế, như đã quả quyết chờ một cuộc chiến đấu. Nhưng Nga hình như quá buồn rầu, chán nản, khổ sở, chỉ ứa nước mắt nhìn chồng.

An lạnh lùng hỏi:

– Mợ sao thế?

Nga không trả lời. An đến gần, cố âu yếm hỏi lại:

– Mợ sao thế? Mợ mệt, phải không?

– Không.

– Vậy sao mợ lại khóc?

– Chả sao cả.

An đã hơi cáu:

– Nhưng mợ đưa tôi ra đây để làm gì?

Nga cầm khăn lau nước mắt, và cười gằn bảo chồng:

– Tôi đưa cậu ra đây để cậu không phải ngồi "chầu rìa".

– Chầu rìa?

– Phải chầu rìa. Nghĩa là thầy ngồi nói chuyện với anh Huyện, còn cậu ngồi bên chầu rìa như người ta ngồi chầu rìa tổ tôm mà không được đánh.

An đương căm tức bố vợ. Câu nói khích của vợ lại như gáo dầu đổ vào đống lửa. Chàng mím môi, trợn mắt trừng trừng nhìn Nga:

– Cần cóc gì!

Nga đổi ngay sắc mặt:

– Trước mặt tôi, tôi xin cậu cũng nên giữ gìn lời nói một tí.

An cười nhạt:

– Thực tôi không hiểu mợ một tí nào. Mợ vừa oán trách thầy khinh rẻ tôi xong. Thế mà tôi mới thốt ra một câu chẳng quan hệ mấy, mợ đã kỳ kèo tôi rồi. Có lẽ mợ chỉ cốt làm rầy tôi, làm cho tôi khổ sở, khốn nạn...

Nga đứng thút thít khóc và như nói một mình:

– Tôi làm người ta khổ sở, khốn nạn thì sao người ta không bỏ tôi ra, không xin ly dị tôi đi?

Vốn nhu nhược, An thấy vợ khóc, lại động lòng thương, ghé gần xin lỗi, rồi nói tiếp:

– Thôi, chúng ta vào trong nhà đi. Đứng đây mãi đã thấy lạnh rồi đấy. Có thai con so, mợ nên cẩn thận.

An tưởng nói đến con để vợ được vui lòng mà đừng nghĩ xa xôi nữa. Nhưng Nga như theo liền, như xoắn với cái ý tưởng độc nhất, cái định kiến bất di bất dịch:

– Cậu thì cậu không biết tức, biết nhục...

Cho tiếng nhục hơi nặng, nàng chữa:

– Phải, vì cậu là đàn ông, nên cậu gan được, chứ đàn bà chúng tôi lấy thế làm khổ sở lắm. Cũng là con, cũng là rể, mà một đằng thầy coi như viên ngọc quí, một đằng thầy coi như hòn gạch, hòn sỏi,

chịu sao được. Lại mẹ nữa, anh không biết đấy, mẹ thiên lắm kia. Anh tính, ban nãy cùng ngồi thái thịt ở dưới bếp, mà chị ấy bảo em thế này...

– Chị nào?

– Lại còn chị nào nữa! Chị huyện Viết chứ còn ai vào đấy. Chị ấy bảo em, bảo xách mé: "Này, Nga, đưa con dao đây". Em chả thèm nói gì, cứ nghiễm nhiên ngồi thái thịt. Chị ấy làm bộ, lên giọng bà huyện ra phết: "Nga! Điếc đấy à?" Em cáu tiết, ngửng lên cho một hồi: "Chị làm như em là cô chánh tổng, cô lý trưởng sở tại, vào huyện làm cỗ hầu quan không bằng!". Anh biết chị ấy đáp lại em ra sao không? Chị ấy bảo: "Vậy cô Tú làm ơn cho chị mượn con dao". Đấy, anh nghe, anh đã hiểu chưa?

An thản nhiên, mỉm cười:

– Chưa, anh chưa hiểu.

– Nói chuyện với cậu tức chết được! Cậu không hiểu chị ấy muốn dương cái tri huyện của chồng chị ấy ra?

– Nhưng chị ấy có dương ra đâu?

– Thế không là dương thì thế nào mới là dương?

– Ừ, dẫu chị ấy có dương cái tri huyện của chồng chị ấy ra nữa, thì cứ mặc chị ấy có được không?

– Thì vẫn mặc!

– Nhưng việc ấy có can dự đến mẹ đâu mà em bảo mẹ thiên lệch?

– Lại chả thiên! Như người ta công bằng thì nói tuế tóa một câu cũng xong. Đằng này không, cụ bênh chị ấy ra mặt, cụ bênh chị ấy vì chị ấy làm bà huyện, anh biết chưa? Cụ bảo: "Cái cô Tú này mới ương ngạnh, tai ác lắm chứ! Chị nhờ đưa con dao thế thôi, mà cũng chu chéo lên". Em tức mình, em chẳng giữ lễ phép nữa, em nói phăng ngay: "Bẩm mẹ nếu chị ấy nhờ con thì đã đi một nhẽ, nhưng chị ấy có nhờ con đâu, chị ấy sai con đấy chứ, mẹ muốn con làm đầy tớ chị ấy sao?"

An đứng nghe đã chối cả tai về câu chuyện gia đình nhà vợ. Chàng nghĩ thầm: "Sao mà họ dại dột, đi sinh sự với nhau như thế! Thì cứ ai phận nấy có hơn không? Hay đàn bà họ không bao giờ có được tâm hồn bình tĩnh, họ phải làm rầy người này, làm rầy người

nọ, tự làm rầy mình, luôn luôn như thế, họ mới sống nổi, không thì đời họ sẽ buồn tẻ quá chăng?"

Giữa lúc ấy có người đầy tớ chạy ra vườn:

– Ồ, cậu mợ đây rồi. Mời cậu mợ về lễ.

An chau mày:

– Sao bảo mai mới là ngày kỵ?

– Thưa cậu vâng, mai mới chính là ngày kỵ, nhưng năm nào cũng thế, phải cúng trước một ngày. Mai mới cúng cỗ nấu.

– Thế à? Nhưng...

Nga khó chịu, đưa mắt ra hiệu bảo chồng im. Nàng biết rằng trong những gia đình quý phái, bao giờ người ta cũng cúng lễ tiên thường trước một ngày như thế. Chồng mình tỏ vẻ kinh ngạc, chỉ phô rõ cái nguồn cỗi thường dân ra mà thôi.

*

Nhà thờ là hai nếp nhà lim năm gian, xây giáp nhau, dựng đã từng bốn đời. Ông án Bảo là con thứ, nhưng ngày giỗ cha mẹ năm nào ông cũng đứng ra cáng đáng hết các công việc, tuy người cháu đích tôn, con ông anh đã mất, cũng không lấy gì làm nghèo lắm. Ông cho rằng ông đã làm quan thì việc gì trong họ ông cũng phải coi như là một nhiệm vụ của mình. Vì thế, khi còn tại chức ông cúng giỗ cha mẹ ở huyện ở phủ, ở tỉnh. Nay về quê thì ông cúng kỵ ở bên nhà thờ lớn, thờ từ ông tổ ngũ đại trở xuống.

Qua sân để sang nhà thờ, An và Nga gặp Phương, Phương là em Phụng, và là anh Nga, An yêu mến Phương lắm, vì trong gia đình vợ, chỉ có Phương là đồng ý với chàng về quan niệm cuộc đời, và thành thực bênh vực chàng những khi bị mọi người khác lấn át.

An vui mừng chắp tay chào:

– Lạy anh, chúng em toan lên gác chào anh ngay lúc mới về, nhưng người nhà nói anh nằm nghỉ.

– Trông chú với cô độ này khá đấy. Chú sang nhà thờ lễ ông, chẳng thầy mẹ đương đợi.

– Anh lễ rồi?

– Tôi lễ rồi. Lễ xong lên gác chơi nhé?

– Vâng.

Nga lo sợ kéo vội chồng đi. Nàng biết rằng ngày kỵ nào cha mẹ nàng cũng đứng chầu cạnh bàn thờ cho tới khi ai nấy lễ xong. Và nàng nghĩ thầm: "Nếu thầy mẹ thấy vợ chồng mình đến chậm thì chốc nữa sẽ dằn vặt cho khổ sở".

Quả thực, khi bước chân vào trong gian thờ, An và Nga thấy ông Án bà Án vẫn chắp tay đứng bên mâm cỗ:

– Chỉ thiếu có anh chị thôi.

Tiếp lời chồng, bà Án cười mát:

– Thôi, không lễ cũng được. Cần gì, cậu mợ ấy theo mới.

Lễ xong, An và Nga lên gác thăm vợ chồng Phương Vân, vợ Phương là con một nhà buôn bán trung bình ở Hà Nội. Hai người yêu nhau, rồi lấy nhau sau khi người vợ chưa cưới của Phương đã chết.

Bà Án vẫn ghét Vân lắm, và toan nhất định không chịu nhận nàng làm con dâu. Nhưng bà sợ Phương mê vợ, bỏ giỗ, bỏ tết, nên bà nói bắn tin cho Vân biết mà về lạy bố mẹ chồng, xin lỗi.

Thấy Vân không đến nỗi "Hà Nội" quá như bà tưởng, bà Án đã rủ lòng tha thứ, nhưng bao nhiêu sự tức giận, bà trút cả lên đầu con trai mà bà cho là một thằng mê gái. Hồi ấy Phương đang học năm thứ ba trường Pháp chính, bà chắc thế nào chàng cũng thi trượt, và bà mong mỏi sẽ xảy ra như thế. Nhưng trái lại, không những Phương không trượt kỳ thi ra, mà mấy tháng sau chàng còn đậu luôn tham tá lục sự ngạch tây – năm ấy là lần đầu tiên người An Nam được thi vào ngạch này. Sự đắc thắng không ngờ của Phương đã lấy lại lòng thương yêu của cha mẹ. Và Vân nhờ đó đã trở nên nàng dâu cả chính thức.

Nhưng luôn ba năm, đến kỳ thi tri huyện, ông Án khuyên bảo thế nào Phương cũng không chịu xin dự thi. Vì thế, bao tội lỗi, Vân lại phải gánh lấy.

Hôm qua, vừa về đến nhà, nàng đã bị ngay một trận chửi mắng tàn nhẫn của mẹ chồng. Bực mình, nàng cáo ốm và bỏ cơm.

Thấy vợ chồng An lên, Phương mời ngồi chơi, rồi phàn nàn ngay đến việc lôi thôi giữa mẹ và vợ:

– Tôi khổ sở quá, chú cô ạ. Mẹ giận tôi thì mẹ không mắng tôi, mẹ chỉ mắng nhà tôi. Mà nhà tôi có tội tình gì đâu!

Phương đem câu chuyện thi cử ra thuật lại cho vợ chồng An nghe. Nga buồn rầu bảo anh:

– Anh còn oán thầy mẹ sao được? Nếu em là chị Tham thì em nhất định khuyên anh thi tri huyện.

Phương mỉm cười chua chát:

– Lại cô nữa! Cô cũng khuyên tôi làm điều vô lý ấy?

– Sao lại vô lý? Nhưng chị sao thế, để chúng tôi vào buồng thăm chị đã.

– Cô cứ ngồi chơi, nhà tôi sắp ra. Nhà tôi chẳng đau ốm gì cả. Bị chửi oan thì tức giận bỏ cơm đấy thôi...

Quả thực, Vân tươi cười ở buồng bên bước ra, nói tiếp lời chồng:

– Chào chú, cô! Chú, cô ạ, bỏ cơm nhưng đã ăn sữa và trứng rất nhiều.

– Chúng em không dám, lạy chị. Nghe nói chị khó ở, chúng em lên thăm.

– Thưa cô, tôi chả sao cả. Bữa cơm hôm nay tôi sẽ xuống ăn để mẹ mắng cho vui nhà.

Ngẫm nghĩ một lát, Vân lại nói:

– Chú, cô tính tôi biết làm thế nào. Nhà tôi không bằng lòng thi tri huyện là quyền ở nhà tôi, chứ tôi biết khuyên bảo ra sao...

Phương ngắt lời vợ:

– Chú An ạ, lương tôi bây giờ gần ba trăm, kể cả lương phụ cấp của vợ và ba con. Vậy tôi dại gì mà ra tri huyện ăn sụt xuống chín chục. Dẫu được bổ tri huyện ăn nguyên lương tôi cũng không ưng kia mà, vì tôi sẽ mất lương phụ cấp của vợ, của con. Gần một trăm bạc, lấy ở đâu ra mà bù vào đấy?

Vân cười láu lỉnh:

– Lấy ở đâu ra để bù vào đấy? Anh cứ ra tri huyện đi rồi sẽ biết lấy ở đâu ra để bù vào đấy.

Phương chau mày lườm vợ:

– Vả lại, còn phải thi, thì đã chắc đâu. Thầy mẹ làm như đã đi thi là tất đỗ.

Nga vốn muốn anh ra làm quan, nên phỉnh một câu:

– Thầy mẹ chắc thế là vì thầy mẹ biết anh giỏi. Thi tham tá lục sự mà anh đỗ đầu được, thì cái tri huyện làm gì anh không giật nổi.

Phương cười:

– Cô tưởng thế đấy thôi, chứ thi tri huyện khó hơn thi tham tá lục sự nhiều. Chấm thi tham tá lục sự, các khảo quan chỉ là những ông giáo sư, những ông quan tòa, còn kỳ thi tri huyện lại có cả các khảo quan An Nam nữa. Mà các khảo quan An Nam thì không phải là những cử nhân, tiến sĩ về một môn gì, về một thứ chữ gì, kể cả chữ quốc ngữ. Vì thế, các ngài nghiệt quá, hỏi khó quá. Vả mỗi năm, lấy có hai người, thì mình chen sao nổi vào số hai người ấy. Thi đã không chắc đỗ, mà nếu có đỗ lại bị sút lương gần hai trăm bạc, thiết tưởng có điên cuồng mới dự thi.

– Nhưng thầy mẹ đã muốn anh dự thi, thì anh cứ chiều ý thầy mẹ có hơn không?

Phương cáu tiết cự em:

– Cô lôi thôi lắm, sao cô không khuyên chú ấy ra thi?

– Anh chả phải giục em. Em vẫn khuyên nhà em đấy, nhưng nhà em có nghe đâu.

– Đấy, cô coi. Cái tri huyện ngày nay rẻ lắm rồi, bị tai tiếng nhiều lắm rồi. Tôi mà bỏ chỗ lương cao, ra cầu cạnh làm quan để được chín chục bạc một tháng, thì người ta sẽ dị nghị đến đâu... Người ta sẽ bảo... như nhà tôi bảo tôi ban nãy rằng số lương hai trăm bị sụt sẽ lấy ở... ở đâu ra để bù vào. Thôi, tôi xin cô đừng xui dại tôi nữa, cứ để mặc kệ tôi là hơn hết. Đến thầy mẹ bắt tôi còn chẳng được... nữa là cô.

Vân thấy câu chuyện đã trở nên gay go, liền lảng sang việc khác và hỏi thăm An về ruộng nương mùa màng. Nhưng chẳng bao lâu Phương lại quay về câu chuyện gia đình:

– Oai quyền của cha mẹ cũng phải có giới hạn mới được. Tuy tôi vẫn muốn phá bỏ cái chủ nghĩa đại gia đình, nhưng vì thương yêu kính mến thầy mẹ, tuổi già, nên tôi thường cố tự ép theo ý thầy mẹ để thầy mẹ vui lòng. Đến điều này thì không sao tôi chiều thầy mẹ được, vì nó có liên can mật thiết với tương lai của tôi. Tôi không thể vì muốn làm một con người có hiếu mà mang khổ sở suốt một đời.

Vân buồn rầu tiếp lời chồng:

– Nhà tôi nói cố ép chiều lòng thầy mẹ, thực không sai đâu, chú,

cô ạ. Chú, cô còn lạ gì tình yêu của chúng tôi. Thế mà đứng trước mẹ, nhà tôi vẫn phải làm ra mặt ghẻ lạnh với tôi, vì nhà tôi biết mẹ không ưa tôi. Nhà tôi cốt làm thế để mẹ bằng lòng mà thôi, ai ngờ đó lại chính là cách cứu vớt tôi: từ khi mẹ tưởng nhà tôi không yêu tôi, thì mẹ lại đem lòng thương hại tôi, bênh vực tôi nữa. Biết vậy, nhà tôi càng làm già, và có lần nhà tôi đã vờ dọa ly dị tôi. Đêm khuya, vợ chồng bàn bạc mưu kế với nhau, không ai nhịn cười được. Thực là một trò phường chèo!

An chợt nghĩ đến tình cảnh mình, buột miệng thở dài nói:

– Gia đình!

Phương ngạc nhiên hỏi:

– Chú thì làm gì còn có đại gia đình?

Thản nhiên, An đáp:

– Tôi còn chú, thím.

– Chú thím thì có oai quyền đâu bằng cha mẹ?

– Anh tưởng thế đấy thôi. Vả chú tôi lại có nhà tôi giúp sức.

Phương đăm đăm nhìn Nga. Giữa lúc ấy một tên người nhà lên mời ăn cơm chiều.

*

Ở sân nhà thờ người ta đã dựng một cái rạp bằng bốn hàng cột bương, trên che áo cót, chung quanh treo các bức trướng, các bức y môn thêu chỉ màu hay kim tuyến. Dưới rạp bày mấy chục bộ bàn ghế đủ các kiểu: nào bàn vuông, bàn dài, bàn tròn, bàn mặt đá hoa, nào ghế gụ, ghế lim, ghế sơn, ghế mây, ghế tràng kỷ. Bàn, ghế ấy, ông Án đã cho đi mượn ở khắp các nhà trong làng, và người ta sắm ra hình như mục đích cũng chỉ để cho mượn lẫn nhau, mỗi khi có ai cần đến. Mà họ cần đến luôn: Hết ăn khao, ăn mừng, đến ăn đám, ăn giỗ, quanh năm chẳng mấy ngày trong làng không có việc ăn.

Kể theo lệ thường thì ngày kỵ, người ta chỉ mời người trong họ, họ nội họ ngoại: ai đến ăn cỗ không cần phải đem vàng hương rượu nến, chỉ việc gửi ông trưởng vài ba hào nếu mình khá giả, hay dăm xu nếu mình nghèo túng.

Nhưng ông án Báo không thể theo lệ thường được. Gia đình ông là một gia đình quý phái, ông phải cư xử ra một nhà quý phái, nhất ông lại là tiên chỉ trong làng. Ngày xưa, khi ông còn tại chức, mỗi kỳ giỗ chính, nghĩa là ngày húy kỵ của song thân, ông vẫn gửi tiền về cho người cháu đích tôn làm cỗ mời làng, tuy ở phủ ông cũng có cúng và mời tổng lý toàn hạt đến dự tiệc. Người ta nói những lần giỗ ở phủ như thế, ông chẳng lỗ vốn mấy tí, vì tổng lý đến dự tiệc thường đem theo lễ vật rất hậu. Đến nỗi nhiều bạn đồng nghiệp của ông đã dám ngờ và mỉa mai rằng ông đem cả cha mẹ ra làm tiền. Về sau sợ mang tiếng ông phải cúng giấu, không dám mời ai nữa.

Bữa mời làng, lần nào ông cũng tiêu tốn từ bảy tám chục đến hơn một trăm, tuy cỗ ở nhà quê chỉ cần có thịt trâu, thịt bò tái, thịt lợn luộc, giò chả và rượu ty thực nhiều. Là vì quan viên dân làng bao giờ cũng kéo đến ăn đông đủ, nên dân làng ít nhất phải dọn ba, bốn chục mâm, ấy là chưa kể cỗ mời họ hàng, xóm mạc.

Ngày hôm ấy nhà ông Báo tấp nập những người đến làm giúp. Đó là những kẻ đi lại nhờ vả, vay mượn quanh năm. Tiếng giã giò, tiếng băm thịt, tiếng cười nói huyên náo trong năm gian nhà ngang và dưới cái rạp nhỏ sân sau.

Vào khoảng xế trưa có tiếng trống cà rùng: đó là làng rước lễ đến. Ông Án và con trai, con rể ra nghênh tiếp. Một cái án thư trên có buồng cau và bốn chai rượu đặt trước bàn thờ, rồi lần lượt, theo thứ tự trên dưới, bọn quan viên vào làm lễ. Hai bên Phương, Viết và Hạt, người cháu đích tôn, đứng đáp lễ. Ông Án bắt phải thế. Còn An thì mặc tính nghiêm khắc của ông nhạc, mặc những lời day dứt của vợ, chàng bỏ đi nằm một chỗ: chàng nhất định không chịu lễ đáp một ai hết. Nga tức giận đến phát khóc: nàng cho sự lễ đáp không làm cho người ta mất nhân phẩm, mà trái lại, còn làm tôn giá trị của mình và của nhà mình lên, vì làng xóm sẽ cho mình là người con hiếu thảo và nhà mình là một gia đình nền nếp, quý phái, biết trọng lễ nghi.

Nga căm giận chồng khi nàng nghe thấy người ta khen ngợi anh và anh rể: "Quan tham với quan huyện tốt lắm, có hiếu lắm, mà khiêm tốn quá! Nhà gia giáo có khác!" Nàng cho rằng họ muốn mỉa mai chồng mình không phải con nhà gia giáo. Nhưng nàng cũng không dám kỳ kèo chồng, sợ ầm ỹ cửa nhà khiến người ngoài cười chê. Nàng chỉ ngồi trong buồng sụt sịt khóc thầm, thương thân lấy phải người chồng không ra gì.

Đến lúc nàng ngồi vào bàn sắp sửa ăn cỗ, nàng cố gượng vui tươi bảo An:

– Anh không chịu lễ đáp thì thôi, đã có anh huyện và anh tham. Nhưng em xin anh, anh chịu khó ra mời làng một câu. Anh cứ dõng dạc, chững chạc. Hèn kém ai mà phải giấu mặt?

An gắt:

– Việc gì tôi phải giấu mặt.

Nga dấu dịu:

– Vâng, em biết thế. Vậy anh ra mời làng một câu.

Nghe giọng van lơn của vợ, và trông mắt vợ có ngấn lệ, An thương hại, theo Viết và Phương sang sân nhà thờ. Ở khắp các bàn, ai nấy đứng cả dậy, chăm chú nhìn vào cái thẻ ngà hách dịch của Viết:

– Xin mời các cụ, các quan chiếu cố...

Không để Viết nói dứt câu, nhiều người tranh nhau đáp:

– Xin hai quan lớn để mặc chúng tôi. Cụ lớn và các quan đã cho ăn, chúng tôi xin thật thà.

An nghĩ thầm: "May mà Nga không có đây, chứ nếu Nga nghe thấy cả thì lại lấy làm khổ tâm. Hai quan lớn, hẳn là quan tham và quan huyện. Còn mình... mình là thừa. Chắc hẳn các quan viên không thấy mình lễ đáp, nên các ngài thù".

Bất giác An bật lên tiếng cười. Viết chau mày quay lại nhìn chàng.

An nghe rõ mấy ông cao tuổi bảo nhau:

– Có phải đấy là cậu con rể mới của cụ lớn Án không nhỉ?

– Hình như thế.

– Phải đấy, hai cụ ạ, chồng cô Nga đấy mà!

– Nghe đâu cậu ta người vùng Nam.

– Con một ông ấm, ông hàn nào đó.

– Chừng nhà giàu lắm! Mà hình như đã đỗ tú tài.

– Phải, tú tài tây!

Phương thấy họ bình phẩm to tiếng quá, sợ làm mất lòng em rể, liền lại mời họ xơi rượu. Nhưng không những họ không im, mà một người còn hỏi Phương:

– Bẩm quan lớn, có phải cậu kia là chồng cô Nga không?

– Thưa cụ phải.

Rồi chàng ghé gần thì thầm:

– Thưa các cụ, chú ấy mới làm rể, còn cả thẹn lắm, có thất thố điều gì, các cụ cũng bỏ quá đi cho.

– Chúng tôi đâu dám.

Mấy ông cụ nâng chén mời nhau, rồi quay ra nói với Phương, Viết và An:

– Chúng tôi xin vô phép mời rượu hai quan và cậu Tú nhé.

– Không dám, xin mời các cụ các ông xơi rượu.

Ở khắp các nơi, từ trong nhà ra đến ngoài sân, tiếng đũa bát kí cách, tiếng trò chuyện rì rào. Rồi dần dần hơi men làm tăng mãi sự huyên náo lên. Ở bàn trên, mấy ông văn thân đọc thơ cho nhau nghe và thốt ra những câu vô vị, những câu chế riễu khiếm nhã.

Trong bọn, ngồi xen một ông lãnh binh. Ông này tuy không thuộc phái văn học, nhưng hàm cao nên ở đám tiệc nào cũng được ngồi trên. Thấy mấy cụ cử, tú già ra chiều khinh con nhà võ biền và luôn miệng khoe với nhau rằng làng mình là một làng văn vật, ông lãnh cáu tiết kể một câu chuyện sáo:

– Thưa các cụ, ngày xưa có một người khi sống làm nhiều điều ác quá. Lúc chết xuống âm phủ, vua Diêm Vương luận tội, rồi cho lên đầu thai làm một ông tú tài.

Ông tú Viêm, đã thừa biết cái kết luận câu chuyện cũ rích, cất tiếng cười ha hả ngắt lời:

– Thưa ngài, thiết tưởng phải dầy công học tập, phải thập niên đăng hỏa mới đậu được tú tài, chứ đầu thai lên làm ông tú thế nào được? Cũng như ngài chẳng hạn, trước phải đi lính, rồi lên chú bếp, chú cai, thầy đội, mãi mãi mới bò lên được chức lãnh binh chứ.

– Vẫn biết thế. Tôi nói đầu thai lên làm ông tú cho câu chuyện dễ hiểu đó thôi. Vua Diêm bảo "Cho nó đỗ tú tài, lấy vợ con quan, và vợ đẻ thực nhiều con". Quả thực anh kia sau khi đỗ tú tài không được bổ ra làm quan, rồi sau nằm co chết đói, vì vợ là con quan sung sướng quen thân chẳng biết làm gì để nuôi anh chàng dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm.

Cụ cử Đại, sau một hợp rượu và một tiếng khà vuốt râu đáp lại:

– Thưa quan lãnh, cứ gì ông tú, thời nay thì đến ông nghè, ông cống cũng nằm co.

Rồi cụ ngâm nga bài thơ:

Nào có ra gì cái chữ Nho,

Ông nghè ông cống cũng nằm co.

Ông tú Viêm, gặp dịp trả thù, đọc tiếp luôn:

Sao bằng vô học đi đăng lính.

Có phải ngày nay đã quản cơ.

Ông vỗ đùi cười, ngâm lại cả bốn câu.

Ông Lãnh đỏ mặt tía tai, lẩm bẩm:

– Quân xỏ lá!

Nhưng gần đấy, tiếng cãi cọ om sòm làm lấp hẳn câu chuyện khích bác. Đó là bàn mấy ông tổng lý: Họ đem việc làng ra hỏi vặn nhau, ghen tị nhau ăn hơn ăn kém, tiêu lạm món nọ, món kia. Nếu ông án Báo không vội đến can ngăn thì đã xảy ra một cuộc ẩu đả.

Hào, lý trưởng cựu, đứng dậy khúm núm gãi tai:

– Bẩm cụ lớn tha lỗi cho, chứ thứ anh lý mua này vào đâu mà dám nhảy lên ngồi cùng bàn với chúng con.

Biết bọn kia say rượu lắm rồi, ông Án ôn tồn cười nói:

– Cái lỗi ấy lại tại tôi, vì tại tôi xếp đặt không được chu đáo. Nhưng thiết tưởng có phải ở chốn đình trung đâu mà chia thứ bực cẩn thận quá thế.

– Bẩm cụ lớn, như anh ấy biết điều thì đã ngồi xuống bàn dưới.

Huấn, người đã bỏ ra hai trăm bạc mua cái chức lý trưởng của làng để lấy chỗ ăn trên ngồi trốc, cũng chẳng phải tay vừa. Anh ta đứng dậy nói:

– Bẩm cụ lớn, con tuy là lý mua, nhưng chẳng hà lạm của dân làng đồng nào bao giờ, như thế kể còn danh giá bằng mấy cái lý trưởng thực thụ của kẻ khác.

Ông tú Viêm là người vẫn nhờ vả, vay mượn ông Án, liền nhân dịp, nịnh khéo ông một câu:

– Các thầy không được hỗn! Có cụ lớn đứng đây mà các thầy dám cãi nhau. Thấy cụ lớn dễ dãi không thèm chấp lại cứ lủng

hủng. Có đời thủa nào đến cúng giỗ nhà một ông quan tiên chỉ mà vô lễ như thế được không?

Nghe tiếng ầm ỹ, An và Phương đã từ trên gác đi xuống. An buồn rầu bảo anh vợ:

– Ngày kỵ ở nhà quê ta chỉ là một dịp để họ dựa hơi men mà cãi cọ, bới móc nhau.

Phương mỉm cười đáp:

– Ấy là họ còn nể thầy đấy, chứ ở nhà khác thì không khéo đã choảng nhau rồi.

Nhưng một giờ sau, An đã buồn rầu, đau đớn nhận thấy rằng ngày kỵ chẳng phải chỉ là một dịp để quan viên trong làng mượn chén châm chọc, lấn át nhau, mà lại còn là một ngày để cha mẹ, anh em, chị em họp mặt đông đủ giữa làn không khí hiềm khích, bất hòa.

Những người khơi chuyện ra cố nhiên là Phụng và Nga. Không biết vô tình hay hữu ý, Phụng thuật lại với bà Án một việc lôi thôi xảy ra giữa nàng và một người bạn, rồi kết luận:

– Bẩm mẹ, sao ở đời có lắm đứa hay ghen tị như thế? Thấy người ta hơn mình thì hậm hực, khó chịu, nói bóng nói gió.

Bà Án cười đáp:

– Thì chị cứ mặc người ta có được không!

– Bẩm mẹ, khốn nhưng mà mình im, họ lại cho là mình ngu không biết gì.

Nga nóng bừng mặt, đỏ cả hai má như người say rượu, tuy nàng chưa nhấp tới cốc rượu nho còn đầy nguyên. Cái đưa mắt của Vân làm cho ngọn lửa tức giận càng bùng bùng cháy ở trong lòng nàng. Nàng cố lấy giọng bình tĩnh nói với mẹ:

– Thưa mẹ, chị con cứ tưởng thế đấy thôi, chứ cái tri huyện của anh Viết to tát gì cho lắm mà người ta phải ghen tị với chị con.

Bà Án, giọng kéo dài:

– Thì cô bảo cậu ấy học đi rồi cũng đỗ tri huyện chứ sao! Việc gì mà phải ghen với ghét.

– Thưa mẹ, khi nào con ghen ghét?

Ông Án phá lên cười:

– Ban nãy họp việc làng, bây giờ lại họp việc làng nữa sao?

Viết được bố mẹ vợ yêu quý nên nói chêm:

– Bẩm, ban nãy việc hương đảng, bây giờ việc gia đình.

Lời bình phẩm mát mẻ của Viết làm Nga tái mặt đi. Nàng ngồi ngẫm nghĩ tìm dịp báo thù. Nhân ông Án và Phương nói chuyện về việc học của Minh và kỳ thi tú tài sắp tới. Nga cố xen một câu:

– Bẩm thầy, ở bên làng có hai người đỗ bằng thành chung đến xin học tư nhà con để dự kỳ thi tú tài sang năm, nhưng nhà con từ chối không dạy.

Ngồi đầu bàn đối diện vợ, An nâng cốc rượu uống để che cái mỉm cười không giấu nổi. Chàng hiểu rằng câu nói dối của Nga chỉ cốt để tặng Viết vì Viết cũng đậu bằng thành chung trước khi tòng học tại trường Pháp chính. Thốt ra được một câu chua chát, Nga lấy làm hả cơn tức, vui vẻ tự thưởng một hớp rượu.

Rồi lần lượt bà Án với con dâu. Bà nói bâng quơ:

– Ở đời có lắm đứa sợ vợ đến thế. Vợ bắt sao phải theo vậy. Vợ không cho phép thì là không dám thi.

Phương mỉm cười, yên lặng đưa mắt nhìn Vân. Bà Án nhận thấy cái cử chỉ ấy càng cáu tiết. Bà nói tiếp:

– Mà lạ nữa. Sợ là sợ thôi, chứ chẳng phải người vợ có xinh đẹp hay là con ông cháu cha gì cho cam.

Ông Án vẫn biết vợ có tính nhiều lời, nhưng không muốn khuyên can, sợ bà làm ầm nhà lên. Sau ông khéo nói lảng sang chuyện khác, hỏi An, vì An ngồi đối diện với ông:

– Nghe nói ở bên làng cậu, có nhiều cam ngon, phải không?

– Bẩm vâng.

– Vì người ta khéo trồng hay đất tốt nhỉ?

– Bẩm, cần đất tốt. Đất trồng cam cần phải là đất cát có lẫn đất sét và có chất chua. Muốn biết đất có chất chua cũng dễ, bẩm, cứ nhìn vào chỗ có nước đọng, hễ thấy nổi váng là đất có chất chua.

– Cậu nói vô lý! Có chất chua thì cam tất phải chua chứ, có phải không cậu Huyện?

– Bẩm vâng, chính thế.

An mỉm cười nhìn Viết: Chàng không giận, chàng chỉ lấy làm

lạ rằng Viết nói bất cứ câu gì, ông nhạc cũng chịu là phải, còn chàng thì, trái lại, không bao giờ được ông tin là nói đúng. Có khi ông hỏi chàng một điều, rồi nghe câu trả lời với cặp mắt ngờ vực. Chờ cho chàng giảng xong, ông quay ra hỏi ý kiến Viết hay Phương. Đến nỗi Nga phải chau mày tức tối nhìn chồng như để thầm bảo đừng đáp những câu hỏi của cha nữa.

*

Ba tiếng trống dồn liền nhau, như vội vàng, hấp tấp, sợ hãi. Đó là trống báo vợ chồng Viết đã về tới huyện Đông Liên.

Đứng canh cổng, một anh lính cơ vận quần áo vàng quấn xà cạp trắng, đi chân không, đầu vàng bóng. Tuy cổng mở rộng, người lính cũng làm ra bộ nhanh nhẹn chạy lại ấn giãn thêm cái cánh gỗ lim nặng ra một tí nữa. Rồi anh ta đứng thẳng người, giơ xòe bàn tay lên nón để chào.

Như khinh anh ta, cái xe mới êm lặng, từ từ lướt qua, đến đỗ ngay bên bực thềm nhà công đường.

Viết như còn ngái ngủ, ngồi trong xe vươn vai ngáp luôn hai ba cái, chứ chưa buồn bước xuống, tuy anh người nhà đã mở cửa xe đứng chờ.

Phụng cũng không vội vàng. Nàng hầm hầm nhìn người nhà rồi hách dịch thét mắng:

– Thằng chết tiệt kia! Mày đứng ỳ ra như phỗng đá thế à? Không biết mang cái va li với các đồ đạc vào trong nhà hử?

Bấy giờ Viết mới uể oải bước xuống, tay cầm khăn vừa đi vừa chụp lên đầu.

Viên lục sự hấp tấp chạy ra chào:

– Lạy quan lớn.

Rồi chào với vào trong xe:

– Bẩm lạy bà lớn ạ.

– Phải, thầy.

Viết rời rạc hỏi:

– Có việc gì không?

– Bẩm... bẩm...

Viên lục sự ghé tai nói nhỏ một câu, tức thì Viết tỉnh táo, đi vội vào bàn giấy, để mặc vợ và bọn người nhà với cái ô tô:

– Thầy lục, thế nó đã đến chưa?

– Bẩm, con bảo nó hãy cứ về.

Viết chau mày:

– Sao lại về?

– Bẩm, vì con không biết hôm nào ông lớn lên.

– Thôi cũng được.

– Bẩm, cụ lớn Tuần cho tìm ông lớn chiều nay lên tỉnh.

– Có việc gì thế?

– Bẩm, con cũng không rõ, nhưng chắc lại mời ông lớn đánh tổ tôm, vì hôm nay thứ bảy.

– Phải đấy, cũng có lẽ. Thôi, tôi vào trong nhà, có giấy má gì, *thầy đưa vào lấy chữ ký.*

Viên lục sự vừa cúi đầu vừa se sẽ đáp:

– Dạ.

Vào nhà trong, Viết giục vợ, bảo làm cơm mau để chàng lên tỉnh. Phụng cau có nói một mình: "Chẳng thoát một tuần lễ nào!" Viết như không nghe rõ lời vợ, ra ngồi xuống một cái ghế nệm, thở dài:

– Mệt!

Gặp được dịp dễ ngăn cản chồng, Phụng liền lại gần âu yếm nói:

– Mệt thì cậu nghỉ một hôm.

Không thấy Viết trả lời, nàng nói thêm:

– Nghỉ một tối thứ bảy đã sao!

Viết lạnh lùng:

– Đã sao!

– Ừ, thì sao?

– Thì đừng làm tri huyện nữa, chứ sao?

– *Có lý nào lại thế?...* Thì cậu cứ nói thẳng với cụ Tuần rằng cậu không lấy tiền ở đâu ra được mà hầu tổ tôm mãi.

Viết cười, đáp:

– Khốn nhưng mình lại muốn cứ lấy tiền ở đâu ra kia chứ.

Thích chí nói được một câu có ý nghĩa sâu xa, Viết nằm đườn người trên ghế tựa và cười sằng sặc. Lúc bấy giờ viên lục sự vào nói nhỏ:

– Bẩm ông lớn, tên Thạch mang thư của ông cố Thiện đến xin vào hầu.

Viết chau mày suy nghĩ:

– Việc tranh đất ở xã Phú La, phải không?

– Vâng... Hay con cứ nói ông đi vắng.

– Sao lại nói đi vắng? Bảo nó vào đây.

Viên lục sự trù trừ:

– Bẩm ông lớn, việc này con đã kêu ông lớn cho tên Nghinh.

– Thì vẫn! Thầy cứ dẫn nó vào.

Một lát, Thạch theo viên lục sự rón rén bước tới gần ghế, để phong thư lên bàn, rồi lom khom cúi xuống lạy. Viết lạnh lùng:

– Thôi, không phải lễ.

Chàng xé phong bì đọc bức thư chữ Pháp.

– Chính mày là Nguyễn Văn Thạch, hử?

– Dạ.

Viết vân vê tờ giấy, gấp lại dở ra hai, ba lượt rồi sau cùng cho vào phong bì, bỏ túi:

– Việc này khó lắm.

– Bẩm ông lớn thương cho, con không dám quên ơn.

– Việc điền thổ, xưa nay tao có ăn lễ ăn nghĩa của ai bao giờ đâu... Thế nào tao sẽ cứ bẩm tỉnh rồi tùy tỉnh xét.

– Bẩm, ông lớn thương, quả tình con oan.

– Nhưng đã có lời của cố thì tao cũng hết sức giúp, nghe chưa? Còn được, thua thì tao không thể biết trước được.

Thạch sung sướng:

– Dạ.

– Mày về bẩm với cố thế, nhé?

– Dạ.

– Cố đã giao cho tao trông nom thì tao sẽ hết sức giúp, nghe chưa?

– Dạ. Con sẽ xin hậu tạ.

Viết gạt phắt:

– Tạ tùng gì! Xưa nay tao có lấy tiền của ai đâu! Thôi cứ về bẩm cố thế, nghe chưa?

– Dạ.

Thạch vừa đi khỏi, viên lục sự đã quay vào:

– Bẩm, ông cố làm thầy cho tên Thạch?

Viết cau có:

– Tôi đến ghét nhiều người cứ muốn dính dáng vào việc quan. Thầy phải biết, đến bạn thân tôi nói hộ ai, tôi cũng mặc, chứ đừng kể ông cố, ông cụ vội.

Sợ viên lục sự nghĩ theo một ý nghĩ làm tiền. Viết tiếp luôn:

– Về việc quan, phải để cho người ta tự do, thì người ta mới xử công bằng được chứ.

– Dạ.

Viết hạ giọng:

– Thầy gặp tên Nghinh rồi?

– Dạ.

– Bảo nó không nên đi lại lắm. Sợ ông cố ông ấy biết ông ấy ngờ vực thì mình khó làm việc...

– Dạ.

– Thôi được!

Viên lục sự ra. Viết ngồi chống tay vào cằm, hút thuốt lá, mắt đăm đăm nghĩ ngợi. Những phút khó khăn trong nghề như thế có khi làm cho người ta chán nản, nhưng nhiều khi cũng khiến người ta thêm phấn khởi, can đảm tìm mưu kế để ra khỏi chỗ khó khăn, như ông nguyên soái bình tĩnh xoay xở chiến lược để thắng bên quân địch một cách vẻ vang, chắc chắn. Những lúc ấy không có lợi cho kẻ nào có việc gì muốn đến gần mình.

Vì thế, vừa nhác thấy bóng Diệu, đứng chắp tay ở góc cột, Viết đã thét mắng:

– Thằng kia, mày còn vác mặt đến đây làm gì?

Diệu là con chú Viết, ông chú ruột. Ông này tuy đã từ dịch chức chánh hội, nhưng vẫn còn hống hách lắm. Ở trong làng hiện có hai cánh: cánh chánh hội Tạ và cánh huyện Viết. Trước kia Viết vẫn phản đối ngầm ông ta, tức vì nỗi cha mẹ thời còn hàn vi thường bị ông ta lấn át. Ông ta khôn ngoan hơn, chiếm được phần gia tài to hơn, đã nghiễm nhiên trở nên một nhà hào phú sau khi ông bà Viết qua đời. Cha mẹ Viết vì nghèo túng đưa gia đình lên tỉnh lỵ kiếm ăn, rồi nhờ được mấy việc thầu khoán nhỏ, có ít vốn buôn.

Có lẽ sự hiềm khích giữa hai anh em đã dự một phần lớn vào việc học hành thi cử của Viết. Cha mẹ Viết luôn luôn khuyên con gắng công đèn sách để sau này làm nên mà báo thù lại chú.

Cuộc chiến tranh bắt đầu ngay sau khi Viết đậu thành chung. Năm ấy kỳ thi thành chung thay cho kỳ thi hương của ta: các thí sinh theo điểm bình hay thứ đều được liệt vào hạng cử nhân, tú tài. Viết đậu cao, đậu cử nhân thứ hai. Tức thì cha mẹ chàng bỏ ra một món tiền về làng ăn khao.

Ông chú không ra mặt phản đối, nhưng ông xui một người ương ngạnh trong làng đứng lên nói ở giữa đình:

– Ông Đặng Đình Phòng (tên cha Viết) bỏ làng đã bao lâu nay, không nhìn nhận gì đến việc hương đảng, nay con ông ta đậu được "đít lôm" phải, đítlôm chứ chẳng cử, tú gì ráo, ông ta định khao vọng ầm ĩ để con ông ta lên ăn trên ngồi trốc, vậy xin hãy xét xem có nên để ông ta khao vọng không đã.

Một số đông trong đám kỳ lý về cánh với ông chú Đặng Đình Tạ. Nhưng ông Phòng đã khôn khéo đến trình huyện và hôm con về làng vinh quy bái tổ, ông sắm lọng, sắm cờ, sắm quạt rước sách rất là đường hoàng, trịnh trọng.

Tạ chọi lại bằng cách xui nhẹ cánh mình không đến dự tiệc khao vọng của anh, thành thử Phòng phải đào một cái hố lớn để chôn cỗ.

Năm ấy Viết đem theo vào trong trường Pháp chính lòng quả quyết báo thù.

Từ đó chàng đi từ sự đắc thắng nọ đến sự đắc thắng kia: lấy con ông phủ Báo, thi ra chiếm số đầu.

Ông Phòng nhận được tin con đậu ở trên giường bệnh. Trước khi tắt thở, ông còn ân cần nhắc lại với con một lần cuối cùng cái

chí báo thù chú, báo thù làng. Rồi ông mỉm cười rời sang thế giới bên kia.

Sau ba năm làm tham tá tòa sứ, Viết được bổ đi tri huyện. Và chẳng bao lâu, chàng đưa mẹ về làng, làm cửa làm nhà, tậu vườn tậu ruộng. Biết rằng muốn chống lại với chú, tất phải có vây cánh thực mạnh, chàng chẳng tiếc bỏ tiền ra mua chuộc lòng bọn đàn anh trong làng.

Ông chú ở một khu đất rộng có tới gần hai mẫu, và trước kia vẫn đi chung ngõ xóm vừa sâu, vừa tối, vừa bẩn. Về sau, ông ta điều đình với một người láng giềng nghèo để mở cổng đi tắt qua một cái vườn bỏ hoang của người ấy. Như thế, ngõ vừa rộng rãi sáng sủa, vừa gần đường làng, có thể đi xe vào thẳng trong sân được.

Có người mách với Viết. Tức thì Viết về làng mua bằng được thửa vườn kia, rồi dùng nứa và tre rào vít kín bốn mặt lại. Tạ có nói ra nói vào, nhưng Viết mặc kệ.

Tạ bực tức bỏ ra hai chục bạc đến hỏi một ông luật sư ở Hà Nội về cách đối phó lại. Luật sư bảo không ai có thể vít lối ra vào của nhà mình được. Thế là Tạ đem gia nhân ra phá hàng rào, sửa lại lối đi như cũ.

Việc lôi thôi đến huyện. Viên huyện nhận được thư của Viết nhờ gọi "tên Tạ" tới nha môn mà mắng cho "lão ta" mấy câu, để lão ta chừa cái thói hống hách xằng.

Sau hơn hai năm kiện cáo và chống án, mỗi bên tốn có tới nghìn bạc, ông chú bị thua, vì tòa xét rằng xưa nay vẫn có con đường chung của xóm, sao Tạ không dùng lại mở lối đi qua vườn riêng của người khác.

Bắt đầu thấy sức mạnh của Viết, Tạ biên thư xin lỗi cháu. Viết không thèm trả lời. Chẳng đừng được. Tạ phải hạ mình sang khẩn khoản nói với chị dâu và nhờ chị bảo con giúp. Bà mẹ Viết vốn hiền lành, vả không muốn để trong họ có chuyện lục đục khiến người ngoài chê cười, liền cho người lên huyện khuyên con thôi đi đừng mang lòng thù hằn chú nữa.

Viết ở ra người con có hiếu, vâng lời mẹ và cho phép chú mở cổng qua vườn. Nhưng trong lòng chàng vẫn giữ mối hiềm khích, và vẫn chờ dịp cho chú một bài học nữa. Ông chú cũng vậy, chỉ làm lành ngoài mặt mà thôi. Chẳng bao lâu, ông ta cho tiền một người

trong làng ngầm xui đem hài cốt bố đến táng ở gần mả anh mình để chặn tiệt long mạch.

Việc đến huyện, và người để trộm mả phải phạt ba tháng tù.

Thù ấy Viết nhất định trả. Vì thế, năm nay Diệu, con chú, ra tranh lý trưởng. Viết liền đứng làm thầy cho kẻ đối thủ. Tạ sợ hãi vội cho con lên huyện van lạy Viết.

Chợt thấy mặt Diệu, bao nhiêu sự oán thù xưa lại vụt hiện ra trong trí nhớ Viết. Chàng ngửng lên dữ tợn nhìn Diệu, nhắc lại câu mắng:

– Hử thằng kia? Mày còn vác mặt đến đây làm gì?

Diệu sợ hãi, khúm núm:

– Thưa bác...

Viết đập bàn gắt:

– Ai anh em với mày, thằng kia? Tao không anh em với mày nữa, biết chưa? Thầy mày có coi ta ra gì đâu, mà mày còn kể lể anh em.

Chàng cười chua chát tiếp luôn:

– Giá ngày nay tao nghèo đói, thì phỏng mày có còn nhận anh em không?

Diệu bị mắng như tát nước vào mặt, đứng im một lát, rồi lảng xuống nhà dưới.

*

Vừa ăn cơm, Viết vừa thuật chuyện thời còn nhỏ cho vợ nghe. Chàng tả ông chú ra một người xấu bụng, ích kỷ, hay thù hằn. Rồi để vợ không ngờ rằng mình cũng nhỏ nhen như chú, chàng nói tiếp:

– Tôi đã bảo chú ấy có tiền thì để mà tậu thêm ruộng còn hơn là đem ra lo lý trưởng cho con. Nhưng chú ấy nhất định không nghe.

Phụng nông nổi và đã bị Diệu ton hót để nhờ nói hộ với chồng, nên nàng bàn chêm một câu:

– Kể tục lệ làng ta cũng khó chịu lắm kia. Giàu có đấy, người ta cũng mặc. Mình mà không có chức tước, ngôi thứ gì là họ khinh như mẻ ngay. Vì thế bất đắc dĩ chú Diệu chú ấy mới phải ra tranh giành lý trưởng...

Viết chau mày:

– Mặc kệ thây chú ấy! Ngày xưa thầy nó cũng khinh nhà ta như mẻ.

Rồi chàng vứt đũa bát xuống bàn đứng dậy gọi:

– Tài xế!

Tiếng dạ ran.

– Sắp ôtô tao lên tỉnh.

– Dạ!

Phụng nhìn chồng phàn nàn:

– Ăn chưa buông đũa, buông bát đã lại đi.

Viết cười lấy lòng vợ:

– Người ta đi có việc chứ đi hát đi xướng gì mà cũng kỳ kèo!

– Được, xin cậu cứ dựa đi việc quan!

Rồi nàng đổi giọng, tươi cười hỏi tiếp:

– Này, cậu đưa tôi bảy trăm, tôi góp nhặt chỉ vừa đúng nghìn ba, thiếu mất bảy trăm nữa.

Viết mơ màng nhìn khói thuốc lá:

– Mợ cần tiền làm gì?

Phụng hạ giọng:

– Tậu ruộng. Rẻ quá cậu ạ. Ruộng ấy lúc khác ít ra cũng ba trăm, bây giờ chỉ phải trả có hai trăm. Người ta cần tiền.

– Ở đâu?

– Ở làng ta... Chẳng nói giấu gì cậu, ruộng của chú Tạ.

Viết nhìn vợ:

– Bán lấy tiền lo lý trưởng cho con, phải không?

– Chừng thế.

Viết cười sung sướng:

– Cho chúng nó chết! Cứ thế này thì chẳng bao lâu mà khánh kiệt gia tài... Cho chết!

Ngẫm nghĩ một lát, chàng lại nói:

– Nhưng nếu muốn mua thì cũng cứ thong thả làm như không thiết. Thế nào rồi nó cũng còn hạ giá. Nó cần tiền mà!

Chàng tự phụ về cái thâm ý của mình, khúc khích cười mãi.

Vì chàng chỉ cốt nói lảng để khỏi phải đưa tiền cho vợ. Phụng hình như cũng đoán biết thế, và nhận ra rằng ít lâu nay, có tiền, chồng giấu kín một nơi, chứ không đưa cho mình giữ như trước. Nàng liền bảo Viết:

– Cậu khôn ngoan lắm. Nhưng cứ đưa tiền tôi giữ sẵn.

Viết vờ không nghe rõ, ngồi hút thuốc lá, tay rời rạc cầm thìa quấy đường trong chén cà phê bốc khói thơm.

– Thế nào, cậu?

– Thế nào?

– Đưa tôi tiền giữ sẵn.

Viết cười trừ:

– Tiền! Làm gì ra tiền dễ dàng thế?

Rồi chàng đứng dậy gọi tài xế. Phụng cũng đứng dậy theo hỏi:

– Thế nào, cậu có đưa bảy trăm bạc cho tôi không thì cậu bảo?

– Thì tháng nào tôi cũng đưa đủ số lương cho mợ.

– Lương thì nói làm gì? Cậu tưởng hơn trăm bạc lương của cậu to lắm đấy. Ăn tiêu như phá ấy, cậu lại không biết à? Này nhé...

Viết ngắt lời:

– Thì đừng ăn tiêu như phá nữa có hơn không?

Phụng thưỡi dài môi dưới, kéo dài cái giọng mát mẻ:

– Nào có đừng ăn tiêu được! Này nhé, những cung phụng...

Viết gắt:

– Cung phụng ai? Mợ thì còn phải cung phụng ai? Hay là cung phụng tổ tôm?

Phụng thản nhiên:

– Những cung phụng vào cái ô tô cũng đã hết năm chục, hết gần nửa tháng lương. Rồi nào tiền gạo, tiền thức ăn, tiền củi, tiền quần áo của con, tiền công vú bõ, đứa ăn đứa ở... tám mươi nhăm thứ bà dằn. Giời ơi, cậu tưởng hơn trăm bạc của cậu to lắm đấy.

– Hừ! Tháng nào tôi không giao cho mợ đủ hai trăm.

– Thì hai trăm nữa! Hai trăm mà to à? Hai trăm mà đủ à?

Viết đi ra cửa:

– Thôi, tôi không biết, mặc mợ, làm sao đủ thì thôi, tôi không giết ai ra tiền được.

– Lại còn nay tiệc, mai tùng.

Viết quay lại cười, nói pha trò:

– Tiệc thôi, chứ tôi có thiết tùng ai đâu?

Rồi chàng đi thẳng ra hiên hỏi:

– Tài xế, có ô tô chưa?

– Bẩm đã.

– Thầy lục sự đến chưa?

– Bẩm đã, con đã đến rồi ạ.

Ô tô ra khỏi cổng huyện, Viết ghé vào tai viên lục sự thì thầm:

– Thấy chắc chắn như thế?

– Bẩm chắc lắm. Cái dọc tẩu ấy ông nhà Bùi cho thầy Thức từ năm ngoái, rồi thầy Thức lại cho hắn ta.

Viết mỉm cười:

– Nó chưa biết chứ? Nó không ngờ gì chứ?

– Bẩm không. Nó chẳng ngờ gì hết.

Khoảng mười lăm phút sau, viên lục sự bảo tài xế rẽ vào một con đường đất gồ ghề. Xe lắc lư, thỉnh thoảng lại chồm lên và như chỉ chực đổ nghiêng, nhất khi vượt qua những rãnh người ta xẻ để tát nước từ cái lạch con vào ruộng.

Viết luôn miệng chửi rủa. Viên lục sự lại đế thêm:

– Bẩm ông lớn, tên lý trưởng này tệ quá, nó để cho người ta xẻ rãnh nát cả đường. Bẩm nhỡ cụ lớn Tuần đi kinh lý qua đây thì thực rày rà.

– Tôi nghe như ở làng Lũng này cũng có người có ô tô nhà, sao nó chịu để đường xấu thế này?

Viên lục sự cười:

– Bẩm, vì ghét nhau họ càng trêu tức. Lão hàn Cầm có xe ôtô qua lại đường này luôn, nên cánh lý trưởng nó ghen tức, xui người làng cứ xẻ rãnh bừa.

Xe đi qua một quãng đường vòng quanh bãi tha ma, rồi đỗ lại ở bên một cái cổng chống và một cái điếm canh xiêu vẹo. Trước điếm,

mấy ngọn giáo và mấy cái cờ nhỏ hình tam giác, đan bằng tre cắm trong cái giá gỗ.

Giữa cảnh tồi tàn đổ nát, cái xe bóng lộn càng sang trọng, bệ vệ, chẳng khác một cô gái tân thời, con nhà quý phái đứng lẫn trong đám ăn mày rách rưới, bẩn thỉu.

Viết và viên lục sự xuống xe đi bộ vào làng. Lũ trẻ con nghe tiếng còi ô tô, chạy ùa ra xem. Trong bọn, một người nông phu mặc quần áo nâu bạc màu, ngả nón cúi đầu. Viên lục sự quát hỏi:

– Lý trưởng đâu, có quan về?

Người nông phu cắm đầu ù té chạy. Lát sau, một người hấp tấp tiến đến vái chào. Viết thét mắng:

– Mày giỏi thực, trong điếm không có một thằng nào. Chúng mày canh phòng thế à?

Viên lục sự nói tiếp:

– Thầy lý theo hầu quan đến nhà thầy chánh cựu.

Lý trưởng run sợ, khúm núm đi dẫn đường.

Bọn trẻ cưỡi trâu trở về nhà, nghe tiếng quát tháo nhảy vội xuống đất đứng nép vào bờ tre. Một đứa sợ quá đánh bừa trâu xuống ruộng cần, ngã lấm ướt cả quần áo. Một người con gái kinh hoảng bỏ trâu ở giữa đường, cắm đầu chạy biệt. Viết lo lắng đứng lại, vì thấy con vật thao láo cặp mắt trắng hung lườm lườm như muốn húc. Lý trưởng sấn lại đuổi nó để mở lối cho quan đi.

Tới cái cổng gạch, nóc xây cuốn thư và giữa cuốn thư đắp cái đồng hồ treo với quả lắc đen lệch về một bên, lý trưởng đứng gọi:

– Chi, bớ Chi!

Tiếng ở trong nhà đáp:

– Ai?

– Nói với cụ Chánh có quan đến.

Tức thì cánh cổng mở rộng. Viết khoan thai bước vào, đi qua cái vườn trồng cau tới một lần cổng nữa.

Chánh tổng Hào đương nằm hút thuốc phiện trên ghế ngựa quang dầu, nghe nói có quan đến, vội chạy ra, tay còn quấn giở vòng khăn, vẻ mặt lo sợ vì đoán biết có việc gì quan hệ.

– Lạy ông lớn ạ.

Nhưng Viết vẫn đứng:

– Tôi đến về việc cướp nhà ông hàn Bùi.

Mặt Hào tái hẳn đi, chòm râu đốm bạc phờ ra như nghĩ ngợi. Viết nói tiếp:

– Vì có kẻ khiếu rằng nhà thầy oa trữ tang vật ăn cướp.

Hào đứng lặng người, hai chân như chôn xuống đất. Viết quay lại bảo viên lục sự:

– Thầy khám xét.

– Dạ.

Viên lục sự vào thẳng trong nhà, đến chỗ bàn đèn, nhấc cái dọc tẩu, đem ra ngoài hiên, hỏi Hào:

– Cái dọc tẩu này, thầy mua từ bao giờ?

Hào díu lưỡi lại:

– Bẩm... bẩm...

Viết quát:

– Mua từ bao giờ?

– Bẩm... bẩm không.

Viết cười:

– Không à?... Thế nó ở đâu ra?

– Bẩm... ông đô nhì... cho chúng con đấy ạ.

Viết hỏi viên lục sự:

– Ông đô nhì nào thế?

– Bẩm, thầy thừa Thức.

Viết trừng trừng nhìn Hào:

– Cái dọc tẩu này của thầy Thức cho thầy? Có thật của thầy Thức cho thầy không?

Giọng Hào run run:

– Bẩm, quả thực.

– Vậy thầy lục làm biên bản. Lấy khẩu cung xong rồi đem cái dọc tẩu về nha. Mai sức cho ông hàn Bùi lên huyện nhận tang vật.

– Dạ.

Hào run như cầy sấy, chỉ chực ngã khuỵu xuống:

– Bẩm,... bẩm cụ lớn... thương... quả thầy... đô nhì cho chúng con.

Viết mỉm cười:

– Được, cho hay không cho, rồi sẽ biết... Thầy lục cứ làm biên bản.

– Dạ.

Viết cố giữ trang nghiêm để khỏi bật cười:

– Chỉ làm rầy người ta ra! Mỗi lần có việc cướp lại phải đi khám xét... Sao không cứ lương thiện mà làm ăn.

Hào như muốn khóc:

– Lạy cụ lớn đèn giời... soi xét.

Viết cười chua chát:

– Thì đèn giời vẫn soi xét... Chức trách, nhiệm vụ của một ông quan chẳng là soi xét việc ngay, gian thì còn là gì? Bao giờ quan bênh vực dân, chẳng che chở dân, chẳng soi xét nỗi oan cho dân? Chẳng lẽ quan cũng như không à?

Chẳng lẽ để quân gian phi tự tiện cướp bóc, oa trữ, tàng nặng đồ đạc, tiền bạc của lương dân à?

Viết quay lại bảo viên lục sự một lần nữa:

– Lấy cung!

– Dạ.

– Làm biên bản!

– Dạ.

– Thầy ở lại làm việc cho thực công minh, tôi phải lên tỉnh ngay để kịp vào hầu cụ lớn Tuần.

Ngồi trong ô tô, Viết cười một mình. Chàng không còn hổ thẹn với lương tâm như thời mới xuất chính nữa. Tàn ác lâu ngày đã thành thói quen. Buổi đầu, khi nghe bọn thơ lại xúi giục, chàng làm một việc bất nhân, thì chàng bứt rứt áy náy, do dấn rụt rè, có lần hối hận suốt đêm không nhắm mắt ngủ được. Nhưng dần dần chàng đã trở nên "can đảm" và giữ được "trơ như đá, vững như đồng" khi đứng trước những cảnh thương tâm, khi có những hành vi dã man, tàn ngược. Đến nỗi hễ thấy bạn đồng nghiệp nào hơi gìn giữ, hơi có lòng liêm sỉ là chàng liệt ngay vào hạng giả đạo đức.

Ngày nay chàng có thể bình tĩnh mà ôn lại những việc đã làm, tâm hồn thản nhiên không mảy may rung động. Hơn nữa, chàng

còn sung sướng nghĩ đến những hành vi phi thường, những sự đắc thắng vẻ vang của chàng.

"Sự đắc thắng vẻ vang nhất của ta hẳn là lần bầu lý Lệ".

Lệ ra tranh lý trưởng với Quyên. Huyện Viết về làm chủ tịch cuộc bầu cử. Đoán biết rằng Lệ yếu thế, chàng khôn khéo khiến được hai người về cánh với Lệ ngồi kiểm phiếu bầu rồi tráo phiếu của Lệ vào phiếu của Quyên. Kết cục, Lệ thắng Quyên ba phiếu, được bầu. Ba phiếu ấy giá trị bao nhiêu, chỉ Viết và Lệ biết rõ.

Nhưng có giấy khiếu nại của phe bầu cho Quyên, vì họ thấy họ đông hơn phe đối thủ mà người họ lại thất bại.

Kéo dài ra hai tháng rồi tỉnh sức tái cử.

Viết còn nhớ hồi ấy chàng mất ngủ đến năm đêm liền mà không tìm được cách cứu vớt Lệ.

Về sau phải có viên lục sự bày mưu kế giúp chàng. Mà mưu kế ấy thực là giản dị.

Viết nghĩ đến đó ngồi khúc khích cười một mình lấy làm thích chí. Chàng còn như trông thấy hiện ra ông giám binh to lớn dữ tợn ngồi chủ tịch. Buổi trưa hôm ấy, Viết thết ông ta một bữa tiệc thực long trọng, có đủ các thứ rượu quý. Cố nhiên là ông ta say tít và đánh một giấc li bì. Trong khi ấy thì Viết chỉ việc đánh tráo một thùng bỏ phiếu khác thay vào thùng bỏ phiếu hồi sáng chưa mở ra, vì chàng đã cố ý làm chùng chình cho cuộc bầu cử kéo dài đến mười hai giờ, khiến ông giám binh vừa đói vừa mệt, hoãn việc điểm phiếu đến buổi hầu chiều.

Viết tự phụ nói to: "Ha ha! Grandeurs et servitudes du mandarinat!" Người tài xế tưởng chàng bảo gì, cho xe đi chậm lại, hỏi:

– Bẩm ông lớn truyền?

– Không... Hừ, nhưng nghĩ mà thương hại cho thằng Quyên!

– Dạ!

Viết gắt:

– Đã bảo không, mà lại!

Khi nhớ đến việc tranh gia tài của ba chị em một nhà kia, Viết hơi cảm động. Chàng cảm động không phải vì họ đem tiền đến lễ chàng: "Chà! Lễ mình thì mình lấy, có thế thôi, nào mình có bóp

hầu mổ bụng ai?" Nhưng chàng cảm động vì chút tình yêu đương của cô em út...

Chàng lẩm bẩm: "Khó nhọc vất vả luôn thì cũng phải thỉnh thoảng được hưởng lạc thú êm đềm như thế bù lại chứ! Nhưng kể thì cũng hơi tàn nhẫn! Con bé hiền lành, ngây thơ quá!".

Sợ sinh ra hối hận vơ vẩn, Viết cố tìm những hành vi đê tiện hơn của một vài bạn đồng nghiệp, để tự an ủi, tự tha thứ cho mình. Và thốt nhiên Viết nghĩ đến Nguyễn Phò, cái anh chàng lấy chân chặn hai hào đánh rơi của một chị nhà quê vào hầu, rồi chờ khi chị này ra, cúi xuống nhặt bỏ túi.

Và Viết sung sướng nức lên cười.

*

An mở mắt hấp háy nhìn lên. Ánh nắng lách qua khe lá chiếu xiên thẳng vào mặt. Chàng ngồi dậy vươn vai ngáp dài, rồi rút đồng hồ ra xem: Kim trỏ tám giờ. Ngờ đồng hồ đứng, chàng cầm áp vào tai và vẫn nghe thấy tiếng tích tách. Chàng mỉm cười lẩm bẩm: "Thì ra mình mới ngủ được có nửa giờ! Thế mà cứ tưởng lâu lắm!".

An có cảm giác ấy, là vì giấc ngủ ngắn ngủi của chàng đã bị luôn hai cái chiêm bao ám ảnh: Chàng mơ thấy chàng cãi nhau kịch liệt với vợ. Nga giở hết những lý thuyết thiển cận ra khuyên chàng, đem hết những câu nhiếc móc tục tằn, chua chát ra tặng chàng. Trước chàng còn chỉ đối phó lại bằng sự yên lặng khinh bỉ. Sau không chịu nổi, chàng mắng lại... Rồi Nga khóc, rồi chàng âu yếm dỗ dành, rồi chàng lý thuyết lại. Nga cúi đầu ngồi nghe. Chàng nói rất hùng hồn. Những ý tưởng về đời người, về hạnh phúc, về ái tình, về sự sống bình tĩnh và giản dị, chàng vẫn giảng cho vợ nghe, sao mà hợp lý đến thế, sao mà dễ dàng đến thế. Và chàng cảm động xiết bao, khi thấy Nga hối hận, khóc lóc xin lỗi.

Nhưng than ôi! Đó chỉ là giấc chiêm bao! Còn sự thực, sự thực thì khác xa! Sự thực thì động nói chuyện với vợ, động bàn bạc với vợ về việc làm ăn, chàng chỉ có những câu gắt gỏng cộc cằn, ấp úng, hay nhút nhát rụt rè.

An buồn rầu, chán nản nhận thấy điều đó. Và chàng tự nhủ: "Ừ! Sao ta lại không đem những lẽ phải trong giấc mộng ra giảng

giải cho vợ ta nghe! Lẽ phải vẫn là lẽ phải, nhưng cũng biết nói rành rọt, người ta mới hiểu là lẽ phải chứ!"

Chàng thở dài nghĩ tiếp: "Nhưng nói lẽ phải với Nga thì khác gì đổ nước lên đầu vịt. Nó chẳng hiểu một tí gì, hay không muốn hiểu một tí gì. Mà nó không hiểu là vì nó cứ xoắn với cái ý tưởng độc nhất của nó: Ra làm quan! Học ra làm quan!".

An thì thầm nhắc đi nhắc lại hai, ba lần câu "học ra làm quan". Thốt nhiên chàng nhớ đến cái chiêm bao thứ hai: Đương cãi lý với vợ, An vụt thấy mình ngồi đối diện với huyện Viết và ông nhạc, bà nhạc. Còn như văng vẳng bên tai câu nói nhiễm đầy vẻ căm tức của chàng: "Chỉ tự thầy mẹ xui giục nhà con, nên nó mới làm rầy con. Con muốn theo nghề gì, thì mặc quách con có hơn không?" Tiếng ông Án thét mắng làm An thức giấc...

– Thưa cậu, cậu chưa bắn được con chim nào?

An quay lại, mỉm cười:

– Nhỡ đấy à?... Chưa... Nhỡ ạ, tôi chưa bắn được con nào.

Bấy giờ An mới kịp nhớ ra rằng mình đi bắn và nhìn tới cây súng dựng ở gốc đa. Cô gái quê chăn trâu lắng tai nghe, bảo An:

– Thưa cậu tiếng chim gáy... Đấy!

– Ừ, nhỉ!

Tiếng chim gáy, An nghe thấy đã lâu, nhưng chàng chẳng thiết gì đi lùng để bắn. Chàng đứng dậy nhấc súng khoác lên vai, rồi rẽ xuống ruộng.

– Thưa cậu, nó gáy ở sau chùa cơ.

– Thế à?

An lững thững đi hết bờ ruộng này sang bờ ruộng kia, thỉnh thoảng lại trượt chân bước hụt xuống nước, khiến đôi giày của chàng như rấn bùn đen.

Lúa mọc đã cao, xanh rờn tới các lũy tre. Thấy động, châu chấu ở hai bên ruộng bay lên từng đàn, và bậu vào quần áo An.

Tới chùa, An lại quên bẵng rằng mình đến tìm chim để bắn. Chàng không để ý đến cả tiếng gáy đều đều buồn tẻ trong lá muỗm xanh đen, um tùm và xào xạc. Vì chàng đương mải theo đuổi một ý nghĩ khó chịu, ý nghĩ độc nhất nó vấn vương trong óc chàng hơn nửa tháng nay, từ hôm đi cúng giỗ ở nhà cha mẹ vợ trở về. Cái ý

nghĩ ấy là làm cách nào để cảm hóa được vợ, hay ít ra sống yên tĩnh theo ý muốn của mình, khỏi bị vợ rầy rà, quấy nhiễu.

Trong cái cảnh huống hiện thời, An thoáng thấy có hai đường ra: tự tử nếu không ly dị. Cái tính nhu nhược, yếu hèn đã như một tính gia truyền của nhà chàng. Đến chàng, nó càng rõ rệt: đó có lẽ là kết quả một nền văn lãng mạn đã nhận được ở nhà trường.

Ly dị thì An không những không muốn ly dị, vì Nga đương có thai, mà hình như chàng cũng không thể ly dị được: Chàng yêu Nga. Và, mỉa mai không! Chàng nhận thấy rằng chỉ vì yêu chàng mà Nga làm chàng khổ sở, làm chàng mất hẳn sự bình tĩnh tinh thần và vật chất. Vẫn biết Nga yêu theo quan niệm của Nga, theo quan niệm của một người đàn bà quen sống trong xã hội trưởng giả nhưng yêu vẫn là yêu. Nga muốn chồng làm nên danh nên giá, và tưởng bổn phận mình là phải bắt chồng đi tới mục đích ấy cho bằng được.

"Yêu như thế thì thà rằng nó ghét, mình còn sung sướng hơn!"

An cau có, làu nhàu nói một mình. Bất giác, chàng nhìn vào lỗ hai nòng súng và thốt nhiên chàng nhớ đến một việc vặt đăng trên báo hằng ngày mà chàng vừa đọc mấy hôm trước: Một người lính đặt ngón chân cái vào cò súng bắn một phát xuyên từ miệng qua sọ làm phọt óc ra ngoài. Chàng mỉm một nụ cười ghê gớm, vơ vẩn, đăm đăm nhìn hai cái lỗ đen mà chàng ví với hai con mắt thần chết.

Trên đầu chàng, con chim vẫn tha thiết gáy. Chàng nghe như tiếng van lơn của ái tình. Giận dữ, chàng ngước mắt nhìn. Giữa lúc ấy, một con chim khác, chừng con mái, ở bụi tre phía trước mặt bay tới, đậu liền bên. Tức thì con kia thôi không gáy nữa, âu yếm gù sẽ sẽ, như thì thầm nói những câu tình tứ.

Mọi khi thấy cảnh ấy An rất cảm động và rảo bước đi qua không nỡ bắn. Nhưng lần này, chàng chỉ cảm thấy sự lố lăng, đáng ghét của đôi chim. Thản nhiên, chàng giơ súng ngắm, mổ cò. Sau tiếng nổ, một con rơi xuống và con kia cất cánh bay thẳng. An thở ra, khoan khoái mỉm cười: "Thế là một con thoát nợ. Chẳng rõ con chết là chồng hay là vợ, nhưng thoát nợ thì đằng nào cũng thoát nợ!"

An nhặt con chim còn ngắc ngoải, cặp mắt buồn rầu oán trách nhìn chàng như muốn khóc. Lạnh lùng, chàng bóp mũi cho con vật chết hẳn, sau mấy cái đập cánh, đạp chân.

Tới nhà, An đinh ninh sẽ gặp vẻ mặt thờ ơ hay giận dữ của

Nga. Nhưng trái hẳn, Nga rất vui vẻ ra cổng đón chàng và tươi cười báo tin:

– Cậu ơi, em Bảo sắp về chơi.

An cũng hết lãnh đạm:

– Thế à?

Bảo rất yêu quý vợ chồng An, và đã nhiều lần hứa về chơi, nhưng đều bị ngăn trở. Nay nhân gặp dịp nghỉ lễ Phục sinh, nàng viết thư cho chị hẹn sẽ đi chuyến xe lửa sớm về Nam.

– Đây, cậu đọc.

An đỡ lấy bức thư của em vợ, và phải luôn luôn mỉm cười vì những câu văn pha trò, tinh nghịch, nhí nhỏm của cô gái mười tám đương ham sống, và chưa hề gặp một sự thất vọng cỏn con.

– Cô Bảo nói sáng thứ năm mồng chín đi chuyến xe hỏa thứ nhất... Gần mười giờ đến Nam.

– Vậy chờ cơm sáng em nhé?

– Cố nhiên... Tôi phải lên Nam đón cô Bảo không nhỉ?

Nga suy nghĩ:

– Ừ phải đấy, cậu chịu khó lên Nam đón em. Thứ năm là hôm nào nhỉ?

– Ngày kia.

Thế là bức thư của Bảo đã tạm giải hòa được An và Nga. Trong luôn hai hôm, Nga âu yếm hỏi chồng từng tí về cách bài trí trong buồng ngủ, buồng khách cho được thật lịch sự. Và suốt từ sáng đến tối, nàng sai bảo bọn người nhà quét tước, lau chùi; nào giở màn, đệm ra giặt, phơi, đập, nào moi các đồ cổ ở hòm ra bày, rồi ra vườn bẻ hoa về cắm, nào đi chợ mua gà, vịt, rau, quả và đủ các món quí, ngon: Thực là rộn rã ầm ĩ như trước ngày tết Nguyên đán vậy.

Là vì Nga muốn Bảo sẽ nhớ mãi sự đón tiếp long trọng và thân mật của nàng, nhất là sẽ không bao giờ dám phàn nàn hay ngờ vực rằng nàng xấu số lấy phải người chồng quê kệch chẳng biết một chút lịch sự gì. Nàng tự nhủ thầm: “Thế nào rồi nó chả kể lại với vợ chồng huyện Viết. Mình mà lụi xụi để đến tai thằng cha Viết nó chê cười, thì từ đây chả còn dám vác mặt về trên làng Đống nữa!”.

Nga sung sướng nghĩ đến cái xe ô tô còn mới nguyên An vừa

mua lại của một người bạn. "Thế mà hôm mua xe, mình cự mãi An! Rõ thực vô lý!"

Hôm rời làng Đống trở về, Nga luôn mồm khen chị Phụng sung sướng và so sánh cái đời sang trọng, bề thế của chị với cái đời xo dụi, ẩn núp của mình ở một xó quê. An cáu kỉnh hỏi vợ:

– Thì mình kém chị ấy những cái gì? Mình có ăn đói bao giờ không? Có mặc rách bao giờ không? Mình muốn sắm thứ gì tôi có cấm đoán mình bao giờ không? Mình còn thèm khát những thứ gì nữa. Hay mình thấy chị Viết có ô tô mà mình không có? Mình cứ nói một tiếng là thế nào tôi cũng có đủ tiền mua ô tô cho mình.

Nga bĩu môi:

– Sao mà sẵn tiền quá thế!

– Sẵn tiền quá thì không sẵn, nhưng tiền thóc một năm cũng đủ mua nổi chiếc ô tô cho mình diện... Mình muốn gì tôi cũng chiều được, chỉ trừ...

Đợi mãi không thấy chồng nói dứt câu, Nga quay lại hỏi:

– Chỉ trừ cái gì?

– Chỉ trừ cái chức bà huyện. Thực tôi không đủ tài chiều mợ được khoản ấy.

Hai người lạnh lùng không nói với nhau một câu nào nữa.

Ngày hôm sau, An lên Hà Nội và buổi chiều chàng thân đánh một chiếc ô tô về làng. Nhưng cái ô tô ấy chỉ là cái cớ để Nga gây sự với chồng.

Nàng nói:

– Người ta có làm quan làm tư, đi đây đi đó thì người ta mới cần ô tô, chứ mình mua ô tô làm gì? Mua ô tô để diện với bọn dân nhà quê à? Rõ đài các rởm, phí cả tiền!

Mặt An đỏ bừng lên, rồi dần dần tái đi. Hai mắt chàng nẩy tia lửa. Chàng cất giọng run run bảo vợ:

– Mợ im ngay! Sự nhẫn nại cũng phải có giới hạn!...

Hôm nay, nhớ tới buổi cãi nhau, Nga bất giác mỉm cười, và nàng cảm thấy nàng đã tha thứ hết tội lỗi cho chồng.

An cũng nhận thấy rằng từ hôm đi cúng giỗ ở nhà vợ về, lần này là lần đầu Nga ôn tồn âu yếm và thân mật chuyện trò với

mình. Chàng đau đớn nghĩ thầm: "Chỉ sự phô bày hào nhoáng và những danh giá hão huyền là có thể đưa lại được bình tĩnh và hạnh phúc cho vợ ta". Và chàng thở dài nghĩ tiếp: "Rồi khi Bảo từ biệt trở về Hà Nội, thì tấn kịch gia đình thế nào cũng sẽ diễn lại như trước. Ta có thể sống mãi trong hoàn cảnh gay go này không? Ta có thể cứ thở mãi cái không khí khó thở này chăng?"

*

Nghe tiếng còi điện ô tô, Nga rời bàn ăn chạy vội ra cổng. Thấy chị, Minh mở cửa xe nhảy xuống chào:

– Lạy chị!

Nga vui mừng:

– Cả cậu cũng về chơi. Trời ơi! Chị sung sướng quá.

– Vâng, cả em cũng về. Hôm qua em chưa định nên đi đâu hay ở ỳ Hà Nội, thì cô Bảo rủ em về thăm anh chị. Thưa chị vẫn mạnh?

Nga chưa kịp trả lời. Bảo đã đến gần chắp tay nghịch ngợm chào:

– Lạy cụ lớn ạ.

Nga cười:

– Gớm cô Bảo! Động thấy người là thấy đùa?

Bảo cũng cười, đáp:

– Vâng, có thế. Nhưng dễ chị muốn em giữ vẻ trang nghiêm như một thầy tu chăng?

Rồi nàng ngắm nghía Nga:

– Trông chị độ này không được...

Nga ngắt lời, hỏi lại:

– Trông chị già đi nhiều, phải không em?

– Già thì không già, nhưng gầy lắm.

Lúc đó, An đã giao ô tô cho tài xế, một người cháu họ, đánh vào nhà để xe. Chàng lại gần mỉm cười trả lời thay vợ:

– Cô nói đúng lắm, nhà tôi cứ thức luôn, cứ buồn luôn thì còn béo với ai được?

Nga xưa nay vẫn có tính giấu giếm, không để người ngoài, dù là

chị em ruột, biết rõ việc riêng nhà mình. Nàng cười rất tự nhiên bảo em gái:

– Em còn lạ gì tính anh An? Chỉ được cái nói đùa cả ngày. Hôm nào chị cũng kéo một giấc từ chập tối đến sáng, thế mà anh nói chị không ngủ được.

Rồi nàng đánh trống lảng:

– Thôi, vào nhà, chứ đứng cổng mà chuyện gẫu mãi à? Mời hai em vào rửa mặt, rồi còn ăn cơm. Chắc các ngài đói lắm.

Minh cười:

– Thưa chị, có thế... Hẳn anh đã đi bắn được chim thết chúng em.

– Ồ! cậu không nhắc thì tôi quên bẵng. Lâu nay tôi chẳng thiết gì bắn cả.

Và chàng đưa mắt nhìn vợ như để thầm bảo: "Vì mợ cả. Mợ làm tôi mất hết lạc thú". Chừng Nga cũng hiểu ý chồng. Nhưng nàng hết sức che đậy.

– Em ạ, độ rày anh không được khỏe, nên chị giữ không cho đi bắn, có khi chị giấu biệt súng đi nữa. Hôm nọ đi bắn suốt một buổi, rồi chiều về kêu nhức đầu nhức óc, cả đêm không ngủ được.

An mỉm cười: Chàng còn nhớ vì sao đêm hôm ấy chàng không ngủ được. Chàng đương tìm nói một câu ý nhị, bóng bẩy để chỉ hai vợ chồng hiểu với nhau, nhưng Bảo đã vui vẻ đáp lại chị:

– Chắc linh hồn chim chóc bị giết nó oán, làm cho anh không ngủ được đấy, chứ gì!

Ai nấy phá lên cười. Nga gọi đầy tớ lấy nước rửa mặt, đem toàn khăn mới, xà phòng mới ra để khách dùng.

Rồi mọi người vào bàn ăn. Bảo ngắm các món bày trên bàn, hỏi đùa:

– Thưa chị, còn những ai nữa?

Nga ngơ ngác không hiểu:

– Không, có ai nữa đâu?

Bảo cười:

– Bữa cơm này mười người ăn vị tất đã núng.

Minh tiếp luôn:

– Ấy chị tưởng có mình em Bảo về thôi đấy, nếu chị biết có em nữa thì tiệc còn đến đâu?

Nga sung sướng đỏ cả mặt:

– Tiệc tùng gì, hai em cứ nói thế? Cơm xoàng thôi đấy chứ.

Minh quay ra bảo em:

– Bảo ạ, đây là cơm xoàng, mai anh chị mới thết tiệc kia. Nhưng cơm xoàng mà cũng có rượu à chị?

– Rượu thường thôi đấy mà.

– Còn con lợn sữa này chắc là cây nhà lá vườn.

Bảo cười ngất:

– Súc vật anh lại bảo là cây với lá?

Nga và An cũng thẳng thắn cười theo. Hình như Bảo và Minh đã đem đến gia đình hai người một hạnh phúc, một chút trẻ trung. Đến nỗi hai vợ chồng quên hết những sự hờn giận, và thân mật âu yếm nhìn nhau như ngày mới cưới. An chợt nhớ đến những bữa cơm ngày thường, những bữa cơm buồn tẻ, yên lặng, có khi mau chóng quá, vì ai cũng chỉ muốn ăn xong đứng dậy đi một nơi cho rảnh mắt, có khi chậm chạp quá, vì không ai tưởng đến ăn, chỉ ngồi mà bắt bẻ, rầy rà nhau, mà mai mỉa nói châm chọc nhau. Và chàng nghĩ thầm: "Sao sự hòa thuận, sự sung sướng trong gia đình, mình lại không tự tạo lấy được? Sao cứ phải người khác đem đến, mình mới hưởng những thứ ấy? Phải chăng chỉ tại mình nhu nhược không có đủ oai quyền làm chủ gia đình của mình?"

– Kìa, anh An hình như anh không ăn, chỉ ngồi nhìn chúng em.

Minh nối lời Bảo:

– Còn hình như gì nữa!... Tục ngữ có câu: "Vợ chồng đẹp chỉ ngồi nhìn nhau cũng đủ no".

Bảo cãi lại:

– Không phải thế. Câu tục ngữ thế này chứ lị: "Yêu nhau thì ngồi nhìn nhau cũng đủ no".

An mỉm cười đưa mắt nhìn vợ, như để thầm hỏi: "Chúng ta có thực yêu nhau không nhỉ?" Minh lại nói tiếp:

– Anh chị sung sướng quá. Làm vua ở giang sơn của mình,

sống trong một cảnh đẹp, bình tĩnh. Hai vợ chồng cùng yêu việc đồng áng và cùng yêu nhau.

An như nói một mình:

– Cậu biết đâu rằng anh chị cùng yêu việc đồng áng!

Rồi chàng quay lại hỏi vợ:

– Có phải không, Nga?

Nga yên lặng không trả lời... Trong lúc ấy, nàng thực bụng muốn yêu việc đồng áng quá, vì nàng lờ mờ nhận thấy có người ao ước được sống cái đời mình đương sống. Nhưng nàng cũng bảo hai em:

– Cảnh có đẹp đâu, các em? Đẹp sao bằng Hà Nội của các em?

Nga nói câu ấy, chẳng qua cho có chuyện, chứ không nghĩ ngợi xa xôi, nhưng vì An đã sẵn có định kiến về thâm tâm của vợ nên tưởng nàng khao khát những cảnh phù hoa đô hội, đua ăn đua chơi.

Không để chàng kịp chêm một lời chua chát. Bảo đáp liền:

– Hà Nội của chúng em hơn nhà quê của anh chị được mỗi cái nhiều bụi với nhiều người chen chúc.

Minh cười tiếp luôn:

– Với nhiều xe cao su.

– Phải, để không có cái thú đi bộ như ở nhà quê.

Nga bĩu môi:

– Đi bộ thì thú gì!

– Không thú gì nhưng khỏe người, chị ạ.

An dốc một hơi cạn cốc rượu nho, rồi nói:

– Khỏe người sao bằng uống rượu và ăn thực nhiều. Vậy mời cậu Minh và cô Bảo chiếu cố ăn thực thà cho, chứ đừng ngồi mà cãi lý với nhau như thế, vô ích.

Bữa cơm kéo dài mãi tới quá trưa. Ai nấy đều say lảo đảo và đều no bứ, tuy các món ăn chỉ khuyết độ một phần năm. Nga sung sướng. Nàng cho rằng sự sang trọng và lòng mến khách của nàng đã phô bày một cách khéo léo và đầy đủ.

Xong tiệc hoa, quả, bánh mứt cà phê và chè tàu, Nga đưa hai em sang buồng ngủ:

– Hai em nghỉ trưa một lát cho đỡ mệt.

Làm thế nàng cốt khoe ngay hai cái giường tây buông màn ren mới, và dưới giường hai tấm thảm rất đẹp mà năm trước nàng đã mua ở hội chợ Hà Nội.

Nhưng Minh nói không có thói quen ngủ trưa và xin đi xem nhà. Bảo cũng theo anh và vui mừng nhảy múa hát nghêu ngao. Ngắm cô em vợ, An nghĩ thầm: "Sao mà cô ấy vui vẻ, thẳng thắn khác tính vợ mình thế?" Và càng nuốt ngầm cái thở dài, lẩn thẩn nghĩ tiếp: "Giá vợ ta là cô Bảo, thì đời ta sung sướng biết bao!".

Còn Nga thì nàng chỉ tưởng đến có một việc: làm thế nào để khoe những cái hay cái đẹp và che đậy hết những cái luộm thuộm, nhem nhuốc của nhà mình. Nàng đưa Minh và Bảo đi xem những nơi vừa sửa chữa lại, những buồng cao ráo lát gạch hoa với hàng cửa chớp, cửa kính mới sơn xanh. Hai em tuy luôn miệng ngợi khen, nhưng vội vàng rồi kéo nhau ra thẳng vườn, vì lúc mới tới Minh đã thoáng trông thấy một khu vườn rộng. Nga không bằng lòng, nói gắt:

– Bây giờ về mùa xuân, ngoài vườn chẳng có quả gì đâu.

Bảo vui vẻ đáp:

– Không có quả thì chúng em ăn lá!

– Vậy mặc hai em. Chị thì chị xin chịu, vì chị say rượu lắm, thế nào cũng phải nằm nghỉ một lát.

Rồi Nga quay lại bảo chồng:

– Anh An đưa hai em ra xem vườn nhé?

– Được, Nga cứ đi nghỉ.

Thấy chị và anh rể âu yếm nói chuyện với nhau, Bảo cảm động và thầm tưởng đến việc riêng của mình. Nàng ao ước chóng được hưởng như anh chị cái lạc thú gia đình, cái lạc thú êm ái, dịu dàng của hai vợ chồng trẻ yêu nhau, kính trọng nhau và sống với ít sự ham muốn trong một cảnh bình tĩnh đầy vẻ nên thơ.

– Trời ơi, anh chị sung sướng quá!

Nghe em vợ nồng nàn, thành thực khen mình, An nhách một nụ cười chua chát:

– Anh chúc cô sẽ sung sướng hơn chị và mong rằng chú Hạc sẽ yêu cô hơn anh yêu chị.

Hạc là ý trung nhân, và lại là người bạn rất thân của Bảo trước khi cha mẹ chàng hỏi Bảo cho chàng làm vợ. Chỉ nghe thấy anh rể

đọc đến cái tên Hạc, Bảo đã cảm động ngây ngất với tình yêu. Và nàng trở nên lãng mạn, bảo An:

– Có phải không anh, chả còn hạnh phúc gì bằng hạnh phúc gia đình đầm ấm?

– Nhưng khuyên cô nên hết sức kéo dài cái thời kỳ vị hôn của cô ra.

Câu trả lời của An làm Bảo phải suy nghĩ.

Nàng hỏi:

– Sao thế anh?

An mỉm cười bí mật:

– Vì trước khi lấy nhau, bao giờ người ta cũng yêu nhau hơn.

Bảo cười thẳng thắn:

– Vô lý! Em thì em cho rằng hai người càng ăn ở lâu ngày với nhau, càng thêm kính trọng, yêu mến nhau.

Sợ Bảo đoán biết sự bất hòa của vợ chồng mình, An nói lảng:

– Muốn bàn về triết lý của hạnh phúc gia đình tất phải viết một pho sách dầy.

Chừng đã lấy làm khó chịu về câu chuyện không đâu, Minh vội tiếp:

– Nhưng chắc chả ai hoài hơi, hay rỗi công ngồi viết một quyển sách triết lý, vậy xin các ngài hãy xếp câu chuyện ấy lại cho và ra vườn chơi.

An vui vẻ nói:

– Đích rồi!

Ba người liền cùng nhau ra vườn, một khu vườn rộng có tới hơn một mẫu, trồng đủ các thứ cây quả: nào cam, quít, bưởi, na. Cao vút trên từng không, những cây cau thân thẳng và mảnh tỏa từ buồng hoa vàng xuống một mùi thơm đậm đà, mộc mạc xen lẫn trong mùi thơm phảng phất, thanh thanh của hoa chè: hai hương vị đặc biệt của nơi thôn dã.

– Anh chị ở đây sung sướng quá. Chả còn thiếu một thứ gì.

An thản nhiên đáp:

– Chỉ thiếu có một sự bình tĩnh thôi, cô ạ.

– Bình tĩnh. Thế này còn không bình tĩnh thì thế nào mới là bình tĩnh?

– Không, tôi nói bình tĩnh của tâm hồn.

Lần đầu, Bảo tò mò nhìn anh rể và tìm hiểu ý nghĩa câu nói của chàng. Lúc ấy Minh từ bờ ao đi lại, gọi:

– Anh An?

– Cái gì đấy, cậu?

– Nhà có cần câu không, anh?

– Không, cậu ạ.

An ngừng một giây, ngẫm nghĩ, rồi nói tiếp:

– Độ trước chị còn thích câu cá thì anh vẫn có hai cái cần câu, buổi trưa hai vợ chồng thường ra ngồi gốc sung buông câu.

Bảo hỏi:

– Thế bây giờ?

– Bây giờ?... Bây giờ... chị không thích câu cá nữa, nên hai cái cần chúng nó vứt đâu chẳng biết. Nhưng nếu hai em muốn câu thì anh bảo đi mua lưỡi câu, chỉ một lát là có.

Minh vui mừng:

– Vâng, anh bảo đi mua lưỡi câu ngay cho.

Cái ao của anh rộng như một cái hồ nhỏ.

– Hồ Hoàn Kiếm của anh đấy!

Bảo hỏi:

– Có lẽ anh thả cá?

– Chính vì thế, các em chỉ buông cần là được cá.

– Ồ, thế thì thích nhỉ! Em câu thi với anh Minh nhé?

An chỉ ra lệnh một câu, tức thì người đi mua lưỡi câu, người đi chặt cần tre, và không đầy mười lăm phút, đã xong bốn cái cần dài và mềm.

Ba người vui vẻ đi tìm nơi có bóng dâm.

Nhưng hình như không ai tưởng đến câu.

Minh chẳng một lúc nào ngó tới cái phao. Tay bút chì, tay quyển sổ chàng hý hoáy vẽ hết góc ao này đến góc ao nọ. Thỉnh thoảng, chàng lại ngửng lên bảo anh rể:

– Cái ao của anh đẹp quá!

– Thế à, cậu?

An trả lời vẩn vơ vì chàng đương thiu thiu ngủ, lưng ngả tựa gốc cây sung, chân đạp lên những rễ xù xì.

Còn Bảo thì nàng chống tay vào cằm ngồi suy nghĩ trên cái ghế đá dài đặt lên cây ổi ngọn rườm rà ngả xuống mặt nước. Thốt nhiên nàng đứng dậy, lại gần chỗ An, và hỏi chàng:

– Hình như anh có điều gì tư lự, phải không?

An ngồi dậy hỏi lại:

– Sao cô biết?

Bảo nhìn An, lắc đầu:

– Thế mà em tưởng anh chị sung sướng lắm đấy.

An cười:

– Sung sướng thì vẫn sung sướng!

– Sáng hôm nay lúc ngồi trên xe lửa, em cũng bảo anh Minh thế. Thực em không thể ngờ rằng anh chị không sung sướng được. Vâng, anh chị còn thiếu một thứ gì?

An vẫn cười:

– Thì tôi đã nói với cô rằng chúng tôi chỉ thiếu có một sự bình tĩnh của tâm hồn.

– Vâng chính câu nói ban nãy của anh đã khiến em nghĩ ngợi. Thực em không ngờ.

Thấy em vợ tỏ lòng thương hại mình, An buồn rầu đem chuyện gia đình ra kể qua loa cho nghe.

Bảo phàn nàn:

– Em không ngờ chị Nga lại tệ được. Nghe chị nói thì ai cũng tưởng gia đình anh chị là một gia đình hoàn toàn.

An thở dài:

– Gia đình!

– Để em khuyên chị hộ anh nhé?

An vội gạt:

– Ấy chớ! Tôi xin cô. Để vậy thì còn được cái tử tế, cái vui vẻ giả dối khi có anh em đến chơi, chứ cô nói cho chị biết, thì không những

chị giận tôi, mà chị còn ghét lây cả cô... Tính nết nhà tôi xem chừng khó ai sửa đổi được.

Bảo cười:

– Giá chúng em cứ về chơi anh chị luôn, thì chắc anh chị đỡ xô xát nhau... Nhưng tính chị ngày xưa có thế này đâu? Mà chị tốt bụng lắm hẳn anh cũng biết.

– Tốt bụng thì có tốt bụng thực!

– Chả bao giờ em quên được những lời anh chị bẩm với thầy hộ em...

Bảo nói thế là vì nàng nhớ ơn vợ chồng An đã giúp cho việc nhân duyên của nàng.

Bảo thấy hiện ngay ra gương mặt sáng sủa thông minh của vị hôn phu, và cả một thời kỳ vãng hai người sống gần nhau, đùa nghịch với nhau.

Ông án Báo và ông tham Toàn là đôi bạn thân từ thủa nhỏ, hai người cùng học chữ Nho một trường. Rồi để bạn ở lại theo đuổi khoa bảng, Toàn đi học dăm ba chữ Tây, và xin được bổ thư ký phụ. Về sau vừa làm việc vừa học lấy. Toàn thi đậu thông ngôn, rồi chẳng bao lâu được thăng tham tá.

Trong khi ấy thì Báo đậu phó bảng và được bổ ra tri huyện.

Một độ, Báo làm quan ở cùng một tỉnh với Toàn. Vì thế, chẳng chủ nhật nào hai người bạn không đến chơi nhà nhau, hoặc Báo lên tỉnh ly, hoặc Toàn về huyện nha. Và nhiều lần Báo đưa con gái út đi theo, cũng như Toàn đưa Hạc, đứa con một của chàng.

Ngày ấy Hạc tám tuổi và Bảo mới lên năm. Đôi bạn nhỏ thân yêu nhau, nô đùa với nhau ở vườn hoa trước công đường huyện, ở vườn rau phía sau bếp. Hạc nhổ cà rốt, hái dưa chuột gọt cho bạn ăn, cắt giấy làm đồ chơi tặng bạn.

Rồi bẵng qua hơn mười năm. Ông tham Toàn đổi đi một tỉnh xa, nên hai nhà ít khi gặp nhau.

Một hôm vào hiệu Gôđa, Bảo gặp Hạc, và nhận ngay được chàng. Hai người vui mừng trò chuyện, và cùng nhau ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu.

Trong khoảng hai năm, Hạc và Bảo nối lại tình bạn cũ. Và tình bạn chẳng bao lâu trở nên tình yêu, một tình yêu giản dị và

đường hoàng: Hạc không dám ngỏ lời âu yếm với Bảo, viết cho bạn một bức thư. Bảo phúc thư giục bạn đến hỏi mình làm vợ. Nàng lại khôn ngoan xui Hạc nhờ vợ chồng An nói giúp với ông Án bà Án.

Hạc làm theo lời Bảo dặn. Và vợ chồng An nhận lời liền. An mến Bảo ngay từ thời mới về làm rể nhà ông án Báo, nên nay nghe Hạc ngỏ ý muốn nhờ làm mối, chàng lấy làm mừng thầm cho cô em vợ. Chàng biết chắc rằng đôi vợ chồng ấy sau này thế nào cũng được hưởng hạnh phúc vì thủa nhỏ hai người đã quen nhau, đã yêu nhau và ngày nay hai người cùng ưng thuận lấy nhau.

Ý Nga lại khác. Nàng yêu Bảo hơn hết cả các anh em khác. Nhưng không phải vì tình yêu mà nàng muốn giúp việc nhân duyên của Bảo.

Biết rằng gia đình Hạc có nhiều chuyện chẳng hay, Nga muốn Bảo về đó làm dâu để sau này khỏi há miệng mỉa mai rằng nhà chồng nàng không phải một nhà quí phái. Nàng nghĩ thầm: "Bây giờ chị em tử tế với nhau yêu nhau như chân tay thực. Nhưng mai kia nếu nhà chồng nó thần thế, hách dịch hơn nhà chồng mình, biết đâu nó lại không coi mình như rơm như rác?".

Nàng liền ngỏ ý với chồng, và cố giấu không cho chồng biết cái nghịch cảnh của nhà Hạc. An thành thực khen vợ, rồi cùng về làng Đống để thưa với ông Án, bà Án.

Ngay bữa cơm chiều, An đã gợi chuyện, nói đến Hạc. Ông Án hỏi:

– Hạc nào, có phải thằng Hạc con ông tham Toàn không?

Nga vội đáp:

– Vâng, bẩm thầy anh ấy đứng đắn, chăm học lắm. Đỗ tú tài xong, anh ấy vừa vào học trường thuốc.

– Sao cô biết?

Thấy vợ lúng túng tìm câu trả lời, An nói đỡ:

– Bẩm, hôm nọ anh ấy có về chơi con, anh ấy là bạn thân của con.

– Thế à?

Bà Án chau mày suy nghĩ, rồi bảo chồng:

– Ông tham Toàn nào thế, tôi không nhớ đấy.

– Bà quên rồi à? Ông ta cùng học chữ Nho với tôi ngày xưa.

Khi tôi tri huyện Tiên Du, ông ta vẫn về chơi...

– À, tôi nhớ ra rồi. Ngày ấy ông ta thường đem theo thằng con nhỏ.

– Chính thằng Hạc đấy.

– Thế à? Vậy năm nay, nó bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?

An vui mừng đoán chắc công việc làm môi giới của mình thế nào cũng xong xuôi. Chàng đáp :

– Bẩm mẹ, anh Hạc năm nay mới hai mươi.

Nhưng chàng kinh ngạc xiết bao khi nghe thấy mẹ vợ quay ra nói với ông Án:

– Rõ tội nghiệp cho thằng bé. Rồi sau chả biết ông ta có lấy ai không, ông nhỉ?

Ông Án lãnh đạm trả lời:

– Tôi cũng chẳng biết nữa! Hình như về sau ông ta lấy người vợ tây ấy, thì phải.

– Cái người vợ tây đã làm cho vợ chồng ông ta bỏ nhau?

– Hình như thế.

An nghe lạnh cả người. Chàng đưa mắt nhìn Nga như thể thầm trách vợ, sao rõ chuyện lại không bảo cho mình biết trước. Nhưng ông Án quay ra hỏi:

– Cậu có biết cậu ta đã vợ con gì chưa?

An lại hy vọng và vội đáp:

– Bẩm chưa, anh Hạc kén chọn cẩn thận lắm.

Bà Án bĩu môi:

– Cẩn thận! Nhà tử tế ai người ta thừa con người ta gả cho cậu ấy, dù cậu ấy đỗ đến bằng gì đi nữa. Mẹ thì bỏ chồng. Bố thì lấy vợ tây.

An phải cố ghìm lại mới giữ được khỏi trả lời mẹ vợ mấy câu hỗn xược. Nhưng chàng cũng nói:

– Bẩm mẹ, con tưởng kén rể thì chỉ cốt người rể xứng đáng thôi, chứ cần gì đến cha mẹ người ta.

Bà Án thản nhiên không thèm đáp lại. Nhưng ăn cơm xong, bà nói với chồng ở trước mặt Nga:

– Cậu An bây giờ cậu ấy ăn nói tự do quá nhỉ.

Ông Án cười:

– Ấy bọn tây học họ vẫn thế cả đấy!

– Cậu ấy lại bảo lấy vợ gả chồng cho con, không cần đôi bên cha mẹ là người tử tế.

Biết rằng công việc mối manh không xong, hôm sau vợ chồng An xin về thẳng. Cách đó mấy ngày An nhận được thư của Hạc hỏi thăm tin tức. Chàng phúc đáp lại khuyên Hạc cứ vững tâm chờ đợi.

Nhưng tết năm ấy, Bảo được nghe cha mẹ nói chuyện về gia đình ý trung nhân của mình với một giọng khinh bỉ, và thương hại. Vì thế khi cha hỏi có còn nhớ Hạc con ông tham Toàn không, Bảo buồn rầu đáp:

– Bẩm không.

Rồi vờ ngẫm nghĩ hỏi lại:

– Bẩm có phải anh Hạc vẫn theo ông tham về huyện ngày con còn nhỏ...

– Chính đấy.

Bảo cố ấn những giọt nước mắt xuống đáy lòng. Đêm hôm ấy, nàng thức suốt đêm, cắn chặt lấy chăn để giấu tiếng khóc.

Đến Hà Nội, Bảo ốm nặng ngay. Nhà trường phải đưa nàng vào điều trị tại bệnh viện.

Sáng, chiều, Hạc đến vấn an, nhưng không một lần nào dám vào phòng. Lên Hà Nội thăm em, và thấy bệnh của em có chiều trầm trọng, vợ chồng An vội về làng Đống, đem chuyện riêng của Bảo ra nói rõ với ông Án, bà Án.

Bà Án nổi cơn thịnh nộ và đòi bắt ngay Bảo về không cho học nữa. Bà bảo chồng:

– Đấy ông coi, cho con gái học chữ tây vào để nó viết thư cho giai.

Nhưng An cố xin cho em vợ, và chàng nói nếu lần này mà Bảo thất vọng, thì chắc nàng sẽ chết, vì bệnh nàng nặng lắm. Ông Án ngồi suy nghĩ, rồi hỏi thăm An về học lực, về tính nết của Hạc. An biết rằng ông Án đã nguôi cơn giận, liền dùng hết lời khéo léo tán tụng người yêu của Bảo.

Hôm sau, cả ông Án bà Án và vợ chồng An ra Hà Nội thăm

Bảo. Thấy con gầy yếu quá, bà Án khóc ầm lên, không nói được một lời. Còn ông Án thì lạnh lùng nghiêm trang bảo con:

– Ông tham Toàn muốn hỏi con cho cậu Hạc con ông ấy, nhưng thầy mẹ còn muốn hỏi ý con đã mới nhận lời.

Bảo sung sướng quá ôm lấy mẹ, khóc hết nước mắt.

Tuần lễ sau Bảo khỏi hẳn.

II

Một gian gác rộng ở phố Cửa Đông, sáng sủa, sạch sẽ và giản dị. Phía trong, kê giáp tường một cái giường ngủ gỗ lát kiểu mới. Bên cạnh, một cái bàn ngủ và một cái tủ gương đứng cũng gỗ lát. Phía ngoài, và cách một cái bình phong sơn là phòng khách và bàn giấy.

Tiếng hát ở thang gác. Tiếng chìa trong ổ khóa. An mặt đỏ gay, mở cửa bước vào. Chàng vừa đi ăn về, vì ít lâu nay, An ăn tháng ở một hiệu cơm tây. Chàng nói làm thế cho được giản tiện, nhưng kỳ thực chỉ cốt để ở một mình không phải chung sống với vợ con.

An khóa cửa phòng, để nguyên quần áo nằm ngả lưng xuống nệm, khoan khoái mỉm cười. Sau hơn hai năm, chàng đã đổi khác hẳn, đổi khác từ hình dáng cho chí tâm hồn. Da dẻ chàng tuy không hồng hào, tươi thắm như ngày còn ở nhà quê, nhưng một vài nét răn ở cặp má hơi rám làm cho chàng thêm vẻ đài các của một bực công tử phong lưu. Đôi mắt kém sáng, nhưng cũng kém ngây thơ, cái miệng cười kém thành thực nhưng càng tỏ ra rằng chàng là một người từng trải.

Vì thực ra, trong hơn hai năm, An rất từng trải mùi đời, một đời huyên náo, liều lĩnh.

Cái quãng đời ấy lần lần hiện ra trong tâm trí An, hiện ra từng hồi, từng đoạn.

Trước hết, An thấy rõ dần hình ảnh và thái độ của Nga. Sau khi Minh và Bảo đi rồi, quả nhiên như An đã phỏng đoán, Nga càng trở nên lăng loàn, quá quắt, tưởng như trong mấy ngày liền nàng cố nhịn, cố tử tế, hòa nhã, âu yếm, nên nay nàng phải cư xử tàn tệ, hỗn xược để bù lại. Đến nỗi An vì tính nhu nhược, không chịu nổi, không can ngăn nổi, đã toan liều tự tử cho thoát cái đời sống trong ngục thất gia đình.

Chàng còn nhớ hôm thuê thuyền đi bắn ở ven bể. Lòng chán nản, trí mỏi mệt, mấy lần chàng suýt nhảy phăng xuống nước, nhưng mỗi lần nhớ tới người chở thuyền chàng lại phì cười. Rồi lẩn thẩn chàng hỏi chuyện người ấy cho tâm trí được khuây khỏa và khỏi phải luôn luôn nghĩ đến những ý tưởng hắc ám. Chàng có ngờ đâu chính người chở thuyền ấy đã dạy chàng một bài học về đời, và đã định đoạt cuộc tương lai của chàng.

An mỉm cười nằm ôn thầm câu chuyện giữa chàng và người lái đò.

Chàng hỏi:

– Anh có vợ chưa?

Người lái đáp:

– Thưa thầy đã.

– Anh có khổ không?

– Thưa thầy, khổ thì vẫn khổ, nghèo túng thì ai mà không khổ?

An cười:

– Không, tôi hỏi anh có bị chị ấy làm khổ sở không?

– Thầy bảo gì tôi không hiểu.

– Tôi bảo vợ anh có làm rầy làm khổ anh không?

Anh chở thuyền phá lên cười :

– Thầy tính, làm thằng đàn ông thì phải dạy vợ chứ. Nó làm rầy thì cho nó một trận là đâu vào đấy ngay lập tức.

An ngắm nghía anh nhà quê, tấm tắc khen thầm, và ngẫm nghĩ: "Chẳng lẽ mình là người có học thức lại đi làm theo cái lối vũ phu!". Thấy anh ta nói chuyện hay hay. An lại vui vẻ hỏi:

– Ngoài cái lối dạy vợ bằng roi vọt, anh còn lối gì nữa không?

Anh chở thuyền ngơ ngác:

– Thầy thầy, thầy bảo gì tôi không hiểu.

– Chẳng hạn anh bị vợ làm rầy mà anh không muốn đánh đập thì anh làm thế nào?

Người kia suy nghĩ một lát rồi đáp:

– Thưa thầy, đàn bà họ chỉ muốn lên bà. Ở bên cạnh nhà tôi có ông cán Vận. Trước kia ông ta còn làm anh xã thì chẳng ngày nào là hai vợ chồng không cãi nhau, mà cãi nhau thì bao giờ vợ cũng

lăng loàn chửi bới nhà chồng. Thế mà từ ngày ông ấy lên chức ông cán, thì bà vợ đổi hẳn tính nết, không những không lăng loàn nữa mà còn kính trọng, sợ hãi chồng.

Anh lái cười nói tiếp:

– Chẳng nhẽ bà cán lại đi chửi chồng!

An buồn rầu đáp:

– Không phải thế đâu, chỉ vì bà cán được mãn nguyện rồi, nên chả còn cần phải cấn rứt chồng nữa đấy thôi.

Đi từ bãi biển về nhà, An tự nhủ thầm: "Ừ việc gì mà chết! Vả chết xuống âm phủ biết đâu lại không lấy vợ, và bà vợ biết đâu lại không làm mình khổ sở".

Chàng thích chí cười to và nghĩ tiếp:

"Thì mình cứ coi như chết rồi, vì làm một việc mình không thích thì cũng như chết. Như thế càng khỏi mang tiếng tự tử... Ừ, mình mà tự tử thì thế nào các báo họ cũng đăng ầm ỹ lên... Ê chề quá!".

Thế là An quả quyết sống theo quan niệm của vợ: "Thế cũng là một cách tự tử! Thôi cốt gia đình được êm thấm... Sao mình lại không phải là lòng hy sinh, mà chỉ là tính nhu nhược.

Vừa về đến nhà, An vui tươi bảo vợ.

– Mợ ạ, mợ nghĩ thế mà phải.

Nga vẫn còn giận chồng nên lặng thinh không đáp. An nói luôn:

– Thế nào tôi cũng phải làm theo ý mợ, nghĩa là phải đi học nữa.

Nga ngửng đầu, kinh ngạc nhìn An.

– Vì làm ruộng buồn lắm. Vậy mợ chịu khó ở nhà trông coi vườn ruộng, để tôi đi Hà Nội học nhé?

Nga còn ngờ vực, vờ gắt dò ý chồng:

– Tôi không đùa.

– Ô hay! Tôi có đùa đâu, tôi nói thật đấy mà.

Ngay chiều hôm ấy, An làm giấy xin vào trường Đại học. Lúc bấy giờ Nga mới tin là chồng nói thực.

Trong đời gia đình của An, chẳng thời nào chàng được hưởng sung sướng, bình tĩnh bằng mấy tháng trước khi đi Hà Nội theo học: Nga hết sức âu yếm và phục tòng, chiều chuộng.

Trước ngày An lên đường, hết người nọ đến người kia trong họ

làm tiệc tiễn chàng coi như chàng sắp đi du học bên Pháp, và mừng chàng coi như chàng đã thi đậu và sắp sửa ra làm quan lớn nay mai. Và ai nấy đã bắt đầu gọi tôn chàng là quan lớn rồi.

Người hí hửng vui sướng nhất là ông điều Vạn. Ông nói: "Ừ, có thế chứ! Chú biết thế nào rồi anh cũng nghĩ ra. Còn trẻ tuổi, tội gì lại không học nữa? Ruộng nương anh cứ để cho chị ấy trông coi, đã có chú với các em giúp đỡ".

Nhớ lại điệu bộ, ngôn ngữ của ông chú chỉ ao ước có cháu làm quan, An bật cười:

– Hừ! Gia đình!

Nhưng nay cái cười của An không chua chát như xưa nữa, chỉ là cái cười đùa bỡn, khinh phù. Giữa lúc ấy có tiếng gõ cửa, An uể oải ngồi dậy gắt hỏi:

– Ai?

Rồi làu nhàu: "Khổ quá, muốn ngủ trưa một lát cũng không được! Tối hôm qua đã thức suốt sáng!". Tiếng ngoài đáp lại:

– Mau! Em đây mà!

An vội vàng mở cửa. Một thiếu nữ xinh đẹp, nhí nhảnh, nhảy nhót như con chim khuyên, ôm choàng lấy An mà hôn:

– An của em làm gì đấy?

An kéo bạn ngồi xuống giường:

– Anh làm việc.

Thiếu nữ cười ròn tan:

– Làm việc à? Rõ điên rồ! Trời đẹp thế này không đi chơi lại ru rú xó nhà mà làm việc.

An cũng cười:

– Đi chơi mới điên rồ, em Xuyến ạ. Còn có hơn năm tháng nữa đến kỳ thi ra, em bảo không học thì nhỡ rớt có chết không!

– Việc gì mà chết?... À thi đỗ chắc anh đi làm quan?

An, giọng mỉa mai:

– Cố nhiên, học để làm quan lại chẳng làm quan!

Rồi chàng mỉm cười hỏi:

– Thế nào, Xuyến có muốn làm cô huyện không?

Xuyến nguýt dài, đáp:

– Làm bà huyện thì làm chơi, chứ cô huyện thì chịu.

Câu nói khôi hài của Xuyến khiến An buồn rầu nghĩ đến vợ: Hồi hai năm trước, khi chàng mới ra Hà Nội học được sáu tháng, một chuyện tình xảy ra làm cho chàng mất công đề phòng vô ích đối với Nga trong ít lâu.

Ngày ấy, An thuê chung nhà với một người bạn trẻ học cùng lớp, chàng ở trên gác, bạn ở dưới nhà. Một cô gái nửa ăn chơi, nửa con nhà thường đến với chàng. Chẳng rõ người trước có là tình nhân của bạn An không, chẳng rõ ông bạn có ghen ghét về sự đắc thắng của An cả về đường học lẫn về đường tình không? Chỉ biết rằng sự giao hữu của hai người một ngày một phai nhạt.

Rồi một hôm, ở nhà quê, Nga nhận được một bức thư nặc danh nói An có ngoại tình. Bức thư ấy, mấy tháng sau có dịp lên Hà Nội, Nga đưa cho chồng xem và vui cười nói:

– Mình ạ, không biết đứa nào thù ghét mình nó bịa đặt ra như thế. Chứ em còn lạ gì, mình đứng đắn, chăm chỉ, và một dạ với em khi nào lại có nhân tình nhân ngãi.

An cảm động quá. Nhưng chàng không hiểu vì đâu tính nết Nga lại chóng đổi như thế. Trước kia nàng cau có, hỗn xược, ngờ vực bao nhiêu, thì bây giờ nàng trở nên dễ dàng, lễ phép, thẳng thắn bấy nhiêu. Hối hận và để tạ lỗi cùng vợ, An rời bỏ tình nhân, và luôn thể xa lánh cả ông bạn quí hóa mà chàng đoán chắc là tác giả bức thư nặc danh.

Nếu An biết được sự thực, có lẽ chàng đã không có cái cử chỉ đáng khen kia, vì sự thực, Nga không quá điềm đạm hay dễ tha thứ, dễ có lòng tín nhiệm như chàng tưởng. Hôm nhận được bức thư nặc danh, nàng khóc mãi và lúc căm tức, nàng đã định lên thẳng Hà *Nội để cho chồng một trận, rồi muốn* ra sao thì ra.

Nhưng nàng suy đi nghĩ lại rồi dần dần nguôi giận. Nàng tự nhủ thầm: "An ra ở Hà Nội là vì mình. Vả mục đích của ta là khiến được An theo học để nay mai làm quan. Vậy mục đích ấy ta đã tới rồi, ta còn muốn gì hơn nữa. Chơi bời là cái phụ, không đáng kể... Với lại đàn ông thì ai không chơi bời, giữ họ sao nổi, mà giữ họ làm gì? Quí hồ họ không tình phụ mình là đủ. Mà ta chắc An không phải là người phụ bạc".

An giữ lòng trung thành với vợ được dăm tháng. Sang năm sau, chàng lại có một người tình thứ hai. Lần này, An thuê riêng nhà cho tình nhân ở, và chẳng thèm giấu giếm bạn bè một ai, nên tiếng đồn ầm ỹ về làng và đến tai Nga. Nhưng năm ấy trong kỳ thi lên lớp, An vừa chiếm số đầu nên Nga sẵn lòng tha thứ. Không những Nga tha thứ mà khi nhận được thư chồng giục bán thóc để gửi tiền lên Hà Nội cho chàng, Nga vâng lời ngay, chẳng chút do dự, chẳng thèm phúc âm hỏi lại xem vì sao An tiêu tốn gấp đôi, gấp ba trước như thế.

Tuy vậy, Nga vẫn không quên nghĩ đến địa vị, đến hạnh phúc gia đình của mình. Nhờ chú trông coi cửa nhà, vườn ruộng hộ, nàng lên Hà Nội đem theo cả hai đứa con, một con gái và một con trai mới lọt lòng được hai tháng, rồi thuê nhà ở với chồng. Trong thời ấy, nàng hết lòng chiều chuộng, âu yếm chồng. Nhưng kỳ thi lên năm thứ ba ấy An sụt xuống số bốn. Nga cho là vì chân vướng víu vợ con, nên đã không để cả tâm trí vào việc học. Tức thì nàng lại đưa con về quê.

Sang tháng sau, An gặp Xuyến và hai người nồng nàn yêu nhau.

Thấy An ngồi thừ, buồn rầu nghĩ ngợi, Xuyến bá cổ hôn và nũng nịu hỏi:

– An của em sao thế?

An mơ màng tưởng ngồi bên vợ chợt như tỉnh giấc mộng. Xuyến cười nói:

– Ở cung trăng vừa rơi xuống đấy à?

An mỉm cười vơ vẩn:

– Ở cung trăng rơi xuống đã khá. Anh cứ tưởng anh đương ở giữa gia đình.

Xuyến phụng phịu:

– Động một tị là anh giở gia đình của anh ra. Anh làm em tủi thân.

Vừa nói nàng vừa thọc tay vào túi áo An. Bỗng nàng giơ lên một phong thư chưa bóc:

– Thư nào mà anh chưa đọc thế này?

An ngơ ngác nhìn, rồi giật lấy bức thư.

– Chết chửa! Thư nào thế?

Chàng ngắm nghía chữ đề phong bì:

– Ồ! Thư của Nga.

– Nga nào thế?

– Nga là vợ anh.

– Thế à?

Bức thư ấy, An nhận được từ hôm trước, trong giờ học – Nga thường gửi thư vào trường chừng để được đề hàng chữ "Etudiant à L'Ecole des hautes Etudes" – Đương bận nghe giảng bài học, An ấn thư vào túi, định khi về nhà sẽ giở ra xem. Nhưng về đến nhà chàng quên bẵng.

Xuyến chờ An đọc thư xong, rồi hỏi:

– Trong thư chị nói gì thế?

An mặt hơi tái, chau mày đáp:

– Nhà tôi nói mai ra chơi Hà Nội may áo.

An ngẫm nghĩ nói tiếp:

– Mai nghĩa là hôm nay.

Xuyến nhớn nhác đứng dậy:

– Hôm nay? Vậy em đi thôi, nhé?

An giữ gượng:

– Thì em hãy ngồi chơi... thong thả.

Xuyến cười:

– Nhỡ chị lên bắt gặp thì khốn.

Nàng khoác vội khăn quàng lên vai, soi gương đánh vội lượt phấn, rồi ra mở cửa. An chạy theo lôi lại, nhưng Xuyến vùng vằng giật tay chạy tuốt xuống thang gác.

Xuyến vừa đi được mấy phút, thì Nga vui vẻ bước vào phòng. An giật mình đứng dậy, ngây người nhìn vợ.

– Cậu! Cậu đã nhận được thư của em chưa?

– Đã.

– Em chỉ lo em lên trước thư.

An cố có giọng tự nhiên, vờ mừng rỡ:

– Em đến hay lo xa!

Nga đặt cái va li con lên giường:

– Anh cất vào tủ hộ em. Trong có tiền.

Mọi lần nghe vợ nói có tiền thì thế nào An cũng hỏi bao nhiêu để tán tỉnh đòi chia đôi nếu món tiền ấy khá to. Nhưng lần này chàng ngượng với vợ quá nên chỉ lẳng lặng cất va li vào tủ.

Chàng lo lắng, liếc trộm Nga để dò ý tứ. Thấy Nga vui vẻ, nét mặt thản nhiên, chàng mới đỡ sợ.

Tan buổi học chiều, Xuyến đứng chờ An ở cổng trường. Nàng mỉm cười tinh quái hỏi:

– Có sao không anh?

An không hiểu, hỏi lại:

– Sao?

– Chị có làm rầy anh không?

– Không. Tại sao?

Xuyến thuật lại với An rằng buổi trưa, lúc ở nhà chàng ra, Xuyến gặp một cái xe, trong có một người đàn bà. Đi một quãng nàng lo lắng, ngoái cổ nhìn lại, thì thấy cái xe ấy đỗ ngay trước cửa nhà An, vì thế nàng đoán chắc người đàn bà là vợ An. An chau mày, tắc lưỡi, lẩm bẩm:

– Phiền!

– Em làm anh phiền lắm, phải không?

An yên lặng lên xe về nhà. Chàng tưởng Nga đi phố sắm sửa các thứ. Nhưng chàng kinh ngạc và sợ hãi xiết bao khi hỏi đầy tớ chàng biết rằng Nga chưa đi đâu, vẫn ở luôn trên gác. Chàng nghĩ thầm: "Tính nết Nga bây giờ lạ lùng quá! Thế mà im không đả động gì đến..."

Nhưng chàng cũng liều lên gác. Gác khóa. Chàng gọi sẽ:

– Nga!

Một lát sau, Nga mới mở cửa. Thoáng nhìn qua, chàng biết rằng Nga đã khóc nhiều, vì ngấn nước mắt còn rất rõ dưới lượt phấn xoa vội. Chàng vờ hỏi:

– Nga của anh không được khỏe thì phải?

Nga vui vẻ đáp:

– Không, em vẫn khỏe như thường. Em chỉ hơi mệt vì đi đường xa.

– Vậy Nga nên ngủ sớm.

An cố ôn tồn, âu yếm để mong vợ tha thứ, vì chàng biết chắc rằng Nga đã nhìn thấy Xuyến, rồi chàng bịa ra một câu chuyện, tươi cười bảo Nga:

– Em ạ, ban nãy có một người đàn bà đến nhầm nhà.

Nga thản nhiên hỏi:

– Đến nhầm nhà ai thế, anh?

An vừa nghĩ vừa kể:

– Đến đây, em ạ. Lúc ấy anh đương ngồi xem sách, bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa. Anh vội chạy ra... Một người đàn bà ngơ ngác hỏi: "Có phải đây là nhà ông Đông không ?" Anh không nhịn cười được vì anh bảo không phải, người ấy vẫn không tin, tưởng anh nói dối...

Tuy câu chuyện chẳng buồn cười tí nào, Nga cũng cố cười rất tự nhiên và vui vẻ.

– Thế à? Ngộ nhỉ!

Rồi nàng nói lảng ngay đến chuyện khác, đến hai con, đến công việc ruộng nương ở nhà quê, đến mọi sự đã xảy ra ở trong làng. Để tai lơ đãng nghe lời nói của vợ, An vẫn theo đuổi ý nghĩ riêng: "Sao tính nết Nga bỗng trở nên thuần thục như thế?"

Điều An không nghĩ tới là chỉ còn dăm tháng nữa chàng đã thi ra, Nga không muốn làm bận lòng chàng, sợ chàng buồn phiền không học được. Nàng đã quả quyết hy sinh hết mọi sự, cả ái tình chuyên nhất của chồng, cả hạnh phúc gia đình, hy sinh cho một cuộc tương lai ao ước, mong mỏi: An thi đậu ra làm quan.

*

An ngồi học luật. Đã mấy hôm nay, tối nào cũng vậy, vừa ở khách sạn về là chàng cắm đầu học tới một giờ khuya, có khi gần sáng mới đi ngủ. Rồi sau khi chợp mắt được độ vài giờ, chàng thức giấc dậy, lại vớ lấy quyển sách, cặm cụi đọc cho tới giờ ăn. Chỉ còn non nửa tháng đã tới kỳ thi ra mà chàng chưa học hết chương trình.

Dưới ánh cây đèn điện đứng có chụp rãnh máng, An chỉ trông thấy lờ mờ những dòng chữ đen gạch xanh, gạch đỏ. Chàng cáu kỉnh gấp mạnh và vứt xuống giường tập bài học đánh máy đóng

thành sách dầy, rồi ra ghế xích đu nằm nhún nhảy mắt lim dim muốn ngủ.

Nhưng chàng lại đứng dậy ngay, với quyển sách mở vội tới trang đương đọc bỏ dở, rồi cầm sách vừa đi đi lại lại trong phòng vừa lẩm nhẩm. Ý chừng làm thế cũng không chống nổi sự mỏi mệt đương đè nặng chĩu lên mi mắt, nên lần thứ hai, An vứt sách xuống giường lại ghế ngồi ôm đầu suy nghĩ: "Hừ! Học khổ sở thế này để làm gì?... Để chiều lòng một người đàn bà?" Chàng thích chí cười to đến nỗi gần tỉnh ngủ, và chàng nghĩ tiếp: "Mà người đàn bà ấy thì bị ta lừa dối một cách tàn nhẫn, khốn nạn... Trong gần ba năm nay xa cách vợ, ta có không biết bao nhiêu là tình nhân, lại mắc cả bệnh kín nữa. Cái tình yêu của ta thực cũng lạ!"

Chàng lại cười: "Thì mình còn yêu đâu kia chứ? Hay nếu còn tình yêu thì cũng chỉ là sự cố gượng chiều nhau để khỏi làm rầy nhau, để khỏi bỏ nhau... Vì có lẽ bỏ nhau còn khó chịu hơn là miễn cưỡng với nhau. Nhưng Nga! Liệu Nga có nghĩ thế không?"

An nhớ lại những hôm bắt gặp Nga ngồi khóc ngầm, vì biết chồng có ngoại tình: "Nga thì chắc còn yêu mình, hay ít ra cũng yêu cái mình hiện tại, cái mình đương làm theo mệnh lệnh của Nga. Phải, Nga còn ao ước gì hơn nữa? Bắt chồng đi học thì chồng đã đi học. Chồng có ngoại tình, chồng mắc bệnh, đó là những cái phụ".

An cười càng to. Tập bài học để mở chợt kéo An tới sự hiện thực. Và những tính tình phức tạp rối loạn vụt biến hết để nhường chỗ cho một tính tình mạnh hơn: lòng hiếu thắng. An hãy còn tức tối về cái kết quả kỳ thi lên năm thứ ba. Nhưng cầm sách, nghĩ đến học, chàng lại thấy mỏi mệt, hai mắt muốn nhắm nghiền.

An thở dài, sắp bếp cồn để đun nước – Đêm đã khuya, chàng không muốn làm rầy thằng Tý và gọi nó ầm ỹ làm người ở nhà dưới thức giấc.

Nhìn ngọn lửa xanh cháy dưới cái ấm sắt nhẹ, chàng lại liên miên nghĩ tới ý nghĩa của sự sống. Sống để mà vui, để mà hưởng hạnh phúc, nhưng chàng cảm thấy chàng chỉ sống để mà chịu khổ, chịu những cái khổ không đáng phải chịu. Như thế há chẳng phải vì chàng quá nhu nhược không có lòng quả quyết sống theo quan niệm của mình?

Một tờ báo hằng ngày mở đặt trên bàn, tờ báo chàng mua

ban chiều khi rời hàng cơm trở về nhà. Uể oải, chàng mở đọc mục việc vặt. Gần một trang đầy những tin quan lại thăng chuyển.

Ngẫu nhiên mắt chàng để vào mấy chữ tên "Đặng Đình Viết". Tò mò, chàng xem ngược lên thì ra người anh đồng hao của chàng được thăng tri huyện hạng nhất.

Bất giác An mỉm cười. Và chàng thầm nghĩ: "Cái tin này sẽ làm Nga ăn mất ngon, ngủ mất yên trong mươi hôm". An còn nhớ bức thư Nga gửi cho chàng hồi năm ngoái, để báo tin Viết bị dân kiện, rồi bị đổi đi hạt khác. Chàng lẩm bẩm: "Đó là một tin mừng! Nhưng nay thì hẳn là một tin buồn!".

Chàng không khỏi nghĩ đến tương lai, cái tương lai trong hoạn giới của chàng: "Ừ rồi mình cũng ra làm quan. Nhưng ra làm quan thì tâm hồn mình liệu có thể đổi khác đi không? Hành vi, tư tưởng của mình liệu có thể đổi khác đi không? Nhất là mình có bị dân kiện rồi được thăng chức luôn không?"

An vụt cảm thấy tư tưởng của mình không những chua chát, mà lại hình như có nhiễm ghen ghét: "Hừ! mình ghen ghét! Mình hóa đàn bà rồi chăng?"

Sau tiếng "chậc!". An đứng dậy lấy giấy viết bức thư chúc tụng gửi cho anh rể để tự tỏ với mình rằng không khi nào mình lại ghen ghét như mình tưởng lầm. Nhưng viết được một câu, thấy lời văn nhạt nhẽo và chẳng thành thực chút nào, An lại xé vụn tờ giấy vứt vào sọt.

Ấm nước sôi phụt mạnh hơi ra vòi, và nâng bật nắp lên. An vội đậy cái hoa sen lại cho ngọn lửa nhỏ bớt, rồi sửa soạn pha cà phê.

Năm phút sau, quên cả học lẫn viết thư, An ngồi hút thuốc lá, lơ đãng nhìn những giọt nước đỏ chảy thong thả từ cái lọc xuống cốc. Chàng có cảm tưởng lờ mờ rằng mỗi giọt nước là một ngày của đời chàng rơi vào ký vãng mà tiêu tán đi. Nhận thấy tư tưởng ấy hơi sáo và không thành thực, An bĩu môi như để tự chế nhạo mình.

Có tiếng gọi cửa buồng thang dưới nhà, An chau mày nhìn cái đồng hồ đá xanh: kim trỏ mười hai rưỡi. Chàng nghĩ thầm: "Quái! ai mà đến chơi khuya thế này?... Hay lại con Xuyến?... Thôi, đích nó rồi! Con bé thế thì thôi, mình đã bảo gần tới ngày thi, để cho mình yên thân mà học".

Chàng toan xuống thang ra mở cửa để mắng cho tình nhân

mấy câu tàn tệ. Nhưng đi liền với tiếng đập, những câu gọi gắt gỏng mà An nghe không phải tiếng Xuyến, không phải cả tiếng đàn bà nữa.

Bực tức đến nỗi quên giữ gìn đối với người cùng thuê chung nhà, An rầm rộ bước xuống gác, rồi vào buồng cầu thang lay mạnh thằng nhỏ:

– Tý! Tý! Mày ngủ như chết à?

Tý ứ hự mấy tiếng, rồi ngồi dậy vươn vai.

– Tý, mở cửa.

Người đứng ngoài nhận được tiếng An, liền gọi:

– Anh An, mở cửa cho em với.

An cũng nhận được tiếng Hạc, người em đồng hao.

– Chú Hạc đấy à?

Vừa nói An vừa vội vàng mở cửa, Hạc giơ tay bắt tay An, rồi hai người yên lặng lên gác. Đoán có chuyện quan hệ xảy ra trong gia đình Hạc, – vì chàng như luôn luôn nơm nớp lo sợ cho gia đình hết thảy mọi người. – An buồn rầu hỏi:

– Sao thế, chú?

Hạc còn cố giữ gìn che đậy, tuy mặt chàng tái xanh, hai mắt sâu hoắm, – đó không phải là những triệu chứng của một tâm hồn bình tĩnh, sung sướng.

– Không, có sao đâu? Em về Hà Nội, đến chơi anh, thế thôi.

An mỉm cười:

– Thế thôi? Càng hay... Chú uống cà phê nhé?

– Cám ơn anh, em vừa uống.

– Cảm ơn gì nữa?

Vừa nói An vừa tra cà phê vào cái lọc pha chén nữa. Hạc để mặc anh rể, không ngăn cản.

– Chú ăn cơm ở khách sạn?

– Vâng.

– Rồi đi xem chớp bóng?

– Vâng (tuy Hạc chẳng đi xem gì hết).

– Chiếu phim gì đấy, chú?

Thấy Hạc lúng túng. An biết rằng chàng nói dối, liền đánh trống lảng hộ:

– Độ rày tôi bận học thi, thành thử chẳng biết mặt mũi một nhà chớp bóng nào cả. Chú tính ngày đêm dán mắt vào quyển sách luật còn đi được đến đâu?

– Anh sắp thi?

– Còn có hai tuần lễ nữa. Mệt nhọc quá chú ạ. Chú bỏ trường thuốc về trông coi đồn điền thực phải.

– Anh tính ở đời biết thế nào là phải? Chẳng qua ai ai cũng làm liều, may ra thì sung sướng, chẳng may thì khổ sở.

An cười.

– Nhưng chú thì may ra lắm rồi.

Câu trả lời của Hạc là một tiếng thở dài, khiến An đăm đăm nhìn chàng, thương hại:

– Chú có điều gì tư lự?

Hạc ngồi im mấy giây rồi buồn rầu bảo An:

– Em khổ sở thực, anh ạ. Có lẽ chúng em đến phải ly dị.

– Ly dị? Chú điên?

An nghĩ đến ái tình nồng nàn, thành thực của Hạc và Bảo, không khỏi lấy làm kinh ngạc:

– Đầu đuôi ra sao thế, chú?

– Chỉ vì một việc nhỏ nhen thôi, anh ạ, thế mà Bảo làm rầy tôi hơn một tuần lễ nay, rồi dọa ly dị. Chiều hôm nay tôi bực quá bỏ nhà ra đi liều... Tôi định không về nữa.

– Hừ! Cô Bảo tốt, nhưng nóng tính, tôi vẫn biết, mà chú cũng vậy.

Hạc kể lại câu chuyện xảy ra cho An nghe:

Trong đồn điền có một người tá điền nhà đông con. Một hôm con gái người ấy đến ấp xin thuốc sốt rét, nói cha nàng và ba đứa em nhỏ đều ốm nặng. Hạc vẫn thường săn sóc tới những người làm trong đồn điền và vẫn tích sẵn ký ninh để phát cho họ. Nhưng chàng không biết rõ bệnh trạng mấy người ốm kia, liền bảo Ngải – tên người con gái – đưa về nhà. Và chàng lái lấy xe ô tô, cùng đi với Ngải.

Bấy giờ Bảo ngủ trưa không biết. Lúc thức dậy không thấy chồng, nàng hỏi thì người nhà trả lời rằng ông chủ đi ô tô với Ngải, con gái bác hai Nhật.

Hạc trở về, Bảo hỏi dịu dàng, chàng đem sự thực ra thuật lại với vợ, nhưng Bảo yên lặng cười mát, trong lòng ngờ vực. Hôm sau, Ngải lại đến xin thuốc. Bảo thấy nàng xinh đẹp thì máu ghen bùng lên như dầu sôi, như lửa cháy. Thế là nàng bắt đầu rầy vò, cắn rứt chồng.

Hạc nói tiếp:

– Bảo vô lý quá, anh ạ, ai lại đi ghen với con người tá điền?

An mỉm cười:

– Nhưng con người tá điền lại xinh đẹp!

Và An vơ vẩn nghĩ đến bọn tình nhân của mình.

– Tôi nói thế nào, tôi thề thế ấy, Bảo cũng không tin, Bảo cứ nhất định cho rằng tôi bậy bạ, cho rằng tôi... tôi chim con gái người tá điền. Anh tính thế thì có vô lý không?

– Vậy bây giờ chú định xử trí ra sao?

– Tôi cũng chả biết nữa. Bảo nhất định đòi ly dị thì tôi cũng liều.

An vẫn mỉm cười:

– Phải, khi hai người không yêu nhau nữa, không thể ăn ở với nhau được nữa thì chỉ còn một cách: ly dị. Nhưng tôi hỏi, chú nói thực nhé, chú còn yêu cô ấy nữa không?

Hạc ứa nước mắt, không đáp.

– Nghĩa là chú vẫn yêu vợ lắm, phải không? Mà nếu tôi hỏi cô Bảo thì chắc cô cũng không thể trả lời được, nghĩa là cũng yêu chú. Vậy thì việc gì mà ly dị?

An cười to, nói khôi hài:

– Chú tính trong gia đình nào lại không có khi xô xát bát đĩa.

Chàng im bặt, vì chàng chợt nghĩ đến gia đình của chàng.

– Tiếc rằng tôi bận học thi gấp quá, nếu không, mai tôi sẽ lên đồn điền với chú thì êm thấm ngay.

– Khó khăn lắm, anh ạ. Bảo ngày đêm chỉ khóc.

– Nhưng chú, thì chú cứ cười đi, không sao đâu. Cà phê được rồi đây, mời chú xơi cho ấm bụng, còn việc... việc ly dị của chú thế nào cũng xong.

Hạc kinh ngạc:

– Anh khuyên chúng em ly dị?

– Ai lại khuyên dại dột thế? Tôi sẽ đánh dây thép cho nhà tôi lên ngay, rồi đi đồn điền thu xếp việc gia đình hộ chú.

Hạc sung sướng uống cạn chén cà phê, rồi để An ngồi học, chàng lại giường, nằm vật ra ngủ. An ngắm nhìn em rể, thở dài nói:

– Gia đình!

*

Lúc Nga và Hạc ở ô tô hàng bước xuống, thì chiếc ô tô nhà kiểu cũ của Hạc cũng vừa từ con đường ven rừng lượn ra. Trong xe, Bảo đứng reo mừng:

– Ô! Chị lên chơi! Lạy chị ạ!

– Kìa em! Em ra đón chị đấy à?

– Chị tính từ đây vào tới ấp những hơn ba cây số, không đem xe đón, chị đi sao được?

Nàng bước xuống đất cười nói thản nhiên, làm như không có chồng đứng gần đó.

– Vậy cô đã nhận được dây thép của chị?

Bảo lại cười:

– Thưa chị, không nhận được dây thép thì biết đâu rằng chị lên mà ra đón? Ấy em cũng vừa nhận được độ nửa giờ. Trạm ở nhà quê họ tệ lắm kia, chị ạ, có khi họ để hai ba hôm mới đưa một chuyến thư, thành thử gửi dây thép cũng chẳng mau hơn gì gửi thư.

Thấy Bảo không để ý đến chồng, Nga quay lại hỏi:

– Này chú đốc...

Nhưng Hạc đã vào ngồi trong cái quán bán hàng quà nước mà chính chàng bỏ tiền ra dựng lên ở bên đường. Bảo đã thoáng trông thấy chồng ngay lúc chàng xuống xe nhưng nàng cũng vờ giật mình hỏi chị:

– Thế à, nhà em cũng đi với chị đấy à?

Nga vẫn gọi:

– Chú đốc!

Hạc chạy ra cười đáp:

– Cái gì đấy, chị? Em có là đốc đâu mà chị quá tôn em lên thế?

– Gọi thế cũng được chứ sao? Chả nhẽ lại cứ gọi tên tục chú ra.

Bảo bẽn lẽn cúi đầu se sẽ nói với chồng vừa đến đứng cạnh:

– Tôi tưởng cậu không về nữa.

Hạc ngượng nghịu:

– Cũng định không về thật đấy.

Bảo nói tiếp:

– Nhưng mà về vậy?

Nga cất tiếng cười, hòa giải:

– Thôi, tôi ở giữa tôi chữa đôi bên. Không được giận nhau nữa đấy nhé?

Bảo cũng cười:

– Không, em có giận nhà em đâu! Chị tính hơi đâu mà giận?

– Nếu thế thì còn nói gì nữa. Còn chú?

– Em cũng vậy.

Câu trả lời ngớ ngẩn của Hạc làm hai người đàn bà bật cười rồi ai nấy vui vẻ bước lên xe. Có lẽ chưa muốn tiếp chuyện Bảo ở trước mặt chị vợ, Hạc ngồi ngoài lái xe lấy.

Thực ra, Hạc và Bảo đều đã nhận thấy sự vô lý của mình.

Trong khi Hạc bỏ nhà đi biệt, đêm nào Bảo cũng khóc. Nàng vừa giận chồng vừa tự oán trách mình. Nàng nghĩ thầm: "Không khéo làm quá, hóa chẳng ra sao mất!".

Và nàng băn khoăn lo lắng. Buổi chiều tà ngồi ngoài hiên ngắm đám mây tím vắt ngang ngọn đồi xa, sau rặng cây thưa, nàng lờ mờ tưởng tới tương lai, cái tương lai đương đầy hy vọng, đương sáng sủa như trời xuân bỗng bị mây đen kéo đến làm u ám.

Một đêm, Bảo đã thức rất khuya, để viết một bức thư cho Hạc. Nhưng viết đi viết lại năm sáu lần vẫn không xong, vì mỗi lần đọc lại nàng thấy lời trong thư hoặc kiêu hãnh quá, hoặc thân mật quá, hoặc nhu nhược quá.

Nàng xé vụn mấy bức thư viết dáp ra, rồi lên giường úp mặt vào gối khóc nức nở. Nàng nhớ tới cái đêm nàng khóc mối tình mà nàng tưởng tuyệt vọng thì lòng nàng càng đau đớn. Sự hối hận làm cho nàng nghẹn ngào khó thở như có vật nặng đè nén lên ngực.

Thời ấy, cha mẹ nàng đã bằng lòng gả nàng cho Hạc, và đã nhận lễ hỏi của nhà trai được ba tháng. Bỗng một chuyện nhỏ nhặt xảy ra, suýt phá đoạn việc hôn nhân của hai người, mà xảy ra chỉ do sự hiềm khích của ông án Bảo và ông tham Toàn.

Nghĩ đến những điều ngăn trở, đến những nỗi khó khăn hai người phải vượt qua mới lấy được nhau, Bảo càng thấy sự ghen tuông tức giận của mình là vô lý. Và nàng nhận thấy bao nhiêu tội lỗi về phần nàng hết.

Nhưng dẫu sao, nàng vẫn không muốn viết thư xin lỗi chồng. Nàng cho rằng làm thế nàng sẽ mất giá trị, mất thể diện đối với chồng. Tính kiêu căng, lòng tự ái khiến nàng tin chắc rằng thế nào Hạc cũng sẽ làm lành trước, vì Hạc yêu nàng.

Về phần Hạc cũng vậy, tha thứ thì chàng vẫn sẵn lòng tha thứ. Hơn nữa, dù phải xin lỗi Bảo, chàng cũng đành chịu nước lép mà nhận những điều chàng không từng phạm, cốt sao cho tấn kịch gia đình đừng kéo dài ra, có thể làm tiêu tan hết hạnh phúc. Nhưng cũng như Bảo, Hạc không muốn bắt đầu làm lành trước. Đến nhà An tuy chàng không thú nhận, mục đích chàng là chỉ cốt nhờ anh rể đứng hòa giải đôi bên.

Hôm nay ngồi lái xe, nghĩ đến cái tính ương ngạnh không chịu làm lành của mình, thỉnh thoảng chàng lại bật lên tiếng cười, và một lần chàng trở nên mơ mộng đến nỗi suýt cho xe xuống ruộng.

Bảo ngồi đàng sau thấy thế, sợ hãi kêu thất thanh:

– Sao thế, anh Hạc?

Hạc quay lại mỉm cười. Bất giác Bảo cũng mỉm cười đáp lại: Sự làm lành của hai người thực đã lặng lẽ, kín đáo, và có vẻ rất tự nhiên.

– Hạc buồn ngủ đấy à?

Hạc vờ không nghe rõ, hỏi lại:

– Bảo bảo Bảo buồn ngủ?

Cả ba người cùng phá lên cười. Nga nói:

– Sao mà lắm Bảo thế? Bảo bảo Bảo, nghe như nói lắp.

Bảo khéo nũng nịu:

– Ừ, sao thầy mẹ lại đặt tên em là Bảo nhỉ? "Bảo bảo nó sắp cơm, Bảo bảo Hạc lại đây" nghe chướng tai chết đi...

– Chả chướng tí nào!

Hạc hãm xe lại tiếp luôn:

– Mời hai bà xuống cho.

– Xuống làm gì?

– Thưa chị, xuống cho xe trèo dốc.

Bảo cười:

– Chị coi, xe của chúng em khỏe thế đấy! Trèo cái dốc xoàng không nổi.

– Lại còn xoàng! Dốc cao lắm đấy chứ. Vả lại ở đồn điền nhà quê thì sắm xe sang trọng quá cũng phí đi.

Vì chỉ còn cách nhà độ hai trăm thước. Nga và Bảo đòi đi bộ, để Hạc đánh xe về trước.

Lên hết cái dốc khá cao, Nga đứng lại thở. Thấy Bảo không chút mệt nhọc và nhìn mình cười, Nga khen:

– Ngày nay cô khỏe nhỉ!

– Vâng, chính thế, nay em khỏe mạnh hơn xưa nhiều lắm. Có lẽ nhờ về sống có tiết độ, và làm việc bằng chân tay mà em được thế.

Bảo trù trừ nói tiếp:

– Nhưng mấy hôm nay, em hơi khó ở, nên...

Nga cười, ngắt lời:

– Ấy là có khó ở đấy, nếu không khó ở thì cô đi khỏe đến đâu? Chắc lại vì buồn nên ốm chứ gì?

Bảo đánh trống lảng:

– Chị ạ, người ta cứ bảo ở đây nước độc, nhưng chúng em chẳng thấy độc gì cả. Đấy chị coi, chúng em vẫn khỏe mạnh.

Rồi nàng thuật lại cho chị nghe cái chương trình hằng ngày của nàng: mùa rét cũng như mùa nực dậy từ năm giờ sáng, tập thể thao qua loa. Đoạn nàng cắt đặt công việc cho người nhà và cùng bọn họ làm lụng. Trong khi ấy thì Hạc cưỡi ngựa đi thăm đồi, đi thăm nương, hoặc đến các nhà tá điền bàn bạc về cách khai khẩn, khuếch trương các đồi ruộng còn bỏ hoang. Nàng nói tiếp:

– Chị ạ, nhà em thích làm việc lắm. Mà hình như làm việc chỉ để làm việc. Lợi tức nhà em cho là phụ. Chị chưa trông thấy nhà em đứng thuật chuyện trồng chè đấy. Nhà em giơ chân, hoa tay chỉ

trỏ, tả những cái đẹp của rặng chè mới lớn lên nghe ngon lành, và tưởng tượng đã sướng mắt rồi, chị ạ.

Nga cười:

– Tưởng tượng thì sướng mắt sao được?

– Trước kia em thực khó chịu về cái cách khai khẩn của nhà em, nhưng nay em đã quen đi rồi, em đã nhiễm mất tính nhà em rồi, chị ạ. Em nói câu này chị đừng cười nhé? Mấy hôm nhà em giận, mà giận là phải lắm, nhà em bỏ đi, em thấy đời em vô vị và vô nghĩa quá. Thì ra hình như chúng em sinh ra để sống với nhau hay sao ấy.

Nghe câu nói quá bồng bột ý tưởng lãng mạn của em, Nga vừa cảm động vừa buồn cười.

Nàng mủm mỉm nghĩ thầm: "Ở đời có thể có một cặp vợ chồng lý tưởng được như thế không?". Bảo lại nói:

– Từ giờ có lẽ em kệch không dám giận nhà em nữa. Lần nào cũng vậy, chị ạ, cứ giận nhau rồi em mới biết là em trái. Ngày mới lên đồn điền, đã một lần cãi nhau, giận nhau. Một người tá điền nhận mười mẫu đồi để trồng cam, từ hồi còn người quản lý đứng coi đồn điền kia. Người tá điền với người quản lý găng nhau hết sức, một đằng thì không chịu nộp thuế, nói thon lỏn rằng chưa có tiền, một đằng thì nhất định đuổi người kia đi, không cho ở trong đồn điền nữa. Nhà em lên đây, thấy có chuyện ấy liền đến thăm ấp người tá điền rồi thấy vườn cam của hắn tốt quá, nhà em cho không ngay hắn mười mẫu vườn, nói khi nào làm ăn khấm khá hãy nộp thuế cũng được. Chị tính thế thì có tức lộn ruột không? Em kỳ kèo nhà em thì nhà em đem những thuyết xã hội vẩn vơ ra diễn giảng. Nào những người ta khó nhọc trồng trọt mới có được cái vườn đẹp thế, sao bỗng dưng đuổi người ta đi? Người ta không nộp thuế cho mình chỉ vì người ta chưa kiếm được đủ đó thôi.

Nga cũng tức hộ em.

– Thế thì chú ấy gàn quá!... Chú ấy không hiểu bụng dạ người nhà quê một tí nào. Nhất ở đây lại đều là những người nhà quê tứ chiếng đến làm ấp. Họ thế cả đấy. Kiếm được họ cũng bảo bị thua lỗ. Chú ấy làm ăn như thế thì có ngày đến thất nghiệp.

– Em cũng tưởng thế. Thế mà lạ quá, chị ạ, mùa cam năm ngoái người tá điền bán được cam, xong đem tiền đến nộp liền.

Nga kinh ngạc:

– Thế à?

Bảo mỉm cười nói:

– Thành thử em phục nhà em, thế mới chết chứ!

Đến phố chợ ở trước cổng ấy, Nga đứng lại ngắm nghía khen ngợi những gian nhà mới dựng, cao ráo, sạch sẽ, sáng sủa. Những mái cỏ tranh nóc ken tre, những nền đất đắp thoải, những bức vách trát vữa quét vôi màu trắng, màu vàng, thực khác hẳn với những quán chợ người ta thường thấy ở các làng.

Đó hoàn toàn là công trình của Hạc. Khi chàng mới lên nhận đồn điền, thì chợ ở xa ấp đến gần một cây số. Chàng thiên về đây, nói cho tiện việc buôn bán đổi chác của dân quê quanh vùng, nhưng kỳ thực chỉ cốt để phá bỏ những túp lều lụp xụp, bẩn thỉu, tối tăm đi mà dựng loạt nhà mới này.

Độ ấy trong gần nửa tháng, cùng với một nhà kiến trúc, Hạc loay hoay vẽ vạch tính toán chẳng khác một người thầu khoán vừa nhận được một việc làm. Thế rồi chàng giúp sức, giúp tiền cùng dân hàng ấp dựng lên dãy phố và những quán chợ đẹp mắt này.

Nga tấm tắc khen:

– Đẹp thực!

– Đẹp thực, nhưng chị à, chúng em có cái đồn điền này, đã được vừa hai năm, hai năm cùng được mùa cả, thế mà chúng em chẳng để dành được một xu nào. Bao nhiêu lợi tức vào cả chợ, vào cả nhà của dân ấp, vào cả đường đi trong đồn điền. Em kêu nhà em thì nhà em chỉ cười trừ và bảo: "Thu tiền của người ta để nộp thuế, còn thừa thì làm các công việc cho người ta được hưởng". Trước kia em cho nhà em là gàn dở, thế mà nay em lại cho nhà em là có lý, thế mới chết chứ.

Nga cười:

– Thế mới chết chứ?

Bảo cũng cười vui vẻ:

– Đấy, em đã nhiễm cả ngôn ngữ của nhà em rồi đấy, thế mới chết chứ!

Nga lạnh lùng:

– Nghe cô nói thì ai ngờ cô với chú lại có thể cãi nhau, giận nhau

được! Tôi lên đây để hòa giải lại thành ra...

Nga không nói dứt lời. Nàng vừa chợt nghĩ đến gia đình của nàng, vợ nghĩ một đằng, chồng nghĩ một nẻo, hai người ăn ở với nhau mà tâm hồn xa hẳn nhau, cách biệt nhau. Và nàng lúng túng:

– Thực tôi không hiểu vì sao hai người lại giận nhau được, vì sao chú ấy lại bỏ nhà đi như thế được?

Bảo cười lớn:

– Ấy, em cũng không hiểu.

Rồi nàng trù trừ nói tiếp:

– Nhà em chỉ phải cái... hơi trẻ con, lúc nào cũng cười, gặp ai cũng cợt nhả đùa bỡn, động thấy gái là cuống quít lên... Tệ quá, chị ạ. Con gái những người tá điền đến xin thuốc mà coi chúng nó như các tiểu thư, nói năng thì lễ phép...

Hạc ở trong nhà đi ra cười, hỏi:

– Bảo nói xấu gì Hạc với chị đấy?

Bảo cũng cười:

– Chứ không à? Em đương mách chị cho Hạc đấy.

*

Cơm xong, Hạc đứng dậy sang buồng giấy để Nga và Bảo ngồi lại bàn nói chuyện.

Một lát sau, nghe tiếng móng ngựa đập lộp cộp xuống sân gạch, Bảo chạy ra hiên. Hạc mặc bộ quần áo vải vàng, chân đi ghệt da, đương tì lan can chăm chú xem một bức bản đồ. Nàng hỏi:

– Cậu đi đâu, thế?

– Tôi đến nhà Đạc. Không biết mấy hôm tôi đi vắng, anh ấy có làm theo cái kiểu nhà tôi đưa cho không... Bọn họ bướng lắm kia, mợ ạ, mình không đến tận nơi săn sóc thì thế nào họ cũng không chịu theo lời mình đâu.

Vừa nói Hạc vừa gấp giấy tờ lại bỏ túi áo, rồi ra sân nhảy lên lưng ngựa:

– Em ở nhà tiếp chị, nhé!

Bảo hơi có vẻ giận dữ:

– Điều ấy cậu không phải dặn.

Hạc mỉm cười:

– Ơn chị nhiều lắm kia đấy.

Dứt lời, Hạc giơ cao roi lên chào, rồi giật cương lấy thế, phi thẳng ra đường.

Khi qua phố chợ, chàng không thể không kiềm cương lại ngồi ngắm, và không khỏi có chút lòng tự phụ nghĩ thầm: "Đó là công trình của ta!". Rồi chàng bật lên tiếng cười to, cái cười thẳng thắn, nhưng vô nghĩa của hạng người chỉ có thể sung sướng với hạnh phúc của người khác.

Một thằng bé con, quần áo nâu mới sạch sẽ nghe tiếng ngựa chạy, đi mở cửa sổ nhìn ra. Hạc hỏi:

– Thầy em có nhà không?

– Bẩm ông không ạ, thầy con vừa đi thăm đồi chè.

– Đi thăm đồi chè hay đi đánh bạc đấy?

Một người đàn bà khoảng ngoài ba mươi tuổi, đã nhận được tiếng ông chủ ấp vội vàng mở cổng ra đường vái chào. Hạc hỏi:

– Thế nào chị Hai, anh ấy chừa cờ bạc rồi chứ?

– Thưa ông, thực chúng tôi không bao giờ dám quên ơn ông. Không có ông khuyên răn thì tôi chả còn biết làm thế nào. Kiếm được đồng nào vào cờ bạc hết. Bây giờ nhờ có ông dạy bảo nhà tôi tu chí làm ăn.

Trước kia, chưa thuộc về Hạc, cái đồn điền ấy vẫn là một tổ cờ bạc, trộm cướp. Người quản lý cũ lập ngay sòng ở chợ, tối tối hội họp để bóc lột lẫn nhau. Đó là cái nguyên nhân nhiều trộm cướp ở quanh vùng. Đã có lần ông huyện đem lính về bắt bạc, nhưng chẳng hiểu sao, không ai bị tội mà sòng bạc vẫn còn.

Hạc nhận đồn điền được hai tháng thì chàng cấm hẳn cờ bạc. Những tay máu me phải kéo nhau sang họp tập ở làng bên. Hạc diễn giảng khuyên răn thế nào cũng không được, sau phải ra lệnh rằng bắt được ai cờ bạc, sẽ trục xuất khỏi địa hạt đồn điền. Bấy giờ người hàng ấp mới chịu nghe.

Thả lỏng cương cho ngựa bước bước một, Hạc nghĩ đến cái tai hại của cờ bạc. Không bao giờ chàng quên được rằng đại gia đình của chàng đã tan nát vì cờ bạc.

Thực vậy, ông tham Toàn quen rồi mê người vợ tây ở trong một sòng bạc. Trước còn giấu giếm thuê nhà ở Hà Nội cho ở. Về sau, khi người ấy đã có một con với ông rồi, thì ông thản nhiên bảo cho vợ biết rằng đã lấy vợ lẽ, làm như việc đó mình ông có quyền định đoạt, người vợ chỉ biết phục tùng, cúi đầu vâng mệnh.

Bà Toàn làm đủ thứ để ngăn cản chồng, nào khóc lóc lạy lục, nào chửi bới phá phách, nhưng cũng chẳng ăn thua: Ông Tham nhất định đưa người vợ tây về nhà.

Rồi những tấn kịch gia đình hàng ngày xảy ra giữa chồng với vợ, giữa vợ cả với vợ lẽ.

Về sau thấy người vợ tây lăng loàn quá mà lại được chồng bênh vực, bà Toàn giận bỏ nhà đưa con về quê ở với mẹ đẻ. Vụ kiện ly dị kéo dài tới hai, ba năm. Rồi người vợ được kiện, nghĩa là được nuôi con trai đầu lòng và được chồng chia cho một phần lương.

Hạc lớn lên với tình thương mẹ. Rồi tình thương mẹ đổi ra tình thương người, thương những người khổ sở, yếu đuối bị khinh rẻ, áp chế.

Một năm vài lần Hạc vâng lời mẹ đến thăm cha. Mấy ngày ở trong cái gia đình mà chàng vẫn cố yêu mến, chàng chỉ nhận thấy sự giả dối, sự ngấm ngầm ghen ghét lẫn nhau, sự ganh tị, chia rẽ kéo bè kéo cánh. Trong tình anh em thì em gái cùng mẹ với Hạc về một bên, ba đứa con trai của người vợ lẽ về một bên, luôn luôn cãi nhau, đánh nhau, thù oán nhau. Cố nhiên người vợ lẽ bênh vực con. Còn người cha thì hết sức che chở đứa con vắng mẹ. Vì thế gia đình mất hẳn hòa hợp và trật tự.

Hạc buồn rầu, chán nản trở về với mẹ và ông bà ngoại. Đó là cái gia đình mà chàng thành thực yêu mến, vì mọi người đều giản dị, ngay thẳng như chàng. Ông bà ngoại đã già và được có mình mẹ chàng là con, nên rất thương yêu chàng, chăm nom sự giáo dục của chàng. Ông bà gom góp để dành, và bán bớt ruộng vườn ở làng, mua cho Hạc cái ấp ở Bắc Giang rộng vào khoảng gần nghìn mẫu ruộng, vì thấy cháu ngỏ ý muốn làm đồn điền. Ông bà ngoại chăm nom dạy dỗ và gây dựng cho Hạc, là muốn để cháu ngoại mình được sung sướng hơn lũ con người vợ tây, và để tỏ cho người con rể bạc bẽo biết rằng bao giờ cũng phúc đức tại mẫu...

Con ngựa vấp phải viên đá suýt khuỵu chân trước, Hạc giật mình kéo vội dây cương. Rồi để ngựa đi bước một, chàng đưa mắt sang hai

bên đường ngắm những ngọn lúa chín vàng, mừng rằng mùa màng sẽ lại được như mấy năm trước. Chàng nghĩ thầm: "Ta cứ thế này mà sống. Đời ta sẽ chẳng buồn tẻ như ta tưởng vì mục đích ta làm ruộng không phải chỉ để thu hoa lợi mùa màng và ngày ấy như ngày khác cùng vợ con an nhàn đầy đủ. Ta sẽ sống giữa đám người mà ta yêu mến, giúp đỡ họ, làm cho họ đỡ khổ".

Trông lên ngọn đồi, thấy mấy thằng bé con đứng vẫy, Hạc chợt nhớ tới nhà cha mẹ Ngải. Chàng liền ra về, cho ngựa phi tuốt lên đó. Hai đứa con gái nhỏ nữa ở trong nhà chạy ra. Hạc nhảy xuống đất, gọi:

– Tô, Gầy nhớn, Gầy con!

Bốn đứa trẻ từ năm đến mười tuổi đứng tò mò nhìn con ngựa ngoạm cỏ, lo sợ không dám lại gần.

– Bẩm ông, nó cắn.

– Không, nó không cắn. Thầy đã khỏi chưa?

– Bẩm chưa. Thầy con vẫn nằm.

– Sao không đến ấp xin thuốc?

– Chả có ai đi xin thuốc nữa. Thầy con uống thuốc ta.

– Thế chị Ngải đâu?

– Chị Ngải đi đâu ấy.

– Đi đâu?

– Không biết.

– Thế bu đâu?

– Bu con đi chợ.

Hạc móc túi cho mỗi đứa hai xu, rồi bảo chúng nó đưa vào trong nhà. Hai con chó bông trắng quấn quít chạy quanh mình chàng: chúng đã quen hơi quen tiếng ông chủ ấp.

Hạc thăm người ốm, bắt mạch, lấy nhiệt độ, vì đi thăm ruộng hay các nhà tá điền bao giờ cũng mang theo cái hàn thử biểu và vài thứ thuốc cần thiết, như thuốc nhức đầu, đau bụng, đau mắt. Chàng vẫn mừng rằng mấy năm học ở trường thuốc đã có thể giúp cho công việc của chàng.

– Khá lắm rồi. Bớt sốt nhiều. Nhớ sáng nào cũng uống ký ninh. Mà bác còn ký ninh?

– Thưa ông hết rồi.

– Sao không đến xin?

Không thấy người tá điền trả lời, Hạc lại hỏi:

– Mà cái Ngải, con bác, nó đi đâu?

– Thưa ông, cháu sang bên làng thăm bà cháu đã hai hôm nay.

Hạc mỉm cười nhớ đến vợ và nghĩ thầm: "Chắc có người ở ấp về kể cho bác Nhật biết câu chuyện vợ chồng mình cãi cọ giận dỗi nhau nên bác sợ hãi đã chiều ý bà chủ ấp, cho con gái đi xa một dạo".

Chàng buồn rầu nghĩ tiếp: "Biết đâu không vì chuyện gia đình của mình mà gia đình bác Nhật mất sự hòa vui!"

Chàng liền quả quyết nói thẳng với người tá điền:

– Bác cứ gọi cái Ngải về để nó trông nom thuốc thang. Chắc bác đã biết tôi đấy, tôi không giống nhiều ông chủ điền khác đâu mà bác sợ.

Chàng trù trừ nói thêm:

– Cả nhà tôi cũng vậy... Vậy bác cứ gọi nó về nghe chưa?

– Thưa ông, cháu nó sợ bà lắm.

Hạc gắt:

– Bác nghĩ lẩn thẩn lắm. Bác làm như tôi bậy bạ! Nếu bác không muốn cho nó lên xin thuốc thì bảo bác gái lên, nghe chưa?

– Dạ.

Hạc gật chào rồi ra sân.

Tô, đứa con gái lên mười, mặt xanh xao vì bệnh sốt rét, hai tay kéo lê thê một cái bị nặng.

– Bẩm ông, bị khoai này bu con bảo chị Ngải mang lên biếu ông, nhưng chị Ngải đi vắng mất rồi.

Hạc quay vào trong nhà hỏi:

– Khoai nào thế, bác Nhật.

– Thưa ông, nhà cháu mới hạ mấy sào khoai. Bu cháu chọn được một ít khoai tốt, định để rồi mang biếu ông bà xơi cho mát.

– Tôi cám ơn bác nhé!

Hạc vui vẻ đỡ bị khoai đặt ngang lưng ngựa, rồi móc túi cho Tô hai hào.

*

Trên con đường từ tỉnh về làng, An ngồi trong chiếc xe cao su cũ, long díp, lắc la lắc lư như người say rượu. Nhưng An không thấy khó chịu. Tâm hồn chàng thảnh thơi, khoan khoái. Đưa mắt ngắm cảnh ruộng lúa chín hai bên đường chàng thấy tươi sáng đẹp đẽ lạ lùng.

Là vì sau ba năm học thi, bây giờ chàng vụt như vừa thoát được cái sức nặng nề nó đè nén trong trí, trong lòng. Chứ phải đâu chàng vui mừng về cái kết quả hoàn toàn kỳ thi ra. Đi học đối với chàng đã là một sự miễn cưỡng, bắt buộc, thì thi đỗ, dù đỗ đầu, chàng còn coi sao được một sự mãn nguyện?

Nhớ lại tuần lễ trước, đứng nghe xướng danh sách người trúng tuyển, khi giám khảo bắt đầu đọc đến tên chàng, chàng nóng bừng mặt lên vài phút. Cái vui sướng của chàng chỉ ngắn ngủi có thế thôi: Có lẽ nó là sự tự phụ đột nhiên hơn là sự sung sướng thành thực. Rồi lúc trở về chàng lại bình thản và buồn rầu vơ vẩn nữa, vì chàng đã tự hỏi: "Đỗ xong tức là mình đã quả quyết đi vào con đường sĩ hoạn. Con đường mới mẻ, bỡ ngỡ cho mình xiết bao!" Chàng lờ mờ cảm thấy con đường ấy ngoắt ngoéo, khúc khuỷu, đầy chông gai. Mấy người anh em bạn làm quan, và người anh rể đồng hao của chàng hiện đương tri huyện, chàng thấy họ đều bình tĩnh sung sướng. Nhưng chàng như nghe có tiếng trong tâm linh nói ra, và thì thầm nhắc bên tai chàng: "Anh không thể bình tĩnh, sung sướng như họ được đâu mà hòng!"

Hôm nay trên chiếc xe lắc lư đi về làng, câu dọa nạt ấy lại phảng phất trong trí chàng. Và chàng tự nhủ: "Phải, ta bình tĩnh sao được! Thời nay, hai chữ "quan trường" đã trở nên có cái ý nghĩa ghê sợ, huyền bí. Đến ta, ta cũng rùng mình mỗi khi ta nghe kể những câu chuyện về quan, những công trình tàn ác của một vài viên tri huyện, tri phủ bất lương mà mục đích làm quan là đi bóc lột bọn dân quê ngu dại. Ta biết thế mà ta còn đâm đầu vào!... Hừ, chẳng qua chỉ tại vợ ta, chú ta và cậu ta, chỉ tại gia đình ta cả!"

Chàng nghĩ thế để tự an ủi. Và chàng bực tức căm giận vợ. Nhưng cái giận ấy chỉ thoảng qua, và nhường chỗ ngay cho sự thảnh thơi, khoan khoái, cho sự vô tư lự nó đã chiếm đoạt cả tâm hồn chàng sau khi thi đỗ.

"Bây giờ hãy biết thoát được cái nạn lo học bài, lo hỏng thi, hãy biết được nằm dài nghỉ ngơi trong ít lâu, rồi sau này muốn ra sao thì ra". Cái tính nhu nhược nhút nhát không dám nhìn thẳng vào tương lai vẫn là một tính cố hữu của An.

Từ ngày chàng ra Hà Nội theo học, cái tính ấy càng rõ rệt thêm lên. Và cũng như bọn thiếu niên bạn chàng, chàng đã quen sống ồ ạt cái đời hiện tại không tưởng tới ngày mai...

An đương tò mò nhìn một người đánh dậm cởi trần lom khom ở ven lạch nước bên đường, nhìn để khỏi phải nghĩ liên miên, để cố tránh cái buồn man mác không đâu nó chỉ chực len vào tâm trí, thì bỗng vẳng nghe thấy mấy tiếng trống khẩu: Trước mặt chàng, cạnh dẫy quán tre, thấp thoáng bay mấy lá cờ, và một người nhà quê đương dương cái lọng xanh. An mỉm cười, cho là họ đứng đó đón ông huyện đi kinh lý, hay bái vọng một đám rước thần. Nhưng chàng kinh ngạc xiết bao, khi xe vừa đỗ, thấy một người khăn áo chỉnh tề chạy lại chắp tay lễ phép chào:

– Lạy quan lớn ạ.

Trong lúc ấy thì cái trống khẩu vẫn tom tom lên tiếng. An ngơ ngác hỏi:

– Ô hay, cái gì thế này? Tôi có là quan đâu! Có lẽ các ông lầm tôi với quan huyện rồi.

Người kia cười:

– Quan lớn quên tôi rồi à? Tôi là hương Bút ra đón quan lớn đây mà.

Bấy giờ An mới kịp nhận ra rằng người ấy là một người trong họ.

– Chết chửa! Ông làm cái gì thế này?

– Bẩm quan lớn, cụ điều được tin quan lớn vinh qui, cho chúng tôi ra đây đón rước quan lớn.

Dứt lời, người ấy vẫy người cầm lọng lại gần. An xua tay gạt:

– Trời ơi, các ông bày ra cái trò hề thế này thì tôi đến chết mất. Xin các ông xếp lại ngay cho.

Nhưng bọn kia chẳng chịu nghe theo. Trống cứ dõng dạc tiếng một, năm lá cờ giải ra và cái lọng xanh xoay tròn trên đầu An, những quả bông vàng, đỏ rung rinh nhảy nhót chung quanh cái đầu trục.

– Nếu các ông không xếp tất cả lại, thì tôi lên xe quay đi ngay lập tức bây giờ cho mà xem. Ai lại làm trò trẻ con như thế?

– Bẩm quan lớn, quan lớn cứ dạy thế, chứ sao lại trẻ con được ạ?

– Nhưng tôi không là quan lớn, tôi chưa là quan lớn.

An lên xe vờ bảo kéo. Bấy giờ bọn ra đón mới chịu nghe lời, thu cờ cất lọng vào quán, rồi theo An về làng. An vui vẻ bảo mọi người:

– Ừ, có thế chứ!

Khi tới trước cổng nhà, An lại một lần kinh dị: chàng thấy lộ lên trên tường nhà và nhà ông chú những cột bương, ngọn cỏ buộc túm rơm. Liền quay lại hỏi những người theo sau:

– Cái gì thế kia?

– Bẩm quan lớn, bên cụ điều với bên quan lớn đã dựng xong rạp từ hôm qua. Chúng tôi có đến làm giúp cả đấy ạ.

An chau mày:

– Dựng rạp? Dựng rạp để làm gì?

– Bẩm, dựng rạp ăn mừng, mời làng.

An hiểu và tức giận ứa nước mắt. Ông điều Vạn và Nga đã tất tả chạy ra đón chào vui vẻ. An buồn rầu, yên lặng đi vào trong nhà. Một cái rạp, dựng bằng tre, bương và nứa, mái lợp rơm, rộng gần che khắp cái sân gạch. An đưa mắt nhìn vòng một lượt những bức trướng và y môn treo kín ba mặt rạp, rồi thì thầm bảo vợ:

– Khổ quá! Mợ rở rói ra làm gì thế này?

Nga cũng thì thầm đáp lại:

– Chú bắt làm đấy chứ.

Nga sợ chồng giận, đã bịa ra câu ấy. Kỳ thực hôm An thi đậu, nàng đương ở chơi đồn điền Hạc. Được tin mừng, nàng vội về ngay nhà để bàn định với chú việc mở tiệc ăn khao. Từ ngày được An chiều chuộng làm theo ý muốn của nàng, Nga đã sinh ra nhút nhát, và như có ý sợ hãi chồng nữa. Có lẽ vì thế mà mấy hôm chồng thi, nàng nấn ná ở chơi với em gái, nói để nghỉ mát, nhưng thực ra chỉ cốt để khỏi phải ở bên cạnh chồng: Trong lúc bận vào việc thi, người ta dễ sinh ra gắt gỏng lắm. Nàng viết thư dặn An hễ trúng tuyển thì gửi điện tín cho nàng biết.

Chợt nhớ tới bức điện tín ấy, Nga vin ngay lấy để đánh trống lảng:

– Em nhận được dây thép của anh, nhưng không kịp dừng lại Hà Nội để mừng anh, vì nghe tin thằng Giao mệt nặng.

An rời rạc hỏi:

– Thế à? Vậy nay nó khỏi hẳn rồi chứ?

– Khỏi hẳn rồi.

– Phiền quá!

– Nó khỏi hẳn rồi, việc gì mà anh còn phiền nữa?

An nhăn nhó:

– Không, tôi nói việc dựng rạp, việc ăn khao kia.

Ông điều Vạn thoáng nghe thấy lời phàn nàn của cháu, liền nói:

– Không bận gì đến anh hết. Anh cứ để mặc tôi với chị ấy làm. Ngày mai mời làng. Chỉ cần anh ra chào một câu là xong.

Ông điều cười lớn nói tiếp:

– Có biết chào làng ra sao không? Thôi các ông tây học thì còn biết cái gì!... Chỉ biết có một việc học với thi. Vậy chào thế này này: Tôi nhờ tổ ấm đã thi đỗ tri huyện, nói đỗ tri huyện, chứ đừng nói đại học đại hiệc, người ta chẳng biết gì đâu, nghe chưa? – Vậy có chén rượu mời làng chứng kiến cho, thì tôi được cảm ơn lắm. Nói cảm ơn thôi, chứ đừng nói đội ơn. Mình sắp ăn tiên chỉ nay mai, nhất làng đấy chẳng cần phải nhún nhường quá.

An nghe chối cả tai chỉ chực vào buồng nằm nghỉ để mặc chú với vợ muốn làm gì thì làm. Nhưng ông điều còn giữ lại khoe khoang:

– Anh tính tôi cũng mới lắm chứ. Thời buổi nào phải theo kỷ cương ấy, đây này anh coi.

Ông ta đưa cho An xem tập thiếp mời, màu hồng, có in đề một chữ Hán, chữ "Phúc" kim nhũ, mấy dòng sau này: "Vâng lệnh thúc phụ, tôi xin trân trọng kính mời ngài đúng ngày... vào hồi... giờ đến tệ xá xơi chén rượu nhạt để mừng cho tôi mới trúng tuyển kỳ thi tri huyện năm nay".

An mỉm cười nghĩ thầm: "Phải cháu hiểu, chú chỉ mới ở mấy chữ "vâng lệnh thúc phụ". Rồi chàng xin phép vào phòng. Nhưng chỉ năm phút sau, chàng đã phải ra tiếp những người đến mừng, nào người trong họ, nào người trong xóm, trong làng. Tiếng pháo nổ đinh tai, xác pháo đỏ rải khắp sân, khói thuốc pháo khét lẹt bay từ rạp vào đầy nhà.

Đêm hôm ấy, chờ khi công việc dọn dẹp đã yên. An lại đem câu chuyện ăn khao ra kỳ kèo vợ:

– Sao mợ không biết can ngăn chú để chú giở giói ra như thế?

Nga bực mình gắt lại:

– Thì cậu cứ để mặc chú có hơn không? Đã không chịu một tí gì mệt nhọc đến thân, thế mà lúc người ta lo công việc cho lại còn lôi thôi!

An tức uất, ngồi lặng thinh. Nga được thể nói tiếp:

– Cậu phải biết, mình đỗ đạt đến bằng gì đi nữa mà không về làng khao vọng, người ta cũng chẳng coi vào đâu.

– Tôi cần gì người ta coi vào đâu?

– Cậu không cần? Chỉ biết nói cho sướng cái mồm! Cậu không cần, nhưng chú cần, nhưng tôi cần! Cậu tính chú ăn cỗ khao vọng của người ta bao nhiêu, bây giờ chẳng nhẽ giơ mặt ra đấy không trả người ta? Với lại được quyền khao vọng thì sao không khao vọng?

– Hừ! khao vọng!

An cười chua chát nói tiếp:

– Vậy mợ đi mà sửa soạn việc khao vọng của mợ, để tôi được yên thân ngủ một giấc.

*

Sau ba hôm ăn uống bề bộn, om sòm.

Nga nằm gục ngủ thiếp trên trường kỷ giữa lúc nàng đương trông coi người nhà thu dọn bát đĩa đem đi trả. Trong những bữa tiệc mời hàng trăm người thì ở thôn quê chẳng ai có đủ sẵn sàng các thức, nên bàn ghế, đĩa bát, mâm nồi đều phải thuê mượn khắp các nhà.

An ở buồng bên đi ra đứng dừng lại ngắm vợ, rồi mỉm cười nói:

– Đảm đang lắm!

Câu khen mỉa mai, bọn người nhà lại tưởng là lời trách móc. Một người đáp:

– Bẩm quan lớn, bà lớn con vất vả luôn mấy hôm nay nên mệt quá.

Nghe tiếng quan lớn, bà lớn, An khó chịu vội bước ra sân. Cái rạp không bàn ghế và không còn trang hoàng y môn, trướng, đối

nữa, trông như cái nhà trạm dựng trên mả. Những cột bương, những cót và phên liếp giơ ra, nhây nhớp đất bùn cùng vôi ăn trầu và đủ các thứ bẩn mà các ông kỳ mục đã tiện tay bôi vào.

An nhăn mặt đứng ngắm, lấy làm ghê tởm, nhất mùi thịt bò, thịt trâu hôi khét lại vẫn còn phảng phất xông lên mũi chàng. Chàng lẩm bẩm: "Phải tìm cách phới Hà Nội ngay mới được. Ở nhà mãi, mình đến hóa điên mất!"

Chàng loay hoay tìm cớ để nói dối đi Hà Nội. Và chàng mỉm cười nghĩ đến Xuyến, người đầu tiên đã cùng "ăn mừng, ăn khao" sự đắc thắng của chàng. Sau mấy ngày phiền phức, với những tục lệ quê mùa, chàng cảm thấy lòng yêu cái đời phóng đãng càng tăng. Chàng muốn đi ngay để hưởng lạc thú với tình nhân. "Chứ ở đây để luôn luôn ngẫm nghĩ, và nghe bàn tới tương lai thì mình cũng đến chết mất thôi".

Một tiếng hắng giặng của ông điều như đáp lại ý nghĩ của chàng. Chàng vội quay lại.

– Chưa cho dỡ rạp à, anh huyện?

An cố giữ cái chau mày:

– Thưa chú, chưa.

– Chị huyện đâu?

– Thưa chú, nhà cháu kia, để cháu gọi.

An vào trong nhà đánh thức vợ dậy, cốt để vợ tiếp chuyện chú, cho mình được thoát nạn. Nhưng ông điều gọi:

– Anh huyện, để cho chị ấy nghỉ, ra đây tôi nói câu chuyện cần.

Nga đã chạy vội ra đon đả chào hỏi chú, rồi mời chú vào phòng khách.

– Chị chưa cho hạ rạp?

– Thưa chú, cháu định mai mồng tám tốt ngày cháu mới hạ.

An đi lên bật cười, nói riễu:

– Mợ đến kiêng kỹ. Dựng rạp chọn ngày tốt cũng đã quá lắm rồi. Hạ rạp mà cũng kén ngày thì thực mợ lạ lùng hơn sự lạ lùng.

Ông điều vẫn thích phản đối An, nhất lại phản đối chàng để về cánh với cháu dâu mà ông rất vì nể:

– Chị ấy cẩn thận thế là phải chứ. Tắm, gội, việc tầm thường

như thế, người ta còn chọn ngày, nữa là hạ rạp, nhất là việc hạ rạp này lại vận vào việc xuất chính nay mai của anh.

– Hừ! vận vào!

– Chứ không à?

Nga đưa mắt ra hiệu bảo chồng không nên cãi lý với chú, rồi gọi người nhà bảo pha nước. Ông điều đánh diêm định châm điếu hút thuốc, nhưng Nga trở vào, ông lại quay ra hỏi chuyện cho kỳ cái diêm cháy gần hết, ông phải vội vứt xuống đất đánh cái khác.

– Chị nên sắm lấy cái đèn hoa kỳ cho đỡ tốn diêm.

An quay đi mỉm cười. Chàng lấy làm lạ rằng tiêu hằng trăm, ông chú không tiếc, mà chỉ trông thấy sự tốn phí nhỏ nhặt.

– Chị mua ngay lấy một cái đèn hoa kỳ, bằng sắt tây chứ đừng mua bằng thủy tinh, nhà có trẻ nó đánh vỡ.

Ông điều vừa nói vừa hút, thành thử cái diêm nào cũng chỉ đến được nửa hơi kéo dở, và ông phải đánh đến cái thứ năm mới hút xong điếu thuốc.

– Chị đã tính sổ chưa?

– Thưa chú chưa.

– Chắc cũng đến dăm trăm đấy nhỉ? Những bên tôi, tiếp khách riêng ở thiên hạ về chơi cũng đã tốn gần trăm rồi.

An mỉm cười:

– Chú để rồi chúng cháu hoàn lại chú số tiền đó.

Ông điều trố mắt sau đôi mục kỉnh:

– Hoàn lại! Anh làm như việc riêng của anh, tôi không có dính dáng gì đến. Anh phải biết, nếu anh nghèo không có tiền khao vọng, thì tôi cũng bỏ tiền ra cho anh khao vọng chứ. Mà tôi không có tiền thì tôi bán ruộng bán vườn của tôi đi, đã sao?

An vẫn mỉm cười:

– Của chú?

Nga ngồi bên, sợ An lại vô phép cãi lý với chú, liền hỏi phá ngang:

– Thưa chú, thế là công việc thanh thỏa. Thực may có chú *giúp đấy, chứ những như chúng cháu thì chả biết* xoay xở ra sao.

Ông điều yên lặng vê thuốc bỏ vào điếu, cặp mắt suy nghĩ. Rồi tay cầm bao diêm, tay uốn cái xe mềm xuống:

– Tức thật, anh chị ạ.

An thở phào khói thuốc lá hỏi lại:

– Chú tức điều gì, thưa chú?

– Hai đêm nay tôi mất ngủ vì điều này. Anh có thấy không, hôm mời làng, anh có thấy mâm cỗ bày cao nhất mà không ai ngồi ăn không?

– Có, cháu có thấy. Hôm ấy, cháu định mời mấy ông vào ngồi, nhưng chú xua tay.

Ông điều thở dài:

– Mời sao được! Đó là mâm tiên chỉ. Dù tiên chỉ không đến cũng không ai được ngồi.

– Hay nhỉ?

– Rồi chờ làng an tọa mới bưng đến biếu tận nhà ông tiên chỉ.

– Thưa chú, vì sao ông tiên chỉ lại không đến dự tiệc, để phải biếu chác tần phiền thế?

– Vì hắn ta được đi làm việc. Lão Luyện họ Hoàng đấy mà, cháu không biết à? Hiện hắn làm tham tá lục lộ. Nói tham tá cho nó sang, chứ thực ra chỉ là cán sự, cán siếc gì đó thôi.

– Thưa chú, người ta đi làm việc xa thì đến sao được mà chú tức.

Ông điều ngắt hơi thuốc đương kéo dở:

– Nhưng mà vẫn tức, trông thấy mâm cỗ tiên chỉ...

An mỉm cười:

– Mâm cỗ tiên chỉ ruồi bâu!

– Trông thấy mâm cỗ tiên chỉ vào tay người khác thì không tức sao được? Đáng lẽ mâm cỗ ấy phải vào họ nhà mình, vì nay anh đã đỗ tri huyện. Cán sự thì to bằng tri huyện thế nào được! Hôm kia, khi ăn uống ở đây xong, chú mời ông chánh cựu, ông lý Rao, ông cửu Trường, với mấy ông trong hội đồng sang bên chú xơi thuốc phiện, rồi mới gợi đến câu chuyện tiên chỉ, thì ai cũng bảo thế, bảo phần tiên chỉ phải vào tay anh, mới đích đáng. Ấy chú mới khơi mào thế, để hôm nào ra họp việc làng, chú sẽ đứng lên hỏi làng một câu.

– Chú hỏi làng câu gì?

An nghe câu chuyện tranh giành ngôi thứ cũng hay hay, nên muốn gợi mãi ra.

– Chú chỉ nói thế này, – nói có điển tích, chứ chẳng nói liều – chú chỉ nói thế này: Thưa làng, làng ta là một làng văn vật, thời ấy phi chân khoa mục không ăn nổi phần tiên chỉ làng ta. Đến thời chúng ta, chúng ta cố noi theo tiền nhân. Nhưng triều đình bỏ khoa thi mấy rồi, ta biết sao. Nhưng tôi thiết tưởng bỏ khoa thi trường Nam thì nay đã có khoa thi trường Tây. Ta hãy coi: người ta cũng đỗ ông tú, ông cử tây rồi xuất chính như ngày xưa đấy...

An bật cười:

– Nếu chú nói thế thì người ta biết ngay là chú ám chỉ cháu mất.

Ông điều cũng cười:

– Thì cố nhiên. Chú chỉ cốt để người ta hiểu thế... Thế rồi chú đòi ngôi tiên chỉ về cho cháu, về cho họ Phạm ta.

– Nhỡ người ta không nghe?

– Không nghe thế nào được. Nói phải, nói hợp lý thì ai mà không nghe?

– Nhưng cứ thí dụ người ta không nghe.

– Đến nước ấy thì mình kiện. Chứ khi nào chịu.

An kinh hoảng:

– Kiện? Kiện tranh ngôi thứ? Làm thế, thiên hạ người ta cười chết! Cái gì, chứ cái ấy thì cháu xin chú tha cho.

Ông điều Vạn thở dài, tháo mục kỉnh ra lau, rồi lại đeo lên mắt nhìn An.

– Anh cứ giữ cái nước lép vế thì thế nào anh cũng bị người ta bắt nạt. Sao lại thế được? Ngôi tiên chỉ của mình sao lại để người khác, họ khác người ta chiếm mất được? Anh cứ để mặc tôi xoay với họ.

– Nếu chú mà không nghe cháu, thì cháu sẽ thân ra đình cháu nhường ngôi tiên chỉ.

Nga đứng dậy, vẻ bực tức lộ ra mặt:

– Người đâu mà nhút nhát thế!

An quay lại phía vợ, gắt:

– Mặc kệ thây tôi, không việc gì đến mợ. Tranh nhau ngôi thứ để người ta đăng lên nhật trình nhé?

Ông điều thản nhiên đáp:

– Việc gì phải tranh. Mình là tiên chỉ, chứ nào có tranh giành với ai, mà ai tranh giành nổi với mình!

– Nhưng làm tiên chỉ thì được cái gì? Được lợi lộc gì?

– Thì được cái làm tiên chỉ, được làm người thứ nhất trong một làng, cũng như ông vua trong một nước.

An yên lặng chống tay vào cằm, ngồi hút thuốc lá. Chàng nhận thấy ý muốn thông thường của người đời. Đến ngay chàng, kỳ thi ra cũng như các kỳ thi lên lớp, chàng vẫn cố trúng số đầu. Trúng số đầu để làm gì, há chẳng phải để được đứng trên cả mọi người. Và chàng lại nhớ câu nói của César khi qua một cái làng nhỏ: "Làm người thứ nhất trong làng này ta cho còn sướng hơn làm người thứ hai ở La Mã". Thì ra cái thú làm tiên chỉ bao giờ cũng thế, ở đâu cũng thế, ở trường hợp nào cũng thế.

Ông điều đã hút đến điếu thuốc thứ năm. Ông cuốn tròn bàn tay để vào miệng, thở phụt mạnh một luồng khói nhạt rồi uống hãm một chén chè tầu.

– Anh còn trẻ tuổi không biết gì đến việc hương đảng, chứ tức lắm kia... Họ Hoàng từ xưa có khoa mục, khoa miếc gì đâu, thế mà nay nó chễm chệ ngồi ăn tiên chỉ. Còn họ nhà ta thì ngày xưa thời nào chả có ít ra là một ông cử, thế mà ngày nay anh lại khoa bảng xuất thân... Để thế nào ngôi tiên chỉ vào tay người khác được... Nếu anh không kiện, thì tôi kiện, danh dự là danh dự cả họ, tôi có quyền kiện.

An đấu dịu:

– Nhưng cháu thiết tưởng dẫu sao cũng chưa cần phải kiện. Hay thế này, chú ạ: chú đừng gợi câu chuyện ngôi thứ ra vội. Chờ cháu xuất chính đã. Lúc bấy giờ có lẽ chẳng ai tranh giành với mình được nữa. Chứ nay, người ta có thể lấy cớ mình chưa có chức tước gì...

Ông điều ngẫm nghĩ:

– Thôi thế cũng được. Nhưng cứ kể đáng lý ra thì ngay bây giờ ngôi tiên chỉ đã phải về tay anh rồi.

Ông hậm hực như mắng ai:

– Hừ! Họ làm bộ... mâm cỗ tiên chỉ!

Và đứng dậy nói:

– Thôi, tôi về. À, anh đã đệ đơn xin xuất chính rồi đấy chứ!

An vớ ngay được cái cớ đi Hà Nội:

– Thưa chú chưa. Vậy mai cháu xin đi.

– Ừ, mai anh đi nhé! Chết chửa, sao lại chưa đệ đơn xin xuất chính?

Ông điều vừa đi vừa lẩm bẩm: "Chưa đệ đơn xin xuất chính!".

*

Xe ô tô của Viết từ từ dừng lại ở trước một ngôi nhà gác. Theo thói quen, tài xế ấn còi điện. Tức thì một người ở trong nhà mở cửa chạy ra.

– Lạy quan lớn ạ.

Viết thân mật:

– Sùng đấy à? Bà có nhà không?

Sùng mỉm cười như hiểu thấu nghĩa ẩn của câu hỏi:

– Bẩm quan lớn, bà con có nhà nhưng...

Viết lo lắng:

– Nhưng sao?

– Bẩm, nhưng ông con đi vắng.

Viết vờ thất vọng:

– Thế à?... Thế thì hơi phiền nhỉ!... Nhưng anh cứ vào bẩm bà rằng có tôi đến chơi.

– Bà con kia rồi.

Thực vậy, bà chủ nhà nghe tiếng còi ô tô quen đã ra cửa đứng đón tiếp.

– Kìa quan huyện, mời quan lớn vào chơi... Nhà tôi sắp về đấy ạ.

Viết mở vội cửa xe bước xuống:

– Lạy bà ạ.

– Không dám, lạy quan lớn.

Người đàn bà vào trạc hăm nhăm tuổi, thân thể nhỏ nhắn, mặt trái xoan, đánh phấn rất khéo. Cách trang sức có vẻ sơ sài, nhưng kỳ thực rất công phu và tỏ ra rằng nàng là một tay ăn chơi thành thạo. Cái áo dài màu hồng may thắt và chẽn làm nổi bộ ngực nở nang, và đôi cánh tay tròn trĩnh. Cái vòng huyền rất ăn với màu da trắng và

hình búp măng của năm ngón tay mũm mĩm, cũng như đôi dép Nhật với bộ quai nhung đen, với cái bông đỏ thắm làm tăng vẻ mịn của đôi bàn chân thoa phấn. Hình như biết có khách đến chơi, nàng đã sửa soạn từ lâu để chờ.

Nàng nhếch một nụ cười để lộ hai hàm răng nhỏ trắng. Cặp mắt sáng long lanh, quầng bôi chì và đôi lông mi vòng bán nguyệt kẻ dài ra tận thái dương cùng hoạt động cười theo.

Viết theo nàng vào phòng khách.

– Mời quan lớn ngồi chơi. Bà lớn vẫn được mạnh?

– Cám ơn bà hỏi thăm, nhà tôi vẫn mạnh.

– Quan lớn ngồi chơi, tôi xin phép đi thay quần áo.

Nàng nói câu ấy rất tự nhiên tuy có anh người nhà đứng gần đó. Rồi khoan thai, uyển chuyển nàng đi vào buồng bên, khép cánh cửa lại.

Sùng bưng chén nước đặt lên cái bàn lục lăng thấp làm bằng gỗ lát hoa nạm gỗ trắc, trên phủ ngang cái khăn ren trắng, rồi khoanh tay đứng hầu. Viết vơ vẩn nhìn những ghế bành thấp, tò mò ngắm những bức tường vẽ hoa rối, cái giá kiểu Nhật Bản, các từng bày nhan nhản những bát, những lọ, những chóe tàu men xanh và men ngũ sắc.

Bỗng chàng quay lại bảo Sùng:

– Anh đi mua hộ tôi một gói thuốc lá.

Chàng mở ví lấy ra tờ giấy bạc một đồng đưa cho anh người nhà và mỉm cười nói tiếp:

– Còn thừa anh giữ lấy mà tiêu.

Cái mỉm cười chừng là cách nói lóng, vì Sùng cũng mỉm cười đáp lại:

– Bẩm quan lớn, nhân tiện con đi tìm ông con, quan lớn làm ơn đóng hộ con cái cửa. Bà con có gọi thì quan lớn nói giùm cho.

– Được, anh cứ đi.

Khi đã khóa cửa ra đường, Viết vội vàng đến buồng bên se sẽ vén màn ren đứng nhìn. Trước cái bàn con có gương đứng và bên cái giường Hồng Kông đồng sáng loáng màn kéo giạt về một phía, bà chủ nhà mặc bộ quần áo ngủ lụa đương ngồi sửa lại nhan sắc. Viết âu yếm gọi:

– Thoa! Em Thoa!

Người đàn bà đứng phắt dậy, chạy lại vòng hai tay lên cổ Viết níu đầu xuống mà hôn lấy hôn để, rồi nũng nịu:

– Sao chủ nhật trước anh không lên với em?

Viết bế người yêu đặt lên cái ghế xích đu:

– Anh bận phải đi khám cái án mạng... Đây anh đền.

Vừa nói Viết vừa nồng nàn hôn môi người yêu.

Thoa đá đưa chân cho ghế dập dình, mắt lim dim rất lẳng:

– Đền có thế thôi à?

– Còn nữa chứ.

Viết lấy ở túi ra một cái hộp con đưa cho Thoa:

– Anh làm quà.

– Cái gì thế, anh?

– Một thứ quà mọn.

Thoa vội vàng mở hộp ra, rồi vui sướng kêu:

– Nhẫn kim cương!

Nàng vứt cái nhẫn lên giường, rồi kéo đầu tình nhân xuống mà hôn để tỏ lòng cám ơn.

Bỗng có tiếng gọi ở cửa buồng:

– Mợ ơi!

Thoa giật mình, ẩy Viết ra, đứng dậy. Một đứa con gái chừng năm tuổi chạy vào. Thoa thở dài, rồi quắc mắt mắng:

– Đồ khốn nạn! Con chết tiệt! Làm người ta hết hồn.

Nàng giơ thẳng tay tát cho đứa bé một cái thật mạnh, khiến nó khóc òa lên, Viết cúi xuống ẵm nó đi ra phòng khách.

Ở lại một mình, Thoa lại ra ngồi trước gương bàn trang sức để sửa lại vành tóc vấn trần mà Viết đã làm xổ và chữa lại cặp môi mà trong lúc nồng nàn hôn tình nhân, nàng đã làm phai nhạt mất màu son. Đoạn, nàng ra đứng soi trước gương tủ quần áo. Bộ Pijama lụa thướt tha in vào thịt mũm mĩm và đường cổ viền đen làm nổi bật bộ ngực trắng bông. Thoa mỉm một nụ cười khoái lạc, rồi cầm cái nhẫn của tình nhân vừa tặng ướm vào các ngón bàn tay trái. Đeo vừa khít ngón giữa, nàng giơ bàn tay ra, ngắm nghía, cười sung sướng.

“Từ ngày lấy chồng đến giờ, lần đầu mình được đeo nhẫn kim cương đây... Hừ! Thằng chồng, không bao giờ nó nghĩ đến mình!”.

Và Thoa nhớ ôn lại cả một thời kỳ vãng.

Thoa là con một ông hàn rất giàu và rất hào phóng, trái ngược với phần nhiều ông hàn khác vừa keo, vừa bẩn, chỉ biết một việc chôn của, tậu ruộng, mua phẩm hàm cho mình và cho các con mình. Vì thế, Thoa lớn lên giữa sự phú quý, giữa những xa hoa, những yến tiệc đầy quan khách của một gia đình trưởng giả. Và nàng mơ mộng rất nhiều thứ viển vông.

Năm mười tám, nàng về làm dâu một nhà quan hám cha nàng giàu mà hỏi nàng cho con. Ba năm sau nàng đi theo chồng: San, chồng nàng, vừa được bổ thư ký ở một tỉnh kia.

Sau bảy năm, nàng sinh hạ bốn con: hai trai, hai gái, và vẫn cố miễn cưỡng sống với cái gia đình bất mãn ý.

Xưa kia nàng chỉ ao ước có một tấm chồng tri huyện. Cái chức bà phán của nàng, tuy là bà phán đầu tòa, thực đã chẳng làm cho nàng được thỏa chí bình sinh. Vì thế, nàng chẳng yêu gì chồng, cũng chẳng yêu gì con. Và nếu một trong những ông huyện trẻ thường đến chơi nhà nàng thuận tình hay hiểu cái mỉm cười nhiều ý nghĩa của nàng thì nàng đã quả quyết lừa dối người chồng thật thà yếu đuối kia rồi. Nhưng họ có hiểu gì đâu, tuy trong những bàn tổ tôm họ cũng biết nói những câu cợt nhả với nàng và một đôi khi đụng chạm vào tay nàng, vào đùi nàng. Thế thôi.

“Rõ đồ ngốc! Làm thằng đàn ông mà chẳng ra hồn thằng đàn ông!”. Đó là câu nàng thường tức tối nhủ thầm sau những buổi gặp gỡ mà nàng đã gợi tình một cách vô công hiệu. Kể cũng đáng tức thật! Ai lại một lần nàng đem câu “một đêm quân tử nằm kề, còn hơn thằng ngốc vỗ về quanh năm” ra hỏi nghĩa một ông huyện trẻ tuổi, đẹp trai, có duyên, khỏe mạnh, mà ông ta chẳng tìm được lời đáp lại, chỉ ửng đỏ hai má lên thôi. Thế thì phỏng nàng không bực mình sao được. Hôm ấy, đêm khuya, nằm suy nghĩ, Thoa càng cảm thấy nàng khinh chồng và khinh lây cả bọn đàn ông.

Giữa thời ấy, Viết hiện ra.

Viết hiện ra với một tấm thân vạm vỡ, với hai cánh tay mà người ta có thể đoán biết ôm ghì mạnh lắm, với gương mặt rắn rỏi, quả quyết nhưng không phải không có duyên.

Sự gặp gỡ thực là một sự tình cờ, gần như một sự thiên định. Hồi ấy ông công sứ có một người bồi được chủ tin yêu nên hay lộng quyền, thường về các phủ, huyện hạch sách thứ nọ thứ kia. Một lần hắn về huyện Viết đòi mua ngay cho một trăm trứng gà tươi để dâng lên quan. Viết cáu vì cái giọng hách dịch của hắn, liền đến trình việc ấy với ông Công sứ. Tức thì ông này đuổi người bồi, và sức cho các phủ, huyện từ đó không được mua một thức gì biếu ông, vì ông không cho phép bồi bếp của ông quấy nhiễu phủ, huyện như thế bao giờ.

Viết nghĩ thầm lấy làm thích chí rằng đã cho anh bồi kia một bài học hay. Nhưng mấy hôm sau chàng gặp San, thì sự đắc chí của chàng đã đổi ra sự lo lắng, sợ hãi, San bảo cho chàng biết rằng chàng cư xử hơi vụng. Vì đành rằng ông Công sứ không dung túng người nhà làm xằng, nhưng đem câu chuyện không hay ấy nói ở trước mặt những người thư ký thì hẳn là ông ta phải lấy làm ngượng. Viết hỏi gặng mãi, San mới chịu bảo thật cho chàng biết rằng ông Công sứ có phàn nàn điều ấy.

Trong một tuần lễ, Viết mất ăn mất ngủ vì câu chuyện mua trứng. Sau chàng tìm ra một kế: là nhờ ngay San nói khéo hộ với ông Công sứ. Chàng nghĩ thầm: "Hắn được ông Công sứ phàn nàn một việc tầm thường như thế thì chắc hắn thân với ông lắm, và chắc hắn có nhiều lúc hai người tiếng nhỏ tiếng to với nhau về điều này điều khác. Hắn chỉ để cho mình một câu hay là mình khá thôi. Vô phúc bị hắn dèm pha!"

Thế là ngay tối thứ bảy ấy, Viết cho ôtô lên tỉnh mời quan lớn phán và bà lớn phán đầu tòa về huyện lỵ đánh tổ tôm. Và tuần lễ sau, chàng đã trở nên tình nhân của Thoa. Chàng mỉm cười tự nhủ: "Muốn thân với San, chả còn cách gì hơn là được vợ San yêu dấu, bênh vực".

Từ đó, mỗi lần lên tỉnh, Viết không đến nhà thông phiên nữa. Thế nào ông phán bà phán cũng cố giữ chàng nghỉ lại nhà cho bằng được.

Dưới ánh sáng xanh của hai ngọn đèn măng sông, cuộc tổ tôm đã kéo dài quá một giờ sáng, ông phán San vừa ngáp, vừa uể oải hỏi trống không:

– Hết hội này liệu nghỉ thôi chứ?

Thống, ông chủ dây thép, người thua nhiều nhất, hỏi lại:

– Mấy giờ rồi?

Ngồi vắt vẻo ở góc sập, một chân mỏi mệt chống lên cạnh ghế của Viết, Thoa kéo ống tay áo lên nhìn cái đồng hồ nhỏ xíu, lấp lánh kim cương, rồi mỉm một nụ cười kín đáo liếc tình nhân:

– Một giờ rưỡi.

– Ồ! Mới một giờ, còn sớm chán!

Loắt choắt lọt hẳn trong cái ghế bành rộng, hai bàn chân để lên sập, y sĩ Tòng lại giở khoa nói bông ra, cái món chàng sở trường và được nhiều người ưa chuộng trong các bàn tổ tôm:

– Thưa cụ, có lẽ chỉ sớm đối với cái ngày mới bắt đầu.

Câu pha trò không làm cho một ai cười, vì nó tối nghĩa quá, khiến mọi người còn phải suy nghĩ tìm hiểu.

Ý chừng Tòng cũng biết thế nên nói tiếp ngay:

– Vì, thưa cụ, một giờ là một giờ sáng ngày chủ nhật đấy ạ, chúng ta đã chơi hết ngày thứ bảy rồi. Vậy một giờ nghĩa là giờ thứ nhất hôm chủ nhật thì hẳn phải sớm.

Tiếng cười lẻ tẻ, rời rạc, buồn ngủ. Viết đứng dậy với cái hộp tre ngà đếm tiền hội, rồi nghiễm nhiên gấp năm đồng bỏ ra chiếu:

– Ván này ai ù gì, cũng chỉ có hai đồng thôi đấy nhé!

Ông phủ Duyệt, giọng hơi gắt;

– Chậc! Thế thì bỏ ván này đi có hơn không?

Chủ nhà cúi xuống vứt ngay tập giấy bạc vào hộp:

– Chết, sao các quan cho chúng nó nhiều thế? Đánh đi vài ván nữa đã.

Viết định cãi lại thì Tòng đã hạ ù, và gật gù xướng:

– Suông tình!

Thoa nhoẻn một nụ cười đĩ, hỏi lại:

– Suông tình?

– Vâng, thưa bà tôi ù thì chỉ toàn suông tình.

Thoa nhìn Viết, lim dim một mắt:

– Giá chúng mình ù thì chả suông tình tí nào nhỉ?

San vui vẻ nói:

– Thôi, tôi biết công ty đằng ấy rồi. Đỏ đâu mà đỏ thế! Ù ván nào cũng có gà.

– Gà lắm chứ, người ta đã có một chuồng gà sẵn, muốn thả ra lúc nào là có lúc ấy, phải không quan huyện?

Viết thản nhiên:

– Cũng có lúc không thả kịp.

Mọi người cười vang, nh ưng thực ra ngoài cặp tình nhân, không ai hiểu câu nói đầy nghĩa bóng ấy.

Những ngôn ngữ cử chỉ của Thoa đáng lẽ phải khiến một người chồng ngờ vực, nhưng San nghe đã quen tai, nhìn đã quen mắt, đến nỗi không hề nghĩ tới những ý tứ lẳng lơ của nàng. Không một tư tưởng gì, dù trong sạch đến đâu mà nàng không xoay ra nói tục được, trước còn nói tục với một mình chồng, sau thành thói quen, nói tục cả với bạn của chồng. San thường bảo nàng: "Giá mình sống vào thời xưa thì mình cũng đến làm những bài thơ tục tĩu như cô Xuân Hương"...

Câu chớt nhả của Thoa đã nhắc San nhớ tới những bữa cháo gà mà chàng rất thích, nhưng khi nào có khách đánh tổ tôm chàng mới được ăn. Vợ chàng chỉ hoang với tình nhân, hay với khách khứa mà thôi, còn đối với chồng con thì nàng rất nghiệt, chi về việc ăn tiêu trong nhà rất bủn xỉn. Chàng liền hỏi Thoa:

– Thế nào mình, ít ra mình cũng đã thả một con gà để nấu cháo rồi đấy chứ?

– Ý thế!

Ông phủ Duyệt và ông chủ bưu điện cùng chau mày, khó chịu về lời văn pha trò dâm đãng của bọn kia. Nhưng Tòng vui thú cười ha hả:

– Vậy còn đợi gì mà chưa bưng lên cho chúng tôi xơi?

Thoa vừa gọi "mày" thì sau một tiếng dạ to, mâm cháo nóng bốc khói thơm đã đặt lên sập.

Tòng ăn xong xin về, nói còn phải đi khám lò lợn sớm (ở các tỉnh nhỏ công việc của sở thú y có khi giao cho viên y sĩ trông coi tạm). Ông phủ Duyệt cũng ra theo về liền để đến với người vợ lẽ mà ông thuê nhà cho ở trong một làng giáp tỉnh lị, vì vợ cả của ông rất ghen và ông lại rất sợ vợ.

Viết chờ Thống về nốt để nói câu chuyện riêng với San, nhưng

ông chủ bưu điện cứ dềnh dàng mãi, vì ông thua tổ tôm gần trăm bạc, nên tiếc của không quả quyết đứng dậy được. Sau ông ta vơ vẩn hỏi San :

– Đi ngủ thôi à ?

– Hơn một rưỡi rồi, chả ngủ còn làm gì ?

– Tưởng đánh mấy ván tài bàn đã !

– Thôi, xin lỗi cụ, tôi mệt quá. Mà sáng mai lại có "tua xe vít".

Ngẫu nhiên hai cặp mắt của đôi tình nhân gặp nhau. Chúng như vừa cùng chợt có một ý nghĩ. Thoa dịu dàng bảo chồng :

– Hay mình chiều cụ chủ một tí, đánh mươi ván tài đã rồi hãy đi ngủ chứ gì.

San cau có :

– Nhưng tôi mệt lắm.

Thoa vờ gắt :

– Ừ thì đi ngủ đi ! Lên gác mà ngủ đi, để tôi ngồi tiếp tài bàn cụ chủ.

San thẳng thắn cười đứng dậy :

– Đấy thì mình tiếp tài bàn cụ chủ !

Thoa quay ra hỏi tình nhân :

– Còn quan huyện, liệu có thức được nữa không ?

Viết mỉm cười :

– Được lắm chứ. Thức đến sáng cũng được.

– Vậy chia công ty, nhé ?

Chân tổ tôm được bảy mươi nhăm đồng, Viết giữ phần mình ba mươi nhăm đồng, và đưa cho Thoa bốn chục.

San mời Viết ngủ ở phòng bên, cái phòng riêng để Thoa và San nghỉ trưa, (mỗi lần nhà có khách thì đó là phòng khách. Và trừ Viết ra, cũng ít khi có khách ngủ đêm). Rồi chàng lên gác để mặc ba người xoay nhau trong cuộc đỏ đen.

Từ đó, tiếng cười nở như gạo rang. Cặp tình nhân chỉ nghĩ tìm những câu ý tứ để nói với nhau. Viết chẳng thiết gì được, nhường Thoa từng cái phỗng, từng cây bài ăn tốt. Vả chàng chỉ muốn

chóng thua chỗ tiền được tổ tôm để đi ngủ. Quả một giờ sau, số tiền ấy hết, và chàng tống nổi ông chủ bưu điện về nhà: ông ta vui mừng vì đã gỡ được ba chục bạc.

Tám giờ sáng hôm sau, Viết rửa mặt vội vàng, rồi hấp tấp mặc áo, đi giầy để ra tòa sứ, vì hôm ấy là ngày Hội thương đầu tháng. Trước kia, hội thương vẫn nhằm vào ngày thứ ba, nhưng ông Công sứ lấy cớ rằng ngày ấy là một ngày làm việc, các ông phủ, ông huyện lên tỉnh không tiện, nên đã đổi sang ngày chủ nhật.

Ngồi trong ô tô, trên con đường tới tòa sứ, Viết áy náy lo ngại nghĩ đến những lời đối đáp với quan Công sứ. Sau một đêm thức khuya cờ bạc và ân ái với tình nhân, chàng cảm thấy tâm hồn chán nản, và nhất là thân thể mỏi mệt. Chàng chỉ sợ sẽ ngồi ngáp trước mặt ông Công sứ.

Chàng vẫn biết được quan thầy quí mến, và bênh vực, nhất từ khi có phán San làm tay trong, luôn luôn nói tốt cho mình. Nhưng tình cảm của người Pháp bao giờ cũng ở trong giới hạn, điều ấy chàng không dám quên. Dù được họ yêu đến đâu, khi có lỗi, họ cũng không tha thứ dễ dàng như mình tưởng. Người bồi thân tín của ông Công sứ mà Viết đã làm cho bị đuổi năm trước, đó là một chứng cớ hiển nhiên.

Ô tô qua khách sạn. Viết bảo tài xế dừng lại, vào uống một cốc cà phê đặc nóng. Chàng thấy tinh thần tỉnh táo sáng suốt hơn lên.

Đến tòa sứ. Bọn đồng liêu đã đông đủ đứng đợi ở sân, dưới rặng câu long não cao vút lá nhỏ bóng loáng chấp chới rung trong gió. Một người nói:

– Chỉ còn thiếu có bác.

– Cụ lớn tuần đến chưa?

– Cụ vừa vào.

– Còn cụ bố với cụ chánh án?

– Cũng đến rồi.

Mọi người lũ lượt kéo nhau vào buồng giấy quan chánh, ai nấy trong trí đầy những mánh khóe để làm tỏ rạng cái tốt, cái hay của mình, và nếu gặp dịp, để giảm thế lực, hạ giá trị của kẻ khác.

Lúc qua hiên, Viết liếc nhìn một cái bảng danh sách treo ở tường, và không giấu nổi nụ cười tự phụ: tên chàng đứng đầu hàng.

Đó là bảng kê số rượu bán trong từng hạt. Tên các viên phủ, huyện được liệt cao hay thấp là tùy theo số rượu hạt mình tiêu thụ nhiều hay ít.

Viết tấp tểnh mừng thầm sắp được quan chánh ngợi khen. Nhưng chàng kinh hãi xiết bao, khi vừa ngồi yên chỗ thấy ông Công sứ trỏ ngay vào mặt mình và nghiêm nghị hỏi:

– Chủ nhật trước về Hà Nội chơi có thú không?

Viết hiểu ngay rằng chối quanh vô ích, liền đứng dậy xin lỗi, và nói vì có con theo học ở Hà Nội bị ốm, nên vội vàng về thăm mà không kịp xin phép.

Rồi bàn sang việc thu thuế, ông Công sứ nói:

– Khóa thuế năm nay, các ông làm việc đắc lực cả đấy, không ai để thiếu thốn chậm trễ hết. Nhưng tôi muốn sang năm, một vài ông bỏ cái thói cho vợ làm nghề đổi bạc đi. Không những cái nghề hàng xáo chẳng xứng đáng với một bà huyện một tý nào, mà chính phủ lại đã có luật cấm vợ các viên chức dự vào các việc buôn bán kiếm lợi.

Ông nói tiếp, cặp mắt sắc nhìn vào một viên tri huyện trẻ tuổi:

– Cố nhiên không được tham dự cả việc quan của chồng nữa.

Mọi người đều mủm mỉm cười nịnh để tỏ rằng đã nếm câu khôi hài mặn mà của vị quan thầy thông minh. Trong hàng tỉnh, còn ai lạ cái tính thật thà của Trọng. Động có việc gì hơi khó khăn là chàng ta phải vấn kế đến vợ. Việc bầu cử này đáng lấy bao nhiêu, việc kiện cáo kia phải xử ra sao, nhất nhất Trọng đều bàn với vợ, và thường để vợ quyết đoán.

Viết đợi mãi không thấy ông Công sứ nói đến việc rượu. Vì thế, lúc ông hỏi ai có ý kiến gì hay thì đem ra bàn, chàng đứng ngay dạy thưa:

– Bẩm quan Công sứ, bẩm cụ lớn, về việc rượu, độ này các báo chí thường chỉ trích chúng tôi, nói chúng tôi bắt ép dân uống rượu. Nhưng thiết tưởng số rượu bán tăng lên, đó chỉ là hiệu quả của sự bắt rượu lậu đắc lực mà thôi, chứ không phải vì chúng tôi đã ép dân uống rượu nhiều.

Biết rằng Viết tự gợi đến sự mẫn cán của mình, ông Công sứ mỉm cười khen.

– Ông tốt lắm, ông thường đứng đầu bảng tiêu thụ rượu. Điều ấy

đủ tỏ rằng ông chăm chỉ bắt rượu lậu. Ông cứ làm hết bổn phận, báo chí họ nói mặc họ. Còn ai lạ gì bọn viết báo! Không có chuyện gì, họ bịa ra cho có cái mà viết, mà chỉ trích. Vả lại, tôi biết, nhiều kẻ lỗi thời ra làm báo, họ ghen ghét các ông nhiều lắm.

Lại một dịp để các viên phủ huyện thi nhau tìm bới ra đủ các tật xấu của làng báo.

Bỗng ông Công sứ hỏi Trọng một câu về một việc vừa xảy ra trong hạt chàng. Trọng vẫn có tính suy nghĩ chậm chạp, trước khi trả lời. Thấy thế, một bạn đồng liêu nhắc liền:

– Kìa anh Trọng, cụ lớn hỏi.

Cho là Trọng không để ý đến lời mình nói, ông Công sứ mỉm cười mai mỉa:

– Ông ta mới ở cung trăng rơi xuống.

Không có việc gì đáng bàn nữa, ông Công sứ tuyên bố giải tán hội đồng.

Bọn phủ, huyện vui vẻ kéo nhau sang dinh cụ tuần, vì đã nhận lời đánh tổ tôm. Viết thoái thác cáo ốm. Chàng muốn tránh mặt người vợ lẽ của cụ Tuần, vì mới hai tuần lễ trước, đông đủ mặt anh em đồng liêu, chàng bị người ấy kiếm chuyện mắng cho mấy câu tàn tệ, để trả thù về một việc bầu bán. Môn hạ của nàng, dân hạt Viết cai trị, đã thất bại trong một cuộc tranh giành lý trưởng, và nàng qui cả tội lỗi lên đầu Viết. Vả lại, biết rằng San đương bận việc trong bàn giấy, Viết cũng muốn đến tình tự với người yêu. Chàng cho thế còn thú hơn là đến phờ phỉnh nịnh hót một "cụ lớn vợ lẽ" rất khó tính mà lại chẳng còn trẻ đẹp bằng Thoa.

*

Gần chín giờ tối, Viết mới về tới huyện. Mệt nhọc quá chàng toan đi ngủ, nhưng Phụng đưa cho chàng một bức ghư và cau có gắt:

– Ngủ gì mà ngủ sớm thế? Hãy đọc thư của thầy mẹ đây này.

Viết ngáp dài, uể oải đáp:

– Thì một mợ đọc không đủ hay sao?... Việc gì còn phải tôi đọc nữa?

Phụng ném bức thư lên bàn:

– Lần nào cũng thế, cứ ở tỉnh về là y như người không hồn ấy thôi. Không biết con nào nó bắt mất vía thế?

Viết hơi chột dạ, đưa mắt nhìn vợ. Nhưng thấy Phụng vẫn thản nhiên, chàng cười nhạt nói đùa:

– Con nào, một trăm hai mươi con, chứ còn con nào?

Viết tưởng nói thế để tránh sự nghi hoặc của vợ, ngờ đâu chỉ làm cho nàng chú đến người đàn bà mà nàng biết có tính không đứng đắn:

– Lại tổ tôm ở nhà phán San, phải không?

Viết gật, nói khẽ:

– Ừ.

– Phải, tôi biết, thoát sao được con mẹ phán San.

Viết vờ gắt:

– Chỉ bậy ! Nhỡ đến tai bà ấy thì còn ra sao?

– Ra sao? Ra sao thì làm cái gì?

Viết ghé tai vợ thì thầm:

– Chết! Mợ sẽ mồm chứ, người nhà chúng nó đứng cả ngoài hiên kia kìa! Mợ phải biết... việc dịch nốt lý lịch của mình kỳ thăng vừa rồi... mình chưa tạ ơn người ta đấy...

Phụng lẩm bẩm:

– Ơn!... Nốt cụ Tuần cho thế nào thì người ta dịch ra thế. Ơn với huệ gì!

Viết cười:

– Nói dễ nghe nhỉ! Cứ một chữ "cũng tốt" mà người ta bỏ đi cho chữ "cũng", cũng đủ khá, cũng đủ thăng!

Rồi chàng nói lảng, để xa hẳn câu chuyện người đàn bà:

– Mợ ạ, cụ Tuần này lạ lắm, đến hay có cái thói quen dùng chữ "cũng": cũng tốt, cũng chăm, cũng thông minh. Có lẽ cụ không thạo tiếng An Nam, và không hiểu cái tai hại của chữ "cũng" cụ dùng sai, cụ dùng không phải chỗ.

Viết mỉm cười nói tiếp:

– Mợ có hiểu "cũng tốt" nghĩa là thế nào không?

Phụng. giọng cáu kỉnh:

– Cũng tốt là cũng tốt, chứ còn gì nữa?

– Không phải nhé. Cũng tốt nghĩa là "cũng tốt vậy thôi", hay "cũng tốt đấy". Vậy hẳn phải dịch sang chữ Pháp là "assez bon". Đằng này ông San ông ấy bỏ phăng chữ "assez" đi.

Phụng đã chú ý đến câu chuyện:

– Nhưng hình như quan chánh đọc được quốc ngữ. Dịch sai thế liệu có việc gì không?

– Việc gì! Vì người Pháp hiểu sao được chữ "cũng". Đến cụ tuần còn chả hiểu nữa là!... Nhưng bàn tán làm gì? Chỉ biết mình được thăng tri huyện hạng nhất đúng hạn, mà được thăng là nhờ cụ chánh, cái đó đã cố nhiên, nhưng cũng nhờ ơn ông phán San nhiều lắm.

– À, tháng này đã được ăn lương hạng nhất chưa nhỉ?

Viết cười:

– Hừ! Nói lương lậu làm gì? Bất quá tăng mười đồng bạc chứ bao nhiêu... Hai năm cũng chả đủ... tạ ơn.

Sau một cái ngáp dài, Viết nói tiếp:

– Nhưng đi ngủ thôi, tôi mệt lắm.

– Cậu uống cà phê nhé?

– Chết, uống cà phê thì ngủ sao được?

– Thế cậu nhất định không xem thư của thầy đấy?

– Trong thư thầy nói gì thế mợ?

– Thầy bảo về nhà chơi.

Viết vội kêu:

– Về nhà! Sáng nay quan chánh vừa cự tôi hay đi Hà Nội. Bây giờ lại xin phép nghỉ vài hôm thì có mà... Ồ, chịu thôi, không thể về được đâu, mợ về một mình cũng được.

Thấy vợ yên lặng, vẻ mặt hờn giận. Viết bực tức, tỉnh hẳn ngủ:

– Về làm gì kia chứ?

Phụng dằn từng tiếng:

– Về làm gì! Đây này cậu nghe.

Rồi nàng mở thư ra đọc:

"Thế nào anh chị cũng về. Mẹ bảo làm một con bò, và vài con lợn mời bà con thân thuộc đến ăn. Thực chả bao giờ thầy mẹ vui

mừng bằng lần này: Anh thì được thăng tri huyện hạng nhất, anh An thì đỗ thủ khoa kỳ thi đại học..."

Viết cười, ngắt lời vợ:

– Đỗ thủ khoa?

– Đấy cậu coi, thế nào cũng phải về... Không có vợ chồng thằng An nó hưởng hết cái tiệc mừng...

Viết lại cười:

– Hưởng hết ?

– Chứ sao! Người làng đến mừng, người ta tưởng đó là tiệc mừng nó thi đậu... Mình phải về để tỏ cho người ta biết rằng đó là tiệc mừng mình thăng chức... Cậu phải biết, thầy mẹ cũng thiên lắm cơ. Đấy cậu xem, khi nó chưa chịu đi học thì thầy mẹ chả coi nó ra cái gì. Thế mà từ khi nó xin được vào trường đại học thì thầy mẹ, nhất là mẹ yêu quí nó như hòn ngọc trên tay, một điều cậu cử, hai điều cậu huyện. Chẳng hiểu cử gì, huyện gì thế? Gọi thế mà không biết ngượng mồm.

Viết mắt hấp háy:

– Ừ, cử gì, huyện gì?

– Thì cũng tưng bốc nó lên như thế! Cậu thử ngẫm mà xem, từ ngày nó vào cao đẳng, thầy mẹ không quí trọng vợ chồng mình được như trước nữa... Mà mẹ thì bênh con Nga chằm chập... Chuyến này về rồi tôi sửa cho nó một mẻ cho cậu coi... Vậy thế nào cũng về, cậu nhé?

Viết đã nằm ngả trên gối xếp, mắt lim dim.

– Hử cậu?

Viết mở choàng mắt

– Cái gì kia, mợ?

Phụng cau có, bực tức:

– Thì cũng phải có lúc nói đến việc nhà, việc cửa chứ!... Tôi nghĩ mà tôi chán quá... Cậu không chịu nghĩ đến việc nhà thì rồi tan nát chẳng ra gì đâu... Chúng nó cưỡi cổ mất thôi.

Viết buồn ngủ rũ, thở dài và gắt:

– Ai cưỡi cổ được ai?

– Đấy, rồi cậu xem, rồi thằng An nó cưỡi cổ cậu cho cậu xem. Thì

nó có coi cậu ra gì đâu! Toàn nói xách mé, chẳng thưa gửi gì hết. Cậu còn nhớ ngày tết năm ngoái về dâng tuổi thầy mẹ không? Thầy mẹ mời uống rượu ngọt, vợ chồng nó chỉ nâng cốc xin phép thầy mẹ rồi uống liền. Chúng nó làm như không có vợ chồng mình ở đấy. Đến lúc ăn mứt lại cũng thế, thằng cha nó ăn lấy ăn để, khen rối khen rít... Được nó khen khéo, cụ phổng mũi lên, chỉ quay ra nói chuyện với nó, còn chúng mình...

Nghe thấy tiếng ngáy đều đều của chồng, Phụng ném mạnh con dao bài lên bàn, thét:

– Người đâu mà ngủ dễ thế!

Viết giật mình nghển cổ, hỏi:

– Cái gì thế, mợ?

Phụng ngồi phịch xuống giường:

– Chẳng cái gì cả. Cậu có về hay không thì cậu bảo?

Viết chau mày:

– Thì về chứ sao! Làm gì mà rối lên thế?

Rồi chàng đứng dậy đi vào nhà trong, nói tiếp:

– Nhưng bây giờ thì ngủ đã.

Phụng ở lại một mình ngồi ôm đầu suy nghĩ.

*

* *

Mỗi sáng, mùa nực cũng như mùa rét. Hạc cưỡi ngựa dạo chơi một vòng quanh đồn điền, nhân tiện để thăm qua một lượt những ruộng và nương của mình. Độ nào đương thiếu nước và bỗng trời đổ mưa, thì chàng sung sướng một cách ầm ỹ, mặc áo tơi phi ngựa trên các đồi, ngửa mặt nghêu ngao hát, như để ném lời cảm tạ ra bốn phương. Chàng không tin có trời, nhưng chàng tin có sự chí thiện. Loài người, khi nào có nói tới sự chí thiện, thì bao giờ cũng phải đạt mục đích, dù giữa công việc, bị cản trở. Và những trận mưa đúng giờ chàng cho là sự chí thiện của vũ trụ họa cùng nhịp với lòng thiện của lời người.

Triết lý của chàng có lẽ quá lạc quan mà lại quá ngây thơ nữa. Song nó rất cần cho đời chàng, cũng như cho công cuộc chàng

theo đuổi: người ta không có một lòng tin mạnh mẽ, trong trẻo thì không đủ nghị lực, không đủ sốt sắng mà làm việc được.

Sáng hôm nay, ngồi trên mình ngựa, Hạc cũng đương loay hoay với những tư tưởng lạc quan ấy.

Trời vừa tạnh, sau một trận mưa to suốt đêm hôm trước. Ánh mặt trời mới mọc lướt trong vườn chè ướt và loang loáng bên sườn đồi. Nước réo chảy từ ruộng cao xuống ruộng thấp. Chim gáy trong cành xoan thưa lá. Chim sẻ ríu rít trong bụi tre nặng trĩu nước mưa. Hạc thấy sự liên lạc nhịp nhàng của cảnh vật đối với sự sung sướng hồn nhiên của lòng người.

– Lạy cậu ạ!

– Không dám.

Một người con gái, vận chiếc áo nâu non mới, ở trong vườn mía chui ra. Hạc kìm cương ngựa mỉm cười, hỏi:

– Chị Phấn đấy à? Chị đi làm sớm nhỉ! Mà sao lại mặc quần áo đẹp thế? Phải để dành đến khi nghỉ ngơi hãy dùng chứ! Làm việc thì mặc bộ quần áo cũ cũng được.

Phấn cúi đầu im vân vê tà áo, Hạc chợt nhớ tới Ngải, cô bé đã làm cho vợ chàng trở nên ghen tuông vô lý. Chàng liền vừa nhắc cương cho ngựa đi, vừa ngoái cổ lại bảo Phấn:

– Nói thế nhưng ai cũng có quyền muốn mặc thế nào tùy ý sở thích. Và năm nay được mùa thì cũng nên ăn tiêu rộng rãi một chút, phải không?

Trước khi trở về nhà, Hạc không quên ghé qua nhà trạm. Ấp cách trạm những gần năm cây số, nên người phu trạm thường một tuần lễ chỉ đưa thư vào một hay hai làng. Vì thế, sáng nào Hạc cũng nhân tiện lúc đi thăm ruộng nương đến lĩnh lấy thư và báo chí.

Nghe tiếng móng ngựa, người đội trạm đã vội mở cửa chạy ra đường:

– Chào ông ạ. Ông có cái dây thép.

– Không dám, chào ông. Dây thép?

– Vâng.

Hạc chau mà suy nghĩ, lo lắng. Chàng không hay nhận được điện tín, vì một là chẳng mấy khi xảy ra sự gì quan hệ khiến người ta phải gửi điện tín cho chàng, hai là những người thân thích của

chàng đều biết rằng ở nhà quê không có sở bưu chính thì dẫu có gửi điện tín, tin cũng chẳng tới mau hơn gửi thư mấy tí.

"Hay là..."

Hạc không dám đoán nữa, vội vàng bóc tờ giấy xanh ra, vội vàng quá đến nỗi, rách mất một mảnh chỗ có chữ, chàng phải chắp lại để đọc. Bỗng chàng phá lên cười, sung sướng nói một mình:

– Trời! Có thế mà phải gửi dây thép! Rõ phí tiền!

Người đội trạm mỉm cười, hỏi:

– Thưa, ông có tin vui mừng?

– Phải, tin vui mừng. Thôi chào ông, tôi xin về.

– Còn báo với thư của ông nữa cơ mà!

– Thế à?

Hạc bỏ các thứ vào túi áo tơi rồi bắt tay người đội trạm, nhảy lên mình ngựa giật cương phi nước kiệu lớn về nhà.

Bảo đứng chờ ở hiên, giơ tay vẫy khi thấy chồng tới cổng.

– Anh ơi, về mau còn sửa soạn đi ăn cưới.

Hạc xuống ngựa, hỏi:

– Ăn cưới? Cưới ai thế?

– Cưới con gái bác Nhật.

Hạc lơ đãng:

– Bác Nhật? Bác Nhật nào thế nhỉ?

– Rõ hỏi lẩn thẩn quá! Bác Nhật mà anh không biết à? Thầy cái Ngải ý mà!

Hạc cố lãnh đạm:

– Thế ra cái Ngải đi lấy chồng rồi đấy! Mới mấy tuổi ranh mà đã chồng với con!

Bảo đăm đăm nhìn Hạc như để dò ý tứ. Hạc thoáng thấy và chợt hiểu liền nói chữa:

– Thôi thế thì bác Nhật cũng thoát được cái nợ.

Rồi nhận thấy câu bình phẩm của mình vô nghĩa, chàng hỏi lảng:

– Nó lấy ai thế, em?

– Cũng lấy người trong hàng ấp. Con bác nho Đông.

– Phát, phải không? Ừ, hắn ta cũng khá đây. Vậy Bảo đã nhận lời đi ăn cưới?

– Vâng, em đã nhận lời. Không biết mừng họ cái gì được?

– Chà chẳng gì bằng tiền, cứ mừng họ một hai đồng bạc, phong giấy đỏ, như đám cưới cái Phẩm ngày nọ.

Hạc đứng ngẫm nghĩ mỉm cười. Chàng nhớ lại những bữa tiệc cưới nhà quê mà chàng đã cùng vợ đến dự. Những mâm cỗ với món giò bì nhai dòn sần sật, món chả sụn, cái chìa xương để cầm quấn giấy đỏ, với bát mọc, miến để dài lòng thòng và bát nước xuýt xao váng những mỡ.

Có lần, người ta lại biết theo cách sang trọng thị thành đem hạt dưa, thuốc lá ra mời khách hay xa xỉ hơn nữa, tìm cô đầu quê đến hát. Hạc từ chối không biết cầm trống chầu, người ta liền bảo cô đầu hát chúc mừng chàng bằng những câu hãm rượu ngọng líu, hay ca những bài hành vân sang nam giọng xẩm chợ. Hạc phải cố giữ nghiêm trang và đưa mắt ra hiệu bảo vợ đừng cười để khỏi làm phật lòng người tá điền.

Những hôm ấy về nhà, Hạc nhại lại giọng cô đầu cho Bảo nghe và hai vợ chồng cười chảy nước mắt, vui thú và sung sướng.

Vì thế, hôm nay bác Nhật đến mời đi dự tiệc cưới con gái, Bảo nhận lời liền và nghĩ ngay đến những bộ xống áo mớ bảy mớ ba của cô dâu và các cô phù dâu.

Nhưng nàng thất vọng khi Hạc sực nhớ ra, bảo nàng:

– Không thể đi ăn cưới được, mình ạ.

– Vì sao ?

– Vì chúng ta phải về nhà.

Bảo hoảng hốt:

– Về nhà?

Rồi nũng nịu:

– Em chịu thôi.

– Em không muốn về làng Đống thăm thầy mẹ?

Bảo mỉm cười:

– Về Đống à? Sao anh không nói ngay, lại nói về nhà? Em cứ tưởng về thăm thầy.

Hạc thở dài, vì chàng thương cha và nghĩ người đàn bà đã đến chiếm đoạt địa vị của mẹ chàng. Có lẽ Bảo cũng hiểu thế, nên vui vẻ âu yếm nói lảng:

– Về Đống làm gì thế, Hạc?... Bảo chả muốn về tí nào!

– Phải về chứ! Thầy mẹ làm tiệc mừng anh An kia mà. Đây này.

Hạc đưa Bảo xem tờ điện báo. Bảo lẩm bẩm đọc, rồi ngơ ngác hỏi chồng:

– Ồ! Anh tài nhỉ. Chỉ có ba chữ "hăm hai về" mà anh biết thầy mẹ làm tiệc mừng anh An thi đỗ?

Hạc cười:

– Thế mới tài chứ!

Thực ra chẳng có gì lạ. Ông án Báo đã viết cho Hạc một bức thơ, nhưng sợ chàng nhận được chậm quá, lại gửi luôn một cái điện tín. Ai ngờ ở vùng quê, việc đưa thư không mau chóng, nên tín điện và tín thư Hạc nhận được cùng một lúc.

Bảo xem xong thư đưa trả lại cho chồng và buồn rầu nói:

– Thầy mẹ đặt tiệc mừng làm gì thêm phiền!

– Sao lại phiền? Vả đó là cách nhắc các bà con gái nhớ tới đại gia đình.

Hạc mỉm cười chua chát, nói tiếp:

– Các cụ chỉ sợ con đi lấy chồng thì thoát ly ra ngoài gia đình mất! Bầy ra tiệc thế để cha mẹ, anh em, chị em được sum họp một nhà.

Bảo thở dài:

– Được xum họp một nhà để hiềm khích châm chọc lẫn nhau.

Hạc phá lên cười:

– Khá! Em cũng biết thế?

– Thì anh không thấy chị huyện với chị...

Hạc ngắt lời:

– Anh đã bảo em đừng gọi thế. Em còn phân biệt thế không trách được. Tên anh ấy là Viết, thì sao không gọi chị ấy là chị Viết, hay muốn thân hơn, gọi chị ấy là chị Phụng? Sao lại cứ gọi chị ấy bằng cái chức của anh ấy? Em không nhớ chỉ vì thầy mẹ cứ gọi bằng chức tước nên hai chị mới thù ghét hiềm khích nhau? Vì nghe

cái tiếng xưng hô "chị huyện" to hơn, kêu hơn, sang hơn cái tiếng xưng hô "chị tú" nên chị Nga mới tức, mới bắt chồng đi học để làm quan, em đã hiểu chưa?

Bảo, giọng tự phụ:

– Thế thầy vẫn gọi em là "cô Hạc" đấy nhé, em có tức đâu?

– Em không tức là vì... là vì em không có tính ghen ghét. Ừ, việc gì mình phải ghen ghét, phải không em... Đã biết đâu các chị ấy không đáng ghen ghét với em?... Vả, em đã được mẹ tôn lên chức "cô đốc" kéo lại, phải không?

Bảo hơi gắt:

– Mình nói lôi thôi quá! Vậy chúng ta về chứ?

– Phải về chứ! Không về sợ thầy mẹ buồn. Các cụ già yếu ta cũng nên chiều. Vả anh An tử tế với vợ chồng mình lắm, về mừng anh một tí.

– Nhưng em thấy hai chị hằn học nhau, em khó chịu lắm.

– Vậy em nên khuyên hai chị hòa thuận với nhau.

Bảo trợn mắt:

– Trời ơi! Khuyên can! Có thánh khuyên can nổi.

Hạc buồn rầu bảo vợ:

– Chúng ta cứ về. Hễ vui vẻ thì ở chơi nhà vài ngày, còn nếu có chuyện hiềm khích thì ta xin đi ngay, nói bận việc là được rồi.

– Nhưng về bằng gì bây giờ?

– Bằng ô tô chứ bằng gì.

– Ô tô! Cái ô tô tã ấy mà mình định vác về nhà?

Hạc thản nhiên hỏi:

– Thì sao?

– Lại còn thì sao nữa? Mình thử ngẫm xem đứng bên hai cái ô tô của anh Viết và của anh An, nó có khác gì một thằng ăn mày rách rưới đứng bên hai ông hoàng không?

Hạc vẫn thản nhiên, ôn tồn bảo vợ:

– Mình lại bì tị, ganh đua mất rồi! Đã bảo chúng ta chỉ sống cho chúng ta thôi kia mà. Chúng ta có sống để được kẻ khác ngắm nghía, khen ngợi, tưng bốc đâu! Nay em mới để ý đến những sự hơn kém nhỏ, biết đâu rồi em không để ý đến những sự hơn kém lớn và

bắt anh đi học ra làm quan như chị Nga? Và chàng thở dài, buồn rầu nhìn vợ. Bảo yên lặng cúi đầu, nói khẽ:

– Em xin lỗi anh. Em vô tình thốt ra câu nói ấy, chứ thực em không so sánh, bì tị gì đâu... Em chỉ biết em yêu anh, và yêu công việc anh làm.

Hạc cười thẳng thắn làm lành:

– Rõ anh cũng trẻ con quá, bắt bẻ em từng tí. Thôi, anh xin lỗi.

Rồi cùng vợ đi sửa soạn hành lý.

*

* *

Cái ô tô cổ của Hạc tới làng Đống thì trời đã xế chiều. Trẻ con trong các xóm bên đường kéo nhau ra reo mừng chạy theo. Một đứa nói:

– Chúng mày ạ, cái xe này không đẹp bằng xe của quan huyện.

Một đứa khác đáp:

– Xe của quan huyện với xe của ông cử đẹp hơn nhiều chứ. Cái xe khổ này bì sao được.

Rồi mấy đứa vỗ tay reo:

– A ha! Ô tô khổ!

Hạc vừa lái xe vào cổng, vừa liếc vợ, mủm mỉm cười.

Bảo cũng cười.

– Xe của mình mà chúng nó dám gọi là xe khổ!

Hạc yên lặng cho ô tô vào sân đỗ ngang hàng với cái xe mới, sáng bóng của Viết, và cái xe đã nhàng nhàng, nhưng còn chững chạc bề thế của An.

Hai, ba người nhà chạy ra chào rồi mang các hành lý vào trong nhà.

Vừa bước tới sân trong, Bảo đã nghe tiếng om xòm ở dưới nhà ngang. Nàng toan rẽ xuống, nhưng Hạc bảo hãy lên nhà chào cha mẹ đã.

Trông thấy vợ chồng Hạc, bà Án nói ngay:

– Cô đốc đã về đó. Sắp sửa mà cãi nhau tay ba.

Ông Án cười nói tiếp:

– Cho nó ra tam quốc giao tranh.

Hạc hơi chau mày tỏ vẻ khó chịu, vì chàng nhận thấy cha mẹ vợ vẫn bình tĩnh hồn nhiên đối với sự chia rẽ hiềm khích của các con. Chàng đưa mắt nhìn Bảo để khen thầm: "Thực mình đoán không sai!".

Để chồng ngồi tiếp chuyện ông Án, Bảo xin phép xuống nhà chào hai chị. Trông thấy em, Phụng và Nga cùng vui mừng, quên cả đôi co nhau. Hai người xưa nay vẫn yêu mến Bảo. Vả cũng hơi ngượng với nàng vì thấy nàng không to tiếng với ai bao giờ.

Phụng hỏi:

– Chú có về không, cô?

– Thưa chị có, nhà em đang hầu chuyện thầy me.

– Thế thì vui vẻ quá nhỉ! Đông đủ cả mọi người.

– Vậy thưa chị, anh Phương với hai anh đâu?

– Nhà tôi đi chơi đâu, tôi cũng chả rõ nữa, còn cậu tham, mợ tham vừa đi Hà Nội rồi.

Nga muốn tỏ với em rằng mình không giận chị, liền ôn tồn trả lời:

– Anh huyện với nhà em đến thăm bác Hàn.

Thực ra, từ khi An chịu đi học, nhất là từ khi chàng thi đậu, Nga rất chịu nhịn. Có lần bị Phụng mắng như tát nước vào mặt, nàng cũng chỉ đứng im. Sự yên lặng của nàng như thầm đáp lại chị: "Được, để chồng tôi ra làm quan đã, rồi hãy hay".

Nàng cố vờ nhẫn nhục, đến nỗi nhiều lần được mục kích cuộc tranh luận của hai người, An cũng phải lấy làm tức tối, khó chịu và thốt lời bênh vực vợ. Có khi chàng lại đem lòng thương hại Nga nữa. Chàng lo rằng Nga bị Phụng khinh bỉ, đè nén là vì người chị tưởng chỉ làm bà huyện là có thể nhất thống ở trong một gia đình, là có thể nói tệ ai thế nào người ta cũng phải cắn răng chịu ép một bề.

Nghe chồng ngỏ ý kiến, Nga mừng thầm. Mục đích nàng cũng chỉ cốt khiêu khích chồng, gợi lòng phẫn uất của chồng, khiến chàng không chịu để Phụng bắt nạt mình một cách vô lý mãi, giương mãi ra với mình cái chức bà huyện, bà quan. Từ đó, Nga càng chịu đóng vai lép vế đối với người chị lăng loàn mà trước kia nàng vẫn chẳng coi ra gì, và nàng đã tìm hết cách để lấn át.

Trong ba năm ròng, nàng chỉ trông thấy có một điều, để cả ý muốn, mong ước tinh thần vào có một điều: chồng ra tri huyện. Bao nhiêu việc khác là phụ, là không đáng kể. Nàng cho cái tri huyện của An là cái chìa khóa mở hết các việc đời, cả hạnh phúc của nàng nữa. Nàng tự nhủ: "Khi nào chồng mình làm tri huyện thì chị Phụng sẽ hết lên mặt với mình, thì thầy mẹ sẽ vì nể mình, thì trong họ, ngoài làng ai ai cũng sẽ kính trọng mình, lúc đó mình sẽ về chơi nhà luôn như chị Phụng, chứ sợ gì! Được, rồi sẽ biết". Và nàng sung sướng cười thầm.

Về phần Phụng thì nàng nghe cái tin An xin vào trường Đại học, như tiếng sét đánh ngang tai. Nàng cho An mày mò muốn ra làm quan là chỉ vì bị Nga thúc giục. Từ đó nàng sinh ra thù ghét em gái. Trước kia cô em gái chỉ có thể đem cái tú tài suông của chồng ra khoe khoang và kình địch với cái bằng thành chung của Viết. "Nhưng khi chồng nó cũng tri huyện như chồng mình thì hẳn nó còn lên mặt, lên mũi!".

Song nàng còn hy vọng. Phải, mới xin vào trường Đại học, chứ đã tri huyện đâu mà sợ. Và mỗi năm nàng lại ngóng đợi cái tin thất bại của An. Nhưng trái lại, mỗi năm An một lần lên lớp và thi ra lại đỗ đầu. Ngày được tin đắc thắng cuối cùng của An có lẽ là ngày khổ sở nhất trong đời Phụng. Nàng khổ sở quá đến nỗi phát khóc và phải trốn vào nằm trong phòng ngủ. Chiều hôm ấy nàng bỏ cơm, nói dối chồng rằng mình đau bụng.

Nàng đem theo về Đống lòng căm tức, chí quả quyết "sửa tội" cô em gái đã dám tấp tểnh lên ngôi bà huyện như mình.

Nga biết vậy, nên từ chiều hôm trước, nàng đã thản nhiên không tưởng gì đối đáp lại chị, dù chị ngược ngạnh đến đâu cũng mặc. Nhưng nàng không tránh mặt chị. Đó là cách đối phó yên lặng để chọc tức kình địch. Và nàng coi Bảo như người làm chứng cho sự đắc thắng của nàng: Sự đắc thắng bao giờ cũng lặng lẽ. Om xòm là biểu hiện của sự thất bại.

Bảo đưa mắt nhìn hai người, để ý đến nét mặt hầm hầm của Phụng và dáng điệu lãnh đạm của Nga. Rồi vui vẻ hỏi:

– Hai chị cùng nhau vừa thuyết lý về vấn đề gì đấy?

Phụng vứt con dao xuống thớt, đáp:

– Thuyết lý gì! Ai thèm thuyết lý với các người. Nhà có việc mà

bây giờ mới dẫn xác về. Có ngồi thái mực đi không?

Bảo cười:

– Xin vâng. Em xin lỗi hai chị. Chúng em về mừng hai chị hơi chậm một tí, hai chị tha thứ cho.

Nga giọng bình tĩnh và cố làm ra thực thà:

– Tiệc mừng là mừng anh huyện đấy chứ, nhà tôi thì đã có gì đáng mừng!

Cặp mắt Phụng đỏ ngầu như bùng lửa. Nàng thét:

– À! Cô lại nói thế à? Cô làm như thầy mẹ không tưởng đến vợ chồng cô! Cô có nhớ sáng hôm nay đông đủ dân làng, thầy nói gì không?

Nga vờ nhún nhường, cãi:

– Ô hay! em có biết gì đâu!

– Cô không biết? Cô không biết? Điêu đến thế là cùng!

Bảo hỏi:

– Vậy thầy nói gì thế, chị?

Phụng, giọng run run như muốn khóc:

– Thầy bảo... thầy nói... thầy nói mãi đến việc thi đỗ của chồng cô ấy. Rồi thầy khoe mãi cái trường đại học, cái bằng tú tài của chú ấy. Cô có hiểu thầy làm thế là nghĩa lý gì không?

Bảo ôn tồn đáp:

– Chị nóng nẩy quá. Thì thầy cũng phải giới thiệu con rể với họ, với làng chứ.

Phụng gắt:

– Không phải thế. Thầy chỉ cốt hạ nhà tôi xuống thôi. Ai chả biết nhà tôi không đỗ tú tài. Ai chả biết chú ấy học trường Đại học, còn nhà tôi chỉ học trường Pháp chính.

Bảo vui vẻ phá lên cười:

– Rõ chị hay lôi thôi quá! Pháp chính với đại học thì khác nhau cái gì? Vả lại anh sắp thăng tri phủ rồi, thì anh An theo sao kịp, dù anh ấy được bổ tri huyện nay mai.

Rồi để tôn hai chị lên, nàng nhún nhường nói tiếp:

– Các anh quan phủ quan huyện cả. Còn nhà em chỉ làm

ruộng, chân lấm tay bùn. Nhưng ai có việc nấy phải không, hai chị!

Nàng lại không quên cho hai người kia một bài nhã nhặn:

– Ngày nay chúng ta yêu mến nghề nông quá. Thì ra, hai chị ạ, bất cứ mình theo nghề gì, hễ mình yêu nghề mình thì bao giờ mình cũng sung sướng.

Nga nhìn em, thở dài, vì nàng nhớ tới hơn tuần lễ nàng ở chơi trên đồn điền Hạc. Nàng như nhận thấy lờ mờ rằng hạnh phúc của người đàn bà là một điều rất phiền phức, khó hiểu... Vụt hiện ra trong trí nàng đôi thiếu niên tự do, giản dị, khỏe mạnh, sống giữa một bọn làm ruộng mà mình yêu mến. Cái mộng ấy bị xóa liền: Chồng nàng vừa về và chỉ trông thấy chàng là Nga tưởng ngay tới cái mộng khác to tát hơn, chắc chắn hơn, thiết thực hơn: cái mộng làm bà huyện nay mai.

Bữa tiệc chiều hôm ấy là bữa tiệc gia đình. Khách khứa đã mời cả vào buổi sáng. Bà Án sung sướng, vui vẻ hết khen tài làm việc của anh huyện, lại khen đến học vấn uyên bác của anh cử, để được lòng hai con gái mà bà biết vẫn ghen ghét nhau. Lòng ghen ghét ấy không những bà không tìm cách ngăn cấm, bà còn cố lợi dụng nữa. Nga khuyên được chồng xin học nữa để làm quan, bà cho là một kết quả của sự ghen ghét. Mà sự ghen ghét ấy có là nhờ ở tài khôn khéo của bà đã biết gây nó, biết nuôi nó. Nhưng bà vẫn còn hiềm còn tức về nỗi người con rể thứ ba đương học "đốc tờ" lại bỗng dưng bỏ về làm ruộng. Vì thế, hôm nay bà chỉ tìm dịp để giở cái khoa khuyến miễn lạ lùng của bà ra. Bà hỏi Hạc:

– Đồn điền của anh về hạt nào nhỉ, tôi quên khuấy rồi đấy.

Bảo đỡ lời chồng:

– Thưa mẹ, ở hạt Bắc Giang, thuộc phủ Lạng.

Bà Án cười mát quay ra bảo Viết:

– Anh chong chóng thăng tri phủ rồi xin đổi lên phủ Lạng Giang mà trông nom bênh vực cho em.

Hạc nghe bà Án nói khích chỉ mỉm cười nhìn vợ. Nhưng Viết cố giấu lòng tự phụ bằng một câu nhũn nhặn:

– Bẩm mẹ, con đâu dám thế. Các ông chủ đồn điền như chú đốc, thì quan nào cũng kính nể, con phải bênh vực gì nữa?

An lại chêm một câu:

– Các ông ấy bênh vực quan thì có. Vì làm bậy mà các ông ấy xúi dân kiện thì chỉ có một việc...

Bà Án cáu kỉnh ngắt lời:

– Cậu An ăn nói mới lỗ mãng chứ! Quan là cha mẹ dân, dễ mỗi lúc mà con kiện được cha mẹ!

Chưa cho câu bà nói là đủ, bà còn thêm:

– Sao các cậu, các cô không kiện tôi đi?

Phụng sung sướng cười thầm vì thấy kẻ kình địch bị cự. Nhưng làn không khí tẻ lạnh đã bắt đầu bao bọc lấy mọi người, và ai nấy chuyện trò rời rạc cho đến cuối bữa.

III

– Toa lại cho chạy bài "*les gars de la marine*" hộ.

– Trời ơi! Vặn mãi bài ấy nghe lính tẩy quá, chán cả tai.

– Thì sao? Bà ấy mới biết nhảy, vặn bài ấy cho dễ. Lúc giỏi rồi tha hồ.

– Thì vặn bài ấy cho dễ!

Tiếng đàn nhịp mau, điệu dồn dập. Kế liền tiếng hát giọng oang oang. Ba cặp ôm nhau nhảy lượn trong gian phòng khách khá rộng, vì người ta đã dẹp cả bàn ghế lại sát ven quanh tường.

Bà huyện Huyên, trong tay chồng, coi có vẻ thành thạo lắm. Nàng biết khiêu vũ ngay từ khi chồng còn làm tham tá phủ Thống sứ. Bà lại chịu khó luyện tập: Chẳng thứ bảy nào không cùng chồng hay đi một mình về Hà Nội nhảy ở những nhà người quen. Vì thế những buổi tiệc có khiêu vũ trong quan giới thế nào người ta cũng đón cho bằng được vợ chồng nàng, và chiều hôm nay vừa dự định họp nhau lập cuộc vui ở nhà ông kỹ sư Tòng, một người đã nhớ cho ngay ô tô đi mời, dù đường khứ hồi xa gần hai trăm cây số.

Muốn tỏ cho mọi người biết cái tài khiêu vũ của mình, khi đi gần một cặp khác, bà Huyện giơ chân đá sẽ vào đùi vợ một bạn đồng nghiệp của chồng và mỉm cười nói:

– Nhảy xoàng thế à?

Thực vậy, hai người đàn bà kia bước đi còn ngập ngừng, lúng túng,

thân thể còn chưa được ngay thẳng, cân đối, nhất vẻ mặt còn bẽn lẽn, thẹn thùng, có lẽ một phần vì chưa quen nhảy với bạn chồng.

Một người là vợ kế một ông Phán đã đứng tuổi: Tuy người chồng trước là một viên quan binh Pháp, nàng cũng mới nhập tịch làng khiêu vũ được vài tháng nay. Nàng nói tiếng Pháp thạo nhất đám, thạo hơn cả bà huyện Đoàn, người đã theo chồng sang ở bên Pháp hai năm. Nhưng tiếng Pháp của nàng chỉ là một thứ tiếng nàng đã tự chế ra, để dùng với người Pháp, vì thế, người An Nam nghe rất khó hiểu.

Còn người nữa, bà huyện tập sự Linh, linh hồn của nhiều buổi dạ yến: Không phải vì nàng thạo khoa xã giao, nhưng trái lại, vì tính tình ngây thơ, nhất là cái nhan sắc ngây thơ của nàng làm cho ai nấy được cười đùa vui vẻ.

Nàng là con một ông chánh tổng giàu sụ ở thôn quê, lấy chồng người làng bên từ năm mười sáu. Thời ấy chồng nàng đương theo trường Đại học và nàng hãy còn hoàn toàn là một cô gái quê với cái áo tứ thân, với chiếc xống lụa dài và rộng, với cái thắt lưng đũi ngả màu xanh thiên lý. Sau năm sáu năm, bao lần nàng biến đổi, từ cô gái quê tới cô gái không quê nữa, rồi nay tới cô gái tân thời với cái quần tây trắng xếp nếp, bộ răng đều đặn và mái tóc rẽ lệch rất xinh.

Người ta bảo nàng rằng đó là cách giữ cho chồng khỏi có tình nhân thì nàng cũng nhắm mắt làm theo, chứ quả thực nàng không ưa thích mà cũng không biết ưa thích mùi xa hoa như phần đông trong đám vợ con bọn đồng nghiệp của chồng nàng. Chỉ ngắm cái bước khiêu vũ mà nàng đã khó chịu luyện tập vì biết chồng ham mê, cũng đủ nhận thấy rõ rệt cái cốt cách quê mùa của một cô gái quê mùa miễn cưỡng theo mới. Vì vụng về thì đã đành rằng vụng về, nhưng mới rời rạc làm sao, ngờ nghệch làm sao! Hình như nàng chỉ cốt nhảy, cho chồng bằng lòng, thế thôi.

Linh rất yêu nàng, vì cha nàng giàu cũng có, nhưng nhất là vì nàng đẹp, cái đẹp thùy mị mà tính cách ngây thơ càng làm nổi bật lên. Nàng thốt ra một câu dớ dẩn, người ta chỉ cho là có duyên, vì ở miệng một người đẹp, lời nói gì mà không có duyên? Cho đến chữ "fatiguée", chữ độc nhất nàng dùng để từ chối một cuộc khiêu vũ với người Pháp, người ta cũng nhận thấy ngộ nghĩnh.

Ngồi chống tay vào cằm, bên cái bàn con thấp để giáp tường, bà

phủ tư pháp, một người đàn bà ngoài ba mươi, hai gò má dưới vết phấn hồng càng lộ ra, nổi hẳn lên. Chợt nghĩ đến món "tây học" của người bạn xinh đẹp mà ai ai cũng phải để mắt tới, nàng mai mỉa cất tiếng hỏi:

– Nhảy dẻo nhỉ! Fatiguée chưa?

Một dịp cười đáp lại lẫn trong tiếng hát và điệu "foxtrot" ầm ỹ.

Rồi âm nhạc ngừng, tiếng kim còn rè rè quay trong lòng đĩa nhựa. Huyện Môn, người lịch thiệp, nổi tiếng tay chơi ở Paris, đưa vợ huyện Linh về chỗ, rồi cúi đầu chào.

– Nó giở mãi lễ phép của nó ra, trông chướng quá.

Đó là lời bà huyện Huyên thì thầm bảo chồng.

Bà chủ nhà loắt choắt trong bộ y phục kiểu mới, căng sát ngực, lắt nhắt như một con chuột chạy từ chỗ nọ đến chỗ kia, hoặc rót thêm trà mạn sen, hoặc để mời một cái bánh bích quy. Đến bàn có bà huyện tập sự đương ngồi nói chuyện với chồng và hai người bạn đồng liêu của chàng, bà hỏi:

– Thế nào, học đã tấn tới chưa?

Không hiểu đó là một câu mai mỉa, bà kia thật thà trả lời:

– Thưa bà chị, đã khá, em đã bắt đầu học những câu vấn đáp ngăn ngắn.

– Bà chị có định theo đạo Thiên chúa không?

– Ồ không, không khi nào. Học chữ Tây thôi chứ, em có học sách đạo đâu?

Cả bàn phá lên cười. Bà Linh ngơ ngác không hiểu sao người ta lại cười, đưa mắt nhìn từ chồng cho chí đám bạn chồng. Nàng phân trần:

– Thật đấy mà, bà "sờ" chỉ dạy em học vần Tây với nói tiếng Tây thôi. Hiện em đương học những câu đối đáp trong phòng khách.

Rồi nàng cố uốn lưỡi nhách môi nói luôn mấy câu:

– Avec plaisir madame, monsieur; merci, madame, deux morceaux seulement, madame.

Tiếng cười chế nhạo càng to.

Linh thấy vợ nói ngớ ngẩn mãi sinh ngượng, liền chữa thẹn cho nàng:

– Giá mình lên giữa sân khấu đóng vai đần thì chắc được thính giả hoan hô lắm đấy.

Người vợ toan cãi, nhưng liếc nhìn cặp mắt nghiêm khắc của Linh, nàng im ngay. Nàng loay hoay tìm hiểu cái cử chỉ lạ lùng của chồng. Thì chính chàng bắt nàng theo mới, mặc quần áo kiểu mới, cạo răng, nhuộm móng tay, chính chàng ép nàng đến học chữ Pháp một bà tu hành có tuổi. Sao nay chàng lại có vẻ mặt căm tức? Thực nàng không hiểu.

Tòng vừa chọn được một đĩa "tango" mới và đương đứng lên giây máy hát, thì một cặp ẩy cửa bước vào.

– À! An!

– Sao giờ mới đến? Phải phạt.

An mỉm một nụ cười mỏi mệt:

– Phạt gì thì phạt đi. Nhưng mời các ngài cứ nhảy, tôi xin nghỉ một lát đã.

Rồi An và Nga đến ngồi ở bàn vợ chồng Linh, vẻ mặt cùng chán nản, buồn thiu. Linh hỏi:

– Hai bác ở dinh cụ lớn Tuần đến, phải không?

An gật.

– Tổ tôm?

An lại gật.

– Được hay thua?

– Hòa.

An ngước mắt nhìn đồng hồ treo, nói tiếp:

– Gần mười hai giờ rồi, nghỉ khiêu vũ, thôi chứ?

Nga cười nhe hàm răng trắng:

– Mình làm như ở Hà Nội không bằng! Ở các tỉnh thì cần gì giờ.

An uể oải:

– Ở đâu thì cũng phải để cho hàng xóm láng giềng ngủ chứ!

Bà chủ nhà đã tiến đến, tay cầm hộp bánh:

– Hai bác xơi lót dạ cho khỏi buồn ngủ rồi đi một bài cho vui.

– Xin cám ơn bác.

Tòng cho máy hát chạy, rồi đến vỗ vai An, hỏi:

– Thế nào, bác gái đã bắt đầu tập khiêu vũ chưa? Vẫn chưa?

– Vẫn chưa.

– Nhảy giỏi thế mà chịu để bác gái không biết nhảy? Hèn quá!

Nga cười:

– Thưa bác, đó là lỗi tại tôi. Tôi không thể nào học được...

– Khó gì! Phải không, bà Linh?

Người đàn bà bé nhỏ, xinh đẹp mỉm nụ cười thẳng thắn:

– Vâng, chả khó gì sất cả, chỉ việc người ta đưa đi đâu thì đi theo đấy, cốt đừng dẫm vào chân người ta là được.

Linh cười, ngắt lời:

– Vì thế, mình nhảy mới chẳng ra hồn.

Tòng vội cãi:

– Bà nhảy khá lắm rồi đấy chứ.

An lãnh đạm đánh diêm châm xì gà hút, rồi khoanh cánh tay sau đầu thở phụt một làn khói đặc lên trần. Thấy vậy, Nga khéo chữa:

– Xin các bác tha thứ cho nhà tôi. Hôm nay nhà tôi như người không có linh hồn. Ai lại ban nãy ở trong dinh cụ lớn Tuần, nhà tôi ngáp lắm cái kêu to, làm tôi đến phát ngượng.

An lim dim cặp mắt nhìn vợ và cáu kỉnh gắt:

– Cụ lớn Tuần!... Thì cần gì!

Nga đưa mắt nhìn quanh, lo lắng. May lúc ấy Linh người làm việc trong buồng giấy cụ Tuần đã đi ra chỗ khác, và vợ chàng đương mải tiếp chuyện một người đến xin nhận lời cùng nhảy nên không để ý tới câu nói của An.

– Cậu chỉ bậy! Hôm nay không biết cậu làm sao thế?

Tòng vốn là bạn thân của An, ghé tai chàng thì thầm mấy câu. Chàng liền đứng dậy lại chỗ bà Huyên ngả đầu chào:

– Bà cho phép chúng tôi được hân hạnh...

Người đàn bà đưa một cái liếc nửa trách móc, nửa chế nhạo:

– Đốt anh đi! Hân hạnh với chả hân hạnh!

Rồi nàng đỡ lấy tay An. Vì hai người cùng thạo môn khiêu vũ, nên họ vừa bước vừa nói chuyện không cần chăm chú đến dịp đàn như kẻ khác.

– Hoài quá, ông không đến sớm! Ban nãy lão lục lộ cũng có đây. Hắn nhảy xoàng. Còn kém ông xa.

An lơ đãng hỏi lại:

– Bà thấy thế à? Thực hân hạnh cho tôi quá.

– Lại hân hạnh! Làm thế nào bắt được lão phủ San nó học nhảy nhỉ?

An cười:

– Ai lại bắt đức Khổng nhảy đầm bao giờ!

– Bao giờ cho trong quan trường còn rặt phái mới cả! Gớm! Ngồi đánh rượu tì tì với ngâm thơ suốt ngày, thì ai mà chịu được?

– Cứ gì phải cổ mới thế. Bà có biết Chính ở Phúc Yên không? Đấy, chẳng xuất thân trường Đại học là gì? Mùa rét khoác cái áo bông sù sù, mùa hè thì lúc ra công đường chỉ mặc phong phanh cái áo cánh lụa để hở cả... bụng.

Rồi An thở dài:

– Nhưng có lẽ cứ thế cũng phải. Chơi bời lắm chỉ tội khổ thân nhiều!

Vợ Huyên giọng trang nghiêm:

– Ấy, cấm đạo đức đấy!

Âm nhạc ngừng. An đưa người đàn bà đến bên chồng nàng, nói:

– Xin nộp trả phu nhân.

Lại một lần bà chủ rót thêm nước trà mạn nóng và mở hộp bích qui khác đi mời một vòng.

Nhưng ai nấy đều mệt nhoài. Câu chuyện mỗi lúc một thêm uể oải. Và âm nhạc bắt đầu làm cho vài người phải chau mày khó chịu.

*

Nga ngồi trong xe, trông ra phía trước mặt: Rặng thân cây trắng ở hai bên vệ đường lần lần hiện ra và chạy lướt theo luồng ánh đèn "pha" để biến vào đêm tối. Nga để ý cố ngắm từng gốc, hình cong, hình thẳng, hình người vươn tay và cố đếm từ một cho tới nghìn gốc.

Bỗng xe gặp cái hố chồm lên. Nga kêu một tiếng khẽ, rồi quay lại nhìn An: Chàng vẫn gục đầu vào một góc nệm, nằm ngủ, tiếng

ngáy đều đều. Bất giác nàng thở dài, nghĩ thầm: "Nhảy cho lắm vào!"

Cảnh khiêu vũ lúc ban nãy lại hiện ra. Trong làn ánh sáng đèn pha, Nga mơ màng như thấy từng cặp ôm nhau nhảy lượn. Nàng mỉm cười tự nhủ: "Khiêu vũ kể cũng chẳng khó. Vả cứ như lời An thì học qua vài lần đã tiềm tiệm biết nhảy. Nhưng không sao mình tưởng tượng được rằng một người đàn bà lại để người khác không phải chồng mình ôm mình trong tay họ".

Nàng ngồi cười một mình. Thích chí, nàng toan lay chồng dậy nói chuyện, nhưng lại sợ chồng gắt. Nghe tiếng ngáy mệt nhọc của An, ở trong xó tối, Nga tưởng ngắm cái vẻ mặt cau có, đôi lông mày díu lại, mấy nét chun lõm sâu xuống ở trên sống mũi: "Người đâu mà khó chịu!". Nàng toan bật đèn điện trong xe để xem lời phỏng đoán của mình có đúng không, vì đã nhiều lần ngồi ngắm chồng ngủ, nàng thấy mặt chàng nhăn nhó, nặng xịu như mặt một người khổ sở.

"Khổ sở!" Nga nhớ những buổi nhiều việc, hay những khi gặp sự khó khăn, An thường vò đầu vò tai than thân khổ sở. "Hừ! Khổ sở! Làm quan mà còn khổ sở thì làm gì cho không khổ sở?"

Và ngẫu nhiên nàng nghĩ đến hai vợ chồng huyện Huyên, vợ chồng huyện tập sự Linh: "Sao mà người ta sung sướng thế? Người ta chẳng bận việc quan à!". Nga cho lấy nhau chẳng qua là tại số phận cả. Người ta tốt số lấy được người chồng dễ dàng, dễ bảo, còn nàng số phận chẳng ra gì nên lấy phải người chồng ương ngạnh, gàn gàn, dở dở: Đó là ý tưởng nàng gợi ra để tự an ủi, mỗi khi nàng thấy hạnh phúc của nàng, của gia đình nàng bị lung lay. Mà nó bị lung lay kể đã nhiều lần, từ khi chồng nàng bước chân vào con đường sĩ hoạn: "Thấm thoắt gần sáu năm rồi!"

Lần đầu, một sự việc xảy ra khi An mới được bổ tri huyện tập sự trong phòng giấy tổng đốc. Một hôm Nga thấy chàng ở dinh về, vẻ mặt buồn bã chán nản. Mãi chiều nàng mới có dịp hỏi biết duyên cớ. Thì có gì đâu: bà tổng đốc cho anh lính hầu trà ra bảo "thầy huyện" vào "cụ lớn bà" truyền.

An lấy thế làm một sự nhục nhã cho mình, vì chàng cho rằng chàng làm việc quan thì có liên can gì tới bà tổng đốc mà bà lại truyền với bảo. Nhưng chàng cũng vào và, đứng trước mặt người đàn bà hách dịch ngồi vắt vẻo trên sập gụ, tự nhiên chàng trở nên

nhút nhát tuy trong lòng vẫn tức tối. Nay Nga còn tưởng trông thấy cái vẻ mặt hầm hầm tức giận của chàng khi chàng thuật lại câu chuyện.

Ngay chiều hôm sau, Nga ra hiệu khách mua hai hộp bánh bích qui và bốn chai rượu sâm banh hảo hạng, rồi, không bảo cho chồng biết, vì sợ chàng cản trở, nàng vào dinh nói vừa ở quê lên, có chút quà mọn vào hầu cụ lớn bà.

Nàng được tiếp đãi trịnh trọng lắm. Cụ lớn gọi người nhà và dặn đi dặn lại rằng lấy trà sen pha nước mời bà huyện xơi, rồi nhất định giữ bà huyện ở lại ăn cơm chiều. Nhưng trước khi có cơm, cụ lớn truyền chia bài, đánh mấy ván tài bàn đã để chờ "cô huyện Toàn" và "mợ tham Trân".

Nga mới biết đánh tổ tôm và đánh rất thấp, nhưng không dám chối từ. Vì An, nàng đã mạo hiểm lặn lội vào nơi nguy hiểm để mua chuộc lòng cụ lớn, chẳng lẽ nàng lại không quả quyết hy sinh vài chục bạc tài bàn cung phụng! Nhưng may, cụ lớn thấy nàng lên bài lúng túng, ngượng nghịu úp khăn, úp yêu xuống chiếu, nên trước còn nhìn bài, dạy bảo quân ăn quân đánh, sau gọi một anh người nhà truyền đứng mách bài giúp bà huyện.

Hôm ấy, cả tài bàn lẫn tổ tôm, Nga được hai đồng. Cụ lớn cười bảo nàng rằng cờ bạc hay chiều người mới. Nhưng từ đó chẳng mấy tối thứ bảy, chủ nhật, có khi cả ngày thường nữa, nàng không được tìm vào dinh hầu tài bàn, tổ tôm cụ lớn bà hay cụ lớn ông. Và sau gần hai năm tập sự của An, nàng đã tốn vào đó hơn hai nghìn bạc. Món tiền ấy, nàng chẳng hề tiếc bao giờ, và ngày nay nhớ tới, nàng vẫn dửng dưng: "Chẳng qua cần phải tiêu thì tiêu! Nếu chồng mình khôn khéo mềm mỏng như người ta, thì cũng chẳng đến nỗi. Khốn nhưng ngày ấy hắn ương gàn chết đi được".

Phải, ngày ấy mới bước chân vào hoạn giới, An thực có quá nạn sự cứng cỏi của mình ra. Nhưng từ khi được bổ nhiệm đi tri nhậm một huyện nhỏ thì chàng đã bớt ngớ ngẩn, bớt thực thà, nhất là hiểu thế nào là làm quan.

Dẫu sao, công việc của Nga vẫn còn nặng nhọc. Giá nàng có tính lên mặt lên mũi như người ta, và khoe khoang với họ hàng rằng cái tri huyện kia là của nàng, thì nàng cũng không ngoa lắm. Thực vậy, không những nàng đã bắt được chồng đi học, nàng lại còn che chở, bênh vực chồng trong khi làm việc quan nữa.

Không một cơ hội nào có lợi mà nàng chịu bỏ qua: An ra tri huyện được hơn một năm thì trong hạt có một huyện lớn sắp khuyết. Chính nàng đã cầy cục cho An đổi sang huyện ấy. Cầy cục là một việc rất dễ đối với nàng. Khiến được chồng nghe xuôi cái lý thuyết của mình đó mới là việc khó. Phải, đương ở huyện nhỏ, ít công việc, nhàn rỗi hơn, lại cầy cựa xin đổi sang một huyện lớn để bận hơn, nhất huyện mới ấy lại có tới gần ba chục cây số đê. An gắt hỏi vợ:

– Vậy để làm gì thế?

Nga thở dài:

– Cậu thực thà quá đi mất thôi. Cậu lại còn hỏi tôi để làm gì nữa. Thì người ta đi làm quan ai chẳng muốn thăng từ huyện nhỏ lên huyện lớn, từ huyện xấu lên huyện tốt.

– Nhưng có thăng đâu, tôi vẫn tri huyện hạng ba như trước.

– Thì vẫn, nhưng mà to hơn.

– Phải, to hơn bốn tổng, và sáu chục làng, ba bốn vạn dân đinh.

– Ừ, thì hãy thế.

– Hãy thế để làm gì?

– Khổ lắm, cậu đừng trêu tức tôi nữa đi!

An im lặng. Chàng đoán hiểu vì sao Nga muốn chàng đổi đến một huyện lớn. Nàng cho rằng ở một hạt rộng và đông dân đinh thì công việc tất nhiều hơn, bổng lộc chắc sẵn và dễ kiếm hơn. Ở huyện trước túng bấn quá, tháng nào cũng phải phụ tiền nhà mới đủ tiêu, nàng cho ngay rằng vì chồng nàng trị nhậm một hạt vừa nhỏ vừa nghèo. Nàng có biết đâu rằng chỉ vì An đã thề nhất định không ăn tiền.

Hết năm đầu, tính nhẩm qua, thấy số tiền nhà phải phụ lên tới bốn nghìn, An đã hơi lo lắng, rồi càu nhàu oán trách vợ: “Trời ơi! Ra làm quan để tiêu lạm vào gia sản mỗi năm bốn nghìn!” Vì thế, lời thề nhiều phen đã bị phạm tới hay cố ý bị quên nhãng.

Những khi anh lý trưởng, thầy chánh tổng đem ít nhiều đến tạ ơn, An không từ chối nữa. Nhưng trông thấy cuộn giấy bạc để trên bàn, chàng vẫn còn ghê tởm, ghê tởm đến nỗi không dám mó tay tới, chỉ cầm cái thước kẻ gạt mạnh vào ngăn kéo, rồi vội vàng đóng sập lại. Chờ tan hầu, chàng lạnh lùng bảo Nga:

– Ngăn kéo bàn giấy có tiền đấy, mợ cầm lấy mà tiêu.

Chàng chỉ nói thế thôi, mà Nga cũng không cần hỏi tiền ấy là tiền gì, vì nàng thừa biết nó ở đâu ra.

Một hôm chừng không giữ nổi trong thâm tâm cái cảm tưởng của mình về sự ăn tiền, chàng đem câu chuyện ra kể với vợ. Nga cười ngất khi nghe chồng nói cầm cái thước kẻ gạt tập giấy bạc vào ngăn kéo.

Hôm nay ôn tới câu chuyện vô lý, nàng còn phải bật lên tiếng cười.

An thức giấc, hỏi:

– Cái gì thế? Đến nơi chưa?

– Chưa. Bật đèn lên nhé?

– Bật đèn làm gì?

– Thôi vậy.

An lại gục đầu xuống ngủ, Nga thở dài, tự nhủ thầm: "Mà nào có phải không biết làm việc quan đâu! Vẫn được quan trên khen ngợi đấy chứ".

Nàng lờ mờ thấy rằng quá muộn rồi, quá muộn cái chính sách lấy tiền làm giàu như kẻ khác rồi. Không phải vì An vụng, không biết ăn lễ, nhưng vì thanh liêm đã thành một thói xấu của chàng, đã thành cái nết mà ai ai cũng biết rằng chàng có.

Nga còn nhớ một lần chàng phát tức, phát bẳn, ngâm ầm nhà câu thơ Kiều:

Thân lươn bao quản lấm đầu!
Tấm lòng trinh bạch từ sau xin chừa.

Nga liếc mắt nhìn chồng, và hãy còn sợ hãi.

Hôm ấy, An ở tỉnh về huyện, vẻ mặt lạnh lùng. Đến bữa, Nga mời chàng vào nhà trong ăn cơm, nhưng chàng kêu đau bụng, rồi ngồi bàn giấy viết một bức thư dài.

Biết rằng đã xảy ra việc quan trọng, Nga gạn hỏi để biết sự thực. Chàng chỉ thở dài đáp vắn tắt:

– Tôi xin đổi.

Nga kinh ngạc hỏi lại:

– Xin đổi?

Lãnh đạm, chàng nói:

– Nếu không xin đổi được thì xin thôi... thôi hẳn... xin về.

Mãi sau An mới đem sự thực kể cho vợ nghe.

Chiều hôm ấy chàng ngồi hầu chuyện ông và bà tổng đốc. Bà này đã cự chàng một câu ngang tai quá: "Tưởng cho ông đổi sang một huyện tốt thì ông phải chịu khó làm việc quan, chứ ai lại ông cứ giao hết các việc cho bọn thừa phái... ông ở đấy cũng bằng phí đi thôi... Thà tìm một huyện nhỏ mà đổi cho người ta".

Ý nghĩ rõ rệt lắm rồi. Ở một huyện lớn, giàu mà không chịu lấy tiền như An thì thực là phí cả cái huyện lớn giàu ấy đi.

Nga loay hoay một đêm để tìm hiểu lời nói của bà tổng đốc. Và nàng hiểu. Chẳng thế, chiều hôm sau, nàng lại vội vã lên tỉnh hầu cụ lớn bà, và được cụ lớn không tiếc một lời răn bảo về cách làm việc quan thế nào cho được lòng bề trên mà vẫn không mất lòng kẻ dưới.

Nhưng tháng sau, An điều đình với một bạn đồng nghiệp ở tỉnh khác để hai người được phép đổi lẫn cho nhau.

*

Ánh đèn "pha" ô tô thu hẹp bề ngang chiếu sáng chói hai dẫy nhà thấp quét vôi trắng lợp ngói và hợp lá. Hình cái miếu con, bên gốc cây đa sù sì, nổi rõ hẳn lên với hai con rồng đắp, sơn màu sặc sỡ.

– Đến nơi!

Xe đi từ từ, rồi sẽ sang bên phải: Tức thì cái nhà chòi trên cổng huyện rực rỡ hiện ra. Và liền lúc đó ba tiếng trống báo dồn dập, hấp tấp, bất thần như cái thức giấc hoảng hốt kinh hãi của người đương chập chờn ngủ gật.

Hãm ô tô rít lên. Hai cái đèn pha dí sát vào đôi cánh cổng gỗ lim và tiếng còi điện kéo dài thúc giục. An mở choàng mắt hỏi:

– Đến nhà rồi?

– Đến nhà rồi. Cậu ngủ một giấc ngon nhỉ?

– Tôi mơ màng cứ tưởng còn ngồi ở nhà Tòng.

Nga cười lấy lòng:

– Tại cậu thích nhảy đầm quá đấy mà.

An cau có:

– Tôi đã bảo mợ đừng gọi là nhảy đầm, quê lắm.

Nga vẫn cười:

– Vâng thì khiêu vũ, khiêu vũ, khiêu vũ.

Cánh cổng nặng nề mở trên đôi bánh xe gỗ kêu ken két. Xe đi vào sân cỏ, lượn quanh mấy cây bàng trồng không hàng lối, rồi đến đỗ ở ngay thềm nhà công đường.

An mắt hấp háy, lảo đảo bước xuống, cái khăn khoác ở cánh tay. Còn Nga thì vẫn tỉnh táo, ngước mắt nhìn trời bảo chồng:

– Hôm nay có giăng, cậu ạ.

Quả thực, trăng hạ tuần lấp ló trong đám lá to bản, và in bóng lù dù mấy cây bàng xuống sân. Nhưng An chỉ nghĩ đến ngủ, yên lặng đi thẳng qua phòng khách, để mặc Nga mơ mộng đứng tựa tường hoa ở hiên công đường.

Gió mát hây hẩy thổi. Sự tĩnh mịch của ban đêm sẽ hoàn toàn, nếu thỉnh thoảng không điểm mấy tiếng trống, tiếng mõ cầm canh rời rạc, buồn tẻ.

Cảnh dịu dàng tươi đẹp gợi biết bao tính tình man mác trong lòng một người đàn bà đã luôn mấy năm sống với một cái ý tưởng độc nhất: Làm bà quan.

Nga cảm động ứa nước mắt, nhưng sự cảm động lẫn buồn và vui, lẫn sướng và khổ ấy chỉ chạy thoáng qua tâm tâm hồn nàng: Tiếng trống cầm canh đã vội kéo nàng tới sự thực. Và nàng lững thững đi vào phòng ngủ sáng trưng dưới ánh cây đèn măng sông.

An nằm trên gường Hồng Kông, hai tay dang thẳng, chân đi giầy "ban" gác lên lưng tựa một cái ghế mây, Nga mỉm cười lẳng lặng tháo giầy cho chồng, rồi buông màn giắt cẩn thận các mép xuống dưới nệm: Đêm khuya, nàng không muốn phiền gọi người nhà lên làm những việc ấy như mọi khi.

Đoạn, nàng vặn tắt đèn và toan đi ngủ. Nhưng ánh trăng chênh chếch in xuống nền gạch hoa bóng chiếc màn ren, rung rinh, nhẹ nhàng...

Bất giác, nàng ra đứng cửa sổ ngắm cảnh vật. Những cây lá lưỡng hổ, những khóm dâm bụt cắt xén lù lù như hình người. Nga rùng mình tưởng tới cái đêm trăng, một đêm khiêu vũ, nàng bắt gặp

An khoác tay tình nhân đi nói chuyện dưới giàn thiên lý. Nàng thở dài nghĩ đến mối tình yêu đã tàn tạ của chồng mình.

Nhưng nàng mỉm cười ngay, và thì thầm tự nhủ: "Mình băm hai tuổi đầu rồi, không phải còn thời tình ái nồng nàn nữa, bây giờ mình chỉ nên nghĩ tới tương lai, nghĩ tới gia đình mà thôi".

Nàng trông thấy rõ rệt con đường tương lai chắc chắn đẹp đẽ. Bây giờ An đương tri huyện hạng nhì, cứ nghe ngóng tình hình thì có thể cuối năm xin được thăng hạng nhất: Chàng vừa đủ hạng hai năm, mà cụ Tuần lại có hứa sẽ cho nốt thực tốt. Ba đứa con trai học ở Hà Nội, thì hai đứa đã xin được vào trường trung học Tây: "Rồi ta sẽ cho chúng nó sang Pháp".

Nga sung sướng nhìn cười với trăng. Nhưng một làn mây xám thoáng chạy qua tâm hồn : Nga nhớ tới nét mặt rầu rầu và những lời nói phẫn uất mà trong lúc chán nản An đã thốt ra ở nhà kỹ sư Tòng. Ít lâu nay, nàng nhận thấy An không được vui, lúc nào cũng như tư lự điều gì...

Và nàng cố tìm hiểu.

Nàng nghĩ ngay đến số tiền hơn hai vạn mà hai vợ chồng đã tiêu hụt vào tài sản: "Nếu chỉ có thế thì cần gì phải buồn! Bỏ ra rồi thế nào cũng có dịp thu vào chứ".

Và nàng tưởng tới mấy người bạn đồng nghiệp của chồng, người nào trước kia cũng nghèo mà nay đã giàu có cả. Đừng nói đâu xa, ngay như Viết mà cha mẹ đã chật vật mới xoay đủ tiền cho ăn đi học. Thế mà ngày nay chàng có tới mấy trăm mẫu ruộng và hai nếp nhà lớn cho thuê ở thành phố Hà Nội.

Vậy, thử hỏi lấy tiền đâu ra mà tậu nhà, tậu ruộng? Tiền lương có hơn trăm bạc thì hẳn tiêu vào việc ăn mặc cũng chẳng đủ.

– Bổng lểnh!

Bất giác Nga thốt ra hai tiếng ấy. Phải, "bổng lểnh". Làm quan mà không trông vào bổng lểnh thì sống làm sao được? Chẳng lẽ ăn cơm nhà, làm việc người?

Nàng nhớ một hôm có nghe Huyên nói với ông lục lộ câu này: "Người lính cảnh sát tây ăn lương ba trăm một tháng. Lương của tôi chỉ có chín chục. Thế mà công việc của tôi nặng nhọc khó khăn gấp mấy công của viên cảnh sát tây". Người Pháp mỉm cười đáp:

"Lương! Các ông có cần kể tới lương đâu!"

Thực vậy, người ta vẫn không cần kể tới lương như thế cả. Chỉ trông vào số lương chín chục thì đến đóng vai thừa phái cũng chẳng xoay xở ra sao được, chứ đừng nói đóng vai tri huyện nữa!

Nhưng sao An lại bắt chước làm như người ta? Không, thế nào rồi An cũng phải đi đến chỗ đó như mọi người khác, đi đến chỗ xoay tiền. Bây giờ kể chàng cũng đã chịu nhận lễ đấy, nhưng chỉ nhận những lễ người ta đem đến tạ, đem đến cho mà thôi. Theo cái chính sách lấy tiền ấy, thì đừng có hòng làm giàu. Không bóp cổ, bao giờ họ chịu há họng kia chứ!

Giữa đêm khuya yên lặng, bao ý tưởng phức tạp kế tiếp dồn dập lấn vào tâm hồn tỉnh táo sáng suốt của Nga. Và nàng trông thấy vạch rõ rệt con đường tương lai có lẽ miễn cưỡng phải theo, nhưng thế nào cũng phải theo đến nơi đến chốn. Sự chán nản của An nàng cho là một sự chán nản nhất thời, mà người ta thường vụt có sau một bữa ăn khó tiêu hay trong một cơn đau dạ dày bất thần...

Tiếng gà gáy sáng bỗng nhắc Nga nhớ tới đi ngủ. Nàng rón rén vào phòng trong, định bụng hôm sau sẽ hỏi chồng để biết sự thực, hết cả sự thực.

Hôm sau là chủ nhật. Mãi mười giờ An mới thức giấc. Nga gọi người nhà sắp khay chén rồi ngồi sập pha trà cùng chồng uống. Nàng lấy làm sung sướng được ngồi bàn chuyện với chồng trong khi nhàn rỗi.

– Thôi, mệt thì hôm nay đừng lên tỉnh nữa.

Sau cái ngáp dài, An đáp lại:

– Không làm gì suốt một ngày kể cũng buồn.

Nga giọng hơi gắt;

– Thì thỉnh thoảng cũng phải nghỉ ở nhà một hôm dưỡng sức chứ!

– Cũng được!

Vừa uể oải nói, An vừa nhìn ra sân, chỉ mong có khách đến chơi.

Ngày chàng mới ra tri huyện, gặp một ông Công sứ quá nghiêm khắc, chàng không dám rời bỏ huyện lỵ, dù là ngày chủ nhật. Những buổi nghỉ việc dài đằng đẵng ấy chàng hết lang thang ngoài sân, ngó ra cổng, lại vào đứng cửa sổ nhìn ra sân. Ai đến chơi với chàng, chàng nồng nàn tỏ lòng quí mến, coi như ân nhân, dẫu người

ấy đang bị chàng ghét ngon ghét ngọt. Rồi chàng bảo vợ bày tiệc long trọng khoản đãi, có khi gọi cả ả đào đến hát nữa. Thời ấy xa lắm rồi!

– Cậu xơi nước! Sao cậu buồn thế nhỉ?

An cười gượng:

– Mợ lạ quá! Lúc nào mợ cũng bắt người ta phải vui hay sao?

Hai người yên lặng nâng chén nước. Bỗng An thở dài bảo Nga:

– Mợ ạ, Canh về hưu rồi đấy.

– Ông Canh, có phải ông Canh bạn cậu không?

– Phải.

Nga kinh ngạc:

– Về hưu! Mới ngoài bốn mươi tuổi mà đã về hưu?

An cười chua chát:

– Nói bị thải thì đúng hơn.

Trong hoạn giới còn ai không biết tiếng Canh, cái anh chàng luôn luôn chiếm đầu lớp từ khi ở năm thứ nhất trường bảo hộ cho tới năm đỗ trúng số một kỳ thi hậu bổ. Thế rồi, từ ngày xuất chính, đóng bền ở chức tri huyện hạng ba, cho tới ngày nay bị thải hồi vì bất lực.

Những mẩu chuyện đời chàng mà người ta thường đem ra kể mua vui cho bữa tiệc tỏ rằng chàng có đủ các nết xấu của một ông quan, và khiến ai nấy phải tự hỏi: “Không biết hắn lạc vào đấy làm gì?”.

Một lần ông Công sứ hẹn chàng đúng bảy giờ hôm sau đến đợi ông ta ở tòa để cùng đi khám một quãng đê. Chàng về huyện đi ngủ sớm, và đặt đồng hồ báo thức ở ngay đầu giường. Nhưng khi nghe chuông gọi, chàng quên bẵng, bất giác đưa tay ra kéo cái hãm lại. Và mãi hơn chín giờ, vụt nhớ ra, chàng mới hoảng hốt đến tòa thì vừa gặp ông Công sứ trở về.

Lại một lần ông Tuần phủ gửi danh thiếp tìm chàng lên tỉnh có việc cần. Đương lúc mải đọc tiểu thuyết chàng mơ màng tưởng đó là thiếp mời dự tiệc, liền hấp tấp gửi thiếp phúc đáp với hai chữ gọn thon lỏn: “Xin kiếu!”.

Cũng có khi sự ngây thơ khờ khạo của chàng làm cho người ta vừa tức cười, vừa cảm động. Một năm nước to , tỉnh sức về cho

chàng bắt năm nghìn phu đi hộ đê. Trước mặt nhân dân, chàng diễn thuyết nói đáng lẽ việc giữ đê là việc của sở lục lộ và dân có quyền đòi tiền công. Nghe mấy lời rất hợp lý của quan, dân phu bỏ ra về cả. Nhưng khi nghe tin chàng sắp bị cách, nhân dân toàn huyện bỗng lại kéo ra đê làm việc, và vì thế chàng được vô tội.

– Người thật thà như thế, làm quan sao được?

An cười bảo vợ:

– Giá mợ đem câu ấy tặng tôi có lẽ đúng. Tôi thấy tôi làm quan là một sự vô lý quá, khờ dại quá.

Nga cũng cười, cố làm ra vui vẻ, rồi nói lảng:

– Mình còn nhớ hồi đến chơi anh huyện Canh không nhỉ?

An không đáp, Nga kể luôn:

– Khổ sở quá, trong phòng khách một cái bàn gỗ khập khiễng, sáu cái ghế mây cũ nát thì một cái ba chân với một đoạn tre buộc lạt. Tôi ngồi phải cái ghế ấy suýt ngã bổ chửng, bà Canh ngượng quá.

An thở dài:

– Đấy, tương lai của chúng ta đấy!

Nga cho đó là một câu khôi hài không đáng lưu ý.

Nàng kể tiếp:

– Lại nước chè thết khách mới thảm chứ! Mùi mốc hôi hăng lên mũi. Mình phải nhắm mắt uống liều...

– Đó là gương một ông quan tốt.

Vừa nói An vừa cất tiếng cười chua chát.

– Muốn là một ông quan tốt chỉ có một cách chịu khổ, chịu sở, chịu thiếu thốn như thế. Chứ mợ tính lương chín chục bạc mà lại đông con như anh Canh, không lấy tiền...

– Không biết lấy tiền thì còn có lý.

– Thì cũng thế.

– Phải không cậu, mình làm ơn cho dân, nó đem tiền đến tạ ơn, việc gì lại không lấy?... Không lấy thì thực ngốc. Đấy như bác Canh có ai thương đâu, quan trên thì ghét, mà dân thì nó khinh.

An nhìn vợ, nói mỉa mai:

– Mợ lý luận lắm nhỉ! Mợ bảo là ơn, kỳ thực mình chỉ làm bổn

phận. Tôi thí dụ một việc cỏn con cho mợ nghe. Bây giờ tôi bắt được một thằng ăn cướp, và tôi có đủ chứng cớ để làm tội nó. Nhưng tôi lại tha nó. Vậy như thế có là làm ơn không? Nó đem tiền đến lễ tôi, tôi có cho là nó tạ ơn mà nhận được không? Nhưng tôi đi hơi xa...

Nga ngắt lời:

– Phải, cậu đi xa quá thực... Như hôm nọ có việc kiện ly dị. Cậu hiểu dụ cho đôi bên đoàn tụ, thằng chồng cảm ơn cậu đem đến tạ ba chục bạc, thế mà cậu cứ chối đây đẩy... Vô lý đến thế là cùng.

An cười:

– Nhưng việc làm của tôi, bổn phận của tôi là phải xử đoàn tụ, chứ tôi có làm ơn, làm huệ gì cho ai đâu?

– Vẫn thế, nhưng không nhận lễ tạ ơn của người ta, người ta sinh nghĩ ngợi, vì tưởng mình chê ít.

– Thì tôi nhận rồi đấy, còn sao nữa? Ăn ba chục bạc của nó thực...

An đứng dậy cau có:

– Làm quan ! Làm quan! Làm quan! Trời ơi! Sao tôi lại làm quan?

Nga bình tĩnh:

– Cậu làm gì mà như người điên thế?

– Thì tôi điên hẳn rồi, chứ còn như gì nữa!

Thấy mắt chồng đỏ ngầu, Nga im lặng ngồi pha nước. Rồi đổi sang chuyện khác:

– Kỳ giỗ ông lần này ta về Đống nhá?

An ngẫm nghĩ do dự:

– Hay thôi, mợ ạ.

– Cố về một tí, thầy mẹ già yếu, về thăm thầy mẹ một hôm.

Nga thở dài nói tiếp:

– Thầy bảy tư rồi đấy, cậu ạ. Nhớ đến tuổi các cụ mà sốt ruột quá.

– Đừng sốt ruột thì vẫn hơn. Cứ yên trí rằng ai già cũng chết. Trừ khi muốn chết trẻ như tôi.

Nga gắt:

– Ô hay, hôm nay cậu làm sao thế này?

An không đáp, lững thững đi ra sân.

*

Một buổi sáng mùa xuân. Xen lẫn vào tiếng chim sẻ ríu rít, tiếng khung cửi, tiếng cối xay ầm ù, từng hồi tiếng hót của con chim chích chòe, luôn luôn bay chuyền từ nóc nhà sang rặng xoan hoa tím nhạt.

Ở hiên nhà ngang, Bảo và mẹ chồng ngồi đánh suốt đánh ống, thỉnh thoảng lại ngửng lên nhìn nhau mỉm cười.

– Ngọc chưa dậy à, con?

– Thưa mẹ chưa. Tối hôm qua cháu nói chuyện với thầy cháu khuya quá.

Những nét dăn trên mặt bà lão sáu mươi giãn ra.

– Thằng bé đến hay!

Rồi hai người lại yên lặng quay guồng xa, như cùng nghĩ ngợi liên miên.

Công việc nhẹ nhàng kia chính Hạc đã khuyên mẹ và vợ làm theo.

Sau khi ông ngoại qua đời, Hạc mời mẹ lên ở đồn điền cho vui. Nhưng chẳng bao lâu chàng lưu ý đến điều này: Hai người đàn bà nhàn rỗi hình như không thể ở chung một nhà được.

Không phải vì Bảo thiếu kính mến đối với mẹ chồng.

Trái lại, nàng rất ân cần chiều chuộng bà, cố yêu bà như mẹ đẻ. Về phần bà Toàn, thì bà cũng rất hiền từ. Những sự ỷ eo, nay tiếng bấc, tiếng chì, mai câu nói bóng nói gió, vẫn không sao tránh khỏi được.

Bất cứ việc nhỏ nhặt đến đâu, Hạc cũng tìm biết thấu cỗi rễ. Trước chàng còn cho rằng mẹ chồng nàng dâu bất hòa với nhau, đó là một tập quán kiên cố trong gia đình An Nam. Muốn êm thấm chỉ có cách: hai người ở xa nhau. Nhưng mẹ đã bao lâu sống trong tình cảnh đau đớn, chàng muốn những năm tuổi tác của bà sẽ là những năm hoàn toàn sung sướng, hay ít ra cũng là những năm bình tĩnh yên vui giữa một gia đình yêu dấu.

Mà Bảo thì không có điều gì đáng chê. Nàng vẫn hết sức giữ đạo làm dâu, tuy hai chữ làm dâu nàng cho không có nghĩa gì hết. Vợ chồng nàng đã lập riêng gia đình thì nàng phải là chủ, còn mẹ chồng, nàng có thể chỉ coi như một bà khách thân yêu, đáng kính

trọng mà thôi. Nàng cũng hiểu như Hạc rằng bà Toàn gắt gỏng, bực tức buồn phiền luôn là vì hằng ngày bà nhận thấy tình mẫu tử đi đôi với tình phu phụ. Trước kia ở cách biệt hẳn, bà không hề nghĩ đến điều đó nhưng nay ở chung một nhà thì tình âu yếm của con dâu như cái gai chọc vào mắt bà.

Hạc đã cố vờ lãnh đạm với vợ để được đẹp lòng mẹ. Nhưng sau chàng lấy làm tự thẹn cái tính tình giả dối ấy: Mình yêu vợ, sao trước mặt mọi người, mình lại không thể đường hoàng biểu lộ tình yêu ấy ra. Sao mình lại không thể giảng nghĩa cho mẹ hiểu rằng bổn phận người chồng phải yêu mến vợ cũng như bổn phận người con phải kính mến mẹ cha.

Nhưng bao nhiêu lời khuyên can ngọt ngào của chàng đều vô công hiệu.

Một hôm chàng đến thăm nhà một người tá điền giữa lúc người ấy đương cãi cọ với cha già. Hỏi ra thì chẳng mấy ngày mà hai cha con người ấy không to tiếng với nhau. Mà duyên do chỉ tại người cha suốt ngày không làm gì, và người con từ khi không được phép dạy đàn trẻ học chữ nho nữa, đã trở nên nhàn rỗi quá, vì bao công việc đồng áng chàng đều phó thác trong tay vợ và bọn điền tốt.

Hạc hiểu ngay rằng sự bất hòa trong gia đình chẳng cứ chỉ đàn bà gây nên; bọn đàn ông ở chung một nhà mà ăn dưng ngồi rồi thì cũng đến tìm cách làm mất sự bình tĩnh của nhau, chẳng khác gì đàn bà.

*

Và Hạc càng tin cái lý thuyết của chàng đúng: Chỉ sự làm việc mới có thể đem đến cho con người một tâm hồn khoáng đạt, để sống một đời khoáng đạt.

Ngày hôm ấy, sau khi hỏi ý kiến mẹ và vợ, Hạc thuê đóng năm cái khung cửi, và bắt đầu các công việc trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải, dệt lụa.

Trước kia Bảo chỉ đọc sách và cùng chồng bàn bạc về cách mở mang trong đồn điền. Nay nghe lời Hạc, nàng chia hẳn thời gian của nàng ra, theo một bản chương trình vạch sẵn: lúc nào đọc sách, lúc nào dệt vải, canh suốt, lúc nào theo chồng đi thăm các nương

chè, vườn cam. Mùa nào việc ấy, quanh năm, không bao giờ nàng buồn phiền vì ngồi rỗi.

Từ đó, không ai to tiếng, nặng lời với ai nữa, vì ai nấy đều vui thích bận rộn với công việc của mình...

Trong tiếng xa vo vo, đều đều, Bảo nhớ lại những ngày đều đều bằng phẳng trải bốn năm ròng. Tuy năm ấy như năm khác, việc làm từng mùa không thay đổi mấy, nhưng nàng không hề thấy buồn tẻ, – khi người ta làm việc, người ta không buồn và việc của người ta không bao giờ tẻ. Hơn nữa, Bảo nhận thấy đời nàng đầy đủ và có một nghĩa rõ rệt: nàng sống để làm việc và giúp ích.

– Thưa mẹ, có lẽ phải mướn thêm người dệt. Mười cái khung cửi dệt vải khổ hẹp mà hai tháng nay chỉ có sáu người làm.

Bà cụ mỉm cười:

– Tùy con đấy, mướn thêm người thì mướn.

– Thưa mẹ, vì mùa nực sắp đến, cần phải có nhiều vải mỏng cho người hàng ấp mặc mát.

– Nhưng con ạ, năm nay có để lại cho họ thì nên tăng giá lên một tí, chứ năm ngoái anh Hạc anh ấy tính giá rẻ quá không đủ vốn.

– Vâng, con cũng tưởng thế. Làm giúp cho họ thì làm, nhưng đừng để ai thiệt vẫn hơn. Năm nay con phải tính sát giá mới được. Mình không ăn lãi thì thôi, chứ thực chả nên cho không. Năm nào đói kém mình cưu mang họ đã đành, chứ năm nay được mùa, dân trong đồn điền sung túc cả.

– Mà Hạc đi đâu ấy nhỉ?

– Thưa mẹ lúc con ngủ dậy thì anh Hạc đã đi rồi. Chừng lại đến đồi Nam.

Bà Toàn thở dài:

– Anh ấy chỉ bày đặt ra công việc cho thêm vất vả, chẳng năm nào là anh ấy không nghĩ ra thứ nọ thứ kia.

– Thưa mẹ, người ta phải bận việc luôn mới sung sướng được. Khu nghỉ mát, nhà con dựng lên ở đồi Nam, khi nào xong thì mẹ với con vui vẻ biết bao! Đàn bà con trẻ trong hàng ấp khi rảnh việc đến đó nghỉ ngơi... Còn gì sung sướng bằng trông thấy ở trước mắt những người dân quê mặt mũi sạch sẽ, quần áo sạch sẽ nô đùa trò chuyện thảnh thơi. Rồi ở các làng khác, họ sẽ theo gương dựng

những nơi nghỉ mát cao ráo như thế cho dân làng. Con nghĩ đến điều đó thì con sung sướng quá.

Thưa mẹ, người ta chỉ có thể sung sướng khi ngắm thấy chung quanh mình mọi người đều sung sướng.

Bà mẹ chồng cười thẳng thắn:

– Sao mà chị nói giống anh thế?

Bảo cũng cười:

– Vâng, con giống như hệt nhà con, thế mới chết chứ!

– Chẳng biết sung sướng cái gì, chỉ biết năm ngoái được bao nhiêu lợi tức anh ấy tiêu cả vào khu nhà nghỉ mát. Mà anh ấy trông coi cái đồn điền này đã tám năm rồi vẫn chưa để dành được mấy tí.

– Thưa mẹ, để dành làm gì? Làm giàu làm gì? Tiền có làm cho người ta sung sướng đâu? Làm cho người ta sung sướng chỉ có những sự sung sướng của kẻ khác.

– Thì vẫn! Như tôi trông thấy anh chị sung sướng thì tôi cũng sung sướng. Vậy anh chị lại không nghĩ đến cháu Ngọc ư? Anh chị không để dành tiền rồi sau này con đàn cháu đống lấy gì mà để lại cho chúng nó, lấy gì mà nuôi chúng nó ăn học?

– Thưa mẹ, khi lớn lên nó cũng làm việc như chúng con thì lo gì nghèo đói. Vậy con thiết tưởng để lại tiền của cho con không bằng dạy nó yêu làm việc và sống một đời hoạt động.

Bà Toàn cười càng to:

– Trời ơi! Chị nói như người diễn thuyết.

– Thưa mẹ, con vẫn cùng nhà con diễn thuyết cho người hàng ấp nghe đấy. Tuần lễ sau, con sẽ diễn thuyết về vệ sinh và cách nuôi con.

Hai người yên lặng dừng tay quay xa, và cùng ngước nhìn con chim chích chòe đương phưỡn ngực cất đuôi hót từng dịp dài. Bảo so sánh cái sung sướng hồn nhiên của mình với tiếng hót vui vẻ của con chim một buổi sáng xuân êm mát. Đời nàng, đời chồng nàng, đời con nàng cứ thế này mãi, ngày nay như ngày mai, tựa tiếng hót mỗi sáng của con chim chích chòe. Nhưng không bao giờ nàng sẽ thấy nó buồn tẻ, chán nản, vì chuỗi ngày kia giống nhau là giống nhau ở chỗ đầy đủ, chứ mỗi lúc, mỗi phút, nàng được hưởng bao sự

mới lạ khác nhau, sự mới lạ của vạn vật và của tâm hồn, nhất là sự mới lạ của tâm hồn. Ban nãy nàng vừa nghĩ tới những bộ quần áo nhẹ mát, lành sạch mà bọn người sống chung quanh nàng nhờ về sự làm việc của gia đình nàng sẽ có nay mai, bây giờ nàng lại chờ mong ngày khánh thành khu nhà nghỉ mát của cả hàng ấp mà chồng nàng đương để hết tâm lực xây dựng: cái vui sướng của nàng mỗi lúc có một màu, một chất khác nhau.

Nhìn ra sân, nàng mơ màng như ngắm thấy bầy trẻ nô đùa trong cái sân cỏ rộng, đứa đá bóng, đứa tung cầu, đứa chạy nhảy. Bất giác nàng kêu lên:

– Thưa mẹ, con sung sướng quá!

– Con điên hay sao thế?

Bảo vẫn mê man với giấc mộng:

– Đời chúng ta đầy đủ, thực là đầy đủ!

– Nhưng có dăm chục cái suốt chị đánh chưa được một nửa. Chị trông đây này.

Bà vừa nói vừa nghiêng cái rổ đựng đầy những ống chỉ đánh xong rồi.

– Ồ, mẹ đánh nhanh mà khéo nhỉ!

Bà Toàn cười:

– Rõ mẹ hát con khen.

– Nhưng mẹ hát hay thì con vẫn phải khen chứ!

– Nhưng cô đánh mau lên cho tôi có suốt dệt vải bây giờ đây. Gần bảy giờ rồi còn gì!

– Xin vâng.

Xa lại chạy, tiếng kêu vù vù, Bảo một tay quay guồng, một tay cầm sợi chỉ làm việc như cái máy. Tư tưởng của nàng vẫn lặng lẽ theo dòng. Nàng sung sướng. Nhưng nàng muốn ai ai cũng có quan niệm về sự sung sướng như nàng, như chồng nàng. Nàng nghĩ đến mẹ chồng thì nàng hơi buồn. Bà cụ, nàng vẫn nhận thấy tốt lắm, hiền từ lắm, thành thực yêu con, yêu dâu, yêu cháu và khoan dung đối với hết thảy những người làm lụng trong nhà. Song nàng cho thế không đủ. Lòng tốt của người đàn bà An Nam thường thường chỉ quanh quẩn trong gia đình: Bao nhiêu tình thương, bao nhiêu tư tưởng âu yếm người ta để cả vào con và cháu. Sao tình thương ấy,

mình không ném tung ra khắp bốn phương, vì sự sung sướng của mình không thể ví như một cái cù lao xanh tốt ở giữa biển khơi đầy sóng gió được. Nó phải như một khu ruộng lúa chín trong một cánh đồng lúa chín lan rộng mênh mông tới bốn phía chân trời.

– Thưa mẹ, chung quanh mình, người ta khổ sở thì mình sung sướng sao được?

– Việc gì người ta khổ sở!

– Vâng, việc gì lại chịu để người ta khổ sở. Bổn phận mình là phải làm cho người ta sung sướng như mình.

– Thì hãy được đến đâu hay đến đấy! Mình có làm vua làm chúa gì đâu mà bảo mình có thể nghĩ đến khắp bàn dân thiên hạ!

Có tiếng gọi "bà ơi!" rồi một em bé xinh xắn khoảng sáu tuổi chạy lại, thỏ thẻ:

– Bà không yêu Ngọc à?

Bà Toàn bỏ vội guồng xa đứng dậy ẵm cháu lên và hôn kêu chùn chụt:

– Bà chả yêu Ngọc thì bà yêu ai?

– Thế sao bà không chơi với Ngọc, bà lại cứ đánh ống ?

Bảo nghiêm nét mặt dạy con :

– Bà đánh ống, mẹ đánh suốt để sắp sửa dệt vải.

– Thưa mẹ dệt vải để làm gì?

– Để may quần áo.

– Ngọc chả mặc áo xấu ấy đâu!

Bà Toàn cười:

– Để may quần áo cho người làm ruộng kia chứ.

– Ngọc nhớn rồi Ngọc cũng làm ruộng cơ, bà cơ.

– Ai bảo cháu thế?

– Thầy mẹ bảo Ngọc thế. Ngọc phát bờ thế này này.

Vừa nói, Ngọc vừa đưa hai tay làm theo điệu bộ người cầm dao phát cỏ.

– Thế Ngọc không học làm quan à?

– Làm quan là làm gì, hử bà?

Bảo nói chen ngay:

– Chết! Bà đừng dạy cháu những câu ấy, tội nghiệp!

Ngọc không hiểu ngơ ngác giương cặp mắt tròn xoe nhìn hết bà đến mẹ.

Giữa lúc ấy có tiếng còi điện ô tô ở ngoài cổng. Ngọc vỗ tay reo:

– Ồ! Thầy đã về!

Bà Toàn và Bảo lắng tai nghe, rồi đưa mắt nhìn nhau.

– Chị Hạc! Anh ấy đi ô tô à?

– Thưa mẹ không, nhà con cưỡi ngựa.

Nàng mỉm cười, nói tiếp luôn:

– Với lại, xe nhà làm gì có còi điện kêu to và hay thế?

Quả thực, một cái ô tô hòm kiểu mới, nước sơn đen bóng loáng, thong thả đang tiến vào trong sân. Bảo chau mày nói nhỏ:

– Xe ai như xe anh Viết.

Rồi nàng dắt Ngọc đi vào trong nhà. Từ ngày Viết lấy vợ lẽ, nàng vẫn tỏ ý tức giận và khinh bỉ chàng. Không phải vì nàng ghen hộ chị, cũng không phải chỉ vì nàng phản đối cái tục đa thê, nhưng vì người vợ lẽ kia đã bỏ chồng và bốn đứa con để theo Viết: người vợ ly dị của San.

Thoa yêu Viết được ít lâu thì trong lòng bỗng nảy ra cái ý tưởng làm bà huyện, làm bà quan. Ý tưởng ấy một ngày một ăn sâu vào tâm hồn nàng rồi trở nên một ý định ngày đêm ám ảnh nàng cho đến khi nàng không thể sống nổi cái đời tầm thường đang sống. Nàng thấy nàng xấu số, thấy chồng nàng bé nhỏ, ti tiện nữa. Nàng than thân, than cái kiếp phụ nữ An Nam bị ép uổng lấy chồng sớm. "Nếu cứ thong thả chờ đợi thì làm gì mình chẳng lấy được chồng quan!".

Một hôm thầy tướng số bảo cho nàng hay rằng thế nào nàng cũng hai đời chồng, và người chồng sau sẽ hơn người chồng trước nhiều lắm. Nàng vui sướng nghĩ ngay đến việc nàng đương muốn làm, nhưng còn phân vân do dự: việc ly dị. Đã một dạo nàng hy vọng San chết yểu, vì nàng thấy San yếu đuối. Nhưng nàng nhận ngay thấy rằng sự hy vọng ấy quá hão huyền.

Việc ly dị của nàng, nàng để hết thông minh, để hết tâm hồn vào, bày mưu, lập mẹo, khổ sở trong một năm ròng, mới thành công. Trước hết nàng làm cho chồng nàng không chịu nổi nàng, hơi

một tí là nàng sinh sự, to tiếng, khóc lóc, chửi bới, đập phá. San bực mình bỏ đi hát xướng, chơi bời. Thấy thế, nàng lại xoay ra tử tế, chiều chuộng. Những hễ San âu yếm nàng và tưởng nàng đã biết hối hận, thì, đâu lại hoàn đó, nàng lại khóc lóc, chửi bới, đập phá.

Cái kết quả tốt đẹp đã được như ý nàng mong đợi: San có tình nhân và đánh nàng có thương tích. Hai cái bằng cớ ấy giúp nàng được kiện ly dị. Thế là lời đoán của thầy tướng số đã thực hiện: Thoa lấy lẽ Viết và trở nên một bà lớn.

Trước Viết còn giấu giếm vợ cả, thuê nhà Hà Nội cho Thoa ở. Nhưng tuy nơi đó rất nguy nga và trang hoàng rất lộng lẫy với những đồ sứ, đồ đồng khuân ở nhà bố mẹ lên, Thoa vẫn chưa lấy làm thỏa mãn, vì chưa được đường hoàng làm bà lớn, sống hách dịch với chồng ở chốn phủ nha. Nàng đem ý muốn ấy ngỏ với Viết.

Viết lo tìm mưu kế. Chàng nói với Phụng rằng Thoa có cái vốn riêng vài vạn bạc và sẽ biếu cả chàng nếu chàng bằng lòng lấy Thoa làm lẽ.

Phụng lồng lên như một con sư tử. Nhưng dần dần nàng dấu dịu, vì thấy chồng quả quyết, vin cớ rằng đã có một gái một trai với người kia. Rồi sau khi vấn kế cha mẹ, chị em, nàng bắt chồng làm tờ cam đoan phải thuê nhà Hà Nội cho vợ lẽ ở riêng, không được để "nó" bén mảng tới phủ và tháng tháng phải nộp nàng một số tiền ít nhất là hai trăm.

Viết ưng thuận ngay và ba hôm sau đưa Thoa về chào Phụng. Hai người đàn bà trước kia chơi bời với nhau, nay bỗng gặp nhau trong một trường hợp, một cảnh huống khó khăn, nên cùng bẽn lẽn ngượng ngùng...

Một năm qua, Thoa vẫn chỉ làm một "bà lớn Phủ" ở Hà Nội, tuy đã nhiều lần nàng ngỏ lời với Phụng rằng nếu Phụng về nhà quê, trông nom ruộng nương nhường cho mình nàng ở phủ với Viết thì nàng sẽ sẵn lòng biếu Phụng một vạn bạc để đền ơn...

Bảo biết câu chuyện nên lấy làm căm tức cho Phụng. Nàng nhìn cái ô tô mới ở giữa sân, lẩm bẩm nói một mình:

– Còn vác mặt đến đây làm gì! Rõ ghét!

Và nàng cố lẩn. Nhưng Viết đã vui vẻ theo Hạc xuống chào bà Toàn. Trước mặt hai người đàn bà không những chàng không giấu giếm việc nhà, mà chàng còn gợi ra nữa. Chàng nói với Bảo:

– Tôi đến thăm chú cô, nhân tiện hỏi chú cô về giá cả ruộng nương và cách thức làm đồn điền trên vùng này ra sao. Chẳng giấu gì cô, tôi muốn tậu một cái ấp ở gần đây cho cô hai nhà tôi.

Bảo im lặng không đáp. Cho là sự lãnh đạm của con dâu có thể gây ác cảm với khách, bà Toàn đỡ lời:

– Thưa ông, làm ruộng vất vả lắm. Đấy ông hỏi em Hạc mà xem. Suốt ngày bận rộn, mùa nào cũng như mùa nào.

Viết cười:

– Thưa cụ, chúng tôi có làm đồn điền thì cũng cho người ta trồng cấy chia rẽ, chứ hơi đâu mà chịu khó nhọc. Quý hồ có tiền nộp thuế mà mỗi năm để dành được ít nhiều! Cứ chú đốc nói chuyện thì có ruộng cho cấy rẽ cũng chẳng kém gì có nhà cho thuê. Mà đối với bọn nhà quê, mình bắt sao được vậy, chứ đối với bọn thuê nhà ở Hà Nội, thì lắm lúc đến khổ, nào tiền trả chậm, nào bớt đầu bớt đuôi, có khi lại không thèm trả nữa. Như cái nhà phố Quan Thánh của cô hai nó nhà tôi cho một người Tây thuê... Thôi thì họ quấy nhiễu đủ thứ, hết quét vôi, sơn cửa lại đảo ngói, thông lò sưởi, mình quanh năm cứ phải bận bịu vào đấy.

Bảo nghe chối cả tai, cố tìm cách tống anh chàng lên nhà:

– Xin mời bác lên phòng khách xơi nước.

Hạc cũng nói tiếng Pháp mời Viết một câu. Chờ hai người đi khuất, bà Toàn hỏi Bảo:

– Vợ lẽ ông ta có phải cái người bỏ chồng ấy không?

– Thưa mẹ, chính phải đấy.

Bà Toàn thở dài:

– Thế thì nhà ông ta rồi không khéo tan nát mất.

Bảo cũng thở dài:

– Chị Phụng thực khổ! Lấy phải người chồng chẳng ra gì!

Bà Toàn chép miệng:

– Chắc nó lại cho ông ấy ăn bùa yêu đấy chứ gì!

Bảo mỉm cười:

– Thưa mẹ bùa bèn gì! Chẳng qua anh ngốt cái gia tài của chị, chị hám cái chức tri phủ của anh. Con chỉ lạ một điều là chị

Phụng con vẫn dửng dưng, bình tĩnh, sung sướng như thường được, và lạ hơn nữa, vẫn yêu mến chồng như khi chồng chưa có vợ lẽ.

– Chà! Bà ấy năm, sáu mặt con rồi, còn cần gì.

Bảo buồn rầu nhìn mẹ chồng:

– Nếu thế thì con chả muốn có nhiều con. Có nhiều con để rồi anh Hạc lại đi lấy vợ lẽ như người ta.

Bà Toàn cười vui vẻ. Bảo cũng cười theo. Bỗng nàng ngồi im, lắng tai nghe: Ở nhà trên vừa có tiếng cười hị hị, giọng cười bệ vệ, tự đắc của một người giàu sang to béo.

Lúc bấy giờ trong phòng khách, Viết đương thuật cho Hạc nghe những khóe khôn khéo của mình. Hết chuyện làm quan đến chuyện gia đình. Hạc nhận thấy Viết rất tự đắc với cái đời đương sống, không phàn nàn một điều gì, không hối hận về một việc gì, dù việc mà chính Viết cũng cho là hơi quá, hay không phải.

Hạc nghĩ thầm: "Anh Viết thực là một người sung sướng. Hoạn giới đối với anh ấy chẳng khác gì nước đối với loài cá. Anh ấy bơi lượn vẫy vùng vui thú ở trong đó, da dẻ một ngày một thêm hồng hào, thân thể một ngày một thêm phì nộn. Chả bù với anh An lúc nào cũng buồn, cũng khổ nên người một ngày một gầy yếu".

Hạc nhìn Viết hỏi:

– Thưa bác, bác gái độ này có được mạnh không?

– Cám ơn chú, nhà tôi độ rầy khỏe lắm, mà người thì cứ béo mãi ra. Đó cũng là cái điềm hay, gần bốn mươi tuổi mà bắt đầu béo, người ta bảo là phát phúc đấy.

Viết cười ầm ỹ, lấy làm bằng lòng về câu hài hước của mình.

– Thưa bác, sao bác gái không đi thăm ruộng với bác?

Viết lại cười:

– Tôi đã nói cái đồn điền này tôi tậu cho cô hai nó nhà tôi. Tiền của cô ấy cả, chứ tôi có gì đâu.

Chừng để Hạc hiểu rằng đó là một câu nói đùa cho vui chuyện, Viết lại cười.

– Vậy cái đồn điền ấy bác đã đến xem rồi?

– Đã. Chú coi đây này.

Chàng mở ra hai mảnh địa đồ cuộn tròn, họa theo tỉ lệ 1:25000,

rồi kháp vào nhau, chàng trỏ một nơi có đánh dấu địa giới bằng bút chì đỏ:

– Vừa đồi vừa ruộng rộng tất cả một nghìn hai trăm mẫu. Riêng về điền bảy trăm mẫu. Thế mà chỉ độ một vạn là họ bán. Tôi đã trả tới tám nghìn rưỡi... Tôi chỉ còn lo ngại một điều: nước độc.

Hạc đem các cách trị nước độc ra giảng, như phát thuốc ký ninh, trồng rất nhiều cây ký ninh lec, bắt người hàng ấp phải ngủ trong màn, nhất là làm cho hết những nơi bùn lầy ẩm thấp. Chàng kể làm thí dụ một việc khai khẩn trong đồn điền của chàng. Chàng có một khu ruộng ở xóm Khe rộng ước chừng hơn trăm mẫu, mà trước kia chàng vẫn phải đóng thuế khống, vì chẳng ai dám đến đó làm ăn. Thửa ruộng kéo dài giữa hai dãy đồi, nên lúc nào cũng úng thủy, và muỗi sốt rét sinh sản rất nhiều, vì ở đó hai loài sậy và cỏ tranh mọc dày như rừng. Không ai chịu đến đấy khai khẩn. Hạc phải ra sức đem người nhà tới phá lấy và phòng bị đủ các cách để tránh khỏi bệnh sốt rét. Sau khi khơi xong mấy cái lạch nhỏ để cho nước lưu thông, tức khắc hơn trăm mẫu đồng lầy trở nên ruộng tốt cả, mà khí hậu đổi ra lành nữa. Hạc kết luận:

– Điều đó đủ tỏ rằng nhà nông không bao giờ chịu sợ nước độc và bệnh sốt rét rừng.

Hạc nồng nàn bàn bạc. Nhưng Viết lãnh đạm, lơ đãng ngồi nghe, thỉnh thoảng lại quay đi để giấu một cái ngáp. Vì làm ruộng, đối với chàng cũng như làm quan, chỉ có một mục đích: mục đích làm giàu. Làm ruộng, đối với chàng là bỏ tiền ra mua một cái đồn điền rồi hoặc giao cho một viên quản lý trông coi, mỗi năm thu một số thuế nhất định, hoặc để các tá điền cấy rẽ, trồng rẽ, rồi chờ mùa gặt hái đến nhận lấy phần hoa lợi của mình. Như vậy thì muỗi và bệnh sốt rét rừng dẫu nguy hiểm cũng chẳng cần gì phải quan tâm đến.

Có một điều Viết hơi lấy làm lạ, là thỉnh thoảng chàng thoáng thấy lộ vẻ sung sướng trên nét mặt, trong cặp mắt Hạc, khi Hạc nói đến những công trình chàng đương theo đuổi để nâng cao trình độ dân cày trong ấp về phương diện vật chất và tinh thần. Viết nghĩ thầm: "Làm gì mà sốt sắng thế! Rõ trẻ con! Mỗi cái dân quê họ sống thế nào xong thôi, để mặc kệ họ là hơn hết. Làm đồn điền mà giở nhân đạo ra thì rồi cũng đến thất nghiệp thôi".

Và chàng mỉm cười, lòng hớn hở vui mừng. Chàng tưởng tới Phụng. Phụng là người hay ganh tị với chị em. Nhưng nay Phụng

hơn họ một cách rõ rệt rồi, chẳng cần phải suy bì nữa. Vì trong hai người em rể thì một anh sống lụi xụi trong một xó điền hẻo lánh, một anh chưa biết lẹt đẹt đến đời nào với cái chức tri huyện. "Còn mình thì sắp sửa bố chánh nay mai rồi!". Nhớ tới An, Viết hỏi:

– Lâu nay chú có biết tin tức gì về chú huyện không?

– Tôi toan hỏi bác.

– Nghe như bây giờ chú ấy thích nhảy đầm lắm.

Hạc nửa thành thực nửa mỉa mai:

– Hình như anh An là một ông quan nhân từ lắm, thấy dân họ khen ngợi luôn.

Viết phá lên cười:

– Nhân từ! Nhân từ nghĩa là gì? Chú có biết Trọng không nhỉ? Đó, cái gương ông quan nhân từ! Không biết làm việc quan, người ta thường gọi là nhân từ!

Hạc lặng lẽ nhìn Viết và chàng nhận thấy câu "không biết làm việc quan" ở mồm người anh rể chỉ có một nghĩa: "Không biết làm tiền".

– Thôi, chào chú, tôi về.

– Ấy, bác ở chơi xơi cơm đã chứ!

– Độ rầy tôi bận việc quan lắm... không thể ở lại được, xin để khi khác. Tôi còn cần phải hỏi chú nhiều.

Rồi chàng đứng dậy cùng Hạc xuống nhà ngang chào bà Toàn và Bảo. Thấy hai người đàn bà chăm chú làm việc, Viết cười:

– Một ngày cụ với cô có dệt nổi một tấm vải không?

Đã sẵn có lòng căm tức đối với Viết, Bảo đáp lại mấy câu chua chát. Rồi chừng để tỏ cho người anh rể biết rằng vợ chồng nàng sống một đời đầy đủ, nàng đem những công việc hợp nhân đạo hiện đương theo đuổi ra nói cho nghe. Đến nỗi khi từ biệt ra đi, Viết hơi ngờ rằng có lẽ vợ chồng Hạc sung sướng thực, tuy sự sung sướng ấy chàng thấy khác xa với sự sung sướng của chàng, của nhà chàng.

*

Xe Viết vừa qua cổng đồn điền và xuống hết con đường dốc thì một chiếc ô tô từ phía dưới tiến đến, có vẻ vội vàng hấp tấp. Nếu

người tài xế của Viết không mau chân dậm hãm và cho đầu xe rúc vào trong một cái quán chợ thì có lẽ đã xảy ra tai nạn. Vì thế người ấy cáu kỉnh thét mắng:

– Mắt để đâu? Mà sao không bóp còi, hử?

Viết vội cướp lời, lớn tiếng nói lấp. Chàng vừa kịp nhận được chiếc Chevrolet của An:

– Có phải chú huyện đấy không?

– Bác phủ đấy?

Cả hai cùng xuống xe, lại bắt tay nhau.

– Chú đến chơi chú đốc?

An hơi ngơ ngác vì không quen gọi Hạc là chú đốc.

– Bác về phủ?

– Phải.

An tưởng nên theo khoa xã giao rủ Viết quay về nhà Hạc để chốc nữa cùng đi một thể, tuy chàng chỉ ước ao được ở lại một mình để nói câu chuyện riêng với vợ chồng Hạc. Chàng chắc thế nào Viết cũng từ chối. Chẳng ngờ Viết lại tò mò muốn biết mục đích cuộc du lịch của An nên nhận lời ngay. Bất giác An chau mày bước lên xe.

– Chú không có tài xế?

An đáp sõng:

– Tài xế của tôi ốm.

Rồi không đợi xe của Viết quay mũi, chàng ấn rú hơi cho ô tô chạy tuốt lên dốc, vào thẳng trong sân ấp. Bảo đang đứng ở hiên nhà ngang vẩn vơ nhìn ra cổng. Nhận ngay được xe của An, nàng vui vẻ cất tiếng gọi:

– Anh Hạc ơi, anh An với chị Nga lên chơi.

Hạc mừng rỡ chạy ra:

– Hôm nay, may mắn cho chúng ta quá nhỉ, cả hai anh cùng đến chơi.

Rồi chàng bắt tay An nói tiếp:

– Anh Viết vừa ở đây ra về, anh có gặp không?

Anh không giấu nổi vẻ mặt buồn, thở dài đáp:

– Có. Anh ấy cũng trở lại kia.

Quả thực, xe Viết đã qua cổng tiến theo sau.

Cả bốn người cùng đi vào phòng khách. Thấy vợ ban nãy

quá lãnh đạm đối với Viết, bây giờ lại quá vồ vập đối với An, Hạc hơi ngượng, quay hỏi để tìm cớ cho sự thay đổi tình hình ấy:

– Bảo làm xong công việc rồi?

Nhìn mắt chồng, Bảo hiểu ý đáp:

– Xong rồi, thế mới chết chứ!

An cười thẳng thắn:

– Động gặp cô là nghe thấy câu "thế mới chết chứ".

– Câu ấy của Hạc đấy chứ!

Hạc cũng vui vẻ cười để cố làm cho mất sự buồn tẻ lạ lùng mà chàng đoán đương chia rẽ hai anh rể:

– Chính thế. Thế mới chết chứ!

– Nhưng bây giờ thì em xin xuống *bếp làm.cơm thôi.*

Chắc lần này anh Viết chẳng từ chối bữa cơm rau của chúng em nữa.

Nghe cô em vợ nêu tên húy mình ra, Viết lấy làm phật ý. Chàng nghiêm trang trả lời như để nhắc Bảo nhớ đến chức tước của mình:

– Thôi, cô đốc ạ, cô cho khi khác, hôm nay quả thực tôi bận.

– Chủ nhật thì bận gì, phải không anh An?

Mải theo đuổi ý nghĩ riêng, An lơ đãng đáp:

– Vâng, chính thế.

Thực ra, chàng không hiểu Bảo hỏi điều gì. Trí chàng đương loay hoay với những chuyện khó chịu đã xảy ra tối hôm trước, khiến sáng nay chàng bực tức đến hỏi ý kiến vợ chồng Hạc mà chàng coi như hai người bạn thành thực, bao giờ cũng ân cần bàn bạc với chàng để tìm ra những điều nên theo.

Đã mấy tháng nay lởn vởn trong đầu chàng một câu hỏi mà chàng do dự nhút nhát không những không dám trả lời, lại còn không dám nghĩ lâu tới nữa. Mỗi lúc nó vừa hiện ra chàng lại cố xóa ngay đi hoặc bằng cách làm việc, hoặc bằng cách nói chuyện hay cãi lý với vợ. Là nên thoát ly ngay ra ngoài hoạn giới mà mỗi ngày chàng một nhận thấy rõ rệt không hợp với tính tình chàng, hay cứ để mặc cuộc đời hiện tại lôi cuốn tới một tương lai mờ mịt.

Hai năm trước, khi bị bà tổng đốc quở trách, An đã một lần tưởng tới đệ đơn xin từ chức. Nhưng đổi về hạt mới được ít lâu,

sự lười biếng của ý nghĩ và sự lãnh đạm đối với cuộc đời khiên chàng quên hẳn được: Chàng uể oải để ngày tháng trôi theo công việc buồn tẻ hằng ngày.

Nhưng lần này đã hơn ba tháng, câu hỏi ấy không một ngày nào không làm cho chàng băn khoăn, hay khổ sở, dù chàng cố trấn tĩnh, cố tự an ủi bằng những triết lý chặt chẽ.

Mỗi một nguyên do của sự băn khoăn ấy mà chàng tưởng tìm ra được đã bị một nguyên do khác mạnh hơn lấn át ngay. Chàng vẫn yên trí rằng sự chán nản của chàng có một nguyên do ở trong công việc, ở những sự thất vọng hay những sự khốn nạn của chức nghiệp mà chàng đã gặp. Nào việc phải chủ tọa lần thứ hai một cuộc bầu chánh tổng tuy lần bầu cử thứ nhất cũng chàng chủ tọa, không một điều gì xảy ra có thể gọi được là không hợp lệ. Nào vụ cướp chàng khó nhọc ra công tra xét trong bao lâu, mà rồi mấy tên đầu đảng cũng được trắng án như thường, tuy chàng đã bắt được nhiều tang chứng. Nào những việc kiện cáo tranh giành phải xử theo ý ông nọ, theo lệnh ông kia... những lời dọa nạt, trách móc, oán giận...

Nhưng bao giờ nghĩ đến những điều đó, An cũng phải bật cười: "Những sự nhỏ nhen khổ sở, nghề nghiệp gì mà không có? Vả lại, trong quan trường, nào phải chỉ có những sự nhỏ nhen, khổ sở. Thế mới chết chứ!".

Phải, ngoài những sự nhỏ nhen, khổ sở, cũng còn có nhiều cái thú, dù là những cái thú thoáng qua và chỉ làm thỏa mãn lòng tự phụ trong chốc lát. An nghĩ đến những hôm về thăm nhà được người trong họ ngoài làng trọng vọng và những lúc ngồi ở bàn giấy chốn công đường được mọi người có việc vào hầu, nhất là các cô thiếu nữ, nhìn bằng con mắt thán phục.

Chàng cho đó là những ý tưởng trẻ con, nhưng cũng không thể không có luôn được. Nhiều khi những ý tưởng ấy lại an ủi được chàng và làm cho chàng thấy bớt những sự gay go trong trường hợp chàng đương ở.

Hơn nữa, ra làm quan, chàng còn được hưởng chút lạc thú gia đình. Ngày nay không những Nga để chàng được yên thân mà còn yêu mến kính nể, sợ hãi chàng. Đó là điều làm cho chàng tự cao tự đại nhất, nhưng đó cũng là điều làm cho chàng thường cáu kỉnh gắt gỏng Nga mỗi khi chàng bực tức với nghề nghiệp.

Vì An như thích rầy rà Nga, và ít lâu nay chàng như chỉ chờ dịp để làm ầm cửa ầm nhà lên.

Hôm trước, tan buổi hầu chiều An chán nản vào nhà trong, định ăn cơm xong lên tỉnh chơi, vì đã trót nhận lời dự cuộc khiêu vũ ở nhà ông thương tá. Thoáng gặp hai người trong họ đứng lấp ló sau cái mành mành nhà ngang chàng liền nặng lời kỳ kèo vợ, cho là vì nàng dung túng họ nên họ đến mãi. Giá cứ để mặc chàng nhăn nhó, phàn nàn mấy câu thì cũng chẳng xảy ra chuyện gì, nhưng Nga quá nhiễm cái tính cách con nhà quan nên phân trần với chồng một câu có vẻ quí phái khiến chàng lại thêm khó chịu hơn. Nàng vui vẻ nói:

– Thì xưa nay ai làm quan mà không thế, ai làm quan mà không bị họ hàng quấy nhiễu? Những ông ấy năm nào không đi kinh lược một vòng những chỗ bà con, quen thuộc giàu sang?

Mắt An đỏ ngầu. Chàng dằn từng tiếng bảo vợ:

– Nghĩa là bà vẫn cho rằng "một người làm quan cả họ được nhờ". Nghĩa là bà vẫn bắt tôi phải lấy tiền của dân để cung đốn đủ mọi người.

Người nói đi một câu, người cãi lại một câu, chuyện thành ầm ỹ. An toan bỏ ra đi, dọa sẽ làm giấy xin từ chức. Nga khóc lóc kể lể lôi thôi. Rồi hai người lại hòa thuận, cùng nhau ôn tồn bàn chuyện tâm sự, An nói:

– Đấy, tôi đã bảo mợ, nghề làm quan không phải là nghề của tôi, mợ không nghe, mợ cứ bắt tôi lăn lưng vào. Mợ tưởng làm quan dễ đấy hẳn?

Nga đáp:

– Thì sao người ta làm được cả. Đừng nói người tài giỏi, đến như những ông ấm dốt, những ông chánh tổng quèn, những kẻ xuất thân làm nho, đi lính, làm giặc, người ta cũng làm được quan, mà làm được quan một cách đường hoàng có danh, có giá nữa...

An ngắt lời:

– Thì vẫn được. Thì vẫn có danh giá. Nhưng tôi không làm được, thế mới chết chứ!

An cười nhắc lại:

– Thế mới chết chứ, giọng vợ chồng Hạc. Nghĩ đến cái đời êm lặng, đầy đủ, sung sướng của chú cô ấy mà thèm!

Chàng đem những điều đã nhận xét được trong đồn điền Hạc ra thuật cho vợ nghe, rồi nói tiếp:

– Nếu mình muốn được thế thì được ngay, có khó gì đâu. Chậm còn hơn không bao giờ. Chỉ việc quả quyết đệ đơn xin từ chức.

Nga vờ suy nghĩ vì nàng đã quả quyết chứ chẳng do dự như chồng, quả quyết sống cái đời bà quan. Nàng ôn tồn bảo An:

– Cậu nói rất phải, người ta làm nghề gì cũng có thể sung sướng được, miễn là đừng đứng núi nọ trông núi kia. Có tính chóng chán nản như cậu, thì biết đâu rằng khi làm đồn điền, hay về quê làm ruộng, cậu lại không thích đi buôn?...

An đã có giọng gắt:

– Đi buôn hay làm gì cũng được, miễn là đừng làm quan.

Nga vẫn ôn tồn:

– Vâng, cậu bằng lòng làm gì là tùy ý cậu. Nhưng cũng phải bàn bạc cho thực cẩn thận đã chứ. Thí dụ, cậu hãy tự hỏi: bây giờ cậu xin từ chức thì sẽ xẩy ra những sự phiền nhiễu gì cho cậu, trước hết, người ta sẽ đồn ầm lên rằng cậu bị kiện về việc tham tang, hay về việc gì khác nặng hơn, nên sợ bị cách phải vội vàng xin từ chức.

An cau có đáp:

– Cần gì!

– Cậu không cần, nhưng tôi cần. Tôi không thể để cậu bị tiếng xấu được. Cậu không cần nhưng bên nhà cậu còn chú già, cậu không nên để phiền lụy đến chú. Bên nhà tôi còn có thầy mẹ tôi, tôi không thể để thầy mẹ tôi buồn bực mà không khổ sở được.

An bật cười:

– Nhưng mình không có tội lỗi gì, can chi phải lo xa thế?

– Thì cậu coi gương ông huyện Kim độ nọ đấy. Tôi chẳng biết ông ấy xin từ quan về việc gì, tôi chỉ nghe người ta đồn ầm lên những câu không hay cho ông ấy một tí nào. Nào, vì ông ấy mê gái, nên từ quan, bỏ vợ. Nào, vì ông ấy lười biếng bị ông công sứ mắng cho một chặp nên thân ở trước mặt bọn đồng liêu nên xấu hổ mà xin từ chức. Họ còn khảo nhiều câu tệ hại hơn thế nữa cơ.

An chau mày:

– Lý thuyết ấy của mợ có lẽ không giữ nổi tôi ở cái chức tri

huyện đâu, vì nếu người ta cứ sợ dư luận thì suốt đời còn quả quyết làm được việc gì?

– Vâng, cậu không sợ dư luận. Nhưng hẳn cậu cũng sợ tôi khổ sở, sợ tôi bị khinh bỉ chứ. Bây giờ cậu còn tại chức, tôi đi đâu người ta cũng vì nể, về làng, ai ai cũng quí trọng. Lúc cậu bỏ quan về nhà thì trong họ, ngoài làng, người ta còn coi chúng mình ra cái quái gì. Tôi không chịu để người ta khinh nhờn cậu được.

– Sao người ta lại khinh nhờn tôi?

– Cậu không coi cái gương tầy liếp trước mắt đấy ư? Ông huyện Thu ở làng ta bây giờ có ai còn nể nang không? Mỗi lần có việc phải lên huyện, chắp tay đứng hàng giờ người ta chẳng thèm mời ngồi. Ở làng thì lèm nhèm, nhem nhuội như một ông lý toét. Cậu có chịu được sau này trở nên một ông huyện Thu không?

An trợn mắt:

– Sao mợ lại ví tôi với ông ta? Ông ta tham nhũng bị cách, chứ tôi có bị cách đâu?

– Nhưng người ta cũng bảo cậu bị cách. Cậu giữ sao được mồm miệng thiên hạ! Đừng nói ai chứ người họ Hoàng đương lăm le cái chức tiên chỉ, họ sẽ phao tin ấy trước tiên để truất ngôi thứ cậu đi, để đương ở cái địa vị cao nhất, cậu sẽ trụt xuống cái địa vị một người bạch đinh.

An phá lên cười:

– Tôi không ngờ mợ cổ đến thế được! Hoài huẫn! Sao chẳng giữ bộ răng đen lại đem cạo trắng đi để làm một bà tân thời giả hiệu!

– Lại anh Viết, chị Phụng, họ sẽ...

Nga còn muốn nói nữa, nhưng An xua tay bảo im để đi ăn cơm cho chàng còn lên tỉnh.

Đêm hôm ấy, An khiêu vũ tới hai giờ khuya, vui vẻ cười đùa thẳng thắn như một người sung sướng, vô tư lự. Rồi sáng sớm một mình, chàng đánh xe đến chơi Hạc, mà chàng thích được cùng bàn chuyện mỗi khi chàng bực tức, chán nản.

Vì thế gặp Viết ở đồn điền, chàng lấy làm khó chịu, nhất là khi thấy Viết lại có ý hỏi dò để biết mục đích cuộc đi chơi của mình.

Đã một lần chàng mai mỉa trả lời:

– Anh tính mục đích của bọn mình thì ở cả việc quan, chứ đến

chơi chỗ bà con thân thích, ngoài cái mục đích thăm nhau, còn có thể có một mục đích gì khác nữa?

Viết hơi ngượng, lặng thinh, vì chàng đến đồn điền Hạc chỉ cốt để hỏi thăm giá cả và cách thức làm ruộng.

Buổi chiều, An về tới huyện, lòng càng băn khoăn, áy náy, phân vân. Suốt mấy giờ ở đồn điền, chàng đã cùng Viết và vợ chồng Hạc đi xem ruộng, nương và các nơi làm việc của những người tá điền và điền tốt. Chàng vẫn còn tấm tắc khen thầm những công trình mở mang của Hạc. Nhất là cái trại nghỉ mát dựng chung cho trẻ con hàng ấp đã khiến chàng phải kính phục người em rể. Chàng tự nhủ: "Trong khi mình do dự không bỏ nổi mà cũng không đương nổi cái công việc buồn tẻ của mình, thì chú ấy đã quả quyết làm theo lòng sở thích của chú ấy". Và câu nói đột nhiên của Bảo trong khi bàn chuyện phiếm về nghĩa đời người còn vẳng bên tai An cùng với dịp cười cười vui tươi thẳng thắn của nàng: "Thực ra, chỉ vì ích kỷ mà ta yêu mọi người khác, mà ta cố gây hạnh phúc cho mọi người khác, vì hạnh phúc của họ tức là hạnh phúc của ta: thấy người ta không sung sướng thì mình sung sướng sao được!"

Câu triết lý ấy chàng cho là sáo và chàng chắc rằng Bảo chỉ theo chồng, đọc ôn lại. Nhưng nó không thể không làm cho chàng nghĩ ngợi, nghĩ đến thân thể mình, đến chức phận mình: Từ ngày ra làm quan, chàng đã gây được nền hạnh phúc cho một ai, tuy câu sáo ngữ "sinh phúc, tác phúc" cho dân, chàng đã luôn luôn được người ta nịnh hót chúc tặng? Chàng thường thấy mấy người bạn đồng nghiệp khoe khoang đã thi ân cho kẻ này kẻ khác mà chàng lấy làm ngượng hộ. Chàng không thể nhịn cười và thốt nên lời mai mỉa: "Thi ân! Còn thi ân sao được!". Chàng nhớ một lần mở một cái chợ, một lần dựng một cái nhà trường, chàng đã bị bọn đồng liêu ganh ghét buộc cho đủ mọi tiếng xấu, nào giả đạo đức, nào nịnh hót quan trên, nào muốn lấy lòng ông công sứ, để mong cuối năm được tự thăng. Một viên phủ, huyện tốt theo sự kinh nghiệm của chàng, là người không bao giờ có sáng kiến, chỉ biết theo mệnh lệnh của bề trên, là người không từng ra ngoài lề lối quan trường.

An về, óc đầy những ý nghĩ hắc ám, và lòng đầy những sự chán nản hằng ngày.

Nga đi lễ chùa vắng, nếu không, An đã trút cả những sự tức tối

lên đầu nàng. Những buổi cãi nhau vô cớ như thế lâu nay đã trở nên thường lắm rồi.

Mấy tập tuần báo ở bên Pháp vừa gửi tới, để trên bàn giấy. Chàng cầm lấy đem vào phòng ngủ nằm xem. Một bài đầu đề "Hạnh phúc của người ta" khiến chàng mỉm cười chua chát: Chàng không thể tin rằng người ta có hạnh phúc. Nhưng đọc dứt bài, chàng cũng thấy đỡ băn khoăn, đỡ bực tức, không phải vì những lời giải quyết vấn đề hạnh phúc, chàng cho là xác đáng, nhưng vì những câu văn hay, sáng sủa, trong trẻo của tác giả, những nhân vật, tình cảnh trong bài làm cho chàng quên được những sự thiết thực, những nhân vật, những tình cảnh trong đời hiện tại trong cái xã hội đáng ghét của chàng.

Và chàng nghĩ thầm: "Không trách nhà văn ấy bảo muốn sung sướng cần phải có lòng vị tha và ham mê đọc sách. Cần phải có cái thú đọc sách!".

Sốt sắng, vui vẻ, An sang phòng giấy rút ngăn kéo tìm quyển sổ mà trong một trang, một hôm nhàn rỗi chàng đã ghi tên mấy cuốn sách hay. Rồi chàng ngồi hí hoáy chép cái đơn mua hàng gửi ngay về một hiệu sách lớn ở Hà Nội: "Phải, mình phải đọc sách, đọc thực nhiều sách!".

Bỗng nghe có tiếng giầy lẹp kẹp ở cửa phòng, chàng ngửng đầu lên: Viên lục sự rón rén, chắp tay vái.

Chàng hơi chau mày, hỏi:

– Cái gì thế? Ngày chủ nhật, phải để cho tôi nghỉ chứ!

Viên lục sự lại gần, thì thầm:

– Bẩm ông lớn, tên Lý Văn Sơn xin vào hầu ông lớn.

– Bảo nó mai thứ hai hãy đến có được không?

Viên lục sự tiếng nói càng nhỏ:

– Bẩm, nó đến về việc... Ông lớn sắp tư bãi dịch.

– Thế sao?

– Bẩm, nó đến kêu ông lớn trông lại cho nó được nhờ.

An gắt:

– Còn nhờ gì? Nó ăn hiếp người ta, chiếm đoạt tiền mandat của người ta, lại còn vô cớ đánh, trói người ta. Thôi, thầy bảo nó ra đi, đừng làm rầy tôi nữa.

Thấy viên lục sự vẫn đứng chắp tay và có vẻ nghĩ ngợi, chàng hỏi:

– Còn gì nữa?

– Bẩm, nó đã lạy van cụ lớn tuần, cụ lớn bảo nó về kêu ông lớn.

An mỉm cười nói:

– Nghĩa là thầy khuyên tôi nên trông lại cho nó thì hơn... Thôi được, thầy cứ bảo nó về đi, rồi hãy hay.

Viên lục sự lặng lẽ đặt lên bàn giấy một cái phong bì màu vàng, rồi vái chào đi ra, vì biết tính quan không ưa mặc cả lôi thôi về các việc tiền nong. Đương lúc cáu kỉnh, An gạt mạnh cái phong bì vào ngăn kéo, không kịp nhìn xem trong có những gì. Chàng lẩm bẩm: "Đó, một sự sung sướng gây cho kẻ khác. Thế chả là vị tha, còn thế nào mới là vị tha? Nó sẽ không bị bãi dịch, mà ta cũng chẳng thiệt thòi gì, có lẽ còn được lợi nữa là khác, vì chắc thế nào trong phong bì chả có tiền!". Và chàng nghĩ đến cái hạnh phúc nhỏ mọn mà người ta mua với một giá quá đắt.

Bất giác chàng mỉm cười, tự nhủ: "Một là ta từ chức, hai là ta phải cố đổi ngay tâm tính, nếu không thì ta đến hóa điên mất!".

Chàng khôi hài nói tiếp "Đọc, đọc sách!". Và lại quay về phòng ngủ, lười biếng nằm mở tờ báo ra xem bên cây đèn măng sông vừa thắp.

Tiếng Nga the thé mắng đầy tớ ở nhà trong, chàng nghe hơi lạ tai, vì đã lâu Nga không gắt gỏng ầm ỹ như thế. Có lẽ nàng chưa biết chồng đã về, nên không tưởng đến giữ gìn.

Tiếng thét mắng bỗng im. Và một lát sau Nga vào phòng ngủ tươi cười hỏi chồng:

– Cậu đã về đấy à?

Mắt không rời trang tạp chí, An đáp:

– Tôi vừa về. Cái gì mà mợ làm ầm lên thế?

– À, chúng nó tệ quá, tôi đi lễ chùa vắng, ở nhà cơm nước chúng nó làm chả sao trông được.

An cười:

– Cần gì trông được, cốt ăn được thì thôi.

Rồi như có một định kiến ám ảnh, chàng nói tiếp luôn:

– Ít lâu nay hễ cứ nói đến chữ "ăn" thì tôi lại hơi ngượng mồm, vì tôi nghĩ ngay tới sự ăn tiền ăn nong.

Nga cố cười gượng:

– Cậu lẩn thẩn lắm. Đừng nghĩ gì có hơn không? Trong nước có hằng trăm ông phủ, ông huyện, dễ người ta cũng nghĩ ngợi như cậu cả đấy hẳn!

An ném tập báo xuống giường, đứng dậy:

– Không nghĩ sao được! Vừa ban nãy nó đã mang đến bắt mình ăn đấy. Mợ sang mở ngăn kéo mà xem.

Trong khi Nga ra phòng giấy, An lẩm bẩm mồm một mình:

– Vô lý! Nó bắt mình ăn sao được!

Nga đã quay về, tay cầm tập giấy bạc:

– Quái, sao có bảy chục thôi.

An cười mỉa mai:

– Hừ! Sao lại có bảy chục thôi, mợ rõ khéo hỏi lẩn thẩn. Nếu chê ít thì mợ trả lại cho người ta.

Nga cũng cười theo:

– Không, ai chê ít! Thấy lẻ loi bảy chục thì hỏi lại thôi.

Rồi nàng lảng ngay sang chuyện khác:

– Hôm nay cậu đánh tổ tôm trong cụ lớn tuần?

– Không, tôi đến chơi đồn điền chú Hạc.

Nga vui vẻ:

– Thế à? Chú cô ấy cùng có ở đồn điền đấy chứ?

– Phải. Tôi gặp cả anh Viết.

Mặt Nga sa sầm ngay lại. Nàng ngồi im, buồn rầu nhìn chồng.

– Đã lâu lắm mợ không gặp anh Viết đấy nhỉ? Bây giờ anh ấy béo ra nhiều... Anh ấy lại khoe rằng chị Phụng cũng đã phát phì, phát phúc.

Nga cười ác nghiệt:

– Người đã đen lại còn béo nữa thì khó coi quá! Được cái vẻ bệ vệ kéo lại.

– Bệ vệ hẳn ấy chứ! Sắp lên bà bố rồi đấy, đừng tưởng chơi.

Nga có vẻ suy nghĩ:

– Cậu ạ, giá cuối năm nay cậu thăng tri huyện hạng nhất thì mấy năm nữa cậu thăng lên chức bố chánh nhỉ?

An cười ngất:

– Ít nhất là sáu năm, mà nhiều nhất là mười lăm năm. Nhiều hơn một bực nữa là không bao giờ.

Nga gắt:

– Cậu thì chỉ được cái hay bông phèng... Vậy sáng hôm nay ăn cơm ở nhà chú Hạc?

– Phải, cả anh Viết.

– Cô Bảo độ này có được khỏe không?

– Còn phải nói! Khỏe mà đẹp ra nữa, da dẻ hồng hào rám nắng.

Nga đoán chồng đến hỏi ý kiến Hạc về việc định xin từ chức, nhưng vẫn thản nhiên không đả động tới. Nàng thừa hiểu bụng tốt của vợ chồng Hạc, nhất Bảo lại đã rõ tình cảnh nhà nàng, chắc chả dám dại dột xui giục chồng nàng từ chức. Nàng còn nhớ một lần cô em gái vui đùa bảo nàng: "Anh chả làm quan, còn làm gì nữa!". Và nàng đã khôn khéo đem câu ấy nói với An.

Bỗng nghĩ đến một điều gì bực tức, nàng mấm môi đột ngột hỏi:

– Bây giờ anh Viết làm bộ lắm, có phải không cậu?

An cười:

– Việc gì anh ấy làm bộ! Mà làm bộ thế nào được?

– Vì anh ấy sắp tấp tểnh lên chức đường quan.

An không trả lời, ngồi trầm ngâm nghe tiếng chiêng tiếng trống thu không. Một lát sau sự yên lặng như đè nén tâm hồn chàng. Chàng thở dài đứng dậy ra hiên chắp tay sau lưng đi đi lại lại. Câu nói mỉa mai của ông tuần phủ mấy tháng trước mà mãi tối hôm trước chàng mới vụt nhớ ra, chàng cho là nguồn rễ sự băn khoăn chán nản của chàng: "Làm quan như thế, thà đừng làm quan có hơn không?". Nay chàng quên hẳn rằng vì cớ gì cụ tuần lại bảo chàng thế. Nhưng cần gì phải có cớ, chỉ biết đó là sự thực.

"Vả lại cũng đáng kiếp cho mình lắm! Ai bảo cứ nghe theo đàn bà! Trước kia mình cho thế là chiều họ, nhưng nay nghĩ lại thì đó chỉ là sự nhút nhát, sự nhu nhược! Sao mình không chiều mình, mình lại chiều họ? Thế là hy sinh à? Không, đó chỉ là sự khốn nạn của một tâm hồn yếu đuối...".

An thấy nhiều nỗi khó khăn, nhiều sự cản trở hiện ra để ngăn ngừa không cho chàng từ chối nổi. Mà sự cản trở mạnh nhất, ghê gớm nhất không phải là Nga, vì nay chàng có thể không cần

chiều Nga nữa, nhưng chính là chàng, chính là cái lòng do dự, rụt rè, lười biếng của chàng. Chàng tự ví như con chim bị nhốt trong lồng, phải có người mở cửa lồng cho mới thoát ra ngoài được. Phải có một sức huyền bí, thiêng liêng mới giúp nổi chàng ra thoát hoạn giới được. Mà cái sức huyền bí thiêng liêng ấy không bao giờ có. Vơ vẩn, chàng tin ở tiền định. Chàng tin rằng muôn việc của người đời đều do số mệnh định đoạt cả.

An không sốt sắng với sự từ chức nữa. Ở đồn điền Hạc về, chàng thấy chàng lãnh đạm với công việc làm ruộng cũng chẳng khác gì chàng tẻ nhạt với công việc làm quan. Ba năm theo học và gần năm năm xuất chính đã tiêu tán hết chí phấn đấu và lòng thích làm việc của chàng rồi. Chàng đã quen trông ngày tháng buồn lạnh trôi đi: "Bây giờ mình về làm ruộng, liệu đời mình có khỏi trống rỗng không?". Chàng thấy bao nhiêu người cáo quan về nhà, rồi lại phải cầy cục xin ra, xin ra ngay sau một thời gian khá dài. "Vậy sau này mình có tránh nổi cái thông thường ấy không? Hay lại làm trò cười cho thiên hạ!".

– Bẩm, mời ông lớn xơi cơm.

An quay lại, ngơ ngác nhìn tên lính lệ rồi thong thả vào nhà trong.

*

Đã luôn hai tháng nay gia đình An vui vẻ, bình tĩnh. Vợ chồng không cãi cọ, không to tiếng. Hơn nữa, không tối thứ bảy và ngày chủ nhật nào An đi vắng. Một lần, ông thương mời chàng lên tỉnh dự tiệc và đánh tổ tôm, chàng cũng từ tạ, nói trong người khó ở. Kỳ thực, không bao giờ chàng khỏe mạnh, ăn ngon, ngủ yên bằng dạo này.

Thấy thế, Nga sung sướng, và càng hết sức âu yếm chiều chồng, nghĩ tới từng cái thích cỏn con của chàng, cố tránh từng cử chỉ, dè dặt từng câu nói mà nàng tưởng có thể làm phật ý chàng.

Nàng mừng thầm, cho rằng cảm lời cầu khấn chân thành của nàng, thần phật đã ban phúc xuống nhà nàng, và đổi hẳn tâm tính của chồng nàng. Nhẩm đọc lại quẻ thẻ xin ở đền Mẫu mà một thầy tướng số đã giải nghĩa rành rọt cho nàng nghe, nàng thấy lời Mẫu dạy đúng lắm: bắt đầu từ năm nay, nhà nàng đắc tài, đắc lộc và đắc phúc. Quả ít lâu nay trong nhà vui vẻ, mà bổng lộc lại tăng bội.

Kỳ thực, trong gia đình nàng chẳng có một sự gì lạ mới xảy ra.

Và sự biến cải của An mà nàng cho là sâu xa, chỉ là một sự biến cải nhất thời: An ham mê đọc sách, nên tạm quên được chán nản, buồn bực, gắt gỏng. Chàng như sống trong những xã hội khác, trong những hoàn cảnh khác. Lại thêm những câu văn hay, những tư tưởng đẹp luôn luôn chiếu rọi vào tâm hồn chàng những tia sáng rực rỡ, vui tươi.

An thích đọc sách đến nỗi biếng nhác hẳn việc quan mà chàng đem giao phó cả cho viên lục sự. Cũng vì thế, số tiền bổng thu được lớn gấp đôi, gấp ba: Viên lục sự vẫn khôn khéo, già giặn, và ráo riết hơn chàng. Đối với tiền, chàng hời hợt, lãnh đạm bao nhiêu thì người kia hăm hở sốt sắng bấy nhiêu. Hình như lấy được nhiều là cái thích đặc biệt của kẻ lại già.

Trưa hôm nay, giữa lúc An ngủ, thầy lục vào nhà trong làm như không biết quan có cái lệ ngủ trưa. Nga đương ngồi rút bức ren trải bàn, nghe thấy tiếng giầy lẹp kẹp liền ngửng đầu lên, hỏi:

– Cái gì thế?

– Bẩm con.

Nga bỏ giá ren, đứng dậy:

– Cái gì thế, thầy lục?

– Bẩm, con đem vào nộp quan...

Vừa nói vừa giơ ra một cái phong bì. Nga mỉm cười:

– Được, thầy cứ đưa cho tôi.

– Bẩm, việc trưởng Tuất.

Nga chẳng hiểu gì nhưng cũng đáp "Thế à!" làm như chồng thường nói chuyện việc quan với mình. Viên lục sự cúi đầu, chắp tay vái, rồi ra liền. Ít lâu nay, nhờ An không lưu ý mọi việc, thầy lục rất được thể, dựa thế quan làm liều. Nhưng muốn giữ được vững bền, không mất lòng tin cậy của bề trên, thầy vẫn nộp tiền nong chu tất, nghãi là việc gì thầy cũng chia cho quan ít ra một nửa. Về việc này, thầy đem tiền đưa cho quan bà, không phải không có một cớ riêng. Thầy sợ quan ông không chịu nhận.

Quả thầy đoán không sai. Chiều hôm ấy ăn cơm xong, Nga ngần ngừ, do dự mãi mới dám hỏi An:

– Trưởng Tuất nào thế, cậu?

An đương mê man với ý nghĩ đoạn văn hay vừa đọc, nên lơ đãng trả lời:

– Trưởng Tuất à?

Nga nói đến phong bì tiền, An mới kịp nhớ ra việc trưởng Tuất chứa đồ ăn cắp. Chàng gắt vợ:

– Mợ biết việc gì mà dám nhận tiền của người ta?

Nga ngượng, cãi:

– Thì tôi biết việc gì. Tôi thấy thầy lục đưa thì tôi tưởng thầy ấy đã nói với cậu rồi.

An lạnh lùng cầm lấy phong bì tiền bỏ túi định sáng hôm sau sẽ trả lại viên lục sự, hai người ngồi yên lặng và cùng suy nghĩ. Bỗng An cười gằn, hỏi vợ:

– Mợ thích tiền?

Nga cố giữ bình tĩnh, đáp lại:

– Thích thì chả thích lắm. Tôi chỉ mong đủ ăn, đủ tiêu để khỏi phải bán ruộng.

An vẫn cười:

– Đã phải bán bao nhiêu ruộng rồi?

– Chả mấy, độ gần trăm mẫu.

Thấy An ngồi im, nàng nói tiếp:

– Nhưng đã hơn năm nay không phải bán nữa.

An lại cười:

– Nghĩa là hơn năm nay tôi đã biết lấy tiền... tôi đã biết ăn tiền, phải không?

Nga nói sẵng:

– Ăn tử ăn tế thì can chi không ăn?

An cười càng to:

– Ăn tử ăn tế như việc trưởng Tuất này phải không?

Bị chồng chế nhạo, Nga muốn khóc, khí uất đưa lên tắc họng. Nàng đứng dậy xuống bếp như để bảo ban người nhà thu dọn dồ đạc, nhưng kỳ thực chỉ cốt để tránh khỏi phải cãi lý với chồng.

Đêm hôm ấy Nga thức rất khuya để rút kíp cái khăn ren trải bàn. Nhiều lúc nàng đặt kim xuống nghĩ lại tới câu chuyện xảy ra ban chiều. Nàng không oán giận An, vì nàng chắc về việc ấy không nên lấy tiền. Nhưng nàng xấu hổ với An. Nàng còn nhớ khi khuyên chồng, giục chồng xin học để ra làm quan, nàng có bảo chàng: "Nhà mình thừa của, cậu làm quan chả cần lấy tiền, chỉ cốt làm nên danh nên giá cho nhà cho họ mà thôi". Nay nàng nhận thấy An như có ý khinh bỉ nàng, cho là nàng chỉ thích tiền.

Đã nhiều lần nàng nghĩ tới những cái cớ khiến nàng muốn An ra làm quan. Nàng không chối cãi rằng vì nàng mà An đã xuất chính. Cái cớ gần nhất, rõ rệt nhất là lòng ganh ghét, tức tối. Nàng thấy bị Phụng coi rẻ, bị bố mẹ coi thường, tự coi như kém chị kém em. Nhưng An ra làm quan được ít lâu, nàng cảm thấy lòng ganh ghét của nàng một ngày một phai nhạt, nhụt bớt, có lẽ vì nàng thấy Viết và An đã cùng là quan cả, nghĩa là đã ngang chức nhau, ngang hàng nhau. Rồi lòng ganh ghét đổi ra lòng thản nhiên lãnh đạm.

Khi Viết được thăng tri phủ, nàng cũng có hơi tức tối và ao ước chồng mình đuổi theo kịp anh rể. Nhưng sau nhận thấy chức tri phủ và chức tri huyện cũng không to gì hơn nhau, nàng lại thôi không suy bì nữa. Trong những bữa tiệc ở trên tỉnh, nàng chẳng nghe thấy các ông phủ ông huyện, tuy chênh nhau hơn chục tuổi, mà thường xưng hô mày tao với nhau là gì! Hơn nữa, nàng thấy có huyện lại to hơn giàu hơn nhiều phủ.

Vì thế, lòng ganh tị, đua chen nhường chỗ cho một sự ham thích khác: Hảo danh. Được người ta tôn là bà lớn, nàng sung sướng. Nhưng lâu dần nàng cũng quen đi và không nhận thấy có sự phân biệt trong những tiếng xưng hô nữa: tiếng bà và tiếng bà lớn nàng nghe không còn khác nhau. Một đôi khi một người trong họ quên nhãng bỏ tiếng bà lớn và đem tiếng dì, tiếng thím ra gọi nàng, nàng đã thấy thường, không lấy làm phật lòng như buổi chồng mới ra làm quan.

Thì ra cái gì lâu ngày cũng quen cũng chán. Lúc chưa được làm bà lớn, nàng khao khát cái ngôi cao quí ấy bao nhiêu thì lúc được rồi, nàng lãnh đạm với nó bấy nhiêu. Ngày nay nghe những bà quan trẻ tuổi bẻ bót một vài bà tham, bà phán bắt dân, bắt người nhà kêu mình là bà lớn, nàng thấy tức cười.

Ngày nay nàng chỉ còn có một chút tự hào: là trong bàn tổ tôm, người ta gọi nàng là bà lớn một cách dõng dạc, đường hoàng, còn khi đem tiếng "bà lớn" ấy tặng một bà phán thì người ta rụt rè, ngượng nghịu, ấp úng, coi như cái chức thông phán không xứng đáng với sự xưng hô kia.

Cái thích thứ ba của người làm quan, nàng cố níu lấy cho khỏi bị thất vọng. Cái thích ấy là cái thích tiền, nàng thấy biết bao ông quan trở nên giàu có, ăn sung mặc sướng, con cái hiển đạt. Nàng cho ai cũng có thể như thế được. Mà được như thế phỏng có khó gì!

Nhưng đó lại là sự thất vọng lớn nhất của nàng: An không chịu khó lấy tiền, không thích lấy tiền, hay không biết lấy tiền như Viết thường mai mỉa.

Không hôm nào nàng trông rõ sự thất vọng ấy bằng hôm nay, khi nghe lời chế riễu của chồng. Rồi nhớ tới số tiền lớn bỏ ra tiêu trong gần mười năm nay, lần đầu nàng tiếc của. Nàng không hy vọng gì vào An để được bằng chị, bằng em nữa: "Một người bỏ đi!". Và nàng thở dài tự nhủ: "Chẳng qua là số phận cả! Nông nỗi này thì chỉ có một ngày một nghèo, chứ chẳng hòng gì lấy tiền mà tậu thêm vườn thêm ruộng, thêm nhà, thêm cửa... rồi lũ con lớn lên. Cho vài thằng sang Pháp là khánh kiệt gia tài".

Nàng nghĩ tới gia đình Trọng. Cái cảnh nghèo túng lại như hiện ra trước mắt nàng với cái bàn mọt, với cái ghế ba chân, với chén nước chè mốc, với đàn con nheo nhóc, ghẻ lở.

"Làm quan như thế thì làm quan làm gì!". Nga bất giác thốt ra lời và văng vẳng trong đêm khuya nàng như nghe thấy câu trả lời của An: "Tương lai của chúng ta đó!".

Sáng hôm sau Nga như đã quên hết những nỗi băn khoăn buổi tối trước. Nàng đã trở lại với sự sống vui vẻ và vô tư lự hằng ngày? Không, nàng chỉ giấu giếm không để chồng đoán biết rằng sự chán nản bắt đầu nhóm ở trong lòng nàng. Ra làm quan, đó là công trình của nàng. Nay nếu chính nàng phàn nàn cái nghề làm quan, thì An còn coi nàng ra sao?

Vì thế, không những nàng không lộ vẻ chán nản mà còn cố đóng vai một người đàn bà sung sướng, hoàn toàn sung sướng.

Ngồi uống nước với chồng, nàng mỉm cười vơ vẩn.

Thấy vậy, An hỏi:

– Mợ như có điều gì thích chí lắm.

– Cố nhiên! Em thì bao giờ em cũng thích chí. Nhất mấy tháng nay em thấy cậu không thở dài luôn mồm, không gắt gỏng vô lý nữa.

An cười:

– Sao mợ biết tôi không thở dài, không gắt gỏng?

– Rõ cậu hỏi ngớ ngẩn! Không thấy cậu thở dài, gắt gỏng thì biết cậu không thở dài, gắt gỏng, chứ còn sao nữa.

Hai người yên lặng như để tìm chuyện mà nói. Một lát, Nga hỏi:

– Cậu đọc nhật trình hôm qua chưa?

– Chưa. Có việc gì lạ?

– Ở Bắc Giang có đám cướp to.

An đáp:

– Cướp ở nước ta thì mấy ngày là không có.

– Nhưng đám cướp to lắm kia. Một bọn hơn ba chục thằng có cả súng ống nữa. Nó giết chết chủ đồn điền.

Không thấy An nói gì, nàng tiếp luôn:

– Làm nghề gì cũng có cái sướng, cái khổ. Đấy, làm ruộng đấy!

An mỉa mai hỏi:

– Vậy làm quan cũng có cái khổ?

Nhưng Nga như không để ý tới lời nói của chồng.

– Tôi nghĩ đến chú Hạc và cô Bảo mà tôi lo.

– Việc gì mợ phải lo! Làm ruộng như chú Hạc thì ai nỡ cướp, ai nỡ giết. Có bóp hầu bóp họng người ta thì người ta mới thù oán dắt cướp về chứ. Mà vị tất đã phải người ngoài. Biết đâu bọn cướp kia lại không chính là bọn điền tốt!

Nga hỏi cho có chuyện:

– Đám cướp cậu bắt được ngày nào kể cũng to đấy chứ. Cái thằng cậu bắn bị thương rồi sau có chết không nhỉ?

– Không.

An đứng dậy, nói tiếp:

– Thỉnh thoảng có đám cướp để mình cất quân đi đánh như thế kể cũng vui. Chứ không thì công việc ngày nào cũng như ngày nào, buồn tẻ chết. Rặt những chuyện kiện cáo, bới móc với những chuyện... tiền nong.

Nga gắt:

– Cậu cứ nói cho sướng mồm! Người ta nghe, tưởng cậu lấy tiền nhiều lắm đấy! Thực ra thì trái hẳn.

Vừa đi lên công đường, An vừa quay lại trả lời vợ:

– Thế thì càng hay!

*

*   *

Từ sang hè, Nga sinh ra mệt nhọc, ít ăn ít ngủ, người một ngày một thêm gầy, vẻ mặt buồn rầu, thờ thẫn.

Để yên ủi vợ, An bảo lúc thời tiết thay đổi ai cũng thế. Và chàng vờ nhăn nhó thở dài, làm như mình khó chịu lắm. Thực ra chẳng bao giờ chàng khỏe mạnh, vui sướng bằng; không phải vui sướng vì cuộc đời đương sống, mà vui sướng vì quên được cuộc đời hiện tại, quên bằng cách ham mê đọc sách, và bằng cách không cho việc gì là quan trọng nữa.

Rồi sợ Nga oán trách mình không thèm trông nom săn sóc tới nàng, An gửi đơn về Hà Nội mua các thứ thuốc bổ, và cố ép nàng uống cho bằng được. Mọi việc ấy chàng chỉ làm để khỏi phải hối hận, để khỏi mang tiếng là người quá thờ ơ, lãnh đạm với vợ.

Về phần Nga thì An bảo uống thuốc gì, nàng cũng nghe theo tuy nàng chẳng tin sự công hiệu của thuốc: Nàng chỉ cốt tránh những câu nói khéo nhạt nhẽo của An. Bệnh nàng thì nàng chẳng lạ. Nó chỉ là cái bệnh mà nàng đã mắc chín mười năm về trước, khi An chưa chịu xin vào trường Đại học: cái bệnh buồn phiền chán nản vì không được toại chí.

Một buổi An vào phòng ngủ bắt gặp nàng đương ngồi tì cửa sổ đăm đăm nhìn cây xoan tây mới nở hoa. Nghe tiếng giầy nàng giật mình quay lại: An thoáng thấy mắt nàng có ngấn lệ liền hỏi:

– Mợ sao thế?

– Chả sao cả.

An lại gần chống tay vào lưng tựa ghế, cố âu yếm mỉm cười:

– Mợ khó ở?

– Không.

– Hình như độ này mợ lo nghĩ điều gì... mà mợ giấu tôi?

Nga hơi có giọng gắt:

– Lo nghĩ quái gì! Người ta có lúc vui thì cũng có lúc buồn chứ!

An cười:

– Mua chuyện quốc ngữ mà xem, hay đánh tổ tôm.

Không thấy Nga trả lời, An lại hỏi:

– Ừ, sao lâu nay mợ không lên tỉnh?... Chắc cụ tuần và bà thương mong mợ lắm đấy... Mai bảo nó đánh ô tô lên tỉnh chơi, mợ ạ.

– Hừ, con mẹ thương tá khả ố chết đi, tôi chơi với nó làm gì!

– Thế à? Tôi tưởng bà ta vui tính đấy chứ.

Nga lặng thinh, đứng dậy lại bàn, uể oải mở giỏ mây nhấc ấm rót nước uống. Nghe chồng nhắc đến bà thương tá nàng thốt ngượng nghịu, thẹn thùng. Người đàn bà Huế ấy trước kia rất thân với nàng, nhưng từ khi ngờ vực chồng phải lòng nàng thì tỏ vẻ hằn học, căm tức, khi bỉ nàng, tìm nói những câu bóng gió để nàng hiểu. Nhưng nàng không lưu ý đến, vì thực ra nàng vẫn thẳng thắn và tự nhiên đối với những bạn chồng. Mãi sau bà thương tá nói bắn tin với một người bạn thân của nàng và người ấy thuật lại cho nàng nghe, nàng mới biết. Từ đó nàng không một lần nào bén mảng tới nhà ông thương tá nữa.

Nghĩ đến câu chuyện ghen tuông vô lý, Nga bật cười bảo An:

– Cậu ạ, cái ông thương già mặt rỗ ấy mà cũng biết tán gái kia à?

An cũng cười:

– Cứ gì trẻ, cứ gì không mặt rỗ mới biết tán gái... Mợ coi, tôi có biết tán tỉnh đâu!

Rồi chàng ỡm ờ hỏi vợ:

– Lão ta tán tỉnh mợ à?

Nga chau mày:

– Cậu ăn nói hay hỉ!

– Thì tôi cũng hỏi thế.

– Kể ra, lão ta cũng hơi chớt nhả, nhất là hay nói bông phèng khi có một vài người đàn bà trong bàn tổ tôm. Con vợ thì bạ ai cũng khen... Khổ sở, khốn nạn!

An càng cười to:

– Thấy vợ ghen, lão ta lên mặt, tự cho là mình có duyên lắm đấy!

– Ra cậu cũng biết?

– Khắp hàng tỉnh còn ai lạ... Không ai như bà Huyên, bà ta biết thế càng trêu già. Lần nào đến dự khiêu vũ gặp vợ chồng lão thương, bà ta cũng xoắn xuýt nói chuyện với ông chồng, khiến bà vợ tức lộn tiết mà không làm gì nổi.

Nga thích chí cười the thé:

– Bà Huyên thì còn phải kể!... Nhưng các bà phủ, huyện ở tỉnh này thì chắc chả ai dám trêu nó.

– Có, bà Linh, cái bà ngây ngô ngớ ngẩn, thẳng thắn cười đùa với hết thẩy mọi người. Thấy thế bà kia phát ghen.

Nga thở dài:

– Chả cứ gì một bà Linh bị nó ghen.

Sợ chồng ngờ vực, Nga nói lảng :

– Cậu ạ, tôi xem ra các bà phủ, huyện ở tỉnh này chả ai tử tế với ai. Bằng mặt nhưng chẳng bằng lòng.

– Chậc! Thì ở đâu chả thế!... Vào đánh tổ tôm trong cụ tuần, họ chỉ chờ dịp để nói xấu những người vắng mặt, nói xấu bạn gái chán, rồi nói xấu đến bạn trai.

Nga vờ gắt:

– Cậu rõ khéo vơ đũa cả nắm. Tôi có nói xấu ai bao giờ đâu!

An cười mai mỉa:

– Mợ thì đã có riêng một người để ghét và để nói xấu rồi.

Nga trừng trừng nhìn chồng, hỏi dồn:

– Ai? Người ấy là ai?

An thản nhiên:

– Chị Phụng chứ còn ai.

Nga đứng im, mặt nóng bừng. An vội nói chữa xin lỗi:

– Đùa mợ một tí, đừng giận tôi tội nghiệp nhé! Lâu nay mợ có đả động gì đến chị Phụng đâu.

Thực ra, Nga đã quên hẳn người kình địch cũ. Nay nghe An nhắc đến, nàng như lấy làm tự thẹn, và tự cho mình là nhỏ nhen nữa, tuy nàng biết rằng người chị vẫn giữ bền chặt lòng thù ghét đối với nàng. Thẫn thờ nàng nhìn chồng, hai hàng lệ ràn rụa trên má. An kinh ngạc:

– Ô kìa! Mợ giận tôi thực đấy à?

Nga, giọng thành thật:

– Không, tôi không giận cậu. Nhưng tôi buồn quá. Lâu nay tôi hay buồn quá đi mất thôi cậu ạ.

Và nàng cố mỉm cười để yên lòng An.

– Phải, tôi cũng nhận thấy thế... Hay là mai mợ đến chơi cô Bảo. Đã lâu mợ không gặp cô Bảo đấy nhỉ. Ở chơi vài ngày với cô ấy thì thế nào mợ cũng hết buồn. Cô ấy vẫn vui vẻ như xưa, mợ ạ, thế mới chết chứ.

Nga bật cười sung sướng. Mỗi khi nhớ đến ngôn ngữ, cử chỉ và tâm tính hồn nhiên của cô em gái yêu quí, nàng lại cảm thấy lòng nàng đỡ chán nản, phiền muộn.

– Vậy sáng mai, mợ bảo tài xế đánh xe đi thật sớm cho mát.

– Cậu có đi được không?

– Tôi đi sao được, còn bận việc quan, mợ ạ.

An nhoẻn cười nói tiếp:

– Tuy chẳng bận tí nào... Vậy mai mợ đi nhé?

Rồi chàng ghé tai vợ thì thầm:

– Mợ có sang, tôi gửi cúng vào trại nghỉ mát của đồn điền chú Hạc trăm bạc... Trăm bạc việc bầu lý trưởng làng Hà ấy mà, mình mất gì, phải không mợ?... Của người phúc ta...

Bỗng An vụt tỉnh ngộ, tự nhủ thầm: "Ừ, có thể làm thế được đấy! Ừ, thì sao thỉnh thoảng mình không dùng tiền phi nghĩa để làm việc nghĩa?".

Bữa cơm chiều Nga ăn rất ngon, và luôn luôn vui vẻ chuyện trò với chồng. Rồi nàng ngủ ngay để hôm sau dậy sớm đi đồn điền Hạc, trong lòng nóng nảy mong chóng được cùng em gặp mặt...

Nhưng hôm nay khi gần đến nơi, nàng bỗng băn khoăn nghĩ ngợi và lẩn thẩn tìm cớ cho cuộc đi chơi của mình không có vẻ đột ngột: Nàng tưởng ai cũng thấu rõ lòng buồn phiền, chán nản của nàng. Vì thế, nàng bảo tài xế cho xe đi thong thả lại.

Giữa lúc ấy, từ trong cái rừng nhỏ bên đường đi ra một người dắt con ngựa tía. Nga nhận ngay được là Hạc, vội bảo dừng xe lại, và cất tiếng gọi:

– Chú Hạc!

Hạc cũng đã nhận được ô tô của An và reo mừng:

– Anh An!

Nga mở cửa xe bước xuống:

– Không, anh An không lên, tôi lên có một mình.

– Ồ! Chị, lạy chị ạ... Chắc Bảo sung sướng lắm đấy. Chiều hôm qua chúng em vừa nói đến chị thì hôm nay chị lên chơi ngay.

Nga cười vui vẻ tiếp luôn:

– Thế mới chết chứ!

– Vâng, thế mới chết chứ. Vậy mời chị lên xe về ấp.

– Chú cũng lên xe cho tiện.

– Em xin phi ngựa theo sau. Ngựa của em chạy chẳng kém gì ô tô của chị đâu, thế mới chết chứ!

– Chú đi đâu về đấy?

– Em đến trại nghỉ mát về. Trại nghỉ mát ở gần đây, qua khu rừng nhỏ này là đến nơi.

Nga chợt nhớ tới trăm bạc An gửi tặng Hạc:

– Tôi nghe nói cái trại nghỉ mát chú dựng lên cho dân đồn điền đẹp và cao ráo, sáng sủa lắm. Rồi chú đưa tôi đến xem, nhé.

– Vâng, chiều nay sẽ xin mời chị đến xem. Rồi chị giúp cho em ít tiền..

– Chính thế, đây anh An gửi cúng vào trại nghỉ mát của chú.

Vừa nói Nga vừa mở ví lấy đưa cho Hạc cái giấy một trăm. Hạc tưởng nói đùa, ngờ đâu lại là sự thực nên lấy làm kinh ngạc và không dám nhận số tiền:

– Em nói bỡn, chứ ai lại đi xin tiền anh chị... Như thế sao tiện?

Nga dúi tờ giấy bạc vào tay Hạc.

– Ô hay! Chúng tôi giúp dân nghèo trong đồn điền, sao chú lại không nhận? Vả tiền của anh An, tiền... tiền...

Nàng toan nói tiền dân họ lễ, nhưng nàng tắc họng không nói được dứt câu. Hạc mỉm cười gấp tờ giấy bạc bỏ túi:

– Em xin hãy tạm giữ để chốc nữa về bàn với Bảo xem đã. Nếu Bảo bằng lòng thì em xin nhận. Dẫu sao cũng xin vì dân nghèo, trân trọng cảm tạ anh chị.

Nga đỏ mặt quay đi. Nàng nhận thấy sự làm phúc của vợ chồng nàng không xứng đáng với lời cảm ơn thành thực kia...

HẾT

Ngày nay - XB 1937

KHÁI HƯNG

THOÁT LY

PHẦN THỨ NHẤT

I

Xe hai người tới bờ hồ Hoàn Kiếm. Tiếng ồn ào cười nói ở vỉa hè bắt đầu làm cho Hồng chú ý. Nàng vừa bảo Nga được một câu: "Đông quá, chị nhỉ!" thì còi điện ô tô thét lên khiến anh phu kéo vội né sang một bên và đứng dừng lại. Xe hơi nghiêng, và đầu hai thiếu nữ chạm vào nhau. Hồng nhớn nhác, thở hổn hển bảo bạn:

– Tý nữa thì chết!

Nga cười vui vẻ, đáp:

– Bây giờ tính nết chị đổi khác hẳn. Ngày xưa đi học trong trường nghịch ngợm liều lĩnh thế, mà ngày nay chị nhút nhát sợ hãi đến hay!

Hồng chữa thẹn:

– Chị tính xa Hà Nội năm năm nay còn gì.

Và nàng ngượng ngùng nói tiếp:

– Không thành một cô gái quê mùa đặc là còn khá lắm đấy!... Nhưng... Hà thành thay đổi mau quá, chị nhỉ!

– Chuyện! Nơi nghìn năm văn vật của người ta!

Thấy xe tiến rất chậm và khó khăn giữa đám người mỗi lúc mỗi đông hơn, Nga với Hồng liền xuống đi bộ.

Dãy hàng giải khát chật ních những khách; các bàn kê gần sát nhau. Người qua lại phải đi rẽ xuống đường, trong khi các cô hàng tranh nhau vươn cổ gào: "Mời hai thầy, mời thầy mời cô vào hàng em xơi nước đã".

Hồng tò mò ngắm một bọn năm thiếu nữ tóc rẽ lệch, hoặc búi lỏng, ngồi cười đùa nói chuyện với ba thiếu niên đầu chải lật,

bóng loáng, người nào người ấy lấm tấm dính đầy những hoa giấy tròn nhỏ đủ các màu. Nàng bỗng bước hụt từ trên hè xuống và xuýt ngã, làm bọn kia cất tiếng cười rộ. Một thiếu nữ nói bông:

– Tý nữa thì vồ ếch!

Một chàng gật gù đọc, ra vẻ tự đắc lắm:

Giơ tay với thử trời cao thấp.
Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài.

Hồng xấu hổ đỏ bừng mặt, kéo Nga rảo bước.

Nàng lẩm bẩm:

– Đồ vô giáo dục!

Nga ghé tai bạn thì thầm:

– Dở hơi lắm, tức giận như thế thì tức giận đời! Mặc kệ họ có được không !

Hồng hậm hực lặng thinh, tai còn nghe vang tiếng cười và những câu chế nhạo. Thấy Nga thích khẽ khuỷu tay vào cạnh sườn, nàng hỏi.

– Cái gì thế, chị?

– Không nghe thấy mấy tướng khoe tài ném confettis với nhau à?

– Không, sao chị?

Nga chưa kịp đáp câu bạn hỏi thì hai thiếu niên vừa vượt qua, đã quay lại. Một người mặt đỏ như say rượu, hầm hầm đi thẳng tới mặt nàng. Hồng lo sợ ngắm chàng và để ý ngay đến cái sẹo bóng chạy xiên từ thái dương bên trái lên cái trán gồ và rộng. Mắt chàng cười nheo một cách vô duyên trên ba cái gò thịt xù xì: Lưỡng quyền và cái mũi sư tử.

Chàng dang tay toan ném thực mạnh nắm hoa giấy vào mặt Nga, bỗng chàng dừng lại đăm đăm nhìn Hồng rồi phá lên cười.

Hồng bị giấy vụn bay tối cả mắt đưa tay lên phủi, thì nắm giấy thứ hai lại ném tiếp liền, khiến nàng cuống quít ẩn vào sau lưng Nga.

– Ông Lương giỏi nhỉ!

Nghe gọi đến tên, người kia ngơ ngác nhìn hỏi:

– Thưa cô, cô biết tôi?... Cô quen tôi?

Nga mỉm cười:

– Quen thì tôi không có hân hạnh được quen ông, nhưng năm ngoái tôi có được xem ông diễn kịch.

Hồng hỏi:

– Ông mà cũng diễn kịch?

Chừng cho đó là một câu mỉa mai, Lương ngả mũ chào, rồi cùng bạn đi liền. Nga cười khúc khích hỏi với một câu ranh mãnh:

– Thế năm nay ông có đóng vai gì không?

– Không!

Một lát sau, trên khoảng đất ven hồ người đứng đông quá, hai thiếu nữ thấy khó lòng tiến lên được. Giữa lúc ấy có tiếng reo ầm ỹ từ phía hội quán "Khai Trí Tiến Đức" đưa lại. Rồi từ phố Hàng Trống rẽ sang một cái ô tô kết bông trắng thành hình cái thuyền trên có tám cô thủy binh, tuổi từ mười bảy tới hai mươi, cầm dựng ngược tám cái mái chèo lấp loáng màu vàng trang kim. Người ngồi cầm lái là một chàng thanh niên đầu đội mũ giấy, mặt đánh phấn, môi thoa son.

Trong làn không khí mờ bụi, ồn ào đầy tiếng cười và tiếng vỗ tay, những hoa giấy, những vòng giấy ngũ sắc ném tung lên đầu, lên người bọn lính thủy xinh xắn và như cố lôi giựt các cô xuống đất. Nhưng chiếc ô tô với hàng răng trắng lướt qua, những sợi dây hồng, dây tím đứt rơi đầy đường.

– Xe trường nào đấy?

– Trường taxi girls.

Đáp lại câu trả lời ngộ nghĩnh, tiếng cười phá lên vang động. Nhưng đã theo liền sau một cái xe do bốn con bò nặng nề kéo. Trên xe đứng xếp hàng hai dãy bộ binh thời cổ, đầu đội mũ đâu mâu, chân đi hài sảo kiểu La Mã tết bằng rơm. Họ luôn luôn múa mộc, khoa giáo, hò la như một bọn mọi đen trong một phim chiếu bóng. Người đứng xem trầm trồ khen ngợi và bàn tán:

– Trường Mỹ thuật! Trường Mỹ thuật! Đẹp quá!

– Mỹ thuật lại chẳng đẹp!

– Nhưng phải cái ông kia hơi gầy!

– Ông kia bắp chân hơi nhỏ trông chẳng La Mã tí nào.

Trong khi ấy thì hoa giấy, vòng giấy đua bay loạn xạ. Hồng hỏi bạn:

– Họ làm trò gì thế?

Nga gắt:

– Họ thi xe kết hoa chứ làm trò gì! Rõ ngớ ngẩn như cô mán rừng! Hỏi thế không sợ người ta cười cho.

Thì người ta cười thực: đứng sau lưng hai thiếu nữ, một bọn sinh viên đương che miệng khúc khích bảo nhau:

– Con bé hay tệ!

– Phải cái răng đen không thì khá lắm.

Hồng quay lại, và chưa kịp nhìn, đã bị một nắm giấy vụn bắn tóe vào mặt, và một vòng giấy quấn lượn vào cổ. Nàng bẽn lẽn gỡ ra, rồi sợ hãi đứng sát lại Nga.

– Anh Lương, gớm thật.

Lương lơi lả hỏi:

– Hai cô không mua hoa giấy để ném?

Nga mỉm cười tinh quái hỏi lại:

– Ném ai được mà mua?

Hồng thấy anh chàng xấu xí ấy cứ theo chân và trêu ghẹo mãi mình, liền cáu tiết nói một câu chua chát cho bõ ghét:

– Chắc hẳn là không phải để ném vào mặt ông.

Dứt lời, nàng lôi bạn đi chỗ khác. Nga thích chí cười ngất:

– Chị vẫn còn nghịch ngợm đáo để như xưa... Kìa chị trông xe trường Thuốc.

Nga vừa nói vừa trỏ một cái ô tô lớn trên có những sinh viên áo trắng dài rộng, ống tay vén đến khuỷu. Hồng hỏi:

– Sao chị biết?

– Sao tôi biết? Lại quê mùa rồi! Chị không nhận thấy rằng đó là những ông đốc tờ à? Kia kìa! Họ cầm những ống tiêm thuốc khổng lồ, ai mà không trông rõ?

Theo liền xe trường Thuốc là xe trường Bào chế, kết thành hình con hạc trắng vỗ cánh đứng trên lưng con rùa vàng. Rồi đến xe trường Luật bài trí rất giản dị, bằng một hàng lan can vây bốn phía, nhưng trang hoàng rất rực rỡ bằng những ông cử luật tương lai dưới bộ y phục trang nghiêm màu đen. Trong số đó lại đứng xen vào một cô Pháp và ba cô Annam xinh đẹp.

– Sự thực, những xe của các trường cao đẳng được người ta chú ý hơn những xe của các tư gia tuy trong đám này cũng có nhiều cái trang hoàng rất khéo. Có lẽ hơn kém nhau chỉ ở chỗ trẻ trung và biết vui đùa.

Thoáng nghe mấy câu bình phẩm ở sau lưng, một người đã đứng tuổi quay lại. Người vừa nói vội cất mũ chào:

– Kìa ông đốc!

Ông này cười, nói:

– Ông Trần! Ông cho thế là trẻ trung, là vui đùa, nhưng tôi, tôi cho thế là lõa lồ, là đĩ thõa. Tệ hại mấy cái ông vô công rồi nghề ngồi vẽ ra những kiểu quần áo mà họ cho là tân thời. Ông xem họ ăn mặc thế kia thì còn coi công chúng vào đâu nữa? Sao không cởi trần hẳn ra nhân thể.

Ông ta vừa nói vừa trỏ một thiếu nữ có bộ ngực nở phưỡn căng thẳng với cái áo kim tuyến màu hồng.

Bác sĩ hạ giọng nói tiếp:

– Giá ông đến gần mà nhìn thì ông sẽ thấy rõ gần đủ các thứ ở trong người cô ta.

Mấy tiếng cười kín đáo càng làm cho bác sĩ được thể, nhắc đi nhắc lại mãi:

– Cởi trần hẳn ra? Mà mới cuối xuân đã nóng bức gì cho cam!

Rồi ông ta kể nhiều câu chuyện để tỏ rằng người Bắc Kỳ tiến, tiến đến chỗ suy đồi, mau chóng hơn người Trung Kỳ và cả người Nam Kỳ.

– Một bà ở Nam Kỳ, ông nói, ra đây chơi, bữa nọ đã phải lấy làm kinh ngạc về cách phục sức của các cô ngoài này.

Không ai lưu ý nghe những lời chua chát của ông ta nữa, vì một cái xe bò kéo, đương đi qua, trên đứng một lũ mọi đen dữ tợn, dậm chân, khoa giáo và kêu la inh ỏi.

Từng tràng vỗ tay. Tiếng hoan hô om sòm.

Tiếng cười ầm ỹ. Vòng giấy bay tua tủa.

– Các ông xì cút! Các ông xì cút đấy!

– Hay nhỉ?

– Ghê gớm quá!

– Vô lý! Xe ấy mà bảo là xe hoa! Hoa gì, hoa lọ nồi!

Tưởng bác sĩ vẫn đứng đấy, người tiếp chuyện ông lúc nãy nói:

– Ông xúi người ta cởi trần ra thì người ta cởi trần ra thực kia rồi, lại gần cởi truồng nữa.

Một bà y phục theo kiểu mới nhưng kín đáo hơn, đứng đắn hơn, nhất là kém tha thướt hơn nhiều người khác, vội đáp:

– Thưa ông, nhà tôi về rồi.

Người kia ngả mũ chào:

– Xin lỗi bà, tôi vô tình không trông thấy bà.

– Thưa ông, tôi cũng vừa đến đấy. Tôi đem áo tơi ra cho nhà tôi, sợ về chiều trời lạnh.

Tiếng máy truyền thanh ở cửa "Khai Trí" bắt đầu thét oang oang, khiến những câu chuyện ở gần đấy đều vụt im:

"Thưa các bà, thưa các ông, thưa các cô, xin nhớ tối nay lại nhà hát tây coi diễn kịch "Tình lụy". Đó là một vở kịch rất hay, rất tức cười, rất thương tâm nữa của ông Huỳnh, một sinh viên trường Thuốc, soạn rất công phu, xin các ông, các bà, các cô thế nào tối nay cũng lại nhà hát tây lấy vé vô xem hát. Hay lắm, bỏ lỡ dịp này rất đáng tiếc..."

Lời quảng cáo sang sảng, cứ một dịp kéo dài, bất tuyệt. Vì xong câu ấy, kế tiếp liền câu khác, quảng cáo thuốc, quảng cáo sách, quảng cáo đủ các thứ hàng hóa.

Hồng vơ vẩn đứng lắng tai nghe. Bỗng nàng đỏ bừng mặt bảo bạn:

– Thô bỉ quá!

Nga hỏi:

– Đứa nào trêu chị đấy?

– Không tôi bảo máy truyền thanh.

– Ồ! Chị nghe làm gì!

Lời quảng cáo khoe khoang đến sự công hiệu, của một "môn thuốc thần".

– Ê! Im ngay!

Đó là câu mắng của một người đàn ông, cùng đi với vợ và hai con nhỏ. Nhưng lời cổ động không im. Ông kia tức tối gọi xe rồi cùng vợ con đi thẳng, để sau lưng những tiếng cười chế nhạo.

– Rõ đạo đức rởm!

Có người cãi lại:

– Ông ấy mắng thế không phải à? Cũng tùy từng câu quảng cáo chứ.

Đoàn xe hoa vẫn cái nọ theo cái kia đi vòng quanh như trong đèn cù trên ba con đường Hàng Trống, Bờ Hồ và Bảo Khánh. Đến vòng thứ tư, thứ năm thì tiếng gào, tiếng hát của những người đứng trên xe đã nhỏ đi và trở nên rời rạc; những giấy, những hoa, những vải, những đồ trang hoàng đã rách, đã sứt mẻ nhiều, để lộ thân xe và giơ cốt xương phên cót ra. Những chuỗi dây hoa quấn đũa bánh xe bò của trường Mỹ thuật kéo lệt sệt dưới đường. Con rắn trong xe trường Thuốc đã đổ siêu và gẫy mất đầu. Những nụ cười tươi sáng của các cô Nhật Bản trên một chiếc xe tư gia đã mờ xạm vài phần.

Rồi dần dần các xe giải tán, người đi xem bỏ ra về. Còn trơ lại ba con đường sặc sỡ.

Hồng buồn rầu nhìn mái tóc Nga dính đầy hoa giấy, và hỏi:

– Hết rồi à, chị?

– Hết rồi.

II

Khi Hồng cùng Nga và vợ chồng chị về đến căn nhà ở phố chợ Hôm thì đêm đã khuya lắm, hơn một giờ sáng.

Hảo, vợ Căn, mệt nhọc kéo lê đôi giày cao gót trên cầu thang, chiếc thang gỗ sơ sài, đặt sát tường trên cái bệ gạch, và ngay sau cái tủ ngăn chia phòng dưới ra hai phần: cửa hàng và phòng ngủ của trẻ con và cùng bõ.

Lên đến gác, nàng ngồi tựa vào một chiếc ghế dựa bằng cói bện, thở hổn hển.

– Đã bảo không đi lại cứ lôi người ta đi cho bằng được.

Căn nói mỉa:

– Ban nãy cười như nắc nẻ thì không sao.

Chàng đứng chống tay vào lưng ghế hỏi:

– Mợ có đói không, tôi bảo nó đi mua gì về ăn!

Sau cái ngáp, Hảo trả lời:

– Bây giờ còn hàng gì mở cửa mà ăn với uống?

Rồi nàng đứng dậy uể oải bước vào phòng nói tiếp:

– Chẳng ăn gì nữa, đi ngủ đây.

Đến cửa phòng, nàng quay lại bảo em gái và em chồng:

– Dì với cô cũng ngủ thôi, chẳng mệt. Mai còn đưa nhau đi sắm sửa các thức chứ.

Hồng mỉm cười, đáp:

– Vâng, chị cứ để mặc chúng em.

Vẻ mặt Hồng vẫn vui tươi, hớn hở. Chờ cho anh rể và chị vào phòng trong, nàng thì thầm hỏi Nga:

– Buồn ngủ chưa?

– Chưa.

– Vậy ra ngoài kia ngồi chơi mát nhé?

– Vâng, cũng được.

Cái cửa hẹp ra bao lan vừa mở, một luồng ánh trăng ở phía tay phải chiếu xiên chếch vào sàn. Hồng không giữ nổi một tiếng "à" khoan khoái. Nga sách hai cái ghế mây đặt gần kín khoảng vuông nhỏ, ba phía có lan can gỗ bao bọc. Rồi nàng rón rén vào tắt đèn.

Có tiếng ở phòng trong hỏi:

– Hai cô ngủ rồi đấy chứ!

Nga cười láu lỉnh đáp:

– Vâng, chúng em ngủ rồi.

Ra bao lan, nàng khẽ khép cửa lại, bảo Hồng:

– Chị phán chị ấy vừa ở cữ được hơn một tháng nay, nên người còn yếu lắm. Chứ chúng mình thì thức thế đã mùi mần gì, phải không chị?

– Vâng chính thế. Ở nhà, nhiều khi tôi thức suốt đêm, sáng dậy cũng chẳng sao.

Nàng thở dài nói tiếp:

– Chỉ những cái khổ về tinh thần mới làm cho người ta gầy mòn, khô héo đi chứ thức đêm mà trong lòng vẫn vui vẻ thì cũng chả sao.

Nga buồn rầu nhìn bạn, và an ủi:

– Chị sắp sửa đi ở riêng còn cần gì nữa.

Hồng ngồi im mấy giây cúi nhìn phố vắng, rồi nói lảng sang chuyện khác, chuyện diễn kịch chuyện nhà hát. Nga lơ đãng nghe Hồng. Chờ khi bạn ngừng, nàng hỏi:

– Người ta vẫn cứ xử tệ với chị như thường?

Hồng chép miệng:

– Trách người ta làm gì... Chỉ tại thầy tôi chiều người ta quá.

Cho là mình lỡ lời, Hồng cười đánh trống lấp hỏi Nga:

– À, chị có trông thấy cái anh chàng ném hoa không!

– Có, Lương ấy chứ gì. Hắn trơ quá đi mất thôi. Có người bảo tôi rằng chính hắn nhắc mời chúng mình đến bán chương trình đấy.

Hồng cười ngất, nhớ đến những cử chỉ của Lương lúc thi xe hoa và trong khi diễn kịch:

– Hắn học cao đẳng đấy, chị?

– Hình như hắn học trường Luật có một hay hai năm gì đó. Nhưng bỏ rồi thì phải. Nghe đâu bây giờ hắn dạy trường tư.

Sợ Nga gợi đến chuyện gia đình của mình, Hồng rủ bạn đi ngủ. Từ khi được tin chắc chắn sắp sửa về nhà chồng, Hồng không muốn nghe ai nhắc đến người dì ghẻ nữa. Nàng cố quên, quên hết những sự khốn nạn nhỏ nhen trước khi thoát ly cái gia đình mà nàng cho là một nơi ngục tối.

Nằm bên cạnh Nga, nàng yên lặng, vờ ngủ say, bạn hỏi cũng không đáp lại. Và muốn không nghĩ đến nhà, đến cha, đến dì ghẻ, đến lũ em láo xược, đến việc hôn nhân của mình, nàng cố ôn lại những điều mắt thấy tai nghe những sự xảy ra trong nhà hát.

Nàng tưởng như còn văng vẳng trong máy truyền thanh tiếng oang oang của người sinh viên trường Luật. Nàng nghĩ thầm: "Lần này là lần đầu mình được trông thấy cái máy truyền thanh. Tiếng to quá, mà chẳng còn giống tiếng người nữa, nghe như tiếng ma tiếng quỷ ấy"? Và nàng mỉm cười nghĩ tiếp: "Chả trách chị Nga bảo mình quê mùa. Thực chẳng oan tí nào".

Rồi nàng nhớ đến nhân vật trong vở kịch. Nàng thấy người đóng vai thi sĩ hơi gàn, chẳng đáng được Thúy Lan yêu. Còn cái anh chàng công tử xinh đẹp có duyên thì lại bị Thúy Lan coi thường chế

giễu nữa. Nàng chua chát tự nhủ: "Đó là ở trong kịch mà thôi, chứ ở đời vị tất đã thế".

Tự nhiên hiện ra bức ảnh mà vị hôn phu của nàng gửi từ bên Pháp về mấy tháng trước. Vì Thân, người chồng tương lai của nàng, cũng có cái đầu chải lật giông giống như cái đầu của anh công tử trong vở kịch, không đẹp trai bằng.

Điều nàng lấy làm lạ nhất, là những vai trò táo bạo quá. Họ nói với nhau, họ âu yếm nhau như ở chỗ vắng người vậy. Bất giác nàng bật cười lên tiếng.

– Chị chưa ngủ à?

Nghe tiếng Nga hỏi, Hồng luống cuống đáp:

– Không... tôi vừa thức giấc....

Nga cười khúc khích:

– Chừng nói mê phải không?

Hồng ghé tai bạn thì thầm?

– Để cho anh chị ấy ngủ chứ.

Nga vẫn cười:

– Chà! Anh Căn mà anh ấy đã ngủ say thì dẫu bắn súng bên tai, anh ấy cũng chả thức dậy đâu mà sợ. Còn chị Căn thì mệt nhoài cũng ngủ như chết.

Hai người lại nói chuyện. Giữa những tiếng thì thào, thỉnh thoảng điểm một dịp cười to. Gần một người vui tính như Nga, Hồng bỗng cảm thấy sự buồn nản trong lòng dần dần tiêu tán. Một luồng tư tưởng lạc quan như vụt thổi vào tâm hồn nàng, như sự sung sướng bồng bột, không cỗi rễ. Nàng thấy tương lai hiện ra với đủ các trạng thái xán lạn. Và nàng thành thực đem những chuyện riêng, những hy vọng ra kể với bạn, trong lúc sốt sắng yêu đời, nàng trở lại kính mến người cha đã rẻ rúng nàng và sẵn lòng tha thứ người dì ghẻ đã ác nghiệt tàn nhẫn với nàng. Nàng cần gì, chậm lắm là một, hai tháng nữa nàng đã rời bỏ hẳn cái gia đình ấy để về nhà chồng: mẹ chồng dù cay độc đến bực nào cũng không thấm vào đâu với người dì ghẻ của nàng được.

Còn người chồng, nàng biết chỉ đỗ tú tài. Trong buổi kinh tế khủng hoảng này, với cái bằng cấp ấy người ta cũng khó lòng mà tìm được việc. Nhưng điều đó nàng không ngại mấy miễn là thoát ly cái

gia đình đầy kẻ thù; vì ở đấy không những nàng bị người dì ghẻ áp chế hành hạ mà còn phải luôn luôn chống lại một đàn em cùng bố khác mẹ. Nàng sẽ hết sức yêu chồng, cùng chồng lập nên một gia đình đầm ấm, quả quyết làm việc giúp đỡ chồng...

Hồng nói rất nhiều, chậm rãi, se sẽ. Nàng như say sưa với những sự sung sướng đâu đâu, sung sướng không phải vì sắp có một tương lai tốt đẹp, nhưng vì sắp rời bỏ được cái hiện tại mà nàng cho là không thể sống nổi. Nghe tiếng thở đều đều, nàng biết rằng Nga đã ngủ, liền nằm im. Nhưng nàng vẫn tỉnh, như vừa uống một chén chè đặc. Nàng cố không nghĩ song những tư tưởng cứ dồn dập lấn vào tâm hồn và những kỷ niệm cứ kế tiếp hiện mãi ra.

III

Trí nhớ Hồng đi ngược lên đến thời nàng sáu tuổi: năm ấy như một bức tường ngăn cản ký ức nàng lại. Không phải tuổi lên sáu là cái tuổi con người bắt đầu ghi nhớ, nhưng một sự đau đớn xảy ra làm rung chuyển cân não non nớt của nàng và có ảnh hưởng sâu xa tới đời nàng: Mẹ nàng chết.

Nàng tưởng như tự trông thấy mình kêu gào gọi mẹ. Người ta nói dối nàng bảo rằng mẹ nàng đi chơi xa, hôm sau sẽ trở về, và sẽ mua quà cho nàng thật nhiều. Nhưng nàng hiểu chắc rằng mẹ nàng đi không về nữa, vì nếu không thế, sao Hảo chị nàng, lại khóc lóc thảm thiết và kể lể những câu “Mẹ bỏ chúng con đi. Mẹ để chúng con bồ côi bồ cút ở đời...”.

Trong lúc đưa ma mẹ, nàng chỉ nhớ có một điều là hôm ấy trời mưa...

Thế rồi nàng sống ở một tỉnh nhỏ, tỉnh Vĩnh Yên, trong một gia đình thờ ơ buồn tẻ.

Cha nàng ngày hai buổi đi làm, trưa về ăn rồi ngủ. Chủ nhật nếu không đi chơi thì lại mời khách đến nhà đánh tổ tôm, tài bàn. Không mấy khi nàng được cùng cha trò chuyện thân mật âu yếm.

Người gần nàng nhất là người đàn bà mà nàng không hiểu sao lại là mợ nàng được. Ngày xưa nàng kêu mẹ là mợ, vậy người này có là mẹ nàng đâu mà dám nhận lấy cái tên gọi hiền từ ấy?

Sau khi mẹ nàng chết, nàng còn được sống bốn năm hơi êm thấm, vì nàng luôn được chị Hảo bênh vực che chở cho. Nàng nhớ một lần nàng đánh vỡ cái chén Nhật Bản. Người dì ghẻ mắng nhiếc nàng thậm tệ, rồi sán lại toan tát nàng. Nàng khóc hét lên thì chị Hảo chạy đến bế nàng đi liền.

Nàng kính phục chị Hảo, cho chị Hảo là người can đảm nhất đời, nhiều khi dám cãi lại "mợ" mà mợ vẫn không đánh đập như thường đánh đập mình.

Nhưng năm Hồng mười tuổi thì Hảo về nhà chồng. Nàng khóc thảm thiết hơn khóc mẹ chết vì nàng hiểu rằng nàng sẽ cô độc, sẽ khổ sở. Chị nàng cũng khóc và ôm nàng vào lòng dặn dò đủ mọi điều để đối phó với "người ta" – khi hai chị em trò chuyện riêng với nhau, Hảo thường dùng tiếng "người ta" để trỏ vợ lẽ của cha.

Từ đấy chị Hảo đi, gần đi biệt, vì mỗi năm chỉ về nhà thăm một, hai lần, mà mỗi lần chỉ ở nhà một, hai hôm. Hình như chị Hảo với "người ta" không thể chịu đựng được nhau, nên hễ thấy mặt nhau là lườm, là nguýt, là tìm những câu bóng gió nói cạnh, nói mỉa nhau.

Hồng thấy thế lấy làm sung sướng, mong mỏi chị về chơi nhà luôn, để mà kình địch với "người ta", để nàng được thấy "người ta" tức sùi bọt mép và được nghe những tiếng thở dài đau đớn của cậu. Cậu không hẳn là kẻ thù của nàng, nhưng nàng coi cậu như thuộc vào cánh "người ta", một cánh rất đông và rất mạnh có đủ các chiến tướng lắm mưu, nhiều kế. Đương đầu với cánh ấy, nàng chỉ một thân trơ trọi. Giá nàng can đảm, liều lĩnh được như chị Hảo!

Một hôm ở trường về, – Năm ấy nàng theo lớp nhì trường nữ học, – nàng nghêu ngao hát câu ca dao vừa nghe lỏm được, mà nàng cho là hay lắm:

Mấy đời sấm trước có mưa.
Mấy đời dì ghẻ có ưa con chồng!

Nàng thấy hai đứa em khác mẹ, thằng Yêm và cái Lan, bĩu môi thì thầm với nhau rất lâu. Bữa cơm chiều "người ta" dữ tợn nhìn nàng, tìm hết mọi cớ để mắng nhiếc nàng, để nói xấu nàng với cậu. Nàng nghĩ thầm: "Nếu phải chị Hảo thì chị ấy đã hát câu ca dao vào tận mặt cho mà biết tay!".

Không một lúc nào, Hồng không nhận thấy mình sống bên cạnh một bọn thù. Họ luôn luôn chế giễu nàng, xem xét từng cử chỉ,

bắt bẻ từng lời nói của nàng, ẩn núp chung quanh nàng để do thám, để đoán những việc nàng định làm hay không bao giờ nghĩ tới.

Giữa một bữa cơm sáng, cha nàng hầm hầm tức giận xỉa xói vào mặt nàng:

– Hồng, mày là một đứa con bất hiếu, mày đã biết chưa?

Nàng ngồi im, cúi gầm mặt xuống, cố nuốt trôi miếng cơm nghẹn ngào trong cuống họng. Cha nàng nói tiếp:

– Mẹ mày chết đi, lúc ấy mày mới lên sáu, mợ mày đây yêu quý mày... nuôi nấng mày... có khác gì mẹ đẻ không? Đấy, mày xem thằng Yêm con Lan, thằng Tý, con Thảo cái Mùi có được mợ mày đây yêu mến bằng mày không? Không phải là người ta có sợ gì mày mà phải tử tế với mày, người ta chỉ thương hại mày là một đứa con mất mẹ, mày đã hiểu chưa?

Hồng ngắt lời:

– Nhưng thưa cậu, con có dám gì đâu.

Ông Phán dằn cái bát xuống bàn:

– Không dám gì? Mầy còn cãi à? Tao biết hết, tao đi guốc vào trong óc mày kia. Năm nay mày mới mười bốn tuổi đầu, mày đã tưởng mày khôn ngoan lắm đấy. Úi chào, cô nữ học sinh lớp nhất thông minh lắm đấy, giỏi giang lắm đấy.

Người dì ghẻ vờ cười vui vẻ ngắt lời chồng:

– Cậu lôi thôi lắm, có để cho chị ấy ăn xong bữa cơm đi không. Trời đánh còn tránh bữa ăn kia mà!

Ông Phán gắt:

– Mợ phải để tôi dạy nó mới được chứ.

Con gái lớn tuổi rồi. “Dưỡng nữ bất giáo tất như dưỡng chư”.

Người dì ghẻ vẫn làm như bênh vực Hồng kỳ thực chỉ nói để nhắc:

– Thì chị ấy có làm gì đâu!

– Không làm gì? Hồng, mày bảo mày không dám hỗn với mợ mày đây, vậy mày kể những gì với con vú già.

Hồng giật mình, sợ hãi. Thì ra trong khi nàng trò chuyện với người vú già cũ đến thăm nàng, bọn “mật thám” đã nghe được hết, để đi thuật lại với “người ta”.

Nhưng nàng im lặng, ăn vội vàng rồi đứng dậy sang phòng bên đóng cửa ngồi khóc. Nàng khóc không phải vì bị cha mắng, nhưng vì nhớ lại những lời của vú già. Trước kia nàng chỉ nhận thấy "người ta" tàn nhẫn với nàng, nhưng nay nhờ có vú già mách, nàng lại biết thêm một điều nữa ghê gớm hơn nhiều: "người ta" đã giết mẹ nàng. Vú già bảo nàng:

– Ông lấy cô ta về được ít lâu thì ông coi rẻ hẳn bà. Bà buồn quá sinh ốm đau rồi chết, buồn một phần vì bị ông tình phụ, một phần vì bị cô kia lấn át. Nhất từ khi cô ta sinh con trai đầu lòng, thì cô ta lại càng lăng loàn lắm, đến nỗi một lần cô ta dám thụi vào ngực bà.

Nghe tới đó, Hồng kêu rú lên, bưng mặt khóc.

Vú già nói tiếp:

– Chị tính, bà vốn người yếu đuối, sẩy đến năm bận rồi, còn gì. Thế mà sức cô ta như voi vâm, cô ta xỉa quả đấm vào ngực, làm gì mà không thối ngực, hộc máu ra.

Luôn mấy hôm sau, Hồng buồn phiền, lúc nào cũng nghĩ đến cái chết của mẹ. Và từ đó Hồng càng thêm khiếp sợ dì ghẻ, coi dì ghẻ như một kẻ sát nhân tàn ác...

Nhưng năm ấy nàng thi đậu tốt nghiệp và nhờ có chị xin cho, được về Hà Nội, theo học trường Sư phạm.

Gần hai năm Hồng sống trong không khí dễ thở, bên một người chị thương mến và những bạn trẻ đùa nghịch thẳng thắn. Người bạn hợp tính nhất với nàng là Nga, em chồng chị Hảo. Hai người học cùng lớp, lại cùng ở trọ nhà anh chị, nên tình thân một ngày một thêm khăng khít; Hồng đem chuyện nhà ra kể cho bạn nghe, chỉ giấu có một điều là cái chết oan của mẹ về tay người dì ghẻ tai ngược, tuy càng lớn lên, càng biết hơn, Hồng càng tưởng thấy rõ rệt nguyên nhân cái chết thê thảm ấy. Nàng thường nghe các cô giáo khuyên nhủ học trò khi viết đừng tì ngực vào bàn, sợ mắc bệnh lao. Đến tì ngực vào thành bàn còn có thể mắc bệnh lao được, huống hồ yếu ớt như mẹ nàng mà bị những quả đấm nặng nề của người dì ghẻ và có lẽ cả của người cha nữa.

Hồng giấu kỹ điều ấy là vì nàng sợ nếu biết chuyện thì bạn sẽ cười mẹ mình hiền lành quá, nhu nhược quá. Đối với bạn thân, nàng muốn thành thực kể hết những nỗi đau đớn trong lòng nhưng nàng vẫn nhút nhát, giữ gìn, che đậy. Hồng nhớ một lần nàng đã

bịa đặt một câu chuyện âu yếm của nhà mình, để tỏ với bạn rằng khi vắng người dì ghẻ, cha nàng cũng đoái thương nàng.

Sự thực lại không thế. Cha nàng hình như chẳng biết có nàng nữa. Và nàng kinh ngạc, không hiểu sao ở trong tình thế ấy, nàng còn được theo học, được ra ở Hà Nội với anh chị, còn được vui hưởng những ngày tự do. Có khi nàng ngờ rằng chỉ vì sợ người vợ lẽ mà cha vờ ghét mình, vờ lãnh đạm với mình, chứ trong thâm tâm, cha vẫn yêu quý, vẫn săn sóc, vẫn tha thiết nghĩ đến tương lai của mình. Nàng cố đoán thấy tình phụ tử trong cặp mắt hiền từ...

Nhưng cặp mắt ấy không bao giờ để tới cặp mắt sợ hãi của nàng.

Dẫu sao, nàng cũng cố tin như thế để tự an ủi thầm, mỗi khi nàng đến chơi những chị em bạn trong những gia đình hòa thuận đầy lạc thú. Rồi những tiểu thuyết lãng mạn càng làm cho nàng sống với sự êm đềm mơ mộng, tưởng tượng. Có đêm nàng chiêm bao thấy cha hối hận, đánh đập dì ghẻ rồi gọi nàng đến gần, báo: "Hồng ơi, thầy thương con lắm, thầy đã ghét oan con, thầy hiểu hết cả lòng nham hiểm của người đàn bà ấy rồi. Từ nay thầy sẽ yêu mến con để vong linh mẹ con ở dưới suối vàng được sung sướng".

Khi tỉnh mộng, Hồng càng cảm thấy tình cảnh mình đáng thương. Và nàng sụt sùi nằm khóc.

Nhưng cái mộng nàng sợ tỉnh nhất là cái mộng học tập: vì những ngày khoáng đãng sống ở Hà Nội chỉ là một giấc mộng quá đẹp đẽ đối với những ngày ảm đạm ghê sợ sống trong gia đình, bên một người cha nghiêm khắc, gần một người dì ghẻ xảo quyệt, với một lũ em thù ghét.

Mộng ấy mỗi năm hai lần đứt: một lần trong mười hôm vào dịp Nguyên đán và một lần rất dài trong ba tháng nghỉ hè. Nàng sợ hãi gia đình, trốn tránh gia đình, đến nỗi hôm gần được nghỉ tết, nàng dớ dẩn hỏi chị: "Thưa chị, em muốn ở đây ăn tết với anh chị và các cháu, chả biết chị có xin phép cậu được cho em không?". Hảo buồn rầu bảo nàng: "Như thế không tiện, em ạ. Em chịu khó về thăm cậu, chỉ mười hôm rồi em lại ra đây với chị thôi mà". Hồng ứa nước mắt không nói gì. Tâm trí nàng cảm thấy rõ rệt hết cả cái nghĩa giả dối của đời người, của cả những sự thiêng liêng: Người ta bảo trong mấy ngày tết, cha, mẹ, anh, em, chị, em sum họp vui vẻ. Nhưng, sum họp thì có sum họp, chứ ở tình cảnh của nàng, nàng còn vui nỗi gì?

Nàng còn vui sao được, khi liếc thấy vẻ mặt lạnh lùng của cha, và cái cười yên lặng cay độc của dì ghẻ!

Vậy thì sao không để mặc nàng sống mấy ngày nghỉ của nàng gần những người mà nàng thực bụng yêu mến?

Hồng càng buồn rầu đau đớn khi thấy người ta tết được về nhà, ai cũng sung sướng, chỉ riêng mình nàng là khổ sở. Nàng cố tự an ủi nghĩ đến những người đồng cảnh với nàng, những thiếu nữ mồ côi mẹ trong những gia đình có dì ghẻ ác nghiệt. Tâm, một người bạn học của nàng còn đáng thương hơn nhiều. Ngồi cùng xe ra ga để về Ninh Bình nghỉ tết, Tâm kể với nàng hết mọi sự nhục nhã đọa đầy sắp phải chịu đựng. Mà người hành hạ Tâm nào phải dì ghẻ cho cam. Đó chỉ là một người mẹ. Những giọt lệ chảy hai bên má bạn; khi bạn thuật chuyện, Hồng có cảm giác như thấm mát dịu tim nàng. Và nàng thấy đỡ khổ. Nhưng một lát sau, khi lủi thủi trên toa xe lửa Hồng so sánh hai tình cảnh của mình và của bạn, nàng không khỏi thở dài tự nhủ: "Thà là mẹ thì đã đi một nhẽ!".

Tới nhà, vừa chào cậu và "mợ" buông miệng, nàng đã bị dì ghẻ xui xiểm ngay: "Cậu trông cái Hồng nó bêu xấu bêu nhuốc tôi kìa. Nó làm như tôi không may mặc cho nó nữa. Ai lại về nhà ăn tết mà tha bộ quần áo bạc thếch bạc thác như thế kia!". Lúc bấy giờ Hồng mới kịp nhận ra rằng vẫn mang bộ y phục ngày thường, và buổi sáng, vì buồn phải từ biệt anh chị, quên bẵng cả việc điểm trang. Ông Phán lắc đầu đáp: "Tôi đã bảo mợ đừng nói đến cái con khốn nạn ấy với tôi nữa kia mà. Nó muốn đi, muốn về, muốn lành, muốn rách mặc xác nó!". Thấy thế người dì ghẻ lại khéo lấy lòng nàng bằng một câu tử tế: "Gớm cậu lúc nào mặt cũng hầm lên với các con. Thì cười với nó một tí xem sao nào".

*

Tới đây, trí nhớ Hồng bỏ một quãng xa, đến thời nàng không được học "chữ" nữa, phải ở nhà "học làm, học ăn" theo như lời người dì ghẻ.

Cái ý định bắt Hồng thôi học ở miệng cha thốt ra, nhưng Hồng thừa biết rằng cha chỉ tuyên cái án mà người đàn bà kia đã kết.

Nào phải nàng lười biếng hay kém trí thông minh! Năm thứ nhất nàng được phần thưởng nhì, và năm bị ép bỏ học,

nàng chiếm đầu lớp. Vì biết phận không ra gì, nàng vẫn chăm chỉ, ganh đua học tập để có thể tự gây lấy một nền tương lai chắc chắn. Cái ý tưởng sau này ra làm cô giáo để tự nuôi thân không một lúc nào không lởn vởn trong trí nàng.

"Đến thế này là hết, là hết hy vọng" nàng nghĩ thầm.

Được lệnh thôi học có ba hôm trước ngày nhập trường, Hồng không kịp xoay xở, chỉ vào buồng nằm khóc rồi viết thư báo cho chị Hảo tức tốc về nhà, đôi co với dì ghẻ, cãi lý với cha. Nhưng nàng chỉ làm cho cái ý định của cha thêm phần quả quyết, và cái đời của em từ đấy thêm phần khổ sở mà thôi.

Cha nàng mắng át:

– À, mày muốn em mày chơi bời lêu lổng, phải không? Con gái học nhiều để làm gì, để làm đĩ, phải không?

Hồng có dịp được biết rõ thêm lòng nham hiểm của người dì ghẻ, nhất bây giờ nàng lại đã khôn lớn, biết nghĩ sâu xa hơn trước và không để người ta lừa dối mình một cách quá dễ dàng. Nàng đương buồn rầu khóc thút thít mà cũng phải bật cười khi nghe dì ghẻ phân trần với cha:

– Chết chửa! Cậu phải để cho nó học nữa chứ, về nhà thì làm trò trống gì?

Cha nàng gắt cả gì ghẻ:

– Trời ơi! Mợ lại về bè với chúng nó ư? Mợ định nối giáo cho giặc hay sao?

Thế là việc học của Hồng đành xếp.

Đến đây một việc xảy ra trong đời Hồng, một sự an ủi trong những ngày buồn tẻ, ảm đạm. Nhưng đó cũng là nguồn gốc bao sự lôi thôi ghen tức, nhỏ nhen.

Hôm ấy nhà Hồng có khách đánh tổ tôm và trong bọn khách có bà án tỉnh Vĩnh Yên, mà bà phán Trinh, dì ghẻ Hồng lấy làm tự hào đã mời được đến chơi.

Muốn hãnh diện với một bà quan, bà Phán kéo dài tiếng, gọi Hồng ra để bảo sắp cơi trầu và pha ấm trà mạn sen.

– Em chịu khó giúp mợ, chẳng chúng nó không biết, pha làm phí cả chè.

Bà án lưu ý ngay đến Hồng, tấm tắc khen thầm cái nhan sắc thùy mị, và cái thông minh kín đáo của một thiếu nữ mới lớn lên.

Lúc Hồng đặt chén nước bên cạnh bà, bà đăm đăm nhìn nàng và hỏi bà Phán:

– Thưa bà lớn, cô này là con gái đầu lòng của bà lớn?

Bà kia trả lời bằng một giọng vui vẻ và tự nhiên:

– Bẩm cụ lớn cháu thứ hai đấy ạ. Chị cả cháu đã lấy chồng làm thư ký phủ Thống sứ kia ạ. Bẩm cụ lớn, cháu cả đã được hai trai một gái ạ.

Bà án khen:

– Phúc đức nhỉ, bà lớn còn trẻ thế mà đã có cháu rồi. Chả mấy lúc mà có chắt.

Bà cười the thé hỏi tiếp:

– Còn cô này, bà lớn đã sắp cho đi ở riêng chưa?

Bà Phán cũng cười, đáp lại:

– Bẩm cụ lớn cháu còn nhỏ dại lắm ạ, cháu đã học hết hai năm ở trường Sư phạm. Tôi bảo cậu cháu cho cháu học nữa, nhưng cậu cháu nhất định bắt cháu về nhà học làm học ăn ạ.

Ông phán Trinh nói:

– Bẩm cụ lớn con gái lớn tuổi mà cho ở học Hà Nội thực là một sự nguy hiểm.

Hồng đứng nghe chuyện tức uất người, nước mắt chỉ chực ứa ra. Lúc bấy giờ giá bà án hỏi nàng một câu gì thì nàng hẳn nghẹn ngào không đáp lại được. Nhưng may cho Hồng, bà vừa gặp cây bài ù, nên nhãng quên nàng đi.

Hồng căm giận một phần vì nhớ tới việc bỏ học của mình, nhưng nhất vì thấy dì ghẻ coi mình như một người con đẻ vậy.

Ngay từ lúc ấy Hồng đã có ý muốn bắt chước anh phán Căn gọi cậu bằng thầy và đổi tiếng "mợ" ra tiếng "cô" để người ta khỏi tưởng lầm rằng mình là con người dì ghẻ.

Nhưng nàng vẫn sợ hãi, rụt rè cho mãi tới hai năm sau mới dám quả quyết làm theo ý định.

Chắc người dì ghẻ liếc mắt đoán thấy những tư tưởng ấy trên vẻ mặt khinh khỉnh của Hồng, nên tươi cười, trêu tức, bảo nàng:

– Kìa em rót nước hầu cụ lớn.

Hồng ngây người đứng nhìn. Bà án tưởng nàng có tính bẽn lẽn lại càng yêu mến lắm.

Cách đó hai tháng. Hồng thoáng nghe vú già và thằng nhỏ thì thào bảo nhau, mỗi khi nàng đi qua: "Con dâu cụ án nay mai đấy!".

Thế rồi, tết năm ấy, nàng thấy một cậu trai trẻ đến nhà nàng, với chiếc áo gấm lam, ngoài phủ chiếc áo sa tây...

Mãi khi ăn hỏi, nàng mới biết rằng cậu ta là vị hôn phu của mình. Nàng hơi lo sợ, vì chẳng hiểu tâm tính, học lực, hạnh kiểm người ấy ra sao. Nhưng nàng chẳng khỏi mừng thầm khi thấy người dì ghẻ dữ tợn tức tối với mình. Vì luôn luôn Hồng bị dì ghẻ nhiếc móc, nào những "ngữ ấy mà về làm dâu nhà người ta không khéo chỉ vào mồng ba ra mồng bảy thôi" "nó tưởng nó xinh đẹp lắm đấy, thử bỏ phấn sáp ra xem".

Rồi người đàn bà hay ghen ghét thù lây cả bên thông gia, tuy vẫn được người ta hết sức chiều chuộng và kính nể. Trước mặt Hồng người ấy tìm đủ mọi cớ để nói xấu quan trường, nêu ra những sự ăn tiền, làm bậy, đổi trắng thay đen, thuật lại, có khi bịa đặt ra những chuyện các viên phủ huyện tra khảo, ức hiếp dân quê, Hồng vô tình ngồi lắng tai nghe. Mãi đến sau nàng mới hiểu, khi dì ghẻ kết thúc bằng một câu nói với cha "Tôi không hiểu sao ông lại nhận lời gả nó cho nhà quan. Đấy, rồi ông xem, ngữ ấy thời chỉ biết chơi bời lêu lổng".

Hồng mỉm cười nhìn dì ghẻ như kẻ đắc thắng nhìn kẻ thất bại.

Trong bốn năm như thế. Ngày ngày hai bên địch hầm hè nhau, cái vui của người này là cái buồn của người kia. Một tin thành công về việc học của Thân làm khổ tâm dì ghẻ bao nhiêu thì Hồng sung sướng bấy nhiêu, tuy không một lúc nào nàng thành thật yêu Thân. Mà nàng yêu sao được. Ăn hỏi xong, Thân sang Pháp ngay và từ đó, Hồng chẳng nhận được một lá thư của chàng. Đến vẻ mặt Thân, Hồng cũng chỉ trông thấy một cách lờ mờ trong bức ảnh chàng đứng chụp với những bạn người Âu cùng lớp.

Nàng nghĩ đến, nhớ đến có khi nói đến vị hôn phu chỉ vì nàng muốn báo thù dì ghẻ.

IV

Ý tưởng ngộ nghĩnh, nhỏ nhen ấy làm Hồng bật cười lên tiếng.

– Chị cười gì thế?

Nghe bạn hỏi, Hồng mới nhớ ra rằng mình nằm ở nhà anh

chị. Nàng đương mải mơ màng sống với cả một thời dĩ vãng.

– Không, chị ạ... tôi mê ngủ.

Nga cũng cười vui vẻ bảo bạn:

– Mê ngủ gì lại mê ngủ cười được! Tôi mà động mê ngủ, động chiêm bao thì toàn gặp những sự khiếp sợ, nên chỉ kêu rú lên... Chẳng hạn gặp hổ đuổi, gặp người bắt nạt...

Hồng buột miệng ngắt lời:

– Mộng thấy bị bắt nạt còn dễ chịu hơn bị bắt nạt thực.

Nàng vội nói lảng:

– Chị chưa ngủ à?

– Không, tôi vừa thức giấc.

– Vì tôi cười, phải không?

– Không, quen lệ như thế, hôm nào cũng cứ năm giờ là tôi dậy, cho dẫu đêm hôm trước thức khuya tới một, hai giờ sáng. Vì vậy tôi thường đi ngủ sớm.

Hồng thở dài:

– Chị sung sướng thật! Ngủ sớm, dậy sớm. Ước gì tôi được như chị!

Nga thương hại, phàn nàn:

– Chị bận công việc đến thế à?

– Không tôi chỉ bận nghĩ. Có khi thức suốt đêm để nghĩ vơ vẩn.

Thực vậy, không những sự buồn phiền lo lắng làm cho Hồng nhiều đêm không ngủ được, mà có khi vì những sự sung sướng không đâu, nàng cũng rạo rực, băn khoăn trong hàng giờ. Nàng như cái máy mà những kích thích ở ngoài làm rung động và sai lạc, nên chạy một cách thất thường, khi mau quá, khi chậm quá. Nàng nhớ một lần bên nhà chồng chưa cưới của nàng cho đem đến tết nhà nàng những lễ vật hậu hĩ quá, khiến người dì ghẻ tức chảy nước mắt. Đêm hôm ấy là một đêm đông rét buốt đến xương, thế mà nàng ngồi thâu canh bên ngọn đèn dầu tù mù để đan xong cái "len" cho em. Nàng sung sướng quá, không nghĩ đến ngủ nữa, sung sướng không phải vì thấy cái lễ sêu long trọng, mà vì thấy cái lễ sêu long trọng ấy đã làm cho dì ghẻ bỏ mất bữa cơm chiều.

– Dậy đi!

Hồng vội kêu:

– Dậy! Điên à! Đương đêm dậy làm gì?

Nga cười:

– Đương đêm? Bây giờ còn đương đêm. Đây này!

Nàng giơ cổ tay dí vào gần mắt bạn nói tiếp:

– Có trông thấy mấy giờ không?

– Tối mò mò, chẳng thấy gì cả.

– Mắt với mũi! Đồng hồ dạ quang của người ta lại! Năm giờ kém năm rồi. Ánh mặt trời kia kìa.

Thực vậy, đã hiện ra một khoảng sáng mờ ở một góc đình màn vải tây màu đỏ, và cánh màn the màu hồng đào dần dần rõ ra trong cái phòng nhỏ hẹp.

– Hừ! Chả còn mấy tháng nữa chị Hồng đã nằm trong chiếc màn the hồng mới. Hồng, hồng hay nhỉ!

Nga khoái chí, cười khanh khách. Hồng giọng mỉa mai, hỏi lại:

– Chị thích lấy chồng lắm hay sao?

Nga cười to:

– Rõ khéo! Mình thích lấy chồng lại còn đổ vấy cho người ta.

Rồi Nga kể cho Hồng nghe cái mộng tương lai: Nàng đương chờ bổ giáo học. Nàng sẽ tự do sống cái đời khoáng đãng của nàng, sẽ dạy dỗ, dìu dắt đàn em, sẽ không cần nhờ vả đến ai hết, và chẳng để ai làm phiền lụy tới mình.

Hồng buồn rầu, ngắt lời bạn:

– Phải, một đời thoát ly! Đã bao năm tôi mơ màng cái đời ấy. Bây giờ thành hão huyền cả!

– Hão huyền là chị không quả quyết. Sao đương học chị lại bỏ về nhà! Tại chị đấy chứ!

Hồng thở dài:

– Tại tôi? Giá chị cũng có một người dì ghẻ như tôi!

Nga vội xin lỗi bạn, và an ủi bạn bằng những lời thành thực.

Rồi hai người lại vui vẻ chuyện trò, cùng nhau ôn lại cái thời kỳ sung sướng theo học ở trường Nữ sư phạm. Mãi lúc ánh sáng chiếu qua các khe cửa chớp, nhuộm hồng cái mái ngói mỏng và thấp, Nga

mới giục Hồng dậy để xuống nhà rửa mặt.

Các vật trong gian phòng đã hiện ra bề bộn.

Trên cái bàn sơn quang dầu màu đỏ kệch, mấy cái độn tóc để lòa xòa bên chiếc đĩa tây đựng bốn cái chén bạch định cáu chè, và cái giỏ ấm bằng mây cũ bóng. Dưới gầm bàn, một cái xe rút của trẻ con nằm ngửa cạnh đôi guốc đứt quai.

Ở một góc, dưới cái mắc nặng trĩu những áo đen và áo hàng màu, một cái va li hé nắp để lộ ra những vật trăng trắng. Và trên chốc hai cái hòm da đặt chồng lên nhau, cái thúng khâu đựng đầy giẻ vụn đủ các màu, và một cuộn len đỏ mối sợi rơi lòng thòng xuống sàn gác.

Nga đứng nhìn quanh một vòng rồi ngượng ngùng bảo bạn:

– Cái buồng này trước kia là buồng các cháu. Từ hôm tôi lên Hà Nội chị Căn mới đưa cháu xuống nhà để nhường cho tôi.

Hồng vừa với cái độn tóc vừa nói:

– Cái nhà trước sao anh chị lại không thuê nữa? Rộng hơn nhà này nhiều chứ, nhỉ?

Nghe câu hỏi, Nga buồn rầu khẽ đáp:

– Chị tính, lương tháng có bảy chục bạc không buôn bán thêm vào sao đủ nuôi hai vợ chồng với bốn con. Cái nhà này chật chội, nhưng tiện chỗ buôn bán. Với lại trước vì có chúng mình, anh chị mới cần thuê cái nhà rộng rãi mát mẻ.

Hồng cảm động nghĩ đến lòng tốt của anh chị đối với Nga và mình. Và trong khoảng mấy phút nàng nhớ lại cả một thời học tập vui vẻ, sung sướng.

Nàng như trông thấy trong ánh sáng chói lọi cái nhà gác chia làm hai ngăn thuê chung với một bọn học sinh trường Bảo hộ, con một gia đình giàu sang. Phía trước, một lối đi lát sỏi, ở giữa hai mảnh vườn vuông nhỏ trồng táp nham nào vạn thọ, nào tóc tiên, nào mào gà. Trong đó có lẫn cả một cây cam không bao giờ nẩy quả và một cây lựu mỗi năm nở một hai bông hoa gầy yếu. Giáp tường và *rất đối nhau, hai cây đu đủ cao gần tới nóc nhà. Cây về bên nhà anh* chị phán Căn là một cây đu đủ cái, quả mọc đầy chi chít và to béo. Còn cây về bên kia là một cây đực với lòng thòng ở đầu những cuống thực dài lơ thơ vài quả nhỏ không bao giờ chín.

Biết bao chuyện đùa nghịch trẻ thơ ở chung quanh hai cây đu đủ

ấy, khiến nay nhớ tới Hồng không khỏi tiếc cái đời học sinh tự do của mình.

Thời ấy Nga và nàng mới mười lăm tuổi.

Ở bên láng giềng, bọn học trò con trai cũng suýt soát tuổi ấy. Chiều chiều, hai chị em ra hiên tì lan can nói chuyện, thì bên kia, ba bốn anh cũng ra hiên nô cười, hoặc bá cổ nhau vật, hoặc nhảy lên ngồi trên tường hoa, cúi nhìn vườn và bô bô bàn luận văn chương, như cốt để hai cô nữ học sinh nghe tiếng.

Rồi thế nào, rút cục, hai bên cũng đem cây đu đủ của nhau ra chế giễu, bên có cây cái chê cây đực là cây vô tích sự; bên này chê lại bên kia rằng đem quả chơi cảnh về mà kho tương. Nhưng sự tinh nghịch khó chịu nhất của bọn con trai là hễ cây đu đủ của hai cô nữ học sinh có một hai quả ương ương thì thế nào chờ đêm khuya họ cũng trèo lên lấy cho bằng được. Rồi chiều hôm sau, trước mặt hai cô, họ khoe khoang với nhau những tính chất ngọt thơm và bổ của các loài đu đủ.

Đằng sau nhà là hai cái sân đất cát dài cách nhau một bức tường thấp. Người ta đồn rằng vùng ấy xưa kia là bãi tha ma, sở đốc lý bắt dời hài cốt đi nơi khác để mở đường phố; vì thế, thỉnh thoảng còn đào được xương người, hoặc một cái xương ống tay, ống chân, hoặc một cái xương sọ hay quai hàm.

Bọn học trò quỷ quái lợi dụng ngay tin đồn ấy để dọa Hồng và Nga, bịa đặt ra rằng có khi đào được cả bím tóc của người Tàu. Hai cô sợ xanh mặt, tối đến không dám xuống sân nữa.

Một hôm đi học về, hai cô nhận được một gói người ta vừa gửi đến. Mở ra xem, hai cô tái mặt và thét vang nhà, vì trong gói có một cái bím tóc và một bức thư: "Chúng tôi lại vừa đào được một cái bím nữa, xin biếu hai cô dùng làm độn tóc".

Cái tuổi không lo nghĩ ấy mới dễ tin sao! Hồng chẳng ngờ vực một chút nào, khi nghe Điểm thuật những câu chuyện gặp ma. Chẳng hạn Điểm nói đêm khuya xuống sân sau chơi mát bị một thằng bé trần truồng vào khoảng ba, bốn tuổi ôm chặt lấy chân, đạp nó ra, nó lại sán đến liền.

Nay nghĩ tới câu chuyện vô lý ấy, Hồng không thể nhịn cười được. Thốt nhiên, nàng hỏi Nga.

– Chị còn nhớ Điểm không?

– Cái thằng quỷ sứ ấy, ai mà quên được! Không biết bây giờ nó làm gì?

Hồng cười:

– Những chuyện ma quỉ hoang đường của nó sao ngày ấy chúng mình cũng tin nhỉ? Chị có nhớ câu chuyện ma Khách ôm chân không?

Hai người cùng phá lên cười, khiến Căn phải thức giấc và ú ớ hỏi:

– Các cô thích chí điều gì thế?

Hồng cũng tỉnh giấc mộng xưa.

Kế tiếp những ngày quang đãng ấy, Hồng đã sống biết bao ngày ủ dột giữa một gia đình ủ dột. Nàng buồn chán thở dài, cùng bạn bước xuống thang.

V

Lúc bấy giờ thằng nhỏ đã tháo dãy cánh cửa bức bàn và bày xong hàng. Hàng, nghĩa là hai cái tủ giẹp bằng gỗ quét qua một nước sơn xanh nham nhở và khung cánh cửa lồng những miếng kính mờ như bám bụi, tuy sáng nào người ta cũng lau chùi thật kỹ. Hai cái tủ nhỏ ấy bày thước thợ – một cái giáp tường, một cái ngăn hàng ra với gian buồng trong – và đựng lơ thơ đủ các thứ tạp hóa: những bao thuốc lá rẻ tiền, những miếng giấy gấp hình tam giác gói một xu thuốc lào, những phong diêm còn nguyên hay bán dở, những hộp lơ, những bánh xà phòng, những dây giày treo vắt trên sợi gai căng ngang sau kính, những đồ dùng trong lớp học, như bút, mực, sách, vở, thước, tẩy, trông lấp loáng nhiều màu sặc sỡ.

Trong cái khoảng thước thợ rộng chừng sáu, bảy thước vuông ấy, và sau một cái giậu lưới thép nhỏ mắt, bày những phễu thủy tinh đầy trám, ô mai và kẹo mứt, những thúng những quả đen đựng miến, bột, bóng, mực, nấm, mộc nhĩ. Những quả đựng đường, trên có đậy cái lồng bàn bằng dây thép. Tuy thế cũng có mấy con ong bình tĩnh bò ở phía trong lồng bàn hay chúc đầu vào đường cát mà chăm chú hút nước ngọt.

Kính tủ hàng phản chiếu tia mặt trời buổi sáng vào mắt

hấp háy của hai thiếu nữ vừa ở chỗ tối bước xuống. Nga khum bàn tay che cho khỏi chói và gọi thằng nhỏ bảo buông cái màn nâu xuống, cái màn vá một miếng mụn màu trắng bẩn, làm lấp mất nửa chữ G của cái tên hiệu Tân Hưng. Rồi nàng ghé tai Hồng khúc khích cười nói thầm:

– Chị à, hàng với họ trông chán ngắt!

Hồng cũng cười đáp:

– Thế mà chị Phán nói mỗi tháng đổ đồng lãi được bốn, năm chục đấy. Hai tháng tết thì lãi tới vài trăm bạc là thường.

Nga nhìn qua một lượt các thứ hàng.

– Ừ, chị Phán cũng bảo tôi thế, nhưng tôi không tin, chị ạ, nhất gần tháng nay, nhiều hôm tôi ngồi bán hàng cho chị ấy, có khi hằng giờ chỉ lơ thơ dăm người đến mua xu diêm, xu thuốc, vài lạng miến, hay nửa cân đường.

Hồng mơ màng theo đuổi ý nghĩ của mình:

"Thêm mỗi tháng bốn, năm chục bạc thì cũng giúp đỡ cho anh Phán được tiền thuê nhà, tiền tiêu vặt vãnh".

Rửa mặt xong, Nga lên gác để trang điểm. Đứng trước chậu nước đặt trên tường hoa, Hồng vẫn miên man nghĩ tới cái cửa hàng của chị cùng là những phận sự người đàn bà trong gia đình. Nàng sắp về nhà chồng. Khi về nhà chồng nàng sẽ làm những gì? Cố nhiên là nàng không thể hay không được đứng chủ trương một cửa hàng con con luộm thuộm như cái cửa hàng của chị. Nhà chồng nàng, nàng đoán chắc là giàu có, sang trọng. Mà Thân lại là con út, nghĩa là người con được cha mẹ yêu mến, chiều chuộng hơn hai anh nhiều, nhất là trong hai anh, một người lại chỉ đậu có bằng thành chung, hiện làm giáo học, còn một người mới theo dở dang đến năm thứ hai trường Bảo hộ, thì phá ngang đi buôn.

Những tin ấy, Hồng biết được là nhờ có Nga mách. Chẳng chuyện nhà ai, Nga không thông tỏ ngõ tường. Hồng đã phải gọi đùa nàng là bà thổ công nước Nam.

Hồng, thầm khen cái tính vui vẻ của bạn. Và một sự vui vẻ không đâu thấm vào tâm hồn nàng. Cái chậu men trắng đầy nước trong, im lặng in nền trời xuân tươi sáng. Đời nàng sao không sẽ bằng phẳng tươi sáng như thế? Hồng cúi mặt trên chậu nước mỉm cười sung sướng. Tương lai! Chỉ tương lai là đáng kể. Cái thời dĩ vãng

buồn tẻ, đầy những thất vọng, chỉ việc quên nó đi.

Tương lai ấy nàng cho là vững vàng, chắc chắn, là một sự sắp thực hiện rồi chứ không còn mộng ảo gì nữa. Cùng Thân lập gia đình, lập tiểu gia đình, riêng sống với nhau một giang sơn. Có thế thôi, giản dị biết bao! Nàng chưa yêu Thân, rồi thì nàng yêu, mà nàng chắc sẽ yêu. Sau này, khi nàng thoáng nhớ đến ký vãng, thì còn sự hy sinh, sự nhẫn nhục gì nàng sẽ không chịu nhận lấy để gây hạnh phúc cho gia đình nàng, cho những người sống chung quanh nàng! Và nàng nghĩ: "Thế nào mình cũng sung sướng hay ít ra cũng không khổ như trước".

– Không rửa mặt đi, rồi lên trang điểm, còn đứng mơ mộng gì thế?

Hồng giật mình, nhúng vội cái khăn bông vào chậu nước. Nước sóng sánh xóa tan màu trời trong xanh. Nga cười hỏi tiếp:

– Chị sao thế, chị Hồng? Hay nghĩ đến đức anh chường phu quân đấy?

Hồng bẽn lẽn đáp:

– Có thế. Nhưng nghe tiếng chị quát, tôi cứ tưởng là tiếng bà dì ghẻ của tôi.

Nga chau mày, khó chịu về nỗi bạn cứ dai dẳng mãi với câu chuyện gia đình.

– Cụ Phán nhà đổi về Ninh Giang được bao lâu rồi nhỉ?

Hồng vừa vắt khăn mặt lên giá thau vừa đáp:

– Gần một năm rồi, chị ạ.

– Giá cụ có ở Hải Dương, thì chị đi về Hà Nội gần hơn, nhỉ?

Hồng thở dài:

– Gần mà làm gì. Gần cũng chả được về đâu. Chị coi, ngày ở Vĩnh Yên cũng như ngày ở Hải Dương, suốt một năm có khi tôi không biết mặt mũi Hà Nội ra sao. Lần này là vì phải sắm sửa các thức... nên mới được phép về đấy.

– Nhưng sao đương ở Hải Dương, cụ lại xin đổi về Ninh Giang!

– Vì quê tôi ở Ninh Giang. Thầy tôi bảo xin đổi về đấy để đợi hưu trí cho tiện.

Hồng mỉm cười nói tiếp:

– Ấy, "cô ta" kỳ kèo thầy tôi mãi về nỗi đương làm thông phán tỉnh lại xin đổi về đại lý. Ở Ninh Giang thầy tôi vừa chữa xong nhà. Rộng rãi, mát mẻ lắm, ở bờ sông, mà lại ngay bên cạnh tòa Đại lý.

– Ồ, thế thì tiện lắm! Nhưng Ninh Giang ở về phía nào, thế nhỉ?

– Không biết Ninh Giang ở về đâu? Địa dư kém thế mà cũng đỗ bằng thành chung được! Ninh Giang ở trên sông Tranh ấy mà! Sông Tranh nghĩa là Canals des Bambous biết chửa! Hôm nào về chơi nhé?

– Được, hôm cưới chị, thế nào tôi cũng về, ấy tôi nhận một chân phù dâu rồi đấy nhé!

Hồng cười gượng. Nga phá lên cười theo.

VI

Hồng về Ninh Giang sau mấy ngày vui vẻ, gần bọn thiếu niên Hà Thành.

Ngồi trên chiếc ô tô đông ních hành khách, bên cạnh người tài xế và một cặp vợ chồng trẻ, nàng khó chịu về nỗi không nhúc nhích, cử động được, nhất là bị người đàn bà béo quàng cái cánh tay nặng ở phía sau cổ, làm cho nàng cứ phải vươn thẳng đầu lên. Xe chạy được một quãng xa, lại thêm cái khó chịu về hơi dầu máy khét lẹt và hun nóng rát hai bàn chân. Hồng cầm che trước mũi chiếc ví da mới vừa mua còn mang cái nhãn giá tiền mà nàng quên chưa rút đi và ngả đầu, gối hẳn vào bắp tay người láng giềng. Mắt nàng nhắm lim dim, và mỗi lúc xe gặp hố nhảy chồm lên, nàng lại chau mày chép miệng làu nhàu.

Lúc đi, nàng cũng ở trong hoàn cảnh ấy, nhưng lòng nàng khoan khoái. Vì nàng mong chóng đến Hà Nội, nên không để ý tới những nỗi bực dọc giữa đường. Hôm nay trái lại, nàng trở về để sống những ngày buồn tẻ trong gia đình.

– Ý chừng cô đi dự hội sinh viên về?

Nghe người đàn bà hỏi. Hồng quay lại:

– Vâng... Tôi có đi xem.

Người kia cười:

– Tôi biết là vì thấy áo cô hãy còn dính hoa giấy.

Hồng ngượng cười, im lặng nhìn ra bên đường. Nàng lấy làm sự thẹn. Sáng nay, thay mặc cái áo nhung cũ để ngồi xe chen chúc được, nàng thấy có dính mấy mảnh hoa giấy mà nàng đã đánh rơi vào va li lúc xếp áo cất đi. Nàng ngây người đứng ngắm cái di tích vui vẻ ấy, trong lòng bùi ngùi nhớ tiếc, và trù trừ không nỡ phủi đi. Vì thế, bây giờ mấy mảnh hoa giấy như vô tình còn rực rỡ bám vào cái vạt áo nhung đen nhàu nát của nàng.

Người đàn bà lẳng lặng nhặt hết những chấm xanh đỏ vứt xuống chân, rồi như nói một mình:

– Rõ phí! Mỗi lần đùa nghịch chơi bời, họ tiêu tốn có hàng trăm hàng nghìn bạc về tiền giấy vụn ném đi.

Người chồng cười đáp:

– Mặc người ta chứ! Người ta thừa tiền thì người ta vứt đi, việc gì đến mợ?

Người vợ gắt lại:

– Cả cậu nữa, hôm nọ các cô ấy mời nhà cũng bỏ tiền ra mua được!

Người đàn ông vẫn cười:

– Chuyện! Người ta mời không mua sao tiện?

Người đàn bà ngồi im, vẻ mặt hầm hầm, dữ tợn. Hồng liếc mắt thoáng nhìn thấy lại nhớ đến dì ghẻ, và tưởng tượng ra một cảnh gia đình ầm ỹ, hỗn độn, chồng nhiếc vợ, vợ to tiếng với chồng, chửi mắng con cái. Và nàng nghĩ thầm để tự an ủi: "Gia đình nào cũng có những chuyện chẳng ra sao, chứ cứ gì một nhà mình, hay những gia đình có người dì ghẻ tàn ác".

Nàng bỗng vụt trở nên tinh nghịch, bảo bà láng giềng:

– Thưa bà, chính tôi mời ông mua *confettis* đấy ạ.

Hai vợ chồng cũng kinh ngạc và cùng hỏi:

– Chính cô?

– Vâng, chính tôi, tôi bán hoa giấy và kẹo mứt ở Khai trí, trong động Bồng lai.

Nàng vừa nói vừa mủm mỉm cười rất có duyên.

Bà kia nguýt dài ngoảnh đi, rồi từ đó cho đến Hải Dương, bà ta

luôn luôn nói chuyện với chồng về những việc đâu đâu làm như đã quên cô bán hoa giấy trong ngày hội sinh viên.

Tới Hải Dương, ô tô hàng đỗ ở trước cửa một hiệu bán dầu xăng. Vợ chồng người hành khách phải xuống để lấy lối cho Hồng đi ra. người đàn bà lãnh đạm tỏ vẻ khinh bỉ. Thấy thế, Hồng càng thích chí, nghiêng đầu nói cảm ơn rồi nhờ người làm xe khuân chuyển va ly và cái bồ để ở trên nóc xe xuống.

Nửa giờ sau, nàng đã lên chiếc ô tô hàng đi Ninh Giang và cũng ngồi bên người lái xe như trước. Chủ xe quen thân với ông Phán, nên bọn người làm công ân cần chào hỏi Hồng, rồi kẻ xách va li, người vác bồ.

Nhưng từ đấy, Hồng đã bắt đầu lo nghĩ. Xe càng gần nhà, Hồng càng sốt ruột buồn phiền đến nỗi người soát vé hỏi vé hai ba lượt, nàng mới nghe ra, mắt đăm đăm nhìn qua cái kính xe rung chuyển và xộc xệch.

Khi trông thấy nóc đền Tranh, nàng nắm chặt hai bàn tay lại như ghì lấy hết can đảm sắp cần đến để đối phó với bên địch.

Nàng còn đương suy tính, tự đặt ra những câu hỏi của cha, của dì ghẻ, và tự nghĩ trước những câu trả lời để bất thần không bị luống cuống, thì xe đã dừng bên bức bình phong gạch trước cửa nhà Hội đồng.

Hồng thấy chân tay toát mồ hôi lạnh ra, và toàn thân run lên, tuy trời về cuối xuân không còn rét nữa. Nàng cố dềnh dàng kiểm điểm hành lý cho chậm tới phút gặp gia đình. Ngập ngừng nàng hỏi người tài xế:

– Mấy giờ rồi... bác nhỉ?

Người kia nhanh nhẩu đáp:

– Thưa cô, mười một giờ rưỡi ạ. Cô về vừa vặn đúng bữa cơm.

Rồi người ấy quát:

– Kìa thằng Tíu, mầy không bê bồ lên xe tay cho cô à?

Hồng đứng lặng nghĩ đến bữa cơm sắp cùng ăn với gia đình, nghĩ đến những vẻ mặt nghiêm khắc, lãnh đạm. Và nàng mong rằng nhà ăn cơm rồi. Thà nhịn đói một bữa còn hơn vừa về đến nhà đã phải nghe những lời mỉa mai hay mắng nhiếc.

Càng xe đặt mạnh lên vỉa hè. Tức thì Thảo, đứa em bé khác mẹ

chạy ra cửa reo lớn:

– À, chị Hồng đã về.

Theo liền ngay tiếng quát:

– Làm gì mà rối lên như thế? Chị ấy về thì mặc kệ chị ấy, có được không!

Thảo sợ hãi chạy thụt vào trong nhà, Hồng lắc đầu thở dài, rồi nhờ anh xe bê bồ hộ còn mình thì xách va li đi theo.

Quanh cái bàn ăn trải chiếc khăn sơn màu vàng kẻ dọc và vẽ hoa xanh, gia đình ông Phán đang ngồi ăn cơm. Hồng liếc thấy các món ăn đã gần tàn, và ông Phán đã dùng đến món chuối tráng miệng. Nghe tiếng Hồng chào, ông không ngửng đầu lên, thản nhiên hỏi:

– Đã về đấy à?

Bà Phán gọi Nhài lấy đũa bát:

– Để chị ấy ăn cho xong bữa, cả nhà cũng vừa ngồi vào bàn đấy thôi, chị ạ.

Rồi chừng thấy câu nói của mình hơi vô lý, bà bảo lấy tiếp thêm một khúc cá kho và một đĩa dưa. Hồng vẫn chắp tay đứng yên lặng nhìn mọi người.

– Thế nào, chị đã sắm đủ các thứ rồi đấy chứ!

Bà dùng cả đôi mắt cười nheo, và cặp môi mỏng khít nhách ra hai mang tai để làm tăng cái nghĩa mỉa mai của câu nói mà bà cho là chua chát lắm. Chừng sợ Hồng không hiểu thấy, bà giải thích:

– Các cô bây giờ văn minh quá, đi sắm lấy đồ cưới cho mình. Chứ ngày tôi lấy thầy... (Bà đã theo các con chồng mà thay tiếng thầy vào tiếng cậu, vì cái danh từ "cậu mợ" tuy có lợi cho bà hơn, nhưng không còn được tự nhiên và thích hợp với cái tuổi khá cao của hai người nữa). Bà liếc mắt nhìn chồng mỉm cười nói tiếp:

– Chứ ngày tôi lấy thầy, ông bà sắm cho hết, tôi chả biết một tí gì về việc cỗ bàn, cưới xin.

Hồng tức nóng bừng cả mặt. Nàng lạ gì việc cưới xin của dì ghẻ, của người vợ theo ấy. Nàng đã toan đáp lại một câu thực sâu sắc, nhưng một sự tủi cực làm cho nàng ứa lệ đứng im: nàng cảm thấy nàng cô độc quá. Người ta sắp về nhà chồng thì nào cha mẹ, nào chị em săn sóc đến từng li từng tí, nghĩ đến từ cái chăn, cái màn cho chí cái gương cái lược, hộp phấn, lọ kem. Còn nàng thì chỉ một

mình tự lo liệu lấy. Nàng cũng biết thân biết phận lắm: Sợ đi về nhà người ta nhem nhuốc quá thì sẽ bị người ta chê cười và khinh bỉ, nàng đã hết sức làm ra mặt chiều chuộng và phục tòng dì ghẻ để nhờ dì ghẻ xin cha một món tiền sắm đồ cưới kha khá một chút. Quả nhiên mưu mô của nàng đã có kết quả: Hôm nàng xin đi Hà Nội, dì ghẻ mở hộp lấy ra ba cái giấy một trăm và nói:

– Tôi đã cố xin cho chị ba trăm, nhưng thầy bảo chỉ có hai trăm thôi. Tôi phải bù vào một trăm tiền riêng của tôi để đủ số ba trăm đấy. Không tin chị hỏi thầy mà xem.

Ông Phán ngồi đối diện vợ, mắng át:

– Mày làm gì mà xin những ba trăm? Sắm thì cũng sắm vừa vừa thôi chứ. Tao tiền đâu mà để mày trang sức như một bà hoàng được?

Rồi ông quay sang phía bà Phán, chau mày gắt:

– Tôi cho nó hai trăm là đủ lắm rồi, sao bà còn cho riêng nó một trăm nữa?

Bà Phán cười:

– Nhưng chị ấy xin những ba trăm cơ!

Vừa nói bà vừa dúi vào tay Hồng ba tờ giấy bạc và tiếp luôn:

– Thôi ông ạ, người ta một đời chỉ có một lần đi ở riêng, ông cũng nên cho nó được rộng rãi một chút.

Hồng cảm động, tuy nàng thừa biết rằng đó chỉ là một lớp kịch khéo diễn.

Hôm nay nghe mấy lời mỉa mai của dì ghẻ, Hồng càng thấy rõ sự giả dối của người ấy đối với mình. Nhưng nàng tự an ủi nghĩ thầm: "Vả lại người ta yêu sao được mình!" Một câu mắng của ông Phán làm giật mình, hết mơ mộng:

– Con kia không ngồi ăn cơm cho xong bữa đi à? Còn đứng làm gì đấy?

Hồng sợ hãi khẽ thưa:

– Bẩm thầy, con no lắm.

Bà Phán bĩu môi, kéo dài từng tiếng:

– Hay chị ấy chê cơm thừa không thèm ăn?

Vậy Thảo bỏ đũa bát đấy xuống bếp dọn mâm khác hầu chị, đi con.

– Mặc kệ xác nó, nó chẳng ăn thì đừng ăn!

Ông Phán nói câu ấy ra chiều bực tức rồi đứng dậy vào phòng trong để ngủ trưa theo đúng lệ hàng ngày. Bà Phán đấu dịu:

– Nói đùa đấy, chứ ăn cho xong bữa đi, con. Cô còn ăn nhiều kia, ngồi xuống cùng ăn với cô cho vui.

Thảo cười ranh quái:

– Bẩm mẹ, chừng chị con đã ăn quà trên xe hàng rồi.

Bà Phán cũng cười theo bảo con:

– Có là đồ quạ mổ thì mới ăn quà trên xe hàng như thế, phải không chị Hồng!

Hồng không đáp, lẳng lặng bỏ đi. Bà Phán gọi giựt lại bảo:

– Hồng, thế mày nhất định không ăn cơm phải không?

Hồng cáu tiết trả lời buông sõng:

– Không!

Tức thì bà Phán dằn mạnh bát xuống bàn, kêu la ầm ỹ:

– À, con này giỏi thật! Nó nói gióng một gióng hai với tôi! Cho mày đi Hà Nội để mày học lấy những tính nết vô phép vô tắc ấy phải không con kia?... Hay cô sắp đi ở riêng ở tây rồi, cô định vượt quyền tôi ngay từ bây giờ đấy?

Ông Phán nằm trong phòng ngủ thét ra:

– Bà cứ để mặc xác nó, có được không? Hoài hơi mà dạy bảo cái con người rắn mày rắn mặt ấy, cái đồ khốn nạn ấy.

Bà Phán được thể gào càng to.

– Nhưng không dạy bảo, rồi về nhà người ta nó bêu xấu, bêu nhuốc tôi cơ.

Tý và Thảo nghe mẹ mắng chị, vui thích nhìn nhau khúc khích cười.

Trong khi ấy thì Hồng nghiễm nhiên bình tĩnh đứng múc nước vào chậu thau để rửa mặt. Những tấn kịch gia đình như thế, nhắc đi nhắc lại trong đời nàng đã có tới hàng trăm hàng nghìn lần, và chỉ còn làm cho nàng khó chịu trong giây lát mà thôi, rồi vì thói quen, nàng lạnh lùng quên ngay.

VII

Từ đó, bà Phán càng cay nghiệt đối với Hồng. Hình như thấy Hồng sắp thoát ly sự áp chế của mình bà phải cố hành hạ vớt vát kéo lại: Còn mười hôm nữa Hồng sẽ không ở hẳn dưới quyền bà nữa. Chỉ nghĩ tới điều đó, bà cũng đủ tức lộn tiết.

Hồng lại như khiêu khích thêm: "Lúc nào nó cũng nhơn nhơn vác cái mặt tự phụ của nó lên". Câu mắng ấy đủ tỏ lòng căm giận của bà Phán và tả được hết cái thái độ của Hồng trong mấy ngày sau khi ở Hà Nội về. Hồng không tự phụ, nhưng nàng cố nặn sự lãnh đạm, thản nhiên ra. Có khi nàng để bà Phán nói luôn trong một giờ, không đáp lại, không cãi lại nửa lời, vẻ mặt tươi cười, hớn hở. Thấy thế bà Phán càng uất lên.

Nhưng ông Phán đã bắt đầu khó chịu, vì ông đã hơi nhìn rõ sự ức hiếp thái quá của vợ và sự khuất phục hoàn toàn của con. Đàn ông nông nổi, hiểu sao được lòng thâm trầm của đàn bà: Các dáng điệu, những cử chỉ mà ông Phán cho là nhu mì, khuất phục, ông có ngờ đâu đó chỉ là sự khiêu hấn.

Một hôm giữa một tấn kịch náo động như thế ông Phán ở tòa về. Vẻ mặt ông mỏi mệt buồn rầu. Lưỡng quyền ông hồng hồng ửng đỏ trên hai cái má gầy và sâu. Cặp mắt ông lờ đờ nhìn thẳng khi đi qua phòng khách để vào phòng bên, nhưng không trông thấy bà vợ ngồi chễm chệ trên sập gụ, và tai không nghe thấy tiếng thét bô bô của bà ta.

Thấy cha về, Hồng lặng lẽ xuống nhà sắp cơm, để mặc dì ghẻ ngồi vào một mình.

Ông Phán lên tiếng, đó là một sự ít xảy ra:

– Bà ơi! Tôi xin bà đi.

Câu khuyên can của chồng như gáo dầu tưới vào đống lửa; bà Phán càng gào to hơn, hai tay đập xuống sập thình lình. Chẳng đừng được ông Phán đến bên vợ thì thầm nói vào tận tai:

– Nó chết rồi!

Bà Phán kinh ngạc, miệng há hốc:

– Ai? Ai chết?

– Thằng Thân ấy mà!

– Thằng Thân? Thằng Thân nào?

– Chồng con Hồng, chứ còn ai nữa.

Bà Phán không giấu nỗi sung sướng bồng bột:

– Thế à! Thằng chồng nó chết rồi! Nào, xem nó có còn làm bộ...

Ông Phán thở dài, yên lặng quay đi. Cử chỉ ấy vụt nhắc bà Phán nhớ đến lòng thương. Bà hối hận tự thẹn:

– Khổ! Nó chết về bệnh gì thế, ông?

– Bệnh thương hàn.

– Sao ông biết?

– Tôi vừa nhận được dây thép của ông tuần?

– Thương hại nhỉ!

Câu phàn nàn của bà Phán chẳng đủ tỏ chút lòng trắc ẩn của bà. Chừng ông Phán cũng nhận thấy thế, nên ông bảo vợ:

– Bà đừng mắng nó nữa nhé?

Bà Phán đã dẹp lòng tức giận, nhưng nghe câu ấy, bà lại ầm ầm thét lên:

– À! Ra ông phải dạy tôi mới biết thương con ông, phải không? Đã thế, thì gái này chẳng cần nữa... Đấy, mặc kệ bố với con, cố mà dỗ dành nhau.

Ông Phán chỉ kịp suỵt mấy tiếng khe khẽ. Hồng đã cầm chồng bát và nắm đũa đi theo bếp Kiền bưng mâm lên.

– Hồng ơi... Chị Hồng!

– Dạ.

Nghe vợ gọi con, ông Phán lo lắng liếc mắt lắc đầu, ra hiệu bảo đừng nói cho biết tin đau đớn vội. Nhưng bà Phán điềm nhiên bảo Hồng:

– Tính cô nóng nảy, chị đừng giận cô nhé!

Hồng cho là trước mặt cha, dì ghẻ đương đóng vai từ mẫu. Và nàng cười lạt. Nhưng bà Phán vẫn hớn hở:

– Chị giận cô thì chị giận đời!

Vẻ mặt bà hồng hào lên, mặt bà trở nên hiền lành, môi bà bớt mỏng, cằm bà bớt lồi: Bà như trẻ lại và sung sướng.

– Thảo, so đũa cho chị. Chị để em, chị ngồi đây.

Bà kéo Hồng xuống chiếc ghế bên cạnh chỗ bà, chiếc ghế mọi bữa của ông Phán. Hồng đã hơi cảm động.

– Cô để mặc con.

– Thì ngồi xuống đây mà lại.

Trong bữa ăn, bà Phán luôn luôn gắp tiếp Hồng như tiếp khách. Hồng nghĩ thầm: "Có lẽ cô ta đổi chiến lược chăng. Mình phải cẩn thận đề phòng mới được!... Dẫu sao cũng chỉ còn mấy hôm nữa mình đã thoát cái nhà này rồi".

Song nàng không khỏi buồn rầu, khi ngắm nét mặt trầm tư của cha. Cha nàng vẫn có tính ít nói nhưng hôm nay nàng nhận thấy sự im lặng của cha có vẻ phiền muộn, chán nản hơn: "Hay thầy nhận được tin phải về hưu trí! Không có lẽ, vì thầy cũng chẳng nghèo gì, và ít lâu nay, thầy vẫn nhắc luôn rằng thầy muốn nghỉ... Hay thầy phiền vì thấy dì ghẻ ác nghiệt với mình!" Cái ý tưởng ấy làm cho nàng vui thầm.

Ăn xong buông đũa bát, ông Phán vào phòng bên nằm nghỉ liền, quên cả dùng món tráng miệng. Hồng hỏi dì ghẻ:

– Thưa cô thầy con hôm nay làm sao thế, nhỉ?

Bà Phán nhìn về phía buồng đáp:

– Chừng thầy lại khó ở qua loa đấy thôi, chứ gì.

Rồi bà mỉm cười và tiếp:

– Mặc kệ! Mấy mẹ con ta ăn đét xe với nhau cũng được.

Bà đứng dậy mở cánh cửa tủ khảm lấy lọ mứt mận mà một nhà buôn Trung Hoa ở Ninh Giang biếu ông Phán đã lâu, nhưng bà vẫn cất kỹ để chờ khi có khách quí sẽ đem ra thết.

– Ăn thôi, chị ạ, để dành lâu ngày, mất ngon, phí đi.

Bà chia cho Tý và Thảo mỗi đứa ba quả, rồi đẩy lọ mứt trước mặt Hồng:

– Ăn đi, chị.

– Vâng, cô để mặc con.

Hồng liếc mắt nhìn dì ghẻ, lòng lo lắng tự nhủ thầm: "Chẳng hiểu sao cô ta lại bỗng dưng thay dổi hẳn tính nết thế này?"

Nàng toan đứng dậy lên gác thì bà Phán lại hỏi:

– Năm nay chị Hồng mười chín hay hai mươi nhỉ? Tính cô vô tâm thế đấy.

– Thưa cô, mười chín ạ.

Bà Phán cười vui vẻ:

– Ồ, mới mười chín thôi! Cô cứ tưởng hai mươi. Mười chín thì còn trẻ chán.

Hồng không hiểu thâm ý câu dì ghẻ nên cũng thẳng thắn cười theo đáp:

– Thưa cô, cô bảo hai mươi tuổi thì già, phải không? Vậy sang năm con già rồi còn gì.

Bà Phán nghiêm ngay nét mặt lại nói:

– Thế ra chị hơn em Yêm bốn tuổi, em Lan năm tuổi.

– Vâng.

*

* *

Ông Phán nằm ở phòng bên, không sao ngủ được. Ông băn khoăn về Hồng, không phải về tương lai, nhưng về cuộc nhân duyên của Hồng. Đối với Hồng, ông vẫn giữ một thái độ lãnh đạm và không ai hiểu thấu được lòng ông, chẳng biết trong thâm tâm, ông thương hay ghét nàng. Đã lâu nay, ông không ngỏ ý kiến riêng với ai nữa, cả người vợ mà ông rụt rè e sợ.

Xưa kia ông cũng là người dễ và mau cảm động, nhất là hay sốt sắng nghĩ tới việc gia đình, thiết tha chăm sóc đến vợ và con. Nhưng từ khi chiều vợ cho nhà cửa được êm thấm ông phải biểu lộ thù ghét Hảo và Hồng, thì ông đổi hẳn tính tình lúc nào cũng cố giữ một vẻ mặt thản nhiên lạnh lùng, để người ngoài khỏi thấy rõ cách cư xử khác nhau đối với con vợ trước và con vợ bây giờ. Rồi, lâu ngày thành thói quen, ông trở nên một người ít nói, ít cười, ít thân mật với con, vợ. Trong đôi mắt luôn luôn nhìn thẳng, dưới cặp mí đen và rậm, người ta không đoán được những ý muốn của ông cũng như người ta không biết rằng ông buồn hay vui. Có khi một nụ cười tươi thẳng thắn nở trên môi ông giữa lúc người ta chờ một câu gắt hay một lời mắng. Trái lại, lúc ông đương vuốt ria bình tĩnh ngồi nghe vợ con trò chuyện, bỗng ông thốt ra một câu giận dữ rất vô lý. Nhưng

cái liếc đầy ý nghĩa của bà Phán khiến ông dẹp cơn thịnh nộ ngay; ông im đi để khỏi cãi nhau với vợ, vì ông không muốn to tiếng đôi co với ai hết trừ khi nào người ta để một mình ông nói tự do mà không phản đối lại.

Cùng với tính nhu nhược, nhút nhát ấy, ông lại có tính sợ phiền nhiễu, sợ đau khổ. Bạn ông, người thân của ông ốm nặng hay gặp nguy hiểm, ông cũng mặc, nếu ở xa ông, nếu ông không trông thấy: đừng ai nói đến tai ông, ông chỉ xin có thế. Vì nếu ông biết thì ông sẽ khổ sở lắm. Người thân ấy chết rồi, ông coi là một việc dĩ nhiên của thời kỳ vãng và ông sẽ quên một cách mau chóng, thản nhiên.

Bởi vậy, nhận được tin Thân chết, ông khó chịu. Ông khó chịu vì nhiều lẽ. Lẽ thứ nhất là ông sắp thấy Hồng buồn bã khổ sở. Tính ương ngạnh của nàng đã như cái gai trước mắt ông rồi. Lại thêm một cái gai nữa: sự đau phiền của nàng. Ông chưa biết nàng sẽ cư xử ra sao đối với bà Phán, nhưng ông chắc rằng sự thất vọng sẽ làm cho nàng liều lĩnh hơn, hỗn xược hơn.

Lẽ thứ hai là cái mừng của ông đã thành một cái mừng hụt. Trong mấy tháng nay, ông mong mỏi chóng tới ngày con gái về nhà chồng: ông sẽ được thoát cái nạn phải nghe những tiếng chửi rủa tục tằn của bà vợ lắm lời. Hồng đi rồi thì bà còn lôi thôi với ai? Cũng vì thế mà ngày trước khi có người giạm Hảo, ông cho cưới ngay. Ông yên thân được tới thời Hồng khôn lớn. Nay đến lượt Hồng sắp đi khỏi nhà ông thì cái chết kia bỗng xảy ra.

– Vô lý đến thế là cùng!

Ông thốt ra câu ấy, rồi ông tức tối đứng dậy ra nhà ngoài. Bà Phán hỏi:

– Ông không ngủ?

Ông nói dối:

– Có, tôi chợp được năm phút. Cũng dễ chịu.

Thấy cha, Hồng lảng xuống nhà. Không mấy khi nàng muốn gặp mặt cha, người cha mà nàng sợ hãi hơn yêu mến.

– Bà chưa nói gì với nó đấy chứ?

Bà vợ chau mày hỏi lại:

– Nói gì?

Ông chồng đấu dịu liền:

– Báo tin thằng Thân chết ấy mà.

– Ai hoài hơi!

Biết mình gắt gỏng vô lý, bà Phán tươi ngay nét mặt lại:

– Chưa, ông ạ, vì ông dặn đừng nói cho nó biết vội.

– Phải. Thế phải. Tôi không muốn nó biết tin ấy một tí nào.

Ông ngần ngừ thở dài nói tiếp:

– Khó chịu!... Cái nợ ấy... bao giờ mới lại có người khác rước đi cho?

Bà Phán phì cười:

– Ông muốn tống nó đi lắm, phải không?

Ông Phán yên lặng ngồi xuống sập, hắng dặng để tránh một tiếng thở dài. Thực ra ông chỉ muốn được yên thân. Cái tin nhà trai xin cưới đã làm ông mừng rỡ đến nỗi Hồng xin ba trăm bạc để sắm sửa, ông cho ngay chứ không cần tính toán, hay trù trừ tiếc của.

Bà Phán vẫn cười ngạo nghễ:

– Con gái ông xinh đẹp, nết na thế thì lo gì chả có người khác giạm ngay.

Rồi bà vờ buồn rầu tiếp luôn:

– Nói thế chứ... cứ theo tục xưa thì phải để tang ba năm cơ đấy... Vì như thế cũng phải thong thả chẳng bên nhà giai họ mỉa cho.

Ông Phán vẫn giữ yên lặng. Bà vợ lại nói, nói luôn mồm, hình như lòng bà đương vui thích bồng bột. Bà thuật lại câu chuyện bà đọc đã lâu đăng trên các báo hàng ngày. Một thiếu phụ sắp về nhà chồng thì chồng chết... người ấy xin cha mẹ cho phép để tang và đi đưa đám, rồi từ đó giữ tiết thờ chồng cho tới khi chết. Đó là một câu chuyện Tàu, bà Phán cũng nhớ thế, nhưng bà chủ tâm kể lờ mờ, để chồng có thể tưởng lầm rằng việc đã xảy ra ở nước Nam.

– Bây giờ thì làm gì có hạng thủ tiết như thế. Đến con đàn rồi mà chồng chết chưa đoạn tang người ta cũng tái giá như thường.

Lại có dịp để bà Phán cự chồng:

– Sao ông cứ khinh miệt đàn bà như thế? Có người tốt thì cũng phải có người xấu chứ. Đàn ông các ông thì hay hớm cả đấy chăng?

Ông Phán cười làm lành rồi nói lảng:

– Khó nhất là làm thế nào để báo cho nó biết cái tin buồn ấy.

Bà vợ càng tức thêm:

– Báo tin! Rõ khéo bầy vẽ. Việc gì phải báo với trình! Mỗi cái mặc kệ mẹ nó là xong.

Ông Phán bỗng như chợt nghĩ ra:

– Hay thế này này. Bảo nó đi Hà Nội mua thứ gì đó rồi viết thư cho cái Hảo để nó an ủi em nó.

Bà Phán đứng phắt dậy, nguýt dài chồng một cái:

– An ủi với chẳng an ủi! Việc gì phải nhiêu khê thế? Cứ bảo thẳng cho nó biết không được à?

Ông Phán chau mày:

– Thì tôi đã bảo bà rằng tôi không muốn nhìn thấy cái mặt mếu máo, khóc lóc của nó mà lại... Bà cứ nghe tôi, cho nó đi Hà Nội với chị nó... để nó ở chơi với chị nó một tháng cũng được.

Bà Phán thủng thỉnh đi xuống nhà dưới, miệng lẩm bẩm:

– Đấy thì đi. Chỉ sợ cho về Hà Nội mãi rồi... rồi bụng lại phễnh ra thôi.

VIII

Hai cây đèn măng sông đặt trên giá ở hai đầu tủ chè tỏa khắp phòng một thứ ánh sáng dịu lọc qua cái chụp vải xanh rủ tua hột bột ngũ sắc.

Bà Phán ngồi xếp bằng tròn trên sập đợi khách đến đánh tổ tôm: ban chiều bà đã cho đi mời bà phủ, bà đốc, ông "chủ giây thép" và họ đều nhận lời cả. Bà đã tưởng hai vợ chồng bà ngồi hai chân, nhưng sau bữa cơm chiều, ông Phán kêu mệt và đi ngủ liền, nên bà lại phải nghĩ đến một chân thứ năm. Mọi khi bà vẫn mời vợ chồng ông Huấn, nhưng hôm nay ông bà ấy lại đi Hà Nội vắng. Chẳng lẽ cho gọi một thầy trưởng phố? Chơi với họ mất cả danh giá! Hay một ông giáo?... Họ thì làm gì có sẵn tiền?

Ở phố Ninh Giang xưa nay vẫn chia ra nhiều xã hội cao thấp cách biệt hẳn nhau: Xã hội quan thì có quan phủ, quan đốc, quan chủ, quan huấn và quan phán đầu tòa. Kế đến xã hội mô phạm của nhà giáo, "bọn tổ tôm một đồng", cái tên bà Phán thường dùng để gọi bọn họ; xã hội trưởng phố rất hách dịch đối với những nhà

buôn nhỏ và quá lễ phép, nhiều khi khúm núm nữa đối với những đấng bề trên. Ấy là chưa kể xã hội khách trú đông một phần tư dân số và xã hội tài xế khách hàng rất trung thành và rất hào phóng của xóm bình khang.

Thường thì những người trong từng hạng đi lại chơi bời với nhau, chứ không chịu trộn lẫn vào hạng khác. Nhưng trong bọn trưởng phố có mấy tay đã nhờ thâu thuế chợ, thuế đò, thuế bò lợn mà trở nên giàu lớn, nên được "các quan" hạ cố tới luôn: một thầy trưởng phố ngồi vắt chân chữ ngũ hầu tổ tôm góp năm, góp mười ở trong phủ, đó là một cảnh quen mắt lắm rồi.

Bà Phán cũng như bà đốc vẫn chê ông phủ về điều đó. Bà thường nói: "Không đủ chân thì nhịn, chớ chơi với bọn họ, thì nhất định không chơi". Và hôm nay thiếu chân một cách bất thần bà rất lấy làm khó nghĩ. Bà đã toan cho đi mời tạm thím Phồn, một người đàn bà giàu và rất lễ phép, vợ người khách buôn gạo to nhất Ninh Giang, thì ông phủ bà phủ đẩy cửa bước vào. Bà mừng rỡ reo lên:

– Chân đây rồi!

Và vội chắp tay vái chào:

– Lạy quan lớn, lạy bà lớn!

– Không dám, lạy bà lớn. Thế nào, có những ai đấy?

– Mẹ đốc với lão chủ.

– Chưa đến kia à?

– Cũng sắp đến đấy.

– Thế quan lớn đâu?

– Ông lão nhà tôi ốm đi nằm rồi.

Ngôn ngữ thân mật ở tỉnh nhỏ nhiều khi vẫn phóng tứ như thế. Nhưng bà Phán chợt nhớ tới sự buồn rầu cần phải có của mình liền đổi giọng:

– Chả giấu gì quan lớn, bà lớn, chúng tôi vừa nhận được một tin đau đớn, nên nhà tôi,...

Ông phủ giật mình, vội hỏi:

– Thưa bà lớn, tin buồn gì thế?

– Chúng tôi vừa mất một thằng cháu rể.

Bà phủ run cả chân tay.

– Khổ! Ông Phán Hà Nội mới hôm nào...

– Không phải ạ, cháu Thân, con cụ tuần kia ạ.

– À! Chồng cô Hồng.

– Vâng.

– Thế cô Hồng đâu?

Bà Phán đưa khăn tay lên lau mắt, đáp:

– Ấy, chúng tôi vừa cho về Hà Nội chơi với chị Phán cháu... Bẩm, chúng tôi còn giấu cháu đấy ạ. Thương hại cháu quá...

Bà nức lên không nói được dứt câu. Bà phủ khuyên giải:

– Thôi, bà lớn cũng chẳng nên buồn phiền quá sinh yếu người. Chẳng qua số cậu ta có thế...

– Chia bài ra!

Tiếng thét từ ngoài cửa đưa tới: Bà y sĩ cười nói bước vào. Theo liền sau, ông chủ sự Bưu chính.

Thấy mọi người yên lặng, vẻ mặt buồn rầu, bà y sĩ vội ngừng tiếng cười.

Bà ta vốn rất thông minh, thoáng hiểu ngay rằng mình đương đứng trước một sự đau đớn. Liền ghé tai thì thầm hỏi bà Phủ:

– Sao thế?... Cái gì thế?

Bà kia cũng thì thầm đáp lại;

– Bà Phán vừa bỏ mất người con rể thứ hai.

– *Chồng cái Hồng?*

– Chính phải đấy.

– Ồ! Tưởng gì!

Bà đốc lại vui vẻ cười tiếp. Bà chơi thân với bà Phán nên việc gia đình bạn, mà biết rõ như việc nhà. Hơn thế, mỗi khi bạn có điều gì khó xử với chồng, với con chồng vẫn sang vấn kế bà, coi bà như quân sư vậy.

Bà là con một ông phủ về hưu, ăn chơi từ thủa trẻ, từ khi bọn phụ nữ còn chưa dám coi thường dư luận.

Mới mười tám tuổi, bà đã mạnh bạo vấn tóc trần, rẽ đường ngôi lệch, cùng bạn trai đi rong phố. Mười lăm mười sáu năm về

trước, người ta cho thế là táo bạo lắm. Và người ta nhao nhao công kích bà trên hết các báo chí.

Ngày nay, trong câu chuyện thù tiếp, bà thường thản nhiên thuật lại những bài đại luận đầy tư tưởng đạo đức ấy. Rồi bà cười một cách ngạo mạn.

Bà có đủ các lối cười, tùy dịp, tùy trường hợp đem ra dùng, hoặc cười vui, hoặc cười buồn, hoặc cười an ủi, hoặc cười trêu tức. Lần này cái cười của bà rất mỉa mai, như muốn bảo mọi người: "Rõ khéo giở trò hề!"

Bà tiếp luôn một câu để giải nghĩa cái cười của mình;

– Nó chết thì mặc nó, việc gì phải buồn! Nó mới hỏi chứ đã cưới đâu mà là rể là con? Con chết đã có thằng khác giỏi gấp mười đến hỏi.

Rồi bà gọi:

– Sửu, chia bài ra, mày!

Bà lại cười, làm cho mọi người cũng lơ đãng cười theo và quên bẵng cái tin buồn.

– Mời bà lớn ngồi lên cho.

Bà Phán hai, ba lần mời mọc, bà phủ vẫn không chịu bước lên sập, nói xin ngồi ghế cho đỡ mỏi. Bà phủ là con nhà thế phiệt, lấy chồng con nhà dòng dõi nên bà đã quen với cái lễ phép quá câu nệ, dù khi đối đãi những người ngang hàng hay bề dưới.

Tuy thế, bà ta vẫn hách, cái hách dịch lề lối của một bậc mệnh phụ. Hồi ông phán Trịnh mới đổi về Ninh Giang, bà khinh bỉ bà Phán là lẽ mọn, không thèm đi lại chơi bời, ông phủ khuyên thế nào cũng không được.

Nhưng sau thấy nhiều sự rất khó chịu xảy ra cho bà và cho chồng bà, bà phải hạ mình làm quen với người đàn bà đáng ghét ấy vậy.

Vì bà Phán đi đâu cũng kể xấu bà, và chồng bà. Có khi bà ta bỏ hẳn ra một ngày để đi rải rắc khắp các nơi một tin đồn phao về những việc không hay mới xảy ra trong nhà bà phủ. Bà này cũng đáo để lắm, nghe người ta thuật lại, chỉ cười và nói nhiếc bấn hơi:

– Các bà tính, hạng vợ lẽ, vợ theo thì họ còn ưa sao được tôi. Những cô hầu của cụ tôi cũng vậy, các cô ấy ghét tôi lắm.

Bà cười xoà nói tiếp:

– Không biết bà phán Trinh có sợ bà không, nhưng chẳng

bao lâu chính bà phải sợ bà Phán. Bà này xui xiểm chồng, bắt ép chồng nói xấu ông phủ với ông đại lý mà bà biết là một người rất đa nghi và rất thích ăn lễ... Ông Phán nghe theo, thuật lại với ông Đại một câu phàn nàn hỗn xược của ông phủ. Mấy hôm sau, ông Đại lớn tiếng cự ông phủ ở ngay trước mặt dân sự đông đảo.

Một chuyện nhỏ mọn ấy đủ khiến bà phủ hiểu rõ tình thế gay go và nhanh nhẹn kéo cờ hàng.

Chiều hôm ấy, bà đến chơi bà Phán, rồi lại đánh tổ tôm cho tới hai giờ sáng. Sự giao du của hai nhà đã bắt đầu và chẳng bao lâu trở nên mật thiết, mật thiết đến nỗi nhiều người ở Ninh Giang đồn rằng bà phủ sắp hỏi cô Lan cho cậu hai, sinh viên lớp nhất trường trung học Pháp.

– Thế nào, bà lớn nhất định ngồi ghế? Vậy tôi xin vô phép hai bà với hai ngài nghé.

Vừa nói, bà đốc vừa cúi xuống tháo quai dép, rồi bước lên sập ngồi xếp bằng tựa lưng vào tủ chè:

– Còn ngồi sập nữa?

– Thôi, xin mời bà Phán.

– Ấy, ai lại thế, tiền khách hậu chủ chứ lị. Xin mời quan lớn!

– Thì xin vâng.

Bà phủ đứng dậy đổi chỗ với bà Phán, và nói:

– Vợ chồng ngồi liền cánh nhau không tiện.

– Vẽ! Dễ thông lưng được đấy mà sợ!... Hay bà đổi với ông chủ? Phải đấy, để ông ấy ngồi dưới cánh tôi, tôi chèn cho không có ông ấy ù dữ quá.

– Chà! Bà đốc thì cũng chẳng kém gì bà. Vâng thì đổi.

Ông chủ sự Bưu chính bệ vệ đi lắc la lắc lư cái mặt núng nính những thịt. Ông béo lắm, nên ở Ninh Giang những kẻ ghét ông, thường gọi ông là ông chủ "lợn ỷ".

Tuy ghét mà người ta vẫn sợ ông, coi ông như một ông thanh tra mật thám. Sự thực, người ta chỉ biết có một điều: ông chơi thân với quan đại lắm, chẳng ngày nào không vài lần gọi điện thoại vào tòa, và chẳng mấy chủ nhật không đến chơi nhà riêng quan đại.

Có tin đồn khắp Ninh Giang rằng ông ta thường bóc thư ra

xem để tìm những kẻ phản đối chính phủ mà ghi tên vào "sổ đen".

Ngoài việc bóc thư, người ta còn ca tụng cái tài gợi chuyện của ông chủ: Khi nghe người ta tỏ ra người khảng khái yêu nước thương dân, hay thốt ra những chữ quá mạnh để chê bai các quan Pháp ở xứ thuộc địa, thì người khôn ngoan phải coi chừng mà mặc cho ông ta nói cho sướng miệng. Nếu không, những câu trả lời của mình đều bị ông ta ghi chép liền.

Nhưng ông ta có một nhược điểm: thích tiệc. Mời ông ta ăn luôn, uống luôn, hút luôn thì ông ta cũng châm chước cho mình, khi mình phạm điều gì mà ông ta không thể không ghi vào "sổ đen" được. Hơn nữa ông ta sẽ tìm dịp để nói tốt mình với quan đại. Đã có nhiều người nhờ ông ta mà tên được xóa trên "sổ đoạn trường" của tòa đại lý. Những người ấy, ta có thể đoán biết rằng đã tiêu thụ hàng tá sâm banh của chú "An thái" để thết cơm tây "quan chủ".

Đối với ông Phán, ông chủ vẫn bằng mặt mà chẳng bằng lòng. Ông ta biết ông Phán ghét ông ta, và thường tỏ ý khinh ông ta nữa, khinh không phải vì cái tài mật thám, nhưng vì cái thói ăn của ông ta. Còn bà Phán thì cũng chẳng ưa gì ông ta. Bà thấy mỗi khi ông ta đến chơi nhà, hộp thuốc lá "Ăng lê" của chồng lại khuyết thêm một chỗ hổng lớn. Bà lấy thế làm tức lắm và đã có lần ỡm ờ hỏi:

– Ông chủ dễ không một phút nào không hút thuốc lá đấy nhỉ? Nhất là thuốc "Ăng lê".

Ông kia cười khì khì đáp:

– Vâng, nhất là thuốc lá "Ăng lê" của bạn.

Hôm nay, ông chủ được dịp báo thù. Nhưng trước khi hỏi một câu thấm thía, ông còn ngấm ngầm ngồi hưởng cái thú sắp được thốt câu ấy ra. Và ông mủm mỉm cười sung sướng:

– Thưa bà lớn, cô Hồng là cô thứ hai?

Bà Phán vô tình thẳng thắn trả lời:

– Vâng, cháu thứ hai.

– Dễ bà lớn sinh cô Hồng ở Hà Nội.

Bà đốc và vợ chồng ông phủ đều quay cả về phía ông chủ. Bà Phán đánh trống lảng, hỏi bà đốc:

– Có ăn không thì bốc, chứ?

Rồi sau một hồi lâu suy nghĩ, và có lẽ đoán biết rằng ở

Ninh Giang không còn ai lạ gì tình cảnh nhà mình, tự nhiên bà phân trần kể lể với ông phủ, bà phủ:

– Thưa quan lớn, bà lớn, chả nói giấu gì quan lớn, bà lớn, cháu Hồng là con riêng ông Phán nhà tôi đấy ạ. Nhưng tôi thương yêu cháu chẳng khác con đẻ, vì tôi nuôi cháu từ ngày cháu mới lên ba.

Bà phủ phỉnh:

– Thưa bà lớn, như thế thì khác gì con đẻ!

Và ông chủ sự vờ kinh ngạc:

– Ồ! Thế mà tôi cứ tưởng... xin lỗi bà lớn nhé.

– Có gì mà ông phải xin lỗi?

Ở tỉnh nhỏ, khi mình cung kính tôn người ta lên địa vị quan lớn, bà lớn, mà người ta cứ kéo miệt mình xuống hàng ông bà, đó là một cách chọc tức ghê gớm lắm, có thể gây ra một cuộc cãi lộn và ẩu đã nếu hai kẻ đương đầu là hai người đàn bà trẻ tuổi hung hăng. Nhưng ông chủ sự là người tốt nhịn. Ông làm ra mặt không thèm chấp đàn bà.

Bà Phán coi như không có ông ta, vẫn kể lể với bà phủ:

– Thưa bà lớn, cháu mến tôi lắm ạ, mến như mẹ đẻ ấy ạ. Từ hôm bên quan tuần xin cưới mà tôi nhận lời, cháu cứ buồn rợi cả ngày. Cháu chỉ sợ phải xa tôi.

Ông chủ sự lại thêm:

– Thưa bà lớn, thế mà bà lớn Phán nghiêm khắc lắm, dạy dỗ đánh mắng luôn chớ có phải nuông con như người ta đâu.

Bà Phán nguýt dài một cái:

– Quan lớn tính, chả dạy để nó thô bỉ hay sao?

Rồi quay sang phía bà phủ, tuy vẫn để ý đến ván bài, và vẫn không bỏ một nước ăn, một nước phỗng:

– Bẩm bà lớn, cháu còn dại lắm ạ, chẳng biết một tí gì, nên ông phán nhà tôi với tôi cứ lo sợ khi về làm dâu người ta, nó không chịu đựng nổi với mẹ chồng nó. Nghe nói bà lớn tuần đanh thép lắm kia đấy.

Ông chủ sự chẳng chịu bỏ qua một nhát nào:

– Thế thì cậu Thân chết, bà lớn cũng chẳng nên buồn lắm, thêm ốm người.

Bà phủ vội hỏi để át câu khiếm nhã của ông kia:

– Thưa bà lớn, cậu ấy chết về bệnh gì thế?

Bà Phán đáp, giọng nước mắt:

– Bẩm bà lớn, bệnh thương hàn ạ.

Ông chủ bình phẩm:

– Bẩm, bệnh sốt rét thương hàn thì khó chữa lắm. Sách thuốc ta cho là "nội thương, ngoại cảm" đấy ạ. Tài thánh cũng không cứu được.

Bà đốc cãi để tỏ rằng mình am hiểu thuốc tây:

– Làm gì mà chẳng chữa được? Cứ kiêng cơm ăn sữa thì chẳng sao hết... Nhưng này, năm ván rồi đấy, góp ra thôi chứ! Tôi ù một lèo, một thông, ba đồng rưỡi, còn phải góp một đồng rưỡi đây.

Vừa nói bà vừa vứt xuống sập cái giấy bạc gói năm hào vào trong. Ông chủ sự mỉm cười:

– Còn một ván cúng tổ nữa chứ.

Câu chuyện cứ như thế kéo dài cho tới khi mãn cuộc tổ tôm, lúc buồn rầu, lúc vui vẻ, lúc khôi hài, lúc châm chọc.

Một giờ sáng, bà Phán tiễn khách ra về, trong lòng sung sướng, tuy bà thua bốn đồng rưỡi. Bà sung sướng vì đã khéo đóng cái vai từ mẫu đối với con chồng. Bà có ngờ đâu rằng mọi người đều "đi guốc trong bụng bà", vì ở tỉnh nhỏ, còn chuyện riêng nhà ai mà người ta không biết rõ. Có khi buổi sáng, bếp nhỡ nấu phải nồi cháo khê, người ta còn chẳng lạ nữa là câu chuyện dì ghẻ con chồng to tát kia!

PHẦN THỨ HAI

I

Từ biệt bác sĩ, Hồng thuê xe về thẳng nhà chị. Nàng vừa cạo răng trắng nên bẽn lẽn, chỉ sợ gặp người quen.

Nàng do dự mãi, nay thì cô Nga thúc giục mới dám quả quyết, tuy từ lâu nàng vẫn ao ước, thèm muốn "cái cười sáng và tươi" của nhiều chị em bạn. Một lần muốn có cái cười ấy trên tấm hình, nàng đã cắt giấy trắng dán vào răng, trước khi chụp ảnh.

Vừa đến nhà, Hồng bước vội lên gác, lấy gương soi, mủm mỉm với

bóng, trong lòng hồi hộp, sung sướng.

Nhưng nàng có ngay một cảm giác buồn man mác. Nàng nhớ lại hồi còn theo học trường Nữ cao đẳng tiểu học. Rời nhà trường, nàng mất hết tự do, cả những tự do nhỏ nhặt như cái tự do để răng trắng.

Thôi học được nửa tháng nàng liền bị cha a dua với dì ghẻ bắt phải nhuộm răng cho bằng được.

Trước nàng còn bướng bỉnh nhất định không vâng lời.

Về sau, muốn được yên thân, nàng miễn cưỡng nghe theo. Rồi qua bữa đầu lạ mắt, nàng ngắm nghía trong gương thấy nàng răng hạt huyền không xấu lắm như nàng tưởng, mà lại có duyên nữa là khác.

Nhưng nay, nàng nhận thấy hai màu trắng đen hơn kém nhau rõ rệt quá. Vả, trái lại với ngày xưa, nay nàng chỉ muốn trêu tức người dì ghẻ và tỏ cho người ấy biết rằng nàng có đủ hết quyền tự do.

Hồng đương mơ màng nhìn bóng, thì một dịp cười dòn ở sau lưng làm nàng giật mình quay lại:

– Ồ chị Nga! Chị dạy học về?

Nga vẫn cười:

– Đấy, có phải không? Cạo răng trắng đẹp lắm mà lại! Có nham nhở gì đâu? Cười xem nào!

Hồng mím môi lại cười sằng sặc.

– Cười nhăn răng ra kia chứ! Đấy!... Đẹp thế mà mãi nay mới chịu nghe theo. Trông trẻ đi đến năm, sau tuổi. Lương mà trông thấy thì đến tự tử mất thôi.

Hồng cau mày, cự bạn:

– Chỉ nói bậy!

– Chị còn nhớ Lương không nhỉ?

Hồng ngẫm nghĩ, đáp:

– Không, Lương nào thế?

– Người chúng ta gặp năm ngoái trong ngày hội sinh viên ấy mà!

Hồng như chợt nhớ ra, cười vui vẻ.

– Ồ phải, cái anh chàng ném hoa giấy, mặt xấu như mặt quỷ sứ.

– Thế mà nó mê tít chị đấy.

Nga thuật cho bạn nghe cái tính nhẫn nại lạ lùng của người thiếu niên. Tuần lễ nào, ít ra chàng cũng một lần đến chơi với Căn mà chàng đã làm quen, làm thân nữa.

– Trước, tôi vẫn tưởng anh chàng muốn chớp chới với tôi. Nhưng một hôm gặp tôi, anh ta thì thầm hỏi: "Thưa cô, cô Hồng bao giờ lại lên chơi Hà Nội".

Hồng đỏ mặt:

– Sao chị không mắng cho hắn một chặp.

Nga cười:

– Sao chị hủ thế? Ở mãi nhà quê có khác!

Người ta hỏi thăm là một sự hân hạnh cho mình, việc gì lại mắng? Hắn hỏi tôi *adresse* chị, tôi bảo chớ có viết thư cho chị mà làm phiền chị ra vì ở nhà chị gia pháp nghiêm khắc lắm.

Hồng buồn rầu:

– Cảm ơn chị, quả thực thầy tôi và... người ta hà khắc với tôi lắm, nhất từ ngày...

Hồng ngừng lại nhìn Nga, Nga nói gạt:

– Đã bảo đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa!

Hồng chữa thẹn, gượng cười:

– Chị bảo hắn đừng lôi thôi nữa, nhé? Thầy tôi mà bắt được thư của hắn ta thì tôi đến chết mất.

– Hắn ta cũng đã ở trong tình cảnh như chị, chắc tôi bảo hắn hiểu ngay. Chị cứ yên lòng.

Hồng kinh ngạc:

– Tình cảnh như tôi?

– Phải. Hắn cũng bị dì ghẻ làm khổ... Ấy chính hắn ta kể lể với anh Căn và tôi như thế. Bây giờ tôi dạy cùng trường với hắn, chị ạ.

Hồng hơi cảm động:

– Hừ! Gia đình nào cũng vậy, hễ có vợ lẽ là y như tan nát.

Nga cười:

– Tưởng cũng tùy đấy thôi. Thiếu gì gia đình dì ghẻ con chồng ở với nhau êm thấm vui vẻ, có khi thân yêu nữa.

Hồng thở dài:

– Làm gì có... Mà nếu có thì hẳn là giả dối.

– Vậy chỉ có một cách giản dị

Hồng cướp lời bạn:

– ... là đừng ai lấy vợ lẽ hết.

– Nhưng còn trẻ mà góa vợ và đã có con thì chị có cho phép lấy vợ kế không?

Câu trả lời quả quyết của Hồng làm Nga bật cười:

– Nếu thế thì thừa nhiều phụ nữ quá. Trong nhân loại sẽ có bao nhiêu gái già. Tội nghiệp lắm chị ạ!

Hồng cáu kỉnh:

– Xin chị hãy thương hại đứa con mất mẹ như tôi đã. Bao nhiêu năm sống giữa một gia đình không một ai bênh vực, an ủi! Đến khi tưởng thoát ly được cái gia đình ấy để đi lấy chồng, thì cái thằng chồng khốn nạn bỗng dưng lăn ra chết...

Nga cười càng to vì nàng chỉ nhận thấy ý nghĩa khôi hài của của những lời chua chát.

– Sao nó không để cưới xong rồi hãy chết!

– Để làm một quả phụ, phải không?

– Làm quả phụ, hay làm gì thì làm, làm cả một gái giang hồ nữa cũng được, nhưng đừng ở trong một gia đình có một người dì ghẻ như dì ghẻ của tôi.

Nga dương mắt nhìn, kinh ngạc về những ý tưởng ngộ nghĩnh, quá khích của Hồng. Nàng chau mày toan cự, bỗng ngừng lại, vì thấy hai dòng lệ chảy ướt má bạn.

– Chị khổ lắm, phải không, chị Hồng?

Hồng cười gằn:

– Tôi cũng không hiểu thế có là khổ hay không. Nhưng kẻ thù nhất đời của tôi, tôi cũng không nỡ tàn nhẫn mong cho nó có một người dì ghẻ như dì ghẻ tôi.

Rồi nàng cố trấn tĩnh thuật lại với Nga những sự đã xảy ra trong hơn năm nay.

Đời nàng là một đời chồng chất những ngày sầu thảm nhưng nàng cho chẳng thời kỳ nào sầu thảm bằng trong vòng một

năm gần đây. Những nhân vật mới xuất đầu lộ diện, nàng chỉ thầm nhắc đến tên cũng đủ rùng rợn. Vì ngoài dì ghẻ và mấy đứa em khác mẹ, lại hai người đáng ghét nữa mới len vào vào đời nàng: bà cửu Sót, chị gái bà Phán, và cả Điện, con trai bà ta.

Thân, chồng chưa cưới của Hồng chết được ba tháng, thì một giáo viên trẻ tuổi ở Ninh Giang nhờ ông Huấn làm mối hỏi Hồng. Nhưng bà Phán xúi chồng từ chối, lấy cớ rằng giáo học lương ít mà không có bổng lộc. Hồng chưa từng gặp ông giáo kia bao giờ, mà cũng không biết ông ta ở Ninh Giang, nhưng chỉ vì bị người dì ghẻ cự tuyệt mà ông ta bỗng được Hồng lưu ý tới. Nàng hỏi thăm biết tên người ấy là Duy, và hai, ba lần qua trước nhà người ấy để gặp được mặt mới nghe. Duy rất tầm thường, cả về dung mạo dáng dấp lẫn trí thức. Nhưng Hồng thấy chàng rất đáng yêu.

Hồng mến thầm Duy đến nỗi không ghét Tý nữa, dù đứa em nhỏ ấy vẫn tàn nhẫn với nàng; vì Tý là học trò Duy, nàng lấy sách Tý xem luôn, để chỉ bảo điều này, điều khác. Kỳ thực nàng chỉ cốt ngắm nghía những chữ đỏ phê và chữa của Duy ở rìa các trang giấy.

Một hôm trong bữa cơm Hồng đánh bạo gợi chuyện nói đến Duy với cha. Nàng khen ông giáo dạy lớp Tý giỏi và chăm chỉ. Cha nàng nhìn nàng, hỏi:

– Sao mày biết?

Nàng thản nhiên trả lời:

– Con xem vở của em Tý.

Bà Phán thừa biết ông giáo ấy là ai, nên bà mỉm cười chua chát, làm cho Hồng vừa hổ thẹn vừa căm tức.

Nhưng hết hè, Duy xin được đổi đi nơi khác.

Ở một thành phố nhỏ như Ninh Giang, mà làm chủ động trong một câu chuyện không hay, thì chỉ còn một cách rời đi nơi khác, nếu không muốn bị chế giễu, hay nghe thấy những lời bình phẩm khó chịu. Người ta sẽ chỉ trỏ mình mà thì thào "Kìa ông giáo, chồng hụt cô Hồng!" hay "Ông giáo ấy bị ông phán Trinh đá đít đấy!". Tỉnh nhỏ là nơi người ta ít lòng thương.

Cái tin Duy rời Ninh Giang làm cho Hồng đau xót ngấm ngầm trong hơn một tuần lễ, trái hẳn khi Thân chết nàng dửng dưng, không một chút cảm động. Để người dì ghẻ không trông thấy nét mặt ảo não của mình, Hồng cáo ốm bỏ cơm luôn hai ngày. Nằm

trong phòng, nàng tưởng ngất đi, được thấy nghe tiếng dì ghẻ the thé: "Nó vờ vĩnh đấy chớ ốm yếu gì! Hay cô ả ốm tương tư cậu giáo?".

Cách đó ít lâu lại một người nữa đến hỏi Hồng. Lần này thì Hồng hoàn toàn đồng ý với dì ghẻ, vì biết người kia là một anh quê dốt nát, con của một ông chánh tổng cự phú. Nhưng bà Phán xúi chồng từ chối, chẳng phải vì không muốn Hồng có một người chồng ngu si dốt nát. Chỉ vì bà ta không ưng cho Hồng được làm dâu một nhà cực kỳ giàu có.

Rồi ngay tuần lễ sau, mẹ con bà cửu Sót đến chơi. Bà Phán mừng rỡ đón tiếp rất long trọng, luôn năm, sáu tối mời bà phủ, bà đốc đến đánh tổ tôm. Những hôm ấy Hồng thấy dì ghẻ ân cần săn sóc tới mình, nói với mình những lời dịu dàng, âu yếm nữa.

Hồng đoán hiểu. Vì nàng thấy bữa ăn nào dì ghẻ xếp đặt chỗ cho mọi người cũng để Điện ngồi đối diện nàng. Rồi luôn luôn khen ngợi cháu: "Ngoan ngoãn nết na như con gái", nào "cái mũi kia thì sau này hẳn là làm nên, cái trán rộng mới thông minh chứ!". Hồng chỉ thấy Điện đáng ghét, mà cái cớ thiển cận nhất, là vì Điện được người dì ghẻ đáng ghét ca tụng, tưng bốc.

Quả Hồng đoán không sai. Sau khi mẹ con bà Cửu Sót về Hà Nội, nàng thường thấy cha và dì ghẻ nhìn nàng, thì thầm nói chuyện. Rồi một hôm thằng Tý gọi đùa nàng là chị Điện. Nàng tức giận cho nó một cái tát thực mạnh khiến nó khóc, lên mách mẹ. Nàng chắc sẽ bị chưởi mắng tàn tệ, nhưng trái hẳn, bà Phán chỉ cười bảo nàng:

– Em nó nói thế đã sao mà chị đánh nó? Tội nghiệp.

Ý định của bà Phán đã hiển nhiên: Bà muốn gả Hồng cho cháu bà. Chẳng thế sao trong hai tháng Điện về Ninh Giang chơi những ba lần, lấy nê rằng được nghỉ hè, về thăm chú và dì, nhưng kỳ thực, chính bà Phán viết thư bảo đến. Bà cho rằng con gái đến tuổi cập kê mà luôn luôn gần gụi con trai thì thế nào cũng bị yêu.

Hồng kể với chị trong một bức thư dài cái dã tâm của dì ghẻ, Hảo liền đi hỏi dò tin tức và biết đích rằng Điện là một học trò lười biếng dốt nát đã học ba năm lớp nhất một trường tư thục mà vẫn chưa thi đậu nổi cái bằng cơ thủy. Được thư trả lời của chị, Hồng càng căm tức dì ghẻ và oán trách cha đem gả mình cho một thằng vô học.

Mỉa mai không! Ngay bữa cơm chiều hôm ấy dì ghẻ lại nhắc đến

Điện, và khoe khoang rằng chàng đương học để thi bằng thành chung. Hồng không giữ được nữa, bưng miệng cười sằng sặc. Ý chừng bà Phán hiểu nên mắng át:

– Con nhà mới vô phép chứ, mới mất dạy chứ! Cười bắn cả cơm ra bàn ăn!

Hồng và vội cho xong bữa, để ra hiên cười thực to. Rồi nàng nói lớn cốt dì ghẻ nghe rõ:

– Học ba năm ở lớp nhất thì thành chung thành chiếc gì!

Từ đó, bà Phán không đả động tới Điện nữa, mà Điện cũng không về thăm dì nữa. Nhưng thôi! Hồng đừng có mong được yên thân! Bà sẽ đem hết tâm lực ra mà hành hạ nàng cho bõ tức. Chiến lược của bà nay khác hẳn trước nhưng ghê gớm gấp mấy. Vì trước kia bị bà mắng nhiếc, thù ghét ra mặt, Hồng còn biết đường mà đối phó lại. Nay trái hẳn, bà chỉ yên lặng ngấm ngầm bày mưu làm hại. Một cái nhìn sắc như gươm, một nụ cười chứa đầy nọc độc đôi khi thoáng qua mắt Hồng, nhưng đủ khiến nàng rùng mình khiếp sợ.

Mấy tháng gần đây có hai đám đến giạm Hồng và đều là nơi xứng đáng, một người vừa đậu tú tài, một người hiện làm tham tá góa vợ. Bà Phán tiếp đãi bà mối rất trọng thể, thết tiệc linh đình, khiến Hồng đã phải cảm động. Nhưng chẳng hiểu bà xử trí ra sao mà Hồng mong mỏi mãi vẫn không có tin tức gì nữa.

II

Một lớp học huyên náo. Tiếng cười xen lẫn tiếng nói tục, tiếng huýt còi, tiếng ca hát. Một trò lên ngồi bàn thầy giáo cầm thước đập mạnh và dõng dạc thét:

– Silence!

Tức thì ở khắp trong phòng nhao nhao lên · hững câu phản đối:

– Về chỗ!

– A votre place!...

– Làm bộ gì thế, thằng Hạnh?

Hạnh thét to để cố trùm lấp những tiếng ồn ào.

– Các anh phải biết buồng giấy ông đốc ở ngay bên cạnh.

– Các anh các chị, chứ lị.

Câu trả lời càng gọi những trận cười vang.

Giữa lúc ấy, cửa lớp học vụt mở. Ai nấy chạy về chỗ ngồi im tăm tắp. Một vài tiếng cười còn khúc khích, như những phát xì sau một tràng pháo nổ. Người mới vào hỏi:

– Giờ gì?

– Bẩm, giờ Annamite ạ.

– Ông Lương, phải không?

– Bẩm vâng.

Ông đốc – vì người ấy là giám đốc – mở đồng hồ xem giờ, rồi nhún vai, yên lặng khép cửa bước ra ngoài. Tức thì tiếng cười đùa lại nổi lên, đạn giấy và phấn vụn bay tứ tung.

Lần thứ hai cửa mở. Theo liền một tiếng "À" thực dài. Lương thong thả bước lên bực gỗ, ngồi xuống ghế tháo kính ra lau, rồi nhìn bảng mỉm cười:

– Chắc lại tác phẩm của anh Trường.

Dịp cười đủ các giọng cao thấp đáp lại. Lương gắt:

– Im! Các anh.

Một cậu học trò ở đáy lớp tiếp luôn:

– Và các chị.

Lương lại thét:

– Im! Các anh không biết xấu hổ! Học trò năm thứ hai mà nghịch ngợm, mà thiếu kỷ luật như lũ trẻ con góp lớp đồng ấu. Các anh...

– Oay!

Tiếng hỗn xược ấy ở đáy lớp đưa lên làm Lương ngừng bặt, thở dài, làu nhàu trong miệng, những câu phàn nàn, nguyền rủa.

Rồi chàng mở Kiều ra giảng và cùng học trò dịch sang Pháp văn. Trong khi ấy, ở khắp các bàn, người ta thì thầm nói chuyện nếu không cặm cụi tìm tòi giải một bài tính kỷ hà học hay nắn nót viết bức thư về nhà xin tiền cha mẹ.

Lương cũng biết thế, nhưng chàng để mặc. Đối với bọn học trò không coi kỷ luật nhà trường vào đâu, thì gào thét phỏng có ích gì! Chỉ thêm chuốc lấy thù ghét. Đã có lần chàng xin ông đốc đuổi

một người học trò. Nhưng việc ấy không có kết quả gì hết, nên từ đó không những chàng không bàn đuổi ai mà đến những trừng phạt nhẹ nhàng cũng không bao giờ dùng đến. Chàng thản nhiên, ngày ngày đến lớp dạy học và làm đủ bổn phận, không hơn, không kém, đối với nhà trường và đối với học trò. Nhưng chàng cũng có một cách phạt riêng nếu có thể cho thế là phạt: gọi một học trò nghịch ngợm, hay hỗn xược lên bảng; rồi đọc một câu thực khó bảo dịch sang chữ Pháp để có dịp tỏ cho hắn biết hết cả cái sức học kém cỏi của hắn. Lớp học sẽ phá lên cười vui vẻ. Vì thế, sợ làm trò cười cho chúng bạn, trước mặt mấy nữ học sinh, lắm anh ngồi nghiêm chỉnh vờ chăm chú nghe lời giảng để khỏi bị gọi lên bảng.

Giờ ra chơi, Lương gặp Nga ở hiên gác, vui vẻ chào hỏi:

– Chị có giờ gì?

– Tập đọc. Còn anh.

Lương mỉm cười:

– Tôi vừa ở địa ngục ra. Hai giờ tiếng Annam ở năm thứ hai của tôi, nếu có ai dạy thay, tôi xin nhường ngay.

– Còn ai thích được! Những ông mãnh ấy tưởng mình giỏi tiếng mẹ đẻ lắm rồi, chẳng cần học nữa, nên chỉ đến lớp để nô đùa hay làm những việc khác trong giờ tiếng Annam. Thực một nơi địa ngục!

Lương buồn rầu thở dài. Nga an ủi.

– Thôi, chịu khó một tí anh ạ, tám giờ tiếng Annam một tháng chẳng ra gì cũng thêm được bảy đồng hai.

Nga nói thế là vì nàng biết Lương nghèo lắm, nghèo đến nỗi không nộp được mấy chục bạc chàng đã phải bỏ thi cử nhân luật và bỏ luôn cả trường Luật để đi dạy học kiếm ăn.

Buổi đầu chàng cày cục mãi mới được dạy hai giờ một tuần lễ ở một trường tư thục nhỏ với một số lương bảy hào rưỡi một giờ. Cách đó mấy tháng, ông giám đốc một trường lớn nghe thấy học trò tán tụng chàng về môn tiếng Annam liền kéo chàng về trường mình. Nay thì chàng đã kiếm được hơn ba chục một tháng, một số tiền vừa đủ nuôi sống hai anh em (Thiện, người em chàng hiện đang theo học năm thứ tư ở trường chàng dạy).

Ông phủ cha chàng tuy không lấy gì làm giàu lắm, nhưng cũng có một cái gia tài chừng hai vạn bạc. Song cái sản nghiệp ấy đã

hoàn toàn bị người dì ghẻ gian ngoan chiếm đoạt. Cha chàng qua đời (mẹ chàng đã mất sớm) chỉ để lại cho chàng mỗi một tòa nhà thờ đồ sộ ở làng mà chàng không thể bán đi được để kiếm cái vốn nhỏ nuôi em ăn học.

Câu nói thành thực của Nga khiến chàng nhớ tới cảnh bần bạch của anh em mình. Chàng thở dài, yên lặng nhìn bầy học trò nhỏ đuổi nhau trong sân trường:

– Chiều nay, mời anh lại chơi nhé?... Anh Căn nhắc anh luôn.

– Thưa chị, chị Căn về quê đã lên chưa?

– Đã. Cả Hồng cũng ở Hà Nội.

– Thế à?

Má Lương dần dần đỏ, mắt chàng chớp nhanh sau đôi kính cận thị. Sự sung sướng làm biến hẳn những nét thô trên gương mặt trở nên rạng rỡ. Nga mỉm cười:

– Hồng mới cạo răng. Lại mà xem, Hồng trẻ hẳn đi.

Lương làm bộ thản nhiên:

– Chị Hồng già gì mà trẻ hẳn đi được.

Rồi chàng cười thực to để giấu cảm động.

– Chị Hồng hỏi thăm anh đấy, chị ấy nhắc luôn đến anh chàng ném hoa giấy ngày hội sinh viên.

Lương cúi rạp đầu xuống chào và nói:

– Hân hạnh, hân hạnh.

Nga cười sằng sặc, Lương cho rằng nàng cười vì cái chào tuồng của mình, kỳ thực nàng chỉ cười câu nói dối của nàng, nói dối do lòng thương cũng có, nói dối để nói dối cũng có.

Sự thực, Hồng chẳng để ý đến Lương bao giờ. Hơn thế, mỗi lần nghe đọc đến tên Lương, Hồng lại chau mày suy nghĩ, tìm tòi và không nhớ ra là ai, trừ khi trong câu chuyện. Nga đặt theo liền tên cái hình dung từ "anh chàng ném hoa". Anh chàng ném hoa, Hồng cho ở đời chẳng còn có một thiếu niên nào vô duyên hơn, khả ố hơn, xấu xí hơn. Và đối với chàng, Hồng tự nhiên có ác cảm sâu xa.

Lương đang muốn gợi chuyện hỏi thăm Hồng thì có chuông vào lớp. Chàng bảo Nga:

– Thôi chào chị. Chiều nay thế nào tôi cũng xin đến hầu chị.

– Chả dám.

Giờ thứ hai của Lương là một giờ tập đọc. Chẳng bao giờ chàng giảng hay bằng lần này; chàng vừa nhận được nguồn cảm hứng ở hình ảnh người yêu.

Buổi chiều, ở lớp học ra, Lương đi xe lại thẳng nhà Căn, thành thử chàng đến trước cả Nga, và phải ngồi ở cửa hàng chờ gần hai mươi phút mới thấy nàng lững thững đi bộ về.

– Chết chửa! Xin lỗi anh nhé! Anh hẹn đến chơi mà tôi quên bẵng đi mất. Nếu nhớ thì đã đi xe về tiếp anh. Với lại, tôi cứ tưởng chị Hảo có nhà.

Rồi Nga mời Lương lên chơi phòng riêng ở trên gác. Gặp Hồng ở đấy, Lương vờ ngạc nhiên:

– Ô kìa, chị Hồng! Chị về chơi hôm nào thế?

Hồng lạnh lùng đáp:

– Tôi về chơi hôm qua.

– Nghe nói chị mới có bộ răng ngà đẹp lắm.

Hồng cười mai mỉa.

– Ông vừa mới hỏi tôi về chơi Hà Nội hôm nào, thế mà ông đã biết tôi có bộ răng ngà, lạ thực!

Lương ngượng nghịu nhìn Nga cầu cứu.

– Ồi chào! Hai người vặn lý nhau mãi! Mỗi cái Hồng cười đi cho chúng tôi ngắm bộ răng mới xem có xinh không nào!

– Dễ nghe nhỉ!

Hồng hậm hực nói thế. Nhưng dứt lời, nàng phá lên cười liền, Lương ngây người đứng nhìn, Nga bảo chàng:

– Đó, anh coi!

Hồng lườm bạn, vẻ căm tức lộ trên mặt. Nga nói tiếp:

– Nhưng bây giờ thì anh về thôi nhé.

Lương buồn rầu ngơ ngác:

– Chị đuổi tôi đấy à?

– Vâng. Xin lỗi anh, vì chúng tôi phải đi đằng này bây giờ.

– Vậy tôi xin đi ngay.

Sau một cái nhìn đắm đuối, như gửi linh hồn vào người yêu, Lương ngả đầu chào, rồi vội vàng xuống gác.

Hồng bảo Nga:

– Cảm ơn chị... Gớm! Sao mà chị chịu được hắn ta?

Nga, giọng nói đầy tình thương:

– Anh ấy khổ sở lắm, chị ạ. Mà đối với những người khổ sở thì mình tiếc gì mấy lời tử tế. Tôi cho đó là một nhiệm vụ của phụ nữ.

Dứt lời, nàng cười vang, như để làm bớt vẻ trang nghiêm của câu nói hơi đạo mạo.

III

Lương ở nhà Căn về, trong lòng hồi hộp sung sướng. Chàng thấy sau khi cạo răng trắng, Hồng đẹp lên bội phần. Mà Hồng cạo răng trắng là vì chàng. Ngày hội sinh viên năm ngoái chàng có lớn tiếng bình phẩm một câu về cái hàm răng đen của Hồng. Thì ra Hồng nghe thấy nên đã làm theo ý muốn của chàng, Lương cho cử chỉ ấy kín đáo và âu yếm quá. Chàng nghĩ thầm: "Bao giờ cũng vậy và khoa tâm lý cũng dạy thế, tình yêu của phái yếu vẫn âm thầm và sâu xa hơn tình yêu của phái khỏe". Chàng mỉm cười nghĩ tiếp: "Âm thầm thì âm thầm thực. Lại bí mật nữa. Nhưng đối với mình, Hồng thường giữ một vẻ mặt lạnh lùng làm như ác cảm mình lắm. Kỳ thực thì trái hẳn. Chỉ ngắm đôi con mắt thỉnh thoảng liếc trộm mình cũng đủ hiểu. Trời ơi! Đôi con mắt! Mới tình tứ lắm sao! Như muốn trao cả linh hồn cho mình. Đôi con mắt!... Giá đáng nghìn vàng, đôi con mắt ấy!"

Cái ý nghĩ sau cùng làm cho Lương buồn rầu: chàng nhớ tới cảnh ngộ, tới thân phận chàng. Nếu Hồng giá đáng nghìn vàng, thì sự ước mong của chàng chẳng hão huyền ư? Vì chàng nghèo. Mà Nga, người bạn thân của Hồng, cũng thừa biết rằng chàng nghèo, không có một chút tài sản gì. Thế nào Nga chẳng nói cho Hồng rõ tình cảnh chàng. Lâu nay chàng ngấm ngầm nuôi cái chí quả quyết hỏi Hồng làm vợ. Và đã nhiều lần chàng toan ngỏ lời nhờ Nga giúp nhưng vẫn chưa dám. Nay chàng bỗng thấy cái chí của chàng hơi lung lay "Hỏi Hồng, mình nghèo thế này thì ai gả?"

Một tia hy vọng nảy ra trong lòng chàng: chàng nghĩ đến Căn. Căn cũng chẳng giàu mà cũng chẳng ở một địa vị cao sang gì, thế mà Căn lấy được Hảo, chị Hồng. Vậy sao chàng lại không lấy được Hồng? Kể về trí thức, về học vấn, chàng còn hơn Căn nhiều. Chàng chưa có một địa vị vững vàng, một chức nghiệp chắc chắn, nhưng chàng mới hai mươi bốn tuổi. Tương lai chàng còn dài. Đời chàng còn nhiều hy vọng. Chàng sẽ học lấy để thi vào một ngạch tây, lương những mấy trăm một tháng. Và cứ dạy học ở trường tư thục, chàng cũng có thể dần dần xin tăng số giờ lên được. Bạn đồng nghiệp của chàng nhiều người cũng chỉ có bằng tú tài như chàng mà mỗi tháng kiếm nổi trăm rưởi, hai trăm thì sao chàng lại không tới được số lương ấy. Tài dạy học của chàng đã được ông giám đốc biết đến. Và trừ cái ban năm thứ hai ra, học trò các lớp khác đều mến phục chàng cả.

Nghĩ đến ban năm thứ hai với hai giờ tiếng Annam, Lương lại buồn. Bọn trò nghịch ngợm, hỗn xược ấy đã có phen làm chàng chán cái nghề dạy học. Chàng lẩm bẩm: “Lũ quỷ sứ”. Trong lớp ấy, sự an ủi của chàng là ba cặp mắt đen láy hiền lành, đầy tình trắc ẩn của ba nữ học sinh. “Ba con cừu mũm mĩm lạc vào một đàn dê dữ tợn, thô tục”, chàng thường nói với Nga thế. Chàng nhớ một hôm, một cặp mắt đen láy đã rớm lệ vì thấy ông thầy dạy tiếng Annam, bị bọn “quỷ sứ” trêu tức phải đập bàn gào thét.

Lương cảm động tự nhủ thầm: “Con gái bao giờ cũng có lòng tốt”. Và chàng tưởng tới Hồng: “Nếu Hồng biết mình khổ sở thì Hồng chẳng nỡ cự tuyệt mình. Phái yếu, họ vẫn giàu tình cảm...”

– Anh đi bộ à?

Lương ngoảnh nhìn ra đường. Cái xe nhà của Căn trên có Nga và Hồng chạy vượt qua. Nga quay lại hỏi tiếp:

– Từ đây về tận phố Hàng Đẫy, xa thế mà anh chịu khó cuốc bộ?

Lương mỉm cười ngượng nghịu:

– Tôi đi cho đói để về ăn ngon cơm.

Chàng nhìn theo thấy Nga ra hiệu bảo anh phu xe đỗ lại. Nhưng xe vừa kìm thì Hồng vội xua giục đi. Tình yêu làm cho Lương có những tư tưởng lạc quan. Chàng coi đó là một chứng triệu hay: Hồng bẽn lẽn là vì Hồng đã cảm thấy xiêu lòng vì chàng.

Xe đã xa, Lương còn cao tiếng, hỏi:

– Hai chị đi đâu đấy?

Nga quay lại đáp. Chàng nghe rõ có hai tiếng “Gôđa”.

Đến cửa nhà Gôđa, chàng dừng bước thở mạnh cho tim đập chậm lại vì chàng đã đi mau quá. Chàng sợ hai thiếu nữ sẽ nhận thấy sự hồi hộp. Chàng tự biết rằng khi hồi hộp mình rất vô duyên: mắt ngơ ngác, mồm há ra, lời nói ấp úng.

Vào tới ban trả liền, Lương gặp Nga và Hồng đi ra. Chàng lúng túng ngả đầu chào.

Hồng cười hỏi:

– Anh mua gì đấy?

Lương ngập ngừng:

– Tôi... vào chơi... cũng chưa định mua gì.

– Vậy chào anh nhé.

Lương cố giữ vẻ mặt tự nhiên:

– Hai chị về vội thế? Không mua gì à?

Nga lại cười:

– Có, chị Hồng đã mua một cái bàn chải với một hộp phấn đánh răng.

Lương tưởng nên nói một câu khôi hài, quay hỏi Hồng:

– Phấn đen hay phấn trắng đấy, chị?

Hồng, vẻ mặt trang nghiêm, lạnh lùng đáp:

– Phấn trắng.

Đoạn, lững thững tiến ra phía cửa, để Nga một mình đứng lại nói chuyện với Lương. Thấy thế, Nga giơ tay bắt tay bạn đồng nghiệp, rồi đi theo ra.

– Hai chị về thực đấy à?

Nga cười đáp:

– Về thực.

Lương cũng muốn về ngay, nhưng sợ làm như thế mình sẽ tỏ rõ cái chủ tâm vào Gôđa theo đuổi gái. Chàng liền đi lang thang từ gian bán đồng hồ vòng ra gian bán sách, mắt nhìn vơ vẩn thứ nọ thứ kia mà chẳng để ý tới một cái gì. Chàng lo lắng, buồn rầu tự nhủ: “Quái! Hồng như cố ý lánh mặt mình”.

Tới gương tủ cavát, chàng dừng lại nửa giây liếc qua diện mạo. Chàng không dám ngắm nghía lâu, sợ người ta để ý bình phẩm vì hôm nay nhằm chiều thứ bảy, khách mua hàng rất đông. Nhưng nửa giây ấy cũng đủ cho chàng nhận thấy sự tiều tụy của cái ca vát đương đeo. Khi thắt nó, chàng đã cố giấu chỗ sờn rách vào phía trong, đến nỗi kéo bản rộng lên cao quá làm cái nút to ụ giữa hai cánh cổ mềm. Nhưng cái màu bạc của nó thì chàng giấu sao được. Màu ấy trước kia là màu xanh nhạt, nay đã trở nên một màu không tên, không hẳn xanh, mà cũng không hẳn vàng.

Lần này là lần đầu chàng nhận thấy không hay hớm gì cái huy hiệu "người có cavát độc nhất" mà chàng tự đặt cho mình, như có ý để khoe khoang sự nghèo túng với chúng bạn. Kể thì chẳng cứ gì về cavát chàng có độc một cái, mà về thứ y phục gì chàng cũng chẳng mấy khi có đến hai. Nhưng cái cavát lồ lộ ở giữa ngực, người ta trông thấy ngay rằng nó mới hay cũ, nó nhã nhặn hay quê mùa. Cổ áo, đôi giày và cavát, nhất là cavát, đó là ba thứ làm tôn hay làm giảm giá trị con người ở trước mặt một thiếu nữ xinh tươi.

Lương vừa đứng chọn ca vát vừa loay hoay với những ý tưởng phức tạp ấy. Bỗng chàng khẽ kêu: "Ừ! Khá lắm!" và chàng lùi ra một bước ngắm nghía. Cái cavát ấy nền xanh thẫm, có điểm những hình thêu màu đỏ rất nổi. Lương lật vội phía trái ra xem giá, và nhún vai thì thầm "Hơi đắt!'.

Kể thì đắt thật, vì cái giá hai đồng rưỡi đối với số ngoài ba chục bạc lương của chàng có lẽ cũng hơi quá. Nhưng Lương không thể rời cái cavát mà đi được. Tay chàng vân vê, mắt lộ vẻ thèm muốn. Rồi chàng mở ví ra soát lại tài sản: trả tiền ăn, tiền trọ, tiền giựt tạm, còn lại tất cả tám đồng, thì phải để ra ba đồng trả học phí cho Thiện (nhà trường trừ cho chàng năm mươi phần trăm). Còn có năm đồng vừa tiền xe vừa tiền tiêu vặt suốt tháng của hai anh em.

Lương mỉm cười nghĩ thầm: "Chà! Mua cavát cũng là tiêu vặt chứ gì!". Chàng liền quả quyết dõng dạc gọi người bán hàng, vì chàng cho rằng hễ ngần ngại, đắn đo suy tính, là không mua được cái gì hết: "Kể thiếu thì mình thiếu nhiều, cứ gì một khoản tiêu vặt hay tiền xe?".

Trước khi người bán hàng đem ra bàn trả tiền, Lương đòi ướm thử ca vát xem có nổi không. Lúc này, chàng ta tha hồ tự ngắm nghía trong gương chẳng còn sợ ai dị nghị, vì ai cũng biết chàng chọn

cavát... Chàng thấy chàng có cái trán hơi nhô, nhưng rộng, hàm răng hơi vổ nhưng đã có cặp mắt kéo lại, cặp mắt mà chàng cho là rất thông minh.

Cái sẹo bóng ở thái dương phía trái, mái tóc rẽ đường ngôi bên phải cũng che gần kín hẳn, nó không lồ lộ như trước kia khi tóc chàng chải lật.

– Vậy ông có ưng không?

Lương quay ra mỉm cười:

– Ưng, ưng lắm.

Trả tiền xong, Lương hối hận nghĩ thầm:

"Chết chửa, hai đồng rưỡi cái ca vát! Mình hoang quá". Nhưng lúc chàng tưởng tới ngày hôm sau, chủ nhật, chàng sẽ đến chơi nhà Căn thì chàng hết hối hận ngay. Và chàng vui vẻ ra cửa thuê xe về nhà vì sợ em đợi cơm.

IV

Sáng hôm sau đứng trước cái gương chữ nhật khung gỗ, Lương tháo đi tháo lại đã ba lần vẫn chưa thắt xong cavát.

Ngay bên cạnh, trên cái ghế ngựa quang dầu, một người cuộn tròn trong chăn nằm ngủ.

Lương gọi:

– Thiện! Thiện ơi! Thiện!

Thiện thò đầu ra ngoài chăn hỏi:

– Cái gì thế anh?

– Ngủ gì mà ngủ trưa thế, dậy mà ngắm cái cavát mới của anh.

Thiện lại thụt đầu vào trong chăn:

– Em biết rồi, cái cavát của anh đẹp lắm.

Lương chau mày, gắt:

– Thiện, nhất định ngủ nữa à? Ngủ gì mà ngủ lắm thế, có mụ người đi không?

Thiện, giọng van lơn:

– Anh để cho em ngủ mười lăm phút nữa thôi.

Với lại chủ nhật này không đi chơi xa dậy sớm làm gì, vô ích.

Lương hơi ngượng với Thiện. Hai anh em đã bàn nhau chủ nhật đi bộ sang Gia Lâm, đến chơi nhà một người bạn thân. Bỗng chiều hôm trước. Lương đổi ý kiến nói bận việc không đi được. Sự thực chàng không bận một việc gì hết. Chàng ở lại chỉ vì Hồng.

Nghĩ đến Hồng, Lương lại tò mò ngắm nghía cái hình trong gương. Thoạt nhìn, chàng nhận ngay thấy mình không xinh trai, nhưng phân tách ra từng thứ một, chàng cho rằng chàng cũng không đến nỗi xấu quá như chàng tưởng. Chàng tìm sự thông minh ở cái trán rộng, sự thẳng thắn ở cái sống mũi cao, sự chân thật ở cặp môi dày, sự hiền từ ở đôi con mắt cận thị mà chàng cho là tình tứ. Cả đến cái sẹo thấp thoáng trong món tóc ở thái dương chàng cũng không thấy chướng, mà trái lại còn cho là có duyên nữa.

– Thế Thiện nhất định ngủ lại đấy?

Không thấy trả lời, và tưởng em đã ngủ lại, chàng nhún vai nói tiếp:

– Sao mà nó ngủ dễ thế! Sung sướng quá những người có tâm hồn bình tĩnh.

Một tiếng cười to phá lên.

– Vì những người ấy không mắc vào lưới ái tình.

– Chưa ngủ à?

Thiện tung chăn ngồi dậy:

– Thôi, không ngủ nữa. Đi chơi đi anh!

Lương ngần ngừ nhìn em.

– Anh hơi bận chút việc em ạ.

Thiện mỉm cười láu lỉnh:

– Anh lại đến đằng ông đốc đánh tổ tôm chứ gì?

– Em đoán đúng đấy. Tổ tôm góp có một đồng thôi ấy mà.

– Vậy cho em ngồi chầu rìa nhé? Ồ, thích nhỉ, em đi mặc quần áo đây.

Thiện nhảy xuống sàn vui vẻ múa hai tay lên, hát nghêu ngao. Kỳ thực lòng chàng buồn rợi. Từ khi thấy anh ngơ ngẩn nhớ nhung, chàng sinh ra ghen. Không phải lòng ghen ghét của kẻ không yêu đối với người có ý trung nhân, nhưng tình ghen tuông, như vợ chồng ghen nhau, ghen bóng ghen gió.

Cha chết đi, Lương và Thiện sống trong sự cô độc mênh mang, tuy thời còn cha, hai người cũng đã cảm thấy cô độc rồi. Vì thế chúng quyến luyến săn sóc đến nhau, thân yêu nhau hơn là trong tình anh em. Thiện coi Lương như một người mẹ, và Lương chăm nom, bảo ban Thiện như một người chị gái đối với em.

Mỗi lần Lương có một bạn thân mới, Thiện lại buồn phiền, và hơn thế, tỏ vẻ tức tối, căm hờn đối với người bạn của anh, dù khi người ấy đã trở nên bạn thân của mình. Thiện muốn giữ hoàn toàn tình yêu của anh như người vợ muốn chiếm lấy một mình sự thương mến của chồng không để ai san sẻ. Nay Thiện biết sự nguy hiểm có phần hệ trọng hơn mọi lần. Mọi lần chàng chỉ đương đầu với tình bằng hữu, lần này chàng đoán như không phải là tình bằng hữu nữa. Trong sự băn khoăn, trên vẻ mặt bần thần của anh. Thiện nhận thấy tình yêu của một người đàn bà. Chàng đã cố tìm biết xem người đàn bà ấy là ai, và một dạo đã ngờ vực, thù ghét và đặt điều nói xấu Nga, vì tưởng Nga là ý trung nhân của anh.

– Thế nào, anh có ưng để em cùng đi với không?

Lương ngẫm nghĩ đáp:

– Không. Em chả nên bén mảng đến nơi cờ bạc làm gì. Em cần học tập để sắp thi.

– Còn anh?

Mắt em nhìn thẳng vào mắt anh, khiến Lương ngượng ngùng cúi mặt. Chàng lấy làm tự thẹn rằng đã nói dối em. Bỗng chàng ngửng đầu lên cười:

– Năm nay em mới mười tám tuổi?

Thiện khôi hài ngắt lời:

– Mười tám tuổi ta thôi đấy.

– Vậy chắc em chưa hiểu tình yêu là cái gì, vì em chưa yêu ai.

Thiện thản nhiên đáp:

– Có, em yêu anh.

Rồi cười lớn để cố làm cho câu trả lời thành thực của mình có vẻ hài hước:

– Vâng, em chỉ yêu có anh, yêu trong linh hồn trong lý tưởng.

Thiện lại cười.

– Và em muốn mãi mãi là người tình của anh có được không anh?

– Sao không được... Nhưng thực ra thì không được đâu, em ạ, vì nay...

Lương suy nghĩ, trù trừ.

– Vì sao, anh?

– Vì anh đã tình phụ em rồi.

Thiện vẫn cười:

– Thực à?

– Thực, anh yêu, mà yêu thực kia

– Thế còn yêu em là yêu giả đấy?

– Không phải. Nhưng lần này anh yêu nghĩa là... yêu một thiếu nữ...

Thiện vỗ tay reo:

– Thế à? Ồ thích nhỉ!

Nhưng buồn man mác đã hiện trên vẻ mặt Thiện. Bỗng chàng ngừng cười, tàn ác hỏi:

– Anh yêu thực à? Nhưng người ta có yêu anh không đã chứ?

Lương đem chuyện gặp Hồng kể cho em nghe không giấu một tí gì, cả nỗi băn khoăn lo lắng không lấy được Hồng.

Chàng nói tiếp:

– Hồng thì anh không sợ lắm, anh chỉ sợ nhà Hồng vì em phải biết anh chẳng giàu có gì.

Thiện mỉa mai:

– Chẳng giàu? Nghèo hẳn ấy chứ lị.

– Nhưng anh không nghèo mãi đâu. Anh sẽ giàu... nghĩa là sẽ không nghèo. Mà anh muốn thế, thì sẽ được thế.

– Để cưới Hồng phải không?

Lương mê man với cái chí làm giàu, không để ý tới câu chua chát của em. Chàng nói cho Thiện biết cái mộng tương lai rực rỡ của chàng. Bỗng rút đồng hồ xem chàng kêu:

– Chết! Gần chín giờ. Không khéo họ đi Gôđa mất rồi!

Giơ tay hôn gửi em, chàng vội vàng, hấp tấp xuống thang gác.

Tới nhà Căn, Lương gặp Hảo ngồi ở hàng, còn Căn, Hồng và Nga thì đương nói chuyện ở trên gác.

Căn vui vẻ bắt tay chàng.

– Ông giáo! Hôm nay chủ nhật ông không đi chơi đâu?

Lương đáp:

– Thưa ông, tôi toan hỏi ông câu ấy.

Nga cười:

– Người ta đến thăm mình, lại bảo người ta không đi chơi đâu.

Căn chữa:

– Anh bảo đi chơi là đi chơi xa kia, chứ đến đây thì ngày ngày ông giáo thường đến rồi, còn hỏi làm gì.

Câu nói làm cho Lương hơi ngượng. Thấy thế Nga đánh trống lảng:

– Sao các anh cứ gọi nhau bằng ông thế? Ông giáo cười với ông phán rõ kiểu cách quá! Gọi nhau bằng anh Căn với anh Lương có giản dị và dễ nghe hơn không? Có phải không Hồng?

Hồng không đáp, chỉ mủm mỉm cười. Nhưng trong cái mủm mỉm ấy, Lương tưởng có ẩn một tình cảm xâu xa đối với mình.

Câu chuyện xoay về phạm vi dạy học, Lương kể những cách khôn khéo của mình để bắt những trò gian lận trong các kỳ thi tam cá nguyệt. Căn và Nga cười rất vui vẻ. Lương cố moi óc tìm những câu khôi hài ý vị để làm Hồng cười mà không được. Chàng nghĩ thầm: “Kín đáo, bí mật quá!”. Và chàng sinh ra tức tối khó chịu. Nếu chàng biết rằng Hồng đã quen nghe chuyện với một vẻ mặt thản nhiên như thế trong những bữa cơm gia đình, thì chàng đã không khổ tâm về cái thái độ lạnh lùng của Hồng. Sau cùng Hồng cũng phê bình một câu:

– Học trò trường tư vẫn nghịch ngợm hơn học trò trường công.

Nàng nói trống không, nhưng Lương cho rằng nàng nói với mình, liền quay lại đáp:

– Vâng, chính thế. Nhưng cũng có nhiều lớp, học trò rất biết điều, chăm chỉ và lễ phép.

Hồng nhìn Nga như để phân trần: “Tôi có nói với ông ấy đâu!”.

Đến đây, Căn đứng dậy bảo Lương.

– Mời ông ngồi chơi, tôi xin phép đi đằng này có chút việc cần.

Lương yên lặng bắt tay rất mạnh, hai con mắt lấp lánh sự cảm ơn.

Quả khi Căn đi rồi, câu chuyện trở nên thân mật hơn, tự do hơn. Và có lúc Hồng đã để tai chăm chú nghe những lời run run vì cảm động của Lương.

Rồi Nga bàn "tổ chức một cuộc" đi chơi Gôđa. Nhưng Hồng thoái thác nhức đầu, xin ở nhà. Biết rằng ngồi rốn lại không tiện, Lương đứng dậy ngả đầu cáo từ xin về.

Qua cửa hàng, Lương dừng lại hỏi Hảo mấy lời vấn an, và như mọi lần chàng nhắc tới câu khuyên bảo:

– Thưa bà, bà cần phải tĩnh dưỡng, chả nên làm việc nhiều quá, hại sức khỏe lắm.

Rồi chàng cúi chào, vội vàng ra đi.

Tới hồ Hoàn Kiếm, Lương dạo quanh một vòng ngắm cái cảnh tươi đẹp của Hà thành, mà hôm nay chàng thấy tươi đẹp bội phần. Cái tháp nhỏ giữa hồ dưới ánh nắng buổi sáng, hiện ra như một khối vàng trên làn nước màu ngọc thủy.

V

Hồng buồn rầu đứng xếp các thức vào cái va li con: nàng sắp phải về nhà, vì xin phép đi Hà Nội có bốn ngày mà hôm nay đã là hôm thứ năm rồi. Nghe thấy tiếng lách cách, Nga thức giấc hỏi:

– Chị dậy sớm thế?

– Còn sớm gì nữa? Gần năm giờ rồi.

– Nhưng mãi sáu giờ năm mươi mới có xe hỏa kia mà?

– Thế à?

Hồng hỏi lại, vơ vẩn, không nghĩ ngợi vì lòng đương lo phiền. Nàng như trông thấy cha cùng dì ghẻ ngồi trước mặt và như thấy rít lên cái giọng mỉa mai của người đàn bà ác nghiệp: "Giời ơi! Lại cạo răng trăng nữa cơ đấy!".

– Chị Nga, dậy ngồi nói chuyện cho vui đi!

Nga cười:

– Thì cứ nói chuyện đi. Tôi nằm mà không tiếp được chuyện chị

hay sao? Vậy chuyện gì vui thì kể cho tôi nghe nào! Có phải...

Một tiếng thở dài của Hồng làm Nga ngừng mặt, ngồi nhổm dậy hỏi:

– Sao thế? Hồng sao thế?

Hồng lảng ngay sang chuyện khác:

– Chết chửa! Mãi sáu giờ năm mươi mới có xe hỏa mà tôi cứ tưởng sáu giờ mười lăm, thành ra dậy sớm vô ích quá nhỉ?

– Còn những một giờ nữa. Từ đây ra ga mất độ mười phút. Vậy còn kịp pha chè tàu uống đã.

Nga sang buồng anh lấy cái bếp dầu tây, rồi gọi vú già đem ấm nước bắc lên. Nàng hơ tay bên ngọn lửa xanh bốc phùn phụt và bảo Hồng;

– Lửa cháy kêu vui nhỉ? Mà ấm quá!

Như không để ý đến lời nói của bạn, Hồng cười hỏi:

– Chị trông hàm răng tôi có chướng không chị?

Nga cũng cười:

– Sao lại chướng? Đẹp hẳn đấy chứ lị! Chị không thấy Lương nó nhìn chị bằng con mắt khen ngợi và cảm ơn đấy ư?

Hồng rầu rầu nét mặt:

– Chị cứ nói bậy!

Nga vẫn cười:

– Lại bậy nữa!

– Cái anh chàng khả ố quá! Sao mà tôi ghét hắn thế!

Nga cười càng to đến nỗi Căn phải thức giấc ở buồng bên hỏi vọng sang:

– Hai cô có điều gì thú thế?

Nga đáp vội vàng "Không ạ" Rồi hạ giọng nói tiếp bảo Hồng:

– Hắn ta gàn thực, chị ạ. Chỉ được cái tốt bụng mà thôi. Tôi nói câu chuyện này, chị đừng giận nhé.

Hồng vẫn ngồi im nhìn ngọn lửa.

– Chị Hồng ạ. Lương nó cứ tưởng... tượng chị yêu nó.

Hồng chau mày gắt:

– Ồ! Chị nói bậy quá!

– Không yêu thì thôi, chứ sao. Người ta chỉ thuật một câu chuyện buồn cười thôi mà... Hai tháng trước, Lương đã ngỏ lời với tôi nhờ ướm thử hỏi ý chị trước, anh ấy sẽ lo liệu nhờ đến mối manh. Tôi thấy chị chả ưa gì Lương nên bỏ bẵng không nói với chị, nhưng cũng không bảo cho Lương biết. Chị tính, bảo làm gì, phải không chị! Cứ để cho người ta hy vọng thì đã sao! Người ta sống về hy vọng, sung sướng về hy vọng. Mà anh chàng hy vọng thực. Bỗng hôm qua gặp tôi ở trường, Lương ghé tai thì thầm:

"Chị đừng hỏi dò ý tứ chị Hồng nữa".

Hồng ngửng đầu lên, mắt căm tức nhìn bạn. Nga như đọc được ý tưởng của nàng, vội tiếp:

– Không, Lương còn yêu chị như thường...

Hồng gắt:

– Ồ! Chị mới hay chứ!

Nga vẫn trân trân ra cười:

– Đã bảo chỉ là một câu chuyện vui thôi mà. Vậy cứ ngồi im mà nghe có hơn không... đây này! Anh Lương anh ấy bảo em anh ấy ghen với chị... Ngộ không?

Hồng đỏ bừng mặt, đôi mày nhíu lại.

– Thì thực thế mà!

Và Nga kể: Hôm Lương tới chơi nhà Căn trở về, gặp em trùm chăn nằm ngủ, Lương hát nghêu ngao, chân dẫm thình thình mà Thiện vẫn nằm lì. Chàng liền kéo chăn mắng:

– Đồ lười biếng, gần bữa cơm rồi mà hãy còn ngủ được.

Bỗng chàng đứng ngây người nhìn em. Thiện đương bưng mặt khóc thút thít. Chàng ôn tồn hỏi ba, bốn lần: "Em sao thế?", Thiện vẫn lặng thinh không đáp. Chàng lại ôm Thiện ngồi dậy âu yếm như một người mẹ:

– Em giận anh phải không?

Thiện nức nở:

– Bây giờ... Anh có nghĩ gì... đến em nữa đâu, anh chỉ nghĩ đến cô Hồng thôi.

Lương vờ hỏi:

– Cô Hồng nào?

– Cô Hồng mà anh khoe với em rằng anh sắp cưới làm vợ, chứ còn cô Hồng nào nữa.

Thì ra Thiện ghen, Thiện yêu anh như một người con gái yêu tình nhân. Vắng tình mẫu tử, tình huynh đệ đã trở nên mật thiết sâu xa hơn hết mọi thứ tình yêu khác. Lâu nay, Thiện đã quen coi anh là một người bạn, là một người thân độc nhất trên đời, tưởng mất anh thì mình sẽ không có đủ nghị lực và can đảm để sống nữa. Thiện cho rằng Lương yêu người khác, thì chẳng bao lâu, sẽ quên hẳn mình.

Trước Lương còn mắng em gàn dở. Sau cảm động vì tình yêu chân thật và ngây thơ của em, chàng hứa liều rằng khi nào em thành gia thất, chàng mới nghĩ đến lấy vợ.

Thiện cười gượng bảo Lương:

– Thế thì chả bao giờ anh lấy vợ, vì em nhất định không lấy ai.

Lương cũng cười đáp:

– Em nói thế là vì em chưa gặp người em yêu đấy.

Nga ngừng lại để cười rồi nói tiếp:

– Anh chàng giữ lời hứa với em, nên hôm qua bảo tôi đừng hỏi dò ý tứ chị nữa vì anh ấy chưa muốn lấy vợ, mà đối với chị thì anh ấy chỉ có thể yêu như một người vợ đoan chính được thôi.

Hồng không ngắt lời và kháng cự bạn nữa. Nàng ngồi ngây, lắng tai nghe.

Cả hai người cùng mải miết vào câu chuyện đến nỗi nước sôi từ bao giờ mà vẫn không biết. Một luồng khói trắng bay phụt qua vòi ấm, cái vung đồng bị nưng lên hạ xuống, rung động kêu lách cách khe khẽ, và thỉnh thoảng lại để trào ra tia nước làm cho ngọn lửa bùng lên: một cảnh tượng êm ấm của những buổi sáng mùa đông rét mướt.

Bỗng Hồng vui vẻ bảo Nga:

– Pha nước uống đi?

– Ừ nhỉ, tôi quên bẵng ấm nước.

Hồng vừa nhanh nhảu rót nước vào ấm trà, vừa nói:

– Hai người con trai, hai người con gái có thể yêu nhau được không nhỉ? Tôi thì tôi chưa yêu ai, như anh em anh Lương yêu nhau, kể cả chị Căn và chị, hai người tôi yêu nhất trên đời.

Rồi như nói một mình:

– Yêu nhau đến nỗi ghen với người anh yêu, yêu em đến nỗi... hy sinh ái tình...

Nàng vội tiếp luôn vì biết mình nói hớ:

– Tuy chỉ là ái tình tưởng tượng. Thú nhỉ!

Nga cười:

– Gàn đến thế là cùng! Anh gàn, em gàn... Ừ, không biết anh chàng căn cứ vào đâu mà cho rằng chị yêu hắn?

Má Hồng ửng đỏ. Nàng cũng cười thẳng thắn đáp lại:

– Có lẽ anh ta căn cứ vào lòng tốt của anh ta. Anh ta yên trí rằng mình tốt thì ai ai cũng phải yêu.

Rồi nàng cảm động hỏi bạn:

– Hình như chị đã bảo cho tôi biết rằng anh ấy cũng có một người dì ghẻ ác nghiệt.

– Ác nghiệt thì không ác nghiệt, nhưng gian dối, man trá, cướp mất cả gia tài của hai anh em Lương.

Hồng như tò mò muốn biết chuyện nhà Lương hỏi thăm hết điều này, điều khác.

Mãi sáu giờ rưỡi, Nga mới chợt nhớ ra, bảo Hồng:

– Có lẽ gần đến giờ rồi đấy.

Hồng lạnh lùng đáp:

– Không cần về vội chị ạ. Chiều hôm nay thứ năm chị được nghỉ, tôi ở lại chơi với chị rồi mai về cũng chẳng sao.

Nga vui mừng:

– Thế thì còn nói gì nữa!

Hồng chép miệng:

– Chà! Một liều ba bảy cũng liều! Rồi muốn ra sao thì ra.

Nàng cười gượng đứng dậy xuống nhà nói tiếp:

– Vậy mười một giờ tôi đến trường đón chị nhé?

– Thế thì ngoan lắm rồi!

VI

Hồng đến nơi thì lớp học chưa tan. Nàng vừa trả tiền xe vừa chau mày lẩm bẩm nói một mình:

"Cái đồng hồ của anh Căn nhanh đến nửa giờ!".

Những xe nhà, cái sơn vàng, cái sơn đen đặt sát liền nhau thành một hàng dài, càng ghếch lên hè. Thỉnh thoảng mới xen lẫn vào một cái xe hàng xộc xệch, cũ kỹ, mui bạc phếch, hay nhem nhuốm như cái tã bẩn.

Có anh phu kéo ngồi khểnh trong xe, phì phèo hút điếu thuốc lá quấn vừa mua nơi hàng nước bày bán trong hành lang, lối đưa vào các lớp. Có anh khoác áo tơi xe lên vai cho được ấm ngồi co ro ở một góc tường. Một bọn sáu anh quây quần nói chuyện phiếm: luôn luôn thốt ra những lời tục tĩu, kế tiếp liền những dịp cười ngây ngô.

Thấy Hồng đến, họ tò mò ngửng lên nhìn. Một người lại gần hỏi:

– Thưa cô, mấy giờ rồi ạ?

Hồng trù trừ đáp:

– Có lẽ gần mười một giờ. Tôi cũng không có đồng hồ.

Rồi nàng rảo bước đi vào hành lang. Bên cạnh đó, tiếng một ông giáo oang oang giảng bài tập đọc, vụt nhắc Hồng, trong giây lát, nhớ lại cả cái thời học sinh sung sướng của mình. Nàng đứng lắng tai nghe: ông giáo đương giảng nghĩa một điển tích trong một bài ngụ ngôn *La Fontaine*. Và ông pha trò có duyên quá khiến cả lớp phá lên cười từng trận.

Hồng rét run vì gió lùa. Lúc ra đi, nàng vội vàng không kịp mặc áo len đan. Nàng vẫn tưởng đến chậm quá, không ngờ lại sớm quá. Nghĩ lẩn thẩn nàng toan quay về trước, không đứng chờ Nga nữa vì nàng bỗng nhận thấy cử chỉ của mình không tự nhiên.

Buổi sáng nghe chuyện gia đình Lương, nàng sung sướng tự phụ được đóng một vai chính trong câu chuyện cảm động ấy. Nàng không ngờ ở đời lại có một tình yêu lạ lùng như thế! Hai anh em, hai người đàn ông yêu nhau khăng khít quá tình nhân. Yêu đến ghen được với người yêu của anh. Yêu đến dứt bỏ được người yêu trong mộng. Tình anh em sâu xa đến thế ư?

Tự nhiên nàng thấy Lương không tầm thường nữa, Lương mà

nàng vẫn ghét cay ghét độc vì dung mạo xấu xí, nhất vì cái tính si ngốc của chàng. Trước khi về Ninh Giang, nàng muốn gặp mặt người ấy một lần cuối cùng, nói với người ấy một vài câu dịu dàng để chuộc lại cái tội đã khinh bỉ người ấy trong bao lâu nay. Nàng nghĩ thầm: *"Ở đời không nên khinh ai tâm lý"*. Nhớ tới dì ghẻ: nàng mỉm cười chua chát, sửa đổi lại ý nghĩ: "Không nên khinh ai nếu mình chưa hiểu rõ người ta rất đúng, và một đôi khi đã biết rõ".

Chỉ vì thế mà nàng không ra ga sáng hôm nay. Chỉ vì thế mà bây giờ nàng đến trường đón Nga. Nhưng tới phút này nàng lại lo ngại: Nàng lờ mờ cảm thấy rằng hình như nàng không được đoan chính. Và nàng toan quay về ngay...

Bỗng Hồng giật mình: mấy tiếng chuông lanh lảnh vang lên. Tiếp liền tiếng học trò cười nói ồn ào. Rồi ở các lớp bên hành lang, một bọn trò nhỏ ùa ra... Thấy Hồng, chúng ngây người tò mò nhìn hay nói lớn với nhau những ý nghĩ của mình:

– Dễ vợ ông giáo Hy đấy!

– Bậy! Vợ ông giáo Hy tao còn lạ gì. Già hơn.

– Hay *"elle"* đến xin vào học ban tú tài?

– Mày thử hỏi *"elle"* xem.

Một cậu ghé tai bạn nói thầm một câu, tức thì có tiếng reo:

– Ừ phải đấy, dễ thường vợ ông giáo Lương.

Và cả bọn cười phá lên, khiến Hồng xấu hổ đỏ bừng mặt.

– Im! Vô phép thế à?

Một ông giáo quát mắng học trò, rồi lại gần chỗ Hồng, nghiêng đầu chào:

– Thưa... thưa cô, cô hỏi ai?

Hồng chào lại, đáp:

– Thưa ông, tôi đến tìm chị Nga.

– À cô Nga, cô Nga dạy *première année* ở trên gác. Kìa, cô ấy đã xuống đó.

Rồi ông giáo nghiêng đầu chào một lần nữa, từ biệt Hồng.

– Chị Nga!

Hồng cất tiếng gọi. Nga ngơ ngác nhìn quanh, vì mới ở chỗ sáng

đi vào lối hành lang hơi tối, nàng không trông rõ ai. Hồng vội chạy lại, cầm lấy tay bạn:

– Tôi đến đón chị đây.

Nga cười:

– Cảm ơn chị. Chị làm tôi lại nhớ thời còn bé học trường Hàng Cót, ngày hai buổi mẹ tôi cho vú già đến cửa trường đón tôi. Rồi vú già với tôi đi bộ về nhà.

Hồng cũng cười:

– Vậy ta đi bộ về nhé?

– Trời ơi! Đi bộ từ đây về chợ Hôm?

– Sao không được?

Ai hỏi ở sau lưng:

– Vậy hôm nay chị không đi xe điện?

Hồng quay lại nhìn và nhận ngay được Lương liền mỉm cười gật chào. Lương kính cẩn cúi đầu chào, hai má ửng hồng vì sung sướng. Nga bảo Lương:

– Nếu chúng tôi đi bộ về thì anh Lương đi hộ giá nhé?

– Xin vâng. Hân hạnh cho tôi lắm lắm.

– Vậy di.

Hồng ngập ngừng hỏi:

– Đi bộ thực à?

– Lại chả thực!

Ba người ra đường. Mấy anh học trò lớn liếc nhìn Lương rồi khúc khích cười, thì thầm nói chuyện. Lương để hết cả tinh thần vào Hồng. Ngoài Hồng ra, chàng không trông thấy gì nữa. Nhưng Hồng thoáng nhận thấy sự chế nhạo của bọn học trò, và nàng nghĩ ngay đến những giờ dài đằng đẵng của Lương trong lớp ồn ào, mất trật tự, giữa một đám học trò hỗn xược, tàn ác. Nàng ngước nhìn Lương, thương hại: hai cặp mắt gặp nhau, một luồng điện cảm tình làm đôi mi Hồng rung động và tim Hồng đập mau.

– Sao chị lại đi về phía ấy?

Nghe Lương hỏi, Nga cười đáp:

– Tôi cứ quen đường ra chỗ chờ xe điện. Vậy đi bộ thực nhé?

Hồng có vẻ e ngại:

– Đi bộ... có tiện không nhỉ?

Hồng quen ở tỉnh nhỏ không bao giờ thấy cái cảnh nam nữ đi song song ở ngoài phố. Chừng Nga cũng hiểu thế, nên bảo bạn:

– Ở Hà thành người ta không dị nghị bép xép như ở Ninh Giang nhà chị đâu mà sợ.

Hồng ngượng với Lương, chữa thẹn, cãi lại:

– Ô hay, tôi có sợ gì đâu. Hay nói cho đúng, tôi chỉ sợ đi bộ về muộn làm anh Phán chị Phán phải chờ cơm.

– Chà! Để anh chị ấy chờ, đói ăn càng ngon.

Tới hồ Hoàn Kiếm, thấy hai thiếu nữ đi chậm lại Lương hỏi:

– Hai chị mỏi chân rồi?

Hồng lắc đầu:

– Chưa. Nhưng đi thong thả để ngắm hồ.

Nga cười:

– Có chị ở nhà quê ra Hà thành thì thích ngắm cảnh hồ Hoàn Kiếm, chứ đối với chúng tôi, cảnh ấy đã trở nên tầm thường quá rồi.

Lương cãi:

– Thưa chị, không có lý nào thế. Hồ Hoàn Kiếm của chúng ta biến hóa trăm hình vạn trạng mỗi lúc đẹp một khác, không bao giờ ngắm chán mắt được.

Hồng tấm tắc khen:

– Hồ Hoàn Kiếm đẹp thực!

– Vâng, thưa chị, thực là một viên kim cương nạm trong khối ngọc thủy.

Nga lại cười:

– Thi sĩ không!

Rồi bảo Hồng:

– Xin giới thiệu chị nhà thi sĩ Ba X... thường gửi tác phẩm đăng trên các tuần báo.

Hồng vui vẻ hỏi:

– Sao lại Ba X...?

– Vì anh Lương ký tên Trois X (XXX).

Lương nhún mình:

– Lúc nhàn rỗi làm thơ chơi cho đỡ buồn, chứ thi sĩ thi siếc gì!

– Anh cũng có khi buồn kia à?... Chiều nay, thứ năm nhàn rỗi, hẳn anh làm thơ cho đỡ buồn.

– Chiều nay thì tôi không nhàn rỗi, vì tôi đã nhận lời đến đánh tổ tôm đằng ông Phi.

Nga vui vẻ cười, Lương hiểu ý nghĩa cái cười ấy nên cũng cười theo. Những cuộc tổ tôm góp một hai đồng ở nhà ông giám đốc buổi trưa hôm thứ năm và chủ nhật đã thành một thói quen trong đám giáo sư trường Đông Kinh. Và cái vẻ nhanh nhẹn, những cử chỉ ngôn ngữ hồn nhiên và sỗ sàng của bà đốc chẳng ai còn lạ! Buổi dạy học sáng thứ năm, anh em thường hỏi nhau: "Hôm nay Phi có mời anh đến đánh tổ tôm không?". Rồi họ mỉm cười, cái mỉm cười rất nhiều ý nghĩa.

– Ông thích đánh tổ tôm lắm?

Lương đang cười, ngừng bặt để đáp lại Hồng:

– Không, tôi có thích tổ tôm đâu! Nhưng nể ông Phi quá, nên thỉnh thoảng cũng phải nhận lời đến đánh.

– Tưởng không gì trưa nay đưa chúng tôi đi xem phòng triển lãm của anh Gia. Chị Hồng chắc chưa đến phòng triển lãm nhỉ?

– Chưa.

Lương vội đáp:

– Vậy tôi xin đi với hai chị, tôi cũng chưa xem.

Hồng mỉm cười:

– Nhưng ông đã nhận lời đến đánh tổ tôm...

– Không sao ạ, tôi lại xin kiếu nhé.

Chàng ngả đầu chào hai thiếu nữ.

– Xin tạm biệt, đúng hai giờ tôi lại tìm hai chị.

Rồi không chờ hai người chào lại, hay nói một câu trả lời chàng đi thẳng.

Hồng thì thầm bảo Nga:

– Anh ấy không sợ em anh ấy giận à?

Nga phá lên cười khanh khách.

VII

Mãi năm hôm sau Hồng mới về Ninh Giang.

Trong năm hôm ấy, ngày hai buổi Hồng lo lắng chờ nhận thư nhà, lá thư mà nàng chắc chắn sẽ biết toàn bằng những chửi mắng, hay mát mẻ. Nhưng thư vẫn không tới, và nàng vẫn nấn ná ở lại. Đã có lần nàng chua chát nghĩ thầm: "Mình đi vắng thì họ mừng, chứ họ cần gì! Mình như cái gai trước mắt họ. Họ không nhổ đi được hẳn, thì thỉnh thoảng mình xa họ, cũng là tự tạm nhổ đi cho họ ít ngày. Thế thì họ còn mong đợi gì mình mà viết thư viết từ".

Hồng cảm thấy ngay rằng tư tưởng ấy hơi hỗn xược. Vì dù nàng không có chủ tâm ám chỉ, chữ "họ" vẫn như gồm cả cha vào trong. Cha nàng, nàng hiểu thấu thâm tâm, và như có tình cảm báo cho nàng biết rằng cha nàng không ghét nàng. Hơn thế, có khi thương hại nàng nữa: "Tình phụ tử ai nỡ!" Nàng luôn luôn tự nhủ thế, và nàng cố ghép một ý nghĩa trắc ẩn, liên tuất, thân ái vào những lời nói rất bình thường, những cử chỉ rất thản nhiên của cha. Bị cha mắng nhiếc tàn tệ, nàng tự an ủi bằng một tư tưởng lâu ngày đã hầu thành như khắc sâu vào khối óc bị thương của nàng: "Thầy mắng mình ở trước mặt cô ta cho cô ta vui lòng và để mình được yên thân". Và nàng ngầm đáp lại cha bằng cái mỉm cười để tỏ với cha rằng mình hiểu cha lắm. Cái mỉm cười ấy, nhiều khi người dì ghẻ có ác tâm cho là rất khinh mạn đối với ông Phán và không ngần ngừ, bà bảo thẳng với chồng.

Nhớ lại những cảnh thường xảy ra, Hồng lấy làm ái ngại cho cha. Và khi xa nhà, nàng đinh ninh sẽ sửa đổi tính nết, sẽ cố nhẫn nhục để khỏi làm phiền lòng cha, để gia đình được yên ổn. Nhưng chỉ những khi xa nhà, nàng mới hối hận và có những thiện ý mà thôi. Đến lúc gặp mặt người dì ghẻ, lòng căm tức của nàng lại vụt sôi lên sùng sục khó thể dẹp nổi.

Hôm nay, Hồng cũng đương có tâm trạng ấy. Lúc ẩy cửa bước vào trong nhà, nàng bình tĩnh như quên hết những nỗi lo lắng, băn khoăn về cái lỗi đã ở hơn mười ngày trên Hà Nội tuy chỉ xin phép có ba hôm. Nàng tự nhủ: "Chà! Thì mình bị chửi mắng đã hầu như cơm bữa, can chi còn phải bận lòng. Cứ đem sự yên lặng, nhịn nhục mà đáp lại là hơn hết".

Hồng thản nhiên mỉm cười khi biết cha và dì ghẻ đều ngủ trưa. Mùi chạy ra đón nàng.

Trong lúc sốt sắng sửa đổi cách xử trí đối với mọi người, nàng vui mừng bế bổng em lên hôn chụt hai bên má.

– Trời ơi, chị thơm quá.

– Thế à, em?

Rồi nàng nhe răng ra cười, Mùi vỗ tay reo:

– Ồ! Răng chị trắng quá! Chị mới cạo đấy à?

Hồng vuốt tóc em, ngượng nghịu:

– Ừ, chị mới cạo... Răng chị nhuộm vụng quá cạo quách đi cho khỏi cải mả.

Mùi láu lỉnh:

– Không rồi! Răng chị đen giòn thì có. Cạo thế trông như vợ Tây ấy, chị ạ.

Hồng chau mày lườm Mùi:

– Ai bảo Mùi thế?

– Em thấy mẹ vẫn bảo chị Bình bên bà phủ để răng trắng nhởn như vợ Tây. Em thì em thấy...

Hồng ngắt lời hỏi lảng sang chuyện khác:

– Chị Thảo đâu, em?

– Chị Thảo với anh Tý đi học tư đằng thầy giáo Nhì cơ mà!

– Ừ nhỉ!

Một tiếng kẹt cửa ở buồng bên. Hồng quay lại. Bà Phán rón rén bước ra, mắng con:

– Cái Mùi không đi học bài, đứng đấy mà nheo nhéo mãi.

Bà làm như không trông thấy Hồng, tuy Hồng đã chắp tay chào một câu lí nhí trong miệng.

Bao nhiêu ý định làm lành vụt biến mất. Chỉ còn lại một lòng căm tức: Hồng đăm đăm nhìn dì ghẻ như để thách. Cái trán bóp lại dưới vành tóc vấn trần mỏng mảnh vì không độn, đôi mắt lim dim không nhìn, như còn ngái ngủ, cặp môi mỏng như căng thẳng ra do một cái răng cài phía trong mồm. Những sự nhận xét hằng ngày ấy nay Hồng càng thấy rõ rệt và ngạo nghễ mỉm cười.

Mùi chạy lại gần mẹ, mách:

– Mẹ ơi, chị Hồng ấy cạo răng trắng như vợ Tây ấy.

Một cái tát kêu in vết bốn ngón tay lên má Mùi:

– Tao đã bảo không được nói động đến nó cơ mà! Nó làm gì mặc kệ nó, đã hiểu chưa?

Mùi sợ hãi lảng xuống nhà, Hồng cũng xách va li vào buồng trong. Nàng ngả lưng trên giường nằm nghĩ đến mấy ngày gần đây ở Hà Nội một mối tình mới mẻ kỳ dị chiếm lấy cả tâm hồn nàng và khiến nàng lại dửng dưng với câu chuyện vừa xảy ra. Tuy Lương và nàng chưa ngỏ với nhau một lời thân ái, nàng đã coi như hai người đã ngầm hiểu nhau rồi: cái nhìn thoáng qua của hai cặp mắt biểu lộ biết bao tình tứ, và rõ rệt, và âu yếm hơn tất cả những lời nói.

Hồng lấy làm lạ rằng một người như Lương mà trước kia nàng ghét được. Có lẽ chỉ vì cái duyên thầm của Lương ẩn trong những cử chỉ vụng về, những ngôn ngữ vụng về. Hồng tin thế, vì nàng chẳng thấy lúc nào Lương dễ thương bằng lúc Lương cuống quít, lúng túng dưới cái nhìn tươi cười của nàng. Hôm chàng đưa hai thiếu nữ đi xem phòng triển lãm, chàng cố giở hết tài phê bình mỹ thuật của chàng ra để giảng cho biết những cái đẹp của một bức tranh. Nhưng hễ mắt chàng gặp đôi mắt chăm chú của Hồng thì chàng lại im rồi đưa vội hai người đến xem bức tranh khác.

Tiếng quát gọi đầy tớ của bà Phán ở phòng khách làm Hồng đứt dòng tư tưởng và nhớ tới thực tại. Hồng đứng dậy lẳng lặng sang chào ông Phán vì vừa nghe thấy một cái ngáp của cha xen lẫn trong lời nói oang oang của dì ghẻ. Và nàng quả quyết can đảm nhận lấy những lời quở mắng nghiêm khắc.

Ông Phán ngồi ở sập, uể oải vò cái khăn bông trong chậu nước nóng bốc khói đặt trên cái giá gỗ. Nghe tiếng Hồng, ông hơi ngửng nhìn và sẽ gật một cái rồi thong thả đưa khăn lên vuốt tóc, vuốt râu. Hồng đứng chắp tay, cúi đầu chờ. Nhưng thấy ông vẫn yên lặng, nàng toan lui vào trong nhà. Ngồi đối diện ông Phán, cánh tay phải tỳ mạnh xuống gối xếp, bà Phán đưa mắt dữ tợn lườm chồng để nhắc ông nói một điều gì. Chừng ông Phán hiểu, nên vội hỏi Hồng:

– Mày ở Hà Nội làm gì lâu thế?

Đã xếp sẵn câu trả lời từ trước, Hồng đáp trơn tru, giọng rất bình tĩnh:

– Bẩm thầy, con đi lị mất mấy hôm, chị con giữ ở lại uống vài chén thuốc.

Bà Phán như nói một mình:

– Hừ! Đi lị mà còn cạo răng trắng được!

Ông Phán trừng mắt đăm đăm nhìn con:

– Mày cạo răng trắng?

Hồng cúi đầu khẽ đáp:

– Bẩm vâng.

Ông Phán ném cái khăn mặt vào chậu thau, nước bắn tung tóe cả ra sập:

– Thế thì giỏi thực! Thế thì mày giỏi thực!... Mày cạo răng để làm gì, hử con kia?... Để đánh đĩ, phải không?

Ông quay lại nói với bà Phán:

– Ngữ này hỏng!... Nó đến làm điếm nhục gia phong mất thôi.

Hồng đứng im để mặc cha quát tháo.

– Tao không ngờ mày hư đến nước ấy!... Mà cái con Hảo sao nó để mày càn rỡ như thế?

Ông lại quay nói với bà Phán:

– Bà cứ để nó về Hà Nội tự do thì có ngày... thì nguy hiểm lắm.

Bà Phán cười rít hai hàm răng:

– Tôi giữ sao nổi chị ấy... Giữ gìn cho chị ấy, để chị ấy oán rằng tôi ác nghiệt cấm đoán chị ấy nhé!

– Không cấm đoán để nó trát tro trát trấu lên mặt cho!

Rồi ông thét:

– Muốn sống thì nhuộm lại răng đi... mà xéo ngay đừng đứng đấy, gai mắt tao lắm!

Hồng thản nhiên lui vào phòng trong, ngồi lắng tai nghe cha và dì ghẻ bàn tán đến mình.

Ông Phán bảo bà Phán:

– Bà xem có đám nào hỏi thì gả phắt đi thôi. Để cái nợ ấy ở nhà, có ngày đến mang tai mang tiếng vì nó.

Bà Phán vẫn một giọng cười tàn ác:

– Ông tưởng nó dễ dàng thế đấy. Nó còn kén chọn chứ! Nó

phải lấy ông hoàng mới xứng đáng... Hừ, tính chả có, có tướng!

Hồng vội đưa tay lên bịt chặt lấy tai.

Từ đó luôn mấy ngày, bữa cơm nào Hồng cũng bị cha mắng nhiếc, và dì ghẻ nói những câu mỉa mai đau đớn. "Chỉ vì cái hàm răng trắng"! Hồng nghĩ thầm. Nhưng nàng nhất định không nhuộm lại, dù cha theo lời xúi giục của dì ghẻ, bắp ép nàng làm việc ấy.

Một hôm, Tý bảo Hồng:

– Chị cạo răng trông đẹp lắm. Thế mà thầy cứ bắt chị nhuộm răng đen.

Hồng nhìn em tỏ ý cám ơn. Rồi hé hàm răng soi gương ngắm nghía, quả nàng thấy vẻ mặt mình xinh đẹp hơn trước nhiều. Nàng cho là dì ghẻ tức tối bởi lòng ghen ghét.

Cái hàm răng trắng của Hồng làm đầu đề câu chuyện cho bà Phán trong gần một tháng. Mỗi bữa cơm, bà lại nói đến nó, mỗi tối thứ bảy có khách đến chơi đánh tổ tôm, bà lại gợi chuyện để bàn tới vấn đề răng trắng, răng đen. Không muốn mất lòng bà phủ, vì bà ta cũng có con lớn để răng trắng, bà Phán nói:

– Để răng trắng cũng phải tùy từng người. Người ta xinh đẹp lại giàu sang, có nhiều tiền, sắp sửa quần áo lịch sự thì bộ răng trắng mới nổi, chứ ở cái xó Ninh Giang này mà cũng để răng trắng thì chả còn gì lố lăng hơn.

Nhưng lâu dần, cái hàm răng trắng cũng quen nhìn. Quen cả cái biệt hiệu "Cô răng trắng" mà bà Phán đã đặt cho Hồng.

VIII

Bữa cơm chiều vừa xong. Ông Phán, bà Phán sửa soạn vào phủ đánh tổ tôm. Hôm nay là thứ bảy, ông phủ đã cho mời ngay từ sáng để nhận chỗ.

Ra đến cửa, bà Phán quay lại ôn tồn bảo Hồng:

– Chị ở nhà nhé.

Hồng vui vẻ đáp lai:

– Vâng. Chúc cô hôm nay phát tài.

Bà Phán cười thớ lợ:

– Ừ, nếu có phát tài thì cô sẽ đãi chị hai mươi phần trăm. Gặp vía chị thì thế nào cũng đỏ. Thôi chị ở nhà dạy các em học ôn đi nhé.

– Vâng.

Ông Phán ra đường trước, đứng đợi lâu sốt ruột, giục:

– Đi thôi bà! Đừng để người ta phải cho đến mời lại, bất tiện.

Bà Phán đáp vội vàng:

– Vâng, tôi đi đây.

Bà quay lại mỉm cười, gật Hồng, rồi mới đi.

Cái gật ấy nếu Hồng hiểu thấu, thì nàng đã chẳng hí hửng quay vào vui vẻ trò chuyện với Tý, Thảo, Mùi. Vì sự thực, lòng tử tế của bà Phán chỉ là một mưu sâu, cay độc, tàn ác bằng mấy mươi những lời mai mỉa, gièm pha, vu khống mà bà vẫn thỏ thẻ bên tai chồng.

Ông Phán cũng phải lấy làm lạ về sự thay đổi tính nết và thái độ của vợ đối với Hồng. Ông ngờ rằng đó chỉ là một thời nghỉ phun lửa của hỏa diệm sơn, mà thời ấy còn dài thì rồi lửa, lúc phun lên, phun càng mạnh. Vì thế, tuy ông thầm sung sướng được thấy cảnh gia đình hòa thuận, ông vẫn áy náy lo sợ vẩn vơ. Ông là một người ích kỷ như phần đông các ông gia trưởng, chỉ muốn được sống trong sự bình an êm thấm. Chí quả quyết của ông thương con hay bênh vợ! Chí quả quyết của ông đã tiêu tan gần hết sau bao nhiêu phen đương đầu với cái tính cay nghiệt tự nhiên của vợ và cái tính bướng bỉnh ương gàn của con. Bây giờ ông không dám phân xử một việc gì giữa vợ và con như ngày xưa nữa. Ông chỉ biết xằng át mắng tràn con đi. Mắng là mắng cho có tiếng mắng, mắng lấy lòng bà Phán, mong được bà để cho hưởng chút bình tĩnh.

Trước kia, cũng có lần ông bênh con, bênh không phải vì yêu con mà vì thấy vợ vô lý quá.

Nhưng làm thế chẳng ích gì cho ai: Hồng càng bị ghét, nhà càng ầm ĩ, ông càng khổ sở vì nỗi bị vợ dằn vặt suốt ngày đêm. Dần dần ông hiểu tới công hiệu của sự lặng thinh, của sự trung lập, để mặc vợ gào thét, và áp chế con, để mặc vợ trong chốc lát, trút hết lòng căm hờn bực tức ra lời nói.

Rồi chẳng bao lâu, ông Phán bỏ cái địa vị trung lập mà vào hẳn phe vợ. “Đó là một diệu kế” ông Phán tự phụ nghĩ thầm. Mà

quả thực, thấy được chồng bênh hay biểu đồng tình, bà Phán thường dẹp ngay cơn thịnh nộ.

Lần này ông Phán không khỏi kinh ngạc về cử chỉ dịu dàng và ngôn ngữ mềm mại của vợ đối với Hồng trong gần ba tháng, cử chỉ, ngôn ngữ của một người mẹ thân yêu, âu yếm săn sóc đến con chồng một cách cảm động.

Sự thực thì tính tình bà Phán không thay đổi và bà ta vẫn ngấm ngầm theo đuổi cái chí làm hại.

Chỉ độ một tuần lễ sau hôm Hồng ở Hà Nội về với hàm răng mới cạo, bà đã khám phá được sự bí mật của nàng: nàng yêu. Khi người ta yêu thì người ta chỉ có thể giấu tình yêu được với những con mắt không lưu ý đến mình. Thế mà bà Phán thì không những lưu ý đến Hồng, bà còn xét nét Hồng từng li từng tí. Bà thấy Hồng thỉnh thoảng lại thở dài và có lần cả một buổi chiều đứng tựa cửa sổ nhìn vơ vẩn ra sông. Bà mỉm cười tự nhủ: "Con bé này sắp chết rồi, bà sẽ cho chết hẳn". Ngay hôm sau, bà nói với ông Phán sai Hồng đi Hà Nội mua gạc về nấu cao. Hồng sung sướng nhưng bà Phán còn sung sướng hơn. Chủ tâm bà cho Hồng đi Hà Nội là cốt Hồng lầm lỡ. Bà nghĩ thầm: "Bọn gái hai mươi tuổi đầu đương khao khát tình yêu, lại bị anh chàng trẻ trai Hà thành tán tỉnh thì làm gì mà không chết?"

Bà ngọt ngào bảo Hồng:

– Cô phải nhờ đến chị giúp việc ấy mới xong. Cô vẫn nói với thầy rằng về việc mua bán thì chả ai ăn đứt được chị.

Hồng im lặng cúi đầu: nàng ngờ rằng dì ghẻ giao phó cho mình một công việc khó khăn, để khi mình mua hớ, sẽ có cớ mà mắng nhiếc. Nhưng cái sung sướng đi Hà Nội làm cho nàng quên hết các điều lo lắng.

Bà Phán phân trần với chồng:

– Không phải tôi nói thế để lấy lòng chị ấy đâu. Ông có nhớ hồi năm ngoái chị ấy mua mấy chỉ sâm Hoa Kỳ không? Thực tôi chưa thấy chỉ sâm nào tốt như thế.

Rồi quay lại bảo Hồng:

– Chị cứ chọn cho cẩn thận, có cần phải ở lại Hà Nội vài ba ngày cũng được.

Bà cười nói tiếp, giọng nũng nịu:

– Có phải không thầy? Chị ấy có ở lại Hà Nội ba, bốn hôm thầy cũng đừng mắng chị ấy nhé? Nhé?

Ông Phán cười:

– Vâng, cô ấy muốn ở Hà Nội đến bao giờ cũng mặc cô ấy. Cô ấy về nhà thì cô ấy làm được trò trống gì.

Bà Phán ghé gần tai Hồng thì thầm, thân mật:

– Đấy nhé, tôi xin phép thầy được cho chị ở lâu trên Hà Nội rồi, đấy nhé. Vậy muốn bao giờ về cũng được... chỉ cần chọn kỹ gạc cho tôi, đừng mua hấp tấp mà phải thứ gạc xấu.

Tuy thế, chuyến ấy Hồng cũng chỉ ở Hà Nội đúng ba hôm. Vì ngay trưa hôm nàng tới Hà Nội Hảo đã đến một hiệu quen mua giúp nàng, rồi thúc giục nàng về, lấy cớ rằng vắng nhà lâu sợ "thầy quở". Cái cớ chính thì lại khác. Hảo thấy Lương và Hồng trò chuyện quá thân mật, đi chơi với nhau quá tự do nên lo sợ cho em. Cả Nga cũng không yên lòng, vì nàng tự coi như đã làm môi giới cho tình yêu của hai người. "Lỡ xảy ra chuyện gì, mình sẽ mang tiếng với chị Hảo". Nàng nghĩ thế, và nàng hết sữ giữ gìn bạn, không để bạn đi đâu một mình với Lương.

Hôm Hồng về, Nga và Lương tiễn nàng ra tận ga. Hồng định đi ô tô hàng, nhưng Lương vừa khuyên nàng đi xe hỏa thì nàng nghe theo ngay. Nàng nghe theo để khỏi trái ý Lương, chứ nàng không cần hiểu rõ tại sao Lương lại khuyên nàng đi xe hỏa. Thực ra Lương không muốn trông thấy nàng chen chúc cùng những người đàn ông trong chiếc xe hàng xếp chặt như nêm. Vả lại chàng cho rằng tiễn biệt nhau ở sân ga vẫn có vẻ thân mật hơn: người đi sẽ ghi nhớ mãi mãi cái hình ảnh người ở lại đứng vẫy trong khi xe từ từ rời khỏi ga

Giọt nước mắt đầu tiên của hai người.

Hồng về tới nhà, dì ghẻ mừng cuống cuồng. Hồng tưởng chừng bà muốn ôm lấy mình mà hôn. Bà không tiếc lời khen:

– Tôi đã bảo mà, giao cho chị việc ấy thì phải biết. Giá đã rẻ, gạc lại tốt.

Kỳ thực, bà thừa biết rằng chính tay Hảo đã chọn và mua giúp. Bà nghĩ thầm: "Chứ ngữ này thì có ăn!" Ông Phán đương ngủ trưa, bà đánh thức dậy để xem gạc và để nghe những lời khen của bà.

Hai tuần lễ sau, bà nhờ Hồng lên Hà Nội lần thứ hai mua

"xa tanh". Rồi cứ cách ít lâu, bà lại tìm ra thức cần phải sắm để sai Hồng đi Hà Nội. Và bà vui mừng thấy cái mưu kế của mình sâu sắc. Bà tưởng tượng Hồng ra con chuột nhắt bình tĩnh, không ngờ vực tiến vào trong cái bẫy bà đã đặt sẵn ở một xó tối.

Nhưng Hảo lờ mờ đoán thấy cái bẫy ấy. Hơn thế nàng sợ cả cái bẫy mầu nhiệm mà tạo hóa giương rộng để bẫy những trai gái yêu nhau.

Nàng liền bàn với Nga để tìm cách cứu em. Nàng bảo Nga: "Một là chia rẽ hai người ra, hai là giúp cho họ lấy nhau ngay". Nga cho điều thứ nhất hơi khó thi hành, tuy nàng thực bụng không muốn để Hồng lấy cái anh chàng vừa nghèo vừa xấu kia mà nàng không ưa. Nàng vẫn khuyên khéo bạn đừng yêu Lương mà uổng một đời thanh niên. Hơn thế nàng thường đem mối tình vô lý của Hồng ra chế giễu, nàng bảo Hồng: "Lòng trắc ẩn là một, và lòng thương yêu là một không nên lẫn cái nọ với cái kia. Nếu mình yêu người mà mình thương hại, thời khi nào mình không thương hại nữa, tình yêu sẽ không còn. Lúc ấy, mình sẽ khổ sở biết bao, khổ sở phải sống đời ở kiếp với người mà mình tưởng hoàn toàn đáng yêu, kỳ thực chỉ hoàn toàn vô vị". Nghe bạn nói, Hồng gượng cười và khen cái triết lý cao siêu của bạn.

Còn điều thứ hai thì dễ dàng lắm. Chỉ việc bảo Lương đến hỏi Hồng, rồi vợ chồng Căn nói giúp vào. Hay muốn chóng thành công, Hảo sẽ đứng ra làm mối Hồng cho Lương. Còn gì giản dị hơn! Còn khó khăn gì nữa phải bàn định.

Hảo và Nga tưởng thế là vì chưa kịp nghĩ đến chưa kịp nhớ đến lòng nham hiểm của người dì ghẻ đã giương bẫy và ngồi chờ xem con chuột kia bị tan xác, bà ta không thể nào lại để con chuột ấy đứng ung dung mà gặm miếng thịt luộc ở trong bẫy. Bởi vậy, bà cố giấu lòng căm tức khi được ông Phán cho xem bức thư của Hảo gởi và giới thiệu Lương và ngỏ ý muốn làm mối Hồng cho chàng. Bà tươi cười bảo chồng:

– Gả bán thì cũng phải biết người biết mặt đã thứ làm gì mà ông vội vàng cuống quít lên thế?

Sự thực, ông Phán chẳng hề vội vàng cuống quít, ông chỉ *trình bày một việc mà ông không dám quyết định.*

Bà Phán nuốt sự căm tức theo chén nước chè tàu. Chẳng lẽ

cái mưu của bà bị phá? Chẳng lẽ định làm hại lại hóa ra làm ơn? Người phá cái mưu sâu của bà chỉ có thể là Hảo, là "cái con trời đánh" ấy mà bà vừa ghét vừa sợ. "Phải rồi nếu không có nó giữ gìn, thì em nó làm gì mà không..." Bà không nghĩ hết câu. Trong mấy tháng, bà vẫn để ý ngắm nghía cái bụng của Hồng, và bà buồn rầu không thấy sự thay đổi.

"Được rồi!"

Ý nghĩ của bà bật lên lời nói. Ông Phán hỏi:

– Cái gì? Bà bảo được rồi cái gì thế?

Bà Phán nói chữa:

– Được để xem sao đã. Nếu nên gả thì gả quách.

Ý nghĩ thực của bà chỉ là một sự dọa nạt:

" – Được rồi! Tao sẽ cho mày biết tay tao!"

Ngay buổi chiều bà thì thầm mật sai Thảo do thám Hồng và hết sức làm thế nào lấy cắp được vài bức thư của tình nhân Hồng. Công việc ấy, hôm nay, trước khi vào phủ đánh tổ tôm, bà đã thầm dặn lại Thảo một lần nữa.

IX

Mãi gần mười giờ, ông Phán bà Phán mới thức dậy, vì tối hôm trước đánh tổ tôm rất khuya ở trong phủ.

Hai người ra ngồi trên sập, và cùng có vẻ mỏi mệt. Nhưng cái mỏi mệt của ông Phán chán nản và lặng lẽ. Đầu ông như nặng trĩu những ý nghĩ cúi rũ xuống trước ngực. Mớ tóc lơ thơ màu chì bệch, vì nhiều trắng hơn đen, rối tung và xõa xuống mắt, xuống tai. Thỉnh thoảng ông lại há ngoác miệng ngáp một cái thở dài.

Còn cái mỏi mệt của bà Phán thì cau có, gắt gỏng. Bà ngồi ở mép sập, một chân bỏ thõng, một chân chống, cái cánh tay gầy và cứng uể oải gác trên đầu gối. Đôi tất trắng và mỏng để lộ đủ các ngón chân, cổ tất chun lại và trễ xuống tới mắt cá. Làn tóc rối vấn vội với cái độn trắng hở ra từng mẩu càng làm tăng vẻ mặt dữ tợn của bà lên, khiến bà na ná giống vai vợ quỉ trong các vở chèo.

Bà thưỡi môi dưới ra đưa mắt lườm nguýt ông Phán. Rồi kéo dài giọng, nói:

– Tôi còn nghĩ đến ván bài bạch đinh bao giờ tôi còn muốn lộn tiết lên bấy giờ.

Ông Phán không đáp, yên lặng đưa tay lên vuốt ngược tóc.

– Quân bát vạn giết người... Mà sao hai cái phỗng tứ vạn, bát vạn ông lại phá phỗng bát?... Phỗng tứ vạn làm sao ông không phá?... Ừ tôi hẵng hỏi ông thế... Bát vạn vừa rẻ vừa mẩy, sao ông không bắt?

Ông Phán cố nhếch mép cười gượng:

– Thì tôi biết đâu rằng bà thập thành bạch đinh?

Bà Phán co nốt cái chân bỏ thõng lên sập, đặt nốt cánh tay còn lại lên đầu gối thứ hai, và giọng bà càng kéo dài:

– Ai khiến ông biết, nhưng đánh phải bài thì thôi chứ!

– Biết thế nào là phải bài!

Bà Phán đập bàn tay xuống sạp, gắt:

– Thôi, mỗi cái ông im đi thì hơn.

Thì ông Phán im. Từ đó bà Phán tha hồ mà nói, mà bẻ, mà trách, mà phân tách ra từng ván bài đánh thấp của chồng, từng ván bài đánh cao của mình. Ông Phán chỉ yên lặng mỉm cười.

Giữa lúc ấy, Thảo đến gần bà Phán thì thầm và dúi vào tay mẹ một tờ giấy tư. Tức thì bà Phán quên hẳn câu chuyện tổ tôm, tươi cười mở giấy nhẩm đọc. Nhưng chữ viết chừng nhỏ và tháu quá, nên bà lần mãi mới được vài dòng. Bà liền để ông Phán ngồi lại với chậu nước đặt trên giá, đứng dậy cùng Thảo đi lên gác.

Nửa giờ sau, bà xuống, vẻ mặt hớn hở, khăn áo chỉnh tề. Thấy vợ hết giận, ông mừng rỡ hỏi:

– Bà sắp sửa đi đâu đấy?

Bà Phán cười:

– Ông chóng quên nhỉ! Ông phủ, bà phủ mời ăn cơm sáng, ông không nhớ?

– Ừ nhỉ! Nhưng mới hơn mười giờ.

– Mười rưỡi rồi.

– Mười một giờ hơn đến cũng vừa.

– Vâng, thì mười một giờ hơn. Ngồi nói chuyện một lát nữa vậy.

Bà Phán đã mở ví đựng tiền rút bức thư ra.

Theo thời trang, bà mới dùng ví tay, tuy bà vẫn mặc áo cánh có túi, và tuy trước kia, đã một dạo bà công kích cái "ví đầm" lòe loẹt của Hồng. Nhưng bà lại bỏ thư vào ví, trù trừ tự nhủ thầm: "Hãy thong thả!"

Bức thư ấy của Lương gửi cho Hồng và Thảo đã lấy trộm được và đưa nộp bà ban nãy. Phải, bà cần gì vội vàng. Khi con mèo bắt được con chuột nhắt, nó có chịu vội vàng cắn chết ngay đâu, nó còn đùa giỡn, còn tung lên ném xuống, thả cho chạy, rồi lại ngoạm se sẽ vào giữa hai hàm răng nhọn, kỳ đến khi nào con vật khốn nạn mệt nhoài không nhúc khích được nữa nó mới cắn mạnh một nhát vào đầu cho tắt thở.

– Dáng chừng bà nóng gỡ?

Bà Phán đã quên bẵng câu chuyện tổ tôm, nghe chồng hỏi, bà không hiểu ngây người đứng nhìn.

– Ông bảo gỡ cái gì.

– Lại còn gỡ cái gì nữa! Gỡ món tiền mười ba đồng thua hôm qua, chứ còn gỡ cái gì.

– À!

Bà vẫn nghĩ đến con chuột nhắt của bà.

– Chị Hồng! Chị Hồng đâu?

Có tiếng Tý ở phòng trong: "Kìa chị Hồng, mẹ đương gọi chị". Nhưng Hồng ngồi lì như không nghe thấy gì. Bà Phán mủm mỉm cười, giọng thâm mật:

– Chị Hồng ơi, ra cô nhờ nào.

Một tiếng vâng se sẽ... Rồi Hồng rụt rè bước ra. Bà Phán sung sướng ngắm Hồng: "Chết với bà chưa!" và bà vui vẻ tìm câu để hỏi:

– Chị, các em học có ra gì không!

Hồng lúng túng, ngập ngừng đáp:

– Thưa cô... các em... học khá đấy ạ.

Muốn Hồng không ngờ vực mưu kế của mình, bà Phán đã bảo nàng dạy các em học thêm. Tối hôm trước, Hồng vừa sắp đọc ám tả thì chợt nhận thấy mất bức thư, thành thử nàng loay hoay cặm cụi đi tìm kiếm và các em chờ lâu, sốt ruột bỏ đi ngủ cả. Đó là bức thư cuối

cùng mà Lương gửi cho một người bạn thân của nàng, nhờ chuyển giao tận tay nàng. Nhân cha và dì ghẻ vắng nhà, nàng lấy ra xem lại, vì buổi sáng, lúc nhận được thư, nàng đọc giấu giếm vội vàng, có một đoạn nàng không hiểu Lương định nói gì.

Vả xem lại thư người yêu vẫn là một cái thú. Suốt đêm Hồng không chợp mắt vì bức thư. Nàng ngờ Thảo lấy, vì biết Thảo có tính táy máy và tò mò. Nhưng nàng đã lục soát túi áo, và cạy hòm Thảo ra tìm vẫn chẳng thấy dấu vết gì. Vừa lo lắng, vừa bực tức, nàng bưng mặt ngồi khóc thút thít. Giữa lúc ấy cha và dì ghẻ ở phủ về: nàng sợ hãi vội tắt phụt đèn vờ ngủ say không nghe rõ tiếng dì ghẻ gọi cửa.

Luôn một tuần lễ, Hồng sống trong khủng bố. Giữa bữa ăn có khi nàng bỗng nghẹn không nuốt trôi miếng cơm vì một tiếng cười ghê sợ hay một câu nói có nghĩa mập mờ của dì ghẻ. Một hôm, bà Phán khen Hồng nết na đứng đắn rồi tiếp luôn:

– Chứ chả như nhiều cô con gái mất dạy thời nay viết thư cho trai và nhận thư của trai đã không biết xấu hổ thì chớ, lại còn cho là hãnh diện nữa.

Hồng cúi gầm mặt xuống để giấu đôi má ửng đỏ, trong khi Thảo và Tý khúc khích cười. Thấy vậy, bà Phán lại nghiêm nghị mắng hai con;

– Tao nói thế mà chúng mày cười à?... Bà lại tát cho vỡ mặt ra bây giờ !

Nhưng một hôm, câu chuyện kín kia bùng ra ầm ỹ, kịch liệt.

Sáng hôm ấy, bà Phán dậy trưa xuống nhà thấy Hồng chắp tay đứng bên ông Phán: Hồng định xin phép cha đi Hà Nội thăm chị nhưng còn trù trừ chưa dám nói. Bà Phán cho là cha con thậm thọt với nhau, tức thì cơn tam bành nổi lên. Chờ cho Hồng vào trong nhà, bà sừng sộ hỏi chồng:

– Nó ton hót ông điều gì thế?

– Ai? Bà bảo ai?

Bà Phán càng lộn tiết:

– Lại còn ai! Cô quý tử của ông chứ còn ai?

Rồi bà thét:

– Nó kể xấu tôi với ông, phải không?

Ông Phán vội cãi:

– Không, nó có nói gì đâu! Mà tôi cũng không biết có nó đứng đấy nữa.

Bà Phán ngồi phịch xuống sập và thét càng to:

– À, ông lại còn giấu giếm cho con ông! Nó nói xấu tôi với ông. Nó ton hót với bố nó. Ông phải biết, con ông chẳng đẹp tốt gì đâu. Tôi mà không giữ gìn, thì nó đã ễnh bụng rạ rồi, còn gì!... Ông không tin, phải không? Đây, không tin thì bằng cớ đây.

Bà sấn sổ chạy lên phòng ngủ, và chỉ một phút sau cầm ném vào lòng ông Phán bức thư của Thảo đã lấy trộm đưa bà.

– Đây, đọc đi, ông sẽ biết con ông tốt đẹp, ông sẽ biết con ông trinh tiết, ông sẽ biết con ông đoan trang.

Ông Phán chau mày, nói khẽ:

– Bà làm gì mà ầm lên thế? Người ngoài người ta biết chuyện thì còn ra sao!

Nhưng bà Phán vẫn không hạ giọng:

– Tôi cần gì người ngoài. Đứa nào xấu thì đứa ấy chịu chứ! Nó là con ông thì ông xấu lấy, chứ tôi có đẻ ra nó đâu mà tôi sợ.

Để mặc vợ gào thét, ông Phán giương kính ngồi chăm chú đọc. Dần dần, tay ông run lập cập, và hai giọt lệ từ từ chảy trên gò má: không biết đó là biểu hiện sự giận hay lòng thương, vì ông không thốt lên một lời, thong thả gấp nhỏ tờ giấy bỏ túi.

Hồi lâu, ông mới bình tĩnh, cất tiếng gọi Hồng. Không thấy con ra, ông đi vào phòng trong; Hồng đương gục mặt xuống cánh tay nức nở khóc. Ông đến gần, nghiến răng lại mắng:

– Hồng, tao không ngờ mày hư đến thế!... Tao không ngờ mày dám bêu xấu bêu nhuốc tao đến thế!... Thôi, chết quách đi con ạ! Sống nhục sống nhã thế thì sống làm gì!

Dứt lời, ông gơ tay tát Hồng một cái thực mạnh và co chân đạp nàng ngã chúi vào khoảng giữa hai cái hòm cưới mà nàng đã sắm để đem về nhà chồng hai năm trước đây.

Ở nhà ngoài, tiếng bà Phán:

– Thôi ông, tôi xin ông đừng đánh nó nữa. Phải dạy bảo con chứ sao lại đánh!

Bà chạy vội vào phòng lôi chồng ra. Ông Phán vừa thở hổn hển vừa nói:

– Tao không... ngờ!... Thực tôi... không ngờ

Bà Phán ghé tai chồng thì thầm:

– Đánh nó làm gì cho đau tay. Mặc kệ!

Ông Phán, giọng run run:

– Nào có mặc kệ được!

Ngay chiều hôm ấy, cái tin đồn Hồng chim trai đã đi hết vòng thành phố Ninh Giang. Và bà y sĩ, bà Huấn, thím Phồn, lần lượt đến chơi bà Phán để dò la hư thực.

Thím Phồn và bà Huấn giữ gìn kín đáo, còn bà y sĩ thì lấy chỗ thân tình ghé tai bạn hỏi thẳng:

– Thực đấy à, bà, con Hồng nó đọa kiếp đấy à?

Bà Phán khéo ứa nước mắt và đáp một cách úp mở:

– Tôi khổ lắm bà ạ, tôi thương hại ông Phán nhà tôi quá.

Bà chỉ nói có thế thôi. Mà bà y sĩ cũng không hỏi một câu thứ hai về "việc xấu xa" của Hồng nữa.

PHẦN THỨ BA

I

Nhận được thư của bà phủ, bà đốc đi ngay. Bà thừa hiểu bà phủ tìm về việc gì.

Ở một thành phố nhỏ như Ninh Giang, được biết trước mọi người một chuyện quan trọng vừa xảy ra là một điều tự hào của các bà vô công rồi nghề ngồi chờ những sự thay đổi. Xem báo gặp một tin về hạt Ninh Giang, dù chỉ là một tin rất tầm thường, là các bà ấy cũng vui thích, sung sướng, cảm động. Rồi người nọ đến nhà người kia để khoe nhau, tay cầm tờ nhật trình trỏ vào những dòng chữ đã gạch nét chì xanh, đỏ. Họ bàn tán mãi về việc ấy cho tới khi một việc khác xảy ra để chiếm lấy thời nhàn nhã của họ. Những người đại lý các báo ở Ninh Giang hiểu cái tâm lý ấy – mà ai không hiểu – nên ra công tìm kiếm nhặt nhạnh tin tức gửi về Hà Nội. Không có

tin tức, thì bịa đặt ra, phỏng đã hại gì: đó cũng là cách làm hoạt động biết bao đời buồn tẻ.

Vì thế, một dạo vào khoảng sáu tháng trước, cả Ninh Giang đã nhao nhao lên vui sướng về chuyện đăng báo: "cô H. lãng mạn". cô H... ai cũng đoán biết Hồng. Tác giả dùng những chữ bóng bẩy, hoa mỹ để tả cái nhan sắc "nhạn sa, cá nhảy, nghiêng nước, nghiêng thành" của cô, khiến chính Hồng đọc tới cũng không khỏi mỉm cười.

Hồi ấy, sau bao nhiêu lời mỉa nhiếc của bà Phán, sau bao nhiêu bức thư van xin cha của Hảo, ông Phán ưng cho phép Lương về chơi để xem mặt. Ông muốn gả quách cho Hồng đi, trước là để được êm nhà, sau là để tránh những biến cố mà ông chắc chắn sẽ xảy ra. Cái tính nết bướng bỉnh, liều lĩnh của Hồng sẽ rất dễ dàng đưa nàng đến... chỗ đó. Ông không dám nghĩ đến chữ "phá thân", đến chữ "trụy lạc", nhưng ông nhớ tới những chuyện tình mà ông đã được nghe ở xóm hồng lâu: biết bao con gái tử tế trở nên đào rượu chỉ vì không chịu nổi dì ghẻ ác nghiệt phải bỏ nhà trốn đi. Điều đó ông rất lo cho Hồng. Ông biết Hồng có thể liều đến bực ấy. Chi bằng nhân dịp có thể gả chồng ngay cho Hồng được thì gả phắt đi.

Vả lại gả Hồng cho người Hồng yêu thì sau này Hồng sẽ sung sướng. Tuy ông Phán không tha thiết săn sóc đến tương lai con, tuy ông không thương yêu gì con, nhưng chẳng phải khó nhọc, tìm kiếm, nghĩ ngợi mà gây dựng được gia thất cho con, ông cho đó là một cơ hội may mắn.

Dẫu sao, mục đích muốn gả chồng cho con, cái mục đích sâu xa mà ông Phán không dám tự thú, mà ông không dám thành thực, can đảm nghĩ tới, vẫn là sự yên ổn gia đình. Xưa kia, khi Hồng còn nhỏ, Hảo đã làm cho ông khổ sở về nỗi không chịu phục tòng dì ghẻ. Hảo đi lấy chồng xa, ông như trút được khối nặng trên lòng. Nay lại đến lượt Hồng. Thực số ông là số vất vả gì gia đình.

Ông loay hoay mấy ngày đêm để tìm cách, để lập mẹo gả chồng cho con. Ông biết bà Phán sẽ cản trở việc hôn nhân của Hồng như mấy lần trước, nếu bà không ưng thuận. Vậy cần nhất là làm sao cho bà ưng thuận.

Một hôm ông đánh bạo gợi đến việc khó khăn ấy, sau khi đã khôn khéo nói xấu người vợ qua đời.

– Con Hồng nó giống mẹ nó đấy. Đã dở hơi dở hám chả biết gì lại còn làm bộ làm tịch.

Bà Phán im lặng mỉm cười. Ông Phán nhìn vợ thở dài nói tiếp:

– Không biết bao giờ mới tống được nó đi cho khuất mắt.

Bà Phán vờ không hiểu:

– Việc gì lại tống cổ cô quí tử đi? Mà tống cổ sao được! Tống cổ nó, nó kiện cho ngồi tù ấy à?

Không thấy chồng đáp, bà lại nói tiếp:

– Ông không nhớ ngày nào nó giở luật pháp ra nó bảo tôi rằng nó con ông thì nó có quyền ở cái nhà này, không ai đuổi nổi nó đi đâu.

Ông Phán cố giữ cái chau mày, trả lời:

– Thì ai đuổi nó! Tôi nói tống là gả chồng ấy kia chứ.

Bà Phán phì cười:

– Gả chồng! Gả chồng dễ nhỉ! Ông tính câu chuyện... bậy bạ của nó đã tung tóe ra như thế ai người ta thèm...

*

Thấy chồng buồn rầu thở dài bà đổi gọng liền – đổi giọng không phải vì thương hại hay sợ hãi chồng, nhưng vì muốn chồng thực hiểu theo những ý tưởng bà bất hiểu.

– Với lại cũng phải tùy chị ấy chứ!

Bà cười nói tiếp:

– Còn phải xem chị ấy có bằng lòng không đã chứ. Đấy, ông coi chị ấy có bằng lòng ai đâu, ai chị ấy cũng chê, cũng chối đây đẩy. Tôi không nói thằng cháu tôi làm gì... ông giáo gì này... ông phán gì này... anh gì nữa này, cái anh con quan phủ Đông ấy, nó có bằng lòng ai đâu!

Ông Phán thở dài. Bà Phán gắt:

– Thì đấy, con ông, ông cố mà gả chồng cho nó. Việc gì mà ông phải thở ngắn thở dài? Ông làm như tôi ngăn đón nó không cho nó lấy chồng!

Rồi bà quay đi nói một mình: "Có đem mà gả cho voi! Cho voi nó giầy!.... Tưởng hãy còn trinh tiết lắm đấy! Hãy còn sạch sẽ lắm đấy!"

Ông Phán đã nghĩ kỹ về phương pháp đối phó với vợ. Ông

đã xếp sẵn một câu chuyện để đem ra kể cho vợ nghe. Lần thứ ba ông thở dài rất não nuột rồi ghé gần lại vợ, hạ giọng nói:

– Bà ạ, tôi nghĩ đến danh giá tôi, danh giá bà...

Bà Phán lớn tiếng ngắt lời:

– Có danh giá đến ông, chứ tôi, thì can dự gì đến tôi?

– Thì bà hãy để tôi nói đã nào. Phải, chỉ vì tôi nghĩ đến danh giá chúng mình ở nơi tỉnh nhỏ này, chứ nó thì tôi ghét dơ, chả muốn nói đến làm gì. Hôm qua tôi đến tòa nghe thấy ông ký Xương với người loong toong họ bình phẩm chuyện con Hồng chẳng ra làm sao. Mà họ qui lỗi cả vào tôi... với bà không biết dạy con để nó bậy bạ... Họ cho là bà vì quá nuông con...

Kể thì ông Phán bịa đặt rất vô lý, vì một câu chuyện dài dòng như thế, ông nghe sao được rành rọt từ đầu đến cuối? Nhưng được phỉnh bà Phán sung sướng còn dịp nghĩ ngợi gì nữa. Bà ngắt lời chồng:

– Ấy, ông ạ, ngoài phủ người ta vẫn cho là tôi quá nuông nó. Cả bà đốc, bà phủ cũng bảo thế. Kể thì tôi chỉ phải cái hay nói thẳng thôi, chứ thực ra tôi vẫn nuông chiều nó.

Ông Phán lại đệm thêm một câu:

– Thì chính vì thế nó mới hư.

Bà Phán vờ giận:

– Vậy ra ông qui oán, qui tội cả vào tôi đấy. Nuông nó thì người ta bảo... nuông nó, mà có dạy bảo, mắng mỏ nó thì người ta lại bảo ác nghiệt với nó. Còn biết làm thế nào cho vừa lòng thiên hạ?

Biết rằng tính tình vợ đối với Hồng đã dịu hơn trước nhiều, ông Phán liền bàn thẳng tới việc hôn nhân của con:

– Tôi tưởng chỉ có cách này là cứu vớt được danh dự...

– Cách nào?

– Gả quách con bé cho thằng... thằng Lương cái thằng viết thư cho nó ấy mà.

Ông Phán ngừng lại nhìn vợ, rồi nói tiếp:

– Bà cứ đứng ra gây dựng việc hôn nhân cho hai đứa.

Vì thói quen bà Phán nghĩ ngay tới những điều ngoắt ngoéo, giả dối, che đậy, tuy bà thấy bà vụt biến thành những người khác thường, một ân nhân của những kẻ xưa nay vẫn thù ghét bà. Bà ngập ngừng se sẽ bảo chồng:

– Thế cũng được. Để tôi xem... Nhưng ông cứ giả vờ không bằng lòng... Ông làm như nếu không có tôi thì thế nào việc cũng không xong... Nghĩa là chỉ có tôi ưng thuận cho hai đứa lấy nhau.

Ông Phán vội mừng:

– Được. Phải đấy.

Sợ chồng ngờ vực, bà Phán nói chữa:

– Không phải là tôi muốn mua ơn mua huệ gì với chúng nó. Tôi chỉ cốt chúng nó hiểu rằng không phải tôi có ghét gì chúng nó mà thôi.

Giá lúc bấy giờ Lương và Hồng cũng có mặt ở đấy thì có lẽ bà Phán cho phép hai người lấy nhau ngay. Bà sốt sắng muốn làm một việc mà bà chợt nhận thấy rất nên làm, nhất là bà lại đương bị lòng tự ái, bị những tính tình giả dối huyễn hoặc, những tính tình vụt có và, trong một thời gian dài hay ngắn, khiến ta thành một người khác hẳn ta.

Nhưng một đêm chỉ một đêm suy xét điều hơn lẽ thiệt, lại đưa ta trở về với những tính tình cũ, những tính tình thực của ta.

Đêm hôm ấy, bà Phán không ngủ được. Bà trằn trọc, hối hận rằng đã quá nhẹ dạ, để đến nỗi bị ông Phán lừa vào tròng. Bà nghĩ thầm: "Rõ mình thực thà quá, tự nhiên đi giúp cho chúng nó lấy nhau... Không, lấy đứa nào thì lấy, chứ không thể lấy thằng ấy được!".

Nhưng đã trót hứa lời thì bà phải giữ lời.

Luôn mấy hôm bà bàn định với chồng về việc hôn nhân của Hồng. Rồi tuần lễ sau bà thúc giục ông Phán viết thư bảo vợ chồng Căn mời Lương về chơi để xem mặt.

Trưa chủ nhật, Lương cùng Căn về Ninh Giang.

Lúc ấy nhà đương có khách đánh tổ tôm. Vừa thấy mặt Lương, bà Phán rú lên cười. Rồi bà bảo bà đốc và nói to để ai nấy đều nghe rõ:

– Người với ngợm! Tưởng thế nào! Trời ơi! Thế mà con tôi...

Bà làm như lỡ lời, dừng lại ngay, rồi quay sang hỏi bà phủ:

– Bà lớn không xơi ngũ vạn!

Lương đã hiểu. Chàng cho rằng nếu Hồng thuận lấy chàng là vì thương hại chứ không phải tình yêu. Lòng tự ái và tự trọng làm

cho chàng chán ghét hết mọi sự, chán ghét cả Hồng mà chàng thấy tầm thường trong một gia đình tầm thường.

Thế là bà Phán lại một lần nữa đắc thắng.

Nhưng Hồng hiểu. Nàng hiểu rằng tương lai của nàng đương bị lung lay vì sự thâm độc của dì ghẻ. Nàng vội viết cho Lương một bức thư dài tới tám trang giấy lớn, kể hết tình cảnh của mình, và cái tâm địa có một không hai của người dì ghẻ. Nàng nhận được thư đáp của Lương, trong thư Lương hứa sẽ cố ở được xứng đáng với ái tình thành thực của Hồng.

Thế rồi, bẵng hai tháng không nhận được tin tức của Lương. Buồn rầu, sốt ruột, Hồng không xin phép, bỏ đi Hà Nội. Hai hôm sau trở về nàng bị một trận đòn đau. Ông Phán vừa đánh vừa tra khảo ầm ĩ:

– Mày đã bậy bạ với nó rồi, phải không?

Hồng không đáp, khiến ông Phán càng ngờ và giơ roi vụt càng mạnh. Chính Hồng cố ý để cha ngờ vực, vì nàng cho may ra nhờ thế mà ông Phán bằng lòng gả mình cho người yêu. Nàng chỉ tưởng tới một điều: Thoát ly gia đình, dù có phải hy sinh danh dự cũng cam. Huống hồ lại chỉ hy sinh danh dự cho người mình yêu!

Ngày thứ bảy, trên báo Trung Bắc, đăng bài "cô H. lãng mạn, cô H tự do đi lại... với trai".

Từ đó Hồng như người mất linh hồn. Ngày ăn xong hai bữa, nàng lại vào phòng ngủ ngồi thừ nghĩ ngợi, hay lên hiên gác đứng hằng giờ nhìn những thuyền buồm nâu qua lại trên sông Tranh.

Buổi tối, tiếng còi tàu thúc giục, tiếng rao bánh dày bánh giò lanh lảnh, tiếng cười nói, gọi nhau om sòm của hành khách, tiếng khuân vác huỳnh huỵch của bọn phu gạo tải hàng lên tàu hay xuống bến. Rồi tàu đi, đèn báo hiệu từ từ xa dần. Rải rác, nhấp nhô những tia lửa thuyền nằm ngủ trên dòng nước đen. Và róc rách vỗ mạnh vào bờ những làn sóng mà guồng máy tàu đẩy lại.

Hồng nhìn theo, nước mắt ứa ra ướt má.

Rồi độ nửa giờ sau, chiếc tàu khác lại tới và trong một lúc lại làm huyên náo cái bến yên lặng. Hồng mong mỏi vẩn vơ tưởng như những tàu ấy có thể đem đến trong lòng nàng một chút hy vọng về tình duyên.

Mùa nước to, dòng sông réo ầm ầm, dữ dội. Có lần nàng nhớ tới câu chuyện thần sông Tranh cướp vợ ông phủ Ninh Giang. Nàng không tin có chuyện hoang đường ấy, nhưng tự nhiên nàng cũng rùng mình ghê sợ. Đêm hôm đó, nàng chiêm bao thấy thần Tranh hiện lên với bộ mặt hung tợn như mặt tượng Hộ pháp ở chùa. Giật mình thức dậy, nàng khúc khích cười thầm, rồi buồn rầu tự nhủ: "Giá Lương đến đem mình đi".

Cái ý tưởng lãng mạn ấy vấn vương mãi trong tâm tư Hồng. Và một lần Hồng đã viết cho Lương một bức thư rất nồng nàn để báo cho tình nhân biết rằng nàng sẽ trốn nhà đi theo chàng. Nhưng thư ấy, trong lúc thân hành đem bỏ tại nhà bưu chính, Hồng lại xé vứt đi. Hình như nàng còn đương đắn đo, suy xét, chưa dám quả quyết.

Trong khi ấy, người dì ghẻ, biết nàng có lỗi, càng mắng nhiếc, khinh bỉ, hành hạ nàng hơn trước. Nàng mặc kệ, chẳng nói lại, cãi lại, hay phàn nàn nửa câu. Có lần đứng nghe những lời dạy bảo nghiêm nghị của cha, nàng dựa vào khe cửa thiu thiu ngủ. Nàng như không cần gì nữa, không biết gì nữa, không thèm cho một sự gì ở đời là quan trọng nữa. Thấy thế ông Phán lại tức giận và đánh đập nàng, nhưng ông như đánh đập một cái xác không hồn: Hồng không kêu khóc, không van xin, hai con mắt thản nhiên, lãnh đạm.

Bỗng chiều hôm trước, Hồng vụt khác hẳn đổi hẳn thái độ. Như vừa có một luồng điện mạnh chạy trong mạch máu nàng, làm cho nàng trở nên điên cuồng. Ăn cơm xong, bà Phán gọi bảo người nhà khiêng bàn, ghế mây ra hè đường để ngồi hóng mát, vì tuy đã gần hết tháng chín mà tiết trời vẫn còn oi nồng như đương mùa hè. Hồng đi qua, nghe thấy trả lời lại rất hỗn: "Tôi không phải đầy tớ cô mà cô sai được tôi". Thế là hai người cùng lớn tiếng. Hồng nói những câu mà một lát sau bình tĩnh ngồi nhớ lại, nàng cũng phải cho là quá láo xược. May cho Hồng, ông Phán vắng nhà, nếu không, nàng đã bị một trận đòn.

Nửa đêm ông Phán về, bà Phán thuật lại tấn kịch xảy ra bằng những lời tức giận và dằn vặt. Hồng vẫn thức và nghe hết câu chuyện om sòm của cha và dì ghẻ. Sau cùng ông Phán bảo vợ: "Được, để mai tôi tống cổ nó ra khỏi cái nhà này. Tôi chẳng bố con gì với nó nữa. Nó bêu xấu bêu hổ tôi nhiều lắm rồi!".

Hồng nằm cắn mạnh răng lên môi dưới, nghĩ thầm: "Thầy không cần phải tống cổ. Mai con xin từ giã cái nhà này".

Quả thực sáng hôm sau, Hồng viết mấy chữ lại cho cha, nói sẽ không bao giờ trở về nhà nữa, rồi lẻn ra đi chuyến ô tô năm giờ, lên Hà Nội.

II

Câu chuyện gia đình ông phán Trinh, bà y sĩ không biết rành rọt như thế. Bà chỉ rõ có một điều: Hồng bỏ nhà trốn đi. Nhưng bà sẽ thêm thắt, đặt để cho câu chuyện có đầu cuối.

Gặp bà phủ, bà không kịp chào nữa, vội nói to:

– Đấy, bà lớn coi, tôi bảo có sai đâu.

Bà phủ chẳng nhớ bà đốc đã bảo thế nào, nhưng cũng khen liều, chừng để bà kia thuật lại ngay cho nghe:

– Vâng, bà lớn thánh thật?

– Con bé tính nết như thế thì thế nào chẳng có ngày theo trai!

Bà phủ ghé gần lại thì thầm hỏi:

– Hồng nó theo trai thực đấy à, thưa bà lớn?

– Vâng, nó theo trai.

– Tội nghiệp!

Bà đốc cười:

– Bà lớn có biết nó theo thằng nào không?

– Không.

– Cái thằng người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm dẫn xác đến một hôm chúng mình đánh tổ tôm ở nhà bà Phán ấy, bà lớn không nhớ?

– Có, tôi nhớ ra rồi.

Bà đốc lại cười làm thích chí lắm;

– Thế mới biết con người ta lúc đã say mê nhau thì liều lĩnh chẳng còn sợ hãi gì nữa. Nhưng giá cái thằng chết giẫm kia đẹp trai thì đã đi một lẽ, đằng này nó lại xấu như ma ấy cơ, thế mà cô ả cũng say mê được.

– Hay thằng ấy nó có bùa mê?

Bà đốc cười càng ròn:

– Bùa hèn gì! Con bé nó đĩ thõa sẵn thì thằng nào tán mà chẳng chết, cứ gì đẹp với xấu.

Bà đốc thời còn ít tuổi, có lắm kẻ săn sóc, chiều chuộng, phỉnh phờ nên bà đã hiểu thấu cái đức tính tán gái và tâm lý sâu xa của đàn ông.

– Bọn chúng nó thấy gái như mèo thấy chuột, cứ lăn vào. Chuột muốn thoát chết chỉ có cách chui rúc vào lỗ.

Bà phủ dõng dạc bình phẩm:

– Xét cho kỹ thì nền luân lý Á đông mình vẫn hay. Con gái phải ở trong gia đình, phải dạy dỗ nghiêm khắc. Cho tự do quá, thế nào cũng có ngày xảy ra tai nạn bất ngờ.

Bà đốc cười phì:

– Bất ngờ! Bà lớn tính còn bất ngờ gì nữa. Thì tôi vẫn nói với bà lớn rằng con Hồng sớm muộn thế nào cũng theo trai.

– Bà biết thế mà bà chẳng bảo bà Phán, để bà ấy giữ gìn.

– Giữ gìn gì! Nó hư thì cho nó chết. Với lại con bé ấy nó có coi bà Phán ra quái gì đâu. Thực là đồ bạc bẽo, bà Phán nuôi nấng nó từ khi còn bế ngửa đến giờ mà nó xử với bà ấy chẳng còn ra sao...

Một dịp cười the thé ở cửa. Hai bà quay lại.

– Kìa, bà thông!

– Lạy hai bà lớn.

Người mới đến là bà Thanh, vợ ông thư ký ở thương chánh người trong Nam lấy chồng ngoài Bắc, thời ông thông còn làm việc ở Sài Gòn.

– Tôi đến đằng bà lớn, người nhà nói bà lớn vừa đi, tôi đoán bà lớn lại đây. Y như rằng.

Bà phủ cười:

– Bà lớn xơi nước.

– Mời bà lớn.

Bà thông nay đã quen phong tục miền Bắc rồi chứ ngày bà mới về Ninh Giang, ai gọi bà là bà lớn như thế, bà giận liền, coi như người ta mỉa mai mình. Chỉ vì không kêu bà phán Trinh là bà lớn, mà bà đã bị bà kia bắt bẻ rồi thù ghét. Hai bên vẫn còn hiềm khích nhau, không đi lại chơi bời với nhau.

– Chừng bà Thông cũng đến hỏi thăm câu chuyện cô Hồng.

– Thưa bà lớn, tôi nghe người ta đồn chị Hồng con ông phán Trinh bỏ nhà theo trai nhưng tôi không tin, chị Hồng ngoan ngoãn thế mà lại...

Bà đốc vốn ghét Hồng, ghét Hồng vì thân và a dua với bà phán Trinh, liền ngắt lời:

– Chưa ngoan đâu, chờ ít nữa đã mới thực ngoan.

Bà phủ cười vui vẻ. Nhưng bà thông không thuộc ca dao tục ngữ An Nam, nên ngạc nhiên không hiểu. Bà đốc đọc luôn:

Không chồng mà chửa mới ngoan,
Có chồng mà chửa thế gian chí thường.

Bà thông thực thà hỏi:

– Tội nghiệp! Chị Hồng có chửa? Chị Hồng chửa hoang?

– Chưa chửa, nhưng thế nào rồi cũng chửa!

Bà đốc quay sang bảo bà phủ:

– Hay nó có chửa rồi nên sợ hãi bỏ nhà trốn đi?

Bà thông bênh vực Hồng:

– Chẳng khi nào lại thế! Chị Hồng là người có học thức hẳn hoi, không lẽ.

– Không lẽ! Học dở dang càng bậy! Bà còn lạ gì những cô tự do rởm đời.

– Nhưng bà Phán bà ấy cũng ác nghiệt với chị Hồng lắm kia. ai chịu nổi được cảnh dì ghẻ con chồng!

Bà đốc nguýt dài:

– Chà! Đèn nhà ai nhà ấy rạng. Bình phẩm làm gì!

Bà thông phân trần với bà phủ:

– Thưa bà lớn, chính vợ chồng nhà tôi cũng đương chịu cái cảnh dì ghẻ tai ngược. Nhà tôi càng ở xa người con hiếu thảo, thì người dì ghẻ càng xui xiểm thầy tôi xử tệ với chúng tôi. Tết mới rồi tôi về tôi sửa cho một trận nên thân...

Bà phủ vẫn không ưa vợ lẽ, thích chí cười hè hè:

– Thế cụ ông có nói gì không?

– Thầy tôi nói gì! Thầy tôi vác dao dọa chém tôi. Từ đấy, tôi không về nhà nữa. Giá chị Hồng cứ liều như tôi thì can chi chị ấy khổ sở, bị áp chế hành hạ mãi.

Bà đốc mỉm cười chua chát:

– Mỗi cảnh gia đình một khác. Bà bỏ nhà thì đi ở với chồng ,chứ Hồng mà nó bỏ nhà thì chỉ có thể đi theo trai.

– Theo trai thì theo trai, cần gì!

– Thì đấy, nó theo trai đấy!

Bà phủ buồn rầu nói:

– Sao dì ghẻ lại cứ ghét con chồng thế nhỉ?

Bà đốc thành thạo đáp:

– Bà tính không ghét sao được. Con không phải mình đẻ ra mà chồng mình thương yêu thì bảo mình chịu sao nổi.

– Nhưng ông Phán có thương yêu con riêng đâu cho cam.

– Bà biết đâu cảnh gia đình người ta. Con người ta khi nào người ta lại không thương yêu. Mà thương yêu thầm vụng thì càng chọc tức người đàn bà hơn là thương yêu đường hoàng.

Bà thông giọng căm giận:

– Chỉ tại ông Phán nhu nhược! Ngày nhà tôi làm việc ở Hải Phòng, chúng tôi có quen biết ông phán Trang. Ông ta góa vợ, có bốn đứa con. Sau lấy một người vợ Tây giàu xụ. Ông ta hết sức chiều vợ, yêu vợ, nịnh hót vợ nữa. Nhưng hễ vợ đụng đến lũ con ông ta thì phải biết! Ông ta mắng nhiếc vợ thậm tệ, có khi đánh đập nữa. Ông ta thường nói: "Những đứa con mất mẹ sớm, đến chúng nó là người dưng nước lã mình còn phải thương hại, huống hồ chúng nó lại là con mình!". Thế rồi vì mấy đứa con mồ côi mẹ ấy, hai bên bỏ nhau. Ông Trang không thèm tiếc bốn năm tòa nhà đồ sộ của vợ.

– Cảm động nhỉ!

Bà đốc bảo bà phủ:

– Tôi còn lạ gì lão phán Trang, một kiện tướng làng đào mỏ. Hắn bỏ người vợ Tây mới được một tháng đã lấy ngay một người đàn bà góa giàu gấp hai.

Bà thông nói:

– Nếu thế càng đáng phục.

Bà đốc cười:

– Bà phục cái đức tính đào mỏ?

– Tôi phục một người ham tiền tài, mà vẫn không vì tiền tài đến nỗi ruồng bỏ lũ con thơ mất mẹ.

Thấy bà đốc hằn học, tức tối bà thông, bà phủ liền xoay câu chuyện ra ngả khác:

– Thôi, việc nhà ai mặc nhà nấy. Chỉ biết ai chết đi thì người ấy thiệt, thiệt lây cả cho con cái. Chị em chúng mình đừng chết là hơn hết.

Rồi bà hỏi:

– Tài bàn nhỏ chơi một lúc nhé?

Bà thông không biết đánh tài bàn đứng dậy cáo từ xin về. Bà phủ liền rủ bà đốc đến thăm bà phán Trinh. Bà tìm bà đốc đến chơi chỉ có việc ấy. Nhưng bà thông còn ngồi lại, bà không tiện ngỏ lời vì biết bà ta với bà Phán không bằng lòng nhau. Bởi vậy bà mới bày ra chuyện mời đánh tài bàn để đuổi khéo bà kia về.

Bà bảo bà đốc:

– Diệu kế đó, bà biết chưa? Hễ khi nào muốn tống con mẹ thông đi, chỉ việc mời nó đánh tài bàn hay tổ tôm.

Hai người nhìn nhau cười ngất, vì cả hai đều ghét bà thông.

III

Lúc mới ra đi, Hồng sung sướng bồng bột tự ví như con chim xổ lồng thẳng cánh bay vút lên trời xanh. Cảm động và lãng mạn, nàng muốn hô to hai tiếng "*thoát ly*" như kẻ tù tội vừa trốn khỏi nơi ngục thất muốn thét lên hai tiếng "tự do!". Và nàng nghĩ thầm: "Thôi lần này thì đi hẳn, không còn bao giờ quay về cái gia đình...". Nàng cố tìm một hình dung từ có nghĩa chua chát để ghép vào chữ gia đình, nhưng không thấy chữ nào đích đáng.

Nàng lại nghĩ tiếp: "chắc thầy sẽ khổ sở vò đầu, bứt tai khi đọc thư mình". Và nàng thích chí cười thầm, thích chí về nỗi đã trả thù được cha. Nàng biết tính ông Phán rất sợ hãi dư luận: Dẫu ông không thương con, ông cũng phải lo cho danh dự của nhà ông. Hồng tưởng nghe thấy tiếng ông than phiền với người dì ghẻ: "Trời ơi! Có đứa con theo trai! Còn mặt mũi nào nữa!".

"Còn dì ghẻ?" Hồng tự hỏi thế và tự đáp lại bằng một tiếng thở dài. Chắc cái tin nàng bỏ nhà ra đi sẽ là một tin mừng đối với "người đàn bà khốn nạn" ấy. Nhưng nàng cũng đoán biết trước rằng "người ta" sẽ dùng những lời thân thiết giả dối để an ủi cha. Và nàng cười

lên tiếng vì nhớ tới cái vẻ mặt thường làm ra phiền não của "người ta", tuy sự sung sướng hớn hở vẫn lồ lộ trong cặp mắt khô khan, trên đôi môi mỏng dính.

Tới đò Mía, trời sáng rõ. Hành khách theo sau ô tô đi xuống phà. Một người đàn bà nhận được Hồng, chào hỏi:

– Thưa cô, cô đi Hà Nội?

Hồng thản nhiên đáp:

– Phải, tôi đi Hà Nội.

Người ấy là vợ anh chạy giấy ở tòa vẫn thường đến phỉnh hót bà Phán. Hồng bình tĩnh nghĩ thầm: "Thế nào chiều nay về, nó cũng biết thuật chuyện gặp mình để tâng công, nhất khi cái tin mình bỏ nhà đã lan khắp Ninh Giang".

Hồng mỉm cười như để tỏ rằng mình không chút lo lắng sợ hãi: "Đã nhất định, đã quả quyết đi thì còn cần gì?"

Ý nghĩ ấy làm cho Hồng càng thêm can đảm, càng có lòng tin ở tương lai. Và nàng xếp đặt một lần nữa cái đời mộng mà nàng đã xếp đặt không biết bao nhiêu lần, trước khi ra đi. Còn gì dễ dàng hơn! Và có gì là tệ hại đâu, là mất danh dự đâu! Nàng sẽ đến ở nhà anh Căn, sẽ nhờ Nga báo tin cho Lương. Hai người sẽ lấy nhau, dù ông Phán bằng lòng hay không bằng lòng cũng mặc kệ. Vả cần gì phải cưới xin mới lấy nhau được? Cốt yêu nhau, yêu nhau thành thực là đủ rồi. Mà ái tình của Lương thì nàng không còn ngờ vực nữa.

Cảnh sáng trong một ngày thu bình tĩnh, cái khung cảnh thích hợp với một đời mơ mộng êm ái của Hồng. Màn trời xanh thăm thẳm cao, màu lúa vàng rực rỡ bao la gợi trong trí Hồng cái ý nghĩa ái tình trinh tiết, và cái biểu hiện gia đình đầm ấm. Hồng say sưa với mùi lúa chín thơm ngát. Và nàng chỉ chực kêu to lên: "Sung sướng quá!".

Nhưng khi xe lửa gần tới Hà Nội, Hồng vụt cảm thấy buồn man mác dần dần thấm vào tâm hồn. Nàng cũng không hiểu tại sao. Có lẽ đó là một sự thường xảy ra, lúc người ta sắp phải quả quyết thực hành những ý định quan trọng. Lúc ấy lòng tin của người ta bị lung lay, người ta không dám nhìn thẳng vào tương lai, và bao nhiêu điều khó khăn hiện ra một cách rất mau chóng.

Hồng nhìn về phía cầu Hà Nội, loay hoay tự hỏi: "Lỡ chị Hảo sợ cho ta và khuyên ta, ép ta về nhà? Ta có can đảm quay về

Ninh Giang không? Lỡ Lương không yêu ta nữa? Điều ấy tưởng cũng không lấy gì làm vô lý, vì đã mấy tháng nay ta không nhận được cái thư nào của Lương. Lại điều này nữa: Nếu thầy ta tự ý hay bị vợ lẽ xui giục làm đơn trình đồn để nhờ nhà chuyên trách tìm hộ đứa con thất lạc?"

Nàng mỉm cười nghĩ tiếp ngay: "Ta còn bé nhỏ gì mà thất lạc! Nhưng nếu thầy ta cứ trình đồn thì ta còn ra cái quái gì!"

Lòng băn khoăn lo lắng, Hồng đi xe tới nhà Căn. Nàng đã suy tính định trước những câu sẽ nói với Hảo. Nhưng khi gặp mặt chị, nàng luống cuống mất hết trí minh mẫn và tài biện bạch. Hảo vui mừng hỏi:

– Em lên chơi đấy à? Lên chơi hay có việc gì?

Hồng cúi mặt khẽ đáp:

– Em lên chơi...

– Thầy vẫn mạnh chứ?

– Thưa chị... thầy vẫn mạnh.

Hảo ngắm nghía Hồng.

– Em sao thế? Trông em xanh quá.

Hồng mỉm cười vơ vẩn:

– Em đi đường hơi mệt.

– Vậy em lên buồng nằm nghỉ.

Không đợi chị giục một lần nữa, Hồng vâng lời xách va li lên gác. Tự nhiên nàng sợ hãi và muốn tránh mặt chị, không phải nàng hối hận về việc đã làm, nhưng hiện nàng đương áy náy do dự giữa hai ngả đường nên theo: Một là tìm cách nói dối, giấu quanh để dò ý tứ chị. Hai là nói thẳng cho chị biết hết mọi điều đã xảy ra và mọi điều nàng dự định sắp sửa thi hành, nói thẳng rồi nhờ chị giúp.

Trông thấy cái bàn đánh phấn của Nga, Hồng mới kịp nhớ đến người bạn thân mà nàng sắp cầu cứu. Và nàng cảm thấy không bao giờ nàng yêu Lương bằng lúc này.

Nàng bỗng có tư tưởng âu yếm, muốn gặp Lương, muốn nhìn thấy mặt Lương ngay. Nàng liền vào trong nhà giở gương và phấn ra sửa lại nhan sắc: Lương sẽ thấy nàng xinh đẹp lộng lẫy nữa. Nàng đã quả quyết, bỏ nhà theo Lương thì cuộc gặp gỡ này quan

trọng lắm. Một chút ngần ngại, một chút do dự của Lương có thể làm đổ cả tương lai.

Trang điểm xong, nàng mở va li lấy cái áo đẹp nhất ra, cái áo nhung đỏ may kiểu mới mà ở nhà không bao giờ nàng dám mặc, cái áo thắt đáy và nở ngực, khiến nàng trẻ hẳn đi mấy tuổi. Lâu nay nàng vẫn có cảm tưởng rằng nàng già: "Hăm ba rồi, còn gì!". Những người bạn xưa của nàng, và kém tuổi nàng nay đã có chồng cả, và có con nữa.

Nàng mỉm cười nghĩ thầm: "Cái đó chẳng quan hệ gì. Sự quan hệ là thế nào chóng thoát ly được cái gia đình ăn gửi nằm nhờ". Nàng vui sướng vì vừa tìm được một hình dung từ "ăn gửi nằm nhờ" thích hợp với cái gia đình của nàng hay đúng hơn, cái gia đình của ông Phán và người dì ghẻ.

Ngắm nghía trong cái gương đứng mới mua của Nga, nàng thấy nàng vẫn xinh tươi. Và nàng không khỏi có lòng tự cao rằng nhan sắc của nàng ít ra cũng xứng đáng với tình yêu nồng nàn và chân thực của Lương.

Mắt nàng bỗng để tới chùm chìa khóa cắm ở cánh cửa tủ.

"Chị Nga lơ đãng thế thì thôi!" Nàng tò mò mở tủ ra lục lọi. Một bức ảnh vứt trong một ngăn kéo, lẫn với những mụn giẻ rách. Nàng lôi ra xem thì đó là bức ảnh chụp của giáo viên trường Đông Kinh. Bức ảnh ấy mọi khi nàng vẫn thấy lồng khung treo ở tường, nàng không hiểu sao Nga lại tháo ra bỏ vào xó tủ. Và nàng mỉm cười: "Hay Nga có chuyện gì bất bình với một anh chàng nào đứng trong ảnh?"

Hồng hơi ghen, hơi tức khi thấy Lương đứng bên Nga. Mọi lần, nàng không để ý tới điều đó nhưng nay trong lúc bồng bột yêu Lương, nàng bỗng ngơm ngớp lo sợ có người chiếm đoạt mất chàng. Nhưng nàng nhận thấy ngay rằng mình trẻ con, và vội vàng đóng khóa tủ lại, bỏ chìa khóa vào túi bước xuống thang gác.

Hảo ngước nhìn lên hỏi:

– Em đi đâu đấy?

– Em đi đón chị Nga.

– Cô ấy sắp về đến nhà, em còn đi đón làm gì.

Hồng vui mừng cười đáp:

– Thế à chị? Em cũng chẳng biết mấy giờ nữa.

Hảo nhìn đồng hồ treo:

– Mười một rưỡi rồi em ạ.

Hồng vơ vẩn nhìn ra đường:

– Vâng, thế có lẽ chị Nga cũng sắp về, cả anh Căn nữa. Nhưng em cũng cứ đi lững thững hễ gặp giữa đường thì cùng về.

Thấy em có vẻ mặt hân hoan, Hảo mỉm cười khẽ gật:

– Thôi cũng được. Vậy em đi nhé.

Rồi Hảo chạy vội xuống bếp bảo người nhà đi mua thêm thức ăn.

Quả thực, mới tới trại lính khố xanh, Hồng đã gặp Nga. Nghe tiếng gọi, Nga quay lại rồi vội vàng xuống xe, đi bộ với Hồng. Thấy Nga không vui đùa như mọi lần, Hồng hỏi:

– Độ này chị không được mạnh?

– Vâng, tôi hơi mệt...

Rồi như tìm câu nói, Nga ngập ngừng hỏi:

– Chị... về chơi?

– Vâng, tôi về chơi... Chốc nữa tôi nói chuyện... lôi thôi lắm, rắc rối lắm...

Nga đăm đăm nhìn bạn:

– Lại... Người dì ghẻ?

– Vâng.

Hồng lảng ngay sang chuyện khác, hỏi thăm Nga về việc dạy học, về việc nhà trường. Nàng cốt gợi chuyện Lương, nhưng hình như Nga cố tránh. Chẳng đừng được, Hồng phải hỏi thẳng:

– Anh Lương vẫn dạy cùng trường với chị đấy chứ?

Nga quay đi trả lời khe khẽ:

– Vâng.

Hồng chau mày ngẫm nghĩ: "Quái, chị ấy có tình ý gì mà coi như bẽn lẽn mỗi khi nói đến anh Lương?" Và nàng nhìn thẳng vào mắt Nga, hỏi:

– Lâu nay anh Lương có đến chơi với anh Căn không?

– Không.

Hồng lo lắng:

– Tôi hỏi câu này chị đừng cho là tò mò nhé? Hình như chị với anh Lương giận nhau?

Nga thở dài:

– Có thế.

Rồi nàng buồn rầu bảo Hồng:

– Thôi đừng nói chuyện đến anh Lương nữa. Anh ấy bây giờ tệ lắm... Chả đáng được chị thương yêu đâu.

Hồng tái mặt đi, dừng bước, yên lặng nhìn bạn, Nga kinh hoảng nắm lấy tay nàng, ghé tai thì thầm:

– Về nhà nói chuyện.

Từ đó, Hồng như nhìn thấy mọi vật nhảy lộn trước mắt, và nghe thấy những tiếng huyên náo vang động trong tim, trong óc. Nàng phải bám vào cánh tay Nga mà đi.

Về đến nhà, Hồng bước qua cửa hàng, chẳng để ý đến một ai. Mãi lúc Căn hỏi, nàng mới kịp chào. Rồi víu lấy tay vịn, nàng lần từng bực lên thang gác.

IV

Hồng ngồi yên lặng, chú hết tinh thần vào câu chuyện của Nga. Khi Nga ngừng kể, nàng thét lên cười như một người điên.

Nhưng nàng cũng chỉ biết nay Lương cùng ở với một gái nhảy mà, đối với anh em bạn, chàng coi như một người vợ, tuy không có cưới cheo gì hết. Nàng có hiểu đâu rằng vì đau đớn, vì phẫn uất mà Lương sinh ra chơi bời rồi say mê người vũ nữ.

Hôm ở Ninh Giang về, Lương phải cố trấn tĩnh mới giữ được không rơi lụy giữa đám hành khách quê mùa trên ô tô chợ.

Tới Hà Nội, Lương đi ngủ liền. Thiện vừa giận vừa tức anh vì biết anh đến nhà Hồng mà chàng rất ghét, nên anh về, Thiện chẳng buồn hỏi một câu.

Khi nghe thấy tiếng thở dài não nuột của anh, Thiện mới biết rằng anh chưa ngủ, và đoán anh đương có sự đau đớn. Thiện liền hỏi:

– Anh sao thế?

Lương đáp lại bằng một tiếng thở dài thứ hai.

Rồi không thể chôn sâu sự phiền muộn trong lòng, Lương ngập ngừng thuật lại cho em nghe hết mọi điều đã xảy ra ở nhà ông phán Trinh. Thiện sung sướng muốn cười phá lên, nhưng cố làm mặt buồn rầu an ủi:

– Anh cứ tưởng thế thôi đấy, chứ ai người ta lại cười vào mặt anh như thế?

Lương, giọng ướt đầy nước mắt:

– Còn tưởng gì nữa!

– Biết đâu người ta không cười vì một nước bài đánh thấp.

Lương mỉm cười chua chát vì lời nói ngây thơ.

– Còn câu của bà Phán, dễ thường em cũng cho vì một nước bài đánh thấp?

Và chàng cười to để giấu cảm động.

Ngồi suy nghĩ một lát, Thiện ôn tồn hỏi Lương:

– Anh có ngờ rằng họ bàn mưu lập mẹo với nhau để phá việc hôn nhân của hai người không?

Lương chợt tỉnh:

– Ừ, có lẽ... bà Phán... chứ ông Phán thì chắc không khi nào.

Thiện nói với anh những lời dịu dàng và âu yếm để cố làm cho anh quên người yêu. Nhưng Lương quên sao được Hồng? Chàng cố cho rằng chàng lầm về thái độ, về tình hình của bà Phán đối với chàng. Nhưng sau khi đọc bức thư của Hồng, chàng không còn ngờ vực gì nữa, và chàng lại biết hơn một điều: bà Phán là dì ghẻ chứ không phải là mẹ Hồng.

Biết phỏng có ích gì! Dù người ta là mẹ hay là dì ghẻ, chàng cũng không lấy Hồng, vì cứ theo lời Hồng viết trong thư, thì ông Phán, cha nàng để hết quyền bính trong tay người vợ. Mà người đàn bà ấy không ưng gả Hồng cho chàng và trước mặt chàng đã thốt ra những lời độc địa, đau đớn, có thể giết chết người ta được, chứ đừng nói tống cổ người ta đi vội.

Không, chàng không thể tự hạ cầu cạnh Hồng nữa, chàng không thể nhớ tiếc người ấy nữa.

Nhưng chàng cũng phúc đáp thư Hồng để tỏ hết lòng hy vọng, chờ mong. Thư sau của Hồng cho chàng biết rằng từ nay Hồng không được phép đi Hà Nội nữa. Hồng dùng hết những chữ trào lộng

nặng nề, để tả chân dung hình thức và tinh thần của người dì ghẻ, của người đàn bà thô bỉ, kiểu cách, tàn ác, ích kỷ.

Lương lại phúc thư an ủi Hồng, khuyên Hồng nên cố nhẫn nại. Giá Lương đem câu ấy tự khuyên mình thì đúng hơn, vì lòng tự cao tự đại của chàng đã bị tay người đàn bà kia đâm một nhát thương sâu, một nhát thương không bao giờ hàn được. Mỗi khi chàng nhớ tới Hồng, nhát thương ấy lại đau trội lên. Mà chàng nhớ tới Hồng luôn.

Để quên, chàng theo anh em đi chơi, đi nhảy, đi hát. Rồi chẳng bao lâu chàng say mê Yến, người có cái dung nhan na ná giống Hồng, khiến buổi gặp đầu tiên chàng gọi đùa: "Hồng của anh". Yến lại giống Hồng cả về gia cảnh: cứ theo lời nàng than thở thì gia đình nàng cũng tan nát vì người dì ghẻ. Không chịu nổi sức ức chế hành hạ, Yến đã phải bỏ nhà, liều dấn thân vào nghề gái nhảy. Lương tin ngay và cho ngay nàng nhập hội với mình, hội "bị tai nạn dì ghẻ tàn ác và mất dạy", cái tên hài hước mà chàng đã đặt ra từ lâu.

Vì Hồng, vì nghĩ đến cưới Hồng, Lương đã chăm chỉ dạy học và đã xin được dạy thêm giờ, tháng tháng kiếm nổi ngoài trăm bạc. Chàng lại ăn tiêu cần kiệm nên đã để dành được mọt món tiền năm, sáu trăm. Nay cho việc cưới Hồng không thể có được nữa, chàng liền dùng món tiền kia trả nợ chủ cho Yến và thuê nhà sắm đồ đạc ở cùng với nàng. Thấy thế, Thiện buồn rầu đến trọ một nhà quen và xin đi dạy học, vì chàng đã đậu bằng Thành chung.

Trong khi ấy, Lương vẫn nhận được thư của Hồng, và vẫn phúc đáp lại bằng những lời tha thiết, yêu đương. Thực ra không bao giờ chàng quên được Hồng. Với Yến, chàng chỉ sống những ngày tạm bợ, chàng chỉ hưởng chút tình yêu tạm bợ. Nhưng cái tình xác thịt ấy đã thành thói quen khó lòng mà rời bỏ được. Vì thế, mỗi khi nhận được thư Hồng, chàng lại hối hận muốn lìa Yến ra, nhưng hôm sau, chỉ hôm sau, đâu lại hoàn đấy.

V

Thấy Hồng cười vui vẻ Nga cũng vui vẻ cười theo. Nàng mừng rằng bạn đã quên Lương và nàng nghĩ thầm: "Muốn được người ta thương nhớ lâu ngày hay mãi mãi, tất phải đẹp trai hay ít ra cũng phải có tài lỗi lạc. Lương thì đã xấu người, lại tầm thường!

Chẳng qua Hồng chỉ cảm động khi nghe câu chuyện cảm động của Lương, và có chút cảm tình mà hai người đều tưởng lầm là tình ái".

Để bạn quên hẳn Lương, Nga bắt đầu nói xấu chàng, thuật những hành vi gàn dở, những cử chỉ và ngôn ngữ dớ dẩn của chàng. Hồng nghe chuyện cười chảy nước mắt.

Bữa cơm sáng Hồng ăn rất ít, nói vì đi đường mệt nhọc. Uống nước xong nàng từ biệt anh chị và bạn đi chơi một lát. Nga ngờ Hồng đến tìm Lương và sợ sẽ xảy ra chuyện lôi thôi, liền bảo:

– Chị chờ tôi đi với.

Hồng trù trừ đáp:

– Vâng, càng hay. Vậy chị đợi tôi một tí nhé. Tôi chỉ chạy lại đằng này độ dăm phút thôi.

Dứt lời, nàng vội vàng đi ngay. Nhưng mười phút sau vẫn không thấy nàng về. Nga đã hơi lo lắng, tưởng mình ngờ vực không sai. Nàng chợt nghĩ ra và mủm mỉm cười "Hồng đến nhà Lương sao được! Chẳng những không ai rõ bây giờ anh ấy ẩn ở xó nào, mà đến nơi ở cũ của anh ấy, chị Hồng cũng không biết nữa. Thế thì gặp sao được anh ấy?"

Quả thực Hồng không tìm gặp mặt Lương. Nàng cũng không nghĩ đến Lương nữa. Nàng chỉ nghĩ đến nàng, đến tình cảnh nàng, đến số phận nàng. Lòng chán nản đối với hết mọi sự ở đời đã lên đến tột điểm, nó hiện ra trong cái cười đau đớn của nàng, mà Nga cho là cái cười vui vẻ vô tư lự. Trong một giây, nàng cảm thấy nàng trông thấy rõ ràng việc mà nàng định làm, mà nàng quả quyết sẽ làm, mà nàng cho thế nào cũng phải làm: tự tử.

Ra ngoài đường, Hồng càng quả quyết với ý định ghê gớm của mình. Bây giờ nàng không bối rối nữa. Tâm hồn nàng đã trở nên bình tĩnh. Muốn không do dự, nhút nhát, sợ hãi, nàng ôn lại cái đời dĩ vãng và hiện tại của nàng, cái đời mà nàng cho không đáng sống, cái đời đày đọa khổ sở không ai có thể tưởng tượng được.

Nàng nhớ lại hết mọi sự lôi thôi xảy ra trong gia đình nàng, từ ngày nàng bắt đầu biết ghi nhớ. Không một hành vi nào của dì ghẻ nàng thấy có ngụ một chút cảm tình với nàng. Không một lời thành thực chứ đừng nói âu yếm tử tế. Toàn những sự thù hằn nhỏ nhen, những lời bóng gió, nhiếc móc. Giá được cha thương yêu, thương yêu thầm vụng thôi! Nhưng tìm mãi trong trí nhớ nàng chỉ

thấy cha lãnh đạm nếu không a dua với dì ghẻ mà mắng chửi, đánh đập nàng. Chung quanh hai người ấy, hai vai chính của tấn thảm kịch gia đình, lại còn mấy đứa em ngang ngạnh, tai ngược, những quân do thám.

Thực là một cái địa ngục!

"Thà vào ngồi tù, thà dấn thân vào nơi hồng lâu, thanh lâu còn hơn quay về cái gia đình ấy!"

Hồng mải suy nghĩ không lưu ý tới mọi người, mọi vật chung quanh, khi qua đường Tràng Tiền để sang phía hồ. Một cái ô tô ấn còi điện inh ỏi mà nàng cũng không nghe thấy gì, cứ việc nhìn thẳng tiếng bước. Xe lăn bánh, tiếng kêu rít lên rồi húc đầu vào thành hè trước dãy bục của những hàng hoa. Người Pháp lái xe quát mắng ầm ỹ. Hồng quay lại mỉm cười vơ vẩn rồi thản nhiên đi vòng ra bờ hồ. Một cô bán hoa, vẻ sợ hãi còn lộ trên nét mặt, đăm đăm nhìn Hồng, nói:

– Tí nữa thì mất mạng nhé!

Một người đàn bà khác nói tiếp:

– Gặp phải tay lái non không hãm kịp thì còn gì!

Hồng vẫn mỉm cười, khôi hài đáp lại:

– Thì chết, chứ còn gì nữa!

Người kia cũng cười:

– Thực cô còn tốt số đấy!

Hồng vừa bước mau vừa lẩm bẩm: "Tốt số! Nếu có nghiến chết mới là tốt số!"...

Nàng bật cười nghĩ đến câu chuyện một người muốn tự tử mà nghèo quá không xoay được tiền mua dây thừng hay thuốc độc. Và nàng bình tĩnh quay về với cái chết đã dự định, đã quả quyết dự định. Một thiếu niên đến gần cô cất mũ chào, rồi hỏi:

– Thưa cô, có việc gì không?

Hồng quay lại nhìn, lộ vẻ khó chịu:

– Cám ơn ông, tôi không sao cả.

– Thưa cô, cái thằng ấy mất dạy quá. Đã suýt đè chết người ta không biết xin lỗi thì chớ, lại còn thốt ra những lời thô bỉ! Nhất lại đối với một thiếu nữ.

Hồng yên lặng, đi thủng thỉnh, người trẻ tuổi vẫn theo bên, nói tiếp:

– Thưa cô, tôi toan lại cho nó một bài học, thì nó vội cút mất!

Hồng không thể giữ nổi cái mỉm cười, vì thấy người kia mảnh khảnh, bé nhỏ, chỉ gần bằng nửa người Pháp lái xe. Và nàng nghĩ thầm:

"Chẳng rõ bài học ấy là mấy câu vẩn vơ hay là một quả đấm!" Chừng cho cái mỉm cười của Hồng có ngụ chút tình cảm, người trẻ tuổi đi gần lại hỏi:

– Thưa cô đi đâu bây giờ?

Hồng chau mày yên lặng rảo bước. Người kia hiểu, đứng lại rồi gọi xe mặc cả đi thẳng. Hồng thở dài quay nhìn sang phía hồ, và chợt nhớ tới buổi gặp gỡ lần đầu của mình với Lương, ở bên hồ này, giữa ngày hội sinh viên. "Thực con người tệ bạc! Đồ khốn nạn! Thế mà còn dám cứ viết thơ mãi cho mình!"

Nàng không ngờ, không thể ngờ một người yêu nàng như Lương mà lại quên nàng chóng thế được. Và nàng đoán chắc người vũ nữ hiện ở với Lương xinh đẹp lắm.

Hồng trả lời lại cái ý nghĩ ấy ngay: "Lương thì xinh đẹp gì mà sao mình cũng yêu!" nàng cố nhớ lại nét mặt Lương, tưởng tượng ra hết những cái xấu của Lương để không yêu Lương nữa, để ghét Lương. Vả sự thực, nàng yêu Lương không phải vì cảm cái vẻ khôi ngô tuấn tú của chàng. Nàng yêu Lương là do một sự huyền bí hiện ra ở một phút, một giây trong tâm hồn nàng, có lẽ do số mệnh. Thì nay cũng vì số mệnh mà hai người không yêu nhau nữa, hay đúng hơn, Lương không yêu nàng nữa: "Ở đời, trăm sự chẳng qua do số mệnh cả!".

Ý nghĩ ấy đưa bình tĩnh vào trí não nàng, không phải sự bình tĩnh thản nhiên khi nàng cả quyết đi tìm cái chết, nhưng sự bình tĩnh kết quả của luân lý, của lẽ phải. Bây giờ nàng thấy cái chết của nàng vô lý. "Con người ấy không đáng được ta vì hắn mà chết".

Sự sống dần dần tràn ngập tâm hồn và nàng thấy một lúc một xa cái chết. Mỗi bước của nàng như đưa nàng gần tới sự giải thoát. Nàng nhìn rặng cây lá lăn tăn, mùa thu đã nhuộm sắc vàng, thấy có một vẻ đẹp êm dịu. Xe điện qua cái cần sắt hút lấy sợi dây đồng, tiếng kêu chun chút như tiếng hôn của hai cặp môi âu yếm. Những

thiếu nữ xinh tươi hớn hở nói cười và nhìn nàng bằng con mắt đầy tình cảm.

Đời vui lắm! Mà đáng sống lắm!

Và Hồng chợt có ý tưởng sợ chết. Một ý tưởng thoáng qua, lờ mờ.

"Thôi, bây giờ ta quay về nhà". Hồng định nghĩ: "Về nhà anh Căn", nhưng hai tiếng "về nhà" trong tâm tư nàng gợi ra một ý nghĩa khác hẳn: nàng nhớ đến nhà nàng ở Ninh Giang.

Về nhà? Về bằng cách nào? Liệu có về được nữa không? Bao nhiêu câu hỏi khó trả lời! Hai chân Hồng run không bước vững. Cách đấy một quãng có cái ghế ximăng. Hồng đi lại ngồi nghỉ, quay nhìn ra hồ. Nàng bỗng để ý tới cành cây xoan tây rủ là là xuống mặt nước. Ngày nàng còn đi học, một chị bạn lớn tuổi có bảo nàng rằng những nơi có người chết đuối, hay tự tử cành cây bao giờ cũng nằm rạp xuống như bị hồn người thiệt mạng hút lấy. Hồng lại nghĩ đến cái chết.

Nàng đứng dậy, tới vịn thân cây xoan tây, thản nhiên ngắm làn nước xanh giống như nước lá dành dành mà người dì ghẻ thường ngắt để đắp lên mắt đau. Bất giác, nàng rùng mình lẩm bẩm: "Thà chết chứ không thể nào lại quay về sống bên cạnh người dì ghẻ ấy được". Tâm linh nàng thì thầm bảo nàng: "Chỉ việc nhảy tòm xuống một cái hồ. Thế là xong". Nhưng lẽ phải, hay đúng hơn, cái lẽ phải nhút nhát cũng thì thầm khuyên nàng: "Đừng! Vì nhảy xuống cũng không chết được. Người ta sẽ vớt lên ngay!" Hồng ngoái cổ ngơ ngác nhìn từng bọn người rầm rập qua lại.

Nàng thở dài trở về chỗ cũ: "Ta sẽ chết. Vì chết là hết". Những tư tưởng về linh hồn, về xác thịt lộn xộn ở trong đầu nàng. Nàng tin chắc rằng có linh hồn, và linh hồn người ta sau khi chết sẽ hiện về dương gian. Vậy nàng phải chết và sẽ hiện về mà bóp cổ, mà hành hạ người dì ghẻ. Ý nghĩ ấy làm cho Hồng vừa sung sướng vừa buồn cười.

Bấy giờ chỉ còn tìm xem nên chết bằng gì và chết ở đâu. Quanh hồ Hoàn Kiếm, nàng thấy khó lòng mà chết được, vì ở đó người qua lại suốt ngày đêm. Xưa nay biết bao kẻ gieo mình xuống hồ này, nhưng đã mấy ai thoát nợ đời? Vậy tất phải đến nơi khác, Hồ Tây hay hồ Trúc Bạch chẳng hạn.

Trong lúc sốt sắng, Hồng đứng ngay dậy gọi xe lên đường Cổ Ngư. Nhưng tâm hồn lười biếng, nàng vẫn như dán xuống ghế.

Rồi nàng lại loay hoay nghĩ tới tình cảm của nàng. Nàng nhận thấy sống cũng khó khăn như chết. Đã viết thư để lại nói đi không về nhà nữa, chẳng lẽ bây giờ lại quay về, lại vác mặt về! Ê chệ lắm! "Người ta" sẽ coi nàng ra cái gì? "Người ta" sẽ khinh bỉ nàng đến đâu? "Người ta" sẽ hành hạ nàng hơn trước. Thế thì chết là phải lắm rồi, còn do dự gì nữa!

Hồng vịn ghế đứng dậy. Người nàng lảo đảo. Đầu nàng nhức nhối ở hai thái dương. Nàng gọi liều: "Xe!" Một anh phu xe đặt càng xe lên rìa hè. Hồng hỏi ngớ ngẩn:

– Anh có đi không?

– Thưa cô có.

Hồng tưởng trả rẻ để anh xe từ chối:

– Sáu xu lên đường Cổ Ngư.

– Xin cô tám xu.

– Sáu xu anh kéo thì kéo, không thì thôi.

Anh kia nhì nhằng:

– Xin cô bảy xu thôi. Cô ăn tiêu về nhiều, làm gì một đồng xu.

Hồng gắt:

– Không, tôi chỉ trả sáu xu. Anh không kéo thì đi đi.

Nhưng nàng kinh ngạc, sợ hãi biết bao, khi nghe anh xe trả lời:

– Vâng, mời cô lên.

VI

Hồng cố không nghe nữa để khỏi loay hoay với những câu hỏi thầm: "Chết bằng cách gì? Bao giờ chết? Chết ngay hay thong thả để suy tính kỹ đã? Liệu có chết được không?" Nàng nhìn những cửa hiệu, nhìn những người đi trên vỉa hè, nhìn những biển hàng kẻ chữ Pháp, chữ Nam hay chữ Nho, để hết tâm trí vào cuộc đời hoạt động náo nhiệt ngoài phố. "Còn cái chết, chốc nữa hãy bàn đến". Nhưng ý nghĩ bạo dạn này chẳng trấn tĩnh được lòng nàng, vì nó lại kéo nàng về dòng tư tưởng hắc ám.

Nàng áy náy quá, sốt ruột quá, toan xuống xe, trả tiền rồi đi bộ, đi thực nhanh, cho toát mồ hôi ra, cho thực mỏi chân. Nhưng

nàng vẫn không quyết định. Nàng không còn trí quả quyết nữa. Đến vườn hoa hàng Đậu, nàng bỗng rùng mình, do dự, lo sợ. Nàng không hiểu tại sao, và cũng không rõ lo sợ cái gì. Bất giác nàng kêu:

– Đỗ!

Anh xe dừng vội, quay lại hỏi:

– Cô xuống đây?

Hồng trù trừ đáp:

– Thôi... cũng được!

Anh kia định đặt càng xe xuống rìa đường thì nàng lại giục:

– Đi đi chứ!

Anh xe vừa bước bước một vừa lẩm bẩm:

– Đỗ lại, rồi lại đi đi.

Hồng gắt cho có câu gắt, vì nàng đương tìm làm việc gì để tránh được cái ý định ghê gớm, để thoát được sự áp bách mỗi lúc một mạnh.

– Tôi mặc cả anh xuống đường Cổ Ngư, chứ đến vườn hoa Hàng Đậu à?

Anh xe yên lặng thở dài cắm đầu rảo bước. Hồng nhắm mắt đếm từ một đến hai mươi; nàng mở mắt ra nhìn. Rồi lại nhắm mắt đếm tiếp...

– Cô xuống chỗ nào?

Hồng giật mình kinh hoảng, trông sang hai bên hồ:

– Đến nơi rồi à?

Anh xe đứng lại đáp:

– Phải.

Rồi làu nhàu:

– Sáu đồng xu, còn định đến đâu nữa?

– Anh muốn đỗ đây thì đỗ cũng được.

Hồng mỉm cười vơ vẩn bước xuống đường, trả tiền.

– Quái! Qua đền Chấn Võ lúc nào tôi không biết đấy.

– Đền Quan Thánh kia. Cô xuống đền Quan Thánh thì sao không bảo đền Quan Thánh, lại bảo đường Cổ Ngư làm tôi kéo xa mất mười bước.

Hồng thủng thẳng đi trở lại, vào đền, cốt để anh xe khỏi lưu ý

đến mình. Nàng tưởng anh ta ngờ nàng đi trầm mình. Kỳ thực anh ta chỉ đoán rằng nàng đến đó chờ đợi tình nhân. Người đàn bà bán hương hoa chào mời. Hồng mua một thẻ hương, một chục vàng và một gói hoa. Trả tiền xong, nàng ngơ ngác không hiểu mình mua những thứ ấy để làm gì. Nàng ngớ ngẩn hỏi bà hàng:

– Ngày thường có lễ được không nhỉ?

Người kia nhanh nhảu đáp:

– Được chứ? Cô vào mượn ông từ cái khay. Ông ấy sẽ đưa cô vào lễ. Cô xin thẻ?

– Phải, tôi xin thẻ.

Kỳ thực, mãi lúc bấy giờ người kia nhắc, Hồng mới tưởng tới xin thẻ. Vả nàng nghĩ thầm "Ừ ta thử xin một quẻ thẻ xem Thánh dạy ra sao".

Thấy lễ vật sơ sài, ông từ chỉ cho Hồng mượn cái khay, rồi để nàng một mình lên đền. Hồng đưa mắt quanh một vòng: mấy gian đền cao rộng, không thấy bóng người nào. Nàng lại gần bệ tượng, tò mò ngắm nghía hai bàn chân đồng đen. Bỗng nàng rùng mình khiếp sợ: Nàng vừa ngước mắt lên và gặp đôi mắt trắng dữ tợn của pho tượng.

Nàng vội lùi ra, đến trước hương án ngồi lễ, vừa khấn. Câu khấn của nàng dài lắm, lúc nàng cầm ống thẻ vái xin một quẻ, câu khấn vẫn chưa dứt. nàng kể lể hết việc nhà, việc riêng với ông Thánh, coi ông Thánh như một người bạn thân yêu có thể an ủi được mình. Rồi nàng lắc ống thẻ. Tiếng kêu đều đều khiến nàng chợt nhớ tới cái ống thẻ của các hàng bán kẹo rong.

Hồng phải xin hai lần mới xong, vì lần đầu, lắc mạnh và hấp tấp quá làm ba, bốn thẻ tre cùng rơi ra ngoài một lúc.

Nàng đem thử xuống nhà dưới đưa cho ông từ và ấp úng:

– Thưa cụ... đây ạ.

Ông từ đọc: "Bốn chín", rồi trao cho Hồng một mảnh giấy vàng.

– Năm xu!

Hồng kính cẩn nộp tiền, vái chào quay ra, vừa đi vừa gấp quẻ thẻ bỏ vào ví da, không buồn nghĩ xem trong đó Thánh bảo những gì.

Khi Hồng qua chỗ người đàn bà bán hương hoa người này hỏi:

– Quẻ thẻ có hay không, cô?

Hồng đáp liều:

– Cũng khá.

Người kia giọng nói đầy tín ngưỡng:

– Lạy Thánh, chứ Thánh dạy sao thì y như rằng là thế.

Hồng mỉm cười nghĩ thầm: "Chắc hẳn Thánh không dạy mình nên tự tử". Và nàng vui vẻ bước mau trên đường vắng. "Phải vui vẻ mà chết! Buồn thì không chết nổi đâu, vì buồn hay sinh ra nhút nhát". Hồng thấy mình can đảm lên bội phần và có lúc toan chạy ra ven bờ nhẩy tòm xuống hồ Trúc Bạch. Nhưng sắp sửa gieo mình, nàng bỗng kinh hãi lùi lại. Hình như có ai, có một sức mạnh thiêng liêng, huyền bí nắm chặt hai vai nàng kéo về phía sau. Nàng ngồi xuống cỏ, lười biếng nghĩ tới phép oai nghiêm của thần thánh: "Biết đâu phải đức Thánh cảm lòng thành kính của mình hiện về ngăn cản không cho mình chết!" Hồng mở ví lấy quẻ thẻ ra ngắm nghía những dòng chữ Nôm:

"Không hiểu Thánh dạy những gì? Mình rõ cũng khờ, sao không nhờ ông từ ông ấy đọc và giảng nho". Nàng có ý muốn quay về đền để làm việc ấy, và có lẽ để lùi lại ít lâu sự quyết định dữ dội.

Nàng uể oải đứng dậy... Nhưng nàng lại uể oải ngồi xuống. Hình như bao nhiêu nghị lực nàng đã dùng hết lúc định nhảy xuống hồ. Và nàng lắc đầu, thở dài nghĩ thầm: "Chết khó quá đi mất thôi!". Tiếng chim sẻ đánh nhau ríu rít trong lá đa. Hồng ngửa mặt nhìn lên. Hai con chim con rơi xuống cỏ, hung tợn mổ nhau, tiếng kêu chích chích. Hồng toan lại vồ đôi chim đang xoắn xuýt lấy nhau. Nhưng chúng đã bay vụt lên cây.

Hồng quên bẵng cái chết, và cảm thấy tâm hồn bình tĩnh hẳn lại. Sự bĩnh tĩnh ấy chỉ có trong một phút, và nhường chỗ ngay cho sự chán nản hoàn toàn. Chán nản vì không biết quyết định ra sao, không dám quyết định ra sao. Bực tức, khổ sở, đau đớn, nàng bưng mặt ngồi khóc, khóc rất lâu.

– Chị Hồng đấy, phải không?

Hồng vội vàng lau nước mắt và nhớn nhác, sung sướng quay lại nhìn. Nàng cho người mới tới là Trời sai đến cứu mệnh nàng, như người ta kéo người chết đuối ra khỏi nước. Nàng mừng không phải vì người ấy đến ngăn cản không cho nàng chết, nhưng vì nàng đã bất ngờ ra khỏi được chỗ băn khoăn đương khó nghĩ khó quyết định.

– Chị ngồi đấy làm gì thế?

Hồng giật mình, hoảng hốt nhìn người trẻ tuổi, tay dắt xe đạp. Nàng thì thầm: "Yêm! Yêm...!" là con dì ghẻ, người em cùng bố khác mẹ của nàng. Trong gia đình nàng, chỉ có Yêm là tử tế với nàng, có khi lại tỏ lòng thương hại nàng nữa. Nhưng nàng vẫn cho là hắn giả đạo đức và vẫn khinh bỉ không thèm gần, không thèm chuyện trò với.

– Thưa chị, chị lên Hà Nội hôm nào?

Hồng vẫn ngồi im, không đáp.

– Thưa chị, ở nhà bình yên đấy chứ?

Câu này làm cho Hồng phát cáu vì đã nhắc nàng nhớ tới gia đình.

Nàng lớn tiếng mắng Yêm:

– Mày xéo ngay! Tao không nói chuyện nói trò gì với mày!

Yêm toan nhảy lên xe đạp đi thẳng. Nhưng thoáng trông thấy mắt Hồng ướt và đỏ hoe, Yêm hiểu ngay rằng Hồng khổ sở mà hẳn là khổ sở vì mẹ mình, liền ghé lại gần Hồng, thì thầm:

– Em xin lỗi chị!

Hồng cảm động, lại thổn thức khóc. Yêm cũng không cầm được nước mắt. Chàng bảo Hồng:

– Chị khổ lắm, phải không? Ở nhà đã lại có chuyện gì thế chị?

Hồng nức lên một tiếng. Một lát sau, nàng mới nói được:

– Chị chết đây, em ạ.

– Chết! Sao chị lại nghĩ lẩn thẩn thế?

– Lẩn thẩn gì! Sống khổ, sống nhục thì sống làm gì?

– Đầu đuôi câu chuyện ra sao?

Hồng đăm nhìn Yêm, vẻ mặt căm tức:

– Ra sao! Mày lại còn không biết ra sao à?

Yêm thở dài:

– Chừng mẹ em lại lôi thôi với chị, chứ gì.

Hồng toan đáp "chính thế!", nhưng thấy Yêm tốt bụng quá, không nỡ thốt ra câu ấy, mà cũng không dám kể lại những việc đã xảy ra trong gia đình.

– Thưa chị, em còn lạ gì mẹ em. Chả cứ đối với chị đâu, đến đối với em, mẹ em cũng... cũng hành hạ, chửi mắng... coi như quân thù, quân hằn. Có khi... Đấy chị coi, mỗi lần em bênh chị và khuyên can mẹ em, thì trong nhà có ra sao đâu. Em nghĩ em chán quá, chả muốn về nhà nữa.

Nghe Yêm nói, Hồng cảm thấy sự dịu dàng thấm dần tâm hồn.

– Chị đã gặp chị Phán chưa?

– Chị Hảo ấy ư? Đã... tôi ở nhà chị Hảo vừa ra đây.

– Chị đi chơi quanh một vòng với em nhé?

Yên lặng, Hồng đứng dậy, vuốt thẳng những vạt áo:

– Đi đâu bây giờ?

– Hay em gọi xe, đưa chị về chị Phán?

– Cũng được.

– Ồ, thế thì em sung sướng quá! Vậy em đi gọi xe nhé?

Yêm vui mừng thành thực nhảy lên xe đạp khiến Hồng quên hết phiền muộn, mỉm cười nhìn theo. Yêm quay đầu lại dặn:

– Chị đứng chờ em một chút nhé, em trở về ngay.

Thực vậy chỉ một phút sau, Yêm trở lại, đi kèm bên một cái xe kéo. Hồng hấp tấp lên xe như để đi trốn, trốn cái chết.

Hai người về đến nhà thì vừa gặp Căn ra đi làm. Chàng ngả đầu đáp lễ hai em vợ.

Hồng cho cử chỉ ấy quá lãnh đạm vì nàng tưởng ai ai cũng biết nàng vừa thoát chết. Và ai ai cũng phải vui mừng cho nàng.

Thấy nàng, Hảo gọi rồi nói liền liền:

– Kìa em Hồng! Em đi chơi đâu về thế? Em bảo em đi năm phút làm cô Nga với chị chờ mãi không thấy em về, sốt cả ruột.

Hồng nghĩ thầm: "Chị em ruột thịt có khác!"

– Em đến đằng kia... gặp Yêm, em rủ lại chơi.

– Ồ! Cả cậu cả Yêm cũng đến chơi đấy à?

– Vâng, cậu ấy gặp người bạn ở đầu phố, còn đương đứng lại nói chuyện.

Rồi nàng hạ giọng bảo chị:

– Chị ạ, em không ngờ, thằng Yêm thế mà còn khá.

– Đấy, chị vẫn bảo em thế, em có tin chị đâu. Em ghét người mẹ, em ghét lây cả lũ con.

– Chà, cũng được một mình thằng ấy. Còn mấy đứa bé ở nhà thì chúng nó dễ chẳng kém mẹ chúng nó mấy tí. Thực chúng nó đối với em không khác bọn cô bên chồng.

Hảo cười:

– Như cô Nga đối với chị, chẳng hạn. Kìa cậu Yêm đã đến đó.

Yêm vừa đạp xe đạp vào chồng cánh cửa hàng vừa nhanh nhảu chào:

– Lạy chị ạ!

– Cậu vào chơi, hôm nay cậu nghỉ học?

– Không, em đến trường bây giờ đây.

– Bây giờ chưa đến trường thì muộn mất. Anh Căn đi làm đã lâu rồi.

– Thưa chị chậm một tí cũng được. Em sẽ xin lỗi, nói gặp nạn xe đạp chẳng hạn. Vả lại từ đây đến trường, em phóng chỉ mất độ năm phút.

– Vậy, cậu đi học thôi. Chẳng muộn.

– Vâng, em xin đi đây. Lạy hai chị ạ. Chốc tan học em lại đến nhé!

– Ừ, chốc cậu đến chơi.

Yêm chào lần nữa rồi nhảy phắt lên xe cắm đầu đạp. Hồng nhìn theo, lẩm bẩm:

– Có học cũng có hơn. Ngày còn bé nó có ra gì đâu.

Hảo nói:

– Phải, ở gần người đàn bà tàn ác ấy thì còn ai tốt sao được!

Nghe Hảo nhắc đến dì ghẻ, Hồng lại nhớ tới sự đau khổ của mình. Nàng ứa nước mắt bảo chị:

– Em chết hụt đấy, chị ạ.

Hảo sợ run lên:

– Chết chửa! Sao thế, em?

– Chị lên buồng, em nói chuyện.

Hảo vội gọi vú già ra trông hàng rồi cùng em lên gác.

Vừa ngồi xuống ghế, Hồng nức nở khóc liền. Và nàng kể hết mọi sự đã xảy ra. Hảo cũng khóc theo. Rồi an ủi, khuyên can:

– Sao em dại dột thế? Chị vẫn bảo em rằng thằng Lương không ra gì, em không nghe chị. Thế cũng xong, em ạ. Còn việc nhà thì chị cam đoan với em rằng không sao. Chị sẽ đưa em về xin lỗi thầy. Chị bảo Yêm cùng về. Nó sẽ răn bảo mẹ nó, nó sẽ làm cho mẹ nó xấu hổ mà sửa đổi lại tính nết... Thôi bây giờ thì em đi nằm nghỉ một lát cho tỉnh người lại, nhé?

Hảo giục em cởi áo, dắt em lên giường Nga nằm, âu yếm xoa đầu em, và kéo chăn đơn đắp cho em. Hồng thấy lòng đỡ thổn thức, rồi dịu dịu dần. Nàng nhắm mắt nằm im. Hảo tưởng nàng ngủ rón rén bước xuống nhà.

VII

Vú Hà vừa đi khỏi nghĩa địa tây thì gặp Sen, đầy tớ gái bà thông và Sửu, anh bếp trong phủ. Hai người này đón đường hỏi thăm chuyện cô Hồng để chốc nữa về thuật lại cho chủ nghe. Nếu lượm được nhiều tin hay thì dẫu họ có ăn bớt tiền chợ một cách quá đáng, chủ biết cũng sẽ làm ngơ. Vì thế, xưa nay họ vẫn có tài đi do thám việc từng nhà, việc quan trọng cũng như việc tầm thường, quí hồ có cái mà kể với chủ dù phải bịa đặt thêm thắt vào cho vui, cho nổ câu chuyện.

Vừa nhác trông thấy vú Hà, Sen chạy ngay lại chào, rồi đỡ lấy cái rổ, nói:

– U đưa tôi cắp cho nào.

Sửu khôn ngoan bắt đầu cuộc do thám bằng một câu chuyện làm quà, vì anh bếp già hiểu tâm lý bọn đồng nghiệp lắm: Muốn họ kháo việc nhà họ, trước hết mình phải kháo việc nhà mình.

Anh ta bảo vú già:

– Hôm qua cai Lợi bị quan tát cho một cái nên thân.

Cặp mắt vú Hà vội nheo lại:

– Ồ! Thế à? Tại sao thế bác?

– Tại hắn ta ghẹo vú cậu, quan bắt gặp...

Vú già cười gập người lại, và đánh rơi mất miếng trầu đương ngậm ở một bên hàm.

– Cho chết! Ai bảo lẳng lơ lắm!

Sen tinh quái hỏi:

– U bảo ai lẳng lơ? Bác cai Lợi hay chị vú Đông?

– Bảo cai Lợi đấy chứ?

Sửu láu lỉnh gợi chuyện.

– Tưởng chỉ con gái thì mới lẳng lơ thôi chứ! Như chị Hồng nhà vú chẳng hạn...

Sửu ghé lại gần vú già, hạ giọng hỏi:

– Nghe nói hôm qua bà cho chị ấy một trận nên thân, phải không?

– Không, bà tôi có đánh chị ấy bao giờ đâu.

– Thế còn ông nhà?

– Ông tôi ấy à?... Chuyến này thì có lẽ ông tôi tống đi. Ông tôi kêu chị bêu nhơ bêu nhuốc ông tôi.

Rồi vú già thuật lại cho hai người kia nghe đầu đuôi câu chuyện.

Hôm trước mãi nhá nhem tối, Hảo, Hồng và Yêm mới về đến nhà. Lúc bấy giờ ông Phán đương ở chơi trong phủ. Bà Phán nằm nghỉ trên gác, nói thác nhức đầu, không xuống. Nhưng Yêm đã chạy vội lên chào mẹ.

Kể đến đây, vú Hà cảm động bảo Sửu:

– Bác bếp ạ, cậu Yêm cậu ấy thế mà tốt bụng. Tuy khác mẹ đấy, nhưng cậu ấy thương chị Hồng lắm. Chả biết cậu ấy nói những gì với bà tôi, mà bà tôi làm ầm cả nhà lên, rồi bà tôi khóc, rồi bà tôi đập mất một cái chén với một cái ống nhổ sứ, rồi bà tôi cho đi tìm ông tôi về ngay lập tức.

Sửu tò mò hỏi:

– Vậy u không biết cậu Yêm nói những gì với bà?

– Không. Tôi chỉ nghe thấy bà tôi thét:

"Trời ơi! Thằng Yêm nó nhiếc tôi! Ông Phán ơi, ông về mà xem con ông nó chửi tôi đây này".

Sen mỉm cười, thích chí:

– Vậy ra cậu Yêm bênh cô Hồng?

– Đã bảo không biết cậu ấy nói những gì với bà tôi mà lị.

Sự thực, Yêm chỉ khuyên mẹ nên ăn ở tử tế với Hồng, nên thành thực thương yêu Hồng như con đẻ, thì Hồng sẽ kính mến lại mình như mẹ ngay.

Ông Phán ở phủ về giữa lúc bà Phán gào thét, đập phá, khóc lóc. Ông lên thẳng trên gác và chẳng nói chẳng rằng, ông tát cho Yêm hai cái rồi đuổi xuống nhà.

Một lát sau ông và bà Phán cùng xuống phòng khách. Hảo dắt Hồng ra chào và vừa mếu máo vừa xin lỗi cho em đã trót dại. Nhưng ông Phán không thèm nghe, ông túm lấy tóc Hồng và co chân đạp một cái thực mạnh, khiến nàng ngã ngồi xuống đất.

– Mày còn vác mặt về làm gì, hở con đĩ?

Hảo ấp úng:

– Bẩm thầy, thầy thương em con, em con nghe tin con mệt, vội lên thăm, không kịp xin phép...

Một tiếng cười gằn của bà Phán khiến nàng ngừng lại. Ông Phán như giải nghĩa cái cười của vợ:

– Thì bức thư nó để lại còn kia. Trong thư nó nói không thèm trở về cái nhà này nữa mà! Mày còn bênh vực em mày nữa thôi?

– Bẩm thầy, thầy tha tội cho em con, em con trót dại.

Lần thứ hai bà Phán cười gằn:

– Trót dại!

Ông Phán tiếp luôn:

– Trót dại! Đi theo trai rồi cũng kêu trót dại, phải không?

Nghe thấy nhắc đến việc theo trai, Hồng lại chợt nhớ đến Lương, người đã tình phụ nàng khiến nàng phải quay về gia đình, không thoát nổi nơi "địa ngục" ấy. Nàng liều lĩnh nói với cha:

– Bẩm thầy, mỗi cái nếu thầy không thương con nữa thì thầy cứ giết ngay con đi cho con thoát nợ đời.

Bà Phán lại cười:

– Sao cô xui dại thầy thế? Giết cô để mà ngồi tù nhé? Con làm đĩ không đủ xấu hay sao, lại còn muốn bố ăn cơm ống bơ nữa?

Câu mỉa mai quá đáng khiến ông Phán phải chau mày và Hảo ứa nước mắt, Hồng sừng sộ:

– Cô không có phép vu cáo...

Bà Phán vẫn cười mát, ngắt lời:

– Hùng hồn nhỉ! Chả đi học mà làm thầy kiện cũng hoài!

Hồng toan cãi lại nhưng Hảo đưa mắt ra hiệu bảo im, rồi lại gần dì ghẻ thì thầm:

– Em nó dại dột, cô làm ơn xin với thầy hộ cho nó, nó sẽ không dám quên ơn cô.

Bà Phán nói to như để phân bua:

– Thì đấy, có chị đấy nhé, không lại bảo tôi đặt điều ra cho nó. Nó cãi lại tôi sa sả, nó có coi tôi ra gì đâu... Đến thầy nó, nó còn chả coi ra gì nữa là tôi.

Ông Phán thở dài, chừng để biểu đồng tình một cách lặng lẽ. Bà Phán lại nói, giọng cố làm ra cảm động.

– Chị tính tôi khổ sở, đau đớn, nhục nhã vì nó. Mấy hôm nay tôi có dám vác mặt đi nơi nào đâu. Tôi sợ người ta cười, người ta mỉa mai. Chị ạ, thực trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã hay, một tí gì mà người ta không biết? Người ta biết cả tên cái thằng quyến rũ nó là Lương, đấy chị coi.

Hồng phần xấu hổ, phần căm tức, khóc nức lên đi vào nhà trong:

– Trời ơi! Sao tôi không chết quách cho rồi, còn trở về cái nhà này làm gì?

Ông Phán mắng chửi ầm ỹ, và nếu không có bà Phán giữ ông để tỏ lòng tốt với Hảo thì ông đã lại túm lấy Hồng mà đánh.

– Đấy chị coi, nó có chịu nhục đâu!

Yêm đăm đăm lườm mẹ, rồi cũng bỏ vào nhà trong để an ủi Hồng. Ông Phán thấy vậy gọi giật lại:

– Yêm, bỗng dưng mày nghỉ học về nhà để làm gì?

Yêm quay lại, cúi đầu đứng im lặng.

– Sao tao hỏi, mày không nói thằng kia?

– Bẩm... hôm nay thứ năm.

– Thế mai?

Yêm trả lời liều:

– Sáng mai con có cả ba giờ "Permanence".

Bẩm ở lớp nhất bao giờ cũng có nhiều giờ nghỉ.

Rồi, chừng để gợi tình trắc ẩn của cha mẹ, Yêm nói tiếp:

Bẩm... với lại con về để xin thầy mẹ cho chị Hồng... Hôm nọ không có con... thì chị con chết rồi còn gì.

Yêm thuật lại buổi gặp Hồng ở bên hồ Trúc Bạch, thêm thắt vào cho câu chuyện trở nên ghê sợ, bi đát. Ông Phán cố giấu tiếng thở dài, và lạnh lùng nói:

– Sao mày không để cho nó chết? Chết đi còn hơn là sống mà làm điếm nhục gia phong.

Bà Phán hầm hầm nhìn con:

– Cả mày nữa. Mày cũng chết đi cho rảnh mắt tao. Tao không muốn có thằng con bất hiếu bất mục như mày!

Yêm rùng mình sợ hãi vì như đoán thấy trong cặp mắt thù oán của mẹ, cái ác ý ghê gớm của một người đàn bà tàn nhẫn.

VIII

Hảo nấn ná ở chơi nhà hơn nửa tháng. Ở nhà để bênh vực em, để an ủi và khuyên bảo em nữa. Nàng vẫn còn lo sợ. Câu chuyện định tự tử của Hồng lúc nào cũng lảng vảng trong óc nàng. Có đêm nàng mơ thấy em gieo mình xuống nước, khiến trong giấc ngủ nàng khóc òa lên.

Nghe nàng thuật lại giấc chiêm bao, Hồng cảm động và cười chảy nước mắt. Rồi từ lúc đó cho tới sáng hai chị em thì thầm nói chuyện, sau khi đã lắng tai nghe tiếng ngáy đều đều của Tý và Thảo nằm ngủ ở hai cái giường kê gần đấy: Hảo thừa biết con gì ghẻ luôn luôn để ý do thám chị em mình.

Một đêm nàng đã lợi dụng sự do thám ấy: Nàng nói những câu mà nàng cốt Tý và Thảo nghe rõ để chúng mách lại với dì ghẻ. Nàng bấm cho Hồng hiểu ý định của nàng, rồi nàng đem những lời hơn lẽ thiệt ra nói với em, khuyên em nên để cha được yên tuổi già trong cảnh gia đình êm ấm. Còn "cô" tuy không đẻ ra mình, nhưng đẻ ra đàn em cũng một huyết thống với mình, thì mình có thể thành thực yêu gần như một người mẹ được, như một người mẹ thứ hai của mình.

Hồng toan cãi lại, nhưng Hảo bưng vội lấy miệng nàng và nói

tiếp luôn. Thấy thế Hồng nằm im để mặc chị thuyết lý để mặc chị dạy những bài luân lý thông thường, những bổn phận con đối với cha mẹ và chị đối với em. Mãi khuya và biết chắc chắn rằng Tý và Thảo đã ngủ say, Hảo mới báo cho Hồng biết:

– Chị cốt nói cho chúng nó nghe thấy.

Hồng bật lên tiếng cười to. Hảo vội lay mạnh cánh tay em:

– Chết! Lỡ chúng nó thức dậy...

Nhưng hai người lắng tai nghe không thấy tiếng động đậy: trong yên lặng hầu như hoàn toàn của ban đêm, tiếng ngáy vẫn đều đều và se sẽ, Hồng thở dài bảo chị:

– Khổ thực, chị ạ, mình ở nhà mình mà hình như lạc vào giữa đám quân thù... giữ gìn từng tí, lúc nào cũng sợ sợ hãi hãi, sợ hãi từ đứa ở trở lên, chung quanh rặt một giống mật thám... Một nơi địa ngục chứ gia đình gì lại thế!... Chị đã rõ vì sao em muốn tự tử chưa?

Hai tiếng tự tử lại làm cho Hảo rùng mình.

Nàng ngập ngừng bảo em.

– Ở đời cần phải nhẫn nại... Người ta sẽ nghĩ lại... tự thấy lỗi người ta...

Hồng ngắt lời:

– Nghĩ lại! Không bao giờ người ta nghĩ lại đâu, chị ạ.

Rồi nàng hậm hực:

– Sao bây giờ chị sinh ra nhút nhát, nhu nhược đến thế. Trước kia, chị bướng bỉnh, chững chạc biết bao.

Hảo ôn tồn đáp:

– Trước khác, bây giờ khác.

Nàng định nói, trước kia nàng chỉ tưởng đến nàng, đến tự do của nàng, nhưng nay nàng nghĩ đến tính mệnh của Hồng. Sợ em hiểu những ý thầm kín của mình, nàng giải nghĩa:

– Trước kia chị còn dại, làm việc gì cũng bồng bột hấp tấp. Vả lại bây giờ thầy già yếu, chị em mình cũng nên khéo ăn ở cho thầy vui lòng, cho thầy đỡ khổ với người ta; vì mình kình địch với người ta thì người ta lại giày vò thầy...

Hồng nức nở khóc.

– Chị ở xa chị không biết đấy, em chả kình địch với người ta bao

giờ, người ta cũng vẫn bêu xấu bêu nhuốc em như thường.

Thấy Hồng nói mỗi lúc một to hơn và sợ nàng khóc ầm nhà, Hảo dịu dàng vỗ về khuyên dỗ, rồi một lát sau nàng cất tiếng ngáy làm như đã ngủ say.

Sáng hôm sau thấy dì ghẻ đổi hẳn thái độ đối với mình, Hảo hiểu ngay rằng bọn do thám đã mắc mưu.

Vừa thoáng thấy nàng đi qua sân sau, bà Phán vội gọi:

– Chị Phán vào uống nước.

Hảo kéo ghế ngồi hầu chuyện cha và dì ghẻ, rắp tâm tìm cách để ân cần xin lỗi cho Hồng.

Bà Phán mỉm cười nhìn nàng, khẽ gật, rồi quay sang nói với chồng:

– Bao nhiêu tử tế, cái khôn ngoan, cái phúc, cái hậu dồn vào chị Phán, chị Hồng chả còn được lấy một tí.

Hảo lễ phép đáp:

– Thưa cô, em nó dại dột lắm, tiếng có lớn mà chẳng có khôn, thôi thì điều hơn lẽ thiệt xin cô dạy bảo cho. Bây giờ cô cũng như mẹ...

Ông Phán kinh ngạc. Lần đầu ông nghe thấy Hảo nói với bà Phán những lời kính cẩn, từ tốn. Ông đăm đăm nhìn, như để thầm cám ơn con: "Thầy sung sướng lắm, con có thấy không?" Và ông âu yếm bảo nàng:

– Uống nước đi, con.

Hảo nâng chén, nói:

– Xin mời thầy, mời cô xơi nước.

Bà Phán niềm nở:

– Chị uống đi.

Rồi quay lại hỏi vú Hà:

– Đã pha sữa cô Phán xơi chưa?

Hảo lấy lòng bà Phán là để vì nể mình mà thôi không hành hạ em nữa. Vả nàng mừng rỡ nhận thấy bà ta dần dần bớt cay nghiệt độc ác đối với Hồng.

Nhưng nàng vừa đi Hà Nội buổi sáng thì ngay buổi chiều đâu lại hoàn đấy. Những tiếng chửi cạnh, chửi khóe lại vang lên trong hàng

giờ. Những câu nhiếc móc mỉa mai lại suốt ngày tuôn ra. Bà Phán vẫn không thay đổi: Người ta thay đổi sao được một thói quen!

Trái lại, Hồng đã thay đổi hẳn tính nết: Nàng chỉ đem sự yên lặng thản nhiên ra đối đáp lại sự tàn ác ầm ỹ của dì ghẻ. Nàng thay đổi không phải vì những bài học luân lý, những lời khuyên răn của Hảo đã cảm hóa được nàng. Nàng thay đổi trước hết là vì cử chỉ và hành vi của chị đã làm cho nàng cảm động. Nàng thấy Hảo, cái gương phản kháng mà nàng vẫn noi theo, nay vì nàng, vì muốn cứu vớt nàng, đã hạ mình phục tòng dì ghẻ. Đó là một sự hy sinh rất lớn của chị, một sự hy sinh phạm tới lời thề mà một hôm quá phẫn uất, chị đã thốt ra: Hảo thề rằng đến ngày chết, không bao giờ còn quay lại nói một câu tử tế với dì ghẻ nữa. Thế mà nay nàng tử tế với dì ghẻ, phục tòng dì ghẻ, Hồng suy nghĩ tới điều ấy, trong mấy hôm liền và cảm thấy tình yêu rào rạt trong lòng, không phải tình yêu ích kỷ của trai, gái, nhưng một tình yêu thiên về trắc ẩn đối với khắp mọi người. Vì thế, nàng quả quyết theo gương chị và quy thuận với dì ghẻ, cũng như ngày xưa nàng đã theo gương chị mà phản đối người đàn bà ấy.

Còn một điều nữa khiến nàng thay đổi tính nết, điều mà mỗi lần tưởng tới nàng không khỏi lấy làm tự thẹn: Là nàng đã tìm một lần thoát ly gia đình bằng cách bỏ nhà trốn đi, một lần thoát ly cái đời khổ sở bằng cách tự sát. Nay suy đi nghĩ lại, nàng mới thấy sự thoát ly không dễ dàng, giản dị như nàng tưởng hay như những nhà tiểu thuyết lãng mạn tưởng tượng ra.

Chi bằng không tìm thoát lý nữa mà cứ coi như mình đã thoát ly rồi. Nàng thường ví gia đình nàng với nơi ngục thất. Song những tù nhân có mấy người tự sát để thoát ly được đâu, kể cả tù nhân bị kết án chung thân? Nàng nhớ một lần Nga đọc cho nàng nghe câu tư tưởng của một nhà hiền triết nào đó: "Có một linh hồn tự do thì dù sống trong nguc thất, sống trong địa ngục, mình vẫn coi như không bị giam hãm, xiềng xích". Câu tư tưởng ấy trước kia nàng không lưu ý đến, nhưng nay nàng thấy có một nghĩa rõ rệt và sâu xa.

Huống hồ trong cái ngục thất gia đình của nàng còn có cái mà nàng yêu được: làm việc; còn có người mà nàng yêu được: cha nàng. Cha nàng, nàng cho cũng là một tù nhân như nàng, và cùng nàng cùng sống trong một ngục thất. Lần đầu nàng cảm thấy hết cả sự khổ sở, sự đau đớn của người cha tốt, nhưng nhu nhược, bị vợ áp chế, hành hạ.

Cho nên nàng quả quyết sống một đời mới, một đời khác hẳn trước, một đời khoáng đạt, không thù, không ghét, không ghen, không tức ai. Và nàng bắt đầu thực hành ngay những ý định của nàng.

Sáng hôm ấy nàng thức dậy sớm lấy áo cũ ra mạng những chỗ rách và khâu lại những đường sứt chỉ. Đoạn nàng đánh thức hai em dậy học ôn bài. Tý và Thảo cau có gắt gỏng, nàng chỉ tươi cười đáp lại bằng những lời dịu dàng.

Nghe tiếng dì ghẻ quát gọi vú Hà, không những nàng không lấy làm khó chịu, mà nàng còn vội vàng chạy lên gác và lễ phép nói:

– Thưa cô, vú Hà đi mua bánh tây ạ.

Bà Phán trừng trừng nhìn nàng, cho cử chỉ của nàng là láo xược, là khiêu khích. Bà càng căm tức khi nghe Hồng ôn tồn nói tiếp:

– Thưa cô, cô bảo vú Hà điều gì ạ?

Bà Phán hầm hầm quay ngoắt đi.

– Tôi cám ơn.

Hồng rón rén bước xuống thang gác.

Từ đó, bà Phán càng ghét Hồng. Bà không hiểu sự yên lặng, lòng nhẫn nại của Hồng mà bà cho là giả dối. Và luôn luôn bà bảo chồng: "Ông coi, nó cứ lì lì cái mặt nó ra", hay "ông thấy không, nó trêu tức tôi đấy!". Lâu ngày ông Phán cũng tin rằng Hồng định trêu tức dì ghẻ.

IX

Hồng ốm đã hơn hai tuần lễ.

Chiều nay cũng như mọi buổi chiều, nàng đăm đăm mong Tý đi học về. Từ hôm bà Phán thấy bệnh nàng trầm trọng và sợ lây sang hai con, bắt dọn buồng kho ở trên gác cho nàng nằm thì nàng sống cách biệt hẳn mọi người. Một ngày, trừ vú Hà hai lần bưng cơm lên, nàng chỉ còn gặp mặt Tý chiều chiều đem báo hôm trước lên cho nàng, thỉnh thoảng đến bên giường hỏi thăm.

Trong hai đứa em xưa kia vẫn thù ghét nàng và vẫn bị nàng thù ghét, nay nàng đã được lòng Tý. Có nhiều lúc nàng tưởng Tý yêu nàng nữa: không phải nàng đã lấy lòng Tý để mong dì ghẻ nghĩ lại mà thương hại hay ít ra để cho nàng được yên thân. Không phải. Sự

yên thân của nàng chỉ hy vọng ở nàng. Nàng đã nhận thấy, đã hiểu rõ rằng chỉ khi nào chính mình quả quyết để cho mình yên thân thì mình mới yên thân. Sự bình tĩnh của tâm hồn không ai có thể cho mình, cũng không ai có thể cướp của mình được. Nàng còn nhớ một hôm bỗng dưng nàng cảm thấy sung sướng – cái sung sướng hồn nhiên mà người ta thường vụt có. Giữa lúc ấy bà Phán thét mắng đầy tớ om sòm, cốt để chửi cạnh nàng và làm cho nàng khổ sở. Nhưng nàng vẫn dửng dưng, như không để ý tới, như không nghe thấy gì hết. Ngày nay không những nàng không nghĩ để tìm nghĩa xa xôi những câu bóng gió của dì ghẻ mà những lời sâu cay độc địa dì ghẻ nói thẳng vào mặt nàng cũng không làm cho nàng động lòng nữa.

Vậy nàng tử tế với Tý và Thảo là chỉ vì nàng muốn tử tế, chỉ vì nàng đã nhận thấy khi nào mình tốt, tốt với khắp mọi người, với kẻ thù thì mình sung sướng, thì mình bằng lòng mình, thì tự nhiên sự bình tĩnh sẽ thấm sâu vào trí não vào tâm hồn mình. Xấu bụng ác nghiệt, làm cho kẻ khác khổ sở, mình có được lợi lộc gì đâu! Điều ấy, nàng đã nhiều lần nghĩ đến và nay trên giường bệnh, tâm trí nàng mệt nhọc nhưng sáng suốt hơn lúc khỏe mạnh, càng thấy rõ rệt lắm. Những sự xảy ra, những lời nói, việc làm hằng ngày của bà Phán và những người sống chung quanh nàng mà trước nàng không lưu ý tới, lúc này như bỗng hiện thành hình, tựa cuốn "phim" đem chiếu trên màn ảnh. Vì thế, nàng nhớ lại tường tận những hành vi ngôn ngữ của dì ghẻ, nhớ lại không phải để oán ghét nhưng để nghĩ đến tấm lòng tốt mới có và sự sung sướng mới có của mình.

Một hôm – nàng nhớ cả là một hôm thứ ba – nàng giảng cho Tý bài học luân lý "Bổn phận của chúng ta đối với tôi tớ". Nàng cũng chỉ dịch nghĩa bài chữ Pháp, và thỉnh thoảng chêm một câu thí dụ cho Tý dễ hiểu. Nhưng bà Phán đứng ở hiên nghe thấy cho là nàng nói cạnh mình. Tức thì bà bước vào trong phòng, cười mát bảo Hồng:

– Tử tế, dễ dãi quá với tôi tớ để chúng nó bợm đĩ trai gái thì cửa nhà còn ra sao nữa!

Hồng ngửng lại nhìn hai em, rồi dịu dàng nói:

– Em đã hiểu chưa?

Tý nhanh nhẩu đáp:

– Đã. Chị giảng thế thì ai không hiểu?

Hôm ấy, không những bà phán ghét Hồng, bà còn giận lây cả

Tý nữa. Bà gọi con vào buồng để đay nghiến: "Ở trường thầy giáo không giảng nghĩa cho mày hay sao mà mày phải nhờ đến cái con trời đánh ấy?".

Hồng mỉm cười khi được Tý thì thầm thuật lại cho nghe lời nói của dì ghẻ! Và bây giờ ôn lại câu chuyện, nàng vẫn không giữ được cái mỉm cười thương hại: "Những kẻ ác, những kẻ xấu bụng không bao giờ sung sướng được. Họ luôn luôn chỉ những chạnh lòng vì tức tối!".

Qua kính cửa sổ, ánh hoàng hôn một ngày đông khô ráo chiếu bóng gợn nước sông Tranh lên trần nhà. Những mầm cầu vồng chạy đuổi nhau. Thỉnh thoảng bóng đen một cái xe tay lướt qua. Hồng vừa tò mò ngắm nghía cái cảnh tượng sắp tàn ấy, vừa suy nghĩ miên man đến chuyện đời. Bỗng nàng rùng mình. Một luồng gió mạnh vừa thổi bật mảnh giấy nhật trình dán che lỗ hổng của mảnh kính vỡ. Vội vàng Hồng kéo chăn trùm kín đầu, và nhắm mắt cố ngủ vì nàng đã thức hai ngày và một đêm liền. Nhưng nhắm mắt Hồng càng trông thấy rõ những người, những vật thường gặp và những việc đã xảy ra hằng ngày: Một bàn tổ tôm hiện bật lên như một bức tranh khắc nổi với những màu sặc sỡ, trong đó cử động ba người đàn bà: bà Phán, bà phủ và bà đốc.

Bà đốc! Hồng cố tìm hiểu vì sao bà ta lại ghét mình. Chẳng lẽ chỉ vì bạn mà ghét lây con chồng của bạn! Không một lần nào Hồng được bà ta nói với nàng những câu dịu dàng hay thẳng thắn, bà ta không cằn nhằn gắt gỏng thì cũng ý tứ mỉa mai. Và khi nào Hồng bị dì ghẻ mắng hay nói xấu thì thế nào bà ta cũng đế thêm vào.

Còn bà phủ, Hồng không biết bà ta có những ý nghĩ gì về mình, cũng không rõ vắng mình thì bà ta có xui xiểm dì ghẻ điều gì không. Nhưng chỉ trông thấy cái bộ mặt kín đáo và nghe những câu "quan lớn Phán có xơi không, bà lớn Phán bốc hộ xin một cây" cũng đủ khó chịu rồi. Lại cái cười nữa, cái cười hở hai hàng lợi của bà ta, sao mà ghê sợ thế! Ghê sợ cả cái giọng hời hợt: "Cô Hồng đấy à? Lâu nay cô có đi Hà Nội thăm cô phán Căn không?" Mỗi khi nghe thấy câu hỏi ấy, Hồng chỉ lí nhí đáp lại một tiếng "không" rồi lảng ngay vào nhà trong, để khỏi phải trông thấy cái nhìn chế nhạo của bà đốc và cái lườm dữ của dì ghẻ.

"Đàn bà!"

Tiếng oán trách ấy tự thâm tâm Hồng thốt ra. Bao nhiêu

người đàn bà ghét Hồng như quân thù quân hằn! Thấy nàng qua, hai bên hàng phố họ chỉ trỏ. Gặp nàng, họ quay mặt đi, có khi họ nhổ bọt nữa. Mà nàng có làm gì đâu! Nhiều lần nàng đã muốn bảo vào tận mắt họ rằng họ ác, họ xấu, rằng lòng vô nhân đạo của họ còn đáng bỉ, đáng khinh bằng mấy tính lẳng lơ của nàng nếu quả thực nàng lẳng lơ như họ tưởng hay cố ý tưởng thế.

Nàng chẳng rõ bọn đàn ông có khinh bỉ nàng không. Mấy ông trưởng phố gặp nàng vẫn lễ phép chắp tay chào. Còn ông giáo Huyên thì thoảng trông thấy nàng là cất mũ ngả chào và nhoẻn miệng cười tình. Có lẽ sắc đẹp của nàng đã làm cho họ cảm động mà không kịp nghĩ đến "nết xấu" của nàng chăng? Vì không bao giờ nàng tin được rằng họ có lòng trắc ẩn. "Mình thử xấu người xem họ sẽ cư xử với mình có ác gấp mấy bọn đàn bà không?".

Hồng nghĩ đến một việc xảy ra năm trước: một thiếu nữ, một đêm trăng, nói chuyện với tình nhân ở trong sân trường nữ học, bị bọn đội xếp và viên quản phố bắt giải phủ. Mãi sang hôm sau cha mẹ người khốn nạn mới vào được phủ xin con về.

Hồng khúc khích cười trong chăn: "Ở đây sao mà người ta trinh tiết đến thế!"

Bên phòng ông Phán, bà Phán có tiếng động mà Hồng nhận ngay được là tiếng giày lê gót của dì ghẻ. Từ hôm nàng ốm, đã hai lần bà Phán vào buồng thăm nàng, mỗi lần hỏi được một câu: "Thế nào hôm nay có đỡ không!" Nàng chỉ lo bà lại vào thăm một lần thứ ba nữa. Nàng lắng tai chú ý, và vui mừng sung sướng khi nghe tiếng giầy thong thả xuống thang gác.

Một lát sau, nàng hé chăn ra nhìn: trời sắp tối. Những làng và ruộng ở bên kia sông đã lờ mờ bằng phẳng trong ánh chiều tà. Trên sông mấy cột buồm cao. Hồng toan ngồi dậy để ngắm mặt nước sông, thì chợt nghe có tiếng giầy rón rén ở phòng ngoài. Ốm, nàng thính tai hơn lúc khỏe và nhiều đêm khuya nàng nhận cả được tiếng róc rách se sẽ của nước sông Tranh mà nàng ví với tiếng thì thầm trò chuyện.

Hồng sợ hãi nghĩ đến Thảo: dì ghẻ thường sai Thảo do thám nàng, nàng vẫn biết. Đã bao lần nàng nghe thấy động ở cửa buồng và tưởng như trông thấy con mắt đen láy của Thảo dòm qua lỗ khóa.

Bỗng cánh cửa từ từ mở. Hồng vội hỏi:

– Ai đấy?

Tiếng Tý đáp:

– Em.

Hồng mừng rỡ:

– Em đấy à? Sao hôm nay em đi học về trễ thế? Em có cầm báo lên cho chị đấy chứ?

– Có, nhưng tối quá rồi, chị xem sao được? Hôm nay em đi đá bóng nên về muộn.

– Thế à? Cám ơn em nhé! Chốc có đèn, chị sẽ xem.

Tý ngồi xuống thành giường, hỏi:

– Chị có đỡ không?

– Cũng dễ chịu vì hôm nay không lên cơn.

– Dễ thường bị sốt rét cách nhật.

– Chính thế, chứ còn dễ thường gì nữa, mà chắc chắn là *paludisme*.

Tý suy nghĩ:

– *Paludisme* là sốt rét rừng phải không chị?

– Phải đấy, em ạ.

– Nhưng ở đây có rừng đâu mà chị mắc bệnh ấy?

Hồng cười:

– Gọi sốt rét rừng cho tiện chứ ở đâu cũng có thể mắc được. Giống muỗi *anophele* mang bệnh đi khắp các nơi.

Tý yên lặng kính phục nền học vấn và sự biết rộng của chị.

– Bài tính của em đã chấm chưa?

– Đã. Cả lớp có mỗi mình em làm đúng.

Hồng cười:

– Thế à? Khá nhỉ!

Tý cũng cười:

– Chị làm hộ em, chị lại còn khen. Bài tính khó quá.

– Có chuyện gì lạ không, em?

– Không.

Tý trả lời lơ đãng vì còn mải nhìn quanh phòng, để tìm xem gió thổi từ đâu vào.

– Ở đây lạnh quá chị ạ.

– À, chị quên bẵng đi mất. Chị đương mong em về để nhờ em dán lại hộ chị tờ giấy kia bị gió thổi rách.

– Đâu, chị?

– Ở cửa kính ấy.

Tý đứng dậy:

– Được, để em dán. Hồ đây rồi.

Tý móc túi lấy ra một miếng keo, giơ lên khoe chị. Hồng cười vui vẻ:

– Rõ tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn!

Tý đổ ra đĩa ít nước còn thừa ở trong cái chén đặt trên mặt hòm, rồi vừa chấm keo phết vào khung kính vừa nói:

– Hôm nay em nhận được thư của anh Yêm, anh Yêm cũng biết chị ốm, dặn em phải chăm nom chị.

Hồng cảm động ứa nước mắt, nằm yên lặng nhìn Tý.

– Chốc nữa có đèn em sẽ đưa cho chị xem thư... Có lẽ lễ *Noel* anh Yêm cũng về...

Nghe thấy tiếng giày bà Phán lên gác, Tý ngừng bặt giơ tay làm hiệu trỏ bảo Hồng. Nhưng Hồng không trông thấy gì, không nghe thấy gì, tâm trí liên miên nghĩ đến bức thư của Yêm.

Dán xong, Tý lại ngồi thành giường thì thầm:

– Mẹ lên đấy... Thôi em xuống nhà.

Tý đã vặn quả nắm cửa, còn quay lại bảo Hồng:

– Hôm nay em gặp chị Thêm. Chị ấy nói đã hai lần đến thăm chị, nhưng vú Hà đều bảo chị ốm và không cho lên.

– Thế à?

– Chị ấy nói chị ấy đến đưa trả chị cái gì ấy chả biết. Em bảo cứ đưa cho em, nhưng chị ấy không đưa.

Hồng nghĩ ngay đến Lương. Từ ngày xảy ra câu chuyện bỏ nhà ra đi, nàng đã nhận được hơn hai chục bức thư của Lương, bức nào

cũng nồng nàn tình yêu. Trái lại những bức thư phúc đáp của nàng, lời văn bình tĩnh, thản nhiên tuy vẫn thân mật, cái thân mật của người bạn đối với một người bạn: nàng chỉ còn coi Lương như một người bạn khổ sở. Nàng không oán trách Lương, vì biết rằng hai người không lấy được nhau lỗi không phải ở Lương.

– Chắc lại thư của anh Lương đấy chứ gì, em ạ.

– Em cũng tưởng thế.

Hồng không giấu giếm Tý, có khi lại đọc thư của Lương cho Tý nghe. Hiểu tình cảnh Hồng, Tý càng thương chị.

– Em cầm cái giấy này đưa cho chị Thêm, chị ấy sẽ trao thư cho em ngay.

Vừa nói Hồng vừa cầm bút chì nguệch ngoạc mấy chữ lên một mảnh giấy rồi đưa cho Tý.

– Thôi! Em xuống nhà, bảo vú Hà bưng cơm lên chị xơi nhé?

– Ừ, em xuống nhà. Nhưng đừng bảo gì cả thì hơn.

Nằm lại một mình, Hồng nhìn qua cửa kính ra cảnh trời gần tối hẳn: lác đác, nhấp nháy vài ba ngôi sao, ánh sáng lờ mờ và run run.

X

Một lát sau nghe tiếng vặn quả nắm cửa, Hồng giật mình quay ra. Khung cửa sáng bật lên và trong khung, vú Hà đứng sững, tay cầm cái đèn búp măng. Hồng mỉm cười nhớ đến bức tranh ác tiên trong chuyện giấc ngủ "trăm năm" của *Perrault.*

– Vú đấy à?

Vú Hà đặt đèn lên bàn, nói:

– Bà truyền chị thu dọn buồng cho gọn ghẽ để quan đốc tờ lên thăm bệnh.

Hồng chau mày:

– Ông đốc!... Ai bảo mời ông đốc thế, vú?

– Tôi cũng chả biết ai bảo. Chừng lại bà bảo chứ còn ai.

Hồng cười nhạt:

– Ừ, chừng bà bảo đấy! Vậy vú làm ơn vắt hộ tôi cái màn

này lên, rồi ấn hộ tôi đống quần áo bẩn kia xuống gầm giường.

Vú già yên lặng làm các công việc ấy, rồi yên lặng khép cửa đi ra.

Hồng tò mò ngắm cái thông phong đèn ám khói vì đặt lệch và vơ vẩn nghĩ ngợi: "Lạ! Hơn hai tuần lễ chẳng thuốc men gì, bây giờ bỗng dưng lại đón đốc tờ!" Nàng mỉm cười nghĩ tiếp: "Mời lão đốc tờ ấy... hừ!... Thôi mình cứ để xem sao đã... Hay họ sợ mình chết?..."

Sự thực không những không ai sợ Hồng chết, mà cũng chẳng ai nghĩ đến nàng hay để ý đến bệnh trạng của nàng. Trong hơn nửa tháng Hồng ốm, thỉnh thoảng đến bữa ăn ông Phán mới nhớ tới và hỏi:

– Còn con Hồng đâu?

Lần nào bà Phán cũng trả lời:

– Cô ả ốm.

Và ông Phán cũng kinh ngạc:

– Chưa khỏi kia à?

Bà Phán lãnh đạm:

– Bệnh hoạn gì! Chắc lại ốm tương tư anh chàng đấy thôi!

Rồi bà cười vui vẻ nói lảng sang việc khác ngay.

Nhưng hôm nay, chiều thứ bảy, nhà có khách đánh tổ tôm. Trong bọn khách cố nhiên có vợ chồng ông phủ và vợ chồng ông y sĩ Canh. Mọi người đương ngồi uống nước trà khai vị, bỗng bà Phán gọi người nhà giục bưng cơm lên gác cho chị Hồng. Chừng bà muốn khoe với khách rằng mình vẫn trông nom săn sóc đến con chồng. Bà phủ liền hỏi:

– Cô Hồng làm sao thế, bà lớn?

Bà Phán dịu dàng đáp:

– Bẩm bà lớn, cháu nó cảm xoàng thôi đấy ạ.

Bà đốc bĩu môi:

– Lại bỏ cơm, phải không? Các cô tiểu thư động một chút tí là bỏ cơm.

Ông phủ bàn:

– Bà lớn bảo nấu cho cô ấy một bát cháo hành thực nóng, ăn hết bát cháo là giải cảm ngay.

Bà phủ cười, nhìn chồng:

– Rõ ông lang băm. Đã có quan đốc đó, chứ ông thì biết cái gì mà cũng mách thuốc.

Ông Canh tính hay khôi hài, đáp lại:

– Thuốc quan phủ hay đấy chứ! Cảm thì chả thuốc gì công hiệu bằng một bát cháo hành nóng... Hay một bát phở tái nạm càng tốt hơn. Nhưng hãy xem cô Hồng có cảm thực không đã.

Vì thế, ông Canh nói với bà Phán đưa lên gác coi bệnh Hồng. Bà Phán sợ sau này sẽ phải trả tiền thuốc, liền nói gạt:

– Xin để ngày mai, nếu bệnh cháu không bớt tôi sẽ cho mời đến quan lớn.

Bà đốc cười nói tiếp:

– Bây giờ thì đánh tổ tôm đã. Đánh hết một hội rồi hãy ăn cũng vừa.

Nhưng ông đốc nhất định đòi lên thăm bệnh Hồng, ông nói:

– Nên cẩn thận! Ninh Giang này là nơi sào huyệt của vi trùng *paludisme* đấy.

Chẳng đừng được, bà Phán phải theo lời và cho vú Hà lên gác trước để quét dọn buồng kho, vì bà biết nơi đó bề bộn không được sạch sẽ. Khi đã bước được vài bực thang, bà Phán còn giữ ông Canh lại:

– Hay là quan lớn hãy ngồi chơi thong thả, để tôi bảo cháu xuống.

– Được, bà lớn cứ để tôi lên thăm bệnh cô Hồng.

– Vâng, thế thì xin rước quan lớn lên.

Bà Phán mời ông Canh ngồi lại phòng ngoài, rồi vào buồng Hồng, Hồng ngồi dậy lí nhí chào:

– Cô ạ...

– Em cứ nằm... quan đốc lên thăm bệnh em đấy... Thế nào, hôm nay có đỡ không? Đỡ nhiều phải không?

– Vâng.

– Vậy em có thể ra nhà ngoài để quan đốc xem không?

Ông Canh đã tiến đến cửa phòng.

– Thôi được, bà lớn cứ để cô Hồng nằm trong buồng.

Rồi lại bên giường bệnh. Hồng cố ngồi dậy.

Ông Canh vội nói:

– Cô cứ nằm. Cô sốt?

– Vâng.

– Tôi xem lưỡi nào!

Hồng thè lưỡi. Ông cầm đèn và, vì cận thị, ghé sát mắt vào miệng Hồng. Bất giác Hồng ngả đầu về phía sau như để tránh một cái hôn. Bà Phán yên lặng mỉm cười đứng ngắm. Nhưng lúc bà để ý tới cái thông phong ám khói và cái bấc đèn cháy lệch thì bà chau mày tỏ vẻ khó chịu.

– Sao không bảo nó gạt cái bấc đi hử?

Hồng còn mải thè lưỡi nên không kịp trả lời.

– Thôi được!

Ông Canh đặt đèn lên mặt bàn, rút khăn hỉ mũi ra lau tay.

– Hiện bây giờ cô có sốt không?

– Bẩm không.

Bà Phán vui mừng:

– Cháu đỡ nhiều rồi đấy ạ.

Ông Canh vừa bắt mạch, vừa hỏi:

– Lên cơn vào hồi mấy giờ?

– Bẩm cách một hôm lại có cơn, vào buổi chiều. Có lẽ con bị *paludisme*.

– Còn có lẽ gì nữa !

– Bẩm vì thế nên mấy hôm nay con vẫn uống kí ninh.

Ông Canh mỉm cười :

– Cô sốt đã mấy hôm nay ?

– Bẩm đã hơn nửa tháng.

– Hơn nửa tháng ?

Bà Phán ngượng vì sợ ông đốc cho là mình không săn sóc đến Hồng. Bà liền vờ kinh hoàng kêu theo ông Canh :

– Hơn nửa tháng ! Chết chửa thế mà nó giấu chẳng cho ai biết.

– Hừ hừ !

Ông Canh gật gù có vẻ e ngại :

– Cô có thấy đau ở ngang thắt lưng bên phải không ?

– Bẩm có, đau lắm. Đau nhói lên. Con sợ đau *foie.*

– Đừng sợ thì hơn... Thôi được, không can gì... Cô nằm nghỉ... Mai tôi đem thuốc đến hay cho thầy khán hộ mang lại.

Ra phòng ngoài, bà Phán cố làm vẻ mặt lo lắng thì thầm hỏi:

– Thưa quan lớn có hệ gì không ạ ?

– Không việc gì, nhưng bệnh... hơi nặng.

Hai người thong thả xuống nhà.

Khay bài đã đặt lên sập. Bà phủ, bà đốc, ông phủ đã ngồi vào chỗ và đều có ý mong đợi hai chân còn thiếu. Vừa nghe tiếng giầy lộp cộp ở chân thang gác bà đốc đã vội kêu :

– Vào bắt cái đi mình.

Rồi cười bảo mọi người :

– Nhà tôi bắt cái bao giờ cũng ù to.

Nhưng ông Canh vẫn không vội vàng, đứng chậm chạp sát xà phòng rửa tay. Bà phủ nhìn bà Phán, hỏi :

– Thế nào, bệnh tình ra sao ?

Bà đốc cười the thé khôi hài :

– Hay bệnh ái tình đấy ?

Bà Phán buồn rầu đáp :

– Quan đốc bảo bệnh cháu hơi nặng.

Ông Canh ngồi xuống ghế, và như nói một mình:

– Bệnh *paludisme* năm nay nặng lắm!

Rồi quay ra hỏi bà Phán:

– Quan lớn đâu?

– Nhà tôi chừng lại đi bách bộ ngoài bờ sông. Sao ạ?

– Tôi biên thứ thuốc tiêm nầy, sáng mai bà lớn cho lên Hải Dương mua sớm.

– Vâng.

Ông Canh rút bút máy viết mấy hàng chữ vào cái danh thiếp rồi đưa cho bà Phán.

Nhưng chỉ năm phút sau, mọi người, cả ông Canh, như đã quên hẳn bệnh nặng của Hồng, ai nấy chăm chú xoay bài hay thi

nhau nói khôi hài và cười đùa ầm ỹ.

Trong khi ấy, ở buồng Hồng, Tý ngồi nói chuyện với chị. Hồng cảm động nằm nghe Tý đọc xong bức thư của Yêm. Rồi thở dài bảo em:

– Chị lo chị chết, em ạ.

– Chị chỉ nói dại dột!

– Ông đốc bảo chị bệnh nặng lắm... Chị đau đến gan rồi. Thảo nào da chị vàng như thị rụng.

Tý nhìn Hồng an ủi:

– Chị đừng sợ hãi gì hết. Rồi ông đốc sẽ chữa cho chị khỏi.

– Em đã lấy bức thư của...

Thấy Hồng như nghẹn ngào. Tý đỡ lời:

– À, bức thư... ấy bức thư ở đằng chị Thêm. Em vừa lại nhà chị Thêm, nhưng chị ấy đi vắng, đi thu tiền họ.

– Thôi, cũng chả cần đọc... Chắc cũng chả có điều gì can hệ đâu... Em chưa xuống ăn cơm?

– Chưa. Em bảo bưng cơm lên chị ăn nhé?

Hồng không đáp, lắng tai nghe tiếng cười, nói oang oang từ nhà dưới đưa lên.

– Thầy có nhà không, em?

– Không. Thầy đi chơi. Chắc cũng sắp về ăn cơm, vì nhà có khách.

– Có bà phủ và bà đốc, phải không?

– Vâng, có cả ông phủ nữa.

Hồng vẩn vơ nhìn theo con mối chạy đuổi con vờ đương bay tung tăng ở trần nhà. Thấy con mối sắp sửa đớp mồi, Hồng nín hơi nằm chờ, và lo sợ muốn kêu: "Kìa nó bắt!".

Và nàng thở ra khoan khoái khi thấy con vờ thoát nạn bay nơi khác.

Tý đứng dậy:

– Thôi, chị nằm nghỉ. Em xuống bảo sắp cơm chị xơi.

– Cám ơn em. Nhưng có lẽ chị nhịn cơm thì hơn.

Giữa lúc ấy vú Hà vào, cầm đưa cho Hồng một hộp sữa:

– Bà bảo tôi mua cho chị đấy. Tý nữa tôi đem cốc với nước sôi lên.

Tý đỡ lấy hộp sữa đặt lên bàn mà hỏi:

– Ông đốc bảo mua, phải không?

– Phải. Quan đốc bảo chị Hồng phải kiêng cơm. Hộp sữa tôi đã đục hai lỗ rồi đấy. Tý nữa cậu pha cho chị ấy uống nhé?

– Được, cứ để mặc tôi. Vậy vú xuống mang nước sôi lên đi.

Lòng tốt của Tý như làm cho Hồng nhẹ bớt đau đớn thân thể và tâm hồn. Nàng cảm động ứa nước mắt và muốn nức lên. Vội vàng nàng kéo chăn trùm kín đầu để Tý khỏi trông thấy nàng khóc.

Tưởng chị ngủ, Tý rón rén xuống nhà.

XI

Chiếc ô tô của Canh lượn một vòng trên sân cỏ, để đỗ sát bên hàng lan can xi măng, trong cái bóng nhạt của bệnh viện. Tiếng máy rú lên rồi im lìm trong yên lặng của một ngày chủ nhật mùa rét ở một nơi vắng.

Viên khán hộ ra hiên cất tiếng chào:

– Lạy quan ạ.

Canh nhảy ra ngoài ô tô ngửng lên hỏi:

– Thế nào?

– Bẩm quan, vẫn thế.

Canh đánh diêm châm thuốc lá hút, rồi thở mạnh một luồng khói cùng một tiếng thở dài:

– Liệu có qua được ngày nay không?

Viên khán hộ bĩu môi lắc đầu:

– Bẩm quan khó lòng, thực quan đoán không sai, khéo lắm thì được đến tối.

Ông y sĩ tự đắc:

– Đã nói ngày hôm nay, thì ngày hôm nay chứ ngày mai sao được!

Ông thong thả bước lên hiên đứng yên lặng kéo luôn mấ hơi khói rồi ném mẩu thuốc lá qua lan can xuống sân cỏ. Đoạn, ôn thủng thỉnh đi về phía cuối hiên.

Viên khán hộ vội tiến lên trước, đến mở cửa một gia phòng nhỏ, và nói chõ vào phía trong:

– Quan đốc đến đấy!

Đương ngồi khóc sụt sịt ở một góc phòng, Hảo rút khăn lau nước mắt rồi đến bên giường bệnh cúi sát vào tai em, thì thầm mấ câu. Hồng bỗng tươi tỉnh hẳn, đôi mắt sáng lên trong hai quầng sâu Nàng quay nhìn về phía cửa, và cặp môi chậm chạp nhách một nụ cười để đón chào y sĩ. Bao hy vọng lộ trên nét mặt gầy gò vàng xạn của người sắp chết.

Vì Hồng vẫn hy vọng rằng ông đốc sẽ cứu được nàng. Nàng tin tài của ông, tin ở lời nói quả quyết của ông. Không bao giờ nàng yê đời, không bao giờ nàng thích sống bằng trong thời kỳ nàn mắc bệnh nặng, sau những ngày dài đằng đẵng nằm một mình su xét tới nguồn hạnh phúc của người ta. Những lúc tâm hồn quá sốt sắng, bồng bột, nàng cảm thấy nàng thành thực tha thứ và yêu mến bà Phán. Đến nỗi một hôm bà đến thăm – đến thăm chiếu lệ – nàng mỉm cười nhìn bà âu yếm nói với bà, như con nói với mẹ: "Độ này cô gầy lắm, cần phải tĩnh dưỡng mới được", làm bà cảm động vì nàng mất vài phút.

– Hôm nay trông cô đã khá lắm!

Lời thầy thuốc như một luồng điện chạy khắp người Hồng. Nụ cười của Hồng càng tươi, và đôi mắt càng sáng. Nàng hơi nghiêng đầu nhìn Hảo như để trả lời cái ý nghĩ thầm kín của chị: "Đấy chị coi, em không chết đâu, việc gì chị cứ khóc mãi?" Sự thực sáng hôm nay, vắng nghe trong năm phút đã lo lắng tưởng đến cái chết. Bây giờ thì nàng lại hy vọng, nàng lại tin chắc rằng nàng sống. Một ý nghĩ thoáng hiện ra trong khối óc sáng suốt của nàng: "Thầy thuốc nói dối để yên lòng người ốm". Nhưng nàng cố quên ngay sau khi đã tự trách thầm rằng mình hay ngờ vực hão huyền.

Ông Canh xem qua cái bản nhiệt độ, dặn viên khán hộ sắp sửa tiêm cho người ốm, rồi vội vàng quay ra: Ông đương đánh tổ tôm ở trong phủ chợt nhớ tới Hồng, nên ông nhờ một người cai lệ cầm hộ bài để chạy về nhà thương một lát.

Hảo theo ra ngoài, hỏi:

– Thưa ông, liệu có...

Nàng như tắc họng không nói dứt câu được.

– Bà cứ yên lòng.

Vừa nói ông Canh vừa bước xuống sân cỏ.

Hảo cũng bước xuống:

– Thưa ông, có sao ông cứ bảo thực cho tôi biết thì hơn... Thưa ông...

Ông Canh bực về nỗi Hảo cứ theo lải nhải mãi, liền đứng dừng lại cười:

– Vậy thì tôi nói thực: Cô Hồng không sống được đâu! Khéo thì chỉ tối nay là...

Thấy câu nói của mình quá sống sượng làm mặt Hảo tái đi, ông Canh hối hận tiếp luôn:

Tôi đã hết sức chữa, nhưng biết làm thế nào... Bệnh nặng rồi mới cho tôi biết. Đuối sức quá, không còn đủ máu để mà sống... Tôi đã ngại ngay từ hôm đưa cô Hồng vào nhà thương. Thôi, bà cũng chẳng nên phiền muộn, chẳng qua số cô ấy...

Rồi ông quay máy, lên xe đi thẳng. Hảo gục đầu xuống lan can nức nở khóc. Nghe tiếng giầy lộp cộp, nàng mơ màng tưởng ông Canh quay lại, liền ngửng lên. Đó chỉ là viên khán hộ một tay cầm cái bếp rượu đốt, tay kia cầm cái xoong nhỏ.

– Ông tiêm cho em?

– Vâng.

Viên khán hộ nhìn Hảo, ái ngại:

– Quan đốc nói thực cả với bà rồi?

Hảo khóc không đáp.

– Thưa bà, tại để quá ra rồi mới chữa đấy mà.

Hảo rút khăn lau nước mắt.

– Không biết có cách gì cứu được nữa không nhỉ?

Viên khán hộ bĩu môi, nhún vai:

– Chả còn cách gì.

– Hay tôi xin em về chữa thuốc ta?

– Tùy bà. Nhưng thiết tưởng thuốc thánh cũng không cứu được nữa. Bà đem cô Hồng về cũng vô ích mà lại phụ lòng quan đốc đã hết sức trông nom cho hơn tuần lễ nay.

Viên khán hộ vào phòng bệnh, Hảo cũng theo vào, đến ngồi ở cái ghế đặt sát bên giường em.

Hồng mỉm cười nói thì thào. Hảo phải ghé gần lại nghe.

– Chị đã hộ em một phiếu số Đông Dương chưa?

Hảo nghẹn ngào muốn khóc òa lên. Nhưng nàng cố trấn tĩnh trả lời em:

– Đã, chị mua rồi. Đây.

Nàng đưa cho Hồng cái phiếu của nàng. Hồng vui vẻ nói:

– Chị giữ hộ em. Nếu trúng thì chia đôi nhé? Nếu trúng số mười vạn thì chúng ta cho chị Nga một vạn, Yêm một vạn. Lan năm nghìn, Tý năm nghìn, Thảo năm nghìn, vị chi ba vạn rưởi, về phần hai chị em ta mỗi người hai vạn rưởi còn bao nhiêu để làm phúc... Em dùng tiền của em làm một cái nhà thực đẹp, trồng thực nhiều hồng đủ các thứ hồng, với lại làm một giàn thiên lý. Cổng em cho tầm xuân leo. Chị có thích tầm xuân không?

Hảo cười:

– Có, chị thích tầm xuân lắm.

– Ở các cửa sổ em treo những lẵng phong lan cho hoa vàng hoa tím rủ xuống...

Hồng phải ngừng lại để tiêm. Trông thấy chân em khẳng kheo và héo hắt như một cành củi khô, Hảo vội quay đi. Tiêm xong, viên khán hộ bảo Hồng:

– Cô nằm nghỉ, đừng nói chuyện nữa. Quan đốc cấm, không cho cô được nói chuyện.

Hảo đứng dậy:

– Vậy em nằm nghỉ nhé.

Rồi theo viên khán hộ ra ngoài hiên, hỏi:

– Hay tôi cứ xin cho em tôi ra?

– Bà nghĩ cho kỹ xem có nên đưa cô Hồng ra không? Tôi chỉ sợ

ra gần cụ... cô Hồng càng chóng... Hôm được đưa vào đây cô ấy mừng rỡ bệnh bớt hẳn đi.

Chàng cười hóm hỉnh nói tiếp:

– Cụ thét mắng cả ngày bên tai thì cô ấy chịu sao được!

Lúc đó ở cổng nhà thương, một cái xe kéo vừa đỗ. Hảo chăm chú nhìn, rồi vội chạy đến: Nàng đã nhận được Nga.

– Cô về thăm em?

– Vâng. Thế nào?

Hảo mếu máo:

– Em nguy mất rồi, cô ạ.

Hai người yên lặng đi đến phòng bệnh. Thấy Nga không nói gì với mình, cứ lẳng lặng tiến qua hiên, viên khán hộ liền giữ lại:

– Không vào được đâu. Chỉ mình bà Phán vào được thôi.

Hảo phải nói mãi, viên khán hộ mới nể lời bảo nàng:

– Vậy chỉ ở trong độ mười phút thôi. Quan có lệnh không cho người lạ vào phòng cô Hồng.

Gặp mặt Nga, Hồng vui mừng hỏi, nhưng giọng nhỏ quá, không ai nghe rõ:

– Chị về thăm em đấy à?

Nga bảo Hồng:

– Anh Lương đã bỏ... đã đuổi người gái nhảy đi rồi.

Hồng ra hiệu cho Hảo ghé gần lại để nói chuyện, rồi mệt nhọc bảo chị:

– Em gửi lời vĩnh biệt anh Lương nhé?

Hảo ứa lệ đáp:

– Em chỉ nói dại!

– Chị Nga xơi cơm chưa, chị?

Hảo quay ra hỏi Nga:

– Chị đã đến đằng nhà chưa?

– Đã, nhưng ông bà cùng đi vắng, vào phủ đánh tổ tôm.

Hảo chau mày, nhìn Nga như để bảo: "Đấy, chị coi, có ai

nghĩ đến em tôi đâu, tuy em tôi sắp chết?”

Nhưng viên khán hộ đã mở cửa phòng đi vào:

– Xin mời bà ra cho, không lỡ quan biết, tôi sẽ phải quở.

Mắt Hồng đưa nhìn như thầm van lơn, Nga cúi xuống nói nhỏ với Hồng:

– Vậy chị nằm nghỉ nhé, cố uống thuốc cho chóng khỏi.

Buổi chiều Hồng lên cơn sốt, mê man, nhiều lần đã tắt thở rồi lại sống lại, Hảo vội vàng về mời ông Phán bà Phán đến. Cả Tí và Thảo cũng theo ra. Thiếu mặt có Yêm, vì tuần lễ trước bà Phán vừa viết thư cho Yêm nói Hồng đã bớt nhiều và sắp khỏi, Yêm không về.

Thấy Hồng nằm im lịm không cựa cậy, bà Phán chắc nàng chết rồi, liền khóc òa lên:

– Ới Hồng ơi, cô có tưởng đâu đến nông nỗi này, Hồng ơi... Con đi mà chả kịp trối trăng lại với thầy với cô một câu nào, ới Hồng ôi! Đau lòng cô lắm Hồng ơi...

Ông Phán ngồi rũ trên chiếc ghế mây, đầu cúi gục xuống ngực.

Nga quỳ bên giường, bàn tay nắm chặt lấy tay Hồng. Còn Hảo và Tý thì đứng quay mặt vào tường mà khóc.

Bỗng Hồng mở mắt tò mò nhìn mọi người, như người vừa ngủ dậy.

Ai nấy xôn xao chạy lại gần:

– Em đã tỉnh!

– Chị đã tỉnh!

– Chị Hồng ơi!

Bà Phán yên lặng đứng sững. Thấy Hồng khẽ gật, bà ghé sát tai vào miệng nàng để nghe.

Bỗng bà thẳng người lên, thét:

– À ra con này láo thực. Bà tội lỗi gì với mày mà mày bảo tha lỗi cho bà, hử con kia? Bà quý hóa mày, bà nâng niu mày như hòn ngọc trên tay.

Hảo, Nga và Tý cùng khóc ầm lên.

Ông Phán đứng dậy bảo vợ:

– Ô hay! Sao bà lại thế! Tôi xin bà đi!...

Nhưng bà Phán vẫn thét:

– Ông tính nó bảo nó tha thứ cho tôi mọi điều, và chết đi nó sẽ phù hộ cho tôi... Thế thì còn trời đất nào...

– Kìa! Bà trông!

Ông Phán trỏ Hồng bảo vợ.

Hồng bẵn bặt thiếp đi, cặp môi vẫn tươi cười và mấp máy mấy câu gì không rõ.

Phải chăng đó là hai tiếng: *Thoát ly?*

HẾT

KHÁI HƯNG

THỪA TỰ

PHẦN THỨ NHẤT

I

– Tài xế! Tài xế đâu?

Theo liền tiếng ông huyện Bỉnh gọi, tiếng "dạ" ran từ công đường vào tới nhà trong. Rồi một anh lính lệ thét lớn nhắc lại lời quan:

– Bác tài! Bác tài đâu lên quan truyền!

Một người từ vòm trại cơ đâm bổ ra, mắt như còn ngái ngủ, vừa chạy vừa cài vội khuy chiếc áo lương mới. Bỉnh đã đứng chờ ở bậc gạch xuống sân:

– Tài xế! Đánh xe ra ga Hà Nội đón ông Hai, ông Ba.

– Dạ.

– Hai ông ở Nam lên chuyến hai giờ. Phải đi ngay mới kịp. Bây giờ mấy giờ rồi?

Bỉnh móc túi lấy đồng hồ ra xem:

– Năm giờ kém hai mươi. Từ đây ra Hà Nội chỉ độ nửa giờ là cùng. Còn kịp đấy.

– Dạ.

– Lúc về nhớ rẽ qua phố Hàng Buồm mua vài cân lê, vài cân cam với lại vài cân táo.

– Dạ.

– Đây, cầm lấy năm đồng.

Bỉnh mở ví đưa cho người tài xế cái giấy bạc:

– Mà đi ngay mới kịp.

Trâm đứng đón ở hiên nhà trong, thấy chồng vào, liền hỏi:

– Cái gì thế cậu?

Bỉnh vui mừng giơ ra tờ điện tín màu xanh:

– Chú Hai, chú Ba lên chơi, mợ ạ. Tôi vừa nhận được dây thép.

Vợ lạnh lùng:

– Thế à? Bao giờ lên?

– Năm giờ hơn xe hỏa tới Hà Nội. Tôi đã bảo nó đánh xe đi đón.

– Thế à?

– Mợ bảo nó làm cơm nhé... À, nhà còn sâm banh không nhỉ?

– Còn. Nhưng uống gì đến sâm banh!... Ăn cơm ta thì uống sâm banh làm gì?

– Hừ! Ăn cơm ta, bây giờ người ta uống sâm banh là thường. Được mợ cứ lấy ra hai chai nhỏ đằng ngon ấy, đằng giấy xanh ấy.

Người đàn bà quay ngoắt đi lẩm bẩm nói một mình: "Lại hai ông tướng ấy đến chơi, khổ quá!"

Tuy thế, nàng vẫn xuống bếp sửa soạn các thức ăn. Bổn phận người nội trợ đã thắng lòng tức tối của nàng.

Xưa nay nàng vẫn thù ghét hai người em chồng Trình và Khoa. Nàng thù ghét họ, không phải vì họ không tốt hay vì họ kém lễ phép đối với nàng. Trái lại, họ ăn ở hết sức khéo léo và phải đạo để lấy lòng nàng, một người chị dâu mà họ thi nhau ca tụng là hiền. Nàng thù ghét họ, – thù ghét ngấm ngầm thôi – chỉ vì thấy chồng yêu mến họ, say mê họ hầu như say mê tình nhân. Nhiều lần nàng đã mỉa mai bảo chồng: "Nếu cậu nghĩ đến tôi được chu đáo như cậu nghĩ đến hai chú thì tôi đã chẳng khổ". Bỉnh nghe vợ nói chỉ cười, nếu không mắng át: "Ôi chào! Mợ lôi thôi lắm!" Bao giờ đến câu gắt ấy người vợ cũng im ngay, vì sự thực, không những nàng kính nể, nàng còn sợ hãi chồng nữa, coi chồng như một vị bất khả xâm phạm.

Nàng là con nhà nho, theo khuôn phép lễ giáo ngay từ thủa nhỏ, năm mười bảy lấy chồng con một nhà quan mấy đời xuất thân khoa bảng. Vì thế, khi ở nhà, nàng chỉ biết giữ đạo hiếu, khi về nhà chồng nàng chỉ nghĩ đến phụng dưỡng cha chồng và phục tòng vâng lệnh chồng, để được tiếng là người dâu hiền, người vợ thảo.

Cha chồng nàng, ông Án Thân, rất nghiêm khắc: Các con, thời còn nhỏ, không mấy khi giáp mặt ông mà không run sợ. Người vợ

cả của ông mất sớm, sinh được một trai một gái: Bỉnh và Thu. Khi ấy Bỉnh và Thu cùng ở với dì ghẻ và hai em trai khác mẹ, Trình và Khoa, trong một nếp tư thất năm gian tại một huyện lỵ miền trung du. Chúng sớm hiểu đời, và, vì hoàn cảnh, sớm biết đem trí non nớt ra xét đoán nhân tâm: Sống bên cạnh một người cha lãnh đạm, trầm mặc, không để ý tới gia đình, chúng chỉ trực tiếp với sự bất công của dì ghẻ và lòng ghen ghét, ích kỷ của hai đứa em suýt soát tuổi mình.

Nhưng vào khoảng mười năm sau, cảnh gia đình ông Thân đổi khác hẳn. Người vợ hai chết. Chiếm chỗ người ấy là một thiếu nữ xinh đẹp và rất ngỗ ngược, ngỗ ngược đến nỗi đàn áp cả người chồng trước kia vẫn có tính độc đoán. Dần dần vì si tình, ông lão trở nên nhu mì, rụt rè, nhút nhát.

Để đối phó lại người dì ghẻ đáng ghê sợ ấy, tự nhiên bọn anh em khác mẹ nhận thấy cần phải hòa thuận với nhau, cần phải chống đỡ bênh vực lẫn nhau. Lòng ghen ghét, hiềm khích nay nhường chỗ cho lòng thương yêu thành thực, mật thiết. Biết bao đêm khuya ba anh em ngồi khóc vì việc gia đình hay cùng nhau bàn bạc tìm mưu lập kế, để ra khỏi một trường hợp khó khăn, để tránh thoát một cái cạm bẫy chặt chẽ của người đàn bà tàn ác.

Hơn mười năm sau, lại một lần biến đổi: Ông an Thân chết.

Lúc bấy giờ Bỉnh đã tốt nghiệp trường Đại học và đã được bổ tri huyện. Còn Trình và Khoa thì về quê làm ruộng, cùng nhau ở chung một nhà, – cái dinh cơ rộng rãi của cha mà Bỉnh, người anh cả, nhường hẳn cho, kèm với một phần số ruộng của chàng. Nhờ đó, Trình và Khoa sống rất an nhàn sung túc vì mỗi người có tới hơn ba chục mẫu vừa vườn vừa ruộng toàn hạng phì nhiêu.

Còn bà Ba mà bọn tôi tớ, bọn môn hạ đi lại vay mượn tôn gọi là cụ lớn, thì sống biệt hẳn một giang sơn với một người con gái nhỏ.

Bà ta giàu lắm. Cũng không ai biết bà ta giàu tới bực nào. Người này đồn bà ta có tới chục vạn... người kia quả quyết một con số to gấp năm thế. Họ bảo: “Trong mười mấy năm bà ta theo ông Án ở chỗ làm quan, quyền bính, tiền nong ở cả trong tay, thì làm gì mà không có tới năm chục vạn?”. Một người khác thêm: “Phải, vì khi bà ta lấy ông Án, cái vốn riêng của bà ta đã tới gần chục vạn rồi kia mà!”.

Sự thực, bà ta có bốn năm tòa nhà cho thuê ở Hải Phòng, ở Hà Nội và hơn trăm mẫu ruộng ở quê chồng. Cái tài sản ấy anh em

Bính không hề thèm muốn, ước ao – ấy là nói về bề ngoài. Trái lại, nó luôn luôn là đầu đề cho những câu chuyện chế giễu, mỉa mai. Gặp nhau đông đủ, trong bữa tiệc vui, không mấy khi họ quên nói đến cái "giàu khốn nạn" của "cô Ba", quên thuật những "hành vi đê hèn" của "Troisième". Họ trở nên những nhà triết học với những tư tưởng khuôn sáo về luân lý, về tâm lý, về nghĩa sống ở đời người. Họ thêm thắt, bịa đặt, tưởng tượng đủ điều cốt có cớ để nhắc đến người đàn bà kia mà họ không cùng nhau thù nữa, chỉ cùng nhau ghét và khinh thôi.

Tóm lại, ngày nay cũng như ngày xưa, người ấy vẫn là cái dây thiêng liêng ràng buộc tình thân ái trong mấy anh em.

II

Đương ngồi nói chuyện với vợ ở tư thất, Bính hấp tấp đứng dậy khi nghe thấy hai tiếng trống báo:

– Các chú đã đến!

Trâm giọng đĩnh đạc:

– Làm gì mà cậu phải cuống lên thế?

Không để ý tới câu mỉa mai của vợ, Bính bảo đứa con gái nhỏ mà chàng rất yêu quí:

– Hồng! Mau ra đón chú Hai, chú Ba.

Hồng vỗ tay reo:

– A a! Các chú đã lên!

Hai anh nó, Hải và Văn, đương đùa nghịch ở hiên sau cùng chạy theo ra, kêu:

– Chú! Chú!

Tiếng rít hãm ô tô trước công đường. Bính đã tới bên xe, nhanh nhảu chào trước:

– Hai chú!

Trình và Khoa mỗi người nhảy xuống một bên cửa ô tô chắp tay hất lên ngực:

– Lạy anh ạ.

Hải, Văn và Hồng nhao nhao:

– Lạy chú! Lạy chú!

Khoa cúi xuống bế Hồng lên hôn:

– Cháu! Cháu tôi ngoan quá!

Rồi chàng vuốt má Hải và Văn hỏi:

– Mợ đâu, cháu?

Trình tiếp luôn:

– Ừ, các cháu đưa hai chú vào chào mợ nhé.

Bình gạt:

– Thôi được. Mời hai chú vào phòng khách nghỉ mát. Nhà tôi sắp ra.

Tuy nói thế mà chàng vẫn theo hai em tiến vào nhà trong, vì chàng biết rằng muốn cơm nước thết đãi được chu đáo, cần nhất phải lấy lòng người nội trợ.

– Lạy chị ạ!

– Lạy chị ạ!

Người chị dâu đứng lên, niềm nở:

– Không dám, lạy hai chú.

Khoa giọng thành thực:

– Thưa chị, em trông chị hơi gầy, da dẻ không được hồng hào như chuyến trước.

Bình đỡ lời:

– Ấy, tháng trước nhà tôi ốm... Đi lỵ.

Trình vội vã, ân cần:

– Thế à! Vậy nay chị khỏi hẳn rồi chứ?

– Vâng, tôi khỏi hẳn rồi. Mời hai chú lên sa lông ngồi chơi xơi nước.

Khoa vui vẻ, thân mật.

– Xin vâng. Và xin chị cho chúng em ăn ngay. Em đã thấy kiến bò bụng lắm lắm rồi đấy.

Chàng quay lại hỏi Văn:

– Có phải không cháu... Ồ! Mà suýt nữa chú quên quà của các cháu.

Cháu Hải bảo đem va li vào đây cho chú, mau.

Ba đứa trẻ sung sướng tranh nhau chạy và gào:

– Lanh ơi, vác va li của chú vào!

Vợ chồng Bỉnh đưa mắt như thầm bảo nhau:

– "Các chú vui tính quá!".

Ba đứa con đã theo người xách va li đi vào.

Khoa mở lấy ra một gói kẹo tây, giơ lên trước mặt các cháu.

Trình bảo em:

– Khoa chia cho đều nhé!

Khoa cười:

– Phải tùy theo tuổi, chứ đều sao được.

Rồi chàng hỏi Hải:

– Cháu lên mấy?

– Thưa chú, cháu lên tám ạ.

– Được rồi! Lên tám thì tám cái.

Vừa nói chàng vừa nghiêng gói kẹo đổ ra hai bàn tay tý hon của Hải.

– Một, hai, ... bốn... sáu, tám. Đủ rồi. Bây giờ đến lượt Văn. Mấy tuổi?

Văn ngập ngừng:

– Thưa chú, cháu cũng lên tám.

Trình cười:

– Ha ha! Ăn gian rồi. Em lại bằng tuổi anh bao giờ!

Nhưng Khoa nghiễm nhiên lấy kẹo đếm lên bàn tay Văn:

– Được rồi, lên tám thì cũng chỉ tám cái. Còn em Hồng?

Hồng đứng im, nước mắt chạy quanh, vì nó biết nó mới năm tuổi thì sẽ chỉ được chia phần năm cái kẹo.

Người mẹ trông thấy thế, liền mắng:

– Hồng láo lắm nhé!

Khoa vội bênh cháu:

– Không, chị cứ nói thế, chứ Hồng ngoan nhất nhà. Năm nay Hồng lên năm, phải không? Lên năm thì được mười cái. Hai lần năm là mười mà lại.

Hồng tươi ngay nét mặt lại và vội chìa tay ra đón lấy kẹo, khiến ai nấy phải bật cười.

Trâm, giọng cảm động:

– Các cháu nói đến hai chú luôn. Chắc hai chú cũng đến sốt ruột vì chúng nó.

Khoa cười vui vẻ:

– Nếu thế thì anh chị và các cháu sốt ruột vì chúng em cũng chẳng kém.

– Nhưng mời hai chú ra salông xơi nước.

Rồi nàng gọi:

– Nhài, lấy chè mạn sen cho nó pha nước nhé!

Khoa hý hửng như trẻ con, reo mừng:

– Ồ! Chè mạn sen thì ngon lắm nhỉ! Chị cũng biết tính hai em thích chè mạn sen.

Để cắt ngắn câu chuyện, Trâm bảo chồng:

– Cậu mời hai chú ra salông xơi nước. Tôi xin xuống bếp giục nó làm mau cơm.

Khoa lại cười:

– Nếu thế thì chúng em xin vâng ngay.

Ba người đàn ông cùng nhau ra phòng khách. Mới tới cửa phòng, Trình đã thì thầm bảo Bỉnh:

– Về rồi đấy!

Bỉnh lơ đãng hỏi lại:

– Chú bảo ai?

– Troisième ấy à!

– Thế à?

Anh em vui sướng thuật lại cho nhau nghe những việc nhỏ nhen xảy ra trong đời người đàn bà, vào khoảng mười năm gần đây. Họ lắng tai chú ý, không ngắt lời nhau, tuy chẳng ai không thuộc lòng những câu chuyện ấy. Cốc rượu khai vị thứ hai càng làm tăng phần trào phúng và hài hước.

– Hai anh còn nhớ cái ngày cô ta giận thầy bênh anh huyện, cô ta bỏ cô ta đi, rồi thầy bắt đánh ô tô thân hành đón cô ta về không?

Trình cúi gò xuống cười nức nở. Bỉnh chỉ khẽ nhách mép và buồn rầu nói:

– Thương hại ông cụ, con mụ nó tai ác thế nào cũng phải chịu.

– Chả chịu, nó làm ầm cửa ầm nhà lên thì cũng khổ với nó.

– Sao không cứ để nó đi đâu mặc kệ nó, lại còn đuổi theo đón nó về?

– Nhưng nó đẹp!

Ba người cùng vỗ tay cười reo:

– Đả đảo sắc đẹp!

– Đả đảo vợ lẽ!

Trâm lên, đứng sững ở cửa phòng, hỏi:

– Đả đảo gì thế?

Trinh đáp:

– Thưa chị, đả đảo sắc đẹp và vợ lẽ.

Trâm cười:

– Nếu thế thì tôi xin ký cả hai tay.

Rồi nàng bảo chồng:

– Đấy, cậu còn muốn lấy vợ lẽ nữa thôi?

– Vợ lẽ cũng năm, bảy đường vợ lẽ chứ! Vơ đũa cả nắm thế nào được!

Bỉnh đáp lại vợ thế, chừng để hai em đỡ ngượng, vì chàng vừa chợt nhớ ra điều mà ít khi chàng nghĩ đến: Trình và Khoa là con bà Hai. Nhưng người vợ không hiểu nhã ý của chàng, lại bảo hai em chồng:

– Đấy, nhờ hai chú khuyên anh hộ tôi. Anh chỉ nằng nặc đòi lấy vợ lẽ.

Trình, giọng thành thực, bảo Bỉnh:

– Tình cảnh vợ lẽ nhà ta, anh không thấy cái gương tầy liếp đấy hay sao mà còn chực đa mang vào.

Thì ra Trình và Khoa cũng không còn nhớ rằng mình với Bỉnh là anh em khác mẹ. Trong mấy chục năm, họ thân mật yêu nhau nên đã như ngầm đồng tình phá hủy cái giới hạn thiên nhiên của cốt nhục, khí huyết.

Khoa buồn rầu nói tiếp:

– Thiết tưởng dù mê gái tới bực nào, lúc chợt nghĩ đến "cô ả", anh em chúng ta cũng phải rời bỏ để tránh cho gia đình chúng ta sau này cái nạn tan tác.

Trâm cười sung sướng, bảo chồng:

– Cậu đã nghe rõ chưa?

Khoa yên lặng rót đầy bốn cốc Cap Corse, rồi chắp tay lên ngực trịnh trọng nói với Trình và vợ chồng Bỉnh:

– Xin uống máu ăn thề.

Trâm cười:

– Thề gì thế?

– Thề không lấy vợ lẽ.

Bỉnh cũng cười theo:

– Làm gì mà như truyện Đông Chu liệt quốc thế?

Nhưng Trâm nghiêm trang nâng cốc rượu:

– Vâng, xin thề.

Trình bảo nàng:

– Chị thề trước đi.

– Tôi xin thề không lấy vợ lẽ cho chồng tôi.

Khoa uống hết cốc rượu, tiếp luôn:

– Nếu em lấy vợ lẽ thì đời em sẽ cạn như cốc rượu này.

Bỉnh khôi hài:

– Chú chẳng thề thì thím ấy cũng chẳng để chú lấy vợ lẽ.

Trình cười sặc, phì cả rượu ra áo. Giữa lúc ấy người nhà mời sang phòng bên ăn cơm.

Câu chuyện gia đình lại kế tiếp trên bàn ăn, trong tiếng reo vui của cây đèn măng sông lớn.

III

Trình, Khoa và Trâm đã ra ngồi uống cà phê ở ngoài hiên. Trâm trở vào buồng giấy gọi chồng:

– Mời cậu ra xơi, chẳng nguội mất cả rồi.

Tiếng Bỉnh đáp lại:

– Mợ mời hai chú xơi trước đi. Tôi còn bận xem nốt tập công văn cho xong đã.

– Vậy chốc cậu ra pha "tách" khác, nhé? Hay đem vào trong ấy cho cậu uống?

– Được, chốc pha chén khác.

Trâm mỉm cười bảo hai em chồng:

– Càng hay! Chúng mình càng được uống nhiều.

Vừa nói nàng vừa bỏ cái lọc xuống khay để chiết thêm cà phê sang cốc của Trình và Khoa.

Tiếng Bỉnh hỏi:

– Mợ! Đã lấy xì gà rồi đấy chứ?

Trình vội đáp:

– Thưa anh, đã có rồi, chúng em đương hút. Ngon lắm?

Trâm giữ kẽ không hỏi chuyện "cô Ba" nữa. Nàng vẫn thường khoe khoang rằng mình ít lời, không hay lôi thôi với người này người nọ. Vì thế, nàng đã xoay sang câu chuyện làm ăn, hỏi thăm về mùa màng, về khí hậu ở nhà quê, về sức khỏe từng người, từ hai "thím" đến cháu Đạc, cháu Nam, cháu Phiên, cháu Liên. Đạc là con trai của Khoa. Còn Nam, Phiên và Liên là con Trình, hai trai, một gái.

– Thưa chị, cháu Nam đỗ sơ học yếu lược rồi đấy ạ.

– Tôi đã biết... Anh có nói chuyện.

– Vâng, ngày cháu thi đỗ, em có đánh dây thép cho anh.

– Nhà tôi bảo muốn để cháu lên Hà Nội học với cháu San.

– Thưa chị, năm nay cháu San chưa thi bằng tốt nghiệp.

– Sang năm cháu mới thi chứ... Nhưng các chú đi đường xa thế chắc mệt lắm. Xin mời hai chú đi nghỉ thôi.

– Được, chị cứ mặc chúng em... Còn sớm.

Trâm toan đứng dậy vào nhà trong, thì Bỉnh đã bước ra hiên, tay cầm tờ giấy gấp tư, cười cười nói nói:

– Hà hà! Lạ quá, hai chú ạ. Vừa nhắc đến cô ta thì có tin của cô ta tới nơi.

Bỉnh đưa thư cho Trình nói tiếp:

– Tôi thấy lẫn trong tập công văn. Cái thư này nhận được không biết từ bao giờ.

Trâm ngơ ngác hỏi chồng:

– Thư nào thế? Thư của ai thế?

– Của Troisième ấy mà.

Bốn người vội vàng theo nhau vào phòng. Rồi Khoa giựt lấy bức thư ở trong tay Trình, cầm đọc:

Anh Huyện.

Tôi có mấy lời lên hỏi thăm anh chị và các cháu mạnh khỏe thì tôi mừng lắm. Ở nhà, tôi và em Cúc nhờ giời vẫn được như thường. Anh Trình, chị Trình, anh Khoa, chị Khoa và các cháu bên ấy nhờ ơn Phật tổ phù hộ cũng đều được bình an cả...

Khoa ngừng đọc, bảo Bỉnh:

– Vì hôm cô ta viết thư này, chúng em còn ở nhà.

Trình nói:

– Bây giờ cô ta mộ đạo lắm. Động một tí là giở Phật tổ ra.

Trâm chêm một câu bình phẩm chua chát:

– Hạng người ấy, còn giời phật nào chứng cho! Cứ ở ác rồi cúng lễ, cầu khấn, nay chùa này, mai chùa kia thì khi xuống âm phủ bọn họ dễ chả ai phải vào địa ngục, mà địa ngục chỉ riêng dành cho bọn nghèo đói không có tiền sắm lễ.

Khoa cười:

– Chuyện! Phú quý mới sinh lễ nghĩa được chứ!

Bỉnh cũng cười:

– Nhưng làm quái gì có địa ngục ở âm phủ!

Khoa đọc tiếp:

Anh chị ạ, từ ngày thầy qua đời, cảnh gia đình nhà ta buồn tẻ quá, lắm lúc tôi chỉ muốn khóc. Tôi nghĩ bao nhiêu, tôi lại thương thầy bấy nhiêu. Phải không anh chị, thầy hiền lành, nhân đức như ông bụt, chả làm hại ai bao giờ, sao nay linh hồn thầy lại không được vui vẻ mà nhìn cảnh gia đình sum họp, mà được thấy các anh các chị với tôi với em Cúc hòa thuận, yêu mến nhau. Thầy thiêng lắm đấy anh ạ. Thầy thường hiện lên luôn. Trong giấc chiêm bao tôi thấy thầy buồn lắm...

Khoa lại ngừng đọc, hỏi Bỉnh:

– Anh có chiêm bao gặp thầy bao giờ không?

Bỉnh ngẫm nghĩ một lát rồi đáp:

– Không.

– Em cũng vậy.

Trâm thì thầm:

– Tôi thì tôi gặp thầy luôn. Trông thầy y như lúc còn sống.

Trình mỉm cười:

– Em không gặp luôn, nhưng có hai lần em chiêm bao thấy thầy về. Thầy không nói gì hết, thầy chỉ yên lặng đứng nhìn thôi.

Khoa thở dài:

– Chóng nhỉ! Thế mà thầy mất đã được hơn bốn năm rồi đấy.

Chàng lại đọc:

Tôi đến chơi nhà bà tuần Bùi mà tôi thèm cái cảnh hòa hợp của người ta. Cụ Tuần mất đi, các bà ở chung một nhà vui vẻ quá. Chắc anh chị cũng quen cụ tuần Bùi đấy, cậu Tư có nói chuyện đến anh và gửi lời hỏi thăm anh...

Trình ngắt lời em:

– Ô chào! Thư từ lôi thôi quá. Vậy cô ta muốn cái gì? Muốn giở trò gì ra nữa? Hay lại muốn bẫy anh em mình đây?

Trong khi ấy, Khoa vẫn đọc nhẩm. Chàng bỗng bật cười nói:

– Đây rồi, đến đoạn cốt tử rồi!

Tôi muốn lên chơi huyện để nói với anh chị hết cả những ngành ngọn, hết cả mọi điều về cảnh gia đình nhà ta, nhưng độ rày tôi yếu lắm, mệt luôn đấy anh ạ, em Cúc cũng chẳng được khỏe. Vậy nếu anh bớt bận mà về chơi nhà quê được, hiện giờ tôi còn ở nhà quê ít lâu, để tôi nói câu chuyện thì mới nói được rõ ràng, chứ không tiện viết trong thư.

Chuyện quan hệ lắm, anh ạ, anh cố bớt thì giờ mà về. Hay rằm tháng bảy này nhân tiện tôi lập đàn cúng cho thầy ở chùa, và nếu anh bằng lòng thì tôi đốt mã nữa, anh cố mà về lấy hai hôm cho tôi được nói chuyện, nhiều chuyện lắm, anh ạ, mà tôi cần phải nói với anh. Thầy mất đi, anh là trưởng, trong nhà việc gì cũng phải hỏi anh, cũng phải bàn với anh, anh có ưng thì mới được...

Bỉnh phá lên cười:

– Mãi giờ cô ta mới nhận thấy điều ấy.

Khoa chêm:

– Cô ta lấy lòng anh đấy. Chắc sắp xảy ra chuyện chẳng lành đây!

Trâm vẻ mặt trầm trọng:

– Cậu phải cẩn thận, khéo không lại vào tròng thôi. Cậu nhẹ dạ, dễ tin lắm cơ.

Trình hỏi Khoa:

– Hết rồi?

Còn một câu nữa:

Thế nào anh cũng cố mà về nhé. Tôi xin đền anh tiền ét xăng. Anh chả thiếu gì, nhưng tôi làm thế cho công bằng. Vả lại, tôi làm đại lý ét xăng thì cũng chả thiệt gì, vậy anh về nhé cả chị nữa càng hay...

Khoa ngả đầu, nói:

– Hết ạ.

Trâm mặt hầm hầm:

– Cám ơn câu vuốt đuôi.

Bỉnh khôi hài để Khoa khỏi hiểu lầm:

– Mợ làm như mợ nói với chú Ba không bằng!

– Không, tôi nói câu vuốt đuôi của cô Ba viết trong thư đấy chứ?
– Úi chào? "Cả chị nữa!"... Còn anh thì anh vâng lời cô chứ?

– Đã hẳn!

Không khí trong phòng trở nên lạnh lẽo. Tiếng vo vo của cây đèn măng sông càng làm tăng yên lặng nặng nề. Ai nấy ngây ngất như nhịn thở để suy nghĩ. Bỗng Trình bàn:

– Hay ba anh em ta cùng về?

Khoa khen:

– Phải đấy!

Bỉnh cười:

– Mà về ngay để tránh cái đàn chay của cô ta.

Trâm vơ vẩn hỏi:

– Về à?... Nên bàn cho kỹ đã.

– Được rồi, mai bàn. Bây giờ thì hãy để hai chú đi nghỉ.

– Vâng, mời hai chú đi nghỉ. Màn đã buông rồi đấy ạ. Hai chú nằm nghỉ ở sập gụ cho mát, cũng được.

Khoa lơ đãng:

– Được ạ. Xin mời anh chị đi nghỉ. Cứ để mặc chúng em.

Sau khi vợ chồng Bỉnh vào tư thất, Trình và Khoa đứng nhìn nhau hồi lâu, vẻ mặt bần thần. Trình bảo em:

– Thôi, đi ngủ.

Hai người thong thả thay quần áo.

Rồi Trình vặn tắt đèn măng sông, bước lên giường nệm. Khoa uể oải hỏi:

– Anh không nằm sập?

– Được, chú cứ nằm sập, tôi nằm giường cho dễ ngủ. Chẳng nằm bên nhau hay nói chuyện lắm.

Một giờ sau. Bỗng Trình cất tiếng hỏi:

– Khoa ngủ rồi?

– Chưa anh ạ... Lạ giường khó ngủ quá!

Sự thực, cũng như anh, Khoa đương băn khoăn, loay hoay nghĩ ngợi về bức thư của người đàn bà mà đã hơn hai năm nay chàng không gặp mặt, tuy thỉnh thoảng người ấy cũng có về làng để thu thóc thuế và đòi các công nợ.

– Anh có đoán về việc gì mà cô ta lại viết thư lên mời anh Huyện không?

– Chừng cô ta nịnh anh Huyện, muốn lấy lòng anh chứ gì.

Nửa giờ qua, Khoa lại hỏi:

– Anh ngủ rồi?

– Chưa, Khoa ạ.

– Hay cô ta lập mưu ly gián anh em ta đấy?

Trình cười:

– Ồ! Ly gián thế nào được! Anh em chúng mình thì Tư Đồ tái thế cũng không chia rẽ nổi. Nhưng ta ngủ thôi. Cấm không ai được nói nữa đấy nhé.

Quả từ đấy không ai nói nữa. Nhưng cũng không ai ngủ được.

IV

Hôm sau là chủ nhật. Trình và Khoa cùng dậy rất sớm. Dậy sớm là một thói quen ở nhà quê, dù đêm trước người ta chỉ chợp mắt trong khoảng một, hai giờ đồng hồ.

Trình ngồi ngả lưng trên ghế bành, hai chân duỗi thẳng, ngáp luôn ba cái. Khoa tựa cửa sổ yên lặng nhìn ra cái vườn con ở đầu trái, mắt lơ đãng theo dõi bướm lam đuổi nhau bay chập chờn trên những khóm bồ tát họa đỏ còn lấp lánh giọt sương mai, trên những bông cúc vạn thọ vàng trồng trong miếng đất hình bầu dục vây cỏ và tóc tiên.

Trình lắng tai nghe tiếng hót của con chích chòe, và bảo em:

– Ở đây yên tĩnh như ở nhà quê, Khoa nhỉ?

Khoa quay lại cười, đáp:

– Thì đây khỏi là nhà quê!

Trình vừa nhớ lại cái huyện nhỏ mà ở đấy chàng đã sống gần bốn năm thơ ấu với Bỉnh và Khoa, với một người mẹ quá nuông chiều con. Chàng vụt có một ý nghĩ buồn rầu: "Không biết anh Huyện có để bụng những sự ăn ở bất công của mẹ ta đối với anh ngày trước không?"

Chàng thấy hiện ra trong ký ức hình ảnh người đàn bà ốm yếu với cái giọng nói the thé, với hai hàm răng rít lại mỗi khi nhiếc mắng đầy tớ. Chàng rùng mình một cái và cất tiếng nói để xóa vội quãng thời xưa đương trở lại:

– Mấy giờ rồi, Khoa?

Khoa rút đồng hồ xem:

– Năm giờ băm nhăm.

– Mới thế thôi?

– Về mùa hè ngày dài, nên anh tưởng muộn rồi.

Trình đứng dậy dang hai cánh tay ra uốn mình vươn vai, rồi tò mò soi vào nước mưa trong, đựng đầy cái chậu sứ men trắng, lòng vẽ cánh hồng màu đỏ đặt trên chiếc giá gỗ ở một góc phòng.

– Rửa mặt rồi ra phố chơi đi.

– Vâng, phải đấy.

– Hôm nay chủ nhật, chắc anh Huyện ngủ trưa.

Như để đáp lại Trình, tiếng giầy kinh lệt sệt từ tư thất đi lên. Và Bỉnh vào phòng cười cười nói nói:

– Tôi nghĩ ra rồi, hai chú ạ. Cô ta muốn bàn việc gả chồng cho Cúc. Đích thế, hai chú ạ.

Khoa nghĩ thầm: "Thì ra đêm hôm qua anh Huyện cũng loay hoay về bức thư".

Trình hỏi:

– Anh có biết gả cho ai không?

– Nghe đâu một sinh viên Cao đẳng, trường Thuốc hay trường Luật gì đấy...

Khoa tiếp, giọng quả quyết:

– Trường Luật.

– Chú biết à?

– Không, em đoán thế, đoán chắc thế, vì cô ta sính quan lắm, khi nào lại chịu kén rể đốc tờ.

Cả ba người cùng cười. Bỉnh khen:

– Tâm lý lắm!

Khoa thêm:

– Cô ta chẳng sính quan mà mới ngoài hai mươi lại chịu đi lấy một ông lão gần sáu mươi.

Trình cười, đọc luôn câu ca dao:

– Giời mưa nước chảy qua sân,
Em lấy ông lão qua lần thì thôi.
Bao giờ ông lão chầu giời,
Thì em lại lấy một người trai tơ.

– Bậy! Chú chỉ bậy!... Thôi, hai chú rửa mặt rồi ta ra tỉnh chơi.

– Ta không về à?

– Ừ nhỉ. Tôi quên bẵng đi đấy... Nhưng có nên về ngay không? Nhà tôi bảo hãy thong thả, vậy hai chú nghĩ sao?

– Cái đó tùy anh, tùy anh chị. Cô ta chỉ mời có anh chị.

Bỉnh ngẫm nghĩ, cho là Khoa nói kháy, nói mỉa rằng người dì ghẻ muốn ăn cánh riêng với mình. Sự thực, câu nói của Khoa rất tự nhiên và thẳng thắn, không có tứ gì xa xôi.

– Được rồi. Về! Ăn cháo xong rồi về... Xem chuyện gì mà quan hệ đến thế.

Bỉnh cười ha hả, như thích chí lắm. Trình nói:

– Phải đấy anh ạ. Về ngay xem cô ta muốn giở trò trống gì.

– Nhưng ăn cháo đã!

Bỉnh xuống nhà. Trình và Khoa cùng rửa mặt. Bỗng Trình như nói một mình:

– Ừ, có lẽ thế đấy.

– Anh bảo gì?

– Có lẽ cô ta sắp sửa gả chồng cho con.

– Gả chồng cho con thì việc gì phải mời anh Huyện về?

Trình vừa xát xà phòng lên mặt vừa đáp:

– Thì cũng làm ra thế. Chả nhẽ gả bán một mình, anh em họ hàng chẳng có ai nhìn nhận đến!

Khoa bật cười:

– Ấy là còn đoán thế. Đã biết đâu rằng người ta gả chồng cho con!

Sau một lát im lặng, Khoa lại nói:

– Thì cứ mặc kệ có hơn không. Chúng mình làm như sợ hãi một tin quan trọng về cô ta.

Nhận thấy câu nói của mình hơi hỗn xược, Khoa chữa liền:

– Phải không, anh nhỉ, chúng mình sợ cóc gì cô ta!

Trình vắt khăn mặt lên thành giá.

– Cô ta sợ chúng mình thì có.

Để tỏ sự lo sợ của người đàn bà, chàng kể không biết lần thứ mấy những câu chuyện mà chàng coi như em chưa được nghe, những chuyện do thám trong nhà, những lời thuật lại của bọn "lắm mồm, lắm miệng", cả những câu khấn khứa của người đàn bà ở trước bàn thờ cha nữa. Chàng nói:

– Chú có nhớ câu cô ta khấn thầy ngày giỗ năm kia không?

– Có. Cô ta khấn: Lạy quan lớn...

Khoa phì cười tiếp:

– Quan lớn! Anh có biết tại sao cô ta cứ khấn thầy là quan lớn không?

– Thì cô ta quen mồm đi rồi chứ sao. Ngày sinh thời thầy, cô ta vẫn gọi thầy là quan lớn

– Nhưng tại sao ngày sinh thời thầy, cô ta lại gọi thầy là quan lớn?

– Để tỏ rằng mình là bà lớn chứ gì!

– Vâng, chính thế... Ngày giỗ ấy, cô ta khấn: "Lạy quan lớn, quan lớn phù hộ cho nhà được vui vẻ, hòa thuận".

– Cũng như lời trong bức thư gửi cho anh Huyện.

– Vâng, chính thế. Cô ta chỉ sợ chúng mình lôi thôi. Có biết đâu chúng mình khinh không thèm chấp, không thèm nghĩ tới.

Hai người vừa nói chuyện vừa mặc quần áo. Trình mặc ta, nên chỉ việc đóng cái áo trắng dài vào và chụp cái khăn lên đầu là xong. Còn Khoa hay mặc tây nên đã vào phía sau màn. Chàng như nói một mình:

– Vẫn cái lối lấy lòng bằng tiền. "Tôi chịu tiền dầu xăng cho anh"!

Trình cười:

– Khoa làm như trước kia cô ta vẫn lấy lòng chúng mình bằng tiền!

– Em nói đối với người khác cơ chứ! Đấy anh coi, ở làng ta bây giờ, họ đi lại nịnh hót cô ta, một điều cụ lớn, hai điều cụ lớn. Mà cô ta có mất gì đâu! Chẳng qua cho vay thì bắt viết ruộng! Lãi thì nặng chẳng kém chỗ khác.

– Hơn cũng có ấy chứ lị!

Trình giọng khinh bỉ:

– Hừ! Tiền! Cô ta tưởng cứ giàu thì sung sướng được!

– Vâng, giàu thì sung sướng quái gì! Con đầy tớ của cô ta nó thường sang kháo chuyện với nhà em rằng đêm hôm động có tiếng kêu là cô ta run cầm cập, nói không ra hơi nữa. Mà hôm nào cũng cứ chập tối đã thét người nhà đóng khóa các cửa.

Cả hai cùng thích chí cười ha hả. Nhưng cả hai cùng không khỏi nghĩ đến cái đời vật chất sung sướng và đầy đủ. Đừng nói những ai giàu có hàng chục vạn vội, cứ nhìn ngay Bỉnh cũng nhận thấy rằng tiền của làm người ta dễ chịu, vui vẻ, bình tĩnh, mạnh khỏe nữa.

Nhất đối với Khoa, đã được ăn ở hai năm trong trường trung học

Albert Sarraut, thì sống đầy đủ lại càng là một ước vọng, hầu như một điều cần thiết cho con người, nếu muốn sung sướng.

Chàng nhớ tới những tháng túng tiền tiêu vì chưa đòi được công nợ hay vì thóc ế và hạ không bán được, vợ chồng phải ép lòng cần kiệm: Gạo dùng ngày ba bữa tuy không hẩm nhưng cũ và hôi, còn thức ăn thì thường trên cái mâm đồng đánh sáng nhoáng chỉ lỏng chỏng một đĩa dưa, một đĩa cà, một đĩa rau muống luộc và hai bát canh rau đay nấu cua đồng.

Ấy là nhà chàng còn khá đấy, chứ bên nhà Trình – hai anh em tuy ở chung, nhưng vẫn ăn riêng – thì những ngày túng thiếu người vợ lại hà tiện quá quắt, bữa nào cũng chỉ dọn một đĩa rau muống và một bát nước rau luộc, nổi lềnh bềnh mấy quả cà chua.

So sánh mâm cơm quê mùa với bàn tiệc chiều hôm trước? Ôi mỉa mai!

Giữa lúc ấy, người nhà lên mời sang phòng bên ăn sáng. Trình hỏi:

– Quan đã lên chưa?

– Bẩm đã.

– Vậy sang thôi Khoa. Còn về kia mà!

Khoa, giọng cố làm ra thản nhiên:

– Vừa lên đã lại về ngay!

– Rồi tiện ô tô lại lên nữa cũng được, chứ sao!

– Thế sao tiện!

Bỉnh bước vào phòng nói:

– Tiện lắm chứ: Các chú rõ khéo kiểu cách. Trong anh em ruột thịt mà cũng giữ gìn.

Khoa hơi ngượng, yên lặng mỉm cười.

– Mời hai chú xơi sáng rồi về cho sớm.

Ba người sang phòng ăn. Cái mặt bàn vuông giải khăn trắng xanh, gần kín những liễn cháo bốc khói nóng thơm, những đĩa thịt gà luộc, những đĩa chim rán vàng, các hộp cá, hộp gan đã mở nắp.

Trình cười bảo Trâm đương đứng bày thìa và đũa:

– Chị cho ăn thế này, rồi về nhà, mỗi khi ngồi vào mâm cơm rau lại phải nhớ đến những bữa tiệc của chị.

Chàng thốt ra câu ấy cốt để lấy lòng người chị dâu. Nhưng Khoa nhận thấy hết cả sự thực, sự thực chua xót, đau đớn. Bữa ăn sáng của nhà Trình và nhà chàng ư? Một nồi cháo hoa, ai ăn thì tự múc ra bát mà ăn, nhạt thì đã có muối, hay cà. Chàng vẫn tự an ủi rằng bữa sáng chỉ nên ăn một bát cháo cho được nhẹ bụng, và chàng viện cả lời dạy của bác sĩ Pauchet: "Sáng dậy không nên ăn gì, chỉ nên uống một cốc cà phê loãng". Nhưng nay ngắm bàn ăn của Bỉnh, chàng nghĩ thầm: "Cà phê! Làm quái gì có cà phê mà uống"!

– Kìa mời chú Ba. Chú ngồi ngắm thức ăn.

– Xin chị để mặc em. Em không biết làm khách đâu.

– Vậy mời hai chú xơi.

Vừa nói, nàng vừa gắp bỏ vào mỗi đĩa của hai em chồng một cái tỏi gà luộc. Trình hỏi cho có chuyện:

– Sao chị mua được bánh tây?

– A, tôi lấy sổ ở Hà Nội, hôm nào người ta cũng gửi xe hàng đem vào, cả thịt bò cũng vậy.

Khoa liếc nhìn anh chị, sự thèm muốn, sự ghen tị nữa thoáng hiện ra trong hai con mắt chớp mau. "Sung sướng thực! Sẵn tiền thì muốn có thức gì là có thức ấy liền. Ngày ngày, mua bánh tây ở tận Hà Nội... Xa gần ba chục cây số!" Câu bình phẩm của Trâm như tưới thêm dầu vào đống lửa ước vọng!

– Bánh tây thì các chú không mua được, chứ gà vịt chắc các chú chả thiếu. Ở nhà quê hẳn gà vịt sẵn, trứng sẵn...

Bỉnh lại tiếp luôn:

– Và khi nào cao hứng, muốn quay một con lợn sữa chén với rượu ngang thì cũng có ngay. Thần tiên lắm chứ!

Trình thực thà:

– Chúng em quen ăn rau mãi, dễ có ngày thành tiên thực đấy.

Nhưng Khoa im lặng ngồi ăn. Chàng vẫn có tính che đậy, và thường nói úp mở để Bỉnh và Trâm tưởng mình sống đầy đủ quanh năm.

Chẳng thế mà những lần anh chị về chơi, vào lúc nhà không sẵn tiền chàng lại bắt vợ phải ngầm đi gọi hàng sáo đến bán rẻ vài chục phương thóc để có thể thết anh chị được những bữa tiệc tuy chẳng long trọng bằng bữa tiệc hôm qua, nhưng cũng tươm tất, dễ trông.

Bỉnh vừa nhắc tới con lợn sữa cũng vì trong những bữa cơm ở nhà quê, chàng đã có lần được ăn món ấy.

Bữa điểm tâm kéo dài hơn nửa giờ. Ai nấy ăn no như ăn một bữa thường. Rồi trước chén trà mạn sen, câu chuyện gia đình bỏ dở chiều hôm trước lại nối. Trâm bắt đầu gợi ra, bảo chồng:

– Tôi thiết tưởng hơn hết là cậu nói thẳng vào mặt cô ta rằng cô ta giàu thì mặc kệ cô ta, cô ta đi đâu mà hống hách thì đi, không được về làng mà hống hách xằng.

Khoa hùn thêm vào:

– Chị thế mà bướng hơn anh!

Được thể, Trâm hăng hái nói tiếp:

– Phải không, hai chú? Cụ lớn, cụ bé gì cô ta. Ngay thầy lấy cô ta có cheo cưới gì đâu. Chẳng qua là nàng hầu gái theo.

Bỉnh mỉm cười:

– Thôi, tôi xin mợ! Bới đống phân ra làm gì cho thối hoăng lên. Cứ để vậy, đừng chọc vào là hơn.

Trâm đưa mắt nhìn Trình và Khoa:

– Đấy, hai chú coi, anh nhút nhát như thế đấy.

Một tia ngờ vừa lọt vào ý nghĩ Khoa. Chàng cho rằng anh nay làm quan sung sướng, sống biệt hẳn một nơi, rồi già về hưu tậu nhà ở Hà Nội, như thế còn dính dáng gì đến ai mà cần. Còn Trình và chàng thì khác hẳn, luôn luôn bị một bọn dân làng xu phụ người đàn bà kia coi thường và có khi nói hỗn nữa để nịnh hót kẻ mà họ hòng nhờ vả.

Cảm thấy yên lặng đã kéo dài và khó chịu, Bỉnh đứng lên nói;

– Chúng ta sắp sửa về thôi.

V

Ô tô ông Huyện! Ô tô ông Huyện chưa về đến nhà, cả làng Giáp đã biết. Cái tin ấy đã theo tiếng còi điện mà lan rộng mãi ra, mà bay vào các xóm, các ngõ một cách rất mau chóng.

"A ha! Ô tô ông Huyện!"

Người ta nói ông Huyện để khỏi lẫn với quan Huyện cai trị mà người ta sợ hãi. Cũng có người phân biệt bằng cách xưng hô sang

trọng hơn: "Quan huyện nhà" hay thân mật hơn: "ông huyện Bỉnh". Những người ấy phần nhiều đều là chú, bác, cô, cậu, thím dì, trong họ nội, họ ngoại xa gần của Bỉnh.

– Bà Hai, bà Ba ơi! Các ông ấy đã về đến, các ông cùng về ô tô với ông Huyện.

Nghe tiếng réo ở cổng, vợ Trình ngơ ngác bảo vợ Khoa:

– Bậy! Mới đi hôm qua đã về sao được!

Vợ Khoa cười đáp:

– Vâng, sớm lắm thì cũng một tuần lễ.

Rồi nàng quay bảo người ngồi cánh trên:

– Có ăn không thì bốc?

Vì lúc bấy giờ hai chị em dâu đương đánh chắn với ba người láng giềng: bác lý Nghiên, bác phó Tới và chị xã Phiệt. Ruộng phần nhiều cho cấy rẽ, nên hai người đàn bà rất nhàn thường họp bàn chắn, tam cúc hay tổ tôm còm cho đỡ buồn, nhất những khi hai người đàn ông vắng nhà.

Cũng như chồng họ, hai người đàn bà luôn luôn vui vẻ hòa thuận với nhau. Trong họ ngoài làng người ta đều khen.

"Hai bà ấy coi nhau y như chị em ruột vậy!" Song, trái với tình yêu mến thành thực, kín đáo và tự nhiên của Trình và Khoa, sự thân thiết của hai người đàn bà thường ngượng ngập, ầm ỹ và kiểu cách. Hình như họ phải cố gắng mới tỏ được với nhau những tính tình tốt đẹp.

Sự thực, trong thâm tâm họ vẫn ngấm ngầm âm ỉ sự tức tối và sự khinh nhờn, sinh ra bởi giai cấp khác nhau: Hai tính tình ấy không bùng lên, không lộ ra cho mọi người trông thấy được là vì bị một tính tình khác mãnh liệt hơn lấn áp: sự thù ghét bà Ba. Hai người chồng cố làm ra thế để người làng khỏi chê rằng mình nhỏ nhen, tẹp nhẹp như đàn bà. Nhưng Tính và Chuyên, hai người vợ, thì thù ghét ra mặt, thù ghét bằng cách xử trí có khi tàn nhẫn, bằng lời nói có khi lỗ mãng trong những câu chuyện bắn tin.

Họ không thù ghét sao được! Tính trong sáu năm và Chuyên trong ba năm làm dâu, thời ông Án còn tại chức, đã bị người đàn bà ấy dựa thế cha chồng hạch sách, hành hạ đủ điều. Ngày nay nghĩ đến hai tiếng "mẹ kế" mà người ấy thường nêu ra trong câu chuyện với bà con, hai chị em vẫn còn muốn lộn tiết văng tục ra.

"Đấy bà coi, đòi với tôi là mẹ kế chồng các mợ ấy, các mợ ấy còn xử thế đấy"! "Thực tôi chỉ là mẹ kế các cậu ấy mà tôi ăn ở chẳng khác một người mẹ đẻ". Đáp lại những câu nói đổng, bao giờ, ở trong phòng bên, Tính cũng khúc khích cười bảo Chuyên: "Mẹ ranh!" Còn Chuyên thì tức uất, nghẹn ngào như sắp tắt thở.

Nàng chịu làm sao nổi cái cảnh làm dâu "quái gở" ấy! Thà rằng là mẹ chồng nàng cho cam! Chứ cái con người chưa tới bốn chục tuổi kia mà cũng đòi làm mẹ nàng ư! Mà cũng chảnh lỏn, cũng tai ngược, hách dịch với nàng sao! Nàng là con quan, con một quan phủ, con gái yêu một bậc mệnh phụ, chẳng lẽ lại cúi mình đi hầu hạ một người đàn bà ít tuổi và không rõ "sản xuất" ở nơi tối tăm hèn hạ nào!

Luôn luôn nàng bực tức nghĩ thế. Nhưng nếu đương vui vẻ trò chuyện ở trong buồng mà nghe tiếng dép lẹp kẹp ở người đàn bà bước vào thì cũng như Tính, nàng thin thít im ngay, cái im lặng rụt rè và sợ hãi. Hơn thế, nếu người kia có thớ lợ bảo: "Mợ Ba" hay "Chị Ba" làm ơn têm cho me mấy miếng giầu" thì chẳng lần nào nàng dám lườm nguýt hoặc nói lại một câu bóng gió mỉa mai. Họa chăng lúc người vợ lẽ ra nhà ngoài ngồi vắt vẻo trên sập đối diện với cha chồng, nàng mới dám bĩu dài môi dưới ra mà thì thầm: "Me gì, me tây ấy à?" Tính nghe thấy nhét khăn vào miệng, cười chảy nước mắt.

Tính dễ dãi hơn, và trước khi Chuyên về làm dâu, nàng không nhận thấy rõ cái cảnh éo le đau đớn của mình. Chẳng qua có Chuyên xui xiểm, và vạch ra cho nàng, nàng mới biết đường mà kình địch lại người vợ lẽ, một lối kình địch nhút nhát trong xó tối.

Là vì nàng không sinh trưởng ở nơi quyền quý như Chuyên. Gia đình nàng chỉ là một gia đình cự phú xứ quê, đã mấy đời quen tòng phục các quan. Mỗi lần ông Hàn sinh ra nàng đến chơi thăm bên thông gia là một lần ông ta làm cho Chuyên bực bội: Ông ta khúm núm trước mặt ông Án và người đàn bà, một điều bẩm hai cụ lớn, hai điều bẩm hai cụ lớn, rồi xưng con xưng cái một cách rất tự nhiên, không chút ngượng ngùng. Chuyên cho đó là một sự nhục nhã, nhục nhã không những riêng đối với một mình Tính mà đối với chung cả mấy chị em dâu. Chuyên cự Tính chẳng thiếu lời, nhưng Tính chỉ thở dài đáp lại: "Thím bảo tôi biết làm thế nào? Ông cụ nhà tôi hiền lành quá kia!" Chuyên cáu kỉnh gắt: "Chị coi cụ cử sinh ra chị Bỉnh, cụ hách biết bao! Chững chạc biết bao!"

Tuy nàng tức thì nàng nói thế để bỉ ông Hàn mà thôi, chứ

trong thâm tâm, nàng vẫn hiểu rõ rằng cụ cử Lương cũng như con gái cụ, ở vào một trường hợp khác hẳn. Đối với Trâm, vợ Bỉnh, không bao giờ người vợ lẽ dám xưng "me" và dám cư xử ra một bậc kế mẫu. Nàng cho rằng – và nàng chẳng hề giấu giếm ai điều ấy – Bỉnh là con bà cả thì địa vị của Bỉnh cũng như địa vị của mẹ Bỉnh đã rõ rệt lắm rồi. Còn như bà Hai mất đi đối với nàng cũng là vợ thứ, hơn kém gì nhau! Chẳng qua lấy trước là bà Hai, mà nàng lấy sau là bà Ba. Vậy con bà Hai tức cũng là con nàng và cái địa vị kế của nàng là riêng đối với bọn họ.

Bà Ba lý luận như thế cho xuôi câu chuyện gia đình hơi rắc rối. Kỳ thực, sự đối đãi phân biệt của nàng chỉ rõ rệt từ khi nàng thấy Bỉnh thi đậu vào trường Đại học giữa lúc Trình và Khoa, vì lười biếng, chơi bời, bỏ học về ở nhà. Một đằng có thể xuất chính nay mai và sống riêng một đời tự lập cao sang. Một đằng ở nhà ăn bám cha và đương hy vọng được cha cấp vốn ra kinh doanh công kia việc nọ. Cái mầm khinh, trọng khác nhau mọc rễ mỗi ngày một sâu trong óc người đàn bà thông minh và khéo biết xoay liệu thời cơ.

Nhưng không phải vì thế mà bà Ba mất hẳn sức đàn áp đối với vợ chồng Bỉnh. Một lần vì một câu chuyện lôi thôi trong gia đình, Bỉnh viết thư về cho nàng, khuyên nàng nên "vừa vừa chứ". Tức thì mấy hôm sau Bỉnh nhận được thư trả lời của cha, trong đó cha nhắn tin cho "tên Bỉnh" biết rằng "tên ấy" là một thằng khốn nạn. Lúc bấy giờ Bỉnh đương làm tham tá ở Ninh Bình. Chàng xin phép nghỉ hai ngày về thăm nhà. Trình và Khoa mếu khóc thuật lại cho chàng nghe mọi điều ức hiếp và lăng loàn của người dì ghẻ. Chàng đi thẳng xuống tư thất trỏ vào mặt người đàn bà mà mắng nhiếc. Hai bên đôi co nhau làm cho ông Án đương ngủ trưa chợt thức giấc giữa những tiếng kêu trời của vợ lẽ.

Bị cha chửi, Bỉnh bỏ đi Ninh Bình. Và ngay hôm sau chàng nhận được hàng vắn tắt sau này của cha: "Mày dám đánh vợ tao, vậy từ nay tao cấm cửa, không cho mày lai vãng tới nhà tao. Tao từ mày, không cha con gì nữa".

Nhưng chỉ hai tuần sau Bỉnh đã được cha tha lỗi, gọi về chơi. Đó là công trình của người vợ lẽ. Bà Ba biết rằng gây thù, gây oán với "anh Tham" không có lợi gì cho mình. Và từ đó nàng cũng đỡ ức chế vợ chồng Trình và vợ chồng Khoa...

Thế rồi trong cái gia đình buồn tẻ, hai lần có sự biến đổi: ông Án

về hưu trí và bảy năm sau ông qua đời. Trong bảy năm ở nhà quê, Trình và Khoa sống bình tĩnh và tự do hơn: vì ông Án đã chia ruộng, chia của cho hai người, để ở riêng với vợ lẽ trong một dinh cơ khác xóm với chỗ ở của hai con.

Cái chết của ông Án là một dịp thứ nhất để đôi bên trả thù nhau. Chuyên khóc: "Hờ cha ơi, cha đi đâu cha bỏ các con. Bao nhiêu đứa nấp dưới bóng cha mà được người ta kính trọng vì nể, nay cha trăm tuổi rồi thì bọn họ thực là khổ sở, khốn nạn".

Người vợ lẽ mỉm cười khinh bỉ trong cái mấn sô, rồi khóc đáp lại liền: "Quan lớn ơi, quan lớn đi đâu quan lớn bỏ đàn con dại cho tôi. Quan lớn ơi, quan lớn đi thì sướng lấy một mình, nhưng lũ con quan lớn bồ côi, nheo nhóc, quan lớn để lại cho tôi nuôi dạy một mình cực nhọc lắm quan lớn ơi!."

Bỉnh thẳng thắn đến ghé tai dì ghẻ bảo nhỏ: "Cô khóc thế không được!". Người đàn bà lại nức nở:

– Hờ quan lớn ơi, cực nhục cho tôi chưa, quan lớn nằm xuống tôi đau đớn tôi khóc thì con quan lớn cấm tôi, không cho tôi khóc, hờ quan lớn ơi!

Thế là cuộc chiến tranh bắt đầu.

Và gay go tới tận ngày nay.

Nhưng ngày nay sao lại có bức thư của người đàn bà gửi lên huyện cho Bỉnh, một bức thư lời lẽ rất ôn tồn êm thấm. Một bức thư hàng hay một bức thư khiêu chiến?

Trình và Khoa không khỏi băn khoăn về điều đó. Tuy không ai thú nhận với ai, cả hai cùng không dám bạo dạn nói thẳng ý nghĩ của mình với Bỉnh.

Ô tô qua cổng vào tới sân. Tính và Chuyên xóa bàn chắn chạy ra chào và hoảng hốt hỏi chồng xem có việc gì cần mà về vội thế, nhất lại cùng về với anh Huyện. Mãi lúc ấy Khoa mới buột miệng thổ lộ tâm sự của mình ra:

– Về để đối phó với "Troisième"

Và chàng giật mình nghĩ thầm:

– Vậy ra khai chiến?

Tính sợ hãi:

– Đối phó việc gì thế?

Bỉnh mỉm cười:

– Đối phó một việc rất quan trọng: cô ta mời ba anh em sang dự tiệc.

Chuyên vội kêu:

– Ấy chết! Đừng nhận nhời!

Bỉnh vẫn mỉm cười:

– Chừng thím sợ cô ta đánh thuốc độc giết chết cả ba anh em?

Chuyên hơi ngượng, đáp:

– Đánh thuốc độc thì chả dám đâu. Nhưng sang ăn cơm nhà cô ta thì không tiện một tí nào.

Trình cười:

– Sao không tiện? Rồi các bà lại một bữa tiệc rất sang, sang hơn .mời lại chứ sao!

Khoa nghĩ ngay tới thực hiện:

– Tiệc tùng gì chả biết, mợ hãy làm ngay một mâm cơm, chẳng đói lắm rồi. Dễ hơn mười một giờ rồi đấy.

– Ồ nhỉ!

Thế là hai người đàn bà mỗi người chạy đi một ngả. Chuyên ra chợ mua thức ăn. Tính xuống bếp đun nước làm gà, và vo gạo thổi cơm.

VI

Bên nhà bà Ba cũng huyên náo, nhộn nhịp vì cái tin Bỉnh về làng. Người đầu tiên trông thấy ô tô của Bỉnh là Cúc.

Đứng cửa sổ trên gác nhìn ra chợ, Cúc thoáng nghe thấy tiếng còi điện. Một cái ô tô về làng bao giờ cũng là một sự khác thường và gợi tính tò mò của mọi người. Cúc bảo mẹ:

– Me ạ, có ô tô về.

Bà Ba đương ngồi nói chuyện với sư cụ chùa làng, quay lại gắt:

– Cô lạ ô tô lắm hay sao mà rối lên thế?

Nhà sư gặp được dịp tốt để nịnh một câu, cười nói:

– Bẩm cụ lớn với cô thì còn thiếu gì ô tô!

Cúc đăm đăm nhìn rồi bỗng reo:

– Ô ô anh Huyện, me ạ.

Bà Ba đứng dậy xỏ chân vào dép đi ra cửa sổ:

– Xe anh Huyện à?

Quả thực, ô tô của Bỉnh lúc đó đương rẽ vào con đường chợ. Bà Ba hãnh diện bảo sư cụ:

– Bạch cụ, tôi viết giấy bảo anh ấy về đấy mà.

– Bẩm cụ lớn viết thư truyền quan huyện về chơi?

– Bạch cụ vâng, tôi viết thư hôm kia.

– Ô thế thì mau quá nhỉ! Bẩm cụ lớn thời buổi bây giờ việc gì cũng mau chóng... Bẩm cụ lớn thế bà lớn huyện có về không ạ?

– Chắc có. Nhưng một mình anh ấy về cũng đủ.

– Dạ chừng cụ lớn truyền quan lớn huyện về việc làm đàn hầu cụ lớn ông?

– Bạch cụ vâng. Với lại còn một việc nữa. Cái việc tôi nói với cụ ấy mà.

– Dạ!

– Rồi cụ khuyên anh Huyện nói hộ tôi một câu nhé?

– Dạ, xin vâng... Còn việc lập đàn, cụ lớn đã cho đặt mã rồi?

Cúc đứng cửa sổ kêu:

– Me ơi, xe anh Huyện sắp qua nhà ta đấy, me ạ.

Bà Ba ra bao lơn cúi xuống đường gọi:

– Anh Huyện!

Nhưng chiếc ô tô lặng lướt qua, đi về phía nhà Trình và Khoa.

Bà Ba như nói một mình;

– Thế thì thôi! Chừng còn cho đánh ô tô vào sân, cẩn thận quá!

Sư cụ không bỏ một dịp nào có thể nịnh được.

Cụ đương mong ngóng cái đàn chay của bà Ba vì ít ra cụ cũng kiếm được... cho chùa một món lời ngoài trăm bạc!

– Bẩm cụ lớn, chắc quan lớn huyện còn sắp quà cáp rồi cho người nhà bưng sang biếu cụ lớn.

Bà Ba giọng thân mật và để nói tuế tóa:

– Ồ giời! Sư cụ lạ gì tính các anh ấy nữa, có cho các anh ấy cái gì thì cho, chứ đừng hòng các anh ấy biếu chác!

Sư cụ lặng thinh, lúng túng, chưa biết nói sao để được lòng bà Ba

thì bà ta đã xoay ngay câu chuyện về ngả khác:

– Bạch cụ, cụ cho sửa soạn để đón cụ hội trưởng chưa?

Nhà sư thừa hiểu là cụ hội trưởng hội Phật giáo, nhưng cũng hỏi lại cho được trọng thể:

– Bẩm cụ lớn, việc đón cụ lớn hội trưởng hội Phật giáo về diễn thuyết ở chùa ta?

– Vâng.

– Bẩm cụ lớn, đã sắp sẵn xong đâu đấy cả rồi. Bẩm, giá cụ lớn hội trưởng chịu đi võng trần từ chỗ đường cái vào làng thì đẹp quá! Nhưng cụ lớn hội trưởng lại muốn đi xe tô vin thẳng vào tận cổng chùa.

– Tôi đã bảo chánh hội và lý trưởng sửa chữa con đường đất rồi.

Sư cụ cũng biết rằng ông Huyện đã thừa lệnh tỉnh, sức cho lý trưởng phải bắt tuần tráng đắp rộng thêm cho đường vào chùa để đón quan khách về dự lễ khánh thành chi hội Phật giáo làng Giáp. Nhưng cụ vờ mở to cặp mắt để tỏ sự kinh ngạc kính cẩn, và nói:

– Dạ, thế thì phúc đức quá! Công đức cụ lớn thực cũng to bằng công đức tô tượng đúc chuông. Sửa đường rộng rãi, quang đãng thì thiện nam tín nữ các nơi mới kéo nhau đến nghe thuyết pháp dòng được, rồi vì thế mà rạng rũa con người, mà cải tà qui chính. Phúc đức quá!

Bà Ba mỉm cười:

– Bạch cụ, tôi lại nghĩ ra một mưu này để kiếm thêm hội viên cho chi hội ta. Điều ấy tôi đã bàn với cụ Thiện và cụ Trường, là chỉ cho những người có chân hội vào nghe giảng thuyết thôi. Còn ghế ngồi thì dành riêng cho từ chủ trì hội viên trở lên.

Nhà sư cười nịnh:

– Dạ, cụ lớn xếp đặt thực chu đáo quá!

– Cụ tính, đã mất công từ xa đến, ai không bỏ ra ba hào vào thường hội viên để được nghe giảng kinh. Còn ai chứ con mẹ Hàn Liêu thì sống chết nó cũng cúng năm chục bạc để được một chân tán trợ hội viên mà lên ngồi chễm chệ hàng đầu.

Sư cụ vẫn cười:

– Dạ, có thế!

– Phải không cụ, tội gì lại không làm tiền cho hội?

– Dạ.

– Mình có làm tiền cho mình đâu!

– Dạ.

– Mình còn có thể quyên tiền nữa. Chà! Làng ta chán người giàu ra đấy.

– Dạ, giàu của lại giàu cả lòng từ thiện. Bẩm thực quý hóa quá!

– Cụ tính làm việc từ thiện như thế được phúc cho mình, cho con cái mình thì ai chả muốn.

– A di đà phật! Phúc đức quá! Vậy nhất định mồng bốn này cụ lớn hội trưởng về?

– Bạch cụ, vâng.

– Bẩm cụ lớn hội trưởng nhất định đi xe tô vin vào tận cổng chùa?

– Vâng.

– Giá cụ lớn hội trưởng dùng võng trần thì vẫn có thể thống hơn. Đi võng trần che bốn lọng trông đẹp biết bao!

Bà Ba ngẫm nghĩ rồi nói:

– Được, để tôi bàn với cụ Trường. Có thế nào sẽ viết thư trình lại cụ hội trưởng cũng kịp. Còn thứ tự lúc rước về chùa thì tôi định thế này: cụ hội trưởng đi đầu rồi đến cụ Trường, cụ, cụ Thiện, mỗi cụ một lọng, riêng một xe cao su.

– Bẩm cụ lớn thế thì long trọng lắm.

– À, bạch cụ, cụ hay cụ Trường thuyết pháp?

– Bẩm, để cụ Trường vì cụ tốt giọng.

– Tôi đã đổi hai chục bạc trinh. Tôi định hễ thuyết pháp xong là tôi phát chẩn.

– A di đà phật! Phúc đức quá! Cụ lớn bố thí cho kẻ khó?

– Vâng.

– Bẩm cụ lớn chăm làm việc thiện lắm. Trong báo Đuốc Tuệ kỳ này thấy có đăng cụ lớn cúng vào hội Trung ương năm mươi nhăm đồng.

– Thế à? Thế mà tôi không biết đấy.

Kỳ thực, bà Ba đã nhận được số báo Đuốc Tuệ ngoài bìa có đánh dấu và ghi bằng nét chì xanh số trang đăng dòng tên bà với số tiền cúng năm mươi nhăm đồng cũng gạch chì xanh. Bà chưa kịp đem báo

khoe với cụ Giáp, cụ Trường, cụ Thiện thì nay chính cụ Giáp lại nhắc đến, khiến bà sung sướng và cảm động.

– Bẩm cụ lớn, chúng tôi thấy cụ Trường nói chuyện. Cụ Trường đọc quốc ngữ thông lắm rồi ạ. Cụ học thế cũng phải. Chẳng nhẽ cụ hội trưởng một chi hội Phật giáo mà lại không đọc nổi sách quốc ngữ.

Nhà sư cười có vẻ hóm hỉnh, hỏi lại:

– Bẩm cụ lớn nghĩ có phải không ạ?

– Vâng, với lại quốc ngữ học cũng dễ. Bạch cụ, tôi cúng năm mươi nhăm đồng là vì... tại sao lại cứ phải cúng đúng năm mươi đồng như mọi người khác?

– Dạ.

Giữa lúc ấy Cúc ở ngoài bao lơn đi vào, nói:

– Mẹ ạ, chị phó Tạc chị ấy đến đấy.

– Đâu?

– Bẩm, con thấy chị ấy đội một mâm nhãn.

Bà Ba như quên có nhà sư ngồi bên, cất tiếng quát lớn, chừng để ra oai:

– Con phó Tạc đấy phải không? Bà truyền đời cho mày biết, chuyến này mà không giả nợ bà thì bà cấm nhà, thì bà cấm ruộng.

Một người đàn bà xống áo, khăn cùng một màu nâu bẩn bạc thếch mà người ta không đoán được rằng đã đeo vào cái thân thể gầy gò già cỗi từ bao giờ. Cái dúm giẻ ấy cúi đặt mâm nhãn xuống sàn gác rồi ngồi phệt theo xuống mà vừa lạy vừa nói:

– Con cắn rơm cắn rác con xin cụ lớn, cụ lớn sinh phúc cho con, quả thực tình cảnh vợ chồng con chưa sao lo kịp...

Bà Ba thét:

– Chị xéo ngay, tôi không sinh phúc sinh đức gì cả. Tôi thương chị nhiều lắm rồi. Chị xem có bao giờ tôi cho vay chục bốn, chục năm như thế đâu! Ít nhất là chục sáu. Tôi thấy vợ chồng chị đông con cái, tôi thương.

Chị phó xoắn ngay lấy câu ấy:

– Vâng, bẩm cụ lớn cụ lớn thương chúng con lắm, thương chúng con nhiều lắm. Nhưng lần này cụ lớn đã thương thì cụ lớn thương cho trót. Chúng con mới bỏ mất đứa cháu, tốn bao nhiêu tiền

thuốc tiền thang mà nó chết vẫn hoàn chết.

– Ôi chào! Chị kể lể lôi thôi lắm.

– Lạy cụ lớn, cụ lớn thương chúng con một chuyến nữa, một chuyến này nữa thôi.

Bà Ba cười:

– Tôi thương chị để tôi chết đói nhé! Tôi chết đói thì có ai thương tôi không? Thôi đi! Đi ngay!

Chị phó Tạc vẫn cố kêu van:

– Lạy cụ lớn...

Nhưng bà Ba quả quyết không cho nói:

– Tôi không nghe nữa mà. Đi đi!

Rồi gọi:

– San, Tửu! Lôi chị ấy ra, giả nhãn chị ấy! Tao đương bận đây.

Tức thì người đàn bà bị đứa đầy tớ gái lực lưỡng ẩy xuống thang gác. Tiếng quả nhãn rụng rơi lác đác và lăn long lóc từng bực. Bà Ba vẫn chưa hết tức còn quát theo:

– Quân láo à! Khất lần mãi à? Được! Rồi bà cho mày biết tay.

Bà mỉm cười im lặng nghĩ thầm: "Thế nào mai nó chả đến xin viết gộp vốn lãi. Được rồi! Bằng già mẫu ruộng đấy. Chứ ngữ ấy cũng khó lòng mà giả được! Ở nhà quê không khôn khéo, không chặt chẽ thì không xong với những quân khốn nạn!".

Bà quay lại và như chợt trông thấy cụ Giáp ngồi trong ghế bành, vẻ mặt trầm ngâm suy nghĩ, mắt lơ đãng nhìn qua cửa sổ xuống cái ao bèo hình chữ nhật. Bà ngập ngừng bảo nhà sư:

– Bạch cụ, họ tệ lắm cơ ạ. Họ chỉ bòn thế thôi chứ vụ chiêm năm nay được mùa, họ đã đến nỗi gì.

– Dạ, quả có thế ạ.

– Bạch cụ, gặt được thóc nó để nó bán, chứ nó không chịu giả nợ. Nếu không có năm chục thùng thóc của tôi cho vay thì vợ chồng con cái nhà nó đã chết nhăn răng ra rồi còn đâu đến ngày nay.

– A di đà phật! Cụ lớn phúc đức lắm, cụ lớn đã cứu sống bao nhiêu người. Nhưng việc gì cũng phải có giới hạn chứ!

Đó chỉ là một câu nịnh hót không ngụ một ý nghĩa mỉa mai, nhưng bà Ba tự nhiên thấy ngượng, cất tiếng gọi để đánh trống lảng:

– Cô Cúc ơi!

Cúc chạy vào, tay cầm chiếc nhẫn vàng chạm.

– Sao nước lâu thế, con?

Nhà sư đứng dậy, kính cẩn nói:

– Bẩm cụ lớn xá cho.

– Ấy, mời cụ ngồi chơi uống chén chè mạn sen đã.

Cụ Giáp lại hắng dặng ngồi xuống. Cúc, giọng nũng nịu, nói với mẹ:

– Cái nhẫn này cổ lắm mà thô lắm me ạ, me đánh lại cho con.

Bà Ba đăm đăm nhìn con, ngẫm nghĩ. Rồi như chợt nhớ ra, bà bảo nhà sư:

– Hôm đúc tượng đức thánh Mẫu cụ nhắc tôi để tôi cúng chiếc nhẫn này vào lò đồng.

Cúc vội kêu:

– Con chịu thôi!

Bà Ba gắt:

– Con bé mới dại chứ! Chả phúc nào bằng đâu, con ạ. Con cứ cúng vào rồi mẹ đánh cho con chiếc khác.

Sư cụ xuýt xoa khen:

– Dạ phúc đức quá!

– À, cụ định hôm nào khánh thành đền Mẫu?

– Bẩm cụ lớn tôi muốn để đến tháng tám mát giời. Nhưng cũng còn tùy cụ lớn.

– Cụ để đến tháng tám cũng phải.

Cái đền Mẫu ấy cụ Giáp dựng lên bằng những món tiền quyên của thiện nam tín nữ, trong số đó có hai trăm bạc của bà Ba. Năm trước cụ vừa ngỏ ý lập đền, các bà "từ thiện" quen thuộc đã tranh nhau cúng tiền, cúng gỗ, cúng gạch. Ở trong làng và khắp mấy tổng lân cận, ai ai cũng mến phục cụ Giáp. Họ mến phục cụ không phải vì cụ thông thạo kinh kệ, biết rộng về đạo Phật – xuất thân đi ở chăn trâu cho nhà chùa, cụ còn biết rộng sao được! – nhưng vì cụ cao tay và giỏi các phép ngoại. Những bùa của cụ đã nổi tiếng khắp vùng là linh thiêng. Ai có người nhà bất hạnh chết vào giờ trùng, ngày trùng, chỉ việc đến xin cụ một đạo bùa về yểm là gia đình sẽ chắc chắn được yên lành. Ai có cái mụn nhọt, cái ổ gà đau đớn ở môi đến

nhờ cụ khoán cho sẽ khỏi tức khắc. Rồi nhiều ít muốn cúng bao nhiêu tùy tâm, cụ không nài. Nhưng thường thường người ta cúng rất hậu, để trả ơn cụ một cách xứng đáng cũng có, nhưng nhất là để tránh sự báo thù ghê gớm của cụ.

Thực ra, sư cụ chưa "phản" ai bao giờ, nhưng người ta vẫn sợ bóng sợ vía cụ và tuyên truyền những bí thuật của cụ, khiến người nghe phải rùng rợn, dựng ngược tóc gáy. Còn điều gì người ta dám ngờ khi người ta đã khiếp sợ! Bởi vậy, cụ vừa kể những điều mà đức thánh Mẫu về báo cho cụ biết trong giấc mộng, mọi người xuýt xoa tin ngay. Và bởi vậy, ngôi đền Mẫu sặc sỡ đủ các mầu, lấp lánh những mảnh sứ, chói lọi những cột son, những cửa võng vàng, chỉ trong vòng có gần một năm đã hoàn thành.

– Bẩm cụ lớn hôm khánh thành chúng tôi định mở cờ người cho vui.

– Tùy cụ. Rước cụ xơi nước.

– Không dám, xin rước cụ lớn.

Uống cạn chén chè mạn, nhà sư đứng dậy cáo từ. Bà Ba tiễn ra tận cổng.

Lúc trở vào, nghe có tiếng chó kêu trong bếp, bà vội đi xuống và thấy thằng San đương cầm một cành tre tươi nhỏ vụt túi bụi vào mình con cún buộc ở cột. Con chó co thẳng xích để cố tránh những roi đòn, và ăng ẳng kêu om lên như thể van lơn hay cầu cứu. Bà Ba thét mắng:

– Sao mày đánh nó, thằng kia?

San bỏ con vật quay lại:

– Bẩm cụ, nó hỗn lắm, con ngồi chặt thịt gà, nó cướp ngay mất một miếng.

– Thế thì đã sao! Mày ác lắm, tàn nhẫn lắm. Mày phải biết nó cũng biết đau như mày, cũng có linh hồn như mày, kiếp trước nó cũng làm người như mày. Mày xử với nó như thế à? Mày hành hạ nó thế à? Chẳng sợ xuống âm phủ, bị cưa đầu, cắt lưỡi, bị vứt vào vạc dầu, rồi kiếp sau lên làm chó thay nó! Người ta phải có lòng nhân từ, mày hiểu chưa, nhân từ đối với người, đối với súc vật, đối với cả cỏ cây, vì cỏ cây cũng có linh hồn, kinh Phật dạy thế.

Bà Ba đến tháo xích cho con vật, rồi vuốt ve nó, nói nựng:

– Thôi con, con đừng chấp nó. Nó ngu lắm, nó không hiểu nghĩa

lý gì hết. Con cứ chịu nhẫn nhục rồi kiếp sau con sẽ lên làm người con ạ.

Làm xong một việc từ thiện đối với con vật khốn nạn, bà Ba thong thả, buồn rầu lên gác, lòng rạo rực nỗi đau thương.

VII

Ở nhà người dì ghẻ ra, Bỉnh lững thững bước một trên con đường làng lát gạch chân không muốn về vội. Vì chàng biết rằng vợ chồng Trình và vợ chồng Khoa đương chờ tin tức cuộc hội kiến của chàng với bà Ba. Mà chàng chưa quả quyết nên trả lời họ ra sao. Nói chung tất cả sự thực hay đợi thong thả để họ tự hiểu tình thế đã. Chàng nghĩ thầm: "Nói đột ngột thì chắc thế nào hai người cũng từ chối, mà từ chối thì cũng hơi vô lý".

Bỉnh cười lẩm bẩm: "Vô lý! Vô lý quá! Cô ta đâm ra tử tế chăng?".

Chàng nhớ lại diện mạo người đàn bà mà chàng thấy hiền lành hơn trước nhiều, có vẻ phúc hậu nữa: "Hay vì cô ta mộ đạo Phật, vì đức Như Lai đã mở mắt, khoan tai cho cô ta!". Lần thứ hai chàng cười lên tiếng: chàng không thể tin rằng người đàn bà ấy lại mộ đạo đến nỗi cải ác vi thiện được!

Chàng trang nghiêm nghĩ tiếp: "Nhưng có gì là vi thiện đâu? Mình cứ đứng về phương diện tiền là nghĩa lý quái gì! Biết đâu cô ta không vì sợ hãi... Phải, sống cái đời sống trơ trọi chưa đáng ghê sợ, chưa đáng rùng rợn, nhưng trơ trọi sau khi chết, chẳng ai cúng giỗ... Đích rồi, đích thế rồi, chứ có gì là cải ác, có gì là vi thiện? Chẳng qua chỉ là ích kỷ. Lúc sống vơ vét để làm giàu, rồi khi trở về già sửa soạn cho cái chết được long trọng, cho linh hồn sau này sẽ được có người cúng lễ. Sống ích kỷ, chết ích kỷ! Cái linh hồn ích kỷ ấy còn siêu thăng tịnh độ sao được mà tu với hú!...".

– Thưa anh đi đâu đấy ạ?

Bỉnh quay nhìn: chàng đã đi qua con đường hẻm rẽ về nhà. Đứng dưới cái vòm cổng, lố nhố bốn, năm người đàn bà, trong số đó có Tính và Chuyên. Nhận ra được hai em dâu, Bỉnh mỉm cười đáp:

– Không, tôi về nhà đây thôi.

Chuyên cười:

– Sao anh lại định đi thẳng?

Tính nói tiếp:

– Ý chừng bác Huyện lâu nay không về, quên mất cả đường rồi.

Người đàn bà đứng bên, mà Bỉnh chưa nhận ra ai, cười khanh khách nói đùa:

– Chà! Ngài đương quên, ngài định mò ra xóm Đông đấy thôi.

Bỉnh đã rẽ vào tới cổng.

– À, bác phó, bác bảo tôi mò ra xóm Đông làm gì?

– Làm gì thì quan lớn biết chứ, cần gì phải hỏi tôi?

Cả bọn cùng cười. Bỉnh ngơ ngác:

– Nhưng tôi không hiểu.

Tính nói:

– Bác phó nói với ý bác ra xóm Đông xem mặt vợ lẽ, xem mặt cái... à... à... chị Suốt ấy mà.

– Bác chỉ nói bậy! Tôi đã thề không lấy vợ lẽ.

– Ô chào! Quan lớn thề cây khoai giữa đồng!

– Thực mà! Tôi thề với hai chú cháu, cả hai chú cháu cũng thề. Không tin rồi bác hỏi hai chú cháu mà xem.

Bà phó Quang mặt tâng hẩng, trơ trẽn.

Suốt là cháu bà, bà vẫn ước ao được vào "hầu hạ quan huyện", nên nghe người ta huyên truyền cái tin Bỉnh muốn lấy vợ lẽ người làng, bà như mở cờ trong bụng. Suốt là người có nhan sắc lại vừa đến tuổi cập kê, ở trong làng còn ai không biết. Cả ông huyện Bỉnh cũng không lạ. Vì một lần bà có nghe chồng bà nói với bà rằng "quan huyện" khen mãi con bé đẹp quá. Vì thế, nay bà mới gợi chuyện để dò ý tứ Bỉnh.

Chuyên mỉm cười:

– Các ông thề độc thế?

Bỉnh, giọng bí mật:

– Để báo thù Troisième.

Ai nấy ngơ ngác không hiểu. Nhưng tiếng "troisième" nhắc Chuyên nhớ tới cuộc hội kiến của anh chồng. Nàng rủ Tính ra

cổng chờ Bỉnh về để hỏi thăm tin tức, rồi liên miên chuyện nọ chuyện kia nàng đã quên bẵng đi.

– Thế nào, anh?

– Còn thế nào nữa. Cám ơn bác phó có lòng tốt, nhưng quả không sao được.

– Không, em hỏi anh việc anh sang bên ấy kia chứ.

– À!... Để tý nữa về nhà nói chuyện.

Bà phó Quang và hai người đàn bà lạ biết anh em Bỉnh có việc kín không muốn để lộ cho ai hay, liền chắp tay chào từ biệt.

Bỉnh và hai em dâu yên lặng đi vào trong nhà.

Trình và Khoa đứng ở sân chừng cũng đương mong ngóng anh về. Thấy mặt Bỉnh có vẻ nghiêm trang, Khoa lo lắng đưa mắt nhìn Trình, rồi quay ra hỏi:

– Việc gì đấy anh?

Bỉnh chậm rãi đáp:

– Việc... hơi quan... hệ.

Thấy Trình đổi sắc mặt và nhận rõ cái giọng quá trịnh trọng của mình, Bỉnh phá lên cười nói chữa:

– Nghĩa là chẳng quan hệ gì cả.

Khoa hỏi, hơi có giọng gắt:

– Nhưng là việc gì, kia chứ?

Trình tiếp luôn:

– Việc nhân duyên của Cúc, phải không anh?

Bỉnh vẫn im lặng, mỉm cười suy nghĩ: chàng chưa biết nên bắt đầu câu chuyện ra sao. Tính băn khoăn nhìn chàng rồi đáp câu hỏi của chồng:

– Nhân duyên nhân quả gì! Mới mấy tuổi ranh!

Chuyên bĩu môi:

– Mấy tuổi ranh! Mười sáu tuổi, còn gì! Hai cái vú thây lẩy ra!

Khoa nóng ruột hỏi dồn:

– Vậy có phải việc gả chồng cho Cúc không? Hay việc làm chay cho thầy?

Bỉnh nhìn một vòng quanh bốn người, rồi đáp:

– Việc thừa tự.

– Thừa tự?

– Thừa tự?

Hai tiếng thừa tự từ miệng nọ truyền sang miệng kia bằng một giọng bí mật, khiếp sợ.

– Thừa tự gì thế anh?

Bỉnh đi vào trong nhà, ngồi xuống chiếc ghế bành bằng cói. Bốn người đứng quây quần chung quanh để chờ câu giải nghĩa.

– Kiện thừa tự hay sao, anh?

Bỉnh cười:

– Không, kiện cáo gì đâu! Cô ta muốn tìm người thừa tự.

Yên lặng vụt trở nên nặng nề, lạnh lẽo. Ai nấy như chợt lưu ý tới cái gia tài kếch sù của người đàn bà. Khoa lấy thuốc lá đánh diêm hút cố làm ra vẻ lãnh đạm. Trình thật thà và thẳng thắn hơn: ngồi ngây người suy nghĩ. Còn Chuyên và Tính thì đăm đăm nhìn nhau, miệng hơi hé, mắt kinh ngạc mở rộng.

Khoa hắng dặng đưa gói thuốc mời Bỉnh:

– Anh xơi thuốc.

Rồi chàng cười nói tiếp:

– Ở nhà quê chỉ có toàn một hạng thuốc lá sáu xu. Anh xơi tạm.

– Tôi có thuốc lá Ăng lê đây.

Bỉnh móc túi lấy ra gói Camel:

– Hai chú xơi. Tôi thì tôi thích hút thuốc lào hơn.

Khoa đỡ gói thuốc rút một điếu, rồi tiếp lửa ở điếu thuốc dở sang mà hút. Đoạn, chàng ném mạnh ra sân điếu thuốc lá rẻ tiền và cười nói:

– Có mới nới cũ!

Cũng như Trình và Chuyên, Tính vẫn lặng lẽ theo đuổi ý nghĩ của mình... Nàng thẫn thờ hỏi:

– Thế cô ta đã chọn ai chưa?

Chuyên bĩu môi:

– Còn ai nữa? Lại họ hàng nhà cô ta chứ ai vào đấy!

Trình bàn góp:

– Con lão cả Lai chẳng hạn.

Tính làm ra mặt thạo:

– Không, cô ta có ưa gì thằng cha ấy đâu. Có lẽ lại con chị cô ta, con lão phán Tị.

Chuyên cười sung sướng:

– Bố con thằng cha ấy mà phá thì phải biết!

Cái gia tài của cô ta khéo lắm được dăm năm.

Bỉnh giọng thản nhiên:

– Các chú, các thím đoán sai hết. Đố biết cô ta định chọn ai?

Ai nấy lại âm thầm suy nghĩ để cố tìm một người xứng đáng. Bỗng Khoa múa tay reo:

– Ha ha! Tôi tìm ra rồi.

– Ai! Ai? Ai?

Mọi người nhao nhao hỏi.

– Tôi.

Trình và hai người đàn bà cùng thét lên cười.

– Gần đúng!

Câu tuyên bố của Bỉnh làm cho ồn ào im bặt.

– Gần đúng!

– Sao lại gần đúng?

Đi trước câu trả lời của Bỉnh, Khoa đáp:

– Chọn dễ nhỉ! Đã biết đâu tôi bằng lòng mà chọn?

Tính cười, gật gù nói:

– Phải, chẳng nhẽ băm nhăm tuổi đầu rồi còn đi làm con làm cái người ta!

Chuyên lườm nguýt chị dâu:

– Chị ăn nói hay nhỉ!... Đùa cũng phải tùy từng câu chứ!

Bỉnh vội can:

– Thôi, tôi xin hai thím. Ta nên bình tĩnh mà bàn việc này. Cô ta viết thư mời tôi về cốt để hỏi ý kiến tôi về chuyện này. Cô ta định chọn một trong hai chú để... để...

Khoa cười nói tiếp:

– Thì cứ nói thẳng: để ăn thừa tự cô ta, để sau này cúng giỗ thờ phụng cô ta.

Chuyên được dịp trả thù chị dâu, liền hỏi Trình:

– Thế nào, anh bằng lòng làm con cái cô ta chứ? Băm bảy làm con một người bốn nhăm, bốn sáu cũng chẳng quá đáng.

Bỉnh cười:

– Thôi, tôi xin hai thím!

Chàng ngẫm nghĩ một lát, rồi nói tiếp:

– Thiết tưởng cái gia tài hàng vạn của cô ta chẳng qua cũng là tiền cô ta xoáy của thầy. Vậy thì dẫu các chú có hưởng cũng chẳng ai dám dị nghị, cũng chẳng thẹn gì với lương tâm... Chẳng qua... Chẳng qua của thiên lại trả địa.

Bỉnh cất tiếng cười vui vẻ, vì vừa tìm được một câu tục ngữ có ý nhị và dùng đúng chỗ.

– Cô ta đã nhất định chọn một chú trong hai chú rồi. Cô ta chỉ hỏi ý kiến tôi xem nên chọn chú nào mà thôi. Vậy hai chú nghĩ sao?

Không thấy hai em trả lời, Bỉnh lại nói:

– Hình như cô ta khá hơn trước nhiều. Có lẽ đạo Phật sẽ hoán cải được cô ta chăng? Cô ta bảo tôi: "Lấy chồng phải gánh giang san nhà chồng. Tôi chẳng bù chì cho các anh ấy thì còn bù chì cho ai? Lọt sàng xuống nia, phải không anh?..."

Khoa giọng chua chát:

– Nhưng cái sàng ấy lỗ nhỏ quá, khó lòng mà lọt xuống nia được. Vả câu ấy dùng vào trường hợp này chẳng có nghĩa lý gì hết.

Chuyên cau mày bảo chồng:

– Thì mình hãy để cho anh nói hết đã nào.

– Câu chuyện chỉ có thế. Cô ta muốn... xin một người trong hai chú để... ăn thừa tự cô ta... Cô ta hỏi ý kiến tôi, nhưng tôi nói để hỏi hai chú hộ. Hình như cô ta cũng sợ hai chú từ chối nên dặn tôi hãy dò la ý tứ hai chú đã... Tôi xem ra cô ta thành thực lắm. Có lúc cô ta cảm động quá, vừa nói vừa rơm rớm nước mắt...

Khoa cười gằn, ngắt lời:

– Chà! Nước mắt cá sấu.

Chuyên cự chồng:

– Cậu lạ quá! Không để anh nói, cứ đâm ba chẻ củ. Cậu coi anh Hai, anh có nói gì đâu?

Khoa mỉa mai:

– Dễ mợ bằng lòng rồi đấy chắc?

– Ô hay! Cậu ăn nói hay nhỉ! Cậu bảo bằng lòng cái gì mới được chứ. Chẳng qua việc là việc anh em nhà cậu, nào có can dự gì đến tôi mà bảo tôi bằng lòng với không bằng lòng!

Lần đầu Trình bàn chen vào, hình như chàng đã suy xét, cân nhắc kỹ càng những lẽ phải trái, hơn thiệt rồi mới nói: – Chúng ta không nên cãi lý nhau, vô ích. Phải bình tĩnh mà tìm trông rõ sự thực. Sự thực thì hiện giờ ra sao? Đó, câu hỏi chính. Hiện giờ thì cô ta có người con gái. Yêu ai cũng chẳng bằng yêu con. Vậy của cải, tài sản của cô ta, tất nhiên người con gái ấy đáng được hưởng nhất, và sẽ được hưởng hết. Cái lý phải như thế. Nhưng sao cô ta lại muốn có một người thừa tự?

Đây có hai lý do.

Bỉnh phì cười:

– Chú Hai lý luận như một ông giáo già.

Chuyên cũng cười theo:

– Nhưng anh Hai lý luận đúng phép lắm. Vậy hai lý do ấy là những lý do gì, thưa anh?

– Có hai lý do: một là cô ta muốn có một người cúng giỗ cô ta sau này. Muốn được thế, phỏng có khó khăn gì. Chỉ việc tách ra một số ruộng nhiều lắm là ba chục mẫu để dùng vào việc hương hỏa cho cô ta, nghĩa là độ vào một phần mười cái tài sản mà cô ta sẽ cho con rể và con gái.

Chuyên vẫn cười:

– Còn cái lý do thứ hai?

– Cái lý do thứ hai là cô ta muốn che mắt thiên hạ, muốn lấy tiếng với họ với làng... rằng mình tốt như thế đó. Và cô ta lại muốn lấy lòng anh em mình nữa.

Một dịp vỗ tay của mọi người, xen vào trong tiếng cười reo ầm ỹ. Lũ trẻ, con Trình và Khoa đương chơi ở bên láng giềng tưởng có chuyện gì hay, chạy ùa cả về đến đứng trố mắt nhìn. Chuyên quát:

– Đạc! Nam, Phiên đi chơi! Đi chơi, cả Liên nữa.

Tính nhăn nhó bảo mấy đứa:

– Đi chơi đi! Người lớn nói chuyện, trẻ con không được đứng nghe như thế!

Bốn đứa trẻ lại cùng nhau chạy ra cổng.

Một phút im lặng khó chịu.

Tính hỏi cho có chuyện:

– Bao giờ bác đi?

– Lát nữa, thím ạ. Đi đêm càng mát. Vậy tôi cứ trả lời cô ta rằng... hai chú không nhận...

Tính vội đáp:

– Chà! Tội gì bác phải giả nhời! Cứ để mặc kệ.

Chuyên biểu đồng tình:

– Phải đấy, cứ để mặc kệ cô ta hy vọng.

Im lặng mỗi lúc một thêm nặng nề. Cái sân gạch đã rợp hẳn. Ánh nắng còn phảng phất trên ngọn cây trúc đào, lấp lánh trong mấy buồng cau vàng mới nở. Khoa đăm đăm nhìn đám mây đen viền vàng từ từ đùn lên sau nóc nhà tranh hàng xóm, và lẩm bẩm như nói một mình:

– Không khéo có cơn giông!

VIII

Một buổi sáng oi nồng. Không một làn gió thoảng. Sau giải tường hoa ngăn khoảng vườn với cái sân gạch rộng, hàng ngọn cau đứng im tăm tắp; những tàu lá héo khô gẫy đảo ngược xuống và những bẹ mo cháy xạm còn dính vào thân cây như âm thầm chứa ở trong hết cả cái nóng của chuỗi ngày hè. Một chút cảm giác mát phảng phất trong bóng xanh giàn thiên lý, trong hương thơm hoa thiên lý và trong tiếng hót của con chim chích chòe luôn luôn bay chuyền quanh mấy nóc nhà ngói.

Ngoài sân, trên chiếc chõng tre, Trình vừa thức giấc. Những đêm nồng nực chàng thường nằm ngủ giữa trời như thế. Chàng vươn vai và ngáp liền hai cái, rồi ngồi thẫn thờ suy nghĩ.

Hôm qua, sau khi tiễn Bỉnh ra tận đường cái, Khoa và chàng lúc trở về đều cố tránh, không đả động tới câu chuyện thừa tự. Nhưng chàng đoán tâm trí Khoa cũng băn khoăn, bối rối như tâm trí chàng. Không phải vì chàng có hám cái tài sản phi nghĩa kia. Mà Khoa, tuy vẫn tỏ ý ao ước, khao khát một đời đầy đủ phong lưu hơn cái đời hiện tại, Trình cho vị tất đã dám có can đảm nhận lời làm kẻ ăn thừa tự người đàn bà đáng ghét ấy.

Nhưng băn khoăn, bối rối, thì hai người vẫn băn khoăn bối rối. Chỉ nhìn mặt Khoa, và tự vấn tâm mình, chàng cũng nhận thấy rõ rệt.

Là vì xưa nay, trong mấy anh em không hề ai từng nghĩ đến việc thừa tự ấy, không ai tưởng rằng lại có thể xảy ra một sự lạ lùng như thế. Tiếp được thư của người dì ghẻ, họ bàn đủ mọi lẽ, họ đoán đủ mọi điều, nhưng cái ý tưởng "thừa tự" không một phút nào lọt vào trí não họ.

Trình đứng dậy, cười mũi, lẩm bẩm nói:

"Hừ! Thừa tự! Vô lý đến thế là cùng!"

Nhìn vào hiên, chàng thấy vợ, tóc bỏ xõa, ngồi trên ghế ngựa bên giàn thiên lý, vẻ mặt mơ màng và lãnh đạm. Chàng hỏi vớ vẩn:

– Mợ đã dậy?

Tính cũng vớ vẩn hỏi lại:

– Cậu ngủ cả đêm ở ngoài sân?

Trình ngước nhìn lên cửa sổ nhà gác, bảo vợ:

– Hôm nay Khoa dậy trưa nhỉ?

– Trưa gì mà trưa! Dễ chưa đến sáu giờ.

Tính thở dài nói tiếp:

– Có cái đồng hồ lại chết. Ở nhà quê mà đồng hồ chết thì mù tịt chẳng biết giờ nào vào giờ nào nữa.

Trình mỉm cười:

– Ở tỉnh mà đồng hồ chết cũng vậy, chứ khác gì ở nhà quê?

– Ở tỉnh còn có thể nghe đồng hồ nhà thờ, hay sang hiệu khách bên cạnh xem giờ.

– Thì ở nhà quê chờ tý nữa chú Khoa dậy mình hỏi giờ mà lấy lại đồng hồ cũng được chứ sao.

Trình đến ngồi bên vợ. Hai người cùng im lặng nhìn ra sân, như cùng có một câu chuyện muốn nói nhưng còn do dự, rụt rè. Trình nhăn mặt phàn nàn:

– Hôm nay chắc nóng lắm. Mới sáng dậy mà đã oi quá! Giá ông ấy mưa xuống cho một trận thì khá.

Tính bĩu môi:

– Các ông chỉ biết nghĩ đến cái sướng thân của các ông! Mưa, mưa mãi cho mà chết ấy à. Mấy mẫu ruộng ở đằng ngoài lại sắp sửa úng thủy rồi đấy, cứ mong mưa già vào!

Trình cãi liều:

– Úng nước thì rồi tháo đi! Hãy mưa mát đã!

Chàng đọc luôn câu tục ngữ chẳng ăn nhập gì vào câu chuyện; "Mưa lúc nào, mát mặt lúc ấy".

Tính cười:

– Các ông còn biết cái gì! Úng thủy suốt cả cánh đồng thì còn tháo vào đâu?

Nhớ tới công việc đồng áng, nàng liền đứng dậy gọi người nhà:

– Trạch!

Vú già đương cúi lom khom cầm chổi lúa quét sân đứng dậy đáp:

– Thưa mợ, chú Trạch chú ấy đi bỏ bèo hoa dâu ở thửa ruộng đồng ngoài rồi ạ.

– Thế à? Ừ, nó cũng nhớ công việc đấy!

Trình bàn phiếm một câu:

– Mấy mẫu ruộng ấy bị úng thủy luôn, giá bán quách đi mà tậu ở chỗ khác.

Tính cười:

– Cậu tưởng bán với tậu dễ dàng như thế đấy.

Với lại có muốn bán cũng chả được, vì ruộng nào của mình!

Trình ngạc nhiên:

– Không phải ruộng của mình?

– Thửa ruộng ấy đứng tên anh Huyện.

– Ừ nhỉ! Phải, phải!

Trình cảm động, nghĩ tới lòng tốt của Bỉnh đối với mình và Khoa. Và bất giác chàng lại ngước mắt nhìn lên hàng cửa chớp tầng gác, đã vàng hoe ánh mặt trời mới mọc.

– Không biết sao hôm nay nó dậy muộn thế?

Rồi chàng ra sân gọi:

– Khoa! Khoa ơi!

Tính kỳ kèo chồng:

– Cậu cứ gọi tên chú ấy ra thế, thím ấy không bằng lòng đâu.

Trình quay lại càu nhàu:

– Mợ biết đâu rằng thím ấy không bằng lòng?

– Trông mặt thím ấy thì biết chứ. Mỗi lần cậu gọi tên tục chú ấy ra, tôi vẫn thấy thím ấy sa sầm mặt xuống.

– Nhưng tôi quen miệng mất rồi.

Chừng để trêu tức vợ, Trình gọi to hơn!

– Khoa ơi, Khoa! Dậy thôi!

Một cánh cửa sổ mở, Khoa thò nửa mình ra ngoài, mắt hấp háy nhìn xuống:

– Anh đấy à? Anh dậy sớm nhỉ!

Trình cười:

– Còn sớm gì nữa! À, chú xem hộ mấy giờ, đồng hồ bên tôi chết tối hôm qua.

Khoa vào trong nhà. Một lát sau chàng xuống sân, tay vặn lên giây cái đồng hồ quả quít vừa to, vừa dầy:

– Thế mà gần sáu rưỡi rồi, anh ạ.

– Đấy, tôi đã bảo, muộn rồi mà!

– Hôm qua tôi thức khuya quá, loay hoay mãi gần sáng mới chợp mắt.

Trình nghĩ ngay đến việc thừa tự. Chàng cho em băn khoăn về chuyện ấy nên không ngủ được. Vì chính chàng, đêm hôm trước cũng loanh quanh mãi ở ngoài sân để tìm hiểu cái hành vi, cái ý định của người dì ghẻ. Chàng mỉm cười bảo em:

– Khoa quả quyết rồi đấy chứ?

– Anh bảo quả quyết cái gì?

Trình định đùa em và có ý muốn nói: "Đã quả quyết từ chối việc ăn thừa tự". Nhưng thấy em đăm đăm suy nghĩ rồi hỏi lại, chàng sinh ngượng, nói lảng liền:

– Quả quyết không lên chơi anh Huyện.

– Vừa lên về, anh bảo lại còn lên nữa hay sao? Nếu có đi thì đi ngay hôm qua với anh Huyện chứ!

– Chú sang chơi tôi uống chè tàu đi!

– Vâng.

Sang chơi, nghĩa là đi qua sân, để vào trong nhà ngang. Hai anh em chia nhau bốn nếp nhà, làm theo kiểu chữ môn. Hai nếp nhà thờ giáp nhau, năm gian hai trái, nhìn hướng nam và cái nhà ngang bảy gian có trần về phần Trình, còn cái nhà gác mặt quay hướng đông, Trình nhường cho Khoa. Trước kia Tính thường tức tối bì tị, về sự hơn kém, nhưng lâu dần nàng cũng theo gương chồng mà ở ra bề chị có đại lượng với em, không đả động đến sự so sánh nhỏ nhen nữa.

– Mợ bảo nó đun nước nhé.

– Bảo ai nữa! Tôi đun chứ còn bảo ai? Thằng Trạch đi bỏ bèo, vú già thì quét sân xong còn cho lợn ăn.

Trình cười xòa:

– Vâng, mợ giúp cho một tay!

Khoa đỡ lời:

– Anh để em đun.

Tính, giọng thân mật:

– Vâng, thế càng hay. Đây, bếp dầu hỏa đây.

Để tôi đi lấy nước.

Khoa cười:

– Tưởng gì! Đun bếp dầu hỏa thì ai đun chả được! Khó nhọc gì!

Một lát sau, ba người cùng im lặng nhìn ngọn lửa xanh bốc lên, tỏa ra trong tiếng reo đều đều. Khoa có vẻ suy nghĩ sâu xa. Bỗng chàng như nói một mình:

– Ở đời chả cần phải giàu mới sung sướng.

Trình đáp, giọng thành thực:

– Bây giờ Khoa mới nhận thấy điều ấy. Thì mọi khi tôi vẫn bảo thế, mà Khoa không tin.

– Nhưng thiếu thốn thì cũng khó chịu.

Vợ chồng Trình cùng cười. Tính nói đùa:

– Nghĩa là giàu vẫn sung sướng.

– Nhưng troisième thì sung sướng quái gì!

Người đàn bà mà ai nấy do dự ngần ngại chưa muốn nói tới – người nọ chờ cho người kia gợi chuyện ra trước – thì Khoa đã quả quyết bắt đầu đọc tên. Tính tiếp luôn:

– Phải, sung sướng quái gì!

Trình mỉm cười:

– Biết đâu người ta không sung sướng?

– Thì cũng bàn thế!

Khoa về cánh với chị dâu:

– Biết hẳn chứ!

Trình cười gượng gạo, nhạt nhẽo:

– Tô nghĩ đến việc thừa tự của cô ta mà tôi buồn!

Giữa lúc ấy mấy con chó chạy ra cổng sủa ầm ỹ. Ai nấy nhìn theo. Có tiếng: "A di đà phật!".

Cụ Giáp đã vào tới sân, tay cầm quạt che cái đầu chít khăn vuông nâu.

Tính đứng dậy, đon đả chạy ra chào:

– A di đà phật! Bạch cụ, cụ quá bộ sang chơi?

Trình và Khoa yên lặng nhìn nhau. Xưa nay hai chàng vẫn không ưa nhà sư, người tín cẩn của bà Ba. Nhưng hai chàng cũng lễ phép chào:

– A di đà phật! Xin rước cụ vào chơi.

Nhà sư không đợi ai mời, ngồi ngay xuống ghế ngựa, rồi cười nói:

– A di đà phật! Phật độ, bần tăng đến chơi chư ông, lại được uống nước chè tầu. Đến nơi thì nước vừa sôi.

Tính đứng sửa soạn khay chén pha nước. Trái ngược với hai người đàn ông. Chuyên và nàng rất kính trọng sư cụ. Và không lần nào nghe chồng họ nói xấu bất cứ kẻ tu hành nào mà họ không cự ngay. Vì thế ít lâu nay chỉ những lúc vắng mặt hai người đàn bà, Trình và Khoa mới đem nhà sư ra phê bình và nhạo báng, làm câu chuyện vui đùa có hứng thú.

– Thưa hai ông, quan huyện nhà đi đâu sớm thế ạ?

Sự thực, sư cụ cũng thừa biết "quan huyện nhà" đã đi từ chiều hôm qua.

– Thưa cụ...

Tính vội vàng đỡ lời chồng:

– Bạch cụ, anh Huyện chúng tôi lên huyện rồi.

Nhà sư khéo vờ kinh ngạc:

– Thế ư? Mãi sáng nay tôi mới được tin quan huyện nhà về chơi. Tôi lại chào quan lớn thì quan lớn đã "trẩy" rồi.

– Bạch cụ, xin đa tạ cụ. Xin rước cụ xơi nước ạ.

– Tôi không dám, xin rước ông bà, xin rước ông.

Uống cạn chén nước, nhà sư hỏi Tính:

– Thưa bà, bà Ba đi vắng?

Tính tưởng hỏi người dì ghẻ, liền đáp:

– Dễ không, bà Ba cháu vẫn ở bên nhà.

Nhà su mỉm cười:

– Không tôi hỏi bà Ba chứ cụ lớn tôi vừa sang hầu trưa hôm qua.

Khoa cau có đáp:

– Nhà tôi khó ở. Nhưng cũng sắp xuống bây giờ.

Sư cụ trầm ngâm ngồi giã trầu trong cái cối đồng to, – tuy mới gẫy có một cái răng cửa, nhà sư cũng dùng cối, có lẽ để làm tôn vẻ trang nghiêm và đạo mạo. Bỗng cụ ngửng lên cười rất hời hợt:

– À! Tôi quên mừng ông Ba...

Khoa nói chặn ngay:

– Tôi có tin mừng gì đâu mà cụ mừng?

Nhà sư chòng chọc nhìn Khoa như tìm hiểu, rồi lại cười:

– Nghe đồn... cụ bà... nghe đồn việc thừa tự, cụ bà...

Khoa ngắt lời:

– Không, họ đồn bậy thế đấy.

Tính sợ mất lòng sư cụ, nói chữa:

– Bạch cụ, người ta đồn đấy thôi ạ.

Nhà sư lại cúi xuống vừa giã trầu vừa hỏi:

– Hay tôi nghe nhầm? Ông Hai chứ không phải ông Ba?

Trình cười:

– Cũng không phải tôi ạ.

Tính tiếp:

– Bạch cụ, việc ấy chúng tôi không biết gì hết ạ.

– Thế thì, có nhẽ có thực đấy!

Nhà sư đứng dậy. Tính vội mời:

– Bạch cụ, xin rước cụ hãy thong thả xơi chén nước nữa đã.

– Tôi vô phép. A di đà phật, xin chào ông bà, xin chào ông.

– A di đà phật!

Nhà sư đi khỏi, ba người không ai dám nhìn ai. Cả ba đều khó chịu, ngượng ngập về câu chuyện thừa tự.

Sau mấy phút im lặng, Tính hỏi trống không:

– Quái! Sao sư cụ cũng biết có việc thừa tự?

Nhưng không ai trả lời.

IX

– Ô chào! Mợ lôi thôi lắm!

Để vợ nói, nói mãi, Khoa vẫn lặng thinh, không ngắt lời, thản nhiên như không lưu ý tới, rồi sau cùng, khi vợ ngừng hẳn, chàng mới hơi chau mày đáp một câu vắn tắt. Thấy vợ im, chàng được thể thở dài tiếp luôn:

– Đàn bà!

– Cậu bảo đàn bà làm sao?

Chuyên lại tức tối, kể lể tình cảnh khổ sở của mình từ ngày bước chân về nhà chồng. Nào cảnh làm dâu dưới quyền áp chế của ông bố chồng nghiêm khắc, dưới sự hành hạ của người dì ghẻ nham hiểm, tai ngược, nào cảnh đời sống buồn tẻ ở xó nhà quê mà nàng suy bì với đời tưng bừng của những người bạn ngày nay đương làm tham tá, bác sĩ, tri huyện, tri phủ. Những điều ấy, nàng không quên nhắc tới mỗi khi nàng có chuyện bất bình với chồng. Khoa cười gằn:

– Mợ không nói thì dễ thường tôi không biết! Nhưng nói để làm gì mới được chứ?

Và Khoa đắc chí cười hà hà:

– Phải, tôi hỏi mợ, để làm gì thế?

Câu trả lời hiện ngay ra trong đầu Chuyên, nhưng không thể thốt ra được: "Nói để cho hả".

Vì sự thực, một câu chuyện lúc ban chiều đã làm nàng rất bực mình. Nàng cố nén lòng chờ đến bây giờ, đêm khuya vắng vẻ, mới trút được hết nỗi bực mình ấy ra những lời oán trách cay chua.

Chiều nay, bỗng dưng bà Ba và Cúc sang chơi. Đôi bên, dì ghẻ và bọn con chồng đã thôi hẳn không đi lại thăm viếng nhau ngay từ hôm xong công việc tang ma ông Án. Bởi vậy, nhác thấy bóng mẹ con bà Ba, vợ chồng Trình và vợ chồng Khoa cùng kinh ngạc đưa mắt nhìn nhau, và cùng như thầm hỏi nhau tìm cách đối phó.

Người đầu tiên đứng dậy chạy ra đon đả chào mời là Tính. Không phải nàng muốn lấy lòng người dì ghẻ mà có lẽ nàng khinh và ghét hơn hết mọi ai. Nhưng cái di tích sợ hãi, kính nể ngày trước đối với người đàn bà ấy vẫn còn hằn nét trong lòng người nàng dâu nhu nhược, nhút nhát, khiến nay bất thần người dì ghẻ vụt hiện ra đã làm thức dậy những tính tình xưa. Vẫn biết nàng chợt nghĩ lại ngay và vội sửa vẻ mặt cho được lạnh lùng, dửng dưng, nhưng cái phút khó khăn đã qua rồi: không để ý đến, Tính đã làm lành một cách rất tự nhiên.

Bắt đầu từ đó, câu chuyện nở như gạo rang. Người dì ghẻ khéo tìm những câu hỏi mà không ai không thể không trả lời được. Vả về sau thấy bà Ba vồn vã, ân cần, thân mật, bốn người kia dần dần theo nhau đổi thái độ: cứng cỏi họ trở nên ôn tồn; lãnh đạm họ trở nên vui vẻ, thẳng thắn.

Lại thêm Cúc, chừng có lời dặn trước của mẹ, khéo tỏ ra một c… em gái dịu dàng, ngoan ngoãn, kính cẩn nữa, một điều thưa anh, hai điều thưa chị, và xưng em xưng Cúc luôn miệng. Một lần, nghe bà Ba nói tính nết mình giống hệt tính nết anh Khoa, cũng thẳng băng như ruột ngựa, Cúc cười rất có duyên đáp lại:

– Chuyện! Anh em lại chả giống tính nhau!

Sau hơn hai giờ trò chuyện, tình thế đôi bên đã có chiều bớt găng. Và nhiều lúc, Chuyên, người sáng suốt nhất trong bọn phản đối bà Ba, đã có lại cái nghĩ ngày xưa: "Đáng ghê lắm! Nó muốn đưa mình đến đâu cũng được!". Nàng rùng mình, sợ hãi vẩn vơ. Song những lời thớ lợ của người kia làm cho nàng bình tĩnh ngay. Và nàng mỉm cười thầm, tự hỏi: "Đưa mình đến đâu?". Vì suốt hai giờ, trong câu chuyện thù tiếp tịnh không có một việc gì quan trọng. Cả việc thừa tự mà ai nấy chờ nghe bà Ba gợi ra, bà ta cũng không một lần đả động tới.

Duy có lúc sắp về, bà ta kéo Tính ra một góc hiên thì thầm nói riêng mấy câu.

Chính vì mấy câu nói riêng ấy mà Chuyên ngờ vực chị dâu, và cau có tức tối từ chiều đến giờ. Nàng muốn bảo thẳng cho chồng biết những điều nói riêng ấy là những điều gì, nhưng nàng vẫn trù trừ không dám, vì dẫu sao, đó cũng vẫn chỉ là những lời phỏng đoán. Bằng cớ vào đâu mà buộc tội? Và nàng sung sướng nghĩ thầm: "Được! Thế nào rồi mình chả biết! Dễ thường giấu mãi nổi chăng? Chỉ sợ giấu đầu rồi cũng có ngày hở đuôi thôi!".

Sự thực thì bà Ba chẳng nói riêng một việc kín gì với Tính hết. Vả khi bà ta về rồi. Chuyên hỏi, Tính đã thuật cả lại với nàng, không giấu giếm chút đỉnh: Bà ta chỉ khuyên Tính không nên cho bác phó Tín và chị xã Vọng vay tiền, vay thóc, vì hai người ấy chây nợ lắm. Rồi bà ta dặn Tính nếu có đong đậu nành làm tương thì đong giúp bà ta dăm đấu. Có thế thôi. Nhưng người dì ghẻ nói nhỏ bên tai Tính ra chiều vừa thân thiết vừa bí mật.

Bây giờ Chuyên như còn trông thấy hai người đàn bà đứng sát nhau, như còn được ngắm cái nét mặt chăm chú của chị dâu và cái dáng điệu giấu giếm của dì ghẻ. Nàng thở dài một hơi cả bằng mũi lẫn miệng rồi thốt ra một câu nhiếc chồng:

– Cậu thì còn biết cái gì!

Khoa cãi lại:

– Tôi không biết cái gì, mặc tôi. Nhưng tôi hỏi mợ một lần nữa mợ kể lể lôi thôi mãi từ nãy đến giờ để làm gì thế? Có phải mợ chỉ cốt trêu tức tôi, chỉ cốt làm tôi khổ sở thì mợ bảo!

Chuyên phì cười khinh bỉ:

– Thì tôi bảo!... Thì tôi bảo đấy!

Chẳng biết trả lời lại vợ ra sao, Khoa lẩm bẩm như nói một mình:

– Sao không ngắm chị Hai mà bắt chước. Chị ấy dễ dàng biết bao, vui vẻ biết bao! Mợ có thấy chị ấy phàn nàn điều nọ điều kia bao giờ không?

Chuyên càng cáu tiết:

– Chị Hai! Đội mãi chị ấy lên! Chị Hai của cậu thì ra cái gì!

Khoa không tự trấn tĩnh nổi, và quên bẵng rằng cả nhà đương ngủ yên, chàng thét lớn;

– Im ngay! Tôi cấm mợ không được nói hỗn như thế!

Chuyên cũng chẳng vừa, thét lại:

– Cậu bênh à? Có phải cậu bênh chị ấy không?

Rồi hạ giọng nàng nói tiếp:

– Này tôi bảo, cậu đừng tưởng nhầm rằng chị Hai tốt với chúng mình! Chị ấy chẳng thật thà như cậu với tôi đâu. Đáo để lắm kia đấy!

Khoa cười mát:

– Ai mà mợ không cho là đáo để! Tôi thì tôi chả thấy chị Hai đáo để ở chỗ nào hết.

Chuyên nghiến răng rít lên:

– Ở chỗ nào! Cậu có muốn biết ở chỗ nào không?

Khoa đã trở lại bình tĩnh:

– Tôi muốn biết lắm.

– Vậy tôi hỏi cậu: Lúc cô Ba cô ấy sang, chị Hai chào mời vồ vập để làm gì thế?

Khoa thản nhiên đáp:

– Mình là chủ, người ta là khách thì cũng phải chào mời người ta chứ. Theo phép lịch sự xã giao thì dẫu kẻ thù đến nhà mình, mình cũng phải giữ đúng lễ chủ nhà. Lúc khác giết nhau hãy hay.

Chuyên cười:

– Thế thì thầm câu chuyện bí mật dễ cũng là theo xã giao đấy hẳn?

Rồi không chờ câu trả lời của chồng, Chuyên hỏi luôn:

– Cậu có biết họ thì thầm với nhau những gì không?

Khoa hơi chau mày:

– Thì mợ đã hỏi chị Hai, và chị Hai đã kể lại cho mọi người nghe...

Chuyên cướp lời:

– Kể lại! Ai cấm chị ấy kể bịa? Tôi thì tôi biết đích chuyện gì rồi.

Khoa sửng sốt hỏi:

– Chuyện gì?

Chuyên, giọng khinh bỉ:

– Chuyện thừa tự chứ còn chuyện gì vào đấy nữa?

Phút im lặng. Khoa nghĩ ngợi, suy xét. Sự đau đớn thoáng hiện ra trên mặt chàng. Ánh sáng lờ mờ chiếc đèn hoa kỳ chiếu vào ba nét dăn ở giữa đôi lông mày hơi xếch lên. Chuyên thấy chàng có vẻ vừa dữ tợn, vừa khổ sở. Liền vờ kêu nực, lảng ra hiên gác, mở cửa sổ nhìn trời.

Trăng hạ tuần rung động trong ngọn tre thưa lá. Tiếng dế như vừa bắt đầu ran lên càng làm tăng lặng lẽ của ban đêm. Miệng Chuyên muốn thốt một tiếng "Buồn!".

Khoa theo ra hiên, đứng tựa cửa sổ sát bên cạnh vợ. Một luồng gió mát vuốt ve tóc chàng và làm cho chàng bớt nóng bức. Chàng hỏi rất khẽ như sợ có người nấp đâu đó nghe trộm:

– Sao mình biết là chuyện thừa tự?

Chuyên cũng khẽ đáp lại:

– Rõ rệt thế, ai không biết!

– Nghĩa là mợ đoán.

– Nhưng đoán đúng, đoán rất đúng.

Khoa thở dài:

– Chả nên thế, mợ ạ... Chả nên ngờ oan chị Hai như thế.

Nghe giọng nói như có đượm nước mắt, Chuyên hối hận đứng im. Và nàng âm thầm nhớ lại cái thời kỳ làm dâu của mấy chị em.

Nàng tưởng thấy dần dần rõ ra và dí sát vào mặt nàng, cái mặt lạnh lùng, với đôi mắt lạnh lùng của ông Án.

Nàng nhìn lên trăng để tránh cái hình ảnh quá khứ. Giữa kẽ hai cành tre, trăng vắt vẻo như cái mũ nồi bằng vàng mắc vào đó. Ý so sánh ngộ nghĩnh ấy, một lần ở dinh ông Án, nàng nghe Bỉnh nói với Trình và Khoa, lúc ba anh em chồng và Trâm, Tính với nàng dạo chơi mát dưới bóng lá một cây bàng cỗi trước công đường. Vụt trở lại trong ký ức nàng tất cả những đêm mấy anh em chị em, nhất là Tính và nàng, ngồi bàn bạc để tìm cách chống lại người dì ghẻ. Bao giờ nàng cũng nhiều mưu trí hơn Tính, và nàng lại bướng bỉnh hơn nữa. Nhưng Tính giàu lòng hy sinh hơn nàng biết bao! Bị cha chồng mắng oan vì nàng, Tính chỉ yên lặng hay sụt sùi khóc, chứ tịnh không thốt ra nửa lời để đỗ lỗi cho nàng, hoặc để khiến cha chồng ngờ vực em dâu. Một người như thế nay có thể về cánh với người dì ghẻ được không? Nay có thể vì cái tài sản của người dì ghẻ mà coi nàng vào hạng kẻ thù được không?

Chuyên cảm động tự hỏi trong thâm tâm. Và trong thâm tâm, nàng thấy nàng nhỏ nhen quá. Nàng muốn xuống sân, sang đánh thức Tính dậy để nói chuyện, để xin lỗi, để kể lể, thú thực với Tính hết những điều ngờ vực đã làm nao núng lòng nàng.

Tiếng Khoa, nàng nghe như trong giấc mộng thời quá khứ:

– Với lại nếu quả thực cô ta muốn... muốn để anh chị ăn thừa tự cô ta và nếu quả thực anh chị bằng lòng nhận, thì mình cũng nên để mặc anh chị. Mợ nghĩ mà xem...

Chuyên bừng thức giấc mộng. Sự thực của hiện tại, sự thực gay go, kịch liệt lại hiện ra nguyên hình. Và nàng quên hết những cảm giác dịu dàng, những tính tình thân mật ngày xưa để nhớ mỗi một cái cử chỉ "khả ố" của Tính lúc ban chiều, cái cử chỉ "quân nịnh hót, luồn cúi... khốn nạn".

Nước mắt nàng ứa ra. Bây giờ thì không phải là nước mắt cảm động nữa, và nàng cáu kỉnh ngắt lời Khoa:

– Nghĩ gì! Còn nghĩ gì nữa. Tôi nghĩ đã kỹ rồi.

– Mợ nghĩ thế nào?

– Tôi nghĩ thế nào thì mặc mẹ tôi.

– Ô hay! Mợ ăn nói lạ lùng quá!

Chuyên quay ngoắt vào trong nhà:

– Phải, tôi ăn nói cục cằn, thô tục! Chỉ có con Tính thì mới dịu dàng, thớ lợ. Chả thế mà... lại được lòng...

Nàng định nói được lòng bà Ba. Nhưng nàng ngượng, vội ngừng lại, sợ Khoa cho là mình ghen tị với vợ chồng Trình. Nhưng cũng đủ cho Khoa hiểu rồi. Chàng theo vợ vào trong nhà, và cười chua chát nói:

– Người ngoài mà người ta nghe thấy câu ấy của mợ thì khỏi sao người ta không ngờ rằng nhà ta, rằng anh em nhà ta đương sắp lục đục tranh giành nhau... một cái gia tài... nào đó.

Chuyên lại thét:

– Cái gia tài nào? Cậu hãy nói cho tôi biết, cái gia tài nào?

Khoa đấu dịu:

– Nếu không phải cái gia tài nào cả thì càng hay chứ sao!

Nhưng Chuyên vẫn lồng lên:

– Không, tôi hỏi cậu, cậu định ám chỉ tôi tranh giành cái gia tài nào, và tranh giành với đứa nào?

– Khẽ mồm chứ mợ. Để cho hàng xóm láng giềng người ta ngủ chứ! Mợ phải biết rằng nếu anh Hai chị Hai mà còn thức thì chắc nghe rõ tiếng mợ mồn một.

Chuyên như con ngựa bất kham mà người cưỡi không có cách nào kìm lại được:

– Nghe thấy thì nghe thấy, tôi không cần, tôi không sợ ai hết. Tôi không quen cái thói thì thầm, lụi xụi như người ta.

Biết rằng mình càng cự, vợ càng làm già, Khoa lên giường nằm im. Thì quả thực, Chuyên cũng thôi không thét nữa. Rồi một lát sau, nàng đến ngồi bên chồng ôn tồn nói:

– Cậu tưởng tôi ghen ghét ganh tị với vợ chồng chị Hai thì cậu nhầm, thì cậu tệ quá. Tôi chỉ ghét cái tính không thành thực của chị ấy, ngoài mặt khác mà trong bụng khác, thế thôi. Cậu có nhớ không, hôm nọ được tin anh Huyện cho biết rằng cô ta muốn để cậu hay anh Hai ăn thừa tự cô ta thì cả hai người cùng chối đây đẩy. Mà

chối là phải, mặt mũi nào còn đi ăn thừa tự cái con mụ đàn bà khốn nạn ấy. Thế mà nay chị ấy...

Khoa ngắt lời:

– Nay chị ấy sao?

– Thì chị ấy sao, cậu không trông thấy ư?... Đấy, rồi cậu sẽ thấy... Nếu tôi đoán không đúng thì cậu cứ chặt ngay đầu tôi đi.

Khoa cười nói tuế tóa:

– Ấy chết, ai lại dại thế! Nhưng mợ cứ nghe tôi mợ ngủ đi, sáng mai thức giấc mợ sẽ bình tĩnh mà suy xét lại, và mợ sẽ thấy rằng mợ nhầm... Vậy mợ nghe tôi, mợ ngủ ngay đi, tôi xin mợ, mợ nghe theo tôi.

Chuyên đứng dậy lạnh lùng đáp:

– Cậu cứ ngủ trước đi. Tôi chưa buồn ngủ.

Rồi nàng ra hiên đứng tì cửa sổ, nhìn xuống sân, mơ màng ngắm nghía mấy nóc nhà ngói đen phơi dưới ánh trăng nhạt.

X

Sáng hôm sau Khoa và Chuyên dậy muộn. Mở mắt ra trông thấy chồng. Chuyên bẽn lẽn xoay mặt vào phía trong, ngủ lại. Thấy vậy Khoa mỉm cười xuống phòng khách, biết thế nào rồi vợ cũng theo xuống.

Quả thực, chỉ năm phút sau, trong lúc Khoa đương xem một bức thư, Chuyên rón rén bước lại gần, hỏi:

– Thư ai thế cậu?

Khoa đưa mảnh giấy cho vợ và đáp:

– Anh Hai mời chúng mình sang ăn gỏi, sáng hôm nay.

Chuyên bĩu môi:

– Đây với đấy mất bước mà phải viết thư...

Bỗng nàng ngửng lên đăm đăm nhìn chồng thì thầm nói tiếp:

– Hay là... hay là anh chị ấy biết...

Khoa vờ không hiểu:

– Biết cái gì?

Không thấy vợ trả lời, chàng hỏi dồn:

– Biết cái gì? Mợ bảo biết cái gì?

Chuyên đáp khẽ:

– Không.

Rồi lẩm nhẩm đọc:

"Tôi sang chơi, chú thím còn ngủ. Nhân mua được con chép tươi lắm, mời chú thím cùng chúng tôi ăn bữa gỏi. Tôi chạy ra xóm ngoài một lát, sẽ về ngay và sẽ kéo khóa Liêm đến đánh chén ngâm thơ vịnh ngày thu mới bắt đầu."

Chuyên mủm mỉm cười:

– Dễ thường anh Hai trở nên thi sĩ chắc. Vịnh thu vịnh thiếc cẩn thận!

Qua cửa sổ mở Khoa nhìn ra cái sân nắng rát, nói:

– Mùa thu mà nóng như nung như đốt!

– Nóng thế, còn uống rượu vào làm gì! Chúng mình từ chối quách.

Khoa lắc đầu:

– Không tiện, từ chối không tiện.

Chuyên giọng cau có:

– Việc gì mà không tiện. Bảo đau bụng không ăn được gỏi thì đã làm sao?

Khoa chau mày tỏ vẻ khó chịu:

– Nhưng mình lại không đau bụng.

– Tùy đấy, cậu muốn ăn cứ sang mà ăn. Tôi, thì thế nào tôi cũng xin kiếu.

Tuy vậy, một giờ sau khi thằng Nam lại mời, Khoa và Chuyên đều vui vẻ nhận lời rồi sang ngay.

Vì có khóa Liêm là khách nên đàn ông đàn bà ăn riêng. Liêm, Trình, Khoa ngồi bàn. Và trên chiếc ghế ngựa đối diện, Chuyên, Tính cùng bốn đứa con quây quần lấy cái mâm đồng có chân mà hai cái bánh đa lớn che gần kín khắp các đĩa.

Anh em ăn cơm nhà nhau như thế là sự thường. Mà khóa Liêm, người vui tính và sính làm thơ, nhất lại là bạn cờ của Trình, lần này không phải lần đầu được Trình mời đến uống rượu. Nhưng vì có câu chuyện vừa xảy ra hôm trước, Chuyên hơi chột dạ. Nàng nghĩ

thầm: "Sao bỗng dưng lại mời vợ chồng mình ăn cơm, và uống rượu nữa. Thôi chắc anh ấy muốn mượn chén để... khích bác gì đây... Ừ, nếu không thì mời khóa Liêm đến làm gì?"

Khóa Liêm, cả làng Giáp đều ghê sợ cái tài trào phúng của chàng. Hôm trước xảy ra một việc gì, tức thì hôm sau ở khắp các ngã ba, ngã tư người ta thấy có dán những bài ca, bài vè mà người ta biết chắc của khóa Liêm. Và người ta trầm trồ khen ngợi, tuy lời ca chỉ trơn tru dễ đọc, dễ hát chứ chẳng có ý tứ gì sâu xa, đặc sắc.

Thoạt tiên ai nấy vui vẻ nói chuyện. Cả mấy đứa con thỉnh thoảng cũng bàn góp một câu mà không bị mắng. Nhưng lúc lũ trẻ ăn xong đứng dậy chạy đi chơi, và hai người đàn bà, ngồi xỉa răng uống nước ăn trầu, thì ba người đàn ông đã chuếnh choáng hơi men. Đầu khóa Liêm lắc lư lảo đảo như đồng mới nhập, mắt Khoa đỏ ngầu như mắt cá rói và tay Trình vỗ đùi đen đét mỗi khi đắc chí về một câu giai thoại hay một bài thơ của Liêm mà chàng cho là hay tuyệt.

Vì Liêm đã bắt đầu đọc thơ của mình, những bài thơ cũ mà chàng làm vào dịp kia, dịp khác, nào để đùa ông tú Ty với sòng bạc của ông, nào để chửi cô ả Tạ chửa hoang, lại có bài làm ra để chế giễu vợ chồng nhà nọ đêm khuya cãi nhau đánh nhau om sòm.

Tới đây, Chuyên hơi chạnh lòng, bĩu môi nói nhiếc:

– Tưởng các ông dùng văn chương thi phú để ngâm hoa vịnh nguyệt, chứ nếu chỉ để tả những chuyện kín trong phòng ngủ vợ chồng người ta thì thực uổng cả tài.

Khoa liếc mắt nhìn vợ như có ý trách thầm.

Nhưng Trình cười rất thẳng thắn, đáp lại:

– Thím cứ nói thế, chứ đã gọi là thơ thì vịnh cái gì cũng phải hay. Vịnh con kiến cũng như vịnh con voi, vịnh ông vua cũng như vịnh thằng nhỏ, vịnh cái móng tay cũng như vịnh bộ râu bạc, nhà làm thơ đều phải thận trọng.

Thấy Trình đi hơi xa khiến chẳng ai hiểu chàng muốn nói gì, Liêm liền đỡ lời:

– Thưa bà, ông Hai nói rất đúng. Như cổ nhân làm chơi bài hịch chọi gà, thế mà sau hơn nghìn năm nay bài hịch ấy vẫn còn lưu truyền, thì đủ biết đầu đề không cứ gì khinh trọng. Thi sĩ thường mượn một ý, một chuyện nhỏ mọn để tả cái chí lớn của mình trong thiên hạ. Như

trong bài thơ vợ chồng nhà kia cãi nhau, đánh nhau, tôi chỉ cốt than phiền cho cái luân lý Á đông đã đến buổi điêu tàn...

Văn minh Đông Á giời thu sạch,
Nay lúc luân thường đảo ngược ru!

Trình kéo dài giọng khàn khàn ngâm nga, rồi hỏi Liêm:

– Không biết hai câu thơ ấy của ai nhỉ?

– Tôi cũng không rõ. Nhưng giọng thơ ấy chắc là giọng thơ Tú Xương chứ còn ai vào đấy?

Chuyên căm tức ngồi im. Tính khẽ bảo nàng:

– Để tôi ra cất chai rượu đi. Chứ nhà tôi hay nát rượu lắm kia đấy.

Chuyên cười nhạt:

– Chào! Muốn nát thì nát đấy thôi, nát chết người!

Không hiểu định ý của Chuyên, Tính cười lấy lòng. Rồi nàng ra bàn ăn ghé tai chồng thì thầm:

– Uống vừa vừa chứ! Đưa cho tôi chai rượu nào!

Trình cười vang lên, đáp:

– Ồ! Đã thấm vào đâu! Ông Lý Bạch đời Đường uống hàng chục chai kia chứ!

Liêm chữa:

– Lý Bạch uống rượu hũ, rượu vò, rượu chóe, vì thời ấy chưa có chai.

Khoa mỉm cười nhìn Liêm, nói:

– Chịu cái khoa trào phúng của thi sĩ.

Nhưng Trình lắc đầu, bĩu môi:

– Ồ! Chai với vò, với hũ thì khác nhau cái quái gì! Quý hồ đựng được rượu.

Liêm cãi:

– Khác nhau lắm chứ! Rượu đựng hũ, đựng vò ngon và thơm. Rượu ngày nay người ta đựng chai uống nồng mà gắt.

Tính cười bảo Chuyên:

– Nồng với gắt là tại rượu chứ tại gì chai, có phải không thím nhỉ?

Nhưng Khoa chữa thẹn cho ông khóa:

– Không, có thể lắm. Ánh sáng mặt giời chiếu qua thủy tinh có thể làm cho rượu nồng và gắt được lắm.

Mọi người quên hẳn những bài thơ châm biếm để bàn huyên thuyên về đức tính của rượu, so sánh rượu Tàu, rượu Tây với rượu ta. Rồi từ rượu họ nói tới những chuyện nấu rượu, bắt bớ, thù hằn, đi báo đoan, hay bỏ bã rượu vào nhà, vào ruộng nhau. Những chuyện ấy họ kể như chuyện cổ tích, trong đó có cả thần, thánh và ma. Hai người đàn bà tò mò lắng tai chú ý nghe.

Nếu không một sự gì xảy ra thì bữa rượu có lẽ cũng như mọi lần sẽ tàn trong yên lặng gay gắt của buổi trưa nồng nực: Trình và Khoa sẽ đi ngủ một giấc dài cho đến tối mới sẽ dậy ăn cơm chiều.

Nhưng một sự xảy ra đã làm hoạt động, huyên náo bàn tiệc. Tựa hồ đống củi đã hầu tắt, một gáo dầu rưới vào làm cho lửa lại ngùn ngụt bốc lên.

Ai nấy đương chăm chú nghe câu chuyện hoang đường của khóa Liêm về cái tục chỉ cúng tế bằng rượu ngang ở một làng kia, thì từ cổng đi vào bà lý Thuận, một người chị họ của Trình và Khoa. Bà ta cười the thé và nói liền liền như nước chảy:

– Chào các ông, chào hai bà ạ. Cụ đi Hà Nội rồi, cụ gửi lời chào ông Hai, bà Hai, ông Ba, bà Ba. Mãi tháng sau cụ mới lại về.

Ai cũng thừa biết rằng bà lý nói đến bà Ba.

Cả ông khóa Liêm cũng hiểu thế. Nhưng Chuyên chau mày hỏi:

– Cụ nào thế, chị lý?

– Cụ ấy mà, cụ nhà ấy mà!

– Làm gì có cụ nhà!... À bà Ba phải không?

Bà lý không đáp lại câu hỏi, mở ví lấy ở thúng ra ba bó nhãn đặt lên cạnh bàn:

– Đây là nhãn người làng bên người ta biếu cụ, cụ bảo đem sang các chú các thím xơi nước.

Chuyên mỉm cười, mỉa mai:

– Chừng nhãn khất nợ chứ gì?

Và bà lý thật thà đáp:

– Vâng, chính thế. Họ đến khất nợ. Cụ cho khất, nhưng bắt viết văn tự lại.

Tính cười ranh mãnh nhìn Chuyên:

– Nghĩa là bắt viết gộp vốn lãi.

– Vâng, chính thế. Có tôi nói mãi cho mới được đấy.

Chuyên đưa mắt liếc Tính:

– Phải, chị đã nói cho thì hẳn phải được.

Bà lý gọi cái Tẹo, con hầu của Chuyên, để bảo nhận lấy một trăm nhãn.

– Cụ biếu (bà lý mỉm cười) cụ dặn nói biếu chứ đừng nói cho, sợ các thím giận.

Chuyên và Tính nhìn nhau.

– Cụ biếu ông Hai và bà Hai hai trăm, và ông Ba bà Ba một trăm, vì bên bà Hai đông các cháu.

Bà lý cắp thúng đứng dậy chào rồi đi ra cổng.

Chuyên gọi theo:

– Chị lý! Tôi không lấy nhãn đâu. Giả đấy.

Nhưng bà lý vẫn lủi thủi đi thẳng, không quay lại.

Một lát yên lặng. Khoa khó chịu, nâng chén uống cạn rượu.

– Thế nào, ông? Tại sao lại chỉ có thể cúng rượu ngang được thôi?

– Vì nếu cúng rượu thì thế nào làng cũng động, phi có bệnh dịch tả thì có bệnh...

Ông khóa quay ra phía hai người đàn bà:

– Xin lỗi hai bà... bệnh... bệnh hoảng chưa.

Trình và Khoa cùng phá lên cười. Nhưng Tính và Chuyên vẫn lặng thinh ngồi nhìn ba bó nhãn. Chuyên thì thầm bảo Tính:

– Nhãn cô ta cho, chị lấy cả. Tôi thì tôi không thèm ăn nhãn khất nợ của cô ta.

Tính cũng thì thầm đáp lại:

– Ăn thì mọi người cùng ăn, mà không thì thôi...

Trình cười ha hả nói:

– Ông thần hoàng làng ấy thế thì thiêng thật!

Khoa gật gù tiếp:

– Cúng rượu ly thì ông thần làm cho đàn bà con gái làng ấy chửa hoang. Nhưng chửa hoang với ai, mới được chứ, cái đó chắc không phải... ở ông thần.

Tiếng cười thét càng to. Tính như nói một mình:

– Hỏng. Họ say quá lắm!

Chuyên vẫn theo đuổi ý nghĩ của mình, nên không nghe thấy gì nữa:

– Nếu không nhận thì phải gửi giả cô ta chứ!

– Gửi theo lên Hà Nội?

– Cứ gửi giả chị lý Thuận, rồi chị ấy bắn tin cho cô ta biết cũng được.

Tính trù trừ, trù trừ vì nhút nhát.

– Làm thế có tiện không? Cô ta tử tế với mình...

Chuyên bĩu môi khinh bỉ.

– Tử tế!... Thảo nào!...

Xưa kia còn sinh thời ông Án, bà Ba vẫn trọng đãi Chuyên hơn Tính, hơn cả Trâm nữa, vì biết Chuyên là con nhà quan, tính nết hách dịch. Có thức gì ngon hay quý cũng chia cho Chuyên trước và phần Chuyên bao giờ cũng hơn phần hai người kia. Chuyên đã quen với sự phân biệt ấy rồi. Nay thấy bà Ba đặt Tính "ở trên" mình thì nàng khỏi sao không uất ức. Không phải nàng có thèm khát gì vài trăm nhãn, nhưng cái cử chỉ kia tỏ rõ sự khinh rẻ đối với nàng, và lòng thiên vị đối với Tính.

Thấy Trình ngắt một quả nhãn, Tính vội kêu:

– Đừng ăn, để giả lại đấy.

Trình trợn mắt:

– Giả lại! Giả lại ai?

Rồi thản nhiên chàng mời khóa Liêm và Khoa:

– Hết gỏi, ta nhắm với cái này cũng tốt lắm.

Chuyên ra bàn nhắc một bó nhãn, nói:

– Đấy, hai trăm cô ta biếu anh chị thì anh chị cứ dùng. Chỗ này cô ta biếu tôi, để tôi giả lại.

Trình, giọng lè nhè, đùa bỡn đáp:

– Cũng được! Tùy thím. Chứ tôi, thì tôi phải nhắm rượu với nhãn của dì Ba thân yêu của tôi.

Chuyên cười khinh bỉ:

– Chừng mới thân độ hơn tháng nay, từ ngày...

Nàng tưởng chẳng cần nói dứt câu, nghĩa cũng đã rõ rệt lắm. Rồi nàng quay ra bảo Liêm:

– Ông khóa vịnh thơ nữa đi, cho vui.

Khóa Liêm gật gù:

– Xin vâng... Vậy xin bà ra đề.

Chuyên vờ nhìn quanh để tìm đầu đề, rồi trỏ lồng chim khướu nói:

– Thơ vịnh con khướu.

Liêm nghĩ không đầy một phút, đọc liền:

Thân khướu như mi thật sướng đời,
Lầu son gác tía chốn mi ngơi.
Nước trong gạo trắng bao giờ hết?
Chỉ việc xơi rồi lại hót thôi.

Trình và Khoa thẳng thắn vỗ tay cười reo:

– Hay, hay tuyệt! Thực là thơ thần.

Liêm giọng tự đắc:

– Rượu thánh thì phải có thơ thần chứ!

Nhưng Tính biết là Chuyên có ý ngờ vực. Và nêu ra cái đầu đề "Vịnh khướu", Chuyên chỉ định ngầm mỉa mai vợ chồng mình. Nàng liền bảo Liêm:

– Nhưng con khướu của tôi nó có ở nhà lầu, nhà gác đâu mà ông khóa hạ lầu son, gác tía. Oan cho nó quá!

– Thưa bà, lầu son gác tía là cái lồng cao sơn son.

Trình vẫn cười và không lưu ý đến cái liếc nhăn nhó của vợ, trong khi Chuyên lẳng lặng bỏ về nhà.

XI

Trong khắp làng Giáp, đi đâu cũng nghe thấy người ta nói đến chuyện bất bình, khích bác, kình địch, ganh ghét, thù hằn của hai gia đình anh em Trình và Khoa.

Những người không biết rõ chuyện đều lấy làm lạ rằng hai anh em yêu mến nhau như Trình với Khoa mà có thể thù ghét nhau được. Rồi họ bàn tán thế này, thế khác. Người thì bảo chỉ tại Chuyên cậy mình là con quan, khinh miệt Tính là con nhà trọc phú. Người thì bảo trái lại, khởi đầu chính ở vợ Trình! Nàng cổ quá, luôn luôn lên mặt chị dâu với vợ Khoa, Chuyên không chịu nổi nên phải chống cự. Lại có người bình phẩm một câu mỉa mai:

– Chung quy chỉ tại đàn bà ráo! Chứ đàn ông ở với nhau có bao giờ lôi thôi điều nọ tiếng kia đâu?

Rồi, người ấy kể luôn một chuyện, hầu như chuyện cổ tích, để chứng thực cho những tư tưởng triết lý và tâm lý của mình:

"Hai anh em một nhà kia, một nhà quan tại Hà Nội, ở chung với nhau trong hai mươi năm không xảy ra một điều gì xích mích. Họ kính yêu nhau như nhân vật trong tiểu thuyết Tàu. Mà sở dĩ được như thế là nhờ một sự ngẫu nhiên: Người em ở góa".

"Nhưng bỗng người em tục huyền... Năm hôm sau, bắt đầu có sự ngờ vực. Rồi hai gia đình khích bác nhau, kình địch nhau, ganh ghét nhau, thù hằn nhau, và nếu người em không dọn nhà đi ở nơi khác thì có lẽ đã xảy ra những sự ghê gớm hơn nữa..."

Những người mang máng biết chuyện thì chia ra hai phe: Phe bà Ba và phe con chồng. Thuyết của phe trên đại khái như thế này: Bà Ba không có con trai muốn nuôi một người trong hai anh em Trình và Khoa làm con, để sau này nhường hết tài sản cho. Vì thế nên hai anh em tranh giành nhau làm con bà ta, đến nỗi sinh ra thù oán nhau.

Bọn này khinh bỉ Trình và Khoa ra mặt. Có lẽ một phần vì lòng ghen tức, thấy một trong hai anh em nhà ấy sắp sửa bỗng dưng trở nên giàu sụ, nhưng nhất vì họ toàn là những người có vay nợ bà Ba: Họ thường đi lại, hầu hạ, nịnh hót bà ta, và cố gắng được lòng bà ta, họ chẳng bỏ qua một dịp tốt, họ chẳng bỏ sót một tiếng tệ hại để nói xấu Trình và Khoa mà họ ghét một cách đường hoàng và hằn

học. Nay nếu một trong hai người ấy được bà Ba giao hết quyền bính cho, thì sau đây họ mất chỗ nương nhờ, vay mượn, những khi túng thiếu.

Người đứng đầu phe này là bà lý Thuận, người mà Khoa gọi là con "nặc nô", vì thường thấy bà ta đi đòi nợ cho bà Ba. Ở những nơi quen thuộc, bà ta vẫn trầm trồ ca tụng bà Ba về cái cử chỉ quân tử của người dì ghẻ đối với con chồng: "Rõ phúc đức quá, chả tìm đâu ra một người dì ghẻ nữa như thế!" Rồi bà ta tiếp luôn: "Thực hồng phúc nhà cụ Án còn to lắm". Ai có hỏi bà ta tin tức về việc thừa tự thì bà ta chỉ cười, và nói một câu bí mật: "Cụ tôi bảo kể thì ông Khoa ngoan ngoãn hơn, nhưng ông Trình lại đứng đắn hơn". Nghĩa là cũng chưa ai biết rõ bà Ba định "chấm" người nào trong hai con chồng.

Bề ngoài thì bà lý Thuận thớ lợ như thế, nhưng sự thực, bà ta chẳng mong ai được thừa tự hết. Vì vậy, bà Ba động hỏi ý kiến bà ta về "việc nhà", là bà ta giở hết những lời khôn khéo ra để xui xiểm ngấm ngầm. Bà ta thuật lại, bịa đặt những câu nói hỗn xược hay khí khái của Trình và Khoa, rồi kết thúc:

– Đấy, cụ lớn xem, cụ lớn tử tế với các ông ấy thế, mà các ông ấy nỡ xử tệ.

Bà Ba thừa hiểu thâm ý của bà lý, nhưng cũng cố buồn rầu đáp lại:

– Thôi chị ạ, tôi chỉ ở với giời! Giời biết bụng cho tôi, chị ạ. Thế là đủ rồi.

Nhưng bà lý vẫn chưa biết bụng bà Ba, vẫn không rõ bà ta đã quả quyết về việc thừa tự chưa, và trong hai người con chồng, bà ta định chọn ai. Còn những người về phe Trình, Khoa thì họ không nhìn nhận đến sự xích mích, chia rẽ giữa hai anh em mà họ coi như không có. Họ cho rằng Trình và Khoa nhất định từ chối không thèm nhận ăn thừa tự "cô Ba" là rất phải. Họ đạo mạo thuyết lý: "Người ta có sung sướng vì tiền tài bao giờ đâu? Trái lại, tiền tài là cái nguồn khổ sở, mất bình tĩnh, mất yên vui. Đấy, cứ coi những chuyện lôi thôi xảy ra trong hai gia đình Khoa và Trình thì đủ rõ. Chỉ vì đã từ chối việc ăn thừa tự, mà hai ông chồng bị hai bà vợ rầy rà làm cho mất ăn mất ngủ. Đàn bà họ dễ hoa mắt, rối lòng về tiền lắm. Nhưng chắc thế nào rồi bọn đàn ông cũng thắng".

Ấy là những lời bình phẩm của bọn học giả, bọn cụ cử Ty, cụ tú Phấn, ông khóa Liêm. Chính ông này đã làm một bài thơ Đường luật, bát cú để khen ngợi và khuyến khích anh em Trình nên vững tâm, đừng để tiền và đàn bà cám dỗ nổi. Ông ta lại soạn một bài văn

tế nửa chữ nửa Nôm để tống tiễn "Thần Tiền" mà đi đến đâu ông ta cũng đọc bô bô cho mọi người nghe, trước mặt cả đàn bà con gái.

Một phe thứ ba mới nẩy ra, phe trung lập. Phe này phần nhiều là phụ nữ hoặc những chỗ quen biết của Trình và Khoa. Họ thiết thực và bao giờ cũng có lý. Họ bảo nhau: "Rõ các bà ấy mới lẩn thẩn mà các ông ấy cũng dở hơi nốt! Việc gì lại từ chối? Việc gì mà ngờ vực nhau, tranh giành nhau? Thì cứ một người nhận phăng làm con bà ta rồi khi được hưởng gia tài đem chia cho người kia. Thế thì có phải ổn thỏa không? Chả phải tôi, tôi thì tôi cứ chiều chuộng lấy lòng bà ta... Chiều người lấy của, đã chết đấy mà sợ!" Một người biết rõ lòng thù ghét của bọn con chồng đối với bà Ba bàn một câu quyết liệt: "Các ông ấy thực vụng tính! Cứ vờ bằng lòng đi, rồi một năm, hai năm sau, khi đã được lòng tin cẩn của bà ta, sẽ sửa cho bà ta một chuyến, xem có lệch nghiệp không nào".

Có người nghe chuyện vặn lại:

– Sửa! Dễ sửa nhỉ? Người ta cũng khôn chán ra đấy. Chả khôn mà bòn được của chìm của nổi của cụ Án... Ừ, mà sửa bằng cách gì, nào?

– Chả thiếu gì cách. Cùng lắm thì dắt cướp vào nhà mà thịt. Như thế có phải nhất cử lưỡng tiện không? Vừa lấy được của, vừa giả được thù.

Lời công kích nhao nhao lên:

– Câm ngay đi!... Vạ mồm vạ miệng mà chả chết! Bà ấy vẫn mời ông huyện bà huyện, cả cụ thượng, cụ bố nữa về ăn tiệc đấy. Khéo mà lại ngồi tù mọt xương!

Những lời bàn tán của người làng Giáp quanh việc nhà trình và Khoa đều có một hai phần đúng sự thực.

Một điều mà ai ai cũng nhận rõ là cảnh bất hòa trong hai chị em dâu. Vì những người đến chơi với vợ chồng Trình hay vợ chồng Khoa đều trông thấy ngay những sự thay đổi trong cái dinh cơ cụ Án Nguyễn.

Cái giàn thiên lý trước nhà ngang của Trình nay như mọc tốt hơn, dầy hơn, kín hơn. Kỳ thực, Tính đã hạ thấp cái phên phía trước xuống và ken lẫn vào trong lá thiên lý những dây thài lài mà nàng trồng ở các chân cột bương cho leo lên giàn: nàng không muốn để vợ chồng Khoa trông thông thống sang chỗ ngồi chơi của nhà nàng.

Chuyên đáp lại liền. Nàng cho mua nứa và tre về đan kíp mấy cái giại dựng thẳng một hàng dưới mái kẽm che hiên. Nhưng vẫn còn phải chung bếp, đó là một điều khó chịu, bực tức cho nàng. Một ngày hai buổi phải qua sân nhà thờ đi xuống bếp làm thức ăn,

tuy nàng không phiền nhiễu ai, vì bếp là bếp của cả hai bên chứ chẳng của riêng một mình nhà nào, nhưng nàng lấy lam chướng mắt khi gặp mặt "những kẻ" mà nàng không ưa. Vì thế một hôm nàng đã cất tạm hai gian tre lợp rạ ở ngay đầu hồi nhà gác để thổi nấu. Và nàng sung sướng nghĩ thầm, rồi lớn tiếng rêu rao:

– Thôi, từ nay khuất mắt!

Câu ấy đến tai Tính, Tính cười rất to, đoạn quát mắng đầy tớ:

– Xiêm! Mày tưởng mặt mày đẹp lắm đấy mà người ta khao khát muốn gặp. Rõ đồ mặt dầy!

Những câu qua lại, đối chọi nhau chan chát như thế của hai người đàn bà, người làng Giáp đều biết hết. Một bọn đã hầu như tổ chức một sở liêm phóng để ghi chép những sự xảy ra trong hai nhà, rồi đem đi phao khắp mọi nơi. Nhiều khi họ còn thêm thắt, bịa đặt ra những điều không có nữa. Như ngày hai nhà còn chung bếp, họ kể lắm câu chuyện khôi hài đến hay. Chẳng hạn họ bảo một hôm thằng Phiên đái vào nồi canh của Chuyên để báo thù lại nắm muối mà hôm trước cái Tẹo, đầy tớ Chuyên đã bỏ vào niêu cá nấu của Tính. Họ lại kháo một điều rất vô lý: là Chuyên đòi chồng rào ngăn đôi sân nhà thờ, để được biệt chiếm một giang sơn, không dính dấp gì với bên nhà vợ chồng Trình nữa.

Những lời thì thào ở ngoài, Tính và Chuyên đều biết hay đoán biết. Nhưng không vì thế mà họ chịu nhụt bớt. Trái lại, mỗi ngày họ một thêm quá quắt.

Đứng trước cái thái độ ngang ngạnh, lăng loàn của vợ, hai người đàn ông trước còn họp sức để chống cự lại.

Một hôm Khoa đã thét lớn cốt để anh và chị dâu nghe tiếng:

– Vậy mợ muốn gì? Mợ muốn tôi ăn thừa tự cô ta, phải không? Nếu thế cũng không khó gì kia mà. Nhưng mợ hãy để tôi được yên thân đã!

Chuyên chẳng vừa, cũng thét lại:

– Thế thì cậu hiểu nhầm tôi quá, tôi không phải hạng vục đầu vai vướng như người ta đâu mà cậu nói thế.

– Vậy mợ muốn gì?

– Tôi muốn cậu mở to mắt ra mà nhìn.

Khoa gào gần như khóc òa lên:

– Nhưng mắt tôi vẫn mở to mà tôi không nhìn thấy gì hết.

Chuyên cười mát:

– Vậy cậu thong manh mất rồi!

Một lát sau tấn kịch diễn tiếp liền ở bên nhà Trình. Tính lớn tiếng bảo chồng:

– Cậu đã nghe rõ chưa?

Trình gắt:

– Tôi chẳng nghe thấy gì hết.

– Thế thì cậu điếc đặc rồi!

– Vâng tôi điếc, nhưng mợ không điếc thì mợ nghe thấy gì?

Tính cười khinh bỉ:

– Tôi nghe thấy em cậu nói bằng lòng ăn thừa tự người ta.

Trình cũng cười, mỉa mai:

– Vậy mợ muốn tôi tranh nhau với chú Ba, phải không? Được rồi, nếu mợ muốn tôi nịnh hót để chiếm lấy cái tài sản phi nghĩa của cô ta thì thế nào rồi tôi cũng chiếm nổi.

Kết cục, hai người đàn bà mỗi người vào một xó buồng ngồi ôm mặt nức nở khóc hàng giờ.

Thấy giảng giải, thuyết lý, gắt gỏng, nói nặng đều không có một chút công hiệu gì, hai người đàn ông theo nhau đem sự yên lặng ra đối phó, không phải sự yên lặng lạnh lùng, khinh bỉ, nhưng sự yên lặng thản nhiên của kẻ biết mình yếu thế, yếu sức, không chống nổi lại địch thủ.

Khí giới thứ hai ấy cũng vô công hiệu nốt. Đàn bà họ rất ghét những người đứng trung lập. Về hùa cùng họ hay chống cự lại họ, phải dứt khoát chọn lấy một đường, nếu không, sẽ không yên được với họ. Đương đêm họ đánh thức dậy để bàn chuyện nhà, để nói xấu kẻ thù, nếu mình ậm ự trả lời cho xong việc, họ sẽ làm ầm cửa ầm nhà lên ngay.

Trình và Khoa đều đã qua cái cầu ấy.

Bất đắc dĩ Khoa phải giả tảng biểu đồng tình cùng vợ và cố nặn ra vẻ mặt giận dữ, căm tức. Có khi nhận thấy mình như trở nên có tính cách đàn bà, chàng đã phải bật cười lên tiếng.

Trình là người thẳng thắn và thực thà, không hay suy xét sâu xa:

Chàng tưởng em nghe vợ và ngờ vực mình. Trước chàng còn buồn phiền. Về sau, chàng thấy vợ có lý và khôn ngoan, sáng suốt hơn mình. Đã có lần chàng nghĩ thầm: "Tình huynh đệ làm mình mờ mắt, loạn trí. Nhưng Tính nói rất phải, ở đời chỉ vợ chồng là hiểu nhau, là thực bụng thương yêu nhau!" Câu "vợ chồng đầu gối tay ấp" của nàng, Trình cảm thấy có một nghĩa hầu như thiêng liêng.

Dần dần chàng tin theo vợ đến nỗi tìm hết cách tránh mặt Khoa mà chàng vẫn cho là một người ranh mãnh, một người đáo để. Hồi chàng yêu em thì cái tính ranh mãnh của em, chàng cũng yêu. Nhưng nay chàng thấy cái tính ấy rất nguy hiểm, rất xấu xa.

Rồi một ngày, trong khi hai người đàn bà cùng đi chơi vắng, chàng cho mời Khoa sang chơi mà bảo thẳng vào tận mặt:

– Cần gì chú phải rụt rè! Chú muốn ăn thừa tự cô ta thì cứ việc nói trắng ra. Tôi không phải như người ta đâu mà chú sợ tôi ghen ghét với chú.

Khoa cười nhạt không trả lời, lững thững trở về nhà, khiến Trình càng tức tối, và càng ngờ vực. Buổi chiều hôm ấy Trình uống già nửa chai rượu. Lúc say, chàng bô bô nói nhảm nói nhí, quát tháo chửi mắng bâng quơ luôn miệng. May là Chuyên đi cúng giỗ vắng, chứ không thì một cuộc đấu khẩu kịch liệt đã xẩy ra, với hết cả những tiếng bẩn thỉu, những lời chua chát mà họ moi ra đem ném vào mặt nhau.

Khoa nhịn. Nhưng không phải chàng không căm tức, oán trách anh. Chàng cho anh là một người tầm thường, quá nghe vợ mà coi rẻ tình huynh đệ. Hơn thế, chàng ngờ anh xấu bụng, ghen ghét với mình vì tưởng mình đã nhận lời ăn thừa tự dì ghẻ. Khinh bỉ bắt đầu mọc mầm trong lòng chàng. Chàng nghĩ thầm: "Thì ra anh ấy vẫn ao ước, thèm thuồng cái tài sản mà ngoài miệng anh ấy cho là phi nghĩa, là khốn nạn. Chẳng thế, sao anh ấy lại ghen tị với mình? Ừ, nếu quả thực cái ý ăn thừa tự không chàng màng lọt vào óc anh ấy, thì dù tin đích xác rằng mình nhận lời đi nữa, anh ấy cũng dửng dưng chứ, hay quá lắm đến lặng lẽ khinh bỉ mình là cùng. Can chi phải thổ lộ lòng căm tức cho mình biết?"

Thế là từ đó anh em ngờ vực nhau.

Và từ đó, chẳng mấy ngày tấn kịch gia đình không diễn, om xòm hay lặng lẽ.

PHẦN THỨ HAI

I

– Cúc! Con đã cho nó sang chùa mời cụ Giáp chưa?

– Bẩm me đã ạ.

Bà Ba ngắm con, mỉm cười, lặng lẽ sung sướng, khiến Cúc bẽn lẽn quay mặt đi. Vì cũng như mẹ, nàng đương nghĩ tới buổi hội kiến với "cậu cử Phan", và cái mỉm cười của bà Ba nàng cảm thấy có ngụ một ý nghĩa vợ chồng.

– Con đã bảo nó đun nước rồi chứ?

– Bẩm me, họ đến rồi đun nước cũng kịp. Đun trước để nguội đi mất.

– Thì cứ bảo nó đặt sẵn. Sư cụ đến ngay bây giờ đấy.

Quả thực, năm phút sau sư cụ tới, nhanh nhẹn trèo thang gác, tuy tuổi cụ đã ngoài sáu nhăm.

Nhà tu hành chắp tay lễ phép chào:

– Lạy cụ lớn ạ.

– A di đà phật! Lạy cụ.

Bà Ba bước xuống dép, đặt lại cái ghế mây có tay dựa, phủi bụi cái đệm nhung đỏ:

– Xin rước cụ ngồi.

– Bẩm không dám, xin cụ lớn để mặc chúng tôi ạ.

– Bạch cụ, tôi mới về, hơi mệt, không đến chùa thăm cụ ngay được nên mời cụ sang chơi.

– Dạ.

Mục đích bà Ba cho tìm nhà sư là muốn để nhà sư ngồi chứng kiến việc gặp gỡ của bà ta với Trình và Khoa. Vì sáng nay vừa ở Hà Nội về, bà ta nhận ngay được mấy chữ của Khoa nói hai anh em muốn sang chơi có chút việc hơi quan trọng.

Bà đoán rằng việc đó chỉ là việc thừa tự. Nhưng bà không khỏi kinh ngạc. Những chuyện lôi thôi xảy ra trong gia đình hai anh em

Trình, bà biết hết. Mỗi lần về làng, bà chẳng cần hỏi dò ai, tự nhiên họ kéo nhau đến mà tưng công, mà kháo với bà đủ mọi điều về bọn con chồng. Bà chỉ yên lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng lại thở dài một tiếng như để phàn nàn cho sự bất hòa mà bà muốn không có. Kỳ thực bà rất lấy làm sung sướng. Và bà luôn luôn nghĩ thầm: "Cho chúng mày chết! Chưa ăn thua đâu, chúng mày đã lục đục rồi. Được lắm! Chuyến này thì hết cả khí khái...".

Xưa nay bà ta thường tỏ ra ghét cái tính khí khái của vợ chồng Khoa. "Khí khái rởm!" bà bảo cho mọi người biết thế. Tuy trong thâm tâm bà vẫn thành thực muốn nuôi một người con chồng để cho hưởng thừa tự sau này, nhưng ghét, ghét cả bọn, thì bà vẫn ghét, bà thù hẳn nữa. Việc thừa tự, bà cho là một việc có lợi cho bà, mà lại có hại, có hại đến danh dự bọn con chồng. Bà thừa hiểu rằng ở ngoài người ta chỉ trích bà nhiều lắm, người ta cho bà là một con yêu quái đến phá hoại gia đình ông án Nguyễn. Vậy thì việc lập thừa tự này đủ trả lời lại hết thảy những câu dèm pha vô căn cứ. Người ta sẽ bảo nhau: "Đấy! Bà ta tốt thế đấy! Mà quân tử không! Bọn con chồng đối đãi với bà ta có ra gì đâu, thế mà bà ta để ráo của cải cho. Nào xem còn ai dám ngờ vực nữa không!".

Được tiếng khen ấy, phỏng bà Ba có mất gì, có thiệt hại mấy tí. Chẳng qua, như Trình đã bàn với Bỉnh và Khoa, bà ta chỉ bỏ ra vài chục hay dăm chục mẫu ruộng là cùng. Kể thì đó cũng là một gia tài khá to, nhưng có thấm vào đâu với cái sản nghiệp hằng chục vạn của bà ta, như lời người ta đồn. Cái sản nghiệp ấy, lẽ dĩ nhiên, bà ta sẽ cho con gái bà ta. Nếu muốn che mắt thế gian thì cũng chẳng khó; cùng lắm, bà ta chỉ việc sang tên, hay hơn nữa, viết văn tự bán cho con rể, thế là không ai sẽ có thể dị nghị bà ta được, mà anh chàng ăn thừa tự cũng chẳng sơ múi vào đâu, ngoài số mấy chục mẫu ruộng hương hỏa.

"Đừng hòng những tòa nhà ở Hà Nội, Hải Phòng mà nhỡ!".

Ý nghĩ ấy làm bà Ba mỉm cười và nhớ tới chàng rể mà bà đã kén. "Sắp sửa cử nhân luật nay mai rồi! Chỉ vứt đi một cái nhà ở Hải Phòng cũng đủ lo cho cậu cử ra tri huyện!".

Bà Ba tưởng tượng ngay ra một cảnh huyên náo ở công đường, dân sự tấp nập vào hầu, kẻ khúm núm, mang cái đĩa đựng lá đơn với một tờ giấy bạc, người khệ nệ bưng cái mâm trên đặt sẵn

chai sâm banh và một hộp bích quy tây. Trong khi ấy bà ngồi vắt vẻo trên sập gụ nơi tư thất, chơi vài hội tổ tôm với con gái và các cô lục, cô thừa kéo ghế ngồi hầu "cố" và bà lớn.

Nếu cậu cử còn trẻ chưa muốn xuất chính vội thì cưới xong bà sẽ cho cậu, mợ sang Pháp, để cậu học thi tiến sĩ, mợ học các cách ăn chơi lịch sự của người Âu. "Với lại nó đi theo để nó giữ chồng nó nhân thể. Hai, ba năm sau về, với cái bằng tiến sĩ, ít ra cậu Phan cũng phải tri phủ!".

– Bẩm cụ lớn, ông cử sắp thi ra chưa ạ?

Câu hỏi hợp với ý nghĩ của bà Ba khiến bà giật mình: Bà vẫn tin rằng sư cụ có phép ngoại và bấm độn đoán biết tư tưởng của người ta.

– Bạch cụ vâng. Cậu cử định đỗ xong cái cử nhân là xin cưới ngay. Cụ tính có nên cho cậu cử sang Tây học thi tiến sĩ không nhỉ?

– Bẩm cụ lớn nên lắm! Đương tuổi trẻ, ông cử cũng chả cần xuất chính vội. Đi Tây về rồi nhảy ngay một bước lên chức đường quan như cụ lớn thiếu thời xưa...

Nhà sư cười he hé, hai con mắt híp chặt lại.

Bà Ba cũng cười:

– Cậu cử dở hơi quá, cụ ạ. Cứ định ra làm trạng sư. Cụ tính làm trạng sư thì danh giá quái gì! An Nam mình họ chưa quen cái tên trạng sư, họ chỉ gọi là thầy kiện thôi. Mà cái tên thầy kiện tôi nghe nó làm sao ấy, như thầy cò thầy cốc vậy.

Bà lại thích chí cười tít:

– Phải không cụ, tội gì làm được quan lại chả làm quan?

– Dạ.

– Vả lại số tử vi của cậu cử là số ông bốn lọng kia.

– Bẩm cụ lớn, khi nào quan cử về chơi, chúng tôi xin lấy hầu quan cử một lá số tử vi. Chúng tôi lấy thì chẳng bao giờ sai một tý.

– Bạch cụ, thế thì hay lắm! Trong lá số tử vi của cháu Cúc, cháu cũng đứng ngôi mệnh phụ.

– Bẩm cụ lớn, chính thế. Cô thì còn phải nói! Rõ quý hóa quá, mới một ít tuổi đầu đã bà lớn rồi.

– Mà bạch cụ, lạ quá. Nó là con cầu tự, cậu cử cũng là con cầu tự.

Thì ra... quả thực có tiền định, duyên tiền định cụ ạ.

– Bẩm cụ lớn chính thế. Chúng tôi đã thưa cụ lớn, khuôn mặt bà lớn cứ giống như đúc khuôn mặt đức Phật Quan âm, cả đôi mắt phượng, cả cái miệng cười tươi như hoa, cả cái mũi dọc dừa. Thực là như truyền thần vậy.

– Vâng, quả có thế. Hôm nọ sang bên chùa, tôi nhìn kỹ tượng đức Quan âm, tôi cũng nhận thấy giống lắm, giống như mẹ với con.

Bà Ba sung sướng cười the thé rồi cất tiếng gọi Cúc, chừng để ngắm nghía lại mặt con. Cúc nghe thấy mẹ và nhà sư nói chuyện mình đã lảng ra bao lơn từ nãy. Nàng trở vào với vẻ mặt ngây thơ và bẽn lẽn.

Bà Ba nói với nhà sư:

– Đấy cụ coi, có phải như hệt không?

– Dạ, hệt lắm.

Cúc bỡ ngỡ hỏi:

– Dạ, me truyền gì ạ?

– Con xuống giục nó đun nước mau lên. Cúc vừa bước xuống thang gác, bà Ba đã thì thầm hỏi nhà sư:

– Cái bùa ấy cứ để cháu đeo mãi?

– Vâng, đeo mãi. Bùa ấy làm công trình lắm đấy ạ. Bà lớn cứ mà đeo bùa ấy thì chẳng sợ sau này quan cử tình phụ; dù có mặt hay vắng mặt, quan lớn cử lúc nào cũng phải làm tâm tâm niệm niệm nghĩ đến bà lớn cử.

Bà Ba vội xua tay bảo nhà sư im: bà đã nhận được tiếng guốc cao gót của Cúc lộp cộp lên thang gác.

– Cái gì đấy, con?

Bà hỏi, lúc trông thấy trong tay Cúc một cái phong bì trắng.

– Thưa me, thư của anh Trình ạ.

– Thư gì thế?

Bà không khỏi kinh dị: Buổi sáng bà vừa nhận được thư của họ hứa ba giờ chiều sẽ sang chơi. Bây giờ gần ba giờ rồi, vậy bức thư này có lẽ là bức thư từ chối không đến chăng?

Bà Ba đoán không sai. Trong thư chỉ có mấy dòng vắn tắt:

“Chúng tôi có hứa sang thăm cô để nói chuyện riêng. Nhưng thiết tưởng chẳng cần sang, vì câu chuyện ấy chỉ có thế này: chúng tôi cảm ơn cô và nói để cô biết rằng chúng tôi không thể chiều ý cô được. Xin lỗi cô.”

Mặt bà Ba dần dần đỏ bừng lên, rồi dần dần trắng tái đi. Nhà sư nghe Cúc đọc, thừa hiểu đó là việc gì rồi, nhưng cũng vờ hỏi để bà Ba khỏi ngượng:

– Bẩm cụ lớn cho tìm hai ông sang chơi.

Bà Ba giọng cố thản nhiên:

– À, bạch cụ, tôi cho tìm hai anh ấy chiều nay sang ăn cơm, nhưng ý chừng nhà lại mới có khách nên các anh ấy xin kiếu.

Rồi bà vui vẻ tiếp luôn:

– Các anh ấy khách khứa luôn luôn ấy mà!

San bưng nước ra. Bà Ba mời tận tay nhà sư một chén, rồi cầm một chén khác ghé gần vào miệng. Hơi nóng thơm bốc lên làm cho bà hơi dễ chịu, vì bà đương ngây ngất như người bị cảm hàn. Bà tìm chuyện để nói lẳng:

– Bạch cụ, mới vào rét mà đã rét quá!

– Bẩm vâng, năm nay rồi không khéo đại hàn.

Một phút im lặng. Nhà sư nhìn ra bao lơn, chỗ Cúc đang đứng mơ mộng, gợi một câu để dò ý tứ bà Ba:

– Bẩm cụ lớn, hôm nọ quan huyện về chơi có sang thăm chùa.

Bà Ba sửng sốt hỏi:

– Anh Huyện nó về à, bạch cụ?

– Bẩm vâng.

Bà Ba nghĩ thầm: “Thảo nào! Chắc lại đã xảy ra chuyện gì đây. Ừ quái lạ, ban nãy mình đã ngờ ngợ. Sao hai thằng đương thù ghét nhau mà lại cùng sang chơi. Đã tưởng chúng nó sang đôi co nhau, sang phân trần với mình, sang nhờ mình làm chứng hay khu xử hộ... Cơ ngờ đâu hai thằng cùng ký tên vào một bức thư lời lẽ cộc cằn... thôi đích thị là có tay con mẹ Huyện dúng vào... Mà có lẽ cả tay con Thu nữa, con Thu đáo để lắm cơ đấy!”.

– Bạch cụ, chị giáo Bằng nó lâu nay cụ có thấy về chơi không?

– Bẩm cụ lớn không ạ.

Thu lấy chồng xa làm giáo học, nên ít khi về thăm nhà. Nàng là người hiền lành nhưng tính rất nóng, rất cục: đã nhiều lần nàng cãi nhau với bà Ba về việc gia đình, nhất khi còn sinh thời cụ Án Nguyễn.

Thấy bà Ba băn khoăn nghĩ ngợi, nhà sư đứng dậy xin về.

– Ấy, mời cụ ngồi chơi xơi nước đã.

– Bẩm xin phép cụ lớn, chúng tôi về sửa soạn mai cúng Phật.

– Ồ! Mai rằm nhỉ! Thế mà suýt nữa tôi quên.

– Bẩm mai mời cụ lớn ra chùa lễ phật... Lạy cụ lớn ạ.

– Không dám, lạy cụ. Cúc!

Cúc ở ngoài bao lơn thong thả vào.

– Lạy cụ đi, con.

– Lạy cụ.

– Tôi không dám, lạy bà lớn.

Cúc xấu hổ lại chạy ra bao lơn.

– Cái con bé thế thì thôi. Sắp bà lớn nay mai rồi mà còn bẽn lẽn rụt rè như trẻ con.

Bà Ba tiễn nhà sư xuống thang gác.

– Bẩm cụ lớn, bao giờ cụ lớn cho cưới bà lớn cử ạ?

– Bạch cụ, họ xin cưới ngay sau kỳ thi này...

– Bẩm cụ lớn thế thì hay lắm. Đại đăng khoa rồi tiểu đăng khoa liền.

– Nhưng bạch cụ, tôi muốn để thư thả. Cháu còn bé dại lắm ạ. Chả biết rồi giao thiệp với các bà phủ, bà huyện ra sao, vì thế tôi lo lắm.

– Bẩm cụ lớn, con tông cháu giống thì bao giờ cũng chóng khôn hơn người thường, cụ lớn chả phải lo.

Bà Ba tiễn nhà sư ra tận cổng ngoài, rồi vội vàng, hấp tấp trở vào, gọi:

– San! Tỉu!

Tiếng dạ ran. Tỉu chạy lại.

– Đi tìm ngay chị lý Thuận đến tao bảo cái này.

– Dạ.

Tỉu cắm đầu chạy thẳng ra cổng. Bà Ba lững thững lên gác: "Quái thực! Mình vẫn biết hai thằng ngờ vực nhau, gầm gừ nhau, chưa thằng nào dám nhận nhời... Mình cứ tưởng chúng nó làm ra giận nhau để dễ nhận nhời hơn. Vì đã đến ghét nhau thì còn cần gì nhường nhau nữa. Sao nay bỗng dưng lại có chuyện lạ thế này? Một cái thư hai thằng cùng ký tên! Phải hỏi cho ra mới được".

Bà mỉm cười nghĩ tiếp: "Được! Thoát sao nổi, các con ơi! Bao giờ con mèo ghét mỡ, con lợn ghét cám thì con người mới ghét tiền!".

II

Nửa giờ sau, bà lý Thuận đến. Cứ lời bà ta thì cách đây dăm hôm nhân dịp Bỉnh về làng, ba anh em và hai chị em dâu có cùng nhau họp mặt và ăn uống vui vẻ ở nhà Trình.

Thì ra họ đã hòa thuận nhau rồi, và Bỉnh về chỉ cốt để khuyến khích sự đoàn kết. Bà Ba tức tối nghĩ ngay đến điều đó, trong khi ngồi nghe người đàn bà thuật lại bữa tiệc long trọng, mà người ấy diễn tả như một cuộc hội họp ám muội, một âm mưu nguy hiểm.

– Bẩm cụ, con cứ tưởng ông Huyện về thì thế nào cũng xảy ra chuyện lôi thôi tay ba. Không ngờ các ông ấy lại tử tế với nhau ngay được.

Bà Ba vẻ mặt cố làm ra hớn hở:

– Ồ, thế thì khá quá nhỉ! Trong gia đình có sự hòa thuận, còn gì vui bằng! Chị tính, tiền của mà làm gì, chỉ cốt cái lòng tử tế... Vậy ra hôm ấy chị cũng có đấy.

– Vâng.

– Chẳng hay đầu đuôi câu chuyện ra sao?

– Bẩm, lúc con đến thì các ông bà ấy đương ăn cơm. Họ bàn bạc gì với nhau từ trước con chả rõ, nhưng lúc con đến thì họ nói lảng sang chuyện khác ngay. Con có ngồi dấn lại hỏi gợi một vài câu, nhưng cũng chẳng biết hơn điều gì. Con cho cái Tẹo dăm hào để hỏi dò nó thì nó

bảo con rằng ông Huyện về, ông ấy mắng ầm lên, ông ấy khóc nữa, rồi ông ấy dàn xếp, khu xử thế nào chả rõ mà ngay buổi trưa vợ chồng ông Ba chịu xin lỗi vợ chồng ông Hai, thế rồi buổi chiều có bữa tiệc linh đình. Bẩm tiệc to quá cơ ạ. Quay cả một con lợn...

Bà Ba mỉm cười:

– Lợn sữa chứ gì!

– Vâng lợn sữa. Cái Tẹo nó bảo cả hai mợ ấy cùng xuống bếp làm thức ăn. Bẩm không ngờ họ hòa thuận với nhau chóng thế.

Bà Ba buột miệng thốt ra một câu bình phẩm mỉa mai:

– Chà! Tử tế đấy rồi lại chửi nhau đấy. Rõ đồ trẻ con! Thế rồi sao?

– Bẩm cụ, con cũng chỉ biết có thế. Ấy là nhờ có dăm hào cho cái Tẹo đấy.

Bà lý cười, nói tiếp:

– Bẩm cụ việc gì có tiền cũng xong. Để rồi con hỏi lại cái Tẹo một lần nữa.

Hiểu ngay rằng bà lý muốn xin tiền, bà Ba tìm cách nói chặn ngay:

– Việc gì phải cho nó? Rõ chị lẩn thẩn quá. Nó lấy tiền mà nó lại còn cười vào mặt.

Câu ấy bà Ba chưa cho là đủ hiệu lực để khiến bà lý không dám mở miệng đòi tiền phí tổn, nên bà thêm:

– À, chị lý, chỗ trăm thùng thóc quá hạn đã lâu rồi, giả cho tôi lấy thóc ăn chứ.

– Bà lý sợ hãi vái lấy vái để:

– Lạy cụ, cụ hãy khoan cho con một hạn nữa, để con lấy cái vốn làm hàng sáo kiếm gạo nuôi các cháu.

Cái số một trăm thùng thóc, bà lý nợ bà Ba có tới sáu, bảy năm nay, bà Ba vẫn để lửng đấy, tuy bà coi như đã cho hẳn rồi. Đó là một ngón khôn khéo của bà, vì bà bỏ ra một lúc bốn năm chục bạc như thế, là cốt để rồi thu lợi vào không biết gấp mấy. Cứ một cái lợi bà lý Thuận đi đòi nợ chỗ này chỗ khác giúp bà cũng đã đáng cả gốc lẫn lãi món tiền thóc kia rồi. Ấy là chưa kể những khi bà sai bà lý đi đây đi đó, mà không cho lấy một xu nhỏ tiền lộ phí. Còn việc

do thám thì bà Ba không bao giờ cần ngỏ lời nhờ, bà lý, cũng như nhiều người đàn bà khác ở trong làng, trong tổng, tự nhiên nỗ lực tìm kiếm chuyện về trình để tâng công.

Bà Ba ngồi suy nghĩ một lát như tính nhẩm những điều gì ở trong đầu. Rồi bà cười bảo bà lý:

– Động nhắc đến nợ là chị lôi lũ con chị ra thì còn ai nỡ đòi nữa!

Bỗng bà làm như chợt nhớ tới bức thư của Trình và Khoa, tuy từ nãy đến giờ mấy dòng chữ ấy vẫn chiếm lấy tư tưởng bà:

– Này chị lý ạ, hai anh ấy vừa viết giấy cho tôi để nói về việc thừa tự...

Cúc đứng gần đấy chau mày ngắt lời mẹ:

– Thôi me, nhắc lại làm gì nữa.

Bà Ba mắng con:

– Cô này hay nhỉ! Dễ cô cấm tôi nói chuyện đấy chắc?

Cúc phụng phịu không bằng lòng đi xuống nhà dưới. Bà lý ngập ngừng hỏi:

– Bẩm cụ, có phải ông Hai nhường ông Ba như lời con đoán không?

Bà Ba lặng thinh nhìn qua cửa kính, mắt đăm đăm mơ mộng. Bà lý tưởng mình đoán đúng, nói luôn:

– Vâng, thế là phải, vì thế nào ông Hai cũng còn phải thờ cụ Hai. Cụ nuôi ông Ba làm con thế là đúng phép, là hợp nhẽ hơn.

Bà Ba nhíu đôi lông mày tỏ vẻ khó chịu: Xưa nay bà vẫn không ưng ai nhắc tới cái tên "cụ Hai" vì bà cho người ta cố ý gọi như thế để ám chỉ bà là "cụ Ba".

– Bẩm bao giờ ông Ba sang đây ở hầu cụ?

– Ô hay, ai bảo chị thế?

Bà lý im lặng tìm hiểu, mắt ngơ ngác liếc quanh phòng. Và bà run sợ khi nghe bà Ba dằn từng tiếng:

– Vậy ra chị chẳng biết gì hết... Thế mà dám nói thánh nói tướng!

Bà Ba mắng mấy câu cho hả cơn giận, chứ thực ra bà cũng nhận thấy rằng mình vô lý, vì người đàn bà kia làm thế nào mà biết được

những điều viết trong thư? "Người biết việc này hơn ai hết, phải là con Tẹo hay con Xiêm", bà Ba vẫn suy nghĩ.

Ngay sáng hôm sau, bà mật cho tìm Tẹo, kẻ nội công của bà trong gia đình Khoa: Muốn phòng ngừa những sự bất trắc, bà đã không ngại công, tiếc của để giăng một lớp lưới dầy chung quanh nhà bọn con chồng.

Cứ lời đứa ở gái thuật lại, thì trước khi Bỉnh về nhà, Trâm đã viết cho hai em chồng một bức thư dài tới tám trang giấy khổ lớn. Trong thư, nó không biết Trâm nói những gì, nhưng nó thấy chủ nó buồn phiền ra mặt hai ngày.

Hôm Bỉnh về, Trình và Khoa biết tin trước cùng toan đi trốn để lánh mặt anh, nhưng không biết nghĩ sao, cả hai lại vẫn ở nhà.

Bà Ba thưởng cho Tẹo năm hào, và hứa sẽ cho hai đồng nữa nếu lấy cắp được bức thư đem sang cho bà ta xem. Bà băn khoăn về bức thư lắm, vì chắc đó là đầu mối của bao sự lạ lùng mới xảy ra.

Bà đoán quả không sai. Bức thư của Trâm gửi cho hai em chồng chính Bỉnh đã đọc cho vợ viết và đã cảm hóa được cả đôi bên, vì không những lời lẽ thấm thía, mà lý luận lại xác đáng nữa. Trong thư có đoạn này:

"Cô ta thành thực hay xảo trá, điều đó không cần bàn vội. Nhưng việc cô ta dự định và ngỏ với anh em mình là thế này: Cô ta muốn một người trong hai chú ăn thừa tự cô ta. Có lẽ vì cô ta hối hận về cái đời quá khứ, muốn chuộc lại những tội ác mà cô ta đã gây nên trong gia đình chúng ta. Có lẽ vì cô ta sợ sống cái đời tương lai trơ trọi khi con gái về nhà chồng rồi,nên cô ta muốn gia đình một chú sớm khuya trông nom săn sóc đến cô ta, đến cái tuổi già nua ốm yếu của cô ta sau này. Cũng có lẽ cô ta định che mắt thiên hạ và đóng một vai nhân từ trên sân khấu đại gia đình chúng ta. Ba điều phỏng đoán ấy cũng chẳng quan hệ gì. Chỉ biết hiện giờ cô ta nêu ra một việc: "thừa tự".

Nhận hay không nhận, đó mới là điều quan hệ.

Trước kia, anh bàn với các chú nên nhận là vì anh thành thực yêu mến các chú, chứ không khi nào vì anh nể lời khẩn khoản của người đàn bà ấy. Anh cũng tưởng rằng người ấy nhớ đạo Phật mà cải ác vi thiện, tự biết ăn năn tội lỗi, thì mình hẹp gì mà không tha thứ cho người ta. Vả, tôi nói điều này hai chú với hai thím đừng

giận nhé, hai chú cũng chẳng giàu có gì, thầy mất đi, gia sản còn có gì đâu! Anh thì đã an phận, tháng tháng có lương bổng đủ tiêu, chứ hai chú, tôi không dám nói thiếu thốn, nhưng giá tự nhiên có thêm vài vạn bạc thì thiết tưởng cũng chẳng nên bỏ, nhất số tiền ấy lại là tiền cô ta đã bòn của thầy, nghĩa là đã chiếm đoạt của anh em chúng ta...

Ấy là anh thiển nghĩ thế.

Nhưng hai chú cùng không bằng lòng ăn thừa tự cô ta. Không bằng lòng thì thôi, chỉ có thế. Việc gì lại đi ngờ vực nhau, giận dữ nhau, thù ghét nhau. Mỗi khi nhận được thư của hai chú hay hai thím viết lên mách tội lẫn nhau, anh lại buồn phiền có khi anh ngồi anh khóc rưng rức và anh bảo tôi: "Tưởng anh em nhà này thì không bao giờ có thể bị cái sức mạnh gì làm li tán nổi. Dù giận nhau, dù ghét nhau đến đâu, chúng ta cũng phải tha thứ cho nhau ngay, khi chúng ta thoáng nghĩ đến cái quãng đời dĩ vãng khổ sở cùng nhau sống dưới sự khinh nhờn, sự áp chế, sự độc ác của người đàn bà ấy".

Tôi hết lời khuyên giải anh. Tôi nói với anh rằng hai chú thì nóng, hai thím thì khí khái, nên nghe thấy người ta nói đến "tiền" đến "thừa tự" đều quá tức giận mà lỡ lời nói nặng nhau một vài câu nhưng rồi thế nào các chú, các thím cũng lại hòa thuận như trước, hơn trước nữa.

Vả hai bên ngờ vực nhau là chỉ muốn cho thẳng thắn, trong sạch như mình. Kỳ thực cả hai cùng trong sạch. Vậy còn ngờ vực nhau làm gì nữa? Nay thiết tưởng chẳng còn cách nào phá tan ngay được sự ngờ vực bằng cách này: là hai chú, hai thím cùng sang chơi cô ta, và trước mặt nhau, trước mặt đông đủ mọi người, nói cho cô ta biết rằng cả hai cùng không nhận ăn thừa tự, việc giản dị đến thế, có gì mà phải để bụng và ngấm ngầm ngờ vực nhau..."

Đọc thư của Trâm, Tính và Chuyên đều xấu hổ. Mấy hôm liền, cả hai cùng im hơi lặng tiếng, không thốt một lời châm chọc, mỉa mai nhau. Còn Trình và Khoa thì đều tỉnh ngộ. Họ cùng nhận thấy tính trẻ con của họ và họ chỉ mong chóng có dịp để xin lỗi nhau.

Vì thế nên Bỉnh vừa về tới nhà là hai bên làm lành với nhau ngay. Và vì thế mới có mấy dòng vắn tắt gửi cho bà Ba.

III

Đưa bức thư cho bà Ba xong, bốn người băn khoăn ngồi chờ tin tức. Và họ nói chuyện phiếm để khỏi có vẻ mong đợi. Hai ba lần Tính đã liếc mắt và khẽ hất hàm ra hiệu hỏi ý kiến chồng. Nhưng thấy Trình vẫn không hiểu, Tính bấm chàng ra hiên để bàn xem có nên giữ em và em dâu ở lại ăn cơm chiều không. Trình bằng lòng ngay và mỉm cười gật luôn mấy cái để tỏ ý khen ngợi và cảm ơn. Rồi quay vào trong nhà, chàng vui mừng bảo Khoa:

– Mời chú thím chiều nay xơi cơm xoàng với chúng tôi nhé.?

Khoa nhìn Chuyên. Chuyên bẽn lẽn, ngập ngừng.

– Thôi... anh chị cho... khi khác.

Cử chỉ, ngôn ngữ của nàng chưa được tự nhiên, thái độ của nàng đối với anh chồng và chị dâu, nhất là chị dâu, chưa trở lại thẳng thắn và thành thực như trước kia. Những câu mỉa mai chua chát của nàng, cũng như những lời bóng gió độc địa của Tính, nàng cố quên, nhưng vẫn luôn luôn như còn văng vẳng bên tai.

Có lẽ Trình và Khoa cũng nhận thấy chỗ khó khăn của hai người đàn bà nên cùng cố làm ra vui vẻ. Vì thế, vừa nghe vợ từ chối, Khoa vội cười, nói át ngay:

– Thưa anh chị, nhà tôi từ chối lấy lệ để được anh chị mời một lần nữa rồi mới nhận lời đấy ạ.

Trình cười theo, giọng cười ầm ỹ để che ngượng nghịu:

– Vậy xin mời chú thím lần nữa, và lần nữa và lần nữa. Thôi chả còn từ chối vào đâu được nhé!

Chuyên không giữ nổi nghiêm trang, cũng phải bật cười lên tiếng:

– Vâng thì chúng em xin nhận lời. Nhưng thế nào mai cũng mời anh chị sang xơi cơm sáng với chúng em.

Trình nhanh nhảu:

– Xin vâng. Mời ăn thì ai nỡ chối bao giờ!

Tính liền đứng dậy đi xuống bếp. Khoa quả quyết muốn làm lành, khẽ bảo vợ:

– Kìa mình, xuống giúp chị một tay.

Nhưng Chuyên lơ đãng ngồi nhìn ra sân, yên lặng không đáp. Giữa lúc ấy, bà lý Thuận hốt hoảng từ ngoài cổng chạy vào:

– Ông Hai, ông Ba có nhà không?

Trình lo lắng nhìn Khoa. Chuyên đứng dậy ngơ ngác:

– Cái gì thế, bà lý?

Bà lý vừa thở vừa kể:

– Cụ đương... ngồi nói chuyện... với tôi... bỗng dưng cụ... ngất đi...

Chuyên cười mũi, lạnh lùng hỏi:

– Cụ nào thế?

– Cụ ấy mà!... Cụ ngất đi.

Giọng Chuyên càng lạnh lùng hơn, hỗn xược nữa:

– Thế à? Ngỡ chuyện gì!

Ngược vì cái cử chỉ kém lịch sự, kém nhân đạo của vợ đối với một người gặp nạn, Khoa giữ vẻ mặt thương xót, hỏi bà lý:

– Đầu đuôi câu chuyện ra sao?

Tính nghe thấy ồn ào, từ dưới bếp chạy lên:

– Chuyện gì thế bà lý?

Chuyên mỉm cười, liếc chị dâu:

– Người ta ngất đi. Cái ngất của người ta thì còn ai lạ?

Khoa khó chịu, đã hơi có giọng gắt:

– Thì mợ hãy để bà lý cho biết đầu đuôi đã nào.

– Thì kể đi!

Tính sốt ruột vội giục:

– Thế nào, bà lý?

– Ấy, cụ cho tìm tôi đến, cụ phàn nàn, rồi cụ khóc mãi rồi cụ ngất đi.

Chuyên quay đi để giấu cái mỉm cười, vì ngắm nét mặt trang nghiêm của chồng, nàng đã hơi nhụt. Nhưng Tính không giữ nổi vẻ vui mừng hài hước, ghé vào tai chồng thì thầm nói theo giọng tuồng:

– Phu nhân lai tỉnh! Ớ phu nhân lai tỉnh!

Trình chau mày chặc lưỡi, rồi sợ bà lý Thuận nghe rõ lời vợ, chàng hỏi lảng một câu ngớ ngẩn:

– Có việc gì không?

Bà lý thúc giục:

– Xin mời hai ông, hai bà sang ngay cho... Chứ một mình cô Cúc thì cô ấy chẳng biết xoay xở thuốc men ra sao.

Chuyên nguýt dài một cái. Tính đùa bỡn hỏi:

– Thế thằng San với cái Tỉu đi đâu cả?

Chuyên cũng tiếp luôn:

– Còn bà lý đấy nhá!

Bà lý Thuận chẳng phải tay vừa, đối chọi lại liền:

– Thưa bà, nói con cháu trong nhà cơ, chứ tôi là người ngoài thì kể làm gì.

– Người ngoài,nhưng là đầy tớ chân tay...

Trình cắt đứt hẳn chuyện:

– Chú Khoa với tôi thử sang xem sao đi!

Chuyên vội kêu:

– Giời ơi! Còn sang làm gì?

Khoa thì thầm bảo vợ:

– Cứ để chúng tôi sang xem cô ta giở những trò gì.

Rồi quay ra nói với anh:

– Đi, chúng ta sang.

Tính nói:

– Có sang thì cũng ăn mặc tử tế đã, chứ đừng đánh cái áo cánh cộc như thế kia mà người ta khinh cho.

Chuyên mỉm cười:

– Cô ngất, còn biết gì mà khinh với trọng.

Bà lý thực thà:

– Bẩm, bây giờ cụ tỉnh rồi, cụ đương ngồi khóc... Có cả sư cụ cũng ở đấy.

Ít lâu nay, Chuyên đã hết kính nể sư Giáp. Nàng bĩu môi nói:

– Cố nhiên là có sư cụ.

Quần áo chỉnh tề – Chuyên đòi được chồng thắng âu phục nữa – Trình và Khoa cùng bà lý Thuận ra đi. Chuyên không chống nổi lòng tò mò thì thầm hỏi Tính:

– Chị có đoán được vì việc gì không? Hay ta cũng thử sang xem?

Tính trù từ suy nghĩ, rồi giọng liều:

– Ừ, cần gì! Ta cứ sang xem sao.

Thế là hai người đi liền, dấn bước để kịp chồng. Lũ con, Nam, Phiên, Đạc và Liên đương nô đùa ở sân, tưởng có chuyện gì vui ở bên "bà Hà Nội" – cái tên mà chúng đã đặt cho bà Ba, vì mẹ chúng cấm chúng gọi bà kia là bà. Chúng ồn ào bảo nhau:

– Cậu mợ sang bên bà Hà Nội, chúng mình cũng sang đi.

Chúng chạy ùa ra cổng. Chuyên quay lại xua về, nhưng chúng cố lẩn lút theo cho bằng được.

Vừa bước được mấy bực thang gác, bọn Trình đã nghe thấy tiếng khóc òa. Kế tiếp những lời kể lể dài dòng.

– Bẩm cụ, hai ông với hai bà đã sang đây ạ.

Bấy giờ bà Ba mới ngửng đầu lên, và giọng đầy nước mắt, làm như đáp lại câu chào của những người mới đến:

– Không dám, các anh các chị sang chơi đấy à?

Bà cầm khăn tay, vừa lau mắt vừa gọi:

– Cúc ơi! Bảo lấy ghế mời anh chị ngồi đi, con.

Cúc ở bao lơn vào, thì Tửu đã bày xong ở cạnh hai phía sập một hàng bốn cái ghế mây có tay vịn. Bà Ba cười buồn nói:

– Mời hai anh, hai chị ngồi chơi.

Rồi làm như chợt nhìn thấy lũ con của Trình và Khoa.

– Cả các cháu cũng sang chơi... thăm bà đấy à? Cô Cúc, mở hộp bích quy chia cho các cháu, nhé?

Chuyên gạt phắt:

– Thôi ạ.

Rồi nàng quắc mắt nhìn lũ trẻ:

– Đã bảo ở nhà, thế mà cũng cứ theo sang. Có về ngay không?

Bà Ba đã niềm nở ngay được:

– Chị để mặc chúng nó. Các cháu ra đây với bà. Già trẻ vẫn ưa nhau.

Tính quay đi giấu cái chau mày. Nhà sư đứng dậy cáo từ vì không thấy ai lưu ý đến mình. Bà Ba vội đứng dậy theo:

– Ấy, mời cụ ngồi chơi xơi nước đã. Với lại tôi còn bạch cụ một câu chuyên riêng cơ mà.

Sư cụ lại lẳng lặng ngồi xuống. Mấy đứa trẻ được chia bánh đã xuống cả dưới sân.

Bà Ba đăm đăm nhìn khoảng trời xanh qua ngọn cây trúc đào trồng bên cửa sổ. Bỗng bà sụt sùi khóc, kể lể:

– Các anh, các chị có thấu tình cảnh cho tôi không?... Tôi nghĩ mà tôi buồn quá... Tôi làm bạn với thầy trong mười mấy năm giời... được một em Cúc...

Chừng không tìm ra ý để nói, mà có lẽ cũng chưa biết rõ mình định đưa câu chuyện đến đâu, bà Ba lại nức nở.

Trình hơi cảm động:

– Có điều gì, xin cô cứ nói cho chúng tôi biết.

– Cực nhục lắm các anh, các chị ạ...

Bà quay sang phía nhà sư, nói tiếp:

– Cụ Giáp đây cũng như người trong nhà, tôi mới dám tỏ rõ câu chuyện nhà ở trước mặt cụ. Cụ biết đấy, quan lớn tôi thật phúc đức quá!

Không bỏ qua một dịp nào có thể lợi dụng được, nhà sư cúi đầu, lễ phép ngắt lời:

– Nam mô a di đà phật, bẩm cụ lớn ông giá Giời Phật để thọ thêm độ vài năm nữa thì nhà chùa đã có cái cửa võng hậu cung thếp vàng rồi. Bẩm cụ lớn ông sắp sửa cho khởi công thì ngài tịch, thành tử cái cửa võng cứ để mộc mãi đến ngày nay.

Bà Ba quên cả buồn, cả khóc, vội kêu:

– Thế à? Sao cụ không bảo. Được! Để rồi tôi xin đứng...

Nhà sư tưởng bà Ba hứa sẽ bỏ tiền ra, nhưng bà ta tiếp luôn:

– Tôi xin đứng ra quyên trong hội Phật Giáo làng ta kẻ ít người nhiều để lấy tiền thiếp vàng cái cửa võng hậu cung.

Nhân tiện, nhà sư nhắc đến "việc hậu" mà nhà sư ngờ rằng bà Ba đã quên bẵng đi rồi:

– Bẩm cụ lớn, cả cái cửa võng ở gian thờ hậu lâu ngày cũng đã cũ lắm, mà ngày xưa các cụ lại thếp bạc chứ không thếp vàng. Giá đủ tiền xin cụ lớn cho sửa sang luôn một thể.

Ngừng một giây, nhà sư lại nói:

– Bẩm cụ lớn, các ông các bà vào hậu từ trước cúng vào nhà chùa cũng chưa được mấy. Có mỗi một bà nhiêu Tề cúng được hai mẫu ruộng là to nhất, thì nhà chùa lại dựng riêng một cái bia để kỷ niệm công đức, còn bà hội Khoai...

Sợ câu chuyện nhà chùa đi xa quá, bà Ba ngắt lời:

– Vâng, rất nên vào hậu, còn gì bằng được các cụ cúng cho, tụng kinh niệm phật cho, để vong linh được siêu sinh tịnh độ, tưởng ai ai cũng nên vào hậu, chứ chả cứ những người vô tự...

Nhà sư vui mừng chấm câu:

– Dạ.

– Nhưng tôi nghĩ đến lúc sống hơn đến lúc chết, cụ ạ. Vẫn biết sống gửi thác về, nhưng mà cảnh già trơ trọi nhiều khi khổ sở lắm, bạch cụ, vì thế mà...

Bà Ba lại ngừng, và nước mắt ở đâu ứa ra rất mau.

– Vì thế mà tôi muốn được một anh trong hai anh cháu... Bây giờ tôi già rồi, cụ ạ... Tôi muốn có người để giao hết các công việc cho... Tiền của đấy, cơ nghiệp đấy, tôi chết thì tôi có mang đi được đâu... Cháu Cúc rồi nó đi theo chồng nó... Cái nghề con gái trông cậy gì được... Nó về nhà người ta, nó khuân của về làm giàu cho nhà người ta...

Như chợt nhớ ra, bà Ba gọi:

– Cúc!

– Dạ!

Cúc ở bao lơn đi vào.

– Con xuống nhà chơi với các cháu, chẳng nhỡ nó ra bờ ao mà xẩy chân thì khốn đấy.

– Vâng.

Cúc lặng lẽ xuống thang gác. Bà Ba hạ giọng:

– Con bé nó oán tôi lắm cơ đấy...

Bà bỏ lửng câu, thành thử không ai hiểu Cúc oán bà về việc gì. Rồi bà tiếp sang chuyện khác ngay:

– Kể ra thì tôi cũng chẳng cần phải xin một anh ăn thừa tự, vì con quan lớn tôi, tôi cũng coi như con tôi cả...

Chuyên giận dữ, yên lặng đưa mắt liếc Tính.

– Nhưng, tôi đã nói, tôi muốn có một anh ở hẳn với tôi như con đẻ với mẹ thực ấy kia... Lạy giời lạy phật, tôi chỉ có một lòng thẳng thắn... Vì thế... (bà Ba nức nở) vì thế nhận được mấy chữ... của hai anh... tôi khổ sở... tôi đau đớn... tôi uất lên...

Và bà lại uất lên. Hai mắt lim dim, bà ngả người về phía sau rồi nằm vật lên đống chăn bông bọc nhiễu đỏ cạp nhiễu xanh. Nhà sư đứng dậy:

– Bẩm cụ lớn, bẩm cụ lớn...

Bà lý Thuận chạy vội lại, đỡ bà Ba:

– Thưa hai bà, hai bà nâng cụ một tí này!

Nhưng Tính và Chuyên chỉ ngồi nhìn. Sợ cái ngất của mình sẽ trở nên khôi hài, bà Ba làm như cố gượng ngồi dậy, tựa lưng vào tường, rên khừ khừ, một tay chống xuống sập, một tay vuốt ngực:

– Giời ơi, khổ sở thân tôi, sao tôi không chết quách đi để khỏi làm phiền biết bao người... Ối quan lớn ơi, quan lớn có khôn thiêng thì quan lớn cho tôi chóng được đi theo... quan lớn...

Lúc bấy giờ người nhà bưng nước chè tầu lên. Uống cạn chén nước nóng, bà Ba bỗng thấy tỉnh táo. Bà lại ôn tồn nói tiếp câu chuyện bỏ dở:

– Tôi vẫn tưởng các anh các chị ưng thuận rồi chỉ còn bàn với nhau xem ai nên nhận lời. Đến lúc tiếp được thư của hai anh, tôi mới ngã ngửa người ra.

Nhưng lần này, bà Ba không ngã ngửa người ra nữa. Sư cụ bèn chêm một câu:

– Thôi, hai ông chả còn phải nghĩ ngợi gì, cụ lớn quý mến hai ông như vàng như ngọc, nên cụ lớn mới khẩn khoản ngỏ lời, chứ trong làng cháu có thiếu người đâu, cụ lớn nuôi ai mà chẳng...

Bà Ba cướp lời:

– Cháu thì nói làm gì! Với lại, trước con rồi sau mới đến cháu, cụ ạ, nhân tâm ai chả thế, phải không, bạch cụ?

– Dạ, bây giờ, thưa hai ông thế này này: ông Hai thì thờ cụ lớn bà... đã quá cố... còn ông Ba thì ở... hầu cụ lớn... đây...

Tính trừng trừng nhìn sư cụ:

– Thiết tưởng việc nhà chúng tôi, sư cụ biết thế nào mà bàn.

Sư cụ cười khó khăn, hai đuôi mắt nheo dài và xếch lên thái dương, cặp môi mỏng sẽ rít lại và hé ra một lỗ sâu, khoảng chiếc răng gẫy; toàn dung mạo nhiễm đầy vẻ hỗn xược.

– Thưa bà, nhà chùa cũng bàn góp thế thôi, còn quyền định đoạt thì ở cụ lớn kia chứ!

Thấy tình thế trở nên gay go, bà Ba liền phỉnh bọn con chồng một câu:

– Kể ra thì quyền định đoạt ở các anh các chị ấy, các anh các chị ưng là xong ngay.

Liếc nhìn nét mặt dữ tợn của Tính và nét mặt lạnh lùng của Chuyên, bà Ba cho rằng nhà sư đã vô tình nói hớ. Nhưng sự thực, nhà sư không vô tình, mà chính cố ý thốt ra những câu chua chát, đau đớn. Vì bao giờ người tu hành ấy cũng nhớ đến mục đích của mình trong những lúc "hầu chuyện cụ lớn". Mục đích ấy là việc "vào hậu" với tất cả quyền lợi của chùa trong việc đó. Không lúc nào nhà sư thấy cần phải phấn đấu cho quyền lợi bằng lúc này.

Quyền lợi! Hai tiếng ấy đã hầu như mọc rễ trong khối óc sư cụ. Mà sư cụ cũng không giấu giếm ai rằng mình nghĩ đến quyền lợi của nhà chùa, tranh đấu cho quyền lợi của nhà chùa. Trái lại, sư cụ còn khoe khoang nữa, khoe khoang cái tài làm giàu của mình với các ông kỳ hào, tộc biểu:

"– Đấy, các cụ coi, lúc tôi đến thì chùa xiêu tượng nát. Bây giờ tôi đã xây lại chùa, tô lại tượng, đúc lại chuông, tậu thêm ruộng thêm vườn".

Đừng nói đến thuyết "diệt dục" với sư cụ, sư cụ chẳng hiểu gì đâu. Đạo Phật của sư cụ không phải là cái đạo huyền bí, cao siêu, cái đạo thoát tục của Thích Ca. Nó chỉ là mấy câu kinh câu kệ học thuộc lòng, nó chỉ là những cái bùa yểm ma và sự chí thú làm giàu cho nơi mình trụ trì.

Nhưng điều sau cùng này, người ta rất ngờ vực. Và người ta thì thào với nhau rằng sư cụ nói đến quyền lợi của chùa để lấy cớ thu quyền lợi về cho mình, cho nhà mình. Vì người ta thấy nhà sư cụ một ngày một thêm giàu, và thằng cháu sư cụ năm nào cũng tậu ruộng, hoặc sửa sang lại nhà cửa.

Người cháu ấy thỉnh thoảng có đến thăm sư cụ. Người ta đồn là đến thúc tiền, đến bòn của. Và cho bõ ghét, người ta bảo nhau:

"Cháu gì, con cụ đấy! Các bà xem, giống nhau như lột!" Có người lại quả quyết rằng mẹ người cháu nhiều lần đến chùa, đêm khuya mò vào phòng sư cụ.

Chẳng rõ những chuyện ấy thực hay hư, nhưng một điều ai ai cũng biết chắc chắn là sư cụ thích tiền, thích làm giàu, dù làm giàu cho nhà chùa hay làm giàu cho nhà mình cũng vậy. Những thiện nam tín nữ của sư cụ, sư cụ chia làm ba hạng: hạng giàu, hạng đủ ăn và hạng nghèo. Hạng trên mời cụ đến cúng, cụ sốt sắng và thân hành đi ngay. Hạng giữa, cụ cho sư bác đi thay. Còn hạng dưới thì đừng có hòng "thỉnh cụ", và nếu muốn xin bùa xin dấu, phải cúng tiền ngay, cái lệ mà không bao giờ cụ thi hành với người giàu.

"Giàu có sung sướng thực!"

Câu ấy luôn luôn ở trong miệng người tu hành. Nhưng sư cụ thường thêm ngay:

"Tha hồ làm phúc làm đức, đi lễ đi bái, dựng chùa, dựng chiền. Thực phú quý sinh lễ nghĩa".

Và sư cụ không quên kể những chuyện hằng sản hằng tâm, những tấm lòng nhân đức đối với đạo Phật. Cái tên "bà Hưng Ký" người làng Giáp không ai không thuộc, tuy trong bọn thiện nam tín nữ, chẳng mấy người đã đặt chân tới Hà Nội, chứ đừng nói tới chùa Hưng Ký vội. Dù thế mặc lòng, họ vẫn kể đi kể lại cho nhau nghe những cái đẹp, cái lạ của ngôi chùa, làm như chính mắt mình đã trông thấy chứ không phải thuật theo lời khoác lác của sư cụ:

– Úi giời ơi! Các bà cụ, cụ Hưng Ký bỏ ra mười vạn để xây một ngôi chùa. Những đất cũng đã đến hàng vạn rồi! Các bà tính đất người ta bán thước chứ có phải bán mẫu, bán sào như ruộng dưới ta đâu. Mười mấy đồng một thước đấy!

Một người nghe tròn xoe mắt nhìn và kêu:

– Mười mấy đồng một thước? Chừng thước tây đấy chứ!

– Ừ thì thước tây nữa. Thế mà đất chùa rộng tới ba mẫu. Còn chùa thì chả phải nói! Xây một cái tam quan cũng tốn hơn dựng cả một ngôi chùa khác rồi.

Dựa vào lời sư cụ, họ thêm thất bịa đặt những điều vô lý. Họ trộn lẫn loạn xạ những sứ, những vàng, những tượng, những kiểu Tàu, kiểu Tây.

Ngoài bà Hưng Ký, sư cụ còn tán dương công đức một người nữa: Ông Thanh Hương. Ở làng Giáp không ai biết tên thực của ông ta là gì, Thanh Hương là tên hiệu của ông ta, một hiệu bán thuốc lào rất có tiếng ở Hà Nội. Nhờ về việc thương mại ấy mà ông ta có một cái tài sản to. Người ta cũng không biết to bao nhiêu, chỉ biết ông Thanh Hương đã bỏ ra bốn, năm vạn – có người nói mười lăm vạn – để cúng vào chùa này, chùa nọ và nhất là để dựng một ngôi chùa tuy không lớn bằng chùa Hưng Ký, nhưng cũng lớn lắm, nếu cứ tin ở lời huyên truyền của người làng Giáp.

Ông Thanh Hương, không như bà Hưng Ký mà người ta chỉ biết tiếng, ông Thanh Hương, ai ai cũng đã gặp mặt, một vẻ mặt lù rù, và đã nghe thấy giọng nói, một giọng nói lù rù. Ông ta người hạt Bắc Ninh. Thỉnh thoảng ông ta về làng Giáp chơi không phải vì ông ta mến đức cụ Giáp hay để xin bùa của cụ. Ông ta chỉ về thăm, về "hầu cụ Án bà". Ngày xưa cụ Án đã trị nhậm huyện ông ta, sau lại làm án sát Bắc Ninh, và đã trông nom cho ông ta nhiều lần, nhất là lần ông ta ra tranh lý trưởng. Nhớ ơn, ông ta năm năm về làng Giáp cúng giỗ, lễ tết, ngay từ hồi cụ Án mới về hưu. Và sau khi cụ Án qua đời, ông ta vẫn không quên lệ cũ.

Bà Ba quý trọng Thanh Hương một cách đặc biệt, quý trọng vì ông ta giàu cũng có, nhưng nhất vì muốn dương oai với người làng. "Ông Thanh Hương, thầy tớ quan lớn ngày trước", bà nói với khắp mọi người, cả trước mặt ông Thanh Hương. Và nhà trọc phú có lẽ cũng coi sự làm "thầy tớ" cụ Án là một hãnh diện, một danh giá đối với bọn người làng Giáp.

Giới thiệu Thanh Hương với sư cụ là một việc không cần cho bà Ba. Lần đầu về làng Giáp, Thanh Hương đã ra chùa lễ rồi: Một người mộ đạo Phật như Thanh Hương đi tới đâu mà nhãng quên sao được cái việc quan hệ ấy, huống chùa Giáp lại là một chùa có tiếng, có tiếng vì sư cụ cao tay, và vì bà Ba quảng cáo.

Thanh Hương đã cúng vào chùa làng Giáp rất hậu, nhưng không phải vì thế mà mỗi lần hầu chuyện bà Ba, nhà sư nhớ nhắc đến các việc phúc đức của ông ta: sư cụ chỉ muốn bà Ba theo gương Thanh Hương mà trở nên rộng rãi đối với chùa làng Giáp như ông kia đã bỏ tiền ra không tiếc cho chùa làng ông ta. Sư cụ còn ngấm ngầm ao ước hơn thế nữa: làm chủ nhân số một trăm mẫu ruộng của

bà Ba ở làng Giáp. Sự mong mỏi ấy nhà sư không cho là viển vông, nhưng cũng nhận thấy khó khăn vì đã biết rõ cái tính chặt chẽ, bo siết của bà ta.

Nhà sư đã hầu thất vọng thì xảy ra việc "thừa tự". Việc ấy không những không đi ngược, mà trái lại, còn giúp cho quyền lợi của sư cụ. Là vì để tự nhiên thì bà Ba không thấy "vào hậu" là cần cho linh hồn bà sau này. Việc thừa tự trong một gia đình lộn xộn, lục đục, sẽ mở rộng mắt bà ra và sẽ làm bà lo sợ, kinh hoảng cho tương lai, cho vong linh bà. Miễn là khéo xoay!

Khéo xoay! Tất cả tâm lực, tất cả thông minh, tất cả xảo trá, nhà sư đều để vào đấy. Và trong óc nhà sư nảy ra không biết bao nhiêu cơ mưu quỷ quyệt. Có đêm nhà sư thức suốt sáng để tìm kế, và nhiều lần, lẩm bẩm nói một mình: "Khi nào bà ta tha thiết việc vào hậu hơn việc thừa tự là được!"

Vì thế nhà sư thấy cần phải năng ở bên cạnh bà Ba, để luôn luôn đem những cái đẹp, những cái hay, những cái đáng sợ, nhất là những cái đáng sợ của đạo Phật mà dụ bà. Và nhà sư mừng thầm rằng hiện đang đi đến sự đắc thắng. Hai anh em ngờ vực nhau, nhà sư cũng không phải không có chút công lao vào đấy. Còn như cái việc thừa tự mà bà Ba vẫn xoắn lấy, nhà sư không coi là một việc nguy hiểm cho quyền lợi của mình nữa. Nhà sư thừa biết rằng thực ra, trong thâm tâm, bà Bà vừa thù, vừa ghét hai anh em Trình. Vả hai người đàn ông nhu nhược ấy, nhà sư cho không phải là tay địch thủ. Địch thủ gì hạng người không quả quyết bao giờ, nhất lại không bao giờ có chí làm giàu!

Nhưng hai người vợ thì hơi đáng sợ. Nhà sư cho rằng tuy ngoài mặt họ làm ra không thiết của, kỳ thực, lòng dục vọng của họ đã lên tới cực điểm. Vì thế họ tức tối, oán giận nhau, người nọ chỉ sợ người kia chiếm mất cái gia tài mà cả hai cùng thèm muốn.

Ban nãy, được tin bà Ba ngất đi, nhà sư hấp tấp đến thăm, trong lòng băn khoăn nửa mừng nửa lo.

Việc đầu tiên của nhà sư là đốt dấu và thư phù vào bát nước mưa rồi đưa cho bà Ba uống sau khi đã ngầm bỏ vào đấy một ít bột thuốc "giải nhiệt tán" mua ở một hiệu bào chế Tàu. Rồi khi bà Ba đã thuật lại cho nghe đầu đuôi câu chuyện vừa xảy ra, nhà sư khéo não nuột thở dài và phàn nàn:

– Lạy Phật tổ, thực các ông, các bà ấy không biết điều một tí nào, chỉ làm phiền cụ lớn!

Bà Ba cũng thở dài phàn nàn:

– Bạch cụ, lắm lúc tôi chán gia đình quá. Đấy cụ coi cảnh gia đình nhà quan Án tôi. Các cụ bỏ cửa bỏ nhà đi tu thực cũng phải... Gia đình như thế thà chẳng có gia đình còn hơn.

– Dạ, đức Phật Thích Ca là con vua mà cũng bỏ nhà đi tu đấy ạ.

– Bạch cụ, đức Phật là Phật là Giời, tôi chẳng dám ví, nhưng trong cảnh gia đình nhà tôi lắm lúc tôi cũng thấy tôi khổ như đức Phật. Câu chuyện ngớ ngẩn của hai người chẳng ăn nhập gì với hoàn cảnh hiện tại. Sự thực, cả hai cùng đương theo đuổi một ý nghĩ thầm kín: Bà Ba cốt tỏ với sư cụ rằng mình coi hai người con chồng như con mình. Còn sư cụ thì muốn đưa bà Ba tới chỗ "vào hậu", tới chỗ đem gia sản cúng chùa. Vì thế, sư cụ đáp lại bà Ba:

– Bẩm cụ lớn, gia đình thực phiền phức, thực khó chịu như lời cụ lớn truyền, bẩm cụ lớn nghĩ mà xem, ông Thanh Hương thì ông ấy thiếu gì cháu. Anh ông ấy con đàn cháu đống, hai em ông ấy cũng gia đình đông đúc. Thế mà ông ấy có thiết gì đến gia đình! Giời bắt hiếm hoi, ông ấy có nuôi cháu để cho ăn thừa tự đâu? Ông ấy chỉ nghĩ đến làm việc phúc, hết cúng vào chùa này, lại xây dựng chùa kia, rồi nào đúc chuông, nào tô tượng, thôi thì đủ các việc phúc việc đức. Ông ấy bảo chúng tôi rằng để tiền cho các cháu chúng nó chơi bời lêu lổng, không bằng đem dâng cúng Phật...

Bất giác bà Ba mỉm cười. Bà thấy sư cụ quá vụng về. Bà hiểu thấu sư cụ cũng như hiểu thấu bọn con chồng. Nhưng bà vẫn tưởng sư cụ là người rất mực khôn ngoan, khéo léo, chứ có đâu lại tán tiền một cách trống trải như thế? Người đời, lúc nào bà cũng nhìn thấy họ quay cuồng, lừa lọc. Lòng người, bà thường trông thấy rõ các màu của nó hiện ra trong cuộc thí nghiệm.

– Bạch cụ, cụ nói rất phải.

Câu nói như buột miệng thốt ra, bà Ba đã để cả tâm trí vào việc khác, vào việc đối phó với bọn con chồng. Vì lúc ấy, bà nghe thấy tiếng giầy anh em Trình lên thang gác.

*

*   *

Một lát sau, nhà sư về chùa. Một phút im lặng. Rồi bà Ba bắt đầu:

– Phúc đức quá, năm nay cụ sáu mươi bảy tuổi đầu mà vẫn khỏe mạnh... như hạng trẻ giai.

Chuyên mỉm cười rất xược, chừng để mai mỉa tiếng trẻ giai mà bà Ba đã dùng một cách rất tự nhiên và thẳng thắn.

– Người ta đồn sư cụ có chán con đấy.

Bà Ba cặp mắt trợn trừng:

– Chết! Bậy quá, tội chết... sao chị nỡ...

Chuyên chẳng chịu nhụt:

– Thưa cô, thì tôi cũng nghe thấy người ta đồn thế... Vả thời buổi này, như thế là thường.

– Sao chị biết?

Lòng căm tức khiến bà Ba ném ra câu trào phúng gọn gàng ấy. Nhưng bà chợt nghĩ lại và nói lảng ngay:

– Sư cụ chùa ta thực là một vị chân tu đắc đạo. Đấy, hai chị coi, từ ngày cụ về tu ở chùa ta, cụ đã tu bổ chùa hai lần rồi. Lại tậu được thêm ruộng, thêm vườn.

Khoa mỉm cười, nghĩ thầm:

"Vậy ra tậu ruộng tậu vườn là chân tu đắc đạo?"

Thấy câu chuyện đã trở nên nhạt nhẽo, buồn tẻ, Trình đứng dậy chào xin về. Ba người kia đứng lên theo. Tức thì bà Ba lại nhớ đến vở kịch đương đóng giở và mếu máo nói:

– Khổ quá, nào tôi đã nói xong câu chuyện với hai anh, hai chị đâu mà đòi về được!

Bốn người đưa mắt nhìn nhau. Bà Ba nói luôn:

– Thì mời các anh, các chị hãy cứ ngồi xuống một tí nữa đã nào.

Bà quay bảo bà lý Thuận chắp tay đứng phía sau:

– Chị lý, chị đưa hộ tôi hộp bích quy.

Rồi mở nắp ra mời:

– Anh chị xơi tạm. Ăn thừa các cháu cũng chẳng sao, phải không?

Trình và Khoa cùng đỡ lấy chiếc bánh và cùng lí nhí nói:

– Cám ơn cô.

– Còn Tính và Chuyên thì cùng giơ tay ra gạt:

– Cảm ơn cô.

Chuyên tiếp luôn:

– Tôi hơi đau bụng.

Bà Ba tươi cười:

– Cả hai chị cùng đau bụng? Khéo bảo nhau nhỉ?

Đương chuyện ấy, bà nhảy ngay sang chuyện khác:

– Hai chị ạ, lắm lúc tôi chán quá, tôi định đem hết tài sản cúng vào chùa, cúng hết vào chùa.

Rồi bà lại cười:

– Kìa hai anh xơi nữa đi chứ.

– Xin đủ ạ.

– Đủ gì mà đủ! Anh phải ăn nữa.

Vừa nói, bà vừa ấn vào tay mỗi người đàn ông một cái bánh.

Chờ mãi không thấy bà Ba, trong câu chuyện huyên thiên, quay về việc thừa tự và nhất là việc cúng hết tài sản vào chùa, hai người đàn bà lại đứng dậy chào:

– Thôi, chúng tôi xin về.

Bà Ba cũng đứng dậy theo:

– Các anh các chị nhất định về à? Vâng thì các anh các chị về. Thỉnh thoảng sang chơi nhé!

Lần này bà quả quyết không giữ nữa.

IV

Bà Ba giục giã Cúc sửa soạn để đi Hà Nội. Bà vừa nhận được tin trúng tuyển của con rể, trong một bức điện tín dài dòng: "Đậu cử nhân luật hạng bình. Sẽ xin về Giáp bái yết me và thăm em Cúc – Phan".

Để chiều cái tính háo danh của bà Ba, Phan đã không tiếc tiền, và đã coi thường nụ cười chế nhạo của người giữ việc đánh giây thép ở sở Bưu chính, khi người ấy nhẩm đọc cái văn chương khoe khoang của chàng.

– Thế cậu ấy đề gửi cho me hay cho con?

Bà Ba vui vẻ hỏi, miệng mủm mỉm cười với bóng mình trong gương đứng, vì bà đương đội khăn. Cúc bẽn lẽn, đỏ ửng hai gò má.

– Cậu ấy đề gửi cho con à?

– Không, ... gửi cho me.

– Đề thế nào cơ, hử con?

Cúc cầm bức điện tín đọc:

– "Cụ lớn Án, làng Giáp...".

Sung sướng tràn ngập trong lòng, và lộ ra trên nét mặt bà Ba.

– Người có học thức bao giờ cũng giữ lễ độ. Me đến ghét những đứa học hành dở dang chẳng biết phép tắc phép tiếc gì cả. Viết thư cho người An Nam với nhau mà đề bà đầm nọ bà đầm kia là cái nghĩa lý quái gì? Lại mấy cái thằng nhãi ranh con dì phán Cả nữa, lần nào viết thư cho mình, cũng bày vẽ bà đầm vơ bà đầm viếc nhắng nhít lên. Còn lão Phán, thằng bố chúng nó thì chẳng biết kiêng nể gì, có lần nó đề toẹt ngay tên thầy con lên phong bì, me đã mắng cho mất mặt đi...

– Bẩm me, theo cách đề phong bì của người Tây...

Bà Ba bĩu môi:

– Tây với Tàu! Có Tây nửa mùa ấy! Cậu cử dễ cậu ấy không thuộc pháp luật Tây à? Thế sao cậu ấy không đề bà đầm Thân?

Bà Ba là người đa nghi. Giá lúc khác, và giá người khác gửi thư cho bà mà ngoài phong bì viết dài dòng như cái điện tín của Phan, thì chắc, trong thâm tâm bà đã ngờ vực rằng người ấy nịnh hót bà, tuy ngoài mặt bà vẫn phớn phở sung sướng. Nhưng người gửi là Phan vừa đậu xong cử nhân, nên bà không kịp nghĩ ngợi xa gần: cái mừng con gái sắp được thực thụ lên bà lớn đã chiếm lấy cả tâm hồn bà, làm bà mê man cuống quýt.

Song, không phải vì nóng được mừng con rể mà bà Ba vội vàng đi Hà Nội. Vả bức điện tín của Phan cũng chỉ chứng thực cái tin

đã hầu chính thức: Anh người nhà trên Hà Nội, mà bà Ba cho chầu chực bên cạnh Phan trong những ngày thi, đã về làng Giáp từ hôm trước để báo tin cho bà biết rằng Phan vào xong các kỳ vấn đáp rồi và kỳ nào cũng rất khá.

Bà Ba vẫn đi lại hay cho người nhà lại hỏi thăm sặn sóc đến Phan một cách thân mật, cảm động như thế. Ngay từ hôm chạm mặt, bà đã coi Phan là chàng rể của bà rồi, nay cho thức này, mai cho thức nọ. Sau lễ hỏi, Phan đã được phép nói chuyện với Cúc ở trước mặt bà, làm thế để ra vẻ con nhà gia giáo cũng có, nhưng nhất là để bà có thể nâng đỡ con trong câu chuyện thử thách hay khoe khoang. Buổi đầu Phan còn cố ý làm ra ngượng ngập, bẽn lẽn. Nhưng sau thấy bà Ba luôn luôn xưng me với mình, chàng trở nên mạnh bạo, kêu bà là me và gọi Cúc là em bằng một giọng rất tự nhiên, âu yếm nữa.

Vậy bà Ba hấp tấp đi Hà Nội, ngay sau khi nhận được bức điện tín, thực không phải vì sự đắc thắng của Phan mà bà đã chắc từ trước. Chỉ vì bà không muốn để Phan về làng Giáp. Trong những câu chuyện với con rể, bà thường nói đến gia đình ông Án, cố tỏ cái oai quyền của bà trong đám con chồng bằng cách xưng hô hách dịch, bằng cách khoe mẽ quá đáng. "Bẩm me con thế này, con thế nọ". Có khi bà lại đi quá xa trong sự hãnh diện đối với con rể: "Thằng Khoa, nó thế mà khá hơn thằng Trình. Tôi không đẻ ra nó, chỉ có công nuôi nấng nó thôi, nhưng nó coi tôi chẳng khác gì mẹ nó".

Vì có những lời khoác lác ấy, nên bà Ba rất sợ cuộc gặp mặt của Phan với bọn con chồng. Còn đâu là thể diện của bà, nếu đứng trước mặt chàng rể, Khoa thốt một câu vô lễ, hay Trình lộ vẻ mặt lạnh lùng. Nói gì đến Tính và Chuyên, nhất là Chuyên! Bọn ấy đương lập tâm hạ bà xuống, bêu xấu, bêu nhuốc bà, thì nhân dịp chàng rể về làng, họ nể nang gì mà không giở cái tàn ác thô lỗ của họ ra.

Những điều ấy bà Ba thường lo sợ nghĩ tới. Và việc thừa tự bà nêu ra không hẳn không phải là một mưu kế khôn ngoan để dử bọn kia mà bà ngờ rằng có thể làm khó dễ cho nhân duyên của con gái bà ta.

"Quý hồ công việc xong xuôi đã! Sau này dù bọn chúng nó có định tai ác, mình cũng chẳng cần. Mình sẽ bảo Phan rằng mình tuyệt tình với chúng nó, "từ" chúng nó vì một câu chuyện bất bình gì

đó. Rồi cấm hẳn vợ chồng Phan không cho lai vãng chơi bời với chúng nó. Thế là ổn thỏa... Nhưng bây giờ thì thế nào cũng phải giữ kín... cũng phải khôn khéo lắm mới được...".

Cái tính giả dối, trí trá, cái lòng ác nghiệt lúc nào cũng định phá hoại việc này, mưu xử việc khác đã làm cho bà Ba nên đa nghi, luôn luôn tưởng tượng trông thấy những cạm bẫy người ta ngầm đặt chung quanh cuộc hôn thú của Phan và Cúc.

– Cúc!

– Dạ.

Cúc vẫn không ngừng tay đánh phấn.

– Con cũng chẳng cần nói cho ai biết rằng Phan đã đỗ xong cử nhân luật, nghe?

Cúc bẽn lẽn không đáp, tuy lòng bồng bột sung sướng.

– Nhất với các anh, các chị ấy con lại càng không nên nói.

Bà Ba sợ hãi, sợ hãi vô căn cứ. Nhưng bà cũng cố xoay thành một bài luân lý, – cái tính giả dối của con người ta không mấy khi bỏ qua một dịp nào có thể biểu lộ được mà lại không biểu lộ ra:

– Chả nên để ai ghen ghét mình, con ạ. Ở đời nhũn nhặn thì thường tránh được lòng tức tối của quân tiểu nhân.

Cúc hơi có giọng gắt:

– Con nói làm gì!

– Thì me cũng dặn con thế.

– Với lại cần gì phải giấu giếm. Tức tối thì tức tối! Tức tối, dễ các anh các chị ấy ăn thịt được con hay sao?

Bà Ba im lặng ngồi suy nghĩ. Bà ngờ vực tưởng đến những bức thư nặc danh mà người ta có thể gửi cho Phan để nói xấu mình và con mình, để hòng phá việc hôn nhân của Cúc.

Cúc bỗng cười sằng sặc:

– Me tính giấu nổi ai? Hôm nọ anh Lung ở Hà Nội về, anh ấy bảo chắc Phan đỗ thủ khoa...

Cúc lại cười, trong lòng khoái trá. Tiếng máy ô tô vào sân. Bà Ba giục:

– Xong chưa, cô cử? Sắp sửa đi thôi chứ, đứng đấy mà cười mãi à?

Thằng San và cái Tỉu, mỗi đứa đội một cái va li đi xuống gác. Bà Ba và Cúc theo liền xuống.

Một lát sau, cái xe hòm yên lặng ra khỏi làng Giáp. Những người láng giềng nghe thấy tiếng còi điện, mới biết rằng bà Ba đi Hà Nội.

Ngồi trên xe, bà Ba vẫn còn áy náy, lơ đãng trông ra hai bên đường, chẳng kịp nhớ như mọi lần thét mắng lũ trẻ chạy theo bám vào tai xe, hay định nhảy lên cái hòm chứa ở phía sau.

Nhưng chỉ khoảnh khắc bà đã cười, nói một mình:

– Rõ mình cũng lẩn thẩn.

Cúc quay lại hỏi:

– Me bảo gì cơ ạ?

– Không, con ạ.

Bà Ba vừa chợt nghĩ đến cái tính nhu nhược của bọn con chồng. Và bà thấy bà quá sợ viển vông: "Cứ xếp ngay họ vào một xó là xong. Ngữ ấy thì còn làm nổi trò trống gì?".

Một câu nói của Cúc kéo bà sang việc khác, việc thiết thực hơn:

– Cái xe của me kêu dữ quá, me ạ.

Bà Ba mỉm cười nhìn con gái yêu:

– Chà, đi được thì thôi! Dùng tám năm rồi còn gì.

– Hôm nọ anh cử anh ấy bảo tài xế bẩm me sắm cái xe khác.

Chính Phan đã xui Cúc xin bà Ba đổi xe mới. Nhưng nàng nói chệch đi Phan bảo tài xế. Bà Ba lặng thinh không đáp. Bà tưởng tới người con rể. Câu bắn tin của Phan khiến bà nghĩ ngợi: "Chưa cưới mà cậu ta đã đòi ngầm thứ nọ thứ kia rồi!". Nhưng bà tự trấn tĩnh ngay: "Chừng đó cũng là một câu nói cho vui miệng!".

– Giá me đổi cho hiệu lấy cái xe mới...

Bà Ba trừng trừng nhìn Cúc:

– Đổi lấy xe mới?

– Vâng, chỉ các độ hơn một nghìn là cùng.

– Hơn một nghìn! Thì hãy hơn một nghìn.

Làm gì ra hơn một nghìn bây giờ?

Cúc phụng phịu nhìn qua cửa kính ra bên đường. Bà Ba

cũng nhìn theo, và giơ tay trỏ bảo con:

– Kia kìa mày trông, người ta đi chân còn được, nữa là.

Rồi bà trở nên nhân đức:

– Con phải biết mình có cái xe mà đi đã là sung sướng lắm rồi. Ở đời có bao nhiêu người khó nhọc, khổ sở, sao con không nghĩ đến người ta, mà chỉ nghĩ đến mình?

Cúc cười xòa, nũng nịu:

– Con vẫn nghĩ đến người ta, nhưng con nghĩ cả đến cái xe ô tô mới của me nữa.

Bà Ba nói dỗi:

– Thì nhà đấy, vườn ruộng đấy, cô bán đi lấy tiền mà mua ô tô. Chứ tiền sẵn thì tôi không có. Cô tưởng một nghìn bạc ít lắm hay sao! Cô đã trông thấy đấy, bán thóc nài mỏi mồm mới được mỗi thùng thêm một trinh... Đấy rồi cô ra giao thiệp với đời, cô mới biết rằng kiếm được đồng tiền là khó khăn. Khôn khéo cũng có, nhẫn nại cũng có, nhiều khi phải thật thà mà nhiều khi cũng phải lừa lọc.

Bà Ba nói đến mánh khóe làm ăn để lảng chuyện sắm ô tô mới. Ít lâu nay bà hơi nhu nhược đối với con gái, nhất từ khi con chính thức trở nên vị hôn thê một sinh viên trường luật sắp sửa thi đậu cử nhân.

Mới tháng trước bà đã phải bỏ ra hơn hai trăm bạc mua cho Cúc một cái nhẫn kim cương và một cái vòng ngọc thạch, vì Cúc nằng nặc đòi cho bằng được.

Cúc ngồi chú ý lắng tai nghe những lời chí thú của bà Ba. Nhưng lúc bà ngừng nói, nàng lại quay về việc ô tô:

– Giá cứ ở lỳ xó làng Giáp thì cũng chả sao, nhưng vác cái ô tô tã này đi Hà Nội... con tính chả tiện tí nào... con thấy người ta đứng lại nhìn xe nhà chạy qua, mà con ngượng ngượng là.

– Cô ngượng thì cô đừng ngồi nữa... Chờ khi nào chồng cô đi làm quan, có tiền bỏ ra mà mua xe đẹp... Chứ gái già này chỉ có thế.

Cúc im hẳn, đương tìm chuyện để nói lảng thì bà Ba lại tiếp luôn:

– Với lại cô phải biết, đó là cái kỷ niệm của thầy, nên tôi muốn giữ nó hết đời tôi. Mỗi lần ngồi vào xe tôi lại nhớ đến thầy. Cô thì cô biết gì. Cô chỉ nghĩ đến sang, đến ăn, đến chơi. Ngày giỗ thầy cô chả

được lấy một giọt nước mắt. Rồi nay mai về nhà chồng, cô quên nốt cả tôi đi... là xong.

Bà Ba cảm động, hai dòng lệ trào ra hai bên má.

Hơn ba giờ sau, xe tới Hà Nội. Bà Ba mặt hơi tái, run lập cập bước xuống rìa hè, bảo Cúc:

– Mới sang tháng mười mà đã rét thế.

– Chắc là bão rớt đấy, me ạ. Tháng trước chẳng rét mấy hôm rồi lại nóng ngay đấy thôi.

Cúc mỉm cười nói tiếp:

– Với lại cũng một phần vì cái xe hở lung tung gió mới lùa vào. Ấy là không kể cái tội dầu khét, đóng kín cửa thì ngạt hơi không thở được, mà mở cửa thì rét.

Bà Ba không thèm để ý đến những lời dai dẳng của Cúc nữa. Bà hớn hở chào lại bà cả Cấp vừa cùng hai đứa con nhỏ và bọn người nhà chạy ra cửa đón bà.

– Dì cả đấy à?

Cúc chắp tay và hơi nghiêng đầu:

– Lạy dì ạ.

Bà cả Cấp là em cùng mẹ khác cha với bà Ba. Chồng bà ta làm thư ký ga Hà Nội, trước nhà ở gần nhà bà Ba. Nhưng từ khi góa mà lại thường phải xa vắng Hà Nội, bà này đã bảo vợ chồng em đến ở hẳn nhà mình cho vui.

– Thế nào dì, hai bát họ dì vẫn đóng cho tôi đấy chứ?

– Vâng, em vẫn đóng.

– Món nợ đằng hàn Tư dì có thúc cho tôi không?

– Đã, bà ta hứa mai kia đem đến nộp chị.

Cúc vội hỏi:

– Món nợ bao nhiêu thế, dì?

– Cụ hai nghìn, cháu ạ. Bà Hàn dựt tạm để mua tơ.

Cúc vỗ tay reo:

– À! Thế me mua ôtô mới nhé?

Bà Ba quắc mắt lườm con:

– Mua với bán gì! Tiền làm ăn của người ta đấy.

Rồi bà quay sang bảo bà Cả.

– Có phải không dì, nó muốn đi ô tô sang thì rồi nó bảo chồng nó mua cho nó. Chúng mình già rồi, dùng ô tô móm mém cũng được.

Bà Cả chợt nhớ ra:

– À, thưa chị, cụ Huyện vừa cho người lại hỏi đường đất, đi làng Giáp. Nghe đâu cụ định mai cùng đi với cậu cử về Giáp thăm chị.

– Thế à! Vậy dì cho người lại ngay nói với cụ Huyện rằng tôi đã lên Hà Nội, và mời cụ lại chơi nhé?

– Vâng. Em xin cho đi ngay. À, em nghe nói chị định nuôi vợ chồng cậu Khoa làm... thừa tự phải không?

– Ai bảo dì thế?

– Việc ấy người ta đồn ầm cả lên. Hôm nọ bà Hai, bà mối ấy mà, đến chơi, bà ấy hỏi em, em cũng bảo chị chưa định ra sao, mà cũng chưa bao giờ ngỏ cho em biết, em nói thế có được không?

– Dì nói thế, phải đấy. Vậy dì cho nó đi báo tin cụ Huyện biết ngay rằng tôi đã lên Hà Nội nhé!

– Vâng.

Bà Ba theo bọn người nhà khuân vác hòm siểng và va li lên gác, vì mỗi lần đi Hà Nội hay về làng Giáp, bà thường đem theo đủ các thức cần dùng xếp chật ních lên cái ô tô cũ.

V

Một lát sau nghe tiếng léo xéo ở nhà dưới, bà Ba đã tưởng mẹ con chàng rể đến. Nhưng đó chỉ là bà Hai.

Bà Hai, một người bé nhỏ, hầu loắt choắt trong cái áo mền the lót nhiễu cầu kỳ may chẽn. Nét mặt đều đặn, chân tay xinh xắn, bà trẻ hơn tuổi nhiều. Bà cũng biết thế và vẫn lấy làm tự hào. Trong những bàn tổ tôm không mấy khi bà quên thuật một câu chuyện về tuổi bà, mà mỗi lần bà thay đổi đi đôi chút cho được tự nhiên. Chẳng hạn bà thượng nọ, bà án kia hỏi năm nay bà đã đến năm mươi chưa. Hay con mẹ phủ Đ. tưởng bà mới bốn nhăm là cùng. Rồi bà cười the thé tiếp liền:

– Thế mà năm tư rồi đấy, các cụ ạ. Già lắm rồi còn gì!

Sự thực, bà Hai chưa già, và cũng chưa muốn già. Lượt phấn dầy bà dùng để che lấp những nét dăn trên má đủ chứng tỏ điều ấy. Nhưng cũng không phải bà trang điểm để được người ta ngắm nghía. Không, đó chỉ là một thói quen của những bà đồng. Vì bà Hai là một đệ tử rất trung thành của các cửa đền, của phủ. Mỗi khi hầu bóng, trong khuôn chữ nhật chiếc gương đá cái mặt trắng bợt dưới những nếp khăn xanh khăn đỏ hiện ra dịu dàng, thân mật, khiến những lúc thường, bà Hai vẫn say đắm nhớ tưởng cái hào nhoáng trẻ trung tươi tắn ấy như người ta nhớ tưởng mặt tình nhân vậy: Đó là cái cớ xui giục bà chăm chú vào việc phấn sáp điểm tô.

Sau cái thú ngồi đồng, phải kể cái thú tổ tôm của bà Hai, tổ tôm góp từ một cho đến năm đồng. Chỉ nhìn bà căng thẳng cặp môi mỏng ra để đọc câu "máu mê cây bài lá bạc" hay ngắm đôi mắt một mí của bà cười nheo ra hai bên thái dương khi bà trông thấy "chân thứ năm" tới họp, người ta đủ rõ bà thích tổ tôm đến bực nào.

Cây bài không hẳn đã giới thiệu bà với số đông các bà quý phái và trưởng giả. Và chính bà cũng sinh trưởng ở trong đám ấy. Bà là con một ông huyện, là vợ lẽ một ông phủ đã quá cố và là mẹ vợ một ông phán tòa sứ – bà chỉ có một con gái. Nhưng dẫu thế mặc lòng, tổ tôm vẫn giúp cho sự giao du của bà một ngày một thêm rộng. Và nhờ đó bà đã nghiễm nhiên trở nên một bà mối.

Làm cái việc "thay ông Tơ bà Nguyệt" ấy, bà thường nói, bà chỉ cốt giúp bà con, chứ chẳng hòng kiếm chác, tuy bà cũng không hề từ chối những số tiền lớn mà người ta cho bà dựt tạm để bà không hoàn lại. Những món nợ ấy cả hai bên – người vay và người cho vay – đều ngầm hiểu rằng không bao giờ nên nhắc đến nữa.

Hôm nay nhân bà huyện nhờ bà đến bà Ba để nói nhiều câu chuyện có liên can tới việc cưới xin, bà không quên, lúc ra đi, những việc riêng của bà. Bà biết rằng bà Ba ưng Phan lắm, nhất từ hôm anh chàng rể ấy đậu xong cái bằng cử nhân luật. Vậy thì lúc này chính là lúc bà phải cần đến một món tiền để trả nợ ai đó, hay để lấy cái nhà nào đấy bằng một giá hời. Lúc này hay không lúc nào hết. Bà Ba giàu lắm, không ai còn lạ điều ấy. Nhưng cũng không ai lạ rằng bà ta chặt chẽ, keo bẩn nữa. Cưới xong con bà ta rồi, bà ta sẽ không còn thấy chút liên lạc gì giữa bà ta với bà mối.

"Bấy giờ thì còn hòng gì?"

Bà Hai vừa đi vừa nghĩ thầm. Và khi tới cổng nhà bà Ba, bà đã vội xếp đặt sẵn những mưu mà bà sẽ đem ra thi thố. Bà thành thực cho rằng "chú rể" nay đã lên giá, và nếu bà không làm cao thì bà thực ngốc, thực vô lý.

Vì thế bà vào ngay chuyện bằng một câu khoác lác:

– Thưa cụ, – đối với những chỗ thân, bà Hai thường không dùng tiếng cụ lớn – cậu cử cậu ấy thi như đùa mà cũng đỗ.

Bà Ba cười sung sướng, vẻ mặt hớn hở:

– Thưa cụ, cụ biết đâu rằng cậu ấy thi đùa?

– Thưa cụ, vì hôm nọ tôi đến chơi đằng nhà, gặp cậu ấy ra đi, tôi hỏi: "Sắp thi rồi, cậu cử không ở nhà học, lại đi chơi à?". Cậu ấy bảo: "Cụ tính thi cử nhân thì hỉ mũi một cái cũng xong, cần gì phải học!". Ấy thế mà thực, học chơi học bời cũng đỗ được mà lại đỗ đầu nữa cơ chứ! Gớm thật! Chịu cậu ấy thông minh. Sức ấy rồi có thể đỗ tiến sĩ, thạc sĩ, trạng nguyên đấy, nếu sang Pháp mà học thêm được... Mới một tí tuổi đầu!

– Chỉ sợ cậu ấy không thích sang Pháp thôi.

Bà Ba khoe giàu một cách kín đáo, nhưng bà Hai cũng hiểu ngay.

– Nghe nói cưới xong cụ cho cậu mợ sang Pháp phải không ạ?

Bà Ba cười hé hé:

– Tôi vẫn nghĩ thế. Nếu cậu cử muốn học nữa thì tôi cũng phải lo đủ tiền cho cậu ấy học chứ.

Bà Hai cười theo, giọng cười ầm ỹ để che sự nhạt nhẽo và giả dối.

– Cụ thì việc gì phải cố mới cho được cậu cử sang Pháp!

Rồi không một ý tưởng liên lạc, bà nhảy ngay sang câu chuyện hỏi vợ cho Phan – Cái lối nói chuyện đầu Ngô mình Sở ấy, bạn bè của bà thường cho là có tính cách đồng bóng, nhưng kỳ thực đó chỉ là một lối xã giao khôn khéo.

Bà kể câu chuyện ấy với bà Ba đã nhiều lần, thế mà nay bà vẫn thuật lại dài dòng với một giọng rất tự nhiên, coi như bà Ba chưa từng nghe bao giờ.

Đó là một thói quen của nghề nghiệp. Mỗi một đám bà làm

mối, bà lại thêu dệt nên một câu chuyện văn hoa. Câu chuyện về Phan thì như thế này:

Cậu cử Phan khó tính lắm. Cậu thường ngỏ với cụ Huyện rằng một là lấy được người vợ thực vừa ý, hai là suốt đời ở vậy. Còn cách kén chọn của cậu cử thì lạ lùng quá. Năm kia cụ thượng Bùi bắn tin muốn gả một cô con gái cho cậu. Cụ có hai cô, cô Ngọc mười chín, và cô Kim mười tám. Bà Hai đưa ảnh hai cô cho cậu Phan xem, nhưng cậu mỉm cười chê: "Các cô ấy mới quá, tân thời quá. Mà nghe đâu lại sính nhảy đầm lắm". Thế là hỏng một đám.

Mấy tháng sau lại một đám khác, con gái một ông hàn cự phú xứ quê. Cậu Phan xem ảnh chê đần. Bà Huyện nói đùa: "Người ta đần nhưng người ta có mấy vạn hồi môn". Mà thực sự, lời bà Hai, ông hàn hứa gả con rể hai cái nhà ở Hà Nội và một trăm mẫu ruộng...

Đến đây, cũng như nhiều lần trước, bà Ba ngắt câu chuyện, bảo bà Hai:

– Người ta giàu thực! Cho những hai cái nhà với một trăm mẫu ruộng! Những hạng cóc vàng xứ quê, chị em chúng mình ở thành phố bì sao được, phải không bà nhỉ?

Bà Hai mắt liếc, miệng chúm chím, cái điệu bộ của một bà đồng trong khi hầu giá, đương khoái trí vì một câu nịnh của bọn tín nữ.

– Rõ khéo, việc gì phải lôi người ta vào! Chúng mình thế quái nào được, cả cơ nghiệp nhà tôi không bằng cái... chuồng chim nhà bà, nói chúng mình làm tôi thêm thẹn.

Rồi bà kể tiếp câu chuyện bỏ dở:

– Lấy nhau thực tại duyên số cả, cụ ạ. Hôm tôi đưa cho cậu Phan xem ảnh của cô Cúc...

Bà Hai nhìn Cúc, mỉm cười gật luôn mấy cái se sẽ, và nói lẩm nhẩm:

– Tốt đôi thực!

Câu khen ngợi làm bà Ba cảm động ngồi lặng ngắm con. Cúc bẽn lẽn cúi đầu rồi chạy vào gác trong. Bà Ba vội gọi:

– Cúc!

Cúc đứng lại, ngoái cổ hỏi, giọng hơi gắt:

– Me bảo gì ạ?

Bà Ba ngượng với khách vì cái cử chỉ vô lễ của con mình nên nói tuế tóa:

– Thôi, mời cô cứ vào trong ấy, tôi không cần nhờ cô việc gì ở ngoài này hết.

Cúc là con nuông của bà. Ngay từ thủa nhỏ được thả lỏng, không bị bắt ne bắt nét dạy vào khuôn vào dịp, thành thử nàng không có cái thông minh lanh lẹ, hóm hỉnh, hay nghịch ngợm của bọn cắp sách đi nhà trường, mà cũng không có cái ngoan ngoãn nết na tuy đần độn của phần đông các thiếu nữ vô học.

Bà Hai thừa biết chỗ nhược điểm ấy của cô con gái mà hiện giờ bà cần phải trông thấy hoàn toàn. Bà nhìn theo nàng và như nói một mình:

– Thực là tốt đôi!

Rồi bà lại kể tiếp câu chuyện bịa đặt, thêu dệt bằng những lời văn hoa lòe loẹt. Không thấy bà Hai nhắc tới một câu mà nhiều lần trước bà ta đã thuật rất rành mạch và lần này có lẽ bà ta những quên đi, bà Ba liền hỏi:

– Sao cụ bảo cậu Phan nói nếu không lấy được Cúc thì thề không lấy ai?

– Vâng, chính thế. Cậu ấy khen nhà cụ là một nhà đại gia. Cậu ấy đáo để lắm cơ đấy ạ.

Kén vợ đã đành, nhưng còn kén cả nơi môn đăng hộ đối...

Bà Hai ngừng lại, suy nghĩ, rồi thốt nhiên hỏi:

– Thưa cụ, dễ cụ có đến mười cái nhà ở Hà Nội đấy nhỉ?

Bà Ba giọng nói nhún:

– Có đâu!... Sáu cái thôi. Mà chỉ có hai cái là mỗi tháng cho thuê được hơn trăm bạc một cái. Còn bốn cái kia tiền thuê có ra gì đâu, chỉ từ bốn đến sáu chục...

Bà hai cười, ngắt lời:

– Thì hãy thế! Dễ chỉ những tiền thuê nhà ở Hà Nội, mỗi tháng cụ cũng đã thu tới năm trăm rồi. Gấp rưỡi lương quan tổng đốc còn gì!... À, cụ Huyện định sang giêng xin đón mợ cử đấy, xin thưa để cụ rõ, và xin cụ cho biết cụ cho dẫn những gì?

– Thôi bây giờ văn minh, thế nào xong thôi, cụ ạ, giản dị là hơn

hết, chứ kể ra thì nhà tôi quen khắp các quan ở Bắc Kỳ, biết dẫn bao nhiêu cho đủ được.

Bà Hai lại cười he hé như lúc bóng cậu thích chí sắp ban thưởng cho bọn chân nhang, và giọng bà nửa đùa bỡn nửa trang nghiêm:

– Thế nào! Hôm cưới cụ định cho cậu cử mợ cử những gì?... Một cái ô tô kinh nhé? Hai cái nhà nhé?

Bà Ba mắt mở to đăm đăm nhìn bà Hai:

– Còn phải cho chác gì nữa! Thì của tôi là của cậu mợ ấy cả, chứ còn là của ai vào đấy mà phải bày vẽ...

Nhìn vẻ mặt tưng hửng của bà mối và hiểu rằng mình nói hớ, bà Ba liền chữa:

– Vâng, nếu cậu cử muốn tôi mừng thì rồi tôi mừng, mừng gì cũng được. Miễn là cậu cử ra làm quan thì mừng gì thì mừng... cả cơ nghiệp đấy.

Bà Hai trầm ngâm hỏi:

– Thế sáu cái nhà ở Hà Nội, cụ định cho cậu cử mợ cử những cái nào, còn những cái nào cụ cho cậu Khoa?

Bà Ba ngơ ngác hỏi lại:

– Cho cậu Khoa? Sao lại cho cậu Khoa?

Bà Hai thản nhiên:

– Sao tôi nghe nói cụ cho cậu Khoa ăn thừa tự... cụ định gây dựng cho cậu Khoa?

Bà Ba cười:

– Nào đã có gì đâu!... Người ta cứ đồn ầm lên thế đấy thôi, cụ ạ... Chứ tôi nhờ giời cũng được mụn con. Thời buổi này con gái cũng như con giai, với lại theo luật mới thì con gái cũng được giữ việc hương hỏa như con giai...

Bà Hai vui mừng:

– Vâng, cụ nghĩ thế rất phải.

Và bà cho rằng công việc bà mối đến đấy đã ổn lắm rồi, bây giờ bà nên kíp nghĩ đến quyền lợi của bà. Bà đứng dậy từ cáo ra về. Để được tự nhiên, bà định bụng tới phút cuối cùng mới nói câu chuyện riêng. Quả thực, tới cổng, bà như chợt nhớ ra, bảo bà Ba:

– Cụ ạ, có món tơ của một chỗ quen thuộc họ đem cầm nhưng họ giấu tiếng... Tơ tốt, giá cầm lại hời, lãi phân rưỡi mà họ chỉ cầm lửa, độ một tháng trở lại. Tôi thu xếp nhặt nhạnh chỉ được hai nghìn, thiếu mất có năm trăm, giá cụ có cho dựt tạm thì hay quá.

Bà Ba giọng xuýt xoa:

– Thưa cụ, thế thì hời thật đấy. Rõ tiếc quá. Giá cụ hỏi hôm qua thì tôi sẵn. Năm năm chứ một nghìn cũng đủ..., vì món tiền bán thóc mới sáng nay tôi cho một chỗ quen thuộc vay mất rồi.

Bà Hai cười đáp lại:

– Vâng, tôi cũng biết các cụ thì tiền nong xuất nhập luôn luôn mấy khi để nằm không. Tôi, tôi lên hỏi cụ bố Hàng Đào vậy... À, cụ có biết cụ bố Hàng Đào không nhỉ?

– Thưa cụ, cụ bố Hàng Đào thì ai không biết?

Bà Hai mỉm cười nháy mắt, hạ giọng, bảo bà Ba:

– Ấy, cô Huyền con gái cụ bố cũng đã ngấp nghé cậu cử mãi đấy. Cô ả thì được cả nhan sắc lẫn học vấn, nhưng phải cái...

– Phải cái sao, thưa cụ?

Bà Ba vội hỏi. Bà Hai chậm rãi đáp:

– Phải cái hơi tự phụ... Mà bà mẹ thì chắt bóp quá.

Bà chép miệng nói tiếp:

– Nhưng cứ thử hỏi xem. Thôi, lạy cụ.

– Không dám, lạy cụ.

Đã tưởng bà Hai đi hẳn, nhưng không, bà còn quay lại hỏi nữa:

– À, thưa cụ, về câu chuyện "thừa tự" tôi cứ nói với cụ Huyện rằng cụ cũng chưa nhất định ra sao.

– Vâng... à, cụ nói... không có gì cả... với lại... hay là cụ hãy ngồi chơi, tôi hỏi dì phán cháu xem.

– Hỏi điều gì ạ?

– Hỏi xem có sẵn tiền, tôi dựt tạm giùm cụ.

Cố nhiên bà Ba dựt tạm được, vì món tiền dựt tạm ấy chỉ là tiền của bà. Nhưng từ năm trăm, nó đã rút xuống hai trăm. Hơn được điều là bà ngỏ ý cho bà Hai hiểu rằng hai trăm bạc ấy bà biếu hẳn. Bà nói:

– Cụ hãy cầm tạm, khi nào sẵn tôi sẽ xin đưa nốt. Hai trăm bạc

này cụ cứ giữ hộ, rồi bao giờ tiện vào Thanh có việc gì, cụ mua giúp cho ít quế tốt. Nghe nói cụ sành quế lắm.

Bà Hai cười, sung sướng:

– Vâng, thưa cụ, tôi mua quế thì khó lòng mà nhầm được.

– Thế thì cụ để tâm giúp cho, nhưng xin cũng đừng vội.

Trước khi từ biệt, hai người còn vái chào nhau hai, ba lần nữa, bà Ba tiếc của, buồn rầu bước lên gác, miệng lẩm bẩm nguyền rủa bà Hai.

VI

Từ buổi hội kiến ở nhà bà Ba, Tính và Chuyên, hai chị em dâu lại áy náy, khó chịu. Không hẳn là ngờ vực, ghen ghét như xưa, nhưng là một tính tình làm cho người ta tức tối, uất ức không duyên cớ. Hình như có cái gì đè nặng trĩu bên lòng, mà hai người cùng không bao giờ dám hé môi thổ lộ với ai, vì thế sự bực bội thầm kín càng tăng lên mãi.

Đã nhiều lần, Chuyên bỏ cơm vào buồng nằm. Đầu nàng nóng ran, tim nàng đập mạnh, khiến Khoa tưởng nàng ốm. Nhưng đó chỉ là biểu hiện của sự căm giận cực điểm. Nàng giận ai? Nàng tự hỏi, và tìm mãi xem đáng giận người nào nhất, và vì sao mình lại giận. Nhưng nàng chỉ thấy những ý nghĩ, những cảm giác, những cảm tưởng của nàng lờ mờ chung quanh mấy nhân vật: bà Ba, sư Giáp, và Tính.

Đối với Tính, tuy ngoài mặt Chuyên tỏ tình niềm nở, thân mật nữa, nhưng trong thâm tâm, nàng vẫn đinh ninh rằng hai người khó lòng còn có thể trở lại hòa thuận như trước. Đôi bên đã nói nhau những câu thô lỗ, đã xử với nhau một cách tàn tệ, thì những ngôn ngữ, cử chỉ ấy đến ngày chết cũng không thể quên nhãng được.

Chuyên cho là thế, yên trí là thế. Tính cũng cho là thế và cũng yên trí là thế. Mà khi đàn bà họ đã yên trí một điều gì không ai còn có tài khiến được họ nghĩ khác. Khoa và Trình đều ngầm hiểu rằng tình thế vẫn khó khăn, vẫn gay go, ngay từ hôm sự hòa thuận trở lại trong hai gia đình, sự hòa thuận mà hai người cùng mong lâu bền, nhưng cùng cảm thấy bấp bênh, mỏng mảnh. Họ cười bảo nhau: “Hai ngọn hỏa diệm sơn tạm im không phun lửa. Ta đừng vội mừng”.

Nhưng họ không thất vọng, cùng nhau quả quyết và khôn

khéo cố gây lại cảnh bình tĩnh, êm ấm đã mất vì "bọn đàn bà". Trong câu chuyện riêng họ thường dùng ba tiếng "bọn đàn bà" để tỏ hết lòng tức giận khinh ghét của họ. Và có lần giữa một bàn tổ tôm, Khoa nửa đùa nửa thực đã ném ba tiếng ấy vào mặt Tính và Chuyên:

– Chà! Ai thèm chấp bọn đàn bà làm gì!

Tức thì hai chị em dâu nhao nhao lên phản đối:

– Bọn đàn bà làm sao?

Trình phải vui cười giảng giải, câu chuyện mới không thành ra to. Sự thực, Tính và Chuyên có lúc cũng nhận thấy những cái nhỏ nhen của mình và của tất cả "bọn đàn bà". Nhưng họ không ưng để người khác, để một người đàn ông dù là chồng họ, chỉ trích, chế riễu. Lúc bấy giờ thì hai người đàn bà ghét nhau đến đâu cũng hợp sức lại để tự bênh vực lấy danh dự chung.

Thấy vợ và chị dâu thường lồng lộn lên vì câu trêu tức của mình, Khoa mỉm cười nghĩ thầm: "Nếu lúc nào họ cũng thực vào cánh với nhau như lúc này thì hai gia đình sẽ yên ổn biết bao!" Và chàng lập tâm giả tảng về hùa với Trình để cùng công kích hai người đàn bà: "Làm thế để họ thân nhau".

Nhưng lần nào cũng vậy, sau sự sốt sắng bồng bột chốc lát, sự lạnh lùng cố hữu lại trở lại hai tâm hồn cứng cỏi kia ngay.

Một hôm Chuyên đỏ bừng mặt trả lời lại chồng:

– Đàn bà cũng năm bảy hạng, tôi không như ai đâu, cậu đừng vơ đũa cả nắm.

Khoa cho là một câu hồn nhiên, không ám chỉ ai. Nhưng Tính lại không cho là thế. Nàng nguýt dài quay đi, khiến Trình trông thấy, và sợ vợ cáu kỉnh đối đáp lại em dâu, chàng vội vui vẻ nói chữa:

– Vâng, chúng tôi nói là nói chung một số đông đàn bà, chứ hai bà thì cố nhiên không như bọn họ.

Rồi lảng sang chuyện khác ngay.

Từ hôm ấy, trong những bàn tổ tôm hay bàn chắn mà Trình và Khoa lập nên để gây tình hòa hợp, hai người đàn ông càng giữ gìn lời nói, nhất thiết không đả động tới bà Ba với việc "thừa tự" của bà ta. Hễ thấy Tính hoặc Chuyên nhắc đến tiếng "Troisième" thì Trình hay Khoa đã gạt phắt:

– Thôi, tôi xin các bà, còn nói đến cô ta làm gì nữa!

Tức khắc hai người đàn bà im ngay.

Nhưng nếu có mặt bà lý Thuận hay anh cả Thiện thì không còn ai có thể giữ nổi Tính và Chuyên: Họ tranh nhau gợi chuyện và, thuật những điều không hay về bà Ba. Vì họ cho rằng hai người kia đến chơi chỉ có một mục đích do thám, nên họ nói bắn tin cho về mà "tâu nịnh với bà khọm".

Cả Thiện là một người trong họ ông Ấn, được bà Ba giao cho trông nom những ruộng vườn ở làng Giáp. Chàng ta đã nổi tiếng khéo nói, và Chuyên cho rằng chỉ nhờ sự su mị mà chàng ta được lĩnh chân quản lý của bà Ba.

Một hôm, nhác thấy Thiện đến cổng. Chuyên vội gọi người nhà đun nước rồi rất niềm nở mời chào:

– Bác lên gác chơi với nhà tôi.

Thế rồi dăm phút sau, Tính và nàng vờ thẳng thắn, vô tâm hỏi Thiện những câu rất hóm hỉnh:

– Bà Ba sắp cho cưới cô Cúc, phải không? Bà Ba đi đâu cũng khoe khoang chàng rể, phải không?

Thiện đáp qua quít cho xong và cố nói lảng sang chuyện khác.

Nhưng khi nào hai người đàn bà kia chịu để cho chàng lẩn thoát; họ kéo chàng vào bằng được trong câu chuyện bà Ba. Và nếu chàng không trả lời thì Chuyên sẽ kể một câu chuyện cho mà nghe, một câu chuyện về chú rể chẳng hạn.

Cứ theo chỗ biết của Chuyên thì chú rể không những là một anh đào mỏ, mà còn ở trong một gia đình chuyên môn đi đào mỏ nữa, vì hai người anh Phan đều sống về gia tài của vợ và của gái.

Khoa cau có cự vợ:

– Mợ lôi thôi lắm, đèn nhà ai nhà ấy rạng, có được không. Can chi lại cứ đi kháo chuyện nhà người ta!

Chuyên gắt lại:

– Thì việc gì đến cậu!

Rồi quay sang bảo Thiện:

– Tôi nói bác biết vậy thôi nhá. Đừng kể đi kể lại với bà Ba làm gì.

Câu chuyện lại nối. Chuyên thành thạo tả rõ từng người trong cái gia đình bà Huyên. Bà này đáo để lắm, dạy khôn dạy khéo cho con biết đường mà đào mỏ, mà khảo của vợ. Cái mặt bà ta phèn

phẹt, cặp môi bà ta mỏng dính, hai hàm răng khít lại nhau khi bà ta cười cũng như khi bà ta nói. Chuyên vẽ bà Huyện như theo kiểu mẫu mà nàng đã ngắm nghía nhiều lần. Kỳ thực nàng chưa hề gặp mặt bà ta, chỉ tả theo những lời đã được nghe, và thêm thắt vào cho bức tranh của mình có vẻ hoạt động.

Kể đến người con trai cả, Chuyên chỉ nói qua là một anh chàng đào mỏ, vì về người này, nàng không biết chuyện mà cũng chẳng rõ đời sống ra sao. Nhưng đến người anh hai của Phan thì Chuyên tả bằng những lời rành mạch, tỉ mỉ và cố nhiên chua chát. Đó là một anh đào mỏ "có bằng cấp" hẳn hoi, vì chàng đỗ kỹ sư. Và Chuyên thêm luôn "kỹ sư đào mỏ" tuy người kia chỉ có cái bằng kỹ sư hóa học tại một một trường tư ở bên Pháp. Đem mảnh bằng cao cấp ấy về nước, chàng ta đi hỏi vợ đâu mà không đắt, vì thế năm nay mới ngoài ba mươi tuổi, chàng ta đã hai lần bỏ vợ, toàn con nhà giàu và sang nữa. Hiện nay chàng đương ở với một cô tình nhân cũng giàu lắm, vợ một người bạn của chàng.

Không bao giờ Chuyên vui vẻ bằng những lúc nàng thuật lại chuyện xấu của người khác, nhất của người mà nàng ghét sẵn. Má nàng hồng hào, mắt nàng long lanh và đưa đi đưa lại rất mau.

Tính cũng vui sướng như em dâu, và tin rằng những lời vừa được nghe toàn là sự thực cả. Nàng không kịp để ý đến chi tiết mà mỗi lần thuật lại, Chuyên đều thay đổi, thêm bớt chút đỉnh – câu chuyện nàng kể có tới hằng chục lần rồi. Nhưng Trình nhận thấy những chỗ mới bịa đặt. Và chàng mỉm cười nghĩ thầm: "Lâu dần có ngày thím ấy sẽ kể thành một câu chuyện khác hẳn".

Cách đó nửa tháng, bà Ba bỗng đến chơi. Có lẽ Thiện đã mách bà những điều nói xấu của bọn Trình nên bà cần cải chính. Bà đã cho Tỉu báo trước rằng bà sắp sang chơi nên hai anh em sửa soạn tiếp bà ở phòng khách nhà Trình. Tính và Chuyên băn khoăn hỏi nhau:

– Không biết cô ta sang làm gì thế?

Thấy hai người đàn bà nhắc đi nhắc lại mãi câu ấy, Trình phát gắt:

– Thì sang làm gì rồi sẽ rõ, can chi phải lo sợ...

Chuyên quắc mắt cự lại:

– Ô hay! Anh ăn nói hay nhỉ. Việc gì tôi phải sợ ai?

Ngay lúc ấy có tiếng bà Ba và Cúc ở cổng.

Chuyên bảo Tính cứ ngồi yên, không cần phải ra đón. Nàng tiếp:

– Làm bộ, lần nào cũng hắng dặng.

Tính nói trống không:

– Mà đi đâu cũng lôi con gái đi theo. Chưa thấy lần nào cô ta đi một mình.

Khoa vẫn nhanh nhảu và có tính hay nể, nhất đối với đàn bà, dù là người già hay người trẻ – cái tính ấy đã làm cho chàng nhiều lần cãi nhau với vợ. Thấy bà Ba đi vào sân, chàng bước xuống thềm chào lí nhí:

– Cô.

Liếc qua mành mành vào trong nhà biết Tính và Chuyên có ngồi ở đấy. Bà Ba liền đứng lại.

– Không dám, anh.

Cúc chắp tay vào ngực nghiêng đầu, cái lối chào mà nàng cho là rất Hà Nội.

– Lạy anh ạ.

– Không dám, cô.

Bà Ba đận đà hỏi để bọn Tính sửa soạn ra chào:

– Lâu nay anh có được mạnh không?

– Cám ơn cô.

– Anh Trình có nhà không anh?

– Có đấy... ạ.

Tiếng ạ Khoa như ngần ngại, miễn cưỡng thêm vào, cho lời nói của mình đỡ cứng cỏi, đỡ cộc cằn hỗn xược.

– Còn hai chị đâu? Các bà ấy lại tổ tôm chứ gì! Lâu lắm không được đánh tổ tôm với hai chị, nhớ quá.

Đến đây, hai người đàn bà không thể gan hơn được nữa. Tính nhìn Chuyên. Chuyên quả quyết đứng dậy ra hiên. Tính cũng ra. Không để Chuyên nói trước mình, Tính vội vàng:

– Cô sang chơi!

Cho cách chào của Tính là vô lễ, Tính mà xưa kia, còn sinh thời

ông Án, bà vẫn coi thường và khinh bỉ nữa, bà Ba hất cằm hỏi Chuyên:

– Kìa chị Ba, sao bảo chị khó ở?

– Tôi cảm mấy hôm, nhưng đã khỏi.

Sự thực, Chuyên không ốm bao giờ. Chẳng qua bà Ba hỏi cho có chuyện, và Chuyên đáp liều cho xong chuyện.

Mọi người vào phòng khách. Trình ở trên nhà thờ cũng vừa xuống. Bà Ba vào ngay chuyện:

– Tôi đến để nói cho các anh các chị biết rằng tôi định gả em Cúc cho cậu cử Phan, con cụ Huyện... Hàng Bông. Người ta cũng là con nhà "Trâm anh"... Vậy trước khi nhận lời người ta, tôi đến hỏi ý kiến các anh, các chị.

Khoa mỉm cười nghĩ thầm: "Trâm anh là cái quỷ gì. Mà ngày nay làm quái gì còn có trâm với anh?"

Chuyên quay nhìn Tính, như để phân trần: "Ăn hỏi rồi, mới hỏi ý kiến, vô lý quá!" Và nàng thốt ra lời mai mỉa:

– Thường đã ăn hỏi rồi!

Bà Ba không chút ngượng ngập:

– Đành thế, vì tôi chắc tôi đã ưng thì các anh, các chị cũng ưng. Vả lại, nếu bây giờ các anh các chị không bằng lòng, cũng chưa muộn quá kia mà.

Câu nói đãi bôi của bà Ba làm cho mọi người cùng bất giác mỉm cười.

– Đấy, em các anh, các chị đấy. Quyền các anh, các chị...

Rồi cho bọn kia biết rằng bà không làm việc gì ngang trái, bà Ba thêm luôn:

– Anh Huyện, chị Huyện thì tôi đã hỏi ý kiến rồi. Anh Huyện, chị Huyện bằng lòng lắm, yêu em Phan lắm. Hôm đến chào anh Huyện, anh ép em uống rượu say mềm cả người.

Vừa nói bà vừa liếc quanh một vòng để ngầm bảo:

"Tao chỉ cần anh Huyện bằng lòng là được rồi. Còn chúng mày, tử tế thì tao bảo qua cho mà biết. Hạch sách gì?"

Một làn không khí lạnh lẽo như bao bọc lấy bốn người. Bà Ba lại thớ lợ liền:

– Các cháu đâu cả! Đi vắng lâu, nhớ các cháu quá. Già trẻ bao giờ cũng tương đắc.

Tính đáp nhạt nhẽo:

– Chúng nó đi học cả.

– Vậy em Cúc để hộp bánh lại cho các cháu nhé?

– Vâng.

Bà Ba đứng dậy:

– Thôi các anh các chị ở lại.

Trình tưởng nên mời một câu:

– Cô xơi nước đã.

– Cám ơn anh, tôi không khát.

Nhưng bà Ba cũng ngồi xuống nói, làm như đó là một câu chuyện mua vui:

– Buồn cười quá, các anh, các chị ạ. Có người mách với tôi rằng cậu kỹ sư, anh cậu Cử, là người thế nọ thế kia. Tôi còn lạ gì cậu ta nữa... Hiền như bụt. Cậu ta đã hai đời vợ là vì lấy phải vợ không ra gì đấy thôi... Với lại, anh khác, em khác chứ, phải không hai chị?

Tính đưa mắt nhìn Chuyên. Chuyên bĩu môi quay đi: nàng biết rằng bà Ba ám chỉ mình.

Rồi bà ta đứng dậy, lần này để đi hẳn chứ không trùng trình nữa. Ra đến cổng, bà như chợt nhớ ra, nói to bảo Khoa:

– À, anh Ba, anh có bức thư người ta đưa nhầm đến đằng tôi.

Cúc tiếp luôn:

– Vì phong bì người ta đề: Chez Madame veuve án sát...

– Vậy chốc anh sang, tôi đưa cho. Với lại, tôi còn nhờ anh xem hộ cái giấy giao kèo cho thuê nhà viết bằng chữ Tây kia.

Dứt lời, bà dắt tay Cúc đi thẳng.

Tính khó chịu nhìn Khoa. Và cái câu mà nàng đã nhiều lần muốn nói nhưng vẫn chưa nỡ, lần này nàng quyết ném ra, sau mấy tiếng cười khô khan mà nàng cố làm ra tự nhiên:

– Nghe đâu sư Giáp vẫn khuyên cô ta nên để chú ăn thừa tự đấy mà. Ngay hôm nọ, chú thím hẳn còn nhớ...

Câu nói vừa buột miệng. Tính hối hận ngay, và chữa:

– Vô lý quá!... Khi nào chúng mình lại chịu thế kia chứ.

Giữa lúc ấy bà Ba trở lại một mình, lững thững đi vào trong sân. Gặp Trình, bà cười nói:

– Phải đấy, anh chị cho tôi uống nước đã. Có câu chuyện mà suýt nữa tôi quên.

Mọi người lại cùng vào ngồi ghế trường kỷ, trong phòng khách. Bà Ba bắt đầu:

– Xin nói để các anh, các chị biết: năm nay tôi không về nhà ăn tết được.

Kể thì thỉnh thoảng mới có năm bà Ba ở làng vào dịp tết.

– Vậy năm nay nhờ các anh, các chị cúng thầy cho.

Giọng bà ta trở nên thân mật, cảm động.

– Vì bên nhà giai họ nhất định xin cưới vào mồng tám tháng giêng, người ta đã chọn được ngày lành tháng tốt, nên tôi cũng phải bằng lòng, chứ biết sao.

Ai nấy yên lặng ngồi nghe, vẻ mặt không biến đổi.

– Hôm ấy thế nào các anh các chị cũng lên Hà Nội mừng cho em nhé...

Đến đó nước mắt dễ dàng chảy ra. Và bà Ba sụt sùi nói tiếp:

– Nó đi lấy chồng rồi thì tôi trơ trọi một mình, các anh, các chị ạ. Tôi còn ở Hà Nội làm gì nữa... Thế nào tôi cũng về ở nhà... với các anh các chị, với các cháu tôi.

Nhận thấy vẻ lãnh đạm trên mặt Tính và Chuyên, bà Ba cười, đổi giọng ngay:

– À, mà các cháu đâu nhỉ?

Khoa đáp:

– Các cháu đùa nghịch cả ở bên chùa.

Bà Ba ngồi im một lát, rồi lại thở dài nói:

– Buồn! Tôi nghĩ mà tôi buồn, em nó đi lấy chồng rồi thì... chỉ còn các anh, các chị... Thế mà các anh các chị chả thấu lòng cho tôi...

Ai cũng biết bà Ba muốn nhắc đến việc thừa tự, nhưng đều lặng thinh. Bà Ba cũng ngừng lại đăm đăm nhìn ngọn rặng cau trồng bên tường hoa. Bỗng bà như quên hết phiền muộn, đứng dậy vui vẻ nói:

– Mai tôi lại phải đi Hà Nội sớm, các anh các chị ạ. Thôi các anh, các chị ở lại nhé.

Không ai nghĩ đến giữ bà ta lại uống nước, nhưng cũng đều đứng dậy tiễn bà ta ra tới cổng. Hình như những nỗi đau đớn mà người đàn bà ấy vừa thổ lộ ra đã làm dịu lòng căm hờn của bọn cừu địch.

Trước khi từ biệt bà Ba còn quay lại dặn Khoa:

– Anh nhớ sang nhà, tôi đưa cho bức thư. Với lại anh sang giúp tôi việc ấy...

Bà cười, nói tiếp:

– Sau khi em Cúc về nhà chồng, tôi sẽ phải nhờ đến các anh... các chị luôn... Các anh, các chị chả... nghe lời cũng chả được với tôi.

Rồi bà đi thẳng, để lại trong trí nghĩ bốn người một câu cuối cùng rất mờ nghĩa, mà họ đều đoán có dính dáng đến việc thừa tự.

VII

Xong việc cưới con gái, bà Ba coi như hoàn thành một công cuộc to tát, khó khăn, phi thường. Bà Ba để hết tâm lực vào đó trong gần hai năm trời.

Thấy bà quá chăm chú săn sóc tới việc gia thất của con gái. Tính nông nổi đoán rằng bà sợ Cúc ế chồng. Nhưng sự phỏng đoán ấy thực chẳng căn cứ vào đâu, và không hợp lý một chút nào. Cúc mới mười bảy tuổi mà lại rất có duyên tuy không đẹp lắm thì thiếu gì kẻ cầu cạnh. Ấy là chưa kể cái tài sản kếch sù của bà mẹ.

Nhưng sự thực, bà Ba vẫn lo lắng, lo lắng vẩn vơ. Tính đa nghi lại ngoắt nghéo, bà không thể nghĩ đến và tin ở sự bằng phẳng, thẳng thắn của cuộc đời lẫn người đời. Ai cũng có thể là kẻ thù của bà. Ai cũng có thể phản bà được. Vì thế lúc nào bà cũng phòng bị, e ngại.

Và vì thế, từ năm Cúc mười lăm, nghĩa là, theo ý bà, đã đến tuổi hiểu ái tình, bà không một lúc nào sao nhãng trông coi, giữ gìn con. Một dạo, ở làng Giáp, một việc đã làm cho bà mất ăn mất ngủ.

Nghỉ hè năm ấy, Can, em trai Chuyên, về làng Giáp ở chơi nhà anh rể ít lâu. Can theo học lớp nhất trường trung học Albert Sarraut, người rất tráng kiện và xinh đẹp. Một hôm gặp bà Ba và Cúc trên đường làng. Can cất mũ chào. Cúc mỉm cười lấy dáng chào lại.

Buổi chiều, ngẫu nhiên Cúc đến thăm hai chị dâu. Thế là bà lo sợ

nhưng chẳng bao giờ bà che kín được hẳn. Cái mà bà muốn che đậy nhất là cái biển lận của bà. Bà giàu, bà muốn ai ai cũng biết. Bà kiệt, bà muốn ai ai cũng không hay. Nhược điểm ấy bà đã biểu lộ ra một cách rõ rệt trong đám cưới Cúc, và bắt đầu ngay từ hôm bà thách cưới với bà mối.

– Thách cưới!

Bà cười, bảo bà Hai. Rồi bà này chưa kịp trả lời, bà đã tiếp luôn:

– Chẳng thách gì hết, tôi cho không con đấy.

Bà mối tất phải mừng thầm. Nhưng bà Ba lại nói:

– Nghĩa là tôi không thách tiền thách bạc gì hết.

Bà Hai tưởng nên nịnh một câu:

– Dạ, cụ thì còn thiếu gì tiền bạc nữa!

– Không phải thế, nhưng trong việc cưới xin mà nói đến tiền, nghe nó đê tiện lắm, phải không thưa cụ?

– Dạ, có thế.

– Nào có phải tôi bán con tôi đâu.

– Dạ.

Nhưng dẫu sao... cũng phải cho... nó không lụi xụi...

– Vâng, lụi xụi thì coi sao được.

– Vì sẽ có đông các quan đến, người ta cười cho thì còn ra làm sao. Vậy... tôi cần hai mươi cái ô tô.

Bà mối nhắc lại như để nhớ:

– Hai mươi cái ô tô.

– Vâng, thế là ít đấy. Nhưng không sao, ô tô các quan đi ăn cưới cũng đã đông lắm rồi. Có lẽ tất cả đến ba chục hay hơn thế.

Bà Ba vẫn lấy làm thích mắt được ngắm đoàn ô tô thực dài đi diễu phố. Và bà thường theo số ô tô nhiều hay ít mà đánh giá từng đám cưới.

Bà mối tưởng bà thách có thế, đương toan nhắc đến món hồi môn thì bà lại tiếp:

– Còn các đồ tư trang thì nhà giai sắm cho thế nào cô dâu sẽ dùng như thế. Nhưng tưởng cũng chẳng nên luộm thuộm mà người

ta cười... Với lại mình sắm ra thì là của mình, của con mình, còn đấy chứ mất đi đâu, phải không, thưa cụ?

– Dạ.

– Cho con trước thì khỏi phải cho con sau.

Bà Hai víu ngay lấy câu ấy:

– Vâng, chính thế. Như cụ chẳng hạn, nhà cửa ruộng vườn của cụ sau này là của con gái cả, cho bây giờ cũng như sau này để lại cho. Trước sau cũng thế...

– Vâng, thì tôi vẫn nói với cụ thế.

Bà Hai chẳng nhớ bà Ba đã nói thế nào, nhưng cũng tiếp luôn:

– Vâng, thưa cụ, tôi vẫn nhớ, cụ có bảo thế. Vậy hôm cưới cụ cho...

Lần thứ hai, bà Ba ngắt lời:

– À, cụ biết giờ đón dâu rồi đấy chứ? Mười giờ, mười giờ sáng. Như thế được sớm sủa mà tiện. Vả ngày mồng mười cũng chỉ được có giờ ấy là tốt.

Sự thực giờ ấy tốt nhất cho bà là vì bà sẽ đỡ được một bữa cỗ nấu. Sợ bà Hai nghĩ đến điều đó, bà nói chặn trước:

– Tôi rất ghét những bữa cỗ đón dâu. Chả ai ăn, chỉ bày ra để khoe khoang. Vì thế, tôi chỉ đặt tiệc trà. Nói là tiệc trà, nhưng chính là tiệc sâm banh... Thế còn long trọng hơn cỗ bàn, mà văn minh biết bao.

Lảng được món hồi môn, bà Ba lại quay về đồ tư trang:

– Vậy cụ nhớ nói với cụ Huyện may cho cô dâu... Thôi tùy cụ, cụ sắm nhiều thì con dâu cụ sang, cụ sắm ít thì con dâu cụ mặc ít; còn vòng, nhẫn kim cương và các đồ tư trang khác cũng tùy cụ Huyện cho thế nào thì được thế. Các đồ tư trang chỉ tốn cho cụ độ nghìn bạc là cùng... Thế nào xong thôi ấy mà.

Bà Hai nghĩ thầm: "Rồi bà ấy khắc hiểu, mình ép nài quá bất tiện. Nhà con một thì người ta còn cho ai mà sợ, vì hôm nọ bà ta đã nói với mình một lần nữa rằng câu chuyện cậu Khoa ăn thừa tự chỉ là một câu chuyện bịa đặt". Bà liền đứng dậy xin về để nói cho bà Huyện rõ.

Nhưng hôm cưới, bà Hai lại khôn khéo nhắc tới món hồi môn. Bà ta đã dặn dò Phan từ trước nên lúc cùng cô dâu xin vào làm

lễ, bà Ba từ chối thế nào chàng cũng nhất định không chịu lùi. Ở ngoài, bà Hai nói chêm:

– Lễ đi để cụ lớn mừng cho.

Rồi bà làm như nói một mình:

– Thế nào cụ lớn chả mừng cho vài cái nhà.

Những bà Hai đáo để thì bà Ba cũng chẳng vừa. Bà đã lập mưu sẵn, để khỏi phải cho một tí gì

Chỉ nghĩ đến phải cho, bà đã lo sợ, rùng rợn cả người. Bà Hai và nhiều người bảo bà: "Của mình là của con, giữ làm gì, cho trước có rảnh rang hơn không, mà lại được tiếng". Những người ấy bà Ba liệt vào hàng không hiểu "cho" là cái gì: "Họ không làm ra tiền thì họ có gì mà cho. Nói thì dễ dàng lắm, ai chả nói được. Nhưng mà cho? Khó lắm!". Bà tốn bao nhiêu công lao, mưu kế trong bao nhiêu năm trời mới có được cái tài sản ngày nay. Cái tài sản to tát ấy bỗng đem cho đi, dù là cho con nữa, vô lý quá. Khi bà chết rồi, tha hồ người ta muốn làm gì thì làm, bán đi, tiêu đi, cho đi, mặc kệ.

Nhưng nay bà còn sờ sờ ra đấy, lại đem của mồ hôi nước mắt mà cho chúng nó để chúng nó bán ư? Để chúng nó phá ưa? Không, không thể được.

Bà Ba nhất định giữ cho bằng được cái tài sản mà bà quý hơn tính mệnh: "Thà chết đi còn hơn là ngồi đấy mà dương mắt nhìn người ta bóc lột!". Bởi vậy, bà đã thức trong nhiều đêm để tìm cách ra thoát một bước khó khăn. Khó khăn, vì nói trắng ra với bà mối rằng mình không cho con rể gì hết thì việc nhân duyên của con gái chắc sẽ không thành, mà hứa một lời rành rọt thì rồi thế nào cũng phải giữ lời hứa: Bà khôn khéo chơi cái nước đôi, không chối hẳn rằng không cho, cũng không hứa rõ là cho, nhưng vẫn nói úp mở để bên nhà trai hy vọng.

Song cái món mừng chú rể, bà thấy khó tránh quá: "Một là mừng một vài cái nhà, hai là bỏ hẳn cái món mừng ấy đi, chứ cho mấy trăm bạc chẳng bõ làm trò cười cho bên nhà giai". Bà quả quyết không mừng gì hết, và bà nhờ bà phán Cả giúp một tay, vì thường thấy bà này nói xấu bà Huyện mà bà ta cho là một nhà đào mỏ chuyện môn. Quả nhiên bà Cả nhận lời.

Mưu mẹo? Nói ngay là một tấn kịch mà kẻ giàn cảnh khéo léo chính là bà Ba.

Chú rể và cô dâu vừa bước vào chiếu để làm lễ, bà Ba liền chu chéo lên khóc và kể lể:

– Có phải là tôi không muốn nhận lạy của con tôi đâu... Nhưng tôi lại nhớ tới quan lớn tôi... Ông Án ơi, đó, con ông đã thành gia thất rồi đó. Ông chả sống mà nhìn thấy con ông và con rể ông... Cực nhục cho tôi chưa?... Tôi sung sướng lấy một mình...

Bà Hai đương định chen vào một câu nói tuế tóa thì bà phán Cả bước lại gần, đỡ lấy chị, và thì thầm: "Thôi chị, chả nên thế, ngày vui mừng của con". Nhưng bà Ba vẫn nức lên:

– Con tôi nó vui sướng... chỉ mình tôi là khổ... Nó có chồng nó rồi... nó cần gì đến tôi.

Bà Hai toan nói, nhưng bà Cả vẫn giơ tay lên gạt:

– Bà Án tôi vẫn thế đấy, dễ cảm động lắm; để yên một lát, bà Án tôi sẽ trấn tĩnh ngay.

Một lát sau, quả thực bà Ba đã trấn tĩnh, vui cười như không từng xảy ra việc gì. Nhưng cái món hồi môn không ai nhắc đến nữa cho tới lúc đón cô dâu lên ô tô. Chú rể tự an ủi nghĩ thầm: "Đi đâu mất mà sợ!". Bà mối cũng nghĩ thầm: "Bà Huyện bà ấy cứ nóng con giàu ngay. Thì cái kho báu đã về tay con bà ấy rồi đây, việc gì mà phải hấp tấp".

Sự thực, cái kho báu vẫn y nguyên ở trong tay cô chủ. Bà Ba vui thích, hí hửng như được của, như bỗng dưng đào được chum vàng. Bà vừa tỉnh một giấc mộng dữ dội. Một tí nữa bà mất nhà. Bà không ngờ thoát khỏi cái cạm bẫy ấy một cách dễ dàng như thế.

Bà sung sướng quá trở nên rộng rãi. Hôm nhị hỉ, bà thết tiệc rất trọng thể. Rồi bà đem cho chú rể hết cả các đồ ngọc quý giá nằm ngủ trong chiếc tủ kính kiểu Nhật Bản mà từ khi ông Án qua đời bà không mở ra xem lại một lần nào. Bà cho không tiếc: Bà không thích ngọc, bà chỉ thích có ba thứ: tiền, nhà và ruộng. Vả lại, các đồ châu báu kia đều của ông Án, bà chỉ có thể chuộng những vật chính tay bà sắm, chính tay bà tậu mà thôi.

Phan cảm động, vì chàng yên trí rằng mẹ vợ phải yêu mình lắm mới cho mình những vật đắt tiền... những kỷ niệm của chồng khi xưa. Sợ con rể không biết giá ngọc, bà Ba trỏ một cái khay và bốn chiếc chén bằng thạch tinh, bảo chàng:

– Bộ này thầy mua những hơn ba trăm bạc...

Rồi bà trỏ luôn những đai, bát, lọ, thống sứ cổ bảo Phan:

– Cậu muốn lấy thứ gì tùy ý. Bây giờ cái gì ở trong nhà me cũng là của cậu.

Phan nịnh khéo một câu:

– Dễ con phải thuê một cái camion để chở các thức me cho.

Bà Ba và Cúc cười sung sướng.

VIII

Từ đấy trở đi, câu chuyện "đào mỏ" của Phan dần dần lưu truyền trong khắp các xóm làng Giáp. Người ta bàn tán, khen chê, phàn nàn, nhưng hơn hết người ta vui thích.

Cái sào huyệt truyền bá tin tức cố nhiên là nhà Trình và Khoa, hay đúng hơn nhà Tính và Chuyên, vì bao chuyện lượm lặt được đều nhờ ở tài hai người đàn bà ấy.

Bây giờ họ không thù ghét nhau nữa hay đúng hơn, họ bẵng quên lòng thù ghét, để lưu tâm cả vào việc đào mỏ của mẹ con chàng rể nhà bà Ba. Họ đem kể cho nhau nghe những điều mà một người biết, rồi họ cùng cười khoan khoái, sung sướng.

Việc thừa tự, họ không nghĩ đến nữa. Một đôi khi họ có nhắc tới nó thì cũng để làm tăng cười chứ không ai còn tưởng đem nó ra làm đầu đề câu chuyện châm chọc lẫn nhau như trước kia.

Trước kia, ngay sau hôm bà Ba nhờ Khoa sang xem hộ bản giao kèo cho thuê nhà, hai gia đình đã suýt lại to chuyện với nhau. Hai người đàn ông phải giở hết tài khôn khéo, phải đem hết tính nhẫn nại ra mới cứu vãn nổi hòa bình.

Chính hôm ấy – một sự không may – Khoa đến nhà một người bà con ở xóm ngoài có chút việc riêng, mãi tối mới về. Trong khi chàng vắng mặt, Tính săn đón hỏi thăm Chuyên xem chàng đi đâu. Chuyên thật thà đáp không biết vì nàng không biết thực. Nhưng Tính không tin, mỉm cười nói khích bác. Chuyên chẳng chịu nhịn, trả lời lại, thế là đôi bên cùng lồng lên và ngay bữa ăn chiều, Chuyên không sang bếp chung thổi nấu. Lúc Khoa về, chàng viện đủ mọi sự

thiêng liêng ra thề rằng không hề có đặt chân tới nhà bà Ba, nhưng Tính nhất định không tin chỉ cười mát.

Cách đó ít lâu, nghe theo chồng, hai người đàn bà làm lành với nhau để rồi gặp câu chuyện bất bình lại giận dữ, khích bác, thù ghét nhau như thường.

Nhưng một hôm bà Ba lủi thủi một mình về làng Giáp. Lần đầu người ta không thấy Cúc đi kèm bà ta. Và cũng lần đầu, vì buồn phiền, không duyên cớ bà ta sang chơi nhà Trình và Khoa. Hai người đàn ông tỏ ý thương hại cái cảnh cô độc của bà ta, nhất lại thấy bà ta như thêm mấy tuổi, mặt dăn deo, má hốc hác, mắt mờ xạm.

Tính và Chuyên thì không bao giờ vui bằng, vui đến nỗi như trở nên thân mật với kẻ thù xưa. Họ xoắn xuýt ân cần trò chuyện, mục đích chỉ để dò la tìm biết những điều bí ẩn, những điều mà họ chắc tự nhiên bà Ba không dám thổ lộ ra.

Sau khi bà Ba về, Chuyên quên hẳn chuyện xích mích, vịn tay vào vai Tính gập người lại mà cười. Nàng đoán thấy nhiều điều hay hay, và nàng sung sướng, vì biết chắc rằng bà Ba đương khổ sở.

Rồi trong mấy hôm liền, hai người đàn bà lần đến chơi bà lý Thuận, anh cả Thiện, làm thân với họ nữa. Lại bỏ tiền ra mua chuộc cái Tỉu, đứa đầy tớ gái theo hầu Cúc và vừa bị bà Huyện đuổi về. Làm bao nhiêu công việc nhỏ nhặt và khó khăn ấy để dò chuyện nhà bà Ba.

Quả họ thành công, vì ai không thích thuật lại những điều mình biết cho những người không biết nghe, nhất khi những người này lại cầu cạnh, ân cần muốn nghe.

Chắp nối các mẩu lại, hai người đàn bà, nhất là Chuyên, – vì Chuyên rất có tài thêu dệt – dựng thành một câu chuyện có đầu, có cuối, có cả những đoạn thắt, mở như một thiên tiểu thuyết vậy.

Câu chuyện đại khái thế này:

Anh chàng rể tấp tểnh hy vọng được mẹ vợ mừng cho vài cái nhà và được vợ mang theo về ít ra cũng một vài vạn bạc tiền hồi môn. Chàng hí hửng nghĩ đến nhiều món tiền to tát, mà món học phí bên Pháp là một – học phí nghĩa là kể cả tiền ăn chơi.

Đến lúc nghe theo bà mối và quả quyết cùng cô dâu vào lạy mẹ vợ hai lạy, Phan đã yên trí rằng sắp sửa được làm chủ nhân một

cái tài sản kếch sù. Lần đầu chàng thất vọng. Chàng cho hai cái lạy của chàng hoàn toàn vô ích.

Nhưng Phan không tuyệt vọng, nhất hôm nhị hỉ chàng lại thấy mẹ vợ xử hẳn ra một người rộng rãi, thân yêu đối với con và rể, và chàng nghĩ thầm: "Thôi, chẳng trước thì sau, vội gì?".

Vì thế, không những Phan tạm không lưu tâm đến những tòa nhà của bà Ba và món tiền hồi môn của Cúc, chàng còn tránh không một lần nhắc nhở hay nói xa xôi để hỏi dò ý tứ vợ.

Và vì thế, Cúc bồng bột sung sướng trong tháng trăng mật. Nàng cảm động biết bao, khi thấy mỗi lần nàng gợi đến chuyện tiền nong, tài sản của mình, Phan lại nồng nàn hôn nàng và ghé tai nàng âu yếm nói: "Của cải quý sao bằng em. Em là tất cả kho báu của anh rồi!".

Cúc tin lời chồng và càng sung sướng, vì trước kia nghe người ta thì thào bên tai những chuyện mai mỉa về nhà Phan, nàng vẫn áy náy không yên, tuy không bao giờ hé môi than phiền một lời với mẹ. Việc gả chồng, nàng cho là hoàn toàn thuộc quyền mẹ. Mới lớn lên nàng còn ngây thơ, đã biết gì. Nghe nói đến chuyện chồng con nàng đã xấu hổ rồi, còn dám đâu bàn tán, kén chọn.

Nay Cúc thấy những điều lo sợ của mình vô căn cứ: Phan không phải là một tay đào mỏ như người ta huyên truyền. Trái lại, chàng chỉ là một người ngay thẳng, không biết lừa dối ai, một thiếu niên đa cảm đặt tình yêu lên trên hết mọi sự đời. Kỳ thực, Cúc chỉ nhận xét đời bằng khối óc lãng mạn, bằng tâm hồn lãng mạn. Thiếu nữ nào mà không lãng mạn, dù thuở nhỏ đã sống những ngày vô vị và nhận được một nền giáo dục tầm thường, như Cúc chăng nữa.

Nhưng trong thời Cúc đương mê man với ái tình mới mẻ, một hôm bà Huyện bảo nàng:

– Có cái nhà đằng kia vừa làm xong mà người ta cần tiền nên phải bán, rẻ lắm, mợ cứ nên mua đi.

Cúc khép nép thưa:

– Bẩm mẹ, con có tiền đâu mà mua.

Bà Huyện giọng âu yếm:

– Vốn riêng thì mợ để làm gì?

– Bẩm mẹ, con không có vốn riêng.

Bà Huyện cười:

– Thôi, cô đừng nói ồn! Cái nhà này mẹ thấy nên tậu lắm mẹ mới mách...

Cúc vẻ mặt sợ hãi:

– Bẩm mẹ, con quả thực không có vốn riêng.

Bà Huyện yên lặng ngồi nhai trầu. Thỉnh thoảng bà vừa liếc nhìn Cúc vừa đưa chiếc khăn đỏ lên lau mép.

Bẵng đi ba hôm, bà lại bảo Cúc:

– Có cái đồn điền ở mạn Thái Nguyên bán rẻ lắm, rộng tới gần bảy trăm mẫu mà giá chỉ độ hơn một vạn thôi, thiết tưởng mợ cứ nên về xin tiền cụ mà tậu.

Cúc dạ lí nhí trong miệng, rồi hỏi ý kiến chồng mà nàng cho là một người không thiết của. Nhưng nàng kinh ngạc biết bao, khi Phan ngẫm nghĩ rồi trả lời:

– Mẹ nói cũng phải. Cái đồn điền ấy mà không mua thì thực bỏ mất một dịp tốt. Em thử về hỏi me bên nhà xem.

Thấy Cúc trù trừ, ngần ngại, Phan tiếp luôn:

– Giá mẹ sẵn tiền thì mẹ cũng tậu rồi đấy, nhưng hiện mẹ không sẵn. Vậy em cứ về bên nhà bẩm me tậu cho em rồi sau không thích thì để lại cho mẹ cũng được.

Chẳng đừng được, Cúc phải đem việc tậu ruộng nói với mẹ, tuy nàng biết trước rằng thế nào cũng không xong. Nàng còn lạ gì cái đức kiệt của mẹ. Lúc nàng tay không trở về nhà chồng, bà Huyện vẫn niềm nở không hề tỏ vẻ tức giận hay nói một câu đay nghiến.

Nhưng mấy hôm sau, trong câu chuyện với con và dâu, bà đem việc nhà những người quen biết ra thuật bằng một giọng rất tự nhiên, như không định ám chỉ ai: Đó toàn là những chuyện tiền hồi môn hàng vạn mà các nàng dâu đem theo về nhà chồng.

Cúc đã hơi hiểu ý mẹ chồng. Nhưng nàng biết làm sao! Đã nhiều lần nàng về nhà khóc lóc với mẹ, năn nỉ xin mẹ một cái nhà hay một ít vốn, để khỏi bị nhà chồng khinh bỉ. Nhưng bà Ba tìm đủ cách từ chối. Nào: "cho cậu mợ để cậu mợ phá tán đi, tôi giữ chẳng qua cũng chỉ là giữ cho cậu mợ". Nào: "bây giờ còn ở nhà với cụ Huyện, thì cậu mợ cần gì tiền". Thấy Cúc kêu nài mãi, bà cáu tiết nói thẳng một điều mà bà vẫn nghiền nghĩ bấy nay:

– Về bảo cậu ấy cứ lo ra làm quan, lo ra tri huyện đi đã, tốn bao nhiêu... rồi mẹ... giúp.

Chờ ba tháng vẫn không thấy nẩy một tia hy vọng cỏn con, bà Huyện chán nản và bắt đầu một chương trình hành hạ. Thoạt tiên bà bắt Cúc đuổi con Tỉu. Bao nhiêu công việc nặng nề Cúc phải cáng đáng lấy hết, làm cơm, khâu vá, cả đi chợ. Chỉ có hai việc bổ củi và gánh nước là Cúc được phép sai đầy tớ giúp mà thôi.

Cúc cũng không được màng tới điểm trang nữa. Bà Huyện bảo nàng:

– Có chồng rồi, còn cần làm dáng với ai?

Cúc tự an ủi thầm rằng bị mẹ chồng ghét nhưng đã được chồng yêu và bênh vực kéo lại. Chẳng bao lâu, nàng ngờ vực nốt tình yêu của chồng, vì hễ nàng liều cãi lại bà Huyện thì bao giờ Phan cũng về hùa với mẹ mà mắng át nàng đi.

Cứ tin lời Chuyên kể thì Phan đã có lần tát nẩy đom đóm mắt cô vợ bé bỏng. Nhưng Tính quả quyết rằng cái tát ấy của bà Huyện, chứ không phải của Phan, vì dẫu sao Phan cũng không nỡ và không dám tát một người đàn bà.

Chuyên, giọng mỉa mai, cãi lại:

– Chà! Khi người ta chủ tâm đào mỏ vàng mà đào phải rặt một giống đá sỏi thì người ta khỏi sao không cáu tiết!

Trình cười và như phân trần:

– Đấy nhé! Con người ta đẻ ra mà người ta còn chẳng cho gì để đến nỗi bị nhà chồng đầy đọa, huống hồ là...

Chàng ngượng ngùng, không dám nói dứt câu. Khoa phá lên cười nối luôn:

– Huống hồ là chúng mình, phải không? Em nghĩ đến câu chuyện thừa tự của cô ta mà em vừa tức mình vừa tức cười.

Chuyên giọng tự đắc:

– Còn ai lạ tính nết cô ta!

Tính thở dài nhìn Chuyên:

– May mà hai anh em không ai nhận lời, chứ nếu nhận lời thì thực là một cái bẽ lớn. Cô ta chỉ cốt đem miếng thừa tự ra dứ.

Chuyên tiếp liền:

– Để con cô ta đi lấy chồng cho êm thấm.

Khoa thêm:

– Nhưng rút cục không êm thấm tí nào, thế mới chết chứ!

Mọi người cười reo, Trình kết luận:

– Chung quy chỉ sư cụ là đáng thương nhất: đi lại nịnh hót mãi mà vẫn chưa xơ múi gì!

Khoa nghĩ thầm:

– Kể đáng thương thì đáng thương tuốt, từ bà Ba, Cúc, Phan, bà Huyện cho chí cả anh em mình.

HẾT

KHÁI HƯNG

ĐẸP

PHẦN THỨ NHẤT

I

– Thôi, Loan ạ, chờ Nam vào hãy hay.

– Ngọc cứ để mặc em. Thu xếp trước đi thì vẫn hơn. Để bề bộn, anh ấy vào anh ấy cười cho. Mà anh ấy giận nữa cũng nên. Anh ấy gửi thư lại đánh thêm dây thép cho mình là cốt để mình sửa soạn phòng riêng cho anh ấy.

Ngọc suy nghĩ và hỏi:

– Không biết sao anh ấy lại đi được?

Loan không để ý đến câu của chồng nói luôn:

– Vậy em cứ bảo dọn phòng em Hanh để anh Nam ở nhé?

Ngọc giọng hơi gắt:

– Đã bảo chờ anh ấy vào hãy hay. Em còn không biết tính Nam hay sao? Làm phật ý anh ấy, anh ấy vùng vằng bỏ ra về ngay, cũng chưa biết chừng. Mà đã chắc đâu anh ấy vào!

– Đã đánh dây thép báo trước, anh còn bảo chắc đâu...

– Anh ấy gửi điện tín, rồi không đi là thường. Có khi ra ga, vào lấy vé lên ga ngồi yên chỗ, anh ấy còn xách va ly hấp tấp trở về nhà để ngủ, nữa là...

– Anh và các anh bạn anh nặn mãi ra thêm thắt mãi vào làm như anh Nam là một người ngộ nghĩnh khác thường. Kỳ thực em chỉ thấy anh ấy dễ dãi, nhu mì.

Ngọc cười:

– Thì vẫn dễ dãi nhu mì!

– Mỗi cái anh dở hơi lắm! Dù sao người ta cũng là khách

của mình. Người ta đã báo trước rằng người ta vào chơi một vài tuần lễ, thì mình phải chọn sẵn một phòng tốt để người ta ở chứ! Chẳng lẽ người ta lại bảo mình: "Tôi thích phòng này, tôi không ưng phòng kia?". Vậy mặc anh, em cứ đi thu dọn đây.

Nói đoạn, Loan bỏ sang phòng bên. Ngọc mơ màng ngó nhìn qua cửa sổ ra những rặng phi lao ngoài bãi cát và nghĩ thầm:

"Ừ! Không hiểu sao bỗng dưng Nam lại bỏ bừa công việc mà vào nghỉ mát ở Sầm Sơn được?"

Nam và Ngọc là cựu sinh viên trường Mỹ thuật, Nam lên năm thứ ba thì Ngọc bắt đầu vào năm thứ nhất. Thời ấy Nam đã thấy cái tài lạ lùng, cái tài đặc biệt của Ngọc, và đem lòng yêu mến Ngọc ngay. Chẳng bao lâu hai người trở nên đôi bạn chí thân.

Năm năm sau, Ngọc thi đỗ đầu và xin được bổ giáo sư trường Trung học trong khi Nam đang mê man với cái thú vẽ tranh. Ngoài hội họa ra, Nam không còn thiết một thứ gì ở đời nữa. Trước kia nha Học chính cũng đã có một lần có giấy gọi chàng, để định bổ chàng vào một chân giáo sư. Dạo ấy chàng đi vẽ ở vùng Cao Bằng. Ngọc biên thư báo tin mừng cho chàng và giục chàng về. Đương họa dở một bức tranh sơn, Nam định nấn ná ở lui lại mấy ngày để làm cho xong công việc đã. Nhưng rồi quên bẵng đi, chàng vẽ luôn một bức nữa, lại một bức nữa.

Khi chàng tới Hà Nội, thì nha Học chính đã bổ người khác. Chàng không thấy thế làm phiền lòng. Mà có lẽ cũng không nhớ rằng người ta đã định bổ mình vào ngạch giáo sư.

Từ đó tình yêu hội họa một ngày một lấn sâu mãi vào tâm hồn Nam. Vẽ cần cho chàng như ăn, uống. Có khi hơn. Vì mải vẽ chàng có thể quên ăn. Nhưng không một lạc thú gì, không một sức mạnh gì lôi kéo được chàng đi đâu, một khi chàng đứng trước cái khung căng vải đặt trên giá, cái bảng màu cầm trên tay.

Vẽ để vẽ. Đó là nguyên tắc của chàng về hội họa. Được vẽ là đủ rồi, là chàng sung sướng rồi, chàng không cần phải hỏi và phải biết. Vẽ để làm gì? Nhiều lần, một bức tranh vừa ráo sơn, vì không sẵn có khung căng vải, chàng quả quyết trát trắng đi để vẽ bức khác. Mà không phải bức trước không có gia trị. Chàng thường nói với bạn: "Một bức tranh chỉ có giá trị khi mình còn đương vẽ. Vẽ xong, nó là cái khung vải bôi sơn. Đem bán, đem cho hay đem vứt đi cũng

thế thôi. Nó như một người con gái. Người con gái ấy một hôm mình gặp mặt, và mình ao ước tìm tòi cái lạ, cái đẹp. Cái đẹp, cái lạ một khi đã thấy, hay tưởng thấy, thì còn gì nữa? Sự thực hiện ra và mộng ảo tan đi".

Những người chàng quen thường lợi dụng tính thích vẽ của chàng. Họ căng vải, mua sơn đưa đến cho chàng để sau này vác tranh về nhà treo. Chàng cảm động cho là bạn có lòng tốt đối với mình. Rồi bức tranh vẽ xong, có khi chàng bán đi, hay cho một người khác nếu không vứt vào một xó kín cho bụi bám và mạng nhện chăng. Cái tính đãng trí của chàng, trong anh em không ai còn lạ. Vả chăng ít khi chịu phân biệt cái gì là của mình, cái gì là của người. Có lần vừa may xong bộ quần áo rét, chàng cho một người bạn mượn đi ăn cưới, rồi quên khuấy. Mà người bạn mặc vừa quá cũng quên bẵng không trả lại chàng. Cách đó ít lâu gặp người kia chàng ngắm nghía khen: "Bộ quần áo anh may đâu mà dễ thương quá!". Bạn tưởng chàng nói đùa chỉ cười. Thế là hôm sau chàng đi tìm ngay một bộ y như bộ trước mà chàng đã may.

Cái tính đãng trí của chàng có lẽ cũng là một hình trạng của lòng dửng dưng đối với đời. Nam không cho một cái gì ở đời là quan trọng, kể cả hội họa. Chàng vẽ như chim hót. Con chim nó hót để hót, nào nó có cho tiếng hót của nó là quan trọng. Nhưng ở đời có một thứ mà chàng dửng dưng nhất, mà chàng khinh bỉ nhất, khinh bỉ mà vẫn phải cần đến mà lại càng khinh bỉ: Đó là tiền.

Lần đầu chàng làm ra tiền là thời chàng học năm thứ ba trường Mỹ thuật. Một nhà du lịch Hoa Kỳ vào thăm trường, lưu ý đến những bức tranh lụa có tính chất An Nam của chàng và hỏi mua. Buổi chiều ông giám đốc trường gọi chàng lên bàn giấy và giao cho chàng hai trăm bạc.

– Đó, của anh, nhưng anh phải làm trả nhà trường những bức khác như hệt những bức đã bán.

Nam ngơ ngác hỏi lại:

– Như hệt?

– Phải như hệt. Sao?

– Lại vẽ những bức tranh đã vẽ rồi thì chán lắm!

Ông giám đốc mỉm cười:

– Chán, nhưng đã được hai trăm bạc tiêu!

Nam làu nhàu:

– Hai trăm bạc! Nhưng tôi có muốn bán đâu.

Bắt đầu từ hôm ấy, ông giám đốc đem lòng ghét Nam. Ông cho chàng kiêu căng tự phụ. Có lẽ vì thế mà năm ấy thi lên lớp. Nam tụt từ thứ nhất xuống thứ ba.

Ngày chủ nhật tới, Nam nhờ người bà con đặt bữa tiệc hết sức long trọng và mời tất cả bạn bè đến dự. Lúc trả tiền, chàng kinh ngạc:

– Năm mươi sáu đồng!

Chủ khách sạn và anh em bạn tưởng chàng kêu đắt quá. Nhưng chàng nói tiếp ngay:

– Có năm mươi sáu đồng thôi! Vậy còn những một trăm bốn mươi tư đồng thì làm gì, tiêu gì cho hết được?

Ai nấy cười vui vẻ, vì tưởng chàng khôi hài. Nhưng chàng rất thành thực. Chàng cho "của giời cho" ấy chẳng tiêu hết đi, giữ mà làm gì? "Mình vẽ tranh có phải để kiếm tiền đâu?"

Cái tính ghét tiền, không bao giờ chàng bỏ được, mặc những lời chê trách của các bạn và anh chàng. Chàng có một người anh làm giáo sư yêu chàng như người mẹ yêu con nuông. Xưa nay chàng vẫn ở chung với anh. Cho tới ba năm gần đây, công việc bề bộn quá, chàng mới chịu thuê riêng một cái nhà ở làng Yên Phụ để làm phòng vẽ và xưởng thợ. Vì từ ngày tạm bỏ sơn dầu và lụa để chuyên làm sơn ta, thì chàng có rất nhiều khách hàng, phần đông là người Âu. Bất đắc dĩ chàng phải thuê thợ, đó là một điều làm chàng khó chịu. Vì có lúc chàng cáu kỉnh thấy mình thành một ông chủ thầu hơn là một nghệ sĩ. Những người thân nghe chàng ngỏ ý kiến riêng đều lo sợ một ngày kia chàng sẽ bỏ sơn ta như chàng đã bỏ sơn dầu và lụa. Họ ái ngại cho chàng vì thấy "nghề" sơn ta của chàng đương phát đạt.

"Phát đạt", đó là một tiếng không có nghĩa gì đối với Nam. Vả phát đạt đây chỉ là nhiều việc, chứ không là nhiều lãi. Ngày chàng đem bức bình phong sơn ta đầu tiên ra bày phòng triển lãm thì các ông giáo trường Mỹ thuật lưu ý đến chàng ngay. Đồ sơn ta xưa nay chỉ là tác phẩm của người thợ khéo, hay của nhà nghệ sĩ chuyên về trang hoàng hơn hội họa. Nam bỏ hẳn cái định kiến ấy. Chàng muốn cách mệnh muốn mở rộng phạm vi sơn ta. Và coi một

bức tranh sơn ta không khác gì một bức tranh sơn dầu.

Ông giáo G, thầy học yêu mến của Nam, viết một bài phê bình đăng báo để ca tụng học trò, nói Nam đã nâng sơn Việt Nam lên bậc "đại nghệ thuật". Phe phản đối chẳng chịu im lặng. Họ công kích Nam kịch liệt, nói Nam làm mất hẳn ý nghĩa và giá trị của sơn Việt Nam, cái ý nghĩa và giá trị trang hoàng của nó. Và để đánh đổ cái thuyết của ông giáo kia, họ nêu ra một họa sĩ chuyên vẽ sơn Việt Nam đã nổi danh khắp thế giới, ông Dunant: Ông Dunant không vẽ rậm rạp, tỉ mỉ như Nam bao giờ?

Anh em bạn Nam giục Nam trả lời, Nam chỉ cười và đáp lại vui vẻ:

– Tôi vẽ cho tôi, chứ tôi vẽ cho ông Dunant đâu?

Bức bình phong ấy chàng bán được ngay, bán theo giá trường Mỹ thuật đã định. Chàng mừng rỡ bảo anh em:

– Hòa vốn, may quá!

Thế là chàng dùng ngay tiền nhận được để làm luôn bức bình phong thứ hai. Bức bình phong ấy, có lẽ trong một năm nữa sẽ hoàn thành. Vì cách chàng làm việc, khác hẳn người thường, làm việc để làm việc, không cần mau chậm. Thời ấy chàng chưa mượn thợ. Chàng vẫn nói: "Làm sơn ta sướng hơn làm sơn dầu. Có nhiều cái bất ngờ lắm. Mà cái bất ngờ bao giờ cũng đẹp, cũng đẹp hơn cái mình định trước".

Ai đã nhìn chàng mài than một bức sơn mới hiểu câu nói của chàng là đúng. Có khi sau hàng giờ, nét vẽ mới thành hình. Từ lúc ấy họa sĩ phải gượng nhẹ: Tùy mình mài sâu hay nông, nền màu sẽ hiện ra nhạt hay sẫm. Tới một màu ưng ý, chàng nghiêng nghiêng tấm gỗ ngắm nghía, miệng lẩm bẩm: "Pas bête! pas bête!" Rồi thét vang, rồi hát ầm nhà. Hôm ấy thế nào chàng cũng tìm bạn thân, nhất là Ngọc, đến xem cái màu lạ lùng "sung sướng" kia. Và thế là Ngọc cũng khen không tiếc lời: "Ngon lắm anh ạ, Trời ơi! C'est charnu! C'est bon à croquer! C'est sensuel!" Nam yên lặng mỉm cười, bẽn lẽn như đứa trẻ đứng im cho người mẹ vuốt ve, âu yếm. Về sau Ngọc nói:

– Còn đợi gì mà không ăn mừng?

Thế là hai người đưa nhau đi cao lâu.

Nhờ bài phê bình của ông giáo, nhiều người Âu biết chuộng

tài Nam, đến đặt tranh nhà Nam "Thế mới chết chứ". Đó là câu nửa bỡn cợt, nửa thành thực mà Nam thốt ra với anh em bạn, khi ông giáo cũ đưa tin cho biết có nhiều người đặt "hàng". Chính từ đó Nam bắt buộc phải mở xưởng riêng ở Yên Phụ. Và cũng từ đó chàng bận tíu tít quanh năm, vì khách hàng một ngày một thêm đông. Các người Âu giàu sang hình như đua nhau có một bức tranh phong sơn bày trong nhà.

Anh em bạn Nam khuyên Nam tăng giá nhanh. Nếu không, thà nghỉ dưỡng sức cho khỏe còn hơn, can chi hì hục năm này sang năm khác để mua lấy cái ốm mà chẳng lợi lộc gì. Nam chau mày gắt:

– Lợi lộc! Các anh làm như tôi là một nhà buôn không bằng!

– Nhưng ít ra cũng không nên để mình chịu thiệt.

– Cố nhiên! Tôi có thiệt gì đâu. Tôi đương tìm tòi về tranh sơn ta, chỉ mong có việc để mình thí nghiệm. Nay người ta đem việc đến, rất nhiều việc đến, mình cần gì hơn nữa?

– Vậy xong thời kỳ thí nghiệm phải đến thời kỳ thực hành chứ?

Nam cười, hỏi:

– Thực hành cái gì? Các anh bảo thực hành cái gì? Thực hành làm giàu chăng? Bán tranh, bán "hàng" thực đắt, kiếm vài vạn bạc, làm một tòa nhà lộng lẫy ở một phố tây... Rồi tự túc... bỏ hội họa... yên sống tuổi già... À còn quên: một bà vợ và một lũ con,... Tôi không ngờ các anh lại muốn dấn tôi và cái đời trưởng giả ấy, thực hành! Trời ơi, thực hành!

Một người bạn cãi gượng:

– Vâng! Thực hành vẽ tranh kia.

Nam nghiêm nét mặt:

– Điều ấy thì không có. Suốt đời nghệ sĩ lúc nào cũng phải tìm tòi, cũng phải thí nghiệm... Ai dám tự phụ đã tới chỗ hoàn toàn, chỗ tột đích của nghệ thuật?

Kể thì Nam cũng không đến nỗi nghèo, không đến nỗi thiếu thốn như một số lớn họa sĩ An Nam. Tiền lãi tranh tuy không nhiều lắm cũng đủ cho chàng ăn tiêu khá rộng, mua sơn mua vàng, nhất là vàng mà anh chàng rất quý mến. Quý mến là quý mến cái giá trị của nó trong tranh sơn ta, chứ không phải quý mến cái giá cao của nó trên trường thương mại. Chàng vung phí dùng nó trên các bức bình

phong, mặc dầu gần đây giá một ngày lên mãi. Nhưng có thứ mà chàng dùng phung phí hơn. Đó là sức khỏe chàng. Rõ ràng là ba năm nay chàng chưa được nghỉ luôn một tháng, ngày đêm ở xưởng bị vây bọc trong làn không khí nặng nề đầy hơi sơn nóng nực. Cũng có dạo chàng bỏ xưởng đi Hòa Bình, đi Lạng Sơn, đi Hạ Long nữa. Nhưng đi để làm việc, để vẽ chứ không phải đi chơi, đi nghỉ mát.

Thế mà lần này chàng định nghỉ, nghỉ hẳn một tháng trong Sầm Sơn, khiến Ngọc phải lấy làm ngạc nhiên.

II

Trong làn không khí oi nồng buổi trưa, Ngọc vừa chợp mắt thì tiếng hát của Nam ở cổng đánh thức chàng dậy. Loan đã từ trong nhà chạy ra chào:

– Anh Nam! Chúng tôi đương đợi anh.

Nam cười hỏi:

– Nghĩa là anh chị đợi cơm phải không?

– Chính thế.

Đó là câu trả lời của Ngọc. Và Ngọc tiếp luôn:

– Nam sao thế?

Nam làm bộ nghiêm trang hỏi lại:

– Ngọc sao thế?

– Tôi hỏi anh câu ấy.

– Vì anh hỏi tôi câu ấy nên tôi mới hỏi lại anh câu ấy. Nghĩa là: Anh sao thế mà lại hỏi tôi sao thế?

Loan cười:

– Chuyện hai anh thật lẩn thẩn quá! Thôi mời anh Nam vào rửa mặt rồi xơi cơm.

Ngọc ngơ ngác nhìn quanh:

– Nhưng giá với khung đâu? Chưa mang vào?

– Để cả ở Hà Nội, nghĩa là ở Yên Phụ.

– Không mang đi?

– Mang đi làm gì? Đã bỏ đi nghỉ mát là đi nghỉ mát. Tất cả hành

lý chỉ có cái va ly quần áo này.

Trong bữa cơm Nam rất vui vẻ và ăn ngon lành. Chàng thuật chuyện đi xe hỏa. Buổi sáng chàng ra ga suýt nhỡ xe. Và chàng cũng mong nhỡ để đánh điện tín cho bạn nói không vào được. Vì lúc sửa soạn ra đi, chàng thấy chán nản lạ lùng, phải hết sức can đảm mới rửa được cái mặt, chải được cái đầu. May mà va ly quần áo, đầy tớ lại đã sắp xếp xong từ tối hôm trước, không thì cũng đến đành ở lại nhà. Tới phòng phát vé hạng tư, một người ăn mặc như bồi tây chạy ra lo lắng hỏi chàng: "Thầy đi Nam phải không?" Chàng ta đáp: "Tôi đi Thanh Hóa" – "Thế thì chỉ còn ba phút nữa tàu chạy, thầy đưa tiền tôi lấy vé cho nào, một đồng mười lăm xu". Nam cảm động vì lòng tốt của người kia, và quên hẳn mình đang do dự không biết nên đi hay nên ở lại. Hấp tấp chàng mở ví lấy hai đồng đưa cho người ấy, và chờ mấy phút sau nhận được cái vé với bảy hào rưỡi. Chàng tính nhẩm và hỏi: "vé một đồng và hai hào rưỡi?" – "Không, có một đồng hào rưỡi thôi, nhưng công tôi một hào".

Kể đến đó, Nam phá lên cười. Loan hỏi:

– Lúc bấy giờ hẳn anh phải ngã ngửa người ra?

Ngọc tiếp luôn:

– Và hết cảm động.

Nam giọng triết lý khôi hài:

– Ở đời, cái gì có rồi mà không hết? Một phút cảm động hắn ta cho tôi cũng đủ làm tôi mãn nguyện rồi. Tôi còn muốn gì hơn nữa? Cái cảm giác sung sướng thấy loài người đẹp đẽ. Cái "đẹp" thoáng qua khiến tôi yêu đời tha thiết, yêu đời nồng nàn, dù chỉ yêu đời trong mấy phút. Và cái đẹp gì mà không thoáng qua, phải không, anh chị? Sao ta tầm thường lại cứ muốn hưởng một cái đẹp lâu bền, một cái đẹp bất vong bất diệt?

Ngọc ngắt lời:

– Anh sao thế? Lần thứ hai tôi hỏi anh câu ấy.

Nam buồn rầu:

– Dễ thường anh cho tôi là điên chăng?

Rồi đương chuyện nọ nhảy sang chuyện kia, chàng cười nói:

– Điên cũng đẹp. Tôi vẫn muốn thỉnh thoảng điên chơi một lúc, nhưng khó mà đóng vai điên có tài như vợ anh chàng Kim Nhan.

Tôi nhớ ngày còn bé được xem đào Kỳ đóng vai điên ấy. Đẹp không thể tưởng tượng được, người đẹp cũng có, nhưng cái đẹp thực, cái đẹp tự nhiên ấy tăng lên bội phần vì cái điên. Cặp mắt phản chiếu ánh đèn long lanh như ném lửa dục, cái miệng cười... không thể điên hơn. Tôi nói thế là vì hôm nay tôi đã được so sánh vai đào điên của tôi với người điên thực. Cũng cặp mắt ấy, cũng cái miệng ấy. Sao mà hệt thế! Và vì hệt, nên sự liên tưởng đã khiến tôi thấy người điên của tôi đẹp, tuy người đó chẳng có một chút nhan sắc.

Loan cười ngắt lời:

– Có phải một người đàn bà không?

– Phải đấy.

– Thế thì hôm vào đây chúng tôi cũng đã gặp. Tay nó cầm một bó rác và một bó hương.

– Chính rồi. Có phải đẹp không? Chắc chị không thấy đẹp vì chị không có một cô đào điên trong óc. Còn tôi tôi cho là đẹp, đẹp lắm. Nhìn đôi mắt liếc, cái miệng cười, cánh tay đưa ra vẫy, tôi nhớ lại cả một thời xưa, cái thời đẹp nhất của chúng ta, vì chúng ta chưa bị cái đẹp giả dối, cái đẹp sách, cái đẹp khoa học nó huyền diệu làm mất hẳn sự xét đoán của hai con mắt ngây thơ, thành thực và rất nghệ thuật của chúng ta.

Nam thở dài nói tiếp:

– Đẹp! Sao ta lại muốn một cái đẹp tuyệt đích?

– Làm gì có cái đẹp tuyệt đích!

– Phải không anh, làm gì có cái đẹp tuyệt đích. Hãy nói cái đẹp hoàn toàn thôi. Nếu Dương Quý Phi sống ở thế kỷ này, thì tập thể thao hai năm vị tất đã nhẹ bớt được năm cân mỡ. Và nếu Tây Thi sống ở đời Đường Minh Hoàng thì cái tấm thân mảnh dẻ ấy hẳn không được ông vua dâm dục kia để mắt tới. Cái đẹp còn tùy theo khí thế, tùy theo tính chất của ta. Nhưng hầu hết trong bọn chúng ta lại có một cô đào điên trong óc hay trong tim.

Loan cười hỏi:

– Vậy anh có một cô đào điên trong óc hay trong tim?

– Trong óc. Còn tim tôi thì... Nhưng mời anh chị đi xơi cơm đi chứ. Cứ ngồi nghe tôi nói chuyện, có khi đói vì tôi nhiều lắm.

Ngọc biết Nam nói lảng nên yên lặng nhìn vợ mỉm cười.

Buổi chiều khi hai người đi chơi ngoài bãi biển, chàng hỏi bạn:

– Anh buồn vì Trang đã lấy chồng phải không?

Nam ngửng lên nhìn mảnh trăng chiều nhợt nhạt, mỏng mảnh:

– Chừng anh cho Trang là cô đào điên của tôi?

Trang là con gái một người bạn của Nam và Ngọc, chủ một hiệu tạp hóa lớn ở phố Hàng Bông. Hơn hai năm nay, anh em đùa bỡn nói gả Trang cho Nam, Nam cười nhận lời. Từ đó anh em coi như Trang là vị hôn thê của Nam, nhất trong bọn lại có một người họ xa với Trang thường vui vẻ bảo Nam: "Được, để rồi tôi làm mối cháu cho anh".

Nhiều câu giai thoại đã làm cho việc nhân duyên hờ của Nam trở nên cảm động. Trang mới mười sáu, Nam đã ba mươi hai. Một hôm anh em dắt Nam vào xem việc tiền định ở một ông thầy tướng số bày hàng nơi khung cửa đóng của một hiệu khách – hàng nghĩa là một vuông vải rộng vẽ hình mặt người, một cái tráp sơn then, một bó chân gà khô và một thẻ hương đặt ngang trên cái đĩa gỗ. Thầy tướng xem mặt, xem tay, hỏi tuổi Nam rồi dõng dạc nói: "Đường nhân duyên của ông muộn mằn và ông chỉ lấy người chỉ bằng nửa tuổi ông". Anh em bạn vỗ tay cười reo, khiến Nam thẹn đỏ mặt. Chàng vẫn có tính bẽn lẽn. Nam lo lắng vẩn vơ cho việc này không khéo sẽ trở nên sự thực. Nhưng sự thực có gì đáng lo lắng đâu, sự thực thì lũ bạn nghịch ngợm đã mớm lời thầy tướng số, để trêu ghẹo Nam.

Lại một hôm Nam đưa hai người bạn vào hàng của Trang mua cho mỗi người một cái ca vát mà chàng đã hứa biếu. Có lẽ vào hiệu ấy là một sự ngẫu nhiên, nhưng hai người tưởng Nam chú ý nhìn mặt Trang. Một người bảo Trang: "Ông Nam mua cho chúng tôi hai cái ca vát giống nhau để đi làm phù rể cho ông ấy". Trang vì chiều khách, nhất khách lại là bạn cha mình, nên trả lời nhã nhặn: "Thưa ông, ông Nam sắp cưới vợ? Vậy thế nào thầy cháu cũng sắp được ăn cỗ". Người kia cười nói: "Có cả cô cũng đến ăn cỗ chứ?" Ra đường người ấy bảo Nam: "Anh có thấy mắt Trang ướt lệ không? Trang tưởng anh lấy vợ thực đấy mà!". Nam không tin lời bạn nhưng cũng cảm động.

Câu chuyện Nam và Trang kéo dài hơn hai năm cho tới ngày Trang lấy chồng. Ngọc yên trí rằng Nam thất vọng vì mối ái tình bỡn cợt đã trở nên thành thực. Những cử chỉ và ngôn ngữ của Nam

càng khiến chàng tin rằng mình không lầm.

– Trang kể cũng đẹp đấy chứ?

Nam cười thẳng thắn:

– Còn kể cũng gì nữa! Đẹp hẳn đi rồi! Các anh cứ đùa tôi, làm hôm Trang lấy chồng tôi hơi băn khoăn cảm động.

– Thế là ái tình đấy.

– Hôm cưới Trang sao anh không đi ăn cỗ? Lâm không mời chăng?

– Có, nhưng tôi đi vắng.

– Hôm ấy tôi có đến. Rõ khổ, anh ạ, tự nhiên tôi đâm bẽn lẽn mới chết chứ. Lúc ở nhà ra đi không nghĩ gì nhưng lúc ngồi vào bàn tiệc và thoáng thấy bóng Trang mình không giữ được mỉm cười nữa, cái mỉm cười ngượng ngập đến hay. Biết thế đừng đến cho xong.

Ngọc buồn rầu nhìn Nam:

– Cũng tại anh. Giá anh cứ ngỏ lời hỏi Trang thì làm gì mà Lâm không gả.

Nam cười:

– Thôi đùa đến lúc người ta lấy chồng là đủ lắm rồi. Từ giờ ta xếp câu chuyện ấy lại... Các anh sẽ có một câu chuyện khác, mà có lẽ không phải là chuyện đùa nữa.

– Chuyện gì mà quan trọng lắm thế?

Nam yên lặng ngửng nhìn phía xa, mắt mơ màng, linh hồn ngây ngất trong tiếng sóng đều đều. Trăng chiếu như miếng giấy trắng cắt dán lên trời, và vì quá mỏng để lộ cả nền xanh. Bỗng Nam cúi xuống nhìn thẳng vào mặt bạn hỏi:

– Tôi có thể còn yêu được không?

Ngọc cười:

– Cậu hỏi lạ lùng! Anh tự hỏi anh có lẽ hơn là đem hỏi tôi.

Nam giọng thản nhiên và nghiêm trang:

– Tôi đã tự hỏi tôi trong hai tháng nay rồi. Bởi tôi không thể trả lời tôi được tôi mới đến hỏi anh.

Ngọc vẫn cười vì cho là bạn đùa:

– Chỉ vì thế mà tôi được hân hạnh anh vào chơi. Anh có đọc cái truyện ngắn của Maupassant truyện gì tôi quên mất tên. Trong truyện, một bá tước, trước khi nhận lời lấy vợ còn đi Paris để thí nghiệm xem

mình còn có thể yêu được nữa không? Vậy anh đã thí nghiệm chưa?

Nam gắt:

– Đừng nói giỡn nữa, anh! Câu chuyện quả không có gì đáng giỡn. Đây này. Năm nay tôi băm ba rồi, nghĩa là đã quá cái tuổi mơ mộng.

Ngọc vẫn giọng giỡn cợt:

– Những người chơi bời không mục đích thì băm ba đã bắt đầu lãng mạn, đã bắt đầu mơ mộng là sớm quá. Còn các nghệ sĩ thì mơ mộng suốt đời, vì suốt đời, theo đuổi cái đẹp rất khó chiều.

Nam nói tiếp hầu như không để ý đến lời bạn:

– Đã bao lần tôi phù rể cho bạn trẻ hơn tôi. Trong số đó có anh. Còn số đám cưới tôi dự thì không nhớ xuể nữa. Tôi thường đùa bảo bạn: "Tôi sẽ lấy cô phù dâu già nhất Hà Nội". Nhưng mà có số thực, anh ạ, và số tôi có lẽ phải lấy người bằng nửa tuổi tôi như lời người thầy tướng đã đoán.

Ngọc cười:

– Nghĩa là mười sáu tuổi rưỡi?

– Thôi, cứ cho mười bảy tuổi. Câu chuyện cũng hơi ly kỳ...

Ngọc cười càng to:

– Ly kỳ? Ly kỳ thực ư?

III

Câu chuyện ly kỳ của Nam, thực ra, chẳng có gì ly kỳ. Đó là một câu chuyện tình.

Nam có một người bạn hơn chàng ba bốn tuổi. Ngày xưa ở trường Bảo hộ hai người tuy không học cùng lớp nhưng chơi với nhau rất thân. Không phải vì Nam và Biên hợp tính nhau. Trái lại, Nam nhanh nhẹn bao nhiêu thì Biên chậm chạp bấy nhiêu. Nam vui vẻ, đùa nghịch, lười biếng, nhẹ dạ; Biên trang nghiêm, chững chạc siêng năng, trầm tĩnh. Hình như trời phú cho mỗi người một tính chất riêng để sau này theo hai con đường đời cách biệt hẳn nhau: công sở và nghệ thuật.

Hai người biết nhau, rồi để ý nhau, rồi yêu nhau vì một sự ngẫu

nhiên: có một kẻ thù chung, một viên giám thị. Người ấy ghét Biên vì Biên hiền lành và ghét Nam vì Nam nghịch ngợm.

Nhưng sự ngẫu nhiên là một cớ để họ bắt đầu làm quen với nhau. Thực ra thường thường ở đời càng có tính tình trái ngược, hai người càng dễ thân nhau: Nam thích đọc sách, có tiền chỉ mua tiểu thuyết; Biên khuyên bạn nên để thời giờ mà học thì hơn. Lại khoe rằng mình không hề đọc "truyện" bao giờ. Nam chỉ cười và không bao giờ nghe theo. Nhưng Biên không nản chí, khuyên răn mãi, tuy trong thâm tâm vẫn phục Nam là người học rộng, biết nhiều, cũng như Nam vẫn thầm khen Biên là người cần cù chí thú nhất, lại thấy Biên luôn luôn chiếm đầu lớp. Rồi hai người xa nhau. Sáu bảy năm sau một vụ nghỉ hè, Nam vác giá và khung lên rừng Lạng Sơn để vẽ. Thời ấy Nam đang học năm thứ tư trường Mỹ thuật. Tình cờ chàng gặp Biên. Bấy giờ chàng mới biết bạn hiện làm tham tá tòa sứ ở đấy.

Biên mời Nam về nhà, bảo dọn riêng một phòng cho Nam ở. Nam vui thích, hầu sung sướng trong một gia đình đông đảo hai vợ chồng và năm con, bốn gái một trai. Trong những bữa ăn ngồi quây quần xung quanh cái bàn vuông trải khăn trắng, lũ trẻ chuyện trò cười nói huyên thiên, hay cãi nhau chí chóe.

Nam rất yêu chúng, cùng chúng bày đình, chơi ú tim, ba ba. Trong bọn, Lan là đứa con gái lớn tuổi nhất – Lan lên chín – và xinh xắn nhất. Nam cũng yêu Lan nhất vì Lan biết nghe chuyện và hỏi những câu rất thông minh, rất ngộ nghĩnh. Chàng kể chuyện Tấm Cám cho Lan nghe: đôi mắt xanh và to của Lan lóng lánh ướt lệ. Nghe chuyện "Lấy vợ cóc", Lan vỗ tay cười, rồi băn khoăn nghĩ ngợi và hỏi tại sao trong cái da cóc bé nhỏ, xấu xí, một người con gái nết na xinh đẹp và cao như người thường lại có thể sống được.

Nam và Lan trở nên một đôi bạn thân, Nam thích cái tính thơ ngây, đầy thi vị của trẻ con. Lan được "Chú Nam" nuông chiều, nên suốt ngày lúc nào cũng bám lấy chú, theo chú đi vẽ, theo chú đến chùa Tiên, đến động Tam Thanh, đến các làng Thổ quanh vùng. Chú đi xa vắng độ hai ba hôm, Lan ở nhà nhớ mong ngơ ngác ngớ ngẩn như mất hồn. Biên cười bảo; "Hôm nào "Chú Nam" về Hà Nội cho con Lan nó theo chú quách". Mẹ Lan cũng cười: "Phải đấy! Lan ạ, con có muốn làm con nuôi chú Nam không? Làm con nuôi chú thì tha hồ được ăn bánh". Lan cúi mặt đứng yên lặng, hai má đỏ ửng.

Đó là câu trả lời: bằng lòng của tuổi thơ. Hôm Nam trở về Lạng Sơn, Lan không giữ nổi bồng bột, ôm chầm lấy "chú", rồi hôn, rồi nói những câu nũng nịu.

"Chú"! Cả nhà giờ gọi Nam là chú. Hôm Nam mới tới, hai người bạn xưng nhau bằng anh. Trong bữa ăn vợ Biên bảo các con: "Mời bác xơi cơm đi, các con!". Nam cười nói đùa: "Mời chú chứ? Nào Lan, Cúc, Hồng, Trúc, Liên, mời chú đi!". Thế là từ đó Nam có một địa vị nhất định trong gia đình người bạn.

Nam nấn ná ở chơi nhà Biên cho tới hết hè – hơn một tháng. Hôm chàng về, đôi mắt xanh của Lan đầm đìa và Lan phải nén lòng mới không khóc òa lên trước mặt mọi người. Còn Nam, chàng cười nói để giấu giọt nước mắt cảm động: "khóc thì xấu lắm. Lan ơi! Người đẹp thế kia, ai lại khóc bao giờ, phải không Cúc?... Trời ơi, đôi mảnh trời xanh trong của tôi sao lại mờ hơi sương như thế kia"? Mẹ Lan bảo Lan: "Chú làm thơ từ biệt con đấy. Con họa lại đi". Cả nhà cười vui vẻ, Lan không giữ được cũng bật cười theo. Nam nói: "Ừ, có thế chứ, hai mảnh trời xanh trong của tôi lại xanh trong như thường rồi".

Mấy giây yên lặng, hình ảnh tất cả cái buồn rầu của một cuộc ly biệt. Bỗng Lan rụt rè ngẩng lên nhìn mẹ thỏ thẻ: "Thế mà me bảo me cho con về chơi Hà Nội với chú". Một tiếng cười to đáp lại câu nói ngây thơ. Rồi ai nấy đều cười tuy chẳng hiểu Lan đã nói gì. Giữa những tiếng vui vẻ om sòm ấy, Nam lên xe ra ga.

Năm sau thi đậu xong, Nam lại lên chơi Lạng Sơn ba tuần lễ. Nếu không bận phải làm việc cho trường thì Nam còn ở lâu hơn. Lần này lại diễn lại những giờ nói chuyện, những cuộc đi chơi đùa, nghịch của hai người bạn với những tính tịnh không thay đổi tuy Lan khôn biết hơn đôi chút.

Thế rồi bẵng đi sáu năm Nam và Biên không gặp nhau. Nam cũng có lên Lạng Sơn một lần nữa. Nhưng Biên đã đổi đi nơi khác. Bận công việc Nam không nghĩ đến tìm hỏi xem Biên hiện ở tỉnh nào.

Bỗng năm ngoái, đi chơi vịnh Hạ Long, lúc trở về Nam rẽ vào thăm Quảng Yên và gặp Biên ở đấy. Gia đình Biên đã thay đổi khác xưa. Vợ Biên má hóp, da nhăn, trông có vẻ già, tuy mới ba mươi sáu tuổi. Lan có thêm hai em, một trai một gái. Nhưng sự biến đổi bất ngờ cho Nam nhất là Lan không còn ngây thơ như trước nữa.

Nay Lan là một cô gái dậy thì, hai má đỏ hây hây, cái ngực nở nang như chứa đầy sinh lực. Lan hiện học năm thứ ba trường Đồng Khánh và nghỉ hè, về nhà gần được tháng.

Thoạt nhìn thấy Nam, Lan vui cười chắp tay chào vì nàng vẫn nhận được ông "chú" năm xưa. Nhưng nàng không dám vồ vập, nhất là thấy Nam ngơ ngác và lúng túng ngả đầu như đáp lễ một người đàn bà không từng quen biết.

Đến bữa ăn, Biên cười hỏi con gái:

– Thế nào, con quên chú Nam rồi?

Lan giọng nũng nịu và giận dỗi:

– Khi nào con quên. Chú Nam quên con thì có.

Mãi lúc ấy Nam mới nhớ ra rằng thiếu nữ chào mình ban nãy là Lan.

– Chị Lan chóng lớn quá làm tôi cứ tưởng ai.

Cúc kém Lan hai tuổi, nói khôi hài:

– Chú lại cứ tưởng cô tiểu thư nào, phải không?

Mọi người cùng cười, nhưng chủ khách chưa thể trở lại thân mật được như xưa.

Buổi chiều, gặp Lan ở vườn đương ngắt hoa về cắm lọ. Nam nói:

– Tôi giúp Lan nhé?

Lan đáp:

– Được, ông để mặc con.

Hai người như cùng ngượng ngùng không dám dùng tiếng "chú" và tiếng "cháu".

– Lan chóng lớn quá nhỉ. Tôi tưởng như mới năm ngoái, tôi còn dắt Lan lần mò vào trong động Tam Thanh...

– Rồi thầy con đổi đi Hưng Yên rồi lại đổi về đây... Ở đây buồn quá. Nhưng con ở Hà Nội quanh năm chỉ tết với nghỉ hè mới về nhà... Ông có thích Hà Nội không?

– Cũng thích. Nhưng không thích bằng Lạng Sơn.

Lan mỉm cười:

– Hình như ngày ở Lạng Sơn ông yêu con lắm?

Nam nhận thấy tiếng "yêu" hơi lạ ở miệng một cô bé mà

tuy không gọi là cháu nữa, chàng vẫn quen coi vào hàng con cháu. Xưa nay chàng chỉ nghe tiếng ấy ở miệng cô đào nhảy, đào hát Khâm Thiên.

Bữa ăn chiều, ngôn ngữ và cử chỉ của Nam đã thân mật và tự nhiên hơn. Và tiếng "chú", tiếng "cháu" người ta đã bắt đầu đọc đến dù giọng vẫn rụt rè, ngượng ngập. Nhưng Cúc chứ không phải là Lan khơi mào ra trước:

– Ăn cơm xong, chú vẽ cho cháu cái khăn mùi soa nhé?

Thấy cha mẹ có vẻ lạnh lùng với mình. Cúc thêm:

– Có phải không chị Lan, ngày xưa chúng ta gọi ông Nam bằng chú?

Nam cười, đáp thay Lan:

– Chính thế đấy.

Từ đó, trong suốt một tuần lễ, Nam ở chơi Quảng Yên, tình thân chú cháu lại nối. Có điều khác xưa là nay khi trò chuyện, cũng như khi rong chơi ra bến xem tàu tới tàu đi, không phải chỉ có Nam và Lan như ngày ở Lạng Sơn. Bao giờ cũng đủ cả một đoàn chị em, chỉ trừ hai đứa bé út còn nhỏ tuổi quá. Biết bao nhiêu tranh phác họa những nét mặt ngây thơ và thùy mị ấy. Trí nhớ về thị giác của Nam thật lạ. Người và vật, chàng nghĩ thoáng nhận xét qua là về sau nghĩ lại vẽ gần hệt được: Liên thường đố chàng vẽ người nọ, người kia, và khi thấy giống vỗ tay reo: "Chú tài quá". Rồi Nam đố lại, và bao giờ chàng cũng bắt đầu vẽ hình Lan, hoặc nhìn nghiêng hoặc nhìn mặt.

Một hôm Lan bảo Nam:

– Ông vẽ cho con một bức ảnh nhé?

Lan vẫn không sao quả quyết kêu Nam là chú như các em được. Mỗi lần nàng đọc cái tên "chú" má nàng lại ửng đỏ và mắt nàng lại cúi xuống nhìn chân.

Nam tự nhiên cảm thấy sung sướng, cái sung sướng của nghệ sĩ đứng trước một kiểu mẫu đẹp. Nhưng chàng đáp:

– Lần này thì không kịp, vì mai... tôi phải về Hà Nội.

Để lần sau vậy.

Biên mắng át con:

– Mày chỉ làm rầy ông.

Nam bảo bạn:

– Có gì mà rầy! Anh cứ để tôi vẽ cho Lan một bức hình.

Vợ Biên nói:

– Nhưng còn tiền sơn tiền vải của anh?

– Ồ! Mấy tí.

Và Nam cười nói tiếp:

– Với lại tiền sơn, tiền vải chả thấm vào đâu với công Lan ngồi làm kiểu mẫu, có phải không Lan?

Lan không bằng lòng:

– Làm kiểu mẫu thì con không làm đâu!

Hơn tuần lễ sau, Nam lại ra Quảng Yên. Lần này ra chỉ cốt vẽ hình Lan. Mà vẽ hình Lan, Nam chỉ nghĩ đến thỏa mãn lòng ham thích nghệ thuật. Lan có một thứ nhan sắc thùy mị, ngây thơ mà chàng muốn diễn tả hết tinh thần. Nhưng trong khi vẽ và nói chuyên với Lan chàng nhận thấy rằng cái ngây thơ ấy giấu một trí thức thông minh, nhanh nhẹn và tinh quái nữa. Một lần nàng hỏi Nam:

– Chú có họ với thầy cháu không nhỉ?

Nam lắc đầu mỉm cười, cho là nàng quá thật thà.

– Cháu cứ tưởng thế nào cũng hơi có một tí, nên chúng cháu gọi ông... là chú.

– Thế này này: Chả ngày xưa tôi là bạn của thầy.

Lan mỉm cười ngắt lời:

– Vậy ra... ông cùng học một lớp với thầy tôi đấy?

– Không, tôi kém những mấy lớp, nhưng chơi với nhau rất thân, như anh em ruột, nên sáu bảy năm trước tôi đến chơi, ngày ấy chị còn bé, thầy bảo các chị kêu tôi là chú.

Lan mỉm cười:

– À ra thế. Nếu thế thì có lẽ ông cũng nhiều tuổi rồi đấy nhỉ?

Nam chưa từng nghỉ đến tuổi bao giờ. Từ ngày chàng biết hưởng lạc thú ở đời, chàng tưởng như tuổi chàng đứng lại. Và chàng chau mày suy nghĩ, khó chịu. Nào Lan đã chịu để chàng yên:

– Năm nay ông bao nhiêu nhỉ?

Rồi Lan cười nói tiếp luôn:

– Người Tây, họ kiêng hỏi tuổi lắm kia đấy, nhưng Việt Nam gặp nhau rất hay hỏi tuổi có phải... không nhỉ?

Nam cũng cười:

– Việt Nam mình cũng nhiều người hay giấu tuổi như Tây. Nhất khi có lợi...

Lan làm bộ ngây thơ:

– Có lợi gì cơ ông?

– Chẳng hạn một người đàn ông đứng tuổi đứng trước mặt một cô thiếu nữ trẻ hơn mình nhiều quá, thì không quên hạ bớt tuổi mình xuống năm năm...

Lan yên lặng, như không nghe thấy câu trả lời của Nam. Và Nam cũng yên lặng cúi xuống vẽ.

Bỗng chàng nói:

– Mà tôi chưa trả lời câu của... Lan nhỉ. Năm nay tôi băm hai... Già quá rồi!

Lan cười rất xinh:

– Già gì mà già! Ba mươi hai trẻ lắm chứ. Thầy me con bảo chú chưa có vợ, có thực không chú?

– Thực đấy Lan ạ. Nói.. chú không lấy vợ thì đúng hơn.

Lan lại cười:

– Chú cứ nói dại dột.

– Thực đấy chứ! Chú quả quyết lắm rồi. Nhưng Lan ngồi im cho chú nhờ một tí.

Lan ngồi im được vài phút, lại nói. Như đã nghiền ngẫm lắm, Lan hỏi:

– Chú đã đọc kịch “It ne faut jurer de rien” của Musset chưa nhỉ?

Nam hơi kinh ngạc đăm đăm nhìn Lan:

– Đã chú đọc rồi. Sao?

– Hay đấy chú nhỉ?

– Phải, hay. Lan thích Musset lắm, phải không?

– Cháu cũng thích vừa thôi.

Rồi đương chuyện nọ nhảy sang chuyện kia, Lan bảo Nam:

– Cháu biết có người bạn với cha, rồi sau lại bạn với con. Thành thử gọi cha là anh, gọi người con cũng là anh.

Nam thẳng thắn đáp:

– Cái đó là thường, chính tôi cũng ở vào trường hợp ấy.

Câu chuyện đến đó. Lan đứng dậy xin phép hãy nghỉ. Và không kịp lại xem tác phẩm của Nam để khen vài câu như mọi lần nàng xuống thẳng bếp sửa soạn bữa cơm sáng.

IV

Nam ngồi lặng nhìn bức tranh. Chàng không ngờ Lan tinh quái đến thế, người lớn đến thế. Chẳng còn gì là ngây thơ. Họa chăng cái ngây thơ giả dối. Chàng nghĩ ngay đến những cô học sinh chàng thường gặp quanh hồ Hoàn Kiếm. "Rặt một hạng bà lão non!" Đó là lời chàng bảo bạn mỗi khi chàng ngắm dáng đi tha thướt từng bọn thiếu nữ từ mười hai tới mười lăm mười sáu tuổi, mặt bự phấn, môi đầy son, lông mày vẽ chì, thân thể núng nính trong bộ quần áo kiểu mới may chẽn. Và chàng cười nói tiếp: "Con gái Hà thành đã mất hẳn cái tuổi trẻ thơ từ mười hai đến mười sáu tuổi rồi. Họ già sớm quá".

Chàng so sánh Lan với bọn ấy: "Phải, những cô Đồng Khánh, Hoài Đức, những cô trong các trường công, tư, những cô trong các nhà thành phố, đồng một loạt cả!" Chàng nhớ lại một câu nói khôi hài của chàng: "Mình theo chủ nghĩa độc thân là phải lắm trừ khi lấy một người vợ quê mùa, quê mùa đặc thì không kể! Chứ rước ngữ kia về thì sống làm sao được?".

Nam nhớ lại những cử chỉ, ngôn ngữ của họ. Tự nhiên, có lẽ tự nhiên quá, sống sượng nữa. Một hôm trong buổi chợ phiên, vì một câu nói nhịu chàng đã bị mấy cô bán hoa giấy khoảng mười ba, mười bốn tuổi cười phì vào mặt: "Ngày xưa họ rụt rè quá. Bây giờ họ... trâng tráo quá, hầu thiếu giáo dục nữa!"

Nghĩ liên miên, và sẵn ác cảm với phụ nữ, chàng cố moi trong ký ức hết những cái rởm của họ. Một hôm chàng đã xem bọn họ diễn kịch. Vở kịch rất dở và nhảm nhí nữa. Nhưng mấy vai đào cải nam trang đóng khéo quá. Và họ càng đóng khéo bao nhiêu, Nam càng

thấy họ khéo bấy nhiêu. Vì những điệu bộ lố lăng nhí nhảnh, những lời lẽ lấc cấc, cợt nhả mà họ gán cho bọn con trai, lêu lổng đàng điếm. Nam nhận thấy chính là những điệu bộ, lời lẽ của họ, nhất là những điệu bộ ấy lại cử động do đôi tay xinh xắn, cặp giò mềm mại và những lời nói ấy thốt ra ở cái miệng tô son hình trái tim quá lộ.

Và chàng thở dài lẩm bẩm: "Hỏng! Đàn bà, con gái mà thiếu giáo dục thì nguy thực, thì cái xã hội An Nam không còn ra sao nữa". Giáo dục đây, Nam không hiểu theo phương diện luân lý. Luân lý, hai chữ ấy không có nghĩa gì đối với chàng. Chàng chỉ hiểu theo phương diện xã hội và mỹ thuật. Những y phục lõa lồ hay lòe loẹt của các cô không biết trang sức, làm chướng mắt hơn là làm bại hoại phong hóa, những lời nói lỗ mãng, tục tằn làm chướng tai hơn là phạm tới luân lý. Luân lý theo ý Nam chỉ là cái đẹp. Và phạm tới luân lý tức là hành hạ cái đẹp. Lừa dối luân lý kết tội, là vì lừa dối rất xấu, xấu về hết các phương diện tinh thần cũng như về phương diện hình thức. Nhất là về phương diện hình thức. Vu cáo, xàm báng, luân lý cho là đê hèn, chàng chỉ cho là không đẹp, không đáng để người ta phạm tới. Luân lý hô: "Mày không giết người!" nhưng luân lý lại ca tụng những hành vi anh hùng của người lính can đảm. Mà hành vi anh hùng của người lính là giết được nhiều quân thù. Chi bằng theo mệnh lệnh của cái Đẹp: "Giết người mà xấu xa thì đừng phạm tới. Chỉ giết người khi nào sự giết người đẹp mắt. Và có lẽ rất đẹp mắt cái cử chỉ của người lính tuốt gươm xông sang bên địch..."

Ý tưởng lan man đưa Nam đi, đến nỗi chàng không nhớ đã bắt đầu từ đâu nữa. Ít lâu nay chàng hay có những tư tưởng triết lý viển vông trong khi suy nghĩ cũng như trong khi nói chuyện với anh em.

Nhưng tranh đặt trên giá kéo chàng về với hiện tại, với sự thực. Người trong tranh mỉm cười với chàng, đăm đăm nhìn chàng. Cái miệng ấy, cặp mắt ấy mới hôm qua chàng cho là hiền lành. Bây giờ thì trái hẳn, sau câu chuyện hóm hỉnh, sau khi so sánh Lan với các cô nữ học sinh Hà thành. Nam chỉ còn thấy mỉa mai và tinh quái: "Thế mà mình cứ cố tả hết vẻ ngây thơ của Lan! Ngây thơ ngày nay chỉ có trong mộng tưởng".

Nam lại bật cười lên tiếng: "Làm gì mà mình hằn học tức tối thế này? Hằn học tức tối ai mới được chứ? Chẳng lẽ vì mấy lời nói có thể vô tình của một cô bé mười sáu mười bảy tuổi mà mình đâm ra

ghét phái đẹp chăng?" Và chàng nhẩm ôn lại những lời nói ấy. Chàng nhớ nhất cái đề vở kịch của Musset mà chàng chẳng muốn hiểu tại sao Lan lại xen vào trong câu chuyện.

Bữa ăn chiều, Lan nói rất ít. Trái lại Nam rất nhiều lời. Chàng bàn những lời đứng đắn gần như đạo đức. Và những ý tưởng của chàng về các cô thiếu nữ Hà thành chàng đem ra nói với vợ chồng Biên. Biên bảo Lan:

– Con đã nghe thấy chưa?

Lan giọng đĩnh đạc mà Nam cho là xấc láo, vì đã có sẵn định kiến:

– Bẩm thầy, con đã nghe cẩn thận lắm rồi ạ.

Buổi sáng hôm sau, trong khi Nam sửa soạn các họa cụ, Lan mỉm cười bảo chàng :

– Ông nói phải lắm, con gái ngày nay... thế nào ấy.

Nam cũng mỉm cười vì chàng thấy ba chữ "thế nào ấy" Lan dùng đúng quá: thực vậy, họ thế nào ấy.

– Nhưng chắc Lan giận chú.

Lan lạnh lùng, rõ ra mặt người lớn:

Việc gì con lại giận ông được? Ông có đụng chạm gì tới con đâu mà bảo con giận ông?

Rồi nàng cười nhạt nói tiếp luôn:

– Có ông giận con thì có. Vì giận con nên ông mới đem chuyện các cô nữ học sinh ra nói để... để trả thù.

Nam kinh ngạc, "Lan sống sượng được đến thế ư". Giọng bỡn cợt chàng đáp:

– Có khi nào chú lại đi trả thù cháu!

Lan vẫn chẳng vừa:

– Không phải chú trả thù cháu đâu! Đây chỉ là một thiếu niên trả lời một thiếu nữ.

Nam thấy Lan hay hay, ngộ nghĩnh. Và chàng định tâm gợi chuyện để xem Lan đi đến đâu.

– Ừ Lan bảo tôi giận Lan, vậy tôi giận Lan về cớ gì?

– Vì con nhìn thấu tương lai của ông.

– Không phải! Vì Lan hóm hỉnh, tinh quái quá nhé!

Lan lắc đầu chán nản:

– Lạ thực! Ông cũng như thầy con, cứ nhất định bắt con ngây thơ mãi. Ông phải biết năm nay con mười bảy tuổi ta, mười sáu tuổi tây rồi. Con không phải là trẻ con nữa. Nếu sang năm con đậu bằng thành chung thì con sẽ xin bổ làm giáo học, và con sẽ cầm thước kẻ gõ lên đầu các trò em... Dễ lúc bấy giờ ông mới chịu cho con là người lớn chăng?

– Cũng chưa là người lớn được.

– Vậy bao giờ con là người lớn?

Nam mỉm cười:

– Khi nào có chồng, có con. Lan mới là người lớn?

Lan nhìn Nam chòng chọc:

– Vậy ông cũng chưa là người lớn được, hiện ông vẫn chưa có vợ có con.

Nam cười to để đánh trống lảng, Cúc chạy vào, hỏi:

– Chú vẽ hình chị Lan đã xong chưa, mà chú vui thích thế?

Trong bọn con Biên, Cúc dùng tiếng chú thẳng thắn và tự nhiên nhất, lại âu yếm nữa. Nghe Cúc nói chuyện với Nam, những người không biết rõ, không ai không tưởng Nam có họ với Biên, và có họ rất gần. Mà đối với Cúc, Nam cũng thân mật hơn hết. Thân mật như bảy tám năm trước chàng thân mật với Lan. Không đẹp bằng Lan, và nàng cũng biết thế. Cúc hơn Lan ở chỗ khéo, khéo chân tay cũng như khéo ăn nói, khéo cư xử, Cúc không để mất lòng ai bao giờ, từ cha mẹ, chị Lan cho chí các em nhỏ. Thấy Nam được cha mẹ quý mến nàng hết sức chiều chuộng.

– Vẽ xong hình chị Lan, chú sẽ họa cho Cúc một bức.

Cúc buồn rầu thành thực.

– Có chị Lan đẹp, chị ấy mới thích vẽ hình chứ, cháu thì cháu chả thích.

Nam thương hại nhìn cái mũi đẹp và hơi ngắn của Cúc. Chàng an ủi:

– Cúc cũng đẹp đấy chớ. Lan đẹp một vẻ, Cúc đẹp một vẻ.

Chàng đọc luôn câu Kiều:

Xuân Lan Thu Cúc mặn mà cả hai.

Và đắc chí chàng cười ha hả, khiến Cúc tưởng chàng chế giễu mình, cắm đầu chạy biệt.

Rồi Nam yên lặng làm việc. Chàng như sợ nói chuyện với Lan.

Bức tranh nay đã gần xong. Lan ra ngắm nghía ảnh mình, nói:

– Chú vẽ tôn cháu lên nhiều quá.

Lan ít khi dùng hai tiếng "chú, cháu" nên Nam nghe chưa quen tai và tưởng Lan đùa bỡn, nhất là chàng lại yên trí rằng Lan có tính cợt nhả.

– Vậy Lan tặng chú cái gì cho xứng đáng?

Nam vô tình và thẳng thắn nói bông. Nhưng nhìn đôi mắt to và sáng của Lan, chàng bỗng thấy lời mình có nhiều nghĩa, nhất khi Lan đáp lại:

– Bao giờ ông lấy vợ, con sẽ thêu biếu ông đôi mặt gối.

Nam cười:

– Thế thì không bao giờ Lan sẽ có hân hạnh biếu tôi mặt gối ấy rồi.

Lan vờ ngây thơ hỏi:

– Tại sao thế?

– Tại không bao giờ tôi lấy vợ, như tôi đã nói với Lan hôm nào.

Lan giọng quả quyết:

– Chưa chắc!

– Chắc chứ. Lan phải biết một nghệ sĩ không bao giờ nên vướng víu vợ con. Lan tính thê tróc tử phọc thì làm nổi trò trống gì. Một nghệ sĩ chân chính phải cung cúc tận tụy với nghệ thuật, phải hy sinh hết tài sản, ái tình cho nghệ thuật. Đàn bà hay ghen lắm. Họ muốn chồng họ chỉ yêu một mình họ, chỉ lưu ý tới một mình họ, khi nào họ chịu để chồng họ yên thân mà phụng sự nghệ thuật? Mà nghệ sĩ thì bao giờ cũng thành thực yêu nghệ thuật. Vậy chỉ còn cách chọn lấy một: Hoặc lấy vợ và thôi vẽ tranh, hoặc vẽ tranh đừng lấy vợ.

Lan cười trêu ghẹo:

– Vậy ông sẽ thôi vẽ tranh. Hay vẫn vẽ tranh mà cứ lấy vợ như thường.

Nam không thèm trả lời nữa.

Chàng lặng thinh đứng rửa bút rồi xếp vào trong hộp.

– Con nói thế có lý lắm, chứ con không nói liều.

Nam không quay lại, hỏi:

– Nào xem cái lý của Lan nào!

– Ông viện nghệ thuật, con cũng xin viện nghệ thuật. Nghệ thuật là đẹp chứ gì? Người dễ cảm cái đẹp nhất là nghệ sĩ. Mà cái đẹp hoàn toàn nhất, cũng như cái máy hoàn toàn nhất, dù người ta cố nói xấu mãi mặc lòng, bao giờ cũng vẫn là con người. Vậy sao ông lại không cảm được cái hoàn toàn ấy. Ông chưa cảm là vì ông chưa gặp người làm được ông cảm đấy thôi...

Nam ngắt lời:

– Lan đọc ở sách nào thế?

– Con chả đọc sách nào cả. Và đó là, những ý tưởng rất tầm thường, rất sáo.

Rồi nàng nói tiếp luôn ý tưởng của mình:

– Ông phải biết Goethe ngoài bảy mươi còn cảm trước hình ảnh một thiếu nữ hai mươi tuổi?

Nam cười:

– Cảm thì có cảm. Nhưng cảm không phải để lấy làm vợ.

Lan đứng im vì thấy lý của mình bị rung chuyển. Rồi nàng nói gượng:

– Không, chú sẽ lấy vợ. Mà lấy vợ trước khi con lấy chồng cũng nên.

– Đánh cuộc nhé?

– Vâng xin cuộc. Nếu ông lấy vợ thì con vẫn giữ lời thêu tặng ông đôi mặt gối, còn ông vì thua cuộc sẽ phải vẽ cho con một bức hình thứ hai.

– Được rồi! Thua cuộc như thế cũng không nguy hiểm lắm.

Lan cười:

– Thì vẫn!

Và nàng bỏ xuống nhà để Nam đứng lại một mình

Chàng lẩm bẩm:

"Một tâm hồn không tầm thường một tí nào!"

V

Vừa vẽ xong bức tranh, Nam vội bỏ ra Hà Nội. Chàng như bứt rứt, khó chịu, hơn thế, như thất vọng vì điều gì. Có lẽ chàng đã trông rõ tận đáy lòng cái đẹp của một thiếu nữ: Cái dung nhan ngây thơ mà chàng đã được ngắm, được họa, chàng chỉ thấy giấu những tính tình khác hẳn với sự ức đoán của chàng, trái ngược với những tính tình thùy mỵ thoạt có trong trí tưởng tượng nghệ sĩ.

Mãi khi ngồi trên ô tô hàng, chàng hồi tưởng lại, mới nhận thấy rằng mình đã cáu kỉnh vô lý. Phải, chỉ có hai đàng, một là giữ thái độ lãnh đạm, hai là bảo thẳng cho Lan biết mà sửa lỗi. Can chi lại giận dỗi bực tức. Đóng vai "ông chú hờ" hay đóng vai "người bạn thân", tùy ý, nhưng phải cho dứt khoát.

Chàng buồn rầu tự nhủ: "Mình về hơi có vẻ đột ngột". Và chàng yên trí rằng vợ chồng Biên đều lưu ý đến sự đột ngột ấy. Sự thực, vợ chồng người bạn chỉ giữ một câu lấy lệ và chàng ra đi giữa sự vui vẻ, trước mặt gần khắp mọi người trong gia đình đến ô tô để tiễn biệt chàng. Nam còn như trông thấy mấy cái bàn tay nhỏ xíu giơ ra vẫy vẫy, mấy hàm răng trắng nuốt nhe ra cười khi xe bắt đầu từ từ lăn trên đường nhựa.

Chỉ thiếu mỗi một Lan. Và Nam loay hoay tự hỏi: "Tại sao Lan không tiễn mình?" Vì Lan đã lớn tuổi? Vô lý! Mọi hôm cùng các em đi dạo phố với chàng, Lan có vẻ ngượng ngùng đâu? Vì Lan giận chăng? Càng vô lý hơn: Lan không hề giận ai. Vả trong hai người, chính chàng bị Lan trêu tức và đáng giận Lan hơn. Thiếu Lan nhiều người nhận thấy ngay. Lũ em lao nhao hỏi nhau: "Chị Lan đâu? Chị Lan không đi à?" Và Biên bảo vợ: "Con bé thế thì thôi, chú vừa vẽ hình cho nó xong mà nó không đi tiễn chú". Nói xong Biên cười to và thẳng thắn, Biên vẫn quen coi Lan như một đứa bé chưa biết gì, và không từng nghĩ đến cái tuổi mười bảy của con. Có lẽ vì thế mà Lan muốn lánh mặt cha mẹ ở nơi công chúng, nhất là ở trước mặt Nam mà nàng đã nói chuyện với chàng bằng một giọng người lớn và ngang hàng.

Phong cảnh đẹp khiến Nam quên hẳn gia đình Biên, quên cả Lan. Nam đã đi đường Uông Bí để về Hải Phòng và khi qua những hòn núi đá xinh xắn như hòn non bộ bài trí bên sông, chàng lại nhớ

đến Hạ Long với những cù lao thiên hình vạn trạng từ đáy biển sừng sững nhô lên.

Về nhà, khi bắt tay vào công việc, chàng không còn nghĩ tới một việc cỏn con gì ở Quảng Yên nữa.

Nhưng cách đó hai, ba tháng, một chủ nhật, Lan đến xưởng vẽ của chàng, giữa lúc chàng đương phác họa một bức bình phong. Chung quanh chàng bọn thợ ngồi, đứng ngổn ngang, hoặc vẽ hoặc bào đồ đạc, gỗ, sơn, vỏ bào, nước đọng từng vũng, không thể tưởng tượng một cách bề bộn được nữa.

Nghe tiếng chuông cổng, Nam dửng dưng như không. Và khi thằng nhỏ vào nói có một cô đến chơi, chàng uể oải vừa mặc cái áo dài làm việc – vì chàng đương cởi trần và vận quần ngắn – vừa hỏi:

– Đầm hay ta?

– Thưa ông ta.

– Ta?

Chàng vẫn tưởng đấy là người đàn bà Pháp đến trường Mỹ thuật đặt bức bình phong ba hôm trước. Và chàng chau mày hỏi lại:

– Ta?

– Vâng, ta.

Nam, vẻ suy nghĩ:

– Chắc lại cô đến đây bữa nọ, phải không? Ra bảo tôi không có nhà.

– Thưa ông, không, không phải cô Xuyến.

Xuyến là một trong những nhân tình tạm bợ của Nam thường đến xưởng, và có lần ở đấy hai ba hôm một tuần lễ, nếu Nam cho phép. Xuyến là kiểu mẫu cho Nam nữa. Nam không ưng cái thân thể quá bé nhỏ của Xuyến, nhưng chàng thương hại, và nể lời xin khẩn khoản của một cô nhân tình mà bao giờ chàng cũng hết sức chiều chuộng cho tới khi chàng tuyệt giao một cách quả quyết. Bỏ, đó là một khóe, một tài của chàng. Và anh em đều lấy làm lạ rằng không một lần nào chàng bị một cô tình nhân cũ lôi thôi sinh sự, có khi làm mất thể diện nữa. Chính chàng cũng tự hào về điều đó. Chàng thường nói câu: "Vạn sự khởi đầu nan không đúng. Phải trừ ra một sự, sự ấy là ái tình. Vì trong ái tình – ái tình tạm bợ cố nhiên – bước đầu rất dễ, khó nhất là "bước cuối" là bước ra ngoài vòng, bước sao

cho êm thấm, cho vui vẻ, cho không xô xát, vấp váp, mà muốn thế, khôn khéo không đủ, phải yêu tha thiết mới được".

Yêu tha thiết, đó là một cách nói, vì xưa nay ngoài hội họa ra, Nam chưa yêu một cái gì đó có thể gọi là tha thiết. Trong lúc chàng bận vẽ mà người tình đến, thì bao giờ chàng cũng đi vắng, có khi chàng khôi hài cười nói: "Anh đi vắng". Các cô đã thừa hiểu, và không hề giận chàng, hễ biết chàng không rỗi là đi ngay.

Nhưng cô này lại cứ lùi lũi đòi vào, dù thằng nhỏ đã nói chủ đi vắng. Nam giật mình khi nghe thấy cái giọng quen quen: "Ông đi vắng thì tôi vào xem qua xưởng vẽ của ông cũng được". Chàng ngửng nhìn ra cổng và nhận ngay được Lan.

– Lan! Vô lý! Lan đến đây làm gì?

Chàng tự hỏi và lúng túng. Đối với gái chàng thành thạo bao nhiêu thì đối với các cô thiếu nữ con nhà chàng ngượng ngập bấy nhiêu... Ít khi có dịp chàng tiếp các cô và các bà.

Họ không phải là khách mua tranh và không bao giờ là tình nhân của chàng, điều mà chàng rất kiêng kỵ. Vì thế chàng ít giao thiệp với họ. Những buổi chàng bày tranh trong một phòng triển lãm, họ cũng có đến, và đến rất đông. Nhưng chàng không lưu ý đến họ, và ngờ rằng họ đến không phải để xem tranh mà để xem nhau. Phòng triển lãm của chàng chỉ là một nơi hò hẹn. Chứ họ không hiểu gì mà xem! Chàng không nhịn cười nổi mỗi khi những lời khen hay bình phẩm của họ nhỡ lọt vào tai chàng, nhưng vẻ lãnh đạm của chàng vẫn không được tự nhiên những khi chàng nghe thấy các cô chỉ trỏ bảo nhau: "Ông Nam đấy! Họa sĩ đấy! Trông như Nhật Bản ấy nhỉ!" Và chàng quay đi để giấu đôi má ửng hồng vì cảm động.

Lần này không những má chàng ửng hồng, mà đầu chàng còn bừng nóng. Chàng cố trấn tĩnh, cố thản nhiên, tim chàng vẫn đập mạnh. Và chàng cười nói to để che cuống quýt:

– Lan đến thăm xưởng vẽ của tôi đấy à?

Lan thản nhiên lên thềm, thân thể nhẹ nhàng, chân thoăn thoắt bước.

– Vâng, nhân đến chơi người bạn, qua đây con vào thăm ông.

Nam vẫn cười nhìn Lan:

– Thì ra nhân tiện Lan mới vào thăm chứ?

Lan mỉa mai đáp lại :

– Nói thế để đối chọi với câu trả lời của ông ban nãy.

Nam ngạc nhiên:

– Câu trả lời của tôi.

Lan cười sằng sặc:

– Vâng, con kéo chuông, ông cho anh nhỏ ra bảo ông đi vắng.

Nam cũng cười rất vui vẻ:

– Tôi tưởng... người khác. Tôi có ngờ đâu Lan đến chơi!

Lan giọng thành thạo:

– Người khác? Con chắc người khác ấy là người yêu của ông. Có phải không ông, các nghệ sĩ đều có tình nhân?

Nam chau mày tỏ vẻ khó chịu nhớ lại những mẩu chuyện trong khi vẽ Lan ở Quảng Yên:

– Lan nói chi đến những chuyện nhảm nhí ấy?

Lan thản nhiên đáp:

– Vì con đọc trong các tiểu thuyết thấy các văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ thường có một vài cô "bạn nhỏ".

– Những tiểu thuyết ấy Lan càng không nên đọc.

Lan phá lên cười:

– Ông chú đạo đức của cháu ơi! Chú cấm đoán cháu quá quắt lắm. Chú coi cháu như đứa trẻ mười một mười hai mãi sao?

Nam nhìn bọn thợ, và chàng lo lắng. Chàng chỉ sợ Lan quá tự do và sẽ làm trò cười cho họ. May mà ai nấy đều yên trí rằng Lan là cháu ông chủ đấy. Chàng hỏi lảng...

– Lan đã nhìn sơn bao giờ chưa?

– Đã, sơn thì ai không nhìn luôn.

– Sơn ta, sơn sống kia.

– Con có thấy bày bán ở phố Hàng Gai, Hàng Hòm.

– Đựng trong sải và đậy giấy dầu, phải không?

– Đằng này sơn ở ngoài, bốc hơi kia. Nếu không quen thì lở liền.

Lan cười khanh khách:

– Nghĩa là chú đuổi cháu phải không?

Nam cũng cười theo:

– Lan chỉ nói bậy. Tôi muốn Lan ra ngoài nói chuyện cho thoáng.

Sự thực Nam ngượng với Lan, vì thấy mắt Lan nhìn long sòng sọc khắp mọi nơi, từ cái bàn vẽ đầy giấy, vải để ngổn ngang, cho chí những nhện giăng ở trần và ở các góc tường.

– Nhưng ông chưa cho con xem tranh sơn ta của ông.

– Có mấy bức khá, người ta vừa lấy đi cả, chỉ còn một bức xoàng.

– Ông cứ cho con xem, vị tất đã xoàng như ông tưởng.

Giọng nói vững chãi của Lan khiến Nam hơi kinh ngạc. Nam còn kinh ngạc hơn khi nghe Lan phê bình. Đó toàn là ý riêng của người không biết vẽ, song những ý riêng ấy ngộ nghĩnh quá sức tưởng tượng... Chẳng hạn Lan trang nghiêm khuyên họa sĩ không nên dùng vỏ trứng để vẽ con ngựa, sợ khi đói ngắm con ngựa hóa con gà con đương tách trứng chui ra. Cây đu đủ nàng cho là ngon mắt lắm. Nam tưởng nàng khen cho nghệ thuật, nhưng nàng tiếp luôn:

– Vì con thích ăn đu đủ.

Nam mỉm cười và thầm phục là đúng một câu phê bình khôi hài quá táo bạo của nàng:

– Tranh sơn dầu ví như một người đẹp mà người ta tôn kính đứng xa để ngắm. Tranh sơn ta ví như một người đẹp mà ta thích vuốt ve hơn ngắm nghía. Có phải vì thế mà người ta cứ làm những bức bình phong hay cánh cửa tủ bằng sơn ta để bày sát bên cạnh người ta không? Nhẵn nhụi quá, và mát rười rượi!

Lan vừa nói, vừa nhẹ nhàng đưa bàn tay trắng trên mặt sơn bóng loáng. Còn Nam, chàng ngắm bàn tay xinh đẹp nghĩ thầm: "Ta có nên coi Lan như một đứa cháu nhỏ nữa không?"

Bỗng Lan đột ngột hỏi chàng:

– Phải đấy, ra vườn đi. Con thấy nhức đầu rồi.

– Tôi đã nói hơi sơn bốc lên độc lắm.

Lan thương hại nhìn Nam:

– Thế mà ông quanh năm ngửi hơi độc ấy.

– Cũng quen đi.

Ra tới vườn khá rộng ở ven Hồ Tây trong đó trồng nào na, ổi, cam, bưởi, khế, cau, táo đủ các thứ cây quen.

Lan ngắm quanh một vòng, rồi cười bảo Nam:

– Trong vườn hẳn có nhiều cây bất tử.

Nam không hiểu, hỏi lại:

– Bất tử?

– Vâng, vì được sống mãi trong tranh của họa sĩ.

Nam cho câu khen rất có ý nhị, và cảm động nhìn Lan.

– Nếu vậy Lan cũng bất tử rồi.

– Vâng, nếu bức tranh của con được lưu lại hậu thế mà chắc thế nào cũng được lưu lại hậu thế vì ông là một họa sĩ có tài, có đại tài.

Cảm động đã biến thành cảm tình và Nam không dám tưởng đến vẻ thơ ngây của Lan nữa: Lan là người lớn như mọi người đàn bà khác, có khi hơn mọi đàn bà khác.

– Lan khéo quá!

– Không, con chỉ thành thực. Nhiều khi con thành thực mà ông vẫn cho con là con đùa giỡn. Như hôm trước vẽ hình con ở Quảng Yên, con có nói với ông rằng ông sẽ lấy vợ, vì một nghệ sĩ cũng lấy vợ như những người thường, không có hại gì hết. Nay thì con cho đó là một việc cần nữa.

Nam nhắc lại:

– Một việc cần nữa?

– Vâng, một việc cần. Ông thử ngắm cái xưởng vẽ của ông xem. Ông vẽ đẹp, được rồi. Nhưng có cần phải trang hoàng phòng vẽ của ông bằng những mạng nhện và những vỏ bào, giẻ rách, nước bẩn không? Ông nghĩ đến vẽ. Vâng, đành rằng thế. Nhưng phải có người nghĩ đến những mạng nhện, vỏ bào, giẻ rách, và nước bẩn dùm ông. Người ấy phải là một người đàn bà. Hơn thế, phải là một người vợ. Các ông họa sĩ, thi sĩ nói đến đàn bà, nói đến những người đảm đang như nói đến quân thù. Cái đó đã thành lệ, thành sáo mất rồi. Nhưng không sao, họ nói, họ phàn nàn, họ than phiền, mặc, họ không bỏ qua được cái cần ấy, cái cần lấy vợ.

Nam cười mỉa mai:

– Lan nghị luận như một bà già vậy.

Lan hí hởn:

– Thế à! Hân hạnh cho con quá nhỉ!

Rồi nhìn đồng hồ đeo tay nói:

– Đến giờ con vào trường rồi. Chủ nhật sau có lẽ con lại ra. Nếu ông có rỗi thì con sẽ ra sớm để nhờ ông đi chọn hộ con một thứ tissu... Nhưng chắc ông bận.

– Không, cũng chả bận. Chủ nhật tôi thường nghỉ. Cả thợ cũng nghỉ. Chủ nhật này là một chủ nhật đặc biệt vì có một bức bình phong phải làm kíp.

– Được rồi, con sẽ ra tìm ông ở đây nhé? Thôi lạy ông.

Lan thoăn thoắt đi ra cổng, nhanh nhẹn rẽ khuất con đường hẻm giữa hai hàng dậu găng.

VI

Chủ nhật sau. Nam dậy sớm để cùng mấy người bạn đi xe đạp vào chơi chùa Trầm.

Qua Thái Hà một quãng và gặp một thiếu phụ mặc áo hồng ngồi trong chiếc xe nhà, chàng chợt nhớ đến màu áo Lan mặc khi đến thăm chàng. Và chàng nhớ luôn tới lời hứa đưa Lan đi mua dạ may áo.

Chàng chau mày, khó chịu, hối hận rằng đã không quả quyết từ chối phắt đi cho xong. Chàng chép miệng thở dài: "Chà! Kệ xác cháu... Đến thấy mình đi vắng thì cũng thôi chứ gì! Sau này có gặp xin lỗi một câu... Đã sao". Và chàng đều đều đạp theo đoàn xe. Nhưng từ đó trí chàng mất bình tĩnh, lòng chàng mất vui vẻ, chàng đăm đăm tưởng tới Lan, hình như bị hình dáng thiếu nữ ngộ nghĩnh hay hay ấy đuổi theo ám ảnh, trêu tức! Nhất chàng lại băn khoăn về điều này: Là chốc nữa Lan ra không thấy chàng ở nhà sẽ nghĩ sao? Chàng cố đoán những ý nghĩ của Lan. Có lẽ Lan sẽ không cho rằng chàng lánh mặt không muốn tiếp. Cũng có thể Lan cho rằng chàng sợ. Chàng bật cười tự nhủ: "Sợ, sợ cái gì, sợ ai mới được chứ? Rõ mình lẩn thẩn quá! Vô lý quá!" Và chàng nói chuyện huyên thuyên với các bạn để quên cái gì...

Bỗng chàng vụt nhận thấy cần phải về.

Liền bảo các bạn:

– Thôi các anh đi, tôi phải về. Cần lắm!

Rồi vội vã chàng lái xe và đạp miết trên đường Hà Nội.

Mọi người không kịp kinh ngạc. Vả ai nấy đã hiểu tính Nam, không cho một hành vi, một cử chỉ gì của chàng là lạ nữa. Vì thế, họ để mặc chàng trở về, sau khi đã quay lại gọi mấy câu lấy lệ.

Nam đạp một mạch không ngừng vừa tới cổng chàng đã vội gọi đầy tớ để hỏi xem có ai đến chơi trong khi chàng đi vắng không. Nhỏ đáp:

– Có, con nói ông đi chùa Trầm nên cô ấy viết mấy chữ để lại.

Nam, chau mày khẽ hỏi lại:

– Cô ấy?

Và yên trí rằng đó là Lan. Nhưng khi xem giấy thì đó là Xuyến. Thì ra Lan chưa đến. Chàng nghĩ thầm: "Cũng may, vì Lan gặp Xuyến ở đây sẽ không tiện chút nào. Tuổi Lan không nên biết người ta có nhân tình, nhân ngãi". Chàng lại nhớ câu hỏi của Lan: "Có phải không, các nghệ sĩ đều có tình nhân?" Và chàng ngờ rằng Lan nói để nói, chứ không hiểu ý nghĩ khờ dại của lời mình.

Nam mơ màng nhìn con chim chích chòe nhảy tìm sâu bên gốc cây cam và mỉm cười nghĩ tiếp: "Tuổi Lan mười bảy rồi còn ngây thơ gì!" Cách đây ba năm chàng đã yêu một cô kỹ nữ cũng tuổi ấy. Có lẽ chàng thấy Lan trẻ con, chỉ vì chàng biết Lan khi nàng còn nhỏ, chỉ vì chàng quen coi Lan vào hàng con cháu.

"Chứ sự thực, Lan bé bỏng gì!"

Để khỏi có vẻ mong đợi vẩn vơ "như mong đợi người tình!", Nam đem bức vẽ phác một kiểu bình phong bỏ dở ra để sửa lại. Rồi cặm cụi làm việc, chàng quên cả Lan lẫn sự mong đợi.

Mãi hai hôm sau, nhận được thư Lan. Nam mới nhớ rằng Lan đã sai hẹn.

Bức thư của Lan:

"Thưa ông,

Em xin lỗi ông, vì em đã sai hẹn. Lỗi ấy một phần ở cô giáo Mùi em, nhưng em cũng xin nhận cả. Cô giáo em vô lý quá, ông ạ. Ai lại đọc tiểu thuyết trong giờ khâu mà phạt cấm ra chủ nhật.

Chương trình nhà trường mới lại càng vô lý chứ! Sao không dạy con gái học vẽ như con trai mà lại đi bắt học khâu! Những việc nữ công ấy có khó gì đâu! Ai làm chả được, mà cần phải dạy! Chừng họ tưởng công việc sau này của chúng em là khâu khâu vá vá suốt

đời chăng? Nếu quả như thế thì cũng buồn, ông nhỉ! Đời người phải là một đời nghệ sĩ, mới đáng sống, phải không ông? Em nói thế không phải em nịnh ông đâu, em không thích nịnh ai bao giờ. Nhưng em tin thế. Sống cho cái đẹp, sống để yêu cái đẹp, nói thế có đúng không ông? Hay không có nghĩa gì hết?

Đây cần mở một cái dấu ngoặc để cảnh tỉnh ông mấy câu, hẳn ông cho phép chứ? Sống cho cái đẹp nhưng vẫn phải sống. Còn ông thì chểnh mảng với sự sống quá. Em nói thế không phải em không nhận thấy lực độ sự sống của ông mạnh mẽ, cao sâu là chừng nào. Nhưng đây em nói về phương diện sống thường của hạng người... Thôi nói thế đủ rồi, ông sẽ hiểu. Và đến đây xin đóng cái dấu ngoặc lại để thuật cho ông nghe câu chuyện bị phạt ra chủ nhật.

Có gì đâu: Em không khâu, ngồi đọc tiểu thuyết bị cô giáo tóm được. Có thế. Nhưng sự quan trọng không ở chỗ đó. Sự quan trọng ở chỗ: thiếu nữ nhất là nữ học sinh có được đọc tiểu thuyết không? Cô giáo em cho là không. Và nếu có, thì chỉ được đọc những quyển mà cô giáo chọn lựa cho.

Các cô chọn lựa? Nghĩa là các cô bắt chúng em đọc những sách mà các cô không bao giờ thèm đọc tới, phải không thưa ông? Còn những tiểu thuyết hay mà các cô ham mê thì các cô cấm học trò các cô đọc, lấy cớ rằng học trò của các cô còn ít tuổi, còn ngây thơ, dễ sa ngã v.v...

Lại điều này nữa, ông có biết quyển tiểu thuyết em đọc là quyển gì không? Quyển ấy đã bị bà đốc và cô giáo em liệt vào hạng bị cấm đấy. Vậy ông có biết là quyển gì và của tác giả nào không? Thôi ông chả đoán được đâu. Đó là quyển "Symphonie pastorale" của André Gide, một truyện cũng không lấy gì làm hay lắm, cũng không lấy gì làm nhảm lắm và chắc ông chưa đọc. Sở dĩ em đọc là vì trước kia em sợ André Gide, coi ông ta như một tác giả sâu sắc bí hiểm quá quắt. Một hôm em đọc bản dịch truyện "La porte étroite" của Đỗ Đình Thạch thấy dễ và cũng hay. Thế rồi chủ nhật trước, khi ở nhà ông về em gặp một người bạn trai cầm quyển "Symphonie pastorale", em mượn liền. Sách có hai truyện. Nhưng em chỉ mới đọc xong truyện "Symphonie pastorale" thì sách bị tịch thu.

Ông có muốn em thuật lại câu chuyện cầu kỳ ấy cho ông nghe không? Phải đấy, em kể cho ông nghe để ông được biết bà đốc và cô giáo em vô lý đến bực nào.

Đây này:

Một giáo sĩ – chừng một giáo sĩ như giáo sĩ đạo Tin lành ở đây – một hôm gặp một cô bé mời đến chữa cho một bà già ở một xóm hẻo lánh. Giáo sĩ đến nơi thì bà lão đã chết. Người còn sống ở cái nhà ấy duy có một thiếu nữ. Nói thiếu nữ ngay thì cũng hơi không đúng, vì lúc bấy giờ đó chỉ là một con mọi, bẩn thỉu hôi hám, quần áo nhung nhúc những rận và rệp. Khốn nạn cùng cực, con người ấy lại vừa mù vừa câm.

Sự thực, người ấy chỉ mù, sinh ra đã mù, chứ không câm. Người ấy nói không được là vì từ thuở nhỏ ở với bà (người chết) mà bà không nói với cháu một câu.

Giáo sĩ đưa về nuôi, vì thấy đứa bé mồ côi không còn một thân thích nào ở đời. Bà vợ giáo sĩ không bằng lòng nhưng vì tòng phục chồng nên không dám hé môi. Giáo sĩ cắt tóc, tắm gội, thay quần áo cho người mù. Và cách đó ít lâu nhận ra rằng đó là một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần, và thông minh tuyệt trần nữa.

Từ đó bắt đầu cuộc nhạc tấu nơi thôn dã, la symphonie pastorale, giáo sĩ yêu thiếu nữ, thiếu nữ yêu giáo sĩ, trước còn yêu như cha với con. Sau tình yêu cha con đổi ra tình yêu vấn tất. Nhưng tình yêu ấy vẫn âm thầm và... đau đớn. Giáo sĩ có một người con trai ngoài hai mươi tuổi. Cố nhiên anh chàng cũng yêu thiếu nữ, nhưng không được thiếu nữ yêu lại, hay đúng hơn, không được thiếu nữ yêu như yêu người cha.

Giá cứ thế mãi thì chỉ có một người khổ, người ấy là vợ giáo sĩ. Bà đã trông thấy rõ tình yêu của chồng và của con. Nhưng một bác sĩ lại đem mổ mắt và đưa ánh sáng đến cho thiếu nữ. Ánh sáng tai hại! Vì thiếu nữ trông rõ sự thực: Cái đẹp biến đổi hẳn, khác hẳn, trái ngược hẳn với những lời dạy tươi sáng mà giáo sĩ đã vẽ vào khối óc mơ mộng và ngây thơ của nàng.

Và nàng chết, ngã xuống sông mà chết trong lúc nàng nghiêng mình trên làn nước để ngắt lấy bông hoa. Hấp hối, lời nói cuối cùng của nàng là ngỏ cho giáo sĩ biết rằng lúc mù nàng cứ tưởng dung nhan giáo sĩ đẹp như những lời giáo sĩ nói, như cái giọng êm dịu và ngọt ngào của giáo sĩ. Nhưng sự thực, cái đẹp ấy chỉ có trên dung nhan người con: người ấy đã thất vọng vì tình và đã xin vào nhà tu kín.

Ông có thấy chuyện cảm động không? Em thì em thấy vô lý. Vì

sự thực chỉ có một. Cái đẹp cũng chỉ có một cái đẹp tưởng tượng trong khi mù vẫn là cái đẹp trước mắt khi đã sáng. Lỗi là ở chỗ thiếu nữ không biết nhìn hay nhìn sai vì quáng lòa trong ánh sáng đột ngột rực rỡ.

Đó, chuyện đã làm em bị phạt. Ông có thấy nhảm nhí và nguy hiểm không? Em còn cho nó quá đạo đức nữa. Người ta có thể dùng làm bài dạy luân lý được: Các thiếu nữ ngây thơ không nên tưởng tượng mơ màng, và khi tỉnh ngộ sẽ bị thất vọng.

Nhưng xin lỗi ông. Em đã viết cho ông một bức thư quá dài để bắt ông mất thời giờ đọc. Nhất em lại viết huyên thuyên chẳng đâu vào đâu. Chủ nhật sau em ra tạ lỗi ông một lần nữa.

Kính thư

Lan"

Nam đọc xong một mạch hết bức thư. Rồi vân vê mấy mảnh giấy trong tay, chàng xem lại từng đoạn. Chàng thấy Lan triết lý, triết lý quá. Và chàng mỉm cười tự nhủ: "Bọn mới lớn lên, họ vẫn thế, nhất là bên phụ nữ. Họ thích triết lý lắm. Bất cứ một việc gì, dù đơn giản đến đâu, họ cũng thấy, họ cũng thấy có một triết lý sâu xa ở trong".

Điều nhận xét thứ hai của Nam là trong thư Lan không xưng con hay cháu nữa. Lan xưng em. Có lẽ cũng như chàng, Lan đã thấy tiếng "con" không tiện. Và chữ "em" đây, nàng chỉ dùng để thay chữ "tôi" quá sơ.

Nhưng sao Lan lại đem chuyện "Symphonie pastorale" để kể với chàng? Nam chau mày suy nghĩ, như để tìm ra một cớ gì. Ừ, chẳng lẽ để xin lỗi vì không ra được mà thuật dài dòng một chuyện đã đọc? Nam ngờ rằng Lan đã bịa ra chuyện bị phạt để lấy cớ viết thư. Chàng biết nhiều thiếu nữ khi đọc được một quyển sách thì thế nào cũng tìm cách khoe khoang với những người quen thuộc. Huống quyển truyện Lan đã xem lại một tác phẩm của André Gide, một văn sĩ có thể làm tăng giá trị người đọc.

Và Nam mỉm cười, lạnh lùng bỏ bức thư vào ngăn kéo, rồi đi làm việc.

VII

Nam ngừng kể, lơ đãng nhìn theo mấy người tắm muộn bơi lội đùa bỡn với nước. Trên bãi cát, những bộ *maillot* và *slip* màu nâu, màu lam sẫm lác đác xen trong những bộ *pyjama* màu sáng hay những bộ quần áo ta màu lụa bạch. Những người tắm biển đã về thay y phục để đi dạo mát. Những câu chuyện lao xao đưa trong gió, những tiếng cười tan trong tiếng sóng gầm.

Sau rặng phi lao, mặt trời lặn đã lâu. Cảnh dần dần tối. Mỏm đá, nhuộm tím, như con quái vật khổng lồ nhô đầu, vươn cổ, chực vượt thẳng ra khơi. Trăng đã cao, và trở nên đầy đặn, sáng bóng.

Ngọc hỏi Nam:

– Câu chuyện ly kỳ của anh chỉ có thế?

Nam cười:

– Nếu chỉ có thế thì chẳng ly kỳ.

Ngọc cười theo:

– Phải tôi cũng tưởng thế.

Rồi Ngọc lặng thinh, ngồi chờ bạn kể tiếp. Nhưng Nam mơ màng ngắm theo những tấm thân vạm vỡ, cân đối uyển chuyển in nét nhịp nhàng lên nền trời, nước. Và chàng nói:

– Có phải không anh, Việt Nam mình đã bắt đầu biết đẹp? Trước kia họ giấu kỹ tấm thân thế nào thì họ ngày nay phô bày nó ra như thế. Cũng có lẽ trước kia thân thể họ xấu mà nay nhờ về luyện tập nên thân thể họ đẹp. Câu tục ngữ cổ họ đã rêu rao từ nghìn xưa: "Đẹp tốt phô ra, xấu xa đậy vào" mà!

– Chả phải thế đâu! Cái cớ che đậy, giấu giếm của họ ở luân lý chứ không phải ở mỹ thuật. Họ chỉ ca ngợi cái đẹp tinh thần, cái đẹp đạo đức và cố nhắm mắt trước cái đẹp hình thức. Mỗi lần một ông vua chúa nào mở mắt ra để thưởng thức cái đẹp là bị bọn đạo mạo công kích liền. Nhưng ta cũng nên nhớ rằng ở Á Đông mình cái đẹp hình thức hay lẫn trong cái khoái nhục thể. Ta không mấy khi chịu bình tĩnh mà ngắm một pho tượng trần truồng bằng con mắt nghệ thuật... Nhưng hình như chúng ta lạc đầu đề xa quá rồi, câu chuyện của anh bỏ dở đã hơi lâu.

Nam mơ màng hỏi:

– Câu chuyện nào?

Ngọc cười:

– Lại còn chuyện nào nữa? Câu chuyện ly kỳ của anh chứ câu chuyện nào? Nếu anh quên thì tôi nhắc: Anh kể đến bức thư của Lan, trong thư thì như có nói đến André Gide và một quyển tiểu thuyết của văn sĩ...

Chàng không chịu nổi cái giọng mỉa mai của bạn, Nam cướp lời nói lảng:

– Rồi tôi đưa cho anh xem bức thư của Lan.

Ngộ nghĩnh lắm!

– Có ly kỳ nữa không?

Dứt lời, Ngọc cười ha hả. Nam thì ngây ngất nhìn phía xa, hai tay ôm má. Bỗng chàng nói:

– Nguy quá anh ạ!

– Cái gì mà nguy thế?

Nam vẫn nhìn thẳng:

– Lan yêu tôi.

Ngọc cười:

– Tưởng gì nguy hiểm lắm, chứ cái ấy thì thường quá.

Nam chơi chau mày:

– Không, anh nên nghiêm trang mà nghe tôi. Tôi vào đây chỉ cốt kể với anh câu chuyện và nghe lời chỉ bảo của anh.

Ngọc vẫn cười bỡn cợt:

– Chả dám. Vả lại tôi ít tuổi hơn anh.

– Phải, anh kém tuổi tôi. Nhưng có lẽ anh từng trải việc đời hơn nhiều. Nhất anh lại có gia đình rồi. Anh tất hiểu rõ những cái phiền, cái khổ, cái khó chịu, bực tức vân vân... của một nghệ sĩ trong một gia đình, tôi nói tiểu gia đình. Một lần nữa, tôi xin anh nghiêm trang mà nghe tôi. Đoạn này mới là đoạn chính trong câu chuyện của tôi.

– Trong câu chuyện ly kỳ của anh.

Nam bắt đầu chán nản:

– Chúng ta không thể đứng đắn trong mười phút được ư? Cái đời nghệ sĩ cứ phải cười cợt hoài ư?

– Chính thế. Vì anh đã bảo tôi nhiều lần rằng ở đời không có gì là quan trọng hết, kể cả hội họa. Vậy nay tôi chỉ thêm: kể cả hội họa và ái tình.

– Anh như cố ý không muốn nghe nốt câu chuyện của tôi...

– Xin lỗi anh. Vậy anh kể đi. Tôi lại cứ tưởng Lan yêu anh là hết chuyện.

– Tôi không ngờ, thật tôi không ngờ anh à. Lan yêu tôi, có thể như thế được không? Mà lại yêu tôi ngay từ thời ở Lạng Sơn, nghĩa là hồi Lan mới chín tuổi. Mãi hôm kia Lan mới chịu thú thực hết với tôi trong một bức thư dài tới gần chục trang. Tôi chẳng giấu giếm anh làm gì, rồi tôi đưa thư Lan cho anh xem. Tin ấy là một tiếng sét bên tai tôi. Tôi hy vọng rằng đó là một hiện tượng thoáng qua trong một tâm hồn lãng mạn. Phải lãng mạn lắm mới sớm có tình yêu như thế anh nhỉ?

– Chả cứ! Với lại trước có lẽ chưa hẳn là tình yêu. Tình yêu chỉ đến sau mà thôi. Nay chẳng hạn thì chắc chắn là tình yêu. Lan mười bảy tuổi phải không?

– Mười bảy. Lan nói sau ngày tôi từ biệt Lạng Sơn về Hà Nội, Lan khóc mãi, khóc ngấm khóc ngầm vì nhớ tôi, nhớ thành thực và sâu xa chứ không phải nhớ một ông chú hờ. Lan bảo thế. Rồi mấy năm sau Lan thi đậu tốt nghiệp về Hà Nội học. Lan lớn lên và tình yêu bất diệt. Và Lan theo dõi công việc của tôi, đến xem các phòng triển lãm của tôi, cảm động ngắm nghía những tranh lụa, tranh sơn, những bình phong sơn ta của tôi. Có lần Lan đứng ngay trước mặt tôi, tay mơ màng xoa một bức bình phong, mắt đăm đăm nhìn tôi nói chuyện với một người đàn ông Pháp. Lan muốn bảo thẳng với tôi: "Chú Nam ơi, cháu Lan đây mà!". Nhưng không bao giờ Lan dám. Lan cảm thấy thế. Và đã lâu không thấy ông chú đến chơi nhà, Lan ngờ rằng ông quên gia đình Lan và Lan... Thế rồi gặp Lan ở Quảng Yên và chú cháu lại nhận nhau. Nhưng có điều này cảm động, tôi không ngờ Lan lạ lùng đến thế. Là Lan định bụng làm ra ngộ nghĩnh để tôi phải lưu ý đến Lan. Trong ngôn ngữ, cử chỉ và trong những bức thư viết cho tôi Lan cố ý tỏ rằng mình khác thường. Làm xiêu lòng tôi, đó là mục đích duy nhất của Lan. Mãi nay thấy tôi "trơ như đá, vững như đồng" – lời Lan – Lan mới liều thú thực tình yêu với tôi.

Ngọc cười hỏi:

– Nhưng thực tình anh có trơ như đá vững như đồng không?

– Thực thế anh ạ. Trước kia trong con mắt yêu mỹ thuật của tôi. Lan chỉ là một thiếu nữ đẹp như nhiều thiếu nữ khác. Không bao giờ tôi nghĩ đến tình yêu hay một tính tình dịu dàng gần như thế. Đối với Lan cũng như đối với các bà các cô quen biết, tôi khuyên bảo, sửa chữa dùm cách trang điểm nhan sắc, thế thôi. Giờ nhớ lại thì tôi hiểu rõ tại sao Lan lại làm theo ý tôi. Một lần tôi nói chuyện với anh em bạn – mà không biết có Lan đứng gần đấy – về cái đẹp của thân thể. Tôi bảo: "Con gái các nhà ít người có tấm thân đẹp bằng tấm thân bọn vũ nữ. Muốn đẹp phải luyện tập thân thể mà phụ nữ mình ít tập quá. Còn vũ nữ họ khiêu vũ tức cũng gần như tập thể thao. Vì thế người họ thường nở nang cân đối". Tôi cũng tưởng trêu tức mấy anh bạn đang tự phụ có vị hôn thê đẹp. Ai ngờ câu nói lọt vào tai Lan. Và ngay hôm sau Lan bắt đầu chăm tập thể thao. Lan hỏi về cách dạy thể thao nữa. Đã được hơn nửa năm rồi.

Ngọc mỉm cười nhìn bạn:

– Thế kể cũng thú! Nhưng ly kỳ thì câu chuyện chả có thể gọi là ly kỳ được. Bắt đầu yêu từ chín tuổi, có chi lạ. Nếu thế anh đã cho là lạ, thì tình yêu của Julia de Trécoeur còn là đến đâu. Ừ, mà hơi giống đấy. Một đằng yêu bố dượng, một đằng yêu chú... Có khác một chút, là chưa vợ. Vậy ông chú hờ chưa vợ nhất định trơ như đá vững như đồng mãi?

Nam buồn rầu:

– Nếu thế thì tôi đã chẳng đến cầu cứu anh. Chỉ vì sau khi đọc bức thư của Lan, tôi thấy lòng tôi bỗng đổi khác hẳn nên tôi mới lo sợ. Anh ạ, trước kia tôi không hề tha thiết, âu yếm nghĩ đến Lan. Có lẽ một phần vì tôi đã quen coi Lan như cháu gái bé nhỏ và ngây thơ. Nhưng đọc xong bức thư cảm động của Lan...

Ngọc tiếp luôn:

– Thì anh hết trơ như đá vững như đồng phải không?

Bọn người dạo mát đã về gần hết. Bãi biển vắng rộng. Mặt nước lấp loáng ánh trăng. Nam cảm thấy lòng rạo rực tình yêu. Hai tay bóp chặt lấy cái đầu bừng nóng, chàng nhớ lại những việc đã xảy ra mà trước kia vô tình chàng không lưu ý tới. Việc cảm động nhất và nay chàng cho rất có ý nghĩa là việc nhân duyên của Lan.

Hôm ấy Lan đến xưởng vẽ, mặt buồn rầu, thờ thẫn. Nàng đột ngột hỏi Nam:

– Ông có vẫn còn là ông chú của em không?

Nam ngạc nhiên nhìn Lan, đáp:

– Có, nếu Lan sẵn lòng nhận làm cháu?

– Sao em lại không sẵn lòng! Vậy chú thành thực chỉ bảo cho cháu một việc này nhé, một việc rất khó xử.

Rồi Lan kể bằng một giọng bình tĩnh.

Năm Lan lên tám, một ông huyện đem con đến chơi nhà ông tham Biên... Thấy Lan kháu khỉnh ông huyện nói đùa xin cho Huấn (tên con ông). Ông Biên cũng đùa bỡn trả lời: "vâng".

Ngờ đâu, năm năm sau, ông huyện nhắc lại lời ước xưa và nhờ mối đến hỏi Lan cho con. Bấy giờ, Lan đương học năm thứ nhất. Cha mẹ Lan, sau khi xem mặt chàng rể, đã nhận lời gả mà không bảo qua Lan một câu. "Vậy, nàng hỏi Nam, bây giờ cháu có quyền từ chối không?".

Nam nhìn Lan, và ý nghĩa thứ nhất của chàng là: "Thôi! Chẳng bao lâu, Lan sẽ về với chồng rồi". Một ý nghĩ tiếc thương rất tự nhiên của những người chưa vợ. Nhưng ông chú cố thắng người bạn ích kỷ: Nam giọng gượng vui, hỏi thăm về gia thế, về địa vị người chồng chưa cưới của Lan và sau đã biết rằng Huấn đã đậu tú tài và sắp sang du học bên Pháp, chàng chỉ có thể khuyên Lan một câu:

– Thế thì Lan nên bằng lòng đi.

Lan hỏi lại:

– Vì hắn đã đỗ tú tài và sắp sang Pháp?

– Nhưng nếu em không yêu hắn thì sao?

Lòng ích kỷ của anh chàng yêu sắc đẹp tuy yêu vẩn vơ thôi, lại muốn lấn:

– Đó là một chuyện khác.

Lan vờ không hiểu:

– Thế nghĩa là thế nào?

– Nghĩa là Lan không yêu thì Lan có quyền từ chối.

Nam vội chữa ngay, vì thấy Lan tươi cười đăm đăm ám ảnh nhìn mình:

– Nhưng cứ gì phải yêu mới lấy được? Cứ lấy nhau rồi tình yêu sẽ đến cũng được chứ gì. Xưa nay như thế cả.

Lan giọng mỉa mai, căn vặn:

– Nếu tình yêu không đến thì cũng chẳng sao phải không, ông chú? Vì xưa kia chán vạn gia đình như thế cả? Thực ông chú nghĩ đến tương lai cháu một cách chu đáo quá. Nhưng có một điều này xin nói trước để ông chú biết ngay cho là không bao giờ tình yêu sẽ đến.

Sự sung sướng không cỗi rễ tràn ngập tâm hồn Nam. Mặt chàng nóng bừng, mắt chàng sáng lên sau đôi kính cận thị. Và chàng hỏi ngớ ngẩn:

– Tại sao thế?

Câu hỏi ấy Lan không trả lời. Mà câu chuyện cũng lơ lửng không một lần nào bàn tới nữa. Nhưng nay Nam thấy rõ ràng câu trả lời trong bức thư nồng nàn, trong bức thư điên cuồng của Lan: "Vì Lan yêu chàng".

– Lan yêu tôi, vô lý quá!

Nam thì thầm bảo Ngọc. Ngọc cười đáp:

– Cũng không vô lý lắm đâu! Nhưng mà đi về ăn cơm thôi chứ, anh đã đói chưa?

– Chưa.

Ngọc vỗ mạnh vào vai bạn:

– Vậy thì đích thị anh yêu rồi. Nhưng cũng về thôi, chắc ở nhà Loan đang chờ cơm.

Nam thong thả đứng dậy và uể oải vươn vai, đáp:

– Về thì về!

Hai người lặng yên đi trên cát khô. Bỗng Nam bảo Ngọc:

– Mai tôi về sớm.

– Về thế nào? Anh nói vào đây nghỉ mát một vài tuần lễ kia mà!

Nam chỉ nhắc lại:

– Mai tôi phải về sớm!

VIII

Nam thong thả đạp xe tới nơi hò hẹn. Hơn ba tháng sau khi nhận được bức thư bồng bột, lần đầu tiên chàng dám quả quyết gặp mặt Lan.

Trong hơn ba tháng ấy chàng đã sống với lo lắng và băn khoăn. Tâm trí chàng chưa bao giờ hồi hộp như dạo này. Xưa nay chàng chỉ yêu những gái dễ dãi. Một đôi khi chàng đã thoáng có ý nghĩ rằng Lan cũng chẳng ghê gớm gì, và muốn được yêu nàng cũng phải là một việc khó khăn. Nhưng chàng tự mắng thầm ngay, cho tư tưởng ấy là bậy bạ, tư tưởng của hạng người như chàng, không thể có được những tính tình tốt đẹp và trong trẻo. Vì không thể ví được Lan với những vũ nữ của chàng, cũng không thể so sánh được cái dễ dãi nhẹ dạ của bọn kia với cái dễ dãi ngây thơ và thành thực của Lan riêng đối với chàng. Ái tình của Lan, như Lan đã thú thật với chàng, nhóm ngay từ ngày Lan mới chín tuổi ngấm ngầm nảy nở mãi cho tới ngày Lan hiểu biết.

Nam không khỏi lấy làm tự phụ. Được một thiếu nữ xinh đẹp thầm yêu trong bao năm, người lãnh đạm đến đâu cũng phải cảm động. Trước Nam còn cho rằng sự thực Lan chỉ yêu tài mình. Nhưng sau dần dần chàng tin chắc rằng chàng có duyên, chàng đáng yêu. Chàng không cần tìm chứng cứ ở đâu xa: Biết bao vũ nữ yêu chàng. Mà đối với vũ nữ, không phải như người ta tưởng, chỉ việc bỏ tiền ra để mua tình ái. Và chàng cũng chẳng giàu có gì!

Sáng hôm sau nhận được mấy chữ của Lan hẹn chàng buổi trưa ra ga để nói câu chuyện cần, chàng đã ngắm nghía trong gương và nhận thấy mình đương thời cường tráng. Bộ râu quai nón, sự chế giễu của bạn bè, chàng chỉ cho là biểu hiện của sức mạnh, của phái khỏe. Nhưng chàng đã không quên lấy dao cạo đi, và cạo rất nhẵn nhụi.

Tới trước ga, Nam ngước nhìn đồng hồ. Mới mười hai giờ đúng. Còn những hơn một tiếng nữa? Chàng dừng xe ở đầu hè đối diện khách sạn "Ga" và mở thơ của Lan ra xem lại:

Ông Nam,

Em về Hà Nội từ hôm qua, có chút việc, và em ở đằng nhà dì Phán em, phố Chợ Hôm. Một giờ trưa hôm nay em ra ga tiễn

một người bạn gái đi Lạng Sơn. Ông sẽ ra ga vào giờ ấy sẽ gặp em ở đó. Cần lắm.

Lan.

Nam nghĩ ngợi. Chàng cho rằng cuộc hẹn hò có vẻ giấu giếm. Và chàng mỉm cười. Vì chàng thấy từ ngày Lan ngỏ tình yêu với chàng thì cả hai cùng trở nên bẽn lẽn, rụt rè: Muốn nói một câu chuyện cần, Lan chỉ việc đến thẳng xưởng vẽ của chàng. Giản dị biết bao! Can chi lại phải dựa vào một dịp đi tiễn bạn để gặp nhau.

Cả chàng nữa, đã nhiều lần chàng định nói với Lan mọi lẽ. Nhưng chàng do dự không muốn đi Quảng Yên. Rồi sau, không được tin tức gì của Lan, chàng cho rằng Lan đã quên những phút điên cuồng vụt có. Bây giờ có lẽ nàng đang hối hận về bức thư nàng đã viết. Nam đến chỉ gợi mối đau đớn cho nàng mà thôi. Vì thế chàng cố quên. Sự thực, có một điều chàng không muốn tự thú: là chàng âm thầm kéo dài mãi cái tình yêu vô lý ở trong lòng thiếu nữ, dù khi tình yêu ấy sẽ chỉ còn thoáng qua.

Nam đạp xe đi dạo quanh mấy phố, rồi hơn nửa giờ sau lại trở về ga. Trước chỗ phát vé, hành khách còn vắng lắm. Gần đó, Nam gặp Lan đứng bên cạnh thiếu nữ vào trạc tuổi nàng. Chợt thấy chàng, Lan vội kêu:

– Kìa ông Nam, thưa ông đi đâu đấy ạ?

Nam hơi luống cuống: Không định bụng nói dối, chàng không sẵn câu trả lời.

– Không... tôi không đi đâu cả.

Có lẽ Lan đã ngẫu nhiên thốt ra một câu hỏi không đâu, nhưng Nam ngờ rằng nàng khéo đóng kịch, nhất khi nghe nàng tiếp luôn câu mà nàng đã viết trong mảnh giấy gửi cho Nam buổi sáng:

– Thưa ông, em ra tiễn chị bạn em đi Lạng Sơn. Vừa nói nàng vừa trỏ thiếu nữ đứng bên. Nam ngả đầu chào. Rồi nói:

– Còn tôi, tôi tiễn một người đi Hải Phòng.

Dứt lời, chàng hơi lo, vì chàng chưa biết xe Phòng chạy trước hay sau xe Lạng. Nhưng chàng lại chợt nghĩ ra câu nói dối thứ hai: "Nếu xe Phòng chạy trước thì mình sẽ nói người bạn nhỡ giờ chứ gì".

Và chàng buồn rầu tự nhủ: "Đi từ câu nói dối nọ đến câu nói dối kia, mà làm như thế chỉ để khỏi phải đường hoàng đến chơi

nhà nhau. Có phải khi lòng người ta bất chính thì người ta hay ưa con đường bất chính?"

Nam mải suy nghĩ, đến nỗi không nghe lời giới thiệu của Lan:

– Chị Phượng bạn học cùng lớp của em...

Thấy Nam lơ đãng nhìn ra đường, Lan phải đập vào tay chàng và nhắc lại câu nói, rồi tiếp luôn:

– Và ông Nam, họa sĩ trứ danh.

Nam cười:

– Trứ danh gì mà trứ danh, cô cứ chế giễu!

Lan trố mắt nhìn Nam. Nàng có vẻ kinh ngạc, mà không phải vì câu nhũn nhặn, nhưng vì chữ "cô" chàng dùng một cách rất tự nhiên. Và nàng trêu ghẹo:

– Họa sĩ trứ danh lại là ông chú của em.

Nam hơi thấy nóng mặt, và chàng nói, chừng để che ngượng:

– Chức ông chú thì xin nhận, còn chức họa sĩ trứ danh thì thực không dám. Vì chỉ có họa sĩ chứ chưa trứ danh.

Phượng mỉm cười láu lỉnh:

– Thưa ông, trứ danh thực rồi đấy ạ. Tôi nhớ có một lần Lan có đưa tôi đến xem phòng triển lãm của ông. Ông nổi tiếng rất là đích đáng. Nhưng mãi bây giờ tôi mới biết có hân hạnh được là bạn của cháu một nhà danh họa.

Tới giờ phát vé, Phượng đưa tiền nhờ Nam lấy vé hộ. Làm xong việc ấy, Nam ngả đầu chào hai thiếu nữ rồi dắt xe đi thẳng mặc dầu chàng đã nhận thấy vẻ mặt sửng sốt của Lan. Sự thực, Nam chỉ đem xe đến gửi một khách sạn trước ga và mười phút sau chàng đã gặp hai thiếu nữ ở ngoài sân ga. Lan không giấu nổi vui mừng. Và Phượng nhanh nhẩu hỏi:

– Ông đã gặp ông bạn chưa?

Nam quên câu dối ban nãy, ngây mặt nhìn. Lan vội nhắc:

– Ông bảo ông đi tiễn bạn, vậy ông đã gặp ông bạn chưa?

– À, chưa.

Rồi chàng cười nói tiếp:

– Anh ấy thì không khéo lại nhỡ xe mất thôi. Chẳng mấy khi là đúng giờ.

Phượng băn khoăn hỏi:

– Thưa ông, thế ông bạn ông ra Phòng có việc gì cần không ạ?

– Cần thì chả có việc gì cần. Đi chơi...

Lan nhận thấy thời giờ đã kéo dài, và câu chuyện giữa ba người trở nên nhạt nhẽo, khó chịu. Vì thế khi sắp chạy nàng vui cười, sung sướng bắt tay bạn rất nhanh, hầu như lôi bạn ra ngoài toa.

Xe vừa khuất, Lan không quay lại, bảo Nam đứng bên:

– Em báo cho ông biết tin rằng thầy mẹ đã cho phép em... không... Nàng không nói dứt câu, vì không tìm được những tiếng gọn gàng và ổn thỏa để giảng nghĩa cho Nam hiểu rằng cha mẹ nàng đã chiều theo nàng mà từ chối hẳn người đến hỏi nàng. Nhưng Nam cũng đoán được ý nàng. Và chàng nói:

– Thế ra Lan nhất định không lấy chồng.

Lan nhìn Nam, cái nhìn đầy trách móc. Nàng như thầm bảo Nam: "Một tin mừng như thế mà dửng dưng được!" Và nàng bực tức, mắt muốn ứa lệ, rảo bước đi tới phòng đợi. Nam thủng thẳng theo sau.

Sau giờ xe chạy phòng đợi vắng ngắt, Lan liếc qua chiếc gương treo, vì nàng sợ rằng nàng đã khóc. Nàng cố tươi sắc mặt lại khi nàng nhận thấy đôi mắt hơi đỏ. Nhưng lời nói của nàng vẫn còn run vì cảm động. Ngẫu nhiên Nam cũng nhìn vào gương, và gặp khuôn mặt xinh đẹp của Lan chàng thấy nhan sắc Lan tăng lên bội phần. Có lẽ Lan được thế là nhờ khoa phục sức mà chàng đã chỉ bảo cho. Nhưng chàng không để ý đến cách phục sức của Lan. Chàng chỉ thấy Lan đẹp.

Yên lặng làm hai người ngượng ngùng. Nam bắt đầu:

– Thế là Lan đỗ bằng thành chung rồi đấy!

Lan bĩu môi tỏ vẻ không bằng lòng:

– Em đỗ đã được gần nửa năm rồi, bây giờ ông mới biết?

– Ngày Lan đỗ tôi chả gửi thư chúc mừng là gì.

– Thế sao nay ông còn hỏi?

– Tôi nhắc lại thôi đấy chứ. Lan hay cự tôi lắm nhỉ!

– Không phải là em dám cự ông. Em chỉ phiền về nỗi ông không hiểu em.

Nam cười:

– Tôi hiểu cô lắm. Tôi nhận thấy cô là một linh hồn rất lạ nữa. Sau cùng tôi xin thú thực rằng bức thư của cô đã làm cho tôi hết sức cảm động. Và tôi xin thề với cô rằng không bao giờ tôi có một ý tưởng... xúc phạm về cô. Vì tôi hiểu cô lắm... Cô chỉ có toàn những tính tình ngay thẳng và... trinh bạch... Vâng, tôi hiểu cô lắm.

Nam tự nhận thấy giọng mình luống cuống. Và chàng ngừng nói để trấn tĩnh lại tim quá hồi hộp và trí quá bối rối. Trong khi ấy Lan lặng thinh ngồi chống tay như suy nghĩ sâu xa tới một điều gì...

– Nhưng mà Lan ạ, những tính tình trong trẻo và tốt đẹp của Lan đối với tôi, một ngày kia Lan sẽ không có nữa, nếu Lan hiểu tôi như tôi hiểu Lan.

Nam chợt nghe thấy lời mình trịnh trọng và kiểu cách nữa. Chàng vừa bật lên tiếng cười và tiếp luôn:

– Ai lại yêu một nghệ sĩ bao giờ! Yêu tác phẩm của họ thì cứ yêu, nhưng đừng yêu họ! Họ không yêu đâu mà.

Lan phá lên cười to hơn Nam khiến mấy người phu khuân vác qua đấy quay vào nhìn. Nhưng Nam như không nghe thấy tiếng cười mỉa mai của Lan, chàng vẫn bình tĩnh nói:

– Nếu tôi lấy vợ, thì cô quả thực người tôi kén chọn. Tôi thề với cô như thế. Cô là con bạn thân của tôi. Điều đó tôi không cần. Lấy con gái bạn, tôi cho cũng thường như lấy một người khác. Tôi là nghệ sĩ đã quen sống cái đời tự do, hầu vô gia đình, thì gia đình vợ sẽ không làm phiền nổi tôi. Tôi lấy vợ là lấy vợ, thế thôi. Rồi vợ tôi với tôi sẽ biệt lập một gia đình, một tiểu gia đình. Vậy thì, sở dĩ tôi không đáp bức thư của cô, không phải... vì chỗ... tình bè bạn ... không phải vì chỗ tình... chú cháu... Mà cũng không phải vì tôi không yêu cô. Trước kia, tôi chỉ yêu cô như đứa em bé của tôi, tuy tôi yêu tha thiết và thành thực... Từ khi nhận được bức thư lạ lùng của cô thì có lẽ...

Nam im bặt và âu yếm nhìn Lan.

– Giá ngày ấy tôi đừng suy nghĩ gì cả thì có lẽ tôi đã hỏi cô làm vợ rồi. Nhưng tôi đã suy nghĩ và tôi nhận thấy tôi vô lý. Tôi cứ yên trí rằng cô sẽ suy nghĩ như tôi và cũng nhận thấy mình vô lý. Nhưng hình như cái tình chín tuổi đã ăn sâu vào tâm hồn ngây thơ của cô rồi. Tôi có biết hai người con chú con bác ở với nhau cùng một nhà từ bé, rồi lớn lên yêu nhau và tự do lấy nhau. Đó không phải là ái tình đâu. Đó chỉ là tình ngây thơ...

Thấy Nam ngừng lại, Lan khẽ hỏi:

– Thế rồi sao nữa?

– Mà dẫu cho chúng ta thành thực yêu nhau nữa, thiết tưởng chúng ta cũng nên vì nghệ thuật mà hy sinh ái tình của chúng ta. Ràng buộc một nghệ sĩ vào trong một gia đình tức cũng như đem một cây đa mà trồng vào một chiếc chậu sứ. Cây sẽ cằn cỗi không nẩy nở được, mà cái chậu sứ có khi bị nứt, vỡ. Sao không để mặc nó sống cái đời tự do của nó, ngoài mưa nắng dưới bầu trời cao cả. Cô có thấy họa sĩ Bạch Hải không? Trước kia đó là một thiếu niên đầy nhiệt huyết và tài năng. Bây giờ ông ta sống trong một gia đình đông con, nhiệt huyết chẳng còn, tài năng cũng cạn. Hiện nay ông ta đương đi sâu vào cái đời trưởng giả, chỉ nghĩ cách làm giàu. Và quý hóa quá, lại tin cả đất cát mồ mả nữa. Tôi lấy vợ tức là đi đến cái đời trưởng giả ấy...

Lan nghiêm nhiên đứng dậy nói:

– Em hiểu ông rồi. Thôi em xin về.

Nàng lẳng lặng đi ra.

Nam đạp xe đưa nàng về tận nhà dì. Hai người không nói với nhau một lời.

Nhưng ngày chủ nhật ấy, Nam nhờ anh đi Quảng Yên hỏi Lan làm vợ.

IX

Đã hơn hai tháng, Nam xuất tận lực làm việc. Trong đám bạn thân ai nấy đều tưởng, và Nam cũng tự dối mình rằng làm việc rất kíp như thế là để có nhiều tác phẩm đem trưng bày phòng triển lãm của hội Mỹ thuật sắp tới đây.

Sự thực xưa nay Nam vẫn lãnh đạm với những phòng triển lãm công cộng ấy. Nhiều lần chàng lại không có một bức tranh đem bày nữa. Chỉ khi nào nể lời ông đốc hay các ông giáo thân yêu, chàng mới vẽ vội vàng một vài bức lụa hoặc một vài bức tranh sơn dầu.

Nam thành thực ghét những phòng triển lãm ấy. Không phải vì chàng sợ bị bày lẫn, bị xếp ngang hàng với những họa sĩ vô tài, với những "hạng thợ khéo tay" như chàng thường mỉa. Chàng có cần

gì điều đó. Và một hôm chàng đã cười ngất vì mấy lời khen ngợi trầm trồ của một ông xem tranh ra vẻ thành thạo lắm. Vẽ nhẵn nhụi, sạch sẽ, vẽ lừa dối người và mình để được đời yêu chuộng như thế phỏng có khó gì, nhưng Nam không bao giờ làm: chàng vẽ cho chàng, như chàng đã nói, vẫn là thường nghĩ. Lời khen hay chê của những ông xem tranh, chàng có kể vào đâu.

Năm nay thì trái hẳn, xưởng vẽ của Nam lúc nào cũng tấp nập công việc. Ngoài mấy bình phong sơn ta, chàng lại còn cặm cụi vào mấy bức tranh sơn dầu và thủy mạc trên lụa nữa.

Chàng đã thuê một cô kiểu mẫu, bé nhỏ xinh xắn. Và luôn mấy ngày đặt người ấy đứng ngoài vườn, bên khóm chuối, cạnh tàu cau hay dưới cành ổi. Hôm nay chàng để kiểu mẫu ngồi trong phòng ấm vì cần vẽ một bức cởi trần.

Nghe tiếng chuông cổng, chàng giật mình; như có linh tính báo trước, chàng đoán chắc có Lan đến.

Từ khi chính thức là vị hôn thê của chàng, Lan rất năng lại chơi, và có lần hằng giờ ngồi nhìn chàng vẽ.

Chàng cũng thường bỏ bút xuống đứng nhìn lại Lan hồi lâu. Rồi hai người cùng cười, vô cớ.

Lan là nguồn cảm hứng của chàng, một nguồn cảm hứng mới mẻ và mênh mông. Lần này là lần đầu chàng vụt nhận thấy thế và hiểu rằng hơn hai tháng thiết tha với nghệ thuật, đó là ảnh hưởng của cặp mắt mỹ nhân.

Trong một giây cái hy vọng lớn lao hiện ra, rõ rệt, to tát: Lan sẽ mãi mãi là nguồn cảm hứng của chàng, khi Lan đã là vợ chàng cũng như khi Lan hãy còn là vị hôn thê của chàng.

Cũng với những ý nghĩ vui và bồng bột ấy, xen lẫn với những ý nghĩ buồn và chán nản – Song những ý nghĩ buồn chỉ thoáng qua trong tâm hồn, như những gợn nhỏ thoáng qua trên mặt nước phẳng lặng, một buổi chiều êm ả. Vì nghĩ đến Lan và hạnh phúc, tự nhiên chàng lại nhớ, tuy chàng vẫn cố quên, đến những điều gay go trong việc hôn nhân của chàng... Suýt nữa chàng đã không lấy được Lan; mà duyên do chỉ tại lòng yêu của một người anh, và tính cố chấp của một người bạn.

Hôm chàng đến nhờ ông giáo Tuệ, anh chàng, hỏi Lan cho chàng làm vợ, anh chàng đã nói nhiều câu khiến nay chàng vẫn còn nghĩ ngợi. Anh chàng tìm ra nhiều lẽ không nên và trong lúc mê man

– mê man cãi lý hơn là mê man tình yêu – chàng đã cho là cổ hủ là "vô nhân đạo" nữa. Chàng đã xin lỗi anh mãi câu quá lỗ mãng ấy, và nay nghĩ lại chàng còn buồn rầu hối hận. Cái lý cổ hủ của anh chàng là một người bạn mình, đương anh anh tôi tôi, có khi mày mày tao tao với mình, không thể nhảy lên bậc cha mình được. Chàng bảo em:

– Ừ! Tôi hãy hỏi chú, lúc bấy giờ chú xưng hô ra làm sao? Khi chắp tay chào vợ chồng Biên: lạy thầy mẹ, con về thăm thầy mẹ ạ, liệu chú có ngượng mồm không.

Nam đã đỏ mặt lên cãi lại: "Cần gì! Em nói tiếp Pháp". Và Tuệ đã mỉm cười tiếp luôn:

– Nói tiếp Pháp cả với vợ Biên và các con nhỏ của Biên?

Nhưng vì thấy Nam quá yêu đến nỗi trở nên khổ sở, Tuệ cũng chiều lòng, đi Quảng Yên hỏi Lan cho em. Chàng hy vọng thầm rằng Biên sẽ từ chối. Mà Biên kinh ngạc thực. Chưa bao giờ chàng ngờ rằng Nam, bạn thân của chàng lại là rể chàng được. Và chàng hỏi Tuệ: "Bác tính như thế có tiện không"? Tuệ lấy làm khó trả lời quá. Chàng nói lảng: "Khi người ta yêu thì người ta rất lạ lùng! Người ta chẳng chịu lùi trước một sự cản trở, một điều khó khăn gì". Biên đã định tâm từ chối, nhất chàng lại nghĩ đến sự chênh lệch tuổi của Nam và con gái. Chàng không rõ Nam bao nhiêu tuổi, cũng yên trí rằng Nam vào loại tuổi mình. Bạn bè chơi với nhau thường tưởng ngang tuổi nhau dù hơn kém nhau đến mười năm cũng vậy. Nhưng Biên cũng trả lời hờ hững một câu:

– Được, bác để tôi bàn với nhà tôi và hỏi ý kiến cháu Lan đã. Dẫu sao cũng phải cháu Lan bằng lòng, việc mới xong được.

Biên vẫn đinh ninh rằng vợ sẽ đồng ý với mình. Sự thực trái ngược hẳn. Bà Tham thường được nghe con gái tán tụng Nam, khoe khoang tài cán của Nam, nhất lại nhân lên gấp hai ba giá của những bức tranh, những bức bình phong của Nam, nên vừa nghe chồng nói đến việc Nam hỏi Lan, bà thuận gả ngay và đã cãi lý với chồng để bắt chồng nghe theo. Sau cùng Lan phải trả lời quyết, Biên mới chịu hàng. Trước Lan còn ấp úng mãi câu "tùy thầy mẹ". Nhưng Biên ép con gái phải đáp: "Con bằng lòng". Lan đầu nóng bừng, vừa chạy vào nhà trong vừa nói: "Con bằng lòng".

Thế là xong việc.

Những lý thuyết mà anh bạn viện ra, nay lại vương vấn

trong đầu óc Nam. Chàng lại nhớ tới những lời chàng nói với Lan ở phòng đợi ngoài ga. Phải, lấy con gái bạn, không bao giờ chàng cho thế là một việc quá quắt, lạ lùng. Có sống trở về thời xưa đâu mà chịu để cái luân lý trẻ con ấy ràng buộc, cản trở. Ngày nay chỉ có cá nhân với cá nhân.

Nam ngừng lại không dám nghĩ xa hơn, sợ sẽ đi tới chỗ tự phản đối như nhiều lần đã xảy ra.

Giữa lúc bấy giờ ngửng đầu lên nhìn qua kính cửa sổ, Nam thấy Lan đương ung dung từ cổng tiến vào. Màu xám nhạt của chiếc áo len nàng mặc linh hoạt in trên nền lá xanh đen rặng cam trồng hai bên lối đi. Chàng vội quay lại bảo cô kiểu mẫu:

– Thôi, hôm nay thế là đủ. Cô về nhé.

Thấy người kia vẫn yên lặng nhìn mình, chàng giục:

– Cô mặc áo, đi về thôi. Tôi mắc bận đây.

Để Lan khỏi vào phòng và nhìn thấy tấm thân cởi trần của người kiểu mẫu, Nam hấp tấp bước ra hiên. Nhưng quá chậm, Lan đã mở cửa phòng vén bức rèm suốt tre, đứng sững mỉm cười hỏi:

– Nam làm việc?

Nam giơ tay bắt tay nói:

– Xong rồi, mời Lan ngồi chơi.

Lan lại gần giá vẽ ngắm nghía, rồi so sánh hồi lâu người trong tranh với cô kiểu mẫu đương mặc áo dài.

– Đẹp!

Nam chỉ mỉm cười yên lặng nhìn Lan. Người kiểu mẫu, một cô đào rượu mà Nam thuê rất đắt đứng lên, dáng điệu kiêu hãnh, hỏi sõng Nam:

– Chiều có đến nữa không?

– Thôi chiều nghỉ. Mai hãy đến nhé...

Thiếu nữ lạnh lùng:

– Cũng được. Thôi au revoir, Nam!

Rồi quay về phía Lan, nàng khẽ gật đầu và nói lí nhí mấy tiếng, Lan cũng lí nhí đáp lại.

Chờ cho nàng đi khỏi, Lan không giấu nổi vẻ mặt buồn, bảo Nam:

– Gái nhảy phải không, anh?

– Không, ả đào.

– Thì cũng thế.

– Hơi khác chứ, một đằng nhảy, một đằng hát.

Rồi chàng cười ha hả đánh trống lảng. Nhưng Lan vẫn như thấy tấm bán thân cởi trần hoạt động trước mặt, nhất bức tranh vẫn còn đặt trên giá và nàng không thể rời mắt được.

– Nam không nghĩ ra mà vẽ được nhỉ? Cứ phải có người kiểu mẫu?

Nam nhận thấy câu hỏi hơi ngộ ở miệng một thiếu nữ có tri thức, có học vấn như Lan. Nhưng chàng nghĩ ngay đến tình yêu của Lan: Lan ghen. Và chàng cười âu yếm trả lời:

– Không, Lan ạ. Bao giờ vẽ cũng có kiểu mẫu chứ! Họa sĩ không có thể bịa ra mà vẽ được. Bịa thì bao giờ cũng sai; sai nét và sai màu, nhất là sai màu.

Muốn Lan quên người kiểu mẫu, chàng cố đem khoa hội họa ra giảng dài dòng:

– Đây nhé, Lan trông, một người trong bức tranh lụa này. Có phải Lan thấy nét rất ít, và màu rất giản dị không? Nhưng Lan đừng tưởng vừa vẽ là tới ngay được ít nét và ít màu như thế. Phải bắt đầu vẽ rất tỷ mỉ rất kỹ. Đây này.

Nam mở ra một cuộn giấy bóng và một bức tranh nguyên tác trong đó hình người thiếu nữ rập lại bức lụa vẽ rất tinh vi. Nhưng Lan lơ đãng nhìn, tâm trí đang theo đuổi một ý nghĩ nhất định.

– Nam có nhiều cô làm kiểu mẫu nhỉ?

– Có đâu mà nhiều! Vài cô thôi. Toàn các bà vợ bạn nhờ vẽ hình cả. Bà nào đẹp, nhiều khi anh cũng mượn sơ cái mặt hay cái thân thể áp dụng vào trong tranh.

Lan làm bộ kinh ngạc:

– Cả vợ bạn nữa?

Nam cười:

– Quái! Cái gì Lan cũng cho là lạ. Chẳng hạn bức hình anh vẽ cho Lan năm ngoái, anh cũng có thể cho vào tranh được chứ?

– À! Thế! Vậy sau này em có thể làm kiểu mẫu cho anh được đấy nhỉ?

– Cái đó tùy Lan.

Tiếng "anh". Lan nói đã quen miệng. Lan thay vào tiếng "ông" ngay từ khi nhà nàng nhận gả nàng cho Nam. Và nàng dùng tiếng ấy một cách rất tự nhiên và âu yếm. Nhưng Nam thì ngượng ngập mãi trước khi tới được hai tiếng "Nam" và "Lan" dùng trong câu chuyện. Rồi mấy tháng sau mới có được "anh" và "em" như Lan.

Cách xưng hô nói với vợ chồng Biên thì Nam cho sẽ khó khăn mãi. Từ hôm hỉ đến nay chàng đã hai lần đến Quảng Yên thăm Lan. Nhưng chàng đã dự định từ trước, chàng sẽ dùng tiếng Pháp để nói chuyện với Biên. Còn đối với vợ Biên, sau một hồi ấp úng nói trống không chàng đã tìm ra một lối xưng hô ổn thỏa: "bà" và "tôi". Nhưng chàng cũng nên thưa đi lại nhà vợ để tránh những cuộc gặp gỡ giữa bố, mẹ vợ và con rể. Lan không hiểu cho Nam, tưởng chàng lãnh đạm, nhạt nhẽo với mình. Thấy nàng khóc, chẳng đừng được, Nam đã phải thú thực hết với nàng. Nàng cười nhưng trở nên buồn rầu và nghĩ ngợi.

Hôm nay, vì Nam ít xưng hô "anh, em" với nàng, Lan lại nhớ đến chuyện đã xẩy ra. Và nàng nói nửa nghiêm trang nửa bỡn cợt, để thử ý Nam.

– Cách xưng hô của An Nam mình nhiều khi còn lúng túng lắm nhỉ? Như vợ với chồng ngày xưa các cụ gọi là ông nó, bà nó, nhà nó, bu nó thì cách xưng hô tuy lôi thôi, còn nhất định để cho người ta dùng. Chớ như ngày nay chúng mình chả biết gọi nhau bằng gì cho tiện. Cậu với mợ nghe nó thế nào ấy, có vẻ con ông cháu cha quá, mà "nhà" thì trời ôi! Cổ ơi là cổ! Gọi nhau là "anh" với "em" có người lại cho là quá suồng sã ở trước mặt công chúng...

Nam đáp:

– Sao lại suồng sã được? Anh và em không bao giờ có nghĩa "chéri" như họ tưởng lầm. Anh và em chỉ là "mon ami" hay "mon mari" và "ma femme" rất giản dị, rất tự nhiên, rất chững chạc, rất lễ phép ở trước mặt công chúng nữa. Sao lại không dùng hai chữ ấy?

Lan cười:

– Cảm ơn anh, em vẫn dùng hai chữ ấy đối với Nam. Nhưng em thấy Nam không hay dùng nên em hơi lo rằng em đã dùng sai.

Nam cũng cười:

– Chính anh phải cám ơn em đã cho anh một bài học. Bây giờ thì anh đưa em đi may áo phải không? Lan nũng nịu:

– Nhưng anh đương bận vẽ.

– Anh chẳng bận gì hết. Vì em mà anh vẽ. Đưa em đi chơi cũng là vẽ một bức tranh tuyệt diệu rồi.

Cả hai cùng vui, Nam mê man trong giấc mộng yêu đương, hai tay giữ lấy đầu Lan ngắm nghía nói:

– Anh không ngờ em Lan của anh chóng người lớn đến thế!

Lan ngước nhìn mỉm cười:

– Cháu Lan của chú?

X

Đêm đã khuya, Nam còn đứng tựa lan can, nhìn qua cây trúc đào ra phía cổng. Cảnh vật lờ mờ dưới ánh trăng gợi trong lòng chàng một mối buồn vô cớ. Thỉnh thoảng ngắm trăng lại thấy buồn như thế, không phải cái buồn dịu dàng, đầy thơ của người bạn chàng nhưng cái buồn khó chịu, cáu kỉnh, cái buồn chán nản của người mong đợi đã hầu thất vọng không biết làm việc gì cho qua thời giờ nhàn rỗi.

Chàng muốn ngủ cho quên đi. Quên cái gì, chàng cũng không rõ. Nhưng chàng tỉnh quá. Vào giường nằm hàng giờ nghĩ vơ vẩn, thì còn khổ gấp mấy đứng, đi vơ vẩn, hay làm việc vơ vẩn. Làm việc vơ vẩn, đã có nhiều đêm chàng thức suốt sáng để làm việc vơ vẩn. Chẳng ra việc gì, cũng chẳng rõ làm việc gì. Vẽ kín đặc từng trang giấy những hình dung quen, rồi vò nát vứt đi. Hay hý hoáy phác họa một kiểu quảng cáo cho một nhà buôn tưởng tượng, cho một thứ rượu, cho hãng thuốc lá, hoặc một tiệm khiêu vũ. Và nếu chàng tìm ra được một ý ngộ nghĩnh, tinh nghịch, thì chàng cười ầm lên có khi quên cả buồn nản.

Lần này Nam cũng nhớ đến làm việc. Chàng lại có việc để làm: những bức tranh lụa mà chàng còn bỏ dở và đêm khuya thường đem ra vẽ. Chàng liền vào phòng.

Giữa lúc ấy chàng nhác trông thấy bức hình bán thân với khuôn mặt trái xoan và con mắt sắc sảo của Kim, cô kiểu mẫu. Chàng cũng không hiểu điều gì bực tức với Kim, nhưng chợt gặp ảnh Kim bất giác hai tay chàng nắm chặt lại. Giá gần đây có con dao, thì

dễ thường chàng đã cầm dao rạch ngay giữa mặt người trong tranh. Nhưng nhìn quanh một vòng không thấy có vật gì có thể dùng để phá phách được, chàng đành dứt cái khung vải ném lên mặt tủ sách. Rồi ra bàn ngồi ôm đầu suy nghĩ...

Chàng thấy chàng vô lý, và cố bình tĩnh để xem bỗng dưng mình lại vô lý như thế. Chàng nghĩ ngay đến cái dạ dày, nhiều lần vì sự tiêu hóa khó khăn mà chàng đã trở nên mất lương tri. Nhưng lần này chắc chắn rằng không phải vì cái dạ dày: Bữa chiều nay chàng ăn sơ sài có mấy món rau và đậu.

Anh em bạn chàng vẫn ngờ rằng chàng mắc bệnh thần kinh. Và có lúc chàng cũng tin thế, tuy chàng đi khám bệnh, thầy thuốc thấy các cơ quan trong mình chàng đều lành mạnh. Chàng lo lắng nghĩ thầm: "May mình chưa thành lập gia đình, chứ tính nết này mà ở cùng với một người vợ"... Chàng không dám nghĩ tiếp vì chợt nhớ tới Lan và hiện tại. Do thói quen, ý nghĩ kia đã lảng vảng trong tâm trí chàng, ý nghĩ mà xưa nay chàng vẫn có, mỗi khi chàng tự ghét, tự trách mình, hay trái lại, tự hào về cái đời độc thân của mình, cái đời tự do không phiền nhiễu ai, không bị ai phiền nhiễu, cái đời nghệ sĩ như mấy người bạn chàng thường tự cao tự đại hãnh diện với bọn người sống yên ổn trong một gia đình đầy lạc thú tầm thường, tầm thường theo ý họ.

Chàng mỉm cười tự nhủ: "Chắc chúng nó cáu với mình lắm, và buồn lắm, khi nhận được giấy báo hỉ của mình!" Và tự nhiên chàng cũng hơi buồn. Sau khi chàng cưới vợ, phái "độc thân" của chàng chỉ còn Nguyên và Đức. Mới đầu năm nay ba người còn vui cười bảo nhau: "Chúng nó xoàng cả. Chứ bọn mình thì dám chắc không bao giờ chịu phá giới, chịu rời bỏ cái đời trinh tiết... cái đời tu hành"..

Nam bẽn lẽn cười gượng: "Thôi thế cũng xong! Đức cũng bắt chước lấy vợ như mình. Nó là con một, tội nghiệp" Biết bao lần bà mẹ bạn đã đem chuyện riêng ra than thở với Nam: Bà góa chồng, được mỗi một mụn con, thế mà bà bảo thế nào, có khi khóc lóc nữa. Đức vẫn bướng bỉnh không chịu nghe theo, tuy năm nay Đức đã ngoài ba mươi tuổi. Rồi bà khẩn khoản nhờ Nam, giọng bà tha thiết và van lơn: "Em nó yêu anh lắm, anh cố khuyên em giúp tôi". Nam nhận lời, nhưng chàng mỉm cười thầm.

Nguyên thì không phải con một. Mà Nam cũng chẳng rõ gia đình Nguyên ở đâu và tình cảnh ra sao. Có người bảo chàng rằng Nguyên đã có vợ và hình như có cả con nữa, nhưng Nam vẫn tin lời Nguyên mà cho nhập bọn "trai tơ". Cũng như người ta đã để Nguyên nhập bọn làng văn sĩ, nghệ sĩ. Sự thực, đó là một nhà văn chưa từng viết văn, một nhà báo chưa từng làm báo, một họa sĩ chưa vẽ một bức tranh sơn, tranh lụa, và sau hết, một giáo sư không có học trò vì chưa dạy ở một trường nào. Nhưng hình như đó là một nhà văn có tài, một nhà báo có khiếu, một họa sĩ tương lai và một giáo sư đầy tâm huyết.

Trước khi cầm bút viết văn và vẽ tranh, Nguyên mới bắt đầu phê bình. Không phải viết bài phê bình – vì nếu thế Nguyên đã là một văn sĩ thực thụ – nhưng phê bình bằng lời nói trong câu chuyện với anh em mà thôi. Nam quen biết Nguyên trong bữa tiệc ở khách sạn đã hơn bốn năm nay. Tối hôm ấy, Nguyên bàn cãi và nói chuyện có duyên quá khiến Nam đem lòng quyến luyến ngay.

Nay nghĩ đến Nguyên và cái gia đình bí mật của bạn. Nam không sao giữ được tức cười. Trước giờ, Nam vẫn không tin những lời đồn về Nguyên. Nhưng nay chàng cho rằng có thể như thế lắm. Hoặc Nguyên nói dối chưa vợ để hòng chiếm lấy những tấm lòng tuổi trẻ và dễ tin. Hoặc vợ Nguyên quê mùa mà Nguyên giấu giếm không muốn giới thiệu với anh em. Hoặc vợ Nguyên có nết xấu gì đó nên Nguyên bỏ lửng. Điều dự đoán sau cùng thực không lấy làm lạ lắm. Biết đâu vợ Nguyên lại không có thói ghen bóng gió và quá lăng loàn thô bỉ.

Ý nghĩ ấy khiến Nam lo lắng, buồn phiền. Chàng như vừa chợt tỉnh ngộ: Lan cũng có thể hay ghen. Cảnh tượng sáng nay lại như hiện ra trước mặt chàng. Chàng trông thấy rõ hơn trước cái vẻ mặt lãnh đạm bất bình của Lan, khi đứng đối diện với Kim, người kiểu mẫu, chàng nhớ lại cả cái cười lặng lẽ và những câu nói mát mẻ của Lan. "Gái nhảy phải không anh?... Thì cũng thế!" Lại những câu vô lý nữa. Lan mà chàng biết có thông minh, có học thức, nhất là chàng tưởng có chút khiếu về hội họa. Lan đã nói với chàng câu vô lý này: "Nam không nghĩ ra mà vẽ được? Cứ phải có người kiểu mẫu?". Buổi sáng chàng chỉ thấy câu nói ngộ nghĩnh, nhưng bây giờ chàng thấy nó ngu ngốc, nếu không hằn học.

Bỗng Nam bật cười. Chàng thấy chàng cũng hằn học từ chiều tối đến giờ. Hằn học vô cớ. Thì ra cái cớ ngấm ngầm của sự gắt

gỏng buồn phiền chán nản chính ở đó, hay ít ra cũng một phần lớn tự đó gây ra, nhóm lại bởi những lời nói ghen tức của Lan.

Khi đã hiểu rõ nguyên nhân sự bực bội khó chịu của mình, Nam thấy như cất hẳn được cái sức nặng đè trĩu trên lòng. Chàng trở nên bình tĩnh, và nếu chàng vẫn lo lắng về Lan, đó là sự lo lắng có suy xét.

Chàng đứng dậy thở dài, rồi khoác áo tới hiên sau, vì về cuối thu đêm khuya đã lạnh.

Trăng trung tuần ngả xuống mặt hồ phẳng lặng. Ánh vàng như những mảnh lửa lân tinh vụn từ đáy hồ bốc lên rồi tan ra trong nước để nhường chỗ cho những mảnh sau kế tiếp bốc lên và cứ thế mãi mãi không ngừng. Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ thổi những ánh vàng lan rộng ra và chảy giạt về một phía.

Biết bao cảnh trăng nước khác nhau Nam đã ngắm. Và chàng lấy làm buồn cười về một câu bình phẩm của một ông giáo, một đêm chàng cùng ông ta và mấy người bạn chơi thuyền trên đầm Vạc. Ông ta bảo chàng: "Kìa, họa sĩ thử ngắm xem, ánh sáng trăng có giống một đàn rắn vàng đuổi nhau dưới nước như các nhà văn sĩ thường tả đâu!" Và ông ta khoái trí tự đắc.

Một cánh buồm vừa lướt qua trăng. Nam nghĩ thầm: "Thi sĩ nào mà cao hứng thế kia? Hay lại La martine và Élvire đấy? Ý tưởng kéo tâm trí chàng về với Lan và câu chuyện ban sáng. Chàng vẫn đang tính như thế, đương nghĩ một việc, chỉ một thoáng qua óc cũng có thể làm chàng quên lãng trong chốc lát, có khi quên hẳn. Chẳng khác khi chàng tra tự vị để xem nghĩa một chữ rồi gặp một chữ khác thấy hay hay chàng quên khuấy chữ chàng định tìm.

Đối với Nam, Lan không hẳn là một chữ trong hàng nghìn, vạn chữ quyển tự vị đời. Nhưng yêu vẫn chưa đủ mãnh lực chiếm đoạt tất cả tâm hồn chàng. Nó chưa cực đoan, chưa độc đoán như một thị hiếu đối với một người mê man, mê muội. Là vì, có lẽ, ái tình của Nam bao giờ cũng phảng phất, trộn lộn cảnh vật: chàng yêu qua nghệ thuật, yêu qua cái đẹp.

Nam lấy làm lạ rằng lúc đầu chàng bắt đầu yêu Lan đến giờ, chưa một lần nào chàng ngắm Lan với sự thèm muốn, lòng rạo rực, thế mà xưa nay chàng vẫn tin lời Anatole France là đúng: "Chỉ có ái tình xác thịt là thực!" Xưa nay tình yêu đối với chàng chỉ là sự gặp

gỡ của hai làn da. Bây giờ thì khác hẳn. Như mới có một sự biến cải trong lòng chàng. Tim chàng như đập đều đặn hơn trước, linh hồn chàng như trong sạch hơn trước. Đến nỗi đã mấy tháng liền chàng không tìm một cô tình nhân nào để thay người mà chàng rời bỏ.

Đó là những dấu hiệu của tình yêu, một tình yêu có vẻ hơi lãng mạn, hơi vẩn vơ, một tình yêu có lẽ không thiết thực. Chàng yêu nhưng không bao giờ xếp đặt một tương lai cho tình yêu, không bao giờ chàng nghĩ đến thời kỳ hai người đã lấy nhau, chung sống với nhau. Chàng chỉ thấy hiện ra một cảnh đẹp trong đó có một người đẹp mà chàng yêu, yêu lắm.

Nhưng cái cảnh ban sáng, từ lúc chàng chợt nhớ tới, từ lúc chàng bắt đầu để ý tới luôn luôn ám ảnh chàng. Một chút tương lai không đẹp của cái đời tình đẹp vừa hơi lộ ra cho chàng trông thấy: Lan ghen. Chàng lấy làm bứt rứt về điều đó và nhớ lại câu chuyện khôi hài tức cười về một người bạn. Người ấy cùng vợ vào hội chợ, gặp vợ bạn, đứng lại hỏi thăm mấy câu lấy lệ, thế là "bà sư tử" ghen lồng lên và bắt chồng đưa về ngay lập tức.

Nam tự nhủ thầm: "Lan có học và thông minh, chả khi nào ghen tuông vô lý đến như thế?" nhưng chàng tự trả lời liền: "Chả khi nào; đã biết đâu". Và một câu mà Lan đã vô tình thốt ra, bỗng làm cho Nam rùng mình: "Cả vợ bạn nữa?"

Dần dần chàng thấy Lan hiện ra nguyên hình như những gái đẹp trong truyện Liễu trai hiện hình thành những con cáo, con rắn. Thay vào cái dung nhan tươi trẻ cái hình thể uyển chuyển, chàng tưởng tượng ra một người đàn bà đầu tóc bù xù, mặt mũi nhem nhuốc đứng ngoạc miệng cãi lý với chồng. Những cảnh gia đình ầm ỹ như thế, chàng thường được mục kích.

Một đám mây đen che khuất làm cho mặt hồ hơi tối lại và những ánh vàng kém hẳn tươi. Một đám mây đen cũng vừa che tối cảnh tương lai của đời chàng. Không phải là đời ái tình nữa, mà là đời nghệ thuật. Bất giác chàng nhớ đến những đoản thiên "Vợ nghệ sĩ" của Alphonse Daudet. Và buồn rầu lại lặng lẽ chiếm tâm hồn chàng, không phải cái buồn nóng nảy, vô cớ ban nãy, những cái buồn sâu xa khi người lầm lỡ điều gì, việc gì.

Vậy ra yêu Lan là một việc lầm lỡ? Không hẳn thế, nhưng lấy Lan có lẽ là một việc hơi vội vàng, hơi hấp tấp. Nam nhớ lại hôm thúc giục anh đi Quảng Yên. Tự nhiên chàng mỉm cười vơ vẩn

và không dám nghĩ xa hơn nữa. Chàng chỉ lờ mờ nhận thấy rằng nếu chàng không vội vàng, hấp tấp trong một lúc thì dễ thường nay Lan vẫn chưa là vị hôn thê của chàng, thì có khi không bao giờ Lan sẽ là vợ chàng. Trong đời chàng, việc gì chàng không quả quyết làm ngay là rồi chàng bỏ bê liền. Cả việc "lấy vợ" cũng vậy. Quả quyết lấy vợ cũng chẳng khác gì quả quyết đi chơi xa một chuyến. Biết bao lần cảnh đẹp phương xa gợi tình yêu mỹ thuật của chàng và như gọi chàng đến. Lúc bấy giờ nếu gặp giờ xe hỏa sắp chạy hay sẵn có xe ô tô của bạn bè để chàng mượn thì chàng đi ngay. Nhưng nếu chàng còn đợi vài ngày hay vài giờ thì vị tất chàng đã rời được Hà Nội. Ra tới ga, rồi vì một điều khó chịu cỏn con quay về nhà để ngủ, đó là những việc làm thất thường đối với chàng...

Lần này thì liệu có quay về được nữa không?...

Nam bỗng rùng rợn cả người, tự thẹn với lương tâm, tự lấy làm ghê tởm nữa.

– Có những ý tưởng ấy đối với Lan? Những ý tưởng tệ bạc, tàn nhẫn ấy, những ý tưởng bậy bạ ấy?

Và trong lúc bồng bột hối hận Nam cảm thấy tình yêu tràn ngập khắp tâm hồn. Hai hàng lệ ứa ra, lặng lẽ.

Mãi lúc vào giường và nước mắt thấm xuống gối, lạnh một bên má, Nam mới biết rằng mình đã khóc. Bất giác chàng mỉm cười.

Tuy thức khuya, sáng hôm sau Nam vẫn dậy sớm lắm. Dậy sớm là một thói quen của chàng. Vì thế nhiều đêm, như đêm vừa qua, chàng chỉ chợp mắt trong khoảng một hai giờ. Nhưng một hai giờ nghỉ ngơi đã đủ tiêu tán hết mọi nỗi băn khoăn, trằn trọc mà bây giờ Nam chỉ thoáng nhớ qua như người ta nhớ lại một giấc mộng. Sau khi tập thể thao và tắm nước lạnh, Nam càng thấy tâm trí bình thản hơn; một cảm giác khoan khoái, sung sướng chạy dưới làn da mát, trong khi chàng ngồi ăn ngon lành một bữa sáng đầy đủ.

Trước kia, những lúc tâm thần thư thái như thế, bao giờ Nam cũng nghĩ đến vẽ, dù chỉ nghĩ đến mà chẳng làm gì. Và khi chàng đã cầm cái bảng màu trong tay, thì những việc khác quan trọng đến đâu chàng cũng vứt mặc nó.

Nay tính nết Nam đã hơi biến đổi: hội họa không còn chiếm lấy cả tâm hồn chàng nữa. Nó đã cùng tình yêu chia sẻ đời sống của chàng. Không phải trước kia chàng không yêu. Cũng không phải

ngày nay chàng kém ham mê nghệ thuật. Nhưng từ khi yêu Lan, chàng mới cảm thấy những phút rung động ngây ngất, những nỗi mong nhớ bâng khuâng. Đã có lần đương vẽ một bức tranh, Nam nhìn đồng hồ tay và chợt nghĩ đến Lan, vì lúc đó sắp đến giờ có chuyến xe lửa đi Hải Phòng. Thế là chàng xếp giá vẽ vào một xó, dặn qua người nhà và bọn thợ mấy câu, rồi xách va li ra thẳng ga. Chỉ tối hôm ấy chàng đã đi chuyến xe cuối cùng về Hà Nội.

Có lẽ đó không phải là một hành vi của người yêu. Đó là cử chỉ thường có của Nam: chợt nghĩ đến điều gì là ngay lúc ấy làm cho bằng được.

Cũng như chiều hôm trước, khi tiễn Lan trở về, một người bạn trỏ một thiếu nữ đi qua bảo chàng: "Con anh Kế đây! Nó chóng lớn và đẹp quá nhỉ!" Chàng ngây người đứng ngắm quên bẵng ngay Lan mà chàng đương nhớ. Rồi hăm hở chàng lại thăm nhà bạn. Nhưng Kế và Trinh, con gái Kế cùng đi vắng. Chàng tự hứa hôm sau sẽ trở lại một lần nữa. Để không quên, khi về đến nhà chàng biên vào mảnh giấy câu này: "Mai đến chơi Kế". Và lấy ghim đóng lên tường.

Quả nhiên, đương ăn chàng tò mò tìm đọc mảnh giấy trên tường. Tức thì hấp tấp đứng dậy thay quần áo để đến chơi nhà bạn và ngắm lại Trinh mà chàng quen biết từ thủa mới lên hai, lên ba, và mọi ngày chàng thường gặp, nhưng không lưu ý tới.

XI

Đến nơi Nam gặp Kế đương ngồi ở cái phản thấp kê sau hai quả sơn đựng hàng. Những quả ấy đã cũ lắm, cái thì tróc lần sơn đỏ, lộ từng mảng nền đen, cái thì để trơ cả cốt gỗ nhem nhuốc.

Kế đứng dậy mỉm cười ngượng ngùng chào:

– Bonjour anh Nam!

Rồi ngần ngừ không biết tiếp khách ở ngay cái phản bán hàng, hay bỏ hàng, mời khách vào nhà trong. Kế bẽn lẽn nói:

– Tôi sai cháu đi đằng kia một lát, thành thử phải coi hàng hộ nó.

Sự thật thì Kế nhàn rỗi quá, thường ngồi coi hàng cho con, dù con đi vắng hay ở nhà, Nam chữa thẹn cho bạn, đáp:

– Coi hàng hộ các cháu cũng đỡ buồn. Thôi, anh cứ để tôi ngồi chơi ngay đây cũng được.

Kế giọng rụt rè:

– Ấy!... Mời anh vào... trong nhà.

Nhưng giữa lúc ấy một người đàn bà quê đứng lại hỏi:

– Ở đây ông có bán miến không?

Kế đáp, mắt liếc nhìn Nam:

– Có.

– Vậy cho tôi mua một cân.

Trong khi hai người định đoạt giá cả, Nam lẳng lặng ngắm nghía trong những quả sơn đậy lồng bàn thép lác đác thủng một vài chỗ những đống đường cát cao có ngọn, trên đó mấy con ong mật thong dong bò lên bò xuống: chàng tưởng ngay tới những người Mèo đeo lẵng thoăn thoắt trên sườn đồi cỏ cháy. Bên cạnh là những quả đựng nấm, mộc nhĩ, măng, bóng, vây, mực, với những màu chen lộn hay hay. Chàng chỉ để ý tới màu: màu mực loãng của mộc nhĩ, màu nâu khác nhau của măng và nấm, màu nâu Vandick của mực khô, màu bạc cũ của những quả mứt hồng rắc bột.

Quên rằng bạn đang bận bán hàng, Nam cười, hỏi:

– Anh bán cả tranh?

Kế cũng cười đáp.

– Không, cháu nó treo lên đấy.

Đó là những bức tranh sơn mà Kế đã trưng bày hai ba lần tại phòng triển lãm của hội Mỹ thuật và Công nghệ.

Chờ người đàn bà ra rồi, Nam hỏi cho có chuyện:

– Lâu nay anh có tác phẩm nào khá không?

– Anh tính còn vẽ vời gì nữa, những bận...

Kế chưa nói dứt câu thì người đàn bà quê đã trở lại:

– Hai hào sáu đấy, ông có bán, tôi lấy hai cân.

Không được đâu, bà mua đâu được hai hào sáu thì tôi xin biếu không.

Đó là câu ngày xưa vợ Kế và ngày nay con gái Kế luôn miệng đáp lại khách mua hàng. Nó đã sau gần hai mươi lăm năm, khắc sâu vào trực giác của chàng, khiến mỗi khi chàng ngồi coi hàng

giúp con gái và gặp người mua trả hạ thì chàng lại thốt nhiên nnắc tới như đọc một câu thuộc lòng.

– Thôi, hai hào bảy, nhất định hai hào bảy. Tôi không trả hơn một trinh nào nữa.

Vừa nói người kia vừa làm bộ bước đi vội vàng. Kế gọi:

– Này hai hào tám đấy.

Thấy người nhà quê vẫn lùi lũi đi, không quay lại, Kế chạy ra hè, và hầu như gào thét;

– Này, lại mà lấy!

Đó cũng là một dáng bộ và một câu nói đã có do thói quen. Mãi lúc bán xong hàng và khách hàng đi khỏi, Kế mới kịp suy nghĩ và lấy làm thẹn với bạn. Chàng cười ngượng nghịu bảo Nam:

– Khổ quá! Mỗi lần cháu đi vắng...

Nam ngắt lời hỏi:

– Chị Trinh phải không?

– Phải, còn cháu Thục thì đi học.

Rồi đổi sang chuyện khác, Kế hỏi Nam:

– Nghe nói độ này anh phát tài lắm...

– Có gì mà phát tài?... Buôn bán như anh thì mới phát tài được chứ.

– Anh nhận được nhiều "com măng" lắm cơ mà!

– Cũng khá, nhưng có lời lãi gì mấy đâu! Chẳng qua chỉ nhận làm cho đỡ buồn; cũng như anh bán hàng đồ nấu cho đỡ buồn đấy mà!

Kế bẽn lẽn cười, hỏi lảng:

– Anh sắp có tin mừng phải không?

– Vâng... nhưng cũng còn lâu.

Kế cười:

– Thôi mau lên cho chúng tôi ăn cỗ. Anh coi, tôi hơn anh... có lẽ chỉ ba bốn tuổi thôi mà... một đàn sáu con... Còn anh... gần nửa đời người rồi, mà vẫn chưa vợ. Không biết xấu hổ!

Dứt lời, Kế khoái trí, nhe lợi cười ha hả. Nam mơ mộng hồi tưởng đến thời học trường Bảo hộ. Và chàng tư lự bảo bạn:

– Chóng thực nhỉ! Mới ngày nào Trinh còn khóc i ỉ cả ngày. Thế mà nay đã là một thiếu nữ.

– Cháu mười tám rồi đấy, anh ạ. Đừng tưởng cháu còn bé.

– Không. Nam không hề tưởng Trinh còn bé, và mới hôm qua gặp Trinh, chàng đã không thể làm ngơ không ngắm nghía cái thân hình nở nang và cái dung nhan tươi tắn của Trinh. Kế nói luôn như kể lể:

– Con Thục mười sáu, thằng Cần mười lăm, con Thanh mười bốn, con Thiện mười ba và con Phượng mười hai. Mợ cháu sinh cháu Phượng được ba tháng thì mất.

Nam như thấy hiện ra người đàn bà xinh đẹp, đảm đang và oai quyền. Cả một quãng thời kỳ vãng của chàng như vụt sống lại.

Thời ấy, khi Nam bắt đầu quen biết Kế thì Kế đã có hai con gái đầu lòng và đương học lại năm thứ tư. Chủ nhật Nam ra phố thường đến chơi nhà Kế. Và mỗi lần chàng đứng lại trước cửa hàng, ngập ngừng bẽn lẽn hỏi: "Có phải nhà anh Kế ở đây không ạ?" Thì bao giờ cũng theo liền câu trả lời của người đàn bà xinh đẹp ngồi trên phản và hầu bị che lấp hẳn ở giữa đám quả đầy hàng ngổn ngang: "Phải đấy ạ, nhà tôi ở trên gác, mời ông lên chơi". Về sau người đàn bà không để Nam kịp hỏi nữa, nói ngay khi nhác thấy ông khách trẻ đến: "Nhà tôi ở trên gác, mời ông lên chơi".

Rồi trong lúc Nam bước lên thang, tiếng người đàn bà sang sảng gọi đầy tớ: "Nhỏ có khách, đun nước mau lên!".

Ngày nay lờ mờ nhớ lại, Nam không biết mình năng ra chơi với Kế là vì đã bị cặp mắt nhung của vợ bạn thôi miên, hay vì quá yêu cái tài hội họa của Kế. Có lẽ vì cả hai.

Kế rất sớm có khiếu hội họa. Ngay thời còn học năm thứ nhất, chàng đã vẽ những bức già dặn hoặc bằng mực tàu hoặc bằng các màu rẻ tiền, và tuần lễ nào tranh của chàng cũng được trưng bày trong lớp. Chàng lấy thế làm hãnh diện đối với các anh em bạn học.

Tài hội họa của chàng mỗi ngày một tiến, nhất là chàng lại được ông giáo dốc lòng dạy bảo.

Đến năm thứ tư thì chàng vẽ sơn thành thạo, và được mấy ông họa sĩ nổi tiếng thời bấy giờ tìm đến làm quen. Có lẽ cũng vì quá chuyên theo môn hội họa mà Kế đã rớt bằng thành chung liền hai năm.

Mỗi lần thi trượt, chàng lại bị vợ trách móc về cái tính lười biếng và cái tội ham mê vẽ tranh. Lần hỏng thi thứ hai, nàng cầm dao rạch ngang một bức tranh sơn của Kế, bức họa cảnh mặt trời lặn trên bãi biển mà Kế rất thích và vẫn treo ngay bên bàn học. Nhưng năm ấy chàng nhận được một chút an ủi: trong nhiều bức tranh chàng gửi đi "đấu xảo" hội chợ, một bức được tặng lời khen.

Nam phục tài Kế lắm. Nhiều lần chàng nhịn thở đứng ngắm tay bạn nhanh nhẹn, mềm mại và thuộc lòng đưa ngòi bút lông chấm màu trên giấy trắng. Chỉ thoăn thoắt một lúc đã xong một bức thủy họa rất tinh vi. Kế không phải là thầy dạy vẽ Nam, nhưng chính nhờ chàng mà Nam đã làm quen rồi ham thích hội họa. Vì thế, nay đối với Kế, Nam vẫn có cảm tình đặc biệt tuy không ưa những tác phẩm khéo tay và đẹp đẽ của Kế.

Nam đậu thành chung rồi, vẫn còn thấy Kế tiếc rẻ theo đuổi thi cử và vẽ tranh ở cái gác hẹp trên cửa hàng bán đồ nấu của người vợ kém nhan sắc vì đã sinh nở nhiều lần; kém cả vẻ dễ dàng, ngoan ngoãn, hiền từ đối với chồng con.

Bẵng đi ít lâu. Nam gặp lại Kế ở trường Mỹ thuật. Kế khoe với bạn rằng hai năm trước chàng thi vào đỗ đầu. Nhưng cái khéo léo của Kế hình như đã già cỗi như cái thân thể già cỗi của Kế, nên đều đều mỗi năm Kế thụt xuống một bậc cho tới năm thi ra Kế đậu cuối bảng.

Kế ở trường Cao đẳng Mỹ thuật ra với một nghệ thuật cao quý trong tay, và trên vai một gánh gia đình nặng trĩu. Ba năm trước vợ chàng đã từ trần để lại cho chàng sáu đứa con và một cái cửa hàng nhỏ. Trong tình cảnh ấy, Kế theo học được cho tới khi tốt nghiệp kể cũng đã can đảm lắm rồi, còn tâm lực nào tìm tòi về nghệ thuật? Vì thế, khi chàng từ giã trường về nhà, mẹ vợ chàng giao trả lại chàng cái cửa hàng bụi bậm, chàng lặng lẽ nhận lấy vậy.

Từ hôm ấy chàng thản nhiên ngồi trông coi cho vú già bán bóng, mực, miến, đường để chờ con gái lớn lên trông coi thay mình và để đợi nha học chính bổ mình vào một chức giáo sư ở một trường nào đó.

Còn vẽ? Thời giờ đâu mà vẽ? Mấy bức tranh sơn họa khi hãy còn theo học năm thứ năm, thỉnh thoảng Kế lại đem trưng bày tại phòng triển lãm, nhưng mãi chẳng ai chịu mua cho, nên nay cô con gái đem treo cả lên bức tường ván ngăn cửa hàng với gian nhà trong.

Nam lơ đãng ngắm tranh, và cái đời buồn tẻ của người bạn lần lần vẽ ra trên bức tranh tưởng tượng. Đó là một đời nghệ sĩ? Không, đó chỉ là một đời, một đời tầm thường nữa. Có một gia đình đông đúc mà người ta phải làm việc vất vả để nuôi sống thì người ta còn mơ tưởng theo đuổi nghệ thuật sao được?

Nam âm thầm lo lắng. Bao lâu nay chàng đã tận tụy hy sinh cho nghệ thuật. Nhưng liệu sau này chàng có thể, chàng còn quyền hy sinh mãi như thế không? Biết đâu năm sáu năm sau khi cưới, chàng lại không có một đàn con như Kế? Vậy lúc đó cái nghệ thuật thuần túy có khỏi đi ngược với bổn phận người chồng, người cha không?

Một cái xe kéo đỗ trước cửa hàng. Trinh bước xuống tha thướt đi vào. Một chút tia sáng chiếu vào tâm hồn ủ dột của Nam. Và chàng quên hẳn cái đời buồn tẻ và cái gia đình đông con của bạn. Chàng chỉ thấy hiện tại và tương lai đẹp rực rỡ, đẹp êm đềm. Và chàng hy vọng...

Tiếng Kế như đánh thức chàng:

– Trinh không chào bác à?

Trinh chắp tay ngả đầu:

– Lạy bác ạ.

– Tôi không dám.

Nam nhìn Trinh nghĩ thầm: "Nếu Trinh chào mình là chú như Lan..."

Lần đầu Nam ngắm nghía kỹ thân thể và dung nhan Trinh. Và chàng nói đùa:

– Chị về bán hàng cho cậu chẳng cậu chả biết đằng nào mà lần.

Kế mỉm cười, cái mỉm cười tự hào có cô con gái đẹp:

– Bác trông, có phải cháu giống mợ cháu không?

Rồi không chờ câu trả lời của bạn. Kế hỏi luôn con:

– Các em đi học chưa về à?

– Thưa cậu, chưa ạ.

Chàng quay lại như phân trần với Nam:

– Năm con đi học anh tính...

Câu chuyện trở nên vớ vẩn, nhạt nhẽo, Nam cảm thấy

ngường ngượng. Chàng liền bắt tay bạn, rồi không quay lại nhìn Trinh, chàng trở về.

XII

Hình ảnh Trinh phảng phất luôn mấy hôm trong trí Nam; và hiện lên mặt giấy trong đủ các kiểu, nào phía mặt, nào phía miệng, nào cười mỉm, nào cười hở hàm răng... Nam đã vẽ gần đầy một quyển sổ tay toàn dung nhan người thiếu nữ ấy. Và sáng hôm nay chàng dự định đến xin phép Kế họa một bức tranh Trinh ngồi bán hàng đồ nấu. Đó sẽ là một bức tranh.

Nam lấy hộp bút chì và vạch phác qua những màu khác nhau của các thứ bày bán. Và chàng muốn đến ngay nhà Kế để ngắm lại gian hàng chật hẹp. Bây giờ nghĩ đến màu sắc, chàng lại bị cái thú hội họa chiếm lấy cả tâm hồn; chàng không nhớ tới Trinh nữa. Chàng chỉ nghĩ đến những nét nhịp nhàng và giản dị của thân thể nàng trong những nét lộn xộn, bộn bề của cảnh vật: màu vàng của chiếc áo nàng sẽ mặc, nổi bật lên trong các màu nâu sẫm, nhạt chung quanh.

"Chỉ sợ Kế không cho phép hay Trinh không chịu ngồi làm kiểu mẫu!" Nam thầm đáp ngay ý tưởng ấy: "Chả có lý nào Kế lại không cho phép! Đối với các nghệ sĩ thì ngồi làm kiểu mẫu là một sự rất thường. Vả lại có mất danh mất giá gì đâu mà sợ!" Nam mỉm cười nghĩ tiếp: "Còn như về phần Trinh thì có lẽ mình không cần lo xa quá. Cô con gái nhất lại là cô con gái xinh đẹp của một họa sĩ chẳng khi nào sợ ngồi làm kiểu mẫu! Với lại phụ nữ An Nam ngày nay đã tiến lắm rồi. Họ cho là một danh dự, một hãnh diện được họa sĩ cầu cạnh đến xin vẽ hình". Trước mắt Nam như xếp hàng một dãy gần chục bức họa các vợ bạn hay những đàn bà chỉ quen biết xoàng. Những bản khác chàng thận trọng cất cả ở nơi ngăn tủ khóa và đã nhiều lần dùng làm nhân vật tranh lụa và bình phong sơn của chàng. Đối với chàng, đó chỉ là những màu và nét ăn nhịp với nhiều màu và nét khác trong một tác phẩm.

"Kiểu mẫu! Thì mình thiếu gì kiểu mẫu – Nam tự phụ nghĩ thầm, – những kiểu mẫu cao quý xinh đẹp nữa!" Thốt nhiên chàng nhớ thời một thiếu phụ do người bạn giới thiệu với chàng: Đó là một

bức tiếu tượng thứ nhất mà chàng đã bỏ dở, vì thấy người thiếu phụ lẳng lơ yêu mình một cách quá sỗ sàng. Chiều hôm ấy chàng đến chơi với chồng thiếu phụ, một công chức trẻ tuổi và giàu có – Thiếu phụ ra tiếp cười cợt đáp: "Thưa anh nhà tôi đi vắng". Lần đầu Nam nghe thiếu phụ gọi mình là "anh", nhưng chàng cũng không lấy làm lạ, vì theo cách xã giao mới, người ta kêu nhau bằng "anh" và "chị" như thế là thường. Nhưng khi Nam chào để về thì người đàn bà khóa ngay cửa lại và chớt nhả bảo chàng: "Nhất định tôi không để anh đi đâu. Nhà tôi sắp về rồi!" Nam phải nghiêm lời nói giữ vẻ mặt lạnh lùng mới thoát được người thiếu phụ ngỗ ngược. Không phải vì chàng nhút nhát hay quá đạo đức, nhưng vì trong một phút khó chịu, chàng thấy cái đẹp hình thể của người đàn bà bỗng trở nên tầm thường và thô lỗ nữa.

Người ấy làm Nam ngấy vẽ tiếu tượng mất mấy tháng, cho tới ngày gặp bà Trâm, một nhan sắc lộng lẫy và lãnh đạm "một pho tượng cẩm thạch" theo ý nghĩ Nam. Nam phác không biết bao nhiêu bức về người đàn bà thời ấy chàng cho là đẹp nhất Hà thành.

Nghĩ đến cái hình dung từ "đẹp nhất Hà thành" Nam mỉm cười. Và những người đẹp Hà thành mà chàng gặp, ai chàng cũng có thể cho là đẹp nhất được kể cả Trinh, và chàng cũng có thể cho là không đẹp một chút nào được, kể cả Trinh: cái đó cũng tùy từng lúc.

Như lúc này thì Nam vẫn còn thấy Trinh đẹp. Và chàng vẫn đương ao ước được vẽ ngay bức lụa "Trinh với cửa hàng đồ nấu". "Bức tranh ở ngay trước mắt, mà Kế không nhận thấy!" Nam nghĩ thầm và chàng lấy làm lạ rằng chưa một lần nào Kế đã dùng con gái làm kiểu mẫu. Nhưng chàng bật cười lên tiếng, nghĩ tiếp "Thì anh chàng có còn vẽ bao giờ đâu mà cần đến người mẫu!"

Nam thấy Kế trái ngược hẳn với Hoành Sơn, Hoành Sơn thì đã mười mấy năm nay vẽ đi vẽ lại mãi ba người trong hàng trăm hàng ngàn bức tranh lụa – Chàng chỉ có toàn tranh. Ba người ấy là vợ chàng, con gái chàng, và đứa ở gái của chàng. Buổi đầu vợ chàng là một thiếu phụ khoảng ba mươi tuổi, người bé nhỏ tròn trĩnh, mặt bầu bĩnh ngây thơ. Vì thế bao nhiêu nhân vật trong tác phẩm của chàng đều có tấm thân bé nhỏ, tròn trĩnh, và vẻ bầu bĩnh, ngây thơ. Có lẽ đó là một nguyên nhân sự đắc thắng của Hoành Sơn. Trong bức tranh lụa ít nét và có toàn các màu nâu nhũn nhặn của họa sĩ, cái dung nhan thật thà, như đặt đúng chỗ. Người ta tưởng đó là một sự

dụng ý của họa sĩ nhưng đó chỉ là một sự ngẫu nhiên, may mắn. Nam tin chắc là thế, vì cũng tin chắc rằng có khi thiên tài cũng chỉ là một sự ngẫu nhiên, mặc dầu phần nhiều những đại tài đều là kết quả của suy xét, của tìm tòi khó nhọc trong bao năm.

Hoành Sơn không hề tìm tòi. Đương là một họa sĩ vô tài, Hoành Sơn nhảy vọt lên bậc họa sĩ đại tài. Đương mờ mịt ở trong xó tối, bất thình lình, Hoành Sơn nổi tiếng ầm ỹ ở bên Pháp, ở bên ta. Cái tiếng lừng lẫy ấy, Hoành Sơn đã không phải cố gắng ham muốn để được nó. Nó đã ngẫu nhiên, may mắn đến với chàng.

Nam cũng không rõ vì sao Hoành Sơn lại xin và được vào học trường Mỹ thuật, chàng là một người ít nghệ thuật nhất trường. Một tối Nam đã đi nghe một nhà hội họa Tàu diễn thuyết về nghệ thuật. Chàng cười mãi và chàng bảo Ngọc, bạn chàng;

– Đó là nghệ thuật theo lối anh Hoành Sơn: "Nghệ thuật Tàu".

Mà nói cho đúng – đó lại là một sự ngẫu nhiên và may mắn trong đời nghệ sĩ của Hoành Sơn – Hoành Sơn được vào trường Mỹ thuật cũng là nhờ cái nghệ thuật Tàu của chàng. Ông giám đốc thấy bốn bức vẽ trong cái kiểu bình phong dự thi của chàng, nét chấm phá hay hay và già dặn nữa nên lấy thêm chàng vào học dù bức vẽ tả sinh của chàng sai lầm và vụng về.

Vụng về, đó là một bản tính kiên cố của Hoành Sơn. Vụng về hoàn toàn, vụng về từ người, từ đi đứng, từ lời ăn tiếng nói, từ lối trang điểm, từ cách xử thế cho chí cái nghệ thuật vụng về của chàng.

Trước kia chàng dạy học tại một trường hương thôn. Chàng sống ở đó một đời yên ổn, thẳng thắn, xa những ý muốn, những mơ ước cao xa. Chàng chỉ có một sở thích và chàng tự phụ là một sở trường: vẽ chấm phá những bức tứ bình. Trong lớp học, trong nhà riêng của chàng người ta thấy treo nhan nhản những "phong cảnh", những "cánh hồng con bướm", những "lan, mai, cúc, trúc" đóng khung sơ sài bằng khung tre.

Một hôm, một người bạn xa đến chơi, ngắm nghía và khen ngợi những bức tranh của chàng. Rồi thân mật bảo rằng:

– Anh nên chuyên nghề vẽ. Nghe nói ở Hà Nội sắp mở trường Mỹ thuật, sao anh không làm giấy xin vào học?

Hoành Sơn cười, vì tính hồn nhiên của chàng cho rằng vẽ là một thú chơi của những người phong nhã. Vẽ cũng là một bài thơ

hay đánh một ván cờ! Làm gì mà phải cắp sách đi học như lũ trẻ con? Nhưng khi người bạn nói cho chàng và vợ chàng biết rằng chàng sẽ trở thành một giáo sư lương tháng trên trăm bạc và nhất là trong mấy năm học tập, lương chàng còn to hơn lương một ông hương sư. Chàng thích chí cười ha hả bảo vợ:

– Thế thì tôi tội gì mà không xin đi học! Ăn lương để ngồi vẽ hoài vẽ hủy thì còn gì sung sướng hơn?

Thế là chàng đệ đơn xin vào trường Mỹ thuật.

Trong bốn năm học tập, vụng về của chàng không tiến, mà cũng không lui. Bị anh em trêu ghẹo, chàng chỉ cười – cái người ngây thơ càng vụng về. Thỉnh thoảng có lúc bỗng dưng chàng phát khùng và vung ra đủ hết lời cáu kỉnh, lỗ mãng. Nhưng so với cái vụng về trong tranh, thì những cái vụng về trong ngôn ngữ, cử chỉ không đáng kể. Hoành Sơn là một họa sĩ chưa vẽ cái gì đúng kiểu bao giờ. Mỗi lần ông giáo đi qua chỗ chàng là ông ta phải kêu: "Trời ơi! Trời ơi!". Trước kia ông ta cũng có dừng lại bảo ban nhiều lời, nhưng sau thấy dạy bảo nhiều cũng vô ích, nên từ đó ông ta chỉ kêu: "Trời ơi!", hoặc chỉ lặng thinh bước qua không dám ngó tới tác phẩm của chàng.

Nhưng Hoành Sơn vẫn năm năm lên lớp. Được thế là nhờ sự chăm chỉ, cần cù hơn là nhờ tài năng. Hoành Sơn không vắng mặt một buổi học nào, không bỏ dở một bức tranh nào, thế thôi. So với cái tính lười biếng tự nhiên của các họa sĩ thì đó là một tính rất tốt mà ông giám đốc phải lưu ý tới. Nhưng không phải vì thế mà ông này yêu mến Hoành Sơn. Trái lại ông là một kẻ thù tàn nhẫn của chàng. Mỗi buổi dạy vẽ sơn của ông, ông lại tìm ra được những tiếng độc địa mới mẻ để bình phẩm cái vụng về của người học trò hiền lành.

Rồi năm cuối cùng ông buồn rầu bảo Hoành Sơn: "Anh mà vẽ sơn thì thực ở đời không còn một sự gì mỉa mai hơn nữa. Tôi nói thế cũng khí tàn ác đối với anh đấy, nhưng sự thực là như thế, còn biết làm sao! Chẳng lẽ tôi lại khuyên anh thôi học. Công anh theo đuổi gần năm năm rồi. Nhưng tôi không hiểu tại sao lại lấy anh vào... Tôi thử tìm một ngành mới cho cái tài của anh xem, nếu quả thực anh còn có thể có được chút tài nào. Đây này, nhà trường đương nghiên cứu tìm tòi về sơn An Nam và tranh lụa Tàu. Anh thử vẽ tranh lụa xem, và trước hết anh học cách bồi lụa của người Tàu xem. Tôi để riêng anh về ngành ấy, anh tha hồ nghiên cứu. Và tôi xin anh từ nay lánh xa hẳn tranh sơn dầu"...

Hoành Sơn vâng lời, hì hục làm việc. Trước kia chàng có ở gần một họa sĩ Tàu và đã thường ngắm họ bồi và vẽ tranh lụa. Nay chàng cũng cứ thế làm theo. Rồi một hôm chàng đem mấy tác phẩm đầu tiên trình ông giám đốc. Vừa nhác thấy, ông này trợn mắt kêu:

– Trời ơi! Trời ơi!

Hoành Sơn lo sợ, nhưng không can đảm chờ nhận những lời mỉa mai cay nghiệt của ông thầy. Chàng kinh ngạc biết bao khi ông giám đốc tiếp luôn:

– Trời ơi! Không ngờ! Thực không ngờ! Anh Hoành Sơn, anh đã sáng tạo ra tranh lụa ở trường Mỹ thuật rồi đây, cũng như tôi đã sáng tạo ra anh, anh đã biết chưa? Những cái ngây thơ, ngớ ngẩn, hời hợt, nông nổi của anh mãi nay mới đặt vào đúng khung! Trời ơi! Thực không ngờ!

Hoành Sơn tưởng mình chiêm bao. Có thể tin được rằng đó là sự thực không? Cụ Đốc khen mình! Và chàng cũng kêu: "Trời ơi!" khiến các anh xúm lại đứng xem tranh của chàng đều phá lên cười. Ông giám đốc tưởng bọn họ chế nhạo Hoành Sơn, liền gắt:

– Các anh cười à? Các anh phải biết không một ai trong các anh sẽ theo kịp Hoành Sơn. Đó là một thiên tài mà mãi nay tôi mới tìm ra. Tôi vẫn thường bảo các anh rằng vẽ sơn dù các anh có tài đi nữa cũng chỉ trở nên một họa sĩ trung bình bên Pháp, chứ vẽ tranh lụa hay tranh sơn An Nam, các anh sẽ có thể nổi tiếng lừng lẫy ở Á Đông và hoàn cầu nữa.

Sự thực, năm sau Hoành Sơn nổi tiếng ở bên Pháp. Ông giám đốc gửi tranh của chàng sang Pháp trưng bày ở các phòng triển lãm, và được các nhà thẩm mỹ rất chú ý tới. Một tờ họa báo lớn viết bài phê bình ca tụng và in màu những bức tranh lụa của Hoành Sơn. Vì thế, tác phẩm của Hoành Sơn bán rất chạy, rất đắt, và vì thế, sau có vài năm, họa sĩ đã dễ dàng kiếm được một món tiền dăm vạn.

Nhưng hình như cái sính chơi tranh lụa An Nam chỉ có một thời ở Âu – Mỹ. Rồi người ta thấy chán. Và tác phẩm của Hoành Sơn đọng lại. Dẫu sao chàng cũng đã tậu ở quê nhà được hơn trăm mẫu ruộng. Và nay chàng có thể chỉ coi nghề vẽ là một thứ tiêu khiển như ngày xưa, khi chàng còn dạy học và vẽ những bức tranh thủy mạc treo tường.

Tưởng thế là lầm, Hoành Sơn đã có một thú khác, mãnh liệt

hơn cái thú hội họa: Thú tậu ruộng. Vì thế chàng vẫn chăm vẽ và năm nào chàng vẫn có riêng một phòng triển lãm để bán tranh. Nay giá tranh tuy không cao nhưng tiếng chàng vẫn còn, và tranh chàng bán vẫn chạy. Nghệ thuật của chàng có tiếng hay không, có lẽ chàng cũng chẳng cần nghĩ tới. Vả cái quan niệm về nghệ thuật của chàng, người ta thấy lờ mờ lắm.

Nhưng chàng vẽ. Và chàng vẽ như con chim hót, như con bướm bay, như hoa hồng nở, và như vợ chàng đẻ. Vì vợ chàng rất mắn, liền liền năm một hay ba năm hai. Ngày nay chàng có một gia đình khá đông: ba trai và năm gái. Đó, cũng như vợ chàng, toàn là những nhân vật trong tranh lụa của chàng. Trong tranh, dung nhan và thân thể người đàn bà đã biến đổi. Tuy không có nết nhăn trên trán nhưng đôi mắt, cặp môi đã kém ngây thơ, tầm vóc đã mất mảnh dẻ, dáng bộ nhiễm đầy vẻ nặng nề, chậm chạp, dù người kiểu mẫu vận quê hay vận tân thời. Nhưng "vai chính" nay đã có con gái lớn của chàng kế chân, và cũng đóng được đầy đủ như vợ chàng thuở trước.

"Một gia đình họa sĩ! Một gia đình nghệ sĩ!" Nam mỉm cười nghĩ thế. Và chàng trang nghiêm nghĩ tiếp: "Ừ! Sao người ta lại không có thể cứ theo đuổi nghệ thuật khi người ta có một gia đình đông con?" Chàng tưởng tượng vợ Hoành Sơn ra một người đàn bà siêng năng, cần cù, trông coi hết các việc tề gia để mặc chồng miệt mài với hội họa. "Như thế có lẽ nghệ sĩ lại được rảnh rang và yên ổn hơn là sống một đời cô đơn và phóng đãng để hình chất và tinh thần tiêu tán trong những đêm chơi bời quá độ".

Tự nhiên Nam vui và sung sướng. Và chàng nghĩ đến Lan với tất cả vẻ tươi đẹp, trí thông minh và tính thuần thục của người vợ chưa cưới.

XIII

Nam cảm thấy tương lai của mình sáng và rõ mãi ra. Trong luôn mấy tuần lễ, chàng xếp đặt nó trong nhiều cảnh thân mật, ấm áp. Chàng không muốn những cảnh ấy chỉ thành hình trong tưởng tượng. Chàng muốn nó thực hiện ngay. Vì thế trong bốn hôm liền chàng phác họa các kiểu phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách và những đồ đạc cần thiết, trang hoàng cái tổ uyên ương sau này. Chàng

nghĩ cả sửa chữa một vài chỗ ở cái nhà đương thuê, cho bớt vẻ cũ kỹ, cho được hợp với cái tuổi trẻ của Lan, và cái tình mới mẻ, đẹp đẽ của cặp vợ chồng trong thời kỳ mật nguyệt.

Ý tưởng ấy chợt làm chàng hơi buồn. Chàng thấy Lan trẻ quá. Chàng thừa biết rằng ở Âu châu, một người đàn ông băm nhăm, một thiếu nữ mười tám là vừa đôi lắm. Nhưng ở nước Nam? Chàng đoán nghe thấy những tiếng thì thào chung quanh Lan trong đám bạn gái của Lan và nhất là trong bọn thanh niên bạn chàng khi họ thấy Lan đẹp và sắp về tay một người. Đành rằng đó là những lời ghen ghét, tức tối. Song đó không hẳn chỉ là những lời bịa đặt để gièm pha.

Chàng nhớ một lần chàng nóng mặt lên và khổ sở nữa vì một câu có lẽ vô tình của một thiếu nữ. Hôm ấy Lan và chàng đến chơi một người bạn gái của Lan. Người này thấy Lan và chàng bước vào liền vỗ tay reo, rồi gọi mẹ: "Mẹ ơi! Kìa chị Lan chị ấy dẫn ông lão của chị ấy đến chơi đó". Tiếng ông lão chỉ có nghĩa là chồng, mà bọn phụ nữ ngày nay vẫn dùng một cách thẳng thắn, không ngụ chút mỉa mai, chế nhạo. Nhưng tự nhiên Nam thấy ngượng, và lúc về, chàng thân mật bảo Lan: "Có phải anh già quá rồi phải không Lan?" Lan cười đáp: "Anh lẩn thẩn lắm! Lần này không biết là lần thứ mấy anh nói với em câu ấy. Anh còn nói nữa thì em giận đấy, giận thật đấy"?

Hôm nay chàng nghĩ lại câu chuyện, cái cảm giác buồn vẫn còn phảng phất trong lòng chàng, tuy chàng biết chắc rằng chàng không già, rằng trái lại thế, không bao giờ chàng trẻ bằng, sung sức bằng hồi này, không bao giờ bằng hồi này chàng thấy cần phải sống đầy đủ, sống bồng bột, sống hết cả thể chất và tinh thần.

Bỗng Nam bật cười, và chàng cười mãi làm mấy người thợ đương mài một bản gỗ sơn ngừng tay liếc nhìn nhau. Họ chẳng lạ gì tính nết ngộ nghĩnh của Nam, có lúc cau có khó chịu, có lúc rất dễ dãi, vui vẻ, có lúc ca hát và cười ầm ỹ như một người điên. Một người thợ trẻ vẫn được Nam biệt đãi vì thông minh và học thức, suồng sã hỏi chàng:

– Ông có điều gì thú thế?

Nam đứng chống tay hai bên sườn, hỏi:

– Anh Vinh, anh trông hộ tôi, xem tôi có già không?

Vinh cười và cả bọn cười theo:

– Thưa ông, ông già gì mà già! Đương tuổi xuân.

– Xuân! Tôi băm lăm rồi đấy!

Một người tỏ kinh ngạc:

– Băm lăm! Tôi cứ tưởng ông chỉ độ hăm bảy hăm tám là cùng.

Vinh tiếp:

– Nhưng thưa ông, băm lăm là tuổi đương xuân của đàn ông.

Nam vẻ mặt ngây thơ:

– Thế à? Vậy anh nên đến chơi thi sĩ Thanh Phong mà bảo cho anh chàng biết thế. Tôi bỗng bật cười chính là vì tôi nhớ đến Thanh Phong.

Thi sĩ Thanh Phong là bạn Nam. Năm nay chàng chỉ vào khoảng ba mươi, và tuy hơi gầy, nét mặt chàng rất nhanh nhẹn, đẹp đẽ, trai trẻ, nhất Thanh Phong lại là người biết điểm trang. Xưa nay chàng vẫn yên trí và tin rằng mình trẻ hơn tuổi. Nhưng một hôm thi sĩ viết bài phê bình thơ chàng đã tuyên bố rằng chàng là một anh già khọm.

Từ đó hai thi sĩ trở nên kẻ thù lớn của nhau.

Cũng từ đó Thanh Phong ngờ rằng mình già, chứ không còn trẻ như mình tưởng. Rồi soi gương ngắm nghía, chàng thấy chàng già thực. Chàng lo lắng, buồn phiền, chán nản cho hiện tại và tương lai của chàng.

Người ta đồn rằng Thanh Phong được nhiều thiếu nữ yêu, và đó là nguyên nhân ghen ghét của Trường Giang, tự phụ trẻ trai hơn, xinh trai hơn và có tài hơn. Sự thực, Trường Giang trẻ lắm, vì chàng vừa tốt nghiệp trường trung học. Còn chàng có xinh trai hơn Thanh Phong với cái dáng điệu mơ mộng, với đôi kính trắng cận thị của chàng không, thì điều đó rất khó biết, mà ít ai để ý tới nhưng một điều chắc chắn, là chàng không có duyên bằng Thanh Phong, và cố nhiên, cũng không đắc thắng dễ dàng như Thanh Phong ở trong các khách thính của phái đẹp.

Có nhiều người lại cho nguyên nhân sự thù ghét của hai thi sĩ là ở sự đắc thắng về thi ca hơn là về ái tình: Thanh Phong chỉ có viết có một tập thơ mà tiếng tăm lừng lẫy, lừng lẫy nhất trong đám phụ nữ tân tiến. Trái lại Trường Giang đã xuất bản tới tập thơ thứ tư, tuy chàng chưa đầy hai mươi tuổi, thế mà danh tài vẫn còn lu mờ. Thời ấy, Trường Giang và tất cả những thi sĩ khác đều như bị cái bóng lớn

của Thanh Phong che khuất. Lòng tự ái đã đưa Trường Giang tới chỗ hằn học thù ghét. Và chàng đứng giấu tên viết nhiều bài phê bình thơ của Thanh Phong bằng những lời nghiêm khắc, mạt sát. Làm thế chàng vẫn chưa hả giận. Chàng còn gán cho cừu địch cái hình dung từ "anh khọm già" để nêu câu chuyện đàm tiếu trong đám phụ nữ trẻ đẹp. Không biết Trường Giang có là một thi sĩ đại tài và một nhà phê bình đứng đắn hay không, nhưng chàng tỏ ra là một nhà tâm lý khá sâu sắc: Chàng đã đánh đúng vào chỗ yếu của bên địch. Vì từ ngày bị nhát thương lòng, Thanh Phong buồn phiền không làm thơ nữa. Có lẽ, chàng nghĩ thầm: "Mình già thực rồi, còn ca hát cái trẻ, cái đẹp sao được?"

Nam ôn lại câu chuyện, và tự nhiên chàng cảm thấy buồn, chàng bỏ dở kiểu "đi văng" đương vẽ, ra hiên đứng tỳ lan can như để chờ đợi ai, lòng băn khoăn mong ngóng. Giữa lúc ấy Lan tới, khiến chàng kinh ngạc. Chàng chạy vội ra mở cổng đón tiếp:

– Lạ quá, Lan ạ, như có tâm linh báo cho anh biết rằng em tới vào giờ này.

Lan cười đáp:

– Thế thì tâm linh của anh cũng khá lắm đấy... Nhưng hình như thường thường em về thăm anh vào giờ này nên tâm linh của anh cũng đã quen đi rồi.

Nam chợt nghĩ ra:

– Thì ra thế! Phải, chính thế. Hôm nào cũng cứ đến giờ này là anh lại nhớ Lan. Lan tâm lý lắm nhỉ!... Tâm linh chỉ là một thói quen.

– Thực ra thì tâm linh không thể là một thói quen, cũng như em không thể giỏi khoa tâm lý được. Sở dĩ em đoán được thế là vì ngồi trên xe lửa em mong chóng gặp mặt anh, và em tự bảo thầm: "Chắc anh cũng đương mong gặp em và ao ước rằng em sẽ về chuyến xe này như mọi lần". Nhưng hình như anh chỉ mong em vào giờ này còn những giờ khác anh mong người khác, phải không?

Nam trả lời bằng một tiếng cười. Bỗng mắt Lan trở nên nghĩ ngợi. Và Lan hấp tấp đi thẳng vào phòng khách mở cửa, nhớn nhác nhìn quanh. Nam tò mò hỏi:

– Em tìm ai?

– Hôm nay anh không vẽ?

Nam thản nhiên đáp:

– Có, anh đương vẽ các kiểu giường và bàn ghế trong phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách của chúng ta sau này.

Chàng lấy tập giấy vẽ đưa cho Lan xem. Nhưng vẻ mặt Lan vẫn ngơ ngác. Và Lan hỏi:

– Lần trước em về gặp anh đương vẽ hình... cô kiểu mẫu. Sao lần này không thấy anh vẽ nữa.

– Anh vẽ xong rồi, xong đã lâu, đồng bạc một buổi, tiền đâu mà thuê mãi được.

– Thế thì may quá!... Vì không phải em ghen, nhưng cô ta ngạo mạn lắm... Sao anh chịu nổi cô ta?

Tiếng ghen Lan nhắc tới, khiến Nam lại như thấy hiện ra cái cảnh tượng kỳ trước, với tất cả những tính tình phức tạp, với tất cả lòng giận dữ của chàng trong mấy hôm. Nhưng chàng tự trấn tĩnh liền, đức tính này chàng chỉ mới có được ít lâu nay. Trước kia, khi chàng đã tức tối điều gì, thì dù đối với những người thương yêu nhất của chàng, chàng cũng thốt hết căm hờn ra.

Chàng vui cười trả lời Lan, nhưng trong khi trả lời chàng không khỏi có một ý nghĩ buồn: "Có lẽ đó là sự nhường nhịn thứ nhất đối với vợ ta trong cái gia đình đương thành lập" và lơ đãng tiếp chuyện Lan, chàng nhớ lại câu nói của Nhiên, bạn chàng: "Người chồng đi từ sự nhường nhịn nọ đến nhường nhịn kia cho tới khi chịu ép một bề dưới quyền áp chế của người vợ". Một câu hỏi của Lan làm chàng giật mình.

– Anh sao thế?

– Không, anh có sao đâu!

– Sao anh không để ý đến những lời em nói, anh nghĩ đi đâu ấy.

Nam cười xin lỗi và thú thực:

– Có thế, anh vừa chợt nhớ tới một câu chuyện tức cười.

– Trong làng mỹ thuật của anh, phải không?

– Không, người kể câu chuyện cho anh nghe là một nhà kiến trúc.

Lan cười:

– Thì khác gì nhà mỹ thuật!

– Khác chứ! Một nhà văn sĩ Pháp ví nhà kiến trúc trong xã

hội loài người như con dơi trong xã hội loài vật: các nghệ sĩ cho đó là một trưởng giả, còn các ông trưởng giả thì cho đó là một nghệ sĩ.

Lan vỗ tay:

– Ồ hay nhỉ! Ai bảo thế đấy anh, văn sĩ nào thế?

– Hình như Edmond Jaloux thì phải, cái anh chàng viết bài phê bình hay đáo để để cho báo *"Nouvelles Littéraires"* ấy mà!

– Em chưa đọc bao giờ.

– Nhưng câu nói của Edmond Jaloux chỉ đúng ở Âu châu, vì ở bên ấy các nhà kiến trúc thường giàu lớn, chứ ở nước ta thì họ cũng nghèo như các họa sĩ, văn sĩ.

Lan ngắt lời:

– Anh thì nghèo gì!

Nam cười:

– Anh không nghèo lắm thôi, vì anh có công việc làm. Các nhà kiến trúc cũng không đến nỗi không có công việc! Em tính vẽ một cái kiểu nhà lấy bốn năm chục bạc... Bọn họ mặc cả từng chục, từng đồng. Mà bọn họ còn là hạng khá đấy, còn biết nhờ đến kiến trúc. Chứ có lắm người dựng một cái nhà một vạn bạc, chỉ xuất độc lực làm lấy hay nhờ những thầy kiến trúc vườn chỉ bảo cho một vài điều cần thiết. Bao giờ người mình biết chỉ đứng trong phạm vi của mình, bao giờ các bà nội trợ, những ông cự phú chỉ là những bà nội trợ, những ông cự phú như thế kể cũng đủ chán cho họ rồi – bao giờ họ không tưởng rằng họ cũng có tài về khoa kiến trúc thì ở nước Nam mới sẽ có hạng kiến trúc sư trưởng giả được... Chứ bây giờ thì mới có những nhà kiến trúc... giàu nhàng nhàng thôi, như Nhiên chẳng hạn.

– Người ta bảo anh Nhiên chỉ vẽ kiểu nhà cho Tây thôi, có đúng không, anh?

– Gần đúng. Vì có lẽ chỉ người Tây biết anh ấy có tài. Còn đối với An Nam mình thì, ở phạm vi nào cũng vậy, toàn một loạt "cá đối bằng đầu!" Ai lấy rẻ tiền là mượn.

Lan cười âu yếm nhìn Nam!

– Được, để rồi khi nào chúng ta làm nhà mới, chúng ta sẽ nhờ đến tài của anh Nhiên, thiết tưởng cũng không muộn.

– Có lẽ muộn lắm, em ạ. Đến cái nhà cũ chúng ta còn chưa có, thì đã nói làm nhà mới sao được?

Thấy nét mặt thoáng buồn hiện lên mặt Lan. Nam vội nói lảng:

– Ồ! Suýt nữa anh quên câu chuyện của anh.

Mặt Lan lại tươi lên:

– Em toan nhắc anh.

– Chắc Lan không biết ông giáo Nguyễn Văn Hoạt?

– Có, nhưng biết tiếng thôi. Bà ta thì em gặp luôn. Đẹp đấy chứ, anh nhỉ?

– Phải đẹp, giàu, ghen nữa. Chủ nhật trước Hoạt mời Nhiên đến ăn cơm. Chả Nhiên vừa vẽ cho Hoạt một kiểu nhà, Nhiên nói tức cười đến chết về cái tính ghen quá quất của người đàn bà. Hoạt dạy triết học và cố nhiên hay lý luận. Mà khi đã vào một vấn đề gì thì đi xa chẳng biết đến đâu là cùng. Trong bữa ăn hai người bàn về vấn đề phụ nữ. Mỗi khi Hoạt nói xấu phái đẹp, tức thì con mắt sắc của bà vợ lại lặng lẽ và dữ tợn nhìn thẳng vào con mắt rụt rè của chồng khiến anh chàng cuống quýt tìm cách đánh trống lảng. Biết thế, Nhiên càng gợi mãi chuyện ra. Khi thuật lại kỳ thi thành chung mới rồi, Hoạt khoe rằng nhận ngay ra được bài của nam hay nữ thí sinh. Bà vợ gạt phắt cái bình hoa đặt giữa bàn ăn sang một bên, để nhìn thẳng vào mắt chồng và sừng sộ hỏi: "Tại sao anh lại biết ngay?. Biết để làm gì? Để cho con gái nốt nhiều hơn phải không? Sao anh hay lưu ý đến con gái thế? Hử?". Nhiên cười thầm và tìm cách trêu tức người đàn bà đẹp hay ghen. Nhưng anh cảm động biết bao khi cùng chồng tiễn anh ra cổng, người ấy thì thầm thân mật bảo anh: "Anh Nhiên ạ, nếu không kén được người vợ không biết ghen thà ở vậy còn hơn. Khổ lắm đấy!". Thì ra, Lan ạ, người đàn bà vẫn biết mình ghen là làm cho chồng và cả mình khổ sở mà vẫn cứ ghen như thường. Chẳng khác người nghiện thuốc phiện biết có hại mà vẫn cứ hút.

Lan cười buồn:

– Anh so sánh đến hay! Ai lại đi ví người ghen với người nghiện thuốc phiện bao giờ!

Rồi ngắm nghía các kiểu vẽ của Nam, nàng nói lảng:

– Đẹp lắm, nhưng sợ tốn.

– Cũng chả tốn mấy, độ năm sáu trăm thôi, lần đầu tiên trong

đời anh biết nghĩ đến tương lai. Anh đã dành được một món tiền nghìn rưỡi để chi tiêu vào việc lập gia đình của chúng ta.

Lan sung sướng bẽn lẽn cúi xuống nhìn những kiểu ghế, kiểu giường với những chiếc nệm êm ấm. Và cũng lần đầu tiên trong đời nàng, nàng nghĩ đến ý nghĩa vợ chồng.

– Thế nào, em ưng những kiểu này không?

Lan nũng nịu ngước nhìn Nam:

– Nam đã chế ra thì cố nhiên Lan ưng, ưng lắm.

Nam chợt nhớ, bảo Lan:

– À sáng hôm nay! Lan ở đây ăn cơm với anh nhé? Chả nói giấu gì Lan, hôm nay thằng nhỏ của anh ốm không có người làm cơm, anh toan lên phố ăn cao lâu đây.

Lan vội gạt:

– Đừng đi cao lâu. Để em làm cơm cùng ăn ở nhà thú hơn.

Rồi nàng vui mừng nhanh nhẹn chạy xuống bếp. Một lát nàng lên bảo Nam:

– Chẳng có một tí gì ráo. Để em lên phố mua cá ăn nhé? Ăn muộn có được không anh?

– Được chứ!

– Vậy chờ em nhé?

Và Lan đi ra.

PHẦN THỨ HAI

I

Nghe tiếng chuông kéo, Nam chạy vội ra cổng, vì biết chắc rằng Lan đã trở về. Quả không sai. Thấy Lan ôm một số lớn, bọc giấy nhật trình, chàng hỏi:

– Em mua gì mà nhiều thế?

Lan cười đáp:

– Đèn xếp, toàn đèn xếp.

– Ồ! Em nghĩ đến đèn xếp thì thực khá quá!

Lan sung sướng đưa cái gói cho Nam:

– Chắc sẽ đẹp lắm đây, anh nhỉ? Anh thử tưởng tượng xem cái cảnh hoa đăng tối nay rực rỡ là chừng nào! Những cây *bưởi,* cây *ổi*, cây *khế,* cây *liễu,* câu *cau* trong vườn dưới ánh sáng đèn xếp! Một cảnh thần tiên anh ạ. Có lẽ còn đẹp hơn cái phòng ăn bài trí bằng những bức bình phong sơn của anh.

Nam giọng nửa khen ngợi, nửa mỉa mai:

– Em thi sĩ quá!

Hai người đi vào phòng ăn. Nghĩa là cái xưởng vẽ rộng mọi ngày mà Nam đã bài trí thành nơi hội họp, trong bữa tiệc cưới long trọng tối nay. Vì hai ngày nữa Nam và Lan sẽ làm lễ kết hôn và hôm nay, hai người cùng nhau đặt một tiệc chung để thết các bạn trai gái. Đó là một điều mới lạ trong phong tục Việt Nam mà hai người đã bàn bạc mãi với nhau trước khi quả quyết thi hành.

Người có cái ý táo bạo ấy cố nhiên là Nam. Lan đã tìm hết lời cản ngăn chàng. Nàng bảo không có đám cưới nào lại ngộ nghĩnh thế. Nhưng Nam cười đáp:

– Thì mình thử ngộ nghĩnh xem sao... Em cứ nghĩ kỹ sẽ thấy anh làm hợp lẽ phải. Mình mời anh chị em bạn đến ăn là để chứng kiến và chia sẻ sự vui mừng của mình. Thế mà mỗi bên mời riêng một đằng, không có cái gì để chứng tỏ việc vui mừng chung...

Lan nũng nịu:

– Anh cứ nói thế, chứ xưa nay dễ thường người ta không vui mừng. Chỉ anh nay mới biết vui mừng.

– Nhưng xưa nay người ta làm sai lạc cái ý nghĩa vui mừng. Vả các cụ ta lấy nhau mà có biết mặt nhau đâu... Các cụ ta, nam nữ cách biệt cho tới mãi lúc thành vợ chồng, vậy các cụ làm thế còn có lý chứ chúng ta ngày nay quen biết gặp nhau, đã nhiều lần trò chuyện thân mật với nhau thì sao trong bữa tiệc vui mừng chúng ta lại không cùng nhau họp mặt với các bạn chung của chúng ta?

Rút cục, Lan đã nghe theo. Nàng nghe theo vì yêu Nam hơn là vì nhận thấy Nam có lý. Không phải nàng không muốn được chủ tọa một bữa tiệc lộng lẫy, rực rỡ, giữa một đám người biết thưởng ngoạn cái đẹp của mình. Nhưng nàng biết trước rằng khó lòng xin

được cha mẹ, nhất là mẹ, cho phép đến dự bữa tiệc cưới mình ở nhà người chồng chưa cưới. Nàng kinh ngạc biết bao khi vừa ngỏ lời xin, cha mẹ nàng ưng thuận ngay. Được thế là vì Nam đã viết thư cho Biên kể các việc dự định sẽ làm trong lễ cưới và xin phép Biên cho phép.

Tới nay Lan vẫn chưa biết rằng Nam có nhúng vào việc ấy. Nam mà vợ chồng Biên rất yêu mến và vị nể. Nàng bảo Nam:

– Em không ngờ được họp mặt cùng anh trong bữa tiệc vui mừng tối nay!

– Tại sao thế em?

– Vì em tưởng me không cho phép.

Nam cười:

– Nhưng me đã cho phép rồi, phải không?

Nói buông lời, Nam lấy làm lạ rằng câu nói của mình không còn ngượng ngùng nữa. Trước giờ, chàng vẫn tránh tiếng xưng hô "thầy me" cả những khi một mình, chàng ngồi nói chuyện với Lan. Hai người ấy mà chàng vẫn gọi là anh chị, chàng có thể kêu là thầy me được không? Nam luôn tự hỏi thế, và chàng vẫn lấy làm một vấn đề khó giải quyết.

Như để thử lại một lần nữa. Nam nhắc câu hỏi:

– Me cho phép rồi phải không? Cả thầy nữa chứ?

Lan cũng nhận thấy giọng tự nhiên của Nam khi chàng đọc tiếng "me" và tiếng "thầy". Nàng sung sướng nhìn người yêu đáp:

– Thầy me không cho phép thì sao em dám cùng anh đứng tên trong thiếp mời?

Bỗng Nam bật cười. Chàng vừa nhớ lại thời xưa, khi Lan còn nhỏ, chàng thường hỏi mỗi lần đến chơi nhà Lan: "Thầy me có nhà không Lan?". Và chàng nghĩ đùa: "Thầy me nay khác thầy me xưa xa lắm rồi". Nhưng Lan tưởng Nam cười về cái thiếp mời mà nàng đã quả quyết tránh màu trắng của Nam và đã nhất định đổi lấy màu vàng nhạt thay vào cái màu đỏ lưu truyền. Và nàng chau mày hỏi:

– Anh cười cái gì thế?

– Không!

Lan gắt:

– Anh lạ quá, đương cười em hỏi lại bảo không.

Lan chợt nghĩ: ngày vui mừng không nên có chuyện cãi cọ lôi thôi, liền cố nén tức nói lảng:

– Cái phòng... của anh như hệt một gian phòng triển lãm.

Sự thật thì Nam đã trần thiết rất nhiều tranh. Ngoài những bức lụa và sơn dầu, chàng sắp đem dự bày phòng triển lãm mùa xuân tới còn có ba cái bình phong mà chàng làm xong đã hơn một tháng nay, nhưng người ta chưa đến lấy. Có lẽ cũng vì chàng chưa báo cho khách hàng biết. Không phải chàng lưu luyến những tác phẩm của chàng, ngậm ngùi thương tiếc như nhiều nghệ sĩ mỗi lần phải rời một bức tranh quý để trao trả người mua. Không, không bao giờ chàng còn luyến ái một tác phẩm khi nó đã hoàn thành. Chàng giữ lại là vì một lẽ rất giản dị: để bài trí bữa tiệc cưới tối hôm nay. Vì thế, trong thiếp chàng đã bỡn cợt mời bạn đến dự lễ khánh thành phòng triển lãm của Nam và Lan. Chàng chỉ thêm vào một dòng chữ: "Sẽ ăn cơm Á đông và khiêu vũ".

Nam vân vê một tờ thiếp, bảo Lan:

– Nói phòng triển lãm của Nam và Lan, chắc anh em sẽ đến đông đủ để xem tác phẩm của em.

Lan cười:

– Họ còn lạ gì nữa! Họ biết thừa rằng ngày kia là ngày cưới chúng mình.

– Ngày kia cưới thì sao hôm nay chúng ta lại không trưng bày được một phòng triển lãm?

Bỗng Lan hoảng hốt nhìn đồng hồ tay, kêu:

– Trời ơi gần ba giờ rồi, mà chưa thấy bày bàn. À! Oanh và Trinh sắp đến giúp em đấy Nam ạ.

– Thế à! Vậy anh đi chơi để các cô làm việc cho tiện nhé?

– Nếu anh ở nhà giúp thêm một tay và một mắt nữa càng tiện hơn chứ sao. Vì có lẽ chúng em chỉ có cái tay khéo léo mà không có con mắt mỹ thuật của anh. Lan vừa nói vừa cởi áo ngoài ra treo lên mắc. Nàng quay lại hỏi Nam:

– Tranh treo đúng chỗ cả rồi đấy chứ?

– Đúng chỗ cả rồi!

– Vậy em xin anh đừng tháo ra treo vào nữa làm bụi bàn ăn của em đấy nhé. Em bắt đầu đi bày bàn đây.

Nàng vào buồng bên, rồi cùng người đầy tớ của Nam khiêng ra một cái rổ lớn đựng đầy bát đĩa con phượng mà Nam đã thuê từ buổi sáng. Trên cái bàn trải khăn trắng làm bằng những tấm ghế ngựa ghép lại và kê dài suốt ba gian phòng. Lan nhẹ nhàng đặt bát, đĩa. Mỗi cái bát nàng úp lên một cái đĩa, bên đĩa, nàng bày thẳng thắn một đôi đũa son và hai cái thìa trắng, một cái lớn, một cái nhỏ để ăn đồ nấu. Làm xong công việc ấy nàng đứng lại ngắm nghía và đếm nhẩm, rồi hỏi Nam:

– Anh trông hộ em như thế có được không?

– Được lắm chứ. Cái màu đỏ của đôi đũa nổi bật trên nền trắng và rất làm tôn màu lam của con phượng vẽ trên thành bát. Em chọn màu khéo lắm.

Lan cười:

– Nghĩa là em chẳng chọn gì hết. Khăn bàn bao giờ cũng trắng, đũa son bao giờ cũng đỏ và men con phượng bao giờ cũng lam. Bây giờ đến cốc uống rượu Tây và chén uống rượu Tàu...

Lan như chợt nhớ ra, kêu:

– Rõ em lú ruột, lú gan quá! Bàn chưa kết hoa em đã bày bát đĩa.

– Cũng được Lan ạ. Với lại có bày hoa thì cũng bày thoang thoáng thôi. Bày nhiều rườm mắt mà chỉ tổ vướng đũa. Nhưng hoa đâu? Đã có chưa?

– Em nhờ Trinh mua hộ.

Lan vừa nói vừa nhìn đồng hồ tay:

– Quái! Ba giờ mười rồi mà các tướng chưa đến. Thế mà hẹn đúng ba giờ đấy.

Giữa lúc ấy và như trả lời Lan, Trinh cất tiếng gọi ở ngoài cổng:

– Lan ơi! Trinh và Oanh đây! Mau mau ra mở cổng.

Lan chạy ra đón bạn. Một lát sau ba thiếu nữ cùng vào. Trinh xách một lẵng hoa hồng đỏ và trắng. Oanh cầm một cái rổ đựng đầy những cành mạch môn lá nhỏ lăn tăn. Nam chào đùa một câu tiếng Anh:

– Good morning, my dears.

Chàng làm thế rồi để Trinh và Oanh cũng theo chàng mà chào bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp như chàng thường nghe thấy mọi khi họ chào nhau. Nhưng Trinh bất thần nhìn thấy chàng và giật mình vội nói:

– Lạy bác ạ!

Lan hơi ngượng với bạn. Nàng thoáng nhớ lại những cử chỉ và ngôn ngữ lúng túng của nàng và của Trinh những hôm nàng cùng Nam đến chơi nhà Kế. Tự nhiên nàng đỏ mặt và nói lảng:

– Hai chị thế thì thôi! Hẹn đúng ba giờ, mà bây giờ gần ba giờ mười lăm mới đến!

Oanh vênh mặt lên nói dỗi:

– Khốn nhưng còn phải đi mua hoa!

Trinh tiếp luôn:

Chúng tôi vừa bảo nhau: "Rõ con bé mới oái oăm! Nó ở Yên Phụ, một làng đầy những hoa mà nó lại sai chị em mình mua hoa từ trên phố đem đến cho nó"! Có phải không bác Nam nhỉ?

Lan không giữ được nữa:

– Đốt chị đi! Bác với chú mãi!

Trinh chữa thẹn:

– Bạn với cậu người ta, người ta chả gọi là bác thì sao! Gọi thế mãi đã quen mồm rồi.

Nam cười ngượng ngập:

– Nhưng Trinh là bạn Lan thì nên kêu tôi là anh.

Trinh cúi xuống suy nghĩ một giây rồi ngửng lên bảo Nam:

– Vậy từ nay em nhất định gọi là bác là anh nhé?

– Nhất định.

– Cả ở trước mặt cậu em nhé?

– Cả ở trước mặt cậu.

Trinh cười vui vẻ:

– Được rồi!... Vậy anh chị bảo em làm việc gì bây giờ?

Lan trỏ cái gói để trên cái ghế:

– Chị mở gói đèn xếp kia ra. Trong ấy có cả nến rồi đấy! Chị lấy dao cắt cây nến rồi gắn vào đèn xếp cho em... Được không?

– Được!

– Còn Oanh thì đi bày hoa với em.

Nam hỏi:

– Còn anh?

– Anh ấy à? Anh chờ Trinh gắn xong nến rồi trèo lên các cây mà treo đèn xếp.

Trinh bĩu môi:

– Rõ ra giọng nguyên soái điều khiển tướng...

Nam thêm:

– Trên sân khấu!

Lan nghiêm trang một cách nũng nịu:

– Mà anh đứng chắp tay sau lưng làm gì thế? Sao không cắt nến cho Trinh gắn vào đèn xếp?

Nam khôi hài:

– Dạ dạ! Xin vâng lịnh nguyên soái!

Oanh mỉm cười, nói khẽ bảo Nam:

– Chứ sao! Ít nữa nếu không vâng lệnh nội tướng thì có mà thác sớm!

Một lát sau Trinh và Nam đã tra nến vào năm chục cái đèn xếp, đủ các kiểu tròn, dài, ông sao, quả dưa. Trinh bỏ cả vào cái rổ đựng bát đĩa, và mang ra vườn. Nàng treo ở những cành thấp, những cành ổi là là rủ xuống, những cành liễu thướt tha phía mặt hồ. Thấy Nam trèo lên cây để mắc vào các cành cao, nàng vội kêu.

– Như thế không tiện anh ơi! Đến tối ai leo lên mà thắp nến cho anh?

– Đã có anh bếp. Có cao có thấp mới đẹp chứ!

– Cái đó tùy anh. Chắc lúc thắp lên trông ngoạn mục lắm đấy, anh nhỉ?

Và nàng buồn rầu đứng ngắm mấy cái đèn xếp khẽ đưa đi đưa lại ở đầu những cành liễu mềm mại. Nàng hồi tưởng lại một đêm tết Trung thu thời nàng còn nhỏ. Năm ấy mẹ nàng mới mất, cha nàng cho nàng về thăm bà ngoại ở một làng gần Hà thành. Gặp tết trung thu, cha nàng mua cho nàng một cây đèn kéo quân, bốn chiếc đèn

xếp, một hộp bánh nướng và để nàng mang theo cả về quê. Nàng sung sướng và khi gặp bà, nàng khoe liền.

Tối hôm ấy bên khóm tre trong vườn, kê một cái bàn trên bày đèn kéo quân, bốn đĩa bánh nướng, hai quả bưởi, hai đĩa hồng chín, một nải chuối tiêu còn ương và những tấm mía mà buổi sáng bà ngoại đã róc và nhuộm phẩm hồng, phẩm xanh. Còn bốn chiếc đèn xếp thì nàng treo ở cành tre mềm rủ xuống mặt bàn.

Hai bà cháu chơi tết trong yên lặng, cái yên lặng của những đêm trăng ở nơi thôn dã mà tiếng dế bất tuyệt càng thêm sâu, thêm rộng ra mênh mông. Bỗng Trinh liếc mắt nhìn thấy trên má bà hai dòng lệ lấp lánh dưới ánh đèn. Nàng mới chín tuổi nhưng nàng sớm biết và nàng hiểu ngay rằng đó là nước mắt khóc mẹ nàng, vì nàng vẫn thấy bà ngoại yêu mẹ lắm.

Nàng liền đến gần bà ngoại thỏ thẻ: "Bà ăn bánh với cháu nhé"? Bà ngoại cố gượng trả lời: "Bánh để bày cỗ đã chứ!". Nàng mỉm cười rất ngoan ngoãn, cố làm vui lòng bà: "Vậy tí nữa bà cháu ta phá cỗ nhé"? Rồi nàng giảng nghĩa cho bà ngoại những điển tích trong cái đèn kéo quân:

– "Đây này, bà này, ông Đinh Tiên Hoàng cưỡi rồng đây. Chú ông đương đứng bờ sông lạy ông ấy đây. Đây ông Triệu Tử Long, với ông Trương Phi. Ông Triệu Tử Long bế con ông Lưu Bị. Đằng sau là giặc đuổi. Đây là người tát nước với người đánh dậm. Đây là ông gõ mõ tụng kinh với lại hai bà vãi ngồi lễ phật..."

Cái cảnh tết Trung thu năm ấy hiện rõ rệt trong ký ức Trinh, và Trinh cảm động, rơm rớm nước mắt.

Ở trên cây xuống thấy Trinh buồn, Nam ngẫm nghĩ. Nam cho rằng Trinh đương lo lắng về tương lai. Các bạn nàng dần dần lấy chồng cả. Rồi nàng cũng sẽ lấy chồng: Không biết có gặp được người xứng đáng không? Hay vì nhà nghèo không có của hồi môn, nàng sẽ không được những nơi tử tế lưu ý tới, dù nàng có nhan sắc chẳng kém gì ai. Lại điều này: nàng đi lấy chồng thì ai trông coi cửa hàng cho "cậu"? Thực còn đương học, mà dù Thực có đỗ nữa, cũng đi dạy học chứ vị tất đã chịu ngồi bán hàng. Vậy ai sẽ săn sóc đàn em bé?

Nam tưởng tượng hẳn ra một thiên tiểu thuyết. Sức tưởng tượng vẫn luôn hoạt động trong óc chàng. Không lần nào gặp một đứa bé lang thang ngoài phố, hay một lão già lủi thủi một mình mà

chàng không nghĩ, không phác ra cả một thời tưởng tượng của những người khổ sở ấy.

Chàng nhìn Trinh, hỏi:

– Bao giờ chị Trinh có việc vui mừng đấy?

Trinh cười buồn:

– Chưa biết bao giờ. Có lẽ không bao giờ cũng nên.

– Trinh chỉ nói dại dột! Xinh đẹp như Trinh thì thiếu gì người muốn lấy!

– Cần nhất là phải xem cháu có muốn lấy không đã chứ!

– Kìa, lại cháu!

Trinh chữa:

– À! Cháu quên, xin lỗi anh!

Rồi Trinh cười vui vẻ kể liến thoắng như đã quên hết phiền muộn.

– Buồn cười quá anh ạ. Độ nghỉ hè em ra Đồ Sơn chơi mấy hôm với chị Hoan. Ông giáo Minh là bạn cậu em cũng nghỉ mát ở Đồ Sơn. Em vẫn chào là bác và xưng hô con. Một hôm em đi cùng với vợ chồng Hoan, em khó nghĩ quá, chả biết xưng hô sao, vì sợ xưng con thì ngượng chết với Hoan, nó chỉ gọi Minh trống không hay anh Minh thôi. Thành thử suốt một giờ mình câm như con cá chép.

Nam bẽn lẽn nhìn cô thiếu nữ láu lỉnh và tinh quái. Lúc ấy ở trong có tiếng cười ầm ỹ. Hai người chạy vào Nam hỏi:

– Cái gì thế, Lan?

– Đây này anh mở ra mà coi. Đồ mừng của anh Ngọc. Em vừa gói trả lại anh đấy.

Nam đứng ngắm hai cái hộp rất to bọc giấy đỏ và chằng dây vàng, liền mở ra. Thì đó là hai chồng hộp xếp lồng vào nhau và trong mỗi cái hộp nhỏ nhất có một lọ Nhật Bản bé xíu.

Nam cười sung sướng bày đôi lọ "chim chích" ra bàn, nói:

– Lan cầm bàn chải đánh móng tay thì vừa xinh.

II

Bảy giờ kém mười lăm người đến dự tiệc đã khá đông, ngồi uống rượu và nước chè khai vị ở cái hiên rộng, ngay phía trước phòng ăn. Đó toàn là đàn ông, các bà, các cô, ở cả trong phòng khách.

Trời mát và khô ráo, tuy đã cuối tháng một. Từng bọn người tụm lại từng chỗ nói chuyện. Và câu chuyện như còn e lệ, rụt rè, rì rầm, khẽ khẽ.

Nam chạy đi chạy lại từ đầu hiên nọ đến đầu hiên kia, tới mỗi chỗ nói một vài lời vui vẻ, hay khôi hài, tiếng cười phá lên từng hồi. Rồi dần dần câu chuyện trở nên ròn rã. Không khí tẻ lạnh lúc ban đầu đã tan đi. Có lẽ vì một vài cốc rượu nhỏ đã kịp sưởi ấm các tâm hồn nhiệt náo. Nhưng nhất là vì Đình vừa tới. Đình, bạn học thời còn nhỏ của Nam, ngày nay làm đồn điền ở miền trung du. Đó là một nhạc sĩ, một võ sĩ, và linh hồn của các cuộc vui có chàng đến dự.

Sau khi chủ nhân giới thiệu mỗi người với chàng, Đình ngơ ngác hỏi:

– Hết!

Ai nấy bật cười, Nam đáp:

– Chưa hết, vì các anh ấy chưa đến đủ.

Đình vẫn ngơ ngác:

– Các anh ấy? Vậy không có các chị ấy? Một bữa tiệc cưới chỉ có toàn các anh thì khiêu vũ làm sao, mà lạ chưa trên thiếp mời "Sẽ có khiêu vũ". Dễ thường chén xong, anh đưa chúng tôi đi Khâm Thiên cả chăng?

Tiếng cười phá lên:

– Cũng được!

– Phải lắm!

Nam đáp:

– Các anh xoàng quá! Các anh không nghe thấy các nàng tiên đó ư?

Sự thực tiếng cười trong trẻo vừa từ phòng khách bên cạnh đưa ra, Đình nói:

– Ừ! Có thế chứ! Nhưng sao lại nam nữ cách biệt thế? Mà cô dâu đâu, không ra trình diện?

Ngọc ghé tai Nam thì thầm. Và Nam bỏ vào trong nhà. Một lát chàng cùng Lan đi ra. Lan ngả đầu chào, dáng bộ bẽn lẽn, thẹn thùng. Mọi người khẽ nhỏm lên đáp lễ. Mấy giây yên lặng ngượng ngùng sau những tiếng cười khúc khích. Rồi Nam nói:

– Thưa các anh, Lan và tôi... có... chén rượu... gọi là... mời các anh đến chứng kiến cho tiệc vui mừng của chúng tôi... Các anh đã đến đông đủ, chúng tôi rất cảm động và cảm ơn lòng quý mến của các anh...

Một câu hỏi:

– Mừng tranh à! Vì mời đến khánh thành phòng triển lãm kia mà!

– Vậy xin mời các anh vào phòng triển lãm.

Ai nấy đứng dậy. Bọn người nhà tới tấp chạy lại chuyển ghế đi theo, vì không đủ, người ta đã dùng ghế phòng ăn đem bày ra hiên làm phòng khách. Từ gian bên các cô trong những áo kiểu mới màu đỏ, màu nâu, màu đen, cũng phấp phới bước ra, Lan đi đầu hướng dẫn.

– Giới thiệu!

Đó là một câu vừa thốt trong đám đàn ông. Ai nấy quay lại nhìn.

– Phải rồi! Anh Nam và chị Lan giới thiệu hai bên nam nữ đi, rồi cho xem tranh hay tiệc tùy ý.

Sau những phút ngần ngại, do dự, bàn đi nói lại. Nam đành nhận lời, và hỏi:

– Xin bắt đầu giới thiệu từ người hơn tuổi trở xuống?

Nhiều tiếng nhao nhao phản đối:

– Không! Không được! Làm thế thiệt cho bọn hơn tuổi lắm.

– Vậy xin giới thiệu lung tung.

Nam khôi hài hắng dặng như để lấy lại giọng, khiến ai nấy đều cười, rồi chàng trỏ một người nói:

– Thưa các bà, các cô, đây là anh Đức, một thi sĩ tài tử.

Một câu ngắt lời:

– Un poète amateur?

– Vâng nghĩa là một thi sĩ làm thơ chơi bời chứ không in bán, nhưng một thi sĩ... lớn, một thi sĩ.

– Một thi sĩ lớn, un grand poète?

Mọi người nhìn Đức, và đều cười vui vẻ khi nhận thấy thân hình

Đức to lớn. Đức không giận trái lại chàng còn lấy làm bằng lòng và ngả đầu nói tiếp:

– Thưa các chị, các anh, lớn đây là lớn người chứ không phải là lớn tiếng. Nhưng anh Nam giới thiệu tôi còn thiếu nhiều. Vì thiết tưởng một là nên giới thiệu cộc lốc, hai là đã giới thiệu có đuôi thì nên cho cái đuôi dài một chút, vậy tôi xin giới thiệu thêm:

– Tôi là một nhân viên của một "cựu hội" vì hội ấy nay hình như đã tan. Hội ấy là hội "Không lấy vợ!" và sau cùng có ba hội viên Nam, Nguyên và Đức tức tôi. Nay Nam vừa ra khỏi hội như các anh chị đến chứng kiến tối hôm nay, vậy xin tuyên bố tan hội "Không lấy vợ!"

Trong tiếng vỗ tay và tiếng cười, Nguyên phản đối:

– Không, không, không tan được! Còn hai hội viên thì hội vẫn còn!

Một người đáp:

– Nhưng Nguyên đã có vợ rồi và lại còn có con nữa tôi biết!

Tiếng cười lại nổi lên, Nguyên bẽn lẽn đáp:

– Bậy nào!

– Vì chỉ còn có một hội viên, vậy hội "Không lấy vợ" có tan không, anh Đức thi sĩ?

Đình nói:

– Tan thì không tan, nhưng xin đổi hội "Không lấy vợ" của anh ra hội "Lấy vợ"! Ngày xưa đức Gia Long chiêm bao thấy mất đầu. Một thầy tướng tán mộng bảo ngài sẽ làm vua, vì lúc bấy giờ ngài đương làm chúa mà ngài sẽ chiêm bao mất đầu tức là chữ chủ mất cái chấm đầu thành chữ vương. Quả mấy năm sau ngài làm vua nước An Nam thực. Ngày nay hội "Không lấy vợ" của các anh cũng đã mất đầu. Đầu là chữ "Không" hay là anh Nam cũng vậy và mất là lấy vợ. Vậy chắc chắn hội của các anh sẽ thành hội "Lấy vợ". Không còn là chuyện mộng mị chiêm bao chiêm biếc gì nữa.

Tiếng cười cất lên. Một người kêu: "Hội lấy vợ vạn tuế!" trong những tiếng vỗ tay đôm đốp. Rồi cuộc giới thiệu bắt đầu:

– Đây là anh Trọng kiến trúc sư, anh Nhiên cũng kiến trúc sư, anh Thanh Phong thi sĩ, anh Tùng họa sĩ chưa có vợ.

– Có ở hội "Lấy vợ" không?

Tùng đỏ mặt đáp – vì Tùng có tính dễ bẽn lẽn:

– Không.

– Vậy bao giờ chiêm bao mất đầu?

Tiếng cười trở nên ồn ào. Rồi cuộc giới thiệu lại tiếp. Đến lượt Kế, một người chêm: “Papa Kế!” khiến Trinh xấu hổ cúi gầm mặt xuống.

Nối lời Nam, Lan giới thiệu các bạn gái, hầu hết là những thiếu nữ, trong vòng hai mươi tuổi. Bên đàn ông trố mắt nhìn và lắng tai nghe:

– Đây là chị Lý, vừa đỗ bằng Thành chung, đây là chị Liên cũng vừa đỗ bằng Thành chung, đây là chị Trang học năm thứ tư trường Cao đẳng Nữ học.

Hai mẩu câu “Thành chung” và “Cao đẳng Nữ học” như hai điệp khúc trong một bài ca láy đi láy lại. Riệp ghé tai người đứng bên thì thầm:

– Hẳn các cô đều ở trong hội “Lấy chồng” nên Lan mới giới thiệu chức tước các cô ra.

Người kia đáp:

– Nếu quả thực muốn ken chồng cho bạn, thì Lan đã làm một việc thất sách. Sao không giới thiệu là con bà nọ bà kia có tiếng giàu sụ. Đằng này Lan lại đi phô bầy cái mà phần đông trong bọn đàn ông sợ nhất: cái học vấn, nghĩa là cái thông thái của các cô.

Vợ Riệp cũng đậu bằng Thành chung, nên chàng chạnh lòng cãi lại:

– Vô lý! Một người đàn bà có học vấn và một người đàn bà “thông thái” khác nhau xa lắm chứ! Trái ngược nhau nữa! Anh coi, Lan ngoan ngoãn biết bao! Cả Trinh nữa, Thục nữa.

– Thì vẫn ngoan ngoãn, cô nào mà chả ngoan ngoãn! Nhưng điều cần nhất là có ngoan ngoãn với chồng không?

– Càng ngoan ngoãn với chồng hơn chứ?

Giới thiệu xong, Nam và Lan mời khách vào tiệc, nữ phía trong, nam phía ngoài, đối diện nhau. Nhưng vì số đàn ông đông hơn nên gần một chục người phải ngồi sang hàng ghế trong, ở hai đầu bàn.

Nam đứng dậy nói:

– Hôm nay là ngày vui mừng của hai chúng tôi... gọi là chén rượu... mời anh chị em đến chứng kiến cho.

Rồi lúng túng ngồi xuống. Nam vẫn có tính cả thẹn ở chỗ đông người, nhất trong đám đông lại có các cô thiếu nữ xinh đẹp đăm đăm nhìn vào mắt mình, vào miệng mình đang nói.

Bài diễn thuyết khai mạc ngắn quá.

– Khai mạc gì?

– Khai mạc tiệc, chứ còn khai mạc gì.

– Chúng ta ăn chứ chúng ta có ngủ đâu mà cần diễn thuyết dài dòng.

Trước những vẻ mặt hoa tươi cười, mỗi người bình phẩm một câu để làm duyên làm dáng.

Thư bàn:

– Trước khi nâng cốc mừng cô dâu chú rể, tưởng chúng ta nên có mấy lời mừng đáp lại.

– Vậy xin văn sĩ Thư đương cho cái việc khó khăn ấy.

– Khó khăn thì không khó khăn, nhưng xin nhường lời cho anh Kế, người hơn tuổi nhất đám.

Mọi người kêu:

– Phải rồi!

– Allez papa Kế! Levez vous et parlez papa Kế!

Kế ngập ngừng đứng dậy:

– Không thể thế được. Các văn sĩ mới khéo nói, chứ tôi chỉ là một họa sĩ, bắt tôi vẽ tranh thì còn có lý chứ bắt tôi đọc chúc từ thì tôi không dám nhận.

– Vậy anh Thư phải đọc chúc từ, vì anh đã nêu ra.

Thư giọng mỉa mai:

– Có nói gì thì nói, chứ đọc sao được vì có làm sẵn đâu mà bảo đọc.

Thư là một trí thức rất hoạt bát, và khi ngà ngà say, tàn nhẫn đối với khắp mọi người. Trong một khách thính có nhiều thiếu nữ thì tài ngôn luận của Thư không còn ai theo kịp mà cũng không còn ai chịu nổi. Vì để làm đẹp lòng phái đẹp chàng không từ một ai, nếu công kích hay bỡn cợt một người, chàng có thể khiến được các cô thầm khen phục, dù người bị công kích, bỡn cợt là bạn thân của chàng mặc lòng. Chàng không có ý hạ bạn xuống, chàng là người rất

yêu quí và bênh vực bạn. Chàng chỉ đùa và trong lúc bao nhiêu con mắt mỹ nhân như nhóm lửa mắt chàng và cả tâm hồn chàng và óc chàng, chàng không tự chủ được lời nói nữa. Lúc tỉnh ra chàng không hối hận, vì cho việc đã làm, việc lấy lòng các cô là một việc rất thường: Bạn chàng sao không làm theo chàng? Người ta có thể là bạn thân mà vẫn là tình địch tạm thời ở trong những con mắt dịu dàng, cái miệng xinh tươi, đôi má mũm mĩm, tấm thân cân đối, nở nang. Rồi sau những phút đẹp đẽ, sung sướng ấy người ta lại là bạn thân. Chàng thường nói: "Sống là cạnh tranh, mà lúc có sắc đẹp ở bên cạnh mình là lúc mình sống nhất, không cạnh tranh sao được!"

Chàng nói thế và làm thế, nhưng sự thật trong thâm tâm, chàng là một người không ưa sắc đẹp. Chỉ nghe chàng tả những dáng điệu, những ngôn ngữ, những lối phục sức của các cô học trò chàng – vì chàng dạy ở một trường nữ học tư thục, – cũng đủ nhận thấy rằng những tính tình ác cảm của chàng đối với phái đẹp sâu xa là chừng nào. Song những đức tính ấy biến hết một khi chàng đứng trước những dung nhan tươi trẻ. Chàng chỉ còn là một thiếu niên trang nhã, đa tình, một kẻ cừu địch ghê gớm của anh nào táo bạo muốn có tài có trí hơn chàng. Lúc đó chàng giống như một anh hùng kỵ sĩ thời trung cổ nước Pháp, vì mắt đẹp của người tình, xông pha trường đấu võ để hạ bất cứ ai. Có điều hơi khác là Thư không vì riêng một đôi mắt đẹp, nhưng vì tất cả các con mắt đẹp của tất cả các cô xinh tươi.

– Thế nào? Anh Thư nghĩ lâu quá! Chưa bắt đầu ư?

– Thế ra các anh nhất định phó thác cho tôi cái việc nói.

– Phải, còn chúng tôi sẽ xin nhận cái việc ăn cho, gọi là có ăn có nói:

– Vậy nhớ ăn muối nhiều vào!

Một vài tiếng cười kín đáo hoan nghênh mũi tên thứ nhất của Thư.

– Nhưng nói đi!

– Phải nói đi!

– Nói mau rồi còn ăn!

– Mà phải nói thật dài để phản đối lại bài diễn văn ngắn ngủn của chú rể.

Thư hỏi:

– Càng dài càng hay? Và chỉ cần dài, chứ không cần hay, phải không?

– Càng dài càng hay.

– Các cô cũng bằng lòng thế?

Oanh mỉm cười đáp:

– Vâng, chúng em bằng lòng thế.

– Thế thì được,

Thư đứng dậy nói:

– Hôm nay là ngày vui mừng của anh Nam và chị Lan. Nam hợp với Lan thành Nam Lan. Nam Lan là thứ Lan An Nam chứ không phải loài lan rừng mọc ở các sườn núi, mùi thơm gắt gỏng, mà trong bọn ta đây ai đã đi con đường Chapa Ô qui hồ, cũng phải ngửi thấy, Ô qui hồ mà người Pháp đọc Loquiho là một ngọn núi cao hai nghìn hai trăm năm mươi thước, tuy tên nó là hồ tức hà. Hồ là tiếng Tàu hay tiếng Mèo nói tiếng quan hỏa hay quan thoại cũng thế! Tiếng quan thoại là tiếng quan, nghĩa là tiếng công, nghĩa là langue offcielle, khác tiếng Quảng Đông, Phúc Kiến xa lắm.

Tiếng cười lẫn với tiếng đối:

– Không được pha trò! Đọc chúc từ kia!

– A vos moutons!

– Quay về con cừu thôi!

Thư nghiêm trang và nói luôn không ngừng:

– Xin vâng. Các anh thích loài cừu rất phải vì loài cừu hiền lành mà thịt lại rất mềm, ngon và bổ nữa, sách bản thảo của cụ Lãn Ông có chép rõ điều ấy. Cụ Lãn Ông thì hẳn các anh các chị đều biết tiếng, cụ là một danh y lại là một văn sĩ, một thi sĩ trứ danh thời Lê Mạt. Thời ấy bao quyền bính nước ta ở trong tay họ Trịnh, nhưng chẳng bao lâu họ Trịnh lại bị ông Nguyễn Huệ diệt. Ông này lấy Ngọc Hân hay Ngọc Quỳnh, hay Quỳnh Ngọc công chúa, cái đó tôi không nhớ rõ, nhưng thiết tưởng viết Quỳnh Ngọc thì hơn vì Quỳnh Ngọc là Ngọc Quỳnh còn Ngọc Quỳnh thì lại là Quỳnh Ngọc mất. Cách đặt chữ trên dưới rất quan hệ...

Tiếng phản đối trở nên ồn ào, hỗn xược nữa. Nhiều người không ưa Thư, vì Thư là một người tự cao, tự đại, tự cho mình có tài hơn tất cả mọi người. Nhiều khi chàng ngang nhiên không coi ai vào đâu,

Nam thấy tình thế trở nên gay go, nhất nhìn mặt Thư đỏ gay chàng lại biết rằng bạn bị ép uống rượu khai vị quá nhiều. Chàng liền bảo khẽ người nhà đem pháo ra đốt. Thư không chịu ngồi xuống. Và trong khi tiếng pháo nổ người ta thấy miệng Thư lắp bắp. Sự thực Thư làm điệu bộ như người nói. Tiếng pháo im, người ta lại nghe thấy tiếng nói, tưởng như Thư chưa ngừng một lúc nào:

Thế rồi một hôm chàng bảo nàng rằng...

Đến đây Trinh đứng dậy giơ tay lên để xin nói. Tức thì Thư im bặt.

– Anh nhường cho chúng em vài lời với chứ!

Tiếng vỗ tay hoan nghênh, Thư ngả đầu đáp:

– Xin vâng. Vì một lời nói của một người đẹp còn có mãnh lực bằng nghìn bằng vạn những tiếng phản đối vô vị của các anh đây. Vậy tôi xin kết luận: "Chúng ta hãy nâng cốc chúc cho anh Nam và chị Lan hoàn toàn sung sướng!".

Tiếng vỗ tay lại nổi lên. Rồi bao nhiêu cốc rượu đỏ, rượu trắng giơ cao:

– Thong thả! Để chị Trinh nói đã.

– Vâng, em xin nói: "Chúng ta hãy nâng cốc mà chúc cho anh Nam chị Lan của chúng ta hoàn toàn sung sướng!".

Lần này, không có tiếng vỗ tay vì ai nấy còn đương bận cầm cốc.

Rồi tiệc bắt đầu trong những tiếng nói chuyện rì rầm từng chỗ.

III

Tiệc tới nửa chừng, khi ai nấy đã ngà ngà say và không tự chủ được lòng mình, được lời nói của mình. Phần đông không có thói quen uống rượu nên thỉnh thoảng trong những tiệc vui chỉ nhấp vài hớp cũng đủ để hơi men bốc lên đầu làm mất lương tri. Họ bô bô thốt ra những ý nghĩ sống sượng nhưng thành thực, không còn gìn giữ che đậy được nữa.

Ở một đầu bàn. Vy, một cử nhân luật, kể một câu chuyện về phong tục nơi hương ẩm rồi kết luận:

– Ở nhà quê quanh năm người ta chỉ nghĩ đến có một việc

ăn uống, chờ đợi ngày giỗ nhà này, nhà nọ, cái đám ma của những ông lão già hấp hối, cái đám cưới của những người trong họ xa gần và sau hết những ngày hội hè, tế lễ.

Thư cười đáp:

– Thì ở thành phố chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng ăn uống và hơn một thứ nữa: Nhẩy. Thanh niên nước ta là thanh niên vô lý tưởng, hay chỉ có mỗi một lý tưởng chính đáng vì có thể tới một cách dễ dàng, đó là lý tưởng ăn, uống, nhẩy.

Đức cười nói:

– Chúng ta ăn, uống, nhẩy cho quên.

– Quên cái gì? Quên tuổi thanh niên?

Vy chua chát:

– Không, quên đời chản nản, trống rỗng của chúng ta.

Đình đứng dậy cãi:

– Thưa các anh sao lại trống rỗng, ít ra cũng có ba thứ ăn, uống, nhẩy, ấy là chưa kể còn nhiều thứ thầm kín khác.

Nguyên là người lúc nào trong đầu cũng có một thiên tiểu thuyết, tuy chàng chưa hề viết văn bao giờ. Cứ nghe chàng thì hiện chàng đương soạn một tác phẩm về một vấn đề rất gay go. Vấn đề thanh niên. Tưởng như ai cũng biết cái cốt truyện của mình, chàng nói:

– Tuy đó là một truyện về thanh niên, nhưng tôi cũng bắt đầu từ thế hệ trước, cái thế hệ nho tàu. Các anh có thấy đẹp không? Cả một thế giới đổ sụp, bị nhổ bật rễ lên.

Thư nghe với vẻ trang nghiêm và lạnh lùng. Tới đây chàng bắt bẻ:

– Một thế giới làm gì có rễ?

Nguyên quay nhìn Thư, rồi lại nghiễm nhiên nói:

– Thế giới ấy sụp đổ, tiêu tan đi để nhường chỗ cho một thế giới mới, bỡ ngỡ, non nớt, bấp bênh, lung lay trước gió...

Thư vẫn khó chịu:

– Anh viết tiểu thuyết bằng thơ?

– Đó là thế hệ của chúng ta, đây là phần quan trọng nhất trong tiểu thuyết. Nhân vật chính của tôi, một thanh nhiên trí thức, sẽ sống một đời băn khoăn. Chàng là con nhà giàu và sang nữa.

Chàng có đi học hay không thì cái đó tôi còn phân vân, chưa nhất định, có lẽ tôi sẽ cho chàng sang Pháp.

Đình khôi hài:

– Cho chàng đi Tây quách!

Thư tiếp luôn:

– Và tống cả tiểu thuyết chàng đi Tây cho rảnh.

Tiếng cười phá lên, nhưng không làm Nguyên nao núng. Chàng vẫn kể. Vẫn như mọi lần, tỉnh hay say cũng vậy, khi chàng đã bắt đầu thuật thiên tiểu thuyết dự định của chàng thì không có một sức mạnh gì khiến được chàng ngừng lại ở giữa chừng.

– Văn, đó là tên nhân vật chính trong tiểu thuyết của tôi.

– Anh nên chọn tên khác, vì Văn là tên một người anh họ tôi.

Những lời khôi hài của Thư luôn luôn tìm dịp len vào câu chuyện của Nguyên. Vì mỗi lần Thư ngắt lời bạn, các thiếu nữ lại cười vui thích. Có cô thỉnh thoảng lại mỉm cười đưa mắt nhìn chàng, như để khuyến khích và thầm bảo: "Kìa anh Thư, ngồi im mãi à?".

Nhưng Nguyên như sống trong tiểu thuyết của mình. Những người, những vật ở ngoài không làm chàng bận tâm.

– Văn, cần nhất là một người có trí thức...

Thư thêm:

– .... Và con nhà giàu sang, anh đã nói rồi.

Oanh từ nãy vẫn chăm chú nghe câu chuyện. Thấy Thư luôn luôn phá ngang, nàng lấy làm khó chịu và liền bảo chàng:

– Xin anh để cho anh Nguyên kể dứt câu chuyện đã rồi hãy ngắt lời.

Thư cười:

– Thưa cô, kể dứt rồi thì còn ngắt vào đâu được! Và câu chuyện ấy tôi đã nghe vài chục lần rồi, tôi thuộc lòng đến nỗi có thể kể ngược lại từ cuối lên đầu được. Đây này: Văn đánh bạc, có cả cá ngựa đấy nhé, mà chàng đánh bạc là vì chàng đã không tìm được quên trong ái tình, mà đến với ái tình là vì chàng đã không tìm được quên trong đọc sách, mà sở dĩ chàng đọc sách là vì chàng đã không tìm được quên trong sự làm việc, làm việc công sở vì chàng là một công chức cao đẳng. Tóm lại chàng là một người suốt đời băn khoăn khổ

sở muốn quên mà không quên được. Có lẽ đời chàng thiếu lý tưởng.

Oanh nghiêm trang hỏi:

– Có đúng thế không, anh Nguyên?

– Gần đúng cả đấy! Tôi sẽ làm hoạt động tới một trăm nhân vật, toàn là nhân vật thực trong xã hội hiện thời, trong đám thanh niên vô lý tưởng của ta. Trong đó sẽ có những nhà văn không lòng tự tin, những họa sĩ không lòng tự tin, những nhà chính trị không lòng tự tin. Một bọn hoạt động, hành động không có mục đích, hay chỉ có mỗi mục đích thiển cận: quên.

Lan hỏi:

– Thế trong chuyện của anh có phụ nữ không?

– Có chứ! Có đủ hạng người trong xã hội, từ bà bác sĩ, tiến sĩ, cử nhân cho tới các cô buôn thúng bán mẹt.

Lan khen một câu lấy lòng khách:

– Thế thì chắc hay lắm!

Trinh thêm:

– Nhưng mà buồn lắm!

Đình nói:

– Với lại Văn đi tìm giữa trưa ở mười bốn giờ thì thấy thế nào được. Sao anh chàng không tìm "quên" ở ngay "quên"?

– Phải lắm!

Ai nấy vỗ tay cười reo, trong khi Nguyên ngây người nhìn ra phía cửa sổ. Chàng đương lắng hết tinh thần ngắm những cảnh linh động trong tưởng tượng. Chàng thấy nổi bật lên trong ánh đèn điện hàng cây im tắp và như chạm trổ bằng ngọc xanh trong. Lướt qua cái nền hào quang, bóng mấy con ngựa thí. Đối diện với cái cảnh thần tiên ấy là một cảnh tấp nập, huyên náo: những con bạc hồi hộp chỉ trỏ, bàn tính, tính toán, lo sợ phàn nàn khổ sở.

Rời vòng đua ngựa, trí nghĩ Nguyên sấn vào một nơi cờ bạc, chàng thấy hiện ra những thiếu phụ xinh đẹp ngồi ủ rũ bên những chàng trai lịch thiệp, vất từng tập giấy bạc ra đánh một tiếng để khoe giàu.

Những cảnh ấy Nguyên đã mục kích, đã ghi chép vào sổ tay để chờ ngày cho lên tiểu thuyết, thiên tiểu thuyết mà chàng bắt

đầu đã hơn bốn năm nay nhưng chưa viết được một nửa dòng. Chàng bảo những bạn thường chế giễu chàng là một nhà văn không có văn, một nhà tiểu thuyết chưa từng viết tiểu thuyết: "Các anh chờ độ mười năm nữa sẽ được văn phẩm độc nhất của tôi, vì trong đời tôi sẽ chỉ viết một thiên tiểu thuyết ấy thôi. Nhưng mà phải biết!...".

Nguyên đương mơ mộng, tiếng nói của Nam làm chàng giật mình:

– Xin mời văn sĩ Nguyên và tất cả các văn nghệ sĩ khác hãy cạn cốc này để chúc cho thiên tiểu thuyết của chúng ta, của thanh niên chúng ta chóng hoàn thành.

Hàng chục cốc giơ lên và dốc cạn sau những câu tiếng Nam tiếng Pháp ồn ào: "Phải đấy!" "C'est Ca" "Cạn!". Nhưng các thiếu nữ chỉ nâng cốc lên môi lại đặt cốc xuống. Các cô chưa quen với cái vui đùa ầm ỹ, nhất là lần này lại là lần thứ nhất các cô dự tiệc cùng bàn với bọn đàn ông trẻ tuổi, lem luốc. Vì thế phần đông các cô có vẻ bẽn lẽn, ngờ nghệch, ăn uống nhỏ nhẻ.

Đức bình phẩm:

– Người có vẻ ít "cô dâu" nhất là "cô dâu".

Lan cười, hỏi:

– Tại sao thưa anh?

– Tại các cô khác e lệ như những cô dâu cả.

– Còn em thì không e lệ tí nào, phải không?

Thấy ai nấy trở nên uể oải, vì lúc đó đã dùng hết các bát nấu, Ngọc nghĩ đến làm hoạt động bữa tiệc. Chàng bàn:

– Bây giờ chúng ta mỗi người mời chú rể một cốc rượu.

Nam kêu:

– Trời ơi! Thế thì đào sẵn một cái hố mà chôn chú rể!

Nhưng người ta cũng nhất định mời Nam uống cho bằng được. Và tuy một cốc đổi ra một hớp, Nam cũng say mê man, mặt đỏ gay, đầu lảo đảo. Chàng phải cố gượng mới ngồi vững được trên ghế, không ngã gục xuống bàn. Và chàng có một cảm giác buồn buồn, tưởng như mình bị bắt đầu sống cái đời trống rỗng trong khuôn tiểu thuyết dự định của Nguyên. Băn khoăn, thì xưa nay chàng không từng băn khoăn vì chàng đã tìm thấy trong nghệ thuật con đường đi hay sự "quên lãng" của Nguyên cũng vậy. Nhưng lòng "tự tin" chàng

IV

Càng gần Quảng Yên, Nam càng băn khoăn, áy náy. Ban nãy, ở trên xe hỏa chàng bình tĩnh hồn nhiên biết bao! Ban nãy chàng chỉ nghĩ đến tình yêu. Và trong mưa phùn, chàng thấy vạn vật tăng đẹp bội phần. Bên cạnh chàng, Lan nhí nhảnh như một con chim khuyên. Lan mà ái tính mới mẻ đã sưởi ấm tâm hồn, đã nhuốm hồng đôi má. Chàng biết Lan sung sướng và chàng sung sướng hơn.

Nhưng bây giờ, mỗi lúc chàng một thêm lo lắng. Buổi sáng, lúc ở Hà Nội sắp sửa ra đi, sự lo lắng chỉ thoáng qua, lờ mờ. Và nửa thực nửa bỡn chàng đã bảo Lan: "Hay chúng ta bỏ quách cái lễ nhị hỉ?".

Nghe chồng nói, Lan cười khanh khách, vì Lan chắc chắn rằng Nam bông đùa.

Bây giờ thì cảnh ấy gần tới nơi rồi!... Nam tưởng lại sẽ diễn ra một lần nữa những cái phiền phức trong đám cưới hai hôm trước: "Trời ơi, phiền phức! Có ngờ đâu muốn yêu nhau người ta phải làm nhiều việc đáng ghét đến chết!".

Đáng ghét hơn hết có lẽ là những việc khó chịu xẩy ra ở nhà cha mẹ vợ. Nam còn như trông thấy những ông chú, ông bác, bà cô, bà dì từ quê hay các nơi xa tới. Và còn như nghe thấy lời một bà mặt to miệng rộng: "Không thể được ạ, ngày hôm nay là ngày vui mừng của hai cháu, quan Tham bà Tham phải để hai cháu vào làm lễ rồi mừng cho hai cháu lấy may. Cháu là con trưởng ạ, còn các em cháu sau này cơ ạ...". Bài diễn văn khiến Nam tái mặt. Và chàng không ngờ đâu lại có việc lạy cha mẹ vợ. Hai ba lần Biên từ chối và Nam đã hơi hoàn hồn, thì một bà khác và nhiều người nữa lại xúm vào bắt ép Biên phải nhận lễ. Họ làm như đó là một bổn phận của con, của rể đối với cha mẹ vợ và họ hàng nhà vợ, một bổn phận không thể bỏ được.

May mà Biên quả quyết đã làm theo ý định và lẽ phải. Theo lẽ phải, không thể nào một người bạn để một người bạn lạy sống mình được, dù người bạn trở nên con rể mình.

Vì việc ấy mà về tới nhà Nam sinh ghét Lan: chàng thấy Lan tươi cười xăm xăm chực bước vào cái chiếu hoa mà một người

trong họ đã trải ra ở trước sập. Chàng cho Lan vừa ngốc vừa cổ. Nhưng chàng tha thứ Lan và cười mãi khi được Lan cho hay rằng nàng làm thế chỉ cốt để trêu chồng chứ thực ra nàng thừa hiểu sự vô lý của cái lạy vô lý ấy.

Lần này thì không chắc còn những điều lo lắng phiền phức nữa. Nhưng Nam vẫn không hẳn yên tâm. Sáng hôm nay Lan ngây thơ hỏi chàng: "Lễ nhị hỉ thì về nhà chúng ta phải làm những gì?". Nam cố giữ mới khỏi cáu kỉnh và chàng lạnh lùng đáp: "Làm những gì? Chả làm gì ráo!".

"Ừ! Phải làm những gì?". Bây giờ Nam cũng tự hỏi thế. Và chỉ một chữ "lễ" cũng đủ làm cho chàng rùng rợn. Chàng nghĩ thầm: "nếu lại có những bà hôm nọ thì chưa biết chừng họ còn sẽ bày đặt ra một cái lễ gì nữa!".

– Lan ơi, hôm nay có còn những bà trong họ không?

Nam cất tiếng hỏi vọng sang cái xe buông mui che áo tơi cánh gà đi sát cạnh xe chàng. Lan không hiểu:

– Những bà trong họ nào?

– Những bà đến ăn cưới hôm nọ ấy mà.

– Không, các bà ấy về rồi chứ!

Một lát sau, Lan hỏi lại:

– Nam ghét các bà ấy lắm, phải không?

Nam cười:

– Còn phải nói!

Ở trên xe hỏa, hai người thì thầm nói chuyện liền liền, nên Nam không kịp nghĩ, kịp nhớ đến những việc đã qua: ái tình khiến chàng chỉ tưởng tới hiện tại: chàng âu yếm nhìn Lan và không lo ngại xa xôi. Bây giờ ngồi một mình trong chiếc xe kéo kín mít. Nam không khỏi tư lự vẩn vơ. Nhiều lúc chàng muốn nói chuyện với Lan cho khuây khỏa, nhưng phải gào thét lên mới nói chuyện được thì câu chuyện còn có nghĩa lý, thú vị gì!

Nam đương suy nghĩ, lòng buồn rời rợi, bỗng giật mình thấy xe đã đặt xuống. Thì ra vào tỉnh ly lúc nào chàng cũng không để ý nữa. Chàng hốt hoảng:

– *Đến nơi rồi à?*

Lan bước xuống hè, đáp:

– Đến nơi rồi, Nam mê ngủ à?

Nam bứt rứt khó chịu, chẳng thèm trả lời, đứng ngơ ngác nhìn cửa nhà vợ.

– Anh kéo chuông hộ em một chút, em còn trả tiền,

Nam thong thả tiến đến bên cửa, uể oải giơ tay với dây chuông.

Cúc ra mở cửa, reo mừng:

– À! Anh chị! Thầy me đương mong anh chị.

Rồi nàng mỉm cười đăm đăm nhìn Lan, như để tìm trên nét mặt chị những sự biến đổi rõ rệt.

– Kìa. Cúc hay nhỉ! Đứng ỳ ra đấy à. Không vào trình thầy me đi!

– Thầy me ở trên gác. Mời anh chị lên.

Cái mỉm cười vẫn không rời cặp môi cô em vợ và làm cho Nam đương tức tối vô cớ phải hết sức bực mình. Chàng lạnh lùng hỏi:

– Cúc thích chí cái gì mà cười mãi thế kia?

Vừa vào qua cửa, Nam nhận ngay thấy một bàn đầy thức ăn. Chàng kêu:

– Lại tiệc?

– Ô hay! Anh rõ ngớ ngẩn! Ngày nhị hỉ của anh chị, lại chẳng có tiệc thì sao?

Nam hiểu rằng Cúc đã trả thù về câu hỏi mỉa mai của mình lúc nãy.

Ba người sắp sửa lên gác thì Biên nghe tiếng ồn ào ở nhà dưới đã bước xuống thang, đi thẳng lại Nam giơ tay nói:

– Bonjour Nam, bonjour Lan, Ca va?

Nam bắt tay Biên và ngả đầu. Bao nhiêu nỗi lo lắng sợ hãi vụt biến hết.

Từ đó Biên chỉ nói chuyện bằng tiếng Pháp với Nam. Và khi thấy Nam xưng hô mình là "vous" chàng thẳng thắn bảo:

– Tu sais' tu peux bien me tutoyer comme auparavant.

Thế là sự thân mật trở lại liền giữa hai người bạn. Đến nỗi, như thể thổ lộ với bạn, Nam thân mật bảo Biên (chàng vẫn nói tiếng Pháp):

– Tôi sung sướng lắm, vì Lan rất ngoan ngoãn và thông minh.

Biên cười vỗ vào vai Nam đáp:

– Chưa chắc đâu! Lan đầu bò đầu bướu lắm cơ đấy. Rồi nghĩ đến địa vị một người cha, chàng tiếp luôn:

– Anh phải dậy bảo, khuyên răn ngay từ buổi đầu mới được, không nên nuông nó quá.

Chàng lại cười, cười rất vui vẻ, đọc câu ca dao:

Dạy con từ thuở còn thơ,
Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

Nam cũng cười, nhưng cười ngượng nghịu.

Giữa lúc ấy, vợ Biên xuống, Nam chắp tay chào lí nhí.

– Anh!

Nam nhận thấy sự cách biệt mênh mông giữa tiếng "anh" ngày nay và tiếng "anh" ngày trước. Ngày trước khi chàng chỉ là một người bạn, nhưng vợ Biên cũng gọi chàng là "anh", nhưng bằng một giọng thân mật, tự nhiên biết bao. Bây giờ tiếng "anh" ở miệng người đàn bà đã trở nên mẹ vợ chàng, Nam chỉ nhận thấy kiểu cách, lạnh lùng, lạnh lẽo.

– Anh đi xe ca đấy chứ?

– Không ạ, đi xe tay đấy ạ.

– Không, tôi hỏi anh đi xe ca Hà Nội - Hải Phòng, cơ chứ!

– Từ Hà Nội tới Hải Phòng thì đi xe hỏa ạ.

Nam đã xóa bỏ hết đại danh từ. Vì chàng thấy khó xưng hô với người mẹ vợ trẻ quá. Nhưng cuối câu chàng đã thêm vào chữ "ạ" cho lời nói được lễ phép hay ít ra cũng bớt dấm dẳn dóng một dóng hai.

– Hôm nay tôi không mời một ai. Để ở trong nhà với nhau cho được... cho được...

Thấy vợ tìm chữ một cách khó khăn. Biên tiếp:

– Cho được thân mật.

Phải, cho được tự nhiên. Mà cô ấy đâu? Chị ấy đâu?

– Nó chạy vào trong kia với các em.

Tiếng cười nói ở trong nhà đưa ra. Vợ Biên nói một mình:

– Chị em xa nhau mới có hai hôm mà làm như...

Nam đã hơi khó chịu về cái lối nửa chừng của bà mẹ vợ, chàng nghĩ lẩn thẩn: "Giá phải ngày xưa thì mình đã chế cho mấy câu". Và không giữ nổi, chàng bật cười, khiến người đàn bà ngơ ngác nhìn chồng, rồi tưởng hiểu ý nghĩa cái cười của con rể, nàng cũng cười theo: – Có phải không anh?

– Vâng, chính phải thế.

Nam đã trở nên có giọng trào phúng mọi ngày, chàng chẳng biết cái gì phải, cũng trả lời liều. Sự thực thì người đàn bà chưa nói dứt câu.

– Có phải không anh, con gái đi lấy chồng bao giờ về nhà cha mẹ cũng...

– Vâng, chính thế.

– Cũng sung sướng, dù chỉ xa nhà có... có hai hôm.

Chừng Lan vừa chợt nhớ tới vì lúc ấy nàng chạy vội ra nhà ngoài.

– Lạy mẹ ạ!

– Không dám, chào cô!

Người mẹ cười nhìn con, khiến Lan xấu hổ cúi đầu, Lan tưởng như ai ai đều nhận thấy những sự thầm kín của mình biểu lộ trên vẻ mặt sung sướng. Những tiếng reo "chị Lan" ở nhà trong đến cứu thoát nàng ra khỏi chỗ khó khăn. Nàng quay lại đáp:

– Gọi gì mà ầm lên thế?

Rồi vội vàng chạy vào:

– Nó hãy còn trẻ con lắm phải không anh?

Biên như trả lời vợ hộ Nam:

– Cũng chả trẻ con lắm! Nó đáo để ra phết đấy!

Chàng kể tiếp:

– Ban nãy tôi vừa khuyên anh Nam nên dạy bảo nó ngay buổi đầu mới được.

Người đàn bà sa sầm mặt, đáp:

– Ông cứ nói thế chứ nó đáo để gì mà đáo để!

Biên lặng thinh rồi chàng bảo Nam:

– Anh có mệt không?

– Không ạ.

– Đi rửa mặt rồi ăn cơm, chắc đói rồi chứ còn gì. Thuận giục nó dọn cơm thôi.

Người vợ lườm chồng. Nàng không ưa cách xưng hô quá thân mật ấy ở trước mặt con rể. Nhưng nàng cũng lặng lẽ vào nhà trong sửa soạn cỗ bàn. Vì đó là một bữa cỗ rất long trọng với đủ các bát nấu, tuy chỉ có mỗi một ông khách là chàng rể.

Hôm nay Nam cũng uống rượu và uống không ít nhưng tâm hồn chàng như vẫn lạnh. Không những chàng không có cái vui bồng bột trong bữa tiệc cưới ở Hà Nội đến cái vui âm thầm chàng cũng không thể có được. Những diện mạo trước kia rất dễ yêu, – trước kia đã bao lần chàng ăn cùng bàn với gia đình này – Bây giờ chàng chỉ thấy dửng dưng hay kín đáo.

Cả lũ em bé mọi khi quấn quít chàng là thế mà nay cũng giữ gìn như đối với một người khách lạ. Chàng nghĩ thầm "Vô lý". Và chàng hằn học liếc nhìn Lan, để ngầm bảo cho biết rằng mình khó chịu. Lan chau mày liếc lại. Hai người, tuy mới cưới, đã hiểu nhau và đã có thể nói chuyện với nhau bằng im lặng như những cặp vợ chồng lâu năm.

Ăn xong, Nam đứng nhìn qua cửa kính ra đường. Chàng vẫn còn tức tối và chàng không muốn ai ngắm nghía vẻ mặt kém vui của chàng.

Lan theo ra, ghé gần hỏi:

– Nam sao thế?

Nam không quay lại, đáp:

– Chẳng sao cả.

Giọng Lan van lơn:

– Em lạy Nam, Nam đừng thế tủi nhục em lắm.

– Đừng thế nào?

– Đừng có cái mặt khó đăm đăm như thế.

Nam bật cười:

– Lan thấy anh có cái mặt khó đăm đăm?

– Chứ còn gì nữa!

– Sao không nói mặt sưng mày xỉa nhân thể.

– Anh muốn em nói thế?

Nam quay lại nhìn thẳng vào mặt Lan. Nhưng chàng không giữ được một giây giận dữ trang nghiêm. Thấy Lan mỉm cười âu yếm, chàng cũng mỉm cười chợt nhớ ra mà giữ lại được một cử chỉ quá suồng sã đối với một người vợ yêu.

– Sắp về thôi chứ?

Lan kinh ngạc hỏi lại:

– Về à? Em tưởng...

Lan ngừng bặt, vì thấy Cúc tiến lại gần:

– Cái gì thế, em?

– Me hỏi anh Nam có nghỉ trưa không?

Nam cố vui vẻ đáp:

– Không, em ạ.

– Thế thì me mời anh vào nhà trong đánh tam cúc.

Nam hốt hoảng:

– Đánh tam cúc?

– Vâng, đánh tam cúc thì anh hẳn cao lắm.

Nam toan từ chối không biết đánh. Nhưng chàng chợt nhớ ra rằng đã một lần chàng đánh tam cúc tay ba với Lan và Cúc.

– Đánh tam cúc thì buồn chết. Với lại anh chị sắp về Hà Nội bây giờ đây.

Cúc vênh váo:

– Về Hà Nội: Dễ nghe nhỉ! Ai để anh chị đi về Hà Nội hôm nay. Mai về sớm, mai em cũng về học cơ mà!

Lan bàn, miệng tươi cười, mắt âu yếm nhìn chồng:

– Phải đấy, Nam ạ. Mai chúng ta cùng về sớm với Cúc. Hôm nay trời rét thế này mà đi chuyến ô tô ray chín giờ về Hà Nội thì nản chết! Ở lại đến mai, nhá?

Cúc chêm:

– Bảo ngoan chóng chị yêu! Không chị giận tội nghiệp!

Nam nhìn nàng, nghĩ thầm:

– Bọn thiếu nữ ngày nay họ tinh quái, và họ dễ yêu quá! Và chàng đáp:

– Được rồi!

Cúc vỗ tay reo:

– Ừ, có thế chứ! Anh ngoan lắm.

Bất giác Nam mỉm cười nhớ tới câu Kiều:

"Bây giờ thay bậc đổi ngôi...". Và chàng bảo Cúc:

– Cúc không còn giữ một chút kỷ niệm gì của "chú Nam" cả nhỉ?

– Có chứ. Những tranh của "chú Nam" em còn cả đấy, chả mất một cái nào. Ngày ấy anh vui vẻ hơn bây giờ nhiều, nhỉ? Chị Lan nhỉ?

Lan cười:

– Bao giờ anh cũng vui vẻ.

– Không, bây giờ anh không vui vẻ một tí nào. Anh bẽn lẽn như một chú rể mới.

Nam chữa thẹn:

– Thế à, Cúc?

– Nhưng đi vào thôi, chẳng me đợi sốt ruột.

Dứt lời, Cúc nắm tay Lan và Nam lôi vào nhà trong.

V

Thôi, thế là xong hết mọi việc! Đó là ý nghĩ của Nam, sáng hôm sau, khi thức giấc. Nhớ lại các công việc phiền phức trong mấy ngày liền chàng hãy còn bực bội khó chịu và chàng như có cảm tưởng vừa thoát khỏi một tai nạn bất ngờ. Phải, chàng không ngờ lấy nhau, người ta lại phải làm nhiều cái vô nghĩa lý đến như thế.

Nam càng buồn phiền khi nhận thấy rằng Lan đã vui thích trong những cái vô nghĩa lý ấy, Lan mà chàng vẫn tưởng có một tâm hồn khoáng đạt như chàng. Lan hý hửng như trẻ con được người ta cho những đồ chơi rằm tháng tám. Lan sung sướng ngắm đoàn ô tô, tưởng chừng từ bé đến giờ chưa được nhìn thấy nhiều ô tô như thế bao giờ. Những điều mà chàng không tha thứ cho Lan được là Lan yêu quí hai cái hòm da đen trên phủ vuông nhiễu điều.

Chàng không biết cái tục dẫn cưới bằng những cái hòm Tàu ấy có từ bao giờ, và không hiểu sao người sau cứ nhắm mắt làm theo mãi người trước cái việc không một chút mỹ thuật ấy. Hễ cưới thì phải có cái hòm đen. "Phải chăng nó là cái gạch mực nối liền hai tên chồng vợ?".

Ý nghĩa ấy làm Nam bật cười. Chàng hôn để đánh thức vợ dậy và hỏi:

– Lan ơi, Lan thích màu gì?

Lan mỉm cười ú ớ, quàng hai cánh tay lên cổ chồng Lan nũng nịu hỏi lại:

– Màu gì?

– Anh hỏi thế để rồi anh sơn hai cái hòm giúp em. Em thích màu gì thì anh sơn màu ấy mà.

Lan cố tươi cười mắng yêu chồng:

– Nam cuồng màu như thầy đồ xưa cuồng chữ hay sao mà bạ cái gì anh cũng muốn sơn thế?

– Không, không phải bạ cái gì anh anh cũng muốn sơn, anh chỉ muốn sơn đôi hòm của Lan thôi.

Lan lặng thinh, Nam đứng dậy khoác lên mình cái áo kimônô và nói:

– Chắc Lan thích màu xanh. Vậy anh sơn màu xanh nhé?

Lan gắt:

– Nam trẻ con lắm! Mà Nam không yêu em một tí nào, vì Nam không biết kính trọng cái kỷ niệm thiêng liêng của ngày cưới chúng ta, đem nó ra chế giễu mãi trong luôn mấy hôm nay.

Mắt Lan long lanh ướt lệ, khiến Nam cảm động và hối hận xin lỗi.

Kỷ niệm thiêng liêng! Nam suy nghĩ. Thì ra mỗi việc quan trọng đều có những kỷ niệm riêng. Cái hòm da Tàu chỉ là một biểu hiện của đám cưới, và sẽ là một kỷ niệm cho đôi vợ chồng sau này mỗi khi ngắm nó lại nhớ đến cái ngày sung sướng lấy nhau.

Bất giác chàng đưa mắt nhìn lên đôi hòm đen mà Lan vẫn còn phủ lên trên một đôi nhiễu điều; chàng thấy đỡ chướng mắt hơn trước và chàng tự bảo: "Nó xấu nhưng có lẽ cái ý nghĩa của nó đẹp!".

Xưa nay ít khi chàng nghĩ sâu xa tới ý nghĩa của một vật. Chàng đã quen nhìn màu và nét. Và hầu như cái đó đã ngấm ngầm trở nên một triết lý của chàng: ở đời chỉ có màu và nét. Người con gái đẹp, cũng như một phong cảnh đẹp, chỉ là sự hòa hợp nhịp nhàng của màu và nét. Có ai trông thấy bề trong của người con gái, cũng như có ai lại đi ngắm cái ý nghĩa của một phong cảnh đẹp! Một tâm hồn đẹp? Thì tâm hồn nào chẳng đẹp ở trong một hình thức. Thử xấu mà ngây thơ xem có ai thương được không? Nhưng cái ngây thơ ở người đẹp là một cái đẹp. Cả đến những cái tai ngược, ngu ngốc, kiêu ngạo, cũng đều không hẳn là những cái xấu ở dưới màu và nét cân đối của một thân thể hoàn toàn: trái lại thế nữa.

Nhưng nay một câu "kỷ niệm thiêng liêng" như làm lung lay cái triết lý của chàng. Ở đời mà có được những việc thiêng liêng, mà có được những kỷ niệm thiêng liêng. Chàng và Lan lấy nhau, đó là một việc thiêng liêng trong đời chàng, trong đời Lan?

Đã biết bao lần chàng làm cái việc ấy với biết bao cô gái khác, nào chàng có nghĩ đến sự thiêng liêng như Lan đâu! Mà cũng không phải những lần trước chàng yêu kém lần này.

Chàng nhớ lại một lần chàng chung sống trong gần hai năm với một kỹ nữ. Sống với nhau như hệt vợ chồng. Và chính chàng cũng không hề phân biệt cái tiểu gia đình tạm thời của mình với những gia đình chính thức của các bạn. Đến nỗi mùa hè năm ấy chàng đã đưa Yến (tên một người kỹ nữ) ra Sầm Sơn ở chơi một nửa tháng cùng nhà với gia đình một người bạn. Bà thân mẫu của bạn vẫn tưởng Yến là vợ chàng và yêu quý Yến lắm vì Yến rất ngoan ngoãn, nết na, khéo chiều các "cụ" cũng như khéo chiều tình nhân. Nhưng một hôm có người mách với bà cụ rằng đó chỉ là một cô gái nhẩy, tức thì bà cụ làm ầm lên và "mời" Nam đi ngay.

Nay nghĩ lại, Nam không còn nhớ và cũng không hiểu sao chàng đã bỏ Yến. Hình như một việc xích mích cỏn con xẩy ra, mà chàng đã cố ý làm ra to chuyện. Thế rồi hai người vui vẻ xa nhau. Phải, vui vẻ, vì mấy hôm sau gặp Yến đi với tình nhân mới không những chàng không ghen, mà chàng còn mừng thầm rằng Yến đã yên sở và sẽ không đến quấy nhiễu chàng nữa.

"Ở đời có việc gì quan trọng đâu!". Chàng nghĩ thế. Tư tưởng ấy đã hầu thành một tư tưởng sáo đối với chàng. Chàng nói không còn thực vì nó không còn đẹp một tí nào nữa. Nhưng dù không nghĩ,

nghĩa là không nghĩ sâu xa với tất cả tư tưởng, cái ý nghĩ ấy, vì thói quen vẫn lảng vảng trong óc chàng: "Ở đời làm gì có việc quan trọng, làm gì có việc thiêng liêng! Một kỷ niệm chỉ là một kỷ niệm. Nó chẳng thiêng liêng, cũng chẳng sao cả! Ở đời chỉ có hiện tại. Biết hưởng hiện tại hơn người khác đó là cái hơn đời của nghệ sĩ. Quá khứ và tương lai, sự thực, chỉ là hiện tại, vì chỉ có trong hiện tại. Mình hồi tưởng lại những ngày sung sướng và mình sung sướng, đó là mình chỉ đương hưởng cái sung sướng hiện tại, cái cảm giác sung sướng hiện tại mà thôi: quá khứ và tương lai không có, hay chỉ có ở nơi các thầy bói và tướng số".

Lan nằm trong chăn ấm, mơ mộng nhìn lên đình màn. Bỗng nàng hỏi Nam:

– Anh nghĩ gì thế?

Nam rùng mình. Cả một quá khứ trở về hiện tại hay đúng hơn cả một hiện tại vụt thành quá khứ. Một hôm Yến hỏi chàng thế. Để sống lại một phút đã sống, chàng trả lời như hệt lần trước:

– Nam nghĩ đến em.

Và cũng như lần trước chàng chạy vào giường âu yếm hôn người yêu. Rồi chàng bảo Lan:

– Người ta nếu trông thấy được ý nghĩ của nhau thì buồn lắm em nhỉ?

– Tại sao thế, anh?

– Vì người ta rất hay nghĩ bậy.

Đôi mắt ngờ vực của Lan đăm đăm nhìn thẳng vào mắt Nam để tìm tòi. Nam sợ hãi vẩn vơ và nói chống chế:

– Em có biết anh nghĩ gì không? Anh vừa nghĩ đến đôi hòm không chút mỹ thuật của em. Chúng nó làm tối rầm cả một góc phòng ngủ sáng của chúng ta.

Lan thật thà đáp:

– Nhưng phải bày ở phòng ngủ, cất vào buồng chứa sợ rông đi.

Nam cười, nhắc lại:

– Sợ rông? Nhưng em có sợ rông không đã?

Lan nghiêm trang đáp:

– Mẹ nói thế thì em cũng tin thế, chứ biết đâu.

Lần đầu Nam nhận thấy Lan tin nhảm. Nhưng chàng không buồn cũng không khó chịu. Tin nhảm cũng là một tính nết như những tính nết khác, như tính nết hay ăn của ngọt, hay làm dáng chẳng hạn. Và chàng lại nhớ đến Yến. Không lần nào chàng vỗ vai Yến mà Yến không vội xoa vai kia cho cân và khỏi rông. Chàng thấy cái cử chỉ của Yến đẹp quá, nên thỉnh thoảng lại vỗ vai nàng, để nàng đưa tay lên xoa vai. Và chàng đã bảo Yến điệu bộ ấy cho chàng vẽ một bức tranh sơn mà chàng đặt tên là "La superstition". Khiến anh em bạn không ai hiểu cái thâm ý của chàng.

Chàng nhìn Lan nghĩ thầm: "Tin nhảm cũng được, quý hồ cái tin nhảm ấy không chướng mắt. Đằng này, đôi hòm đen lại làm chướng mắt lắm".

Những tiếng làm việc ở xưởng khiến Nam hết suy nghĩ viển vông. Chàng vừa nhớ rằng chàng đã dặn thợ bắt đầu làm việc từ hôm nay. Như thế cũng nghỉ mất một tuần lễ rồi còn gì! Chàng có cảm tưởng buồn sau tết, khi thợ thuyền đến xưởng với một bánh pháo mà họ đốt đì đẹt ở ngoài sân.

Nam sang bên xưởng. Một người ngửng đầu chào cũng như mọi buổi sáng khác.

Biết Nam không ưa nói chuyện, ai nấy im lặng làm việc. Trong tiếng mài gỗ, tiếng đánh sơn Nam nhận thấy mùi dầu sơn bốc lên, vừa chua, vừa ấm. Không khí quen thuộc và thân yêu. Và chàng vui vẻ đến cái bàn ở một góc xưởng cầm bút rạm sơn. Một người thợ kêu:

– Thưa ông, thay áo đã, chẳng dính sơn.

Nam cúi mặt nhìn cái áo kimônô của mình dài lê thê gần chấm đất và bất giác ngửng lên cười vơ vẩn. Tiếng Lan lại gọi chàng ở phòng ngủ. Chàng vứt bút vội chạy sang. Bọn thợ đưa mắt nhìn nhau mỉm cười.

Chàng vừa bước vào phòng, đã nghe thấy tiếng Lan gắt gỏng. Chàng âu yếm hỏi:

– Cái gì thế, em?

– À, em mắng con Nhài. Ai lại từ sáng đến giờ nó chưa đun được ít nước rửa mặt!

– Em rửa mặt nước nóng?

– Chứ rét thế này, rửa nước lạnh sao được.

– Anh cứ tưởng em vệ sinh, kiêng rửa nước nóng. Anh thì anh rửa nước lạnh quanh năm. Anh sắp tắm nước lạnh bây giờ, vì sáng nào anh cũng tập thể thao và tắm nước lạnh.

Lan lãnh đạm:

– Nhân tâm tùy thích, em thì mùa rét em rửa mặt nước nóng.

Rồi nàng cười nói tiếp:

– Nếu anh là mẹ chồng em thì có lẽ anh bắt em rửa nước lạnh đấy nhỉ?

Nam cũmg cười theo, vui vẻ. Nhưng, sự thực lòng chàng không vui, Lan nhắc mẹ chồng làm chàng lại nhớ tới bà mẹ vợ của chàng và bàn tam cúc chiều hôm trước. Trong hai giờ liền, chàng đã như một "người mất hồn" – lời Lan bảo chàng. Suốt cuộc, chàng vẫn chưa quen và tưởng sẽ không bao giờ quen được với những cách xưng hô mới, nhất là đối với mẹ vợ. "Thà cứ câm, cứ chẳng nói câu nào cho xong!" Chàng nghĩ thế và làm gần như thế.

Đến nỗi người đàn bà thấy dáng bộ chàng uể oải, rời rạc, hiểu rằng chàng miễn cưỡng và khó chịu, liền thoái thác bận việc, đứng dậy lên gác. Cúc không bằng lòng, hằn học nhìn Nam, nhất là thấy chàng hớn hở, sung sướng như vừa thoát ra khỏi một tai nạn. Lan thì buồn rầu, lo lắng. Nàng biết mẹ giận chồng và rồi chắc chắn sẽ giận lây mình. Và nàng thì thầm bảo Nam:

– Anh vụng quá!

Nam hỏi lại:

– Anh đánh bài vụng?

– Không, anh ăn ở vụng kia.

Nam, vờ ngạc nhiên, hỏi Cúc:

– Anh vụng, có phải không Cúc?

Cúc vùng vằng:

– Chứ gì nữa! Vụng khê vụng nát ra... Mẹ giận anh đấy.

Cảnh đánh bài ấy còn như hoạt động ở trước mắt chàng với những tiếng cười nói vui đùa của Cúc, với vẻ mặt trang nghiêm, cách biệt của bà mẹ vợ. Và chàng nghĩ thầm: "Làm thế nào để không bước chân về nhà vợ nữa".

Lan như đọc thấu tư tưởng của chàng, và giọng Lan, chàng nghe như có ngụ ý khiêu khích:

– Nam ạ, năm nay em về nhà ăn tết...

Nam vừa cạo râu, vừa rời rạc, bực tức hỏi lại:

– Về đâu?

– Về quê, về Quảng Yên ấy mà!

– Ừ, để xem đã!

Lan ngồi dậy ngây thơ vỗ tay, mừng reo:

– Ồ sướng nhỉ! Em cứ sợ anh không ưng. Em thích tết lắm cơ! Nam thích tết không? Người ta cứ bảo trẻ con mới thích tết, chứ em thì vẫn thích tết.

Nam cười:

– Vì em vẫn còn trẻ con.

Lan, giọng nũng nịu:

– Em trẻ con?

– Em chẳng trẻ con thì lớn với ai?

Lan giận dỗi:

– Thôi vậy! Em toan nói cho anh nghe một câu chuyện hay, nhưng anh làm em cụt hứng mất rồi!

Nam lại hôn vợ, nói:

– Em đừng cụt hứng nữa, và nói cho anh nghe câu chuyện hay của em.

– Thôi, em không chấp và em cũng không thèm giận anh làm gì.

– Vậy em kể câu chuyện hay đi.

Lan suy nghĩ. Nàng vụt nhớ lại một quãng thời quá khứ, nhớ rõ ràng như thấy màu sắc hiện ra trong ký ức. Chính từ thời ấy đã bắt đầu tình yêu của nàng, tình yêu nồng nàn như ngây thơ, và trẻ con nữa, vì mới chín tuổi.

Năm ấy, nàng không hiểu sao – và hiện giờ nàng vẫn chưa hiểu – Nam lại lên Lạng Sơn ăn tết với cha mẹ nàng. Chiều hôm ba mươi "chú Nam" tới nơi. Nàng như hãy còn trông thấy nhà họa sĩ với cái áo pardessus dầy và dài, một tay xách vali da, một tay ôm giá vẽ và các khung tranh. Hình ảnh ấy rất bền lâu trong trí nhớ nàng, mà mấy năm sau đọc được chữ Pháp, nàng so sánh thấy giống hệt một bức tranh vẽ trong một pho tiểu thuyết. Hình ảnh ấy ngày nay vẫn không phai, vẫn phảng phất hiện ra trong làn không khí hương trầm,

trên nền hoa đào tươi thắm. Và nhiều lần nàng đã ngắm Nam với lòng nhớ tiếc, nhớ tiếc vẩn vơ, nhớ tiếc thời gian không còn nữa. Nàng ngây thơ tưởng rằng sự vật hình như không thay đổi, bao giờ cũng nguyên vẹn rực rỡ như tính tình sáng đẹp của nàng.

Nhưng sự vật đã thay đổi, hình thức đã thay đổi. Từ giấc mộng xưa tiếng Nam kéo Lan về hiện tại:

– Thế nào, anh đương chờ câu chuyện hay của em.

Lan giật mình:

– Câu chuyện hay của em ư?... Anh có nhớ năm anh lên Lạng Sơn ăn tết không nhỉ?

Nam ngơ ngác hỏi:

– Lên Lạng Sơn?

– Cách đây chín, mười năm, khi thầy em làm việc ở trên ấy...

Nam đáp:

– À, anh nhớ ra rồi... Có... Phải... Chính thế?

Sự thực, Nam đã quên, hay chỉ còn nhớ lờ mờ. Vì năm nào cũng vậy, tết chỉ là một dịp để chàng đi vẽ, chàng còn phân biệt sao được năm nào vào với năm nào. Lạng Sơn đối với chàng chỉ còn là dãy núi lam, rặng đồi hồng với những nhà sàn rải rác, lưu vực đồng lúa xanh với những người Thổ vận chàm. Thế thôi.

– Nhưng câu chuyện hay của em chỉ có thế?

Lan đã ra khỏi giường và đã mặc vào mình cái áo "blouson" bằng len đan màu xanh lá mạ.

– Chỉ có thế? Vậy ra trí tưởng tượng của Nam xoàng quá. Nam không tưởng tượng lại được cái cảnh tết năm ấy?

Nam cười:

– Tưởng tượng thì vẫn được! Nhưng tưởng tượng không phải sự thực.

– Không, em nói tưởng tượng lại sự thực kia, nghĩa là anh vẽ lại trong đầu bức tranh mùa xuân ấy.

– Em Lan thi sĩ quá.

– Thì ra Nam đã quên được cảnh thần tiên ấy đấy. Em thì em nhớ mãi. Cái cảnh xuất hành đi chùa Tiên hái lộc ấy mà!

– À, phải rồi đẹp lắm.

Nam vội trả lời, tuy chàng còn đương cố phác họa ra một cảnh xuất hành bẻ lộc. Và chàng kể:

– Phải, phải, năm ấy xuất hành vào giờ tý, nghĩa là ngay sau lúc giao thừa. Anh đứng trên gác nhìn xuống thấy người qua phố tấp nập, tiếng cười vui vẻ, tiếng giầy tiếng guốc lộp cộp. Xa gần tiếng pháo liền liền nối tiếp như không bao giờ dứt. Chợt nhớ tới giờ xuất hành, anh xuống đường nhập bọn, và theo họ đi dồn cả về một phía như nước sông chảy dồn ra biển. Chừng hai mươi phút tới đền Trấn Võ...

Lan rú lên cười:

– Anh mê ngủ hay anh làm thơ đấy?

Nam ngơ ngác hỏi:

– Sao?

– Ở Lạng Sơn làm gì có đền Trấn Võ.

– Nhưng ở Hà Nội chứ có phải ở Lạng Sơn đâu!

– Em thì định thuật chuyện đi bẻ lộc ở chùa Tiên. Trời tối, leo núi chỉ chực ngã, em phải vịn chặt lấy tay anh, trong khi anh ẵm em Cúc... Nhưng thôi anh đã quên được cái kỷ niệm ấy thì em phạt anh, em không kể nữa.

– Đáng lẽ anh quên thì em càng nên kể chứ.

– Nhưng quên cũng tùy từng cái chứ.

Nam cười và nói giọng đạo mạo:

– Sung sướng thay những người dễ quên.

Lan giận dỗi, im lặng, sang phòng bên rửa mặt. Nam tháo lưỡi dao ra lau cho vào hộp. Chàng cố nhớ tường tận cái cảnh Lan định thuật lại nhưng không sao được. Ký vãng đối với chàng lẫn lộn năm này vào năm kia. Và chàng tự hỏi: "Có cần phải nhớ rõ rệt ngày nào, tháng nào, năm nào ta làm việc gì không? Ta có thể vẽ tưởng tượng được một cảnh hái lộc hay bất cứ cảnh gì với những dung nhan giống hệt mọi người thân yêu hay quen biết. Nhưng thế không đủ, và không đủ chứng thực cái trí nhớ của ta hay sao? Can chi cứ phải nhớ ngày, tháng, năm và nơi như một nhà văn kiểu cách đưa vào tác phẩm của mình: "viết tại... ngày... tháng..." tuy tác phẩm ấy chẳng đáng được ghi giờ sinh tháng đẻ một cách quá trịnh trọng như thế...

Ta nhớ, nhớ hơn ai hết và khi ta quên thì đã có sức tưởng tượng của ta thay vào, vì tưởng tượng cũng chỉ có nhớ, nhớ cái đã xẩy ra, cái có thể xẩy ra và cả cái chưa, hay không thể xảy ra được..."

VI

Như mọi buổi chiều. Nam đứng tì lan can nhìn ra cổng, không để một mẩu tư tưởng trang nghiêm hay thiết thực đến vẩn gợn tâm hồn bình thản. Trước kia chàng còn mong đợi ai đến, hay mong đợi cái gì xảy ra. Nay chàng không còn mong đợi nữa, lòng thỏa mãn, trí thỏa mãn, sống thỏa mãn. Chàng có cảm giác nằm ngửa dang tay trên mặt nước và lững lờ lười biếng nhìn trời xanh.

Đã hơn một tuần lễ như thế. Chàng không thể mó tới sơn, tới bút mà không chán nản được, cái chán nản sung sướng của hạng người không cần làm việc gì để qua thời khắc.

Nghe tiếng chuông ở cổng, chàng cũng không buồn lưu ý, vì chàng biết rằng Lan vừa đi, chưa thể về ngay được, mà ngoài Lan ra không còn ai có thể làm chàng bận tâm.

Chàng bỗng giật mình và thấy lòng hồi hộp khi nhận ra rằng người đến nhà chơi là Trinh. Nhưng chàng tự trấn tĩnh ngay và tự bảo thầm:

"Xưa nay bao giờ mình chả thế, sắc đẹp và tuổi trẻ vẫn làm cho mình cảm động. Cứ gì cô kia là Trinh hay một cô xinh đẹp khác!"

Trinh xách một gói to lững thững từ cổng đi vào. Hình như nàng đoán biết, hay đã thoáng trông thấy Nam đứng tì lan can sau đám trúc đào cành thưa, lá nhọn, nên dáng điệu nàng, tuy cố làm ra ung dung, vẫn ngượng ngùng e thẹn. Có lúc nàng đứng dừng hẳn lại tò mò, chăm chú ngắm nghía những quả cam rám hồng ở hai bên rìa lối đi.

Nam yên lặng nhìn theo từng bước Trinh rụt rè đặt trên đá sỏi. Chàng tưởng tượng một giấc mộng đẹp mà chàng có cảm giác rằng một tiếng động nhỏ sẽ làm tan trong chớp mắt. Vì thế chàng nhịn thở, ngừng tư tưởng chờ mộng biến hình.

Một tiếng gọi của Trinh:

– Chị Lan!

Nam tỉnh mộng.

– Lan đi vắng, bonjour Trinh!

Chàng vừa đáp vừa chạy ra đón tiếp. Trinh ngập ngừng chào:

– Lạy... anh!

– À! Có thế chứ!

Trinh thừa hiểu Nam định nói gì nhưng cũng vờ hỏi:

– Có thế nào thưa... anh?

Nam cười: cô đã quen gọi tôi bằng anh.

Trinh cũng cười nói:

– Người ta bảo đời là những tấn kịch diễn trên sân khấu, thực đúng. Trước kia anh sắm vai bác, em sắm vai cháu, bây giờ anh lại sắm vai anh, em sắm vai... bạn. Đối với Lan thì anh trước kia sắm vai chú bây giờ sắm vai chồng.

Và nàng cười càng to hơn như để đánh trống lấp vì nói buột miệng nàng cảm thấy ngay rằng câu nói của nàng có một triết lý vẩn vơ, kiểu cách. Và nàng xấu hổ nóng bừng cả mặt. Lời khen của Nam an ủi nàng đôi chút:

– Cô nói phải lắm. Nhưng tôi, tôi cho sống tức như lên đồng. Khi hầu bóng cô, khi hầu bóng bà Thượng Ngàn, lại khi hầu đức Thánh Trần nữa...

Nam ngừng lại một giây rồi phá lên cười, nói tiếp:

– Tôi định đi đến đâu nhỉ? Chính phải, tôi đã ra ngoài "cái tôi" nên tôi bỡ ngỡ. Cô có hiểu tôi nói gì không?

– Hiểu lắm chứ!

– Phải, tôi cũng đoán biết rằng cô hiểu. Có phải không cô, người ta chỉ sung sướng khi ra khỏi cái tôi, cái tôi khả ố như Pascal đã nói. Cô có ngắm những người lên đồng không? Mặt họ rạng rỡ, mắt họ sáng ngời, miệng họ tươi cười, điệu bộ lẳng lơ, thân thể họ uyển chuyển uốn theo nhịp đàn, linh hồn họ phiêu phiêu bay trong hương. Đẹp! Họ đẹp gấp bội lúc thường, những lúc họ sống với cái tôi tầm thường, là là mặt đất mà họ rất ghét, bấy giờ thì họ không là họ nữa. Họ chỉ là cô nọ cậu kia mà họ cảm thấy, mà họ chắc chắn

rằng đẹp lắm. Và họ đẹp lên. Sao mà tôi thích xem lên đồng thế! Và tôi lo lắng rằng một ngày kia cái nghệ thuật lạ lùng, cái nghệ thuật cao siêu đầy ái tình và triết lý ấy bị tiêu diệt: Người ta chỉ trông thấy đó là một mê tín đẹp.

Trinh nghiêm nét mặt nói:

– Bây giờ thì em xin thú thực rằng em không hiểu, em không hiểu anh định nói gì.

– Có gì mà cô không hiểu, cô thì bảo sống tức là đóng kịch, nay đóng vai này, mai đóng vai khác. Còn tôi cũng nói gần như cô, cho sống là lên đồng. Có khác một chút là các vai kịch thường buồn và lại thường đóng vụng nữa, chứ các vai đồng của tôi thì bao giờ cũng vui vẻ và bao giờ cũng đóng khéo.

– Em không hiểu là không hiểu anh "lên đồng" ở chỗ nào?

– Vậy cô không thấy Lan đẹp ra ư?

Trinh cười:

– Bao giờ Lan chả đẹp.

– Vẫn biết thế. Nhưng bây giờ Lan đương lên đồng... chỉ sợ Lan thăng đồng... sớm quá!

Câu sau cùng như một ý nghĩ thầm kín, hay một câu nói mê sảng trong giấc mộng. Trinh thoáng nhìn Nam rồi buồn rầu bảo chàng:

– Anh cho tình yêu chỉ là một sự giả dối, một sự mê tín?

– Ồ, thế thì cô lầm to, trước hết mê tín không giả dối. Sau nữa cô lẫn một vai kịch với một vai đồng – vai kịch có thể rất giả dối, nhất khi người ta đóng vụng, còn vai đồng thì bao giờ cũng thành thực. Người ta bồng bột, mê man, lọt hẳn vào, biến hẳn vào trong vai người ta đóng, người ta còn không thành thực sao được! Tôi đã nói: tôi rất thích xem lên đồng, vì thế tôi tưởng như đã thấu được hết tinh thần sâu xa của cái nghệ thuật huyền ảo ấy. Một đêm, ở Ninh Giang...

Nam bỗng ngừng lại. Chàng vừa chợt nhận thấy câu chuyện chàng sắp kể hơi sỗ sàng đối với một thiếu nữ. Lần ấy ở đền Tranh, chàng chờ mãi quá nửa đêm để xem một cô khách lai hầu bóng, vì cô ta nổi tiếng đẹp ở Hải Phòng. Mà đẹp thực. Nhưng một cái đẹp khác còn lấn át cái đẹp nhan sắc: cái đẹp dịu dàng của lời nói, cái đẹp âu yếm, yên lặng của đôi con mắt mơ màng. Chàng ngây ngất đứng nhìn, và khi "cô" ban lộc, chàng vụt cảm thấy "bóng" ốp

vào thân thể chàng, lọt vào tâm hồn chàng. Và chàng cũng say sưa lên đồng, Chàng nói: "Tấu lạy cô, cô đẹp chín nghìn, cô đẹp quá đẹp quất, làm cho đệ tử đến chết mất thôi!". Nghe chàng nói, cô không giận, cô chỉ mủm mỉm cười. Và cô càng đẹp hơn lên. Chàng mê man đến nỗi nói với "cô" những câu vô lý, những câu lẳng lơ bậy bạ.

Nhưng một giờ sau chàng được hân hạnh gặp "cô" ở nơi cô trọ: là cô chỉ là một cô khách lai kiểu cách kiêu kỳ, lắm lời, lắm điều. Chẳng còn chi là dịu dàng, chẳng còn chi là âu yếm. "Cái tôi" đã hiện nguyên hình, còn cái chín đuôi đã lột bỏ cái vỏ nàng tiên.

– Kìa nhưng mời cô vào nhà chứ. Tôi vô ý và vô lý quá, để khách đứng mãi ngoài sân.

Trinh táo bạo hỏi:

– Giờ anh mới thăng đồng?

Nam yên lặng ngẫm nghĩ trong lúc đưa Trinh vào phòng khách. Đến hiên, Trinh đứng lại bảo Nam:

– Thôi, Lan đi vắng thì em về thôi. Đây em gửi cái gói này, nhờ anh đưa cho Lan:

– Ấy, cô ngồi chơi đã, Lan cũng sắp về. Lan bảo tôi Lan chạy lên phố đúng một giờ, mà Lan đi đã... (Nam xem đồng hồ tay) đã gần hai giờ rồi, cứ tạm nhân giờ đàn bà lên gấp hai giờ thường thì Lan quả thực sắp về.

– Anh chỉ được cái nói xấu đàn bà!

– Không phải tôi nói xấu đàn bà. Nhưng chính cái đẹp của đàn bà ở chỗ ấy, ở chỗ ung dung, không bao giờ cần vội, cần đúng giờ. Không còn gì sung sướng cho người đàn ông ngồi nói chuyện với một người đàn bà, và chẳng bao giờ hết chuyện. Thiếu chuyện người đàn ông phải tìm chuyện nhiều khi tìm rất khó khăn như văn sĩ tìm cảm hứng, như thi sĩ tìm vần thơ. Nhưng sự khó khăn ấy người đàn ông vượt qua một cách dễ dàng khi ngồi nói chuyện với đàn bà. Các bà nhiều chuyện quá. Các bà không cần tìm câu chuyện, cứ tuôn ra liền liền, và như thể tránh cho người đàn ông phải tìm chuyện để nói, để khỏi có sự im lặng não nề, khó chịu giữa một người đàn ông và một người đàn bà ngồi im lặng không nói chuyện.

Trinh cười:

– Trong lúc này em có cảm tưởng anh là đàn bà và em là đàn

ông. Nhưng thôi, em nhất định về đây. Chẳng lại mang tiếng đàn bà... con gái lắm chuyện.

Nam cũng cười:

– Nghĩa là cô vẫn chưa về được. Vì câu ấy ít ra phải nhắc đi nhắc lại chừng dăm lần mới có công hiệu. Đằng này cô mới nói có hai lần, vậy cô hãy ngồi chơi nói chuyện đã.

Trinh theo Nam tiến vào phòng khách.

– Anh tiếp khách khéo quá!

– Vụng thì có...

Trinh lắng tai nghe rồi bảo Nam:

– Những thợ nghỉ làm việc rồi, anh?

– Phải, nghỉ rồi, sao?

– Không.

– Họ nghỉ rồi, vì hôm nay chủ nhật, họ không làm việc.

– Ờ nhỉ? Chết chửa, em quên cả hôm nay là chủ nhật.

Nam vẫn giọng đạo mạo, mỗi khi chàng đọc câu: "sung sướng thay người dễ quên!" câu mà chàng không quên nhắc đến. Nhưng Trinh không lưu ý đến câu triết lý của chàng nói tiếp:

– Anh tính còn nhớ ngày nào với ngày nào nữa. Ngày nào công việc cũng chỉ có thế, bán vài hào miến, vài hào bột, mấy xu mộc nhĩ. Nhắc đi nhắc lại hàng chục hàng trăm lần những câu lạt lẽo mà người ta cố làm ra thành thực.

– Ồ thích nhỉ! Nếu tôi không vẽ thì thế nào tôi cũng bán hàng.

Trinh cười hỏi:

– Bán hàng đồ nấu?

– Bán hàng đồ nấu, càng hay. Chả còn bức tranh nào đẹp bằng cái cửa hàng bán đồ nấu. Thực là đủ màu. Như một cái palette cũ. Nhưng thích nhất là cả ngày, lúc nào nhàn rỗi cũng được ngồi ngắm những con ong leo lên trên đường cát mà nghĩ mà sửa soạn, gọt giũa cho những câu lạt lẽo trở nên đậm đà, những câu giả dối trở nên thành thực. Một nghệ thuật chẳng kém gì nghệ thuật viết văn.

– Thế thì anh khinh nghệ thuật viết văn lắm nhỉ?

– Không, sao lại khinh? Trọng chứ! Cô biết tôi đã mơ tưởng viết văn không? Tôi định viết một quyển tiểu thuyết thực dày, dày ít ra là

một nghìn trang chữ crops 8. Một quyển tiểu thuyết không có chuyện. Trong đó tôi sẽ ném vào từng nắm việc thường xẩy ra hàng ngày, và từng nắm tư tưởng lạt lẽo và đậm đà, giả dối và thành thực, y như những việc làm những lời nói ở một cửa hàng bán đồ nấu.

Trinh thích chí cười hỏi:

– Thế trong tiểu thuyết của anh có ái tình không?

– Có chứ. Đó là một trong những việc thường xẩy ra hàng ngày. Còn chuyện, nếu có chuyện, thì tôi cho nó đi như nó đi, nghĩa là nó muốn đi thế nào mặc nó, quý hồ nó đến được chỗ kết cục.

Trinh lại cười sung sướng:

– Nghĩa là đến được chỗ hai người lấy nhau.

– Cũng được! Ờ hay đấy, không ngờ cô có những ý tưởng sâu xa khác thường nhỉ! Cô sẽ cho tôi cái ý tưởng ý, nếu tôi viết tiểu thuyết nhé? Cô cho tôi mượn cái kết cục đặc biệt ấy.

Cửa bên phòng khách bỗng mở ra. Và Lan lặng lẽ tiến vào.

– Ô kìa! Trinh!

Trinh quay lại, mặt hơi tái vì sự bất ngờ.

– Lan đã về đấy à? Sao mà về im lặng thế.

Lan cười:

– Chị muốn em về ầm ỹ.

– Không phải thế, nhưng em tưởng chị như cái bóng... làm em giật mình.

– Chị giật mình cơ à? Em oai nhỉ?

Nam nhìn vợ nói:

– Oai thì không oai nhưng hơi vô ý. Giá em gõ cửa trước khi vào thì vẫn phải hơn... Như thế không ai phải giật mình.

Lan vui vẻ lạnh lùng:

– Vậy xin lỗi anh, xin lỗi chị Trinh.

Nam thản nhiên bảo vợ:

– Anh đương nói chuyện với Trinh về cái dự định viết một cuốn tiểu thuyết và tình cờ Trinh đã tìm được cho anh một cái kết cục đặc biệt: "Hai người lấy nhau". Em coi, anh với em cũng là một pho tiểu thuyết đã viết xong đoạn kết: "Hai người lấy nhau"!

Lan giọng mát mẻ:

– Vậy anh cố viết nhiều tiểu thuyết vào!

Trinh như đã hoàn hồn sau mấy phút bình tĩnh. Nàng đưa cái gói cho Lan và nói:

– Em đem đến cho chị các thức chị dặn mua.

Nàng mở gói lớn ra trong có riêng từng thứ, gói giấy phèn – Cám ơn chị. Bao nhiêu tất cả đấy, chị?

– Em cũng chưa tính. Em lấy ở nhà chứ có phải mua ở ngoài đâu. Được chị cứ để tính sau, cái đó không can hệ.

Thấy hai người quay ra nói chuyện về hàng họ, về thức ăn, thức dùng, Nam đứng dậy mỉm cười gật chào Trinh rồi sang bên xưởng định cố gắng làm việc trước giờ ăn.

VII

Nam vừa ra khỏi. Lan xoay ngay vào câu chuyện: nàng tươi cười hỏi bạn:

– Chị lại chơi từ lúc nào thế?

Trinh tự nhiên thấy mình ngượng ngùng bẽn lẽn:

– À... em cũng vừa đến... em vừa đến một lát thì chị về.

Lan đăm đăm nhìn Trinh nghĩ: "Mắt kia là mắt nói dối". Mắt Trinh quả nhiên chớp mau. Và Trinh tự hỏi: "Vì sao mình lại lúng túng, vì sao mình lại không cứ nói thẳng mình đến đã được hơn nửa giờ?".

Lan vừa lo lắng, vừa giận, vừa buồn phiền. Nàng muốn biết rõ sự thực.

Ngờ vực thì khổ sở lắm. Mà không ngờ vực sao được?

– Nam gàn lắm phải không. Trinh có thấy Nam gàn không.

Trinh cười:

– Kể thì cũng hơi gàn.

Câu trả lời đã phạm tới tình yêu và lòng tự ái của Lan. Nàng mát mẻ:

– Thế à? Hơi gàn thôi?

Rồi nàng mỉa mai hỏi luôn:

– Chị thấy Nam gàn?

Trinh vô tình cười nói:

– Ai lại anh ấy bảo em rằng sống cũng tức như lên đồng. Khi nào mình không còn là mình nữa, khi nào bóng nọ bóng kia hòa nhập vào, mới sung sướng.

Lan không hiểu nhưng cũng trả lời:

– Có lý lắm chứ.

Trinh cười đã tự nhiên:

– Thôi, anh nói cái gì mà chị chả cho là có lý. Em thì em thấy vô lý lạ.

Lan nghĩ thầm:

"Sao Nam lại đi nói chuyện ấy với Trinh? Có nghĩa gì bí ẩn ở trong không? Để rồi mình phải hỏi Nam cho ra mới được".

Nàng ngửng lên nhìn Trinh và nàng cảm thấy ghét bạn. Cái tính bông đùa, vui vẻ của bạn mà trước kia nàng yêu thích, giờ nàng chỉ thấy lạt lẽo, vô duyên. Vẻ mặt âm thầm suy nghĩ của Trinh ngay sau khi và trong khi cười nói, trước kia Lan thấy buồn và giấu những tư tưởng sâu xa, giờ nàng chỉ thấy giả dối: "Cái buồn vẩn vơ sao mà tiểu thuyết thế? Sao mà kịch thế? Lừa được đàn ông chứ lừa thế nào nổi mình?".

Lan nhớ một lần Nam bảo nàng: "Trinh buồn lắm nhỉ! Kể cảnh Trinh cũng đáng buồn, cả ngày ngồi bán từng xu mộc nhĩ, từng hào miến cho những người vú già, hay những người đàn bà nhà quê". Bấy giờ Nam còn là người chồng chưa cưới của nàng, và không hiểu sao nàng không ghen với Trinh, có lẽ vì nàng cho Nam yêu nàng đã đến cực điểm rồi, không thể còn yêu được một người khác nữa. Vả trong khi tình yêu của nàng còn mơ mộng xa xăm, cái gì nàng cũng thấy đẹp như những tính tình đẹp của nàng: tình bạn, nàng chỉ thấy thành thực như tình yêu.

Nhưng bây giờ nàng tưởng mình thấy rõ: Nam quả đã yêu Trinh như yêu nàng hay có lẽ hơn yêu nàng. Sở dĩ Nam không lấy Trinh là vì nhà Trinh nghèo, là vì cái cửa hàng bán đồ nấu của Trinh, là vì một lẽ gì đó. Cũng có lẽ vì Kế là bạn thân của chàng. Lẽ ấy nàng thấy không đúng ngay: cha nàng chẳng là bạn thân của Nam ư? Và nàng tự an ủi, sung sướng: "Không, Nam yêu mình hơn,

cái lý do chắc chắn nhất là Nam lấy mình... Nếu Nam yêu Trinh thì Nam đã lấy Trinh".

Câu chuyện của hai người trở nên rời rạc. Lan nói một đằng, nghĩ một đằng. Nàng nghĩ tiếp: "Có lẽ trước kia thì thế đấy : nhưng nay biết đâu lòng Nam không thay đổi? Đàn ông mấy người chuyên nhất? Coi như ái tình của Nam đối với Trinh là có thực", nàng thầm mắng chồng: "Tệ thật mới được hơn một tuần lễ! Lấy nhau mới được hơn một tuần lễ, Nam đã tưởng tới một người khác!"

Tiễn bạn về rồi, và tuy biết Nam đương làm việc ở bên xưởng, Lan vẫn trở lại phòng khách. Và ý nghĩ của nàng càng liên miên thêu dệt, quanh hình ảnh Trinh. Nàng thấy Trinh giống một nhân vật trong quyển tiểu thuyết nàng đã đọc, hay một vai đào chiếu bóng trong những phim nàng đã xem, một người nguy hiểm.

Mỗi lúc nàng nhìn càng rõ hơn: "Phải Nam yêu Trinh, không còn chệch đi đằng nào được nữa!". Tình thương của Nam đối với Trinh chỉ là tình yêu "Tình yêu trá hình". Vì, hãy hỏi, Trinh có gì đáng thương mà Nam thương? Nàng cũng là một thiếu nữ như Lan, mà lại là một thiếu nữ đẹp nữa, "Người đẹp chỉ để cho người ta yêu, có thương thì họa chăng thương người xấu!". Lan định bụng hễ lần sau chồng còn tỏ ý hay ngỏ lời nói thương Trinh, nàng sẽ cho biết tay, nàng sẽ bảo thẳng vào mặt, không nể nang gì nữa. Lừa dối nàng, coi thường nàng như trẻ con như thế nào được?

Lan xếp đặt thành một tiểu thuyết trong đó ba vai chính Nam, Trinh và Lan hoạt động theo ý nghĩ của nàng. Bao nhiêu những tính tình cao thượng về phần nàng, còn những mưu cơ gian trá, lừa lọc, nàng gán cả cho Trinh.

Tiếng Nam hỏi ở bên xưởng:

– Lan ơi, Trinh về rồi à?

Lan im lặng không đáp. Máu ứ lên cổ khiến nàng nghẹn ngào. Nàng nghĩ: "Lúc nào Nam cũng chỉ tưởng nhớ Trinh, thảo nào mấy hôm nay luôn luôn nói chuyện đến Trinh".

Không thấy vợ trả lời Nam vứt chì, đứng dậy sang phòng khách. Chàng nhìn Lan, cười hỏi:

– Trinh về rồi?

– Về rồi, sao?

– Không lưu ý đến vẻ mặt hờn dỗi và giọng nói dấm dẳn của vợ. Nam đến sau ghế Lan, quàng hai tay ôm cổ và âu yếm hôn tóc nàng. Lan thấy lòng dịu dần, và nàng ngửa mặt lên trời cười lại với chồng. Nhưng thoáng nhìn mặt Nam nàng có ngay một ý nghĩ buồn: "Nam có lỗi thực rồi, Nam âu yếm mình để mình khỏi ngờ vực, thế thôi, có gì là thành thực đâu!". Và nàng hỏi để dò ý chồng:

– Trinh đẹp đấy chứ, Nam nhỉ?

– Đẹp, các cô thiếu nữ thì cô nào chẳng đẹp?

– Còn đàn bà có chồng không đẹp nữa?

Nam tát yêu má vợ:

– Em hay bắt bẻ quá! Anh nói thiếu nữ là anh nói chung tất cả đàn bà con gái trẻ tuổi. Em, anh chỉ coi là một thiếu nữ như Trinh.

Lan hỏi lại:

– Như Trinh?

– Ừ, như Trinh.

– Sao không như một thiếu nữ khác?

– Ồ! Em tôi lôi thôi quá, dễ thường em muốn gây sự cãi nhau với anh chăng?

Lan nhìn thẳng vào mặt Nam:

– Sao anh lại cho thế là gây sự? Sao anh lại cho nhắc đến Trinh là muốn gây sự cãi nhau với anh? Vậy ra Trinh có thể là một đầu đề cãi nhau của chúng ta?

Nam đã hơi cáu, tuy chưa hiểu rõ ý nghĩ thầm kín của Lan:

– Ồ! Em nói cái gì thế? Cái gì mà chả là đầu đề cãi nhau được, khi người ta muốn cãi nhau.

– Nghĩa là khi người ta không yêu nhau nữa?

– Chả cứ! Yêu nhau cũng vẫn cãi nhau như thường, có khi yêu nhau càng hay cãi nhau.

Lan cười buồn:

– Vì thế người ta bảo "Yêu nhau lắm cắn nhau đau" phải không?

– Không, không phải thế. Anh biết một cặp vợ chồng cãi nhau ngày ấy sang ngày khác, nhưng yêu thì rất mực yêu nhau. Có lẽ chỉ ở các gia đình hòa hợp, sung sướng, mới có những chuyện cãi nhau như thế.

Lan cố làm ra mát mẻ:

– Đã cãi nhau luôn còn hòa hợp, sung sướng gì!

– Hẳn chứ, nông nổi, những người tốt bụng. Và hay cãi lý với nhau thì dễ hiểu nhau và không giấu giếm nhau được điều gì nữa. Có hiểu nhau mới yêu nhau được.

– Hiểu cả những điều xấu của nhau?

– Hẳn chứ! Những tâm hồn kín đáo như những cái tủ sắt khóa chặt làm cho người ta ghê sợ và dễ ác cảm lắm. Hai tâm hồn như thế ở cạnh nhau, bao giờ cũng yên lặng. Nhưng người nọ có biết, có trông thấy người kia chứa ở trong lòng những tư tưởng gì về mình không? Họ không biết thì thường họ tưởng tượng ra. Và họ đã tưởng tượng thì có khi tốt họ tưởng tượng ra xấu.

Lan ngắt lời:

– Cũng như xấu họ tưởng tượng ra tốt.

– Chính thế. Chi bằng hiểu nhau có hơn không? Nhất khi hai người cùng tốt cả. Mà tốt thì bao giờ người ta cũng tốt.

Lan cười:

– Anh lạc quan lắm!

Nam âu yếm nhìn Lan:

– Phải, anh lạc quan lắm, nhất là từ một tuần lễ nay.

Lan sung sướng quên hết căm hờn. Hình ảnh Trinh không còn phảng phất trong ý nghĩ nàng nữa.

– Vậy anh yêu em...

Nàng cảm động không nói được dứt câu. Nước mắt nàng trào ra, chảy xuống má.

– Em còn ngờ vực thì em tệ lắm.

Lan như thẩn thức:

– Em lo... lo sợ vơ vẩn... Không căn cứ.

Nam cười, hỏi:

– Em sợ gì?

– Em sợ rồi Nam sẽ không yêu em nữa.

– Thế thì em vẩn vơ thực đấy! Mà lại lẩn thẩn nữa!

Lan im lặng, và lại buồn. Nàng cho câu trả lời của Nam chỉ là một câu trả lời. Đó không phải là tình yêu nồng nàn, bồng bột như

Lan thường thấy trên màn ảnh và thường ao ước. Không phải Nam đã quá tuổi lãng mạn của Lan. Lúc chàng mới ngoài hai mươi tuổi, chàng đã yêu một cô nữ học sinh: Ái tình thuộc về tinh thần, hay nói đúng hơn, hoàn toàn bằng thư và những cuộc nói chuyện phiếm. Rồi khi thiếu nữ đi lấy chồng, chàng phải cố làm ra buồn rầu khổ sở để khỏi thành một người tệ bạc, một người vô tình.

Lặng lẽ và hồn nhiên – hồn nhiên chứ không phải là lãnh đạm – trong tình yêu, nay chàng vẫn như xưa nhưng nay đã từng giao thiệp với phái đẹp và nhận thấy họ không ưa những người đàn ông bình thản, điềm tĩnh, chàng đã khôn khéo hơn, đã biết đóng vai một người tình có bộ yêu dấu. Vì thế thoáng nhìn thấy nét buồn trên mặt Lan, chàng hiểu ngay những tư tưởng thầm kín những mộng đẹp của thiếu nữ, và chàng vội lại hôn trên má Lan một cái hôn mà chàng cố làm ra nồng nàn thắm thiết.

Thấy Lan sung sướng, chàng thầm nghĩ: "Ta đã lừa dối Lan hay ta đã lừa dối những người khác...".

VIII

Sau một tháng tình yêu không giả dối như Nam tưởng, nhưng cố gắng, tuy đó vẫn là tình yêu thành thực, Nam phải luôn luôn sửa sang cử chỉ và ngôn ngữ cho phù hợp với cử chỉ và ngôn ngữ của Lan. Lan yêu và trong ý nghĩ Lan, trong tâm hồn Lan, Lan thấy chữ "YÊU" là một "chữ hoa" Lan muốn Nam cũng yêu như Lan, không được để tâm vào một cái gì không phải Lan.

Hôm nay Nam bỗng cảm thấy buồn và mệt, mệt tinh thần hơn thể chất. Không bao giờ chàng cảm thấy chán nản bằng! Và mơ màng chàng nhớ lại cái thời độc thân của chàng. Thời ấy, chàng muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, muốn nghĩ gì thì nghĩ. Không ai bắt bẻ, không ai giận dỗi, nhất là không ai cai quản chàng bằng một sức mạnh ngấm ngầm. Chàng có tình nhân, và yêu tình nhân cũng chẳng kém gì yêu Lan. Nhưng chàng được tự do muốn yêu ai thì yêu không thì thôi. Và chàng được yêu chiều hơn là phải yêu chiều.

Và chàng nghĩ thầm: "Có lẽ ở đời có hai hạng người một hạng để yêu, một hạng để được yêu. Ta chỉ ở hạng dưới, nên yêu đối với ta khó khăn nhọc nhằn quá".

Chàng ngờ vực tình yêu của chàng. Xưa nay chàng chưa ngờ vực tình yêu của một ai đối với chàng, mà cũng không nghĩ tới, không phân chất tình yêu của mình đối với một ai. Chàng yêu hay không yêu thế thôi.

Nhưng lần này chàng ngờ vực. Có lúc chàng đã cố tự giải phẫu lòng mình và tự hỏi: "Mình yêu hay không yêu? Mình có thành thực yêu Lan không?". Trước hết chàng thấy dễ dàng hiện ra trong thâm tâm chàng một tính tình và một tư tưởng của hạng người nhẹ dạ: "Ta yêu Lan cũng như ta yêu Xuyến, yêu Yến. Có khác chăng nữa cũng chỉ ở chỗ tạm thời và vĩnh viễn".

"Vĩnh viễn! Chàng mỉm cười và nghĩ tiếp, vĩnh viễn sống cạnh nhau vị tất đã là vĩnh viễn yêu nhau! Trái ngược thế có khi!" Chàng tưởng đến những gia đình, vợ chồng thù ghét nhau mà chàng quen biết. "Thế nào chả có nhiều lúc anh chị mong mỏi, ao ước cho nhau chết để được thoát nợ đời! Họ định giết nhau, đánh nhau, đánh thuốc độc nhau cũng chưa biết chừng, và nếu họ không tới được mục đích của họ là chỉ vì họ hèn nhát không tới nổi đó thôi".

Chàng thấy người đời toàn là nhân vật tiểu thuyết của Dostoievski cả. Có lúc người ta tốt, có lúc người ta xấu đã đành. Nhưng người ta khéo dàn xếp bề ngoài để trở nên một người nếu không tốt cũng bình thường sống trong khuôn khổ bình thường. Người ta sợ người đời chê cười và người ta sợ cả người ta, sợ lương tâm của chính mình, những tư tưởng mà người đời đã cho là trái luân thường. Họ có một đời sống ở chung quanh họ, đời sống ngấm ngầm bên trong cũng như đời sống biểu lộ ra ngoài, một đời sống giả dối.

Một nhà tư tưởng nói: "Ai sống đến ba mươi tuổi mà không chán đời?" Chàng thì chàng cho là ít ai sống đến ba mươi tuổi mà không hoàn toàn giả dối với chính mình. Là vì người ta muốn có một đời giản dị, bằng phẳng, khuôn mẫu, mà sự thực thì lòng người ta không bao giờ giản dị, bằng phẳng được: nó lên xuống ngoắt ngoéo, quanh co đến nỗi chính mình cũng không theo nổi, không hiểu nổi.

Vậy Nam muốn thành thực, thành thực một cách tuyệt đối và tự hỏi "Ta có yêu Lan không? Ta cứ tự thú đi". Và chàng chờ câu trả lời của chàng. Nhưng câu trả lời vẫn không đến.

Sự thực thì chàng vẫn yêu Lan song tình yêu dần dần kém bớt, chàng cảm thấy thế, và chàng sợ một ngày kia chàng sẽ không yêu Lan nữa, như chàng đã không yêu Yến, "Lúc bấy giờ chàng sẽ cư

xử ra sao? Yến, một tình nhân, mình chỉ việc tuyệt giao là xong như thế kể cũng đã khó khăn rồi. Nhưng đối với Lan, một người vợ...".

Nam rùng mình không dám nghĩ tiếp. Và sợ buồn phiền vẩn vơ, chàng cất tiếng cười như vui thú với một tư tưởng khôi hài vừa chợt đến trong tâm tư chàng. Chàng thấy đối với Yến chàng là một người thuê nhà từng tháng. Không có giao kèo giao kiếc gì hết. Còn đối với Lan chàng đã làm hợp đồng thuê một chương dài hạn, một chương vĩnh viễn. "Chữ vĩnh viễn ở đây thực đúng nghĩa!" Nam như thì thầm nói một mình và chàng lại cười.

Lan đương đan áo len ở trong phòng sách. Nàng có một sở thích: đan áo len. Lấy nhau được một tuần lễ nàng đã đan xong cho Nam một cái và cho mình một cái, tuy nàng đã có sẵn hai cái rồi. Tuần lễ sau, nàng hỏi Nam: "Anh có pull'over chưa?". Và khi thấy Nam mặc cái áo len dệt máy, nàng kêu: "Xoàng lắm! Đi mua len về em đan cho!" Thế là ngay chiều hôm ấy nàng bắt đầu cái áo thứ ba. Rồi liền liền cái thứ tư cho người này, và cái thứ năm cho người kia. Nàng như không thể không đan được. Nàng đan trong khi nói chuyện với Nam, trong khi ngồi hàng giờ yên lặng nhìn Nam đọc sách, trong khi đứng mơ màng ngắm Hồ Tây biến sắc với ánh hoàng hôn.

– Nam làm gì thế?

Lan hỏi và đi ra hiên, tay cầm chiếc áo Pull'over màu nâu tươi đương đan dở. Nam quay lại đáp:

– Anh phơi nắng.

Và chàng khôi hài nói tiếp:

– Anh phơi cho tư tưởng trong đầu anh khô và ấm, vì tư tưởng anh ướt dề dề và lạnh ngắt.

Lan mỉm cười âu yếm nhìn Nam. Nàng muốn bảo chồng: "Sao anh không sưởi nó ở trong lòng em?". Nhưng nàng không dám nói. Nàng thấy ý nghĩ ấy kiểu cách, tiểu thuyết chứ không phải nàng bẽn lẽn, thẹn thùng. Ở bên cạnh Nam nàng cảm thấy không một tư tưởng gì của nàng là táo bạo, là đáng ngượng ngùng.

Nam cũng mỉm cười lặng lẽ nhìn vợ. Lan cho rằng hai người cùng có một ý nghĩ thân mật thầm kín. Nhưng chính lúc ấy Nam đương tự hỏi: "Nếu ta bảo Lan rằng Lan là cái nhà và ta là người thuê nhà đã ký một bản hợp đồng vĩnh viễn để ở cái nhà ấy, thì liệu Lan có giận, có cáu không?" Chàng ngắm nghía Lan và ví Lan với một cái

nhà còn mới nguyên, xây dựng do kiểu mẫu một kiến trúc sư thông minh. Cái nhà ấy chàng ở hết đời chắc cũng chưa mất. Sự so sánh làm chàng nghĩ đến bạn lấy vợ từ thời trẻ tuổi. Hiện nay người chồng vẫn trẻ như xưa, tưởng chừng thời gian ngừng bước để chờ đợi chàng. Nhưng người vợ thì sau khi sinh luôn sáu bẩy bận chỉ còn da với xương, thịt đã tiêu tán hiện thành tương lai cả: tương lai là lũ con. Nam cho đó là một cái nhà chóng nát, bởi thế bạn chàng thỉnh thoảng lại đi ngủ đêm ở những nơi khác, ấm cúng hơn hoặc mát mẻ hơn.

– Em là một cái nhà xinh đẹp.

Chàng thốt ra câu ấy để tư tưởng thanh bình. Thành lời nói vì chàng biết chắc rằng Lan không thể thấu được ý nghĩ thầm kín của chàng. Lan cười đáp:

– Người ta ví người đẹp với bông hoa, với trời mây, trăng sao. Còn anh ví em với cái nhà.

– Đối với một kiến trúc sư thì chả gì đẹp bằng một cái nhà đẹp.

Nhưng anh là họa sĩ, chớ có là kiến trúc sư đâu?

– Ờ nhỉ! Vậy đáng lẽ anh phải ví em với một bức tranh sơn?... Không, anh nghĩ đã chín rồi: em là một cái nhà.

Lan không bằng lòng, cúi xuống nhìn chiếc áo len đương đan:

– Chắc chắn cái nhà ấy không ngăn nắp.

– Không cần ngăn nắp, anh không cần ngăn nắp... Vả lại đó không phải là ý anh muốn nói.

Lan ngửng lên trân trân nhìn Nam và sừng sộ hỏi:

– Vậy ý anh muốn nói gì? Anh có thể cho em biết ý anh muốn nói gì không?

Nam tò tò ngắm Lan. Đã mười hôm nay, Lan hay gây sự với chàng. Không những lần nào chàng cũng nhịn nhục và làm lành, chàng không lưu tâm đến những chuyện đã xẩy ra ra mà hiện giờ chàng quên hết. Nhưng lần này chàng bắt đầu nhận thấy sự giận dữ của Lan không đẹp, không có vẻ nũng nịu như trước và như chàng vẫn tưởng. Chàng nghĩ thầm : "Có yêu nhau lắm hãy nên giận nhau. Vì giận nhau như chỉ cốt để yêu nhau hơn".

– Anh ốm đấy?

Nam mát mẻ hỏi lại:

– Em thấy anh ốm?

Lan, giọng đấu dịu:

– Em thấy anh ngơ ngác như người không hồn.

– Đúng, hiện giờ người anh không hồn, nhưng anh không ốm. Thiết tưởng ốm với không hồn khác xa nhau chứ.

– Nghĩa là anh không yêu em, hiện giờ anh không yêu em?

Nam đăm đăm nhìn cái áo đan của vợ, vì chàng đương nghĩ: "cũng đúng!" Và chàng vội đáp:

– Anh nói câu gì làm việc gì em không hiểu ý nghĩa, em cũng ngờ rằng anh không yêu em. Câu "Anh không yêu em" như một điệp khúc trong bài ca ái tình hằng ngày.

– Anh nói khéo quá. Nhưng anh nói khéo thế để đánh trống lảng, phải không?

Nam thấy Lan khó chịu. Chàng huýt sáo miệng nghiễm nhiên nhìn ra vườn, coi như không nghe rõ câu hỏi của vợ. Lan cho rằng chồng định khiêu khích mình. Và nàng cố làm ra bình thản đứng yên đan áo, nhưng nước mắt tức giận và tủi hờn lặng lẽ trào ra chảy ướt má. Nàng vội chạy vào phòng ngủ gục đầu xuống gối nức nở khóc.

Một lát sau Nam cũng vào phòng ngủ, định thay quần áo lên phố. Chàng vừa nhận thấy rằng từ hôm cưới vợ đến nay chàng ít đi chơi phố; chàng như bận bịu suốt ngày tuy rất lười biếng, động cầm đến bút, động mó đến sơn là chán nản.

Nghe tiếng dép lệt xẹt. Lan ngồi dậy lau mặt. Rồi chừng sợ phòng sáng quá, chàng có thể nhìn thấy mắt mình ngấn lệ, nàng vội đóng cái cửa chớp trông ra vườn. Nam hỏi:

– Làm sao thế?

Giọng run run, Lan đáp:

– Chẳng sao cả.

– Vậy anh mở cửa sổ cho sáng nhé?

– Anh mở cửa làm gì?... Em hơi nhức đầu.

– Để thay quần áo vì anh chạy lên phố có tí việc. Nhưng thôi, anh thay trong tối cũng được.

Lan không giữ nổi nữa, nằm phục xuống khóc. Nam hoảng hốt:

– Em sao thế? Lan của anh sao thế?

Lan nức nở:

– Anh cần gì em!... Em nói em... nhức đầu... anh cũng mặc kệ.

Nam suýt phì cười, tuy chàng thấy giọng làm nũng của Lan dễ thương quá.

– Ô hay! Anh có mặc kệ đâu? Em cứ đổ oan cho anh thế?

– Không mặc kệ, sao anh lại bỏ anh đi.

– Vậy anh không đi nữa.

Nam đến ngồi bên Lan, đưa tay vuốt ve tóc nàng.

– Em tôi bé bỏng quá, hơi một tí là ngủ nhè.

Khi Lan đã nguôi giận, và vui vẻ nói chuyện, Nam nghiêm trang bảo nàng.

– Anh yêu em, em không nên ngờ vực lòng anh. Nhưng yêu nhau không phải là lúc nào cũng nhắc đi nhắc lại như một điệp khúc: "Anh yêu em, anh yêu em". Lan bĩu môi.

– Còn ca điệp khúc "Em yêu anh, em yêu anh" thì được.

– Cũng vậy. Nếu chỉ là thế thì chẳng được mấy ngày mà hai người sẽ ghét nhau.

Lan láy lại:

– Sẽ ghét nhau.

– Phải, sẽ ghét nhau, vì người ta sẽ thấy tình yêu giả dối.

– Em không thấy giả dối ở chỗ nào, em không thấy tại sao nói "anh yêu em, anh yêu em" mà lại là giả dối được.

Nam đã hơi có giọng gắt:

– Thế thì em không hiểu anh. Vẫn biết nói "Anh yêu em" không phải là giả dối, nhưng lúc nào cũng bắt người ta nói câu ấy, đó mới là một sự... Có vẻ giả dối.

Lan cười mát mẻ:

– Có vẻ giả dối! Sao anh không nói một sự giả dối lại còn thêm vào hai chữ "có vẻ" làm gì. Vậy, nói gần nói xa chẳng qua nói thật, anh muốn chúng ta từ nay thôi hẳn không được bảo nhau: "Anh yêu em" hay "Em yêu anh" nữa?

– Anh có bảo thế đâu, em định trêu tức anh chăng? Anh chỉ bảo em không nên bạ lúc nào cũng bắt anh phải trả lời câu hỏi: "Anh có yêu em không"? Và nếu anh lơ đãng không trả lời ngay như một

cậu học trò vào kỳ vấn đáp không thuộc bài, thì anh xin em đừng vội hờn giận, khóc lóc than phiền rằng anh không yêu em thế thôi.

Lan đã ra trước gương ngồi đánh phấn. Nàng cười nhạt:

– Thế thôi!

– Anh đã thành thực nói với em hết cả ý nghĩ của anh, em nên hiểu lòng anh. Em phải biết những cái gì bắt buộc đều giả dối, anh yêu em lặng lẽ. Anh muốn yêu "cái bề trong của em cũng như cái bề ngoài". Em nên để anh yêu như thế.

Lan vẫn cười:

– Anh triết lý quá! Thời chưa cưới em có thấy anh triết lý với em như thế bao giờ đâu. À có, có một lần, anh bảo em, em còn nhớ lắm.. Anh bảo em rằng khi người ta yêu thì người ta không còn bình tĩnh mà giải phẫu tình yêu được. Vậy anh đã giải phẫu tình yêu để tỏ cho lòng em biết rằng anh không yêu em nữa, phải không?

Nam thở dài.

– Em lại ca khúc điệp tấu rồi đó.

IX

Hơn một tuần lễ nay giấc mộng dữ dội ấy ám ảnh Lan, trong khi nàng ngủ cũng như trong khi nàng thức, ngồi đọc sách hay khâu vá. Có lần nửa đêm nàng dậy mở cửa sổ đứng hàng giờ nhìn ra vườn mờ sáng, trăng hạ tuần và mơ lại giấc mộng vừa tan.

Nàng thấy Nam với nàng cãi nhau, đánh nhau rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Tới chỗ này có sự thay đổi trong mộng. Hoặc Nam đến xin lỗi nàng, Nam nói khéo quá, và nàng cảm động ôm chầm lấy chồng mà khóc. Nàng sung sướng, lòng nàng êm dịu dần, vì đã lâu lắm nàng không khóc được nữa. Hoặc nàng đệ đơn kiện Nam và đòi ly dị: Một cảnh tòa án trang nghiêm hiện ra. Trạng sư của nàng cãi hùng hồn quá và nàng được kiện.

Tưởng tượng là nhớ. Mộng thường đi theo sự thực, đi theo cái việc đã xảy ra. Vì thực sự, vừa xẩy ra một việc, một việc ghê gớm mà Lan coi như có can hệ đến hạnh phúc, đến tính mệnh nàng: Nam yêu một người khác.

Nam yêu một người khác, có thể như thế được không? Lấy

nhau chưa được nửa năm. Nam đã chán ghét nàng? Nàng thấy vết thương lòng một ngày một mở rộng, không sao còn hàn gắn được nữa.

Hôm ấy nàng đi chợ Hà Đông về. Ngồi trên xe điện nàng đã băn khoăn sốt ruột hình như tâm linh báo trước cho nàng biết sắp xảy ra tai nạn. Tới cổng nhà, trước khi kéo chuông, nàng đứng lại tò mò dòm vào phía trong. Và nàng thấy ở hiên thấp thoáng một thiếu nữ. Nàng vẫn tưởng đó là người kiểu mẫu của Nam. Nhưng nàng không khỏi lấy làm lạ, vì mọi lần người ấy đến, tức thì ngồi hay đứng cho Nam vẽ liền, xong việc là đi ngay. Không dềnh dàng ngồi dốn lại nói chuyện bao giờ, người ấy ít lời đến nỗi Lan đã phát ghét, cũng như nàng ghét người kiểu mẫu trước liến thoắng và nhí nhảnh.

Cái thời kỳ ghen với những kiểu mẫu của Nam đã qua rồi. Có lẽ nay nàng thấy họ không đáng được lưu tâm đến quá, vì nàng đã trông thấy chỗ nhược điểm của Nam: Chàng tránh sự thân mật với những cô kiểu mẫu thuê tiền. Nhưng buổi đầu, nàng đã khổ sở trong bao lâu về bọn họ. Nàng không thể tưởng tượng một người đàn ông ngồi hàng giờ trước mặt một người con gái, nhìn nhận tỉ mỉ từng li từng tí từ cái miệng cười cho chí cái mắt liếc, mà lại không đi tới tình yêu, dù là tình yêu tinh thần hay là tình yêu thể chất. Một hôm lẩn thẩn nàng hỏi Nam xem có thể chỉ vẽ phong cảnh mà không vẽ người được không. Nam cười ngất trả lời :

– Được chứ. Gorot chỉ nổi tiếng về những tranh phong cảnh.

Lan sung sướng bảo chồng:

– Đấy nhé? Bao giờ em cũng thích tranh phong cảnh hơn tranh người. Nhưng trong phong cảnh của nước ta chỉ có người nhà quê.

Nam lại cười:

– Vì thế em không sợ? Em không sợ các cô gái quê.

Nay thì Lan không sợ một cô gái làm kiểu mẫu nào nữa, nàng đã nhận xét và tin ở lời Nam: "Đối với các họa sĩ, một người con gái đẹp chỉ là một phong cảnh đẹp". Đối với các họa sĩ khác, nàng chưa dám chắc, nhưng đối với Nam thì nàng không ngờ vực gì nữa, ấy là nói trong "cái xã hội kiểu mẫu".

Còn đàn bà con gái trong những xã hội khác, hay trong xã hội khác nói vắn tắt? Có những người nàng thấy cao quí và cách biệt nàng nhiều đến nỗi nàng không dám ghen tuy biết Nam săn sóc chiều chuộng một cách quá rõ rệt. Một bà, một bà huyện mà Nam

quen ở Sầm Sơn hai năm trước, thường đến chơi sau khi đã đặt chàng vẽ xong một bức hình. Bà ta vào trạc ngoài ba mươi nhưng trông trẻ lắm, trẻ như chưa tới hăm nhăm, ngực nở nang bụng thon nhỏ, thân cao dỏng trong bộ y phục dài, đôi mắt sáng ngời trong cái quầng đen chì, dưới cặp mắt lông mi vẽ xếch lên thái dương.

Đứng trước bà ta, Lan thấy mình trẻ con quá, "bé bỏng" – Bé bỏng đó là tiếng nựng âu yếm mà Nam đem tặng nàng, mỗi khi nàng giận dỗi điều gì. Bà ta dõng dạc đường hoàng trong lời nói cũng như trong dáng điệu mà Lan ngắm thấy tương đương với cái cách tiếp đãi dễ dàng và lịch thiệp và thân mật của Nam: hai người này như ở cùng một xã hội; nàng nghĩ thầm còn ta, ta chỉ là một thiếu nữ ngây thơ, một học sinh "bé bỏng!". Và nàng im lặng ngồi nghe hai người nói chuyện tựa một cô gái nhỏ ngoan, nết na. Để nàng khỏi có vẻ bỡ ngỡ như lạc vào một nơi xa lạ, thỉnh thoảng Nam lại quay về phía nàng hỏi bằng một câu, nhưng nàng vẫn bẽn lẽn, rụt rè, dù Nam đã khôn khéo xoay câu chuyện theo hướng nàng thông thạo; văn chương cổ điển Pháp hay sử ký cận đại Âu Châu, những cái học ở trường toàn là những cái vô ích. Đáng lẽ mình phải học cách xã giao, đáng lẽ mình phải học cách trang điểm, cách ăn nói, học cách chiếm đoạt tình yêu của người đàn ông!.

Điều mà nàng sợ nhất, là một ngày kia, người ta sẽ chiếm đoạt tình yêu của Nam. Nàng không hề tưởng tượng một người đàn bà có thể yêu một người không phải chồng mình và những tiểu thuyết chữ Pháp nàng đọc trong đó có cả những cuộc ngoại tình, nàng chỉ cho là tiểu thuyết. Không phải nàng tin hẳn rằng không có đàn bà có chồng yêu trai, nhưng không bao giờ nàng suy nghĩ kỹ càng, sâu xa về vấn đề ấy. Nhưng chỉ thấy lờ mờ rằng đó là một việc xấu và không nên làm, một việc đã bị người đời chê cười và mai mỉa. Vậy nếu Nam không yêu nàng, nếu Nam ghét nàng, ruồng bỏ nàng, nàng sẽ không thể yêu một người khác được nữa, đời tình ái của nàng sẽ coi như là hết.

"Không biết đàn ông họ nghĩ sao? Không biết quan niệm của Nam đối với tình yêu thế nào, đối với tình yêu chuyên nhất thế nào? Chuyên nhất, trước hết, họ có yêu chuyên nhất không đã? Tuy nàng không dám tò mò hỏi về dĩ vãng của Nam nhưng nàng biết chắc rằng Nam có nhiều người đàn bà trong quãng đời ấy. Nàng biết cả cái thời Nam sống với Yến như với một người vợ chính thức và nàng không khỏi không ghen với những người Nam đã yêu. Một hôm đòi theo

chồng đến đăngxing cho bằng được, nàng đã gặp mặt một người tình cũ của Nam. Về nhà nàng khổ sở mất gần một tháng và nhất định không cho phép chồng đến khiêu vũ ở các tiệm nữa. Những tình xưa, Lan sẵn lòng tha thứ cho Nam. Nàng đem kể cả với Trinh những cuộc dan díu của chồng, thản nhiên nói đến những người xa lạ. Nhưng ngày nay liệu nàng có thản nhiên và tha thứ được một cuộc ngoại tình của Nam không, luôn luôn nàng tự hỏi câu ấy.

Và lúc nàng đứng cổng nhìn bóng cái áo hoàng yến thấp thoáng qua hiên, sau những cành thưa cây trúc đào, câu hỏi ấy càng sôi nổi trong lòng nàng. Nàng băn khoăn muốn biết người ấy là ai. Bà huyện? Chắc là không phải vì bà ta không chạy nô đùa như thế kia. Vậy ai? Lan suýt ngã khi thấy cái áo hoàng yến chạy vội xuống vườn và Nam chạy theo sau. Lan vội né về một bên tường cổng; nàng vừa nhận thấy cái áo hoàng yến là Trinh. Lan toan lảng đi, một lát nữa sẽ quay về. Lan lại muốn đứng nấp đó để xem hai người còn làm những trò gì. Nàng còn đương phân vân thì tiếng cười trong trẻo của Trinh khi bị Nam tóm được làm nàng như bừng tỉnh một giấc mơ. Và không nghĩ ngợi, nàng kéo mạnh chuông.

Nam chạy mở cổng. Lan trân trân nhìn chàng, và lấy làm lạ rằng nét mặt chàng không biến đổi: vẫn cặp mắt sáng và thẳng thắn, vẫn cái miệng tươi cười và thành thực. Nàng làm ra tự nhiên hỏi chồng:

– Ai đến chơi đấy?

Hơi thở nàng ngắn và giọng nàng hơi run, nhưng hình như nàng không để ý tới. Chàng vui vẻ đáp:

– Trinh đấy. Trinh đòi về ngay nhưng anh bảo ngồi chờ em, vì biết em sắp về?

– Anh biết em sắp về?.

Nam quay vào gọi:

– Trinh!

Trinh chạy ra, chào hớn hở:

– Bonjour Lan. Đi chợ sao về muộn thế, làm em chờ mãi.

Lan mát mẻ:

– Chờ mãi kia? Vậy em xin lỗi chị nhé. Nhưng mấy giờ rồi, Nam nhỉ?

– Gần mười một giờ.

Trinh hoảng hốt:

– Gần mười một giờ? Thôi, xin về thôi.

Lan lắc đầu cười:

– Chị về? Chị chờ em mãi, lúc em về chị lại bỏ đi... Thế thì lạ lùng quá.

Nàng vừa cười vừa nhắc đi nhắc lại:

– Chị lạ lùng quá!

Nam biết vợ ghen, vì chàng không còn lạ gì tính Lan. Nhưng Trinh vẫn thẳng thắn trả lời, cái thẳng thắn mà Lan cho là quá trơ:

– Chẳng lạ lùng gì cả! Đến giờ ăn rồi thì phải về.

Nam tưởng nên mời một câu xã giao.

– Hay Trinh ở đây ăn cơm với chúng tôi.

– Em cảm ơn anh, cho khi khác. Sợ ở nhà chờ.

– Để tôi cho thằng xe nó lên nhà nói Trinh ăn cơm ở đây.

Lan vẫn lặng thinh ngửng nhìn trời, vẻ mặt lạnh lùng. Trinh đáp:

– Thôi, thế không tiện. Anh cho em về.

Lan nhận thấy hai tiếng anh và em nghe thân mật quá, tuy đã lâu nay bao giờ Trinh cũng vẫn dùng hai tiếng ấy trong câu chuyện với Nam.

– Sao không tiện? Tiện lắm chứ.

Rồi chàng gọi: "xe!" Người kéo xe chạy ra Lan thản nhiên bảo:

Đem các thức vào.

Bấy giờ Nam và Trinh mới kịp nhận thấy ở phía ngoài cổng cái lồng gà và một giỏ đựng các thực phẩm.

– Đã dặn giờ này ra phố đón, mà sao không ra, hử?

Rồi nàng trở nên cau có.

– Thế nào, nhận lời chứ?

Biết chồng hỏi Trinh. Lan cũng hỏi lại:

– Nhận lời gì? Anh bảo em nhận lời cái gì cơ?

– Không, anh hỏi Trinh có nhận lời ăn cơm với chúng mình không?

– Em không thể nhận lời được đâu.

Câu trả lời của Trinh làm Lan hơi nguôi giận, vì nàng không muốn mời Trinh ăn cơm hôm nay. Mà Trinh có lẽ cũng hiểu thế nên càng quả quyết đòi đi ngay.

– Không ăn thì không ăn, nhưng hãy vào chơi đã. Chẳng lẽ em vừa về chị lại đi ngay.

Lan muốn dò cho ra vì sao ban nãy hai người lại đuổi nhau. Nhưng Trinh đã thật thà kể.

– Anh Nam chơi đánh tay tài lắm cơ, chị ạ, chị chơi có giỏi không? – Chơi đánh tay?

Lan tò mò hỏi:

– Chơi đánh tay? Em không biết chơi đấy.

Nam cười:

– Còn vờ?

Trinh giảng nghĩa:

– Thế này này, chị đặt úp bàn tay lên trên bàn tay em, hễ ai đánh trúng tay chị thì em được đánh nữa, nếu hụt thì em để chị đánh lại. Hay lắm. Đây này nhé.

Vừa nói nàng vừa nhanh nhẹn đập lên mu bàn tay bạn. Lan kêu.

– Á đau! Thôi không chơi, nhả lắm!

– Đây này, chị coi, anh đánh đỏ cả tay em, em phải đánh lại để báo thù mới được.

Lan giọng lạnh lùng:

– Anh ấy đánh thì đánh lại anh ấy chứ?

Rồi nàng cười khô khan.

– Thế hết trò ấy, có chơi trò gì nữa không?

Câu hỏi của Lan làm Nam vừa tức giận vừa sợ hãi. Chàng sợ Lan làm to chuyện. Nhưng Trinh vẫn thẳng thắn đáp:

– Đánh tay, thì anh được em, nhưng chạy thì anh thua.

– Chạy?

– Vâng, chạy. Thế này này. Một người đứng giơ bàn tay ra để một người đánh rồi chạy, hễ chạy đến rặng cam kia là được. Gần như cái lối chơi cướp cờ của chúng mình ấy mà!

Lan nghĩ thầm: “À thì ra vì thế mà ta thấy họ đuổi nhau chạy xuống sân. Hay Trinh đoán ra đã trông thấy hai người ôm nhau nên bịa đặt ra chuyện trò chơi để lừa dối ta?”

– Chơi tay ba chắc còn thú hơn.

Lan lơ đãng nhắc lại:

– Chơi tay ba?

– Ừ chơi tay ba: hai anh chị với em. Anh chị cùng đứng giơ tay ra, em đánh vào tay người nào thì người ấy mới được đuổi. Hễ đuổi lầm thì lại phải ra chạy. Hai người giơ tay ra!

Nam cười:

– Thì giơ tay ra!

– Lan nữa.

– Này giơ tay.

– Bây giờ, phải cẩn thận. Đây này.

Trinh vờ đánh vào tay Lan nhưng đập trúng tay Nam rồi chạy thực mau ra sân, trong khi Nam đứng ngây người nhìn theo. Trinh quay lại hỏi:

– Thế nào, không đuổi? Vậy em về đây.

Rồi nàng đi thẳng ra cổng và chào to:

– Good bye, darling!

– Về thực đấy à? Nam hỏi.

– Về thực.

Trinh khuất sau hàng giậu. Nam bảo Lan:

– Trinh sính tiếng Ăng lê quá!

Lan cười lạt và như nói một mình:

– Biết mấy chữ Ănglê quèn!

Nam lo lắng, vì chắc thế nào Lan cũng ghen tuông và sinh sự làm ầm cửa nhà. Nhưng trái hẳn, nàng lặng thinh đi rửa mặt rồi vui vẻ chuyện trò với chồng coi như đã không xẩy ra một việc gì khó chịu.

X

Sau bao nhiêu đêm khóc ngầm, sau bao nhiêu ngày gượng sống, gượng vui, Lan vẫn chưa tìm được cách xử trí quả quyết đối với chồng. Tha thứ. Hay làm to chuyện rồi muốn ra sao thì ra?

Tha thứ, nàng thấy khó lắm. Trong tiểu thuyết tác giả thường nói đến tha thứ, coi như chỉ những người có những tính tình tốt đẹp, cao thượng mới biết tha thứ. Nàng thì cho rằng người ta tha thứ một là vì người ta do dự nhu nhược, hai là vì người ta không thể làm khác được, sau nữa và nhất là vì người ta sợ đàn ông. Chứ chính thực ra, không ai có thể tự mình tha thứ ai bao giờ: Tha thứ tức là khuyến khích người đàn ông đi sâu vào con đường tội lỗi.

Vậy nàng sẽ bảo thẳng chồng? Nàng thấy làm được thế cũng không phải dễ. Giá ngay hôm xảy ra câu chuyện, nàng bắt Nam thú thực rồi cho một bài học đích đáng thì đã đi một lẽ. Đàng này nàng để im mãi, hầu đã dẹp hẳn nỗi bất bình rồi, bây giờ mới nói ra, nàng như đã ngấm ngầm để bụng bấy lâu và có vẻ sâu cay, độc địa đối với chồng, điều mà nàng cố tránh.

Và từ hôm ấy tới nay, Trinh cũng không đến chơi nữa. Nàng không vin vào đâu mà gây chuyện được. Nàng vẫn biết không đến chơi như thế không phải là một chứng cớ vô tội. Trái lại, Lan cho Trinh là đã thú nhận một cách gián tiếp, một cách bất ngờ rằng nàng có tình với Nam. Phải, nếu không có gì, thì sao không cứ tự nhiên lại chơi? Mà không lại chơi như thế cũng không hẳn là hai người không gặp mặt nhau. Có lẽ họ đến với nhau nhiều bận rồi cũng chưa biết chừng. Vì biết bao lần Nam lên phố. Nàng thừa biết Nam đi đâu. Nàng biết đích chứ không phải đoán phỏng. Nàng yên trí rằng thế. Nam thường mua cam, vì biết nàng thích ăn cam. Có lần lại mua cho nàng một con chuột bông chạy bằng máy dây cót. Nàng cười vui thú khi thấy con vật vừa tới đầu bàn vội quay ngoắt trở lại.

Tuy ngoài mặt làm như sung sướng, mà trong lòng nàng đau đớn ê chề. Nàng tưởng tượng ra cảnh gặp gỡ của hai người. Và nàng tự đặt vào địa vị Trinh. Nàng thấy sau khi mua cái trò chơi này, Nam đã vặn cho nó chạy trước mặt Trinh mãi, rồi mới đem về. Mà biết đâu chàng đã không mua cho Trinh một cái? Biết đâu lúc từ biệt

Trinh. Nam không có một ý nghĩ thương hại đối với mình nên mới mua cho mình một vật giống như vật đã tặng cho tình nhân? Cả những cái bánh ngọt kia nữa. Biết đâu không là bánh hai người ăn còn thừa, rồi Nam gói đem về cho nàng. Nàng nghĩ thế, nhưng nàng vẫn cứ ăn, ăn rất tự nhiên, như không ngờ vực gì hết.

Ngờ vực, nàng thấy không bao giờ người ta khổ sở bằng khi người ta ngờ vực. Sống trong ngờ vực chẳng khác sống chung thân trong ngục tối. Thà bị xử tử ngay còn hơn.

Trong khi ấy, thì Nam vẫn sống thản nhiên, bình tĩnh, có lẽ thản nhiên quá, bình tĩnh quá. Ấy là nói đối với nàng. Còn đối với tranh, với sơn, với những công việc của chàng thì chàng mê mải, vồ vập, cặm cụi suốt ngày, suốt buổi. Tưởng chừng như trót lười biếng một dạo, nay chàng làm việc gấp bội để cố kéo lại những thời giờ đã mất, đã bỏ phí. Có đêm đã khuya Lan không ngủ được, dậy lần đến chỗ chồng ngồi vẽ. Nàng yên lặng, vì thấy Nam đương để cả tâm trí vào một bức họa phác, một kiểu bình phong. Chàng không biết vợ đứng sau lưng. Buồn rầu, Lan lại rón rén trở về phòng ngủ.

Một hôm Lan hỏi chồng:

– Sao độ này anh làm việc nhiều quá thế?

Câu hỏi rất đột ngột với Nam. Chàng chẳng biết trả lời ra sao, nên đành nhắc lại:

– Em thấy độ này anh làm việc nhiều quá?

Lan cười:

– Em có thấy đâu. Anh làm việc nhiều quá thực đấy!

– Ừ mà có lẽ anh làm việc nhiều thực đấy.

– Vì người ta đặt nhiều quá, phải không?

Nam, vẻ mặt lơ đãng:

– Không, thích làm việc thì làm việc đấy thôi. Chứ cần gì người đặt. Đặt mà không hứng làm việc thì cũng vứt vào một xó. Năm sáu tháng trước em không thấy ba bốn bức bình phong bỏ bễ đấy ư? Thúc giục, anh cũng mặc kệ.

Nam cười nói tiếp:

– Các ngài tưởng mình làm việc cho các ngài hẳn! Không mình chỉ làm việc cho mình, cho mình thôi.

Lan cố giữ nước mắt khỏi ứa ra. Nàng toan nói thẳng vào

mặt chồng câu này: “Anh có biết tại sao bẵng đi một dạo, ngày nay anh lại hứng làm việc không? Em bảo cho anh biết nhé? Tại anh yêu Trinh đấy mà. Anh có nhớ không, ngày anh mới yêu em, ngày chúng ta chưa cưới anh chẳng mê man vẽ dầu, vẽ lụa, vẽ sơn trong mấy tháng liền là gì: Rồi sau khi cưới nhau anh yêu em, chiều em nên anh quên nhãng tranh. Không phải độ ấy anh chán em, nhưng phải phân biệt hai thứ tình yêu, thứ tình yêu mơ mộng buổi đầu mới là thứ tình yêu gây cảm hứng... Cũng như ngày nay anh bắt đầu yêu Trinh ấy mà... Anh cũng vẽ hoài, vẽ hủy”.

Câu ấy Lan tưởng không bao giờ có thể nói ra lời được. Chỉ nghĩ thầm nàng đã thấy khó chịu lắm rồi. Là vì nàng cho cái việc đã xẩy ra như bức tường ngăn cản hai tâm hồn, nàng thấy làm lạ rằng những người đàn bà bị chồng lừa dối mà còn quay lại thành thực yêu chồng được. “Mình thì...” Nàng không dám nghĩ trọn câu. Vì nàng như vừa tỉnh ngộ và tự hỏi: “Ừ mình thì mình làm thế nào?” Hai đoạn kết trong hai giấc mộng lại hiện ra: Nam xin lỗi nàng và nàng đòi hỏi ly dị.

“Nhưng Nam thực có lỗi không đã?” Lan không sao không để ý tới điều ấy, dù nàng vẫn tin chắc rằng Nam và Trinh đã thành một cặp tình nhân rồi, nàng chỉ tự hỏi để cốt tự trả lời, tự quả quyết lần nữa với mình: rằng mình không thể lầm được. Nàng để tâm dò la ý tứ chồng, và một ngày nàng đi mãi vào sự tin chắc.

Trước hết, mỗi lần nàng gợi chuyện đến Trinh là Nam đánh trống lảng. Sự thực thì Nam quả không muốn đả động đến Trinh sợ lỡ sơ ý điều gì Lan lại ghen tuông và khổ sở. Chàng quá cẩn thận đến nỗi cố tránh cả cái tên Trinh, và nếu trong câu chuyện vợ gợi nói đến người bạn gái, chàng làm như lơ đãng không nghe tiếng hay không lưu ý tới. Nhưng vì thế mà chàng trở nên cứng cỏi, mất tự nhiên khiến Lan càng ngờ vực.

Một hôm ở phố về, Lan bảo Nam:

– Trinh sắp lấy chồng, anh biết chưa?

Lan bịa ra cái tin ấy xem Nam có buồn không?

Nhưng Nam thản nhiên hỏi lại:

– Trinh lấy ai thế?

– Chả biết. Em cũng mới nghe tin đồn.

– Sao không hỏi ngay Trinh?

– Vậy anh thử hỏi Trinh xem nhé?

– Ồ! Hơi đâu. Nếu Trinh lấy chồng thì tất thế nào rồi cũng sẽ bảo tin cho mình biết. Tưởng nhân tiện em gặp thì hỏi cho biết đích thôi.

Lan vui vẻ, nói:

– Trinh mà lấy chồng thì chắc sẽ có nhiều anh buồn Nam nhỉ?

– Nhưng sẽ có một anh sung sướng.

Lan vội hỏi.

– Ai?

Nam cười đáp :

– Anh chồng.

Lan không giữ nổi tiếng thở dài:

– Vị tất!

Lan có dáng bộ chán nản. Nam cho là nàng nhọc mệt vì trời vào hè đã bắt đầu oi nồng.

XI

Sau hơn một tháng tìm tòi tra xét. Lan vẫn chỉ mới ngờ vực. Nàng chưa có một tang chứng gì rõ rệt về tình yêu của Nam và Trinh ngoài cái ôm nhau có lẽ ngẫu nhiên ở ngoài vườn.

Hôm nay nàng thử lòng Nam một lần cuối cùng, định bụng sau cuộc thí nghiệm này nàng sẽ quên, quên hẳn, coi như đã không xẩy ra một việc gì. Nàng bảo Nam:

– Anh cho phép em về chơi nhà ít lâu nhé?

Nam ngừng vẽ, quay lại hỏi:

– Em muốn về chơi Quảng Yên?

– Vâng.

– Ừ, cũng phải đấy, em nên đổi khí trời một vài tuần lễ xem có khá không. Độ này em có sắc mỏi mệt lắm. Trông em gầy xọm hẳn đi.

Lan muốn đáp:

– Anh có biết vì sao không? Anh có biết rằng em khổ sở vì anh không?

Nhưng nàng chỉ ngập ngừng:

– Vậy... anh cho phép... nhé?

Nam cười:

– Cho phép.

Rồi tiếp luôn:

– Anh toan thuê cái nhà anh Ngọc thuê năm ngoái ở Sầm Sơn, rồi đưa em vào đó nghỉ mấy tháng hè. Nhưng em hãy về Quảng Yên ít lâu đã, Quảng Yên khí hậu tốt lắm có lẽ cũng chả kém gì Sầm Sơn.

Lan thấy giọng Nam như reo mừng. Nàng vẫn tưởng Nam sẽ cố giữ nàng ở lại, hay ít ra cũng sẽ giữ lấy lệ một câu. Trái lại, Nam khuyên nàng nên đi, đi ngay. Nam không vờ ngần ngại gì cả. Và chàng cũng không cần giấu giếm nữa, để sung sướng biểu lộ hẳn ra ngoài mặt. "Thôi thế là hết!".

– Vậy em định hôm nào đi?

Lan nghĩ thầm : "Gớm thật! Nam nóng nẩy muốn gặp mặt Trinh ngay chăng?" Và nàng đáp:

– Em về ngay bây giờ có được không?

– Em cần gì phải hấp tấp thế? Bây giờ thì chỉ còn kịp chuyến tầu bốn giờ. Thôi để mai về sớm, mát mẻ.

Cơm chiều xong. Nam nghỉ việc, cùng Lan sửa soạn hành lý. Chàng nghĩ đến đủ các vật nhỏ nhặt như cái bàn chải răng, ống phấn đánh răng và các thứ thuốc cần dùng như asperine, teinture diode. Chàng gói cẩn thận và chính tay xếp vào va li. Lan thấy chàng âu yếm và dễ thương quá, toan vứt tung quần áo ra ngoài rồi ôm lấy chàng mà hôn mà kể hết mọi ngờ vực, đau đớn bấy lâu nay nung nấu trong lòng.

Nàng ngửng lên nhìn Nam. Tính tình tốt đẹp của nàng biến mất, ái tình bồng bột của nàng dẹp đi. Chỉ còn lại lòng tự ái, lòng tự ái kiêu hãnh. Nhưng ghen và giận cũng có bớt một phần. Nàng ôn tồn dặn chồng:

– Anh đừng bừa bãi quá nhé. Em ở nhà, em thu dọn suốt ngày thì còn được, chứ em đi vắng thì bề bộn lắm đấy, lỡ ai vào người

ta bảo nhà có đàn bà mà...

Nam cười, ngắt lời vợ:

– Vậy hễ ai vào chơi, anh nói cho biết ngay rằng em đi vắng.

Lan im lặng nhìn chồng, nghĩ thầm: “Phải rồi! Cô ả đến thì thế nào chẳng bảo ngay cho biết rằng vợ đi vắng”. Và nàng toan không về nữa. “Mình về là trúng mưu anh chị. Thảo nào mà Nam hớn hở vui sướng, chịu khó đi sửa soạn hành lý cho mình”. Cái cảnh tượng hai người đuổi nhau, ôm nhau lại hoạt động hiện ra trước mắt Lan nghiến răng lại chỉ tiếp: “Trời ơi! Lòng người đàn ông!”

Sáng hôm sau, Nam tiễn vợ ra ga “Đầu cầu” Lan đòi đi hạng tư chàng nhất định lấy vé hạng ba. Rồi hai người ra sân ga. Bỗng Nam chợt có một ý tưởng ngộ nghĩnh:

– Hay anh cùng đi với em?

Trong một giây, Nam trở lên quả quyết:

– Phải đấy, em đứng chờ đây để anh vào lấy vé nhá.

Lan ngước nhìn chồng. Bao nhiêu nỗi hờn ghen đã tiêu tan hết, nàng rất muốn Nam cùng đi và nàng nhớ lại hôm nhị hỉ về nhà, hai người ngồi bên nhau trên toa xe hỏa. Hôm ấy nàng sung sướng quá. Tưởng hạnh phúc ái tình không bao giờ bị một làn mây mỏng che mờ. Thế mà ngày nay...

– Không, nếu muốn về thì vài hôm nữa hãy về.

– Vài hôm nữa với hôm nay thì khác nhau cái gì?

– Ai lại đi đột ngột như thế? Có đi thì cũng dặn bảo người nhà thu dọn, coi cửa coi nhà đã chứ.

Sự thực Lan không muốn để Nam cùng đi Quảng Yên, chỉ vì nàng sợ những dự định của nàng sẽ không thi thố được, những dự định mà nàng đã có hơn một tuần nay.

Nàng còn đang ngần ngừ, thì xe hỏa đã tới nơi. Chàng lặng lẽ xách va li đưa vợ lên toa, Lan tươi cười nói:

– Cám ơn anh. Thôi về nhé.

Thấy không có một ai trong toa, nàng hôn chồng một cái nhẹ nhàng. Nam cũng hôn lại vợ rồi xuống sân ga đứng đợi cho xe chạy. Lan thò đầu ra ngoài cửa sổ cố âu yếm, bảo chồng:

– Anh làm việc vừa vừa chứ, nhé!

Nam mỉm cười. Và xe bắt đầu từ từ chạy. Hai người cùng vẫy cho tới khi không trông thấy nhau nữa.

Xe lửa đi khuất đã lâu: tiếng động trên cầu sắt chỉ còn thoáng đến tai Nam. Cũng có lẽ là tiếng âm vang trong tưởng tượng, và kỳ thực có lẽ xe đã sang bên kia sông rồi. Nam vẫn còn đứng ở sân ga, tỳ khuỷu tay nhìn vào thành cầu nhìn xuống con đường chui qua phía dưới. Cái sơn chợt nhắc chàng nhớ tới những tác phẩm đương bỏ dở. Chàng liền hấp tấp dắt xe đạp trở về nhà. Vừa ra khỏi ga, chàng nhẩy xe cắm đầu đạp mau.

Nhưng về tới nhà, Nam thấy không hứng làm gì hết. Chàng dặn bảo thợ các công việc rồi lại lên xe ra đi. Chàng cũng không định và không biết đi đâu và chàng mỉm cười nghĩ thầm: "Mình làm như được ngày xổ lồng không bằng!" Ý nghĩ ấy khiến chàng tự thẹn: chàng có phải là người sợ vợ đâu?

Chàng vội tự trả lời thầm: "Không sợ nhưng mà nể, vì quá nể nhiều khi mất cả tự do". Chàng nhớ lại những đêm khuya về, Lan thức để ngồi đợi. Rồi săn sóc hỏi han. Có khi lại làm một món ăn, hoặc nấu nồi cháo để chồng dùng trước khi đi ngủ. Một lần Nam cáu kỉnh hỏi vợ:

– Sao em thức khuya thế?

Lan vờ ngây thơ đáp:

– Em chờ anh.

Nam giọng lạnh lùng và trách móc:

– Lần sau đừng chờ như thế nhé.

Lan im lặng không đáp. Nhưng lần sau Nam về khuya vẫn thấy nàng ngồi đợi. Từ đó chàng rất ít đi chơi đêm vì nể vợ thì ít mà vì bực tức, khó chịu với vợ thì nhiều.

Lệ thường, tối thứ bẩy nào Nam cũng phải đi chơi: hoặc đến nhà các bạn đồng nghiệp ngồi nói chuyện phiếm hoặc đến các tiệm khiêu vũ ngồi trước cốc cà phê lạnh ngắm những tấm thân uyển chuyển, những cặp mắt nhanh nhẹn, những cái miệng lẳng lơ. Chàng cũng biết khiêu vũ, nhưng thỉnh thoảng mới đi một bài valse – chàng chỉ thích valse – có lẽ vì muốn có cái cảm giác say sưa khi chóng mặt.

Thế mà ít lâu nay những tối thứ bẩy chàng thường nằm nhà.

Kể cũng nhớ, nhưng cái sướng đi chơi chẳng bõ với cái khổ lúc về nhìn mặt vợ nặng trĩu đỏ ngầu.

Cảnh ấy chỉ thoáng hiện ra như cái chớp nhoáng trong tâm trí Nam. Nam không lưu tâm đến lắm và cũng không suy nghĩ miên man, vì ngoài vẽ ra, mọi việc chàng đều cho là không quan hệ. Những sự đã xảy ra trong đời sống hàng ngày, dù hay dù dở, dù rủi dù may, chàng đều lãnh đạm xếp vào một cái bồ, như người ta nhét những giấy má vụn vặt vô ích vào một ngăn kéo lớn hay vào một cái bồ đem cất trong buồng chứa. Vì thế chàng không có những hạnh phúc lâu bền, mà cũng không có những sầu muộn lớn lao. Còn những vui thú, những khó chịu hằng ngày chỉ có ý nghĩa lúc xẩy ra mà thôi...

Nghe gọi. Nam khe khẽ bóp hãm và quay nhìn sang bên phố.

– Đi đâu mà cắm đầu cắm cổ đạp lấy đạp để?

Nam xuống xe:

– Ngọc đấy à? Hôm nay không đi dạy học?

– Sáng hôm nay tôi nghỉ, anh quên rồi? Khi xưa, cứ sáng hôm nay, cứ sáng thứ năm là anh đến chơi tôi sớm, để cùng phóng xe đạp đi vẽ, anh quên rồi?

Nam cười:

– Tôi không quên nên hôm nay tôi đến rủ anh đi vẽ.

– Nếu tôi không gọi thì anh không đến phải không?

– Cũng được!

– Nhưng chevalet đâu? Toile đâu?

– Để nhà. Lấy xe đạp và các thứ ra rồi cùng về nhà tôi đã...

– Vậy vào chơi một lát, chờ tôi nhé.

Loan nghe tiếng Nam ở cổng vội dắt Thanh chạy ra. Nàng cười nói vui vẻ:

– Gớm anh Nam tưởng anh chết.

Nam tự nhiên thấy ngượng, chào một câu rồi tháo kính ra lau, làm như để khỏi trông thấy Loan.

– Chị có nhà không anh? Chiều tôi lên chơi đấy nhé, báo cho anh chị biết trước mà đón.

Nam cố giọng bình thản:

– Lan đi Quảng Yên, vừa đi sáng hôm nay.

Loan lại cười:

– Thảo nào!

Nam hơi cau mày, hỏi lại:

– Chị bảo "thảo nào" là nghĩa lý gì!

– Là nghĩa chị đi vắng, anh được xổ lồng.

Nam cáu kỉnh và mỉa mai:

– Còn chị thì để anh ấy xổ lồng luôn dù chị đi vắng hay chị có nhà?

– Cái đấy đã hẳn! Hơi đầu mà giữ.

Nam nhận thấy bao ý thầm oán, trách móc trong câu nói của Loan. "Hơi đâu mà giữ!" chỉ có nghĩa "Không giữ nổi!". Và chàng nghĩ đến tình cảnh chàng, đến tình cảnh Lan: nếu chàng cứ liều bỏ đi chơi như Ngọc, thì rồi Lan cũng sẽ trở nên một người vợ không hiền lành ngoan ngoãn thì cũng lãnh đạm thản nhiên đối với mọi công việc của chồng.

– Bao giờ chị về?

– Cái đó hình như tôi cũng không biết.

Loan cười:

– Sao lại hình như?

– Vì Lan không dặn hôm nào về. Hoặc giả Lan có dặn mà tôi quên chăng. Vả Lan về thăm nhà là về chứ gì.

Loan ngước nhìn Nam nghĩ thầm: "Hay trong gia đình Nam đã xẩy ra cuộc xô xát rồi, nên chị giận chị bỏ anh về nhà cha mẹ đẻ!" Và nàng hỏi dò:

– Tính Lan vui quá nhỉ? Anh có dạy Lan vẽ không? Lan thích vẽ lắm phải không?

– Không biết Lan có thích vẽ không, nhưng Lan rất thích ngồi làm kiểu mẫu cho tôi vẽ.

Loan mỉm cười:

– Thế thì còn gì bằng!

Loan vừa nhớ lại buổi đầu mới lấy Ngọc, nàng đã qua cái cầu ấy, cái cầu đòi ngồi làm kiểu mẫu cho chồng. Sau thấy Ngọc như thích những kiểu mẫu thuê hơn mình nàng tủi thân và tự thẹn, ngờ rằng mình không có nhan sắc, hay không có nhan sắc trong tranh.

Từ đó nàng để mặc chồng muốn vẽ ai thì vẽ, dù là kiểu mẫu thuê hay kiểu không mất tiền, nghĩa là những câu sáo mà chính nàng cũng không tin là đúng! "Chà! các nghệ sĩ thì ai chả thế! Phải để họ tự do chứ! Coi họ như những người thường thế nào được?"

Ngắm mặt Loan thấy có vẻ buồn rầu nghĩ ngợi. Nam như đoán được tư tưởng của nàng. Và chàng tìm chuyện nói lảng:

– Chị Loan không cho tôi uống nước nhỉ?

– Ồ chết chửa! Tôi quên.

Rồi nàng gọi người nhà đun nước, Nam vội gạt:

– Thôi chị ạ, chúng tôi sắp đi bây giờ đây mà! Tưởng có sẵn nước vối chị cho một cốc kia chứ!

– Nước vối thì bao giờ cũng có sẵn, nước vối nóng nữa.

– Nàng rót nước ra cốc cho Nan. Nam vừa uống vừa khen.

– Nước nụ vối ngon quá! Phải xin chị một tí mới được.

Lúc ấy Ngọc đã buộc xong giá và khung vải vào xe đạp. Chàng đứng ngoài sân gọi vào:

– Đi thôi!

Loan thừa biết hai người đi đâu, nhưng cũng mỉm cười hỏi:

– Các anh đi chơi?

Nam đáp:

– Không, đi vẽ.

Rồi gật chào. Chàng chợt nhớ tới Thanh từ nãy đứng im lặng bên mẹ liền quay lại hỏi một câu:

– Thanh có ngoan không?

Loan cũng vừa để ý đến con:

– Thanh không chào bác kìa. Lạy bác đi!

Thanh ngoan ngoãn vâng lời mẹ, chào to:

– Lạy bác ạ.

Loan cười bảo Nam:

– Anh chị sắp có tin mừng chưa?

Nam như không nghe tiếng bước vội ra sân.

Ngọc nhẩy xe và giục:

– Mau lên mới được. Gần tám giờ rồi. Mà mình sang Gia Lâm kia đấy.

– Sang Gia Lâm?

– Ừ, sang Gia Lâm. Tôi đang vẽ một bức tranh ở bên ấy

– Có xa không?

– Cũng không xa lắm. Nhưng xa thì cần gì! Trước kia anh có ngại xa bao giờ đâu.

Trước kia, Nam hiểu ngay là trước khi có vợ, cũng như lúc nãy nói chuyện với Loan, câu "Khi xưa" của Loan đã nhắc chàng điều đó. Vả chàng khôi hài nghĩ thầm: "Việc lấy vợ của mình quan trọng đến thế kia? Quan trọng đến nỗi đã chia đời mình ra làm hai phần. Một phần "trước kia" nghĩa là thời chưa có vợ, và một phần "bây giờ" nghĩa là thời đó đã có vợ rồi".

Đến phố Bờ Sông hai người đạp thong thả lại. Nam cho xe đi sát xe Ngọc và thân mật hỏi, giọng rất nghiêm trang:

– Vướng vấp gia đình có hại cho nghệ thuật không anh?

Ngọc cười đáp:

– Cũng tùy! Tôi thì tôi thấy không những không có hại mà lại có lợi nữa. Nhà cửa, ăn uống có người trông coi cho, mình chỉ việc vẽ, hay nói kiểu cách, mình chỉ việc phụng sự nghệ thuật.

Nam, giọng vẫn nghiêm trang:

– Vậy anh cho lấy vợ chỉ cốt để có người trông coi cửa nhà và ăn uống?

– Nghĩa là ít ra cũng được thế.

– Còn nhiều ra?

– Còn nhiều ra không kể xiết được. Có khi mình được một bạn thân, một người tri kỷ, và biết đâu, một tình nhân âu yếm suốt đời cũng nên.

Nam kêu:

– Một tình nhân âu yếm suốt đời? Nếu thế thì mình chỉ còn là một việc... tự tử.

Ngọc cười:

– Sao lại thế được?

– Sao? Chả biết sao, nhưng tôi đã qua cái cầu chung sống với tình nhân rồi.

Ngọc vẫn cười:

– Và vì thế nên anh đã quả quyết lấy vợ? Nhưng liệu hồn. Có vợ không phải là thoát hẳn được cái nạn tình nhân!

Nam lơ đãng nhìn theo rặng xoan ở dưới bãi và chàng như nói một mình:

– Tình nhân hành hạ mình còn bằng vạn vợ hành hạ mình.

Ngọc quay lại ngó thẳng vào mặt bạn. Hành hạ? Lan khi nào lại là người hành hạ chồng? Chàng chợt nghĩ đến tính nhu nhược của Nam đối với phái phụ nữ. Nhưng nhu nhược của Nam là thứ nhu nhược tự nhiên, do sự không cần, không thiết gì mà có. Hạng người nhu nhược như thế không để một ai hành hạ, đè nén nổi. Nhưng biết đâu Nam đã không dùng chữ hành hạ theo một nghĩa khác, một nghĩa riêng vì Nam nói tiếng An Nam vẫn không thận trọng lời bao giờ. Ngọc mỉm cười nói:

Anh tính mấy khi chúng mình để vợ hành hạ!

– Mình có để đâu, nhưng bà ấy cứ hành hạ thì biết làm thế nào?

– Thí dụ?

– Thí dụ thì thiếu gì thí dụ. Chẳng hạn bà ấy cứ luôn luôn hỏi mình có còn yêu bà ấy không?... Chẳng hạn mình chơi khuya về, bà ấy thức bà ấy ngồi đợi.

– Thế là hành hạ đấy?

– Chớ còn thế nào mới là hành hạ nữa? Sao bà ấy không để mặc kệ mình? Lại thế này nữa, mình mang chevalet và toile đi vẽ, bà ấy cũng hỏi đi đâu? Không biết hỏi thế để làm gì?

Ngọc cười:

– Để lỡ mình có ngộ cảm thì biết chỗ mà tìm chứ.

Nam trở lại nghiêm trang:

– Không, tôi cho người đàn bà chỉ nên để người đàn ông tự do, muốn làm gì thì làm, đừng quá săn sóc đến người ta mà làm người ta khó chịu.

– Nếu thế thì sao anh không theo mãi chủ nghĩa độc thân?... Còn đa mang vào làm gì? Anh xem tôi, tôi có khó chịu đâu? Không những thế tôi thấy dễ chịu nữa. Tôi muốn có người săn sóc đến tôi, nghĩa là săn sóc đến những cái không quan trọng mà vẫn cần thiết như cái ăn, cái ngăn nắp vui vẻ trong nhà... À, anh có biết anh Thuyết không nhỉ?

– Có, Thuyết văn sĩ phải không?

– Phải. Anh ấy có vợ và hình như đã có con, nhưng anh ấy cho cái cảnh đề huề vợ con trong gia đình không hợp, không xứng với đời một văn sĩ. Đời văn sĩ phải lãng mạn. Vì thế, anh ấy đã bỏ gia đình đi ở riêng với một cô tình nhân bé nhỏ, nói bé nhỏ là nói theo nghĩa bóng đấy thôi chứ kỳ thực cô tình nhân ấy chẳng bé nhỏ gì, trái lại nữa.

Nam cười nói:

– Sao không lấy quách làm vợ lẽ?

Ngọc cũng cười:

– Nếu lấy làm lẽ thì lại không hợp thời, thì lại cổ hủ, thì lại không là nghệ sĩ một tí nào! Vì lấy vợ lẽ tức là đi theo lối cũ của các cụ xưa, nghĩa là lập thêm một gia đình thứ hai nữa. Thành thử sợ gia đình, trốn gia đình mà lại hóa ra dấn mãi thân vào gia đình đơn, gia đình kép. Đằng này chỉ là tình nhân...

Nam ngắt lời:

– Nghĩa là khác nhau cái tiếng gọi, phải không? Đáng lẽ kêu là chị Thuyết như các cụ thì người ta kêu là: "petite amie", hay "la poule" của Thuyết chứ gì!

– Không hẳn thế.

– Nhưng mà chính thế.

XII

Hai người tới một cái miếu trống thiên bên đường. Ngọc bảo Nam:

– Đây rồi. Anh đợi tôi một lát nhé, ta lại đằng kia lấy bức tranh đang vẽ dở.

Nam để dựa xe đạp vào một gốc cây, rồi nằm xuống cỏ dang tay, duỗi chân, ngửa mặt nhìn trời nghĩ ngợi. Cái bệ thờ rêu bám đen, trên có cái bình hương gẫy một tai, chàng trông rất quen mắt. Nơi đây, khoảng hai mươi năm, khi còn là một cậu học trò nhỏ chàng thường đến chơi với mấy người bạn. Cả một thời xưa hiện về trong trí nhớ, thời vô tư lự, thời đẹp đẽ nhất của người ta.

Thốt nhiên chàng tưởng đến Biên, vì trong số những người bạn cùng đến đây với chàng thường có Biên. Rồi từ Biên, trí nghĩ chàng đi thẳng ngay đến Lan. Lan mới xa chàng sáng nay, mà chàng tưởng chừng đã lâu lắm rồi. Không phải vì tình yêu mà chàng cảm thấy thế, song những phút hiện tại tĩnh thản, thảnh thơi chàng đương sống, chàng tưởng đã kéo dài từ bao năm. Một chút nhớ tiếc làm lòng chàng hơi bùi ngùi. Nhưng nhớ tiếc chỉ thoáng qua. Nam không kịp nghĩ và cũng không muốn suy xét kỹ xem mình nhớ tiếc gì. Chàng tự nhủ: "Việc gì mình đã làm, là xong rồi, dù tốt hay xấu. Nhưng việc xảy ra trong đời mình cũng vậy, nhớ tiếc cái gì! Sống đầy đủ phút hiện tại đó là tất cả thuật sống của người ta".

Chàng cất tiếng cười, và thấy mình sung sướng, rồi lặng lẽ nghĩ đến hạnh phúc, nghĩ đến một cách hồn nhiên, không tìm tòi sâu xa. Trên đầu chàng lá cây đan dầy. Ở một khoảng thưa những chiếc lá, ánh vàng lọc qua, run run trong gió. Chàng ví với những chiếc thuyền bềnh bồng, trên biển xanh, nhưng nhớ ngay ra rằng tư tưởng ấy chàng đã đọc ở bài thơ nào hình như hay lắm thì phải.

– Thế nào? Chưa làm gì hết?

Nam vẫn yên lặng nhìn trời, như không nghe thấy câu hỏi của bạn, Ngọc cũng để mặc chàng, một mình sửa soạn ngồi vẽ. Bỗng Nam hỏi:

– Anh Ngọc, sao người ta gọi là "mộng huyền" nhỉ?

Ngọc lơ đãng hỏi lại:

– Ai gọi thế?

– Các thi sĩ.

Ngọc cười:

– Các ông thi sĩ còn phải nói! Muốn gọi thế nào mà chẳng được? Trời ngọt, ý xanh, gió tím... Có trời hiểu!

Nam vẫn theo đuổi ý nghĩ của mình:

– Có lẽ mộng huyền là mộng đen chăng? Nghĩa là tối đen mờ mịt, buồn rầu sầu thảm...

Ngọc cười:

– Hay anh đương mơ mộng buồn rầu?

– Không, tôi chỉ nghĩ đến chữ "mộng huyền" trong một câu

thơ mới.

– Tôi thì cho là mộng mị huyền hoặc.

– Quyết nhiên không đúng. Ít ra cũng không đúng theo ý tác giả bài thơ, vì câu thơ tôi nhớ mang máng hình như: "Đẹp tựa giấc mộng huyền". Thiết tưởng đã đẹp thì không thể huyền hoặc được, huyền đây chắc là phải huyền ảo.

Ngọc đã bắt đầu vẽ, trả lời vẩn vơ:

– Biết đâu đấy!

Nửa giờ sau, quay lại vẫn thấy Nam nằm ngửa nhìn trời, Ngọc hỏi:

– Anh nhất định không làm gì cả.

Nam đáp một tiếng "suỵt!" Ngọc cười:

– Cái gì mà bí mật thế?

– Tôi đang làm việc lung lắm.

Ngọc cười càng to:

– Làm việc? Mơ mộng là làm việc đấy?

– Mơ mộng cũng là làm việc. Nhưng tôi không mơ mộng. Tôi viết văn.

– Viết văn?

– Phải, viết văn. Tôi đương soạn một quyển tiểu thuyết dài lắm, dài ít nhất là bốn trăm trang. Vừa xong phần thứ nhất, đến đoạn...

Ngọc trang nghiêm ngắt lời:

– Thôi vẽ đi. Nam! Đùa mãi, mất cả thời giờ.

Nam cũng trang nghiêm đáp lại:

– Anh cứ vẽ đi. Còn tôi thì giờ này tôi thích viết hơn. Mà khi người ta đương viết thì cố nhiên người ta không thể vẽ được. Ai mà làm nổi cả hai công việc cùng một lúc nhất là hai công việc lại cùng khó khăn như nhau.

Ngọc yên lặng, trí nghĩ để cả vào hội họa. Nam tiếp luôn:

– Vậy ra anh cũng tưởng tôi nói đùa. Vì anh cho một họa sĩ không viết được văn. Tôi thì tôi thấy một bức tranh không khác gì một bài thơ hay một thiên tiểu thuyết...

Nam ngừng lại, và như chợt nghĩ ra chàng kêu:

– Ừ, mà tôi tìm thấy rồi, anh Ngọc ạ.

Ngọc vừa cầm dao miết màu vừa hỏi:

– Anh tìm thấy cái gì đấy?

– Tôi tìm thấy rằng hội họa là tổ văn chương cũng như loài khỉ là tổ loài người.

– Nhưng loài khỉ không là tổ loài người. Vậy hội họa cũng không thể là tổ văn chương được.

– Thế thì đáng tiếc.

– Nhưng anh bằng cớ vào đâu mà nói hội họa là tổ văn chương?

Nam cười:

– Anh ngắt lời làm tôi quên mất rồi. Nhưng bằng cớ ấy chắc chắn lắm, vững chãi lắm. Để khi nào chúng nó trở về trong óc tôi, tôi sẽ nói cho anh biết. Lại đây nữa nhé: Ban hãy hình như anh có đọc câu thơ: "Gió tím thổi ý xanh về". Vậy rồi trong văn chương người ta sẽ phô bày tư tưởng toàn bằng màu cả cho mà xem. Văn chương phải đến trình độ ấy...

Ngọc ngắt lời:

– Tôi nói ý xanh, gió tím chứ tôi có đọc một câu thơ nào đâu! Nhưng xin anh viết cho xong thiên tiểu thuyết của anh đi.

– Nghĩa là để im cho anh vẽ, phải không?

– Không phải. Vì vừa vẽ vừa nói chuyện, sao không được?

– Anh nói đúng lắm. Không biết anh thế nào, chứ tôi thì lúc tôi vẽ mà tôi nói chuyện thì hình ảnh câu hiện thành nét, thành màu lên bức tranh ngay.

Ngọc cười:

– Vậy khi vẽ không nên nói chuyện phiếm, sợ nét và màu thành phiếm mất.

– Phiếm càng hay. Vì còn gì đẹp bằng một bức tranh mà nét và màu chỉ là nét và màu chạy lăng quăng, như mấy con bướm bay lượn trên những đóa hoa xuân. Điều ấy can hệ lắm đấy nhé. Tôi biết một họa sĩ sản xuất một tác phẩm rất tầm thường, chỉ vì trong khi vẽ, vặn đi vặn mãi một đĩa hát.

– Đĩa hát gì?

– Đĩa hát "La Victoire". Thành thử các nhân vật trong bức tranh mà họa sĩ muốn hoạt động vui vẻ như sự thắng trận, chỉ cứng nhắc và đầy lòng tự phụ kiêu căng.

Ngọc phá lên cười:

– Anh nói Bắc Hải, phải không? Nghe nói một lần họa sĩ vẽ mây Tàu trong điệu âm nhạc một bài "mélodie" của Schubert. Nếu anh viết tiểu thuyết thì đó, sẵn sàng một nhân vật tiểu thuyết.

– Nhân vật tiểu thuyết thì thiếu gì! Ai mà không là nhân vật tiểu thuyết. Kén chọn nhân vật cầu kỳ, ngộ nghĩnh để tả thì có khác gì kén chọn toàn người đẹp để vẽ... Nhưng hình như tôi chưa nói cho anh biết đại ý cuốn tiểu thuyết của tôi nhỉ?

– Hình như thế.

– Anh có biết nguồn cảm hứng của tôi, tôi đã tìm thấy ở đâu không?... Ở anh. Hay đúng hơn, chính anh đã gợi nguồn cảm hứng cho tôi.

– Thế à? Hân hạnh cho tôi quá!

– Anh đừng vội tự phụ. Vì nguồn hứng chỉ là một phần con con, một trong nghìn phần của sự thành công, tưởng rằng tìm thấy nguồn cảm hứng là đủ cũng chẳng khác gì chỉ nghĩ đến ăn mà đã cho là đủ. Còn phải là một người bếp khéo nữa chứ.

Ngọc mát mẻ:

– Sự so sánh của anh kể cũng hơi lạt lẽo và tầm thường:

– Nhưng không sao, quý hồ anh hiểu. Tôi nói anh đã cho tôi nguồn cảm hứng. Quả có thế. Ban nãy anh kể chuyện anh Thuyết và cô tình nhân bé bỏng của anh ấy, Thuyết sẽ là vai chính trong tiểu thuyết của tôi. Đại khái cốt truyện sẽ như thế này: Một văn sĩ đương sống một đời bình thường giản dị. Ấy là nói về bề ngoài. Còn bề trong thì chả đời một ai lại bình thường giản dị hết. Có một tâm hồn phong phú, đáng lẽ văn sĩ nên tự cho là đủ. Nhưng văn sĩ vẫn băn khoăn và luôn nghe có tiếng gọi xa xăm ở một cõi đời huyền ảo. Tiếng gọi một ngày một thêm thúc giục. Rồi một hôm văn sĩ choàng tỉnh: chàng thấy cái đời bình thường giản dị của chàng không đáng sống. Một đời thể chất đáng sống cho nghệ sĩ phải cân đối, phải xứng hợp với cái tinh thần phong phú của mình. Nếu không cái phong phú bên trong sẽ bị ảnh hưởng của cái nghèo nàn bên ngoài

mà có một ngày trở nên tầm thường vô vị, rồi cũng nghèo nàn theo. Tới đó thì tác phẩm sản xuất sẽ không còn một chút giá trị gì. Bởi vậy văn sĩ vội dấn thân vào đời sống phong phú...

Ngọc không ngừng vẽ, phê bình:

– Cái luận đề của anh hơi cũ và hơi sáo.

– Có lẽ. Vả ý tưởng gì mà không cũ, không sáo. Có cái gì cổ nhân chưa nói, chưa viết? Mới chỉ ở cách nói cách viết mà thôi.

Ngọc cười:

– Vậy cách viết của anh thì hẳn mới, vì lần này là lần đầu anh cầm bút; tôi nói bút viết, vì bút vẽ thì anh cầm đã lâu và đã khá thạo. Nhưng cái đời thể chất phong phú kia bắt đầu từ đâu và đi tới đâu?

Nam giọng hơi buồn rầu:

– Đó là một đời sáo như anh vừa nói. Nhưng biết sao, lỗi không tại tôi, lỗi chỉ tại đời, vì đời sống nào mà không sáo, kể cả đời sống của Diogène. Chỉ có tâm hồn phong phú là luôn mới lạ. Đó cũng là một ý chính trong tiểu thuyết của tôi: Văn sĩ của tôi sẽ tìm mới lạ trong sự biến đổi bề ngoài, sẽ tìm cảm hứng trong sự ngây ngất say sưa. Nhưng đi từ chán nản này đến chán nản khác, và thất vọng cứ ấn mãi chàng vào trong thất vọng. May mà chàng sẵn có một tâm hồn phong phú; và chính tâm hồn chàng trong một phút tự chủ đã cứu thoát chàng ra khỏi cái đời hắc ám, cái đời nồng nực trong men rượu, và u mê trong khói thuốc phiện.

Ngọc đứng dậy vừa ngắm nghía bức tranh đặt trên giá, vừa nói:

– Sao mà tiểu thuyết của anh giống tiểu thuyết "Băn khoăn" của Nguyên thế! Giống cả ở chỗ mãi mãi sẽ dự định viết.

Nam thản nhiên đáp:

– Nếu giống thì tôi chả cần viết nữa, để rồi đọc tiểu thuyết của anh Nguyên cũng đủ.

Ngọc cười:

– Không hề gì, và ít ra cũng vài chục năm nữa, Nguyên mới viết xong. Nhưng giống nhau thì giống nhau thực... Một đằng tìm quên có lẽ vì buồn một đằng thì tìm sống một đời thể chất phong phú có lẽ cũng vì buồn. Giá đừng ai buồn cả thì sẽ không có tiểu thuyết.

Mà muốn không buồn tất cả phải có một lý tưởng để theo đuổi.

Nam ngồi dậy trân trân nhìn Ngọc hỏi:

– Lý tưởng ấy thuộc về xã hội, hay thuộc về quốc gia đấy?

– Tùy! Nhưng hãy tạm có một lý tưởng dễ dàng để theo, để quên, để quên buồn nản: Tìm cái đẹp.

– Tìm trong đời sống?

– Chứ ai lại đi tìm cái đẹp trong đời chết bao giờ!

– Biết đâu! Nhưng anh ngồi lại vẽ, tôi về trước nhé?

– Chờ cùng về một thể, chứ!

– Hay anh cứ ngồi ở đây, tôi đi đằng này một lát rồi chút nữa tôi mua các thức ăn đem lại đây, chiều chúng ta hãy về cũng được.

Dứt lời Nam nhảy xe cắm đầu chạy mau. Ngọc nhìn theo lắc đầu.

XIII

Trong luôn ba hôm, ngày nào Nam cũng miệt mài làm việc cho tới gần tối và đêm nào cũng đi chơi mãi đến một hai giờ khuya mới về. Nhiều lúc chàng mơ màng tưởng mình vẫn sống đời đơn độc ngày xưa, cái đời vô tư lự, chàng thường nói và nay chàng như nhớ tiếc. Chàng cũng chỉ nhớ tiếc vẩn vơ thôi chứ không hề bao giờ đem so sánh dĩ vãng với hiện tại.

Chiều nay chàng nhận được một bức thư.

Ngay lúc nhìn ra cổng và thấy người đưa thư kéo chuông, tâm linh đã báo cho chàng biết rằng đó là thư của Lan. Chẳng hiểu sao chàng cảm thấy một luồng lạnh chạy khắp thân thể, như khi chàng chợt thất vọng điều gì.

Chàng cầm vân vê cái phong bì, ngắm nghía nét chữ nắn nót và mềm mại "Đây là bức thư thứ nhất của Lan từ ngày cưới" Ý nghĩ ấy khiến chàng hơi lấy làm thẹn vì chàng nhớ mới năm ngoái khi vừa nhận được thư của vị hôn thê, chàng vội vàng xé phong bì ra đọc ngấu đọc nghiến, rồi đọc đi đọc lại ba, bốn lần không chán. "Sao ngày ấy Lan có duyên thế!". Nam mỉm cười nghĩ tiếp luôn: "Nghĩa là ngày nay Lan không có duyên?". Và mỉa mai tự đáp thầm: "Phải, bao giờ cô vợ chưa cưới chẳng có duyên hơn cô vợ cưới rồi". Tự nhiên

chàng thấy mình tệ bạc với Lan, và trong vài giây chàng cảm động, hối hận.

Chàng vừa đọc được mười dòng trong thư, tính tình đối với Lan đã đổi khác hẳn, trái ngược, và chàng chỉ còn thấy bứt rứt khó chịu. Vì sau mấy câu hỏi thăm, Lan nói ngay vào chuyện, một câu chuyện dài dòng, lôi thôi, bịa đặt. Mà lời văn của Lan mới kiểu cách mát mẻ làm sao! Nam mong biết rõ ngay lỗi mình đã phạm đối với Lan, đến nỗi đọc nhẩy từng đoạn để chóng đến cuối thư. Nhưng rồi chàng lại thong thả đọc một lần thứ hai. Lan khêu gợi lòng tự ái của chàng: Nàng bảo thẳng cho chàng biết rằng Trinh yêu chàng và chàng cũng yêu Trinh. Nàng lại thêm ở mục "Tái bút" : nếu ái tình của đôi bên quá thành thực thì nàng có thể tự hy sinh để hai người lấy nhau, vì đã hết tình yêu thì vợ chồng chỉ còn một cách xử trí ổn thỏa: là ly dị.

Nam không sao không sung sướng tự hỏi: "Mình yêu Trinh? Và Trinh yêu mình?". Một ái tình mới mẻ, đột ngột như vừa chiếu sáng tâm hồn chàng. "Vô lý!". Chàng không rõ hẳn rằng chàng bảo ai vô lý, cái gì vô lý: lòng ngờ vực của Lan hay ái tình mới nhóm của chàng. Có lẽ đó chỉ là một câu thốt ra từ nơi tiềm giác. Cũng có lẽ đó là một lời vô nghĩa của lòng sung sướng. Dầu sao Nam cũng cau có, gắt gỏng thầm: chàng tự lừa dối chàng. Dần dần sự cau có gắt gỏng của chàng trở nên thành thực: chàng thành thực cảm thấy chàng giận Lan lắm. Và chàng lấy bút giấy ra viết cho Lan một bức thư. Nhưng chàng chỉ đề xong ngày tháng. Đoạn ngồi bần thần nghĩ ngợi.

Sau một lúc lâu, chàng bỗng bật cười lên tiếng và viết tiếp: "Lan, vợ yêu quí của anh". Thoạt đầu, trong lúc tức bực – tức bực giả dối – chàng đã định đề vắn tắt: "Lan". Nhưng chàng kìm ngay lại và tự nhủ: "Như thế phỏng có ích gì?". Rồi chàng định viết cho Lan một bức thư lời lẽ thực nồng nàn âu yếm, tuy vẫn có giọng mắng trách, – cũng mắng trách âu yếm.

Vì chàng vừa chợt thấy mình có lỗi, có tội với Lan. Khi người ta có tội với người yêu, thì chả còn cách chuộc tội nào mầu nhiệm bằng nói với người yêu những lời nồng nàn âu yếm.

Nói có lẽ còn hơi khó, người yêu có thể thấy mình lúng túng, nhưng viết moi móc tìm những chữ hết sức dịu dàng, hết sức thương mến, những tính tình hết sức cảm động hết sức thành thực.

Nhưng thư vẫn không đi xa hơn được một dòng nào. Lại vừa gặp giờ ăn, thằng nhỏ ra mời: chàng vứt bút đứng dậy liền: "Để tối nay

tĩnh mịch viết dễ hơn". Quả nhiên ăn xong, Nam lại ra bàn viết, ngồi đăm đăm nhìn tờ giấy trong khung ánh sáng vuông của chiếc đèn điện có chụp xanh hình kim tự tháp không ngọn. Mãi sau chàng mới quả quyết nghĩ thầm: "Đây này, ta là một nghệ sĩ. Và thiên tiểu thuyết ta soạn đến một quãng khó khăn, đến một tình thế khó khăn: vợ ngờ vực chồng có ngoại tình. Bây giờ ta phải khiến người chồng gửi một bức thư cho vợ tỏ rằng vợ đã lầm, đã ngờ vực vô lý để bộc bạch những tính tình tốt đẹp, ngay thẳng, thành thực của mình. Mình không thành thực, thì cần gì? Sự thành thực có vẻ giả dối, trái lại sự giả dối có khi đầy vẻ thành thực. Mà bây giờ mình chỉ cần đầy vẻ thành thực".

Ý nghĩ ấy làm chàng cười ngất. Rồi chàng viết thoăn thoắt. Tư tưởng nọ kế tiếp tư tưởng kia tuôn ra mau quá, đến nỗi ngòi bút chạy soàn soạt trên giấy, cuống quít vì không chép kịp. Nhưng chàng bỗng ngừng lại sau một câu mà chàng thấy không xuôi, câu "Em ngờ, vực Trinh, thì thực tội nghiệp Trinh!". Chàng cho câu ấy âu yếm quá, âu yếm đối với Trinh, cố nhiên. Và chàng tự nhủ "Đó là một gáo dầu tưới vào đống củi đang cháy..."

Hơn hết là đừng đả động đến Trinh!?.

Nam vừa xóa câu của mình vừa thì thầm: "Không đả động đến Trinh". Chính lúc ấy chàng nghĩ đến Trinh nhiều lắm, nghĩ đến với tất cả tình âu yếm. Và chàng thôi viết thư để nhìn theo đàn muỗi xanh khiêu vũ dưới chụp đèn, trong ánh sáng xanh hình ảnh cô thiếu nữ tươi trẻ, xinh đẹp, nhất là ngây thơ, ngoan ngoãn. Chàng nhớ lại những lời nói của Trinh, những cử chỉ của Trinh. Và thấy Trinh hoàn toàn.

Chàng vội mỉm cười tự chế giễu: "Hoàn toàn! Trước kia mình cũng thấy Lan hoàn toàn. Nghĩa là các cô thiếu nữ thì cô nào cũng hoàn toàn". Chàng thấy nẩy ra một ý tưởng: "Hay họ chỉ hoàn toàn trong cái đời thiếu nữ... Nếu quả như thế thì mình đã phạm một tội nặng lắm: Làm cho Lan mất hoàn toàn!". Chàng cười vui thú và đứng lên đi đi lại lại trong phòng. Gần nửa giờ qua. Tiếng giầy cồm cộp như thu lấy cả trí nghĩ. Bỗng chàng ngừng lại cầm tờ giấy nhẩm đọc một lượt, rồi ra vứt xuống đất. Đoạn chàng đi thay quần áo để lên phố. Nhưng mặc xong quần áo chàng lại cởi ra, thay quần áo ngủ. Chàng băn khoăn khó chịu mà chẳng muốn tìm hiểu vì sao.

Đêm ấy Nam loay hoay trằn trọc mãi khuya mới ngủ được, sáng hôm sau chàng dậy muộn. Vì thói quen chàng nghĩ qua đến mọi việc phải làm, ra xưởng dặn bảo thợ mấy câu rồi đi ăn sáng. Chàng phải đem hết nghị lực ra mới giữ được tâm trí khỏi lởn vởn đến Trinh. Chàng cho thế là mơ mộng hão huyền, là vô lý, là trẻ con.

Dùng qua loa cốc cà phê sữa uống vội vàng, rồi đi mặc quần áo lên phố. Chàng kinh ngạc và không hiểu mình kinh ngạc thực hay vờ kinh ngạc. Nhưng chàng cũng tiến vào hàng.

Trinh ngồi trên phản, nửa người khuất sau hàng quả. Cảnh tượng ấy Nam thấy quen mắt và thân mật lắm. Trinh cất giọng trang nghiêm hỏi đùa:

– Ông mua gì ạ?

Nam cười đáp:

– Cô bán cho tôi một lạng miến.

Rồi nhìn vào phía trong:

– Cậu đi vắng à?

Làm như mình cốt đến chơi Kế. Trinh đáp:

– Cậu em đi dạy học.

Nam không giữ nổi vui mừng và vẩn vơ hỏi lại:

– Đi dạy học?

– Vâng, đi dạy học. Dễ anh quên rằng cậu em dạy vẽ ở trường...

– À phải, tôi nhớ rồi, anh Kế dạy ở một trường tư... Ừ nhỉ!

– Vậy anh chỉ cốt đến chơi với cậu em?

Câu hỏi như có vẻ khiêu khích. Nhưng Nam giữ giọng bình thản đáp lại:

– Thì cố nhiên! Chẳng lẽ tôi đến mua miến!

– Chị vắng nhà, thì anh đi mua miến cũng chẳng sao, nếu anh thích ăn món cua xào miến.

Nàng như chợt nghĩ đến Lan:

– À chị Lan đã về chưa, anh?

– Về đã lâu!

– Chị về Hà Nội rồi, thế mà...

– Không, về Quảng Yên ấy chứ, về nhà Lan kia chứ!...

À, có câu chuyện buồn cười quá...

Nam ngừng lại, bẽn lẽn nhìn quanh. Trinh lơ đãng hỏi:

– Chuyện gì buồn cười thế?

Nam coi như mình đã tiến rồi thì không thể lùi được nữa, kỳ thực ngay từ đêm hôm qua chàng đã có ý đem thư của Lan phô với Trinh. Chàng lặng lẽ mở ví lấy bức thư đưa cho Trinh và nói:

– Này, Trinh xem Lan có vô lý không?

Rồi chàng đứng ngắm diện mạo Trinh trong khi nàng chăm chú đọc. Chàng kinh ngạc vì thấy sắc mặt Trinh không thay đổi. Nàng thản nhiên – hơi lạnh lùng nữa – trả lại Nam bức thư:

– Vâng, vô lý thực!

Nam nhìn Trinh hỏi:

– Sao lại có thể thế được nhỉ?

Trinh nhắc lại:

– Vô lý thực!

Nam thấy mắt nàng ứa lệ và không hiểu nàng cảm động hay căm giận: bỗng nàng cất giọng sừng sộ bảo Nam:

– Cả anh nữa, anh cũng vô lý nốt! Sao anh lại đưa thơ ấy cho em xem. Vâng, anh vô lý lắm, vô lý lắm!

Nam quả nhận thấy mình vô lý. Ai lại đưa thư riêng của vợ cho bạn vợ xem bao giờ, nhất trong thư người bạn ấy lại bị vợ ngờ vực. Chàng thấy tà tâm của chàng rõ rệt quá, và chàng nói lí nhí:

– Xin lỗi Trinh... tôi xin lỗi Trinh nhé.

Nhưng Trinh đã cười, cười nức nở khiến Nam lo lắng đứng nhìn.

– Kể thì anh cũng chả có lỗi gì. Có lẽ đứng trước thái độ đa nghi và ghen tuông của chị, anh rối trí, chẳng biết nghĩ sao, nên đến vấn kế tôi, vì tôi vẫn đa mưu, ai chả biết thế, phải không?

Nam vội níu lấy:

– Chính thế đấy.

– Anh vấn kế tôi thì tôi sẽ giúp anh. Nhưng chính anh đã nghĩ ra kế gì chưa?

Nam lạnh lùng:

– Còn phải nghĩ ra cái gì nữa. Tôi định viết thư cự cho Lan một chặp.

Trinh mỉm cười như biết đích rằng Nam nói dối.

– Không, không được. Làm thế không xong, vì không có ích gì, chỉ tổ nát bét thêm, khác nào cơm đã nhão, anh còn đun già lửa cho cơm thành vừa nhão vừa khê.

Nam cười:

– Trinh ví von đến hay!

– Vậy anh viết thư chưa?

– Tôi đã viết rồi, nhưng lại xé đi ngay.

– Thế thì tốt lắm. Vì viết thư không được.

– Vậy làm gì mới được?

– Anh phải thân đi Quảng Yên đón chị Lan về.

– Đi Quảng Yên?

– Chứ sao!

– Còn công việc của tôi?

– Công việc gì khẩn cấp bằng công việc này.

– Bằng công việc đi đón Lan về?

– Hẳn chứ!

Trinh thong thả nói tiếp:

– Vì hạnh phúc của anh và Lan ở cả đó.

Nam quay nhìn ra phía đường nói:

– Tôi không ngờ Lan lại khó chịu đến thế.

– Anh không nên ngờ. Đàn bà con gái đã ai tránh thoát vòng ghen tuông!

Nhưng ghen bóng ghen gió...

– Ghen nào mà chả là ghen bóng, ghen gió? Nếu có sự thật thì đã chả ghen.

Nam cười:

– Cô làm như cô thạo khoa tâm lý lắm.

Trinh ngắt lời, hỏi:

– Mấy giờ có xe hỏa?

– Một giờ.

– Vậy anh về ăn cơm đi, rồi ra ga thì vừa. Thôi, anh về ngay không lại lỡ tàu. Nghe nói anh hay lỡ tàu lắm kia đấy.

Lúc bấy giờ có khách vào mua hàng, Trinh quay lại bảo Nam:

– Thôi, anh về nhé.

Rồi nàng tiếp khách để mặc Nam lủi thủi ra phố, gọi xe.

Buổi trưa, Nam ăn xong, ngồi ngáp hoài. Chàng đã quên câu chuyện ban sáng và định đi ngủ một lát.

Bỗng ở cổng có tiếng chuông. Chàng nghĩ ngay đến Trinh và chạy ra hiên. Quả Trinh đứng ở cổng gọi:

– Anh Nam! Anh ăn cơm xong rồi phải không?

Xong rồi.

– Vậy đi!

Nam hỏi lại:

– Đi à?

– Chứ còn gì nữa.

– Thì cô hãy vào đây đã!

– Không, em không vào.

Chẳng đừng được Nam phải ra cổng. Trinh thân mật bảo rằng:

– Anh nên nhớ rằng Lan đương ghen. Em vào không tiện. Lỡ đầy tớ anh nó mách Lan thì sẽ chẳng ra sao. Vậy anh sửa soạn mau mau lên, em chờ anh ở ngoài phố.

Dứt lời nàng đi thẳng, mặc lời tha thiết mời mọc của Nam. Nam đành sắp va li đi: chàng lo sợ vơ vẩn rằng nếu do dự không đi thì sẽ bị Trinh coi thường.

Ra phố Yên Phụ, chàng thấy Trinh đứng bên hai cái xe. Nàng cười nói:

– Ừ có thế chứ! Đây, xe em thuê rồi. Đi thôi.

Tới ga Đầu Cầu, nàng giục Nam vào lấy vé và nàng dặn:

– Nhớ lấy khứ hồi, nhé. Đi hạng ba rồi lúc về Hà Nội đi chuyến thường để lên ngồi hạng nhì cho được vắng.

– Cần gì vắng!

Giọng Nam hơi gắt gỏng. Nhưng giọng Trinh vẫn dịu dàng.

– Cần lắm chứ!

Lúc lên xe hỏa, Nam cảm động bảo Trinh:

– Trinh tốt lắm, mà ngoan quá.

Trinh lặng lẽ cười buồn.

Nam nhìn Trinh chìa bàn tay. Trinh thẳng thắn, mạnh bạo nắm bắt, ra hẳn vẻ một người bạn trai.

Xe huýt còi chạy, Trinh không nhìn theo nữa, vội vàng bước vào trong ga.

Nam ngồi xuống ghế, vui vẻ nghĩ thầm:

– Chuyến này về Hà Nội mình phải vẽ Lan và Trinh trong cùng một bức tranh mới được.

HẾT

LƯU TRỌNG LƯ

Lưu Trọng Lư sinh ngày 19 tháng 6 năm 1912, mất 1991. Quê ông ở xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông xuất thân từ một gia đình quan lại, nho học. Cha đỗ cử nhân làm tri huyện. Lúc nhỏ ông học ở trường tỉnh, sau đó học ở Huế và Hà Nội. Thôi học, ông làm thơ, viết văn. 1933, ông đã có tập truyện *Người sơn nhân*. Ông là một trong những người khởi xướng và cổ vũ nhiệt tình phong trào thơ mới, và nổi tiếng là nhà thơ lãng mạn trước Cách mạng Tháng Tám (1945) với tập *Tiếng thu* (1939).

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông tham gia cách mạng tại Huế. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ ông lên chiến khu Thừa Thiên và hoạt động văn hóa, văn nghệ ở mặt trận Bình Trị Thiên và Khu IV. Hòa bình lập lại, ông công tác ở Bộ Văn hóa và làm tổng thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam trong nhiều năm và ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn (Khóa II). Thời kỳ này, ông vừa làm thơ, viết văn và viết kịch... Ông mất tại Hà Nội (1991).

Tác phẩm: Truyện đã in trong *Phổ thông bán nguyệt san*, trong những năm từ 1937 đến 1941: *Con đười ươi; Từ thiên đường đến địa ngục, Nàng công chúa Huế, Cô Nguyệt, Một người đau khổ, Cô gái tân thời, Cô Nhung.*

In thành sách: *Người sơn nhân* (1933), *Huyền Không Động* (1935), *con voi già của Vua Hàm Nghi* (1936), *Tiếng thu* (1939), *Chạy loạn* (1939), *Một tháng với ma* (1940), *Chiếc cáng xanh* (1941), *Khói lam chiều* (1941), *Giòng họ* (1942).

Tỏa sáng đôi bờ (thơ – 1959), *Người con gái sông Gianh* (thơ – 1966), *Từ đất này* (thơ – 1971), *Tuổi hai mươi* (kịch thơ – 1973), *Hồng Gấm* (Kịch thơ – 1973), *Mùa thu lớn* (Tùy bút, hồi ký 1978), *Nữ diễn viên miền Nam* (Kịch bản cải lương), *Cây thanh trà* (Kịch bản cải lương), *Xuân Vỹ Dạ* (Kịch nói), *Anh Trỗi* (Kịch nói), *Nửa đêm sực tỉnh* (Hồi ký – 1989), *Tuyển tập Lưu Trọng Lư* (1987).

KHÓI LAM CHIỀU

1

Trên một đám lá ủ lại thành chiếu nằm, con Vịnh vươn mình một cái, đưa tay dụi mắt, rồi ngồi phắt dậy... Trời đã chiều hẳn. Bóng vàng còn lảng vảng trên những chòm thông xì xào hát với ngọn gió chiều.

Con Vịnh nhìn ra bốn phía rừng, tịnh không thấy một bóng người, một bóng thú: những bạn đồng nghiệp của nó đã đập bò về trong xóm từ hồi nào rồi. Mấy con chim, bồ chao, từng hồi một, đành ở trong bụi rậm, báo trước cảnh hoàng hôn sắp đến, cảnh hoàng hôn dữ dội.

– Chết tôi rồi! Con trâu bạch chạy đi ăn lúa ở phương mô rồi nữa!

Mình mẩy toát cả mồ hôi, nó bưng mặt khóc. Nó chợt nghĩ đến những hình phạt ghê gớm mà nó phải chịu trong hôm vừa rồi và sẽ phải chịu trong tối hôm nay nữa. Suốt hôm qua nó làm việc không hề hở tay... Hết xay lúa rồi nó quay ra giã gạo, rồi giần, rồi sàng, rồi canh một qua, rồi canh hai qua, cho đến canh năm nó vừa đặt lưng xuống, chưa kịp nhắm mắt thì gà ở ngoài chuồng đã giục giã gáy sáng... Rồi suốt ngày hôm nay nó phải ngủ đứng ngủ ngồi cho lại sức, để con trâu bạch thoát đi hồi nào không hay...

Bỗng... một làn gió chạy qua, trong những bụi sim già, cành lá sột soạt đánh vào nhau như gọi dậy cái sầu ủ rũ ở trong rừng sâu u tịch. Và từ chốn xa xôi lại, con Vịnh lắng tai nghe có tiếng sáo trúc đưa tới, dìu dặt, khoan thai.,. Nó thấy như có một tia hy vọng đến làm ấm áp lòng nó. Nó thấy cái lạnh lẽo đìu hiu ở trong rừng sim tiêu tán hết...

Tiếng sáo ngừng hẳn... nó nghe có tiếng véo von hát:

Vì mây cho núi lên trời,
Vì chưng gió thổi hoa cười với trăng...

Rõ ràng là tiếng thằng Đối, con ông phó Thanh, hát ở bên kia bụi lau. Quên cả nỗi buồn bực ở trong lòng, con Vịnh cất giọng nối theo:

Đến đây những suối cùng khe,
Chân sim bóng núi tiếng ve gọi sầu.

Thằng Đối ngửng đầu lên, lẩm bẩm một mình:

– Giọng ai như giọng con Vịnh.

Rồi lại cặm cụi làm việc; nó cố đan nốt cái giỏ cỏ...

– Anh Đối, trời tối rồi, anh chưa về ư?

Con Vịnh đã lê đến sau lưng, cười nói đon đả;

– Tôi có ý chờ cô để về luôn một thể.

– Cám ơn anh lắm lắm!

Nhưng nó vừa sực nhớ đến trâu của nó, nó rưng rưng nước mắt, hỏi thằng Đối:

– Anh có thấy con trâu của tôi chạy ngả mô không anh?

– Có, nó chạy vào rú rậm.

– Đừng nói đùa, tội nghiệp, anh!

– Nói chơi đấy, tôi thấy nó vào rẫy ông trưởng Điến.

"Trưởng Điến", hai chữ tên ấy, gợi vào trong trí con bé bao nhiêu điều hung ác, khó chịu. Nó còn nhớ rành mạch rằng: đã có lần trâu của nó ăn hết một bụi lúa của lão trưởng Điến, bị lão bắt về và đòi cho kỳ được năm quan tiền vạ. Nó còn nhớ chủ nó hôm ấy lột sạch cả áo quần nó ra, trời rét căm căm, bắt nó nằm ngoài chuồng lợn. Thế đã hết đâu, năm quan tiền vạ ấy chủ nó lại trừ vào tiền công nó nữa.

Nó lại sợ lần này rồi cũng đến như lần trước, nó khóc òa lên.

Bỗng thằng Đối rú lên một cách dễ sợ:

– Vịnh, mày trông kia kìa; trốn mau! Trèo lên cây!...

Con Vịnh chả trông thấy gì, hoảng hốt theo thằng Đối, trèo lên cây đa. Một bầy lợn rừng hung hăng ở đâu tiến đến, những cái nanh nhe ra như cái lưỡi lê hung tợn.

Con Vịnh đứng ở trên cây, đưa tay nắm chặt lấy tay thằng Đối,

quên lửng đi rằng mình năm nay đã mười sáu tuổi. Thằng Đối sung sướng quá, âu yếm bảo con Vịnh rằng:

– Vịnh, em đừng sợ! Chốc nữa bầy lợn tan đi nơi khác, tôi sẽ đưa em về...

Quả vậy, bầy lợn đã đem nhau đi nơi khác, tiếng ụ ịch nghe đã xa xa. Yên lòng, con Vịnh theo thằng Đối xuống đất.

Nhưng bấy giờ cả rừng đã tối đen lại. Người ta như thấy đi trong một hang tối, và nghe có những tiếng rất lạ lùng ghê gớm.

Hai con cú mèo trên cành đa, trao đổi nhau những lời thảm đạm.

– Anh Đối, ngọn gió lạnh quá!

– Để tôi đốt lửa lên mà sưởi cho ấm, rồi ta cùng về.

Cái ý nghĩ "về" làm cho con Vịnh giởn cả người, nó lại nhớ đến con trâu của nó, đến những hình phạt đương chờ đợi nó.

– Về, chả về thì đừng!

Câu nói của con Vịnh làm cho thằng Đối ngạc nhiên và mỉm cười. Thì chính trong trí thằng Đối vừa rồi cũng có một cái tư tưởng như thế. Nó muốn ở lại trong rừng sâu và qua một đêm thú vị, bên cạnh con Vịnh.

Im lặng, nó đi lượm mấy cành củi khô, rồi châm diêm lên đốt. Ngọn lửa như kéo lại sự vui ở trong lòng cô bé. Hai đứa vừa sưởi, vừa chuyện trò giòn giã như ngô rang.

Thằng Đối lấy ra một đùm cơm nắm với một gói muối vừng hồi trưa còn lại, chia nhau ăn rất vui vẻ. Giữa bữa cơm, con Vịnh đưa chuyện nhà ra kể cho thẳng Đối nghe, như kể cho một người anh ruột. Con Vịnh khi sinh ra đời chẳng biết có cha. Nó ở với mẹ nó, một bà cụ già đầu đã lâm râm bạc, và mắt đã bắt đầu muốn lòa. Giá nó sinh ra sớm hơn một chút thì có lẽ bớt khổ.

Cảnh nhà thì nghèo, trong lúc mẹ nó không làm gì được vì già yếu, thì nó cũng chả làm công chuyện gì được, vì còn khờ dại. Mẹ già con muộn, lo sống lay lắt cho qua ngày tháng, để đợi... mẹ nó ngày xuống lỗ, còn nó thì... đi ở thuê.

Khen cho tạo hóa cũng khéo xếp đặt, cái nhà xiêu vẹo và rách nát thường che mẹ con con Vịnh lúc nắng lúc mưa, ngày nay vừa vặn bán đi để mua cái thọ đường cho bà cụ. Bà cụ thở hơi cuối cùng. Trong khi cái xác ma của bà êm ấm, thì con bà sống cầu bất cầu bơ

không nơi nương tựa. Rồi cực chẳng đã nó phải chui đầu vào ở mướn với ông bà Ngưỡng, một năm được năm quan tiền công, cái số tiền đủ mua lễ vật để lo kỵ giỗ cho mẹ nó. Thằng cha bá Ngưỡng khắp cả vùng Phú Mỹ ai lại không gớm cái mặt nó. Nó bủn xỉn, nó keo cú, nó tàn nhẫn đến nỗi con Vịnh làm thuê cho nó sáu bảy năm trời mà nó chỉ sắm cho được vài bộ quần áo vải, và tiền công thì nay lần mai lữa, chỉ mong có dịp để trừ bớt, để quỵt. Con Vịnh ngày thì vào rừng chăn trâu, đêm về thì công việc bề bộn, khổ nhục đến điều. Tội nghiệp con bé không bao giờ dám mở miệng than lấy nửa lời. Hôm thì lão bảo trâu lão ăn đói, hôm thì lão kêu trâu lão ốm giơ xương, bao giờ lão cũng kiếm cho được vài cớ để rầy mắng con bé. Lão có một cách trừng phạt rất lời, lợi cho lão là mỗi khi con Vịnh có lỗi, thì lão bắt nó làm việc gấp đôi, gấp ba...

Con Vịnh ngồi thuật chuyện mình cho thằng Đối nghe, khi khóe mắt liu riu như muốn khóc. Thằng Đối thì ngồi tần ngần không nói một tiếng, lâu lâu nó bỏ thêm vào đống lửa một vài que rào, cho ngọn lửa cứ đượm mãi, là ý nó không muốn để cho câu chuyện của con Vịnh phải ngừng lại một phút nào. Mỗi khi nó nghe con Vịnh kể tới một chỗ thương tâm thì thằng Đối lại ngẩng lên nhìn trộm một cái. Dưới bóng lửa dọi lại, nó thấy hai má con Vịnh đỏ ửng, thì nó nhận thấy con Vịnh dễ thương lắm, đẹp lắm, đẹp hơn hết cả những con gái ở vùng này. Nhưng miệng nó không thốt ra được một lời âu yếm, để chia khổ với con Vịnh, trong lúc bụng nó chứa chan cảm tình, muốn nắm lấy tay con Vịnh và kéo vào lòng nó.

– Vịnh em kể hết chuyện đi.

– Hết rồi, chuyện của em chỉ có thế thôi.

Rồi cả hai đứa ngồi thừ ra nhìn những que rào nổ lắc rắc... Xa xa con tắc kè điểm từng tiếng một, đo cái thời khắc lạnh lùng qua... Chặp lâu thằng Đối chỉ nói được một câu để tỏ cả cái nỗi lòng của nó đối với con Vịnh:

– Thôi, em hãy ngủ đi, mai anh sẽ giúp em tìm cho được con trâu.

Ngoan ngoãn, con Vịnh ngả xuống cái "chiếu lá". Nhưng nhắm mắt lại, nó đã thấy cái hình ảnh dữ tợn của thằng cha trưởng Điến sừng sộ đòi cho được năm quan tiền vạ. Nó kéo cả thằng Đối nằm bên nó, cho được yên lòng.

Xa xa con tắc kè ung dung điểm từng tiếng một, đo cái thời gian lạnh lùng qua, cái thời khắc trầm trọng ở trong rừng khuya.

II

Một buổi sáng kia, ông phó Thanh đương ngồi vắt chân chữ ngũ, trên bộ ván ngựa, ung dung uống nước trà....

Bên ông thằng Đối đứng khúm núm kêu xin:

– Thưa thày, oan con lắm...

– Thì sao thiên hạ đồn ầm lên thế? Anh không tin lời nói của tôi là thật, thì anh qua bên xóm hỏi bà Nưa. Chính bà ấy vừa nói với tôi khỏi miệng rằng: tối hôm kia, anh ngủ lại trong rừng với con nào... Anh cãi sao thì cãi cho tôi nghe thử?

– Thưa thày, oan con thật! Mệt quá, con ngủ quên trong rừng một mình.

– Một mình! Ngủ quên! Hừ! Anh coi tôi như đồ trẻ con chưa biết gì hẳn! Bà Phó đâu! Ra mà nghe đấy! Con bà ăn nói khôn ngoan lắm đấy chớ!

Một bà cụ trạc sáu mươi tuổi, lưng đã hơi gù, miệng móm, ở trong nhà ngang bước lên, hầm hầm nét mặt. Bà nhổ cái bã trầu ở trong miệng ra cái "toẹt", tay trỏ vào mặt thằng Đối, mắng luôn;

– Con trai con đứa đã mười chín tuổi đầu, còn bé bỏng lắm đó! Anh ngủ trong rừng, nghe nói mà chướng tai! Hừ! Tôi đây cũng còn có cái "ổ" cho anh rúc vào, rúc ra chứ? Người như anh cũng chưa đến nỗi phải ngủ ở xó bụi, góc bờ...

Rồi bà quay lại nói với ông Phó:

– Chính con Vịnh nó cũng khai với ông Bá Ngưỡng thế! Đích rồi! Anh chàng, chị chàng ngủ với nhau trong rừng chứ lại gì nữa...

Bà lại quát to:

– Thôi phen này nó giết tôi!

– Thưa mẹ! Quả là người ta thêu dệt...

– Thêu dệt? Thêu dệt? Anh không có tội gì hết cả, nhưng ba quan tiền của tôi tối hôm qua anh đánh cắp cho ai? Ba quan tiền tôi bán

hai thúng lúa, tôi chưa kịp cất đi, còn để trên sập... Ngoài anh ra ai vào đấy nữa... Khôn hồn thì anh trả lại tôi!

Ông Phó giận quá, không nén được nữa. Ở trên phản ông nhảy xuống, nắm lấy đầu tóc thằng Đối, giúi xuống đất. Ông đưa chân nện vào lưng nó và tát vào mặt nó túi bụi...

Thằng Đối chỉ kêu van chứ không nói được gì nữa.

Bà Phó chạy lại xin ông Phó tha cho nó và ngọt ngào dỗ nó:

– Có phải con lấy trộm của mẹ ba quan tiền để cho con Vịnh không? Con cứ khai thật đi, rồi thầy mẹ tha cho con.

– Thưa mẹ, quả không có chuyện ấy.

– Không, thì con Vịnh đào mồ ông nó cho ra ba quan tiền để nộp vạ cho thằng cha trưởng Điến?

Ông Phó vẫn chưa hết giận; ông lại vớ cái roi mây, nhảy vào, phết cho thằng Đối mấy cái nên thân...

– Con chả con thì thôi! Đồ phá gia! Nhà này không thể dung quân ấy được. Anh cởi trả quần áo cho tôi, rồi anh đi mô thì đi!

Thằng Đối giựt ra được, chạy ra đống rơm, ông Phó đuổi theo. Bà Phó cản lại:

– Thôi, "thày hấn" nể mặt tôi, đừng làm om lên, hàng xóm bu tới, không tốt.

Nằm trên đống rơm, thằng Đối khóc nức nở. Những lằn roi ở trên lưng nó như thúc giục nó mau ra mà thú hết cả câu chuyện tình cho thày mẹ nó hay. Nhưng... nếu rồi đây, chuyện mà vỡ lở, thì danh giá con Vịnh còn gì?

Phận tôi đòi, nó cũng có cái danh giá của nó chứ?

Nó sẽ ăn nói làm sao với con Cần, con Bích; mỗi khi gặp nó, chúng sẽ chào nó bằng một nụ cười mỉa mai.

Vì tấm ái tình đối với con Vịnh, thằng Đối phải bưng kín miệng bình. Vả còn một lẽ nữa, là nó không thể thú với thầy mẹ nó là vì rồi đây con Vịnh sẽ lấy đâu ra ba quan tiền để trả lại cho nó.

Bỗng trong cái trí tối tăm, buồn rầu, nó thấy có một tia sáng. Bây giờ nó muốn đem tất cả câu chuyện thú cho thày mẹ nó. Dầu là bị rầy, bị mắng, bị tấn, bị tra, bị treo cẳng lên xà nhà, nó cũng vui lòng chịu hết, miễn là thầy mẹ nó vui lòng để cho nó đường hoàng lấy con Vịnh. Được lấy con Vịnh làm vợ, nó sẽ sung sướng biết

bao! Nó tưởng tượng lại cái miệng rất xinh và hai cái má đỏ ửng của con Vịnh, khi con bé kể đến những chuyện thân mật trong đời nó... Rồi chẳng ngần ngại gì hết, nó đặt con Vịnh lên trên cả những cô gái quê mỹ miều mà nó gặp ở hội chùa Quang Minh độ nọ.

Con Mít, con ông lý Hân sắc sảo nhưng hơi lẳng một chút; con Sọ, con ông Nhiêu Cựu thì được cặp mắt bồ câu, nhưng phải cái miệng toe toét suốt ngày, như cái thanh la vỡ. Con Huệ, con ông chánh Kỳ thì lanh lợi, xinh xắn, hoạt bát "đủ điều", nhưng cặp mày sắc lẻm... gái ấy phải sợ...! Duy chỉ có con Vịnh là trọn vẹn mà thôi. Nó đẹp một cách kín đáo phúc hậu, lại có duyên thầm, nó ăn nói nhỏ nhẻ như một con tép. Nó chỉ có một cái vết xấu là nó nghèo, nó không cha mẹ, nó phải đi ở thuê... nó là phận tôi đòi...

Thằng Đối bỗng thấy hiện ra trong trí nó một ông cụ già, đạo mạo, râu tóc bạc phơ, chắp tay sau đít nghiêm trang bảo nó:

"Không được! Mày định đưa danh dự nhà mày ra bôi nhọ hay sao? Tao đây đỗ hai khoa tú tài, ba lần ăn Tiên chỉ làng Phú Mỹ. Tao sinh ra cha mày, tuy rủi gặp lúc triều đình bãi thi, mà nhờ phúc nhà, cha mày cũng chạy được cái chân Phó tổng, cũng đủ làm rạng vẻ cho tổ tông. Nay đến mày, không làm nên trò trống gì, lại định lấy một đứa ở thuê, một con ăn mày, đồ cầu bất cầu bơ, không nhà không cửa; mày hãy giết cha mày đi, rồi hãy lấy nó...".

Cái ông già ấy là ông nội thằng Đối, chết đã mười năm nay, mà linh hồn vẫn còn hiện về để cầm cương nảy mực cho gia đình nó. Giữa những sức mạnh ấy, con Vịnh cũng hiện ra trong trí nó, khép nép sợ sệt, mà vẫn xinh tươi, ngây thơ, nhìn nó mà cười: một nụ cười thành thực, đầy tình tứ.

Thằng Đối lẩm bẩm: "Ta không nỡ bỏ nó, tội nghiệp. Nó nghèo, nó không cha mẹ. Nó đáng thương và nó có đủ cả mọi vẻ nhu mì để làm cho ta sung sướng!".

III

Một buổi sáng về mùa xuân, con Vịnh lại đập trâu vào cho ăn trong rừng sim. Nó ngồi chơi một mình dưới gốc cây đa vì đã lâu nó cảm thấy những đứa trẻ khác, như không thèm lại gần nó nữa... Nhưng điều ấy chưa đủ làm cho nó buồn, cho cuộc đời của nó đến nỗi

tẻ ngắt như thế. Nó đương ôm một nỗi khổ tâm khác, nặng nề hơn, khó chịu hơn... Đã một tháng nay, nó thấy trong mình nó khác khác, nó thấy mỏi xương, đau lưng, hay buồn ngủ và thèm chua... Nó biết đó là triệu chứng của một sự khác... thường.

Nó muốn đem chuyện ấy ra hỏi bà Mục ở bên xóm, nhưng nó sợ chuyện vỡ to ra... Rồi nó đành ôm ấp lấy một mình, ngày đêm lo ngay ngáy, đến nỗi hai mắt nó thâm quầng lại và mặt mày xanh như tàu lá...

– Nhưng sao ta không tỏ hết sự tình với anh Đối?

Một con sáo ngà từ đâu bay tới, đậu ngay ở trước mặt nó, trên một cây thông... Con sáo nhảy từ cành này qua cành khác, và hót lên những giọng véo von vui vẻ... Nhưng con Vịnh thấy như con sáo nói với nó những lời mỉa mai sâu độc... Nó liền cúi nhặt một viên sỏi, ném con sáo. Con sáo rũ cánh bay về chốn chân trời xa xa, không hề kêu lên một tiếng oán trách. Đuổi con chim, con Vịnh tưởng sẽ đuổi được hết những nỗi buồn rầu cứ lưu luyến theo mình.

Nhưng...

– Sao ta không đem hết sự tình nói cho anh Đối nghe? Anh Đối hơn ta ba tuổi, anh từng trải hơn ta... và chỉ có anh Đối là yêu ta và lo nghĩ đến ta mà thôi.

Nghĩ đến thằng Đối, con Vịnh thấy vững lòng, và bớt lo sợ... Con bé khờ khạo, nó quá tin cậy ở ái tình... Nó không đọc được sách, nó không thấy những sự thất vọng về tình duyên tả trong những cuốn tiểu thuyết. Nó không hề nghe những tiếng khóc than thảm thiết của những tình nhân bị ruồng rẫy. Nó là con chim con ở miệng tổ, quá tin ở bầu trời trong sáng. Nó có biết đâu rằng chốc lát nữa đây từ phương trời xa lạ kia sẽ kéo tới những đám mây u ám và những trận gió hung tàn...

Nó vững lòng tin cậy ở ái tình, ở thằng Đối...

– Ta sẽ tìm anh Đối, và kể hết sự tình cho anh nghe. Có thế nào nữa thì anh sẽ thu xếp hộ ta...

Bỗng nó lắng tai nghe từ bên kia bụi lau đưa lại những tiếng sáo trúc dìu dặt, khoan thai. Tiếng trúc lạnh lùng và thảm đạm, như tiếng con chim lạc loài, gào kêu thảm thiết, trong lúc mẹ nó đã bỏ thân trong một cuộc hành trình xa xôi...

Buồn rầu, con Vịnh ngả mình vào gốc cây đa. Nó thầm trách thằng

Đối thổi chi những giọng tiêu tao, làm cho lòng nó thêm ngao ngán.

Nó đứng phắt dậy, hát lên mấy câu cho đỡ buồn:

Một ngày hai bữa trèo non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn hở anh?
Một ngày hai bữa cơm dền,
Lấy gì má phấn răng đen hỡi chàng?

Bên kia bụi lau, thằng Đối cũng đáp lại mấy câu:

Đôi ta làm bạn thong dong,
Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng.
Bởi chưng thày mẹ nói ngang,
Để cho đũa ngọc mâm vàng cách xa.

Thằng Đối cũng đương có mối đau nén ở trong lòng và cũng cần hát lên mấy câu cho ngực dễ thở...

Nó buồn, nó khổ vì nó sắp phải lấy vợ... Thày mẹ nó đã đi hỏi con gái ông Bá Ngô cho nó. Sở dĩ thày mẹ nó lo việc hôn nhân cho nó gấp bức như thế, là để chuộc lại miệng tiếng vào ra của thiên hạ. Trầu bé, trầu lớn, vợ chồng ông Bá Ngô cũng đã thâu nhận cả rồi. Bề ngoài thì làm ra hai bên vì tình cố cựu xưa nay mà kết thông gia với nhau, nhưng kì thực bề trong thì chỉ dòm ngó nhau về ruộng vườn nhà cửa. Ông Bá Ngô có những bảy mẫu ruộng chiêm, và hai cái rẫy sắn. Về mặt ruộng vườn thì ông Phó có vẻ kém sút ông Bá, nhưng ông lại hơn về mặt khác. Ông có những bốn con trâu mộm to chắc, và lại có những bạc trăm cho vay nữa... kể thì cũng môn đăng hộ đối đấy chứ sao... Về đám cưới thằng Đối, ông Phó có bán đứt đi hai trâu để lo liệu công việc, thì rồi ông Bá cũng phải bỏ ra hai mẫu để làm hồi môn cho con gái. Thì của ấy cũng về thằng Đối chứ về ai...?

Bấy nhiêu điều ấy tính toán ở trong óc ông phó Thanh, thằng Đối có hay biết chi đâu! Miễn sao là đến ngày cưới, thằng Đối chịu bận cái áo thụng xanh, đến nhà vợ làm lễ gia tiên. Thế là yên việc. Thằng Đối có yêu vợ nó hay không yêu vợ nó thì có quan hệ chi.

– Con bé thì rỗ chằng rỗ chịt, chưa nói thì đã cười toe toét thương sao vô?...

Đã biết bao lần thằng Đối nó lẩm bẩm như thế, nhưng cũng chỉ lẩm bẩm cái bất bình, uất ức của nó một mình mà thôi. Nó không tỏ ra cho thày mẹ nó biết, vì sợ rằng thày mẹ nó nghi nó còn say

mê con Vịnh... không, nó không muốn cho ai hay rằng nó yêu con Vịnh, mà sự thực thì trong những lúc xa vắng con Vịnh, nó bứt dứt khó chịu lắm. Hôm nay nó muốn gặp tận mặt con Vịnh, và ngỏ hết các sự tình cho con Vịnh nghe. Đã yêu nhau thì không nên có điều giấu giếm nhau nữa. Cái tâm hồn bình dị của nó rất hiểu cái lẽ đơn giản ấy... Nó vui vẻ cất giọng gọi con Vịnh:

– Qua đây "đổ tam quan", Vịnh!

Nghe thằng Đối gọi, con Vịnh hớn hở rúc bụi chạy qua. Hai đứa nhìn nhau mà cười sung sướng như hai bên không hề xảy ra chuyện gì... Muốn gặp nhau để tỏ bày tâm sự cho nhau hay, hai đứa chỉ nhìn nhau mà cười, cười một nụ cười trong trẻo, ngây thơ, yêu đời.

Giọng âu yếm, thằng Đối bảo con Vịnh:

– Em ngồi xuống đây, anh gỡ những gai mắc ở trên đầu em cho.

Con Vịnh ngồi xuống bên thằng Đối, gục đầu vào lòng nó. Thằng Đối dịu dàng đưa tay gỡ những cái gai khô, mà con Vịnh vừa vướng vào tóc, khi rúc qua bụi. Nó thấy như lòng nó cũng được một bàn tay yêu đương, dịu dàng mơn trớn. Thân quê mùa, thô lậu, nó mấy khi được hưởng những cái phút thần tiên say sưa mà nó quên rằng nó là một đứa chăn trâu quê kệch. Ái tình quả có cái đức tính ấy: nó làm cho trong sạch thanh tao cả được cái vật chất thô bỉ. Con Vịnh sung sướng quá, hai giọt nước mắt từ từ rơi trên gò má.

– Em Vịnh, em làm sao thế?

– Không, em có làm sao đâu...

Thực ra, con Vịnh nó cảm động quá. Từ khi mẹ nó chết rồi, lần này là lần đầu tiên, nó nghe rỉ vào tai những lời dịu ngọt. Nó muốn thốt ra ít lời để cảm tạ cái lòng tốt của thằng Đối, nhưng nó ngập ngừng nói không được. Thằng Đối tưởng bạn nó có điều gì không vui, lựa lời khuyên dỗ:

– Em Vịnh, em đừng buồn. Thế nào rồi đây anh cũng sẽ xin phép thầy mẹ cưới em làm vợ... Chúng ta sẽ...

Nó bỗng ngừng bặt giữa câu nói và bẽn lẽn cúi mặt xuống. Nó thấy nó vừa nhẫn tâm lừa dối một người thiếu nữ yếu hèn. Buồn rầu nó bảo con Vịnh:

– Em tha lỗi cho anh.

– Anh thì có lỗi gì?

Con Vịnh tưởng rằng thằng Đối đã đoán được tâm sự mình, toan đem hết cả "sự tình" ngỏ cho bạn hay, thì thằng Đối đã rưng rưng nước mắt cầm lấy tay con Vịnh và nói tiếp:

– Em Vịnh, em tha lỗi cho anh nhá. Anh định nói dối em... Đôi ta chắc không lấy nhau được, và chắc trọn đời cũng không lấy nhau được. Anh sẽ lấy con Sáu Lạc con ông Bá Ngô!... Biết làm răng được giờ, ông trời kia buộc phải thế, ông bà Bá Ngô đã nhận trầu rồi. Có lẽ qua tháng năm thì cưới...

Con Vịnh không hề đổi nét mặt. Những lời của thằng Đối không làm cho nó ngạc nhiên tí nào. Là vì nó yêu thằng Đối, mà nó không hề màng đến sự cưới xin, nó không nghĩ đến một ngày kia nó sẽ về đeo chùm thìa khóa và coi sóc cửa nhà cho thằng Đối. Không! Nó biết phận nó lắm. Nó cho rằng thằng Đối không lấy nó là một lẽ tất nhiên. Nhưng nó nghĩ đến cái đêm hôm ấy, cái đêm mà nó ngủ với thằng Đối ở trong rừng và nhất là nó nghĩ đến sự thay đổi trong người nó, trong một tháng nay thì nó không thể không rùng mình.

– Em Vịnh, em làm sao thế! Dầu rằng đi nữa, anh thề có mặt trời trên đầu, anh không bao giờ quên em được.

– Thì anh nhớ mà làm gì? Em chỉ cầu sao khi cưới, anh đừng quên cho em một miếng trầu!

Ân hận vì đã thốt ra một câu chua chát, con Vịnh giở giọng bông đùa:

– Hôm cưới anh, em không tặng gạo nếp, tiền nong chi đâu, vì em nghèo lắm. Em bắt chước cậu gì con ông huyện Minh, tặng suông anh một bó hoa... Chơi kiểu "văn minh" ấy thế mà đỡ tốn, mà lại ngộ nữa chứ! Em sẽ vào rừng kiếm hai đóa hoa mồng gà, ba đóa hoa dâm bụt, thật nhiều hoa mẫu đơn, và một ít chùm mù tru nữa anh nhá. Em nghèo tiền nghèo bạc, nhưng em được cái giầu công. Bằng lòng rồi đấy nhá! Anh cho em mừng anh chị một bó hoa.

Thằng Đối có vẻ không bằng lòng lối pha trò ấy, nói lảng sang chuyện khác:

– Thôi ta vào khe uống nước đi! Anh khát lắm.

– Đi thì đi...

Rồi hai đứa dẫn nhau đi, phải lách qua không biết bao là bụi rậm mới đến khe. Dọc đường, con Vịnh chạy nhảy như một đứa trẻ. Hai con mắt luôn luôn thóc mách đi tìm ở bên đường những trái sim chín đỏ, rồi nó hái đưa vào miệng cho thằng Đối. Nó lại bẻ một cành thông làm ô che chung hai đứa. Nó thấy một cây lau ngả xuống chắn ngang đường, nó kéo thằng Đối lại và nũng nịu bảo bạn:

– Rồi đây trước khi anh đi lấy vợ, em muốn anh cắt lau tiện cho em một cái sáo, để khi nhớ đến anh...

Bỗng nó đổi ngay ý nghĩ:

– Nhưng mà đàn bà thổi sáo, trơ lắm phải không anh? Cách đây bốn năm năm, ngày em còn bé, con Bích cho em một ống sáo lau, em ngồi ở trên mình trâu, em thổi luôn miệng. Nhưng về sau, không hiểu vì sao, chủ em bảo em chẻ ống sáo ấy đi.

Hai đứa đã đi tới khe nước. Thằng Đối lấy hai tấm lá me kết lại làm thành cái gáo, rồi múc nước cho con Vịnh uống. Hai đứa lặng lẽ, cùng ngồi trên một tảng đá. Trên đầu chúng nó, những cây hoang, uốn thành vòm, trông như một cái mái nhà thiên tạo. Chúng có cái cảm giác như được biệt lập ra một nơi riêng, cùng nhau hưởng cái lạc thú vợ chồng, xa những tiếng xì xào của dư luận.

Nũng nịu, sung sướng, con Vịnh đưa chân vẫy. Làn nước gợn mấy vòng, rồi lại bình tĩnh phẳng lỳ, căm nét mặt lại.

Con Vịnh lại buồn. Nó chợt nhận thấy sự ngắn ngủi mỏng manh của cái lạc thú ở đời. Nó lại nghĩ đến cái kiếp nó, cái kiếp tôi đòi không hề thay đổi, vẫn tối tăm, vẫn lem luốc, kéo dài – Than ôi! Biết đến bao giờ – kéo dài những ngày vô vị. Nó còn nghĩ đến nhiều điều khác nữa. Nó còn nghĩ đến cái ngày rồi đây nó phải lạnh lùng nhìn thằng Đối đi lấy vợ, nhất là cái ngày chắc chắn lắm – mà nó sẽ thè lè cái bụng... Không, nó mới mười sáu tuổi. Nó còn chưa đủ sức để chịu nổi một mình những nỗi khổ não đè lên cái lòng bé nhỏ của nó... Buồn rầu và lơi lả, nó tựa đầu vào vai thằng Đối.

Nó toan đem sự tình kể hết cho thằng Đối nghe, thì có tiếng người làm cho nó giật mình:

– Chào anh... chị.

Con Vân, người em họ của thằng Đối đã tiến đến trước mặt chúng và mỉm cười một cách chua chát. Nó vẫn mỉm cười và nói tiếp:

– Em trách anh chị lắm đấy! Cưới xin lúc nào không cho em được một miếng trầu, tệ quá! Hay là anh chị cho em nghèo, không có chi mừng anh chị chăng?

Nói rồi, nó ngoay ngoảy quay lưng đi.

Thằng Đối nghẹn ngào, đưa mắt nhìn con Vịnh. Nó lẩm bẩm: "Sợ gì! Bức quá thì ta sẽ liều!". Rồi nó nói với con Vịnh:

– Con Vân nó có về mách nhà nữa thì đã làm sao! Sợ gì! Bức quá thì ta sẽ liều...

Con Vịnh nhìn thằng Đối một cách sợ sệt và buồn bã...

IV

Bấy giờ đã quá canh ba. Làng Phú Mỹ đã mê man trong giấc ngủ. Lặng ngắt bốn bề, không có một tiếng động. Thỉnh thoảng chỉ nghe có tiếng mõ cầm canh, nghiêm trang điểm từng hồi một, làm cho cái cảnh im lặng lúc đêm khuya càng thêm nghiêm trọng.

Thằng Đối vai mang một cái khăn gói, nó tìm những con đường hẻo lánh tối tăm mà đi. Nó đi nhẹ nhàng êm đềm như một cái bóng. Nó không dám ho, không dám đằng hắng. Nó trông tả nhìn hữu, sợ sệt như một thằng ăn trộm. Kể thì nó vừa làm một việc nguy hiểm gấp mấy việc ăn trộm. Nó cúi mặt đi, không dám nhìn lại cái nhà nó một lần nữa, dầu là lần cuối cùng... Sự sợ hãi và sự căm tức đã giết mất ở trong trí nó cái tình gia đình, cái tình quê hương; nó quên phứt đi rằng: nó sắp từ giã mà không bao giờ còn gặp lại nữa những người thân yêu của nó, và những vật đã chứng kiến lúc vui buồn của nó: cây cam ở sau vườn, cây bàng ở ngoài ngõ.

Trước khi ra đi, nó chỉ nhớ một điều – mà nó quên làm sao được điều ấy – là cái ái tình dang dở của nó và cũng chỉ nhớ có một người, là người mà nó yêu thương: con Vịnh... Nó tin chắc rằng trong giờ này mọi người đều thiêm thiếp giấc nồng, chỉ có con Vịnh là còn thức mà thôi, thức để làm hết những công việc nặng nề, quá sức một người con gái yếu ớt... Nó tìm những con đường tối tăm hẻo lánh để tới thăm một lần cuối cùng người tình nương vô phúc của nó.

Đi đến cổng nhà ông Bá Ngương, cố nhiên là nó chẳng dám vào cửa chính, nó nương theo một rặng dâm bụt mà đi tới cái

nhà ngang. Đứng ngoài, nó lấy tay vạch một cái lỗ con qua cái phên nứa, đủ đặt mắt vào đây. Quả nhiên, nó thấy con Vịnh đương ngồi một mình, sàng gạo, dưới ánh sáng một ngọn đèn dầu phộng liu hiu... Con Vịnh, hai tay như một cái máy lia lịa làm việc, mà cặp mắt thì lờ đờ hình như đi vào cõi mộng... Sự thực thì nó chẳng mơ mộng gì đâu, nó cũng chẳng nghĩ tới thằng Đối, chỉ vì mệt quá, nó buồn ngủ...

– Vịnh, em Vịnh...

Nghe tiếng gọi, con Vịnh mở mắt trao tráo, nó dừng tay, cố định thần xem ai gọi. Nhìn quanh quất không thấy một ai, nó ngỡ là tiếng gọi xa xăm ở trong giấc mộng... rồi mỉm cười, nó cười nó sao ngơ ngẩn thế.

– Vịnh, Vịnh!

Nó nhìn về phía cái lỗ phên, nó đặt cái sàng xuống, chạy lại. Nó lắng tai nghe rõ tiếng thằng Đối nói với nó:

– Ra đây em, mau! Đối có câu chuyện muốn nói với Vịnh.

Vội vàng, nó rúc bụi ra với tình nhân. Thằng Đối cầm lấy tay nó, nói với nó bằng một cái giọng rất cảm động, đau đớn:

– Anh đi đây...

– Anh đi đâu?

– Đi xa, lên xứ Lào... Mường Luống, Xã Vần xa lắm.

– Anh nói chơi?

– Thật đấy em!

Hai đứa đứng lặng nhìn nhau một hồi lâu. Con Vịnh giẫm chân, bưng mặt khóc nức nở...

– Trời đất ơi! Sao lại đến nông nỗi này!

– Se sẽ chứ! Chó nó sủa lên, người ta đổ ra đấy!

– Anh Đối! Sao anh lại phải lên Lào, anh lên Lào làm gì? Anh Đối!

– Chứ em bảo anh còn biết đi đâu nữa. Mà ở nhà thì không sao ở nhà được một phút nữa. Con Vân nó về mách thày mẹ anh hết. Hắn bảo hắn thấy chúng mình ngồi... tự tình với nhau. Chán lắm rồi! Anh không thể chịu được nữa, những lời rầy mắng của thầy mẹ anh!...

– Nhưng anh đi đâu thì đi, anh đừng lên Lào...

Chữ "Lào" gợi vào trí non nớt của con Vịnh một non nước xa lạ...

ở phương trời thăm thẳm, một xứ có tiếng nói líu lo dễ sợ, có những phong tục ghê gớm dã man, một xứ ma thiêng nước độc.

– Em không muốn anh lên Lào!

Ông khán Khuyển cũng chả phải đi Lào đấy ư? Rồi có đi, không có về bỏ mạng ở dọc đường dọc sá... Còn ông hương Tạo, ông xã Thính thì được về xứ sở, nhưng bây giờ mang lấy bệnh nghiện, bán cả áo quần vợ mà hút.

– Hơi đâu mà lo, em. Đi chết thì ở nhà cũng chả sống được. Em bảo anh cưới con ma ấy về làm gì? Đi khổ thì ở nhà cũng chả sướng gì... nghe đâu thầy anh định xin ông Bá Ngô cưới gấp...

– Dầu sao em cũng xin anh đừng lên Lào. Anh lên trên ấy làm gì?

– Buôn...

– Buôn gì?

– Buôn hàng nhẹ. Anh định mua một ít hàng Quảng, lên trên ấy bán một thành mười...

– Thế ai bỏ vốn ra cho anh?

Thằng Đối mỉm cười, đáp:

– Anh xoáy của thầy mẹ anh được ngót trăm bạc.

– Ấy chết! Nhà không ai biết à?

– Chẳng ma nào biết!

Nó móc ở trong cái bọc vải ra hai xấp giấy bạc, giao cho con Vịnh:

– Anh muốn giúp em ngần này, để mai sau...

– Chết! Em lấy tiền làm chi? Em không cha, không mẹ, không chị không em, em lấy tiền nuôi ai?...

– Nuôi em, em phải nghĩ đến em, đến mai sau: trọn đời không lẽ em cứ cúi đầu làm thuê, làm mướn cho thằng cha Bá Ngưỡng. Em cầm lấy cho anh vui lòng.

Con Vịnh ngửa tay, đón lấy hai xấp giấy. Nó cảm động quá, nước mắt tuôn ra như suối. Nó ngập ngừng bảo thằng Đối:

– Chiều anh, chớ thật lòng em không nỡ!

Bỗng nó đổi ý nghĩ ngay, nó quả quyết bảo bạn:

– Không, không thể được! Xa anh, em còn thiết gì nữa, tiền bạc! Chà! Tiền bạc có làm cho em sung sướng được không? Em xin trả anh... Anh, đường sá xa xôi, lạ lùng đất khách, khi sa chân lỡ bước biết cậy nhờ vào ai? Anh giữ lấy...

Rồi nó nhét cả hai xấp giấy bạc vào cái bao của thằng Đối...

Con Vịnh lơi lả ngả đầu vào lòng bạn, cầm tay bạn khóc rưng rức:

– Anh Đối! anh đành lòng dứt áo ra đi đấy ư?

– Anh sẽ đi nội đêm hôm nay, trước khi mặt trời mọc...

– Anh đi một mình?

– Không, anh đi với ông Chân.

– Đi đằng nào?

– Anh đi đằng đèo Măng Gia.

– Đi bộ?

– Bộ...

– Em tiếc trời chẳng cho em làm vợ anh để níu áo anh lại... Em chỉ là người tình nhân dọc đường, gặp đấy rồi quên đấy, phải không anh?

– Cần gì phải có cưới xin mới là vợ chồng, em. Nhờ trời phù hộ cho anh mạnh gối khỏe chân, thì đôi ta còn có lúc trùng phùng. Còn nếu bất hạnh anh có làm ma xứ người, thì hồn anh cũng cứ hiện về bên em.

– Thôi anh chớ nặng lời làm chi! Em đây cũng vậy: sống chết đinh ninh một lòng.

Rồi nó kể:

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ...

Gà ở trong chuồng đã giục giã gáy lần đầu...

– Thôi anh đi!

– Chào em anh đi!

Nhưng bốn tay còn nắm chặt lấy nhau, và bốn mắt còn nhìn nhau rơi lệ.

– Trời già độc địa thay!

– Không em đừng trách trời! Muôn sự đều do lòng người gây nên cả!

Gà đã giục giã gáy lần thứ hai... Bốn tay se sẽ rời nhau ra.

– Chúc anh lên đường bình an.

– Thôi em ở lại bình an.

Vai mang khăn gói, thằng Đối tìm những đường tối tăm, hẻo lánh mà đi. Nó đi xa, nó trốn xa, đi đến những nơi biên thùy xa lạ...

Con Vịnh đứng nhìn nó, cho đến khi khuất hẳn mới trở vào nhà.

Ngọn đèn dầu phộng liu hiu còn đợi nó.

– Chết! Công việc còn bề bộn thế này, làm sao cho hết?

Rồi nó lại cầm lấy cái sàng, hai tay lia lịa làm việc, mắt lờ đờ như đi vào trong cõi mộng. Nó có nghĩ gì đến những chuyện xa xôi nữa đâu. Nó mệt. Nó buồn ngủ.

V

Bây giờ sự ấy đã thành sự thực rồi, sờ sờ ra trước mặt mọi người, không thể che đậy được: con Vịnh có chửa đã ba tháng nay. Nó xấu hổ vô cùng. Mọi người trong làng đều nhìn nó một cách khinh bỉ, cho nó là đồ dâm ô khốn nạn, nếu sinh ra ngày trước, thì đã bị đem ra cho voi chà cho ngựa xé. Một hôm, nó đi gánh nước ở cái giếng đầu xóm, thằng Dưỡng đương ngồi đan rổ dưới gốc cây bàng, thấy nó đi qua, ứng khẩu đặt một bài vè, để trêu nó. Phảng phất nó nghe có những câu:

Lẳng lặng mà nghe,
Cái vè con Vịnh.
Đóng đảnh đóng đa,
Lấy nhà thằng Đối.
Mụ trối, mụ trè,
Lè thè cái bụng
Như trong làng ta.
Xấu xa hết nước,
Đối xước qua Lào...
...

Nó không dám nghe nốt đoạn cuối. Nó cúi mặt lủi qua chỗ khác. Cách mấy hôm sau, cái vè ấy đã truyền khắp trong làng, đi đâu nó cũng bị trẻ chăn trâu hát vào tận mặt nó.

Nó buồn tủi quá, nó căm tức quá, nhất là vì trong vè có đả động đến tên thằng Đối. Nó cho rằng thằng Đối chẳng có tội tình gì, muôn sự đều tại nó cả. Mỗi khi nó nghe đứa nào hát vè, nó muốn chửi vào mặt đứa ấy. Nhưng nó thấy nó yếu ớt, phải địch lại với cả một bọn, thì nó lại thôi. Nó nén lòng, nuốt thầm giọt lệ. Ra ngoài đường, nó khổ với chúng bạn, về nhà, ông Bá Ngưỡng chẳng để cho nó yên. Ông đay nghiến nó, ông mắng nhiếc nó đủ điều. Có khi ông lại dùng đến roi vọt để răn nó nữa, mà thường thường ông bắt nó làm việc gấp đôi, gấp ba lên để phạt nó. Một hôm, nó đương ngồi xắt sắn ở sân, bỗng thấy sấn vào một đoàn những ông Lý, ông Phó, ông Trùm và ba bốn thằng xeo, bịt khăn tai chó. Cái đoàn người ấy sừng sững sộ sộ, bước vào như một đoàn mặt ngựa đầu trâu mà Diêm vương sai đi lùng những quân tội lỗi. Con Vịnh rụng rời tay chân. Nó có cái cảm giác rằng mấy người ấy vào bắt nó để làm tội. Rồi nó bỏ chạy ra chuồng lợn, ôm mặt khóc.

Tiếng ông Lý quát:

– Xeo, bay đâu, vào tóm cổ con Vịnh ra đây cho tao!

Bọn xeo "dạ" ran một lượt, rồi đổ xô vào tóm cổ con Vịnh. Con Vịnh không hề chống cự tý nào hết, nhưng mà nó buồn, nó khổ, nó khóc lên mấy tiếng cho quỉ thần biết rằng nó oan.

Ông Lý lại quát:

– Xeo! Bay giải nó ra chợ.

Rồi quay lại bảo ông Bá Ngưỡng:

– Chốc nữa ông cùng đi ra ngoài chợ cho tôi hỏi ít câu.

Đoàn đầu trâu mặt ngựa lại ra đi.

Ông Lý đi trước, thứ đến ông Phó, ông Trùm, thứ nữa đến bầy xeo, giải áp con Vịnh. Dọc đường những bà lão trỏ vào mặt con Vịnh, xì xào: "Đáng kiếp đồ voi chà, băm ra trăm mảnh còn chưa hết tội".

Trong lúc ấy, ông Phó Thanh và thằng Mõ làng Phú Mỹ đương thương thuyết với nhau về một việc quan trọng...

– Anh Mõ, anh còn ngần ngại chi nữa. Anh cứ nhận phứt đi. Con ấy mặt mũi cũng sáng sủa đấy.

– Con cũng vui lòng nhận lắm chớ. Ngặt vì bây giờ khắp trong làng ai cũng đồn là nó có nghén với anh Đối.

– Thì chính vì thế tôi mới cậy đến anh. Việc nó có nghén với thằng cả nhà tôi, thực hư thế nào không rõ, thằng cả tôi còn đi làm ăn xa. Nhưng tiếng tăm bây giờ đã vỡ lở ra thì anh giúp tôi nhận phứt đi là anh có ăn nằm với nó, trước là anh có đôi có đũa mà sau nữa tôi cũng khỏi mang tiếng là không biết dạy con. Tùy đó, anh liệu làm thế nào đó thì làm, miễn sao tôi khỏi mang tiếng với họ hàng làng nước. Việc xong xuôi, tôi xin thưởng anh ba chục bạc. Tôi có nói sai thì tôi là con chó.

– Dạ, con xin nghe lời ông dạy. Làm dân không nghe lời ông Phó thì nghe ai? Nhưng sợ một điều là nó cứ khăng khăng một hai bảo rằng nó ăn nằm với anh cả, thì con biết tính sao?

– Khó gì việc ấy! Già miệng, anh cứ cãi phăng đi, anh cứ thưa với ông Lý rằng nó có thù riêng với thằng cả nhà tôi, nó muốn vu cho thằng cả, để bôi nhọ danh thể nhà tôi... Cứ thế anh khai cho tôi, với lại ông Lý đương thứ làng ta, ông ấy trước cũng có làm việc quan với tôi, thế nào ông ấy cũng bênh tôi.

– Nhưng con lại sợ: tật nào vẫn tật ấy, nó lại về làm hư gia đạo nhà con.

– Anh cứ lấy roi vọt mà trị cho nó chừa. Thôi anh đi đi! Bây giờ có lẽ xeo dịch đã giải nó ra chợ rồi.

– Lạy ông! Con đi.

– Cố làm cho trôi việc. Về đây, lĩnh ba chục thưởng!

– Dạ...

Rồi thằng Mõ chạy một mạch ra chợ. Thiên hạ vòng trong, vòng ngoài, đứng xem chật ních... Nó chen lấn hết hơi, mới vào được. Nó thấy con Vịnh đương nằm dài trên mặt đất. Trong chợ các hương chức đang gật gù cùng nhau uống rượu.

Dẫy bên này thì là ông Lý, ông Phó, ông Trùm, ông hương Kiểm, ông hương Bộ... dẫy bên kia là các ông hào mục.

Đã ngà ngà hơi men, ông Lý bắt đầu lấy cung:

– Hỡi con kia! Mi không biết làng ta xưa nay là một làng có tiếng thuần phong, mỹ tục, sao mi dám làm điều xấu xa, trái phép thế con kia? Mi ăn nằm với ai thì mi khai đi?

– Dạ bẩm, quả con...

– Mi không ăn nằm với ai, thì sao mi có chửa?

Ông Trùm nối lời ông Lý:

– Nó không chịu khai đi xin ông Lý ra lệnh cho xeo lột hết quần áo tẩn cho nó năm chục roi.

Các hào mục cũng nói xen vào:

– Xin làng trị tội cho đến nơi để làm gương.

Thằng Mõ bấy giờ đứng vào giữa, chắp tay lạy làng ba cái, rồi nó gãi đầu gãi tai thưa:

– Trước thưa các quan chức, sau trình ông Lý, ông Phó và hai giáp: làng tha, con được nhờ, bắt tội con phải chịu, quả thật con đã trót dại quyến rũ nó.

Ông Lý cười sặc sụa, chỉ vào mặt thằng Mõ, nói:

– À! À chính anh Mõ làm cho con này phình bụng ra à! Tôi nói cho anh biết rằng người khác tội còn nhẹ, chứ anh, anh có làm việc làng chút đỉnh anh phải biết rõ phép làng, anh còn dám làm điều xằng bậy à? Tôi sẽ trừng trị anh thẳng tay, cho anh biết mặt.

Rồi ông quay về phía con Vịnh:

– Còn con kia, có phải thằng này ăn nằm với mi không?

Cái cử chỉ của thằng Mõ làm cho nó cảm động quá, nó tưởng như thằng Mõ là một đức thiên sứ trời sai xuống để cứu vớt danh giá thằng Đối. Chẳng ngần ngại chi hết, nó đáp lời ông Lý:

– Bẩm con đã trót dại với anh Mõ thật. Nhưng xin ông xét cho. Anh ấy chẳng có tội gì, tội ở nơi con tất cả. Ông tha cho được nhờ, bắt tội con phải chịu.

– Thế bây giờ mi có bằng lòng về với thằng Mõ không?

– Bẩm ông dạy sao, con xin theo vậy. Ở đất làng nhờ ơn làng.

– Còn anh Mõ, anh có bằng lòng chịu cho nó sáu quan tiền vạ không?

– Bẩm ông châm chước cho được chừng nào, con nhờ chừng ấy.

– Đó là lệ làng. Hẹn cho anh, nội nhật hôm nay anh đưa lại nhà tôi đủ sáu quan và nhận lĩnh con Vịnh về.

– Dạ!

– Còn con Vịnh! Cho đứng dậy và lạy tạ làng đi.

Ông Trùm còn lôi thôi, lên giọng buộc thằng Mõ một điều rất oái oăm:

– Anh là Mõ, ngày mai anh phải đi trình làng thượng hạ, xóm trên ấp dưới, trình cho nam nữ lão ấu, khắp khắp mọi người, đều biết cái việc tốt đẹp của mình.

Mọi người đều cười ầm cả lên, rồi giải tán.

VI

Con Vịnh về làm vợ nhà thằng Mõ đã hơn một năm. Cửa nhà nó săn sóc một cách chu đáo, tươm tất. Với ba chục bạc ông Phó Thanh cho nó, con Vịnh mở một ngôi hàng xén, bán buôn những đồ tạp hóa ở chợ. Nó bắt tay vào làm việc gì, là được việc nấy. Vì nó được cái nết siêng năng, cần kiệm. Buôn bán gặp may, nó dành dụm từng đồng một đồng hai, cuối năm nó đã có cái vốn hơn trăm bạc. Thằng Mõ thấy cửa nhà ngày một hưng thịnh, thì nó vui lòng quên cái lỗi xưa của vợ và chiều chuộng vợ đủ điều, nó đã từ dịch cái chức Mõ và bỏ ra ba chục để chạy cái chức Hương dịch. Nó không muốn thiên hạ gọi vợ nó một cách khinh bỉ: "Cái chị nhà anh Mõ". Từ nay nó là ông Hương dịch, và vợ nó là bà Hương dịch. Mỗi khi nó nghe có người kính cẩn gọi vợ nó bằng "Bà Hương", thì nó sung sướng quá. Một hôm nó bảo vợ nó:

– Mụ Hương, ráng làm ăn siêng năng cần kiệm, qua sang năm, tôi sẽ ra ứng cử Phó lý.

– Thôi, khéo đa mang làm chi nữa, ông Hương. Để tiền mà nuôi con!

– Mụ Hương nói nghe phải đấy!

Thiên hạ ngó vào, ai cũng tấm tắc khen ngợi hai vợ chồng thằng Mõ biết ăn ở với nhau rất thuận hòa. Những chúng bạn con Vịnh xì xào với nhau:

– Số con ấy thế mà tốt đấy! Được gặp ngay nhà ông Hương Tá (tên thằng Mõ) làm ăn nên nổi.

Nhưng họ có biết đâu rằng: đôi khi con Vịnh hồi tưởng đến những chuyện đã qua, mà ôm lòng đòi đoạn...

Mỗi khi nó nhìn thằng Cu, nhận thấy trên cái mặt thằng bé như in cái hình ảnh của con người luân lạc ở phương xa, thì hai hàng lệ lại tuôn ra như suối. Nhưng hễ thấy bóng thằng Mõ ở ngoài đi vào, thì nó vội vàng đứng dậy gạt lệ hỏi chồng:

– Ông Hương chưa ra thăm ruộng à?

– Tôi vào chơi với thằng Cu một tí đã!

Dẫu sao thì thằng Mõ cũng là ân nhân của mẹ con nó. Nếu không phải là vì tình ái thì cũng là nghĩa vụ, nó phải vui vẻ mà ra gánh vác giang sơn nhà chồng. Kể thì con Vịnh nó cũng quí mến chồng lắm, chiều chuộng chồng lắm. Đi chợ thấy con cá nào tươi, nó cũng tranh mua cho được, về nấu nướng cho chồng ăn. Những sự sầu não trong giây lát rồi cũng tiêu tán vào trong những công việc hàng ngày. Làm việc là quên hết mọi sự. Cái hình ảnh thằng Đối, rồi nó cũng phai lạt dần trong tâm trí con Vịnh.

Nhưng, một buổi chiều thu...

Một buổi chiều thu, khi tan chợ rồi, con Vịnh đi vào rừng sim, nhặt ít củi khô về thổi. Bỗng tần ngần, nó nghe như từ cái dĩ vãng xa xăm, đưa lại những tiếng sáo trúc não nùng. Những bụi sim già xào xạc, khua động cái buồn ủ rũ trong lúc chiều tà. Buồn rầu nó ôm bó củi ra về. Đến cây đa, dưới chân rừng, nó thấy đi trước nó có hai người, một người gánh một gánh kén và một người vác cái cày trên vai. Nó đi sau nghe lỏm câu chuyện của hai người.

Người gánh kén nói:

– Va đã về với tôi đến Mường Héo, nghĩa là chính giữa đèo Măng Gia rồi thì không may va cảm bịnh. Tội nghiệp quá! Ở đấy không có làng mạc nào hết. va phải nghỉ lại ở giữa đường, tôi lấy bàn đèn ra tiêm cho Va mấy điếu, va đã hơi đỡ, nếu không có việc gì thì hai ba hôm va cũng theo tôi về được nơi xứ sở. Không may trong lúc ấy thì chúng tôi gặp thằng Phỉ, con ông mục Néo ở làng dưới lên. Vô tình, thằng Phỉ đem hết chuyện đã xảy ra với con Vịnh kể lại cho va nghe. Nào khi con Vịnh có mang, bị xeo đưa ra chợ làm nhục, nào khi về với thằng Mõ... Nghe hết đầu đuôi sự tình, va nổi uất lên. Bịnh trở lại. Chỉ trong hai giờ đồng hồ thì va chết. Tôi với thằng Phỉ phải ở lại đấy mất một ngày, khâm liệm chôn cất va.

– Tội nghiệp quá!

– Khi ra đi hai anh em, mà về có một mình, thật là ảo não quá!

– Thế vốn liếng của va, có gì không?

– Trong lưng va cũng còn được năm ba trăm bạc tôi còn niêm giữ để giao lại cho ông Phó Thanh. Về chuyến này va cũng định trốn đưa con Vịnh lên. Thế ra con Vịnh bây giờ đã lấy nhà thằng Mõ rồi?

– Lấy đã hơn một năm.

– Con ấy thế mà bạc!

– Kể thì cũng là bất đắc dĩ.

Con Vịnh đi sau lưng, nghe câu chuyện như sét đánh ngang tai, chân tay rụng rời... Đến cây bàng, ông Chân, người bạn đồng hành của thằng Đối và chàng nông phu kia rẽ vào xóm đình, còn con Vịnh thì đi thẳng về xóm chợ.

Về đến nhà, nghe tiếng thằng Cu khóc, nó vất mạnh bó củi xuống sân, rồi vội vàng chạy vào với con... Nó cầm lấy tao nôi, nó ru thằng bé, mà hát rằng:

Yêu anh thịt nát xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh

Lại hát:

Nhớ ai em những khóc thầm,
Năm thân áo vải ướt đầm như mưa.
Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai?

Hát rồi, nó tự trách mình sao hát chi những giọng thê lương ảo não. Nhưng những giọt lệ vẫn tiếp nhau rơi tràn trên gò má...

Nó lặng im nhìn ra ngoài trời...

Trước khi tản vào cõi mờ mịt, khói thổi cơm chiều tỏa ra từng đám xanh như còn lưu luyến những mái tranh màu ảm đạm...

Cảnh vật như thuộc về thời dĩ vãng.

LƯU TRỌNG LƯ

CHIẾC CÁNG XANH

Năm ấy, tôi mới lên tám. Thuở bấy giờ một đứa bé vào tuổi ấy chẳng khôn lớn gì hơn một đứa bé bây giờ mới lên năm. Nhưng, vì có lẽ thiên bẩm dồi dào hơn một chút, cho nên đối với những đứa bé cùng tuổi, tôi đã ra dáng biết nhiều, hiểu nhiều hơn chúng. Thật ra, sự hiểu biết ấy cũng chỉ chu tuần ở trong vòng tình cảm mà thôi. Nói một cách khác là tôi đã sớm biết rung động rất nhiều trước một cảnh vật khả ái, hay trước cái tình lưu luyến mênh mông của một bà mẹ.

Cảnh vật thứ nhất đã đắm mê tôi là cái cảnh rừng núi trên con đường từ làng nội tôi đến làng ngoại tôi. Và người đàn bà thứ nhất đã chiếm giữ cả tâm hồn bừng sương của tôi là mẹ tôi.

Cuốn tiểu thuyết này hay là cuộc đời tôi, tôi có thể nói là bắt đầu từ con đường ấy và người đàn bà ấy. Những cảm giác đầu tiên của tôi là do người đàn bà và cái cảnh đường ấy in vào trong tâm hồn tôi. Và nay tôi là người thế nào, là do những cảm giác đầu tiên đó đã đúc nên vậy.

Cuốn truyện của đời tôi, không biết đến bao giờ mới chép đến trang cuối, nhưng mỗi khi giở lại mấy trang đầu, bao giờ tôi cũng thấy sạ xuống trên mầu giấy trắng toát, sa xuống cái bóng âm u của người đàn bà ấy mà tôi được gặp đầu tiên trong cõi đời trần thế của tôi. Vì bao giờ tôi cũng tỉ dụ rằng: trái với sự quả quyết của khoa học, một kiếp sau sẽ có, hoặc ở trong, hoặc ở ngoài cõi đất. Trong cái kiếp sau ấy, tôi sẽ còn gặp lại mẹ tôi và cũng vẫn ở trên con đường ấy, từ làng nội đến làng ngoại của tôi. Một người đàn bà hiền hòa khả ái như mẹ tôi, không phải là Thượng đế chỉ cho ta gặp một lần rồi để không bao giờ gặp lại nữa. Tôi ước nguyện rằng lòng tin sẽ tạo ra sự thực. Và nhờ thế, mẹ tôi chưa chết hẳn. Không, một người như mẹ tôi không thể nào chết hẳn được. Mẹ tôi không phải chỉ là một xác thịt để rồi tiêu tán với nước gỗ. Mẹ tôi là một người mẹ, chỉ thế, trong linh hồn ấy cũng đã ẩn chứa một sứ mệnh thiêng liêng, một nguyên lý bất diệt.

Tôi không nhớ rõ lần ấy là lần thứ mấy tôi theo thầy mẹ tôi từ làng nội về làng ngoại. Nhưng làm sao tôi quên được cái buổi chiều mát lạnh ấy, mà gió lên vội vàng, hấp tấp, đêm xuống nhanh như để giành cướp lấy cái buồn vắng của một chiều thu tàn. Thoảng bên tai, tôi còn nghe mẹ tôi vừa nhổ bãi trầu cái toẹt, vừa giục người nhà:

– Các chú sửa soạn mau lên một tí. Mặt trời chỉ còn một lẻ sào nữa thôi. Liệu đấy!

Một lát sau, tôi trông ra phía núi, thì mặt trời đã đỏ gay, to bằng cái nia, chỉ đợi tôi ngoảnh mặt đi là trụt dần xuống núi.

Me tôi vẫn hối những người đầy tớ:

– Đi sớm được tý mô hay thí nấy. Các chú khần khừ thế này, thì đêm đến canh hai, cũng chưa đi được.

Một người tớ già, ngồi xếp những thức ăn vào một cái quày, ung dung nói:

– Thưa bà, chả có việc chi mà phải gấp cả. Mười chín nín trấu. Hôm nay mười chín, thì dễ thường cũng phải đợi đến đầu canh hai mới có trăng.

Me tôi cười:

– Tôi cũng không tính việc hôm ni có trăng.

Một lát me tôi nói tiếp:

– Mà trăng hay không trăng cũng thế thôi, phải không các chú? Rừng năm nay nhờ Bụt, cũng hiền. Nói tỉ dụ mà nghe, dù trời có tối mò mò cũng chả việc chi.

Nhưng đến nay, mỗi khi tôi sực nhớ lại những câu chuyện loạn rừng, và sống lại trong tâm hồn những giờ kinh khủng ở giữa xóm quê khi trời chưa tối mà rèm đã sập lại, thì tôi luôn tự hỏi: tại sao thầy tôi lại lấy mẹ tôi? lấy một người vợ cách rừng như thế để cho trong sự đi lại giữa hai gia đình thêm khổ khăn và phiền phức. Đến nay, tôi cũng chưa tìm được một câu trả lời. Có lẽ tại me tôi là một người có nhan sắc chăng? Hay là chỉ tại me tôi là một người có tiền?

Dầu sao, đối với tôi, sự phối hợp cách biệt của thày me tôi, là một điều hay: nó đã cho tôi hằng năm một cuộc du lịch thú vị, mà thành kính như cuộc đi viếng đất thánh của những tín đồ ở xa.

Mỗi năm, tôi nhớ chừng thường thường vào tháng chín mà vào một ngày giữa tháng, cái tháng mà những cơn gió bão từ đâu về,

và khi đi khỏi rồi, để lại những ngày trong như gương, phản chiếu cái màu trắng phau của những đàn cò ở trên một thảm lúa xanh rì.

Nhưng chiều hôm nay sao gió lên mau quá, hình như ở một rừng Lào dồn về. *Lần thứ nhất trong lòng trẻ dại của tôi thấy có một* nỗi mênh mông như một nỗi buồn trong một chiều ly biệt. Hình như là tôi sắp phải từ giã đây, từ giã những cái khờ dại, cái vô tội, cái hồn nhiên của cây cỏ để bước vào một thế giới tình cảm của giống người. Có lẽ hôm đó là lần thứ nhất trong trí tôi ngừng lại một ý nghĩ để ghi lại những rung động tha thiết đầu tiên của tâm hồn.

Tôi thấy cả một buổi chiều lạnh ôm trùm trên những ngọn tre phất động. Và buổi chiều đã đượm thấm vào trong tâm hồn tôi.

Nhưng quả thật có thế! Đêm, ngày hôm ấy, đến một cách gấp vội hình như để bôi đen cả tâm hồn tôi và xóa hẳn những cảm giác đầu tiên vừa mới nở.

Mẹ tôi đã đến sau lưng tôi:

– Con không sửa soạn về thăm ông ngoại à? Ông ngoại con đương ốm nặng, con có biết không?

Tôi ngẩng mặt nhìn mẹ tôi ngơ ngác. Mẹ tôi muốn giấu sự cảm động, gọi chị tôi bảo:

– Chị Nguyệt đâu! Không thay áo cho em.

Trăng vừa chồi ở trên nóc nhà ngang thì chúng tôi bắt đầu đi. Mẹ tôi với tôi và em gái tôi nữa nằm một cáng, một thứ cáng có trần, và phủ diềm xanh. Chính cái cáng chúng tôi đi, xưa kia, ngày thầy tôi còn làm quan đã dùng để đi hành hạt. Cáng ấy, trông cái đòn chạm trổ kỹ càng, tỉ mỉ với lại tấm diềm tha thướt, còn giữ được cái vẻ đài các, quan dạng ngày xưa. Mỗi năm, cáng gác cất trên rầm nhà, chỉ đến vào độ này mới lấy xuống để phủ sạch và sửa sang lại.

Thầy tôi thường nói, với một giọng sung sướng: Ngày xưa,có một bận, một vị quan thủ hiến, vì phải nhường cái võng điều lại cho ông sứ, đã phải nằm ở cái cáng xanh này để đi thăm một con đường núi.

Đến nay, sau hơn 20 năm rồi, tôi còn thấy rõ như mới hôm qua, cái hình ảnh diễm dáng, đài các của chiếc cáng xanh, mà tôi coi như là cái hình ảnh đầy đủ và khả ái của một thời dĩ vãng bình lặng. Nhất là những khi cái cáng ấy, chống lên trên hai cái nạng cắm ở trước sân của một nhà trạm hiền lành, thì ta tưởng như thời giờ không đi nữa, mà mọi sự chuyển di ở trên thế giới cũng không có

nữa. Một mầu điều hay một mầu xanh của diềm cáng, lấp lánh dưới ánh nắng một buổi trưa, hay phất động trong một cơn gió chiều, thì ta cũng cảm thấy một nỗi buồn bằng phẳng và không lưu động, cái nỗi buồn của cuộc đời trước khi Âu hóa.

Khi bắt đầu lên cáng thì tôi hình như cũng đã bắt đầu ngủ. Trong lúc ấy, thì cáng có lẽ lên dốc và xuống dốc, đã nhiều lần lắm rồi, vị tôi biết đường phải đi qua những động núi. Nhưng có một lúc nào đó tôi nhớ có thức giấc dậy.

Tôi nhìn ra ngoài, thấy ánh trắng tuôn chẩy ra như chì trên đường sỏi, trên các tùm lá, trên các lối đi. Tôi thấy hơi hơi ghê lạnh từ trong tâm hồn. Tôi co mình vào trong lòng mẹ tôi, và hỏi;

– Thầy con và anh em ở đâu me?

Me tôi đáp bằng một giọng rất tỉnh táo:

– Thầy con và anh con đi ngựa. Có lẽ đã đi trước rồi.

Rồi đổi giọng, mẹ tôi hỏi những người phu cáng:

– Quan huyện ngài đi trước rồi phải không các chú?

– Dạ, bẩm quan con đi trước...

– Các chú bẩm ngài đi từ từ một tý.

– Dạ, thưa bà, thế tất quan con cũng phải đợi, vì chúng ta cũng đã sắp đến truông.

– Truông ngoài hay truông trong chú?

– Dạ, mới truông ngoài...

“Truông”, tiếng ấy dội vào trong tâm hồn tôi như một điệu ghê lạnh. Cái óc trẻ con, tôi tưởng tượng cảnh truông như một đoạn đường cây cối rậm rạp ghê sợ nhất, quanh năm không có bóng mặt trời, không có bóng người, chỉ có những thú dữ.

Tôi hỏi mẹ tôi:

– Con nghe nói ở truông có nhiều khái...

Mẹ tôi vội dơ tay bưng miệng tôi lại. Thật bấy giờ tôi không hiểu sao như vậy, mà tôi cũng không hỏi vì cớ gì mẹ tôi lại không cho tôi nói hết. Nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu rồi: tiếng *khái* là tên húy của chúa sơn lâm, không nên nói đến, nhất là trong khi đi đường rừng lại càng không nên nói đến.

Mẹ tôi im lặng một lúc lâu, hình như để giấu sự sợ hãi. Một hồi lâu, mẹ tôi nói với những người phu cáng.

– Các chú xem quan có đứng lại chờ không?

– Bẩm bà, quan đã đứng lại ở gốc đa.

Mẹ tôi cất giọng bảo thầy tôi:

– Thầy nó đi đâu mà vội thế! Vào truông nên cho ngựa đi chầm chậm và kèm một cáng.

Trong lúc ấy, một thứ chim gì lạ khắc khoải đánh ở trong một bụi gần. Mãi sau tôi mới biết đó là con chim kiềng kiểng, mỗi khi có chúa rừng ra suối uống nước, thì nó lại "đánh" từng hồi gấp rúc.

Tôi nghe thấy mẹ tôi nín thở lại. Và cả bao nhiêu người đều im lặng, một sự sợ hãi đè nặng trên tâm hồn mọi người...

Một hồi lâu lắm người phu cáng thở một cái thật dài và nói trước:

– Kể kiềng kiểng nó đánh có nhiều khi thiêng mà nhiều khi,...

Mẹ tôi ngồi nhổm dậy, ngắt lời:

– Nhưng mà bây giờ thật đi qua truông rồi đấy chứ?

Người phu cáng cười:

– Dạ, có qua truông rồi, con mới dám nói.

Thầy tôi xen vào:

– Có gì đâu mà ngại! Nói dại mà nghe, ví dụ có Ngài ra khe, thì ngựa tôi đây có dám đi nữa đâu. Nó phải rúc đầu vào một cái bụi cây và nó hí lên một cách ghê rợn lắm,

Mẹ tôi hỏi lại:

– Làm sao ngựa lại rúc đầu vào bụi như thế, thầy nó hỉ?

– Ấy, ngựa nó cũng tinh khôn lắm. Nó "bắt" thấy mùi Ngài một cách tài tình lắm, không bao giờ lầm cả. Mà một khi Ngài đã ra, thì dẫu ngựa có phi, đường trời, Ngài cũng đuổi kịp. Cho nên ngựa chỉ có một cách để tự vệ, là che hết nửa thân hình đi, và chỉ dơ hai chân sau mà thôi: ngựa nó cũng chỉ có hai chân sau là "chặt" được, và "chặt" mạnh lắm.

– Nhưng nói đổ sông đổ biển, ví dụ lúc bấy giờ mình còn ở trên lưng ngựa, thì biết làm thế nào được?

Một người phu cáng xen vào:

– Con nghe những người đi củi thượng nói rằng: hễ mỗi khi gặp ngài, thì nên quỳ xuống, mà van lạy ngài đi, và nhìn chòng chọc vào mắt ngài, thì thế nào ngài cũng tha cho.

Một người phu cáng khác:

– Bẩm quan bà, chú Thởn chú nói cái ấy có thực đấy. Con cũng có nghe Cố Điệt thường nói: hễ thấy ngài rồi, thì chẳng bao giờ ngài làm tội cả. Ngài chỉ chộp khi bất thình lình mà thôi!

Chú Thởn:

– Chú Thạc nà! Mà ngài chộp, cũng chỉ chộp người đi đầu hay người đi cuối thôi, chứ chẳng bao giờ chộp người đi giữa cả.

– Cái ấy thì đã hẳn.

Rồi câu chuyện giữa hai người phu cáng dần dần rơi vào trong cái ướt lạnh của đêm sương. Tôi cũng lại ngủ đi lúc nào, không hay... Mãi đến lúc, hình như gần đồng ruộng, tôi mới lại trở dậy.

Tôi nghe tiếng chân đi san sát và đều đặn của những người phu cáng. Dưới chân ngựa một vài tiếng sỏi đánh nhau rơi loảng choảng. Và tôi thấy giữa khoảng trời sương lấp lánh muôn nghìn mặt trăng: tâm hồn trẻ dại của tôi đã thấy như một cốc thủy tinh rung động theo điệu gió.

Tôi nghe rõ tiếng một người phu cáng, nói với người bạn nó; tiếng nghe lạnh quá:

– Chú Thởn nà! Ta xin phép quan bà nghỉ chân một tí đã nhá!

– Thì hãy cứ đổi vai một lần nữa đã nào?

– Không phải mỏi vai nhưng mà không còn gối nữa.

Thầy tôi hình như không nghe chúng nói. Vì ngựa vẫn rộn ràng đạp trên đường sỏi.

Chúng vẫn đi, vẫn im lặng đi.

Bỗng xa xa, thưa thưa, đôi tiếng gà.

Đời tôi làm sao quên được những tiếng gà đầu tiên ở giữa rừng sâu ấy; tiếng gà làm cho ta có cảm tưởng ấm áp là sắp gần một thôn mạc nào... Nhưng đây chỉ là những con gà ri, gáy trắng...

Mẹ tôi trở mình hỏi to:

– Đã đến Đồng Kẻ Tra chưa các chú?

– Thưa bà, chưa đến, nhưng kể cũng không ngái mấy nữa.

– Các chú gắng đến đồng, lại nghỉ một lát cũng được.

Và khi chúng tôi đến đồng Kẻ Tra, thì mặt trời đã tung ánh sáng trắng vàng trên những đồng ruộng mạ xanh rì, như người thuyền chài tung cái lưới của mình vậy.

Sau đồng ruộng ấy là làng ngoại tôi. Ông tôi ở một xóm gọi là xóm Cồn, nghĩa là ở trên một đồi núi. Chúng tôi, bước khỏi cổng xóm là bắt đầu lên dốc, đi trên con đường đỏ ối. Tôi thấy một mùi đất ấm lạ, và cây cối ở trên xóm Cồn, xum xê một cách khác thường khiến cho tôi có cảm giác rằng, cuộc đời ở đây, tựa hồ như là một cái gì rất dễ dàng, rất đáng yêu: những cây cau vươn khỏi những mái tranh, và trên những vách đất đỏ gạch, leo lên với một cái khí lực mạnh dạn, những cây trầu lá xanh tươi và cọng vạm vỡ.

Cáng tôi từ khi khỏi cổng xóm, đi vòng quanh, và cứ trèo, trèo mãi. Những người đàn ông hay người đàn bà thấy mẹ tôi thì cúi chào.

Họ đáp lại những câu hỏi của mẹ tôi, một cách niềm nở và lễ phép:

– Nầy thím Thìn, có nghe Bọ (chỉ ông tôi) ra sao không?

– Bẩm bà, đã có mời ông Đước tới cúng rồi.

Một lát sau.

– Này ả Dụng, Bọ có khá không?

– Bẩm bà, hai hôm nay không cháo cơm chi hết.

Một lát sau nữa:

– Thế nào chú Huýnh, Bọ...

– Bẩm bà, Bọ khó lòng mà ở rốn được.

Giọng mẹ tôi càng run run, chưa kịp hỏi, thì một bà cụ già vừa chống gậy vừa xuống dốc, bà nói với đôi mắt rưng rưng:

– Bà Huyện ơi! Có lẽ Bọ về mất.

Lúc bấy giờ hình như là lần thứ nhất tôi mới nghe người ta nói đến tiếng "bọ". Nhưng tôi cũng hiểu là một "tiếng" trịnh trọng để tặng những người già cả đáng kính.

Dần dần khôn lớn lên, tôi càng hiểu thêm: tất cả những dân trong xóm đều coi ông tôi gần như một vị "giáo chủ" dầu người ở trong xóm không theo đạo Phật hay đạo Thiên chúa. Họ chỉ tin ở sự

cúng quảy, chay đàn. Mà trong những đám tế hay đám chay nào, thì ông tôi cũng được mời ngồi làm "thầy cả".

Sự yêu, vì có tính chất tôn giáo ấy của dân xóm đối với ông tôi còn có những lẽ khác nữa: ông tôi còn là một ông lang của dân xóm, và là một ông chánh tổng hổ thọ độc nhất ở trong làng ngoại tôi. Nhưng cái danh dự, to hơn hết của ông tôi là được một người rể có tên trong làng khoa giáp và sĩ hoạn.

*

Khi đến gần ngõ nhà ông tôi, thì tôi thấy những người đàn ông và đàn bà vừa ở trong ngõ bước ra. Họ chạy lại gần cáng tôi và nói với mẹ tôi và nói bằng một giọng ngập ngừng cảm động:

– Bọ về rồi! Bọ về rồi! Thưa bà!

Tôi ngẩng trông mẹ tôi: trên khuôn mặt mẹ tôi không còn một chút máu.

Và khi chúng tôi bước lên thềm, thì chúng tôi đã nghe những tiếng khóc rống lên: "Bọ ơi! là Bọ ơi!".

Những dì tôi, nước mắt dàn dụa, chạy lại nói với mẹ tôi:

– Bọ chờ bà từ hôm qua đến hôm ni. Nhưng coi không thể chờ được, nên phải đi.

Mẹ tôi chạy vào cầm lấy tay ông tôi, và khóc rú lên. Tôi cũng khóc to như mẹ tôi. Anh chị tôi còn khóc to hơn tôi nữa.

Tôi ngẩng trông lên mặt ông tôi tuy da đã xanh nhợt nhưng cái chòm râu vẫn lấp lánh bạc, cái chòm râu vẫn đáng kính đáng yêu biết bao! Tôi sực nhớ lại những lúc tôi ngồi ở trên gối ông tôi, và nhìn vườn cây qua cái chòm râu to dài ấy, thì tôi lại càng cảm động và khóc rú lên nữa. Thực ra tôi không hiểu rõ cái chết là cái gì – nhưng mang máng cũng biết rằng: cái chết là một cái gì buồn não như một sự biệt ly. Vì đời tôi đến lúc bấy giờ, thì chỉ có sự biệt ly mới là buồn não mà thôi. Tôi nhớ lại cái lần thứ nhất: me tôi và tôi tiễn đưa anh tôi lên tỉnh học. Cuộc tiễn đưa ở trên bến sông. Con đò mang anh tôi, như chần chừ, ngân nga không muốn lượn đi anh tôi cứ đứng mãi ở mui thuyền trông với. Mẹ tôi cũng đứng trông ra. Lẽ ra chúng tôi có nhiều điều nói với nhau lắm. Nhưng mà trong lúc con

thuyền một lúc một trôi xa, chúng tôi muốn nói gì phải nói thật to. Những cảnh vật trong lúc bấy giờ bắt chúng tôi không thể động mạnh hay nói to. Phải âm thầm vì là ly biệt. Mà cái giờ phút trên bến sao kéo dài đến thế. Mà con đò thì hình như không đi và chỉ có dòng sông lượn, uốn khúc, và để rồi che đò đi trong một cái khúc quanh. Tôi đương thẫn thờ nghĩ lại cái cuộc biệt ly lần thứ nhất trong lòng đứa trẻ dại thì anh tôi đã lại bên tôi, bấm vào tay tôi và nói:

– Doãn, em không khóc đi?

Như tỉnh khỏi một giấc mộng, tôi vội vàng khóc lên, khóc cho kịp những người khác.

Mấy hôm nhà có việc như thế, thì tôi thường được lệnh của mẹ tôi:

– Con đi ra lòi chơi...

Thấy tôi ngần ngại, thì mẹ tôi quay về phía Mượn.

– Mượn dẫn em ra lòi chơi đi.

Thực ra, Mượn về hình xác cũng không cao lớn gì hơn tôi. Mượn cũng chỉ xuýt xoát tuổi tôi, có lẽ còn kém tôi mấy tháng nữa. Nhưng theo một định luật bí mật từ ngàn xưa để lại, vì mẹ tôi là em mẹ Mượn, cho nên tôi phải gọi Mượn bằng anh và vì thế Mượn cũng tự nhiên ra dáng khôn lớn hơn tôi vì điều này mới kỳ: tôi cũng tự nhiên thấy bé nhỏ bên cạnh Mượn.

Vẫn giọng âu yếm và cầu xin của mẹ tôi nói với Mượn :

– Mượn, coi, chớ để cho em chơi bẩn nhá !

– Dạ.

Vẻ sung sướng và tự đắc hiện rõ ở trên mặt Mượn. Mượn đưa tay, choàng ngang lưng tôi và nói với tôi, hình như cũng như với cái giọng âu yếm, niềm nở của một người anh thực.

– Doãn đi ra lòi, anh hái đào cho ăn.

Tôi cũng không hề phản đối cái giọng đàn anh ấy, vì rằng: từ nhỏ tôi cũng đã biết ru lòng trong những ân tình đằm thắm của sự che chở, sự đùm bọc. Tôi nũng nịu:

– Anh Mượn, anh hái cho em nhiều khế ngọt nữa nhá!

– Được, em có thích ăn hồng không?

– Ừ hồng nữa, anh hái cho em nữa!

Từ đó, trong lúc chơi đùa hay trong lúc nghiêm trang, Mượn nhiều khi đã lợi dụng cái quyền đàn anh mà "bức" tôi. Nhưng có điều là tôi cứ để cho nó dẫn dắt, sai bảo, âu yếm tưởng là như một sự đương nhiên vậy, mới hay cái sự được che chở, cái sự được nằm vào trong lòng yêu thương của một người khác, cái tính nô lệ cũng có những cái thú say sưa của nó, mãi sau này nghĩ lại cái sự nô lệ đầu tiên ấy của tâm hồn, tôi lại càng hiểu tại sao những người đồng bào của tôi, cả dân tộc của tôi như thích gửi ký thác cái sinh mạng, cái số phận của mình ở trong một sự che chở từ bên ngoài đến, đến không phải vì theo một tiếng gọi nào. Cái thú được dẫn dắt của tôi lúc bấy giờ thật chẳng khác gì cái thú được che chở của một dân tộc yếu bởi một dân tộc mạnh, của một người đàn bà muốn hèn yếu, muốn rơi rã ở trong lòng một kẻ tình nhân.

Thực ra, cái quyền sai bảo của Mượn đối với tôi hình như đi quá giới hạn, và cũng có nhiều điều khó chịu và buồn cười. Tôi nhớ có một bận, tôi đương đứng tĩnh túc trước linh cữu ông tôi hình như là trong ngày "thành phục" thì phải, mọi người đương im lặng, bỗng có thầy thông xướng "xướng" hai chữ gì mà tôi không nghe ra. Nhưng Mượn ra dáng biết nhiều đưa tay bấm tay ý chừng muốn ra hiệu cho tôi một điều gì. Thấy vẻ ngơ ngác của tôi, Mượn ghé lại bên tai tôi và nói rất nhỏ và có ý tứ: "Người ta xướng cử ai đấy! Khóc đi!".

Khi người ta đã biết đến hai chữ "Cử ai", thì cũng phải ví dụ rằng: người ta biết nhiều lắm, ít ra cũng biết hơn mình. Nhưng tôi cũng phải đợi cho Mượn khóc trước, rồi tôi mới khóc theo. Cả hai chúng tôi đua nhau khóc nghe thảm thiết lắm, mê say lắm, đến nỗi không kịp để ý đến những người xung quanh có khóc không.

Một lúc lâu, có người lấy quạt đánh khẽ vào đầu tôi, tôi mới chịu nín đi. Tôi còn nhớ cặp mắt ngơ ngác và có vẻ hờn giận của Mượn, lúc bấy giờ nhìn tôi, và không hiểu sao người ta xướng "Cử ai" mà lại không khóc được. Mượn nhìn tôi, có vẻ ngượng lắm – và từ đấy đối với tôi cũng mất đi một ít uy lực. Văng vẳng, tôi nghe xung quanh người ta nói: "Im đi! Mà nghe văn".

Tôi ngẩng trông lên trước bàn thờ đã có người lễ sinh quỳ xuống, tay bưng một cái bảng gỗ nhỏ, và bên cạnh một thày thông xướng rọi một cây nến, dầu bấy giờ còn là ở giữa ban ngày.

Mượn nháy mắt bảo tôi:

Im! Người ta đọc văn.

Thực ra tôi đã đứng im phăng phắc, bình lặng, tĩnh túc tò mò đợi xem người ta làm gì... Bỗng giữa sự im lặng nghiêm trang, một tiếng ngân nga lên xuống, tôi không hiểu là gì cả, nhưng cái tiếng ấy, đến bây giờ cũng còn văng vẳng dội lại trong lòng tôi, những điệu vừa não nùng vừa huyền diệu, từng giọt sầu thảm từng giọt rơi trong một ngày mưa rả rích ở trên mái ngói. Nhất là khi tôi nghe người ta đọc đến tên tôi, thì tôi thấy có một thứ cảm giác vừa vui vui vừa buồn buồn. Nhân đó, mình lại càng cho mình một sự quan trọng mà lẽ ra mình không có.

– Cử ai...

Tiếng thày thông vừa xướng dứt, thì mọi người, thầy mẹ tôi, cậu mợ tôi, dì dượng tôi đều khóc rống lên. Tôi muốn khóc theo, nhưng mà tôi chỉ có kêu lên mà nước mắt không thể chảy ra được. Cho hay nước mắt của mình không phải là một điều dễ sai khiến. Mà khóc cũng không phải bao giờ là để tỏ sự buồn vậy. Nhưng từ đấy, có một điều làm cho tôi hơi ngờ ngợ, cái chết của người ta, chỉ là một sự rộn ràng ở trong nhà, không phải là một cảnh ly biệt âm thầm ở trong lòng. Nhất là khi tôi nhìn vào cậu tôi trong cái bộ tang phục, có đủ mũ gậy như một ông võ tướng, thì tôi lại càng thấy cái chết không phải là một điều gì rất buồn nữa – mà chỉ đáng buồn cười thôi. Thằng Mượn cũng hình như có cảm tưởng thế. Chẳng thế sao một hôm trước lễ "thành phục", nó khoe với tôi bằng một giọng tự đắc sung sướng:

– Ngày mai, anh Mượn sẽ được bịt khăn trắng.

Làm như được bịt khăn trắng là một điều tối vinh dự. Và làm như tôi cũng không được bịt khăn trắng. Nhưng ngày thành phục, tôi mới biết rằng: tôi cũng được bịt khăn trắng. Mà rồi than ôi! Đời tôi còn phải bịt đến mấy lần thế nữa.

Cất tang ông ngoại tôi xong, mẹ tôi vì có lẽ tại khóc nhiều quá, bị bệnh đau mắt. Thầy tôi trở về làng trước, còn mẹ tôi ở lại làng ngoại. Vì thế, Mượn và tôi còn được gần nhau. Ngày nào, chúng tôi cũng dẫn nhau ra lòi chơi, Mượn hái đủ thức quả ở trong lòi cho tôi ăn. Và chính trong cái thời kỳ ấy, tôi đã học được nhiều tên cây, và bắt đầu yêu cây. Mượn đối với những loài vật, và nhất là đối với những con gà pha con, thì Mượn âu yếm lắm. Mượn thường vào nhà

lấy trộm những nắm bắp đỏ chói, rắc cho gà ăn. Đến nỗi, mỗi khi Mượn đi ra lòi, là những con gà chạy lại và đứng chực sẵn: thường thường thì Mượn có một cái cử chỉ rất đáng yêu để đánh lừa bầy gà con là Mượn, mỗi khi đi ra, thu thu đút đút hai tay dưới vạt áo. Tuy trong bầy gà ấy, có một con gà cồ mà Mượn ghét lắm: con gà ấy là một thứ gà chọi, ông ngoại tôi nuôi nó đã 6, 7 năm: Nó to, cao và dữ lắm. Da cổ nó rất dày và đỏ gay như mặt trời. Đêm nó không vào chuồng, ngủ ngay ở trên cổng lòi, và thị uy với cả loài chồn cáo ở trong lòi. Bình sinh ông ngoại tôi nâng niu nó lắm, mà từ khi ông ngoại tôi mất đi, hình như nó đâm ra dữ và hỗn. Tôi thấy có một bận, nó chạy đuổi theo Mượn và cướp mổ những hạt ngô ở trên tay Mượn. Đối với loài gà, hay loài vật gì, tôi cũng không còn có một kỷ niệm khả ái đáng ghi chép lại. Nhưng đối với loài cây, thì tôi có cảm tình lạ. Nhất là đối với những cành đào khẳng khiu, mang những trái đào "hừng hững" tròn trĩnh, thì tôi thương lạ, và ngạc nhiên vô cùng. Tôi không hiểu vì sao những cành đào ấy lại có thể mang một cách tự nhiên, những trái đào hình như đã lạc loài đến ở đấy. Tôi thích nhất là người ta kể cho nghe cái đời của loài cây. Và một hôm thấy tôi ngắm cây cam sành, ở cạnh giếng, mẹ tôi nói với tôi:

– Con có biết cây cam ấy xưa kia ông con nâng niu biết bao nhiêu không!

Rồi mẹ tôi kể như kể một câu chuyện thuộc lòng:

– Cây cam sành, đến nay đã 27 năm rồi, ông con "bứng" ở nhà ông Chánh Đước về. Chính năm mẹ lấy chồng, là năm nó ra trái đầu tiên. Mẹ còn nhớ, về nhà chồng, được một tháng, mẹ lại trở vô đây để thăm ông mệ con, rồi đến khi mẹ đi, mệ ngoại con vất vào trong thúng may của mẹ năm trái cam sành ấy và dặn: "Con về gọt cho bà gia con ăn". Bà nội con thích ăn lắm, đến nỗi từ đấy, hễ mẹ về quê ngoại, là bà cũng dặn mẹ xin một ít cam cho bà. Có lẽ cũng nhờ thế, cái đời làm dâu cũng bớt chua cay.

Bỗng mẹ tôi ngừng nói. Mấy giọt nước mắt long lanh trên mí mắt mẹ tôi. Mẹ tôi nói thêm giữa những tiếng nức nở:

– Con xem, từ khi ông con mất đi, thì cây nó bắt đầu héo mòn. Mà rồi, năm này, sợ cam không có trái nữa.

Tôi cũng cảm động theo mẹ tôi. Trái với lời đoán trước của mẹ tôi, cây cam sành ở cạnh giếng vẫn có trái mà trái cũng vừa

ngọt vừa thanh lắm. Nhưng có điều này, tôi đã nhiều lần kinh nghiệm: là người chủ yêu dấu mất đi, thì cây cối mà bình sinh người ấy thường coi ngó nâng niu, cũng héo hon dần. Cây cam của ông tôi, sau một năm đã khô đét lại, và chết cả mầu tươi xanh. Và sau này, cây trầu... cây trầu của mẹ tôi... nhưng thực lòng tôi chưa muốn nói tới, không muốn nói tới. Có một điều này mà đến nay tôi cũng nhận thấy là cây cối hình như cũng gây ra, và cũng chịu lấy một phần lớn những đau khổ của đời tôi... Cũng như cái loài gà khả ái cũng chẳng làm cho Mượn được sung sướng gì hơn.

Có một sự tình cờ làm cho tôi cảm động vô cùng: trước mấy hôm, khi chúng tôi từ biệt nhau để Mượn về làng nội của Mượn, mà tôi cũng theo mẹ tôi về làng nội của tôi, thì có người thợ ảnh đi qua xóm Cồn. Thực ra, bấy giờ vào kỳ thi tuyển sanh, quan đốc học ở tỉnh có phái một người thợ ảnh đi các trường làng và trường tổng để lấy ảnh cho các học trò thi. Luôn thể, người thợ ảnh ấy cũng chụp cả cho những ai trong làng muốn lưu lại một kỷ niệm của mình lúc thiếu thời nếu kẻ đó là một người còn trẻ, và là một chút kỷ niệm ở trên cõi đời, nếu kẻ đó đã là một ông già. Hình như lần ấy là lần thứ nhất, người ta bắt các "cậu khóa" trong bản tỉnh phải dán ảnh mình vào đơn thi. Cũng nhờ thế, xóm Cồn lần thứ nhất, được trông thấy người nhiếp ảnh, mà họ coi như một kẻ có phép tiên, có thuật lạ. Trừ những người nghèo khổ quá, những nhà khá giả ở trong xóm Cồn, đều cố rước cái ông thợ nhiếp ảnh về nhà, để chụp cho cả gia đình mình một cái. Thật là một quang cảnh đến cảm động và buồn cười, người ta thấy những người đàn bà nhà quê, quanh năm bò lội ở dưới bùn lầy, bây giờ cũng chít cái khăn nhiễu tam giang, mặc cái áo cổ y, và điều này mới cảm động hơn – cũng cố xỏ hai chân thô, to vào đôi guốc quai da nhỏ nhắn. Lại những ông cụ già – đầu râu đã bạc tuyết – lộng lẫy trong bộ áo quần đỏ hoe – cũng cố chễm chệ ngồi lên trên một cái ghế mây – hai tay đặt lên trên đôi gối, và giữ chặt lấy sự cân đối – những ông cụ già ấy cũng để cho người ta thu hình như một đứa trẻ con.

Có cụ nóng thấy hình của mình hỏi người thợ ảnh:

– Thế được rồi chứ ngài, ngài cho lão xem một tý nào,

Người thợ ảnh vẫn một cái cười không mỏi mệt:

– Thưa cố, phải để cho cháu sang ra giấy đã chứ.

– À ra thế! Phải bao lâu mới được?

– Thưa cố, phải đến ba hôm.

Cụ già như thất vọng:

– Phải đợi đến 3 hôm ư! Lâu quá nhỉ?

Thật là một ngọn gió hiền hòa trẻ trung đã thổi qua xóm Cồn: mọi người từ già đến trẻ, từ giàu đến nghèo, suốt mấy hôm chỉ bàn tán về việc nhiếp ảnh. Họ bình phẩm một cách vui vẻ về anh thợ ảnh thì ít, mà về dáng điệu ngượng ngùng, kỳ lạ của những người bị chụp hình thì nhiều. Duy có một sự căm hờn, và buồn tủi đã đến ở trong gia đình ông tôi. Mẹ tôi, dì tôi, tất cả đều cho rằng: Ông tôi chết một lúc chẳng may. Giá mà ông tôi nấn ná lại độ hai, ba tuần nữa, thì thế nào, cũng đã có thể lưu lại cho con cháu cái tấm ảnh phương phi của mình: vì ông tôi là một ông già đẹp – ai cũng phải nhận thế. Rồi cho đó là một điều đau tủi, ngày hai bữa cúng cơm, dì tôi và mẹ tôi lại khóc, vừa khóc vừa kể lể. Cái vui của gia đình cũng dường như bị cấm tiệt: lúc đầu không một người nào dám nghĩ đến sự chụp lấy một tấm ảnh chung cho tất cả gia đình: vì thật ra sự tụ họp đông đủ như thế, thật là một dịp hiếm. Hình như cũng nghĩ đến sự chia cách rất gần của đôi bạn trẻ mà mẹ tôi thường gọi với một giọng đầy âu yếm là “anh em nó”, có lẽ cũng nghĩ đến sự chia biệt sắp đến của Mượn và tôi mà mẹ tôi, như quên hết cái đau tủi về phần ông tôi – dám bác hết sự phản đối cứ bằng lòng để cho hai chúng tôi chụp chung một tấm hình. Cái tấm hình đến nay đã rách nát đâu cả nhưng tôi quên làm sao được cái vẻ già giặn và chững chạc của hai chúng tôi – ngồi trên hai chiếc ghế đẩu đặt ở trước sân. Chúng tôi có cái nhìn thẳng thắn làm sao! mà hai môi như mím chặt lại để giữ lấy nụ cười. Còn hai tay thì giữ lấy hai bên vạt áo như sợ nó giun lại, và để lộ những đường răn không đẹp.

– Này các cậu, nhìn vào đây.

Nhưng thực ra chúng tôi đã nghiêm trang, cung kính nhìn vào cái bàn ảnh từ lâu, vì tưởng một cách ngay từ phút chúng tôi ngồi lại. Và đến khi người ta đã chụp xong rồi, mà chúng tôi vẫn tưởng chưa, cứ ngồi lỳ ra, với cái nhìn ngay thẳng và không chớp.

Chúng tôi đứng dậy, thở ra một cách sung sướng tưởng như mình vừa thoát khỏi một cái hình phạt thú vị nhất đời.

Cái tấm hình đã ghép lại gần đôi đầu xanh ấy, đã nghiêng

đôi tấm lòng với nhau. Bấy giờ Mượn mới 10 tuổi. Tôi cũng ngần ấy tuổi. Nhưng lòng yêu có bao giờ chừa tuổi trẻ. Nó đã đến ở trên tấm hình. Nó đã đến trong một buổi chiều. Nó đã đến trong một sự ly biệt. Phải, nếu không có cái hôm ly biệt ấy, thì tôi chẳng bao giờ tin có nó, biết có nó. Những lúc đắm say trong những trò chơi vô tội, gần gụi nhau trong những phút giây hiền hòa, chúng tôi có ngờ đâu rằng chúng tôi đã yêu nhau trong một sự khác lạ, trong một mối tình gần tội lỗi. Nhất là khi tôi trèo lên cáng, tôi thấy Mượn khóc rưng rức, thì chúng tôi đã không còn là hai đứa trẻ nữa và chúng tôi đã yêu nhau gần như một cặp trai gái rồi. Ngoảnh lại tôi vẫn thấy Mượn, vò cái chéo áo của dì tôi, và đương nhìn tôi trong một cái nhìn tội nghiệp làm sao!

Mẹ tôi còn nói với dì tôi:

– Chị hỉ? Thế nào qua tháng tám, cũng mời chị ra chơi và đem Mượn theo cho nó gặp lại Doãn...

Tôi tưởng như mẹ tôi nói hộ tôi câu nói cuối cùng ấy.

Dì tôi thì hình như không để ý đến vẻ buồn ở trong câu nói của mẹ tôi, dặn mẹ tôi một lần chót:

– Thế nào có ai vô, dì cũng nhớ gởi cho tôi một ít "bùi" nhá! Cứ gửi sống, để mặc tôi muối lấy.

Mẹ tôi chỉ gật mà không nói gì thêm nữa.

Thế rồi trớ trêu chưa! Tháng tám, tôi cũng không thấy dì tôi ra chơi, mà ngay trong năm ấy dì tôi cũng không ra nữa. Qua năm sau, dì tôi có ra thì Mượn đã lên học trường phủ. Năm sau nữa Mượn ra, thì lại không có tôi: tôi vừa đỗ tuyển sinh và lên học trường huyện đã mấy tháng rồi. Bấy giờ, tôi còn nhớ là tôi ở trọ nhà một thầy đề lại. Nhà trọ có một người con gái tuy không đẹp nhưng mà trông cũng ngộ như một cô gái núi, có những tính tình tuy thô lậu mà thật thà... Nguyên nhà thầy đề đối với nhà tôi cũng là chỗ cố giao: hình như khi thầy tôi làm tri huyện Hòa Vang, thì thầy cũng làm "thông nhất" hay là "thông nhì" gì đó. Vì thế, thầy đề mỗi khi nói với thầy tôi cũng hay nhắc đến mấy chữ "thầy trò cũ" mà thầy tôi thường gạt đi một cách cung kính, và lấy chỗ tuổi tác mà đãi nhau ngang hàng vậy. Tôi không hiểu trong trí người nào, đã nảy ra lần thứ nhất sự ghép gá tôi lại với người con thầy đề, nhưng có một sự tình cờ nẩy làm cho người ta dễ có cái ý ấy. Cô Nguyệt cũng như tôi là con rốt...

Mà điều này lạ hơn, là hai vợ chồng thầy Lại quý tôi lắm: không có miếng ngon vật lạ nào là hai ông bà không dành cho tôi. Mà mỗi khi tôi về quê, thì chính tay bà Lại sắp dọn áo quần đồ đạc cho tôi, và làm như mẹ mình không bằng. Tôi cảm động và quý mến bà hơn, nhưng chẳng bao giờ vì thế, tôi có ý gì với cô Nguyệt cả.

Một hôm mẹ tôi lên chơi, có hỏi chơi bà Lại:

– Cô em năm nay bao nhiêu tuổi...

– Thưa bà, cháu năm nay mới mười ba tuổi: cháu tuổi tý.

– Thằng Doãn nhà tôi cũng tuổi tý.

Rồi hai bà nhìn nhau cùng cười, cười vui sướng, cười hể hả cười đắc ý. Có lẽ sự giao ước giữa hai nhà bắt đầu từ đó. Nhưng có một điều tôi nhận thấy là trong mấy ngày ở lại với tôi, mẹ tôi thường hay kiếm dịp để xuống bếp: vì theo ý bà, muốn xem xét một người con gái phải xem xét ở chỗ bếp nước vậy. Mà rồi từ đấy, trong nhà thầy lại có sự khác lạ: cô Nguyệt ít khi lên nhà và hễ có dịp là bà cho ra một tràng những nữ tắc, nữ huấn đến bực mình, làm như tôi để ý đến việc của bà lắm. Bây giờ tôi nghĩ lại không khỏi buồn cười: làm sao có người coi việc đời kính cẩn, nghiêm trang thế! Trong thời kỳ ấy, tôi chỉ học và nghĩ đến Mượn. Những ngày nghỉ, tôi thường lấy tấm hình của hai chúng tôi ra mà tập "họa" truyền thần lại, và tập làm thơ để vịnh người trong ảnh. Có điều này hơi lạ, là tấm ảnh ở trong có hình Mượn, đối với tôi như là một bức tranh tiên của thầy Tú Uyên ngày xưa. Tôi chỉ thiếu một đường là đem đóng tranh lên ngay ở vách, cạnh án thư, và mỗi bữa cơm, để ra đấy một bát cơm và một đôi đũa... Có một điều mà tôi cho là một hiện tượng lạ lùng về tâm lý là, mỗi khi nhìn vào ảnh, tôi lại thấy người trong ảnh gợi thêm cho tôi nhiều tình cảm đẹp. Những mỹ cảm ấy gần tựa như lòng thương tiếc nhớ nhung. Rồi có một việc xảy đến làm xáo trộn cả trí não và tình cảm của tôi: một hôm trong khi mọi người đã ngủ cả, tôi lấy ảnh ra, và đặt lên mình Mượn, một cái hôn... Vâng cái hôn đầu tiên của lòng tôi, của đời tôi. Suốt hôm ấy, da thịt tôi rạo rực. Và sáng hôm sau, tôi dậy thật trưa và nhìn người nào, cũng tưởng như nhìn vào gương và thấy mình thẹn thùng, bẽn lẽn.

Lại một hôm nữa. Thoạt đầu, tôi không nhớ rõ, chúng tôi từ đâu lại... Nhưng bấy giờ, chúng tôi đã ở một quãng rừng, hình như là giữa con đường từ làng ngoại về làng nội... Tôi vừa xuống cáng, thì đã

thấy Mượn chờ sẵn ở một cái quán nước, ở ngang sườn... Chúng tôi, thầy mẹ tôi, anh tôi, Mượn cũng đi cả vào quán.

Quán sạch sẽ mát mẻ lạ: gió chiều lên từ từ phía sau nhà... Và mây trắng vần bay ở ngoài cửa sổ... Chúng tôi hỏi chủ quán đâu? Một ông cụ già rất đẹp, chạy ra chào hỏi chúng tôi một cách niềm nở vì chủ nhân lại là người chúng tôi quen lắm: mỗi lần đi hay về, chúng tôi cũng có ghé lại quán, và coi đó như là một cái trạm độc nhất của mình... Trong nhà quán, có những câu đối khắc trên tre lồ ô, chữ rất tốt mà theo thầy tôi, thì ý tứ lại rất thâm thúy, huyền diệu. Có câu của một ông tiến sĩ ở làng Lý, có câu của ông Đồ Ninh, một tay hay chữ ở trong vùng này, ai cũng biết... Những câu đối ấy hay, điều ấy không đáng ngạc nhiên, nhưng đáng lạ là làm sao ông quán cùng ngồi một phản... Những cuộc nói chuyện văn thơ giữa hai người kéo dài hàng giờ. Trong lúc ấy chúng tôi chỉ nghĩ đến những cái ghế đẩu của lão quán, những cái ghế đều làm với những rễ tre. Nhìn cái ghế ngộ nghĩnh, chúng tôi tưởng như lão quán là một ông tiên, ở trong sách xưa, thường hiện ra các quán ở dọc đường để được nói chuyện văn thơ với những tay văn hào thi bá.

– Đi, Doãn, đi ra ngoài chơi đi em?

– Ừ thì đi!

Chúng tôi cùng đi ra rừng... Đoạn rừng này không có một bụi rậm, thỉnh thoảng lại có một cây cao. Chúng tôi chạy nhảy ca hát như một con sáo con sổ lồng.

Nắng hanh rồi mát dần... Buổi chiều, vàng cả một cảnh rừng mênh mông... Gió ở dưới chân đồi, dần dần lên mạnh... Chúng tôi đi cạnh nhau, rừng tự nhiên, vắng hẳn đi. Vì chúng tôi, mỗi người đi sâu vào một ý nghĩ của mình...

Nhưng bỗng tôi ngoảnh lại, thì không thấy Mượn ở đâu nữa. Tôi gọi, không có tiếng đáp. Mãi một lúc sau. Mượn ở đâu chạy về, cầm cho tôi một nhánh muồng. Tôi nhìn trên tay Mượn thấy những ngón tay xinh nõn của Mượn bị ố tím thì tôi thấy thương lạ. Tôi toan giữ tay Mượn lại trong tay tôi. Nhưng Mượn đã giục tôi:

– Kìa Doãn ăn đi! Muồng đây...

Tôi đưa những trái muồng vào miệng. Những quả muồng có một vị vừa ngọt vừa bùi. Tôi ngẩng lại để cám ơn Mượn.

Thì Mượn đã không còn nữa...

Giấc chiêm bao của tôi chỉ có thế, nhưng khi tỉnh rồi, tôi thấy bâng khuâng, nhớ tiếc, nhớ tiếc một cái gì rất êm ái, rất dịu dàng. Thực ra, chuyện tôi vừa kể lại đây, không hẳn hoàn toàn là một giấc chiêm bao, tôi ngờ nó chỉ là sự diễn lại một sự thực...

Vâng, đây không phải là một giấc mộng thời ở... ở trong ấy, đã chứa chan cái vị đằm thắm, và nồng thiết của sự thật...

Sáng hôm sau, tôi viết thư cho Mượn, như để gỡ cho mình một mối bâng khuâng.

Hình như đến năm tôi mười lăm tuổi tôi mới lại gặp Mượn. Chỉ có ba năm chúng tôi không gặp nhau mà tưởng như đã lâu lắm rồi. Mượn thay đổi hẳn. Mượn không còn có cái vẻ đẹp của một người con gái nữa. Tay chân phốp pháp, và ngực nở ra trông như một lực sĩ. Trên khuôn mặt Mượn cũng có vẻ khác: trán nới rộng, và đôi lông mày đen và rậm thêm. Giọng nói của Mượn "ồ ồ", giọng nói của một người "dậy thì". Dáng điệu khoan thai như một người lớn. Thấy tôi nhìn Mượn chòng chọc, thì Mượn hỏi:

– Tôi có thay đổi lắm?

Tôi mỉm cười:

– Chả thay đổi gì hết.

Mượn vỗ vai tôi:

– Nhưng ít nhất cũng khác cái con vật nhỏ ở trong tấm ảnh chứ?

Nghĩ đến tấm ảnh, chúng tôi cùng bật ra cười... Nhưng bỗng hai chúng tôi cùng sầm nét mặt lại. Mượn hỏi tôi bằng một giọng hơi buồn buồn:

– Tại sao đã lâu Doãn không gửi thư cho Mượn? Tôi ngập ngừng. Vì thực ra, tôi cũng không biết đáp thế nào. Tôi cũng không nhớ rõ cái nguyên nhân đích xác làm cho tôi không nghĩ tới sự viết thư cho Mượn nữa. Anh tôi mà hình như mẹ tôi nữa cũng hiểu rằng chính vì người con gái ông để lại mà tôi nhãng cả sự học hành và nhãng cả bao nhiêu việc khác nữa. Mỗi năm, cứ ngày kỵ ông tôi, thế nào tôi cũng xin phép ông đốc trường nghỉ mấy hôm để về nhà. Nhưng đã hai năm, tôi không về đến nhà. Điều ấy làm cho thầy tôi bất bình lắm, đã có lần biên thư trách mắng tôi; trái lại, mẹ tôi thì cứ mỉm cười một cách đắc ý, hình như tôi đã trúng phải một kế sách

của bà. Một hôm, mẹ tôi vào thăm tôi, xoa đầu tôi và nói với tôi, như để thử ý tôi:

– Năm nay mẹ muốn bàn với thầy con để cho con lên học ở tỉnh. Ý con có bằng lòng thế không?

Tôi lắc đầu, và nũng nịu nói với mẹ tôi:

– Thưa mẹ, con chưa muốn lên tỉnh vội.

Mẹ tôi kéo tôi vào lòng, và nói:

– Ừ hỉ con không muốn rời huyện vì cớ gì mẹ biết cả rồi.

Mẹ tôi lại cười một cách hóm hỉnh. Tôi hiểu ngay ý mẹ tôi. Tôi hết sức biện hộ;

– Con chưa muốn lên tỉnh vội, là vì ở tỉnh người ta cũng dạy như ở huyện thế thôi! Lên tỉnh tốn hơn, mà ở tỉnh con còn lạ cả.

Mặc cho tôi biện hộ thế nào, mẹ tôi vẫn không nghe vẫn cười một cách hí hỏm và cuối cùng nói với tôi:

– Con không muốn lên tỉnh là vì con không muốn rời cô Nguyệt chứ gì?

Rồi mẹ tôi đứng dậy ngay. Lời nói ấy, có ngờ đâu là một lời tuyên án cuối cùng. Trước mặt mọi người, từ đấy tôi là người rể gần như chính thức của ông đề lại. Như lời tôi đã nói ở trang trên, cái ông đề lại này với thầy tôi là tình thầy trò cũ, đối với việc này, hẳn ông sẽ coi như là một điều rất tốt đẹp và rất may cho nhà ông. Tôi sợ rằng lòng tin của người ta sẽ tạo nên sự thực. Và sự đời lắt léo sẽ muốn tôi trở nên cái người chồng của cô Nguyệt, dầu tôi không muốn thế. Hôm mẹ tôi ở huyện về làng, cũng mang theo cái lòng tin ở nguy hiểm ấy, cố nhiên là chỉ nguy hiểm cho tôi mà thôi. Nhưng chuyện từ trước đến đây, không dính líu gì đến cái tấm hình của hai chúng tôi, cái tấm hình đã làm cho tôi mỗi khi nghĩ tới phải buồn rầu vô hạn. Ấy cũng chỉ tại có thế này.

Nguyên những thư từ của Mượn từ trước, tôi để lẫn với tấm hình và tất cả tôi để ở trong một cái hộp giấy. Cái hộp giấy ấy, ngay những bạn thân của tôi cũng không có quyền mở, nếu không được tôi cho phép. Vì thế sự tín nhiệm ấy làm cho người ta kính cẩn và thêm tọc mạch.

Một hôm anh tôi ở Kinh về làng, ghé lại huyện thăm tôi. Tôi không nhớ rõ là vì cớ gì, tôi lại mở cái rương tôi ra – hình như

là để tìm cho anh tôi chép lại một đôi câu đối Nôm của thầy tôi làm hộ cho một người làng. Trong lúc tôi lúi húi lục lộn, thì tôi thấy anh tôi cầm lấy cái hộp giấy của tôi... Và mở ra. Không hiểu sao, tôi rùng mình, và trên sắc mặt có vẻ lo lắng. Nhưng anh tôi khép lại một cách vội vàng và có dáng ngượng ngùng trơ trẽn như đụng đến một vật gì thân yêu của người khác. Có lẽ anh tôi đã thấy cái tấm hình giữa những bức thư và đã đoán rằng đó là những bức thư... tình, vì làm sao lại có thể khác được? Mà có lẽ tấm hình cũng đã bầy cái mặt trái, nên mới làm cho anh tôi dễ có cái cảm tưởng quái ác ấy được... Nếu anh tôi đã thấy rõ những người trong tấm hình, thì đâu đến nỗi lại phải lầm đến thế. Thế là tôi chẳng có cách gì biện hộ cho tôi được. Thực ra tôi cũng không muốn biện hộ. Cái cảm giác của tôi, khi anh tôi sờ đến cái hộp thư và tấm hình là lo sợ, ái ngại, thẹn thùng như có người sờ động đến những bức thư tình thật. Nhưng cái cảm giác tiếp theo là cái cảm giác của một người đã trấn tĩnh đã suy nghĩ: tôi cho rằng những bức thư ấy anh tôi cần phải đọc tới, có thế, cái tình của tôi mới được minh oan, và không ai còn tin rằng tôi còn có thể là vị hôn phu của cô Nguyệt. Nhưng muốn thay đổi lòng tin của người ta không phải là dễ: cả nhà tôi và cả nhà cô Nguyệt nữa đều tin rằng – là tôi đã ưng cô Nguyệt rồi – và điều này mới nguy hiểm: hình như hai bên đã bàn tính đến lễ "ăn hỏi". Có lẽ câu chuyện hộp thư ấy, anh tôi về làng, lại thuật cho cả nhà tôi nghe, cho nên, sau độ ấy, hơn một tháng thì thầy tôi viết một bức thư dài cho ông đề lại.Tôi nghe phong thanh rằng trong thư, thầy tôi có ngỏ ý muốn tiến hành gấp gấp việc hôn nhân của tôi, vì lẽ rằng theo quan niệm các cụ đời xưa, thì với một người nhãng học, duy có một kế thần diệu nhất để làm cho "anh nho" ấy trở lại chăm chỉ, là cưới cho anh ấy một người vợ. Có thế, mới giết chết được cái chí phóng đãng của "anh nho". Nhưng từ nay có một điều tôi quên nói là tại sao tôi không biên thư cho Mượn nữa? Đến nay, thật tôi cũng chưa xét định lại được cái nguyên nhân đích xác. Tôi muốn cho rằng: có lẽ vì tôi không muốn tập thư dầy thêm nữa, sợ có điều không hay... Nếu những bức thư ấy, mỗi ngày một thêm thì đến một lúc kia, sẽ đưa cái tình bạn bè giữa hai chúng tôi đến một chỗ không thể lùi được nữa. Mà cái tình bạn bè ấy không thể chối được những tai nạn mà nó đã dễ xảy ra. Nó không tiết ra, thì mọi người còn hiểu lầm rằng số mệnh đã định là tôi phải lấy cô Nguyệt, mà tiết lộ ra thì người ta sẽ nhìn chúng tôi bằng cặp mắt nào? Và thực ra, trong cái tình giữa hai chúng tôi có

một điều gì khác lạ gần như là bất chính. Sự tội lỗi cũng hoàn toàn vẫn ở tôi, chứ Mượn vẫn vô tội như một hạt ngô. Nói bất chính thì cũng hơi quá đáng; có lẽ là tội lỗi cũng chỉ vì tại chùng lén. Mà sở dĩ chùng lén là vì hai chúng tôi cùng bước vào một thời giống như tuổi "dậy thì" của người con gái. Những sự gặp gỡ gián đoạn, những sự tụ họp rồi những sự biệt ly làm cho cái tình yêu thương giữa hai linh hồn, trở nên ẩn hiện, khi ngập ngừng, khi ái ngại, rồi cái tình bạn phải khác cái mầu e thẹn của tình yêu. Rồi cái thú ấy, cái thú yêu nhau trong chùng lén, trong mờ ám, cái thú ấy trở nên một thói quen nguy hiểm. Một ngày nọ tôi cảm thấy một cách rõ rệt rằng: đời tôi không thể thiếu Mượn được nữa. Cái tình ấy, mập mờ, bất thường, và vô định, nó không có tên trong tiếng nói của loài người. Đến nay, thực tôi cũng chẳng hiểu gì hơn lúc bấy giờ, cái lẽ tương quan mầu nhiệm giữa đôi linh hồn, giữa đôi thể chất.

Tôi xin thú rằng: một sự cần thiết đã tạo ra cái tình không tên mà có thực ấy, tạo ra Mượn một người anh. Tôi không đợi ở Mượn, một chút tình đằm thắm, một chút dịu dàng, một chút say sưa. Tôi cũng xin ở Mượn một câu an ủi, một lời tình tứ. Lòng tôi chỉ muốn được ngả vào một sự đùm bọc, một sự dìu dắt, một sự che chở. Cả cái say sưa là được mơn man, được trớn rỡn...

Chúng tôi, hình như đi đã lâu như thế, cạnh nhau, đi trên con đường rơm nửa ướt nửa khô... Chúng tôi đi trong bóng một hàng tre, vì bấy giờ vào một buổi trưa hè... Và chúng tôi ở trong lòng của một sự tĩnh mịch nơi thôn giã. Ở trước mặt chúng tôi, một con đường trắng toát thẳng tới một đồi núi: ánh nắng trưa lừ lừ trôi như một dòng nước đục và nặng như thủy ngân... Theo lối đi, những người đàn bà, nón thượng quai thao có kẻ không bao giờ quen chúng tôi cả, nhưng chào chúng tôi một cách thân mật;

– Chào hai anh nho. Các anh coi gái làng tôi có đẹp không?

Họ tưởng như chúng tôi là những người lạ ở đâu tới. Một người đàn bà nhìn sát vào mặt tôi, núm chặt lấy tay tôi, cười rú lên:

– Trời ôi! Là cậu Cọt! Thế mà già ngỡ là ai! "nậy" mau quá, già không nhận được nữa!

Rồi cả bọn cùng xúm lại nhìn sát mặt tôi như là một quái tượng.

– Hai anh nho ra mà coi chợ.

Tôi cười cãi lại:

– Đừng gọi chúng tôi là "nho" nữa. Chúng tôi bây giờ học chữ Tây rồi.

Một người hỏi lại:

– Thế chữ Tây không có anh nho, anh khóa à? Đời Tây Tàu có khác.

Rồi cả bọn... già ấy cười lên, tiếng cười tươi ròn như tiếng cười của những cô gái, mươi lăm, mươi sáu! Họ vẫn không tha cho, nhìn chúng tôi một cách hỗn – xược và nói to:

– Chết, ăn chi mà "nậy" mau quá đỗi! Ngày tôi gặp cậu, chỉ bằng thằng Ngu nhà tôi! nhỏ xíu xíu... Thế mà!... Bụt ơi! Chà mau "nậy" quá! Thế đã mấy năm cậu không về làng hỏ?

Thấy tôi không đáp, họ cùng nói với nhau:

Dễ thường cũng đến ba năm rồi hỉ?

Mượn nhìn tôi và có vẻ ngạc nhiên... Cái đoàn bà già ấy đã đi xa... Mượn vẫn trầm – ngâm với một câu hỏi:

– Làm sao! Đã ba năm rồi Doãn lại không về nhà?

– Thật Doãn cũng không hiểu tại sao thế!

– Chắc dì giận lắm hỉ?

– Dạ. Mẹ em giận em lắm...

Nghĩ một hồi lâu, Mượn mới hỏi lại:

– Thế độ trước, Mượn có nghe nói Doãn yêu cô cô... gì hỉ?

– Cô Nguyệt?

– Ừ phải! cô Nguyệt!

– Chỉ là một lời đồn!

Mượn ngừng bước lại, quay mặt nhìn tôi và ngạc nhiên:

– Sao lại là một lời đồn? Mượn không tài nào tin được.

Chúng tôi đi đã gần đến chợ làng mà không biết. Một buổi họp chợ dưới ánh nắng hè gay gắt sao mà ghê sợ thế: tôi tưởng như một cảnh tụ tập của một đám âm binh nào, và ở một thế giới huyền ảo. Đến nay thật tôi cũng không hiểu sao, mà có lẽ cũng tại tôi không chịu hỏi những người làng tôi cũng không hiểu sao làng tôi lại

họp chợ đúng giờ Ngọ, cái giờ của những quỷ sứ, cái giờ của những âm binh, cái giờ nặng nề, tội lỗi, mà tất cả sinh vật yếu đuối, đầy nhân ái, từ con sâu cho đến con người phải co ro lại, phải xếp sự hoạt động của mình, phải uể oải, phải lười biếng. Có lẽ biết đâu đó chỉ là một sự bắt buộc mà thôi: vì đến 4, 5 làng cùng đổ về ăn chợ làng tôi, cho nên chợ cần phải nhóm sớm, để cho những người ăn chợ, xa mấy đội đường, lúc đi, lúc về cũng có thể kịp được.

Đến bây giờ tôi cũng còn nhớ những tiếng cười ròn của những người đàn bà nhà quê trên con đường từ chợ về các thôn xóm, tiếng cười kéo dài trong cái im lặng gay gắt của ban trưa đã làm cho tôi có cái cảm giác như được xem một giải cờ đỏ, mở dài, cũng ở dưới ánh nắng im lặng, cái ánh nắng không lưu động, cái ánh nắng tê liệt của ban trưa, của cái giờ Ngọ, giờ của cõi Âm.

Những người nhà quê lẽ ra hiền hậu biết bao, bây giờ trong tâm trí tôi trở nên những hình ảnh ghê sợ... Thím Neo... Ả Dục... Mợ Rô... Ừ nhỉ, làm sao những người đàn bà nhà quê ấy không chết hẳn đi trong ký ức của tôi, một buổi chiều thê thảm kia, cũng như mọi vật ở đời... Mà họ cũng chẳng đưa lại đến trong những giờ náo nhiệt của tôi, một ít bình lặng của thời xưa, đầy hương và đức.

– Thế mẹ Doãn muốn gì?

– Thì nào Doãn có biết...

Mượn và tôi, chúng tôi hình như đi cạnh nhau như thế, đi trên con đường quen thuộc của những người đàn bà ấy... Có lúc hình như chúng tôi đã im lặng. Và sau một hồi im lặng lại một câu hỏi đột ngột làm cho chính hai chúng tôi bối rối, ngơ ngác.

– Hay là mẹ Doãn muốn Doãn lấy vợ chăng?

– Thì sao bà ấy lại chẳng chịu nói ra...

– Các bà ấy, có bao giờ chịu nói ra.

Thực ra, tôi đã nói dối Mượn. Đã hai tay ba lần rồi, mẹ tôi đã ngỏ cho tôi cái ý ấy. Mà cảm giác đầu tiên của tôi là cảm giác của một tâm hồn, của một thể chất bất bình: tôi mới có 14 tuổi. Trời ơi! Làm sao tôi có thể thâu nhận cái tư tưởng hôn nhân giữa tuổi ấy mà không ngượng ngùng, mà không đau khổ? Tôi không rõ Mượn có là một phần nào trong sự ngăn trở ấy không. Chứ điều mà tôi cảm thấy một cách rõ ràng là lòng của tôi coi như đã phạm đến hồn trinh bạch, khi nghĩ đến sự lấy vợ.

Nghĩ đến sự lấy vợ, chả phải là mua chác vào tâm trí những tư tưởng nặng nề như xiềng xích; nghĩa là chặt đôi cánh vừa mới mọc trên cái tuổi hồn nhiên thơ dại... Nhưng mẹ tôi, cả nhà tôi không nghĩ thế. Điều cách này mới tai ác: mọi người đều tin một cách chắc chắn rằng: tôi với cô Nguyệt, con ông đề lại ở huyện, đã có tình ý với nhau, và bây giờ nhà nói ra là như cởi mở cho tấm lòng thắc mắc của đôi trẻ. Có ngờ đâu, tôi là người rất ái ngại cho cái vui mau chóng của mẹ tôi, của cả nhà tôi. Cái hôm mẹ tôi sung sướng, hí hửng như một đứa trẻ con, tin cho tôi cái tin mừng ấy, là cái hôm tôi đau đớn, lo lắng vô cùng. Nhưng tôi cũng cố thản nhiên cười bảo mẹ tôi:

– Một cậu bé như con, lấy vợ – con sợ có sớm không?

Mẹ tôi cười:

– Gớm! Cậu tưởng cậu còn bé bỏng lắm đa! Cậu không thấy anh Bích con bà huyện Yên cùng bằng tuổi cậu, mà người ta đã sắp có con rồi đấy!

Tôi không cãi.

Có lẽ bấy giờ, mẹ tôi cũng yên chí rằng: tôi không phản đối sự hôn nhân. Nhưng từ độ ấy, tôi xin thầy mẹ tôi lên tỉnh học: tôi bỏ trường huyện. Và từ đấy, tôi cũng thường không nghĩ đến việc hôn nhân nữa. Mẹ tôi, mấy bận lên tỉnh thăm tôi, lại hay nhắc đến. Một độ, thấy tôi lơ láo, mẹ tôi cũng không nói gì tới nữa.

Tôi tiến tới trước Mượn mấy bước, rồi quay lại cười bảo Mượn:

– Mượn bước lên, xem nào.

Mượn không hiểu gì, cũng cứ làm y lời tôi dặn. Tôi tấm tắc nói một mình:

– Này con vật ở trong tấm hình bây giờ nó phốp pháp và khỏe quá. Nó không còn yểu điệu như ngày xưa nữa.

Tôi vẫn mỉm cười bí mật. Mượn vẫn không hiểu gì. Nhưng thực ra, tôi không thể không tin được rằng: Mượn, có lúc, đã chiếm một địa vị quan hệ trong tâm linh tôi. Và sự hôn nhân của tôi thất bại, có lẽ một phần cũng tại người bạn tâm tình ấy.

*

Mẹ tôi ốm đã gần một tháng nay. Hai lần mẹ tôi gọi tôi về bên giường bệnh của bà. Chỉ lần thứ ba tôi mới về được. Thật tội bất hiếu của tôi đối với bà không biết đổ đâu cho hết. Nguyên nhân làm cho mẹ tôi gọi tôi về gấp như thế, cũng giống cái nguyên nhân làm cho tôi chần chừ không dám đến gần mẹ tôi. Nhưng tôi có thể khất với tôi, chứ thực lòng tôi không thể khất với một người ốm nặng, nhất là người mà bao giờ tôi cũng chỉ có lòng thương mến. Tôi nhớ hôm tôi ở huyện về, thấy tôi, tự nhiên mẹ tôi khỏe lên, gắng ngồi dậy nói chuyện với mọi người. Tôi cảm động về sự sung sướng của mẹ tôi quá. Chẳng hạn, tôi không còn đủ can đảm để mà trái ý bà một cái gì. Giá hôm ấy, bà bảo tôi một điều gì tôi cũng nghe cả. Nhưng mẹ tôi không hề "lợi dụng" chỗ yếu ấy của tôi, để mà "đánh" tôi. Trái lại, tôi đã biết khéo cùng cái nhịp sung sướng mà bắt ép mẹ tôi.

– Mẹ uống thuốc nhá. Để con quạt thêm chén thuốc nữa.

Mẹ tôi gật đầu, không hề phản đối mảy may như mọi lần.

– Mẹ ăn cháo nhá! Để con bảo thằng Vĩnh, nó nấu cho mẹ. Hay là mẹ uống sữa, để con pha.

Mẹ tôi gật đầu một cách vui sướng. Tôi bảo thế, giá tôi bảo hơn nữa, mẹ tôi có lẽ cũng nghe theo. Hay là mẹ tôi có ý chiều tôi như thế, chiều tôi hết cả, để rồi bắt ép tôi một điều, chỉ một điều thôi, nhưng là một điều tối quan trọng.

Tôi chắc rằng bà nói ra trong lúc ấy, thì sẽ kiêu. Tôi sợ sự im lặng đè nén trên tâm hồn mẹ tôi, sợ sự đối diện nặng nề của mẹ tôi và tôi. Cho nên, bao giờ tôi, tôi cũng kiếm cách để cho trong phòng mẹ tôi, ngoài tôi ra cũng còn có một vài người nữa. Nhưng tôi quên làm sao được cái chiều hôm ấy, giời vừa ngớt một cơn giông, khí trời tự nhiên mát ra, cảnh chiều hôm đưa lại một cơn gió lạnh bất ngờ. Mẹ tôi ho nhiều quá. Nhưng mẹ tôi cũng cứ gắng ngồi dậy. Mẹ tôi vẫy tay ngồi cạnh bà. Tôi rụt rè ngồi ở mé giường, và bảo mẹ tôi:

– Mẹ nằm xuống, kẻo mệt.

Mẹ tôi như không để ý đến lời tôi nói:

– Doãn con dịch lại một tý, gần mẹ một tý.

Tôi ngồi dịch lại, vẫn rụt rè, vẫn lo sợ. Tôi cảm giác trước rằng cái trận quyết liệt đã đến giữa chúng tôi: mẹ tôi sẽ thừa cái nhịp này, để bắt tôi phải hàng phục. Mà thật thế, tôi đã hạ khí giới trước khi ra trận... Mẹ tôi hớp xong một hớp trà. Tôi quên không nói rằng:

mẹ tôi hôm ấy, trái với lệ thường, bảo pha một ấm trà liên tử cho thật đặc. Mẹ tôi uống luôn miệng, khiến cho tôi phải sinh nghi.

Trong lúc ấy, một ngọn gió lạnh đến tận giường mẹ tôi. Tôi rầy thằng Vĩnh:

– Đồ khốn nạn! Chỉ khép cái cửa mà cũng không nên thân.

Mẹ tôi mỉm cười:

– Con đừng mắng nó tội nghiệp. Chính mẹ bảo nó để mở he hé như thế cho có ánh sáng.

– Nhưng dầu thế nào, thì mẹ cũng phải nằm xuống đã. Mẹ cần phải "dưỡng" lắm.

– Không, con đừng ngại, hôm nay mẹ thấy trong mình khỏe lắm.

Tôi không tin, vẫn khăng khăng bảo mẹ tôi:

– Mẹ hãy còn yếu, mẹ hãy nằm xuống rồi mẹ muốn nói gì hẵng nói.

Mẹ tôi mỉm cười:

– Thế con muốn mẹ nói cái gì?

Nghĩ một lát, mẹ tôi nói tiếp:

– Mẹ chẳng muốn gì cả!

Tôi nhìn mẹ, tôi ngạc nhiên và cảm động mẹ tôi vẫn bình tĩnh, vẫn thản nhiên nói tiếp:

– Hôm ni, thực lòng mẹ chẳng nói gì với con hết.

Hình như mẹ nói nhiều rồi.

Mẹ tôi xoa đầu tôi, và lại nói bằng một giọng ngọt ngào, êm ái:

– Ý muốn của mẹ bây giờ là chỉ mong sao con học cho giỏi, và đỗ nhanh như anh con là mẹ mừng. Mẹ chỉ cầu nguyện có thế. Còn như việc hôn nhân của con, thì mẹ đã nghĩ kỹ, bây giờ mẹ không muốn giục con hay ép con nữa. Mẹ bây giờ đã đổi ý hướng. Mẹ chỉ muốn con học giỏi và nối được chí thầy con, anh con... lòng mẹ chỉ ước có thế.

Mẹ tôi nói câu này bằng một giọng chân thật và quả quyết quá, khiến tôi lại càng tin rằng: mẹ tôi đã đổi ý rồi chăng!... Tôi chưa kịp tỏ sự vui mừng, thì ở ngoài đã nghe có tiếng ngựa hí.

Mẹ tôi nằm xuống giường... và nói với tôi:

– Thầy con đã về đấy.

Tôi chạy ra; thì thầy tôi cũng vừa bước vào. Sau lưng thầy tôi là ông Hương Rớt, một ông lang có tiếng nhất ở vùng tôi.

Thầy tôi hỏi tôi:

– Mẹ con bây giờ thế nào?

– Bẩm mẹ con đã khá.

Nhưng tôi cũng theo thầy tôi và ông lang trở về buồng. Tôi có ngờ đâu rằng có như thế: mẹ tôi mặt tái mét nằm sóng sượt.

Thầy tôi hỏi gì, mẹ tôi cũng không đáp... hai môi chỉ mấp máy...

Ông lang chẩn mạch xong... Thầy tôi và tôi, trái tim hồi hộp quá, cứ nhìn thẳng vào mắt ông lang như có vẻ van lơn hay cầu nguyện.

Nhưng ông lang đã kéo thầy tôi ra khỏi buồng, và nói một cách thất vọng:

– Có lẽ, bà "về" mất.

Tôi rụng rời tay chân. Thầy tôi vẫn bình tĩnh trở vô buồng: Mẹ tôi còn mở mắt nhìn thầy tôi và nhìn tôi, chỉ hỏi được một câu:

– Thằng cả đã về chưa ông?

Rồi hai tay mẹ tôi buông dần... Trời ôi! Tôi có ngờ đâu, mẹ tôi đã đánh lừa tôi; tôi biết, chính việc hôn nhân của tôi đã làm cho cái chết của mẹ tôi đến một cách gấp vội thế.

Tôi không thể chép cuốn truyện này mà không thuật những phút cuối cùng của một cuộc đời cần cù, lam lũ chỉ biết hy sinh, hy sinh bao nhiêu sức khỏe, bao nhiêu tâm tư cho hạnh phúc của những người khác. Những người khác đó, thân thì là chồng con, anh em nhà chồng, sơ thì là họ hàng và xóm giềng. Cái sống của mẹ tôi là một mùi hương theo gió mà lan rộng ra mãi, vì thế, cái chết của mẹ tôi là một mối tiếc thương cho những họ hàng quen biết.

Mẹ tôi về với thầy tôi đã hơn mười lăm năm. Sự kiệm cần, sự ngăn nắp, cùng theo mẹ tôi về trong gia đình thầy tôi. Mẹ tôi là một bà quan, nhưng thực ra không có gì là một bà quan cả. Quanh năm, ở cạnh bà, không có một người lính hầu. Ngày thầy tôi còn ở huyện đường Tuyên Hóa, cũng chỉ có hai lần, mẹ tôi theo thầy tôi độ 3, 4 tháng. Mùa gặt về, mẹ tôi thế nào cũng phải tạm biệt thầy tôi mà về quê. Ở quê tôi, mẹ tôi đã dựng nên một "giang sơn" cho chồng, làm cho tất cả người trong làng hay người "hàng xứ" nhắc tới như là

một chuyện đời xưa lưu truyền lại để làm gương cho thiên hạ.

Sinh ở nơi dân dã, mẹ tôi, về nhà họ Trương, mà vẫn giữ cái cốt cách của dân dã. Tôi còn thấy như mới hôm qua, cái người đàn bà cũ kỹ ấy, mỗi lần ở chợ về, vất cái nón thượng quai thao xuống đất, đặt cái thúng nặng ở nách xuống, nhổ bãi trầu, và nhoẻn một nụ cười rộng và bao dung biết chừng nào! Vẻ mệt nhọc không làm mất được cái nét hiền từ không thay đổi của một người mẹ, một người đàn bà, một người đàn bà Việt Nam. Bà ung dung ngồi sắp những thức ăn ở thúng ra trên một cái mẹt.

Tôi bá cổ mẹ tôi, một đứa em ngồi lên bám mẹ tôi, một đứa em nữa, moi những trái thị vô tình hay hữu ý trốn chúng tôi ở dưới một mớ rau. Mẹ tôi đưa tay giữ chặt lấy tay em tôi và cố không tỏ một vẻ giận dữ.

– Này Việt. Của cúng đấy, đừng đụng tới, không nên. Mai cúng xong, thôi tha hồ.

Em tôi vẫn cố giằng lấy một trái thị nhỏ nhất, và cãi lại mẹ tôi:

– Cho con trái nhỏ xíu này. Con cầm mà ngửi. Con không ăn mô.

Mẹ tôi cố tìm một cái lẽ để thứ lỗi cho em tôi:

– Mẹ cho con cầm mà chơi – nhưng con không được đưa lên mũi nhá! Ngửi, cũng không nên.

Em bé tôi cầm một trái chạy. Em gái tôi và tôi, cũng cố mỗi đứa cướp lấy mỗi quả:

– Mẹ ơi! Chúng con cũng chỉ ngửi thôi! Chúng con không ăn mô.

Mẹ tôi vẫn hoảng lên, cố tìm kế để đánh lừa chúng tôi:

– Này! Chúng mày! Tao quên phát cho chúng mày "lá móng tay", Cọt đâu, Song đâu, Lạc đâu, Quýnh đâu; đứa nào ra mà lãnh phần đứa nấy.

Hai em tôi và cả tôi nữa vội vàng trả những quả thị lại cho mẹ tôi, và cùng mấy anh tôi ra mà lãnh phần những "lá móng tay".

Hai em tôi ngơ ngác, không hiểu gì. Tôi nhớ mang máng rằng: hình như một năm trước mẹ tôi cũng có một lần phát những "lá móng tay" như thế.

Quên hẳn những quả thị, bấy giờ tâm hồn tôi hoàn toàn sống lại những mẩu kỷ niệm thấp thoáng vừa hiện ra rồi lại lẩn ngay.

Giật mình, tôi hỏi anh Lạc tôi:

– Mai, ăn mồng năm phải không anh Lạc?

Lạc đáp:

– Ừ thằng này đến lẩn thẩn! Không ăn mồng năm, thì làm chi mẹ lại đi chợ, mua nhiều trái thế, mà lại còn mua cả lá mồng tơi thế nữa?

Anh Song tôi ra dáng hiểu nhiều, và "điển sách" lắm, nói với cả chúng tôi bấy giờ quây quần bên anh tôi:

– "Tết mồng năm", tên chữ là Tết Đoan Ngọ... Ngày xưa ông Khuất Nguyên...

Bấy giờ anh Song tôi vào khoảng 16 tuổi – nhưng thầy tôi vẫn không chịu "rút" anh tôi cho học chữ Tây, vẫn cứ gửi ở một ông đồ trong làng, ông đồ này đối với thầy tôi, là chỗ đồng liêu. Anh tôi, vì thế, như lạc hẳn vào giữa bọn chúng tôi, là một bọn đã tới trường làng, sớm đến tối, gào thét như con vẹt: "le café là cà phê, le pain là bánh tây". Anh tôi, bị chúng tôi đưa ra làm trò để chế giễu. Quýnh là đứa bé con hỗn xược nhất trong bọn:

– Triều phò mã chơng vơng. Triều phò mã chơng vơng cái ông Khuất Nguyên nhà anh!

Cả bọn cũng lặp lại như thế để chế giễu anh tôi. Bây giờ và đến nay, tôi cố tìm cũng không hiểu nghĩa mấy chữ ấy. Đến nay, mấy chữ ấy đã mất tích hẳn trong tiếng nói của người làng tôi. Nhưng thật quả, tôi nhớ đích là hồi bấy giờ, mấy chữ "triều phò mã chơng vơng" rất thông dụng trong tiếng nói của người nhà quê, nhất là của bày trẻ. Danh từ ấy tôi biết là cốt để chế giễu một cái gì ngược trái lại với sự thông thường.

Anh Lạc tôi, đỏ mặt lên như củ gấc, toan cãi lại, thì một tiếng sạt ở sau lưng làm tất cả chúng tôi giật mình quay lại: Con Mén, người đầy tớ gái của nhà tôi vừa đặt một bó lá xuống phản và nói với mẹ tôi:

– Thưa bà, hôm ni, con thấy có chú Thạc, ông Phó Ngường, ông Xã Nghếch ở Lào về, mỗi người, một gánh kén nặng. Chú Thạc nghe đồn về được bờ năm trăm, ông Phó Ngường bờ một nghìn, nhưng phải thỉnh cả bàn đèn về nhà... Giang san sự nghiệp rồi cũng đến chui vào lọ cả. Hút thì rồi cũng đến xách, bà hỉ... Mấy ai?

– Thế còn bác Xã Nghếch.

– Bác Xã Nghếch, thì một bồ lưng kén, còn một bồ nữa thì...

Nó phá ra cười, như một cái máy không thể hãm được nữa... Mẹ tôi phải mắng nó:

– Vô duyên chưa nói đã cười! Khéo! Việc chi mà rũ lên thế! Nói đi đã, rồi lại cười nào!

Đưa tay vuốt ngực, nó cố trấn tĩnh và đáp lại mẹ tôi:

– Thưa bà, còn trong một bồ nữa, thì bác Xã, bác ấy nhét đầy cả...

Nó lại cười rũ lên.

Mẹ tôi lại phải mắng nó:

–.Đồ đâu mà trắc nết quá đỗi!

– Thưa bà, còn một bồ nữa, thì bác nhét đầy cả những lá mồng năm.

Rồi nó chỉ bó lá ở trên phản và nói tiếp:

– Đó, cái thứ lá quý hóa ấy đó; bác nói bác lấy từ năm ngoái, đúng giờ ngọ, và lấy ở rừng "Pout Măng"... Rừng "Poút Măng", một rừng mọi, theo chú nói, thì thiêng lắm, bà nờ! Thiếu một đường, con phải lạy lục bác Xã, bác ấy mới cho được một nắm đó. Chừng ấy, cũng "khẩm" chán bà hỉ?

Mẹ tôi, mỉm cười, nói với con Nụ:

– Nhờ Trời Phật! Nếu quả thật hay, thì chừng ấy, cũng đủ dùng hết cả một đời.

Rồi bỗng nhiên, mẹ tôi ngồi thần ra mà không nói gì. Tôi lại sán đến mẹ tôi và thủ thỉ hỏi mẹ:

-- Tết Đoan Ngọ sao thầy con không về mẹ?

– Thầy con mắc đi bành hạt với cụ Sứ. Trong huyện sắp mở thêm mấy cái trường mới.

Mẹ tôi nói với tôi như nói với một người lớn, dầu bấy giờ tôi chỉ là một đứa bé lên bảy. Tôi nhận thấy trong lời nói của mẹ tôi, một nỗi buồn u ẩn.

Trong lúc ấy, Việt em tôi đã "thịt" xong trái thị, và cắt cái vỏ thành hình ngôi sao dán lên tường. Mẹ tôi chưng hững:

– Con thế thì thôi! Đồ, chưa cúng mà đã đưa ra phá, phải tội chết.

Nhưng tôi không thấy một nét giận dữ ở trên khuôn mặt mẹ

tôi. Đôi mắt mẹ tôi vẫn hiền lành như bao giờ, nhìn tôi và âu yếm.

– Tối nay, thì con phải ngủ sớm, mai móng tay mới thắm.

Tôi chưa hiểu hết cái câu nói của mẹ tôi, nhưng tôi cũng không hỏi lại, phập phồng, cảm động đợi cái thuật phép lạ lùng. Nhưng thuật phép có gì đâu! Tối đến, ăn cơm xong, mẹ tôi, chị tôi, các bõ già, gọi chúng tôi ra, nhá những "lá móng tay" của chúng tôi ra... rồi, "rịt" vào ngón tay cho chúng tôi. Buộc vào cho tôi xong, mẹ tôi dặn tôi, đến nay tôi cũng không quên được cái câu nói "dễ thương" làm sao!

– Con cố đừng cựa nhá! Đứa nào, mai móng tay không đỏ, là không được về ông ngoại ăn tết đấy.

Nhưng phần riêng tôi, sáng hôm sau, những móng tay, trừ móng tay út, đều bị "chậy" đi, và không được thắm đều; trong khi ấy, những em tôi có những móng tay đỏ tươi như huyết.

Sáng tưng bừng, tôi tròe hai bàn tay cho mẹ tôi và hỏi:

– Của con có tốt không mẹ?

Mẹ tôi cười, và không tỏ dấu trách móc:

– Của con tồi nhất bọn! Hôm qua tại con cựa nhiều quá.

Lẽ ra, tôi phải bị "phạt", nhưng ngày hôm sau, tôi vẫn được theo mẹ tôi về quê ngoại. Ngồi trên chiếc cáng xanh với mẹ tôi, tôi quên làm sao được đôi mắt trong xanh của mẹ tôi, với cái nhìn hiền lành âu yếm! Nhưng than ôi! đôi mắt ấy, còn tìm đâu cho thấy nữa: Mẹ tôi đã bỏ tôi mà đi, đã nỡ đành đoạn bỏ cuộc đời mà đi. Nghĩ đến cái tết đoan ngọ đầu tiên ấy của đời tôi, tôi lại càng thêm chua xót: cái lòng thương nhớ mẹ tôi thật mênh mông rào rạt như gió chiều ở biển khơi.

Ngồi co ro một xó, tôi cố ngẩng lên nhìn một lần chót cái mặt hiền hòa ấy, nhưng cái sắc mặt đã xanh như tàu lá: tôi không thể tìm trên cái nét tàn phá, một vẻ hiền hậu ngày xưa...

Bấy giờ dì tôi đã tắm rửa xong cho mẹ tôi. Và người ta đã bắt đầu khâm liệm cho mẹ tôi. Trời ôi! Tôi quên làm sao được vòng khăn nhiễu tam giang, cái quần áo cổ y, và đôi vòng bạc... mà người ta vừa đeo khoác vào cho cái xác chết ấy! Cái áo cổ y ấy, cái khăn nhiễu tam giang ấy, đó là những đồ mà ông mệ ngoại tôi đã sắm cho mẹ tôi... Mẹ tôi có lẽ chỉ mặc một bận khi về nhà chồng, và than ôi! một bận nữa là khi về... cõi đất. Mắt tôi quên làm sao được cái khăn

nhiễu ấy, và màu áo ấy, mỗi khi có cơn nắng mới, mẹ tôi đưa ra phơi trước dậu.

Thoạt trông thấy mẹ tôi trong cái bộ áo liệm ấy, thì sự cảm động và thương xót của tôi lại tăng lên gấp bội. Một cảm giác vừa thoáng qua trong tâm trí tôi: tôi thấy như mẹ tôi không thể chết được. Tôi tưởng như còn diễn lại trước mắt tôi, một cảnh tượng hàng ngày, giữa những hôm mưa lạnh, ẩm ướt, bỗng rớt vào một ngày nắng ráo, mẹ tôi thường mở rương ra, lấy cái bộ áo, vâng, chính cái bộ áo cổ y ấy để đưa ra phơi ở trên một hàng dậu.

Trong trí tôi lúc bấy giờ, cái mầu cổ y tím sẫm gợi cho tôi một sự tương tự: cái mầu sắc đằm thắm, đen sẫm của cả một đời người đàn bà không kiêu hãnh, không ham muốn.

Nhưng khi tôi quay lại, thì giời ôi! Người ta đã liệm xong cho mẹ tôi và bây giờ mẹ tôi chỉ còn là một cái xác chết, bó chặt lại trong vải trắng và trên mặt ấp một tờ giấy vàng.

Lòng tôi quằn quại: tôi không ngờ trong một phút, tôi cách xa mẹ tôi đến thế. Tôi kêu gào lên như kẻ điên. Tôi không ngờ sự đau thương có thể làm cho người ta điên cuồng được.

Mẹ tôi ngày nay đã không còn nữa. Nhưng còn lại biết bao là chuyện xung quanh cái chết của mẹ tôi. Những chuyện ấy sống mãi trong ký ức tôi, có lẽ cho đến cái ngày cuối cùng của tôi ở trên cõi thế. Cái sự sống chết của người đời, nếu có đôi chút thú vị là tại luôn luôn bao phủ trong một màu bí mật, lâu lâu chỉ bị chọc thủng một đôi chút ánh sáng, yếu ớt quá không đủ chỉ dẫn cho ta một điều gì.

Tôi còn nhớ, lúc mẹ tôi thụ bệnh, thì tự nhiên ở đâu bay về một con ong tướng, đậu ngay ở cây khế trước ngõ nhà, và rồi chỉ mấy giờ sau, là những ong quân ở đâu tìm đến và đậu choán cả một cành cây. Một tổ ong mật đã bắt đầu gây dựng ở trước ngõ nhà. Thầy tôi nhất là mấy dì tôi, không giấu được vẻ lo sợ. Từ đó, hôm nào, người ta cũng rước thầy phù thủy về cúng. Và mấy lần anh Hưởng một người anh họ của tôi, bịt mặt lại, cầm một bó "giang" to trèo lên cây, để "xông khói" tổ ong mới. Nhưng mà vô hiệu: những con ong chỉ bay tán loạn trong một lúc, rồi chờ khi anh tôi xuống, khói đã tản rồi, thì đâu lại vào đấy: những ong quân vẫn theo tướng của chúng nó trở về đậu ở chỗ cũ.

Thầy tôi nói với chị tôi: đã ba mươi năm thầy mới lại thấy thứ ong "bò vẹ" ấy trở về đóng ở ngõ nhà như thế. Lần trước, nó cũng về đóng thế, thì quả hôm sau....

Thầy tôi không nói hết, nhưng chị tôi cũng hiểu ngầm. Khắp cả nhà đều có vẻ lo ngại, duy có tôi là chẳng biết gì... Cả mẹ tôi, cũng vậy...

Bầy ong ấy đóng được ba hôm ở trước ngõ nhà tôi. Hình như chỉ cách hôm sau, khi bầy ong bay đi, thì mẹ tôi cũng đi. Cái việc bầy ong ấy, đã để lại trong tâm linh tôi, những ấn tượng rất mạnh. Khiến cho tôi bao giờ cũng nghĩ rằng: trong đời tôi đã được nom thấy một bầy ong, vâng, một bầy ong giang hồ, hết chỗ này bay qua chỗ kia, mang những cái tin sầu thảm lại cho người này hoặc người nọ. Nghĩ đến bầy ong ấy tôi tưởng như có một tai biến tàn bạo từ một dĩ vãng xa xôi đến, kẹp chặt lấy tâm hồn tôi.

Sau cái chết của mẹ tôi được 50 ngày, thì những cây trầu leo ở tường, mà chính mẹ tôi lúc sinh thời đã vun bón, những cây trầu xanh tươi ấy cũng héo dần, héo một cách trông thấy trước mắt mọi người. Tôi còn nhớ như mới hôm qua, hình như là vào một ngày nắng mới, những đường nhà quê đã ráo khô: Bà Mục, người hàng xóm của mẹ tôi, qua thăm nhà tôi: ấy là lần thứ nhất từ khi mẹ tôi chết, bà hàng xóm ấy qua thăm vườn nhà tôi, tôi thấy bà len lỏi giữa những con đường nhỏ mà trơn lầy, và có khi phải cúi mình sát rạt để tránh những cành đào hay cành mận chĩa ngang qua đường. Tôi trông cái tuổi già ấy phải "gấp đôi" lại mà tôi thương hại vô cùng. Bà vẫn len lỏi, cúi lòn, lâu lâu đưa vạt áo lên để lau những hạt sương trên trán. Bà vẫn cứ đi. Hình như bà muốn tìm lại giữa những cây cối thân yêu ấy, một kỷ niệm gì ngày xưa, một kỷ niệm cuối cùng, cũng chực trốn thoát mình... Bỗng bà đứng lại, và tôi thấy rõ dưới ánh chiều vàng, người đàn bà tuổi tác ấy đưa vạt áo lên chùi mày, không phải để lau những hạt sương rơi vương trên khăn, mà là để lau những hạt lệ đọng ở dưới mi mắt. Tôi hiểu một cách dễ dàng cái sự cảm động của người đàn bà ấy giữa cái vườn cây là cái sự nghiệp của người bạn không còn nữa. Mẹ tôi là một bà quan. Bà Mục chỉ là vợ một tên dân.

Nhưng tình xóm giềng mạnh hơn tinh thần giai cấp. Hai cái khoảnh vườn gần nhau – và những cành cây ở hai vườn đã giao đối nhau, kết liên nhau. Đã có lúc, mẹ tôi, trong khi xem vườn, gọi người hàng xóm mà biếu một quả cau đầu mùa, hay một lá trầu son. Hai người ấy đã từng, người ở bên này kẻ ở bên kia vườn, đã

từng gọi nhau như hai người cùng một danh phận, để nói chuyện nhau về một giống rau mới trồng, hay một cái chòm nhãn mới lồng... Trong lúc ấy, chồng bà hàng xóm, đi buôn kén ở một làng hẻo lánh ở Thakhek hay Paksé. Và thầy tôi, cũng ở một huyện xa, giữa những cờ trống rộn ràng, cỡi trên mình ngựa đi khánh thành một cái ấp mới.

Đến nay, khi chép lại cuốn truyện này mới hơn mười năm thôi, mà sự đời xung quanh tôi đã thay đổi nhiều lắm. Tôi thương tiếc biết bao, khi tôi nghĩ đến cái việc ngày nay trên đất nước tôi, đã không còn những người đàn bà cũ kỹ, hiền lành như màu áo những người đàn bà lặng lẽ mà thâm trầm, gần đất cát biết bao, sống giữa những cây cối thân yêu, hồn của đất nước! Tôi vừa đau đớn vừa căm giận khi nghĩ đến cái lớp đàn bà lòe loẹt kia đã dám kiêu hãnh thay thế cái lớp người đàn bà cũ kỹ ấy, những người đàn bà thùy mị với những bộ răng đen nhánh. Những người đàn bà ngày nay đã để răng trắng, và vì thế, họ có bao giờ như những người đàn bà đời xưa dầu là một bà quan, cũng cầm lấy cái chét để vun bón một cây trầu non, hay một cây cau mới, ở vườn... Họ có bao giờ còn nâng niu những cây cối nữa, và như thế, họ sống xa đất cát biết bao... Nhưng tôi biết nói thế nào, khi người ta gọi đó là sự tiến bộ?

Mà cả tâm hồn tôi ngày nay cũng như một cái gì rất ăn rập với thời thường, những sự khóc cười của tôi cũng gần như là những đồ sáng chế.

Nhưng có một lúc, thật tôi đã được chứng kiến những sự nẩy nở của những tâm hồn giản dị mà chân thực biết bao! Và, có lúc, tôi cũng bị lôi cuốn giữa cái "dòng đời" lừ đừ và "tha thiết" ấy. Làm sao, tôi quên được cái buổi chiều nhàn rỗi mà mây đen bay gần mặt đất, lượn đầy trước ngõ tre, một buổi chiều dễ mời mọc người ta đến những chốn âm u, buồn lạnh. Dì tôi cho gọi bà "bóng rong" vào để phụ hồn mẹ tôi. Hôm ấy những người đàn ông ở trong nhà đều đi vắng. Quây quần bên bà bóng chỉ có những người đàn bà... Sau một hồi kêu phụ bà bóng bắt đầu "lên"...

Dì tôi hỏi:

– Thế hồn có nhớ ngày hồn đi, ai liệm cho hồn không?

Hồn đáp bằng thơ:

Dì Sâm với lại dì Hoàn,
Người chít khăn nhiễu, người choàng cổ y...

– Thế hồn ra đi có giận hờn ai không? Có thương nhớ ai không?

Hồn:

Từ khi hồn xuống âm ty...
Ngày ran nỗi nhớ, đêm chia mối sầu.
Trách riêng con tạo cơ cầu,
Tơ duyên ngắn ngủi, nhịp cầu cắt ngang...
Miễn chồng cho được giàu sang...
Con hồn ăn học, giữ giường mối xưa...

Đấy những câu hỏi và những câu đáp đại để là như thế. Nhưng những câu đáp ấy đã làm cho tất cả nhà tôi, khóc thút thít. Làm sao, tâm hồn tôi có thể ngờ rằng đó chỉ là một sự bịa đặt, giả dối. Và cái ngày mà tôi biết rằng: cái chết là sự hết hoàn toàn, thì có lẽ thật đó là một điều đau khổ không lường cho cái đời tình cảm của tôi. Nhưng cũng may, trong cuốn truyện này, tôi cũng không còn phải nói đến chết một lần nào nữa... Một mặt giời mới, chiếu vào đời tôi từ nay. Ít ra, tôi cũng nguyện ước như thế.

Mẹ tôi mất đã gần ba tháng, tôi mới lại từ biệt làng vào tỉnh học. Tôi không hiểu sao, bấy giờ, xin nghỉ được lâu thế mà ông đốc trường không nói gì. Ba tháng ở cạnh cái chết của mẹ tôi, cũng có vẻ nghiêm trọng, lâu dài như "ba năm" cư tang của một ông quan có hiếu. Tôi cần nói rõ một điều: bấy giờ tôi vừa hơn 15 tuổi. Và tôi đã học lớp nhất trường tiểu học: với cái tuổi ấy, và với cái trình độ ấy của sự học, kể cũng là một điều hiếm thấy trong thời bấy giờ. Mẹ tôi, khi còn sống và các dì tôi thường ngợi khen tôi không ngớt: dì Hoan tôi thưởng cho tôi một cái áo lụa "Cương Hà" còn dì Sâm tôi cho tôi một cái áo "địa" xanh. Thầy tôi, lẽ ra, cũng phải sung sướng và kiêu hãnh về sự học của tôi, nhưng thầy tôi vẫn dạy tôi theo một phép tắc rất nghiêm khắc cũng như khi dạy các anh tôi hay chị tôi. Với những người con gái thì ông hay đưa chuyện "dì qua" tôi khi còn sống và làm dâu nhà họ Đặng, mà kể lại cho nghe. Thầy tôi thường nói: "Dì qua" [1] các con ngày xưa làm dâu thật cay đắng không thể nói hết, gặp phải một bà gia điêu ngoa, độc ác vô cùng đối với con dâu mà không mấy khi là không dùng đến lời mắng nhiếc chửi bới, có khi dùng đến roi vọt nữa. Thế mà "dì qua" chúng con, mỗi khi về nhà nghe mệ [2] nội các con hỏi: "bà gia con đối với con có tử tế không?", thì "dì qua" con chỉ vui vẻ đáp như không hề xảy ra việc gì: "Thưa

---

1. Tiếng qua là để chỉ một kẻ đã qua đời.
2. Tiếng mệ ở vùng tôi nghĩa là bà.

mẹ, mẹ con bên nhà, đối với con quý hóa quá chừng!".

Cái gương nhẫn nhục ấy, vô lý biết bao, bất công biết bao, nhưng thầy tôi cũng nhét vào tâm trí các chị tôi tưởng như là nhét một món ăn rất hiền lành. Còn đối với bọn con trai chúng tôi, thầy tôi, cũng dạy những điều tương tự, lấy ở trong cuộc đời của những người đã qua, "chú qua", "bác qua", v.v... và nhiều khi cũng lấy ở trong sách vở thánh hiền nữa. Đại để, ý thầy tôi là muốn đào luyện chúng tôi thành những kẻ phục tùng cúi đầu mà chịu, cam tâm mà chịu,đau khổ mà chịu. Cũng may, cái điều xấu đến đâu, cũng có một điểm tốt. Cái giáo huấn ấy đã tập quen chúng tôi với sự đau đớn gian nan, nghèo khổ. Nhưng mà nhiều khi thật quá đáng! Với cái chết của mẹ tôi, là cái chết của tất cả cái gì êm ái ngọt ngào nhất ở trong đời chúng tôi. Từ đây tôi phải cứng rắn, mạnh dạn như cái cành kia sắp phải rời cây mẹ, để tự mình chôn chặt vào đất, tự tìm lấy khí lực. Cái tình "phụ tử" chỉ là một sự nẩy nở theo lý trí. Cái tình ấy, lẽ ra không nên gọi là "tình" nữa. Vì "tình" tức là cái gì người ta kéo vào mình, bao trùm lấy, ôm giữ lấy, cái gì cột chặt lại. Mà "lý" là cái gì người ta "buông ruỗi" ra, xô đẩy ra. Chỉ nói về phương diện tinh thần, ở xã hội Việt Nam, người con trai ở tuổi tôi đã coi như là một cành cây phải lìa cây mẹ. Người ta cần cứng rắn với nó, để nó có thể cứng rắn với đời.

Mẹ tôi mất được một tháng, thì thầy tôi cũng vào lúc về hưu trở về làng cũ, coi vườn, dạy con. Cái khoảnh đời ấy thầy tôi thường ví một cách nôm na với "cái đời gà sống nuôi con", từ cái chỗ quan chiêm đẹp đẽ bây giờ nhẩy vào một khuôn vòng chật hẹp, cái khuôn vòng một người nội trợ. Và với cái cuộc đời ấy, tất cả những cái khó chịu hàng ngày, những cái vụn vặt bận bịu làm cho người ta phải bực tức. Nhưng dầu sao, tôi cũng không thể dung thứ cho cái tấm lòng sắt đá của thầy tôi, khi ông gọi tôi lên dặn tôi mấy câu khuyên răn theo lệ thường, trước lúc tôi lên đường vào tỉnh. Muôn nghìn lời thánh hiền cũng không làm cho tôi khó chịu bằng cái cử chỉ, mà tôi phải nói là tàn nhẫn, của thầy tôi. Các bạn có biết ông thân sinh tôi đã nói với tôi những gì và giao cho tôi bao nhiêu để làm tiền lộ phí từ làng lên tỉnh? "Đây con cầm lấy hai hào này để làm tiền ăn dọc đường". Tôi ngẩn người ra, trước lời nghiêm huấn. Tôi không thể ngờ lòng thương con của thầy tôi, nhưng cắt nghĩa làm sao được cái cử chỉ ấy của một người cha đối với một người con, khi tiễn cái ông con lên

một con đường hơn 50 cây số, mà tất cả lộ phí chỉ có hai hào. Người ta có muốn dạy con sự cực khổ, nhưng mà sự cực khổ ấy cũng phải có hạn. Thầy tôi, tất nhiên cũng có thể tính cái độ đường cho tôi, vì ngày xưa đã từng đi thi, đi cử, thì cũng đã biết mấy lần đi con đường của tôi rồi, 50 cây số... Hai con sông! Một cái đèo! Rồi lại mấy chục cái dốc! Mà điều này, thầy tôi lại càng không được quên, tôi là một người học trò chữ Tây, và tôi lại là một cậu con quan! Lúc nhỏ, tôi đã từng đi cáng xanh, cái thứ cáng, nếu không phải là con nhà dòng dõi thì dễ thường đã đi được. Mà nào phải chỉ có độ đường chua chát. Sau 50 cây số, là những đêm dài dằng dặc kế tiếp nhau những đêm ôn tập bài vở, vì bấy giờ tôi chỉ còn vỏn vẹn 1 tháng nữa thì thi bằng tiểu học. Thầy tôi hẳn phải biết cho tôi như thế, nhưng có bao giờ ông lại muốn rằng con cãi lại lời cha mẹ. Vì vậy, lúc cầm lấy hai hào bạc, tôi cố vui vẻ hết sức, dầu bấy giờ dưới mắt tôi đã rưng rưng hai giọt lệ. Cũng may, hôm ấy, cùng đi với tôi, lại có thằng cháu tôi nữa. Có lẽ ra đi, nó cũng bị một cuộc tiễn đưa chua chát như tôi, cho nên nó cũng nhận lời đi bộ với tôi một cách vui vẻ lạ thường. Tôi còn thấy lại một cách rõ ràng trong tâm cảnh tôi, cái hình ảnh của hai anh chàng loắt choắt, len trên những ngõ tre làng nhỏ hẹp, bùn lầy để đi ra con đường cái. Tôi mang ở trên vai, một cái khăn gói, ở trong ấy... tất cả giang sơn sự nghiệp, tất cả cái đời học sinh của tôi... Mặt trời vừa mới mọc. Nhưng mặt trời cũng không cười... Mà lòng tôi cũng không cười, cả hai chúng tôi cũng không hát, tuổi trẻ ở trong chúng tôi thật quả đã chết từ ngày hôm ấy. Tôi buồn nao nao. Quỳnh, đứa cháu tôi cũng như lây cái buồn tôi. Lần thứ nhất, tôi cảm thấy mẹ tôi chết hẳn trong lòng tôi. Cũng chết, bao nhiêu những hình dáng hiền lành của thời thơ ấu. "Chiếc cáng xanh" mà tôi lấy làm đề cho tập bút ký này, cái chiếc cáng xanh ấy từ lâu là để mốc ở trên rầm, võng thì bị chuột cắn thủng đi, cái diềm, cũng bị bở nát. Và trên con đường từ làng ngoại, cũng không còn bao giờ có lại những cuộc du lịch hàng năm, những cuộc du lịch đầy thành kính và đầy thi vị. Cũng tại mẹ tôi đã chết... mà cũng tại một cuộc đời rất thái tây, rất văn minh đã đến ở trước ngõ người Việt Nam... Từ làng nội đến làng ngoại tôi, sau này, người ta đã vỡ một con đường mới, dành cướp của truông núi tất cả cái bí mật của nó. Sau này, tôi có mấy lần đi thăm làng ngoại tôi, thì than ôi! Tôi chỉ đi bằng ô tô của anh tôi... con đường ấy bây giờ chỉ dài có 15 phút đồng hồ... Tôi còn biết nói thế nào được? Vì sự nhanh chóng ấy,

người ta gọi là sự tiến bộ kia mà!

Nhưng mà tôi phải trở lại với cái cuộc du hành của hai đứa trẻ lúc bấy giờ. Tôi còn nhớ khi đi khỏi làng tôi và đã đến địa phận làng bên cạnh, thì một việc hơi vui vui đã xảy ra. Một đứa con gái nhà quê mặt trông cũng sạch sẽ ngồi cắt cỏ ở vệ đường, ngừng hát, và nói với tôi:

– Kìa anh khóa! Anh khóa đi mô rứa! Cho em theo với nào! Để khăn gói em mang cho!

Thật tình, tôi chỉ thấy ở trong lời nói, một vẻ đùa cợt hiền lành. Tôi đáp:

– Đi thì đi...! Lại đây mà đi với anh.

Có ngờ đâu, người con gái nhà quê ấy, bỏ cắt, chạy theo chúng tôi thật, và nhất định đòi mang cho được khăn gói của tôi mới nghe. Tôi cũng chiều nàng. Nhưng bây giờ là cô con gái đi trước. Và tôi rảo bước theo mà cũng không kịp. Đến nỗi tôi phải van xin, cô cũng không chịu buông tha cho. Chốc chốc, cô chỉ ngoảnh lại nói với chúng tôi:

– Ô tê! Việc chi mà phải bận! Cứ để em mang cho có được không...

Rồi cô ấy hát to:

– Khăn gói theo chồng, nước mắt như mưa.

Và quay lại chúng tôi:

– Nhưng tôi thì tôi không khóc đâu! Vì chồng tôi thế nào cũng thi đỗ trạng nguyên...

Tôi cười:

– Chúng tôi là những ông khóa chữ Tây...

– Thế chữ Tây, thì không có ông trạng à?

– Không.

– Có.

– Không mà!

– Mà em bảo có thì đã sao !

Rồi nàng lai nhăn cái hàm răng đen nháy và cười với chúng tôi... Nhưng nàng vẫn không tha cho. Nàng đi thẳng về nhà nàng, đặt cái khăn gói xuống phản và nói với mẹ nàng:

– Khăn gói của chồng tôi đó!

Người đàn bà ấy, cũng bằng một giọng thản nhiên hỏi lại:

– Thế chồng con là ai nào?

Người con gái chỉ tôi và nói:

– Đây chồng con đây!

Rồi quay lại phía khăn gói, và toan mở ra:

– Để xem trong khăn gói của chồng tôi có những gì nào.

Rồi nàng mở ra và không cần xin phép tôi.

Tôi cũng không hề phản đối... và nhìn một cách ngạc nhiên cái người con gái có những bộ điệu tửng tững ấy. Mẹ nàng lại còn "ngộ" hơn: nhất định giữ chúng tôi lại đến sáng hôm sau mới đi. Không hiểu sao, chúng tôi cũng nhận lời, như nhận một điều rất hợp lý... Rồi sáng hôm sau, chúng tôi từ biệt nhau không có một lời bịn rịn, không có một câu tình tứ. Nhưng một sự lạ lùng hơn làm cho tôi hơi cảm động: khi vào đến tỉnh, hai hôm sau, mở cái khăn gói ra, tôi thấy có một quan tiền kẽm. Tôi dầu nghèo kiết đến đâu, dầu thầy tôi có bóp chặt sự ăn tiêu của tôi đến đâu, tôi cũng không phạm đến tiền của nàng. Sau này khi trở về làng, tôi tìm giả, thì nhà nàng đã đổi chủ. Hỏi người hàng xóm, mới hay nàng đã... chết.

Không, nàng đã đi lấy chồng xa.

Vâng, thì cũng thế.

*

Ngay năm ấy, tôi thi đỗ bằng sơ học, mà lại đỗ đầu nữa. Tôi nhớ hôm ấy, thầy tôi cũng có mặt ở tỉnh. Vì vậy, tôi không hề tỏ một vẻ vui mừng, dầu bạn bè tôi và cả những người nhà quê mà tôi không hề quen biết, cũng đều xúm lại quanh tôi và tán dương cái ông "thủ khoa" tý hon.

– Này cậu! Thế rồi về "làng miềng" có định rước không hỉ?

Một người nhà quê khác đáp:

– Ấy, như làng tôi, thì dân sẽ đi quá ba làng là ít, để đón vị "tân khoa".

Tôi biết thuở bấy giờ cái bằng "sơ học" mà họ vẫn gọi là bằng "ri me", có giá trị lắm: cái thời người hiếm, của hiếm, cái gì chẳng quý... Nhưng đó là với những làng khác, chứ đối với làng tôi thì sự đỗ đạt

ấy vẫn bị coi thường. Ngày nay, cái anh "khóa sinh" giật được cái bằng "ri me" cũng như ngày xưa người ta giật cái "tú tài".

Đậu tú tài, thì đừng hòng dân làng rước đó chúc? Dầu sao thì ít ra tôi cũng phải lấy đó làm một điều kiêu hãnh với thầy tôi. Không nữa, tôi cũng cho đó là một dịp tốt để tôi trả thù thầy tôi là người chỉ cho tôi hai hào bạc để ăn đường, một con đường gần năm mươi cây số. Tôi quên làm sao được cái nét mặt tàn nhẫn của thầy tôi.

Về đến nhà trọ, tôi vẫn hầm hầm đặt cái "chồng sách thưởng" xuống bàn, và như muốn nguýt thầy tôi. Nhưng thầy tôi vẫn "lạnh lùng" như không, chỉ hỏi tôi:

– Sách đâu mà nhiều thế con?

Tôi cố lấy giọng tự đắc, đáp:

– Bẩm sách người ta thưởng cho con, vì con đỗ đầu kỳ thi ri me.

Tôi cố tìm một vẻ vui sướng hay kiêu hãnh trên mặt thầy tôi. Nhưng ông, vẫn lạnh lùng như không:

– Năm nay, thầy sẽ cho con vào Kinh học với các anh con.

Tưởng được vào Kinh học thì tôi sung sướng lắm? Tôi chỉ cầu sao người sinh ra tôi tỏ cho tôi một chút vui mừng trong lúc này, thế là đủ lắm rồi: Tôi có cần gì hơn nữa! Tôi sực nghĩ lại cái sự đi bộ của tôi trên con đường 50 cây số mà tôi không sao nén được căm hờn...

Trời thì nắng như thiêu. Những trận "gió cát" đưa lên đường hơi nóng làm cho tôi muốn chết ngốt. Khốn nỗi bấy giờ tôi đâu có một đôi guốc gỗ để kéo lượt thượt. Quýnh người cháu tôi và tôi phải vào trong một xóm ở bên đường xin những tầu chuối để kết làm những đôi "dép" tạm mà đi cho đỡ bỏng chân vì có nên thú rằng: có những quãng đường chỉ là những quãng đường cát. Cái mũ trắng của tôi cũng không đủ che cái nắng đúng ngọ: chúng tôi phải trèo lên những cây "sầu đầu" ở bên đường để bẻ những cành lá tạm làm những cái ô che nắng... Nhưng mà đi bộ được năm cây số, thì những đôi dép chuối ở dưới chân chúng tôi phải mòn và rách hết. Chúng tôi bất đắc dĩ lại phải xuống lánh nắng ở dưới một cái cống. Bấy giờ chúng tôi mới đưa những vắt xôi ra ăn với nhau. Những kẻ được ăn bằng mâm vàng đũa ngọc, cũng không thể có cái sung sướng của chúng tôi. Từ đấy đến nay đã hơn 15 năm rồi, chưa bao giờ tôi lại tìm thấy cái vị thấm thía và não nùng của những nắm xôi ấy!

Tôi sực nhớ đến mẹ tôi hai khóe mắt bỗng rưng rưng, Quýnh dỗ

tôi bằng sự nói xấu thầy tôi:

– Ông ấy, cứ ngày xưa mà khổ như chúng mình thế này xem có đỗ được cái cử nhân không?

Tôi lau nước mắt nói thêm:

– Đừng nói cái cử nhân, hãy nói cái tú tài xem có giật được không nào?

Rồi hai chúng tôi cười với nhau một cách đắc ý. Sự hăng hái lại đột khởi ở trong lòng: chúng tôi lại trở lên đường không sợ gì những cơn gió cát nữa. Và từ đó mỗi khi nghĩ đến nông nỗi ấy chúng tôi, nhất là tôi, lại càng chúi đầu mà học tưởng như thế là có thể trả thù thầy tôi được. Quả vậy, cái công học của tôi không uổng: tôi đã đỗ thủ khoa vào kỳ thi ri me ở tỉnh. Ấy là tôi chưa kịp nói rằng kỳ ấy có những ba trường Pháp Việt cùng thi và số thí sinh đến non bốn trăm người. Một người khác ở địa vị thầy tôi, thì chỉ thiếu một nước là đưa cậu "quí tử" đi từng nhà quen mà khoe ầm lên. Và cái sự khoe khoang ấy chính đáng biết bao! Nhưng đằng này thầy tôi chỉ đáp bằng những câu nói cụt ngủn và lạnh lùng, đáp lại những người đến hỏi mừng.

Duy có dì Sâm tôi, nghe tin tôi đỗ, đi hết hai ngày đò ra thăm cho kỳ được.

Vừa đến ngõ, dì tôi thấy tôi đã chạy lại ôm sập lấy tôi và khóc như mưa như gió. Vừa khóc vừa kể:

– Em (chỉ mẹ tôi) ôi là em! Em đi đâu nay không về mà xem con em rạng rỡ mặt mày...

Tôi cũng cảm xúc lắm và tâm hồn gần như mê loạn không còn biết dì tôi còn kể những gì nữa.

Dì tôi thấy vẻ lạnh lùng của thầy tôi đối với sự thi đỗ của tôi, thì dì tôi cũng hơi giận cho rằng thầy tôi không yêu tôi. Tôi cũng nghĩ như thế. Mãi về sau, tôi mới hiểu được thầy tôi là khi thầy tôi buông tay gọi các con lại bên giường và dặn một lần cuối:

– Thầy làm quan, các con cũng biết đấy mà nhà vẫn nghèo. Tất cả hương hỏa ông bà truyền lại chỉ có một chữ...

Thầy tôi bấy giờ không nói hết, nhưng chữ ấy là chữ "nhẫn".

Đã đành rằng trên thế giới có những núi sông đẹp hơn những núi sông ở quê hương tôi, có những dân tộc hùng mạnh hơn dân tộc tôi. Nhưng không bao giờ, người ta sinh ra ở đời lại có quyền

chọn một quê hương, chọn một huyết thống theo ý muốn của mình... Vì thế tôi đã là một người Việt Nam.

...

Dẫy núi Giăng Màn chạy sát suốt bể Trung Quốc. Các giống người xen lẫn với nhau trên một ít đất ruộng, phải dồn ép một bên bởi những núi đồi và một bên bởi những đùn cát. Những đùn cát xua đuổi bởi những cơn sóng bể và những cơn gió mùa, mỗi ngày lấn vào đất một tí, và như xô đùn bởi một sức mạnh vô hồi của cát sóng. Những cây phi lao không ngăn cản nổi những trận "gió cát"... Những cây ấy đẹp quá để mà hữu ích về một "tích sự" gì: quanh năm, chúng reo hát những bài ca nỉ non hay thánh thót...

. . . .

Trước sự tấn công mãnh liệt của gió cát, họ phải lùi, và vừa lùi, họ vừa kiếm một đường thoát, một đường thoát vĩnh viễn. Họ đã rời khỏi những hạ bản và đến chỗ cao nguyên... Họ đã chiến thắng những quả núi hoang... Những cái "rẫy" mới vỡ đất còn đỏ ối... Cái màu đỏ "chất phác" và mới mẻ ấy như muốn kiêu hãnh lại với cái màu trắng của đùn cát, cái màu trắng nõn nường và thuần nhã...

Giữa cái "khoảnh sống còn" một ngày thu bớt đi bởi sự xâm lấn của những đùn cát, và một ngày một mở rộng ra bởi sự bành trướng bằng những "rẫy" mới – nhưng sự bành trướng không bù nổi sự xâm lấn: cho nên một cảnh tượng nghèo nàn, khốn khổ đã bày ra trên cái đám người chen chúc trên một ít bình địa eo hẹp ấy... Người dân ở đấy, quanh năm ít khi có đủ gạo bắp mà ăn ngày hai bữa. Một phần lớn, người dân phải ăn sắn trừ cơm, cái thứ sắn mà người ta trồng ở những rẫy mới vỡ... Sự khốn khổ không phải chỉ có thế! Những đùn cát mênh mông, lại những giải núi cộc cằn, và cái sự sống về vật chất của người dân, đã gây nên một cuộc đời tinh thần rất nghèo nàn, ... Đi hàng chục cây số, hàng trăm cây số, không tìm được một ngôi chùa. Thảng hoặc chỉ gặp được một cái thành cổ, gạch đã vụn nát, đất đã lún, cái thành của vua lỗi hay vua lồi: dấu tích của một ông vua Hời ngày xưa. Người sống, quanh năm không được một tiếng chuông chùa... Người chết, lúc buông tay, không được nghe một bài kinh cuối cùng để tiễn đưa vong linh về nơi Tây phương Cực lạc.

Những đêm dài ghê sợ chỉ nghe có tiếng hò hét của những ông thầy phù thủy – đuổi xua những con ma hời nhất định quanh quẩn ở đất nước này để cướp xin những "lá đa hớp cháo"!

Thảng hoặc những năm "hung độc", có sự dịch biến về thời tiết: nếu là mặt trời ăn mặt trăng thì họ reo mừng vui sướng, nhưng nếu là mặt trăng ăn mặt trời, thì coi như là có sự khốn nguy: từ người này gọi người khác, từ thôn này gọi thôn khác, từ làng này gọi làng kia: họ gọi dậy để cứu chữa mặt trời bằng không thì năm ấy mùa màng sẽ mất hết... Họ lấy dùi gõ vào nia, gõ vào sàng, gõ vào mẹt. Họ gõ vào mâm, họ gõ vào nồi, họ gõ vào thau... Họ gõ bất kỳ vào một cái gì... Lại tiếng trống ở đình. Tiếng mõ ở điếm. Tiếng thanh la ở giáp đông và giáp đoài. Người ta tưởng như giặc cướp đã đến ở đầu làng, ở trước xóm ở ngoài ngõ...

Những người sinh vào ngày giờ như thế, có một tâm hồn "bất định" và luôn luôn sợ hãi. Nhưng họ không tin ở trời, phật. Họ chỉ tin ở những yêu tinh, quỷ quái, những con ma bờ và ma xó... Nhà thờ của họ: một gốc đa, một bờ giếng. Vị giáo chủ của họ: những ông thầy phù thủy chuyên làm sai lạc đạo đức Kinh. Tôn giáo của họ: những tà đạo có thể có, và có thể tưởng tượng được!... Trong lúc ấy, một vài trường học mọc lẻ tẻ đó đây! Cái ánh sáng từ những ngôi sao hiếm hoi ấy phát ra, còn yếu ớt quá, còn rụt rè quá không đủ để đuổi xua cái màu đen tối nặng nề bao phủ các thôn xóm. Vả thực ra, người dân thuở bấy giờ cũng không mong đợi, cũng không cầu xin một thứ ánh sáng nào hết. Họ chỉ ước nguyện sao cho những trường học ấy đưa lại cho họ những vị tân khoa, để họ được cái vinh dự đưa hèo, hoa, võng, lọng ra mà đón rước. Vì thế, ở nhiều làng những ông nghè tân khoa chỉ là những cậu bé vừa giật được bằng tuyển sinh (cũng tương tự như cái bằng yếu lược bây giờ) một cảnh tượng khốn đốn và buồn cười vô cùng. Mà khốn đốn là chỉ tại lúc bấy giờ nền học nho đã vội vàng xách nón ra đi, mà cái nền học tây chưa kịp đến. Tôi còn nhớ những câu hỏi ngớ ngẩn của người nhà quê lúc bấy giờ, những ông già đã có cái sự từng trải của cả một đời người, nay cũng tự nhiên trở nên bé nhỏ, khờ dại, ngớ ngẩn trước những cậu bé vừa ở những trường tổng hay ở trường huyện về, những cậu bé vừa hôm qua dậy còn gào thét như những con vẹt. "Voici le tableau noir" hay là cao hơn thế:

. . . .

. . . .

Một ông già, một hôm hỏi tôi:

– Thế thì cái bằng ri me cũng như ngày xưa cái bằng tú tài cậu hỉ?

Tôi không hiểu gì cũng đáp:

– Kể thì cũng rưa rứa, nhưng về sự học, có phần gay go hơn.

– Thế còn bằng Cò lê le? Cũng như xưa kia, bằng Cử nhân chứ gì!

– Ấy cũng thế cả.

Thực ra, cả tôi, cả ông cụ nhà quê ấy, cả bao nhiêu người nữa lúc bấy giờ cũng không thể hiểu được cái bằng ri me hay là cái bằng Cò lê le có giá trị đến bực nào. Nhưng là chắc có giá trị lắm! Vì xưa kia chỉ ở một làng tôi, ở một nhà tôi, mỗi khoa đã có bao nhiêu ông cử ông tú, mà nay từ khi học tây, thật trong làng tôi, cả tổng tôi, cả huyện tôi cũng chưa ai đỗ được cái bằng Cò lê le (complémentaire) bao giờ cả. Làng tôi xưa nay có tiếng là làng văn vật, không hiểu sao, cũng đâm ra "đốn" thế. Riêng tôi, tôi nghiệm thấy như thế này: hễ làng nào có tiếng là văn vật, làng ấy lại chậm tiến trên con đường tây học. Vì lẽ rằng những nhà khoa giáp cũ, những ông đồ nho hay chữ, họ còn vẫn tin ở sự cao quý của chữ nho, cho nên họ không muốn gửi con cháu họ tới ngay những trường tây học. Nhưng người làng tôi thì họ không tin như thế.

Trong làng tôi, có một ông đồ nho hay chữ, đã từng đỗ cử nhân và ra làm quan. Nhưng việc đời rắc rối lôi thôi, "Quan lớn Lê" – người làng tôi vẫn gọi một cách cung kính như thế – "Quan lớn Lê" phải treo ấn từ quan về làng dạy học. Học trò của ngài – phần nhiều là những người đỗ đạt lớn sau này ở trong vùng tôi – "Ngài" là một nhà nho chính tông, tính tình rất nghiêm khắc. Cái nghĩa khí của ngài hàng huyện đều biết và sợ. Người ta còn truyền tụng nhiều chuyện rất lạ về cái tính nghiêm khắc của ngài. Lúc bình thường, ngài ngồi một mình bao giờ cũng quay mặt về phía trong. Cái khăn đội trên đầu ngài, nếu một khi cái khăn vô ý rơi xuống đất, ngài sẽ vất đi mà không dùng nữa. Ngài thường cắt nghĩa cái cử chỉ của mình:

– Cái khăn này là để thờ trời, thờ vua, thờ ông bà tổ tiên. Một khi nó đã rơi lấm mà còn đội lên nữa, chả hóa ra mang tội bất kính với các đấng trên đầu trên cổ.

. . . .

. . . .

Tôi đã nói: cái văn bằng "Tiểu học" mà người dân quê vẫn gọi một cách buồn cười là bằng "Ri me" đối với làng tôi là một làng

"văn vật", thì thật chẳng có nghĩa lý gì, nhưng đối với những làng khác, thì cái bằng ấy quả có một giá trị to tát. Chẳng hạn như ở làng Khương Hà là làng của Mượn, người ta xôn xao và rộn rịp về cái tin Mượn đỗ bằng "ri me" như là một vinh dự xưa nay chưa từng có: thần làng đã bắt đầu "*linh ứng*", và đất làng đã sắp phát... Người ta đã tổ chức một cuộc đón rước hết sức linh đình đối với vị tân khoa. Những người dân "hèo hoa võng lọng" không phải chỉ chực đón ở địa đầu làng như ngày xưa đón rước một ông Tú... Muốn cho cuộc đón rước trọng thể hơn nữa, họ phải mang cơm nắm đi đón chực vị tân khoa ở địa đầu tổng mình... Vì thế, cái cuộc đón rước ấy, phải đi qua những mấy làng...

– Ấy cũng là một cách cho làng trên xã dưới đừng cho có ai chê miệt làng ta là làng "mít nài, dây sắn" [1] nữa.

Từ ông Phó, cụ Trùm, xuống đến cậu Xeo, anh Mô của làng Khương Hà đều trầm trồ nhau như thế. Mà ai cũng có quyền hỉ hả về cái đỗ đạt của Mượn... Khắp hàng tổng, người ta đều nói đến... Những ông Bá, ông Điển, có con gái "trộng", đã nhờ mối mai tin đi tin về với nhà dượng tôi là ông đề Viễn... Cái mũi của dượng tôi "hỉnh" lên gần bằng cái mũi sư tử. Còn dì tôi được thể, lại kén già...

– Cô này thì phải cái dáng đi vất vả... Còn cô kia, được cái miệng rộng, nhưng phải cái lỗ mũi trống. Của vào lỗ hà, ra lỗ hổng cả... Trong lúc ấy thì Mượn vẫn hiền lành, nhún nhường, vô tội... Nghe thầy mẹ nói thế nào, Mượn cũng chỉ biết "dạ". Đến nỗi, đã làm cho một "mụ mối" phải kêu lên: "cậu cả lành như một cục đất". Thật ra, cục đất còn có chỗ kiêu hãnh hơn. Mượn vẫn biên thư cho tôi luôn, giọng thư vẫn một vẻ bình tĩnh không thay đổi: không vui mà cũng không buồn. Mượn tường thuật lại cho tôi, như những bài luận trường, Mượn tường thuật lại cho tôi nghe những việc xảy đến: này cuộc đón rước, này sự thăm hỏi của bà con, này việc "khao" hàng xã, này việc mối mai... Trong bức thư cuối cùng, Mượn cho tôi hay rằng: dì, dượng tôi đã nhất định hỏi con gái ông điển Tiệp ở làng Thanh Lăng, và ngày cưới đã định là 20 tháng một...

Lúc đầu tôi tưởng không vào được, nhưng sau dì tôi cho người ra nằn nì bảo tôi vào dự lễ cưới cho được... Tôi không thể từ chối.

Làm sao tôi quên được đám cưới của Mượn; đám cưới đầu tiên của

---

1. Mít nài là một thứ mít hoang, "mít nài dây sắn" có nghĩa là dốt nát vô học.

đời tôi. Tôi nhận thấy, ở trong đám cưới ấy, tất cả cái đặc biệt rất hay ho, và cái ngây ngô về phong tục ở vùng quê tôi.

Cái điều đáng ngạc nhiên hơn hết chính là chú rể? Một chú rể tuy đã 16 tuổi, mà vẫn loắt choắt. Bao giờ, trên mặt chú rể, cũng có một vẻ ngơ ngác như lạc loài tới một chốn lạ và không hiểu đâu vào đâu. Sự học tây, ở anh, đã làm cho anh cách biệt với những người xung quanh: từ cách ăn nói cho đến lối chào mời, anh không thể nào thành thạo như những đứa trẻ khác cùng tuổi và từ nhỏ không rời khỏi làng xóm... Cái khăn lượt với cái áo thụng xanh làm cho chú rể trở nên trịnh trọng một cách đáng thương. Và hãy tưởng tượng, anh phải đóng cái y phục ấy suốt ngày lẫn đêm! Vì rằng làng vợ cách một con sông dài, cho nên ngày 20 là ngày chính thức mà đám cưới đã phải xuống đò ngay tối hôm 19. Cả thảy là 6 chiếc đò dự vào đám cưới. Cứ hai chiếc thì kết lại làm một. Chiếc đẹp nhất, có kết hoa, dành cho cô dâu và những người đàn bà bên nhà gái.

Sáng hôm sau, sau khi chúng tôi đã ăn mặc chỉnh tề và đám cưới sửa soạn lên bến, thì bỗng có tiếng pháo nổ trên bờ...

Tôi hỏi thầy tôi:

– Pháo đâu mà nổ sớm thế thầy!

Thầy tôi chưa kịp đáp, thì một ông lão đã đáp thay:

– Đấy, cheo đấy!

Một ông lão khác:

– "Cheo bến" đấy...

Một ông lão khác:

– Chưa mở mắt, đã cheo rồi!

Nhiều người trong thuyền cùng cười rộ... Duy trên vẻ mặt Mượn, có chiều cảm động, nhưng đám cưới cũng cứ lên bờ... Hai anh trai cầm hai cái đèn đi trước, đến một người "cồng" một cái "ché" bành. Rồi đến một ông cụ già đầu râu bạc phơ bưng một cái hộp, hộp phủ một tấm vải điều...

Tôi chưa kịp hỏi, dì Sâm đã cắt nghĩa cho tôi:

– Cháu nà! Dì dượng nhất định nhờ cố Viên bưng hộp, vì cố là một người đã "thọ", lại trong sạch, con cháu của cố, đầy đoàn đầy lũ.

Tôi hiểu rồi: mượn cố Viên bưng hộp, là người ta cũng nguyện sao

cho cái tình của trai gái được già đời như ông lão kia, và đông con đông cái như gia đình lão...

Nhưng trong cơn im lặng, một giây pháo nữa lại nổ! Đám cưới bắt buộc phải ngừng lại. Tôi ngẩng trông ra. Hai cái "án thư" đã đặt ở hai bên đường...

Tiếng pháo vừa dứt, một chàng trai ăn mặc theo lối "lễ sinh" ở trong một đám cúng, cất cái giọng rất giòn, rất xinh để đọc mấy câu thơ nôm mà một ông đồ trong làng đã làm ra, mấy câu thơ ấy chỉ để chúc mừng cặp trai gái được "bách niên giai lão". Đến nay tôi còn nhớ bên tai cái giọng bình thơ ngân nga ấy, đầy hoa tươi, đầy trăng sáng:

Gái làng gặp được rể sang...
Ông Tơ bà Nguyệt biết đường xe duyên,
Mong cho đôi lứa hai bên.
Trăng sao sáng tỏ, ngày đêm thuận hòa.

Chúng tôi chỉ bỏ ra mấy quan tiền kẽm thì họ lấy kéo cắt cái dây hồng ấy, và lại để cho chúng tôi đi.

Đi được một quãng nữa, lại có một cái dây khác giăng qua đường, nhưng lần này không phải là một cái dây hồng mà lại là một dây mũi bò, vì đám cheo này chỉ là một đám cheo không pháo, cũng không án thư, đám cheo của những trẻ chăn trâu. Cũng lại cho chúng một ít tiền, đám cưới mới lại đi được. Chúng, một bọn hơn ba chục đứa sau khi đã nhận tiền, cùng cất đều giọng hát một bài cheo cũ để mừng chúng tôi.

Nhưng mà như thế đã hết nợ đâu. Từ biệt bọn chăn trâu, đám cưới, khi vào đến đầu làng, đã thấy cờ quạt, kèo hoa rực rỡ, với lại những ông già lụng thụng trong những bộ áo rộng xanh.

Một tràng pháo chào mừng của những ông già. Lại một tràng pháo "đáp lễ" của đám cưới. Người ta đòi sự trình diện của ông... rể làng. Người ta nói vài câu về lệ làng cho chú rể biết, nghĩa là, nói xa chẳng qua nói gần, nghĩa là... người ta muốn đòi một món tiền cheo, và đây là một cái cheo lớn vì là cheo làng... Đám cưới chỉ phải trả vài đồng bạc, là thoát. Nhưng mà nào đã thoát cho. Tôi nhớ như sau cái đám cheo làng ấy là cheo... họ và sau cheo họ là cheo đình, và sau cheo đình, là cheo chợ, và sau cheo chợ là cheo xóm, và tất cả, đám cưới của anh Mượn tôi đã phải trả món nợ hơn

20 quan tiền kẽm. Thuở bấy giờ, chừng ấy là một món tiền. Theo thời giá đó là giá tiền một con heo lớn. Nhưng thực ra một người "vợ... cách làng" còn tốn kém hơn một con lợn nhiều. Là vì ta chưa tính vào đấy cái kho báu ở trong hộp. Tôi còn nhớ cái lễ thứ nhất, khi hai họ vừa an tọa, là cái lễ mở hộp, đựng những đồ tế nhuyễn, mà còn bí mật đối với những người lúc bấy giờ. Nếu là trong một đám cưới người cùng làng, thì cái hộp ấy, sẽ đưa thẳng đến người con gái, và chính tay nàng sẽ mở ra – mở lúc nào cũng được – trong hộp có những gì, chỉ một nàng biết cũng đủ, có quyền không nói với cha mẹ mình. Nhưng ở đây, là một sự gả bán cách làng. Làng có quyền biết người ta mua cái người con gái của làng, bằng cái giá nào... Một ông cụ già về họ con gái đứng dậy, bằng một cái giọng trịnh trọng:

– Trình hai họ, tôi xin phép hai họ cho tôi mở hộp.

Bao nhiêu mắt đều đổ dồn cả vào những vật lấp lánh, lẻng kẻng ở trên một vuông vải điều: mọi người hồi hộp đợi sự xướng tên những vật.

– Thưa hai họ, này một đôi bông vàng (hoa tai) một cái khâu (mà tại sao lại không là hai?) vàng, một đôi xuyến, một chiếc vòng bọc... Một cái áo cổ y, một cái áo xuyến, một cái quần lãnh, một cái khăn nhiễu tam giang, và thưa hai họ, một cái giây lưng... thao...

Một tiếng hỏi lại:

– Hết?

– Thưa hai họ hết.

– Không còn gì nữa.

– Thưa hai họ, còn.

Cái ông già tuyên đọc ấy, liếc mắt nhìn cái mảnh giấy hoa tiên ở trên những quan tiền kẽm và nói:

– Vừa thưa hai họ, còn nữa... Còn bốn cọc bạc nữa, mỗi cọc một chục, và về tiền cả thảy 50 quan.

Tôi thoáng nhận thấy trên mặt của những người ở họ nhà gái, thoáng qua một vẻ thất vọng. Không phải thất vọng vì món tiền nhỏ quá mà là tại món tiền to quá và làm cho họ không thể sát hạch vào đâu được. Một sự quên sót cỏn con về phía nhà trai cũng sẽ bị họ đưa ra, và làm to chuyện.

Một ông bô lão, sau khi đã hơi quá chén, quên giữ gìn:

– Theo lệ làng tôi, lẽ ra đám cưới trước khi vào nhà, phải vào yết đình đã.

Một ông nhà giai đáp lại.

– Nhưng mà thưa cụ, đã có lễ cheo đình rồi.

– Nhưng cheo là cheo mà...

– Thưa cụ đằng nào cũng thế.

– Không hai đằng khác nhau lắm. Cheo là cheo của dân xã, chứ không phải là cheo của Thần. Xin cụ đừng quá vội... mà có điều phạm với các ngài trên đầu trên cổ.

– Làng chúng tôi không bao giờ có cái tục như thế... mà khắp cả hàng tổng dễ thường không đâu có. Cheo thì khỏi yết. Thưa cụ, chỉ xin làm rể làng chứ có phải là đỗ đại khoa đâu mà phải... yết thần.

Một ông "bô" ở bên nhà gái, có vẻ là tay "ăn nói", bẻ ngay lời biện bạch của ông cụ bên phe nhà trai:

– Cụ nói chí lý lắm! Nhưng làng tôi đã có tục như thế muốn làm rể làng có thể nào mà không tuân lệ làng được không?...

Thưa cụ, không phải có ngần ấy, chú rể ngày mai ngày kia còn phải đến trình cụ Tiên chỉ, cụ Chánh cụ Lý... và cả với anh Mõ, anh Xeo cũng phải để chúng nó biết mặt chú rể mới. Thưa các cụ, tục làng chúng tôi như thế... không muốn tuân theo thì cứ việc trả vợ lại cho làng.

Một cái cười dài để tán thưởng cái ông cụ già sách hoạch, hùng biện, lời lẽ như sắt đanh. Nhưng cái lý luận ấy làm cho họ nhà trai hơi bị mích chạm, rồi từ đấy, những lời đi, tiếng lại, giữa hai bên, có khi đã có sự cọ sát nhau, nhưng rồi cũng giàn xếp được ngay. Người ta vẫn không quên rằng một đám hội họp như thế giữa thôn quê là một nhịp để hạch sát lẫn nhau.

Một ông cụ già về phe nhà trai nãy giờ im lặng, cất cao giọng nói:

– Trình hai họ, bây giờ thì hộp đã mở xong rồi, thì xin họ nhà gái cho chúng tôi biết cái cô dâu mới của chúng tôi ra làm sao chứ? Và lấy giọng bông đùa:

– Xem có đui què mẻ sứt gì không nào?

Cái câu nói bông đùa ấy vẫn làm cho nhiều người không thích. Một người trai trẻ ở bên nhà gái đáp lại:

– Thưa cụ có sứt què mẻ đui thì bây giờ, cụ cũng không thể nào biết

được. Chỉ có chú rể là sẽ biết mà thôi, nhưng mà chắc chú không nói.

Cái câu nói chua chát và hơi xấc xược làm cho ông cụ già hơi nóng mặt, nhưng làm cho họ nhà gái thích khoái lắm, và cười ồ lên.

Thầy tôi cũng xen vào một câu:

– Thôi, trời cũng đã chiều, xin hai họ liệu sơm sớm cho chúng tôi xuống đò. Vậy xin cho dẫn dâu ra.

Trong lúc ấy, thì hai người đàn bà đứng tuổi cầm hai tay một người con gái thẹn đỏ như một quả gấc, từ trong buồng bước ra chính giữa nhà, và nói:

– Thưa họ, dâu họ đó. Hồi nãy còn là người của bên chúng tôi, bây giờ đã là con cháu của họ. Họ tha được nhờ, họ bắt xin chịu.

Người dẫn dâu, trong câu nói khéo léo ấy, là cốt xin họ nhà trai chước cho cô dâu khỏi lạy họ, và người ấy đã thu phục được mọi người: người ta thảy vui lòng "chước" cho cô dâu. Nhưng không vì thế, họ nhà gái, quên không hạch nữa. Vẫn người dẫn dâu nói:

– Thôi cô dâu cám ơn họ đi. Nhưng nhân thể, trước mặt hai họ, bà con hai bên cho cô dâu chú rể những gì nào?

Tức thì từ trong đám người, có tiếng nói rụt rè:

– Tôi xin cho cô dâu 10 trự bạc.

Đó là nhời dì Nhung tôi.

– Còn tôi, gọi là... chỉ có thế...

Một tiếng hạch:

– Xin hô to cho họ biết.

– Ông chú cho cháu rể... 15 trự.

Bây giờ, một người đã đứng sẵn để tuyên đọc:

– Dượng cho cháu gái... một cây lụa... Thím cho cháu... một đôi hoa. Ông cho cháu một cái khết mẫu ruộng, cha mẹ nhà gái cho vợ chồng... 5 mẫu ruộng và 100 bạc mặt. Và cha mẹ nhà giai cho vợ chồng một cái nhà riêng 10 mẫu ruộng, và 300 bạc mặt cho vợ chồng làm vốn riêng.

Những con số ấy hình như làm cho người ta bấy giờ đều hể hả. Người ta quay ra, ăn no, chén say... và câu chuyện cũng tan dần. Cho đến chiều thì tiếng người cũng đã ngớt... trong nhà chỉ còn thưa thớt một ít người, chốc nữa dự lễ đưa dâu.

Tôi không hiểu sao người ta đã khéo lựa cái giờ đưa dâu, vào cái giờ mặt trời chưa lặn hẳn và đêm cũng còn chưa tối hẳn, cái giờ mà hình như những vật, những hình bóng dị thường sắp xuất hiện.

Thế là người bạn mà tôi đã yêu mến như một người tình nhân đã lấy vợ rồi. Không biết có nên tuyên bố rằng: "tôi đã mất chàng hay là chàng đã mất tôi". Vì rằng; sự lấy vợ ở trong đời một người, là một việc tối quan hệ, một việc đổi thay lớn. Người xấu sẽ tốt ra và người tốt sẽ xấu lại. Người cao thượng sẽ trở nên bần tiện và người bần tiện – ôi hạnh phúc! Sẽ trở nên cao thượng! Có thể như thế được không? Sao lại không có thể như thế được. Cưới vợ, nếu đó... là sự cưới... tình yêu, tình yêu sẽ làm chủ người bạn của ngài. Tình yêu sẽ làm chủ tất cả. Nó sẽ xây một nhà vàng có bốn bức vách, có bốn bức cả song, và giam bạn ngài ở trong đó. Ấy là cái lúc ngài nên xử ra một người biết tâm lý. Tốt nhất là ngài nên xa bạn, xa dần dần, xa mỗi ngày một tý, nhạt dần dần, nhạt mỗi ngày một tý, cho đến lúc nhạt hẳn, xa hẳn, mất hẳn. Ngài nên dè chừng là có lúc sẽ tới đó và không nên hận lòng bằng một chút tiếc thương. Nhất là ngài không nên đến lượn vượn quanh cái lồng son đã nhốt bạn. Vì:

Nào hay để lạnh lòng son thiếp
Tình mải vui cảnh đẹp trời xa...

Một là con chim kia, thấy cái hình ảnh của rừng xa, đồng rộng, mà phá lồng vỗ cánh bay theo, hai là ông sẽ bị nghi oan: người ta chẳng ngại gì mà không vu cho ông là có cái ý rủ re. Từ đó, nếu người bạn của ông đâm ra thơ thẩn, đâm ra vơ vẩn, lại hay đi sớm về khuya, người ta sẽ đổ trăm tội lên đầu ông. Ông là người rủ re, ông là người cám dỗ, ông là người... trong văn chương của người đàn bà Việt Nam chẳng thiếu gì tiếng để tặng ông. Vậy trong việc xử sự hằng ngày, cũng như trong việc kinh bang tế thế: *đề phòng trước vẫn là một điều hay*. Tốt nhất là ông nên biết ý mà tránh xa. Và ông không nên khờ khạo mà trách tình yêu là ích kỷ, vì thưa ông, có tình yêu nào mà lại không ích kỷ? Ích kỷ là một điều kiện thứ nhất để sung sướng. Mà sự kết liên, sự hòa hợp của hai linh hồn, hai thể chất là để tìm hạnh phúc. Có ai đi trách một gia đình mới mẻ kia lại đầy dẫy, lại chứa chan hạnh phúc? Vậy ông nên cố yên tâm, coi như là mình đã đánh mất đi một người bạn, và khi đánh mất một cái gì, kẻ đại ngu mới xuýt xoa, mới tiếc hối, mới đâm ra ngơ ngẩn... Tôi có người bạn mỗi lần mất một cái bút máy, một cái đồng hồ, hay là

một vật vô giá trị đến đâu, cũng bỏ mất ba ngày trời: ăn không biết mùi thịt, ngủ không thèm kê gối. Người ấy chỉ có thể là một người dại mà thôi. Nếu tôi là người kia thì tôi đã đau khổ và không chừng đâm ra "dại người" nữa, vì đời tôi, đã biết bao nhiêu lần mất bạn. Mỗi khi có một cái thiếp mời, thì quen mồm, lại nói:

"Đây lại một ông bạn chết nữa. Biết phúng cái gì bây giờ?"

Mà trời ơi! Tôi đã nhận biết bao nhiêu thiếp mời, trong cái khoảnh khắc là gần nửa đời người. Người bạn cuối cùng đã gửi tới cho tôi cái thiếp mời, có cái nhã ý biên vào một góc thiếp: "xin miễn cho đồ mừng". Người ấy thật quả là kẻ đã biết người biết của, hiểu người hiểu ta, mới thốt ra được một câu, làm nhẹ bỗng cả tâm hồn. Vì thật khó lựa được một vật xứng hợp, khi trời ôi! Người ta chỉ thấy trong các nhịp vui của bạn, cái buồn của mình. Tôi có nên kể ra đây, một mẩu chuyện cỏn con... nhưng chắc nó sẽ chẳng làm hài lòng, những vị tân lang và tân... giai nhân. Tôi có một người bạn nhỏ, một người bạn gái, thường ngày hiền lành như Bụt, nhưng hôm ấy, trong bữa tiệc cưới một người bạn, nàng đã uống nhiều rượu quá. Nàng đã say đến cái độ quên mình là một người con gái. Trước mặt mọi người, nàng ôm lấy người bạn sắp chết – (theo nghĩa họ là lấy chồng) mà khóc nức nở, và quay lại trỏ... tân lang mà nói: "Anh là một người tàn nhẫn! Anh đã cướp của chúng tôi một người bạn!" Vẫn biết rằng: rượu là kẻ chính phạm trong cái cử chỉ ấy. Nhưng cái tấn bi hài kịch ấy làm cho người ta ngẫm nghĩ hơn là buồn cười... Ai có trách người bạn nhỏ ấy, thì người bạn ấy sẽ nói: "Thưa ông, tôi say..." Nhưng ta há chẳng nghe cái chuyện một kẻ tục phàm, trong cơn say rượu lại làm nẩy được ở trên cung đàn, những điệu mầu nhiệm lạnh người. Vậy thì trong cái lời nói của cô bạn say, tôi cũng thấy ẩn chứa một sự thật. Nhưng một đám cưới có bao giờ cũng là một dịp buồn không?

Tôi không tin hẳn như thế: nếu đám cưới cuối cùng mà tôi dự xem, là một cuộc tiễn đưa qua bên kia thế giới, thì đám cưới thứ nhất, với tôi, là một sự vui mừng. Tôi tưởng cần phải cắt nghĩa về sự cách biệt ấy, và đó không phải là một điều khó giải. Theo sự nhận xét của tôi, thì ngày xưa, người ta lấy nhau nhưng mà không yêu nhau. Cho nên một người bạn cưới vợ, là một dịp cho mình vui sướng. Và người ta không hề có cái nạn mất bạn. Trái lại một khi bạn đã có "nhà riêng", thì ta lại cho đó là một dịp rất tiện cho sự tới lui. Và sự tới lui có vẻ thân mật, hợp ngày trước. Được như thế là tại ngày xưa,

cưới... chỉ là một bổn phận không phải đối với mình, mà là đối với tổ tiên. Người ta chỉ có cái sứ mệnh là tiếp tục dòng dõi. Người ta không ghen với hạnh phúc, vì thực ra hạnh phúc không có, hay là hạnh phúc không ở sự hòa hợp của hai tâm hồn – mà ở sự... con cái. Nhưng bây giờ thì cuộc đời đã đổi thay, cũng đổi thay tất cả quan niệm về nhân sinh vì những cặp vợ chồng đời nay họ yêu nhau – hay ít ra là họ tưởng như thế – cho nên ai đả động đến cái tình yêu, đến cái hạnh phúc ích kỷ của họ, kẻ ấy sẽ bị coi bằng một con mắt không nhân nhượng. Ta hãy trông những cặp vợ chồng "tân thời" kia dạo quanh hồ Hoàn Kiếm, hoặc mới cưới hoặc cưới đã lâu, tay trên, tay dưới, họ đi cạnh nhau, khít nhau, giữ lấy nhau và tưởng như hạnh phúc, tình yêu có thể trốn thoát khỏi mình. Có lẽ ngay cái đêm thứ nhất trong đời công cộng của hai người, một cơn bão táp đã đến xáo lộn những làn chăn gối và biết bao sự bẩn thỉu xấu xa mà họ đã che giấu – vì điều quan trọng là họ phải làm ra mặt "yêu nhau", để tỏ cho những ông "bồ côi" "bồ cút" biết rằng: "Thèm thuồng đi! Ước mong đi! Chúng tôi là những người sung sướng! Một ngày kia, hãy như chúng tôi!"

Trong đời tôi, tôi đã mất nhiều người bạn. Một khi họ có vợ rồi, họ ra mặt làm sang với tôi. Nhưng cũng có người như Mượn, thì sự lấy vợ không thể làm cho bạn tôi đổi thay lòng dạ. Anh càng ngày càng thân với tôi thêm. Trong một bức thư anh viết cho tôi, sau lúc lấy vợ được vài tháng, có câu:

"Mượn không thể sống một ngày mà không tơ tưởng tới người bạn xa, ở sau rặng núi..." Giời ôi, sao mà "quý báu" thế! Cái thời mà tình bạn đặt trên hết mọi sự, cái thời mà người ta lội qua không biết bao nhiêu sông, trèo qua không biết bao nhiêu núi để tới thăm một người bạn mà không thể gặp, đành để lại một cái thiếp có mấy câu thơ! À cái thời nhàn hạ – ấy cao sang! Giá cái thời ấy cứ kéo mãi ra! Nhưng rồi đến lượt tôi, tôi đã cưới vợ. Không biết những sự thay đổi nào đã đến trong tâm hồn tôi, và sự thay đổi ấy có quyết định được đời tôi không! Tôi chỉ nhớ rằng: tôi với Mượn tuy xuýt xoát tuổi nhau, mà tôi cưới vợ sau Mượn đến 7 năm. Không biết những quan niệm của chúng tôi có khác biệt nhau không! Đó là những điều tôi cần nói lại đây, trong cái "tiểu thuyết" này của đời tôi: tôi chỉ có biết chép mà thôi, và sẽ không nói thêm một điều gì.

Tôi chỉ nhớ trước ngày cưới của tôi ba điều: 1. Tôi đã vui sướng, 2. Tôi đã chạy ngược chạy xuôi để mượn cái áo gấm, 3. Tôi đã tập lạy.

Ba điều ấy, trừ điều thứ nhất, chả làm cho tôi vui sướng chút nào! Hai điều sau, nhất là điều thứ ba, là cả một vấn đề... Kể cứ thành thực và thật thà chép lại không phải là không có chỗ lý thú.

Trước hết, tôi cần phải nói một điều này là khi tôi cưới vợ thì thầy mẹ tôi đã mất hết cả rồi. Như vậy nghĩa là trong việc hôn nhân của tôi không thể nào có sự cưỡng ép được. Tôi đã tìm lấy vợ tôi, và tôi chỉ đề nghị với anh cả tôi, là việc thành. Nhưng như thế, không phải là không có sự trở ngại gì ư? Nếu mọi sự đều ở trong tay tôi, ở trong quyền hạn tôi, thì tôi đã muốn rằng cái đám cưới ấy không bao giờ có. Và tôi đã muốn rằng vợ tôi về thẳng nhà tôi mà không có điều kiện gì. Giời ôi! Giá ở đời việc gì cũng dễ dàng, trôi chảy như thế! Nhưng người đời, trái lại, không có một dịp nào, là không làm cho cuộc đời trở nên phiền toái. Thật ra bên nhà vợ tôi, họ không thách một điều gì trên sức tôi, nhất là họ không thách tiền bạc gì hơn hết. Họ chỉ thách rằng: dầu tôi là người nào (nghĩa là con Trời con Phật) nữa, thì hôm cưới tôi cũng phải có mặt, và mặc áo gấm phủ áo thụng xanh, và điều này mới rắc rối; tôi cũng phải lạy 24 lạy như bất kỳ một chú rể nào ở trần gian. Mặc dầu anh tôi đã viện đủ lý lẽ: nào "chú em" từ bé đều được chước lạy, và "chú em" là một nhà báo. Vâng, toàn là những cớ hay ho cả, nhưng không thể nào làm xiêu lòng ông nhạc tôi được. Một là tôi phải lạy đủ 24 lạy, hai là tôi mất vợ. Cố nhiên là tôi chẳng bao giờ để mất vợ. Nhưng cái vấn đề này thật là đã làm cho tôi tự trong thâm tâm, phải nhục nhằn, phải đau đớn... Tôi không có ý gì nghịch lại "cổ truyền" nhưng thú thật rằng: bấy giờ tôi thấy trong cái sự "lên vai xuống gối" có cả một sự quy lụy, một sự hàng phục, một sự đê hạ mà tâm hồn tôi không đời nào chịu được, dầu người tôi lạy là một đấng thiêng liêng nào, dầu cái cớ khiến tôi lạy, là một cớ đáng tôn thờ đến bực nào!

Nhưng tôi đã trót hàng phục trước cổ truyền rồi, tôi không muốn tìm những lẽ chính đáng để biện hộ cho mình. Cái điều quan trọng đối với tôi bây giờ là phải lạy, và lạy thế nào cho đúng phép – vì lạy không phải là một hình thức cần phải tuân hành cho hợp đúng, mà lạy còn là một nghệ thuật nữa. Xưa nay, từ bé đến lớn, tôi là một "đứa cứng", cứng với các "ngài trên đầu trên cổ" như lời thầy tôi thường nói. Mỗi lần có một lễ Ky, lễ chạp nào, thì tôi tìm cách trốn lạy. Hay là có lạy nửa lạy đối với tôi chỉ là một trò chơi mà thôi, lạy, đối với tôi, chưa bao giờ là một hình thức thiêng liêng. Độc giả cho

phép tôi kể lại đây vài câu chuyện "bất kính" để tỏ rằng: từ nhỏ đối với sự lạy, tôi vốn không tỏ một lòng tôn trọng.

Ngày còn nhỏ, tôi có hai người anh – nhưng thực ra đối với tôi chỉ là hai người bạn; chúng tôi xem nhau như là những người cùng lứa cả. Đùa, đùa, chúng tôi có một việc đùa. Mà việc ấy hình như không có một giới hạn nào! Hai anh tôi: một người tên là Song. Một người tên là Lạc. Nhưng chúng tôi chỉ gọi nhau bằng tên tục mà chúng tôi đã đặt cho nhau. Lạc thì hiền lành, thật thà, vô tội, không hề giết một con muỗi. Còn Song thì "cú trán". Cái danh từ ấy ở miền tôi mới tả hết được cái tính của Song, danh từ nghĩa gần như là ác, dữ, độc, hay làm hại người khác. Song chỉ chuyên làm cho tôi và nhất là Lạc bị phạt, có khi bị đòn nữa. Mà tôi nhớ rằng: trong những ngày kỵ, ngày chạp Song mới tìm đủ cách làm cho chúng tôi bị rầy la, và bị thầy tôi đánh. Chính cái lúc nghiêm trang nhất trong cuộc lễ, cái lúc khăn đen áo dài, chỉnh tề đứng lại trước bàn thờ, thì Song chạy vào phía trong bàn thờ, nhìn thẳng vào mặt hai chúng tôi, và với những cái ngón tay "dèo đeo" của anh, anh làm đủ trò – trò người và kể cả trò khỉ – khiến cho một khi chúng tôi đã trót nhìn vào đấy, thì không thể nào nín cười được. Hoặc khi chúng tôi vừa xụp nằm xuống, chính là lúc Song liệng qua, và rất lanh lẹn rất tài tình, Song đưa một ngón tay gãi vào dưới lòng chân của chúng tôi. Trời ôi! Ai mà có thể cầm giữ được! Những lúc như thế, chúng tôi dâm ra cười, giữa sự nghiêm trang của lễ kỵ, chúng tôi cười như điên. Tiếng cười ấy làm cho mọi người, họ hàng làng nước, nhìn chúng tôi một cách ngạc nhiên, và thầy tôi rất xấu hổ vì cái sự mất dạy của chúng tôi. Thầy tôi là một ông nhà nho của Khổng Mạnh cho nên đối với sự "suồng sã" đó, ông rất bất bình. Ông thường nói: "Cái đồ bất kính với ông bà ấy, thì làm nên trò trống gì! Quả vậy, lời nói ấy sao mà đúng thế! Tôi thì viết láo, viết lếu (giời ôi! cái nghề!) Anh Lạc tôi thì làm nghề thầu khoán, mà anh Song tôi cũng chỉ làm đến thầu khán, mà thôi! Có lẽ không phải tại mả nhà chúng tôi không "phát" mà tại ông bà tổ tiên chúng tôi muốn nghiêm phạt sự bất kính của chúng tôi đối với các ngài. Những chuyện lặt vặt ấy chép lại đây chỉ để tỏ rằng: cái lạy đối với tôi chả bao giờ có thể là một điều nghiêm trang, thiêng liêng cả. Và từ khi tôi đã có dịp rời khỏi quê nhà, và mỗi khi có trở về nữa, tôi cũng hết sức tìm cách để tránh lạy. Thực ra, những người khác, cũng sẵn lòng "chước" cho tôi cái lễ nghi phiền phức ấy.

– Thôi, chú nó mặc tây, miễn cho chú!

– Thôi để chú vái ba vái cũng được.

Cũng nhờ thế, đã lâu lắm, lạy đối với tôi chỉ còn là "chấp tay vái ba vái" nữa mà thôi. Xin ký nhận một điều này là tôi đã thực hành cái sự cải cách này trước cái dụ đức Bảo Đại khi ngài lâm chính. Vậy thì, một người đã cải cách cái hình thức ấy, đến nay lại trở lại với nó thì nghĩ có khổ tâm không? Nếu không, thì...

Tôi đã nghĩ kỹ, tôi đã cân nhắc. Những đêm dài tôi chỉ thao thức về cái việc "lạy" ấy. Cuối cùng tôi đã quyết định: tôi sẽ lạy, và tôi có thể nào làm khác được ư? Tôi bèn nhờ người đi mượn hộ một cái áo thụng xanh. Hai tuần, trước ngày cưới, và trước mặt các anh tôi, các chị tôi, và suốt ngày tôi phải "tập luyện" lại cái món thể thao cổ truyền ấy. Luôn luôn, tôi hỏi các chị tôi:

– Thế này đã được chưa?

– Còn thế nào ấy!

– Thế nào nữa mới được. Trời ôi!

Thú thật, tập rượt đến đâu, không bao giờ tôi có thể làm vừa lòng được những ngài "ngự sử" của tôi. Một là tại những lời đàn hạch của họ quá nghiêm khắc. Một là tôi chỉ là một người rất vụng về, xưa nay không làm một điều gì được gọn gàng chu đáo cả. Hai điều ấy, cũng có chỗ đúng cả. Làm cho tiêm tất 24 cái lễ – tôi biết – không phải là một việc dễ dàng gì!

Cho nên tôi cứ tưởng chừng như ngày hôm ấy sẽ có hàng trăm con mắt đổ dồn vào chú rể đã vụng về lại còn vụng về hơn nữa, và tôi sẽ nghe có tiếng xì xào xung quanh tôi, có thể làm cho tôi ngượng và để rơi cả cái khăn đội ở trên đầu:

– Này xem chú rể.

– Chú rể có vẻ ngượng nghịu làm sao chúng mày hỉ?

– Này, không khéo vướng phải phải đũng quần mà ngã bây giờ.

– Gớm, chỉ mới mấy lạy mà đã đổ bồ hôi bồ kê ra cả. Trông thảm quá.

Một vài tiếng sẽ binh vực tôi:

– Người ta ăn học tây. Từ bé có lẽ người ta...

Một tiếng khác sẽ cãi lại:

– Người ta là ông trời con đi nữa, người ta cũng phải biết lạy...

– Trừ phi là người ta không muốn lấy vợ.

– Muốn được vợ thì phải chịu khó chứ!

Tôi tưởng chừng nghe những tiếng xì xào như thế, và khi nghĩ đến cái dư luận nghiêm khắc sau này mà tôi đâm lo. Tôi biết những người ở phe nhà giai sẽ hết sức bao dung cho tôi. Nhưng còn những ông cụ râu dài ở bên nhà gái, chắc đối với tôi, lời đàn hạch của các ngài sẽ nghiêm khắc biết chừng nào.

Cũng may mà...

Về cái áo thụng xanh, người ta không phải khó khăn gì mà mới kiếm ra được... Mà tất cả việc gì cũng thế, không có một sự trở ngại nào đáng kể... Bên nhà vợ, tuy rằng chưa biết gia thế tôi, cũng không muốn làm khó dễ với tôi... Nếu có sự trở ngại là ở trong lòng tôi vậy: tôi tưởng như mình là hạng người, không thể nhất đán mà trở nên một ông rể ngoan ngoãn, thực hành đúng những lời trong cuốn sách của cổ truyền. Mà trước hết, sao mình lại phải là một chú rể... Xưa kia tôi thường ao ước, thường mơ mộng, thường tha thiết một điều là: ở mãi như thế, trọn đời, như một chàng tráng sĩ ở Liêu Đông, một mình, một ngựa rông bốn phương. Nơi nào có hoa nở, có trăng lên, có rượu uống, có gái đẹp, có đàn hay, thì sẽ có mình ở đó! Đời sẽ thích thảng biết chừng nào! Ung dung, tự tại biết chừng nào... Nhưng ai có qua những phút tự do – một thứ tự do không giới hạn, sẽ thấy tự do không còn quý hóa một chút nào! Ai đã ở giữa ngàn thâu và bể rộng một cách ngao ngán đến kinh sợ. Ta muốn trốn trước cái quãng dài rộng trước mắt ta bao trùm lấy ta. Những lúc ấy, ai lại không muốn rẽ núp vào một chỗ để cái nhân giới giang hồ của mình phải chắn ngang bởi những bức vách. Hơn thế nữa, tôi muốn rằng: con ngựa của tôi cột vào một bụi tre đầu xóm, tháng ngày ăn rào rạo những bụi cỏ hiền lành, vô tội, những bụi cỏ không ham say, không tha thiết. Tôi cũng cầu cho tôi một điều tương tự như thế: người ta sẽ buộc đôi chân tôi, với một dây chỉ hồng... Dây mỏng manh, nhưng sẽ không bao giờ đứt, vì chân tôi không hề cựa cậy nữa. Ai đã qua những giây phút, những ngày tháng tự do và lang bạt như tôi, một chiều kia sẽ có nao nức ở trong lòng, một mối cảm vô cùng tha thiết: chẳng hạn, người ta thấy quãng đường mênh mông ở trước mắt chỉ có thể làm ngao ngán mà thôi, và người ta muốn triền miên trong những hạnh phúc của một gia đình, hạnh phúc có lẽ ích kỷ, nhưng mà hạnh phúc rõ ràng chắc chắn... Trời ôi! Những ngày tháng đuổi

theo những bóng đẹp, những mộng bất thành, ngày tháng ấy tôi đã phí hoang đi, mà nào có ngắt hái được cái gì.

... Mưa chi, mưa mãi.
Buồn hết nửa đời xuân.
Mộng vàng không kịp hái?

Thực ra sao lại không? Có lẽ tôi không hái được một quả nào, một quả thực nào, nhưng mà bây giờ, tôi thấy lại ở trên đầu lưỡi, một cái mùi vị chua chát... Chỉ có cái mùi vị ấy là thực... Vậy thì khi có cái ý muốn nghiêng cái thân thế mình trên một thứ hạnh phúc dễ dàng, thu mình trên cái êm dịu của gối bông, tự xây dựng một gia đình nghĩa là một cái ổ trong từng ngày phong sương, thì đó chỉ là một điều dĩ nhiên mà thôi...! Mấy ai đã thấy cái thú được nằm yên để trôi theo cái dòng "dĩ nhiên" mà không hề cưỡng lại một tý nào!

Vậy thì tôi đã quyết lấy vợ... Dầu là mua bằng cái giá rất đắt, tôi cũng chẳng từ. Huống hồ, ở đây không có sự thách hỏi nào đáng sợ cả! Người ta chỉ muốn rằng: tôi là một chú rể, phải có hình thức một chú rể mà thôi... Điều kiện trước tiên là tôi phải khoác vào mình cái áo rộng xanh và như cổ tập đã muốn, tôi phải lạy đúng 24 lạy... Điều ấy, tôi đã làm. Mà làm thế nào, tưởng thuật lại đây, cũng là một điều thú vị. Nguyên quê vợ tôi cách xa quê tôi đến mấy tỉnh. Mà điều này mới ngoắt nghéo! Tôi muốn rằng đám cưới tôi là một đám cưới "tân thời", một đám cưới toàn ô tô... mà điều này mới ngoắt nghéo: nếu thuê ô tô từ quê tôi mà đi, thì thật là một sự tốn kém lớn mà cái "ngân sách đám cưới" của tôi không kham nổi. Tôi phải đi tầu vào một thành phố gần quê vợ tôi, rồi từ đấy, chúng tôi mới thuê ô tô. Muốn cho người ta có cảm tưởng rằng đây là một đám cưới bằng ô tô, thì ít nhất chúng tôi phải thuê đến năm chiếc. Nhưng do một sự trù tính sai lầm của mấy anh tôi, cái đám cưới từ quê ra đi, chỉ không hơn 10 người mà khốn nỗi không có một người đàn bà nào... Sở dĩ như thế, là tại: nhà tôi nhiều đàn bà quá, cho người này đi, thì sợ rằng mích lòng người kia... Mà những người đàn bà ấy là những chị dâu tôi, nghĩa là vào một hàng lứa với nhau cả. Nhưng khi vào đến đấy, chúng tôi mới sực nhớ ra rằng: không có đàn bà thì đám cưới sẽ bất thành, và sẽ là một điều khó coi, hết sức... Nhất là khi chúng tôi sực nhớ ra rằng, bên nhà gái có ngỏ ý cho biết là hôm ấy; nhà gái sẽ làm hai mâm cỗ rõ ràng: một bên đàn ông còn một bên đàn bà. Bên đàn ông, được rồi: chúng tôi đã có thừa lắm! Sẽ lấy "đàn

bà" đâu, cho bên nhà gái họ "tiếp"? Thật là nguy nan... Một người bàn rằng nên ra Huế "lấy" vào ít người, nhưng như thế là phải đánh "điện" khất nhà gái lại thêm vài ngày nữa mà hai ngày sau là hai ngày rất xấu... Tôi lại được cái rất dị đoan. Không bao giờ tôi lại chịu để hoãn lại... Nếu sau này, vợ chồng tôi đâm ra cãi cọ nhau mà đập hết bát đĩa, thì ai sẽ là người đền cho tôi? Cho nên dầu thế nào thì đám cưới cũng phải cử hành trong ngày đêm ấy. Cái áo thụng xanh, tôi đã mượn được rồi. Nhưng còn những người đàn bà, những cô thiếu nữ xinh như mộng, là phấn hương, là trang sức, là hoa hột của đám cưới thì ta lại không hề thấy? Ai là người sẽ không tủi cho điều ấy? Vợ tôi, sau này, biết đâu lại chẳng vin vào cái cớ rất chính đáng ấy, mà làm khó dễ với tôi, mà xin ly dị với tôi cũng nên. Tôi là người lo sợ thứ nhất. Tôi phải giục anh Hai tôi:

– Anh Hai, quen ai ở đây kiếm hộ mấy người?

– Chú em muốn tôi kiếm ai bây giờ, ở đây tôi cũng lạ lùng như chú...

– Còn anh Ba?

– Đàn bà! Thú thật tôi chả quen ai cả?

– Còn đàn ông?

– Thì nhiều lắm...

– Được rồi!

– Nhưng đàn ông, mình đã có thừa rồi.

– Chú Ba đến ngớ ngẩn... Hễ quen đàn ông là quen đàn bà... Mình nhờ vợ con người ta đi hộ cũng được chứ!

– À phải đấy! Nầy ở đây, tôi quen một ông Tham lục lộ, một ông Giáo, một ông Thông ga...

– Được rồi! Chú đi ngay cho, muốn mượn vợ, thì phải mượn cả chồng như thế mới tiện.

– Tôi theo anh ba tôi, đi tới những nhà ấy. Nhưng trong ba người ấy thì một người đã mất vợ là ông Tham lục lộ, ông Thông ga nhất định đi một mình mà thôi và cho như thế là đủ lắm rồi (làm sao họ hiểu được cái bản tâm của chúng tôi). Chỉ có hai vợ chồng nhà giáo là nguyên vẹn mà thôi. Và đến phút cuối cùng, chúng tôi còn bắt thêm được một cặp vợ chồng một ông thầu khoán già nữa. Bà vợ được cái bẻm mép.

Anh ba vỗ vai tôi mà nói:

– Chú em đừng lo. Có bà này thế nào cũng nổi đình đám.

Nhưng theo tôi, đàn bà mà làm nổi đình đám thì cũng là một điều đáng lo. Đến nay, tôi nghĩ tới điều ấy mà không sao khỏi buồn cười: trong đám cưới của tôi chỉ có hai người đàn bà mà một người thì rất "bẻm mép" còn một người thì lành như một hòn đất. Dầu sao, đó là cũng vẫn một điều rất tủi nhục cho tôi: trong cái đám cưới cả một đời người của tôi, lại không có lấy một người thiếu nữ, biểu dương sự trẻ trung và son đẹp.

Cố nhiên là hai người đàn bà mà chúng tôi đã mượn được đó, ngồi chung một xe. Bà thầu khoán, tinh ranh, biết là mình đương đóng vai gì, còn cái nhà bà giáo, thì trông bộ ngơ ngác, không hiểu sao mình lại có thể ở đấy. Thật là buồn cười mà cũng thật là đáng thương. Buồn cười cho những người khác, mà đáng thương cho tôi. Cũng may, bọn đàn ông chúng tôi cũng đã bù với được những sự kém cỏi về đàn bà. Những anh tôi, hôm ấy, đã tỏ rằng: mình là những người sành thạo có quyền nói: "Đời ta, đã được dự biết bao đám cưới sang trọng".

Đã tìm được người ấy rồi, chúng tôi không còn phải đợi gì nữa để cử hành lễ cưới. Chúng tôi thuê 5 chiếc ô tô. Bốn chiếc dành cho bốn người đàn ông – còn một cái dành cho người đàn bà ấy mà chúng tôi đã "tóm" được. Đến bây giờ tôi vẫn không làm sao có thể quên được, cái vẻ mặt ngơ ngác và bơ vơ của người đàn bà ấy, giữa cái đám cưới của chúng tôi. Có lẽ bà ta cũng không hiểu cái vai mình phải đóng là vai gì. Có một điều này là rất nguy cho chúng tôi mà cũng rất bỡ ngỡ cho nhà gái. Nguyên bên nhà gái họ tưởng rằng: đám cưới chúng tôi một nửa là đàn ông và một nửa là đàn bà, cho nên họ bày ra hai mâm cỗ rõ ràng mà họ gọi là "hai cái bàn độc" (theo kiểu các chú). Một cái bàn độc dành cho đàn ông, và một cái bàn độc cho đàn bà. Nhưng mà tôi chưa muốn nói tới cái ấy vội. Những cái xe hơi cưới – lẽ ra cứ vào thẳng bên nhà gái. Đằng này, theo luật thành phố sở tại – những xe hơi thuê – chỉ trừ 1 cái của nhà – đều phải bị ngừng lại ở ngoài thành phố. Cũng may, điều ấy chúng tôi biết trước, nên chúng tôi đã đánh điện để thuê một cái khách sạn nho nhỏ đặng làm nhà cưới. Nói rằng "nhà cưới" thì không đúng – vì chúng tôi chỉ coi đó là một cái trạm để dừng chân và sửa soạn trước khi tới nhà gái... Ở đấy, chú rể, phải cởi âu phục mà khoác lễ phục đám cưới nghĩa là

khoác vào mình một cái áo gấm, một cái quần lụa, đội lên đầu cái khăn đóng "chữ nhơn". Cái chữ "nhơn" ấy ở trên đầu như nhắc cho tôi biết rằng: "Anh là một người, một người lớn, hãy coi chừng!". Mà thật vậy, trong tâm hồn tôi, từ phút này có một sự đảo lộn. Tôi thấy rằng, cái "cánh cửa niên thiếu" đã đóng ập lại sau lưng, tôi đã bước vào một thế giới khác. Mấy anh tôi, ngắm nghía tôi và nói một câu nửa đùa, nửa thực: "Chú em đừng có lờn khơn nhá. Chú nên nhớ hôm nay chú đã là một người chồng. Và ngày rày năm sau chú sẽ là một người cha". Tôi cũng biết rằng: trong cái vẻ mặt, trong cái giọng nói ấy, có một cái gì rất nghiêm trọng mà tôi không thể đem ra đùa được. Nhưng khi tôi nghĩ rằng: những người vừa lên giọng đàn anh mà khuyên tôi đấy xưa kia, cũng chỉ là những đứa bé tinh nghịch hay đùa gãi vào lòng chân tôi trong lúc tôi lạy..., thì tự nhiên, tôi thấy xung quanh tôi, trước mặt tôi, không còn có cái gì là nghiêm trang là đứng đắn nữa. Tôi sợ cái ý tưởng ấy cứ ám ảnh tôi hoài thì thật là nguy. Trong lúc ở trong một cái không khí trầm hương nghi ngút, giữa một cuộc lễ nghiêm trọng, giữa những vẻ mặt đứng đắn mà cái ý nghĩ nguy hại ấy lại cứ đến ở trong tôi. Bỗng dưng giữa lúc mọi người đều chú mục vào cả tôi, mà tôi nghĩ ngay đến những thằng bé tinh nghịch trong thời thơ ấu – rồi tôi phì cười, thì không biết những ông cụ râu tuyết ở bên nhà gái sẽ đối với tôi thế nào. Việc ấy mà xảy ra, thiên hạ sẽ nhìn tôi bằng con mắt nào! Và không chừng, tôi có thể mất vợ là khác nữa. Cũng may "ý nghĩ" tinh nghịch ấy, chẳng dám đến trong giờ phút nghiêm trọng này. Tôi đã đội cái khăn chữ nhơn trên đầu, một cách rất đứng đắn. Nói một cách khác, tôi là một người rể hoàn toàn, người ta không thể trách vào đâu được. Tôi đã làm 24 lạy, với tất cả sự thành thạo, sự khéo léo của một chú rể An Nam. Trong khi lạy, tôi lên gối, xuống gối, tôi nâng tay lên trên hay chấp tay xuống ngực một cách gọn gàng, chăm chỉ, khiến cho trong đám đông có tiếng xì xào khen tôi: "– Kể thì cũng lành nghề lắm! Chắc gã ấy cũng đã luyện tập riết mới được như thế!...". Mà chính tôi, tôi cũng phải ngạc nhiên về tôi. Thật tôi không ngờ tôi có thể là một chú rể. Mà lại là một chú rể "cừ" nữa! – 24 lễ làm xong, tôi thấy nhẹ hẳn người đi. Và cho đó là món "cheo" nặng nhất trong đời tôi đã trả xong. Anh hai tôi phải rỉ vào tai tôi để tỏ lòng cảm phục: "Kể chú em còn khá hơn tôi ngày xưa nhiều lắm!". Sau này, bà nhạc tôi cũng cứ tấm tắc khen tôi mãi: "Chà con không biết đấy, chứ lúc bấy giờ má sợ lắm, má chỉ sợ con lạy không quen, vướng phải đũng quần mà ngã...".

Té ra, tôi đã làm xong 24 lạy, người ta coi như là tôi đã làm được một sự phi thường. Nhưng thực ra, đám cưới không phải chỉ có thế. Sau cuộc lễ, còn có "cỗ" nữa. Như trên kia đã nói, đám cưới của tôi chỉ có một người đàn bà mà thôi. Nhưng nhà gái không ngờ như thế họ "đề" ít ra cũng có năm bảy thiếu phụ hay thiếu nữ, trẻ trung, xinh đẹp, nghĩa là những độc giả xứng đáng với cuốn thơ kia là các cô dâu. Và chung quanh cô dâu là những ngôi sao hầu, cũng không kém phần rực rỡ... Có ngờ đâu, cái rực rỡ của những vì sao như lòe chiếu ở chỗ không người. Tôi quên làm sao được cái cảm giác lạnh lùng. Khi tôi ngoảnh trông về mâm cỗ đàn bà, nếu chỉ có những cô con gái thì chính lại là ở phe nhà gái. Rồi tôi nhìn cái đầu tóc hoa râm của người đàn bà kia đại diện cho phe phụ nữ nhà giai, thì tôi không khỏi "tủi". Nhưng thực ra, người đàn bà ấy là một tay ăn nói "cự phách" trong nữ giới. Nếu đôi khi, tôi nghe thấy những tiếng nói đanh thép trùm hết cả bữa cỗ thì chính là tiếng nói của người đàn bà ấy. Tôi chỉ tiếc rằng: nước ta chưa có đàn bà làm nghị viên, để cho những người như thế có thể trổ tài hùng biện. Vì rằng ở nước ta, nếu có một nền văn chương rất phong phú, ấy là cái nền văn chương của phụ nữ. Riêng nói về sự hùng biện thì hôm ấy, ở mâm cỗ đàn ông, cũng có nhiều người đã tỏ rằng mình là tay "cừ". Nhưng toàn là những người đã nói, sau khi rượu vào. Vậy không biết rượu nói hay người nói.

Anh Tú tôi là người nói đầu tiên. Anh thay mặt nhà giai kể lại cái lai lịch cuộc hôn nhân của hai đứa trẻ. Có lẽ không giữ mình được ở trên cái dốc yên sĩ, anh tôi đã khởi câu chuyện của mình, và nói rộng đến vấn đề hôn nhân ngày nay. Một diễn giả nữa thay nhà gái, nối lời anh tôi. Ông này, cũng không kém trôi chảy, và biểu đồng về tất cả những ý kiến mới mẻ của anh tôi về việc hôn nhân. Mọi người ở đây, hôm nay hình như toàn là những kẻ muốn đổi mới cả. Duy có tôi là không hiểu sao, tôi vẫn đóng một bộ quốc phục nặng nề tàn nhẫn, vẫn giữ lấy cổ tục trong lúc mọi người đều theo mới. Thiếu một tý nữa, tôi đã đứng dậy và tưởng mình cũng là một diễn giả. Cũng may, tôi vẫn nhớ tôi là một chú rể, nghĩa là người phải chịu đựng tất cả những điều khó chịu, những sự phiền toái của cổ tục. Nếu không chịu như thế, thì có một cách là tôi đành để mất vợ. Hôm ấy, từ hôm ấy và đến suốt đời tôi còn phải đóng lên đầu chiếc "*khăn chữ nhơn*".

Tôi không muốn thuật lại đây cái đêm đầu tiên của cuộc phối hợp, của cuộc đời công cộng. Cái đêm đã cho người ta những cảm giác

vừa sỗ sàng, vừa gắn bó, những cảm giác vừa lả lơi, vừa nghiêm trọng, vừa rộn ràng, vừa bi thiết. Một thế giới cảm giác, mở ra trước tâm hồn ta. Đến nay tôi tưởng chừng như những cảm giác mãnh liệt ấy, còn reo ở trong da thịt tôi, và cho tôi một cái dư vị xót xa, thèm tiếc: thèm tiếc một cõi thiên đường đã vỡ rồi:

Còn đâu những giờ nhung lụa
Tình ấp trong chăn
Mộng trùm trên gối
Rượu tân hôn không uống cũng say nồng!

Cái thú không phải là đã có một cảnh thiên đường, mà là được mất một cõi thiên đường, đã có một thiên đường ở trong dĩ vãng, ở trong duyên kiếp. Không còn gì làm cho ta thèm muốn hơn là khi theo làn khói thuốc xanh, hay là trong hớp café cuối cùng, ta đã tìm lại được cái dư vị của một cõi thiên đường, của những ngày hoan lạc mà ta đã được qua trong một kiếp này hay trong một kiếp trước. Vì rằng sự đau đớn đi qua, bao giờ cũng để lại những ấn tượng sâu mạnh. Còn như sự sung sướng ở trong ký ức của ta, bao giờ cũng hiện ra như một cái bóng xa mờ. Cho nên, những ngày giờ nhung lụa đầu tiên của tình ái có lẽ vừa qua trong đời ta, mà tưởng chừng như đã lâu lắm, làm cho ta dễ có cái cảm giác sảng khoái rằng: ta đã có một tiền kiếp xa xôi. Mà cái hôm động phòng chẳng hạn, là một cái đêm của ta ở một kiếp nào, giữa cái ánh sáng xanh dịu của tiên nga. Ôi! Những làn gối trắng tinh, không có một dấu vết, những nệm bông như muốn lún, lún thêm mãi dưới làn da thịt, một cái không khí thanh tân. Những cảm giác say sưa thú vị, một cảnh thiên đường. Đó không phải là những cái mà ta có thể tìm thấy hai lần. Cảnh thiên đường ấy, mỗi ngày, rơi một mảnh cho đến lúc vỡ tan tành. Tôi không dám nói xấu cuộc đời, nhưng tôi không thể giấu được sự thực. Sự thực là với cái đêm đầu tiên của cái cuộc đời công cộng của hai tâm hồn, người ta đã đi đến chỗ tuyệt đích của hạnh phúc. Hôm qua còn là sự tiến tới, sự lên cao, nhưng hôm nay là sự thụt lùi, sự xuống thấp. Hôm qua người ta mở mắt ra trước những cảnh tượng mỗi phút mỗi thay đổi, người ta đi tới những miền xa lạ, nơi đợi chờ muôn cảm giác bất ngờ, hôm nay người ta đi xuống một cái dốc, và soát lại những cảnh đã cũ, đã quen mắt. Cái dốc ấy đưa người ta từ một "đỉnh mộng" đến cái "hố đời". Ở Âu Tây, người ta có một quan niệm rất thiết thực và rất đầy đủ về hạnh phúc. Người ta

ước ao được luôn luôn sống một cuộc đời sôi nổi, đầy nguy hiểm, và trong một lúc, có thể sống được 10 cuộc đời. Người ta muốn "nhân" cái bản lãnh lên mãi. Người ta muốn có muôn cánh tay để ôm ghì lấp cuộc nhân sinh, người ta muốn có muôn mắt để toát ra muôn luồng điện. Người ta ước ao một sự phong phú đến cực điểm. Người ta muốn giàu về tiền của, giàu về cảm giác, giàu về sự vui, và giàu về sự buồn, người ta muốn sự đau đớn ngang với sự thích khoái. Nói tóm lại, người ta uống cho đến hớp rượu cuối cùng, dầu hớp rượu ấy đã đưa lại cho người ta một mùi vị chua chát, hay đắng cay. Người ta cầu sự vui, nhưng người ta cũng không sợ sự đau khổ. Người ta là hạng người thiết thực: người ta không mơ ước một cảnh thiên đường xa xôi và huyền diệu ở ngoài cõi thế. Cảnh thiên đường của người ta là ở ngay trong cõi đời của mình, ở trong cái cõi này mà người ta có những sự đau khổ để làm đượm thêm những sự sung sướng của người ta. Không gì buồn chán bằng một thế giới chỉ có những ngày nào cũng giống ngày nào, quanh năm hay trọn kiếp người ta sống trong những sự đàn địch múa hát, sống trong sự huy hoàng, kiêu xa và không hề biết có sự thiếu thốn, sự lo âu, sự đau buồn. Đó chỉ là cảnh thiên đường của những người tàn tật đã mất hết những quan năng để hưởng thụ. Đó là một cuộc đời thiếu hụt, một cuộc đời bị giam cầm, một cuộc đời bị cắt xén. Nhưng những người đầy sức khỏe ở tận phương Tây kia, những người muốn đập mạnh, muốn vươn xa, những người đầy khí lực, đầy ham muốn, chỉ ao ước một cõi rất giàu thịnh, một quả đất rộn ràng vang động muôn nghìn tiếng rạn nở, một quả đất âm thầm mà chan chứa những ham say, những điên cuồng. Họ là "người" cái giống người hoàn toàn đầy đủ. Cho nên hạnh phúc của họ là sự liên tiếp vô hồi của những ham muốn, những đê mê.

Mục đích của sự sống, với họ, chỉ là sự sống mà thôi. Và sống tức là hưởng thụ, hưởng thụ cho cạn, cho hết, hưởng thụ cho đến tuyệt cùng. Và với họ, chỉ có những cảm giác là "thực" mà thôi! Nhưng họ không phải là tất cả cái giống người đã rải rác khắp quả địa cầu. Hơn một nửa, than ôi! Chỉ là hạng người đi ở đây, mà mơ tưởng ở kia, chân ở quả địa cầu mà hồn gửi ở cung trăng. Hơn một nửa giống người sống giữa sự thực, đi bên cạnh cuộc đời, mà như bơi trong một giấc mộng. Hơn một nửa giống người đã đau ốm, đã tật tàng, không còn biết hưởng thụ, không biết thâu nhận những cảm giác, một giống người sợ sống, mà thích lịm hồn trong mộng ảo hão huyền. Người ta đã tưởng tượng ra một cảnh thiên đường, xa xôi, bất thành, để mơ

ước. Người ta muốn thu hẹp cả cái sự thực sâu xa, mênh mông vào trong một giấc mơ xinh đẹp. Giữa hưởng thụ và mơ ước, người ta đã chọn sự mơ ước. Với hạng người này, hạnh phúc chỉ ở ngoài cuộc đời, càng lún sâu vào cuộc đời, người ta tưởng chừng như bị che lấp, bị giam cầm bởi cuộc đời vì người ta quên rằng ở trong lòng cuộc đời, cũng đã có đủ những vật liệu để xây dựng một cảnh thiên đường. Cái quan niệm sai lầm ấy than ôi! Đã làm thiệt mất gần một nửa cuộc đời của kẻ thư sinh này!

Xưa kia, tôi chỉ biết có một sự mơ ước. Và tôi tin rằng: cũng chỉ có thể có một cõi thiên đường là cái đêm đầu tiên của Tình của Mộng. Cõi thiên đường ấy, với tôi, không còn gì nữa, và từ ngày ấy, cuộc đời tôi đã xuống một dốc ác hại. Nhưng thực ra, tôi có mất nhiều như tôi tưởng thế không. Trước mắt tôi, tôi còn có trọn cả một cuộc đời, cả một cánh rừng hoang, mênh mông cho tôi khai khẩn. Vâng, tôi sẽ khai khẩn cái cuộc đời của tôi. Bao giờ, với tôi cũng chỉ là một sự bắt đầu. Cả một thế giới cũ đã đóng lại. Nhưng một thế giới mới đã mở ra. Một cảnh thiên đường khác cũng đã lại hiện nữa.

Xưa kia là thiên đường của tuổi mơ mộng. Bây giờ đã là thiên đường của cuộc đời. Không, mỗi tuổi, có một thú. Mỗi tuổi, có một thiên đường. Péguy, một nhà văn cận đại ở Pháp đã nói: "Tôi đã lập ra một đảng những người bốn mươi tuổi?".

Ừ nhỉ? Tại sao không? Ta lại không lập ra một đảng 30 tuổi. Bốn mươi tuổi mà người ta còn tưởng như ở giữa cái tuổi niên hoa. Thì sao ta đã muốn già rũ giữa cái tuổi ba mươi? Riêng tôi nghiệm thấy rằng: không một cái gì đã chết hẳn đi, mà không nẩy nở một cái gì khác. Tôi đã mất đi một "Chiếc cáng xanh", một bà mẹ, một đứa bé đầy mộng ảo là tôi. Cái hình ảnh của tôi ngày xưa, tôi đã mất cả một thế giới, cả một thời. Nhưng mà nào tôi đã mất hết. Hôm nay dừng lại trong một cái quán, để ngoảnh lại xem con đường mình vừa đi. Tôi thấy rằng: những việc đã xảy ra tôi đã quên đi hầu hết, mà ác hại! Tôi chỉ còn thấy cái dấu vết ghê lạnh của những cảm giác đi qua trong tâm hồn tôi, trong đời tôi.

Nếu tôi không nhớ lầm, thì tôi đã đi cáng nhiều hơn là đi đò. Mỗi cái đều có một cái lẽ sở dĩ. Chúng tôi đi cáng là những lúc chúng tôi muốn vào làng ngoại, để dự những ngày ky, ngày chạp. Còn khi chúng tôi đi đò, lại có một mục đích khác. Nguyên lúc mẹ tôi về với thầy tôi, ông ngoại tôi có cho mẹ tôi một cái khế là 10 mẫu ruộng.

Mười mẫu ruộng ấy là về hàng ruộng tốt, nên hoa lợi hàng năm cũng khá. Đấy là thầy mẹ tôi không tiện làm lấy, cho nên phải cho người ta "làm rẽ" và mình chỉ được thu một phần nửa mà thôi... Nhưng cái "phần nửa" ấy cả nhà tôi không dùng hết phải đưa ra bán. Thày tôi không có tiền hưu trí, phải mong ở lấy tiền bán thóc mà tiêu dùng hàng ngày... Tôi nghĩ lại, sự tiêu dùng cần kiệm của nhà tôi thuở bấy giờ mà không khỏi bồi hồi cảm động. Nếu sự phung phí có cái vẻ to tát, rộng rãi của nó, thì sự cần kiệm cũng có một vẻ dịu dàng khả ái. Nhưng hình như tôi đã muốn nói ra ngoài câu chuyện.

Cái hoa lợi hằng năm ấy, nếu là năm được mùa thì chúng tôi vào chở một lần. Nếu là năm hung hạn, thì chúng tôi phải để hai năm mới vào chở. Thường thường thì ruộng ấy làm được hai mùa: mùa tháng năm và tháng mười. Mà cũng có năm chỉ làm được một mùa thôi. Vì lẽ ấy, có khi 3, 4 năm chúng tôi mới vào chở một lần cũng có, điều này thì họa hoằn. Mà chở thì bao giờ cũng chở bằng đò. Cứ đầu tháng tư, cả nhà tôi đã sửa soạn đò nốc, trai hạn để đi chở lúa. Thật là những nhịp rất hay đến để làm náo động cái cảnh gia đình hiu quạnh.

Lúc đi, mẹ tôi sắm đồ ăn trước mấy ngày. Mẹ tôi kho thịt khéo lắm, và có một thức ăn làm cho khắp vùng tôi ai ai cũng phải khen ngợi: ấy là món cá tràu (cá quả) kho rim. Mẹ tôi kho khéo quá có thể cất để hàng tháng được, và càng để lâu càng ngon một cách lạ. Không những cá tràu mà cả những thứ cá khác, mẹ tôi kho cũng có tiếng. Tôi nhớ rằng cứ vào độ tháng 10 tháng 11 là lúc biển hay mù, có cá ngon. Mà trong những thứ cá biển ở vùng tôi, người ta cho cá ngứa, và cá nhợ là quý hơn hết. Mỗi khi có những người "làng rào" có con "ngứa" hay "con nhợ" thì thế nào họ cũng mang vào cho mẹ tôi, thường thường thì để đổi lấy thóc, nhưng cũng có khi lấy tiền, những đồng tiền kêu lẻng kẻng một cách vui vẻ biết bao! Chúng ta ngày nay ở vào một cái thời mà những bạc chỉ bằng giấy, ta nhớ lại tiếng kêu của đồng tiền, đồng hào, hay đồng bạc bà đầm, thì không thể không bồi hồi...

Những "con ngứa" hay những "con nhợ" ấy, mẹ tôi mua từ tháng 10 mà để dành đến Tết mới đưa ra ăn, có khi, ra tết rồi mà còn cá kho để ăn với bánh chưng.

*

Mỗi lần đi như thế, cũng thuê đến ba chiếc ghe lớn, và tất cả gia nhân trai bạn, người chèo kẻ chống cũng đến vài chục người. Tất cả nhà tôi không sót một người nào là không đi. Nhà cửa thì giao cho một người tớ già săn sóc. Ngày nhổ sào đi, tôi đứng trên mui thuyền trông cái cảnh tấp nập xung quanh, tôi tưởng tất cả chúng tôi là một đội thủy thủ bạo dạn sắp theo một cuộc chinh phục xa xôi và dữ dội. Ba chiếc đò, cũng đợi gió nồm là cùng giương buồm lên, băng ra giữa vời sông, lướt theo nhịp hồ khoan của người giữ lái.

Tôi không nhớ lần ấy là lần thứ mấy tôi theo thầy mẹ tôi về quê ngoại. Nhưng tôi quên làm sao được những giờ êm dịu tôi nằm ở khoang đò không có mui và tôi lặng ngắm vòm trời sao, khi tiếng hò của các trai bạn vừa ngắt. Dầu là một đứa trẻ mà tâm hồn tôi lúc bấy giờ như thoát ly khỏi cái xu xác nặng nề, và như đưa đẩy bởi cái điệu nhịp êm đềm của các vì sao. Rồi trầm ngâm hằng giờ cho đến khi thiêm thiếp đi mà không biết. Khi tỉnh dậy thì gà đã bắt đầu gáy sáng, và đò chúng tôi đã ghé vào một cái bến. Sông Ngân Hà bấy giờ đã bạc phếch. Tôi nghe có tiếng đọc rì rầm, tiếng nghe có khi tha thiết có khi buồn nhọc. Ấy là lần đầu tiên tôi nghe những người đạo Thiên Chúa đọc bài kinh sáng của họ. Và cái bến chúng tôi vừa ghé vào chính là bến Thanh Lăng.

Bến Thanh Lăng! Cái tên khêu gợi như tên một xứ huyền diệu của nước Tàu cổ.

Tôi nhớ năm nào thuyền chúng tôi cũng ghé lại cái bến ấy để cho thầy tôi lên bờ thăm một người bạn cũ của thầy tôi, một người bạn đồng liêu, làm đến Chưởng Ấn rồi về hưu. Quan Chưởng lúc bấy giờ đã mù cả hai mắt, ngài không đọc sách được, mà vườn tược đối với ngài, cũng mất đi một phần thú vị lớn. Nhưng cũng nhờ thế, cái cảnh nhàn ngài dành cả cho văn thơ. Ngài là một tay thơ nôm có tiếng thuở bấy giờ ở vùng tôi. Thời thường, thầy tôi đọc thơ ngài cho nhiều người nghe. Có điều là trước mặt con cái trong nhà, thì thầy tôi chẳng bao giờ đọc đến những câu thơ rất suồng sã của nhà thi sĩ ở bến Thanh Lăng. Một hôm, tôi cũng nghe trộm được trọn một bài, hình như là một bài "nhà trò" mà thầy tôi ngâm lại cho một người bạn già cùng nghe. Tiếc rằng bài hát nhà trò ấy, đến nay, tôi chỉ còn nhớ có một câu:

Mặc son phấn bên mình cọ kẽ...

Ừ mà cái câu thơ trai lơ thật! Bởi thế nên thầy tôi không muốn những câu thơ như thế lọt tai chúng tôi. Như chương trên đã nói, thầy tôi là một ông nhà nho chính tông, dạy con theo một giáo dục cực kỳ nghiêm khắc. Thú thật, bây giờ những câu thơ như thế, tuy không hiểu lọn nghĩa, tôi cũng lấy làm thích thú vô cùng. Nhớ được một câu, ngâm to lên trong lúc vắng người, tôi tưởng có cái thú được nếm một mùi vị khác thường, cái mùi vị của quả cấm. Nhiều khi hiếu kỳ, tôi muốn biết mặt đến cả cái con người đã đẻ ra những câu thơ lẳng lơ ấy, tôi xin phép được bưng điếu theo thầy tôi, vào cái "nhà lẩm" bí mật kia, sau những rặng tre lồ ô. Nhưng chả bao giờ tôi được cái may mắn vào thăm nhà thi nhân ẩn dật. Thầy tôi kiếm đủ lẽ để bác sự yêu cầu của tôi.

– Con đi mần răng được. Từ bến vô nhà còn ngái lắm. Mà đường thì quanh co, gai nành lắm, không có guốc có giầy thì đi răng được...

Thuở bấy giờ, thực ra, những ngày hội to lễ lớn, thì tôi mới được đánh cái áo địa xanh, đeo cái khánh bạc, và xỏ đôi giày kinh, một thứ giày dừa mũi cong. Nhưng ngày thường, thì tôi chỉ đi chân không mà thôi. Làm gì có cái đôi guốc gỗ mà kéo. Vì thế thầy tôi không cho tôi lên bến. Đến nay, cách đấy đã gần 20 năm rồi, tôi cũng chưa có nhịp nào bước chân lên bến Thanh Lăng để thăm nơi ở của nhà thi sĩ thân yêu. Ngày xưa có tên tiểu đồng trỏ vào núi mà nói với khách:

– Nhà thầy ta ở sau cái mù mịt ấy của ngàn núi.

Tôi cũng chỉ dặn với mình: "Trong cái bến Thanh Lăng bí mật ấy, một nhà thi sĩ đã sống và đã chết rồi".

Vì nhà thi sĩ ấy chết trước thầy tôi một năm. Thầy tôi có làm hai câu đối nôm để viếng ông bạn của cả một đời mình; bấy giờ thầy tôi cũng đã già yếu lắm rồi, không còn biết thương tiếc nữa. Chỉ có tôi, đương học ở kinh, tình cờ được nghe tin cụ Chưởng chết, tôi lấy làm thương tiếc vô cùng. Tôi tưởng như cả một quãng đời, cả bến Thanh Lăng đã chết ở trong lòng tôi vậy.

*

Nhưng hình như tôi đã bỏ dở câu chuyện.

Khi thầy tôi lên bờ thăm ông bạn già, thì mọi người ở trong các thuyền đều đã dậy hết. Trong lúc ấy, tiếng đọc kinh của những nhà ở

bến Thanh Lăng đã nghe thưa dần. Trời vừa hửng sáng. Tôi ngồi trông ra ở phía "bậc". "Bậc" bị nước sông ăn sâu vào, cho nên ở nhiều chỗ trông như những cái hang tối, đất đỏ ối như đất núi. Và trên "bậc" là những vạt ruộng, dâu xanh – không phải là những vạt ruộng, chỉ là một đồng dâu mênh mông.

Mẹ tôi nói với một người đầy tớ già:

– Chà các chú coi năm nay dâu tốt quá, ở miền này có vẻ tươi hơn ở miền ta nhiều lắm.

– Có lẽ ở đây, vừa rồi có mấy trận mưa.

Bỗng mẹ tôi như không lưu ý đến câu đáp, quay lại nói với chị tôi bằng một giọng lo âu:

– Này con, mẹ sợ đi vắng, mụ Vấn ở nhà không coi hết những nong tằm. Tằm đã ăn lên, "quấy" lắm.

Rồi từ đấy mẹ tôi bỗng dưng mất vui và không hứng nói chuyện nữa.

Tôi biết lắm! Ở trên đời này, có hai thứ sinh vật đã "quấy" người mẹ hiền ấy, làm cho bà mất ăn mất ngủ: ấy là những đứa con của bà, và những nong tằm... Đời mẹ tôi, tôi đã nhiều lần nói – thật là một sự hy sinh vô hồi. Những đứa con lên một, lên ba, đến lên 10 – cho đến khi thành gia thất. Và những lứa tằm "vừa mới nẩy, cho đến lúc ăn lên, cho đến khi chín, và "hóa ngài", và kén, và kéo dệt tơ. Than ôi, đếm làm sao được những ngày giờ ngay ngáy, lo âu, của người đàn bà ấy, ở bên cạnh những đứa con và những nong tằm!"

Đến nay mẹ tôi đã chết. Mà cái nghề tầm tang cũng đã chết ở trong làng tôi rồi. Tôi còn quên làm sao được những thời kỳ đẹp đẽ của sự chăn nuôi, những cảnh đầy thơ, đầy êm ái, đầy tôn nghiêm của nghề tầm tang. Tôi quên làm sao được những mảnh trăng rơi đầy trên những ruộng dâu... Tôi quên làm sao được những tiếng đều đều của guồng xa. *Nhưng nhờ cái gì mà tôi nhớ được mãi cả một thời dĩ vãng* và *không để rơi rớt mất một giọt thơ, một hạt ngọc. Ấy là tại... tại...*

Vâng, tôi không ngần ngại gì mà kể lại đây cái nguyên nhân ngớ ngẩn đã cho tôi trở nên một người khách của văn thơ.

Cũng chỉ tại lúc bấy giờ, tôi theo một sự tin tưởng mấy mươi đời, mẹ tôi lượm những con "ngài hóa" (một thứ nhộng vàng) để dành cho

đứa con thân yêu của bà. Tôi còn nhớ như mới hôm qua, lời mẹ tôi nói với tôi giữa hai bã trầu:

– Này! Con cố mà ăn đi! Nuốt đi! Con sẽ sáng láng hơn người.

Thì ra mẹ tôi muốn tôi nuốt những con rộng vàng để trở nên một người sáng láng. Những con rộng ấy không biết có đưa lại cho tôi một sự gì không. Nhưng quyết đến ngày cuối cùng ở trên cõi thế, tôi cũng không thể nào quên được cái tấm lòng, tôi nói cả một tấm lòng ấy, là tấm lòng mẹ đối với con. Chép lại truyện này, tôi xin dâng trả lại mẹ tôi những cái gì là hương là hoa ở trong tôi, ở trong đời tôi, đời một văn sĩ tầm thường.

*

Tôi đã nói ở những chương trên rằng: cuốn truyện này không phải là một cái tiểu thuyết như trăm nghìn cái tiểu thuyết khác nghĩa là phản ảnh của cuộc đời. Đây chính là một cuộc đời với tất cả những điều vụn vặt, những sự phiền toái, với tất cả những sự lộn xộn của nó. Không nên tìm thấy ở đấy một thống hệ hay một trật tự nào. Dầu là một kẻ ngăn nắp đến đâu, cái cuộc đời của họ cũng không phải là một sự thực nghiệm, đúng với sự tính toán của họ. Cái đặc tính của cuộc đời chả phải là sự tự nhiên có thể, nó dàn xếp, sắp đặt theo một định ý nào, một định ý màu nhiệm mà ta không thể biết được, nhưng trong cái công trình ấy là cuộc đời không bao giờ người ta thấy dấu vết của một bàn tay, của một nhát búa, của một mũi kim, của một nét bút, của một sự trù tính nào. Không có một chút dấu tích nào của sự uốn nắn, của sự đẽo gọt. Đấng đã tạo ra một cuộc đời là một nghệ sĩ hoàn toàn. Sở dĩ có sự nhận xét như thế là vì trong cuộc đời của tôi, tôi không thấy một cái gì là giả dối, là gượng gạo như tôi thường thấy ở trong một cuốn tiểu thuyết vụng. Một là, khi tường thuật lại đây, tôi theo cái trật tự, nghĩa là cái lộn xộn tự nhiên của cuộc đời hay là sắp đặt nó lại theo cái thứ tự của giống người, cái thứ tự của luân lý. Tôi đã lựa điều thứ nhất và hy sinh điều thứ hai. Trong cuốn truyện này cuộc đời của tôi, hiện lại, sống lại trong ký ức tôi thế nào, thì tôi mang nó xuống giấy, y như thế. Có lẽ tôi đã bỏ sót nhiều việc – vô tình hay hữu ý – nhưng mà cuộc đời của tôi nó không quan hệ ở những ấn tượng của nó ở trong tâm hồn tôi. Tôi chỉ dựng lại đây một cuộc đời tình cảm, một thế giới

cảm giác. Xin các bạn đọc biết cho rằng: những "việc chả quan hệ một tý nào", ở đây, chỉ cốt để chứng nhận một điều gì. Chứng nhận một giai đoạn của tâm hồn chẳng hạn. Không nên cho những việc một sự quan trọng mà nó không có.

Có một điều mà từ trước tôi chưa kịp nói – nhưng chắc độc giả cũng đã nhận thấy – ấy là cái sự trống trải ở trong cái cuộc đời tình cảm của tôi, sau khi một người đã bỏ tôi mà đi. Người ấy chính là mẹ tôi. Mà từ đấy không ai thay thế được mẹ tôi hết. Thầy tôi, các anh chị tôi cũng không thể nào lấp được cái trống trải của tôi. Phải đợi đến ngày trong đời tôi, một người đàn bà khác lại đến. Người đàn bà sau mẹ tôi đó, đã đưa lại cho tôi biết bao dịu ngọt, êm đềm, biết bao âu yếm, biết bao tươi vui, biết bao ấm cúng. Người ấy đã tạo lại cho tôi một gia đình. Nhưng tôi phải nhận rằng: với người đàn bà ấy, không phải là sự trống trải vẫn còn, nhưng thật ra, mẹ tôi chưa thật là hoàn toàn, được có người thay thế. Tôi vẫn có cảm tưởng rằng: mẹ tôi đã ở xa, rất xa tôi rồi.

Kịp đến lúc một "sinh vật" cỏn con khác ra đời mới lại bù được sự thiếu thốn to tát của tôi. Tôi còn nhớ mãi cái đêm hôm ấy, lần thứ nhất trong đời tôi, tôi nghe có tiếng trẻ con khóc. Tiếng khóc ấy lúc đầu làm cho tôi ghê rợn. Tôi nghĩ đến cái thế giới mầu nhiệm mà đứa bé ấy vừa từ giã – vì bao giờ tôi cũng ví dụ rằng: nó phải từ một thế giới nào mà lại – mà tôi hơi sờ sợ. Tôi thấy rằng: nó có trên lưng, một dĩ vãng nặng nề hơn tôi: tôi không muốn tin rằng nó là một đứa bé. Tôi nhận ra cả cái đạo Phật huyền bí còn sống ở trong tâm hồn tôi, chỉ còn có thế. Cũng may, cái tư tưởng mà tôi gọi là "bất nhẫn" ấy, cái tư tưởng ấy sẽ tan ngay, kịp khi tôi thấy mặt đứa bé. Tôi sung sướng và cảm động biết bao khi tôi dần dần nhận thấy rằng từ cái miệng, cái trán, cho đến đôi mắt – nhất là đôi mắt – đều giống tôi y hệt. Không những sung sướng, tôi còn thẹn thùng nữa. Mà không hiểu thẹn thùng vì sao?

Mỗi ngày tôi tìm thấy ở nó, một cái hình ảnh hoàn toàn về tôi, một cái ý bất diệt về thân thế tôi. Từ đấy, tôi mới thấy rằng cuộc nhân sinh không có thể bi quan được nữa, vì mình sẽ được có người thay thế để dự chứng cái hậu lai man mác. Sự thẹn thùng dần dần đổi thành lòng âu yếm. Tôi không thấy xa đứa trẻ nữa, mà cũng tưởng như gần mẹ tôi hơn. Cho đến một ngày kia, ở bên tôi, mẹ tôi đã được hoàn toàn thay thế, mà thay thế bởi một đứa bé. Ấy là

lúc cái tình "cha con" bắt đầu nảy ở trong lòng tôi. Và cái tình ấy mới làm sống được cái tình mẹ con tôi ngày trước. Tôi yêu đứa bé với tất cả sự âu yếm của một bà mẹ. Tôi theo dõi với sự vui mừng tăng lên mãi, tôi theo dõi cái sự nảy nở của tâm hồn trẻ dại ấy. Đứa bé lớn ở hình vóc của nó và ở trong lòng tôi. Tôi có cảm giác rằng cạnh tôi đã mọc lên một cái rừng cây non sương, líu lo muôn nghìn tiếng hót. Và ở rừng ấy, mỗi ngày tôi tìm ra một sự mới lạ. Và cái vui sướng của tôi không bao giờ ngừng nữa.

Cạnh tôi, đứa bé mỗi năm thêm mỗi tuổi. Mỗi tuổi, nó đưa lại cho tôi những vui thú bất ngờ. Với hai tuổi, nó nói cái giọng của chim. Với ba tuổi, nó nói cái giọng của thần minh. Và với nó, một hôm tôi có cái ý gây dựng lại một thế giới không còn nữa mà tôi luôn luôn tiếc nhớ.

Tôi muốn may cho nó một cái áo địa xanh. Tôi muốn sắm cho nó một cái khánh vàng đeo ở cổ. Và điều này nữa: một vòng tràng đạc cột ở chân. Mẹ tôi đã may sắm cho tôi thế nào, thì tôi lại may sắm cho nó thế ấy. Nhưng than ôi! Thời thế đã thay đổi: cái áo địa xanh và chiếc khánh vàng ngày nay chỉ tiêu biểu một nền quý phái lạc thời. Còn cái tràng lục lạc hay là tràng đạc ở thời này người ta cũng không buồn cột vào cổ những con vật nữa. Nhưng trời ơi! Làm sao tôi quên được những tràng lục lạc ấy, và bên tai như còn nghe cái tiếng rung của nó. Không phải là tiếng lục lạc cột ở chân một đứa bé, mà là tiếng rung của một thời, của một thế giới đã sập đổ, đã đổi rồi. Bao giờ tôi quên được cái thời trẻ dại ấy! Tiếng rung một ngày thêm lạnh lùng, thêm thương xót. Tiếng rung! Có tiếng gì cao to át được cái tiếng rung ấy? Trong tiếng rung kia tôi nghe có tiếng nói tỉ tê, thỏ thẻ, âu yếm của một người đàn bà. Người đàn bà ấy là một bà mẹ.

Đêm khuya trong một phố im lặng và vào một giờ im lặng nhất, những tiếng động của những chiếc xe, chỉ là một phố khác dội lại. Và ngoài tiếng gió rít trong khe cửa chỉ nghe có tiếng dọc sắt não trong đường xe điện. Cái tiếng rề rề ấy, cũng như còn rung chuyển đôi vai tôi. Da thịt ta bấy giờ như rạn nở ra, và những luồng cảm giác chuyển mạnh dưới làn da. Trong lúc ấy, ta chỉ muốn có một sự cọ sát, một sự cử động nào thì từ cuối phố một tiếng rao dài và buồn thảm như một ngày mưa gió đã qua. Tẩm quất! Tẩm quất! Cái người làm nghề nắn xương và nắn da ấy, chính đã đi qua vào một lúc mà người ta rất đương mong đợi hắn.

Tập bút ký này chính là một sự "tẩm quất" cho tâm hồn vậy. Sự so sánh có lẽ thô lỗ nhưng mà rất đúng. Những kỷ niệm, những cảm, những tình, những hình ảnh, những sự thực bấy lâu chất chứa tràn ngập trong người, bây giờ mới tìm được nẻo thoát. Cần phải đụng mạnh, cần phải xát mạnh vào chỗ tụ đọng lại muôn nghìn cảm giác, người nghệ sĩ sẽ có một thứ sảng khoái mà không ai có, một sự sảng khoái thuần túy, hồn nhiên. Giời ôi! Còn gì sung sướng hơn là được hồi tưởng lại những việc đã qua, úp mặt vào hai bàn tay mà khóc rưng rức? Còn gì buồn hơn là được buồn lại một lần nữa những cái buồn đã qua. Còn gì khoái hơn là đưa những ngón tay mỏng, dịu và huyền bí – có phải là những ngón tay nghệ thuật? – để gọi dậy trên làn da cả mọi luồng cảm giác, một thế giới cảm giác. Tôi đã nói nhiều lần và cần nói lại một lần nữa là tập bút ký này không phải chỉ là nơi ghi chép những việc đã qua trên cái thân thế của tôi, mà chỉ là làm sống lại những cảm giác của một tâm hồn non sương, bừng sáng; thực ra trong ngày thơ ấu, tôi đã cười nhiều hơn là tôi đã khóc, nhưng trong sự hồi sinh của thời thơ ấu, trong sự sống lại này, tôi đã khóc nhiều hơn tôi đã cười. Vì sự "sống lại" đó nếu cho kẻ nghệ sĩ ở tôi những khoái trá bất ngờ thì trái lại đã làm cho con người ở tôi đau đớn ê chề, như quằn quại bởi những hoài niệm và tiếc nhớ, tiếc nhớ những cái gì chỉ đến có một lần mà thôi.

Nhà nghệ sĩ được hai lần sống mà con người ở tôi, thật phải hai lần chết.

Nhà nghệ sĩ đã mót lại, và trời ôi! Hắn ta có bỏ sót một cái gì! – nhà nghệ sĩ trong cái mùa gặt dĩ vãng ấy hắn đã mót lại tất cả những cái gì đã rơi sót, hắn đã "mót" lại tất cả những cảm giác vướng rơi trong tâm hồn. Cái thú ấy thật quả là ích kỷ nhưng mà là có thực. Cho nên, tập ký ức này là một cái khoái trá riêng của một nghệ sĩ mà lại là một đau đớn cho cái con người phải sống lại nó. Trong một buồng sáng, trên những trang giấy sáng ngời, kẻ nghệ sĩ đã đặt lên những cảm giác sung sướng của mình, nhưng chốc nữa khi những trang giấy đã dầy lên, và âm u và đặc sịt những chữ, một thiếu niên chưa ngoài ba mươi tuổi sẽ gục đầu vào đấy để mà đau xót về những cái không còn nữa.

Những cái đã mất không phải là không thay thế được. Một bà mẹ đã đi để lại một chỗ trống ở trong lòng tôi, trong đời tôi. Một đứa bé đến, ngồi vào cái chỗ xưa kia của mẹ tôi. Đứa bé ấy đã làm

cho tôi thấy rằng trong người tôi, có một sức yêu đương mãnh liệt. Sức yêu đương ấy đã làm cho tôi nhớ đến mẹ tôi – tôi toan nói là cái sức yêu đương mãnh liệt ấy đã làm cho tôi trở nên một bà mẹ. Trong tâm hồn tôi lại bắt đầu nảy nở một nguyên lý, một nguyên lý bất diệt: tôi sẽ sáng tạo ra sự yêu đương. Một mặt trời khác bắt đầu mọc ở trong đời tôi. Tôi còn thiếu gì nữa đâu để mà sung sướng, để mà hoàn toàn sung sướng? Nếu tôi có quyền được tiếc, ấy là tôi chỉ tiếc không được từ trong cuống họng tôi, phát ra những cái điệu nhịp mơ hồ là những tiếng hát ở bên nôi một đứa bé. Tiếng hát ru của cái dĩ vãng êm đềm, ru một cái tương lai đẹp đẽ. Với sự biến đổi của thời đại, tiếng hát ru ấy, không thể vãn hồi được nữa. Cái tiếng xình xịch của một thế kỷ cơ khí đã làm át mất cái tiếng ru của bà mẹ. Một tiếng hát ru mà ở trong ấy đương run rẩy cả một thời. Nhưng có sức mạnh nào, có cái tiếng ồ ạt nào có thể át được cái tiếng dội ở trong hồn tôi, tiếng dội của những câu hát ru con?

Mỗi khi tôi muốn hồi tưởng lại những cảnh vừa qua, tôi lại tưởng chừng như còn nghe văng vẳng bên tai tiếng người đàn bà ấy...

Bấy giờ hình như là một ngày đầu hạ, mà vào lúc ban trưa. Màu nắng tươi ròn...

Trong một cái nhà ngang, trên một cái võng, mẹ tôi ngồi đưa tôi và hát ru tôi. Có lẽ mẹ tôi đã hát những câu:

Ru cao hát bạo em nghe,
Lá bù, lá bíu, lá tre, lá vàng.

hay là:

Trăm năm dù lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ con đò khác xưa.

Những câu vô nghĩa hay có nghĩa, nhưng bây giờ với tôi chỉ là những điệu nhịp thần tiên để mang tôi tới những miền đất rất xa ngái.

Có khi vì sức quyến rũ của âm điệu, tôi chợp mắt, mê ly, nhưng cũng có khi giật mình bởi một tiếng lúc hát sang câu hay chuyển điệu, tôi lại mở mắt trao tráo ra nhìn. Tôi tưởng như còn thấy ở trước mắt cái màu nắng mới tuôn chảy ở trên sân đá, và trên những hàng giậu ở ngoài xa, phấp phới những áo quần màu đỏ choét hay xanh lè, là những màu sỗ sàng lòe loẹt, màu của những tâm hồn quê mùa chất phác.

Những màu xanh, đỏ ấy sống mãi ở trong tâm hồn tôi, phấp phới như những lá cờ đã chiến thắng. Và bây giờ đây, tuy cái khung cảnh đầy thơ ấy không còn nữa, nhưng mỗi khi thấy một màu nắng mới hắt bên song hay trước thềm, tôi lại mường tượng lại bóng dáng mẹ tôi, rồi đôi mắt tôi ướt những lệ: sự hồi tưởng ấy cũng vừa làm cho tôi bâng khuâng mà cũng vừa làm cho tôi sung sướng.

HẾT

HÀN MẶC TỬ
(22-9-1912 - 11-11-1940)

Tên thật là Nguyễn Trọng Trí. Quê gốc ở Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Sinh tại Thanh Thủy, Thừa Thiên – Huế. Lúc nhỏ học ở trường dòng Pellerin Huế, rồi vào học ở Quy Nhơn và ra làm viên chức. 1935 vào Sài Gòn làm báo, chủ bút tờ phụ trương văn chương báo *Sài Gòn*. Sau đó trở ra Quy Nhơn. Được ít lâu thì bị bệnh phong. Tháng 9–1940 vào nằm bệnh viện Phong ở Quy Hòa và mất tại đây.

Ông bắt đầu sáng tác thơ đường luật từ 1931 (có bài *Chùa hoang* đăng báo ở báo *Phụ nữ tân văn,* 1931) lấy tên là P.T tức Phong Trần. 1932 đổi tên là Lệ Thanh (ông ghép hai từ đầu của Lệ Thủy và Thanh Thủy, quê quán và nơi sinh). Ông lấy tên Hàn Mặc Tử khi vào làm báo Sài Gòn (1935 – 1936) và chuyển qua làm thơ mới.

Tác phẩm của Hàn Mặc Tử:

Gái quê (1936), *Thơ điên, Xuân Như Ý, Thượng Thanh Khí, Cẩm châu duyên, Duyên kỳ ngộ* (kịch thơ), *Quần tiên Hội* (kịch thơ), *Chơi giữa mùa trăng* (văn), *Thơ Hàn Mặc Tử* (1942) – tuyển in từ những tác phẩm trên (sau khi Hàn Mặc Tử qua đời). *Tuyển tập Hàn Mặc Tử* (1987); *Thơ văn Hàn Mặc Tử* (Phan Cự Đệ soạn – 1993).

QUAN NGHỊ... GẬT

Nói cho có trời, có đất, từ khi đắc cử "nhân dân đại biểu" đến nay, quan Nghị Gật nhà ta đã làm cho bà con thành phố hể hả lắm rồi!

Ai đã hân hạnh được hầu chuyện với ngài, mà không tấm tắc và nức nở. Ấy chả phải nức nở... khóc quan Nghị vì quan Nghị đã dám hy sinh một phần gia tài để làm việc cho dân cho nước. Trái lại, người ta nức nở khen ngài, vì ngài là một nhân vật phi thường, có một cái công nghiệp và một sự nghiệp vĩ đại nhất trần ai!

Người ta hâm mộ ngài lắm, hâm mộ cũng như cái kiểu bọn trẻ viết văn chúng tôi hâm mộ một cô nữ sĩ đẹp!

Bọn chúng tôi làm ăn ở phương xa ngày tết về tỉnh nhà, nghe thiên hạ tán dương quan Nghị, lẽ nào không sốt ruột. Thế là thằng Tự, thằng Nhuận, thằng Miên và thằng... tôi đồng quyết định làm một việc, có lẽ cũng phi thường lắm, là sớm mồng một đến xông nhà quan Nghị Gật.

*

* *

Sang trọng trong bộ áo gấm mới tinh khôi, quan Nghị đã trang điểm như một viên hậu bổ.

Ngài vừa nom thấy chiếc ô tô lịch sự phanh cái rột, trước thềm nhà, ngài đã vồn vã, chào hỏi cuống cuồng như người mất... trí. Các bạn tôi trông thấy cử chỉ vui vẻ của quan Nghị cũng vững lòng bắt chước vui vẻ, và cười sặc sụa như người say... Thật là tử tế và thân mật quá. Có điều chúng tôi cũng như quan Nghị, chưa hề quen biết nhau bao giờ.

Những lời chúc tụng năm mới có vẻ ngon lành làm sao, đã từ cửa miệng người này, người nọ, người kia, vọt ra, trào ra một loạt với bọt rượu sâm banh. Quan khách ngồi yên. Bấy giờ hai bên mới thấy ngượng... Nhưng cái thằng quỷ quái tinh ranh nhứt trong bọn chúng tôi là thằng Tự đã nói bô bô lên rằng:

– Bọn làm báo trong Nam chúng tôi thật đã hân hạnh được tiếp chuyện với quan Nghị... Trong thiên hạ này, còn ai không biết danh quan?

Quan Nghị bỗng như được vàng, đứng phắt dậy, chìa cả hai tay một loạt để "bủa rua" chúng tôi lần nữa. Ngài luôn mồm nói:

– Thật là may mắn, thật là may mắn, quý ông là nhà báo.

Rồi ngài hất hàm thả một câu rất tự hào:

– Thế là chúng ta có tình đồng nghiệp đấy, quý ông ạ!

Thằng Miên vội ưỡn ngực ra nói:

– Ồ, thế thì phúc bảy mươi đời cho bọn chúng tôi lắm.

Chủ và khách phá lên cười. Chợt thằng Nhuận hỏi:

– Chúng tôi muốn biết tên tuổi tờ báo của quan Nghị chủ trương.

Đánh thót một cái, quan Nghị cũng khôi hài đặc biệt:

– Hiện tôi đang thụ thai... và chưa đẻ nó ra ông ạ. Tôi mới có nghĩ... thôi.

– À, ra thế!...

Cố nuốt lống những tiếng cười trong cuống họng, thằng Nhuận lại hỏi nữa:

– Thế quan cho chúng tôi biết rõ chương trình mở báo.

Quan Nghị thong thả, thấm giọng bằng một cốc *pernod* rồi ung dung đáp:

– Chương trình mở báo ấy à? To tát lắm! Lớn lao lắm! Nhưng tôi giao cả cho ông chủ tiệm giày Việt Hưng, một nhà thực nghiệp trông nom hộ.

Thằng Nhuận bỗng rú lên:

– Có phải thằng ranh Lê Bù Đặc không nhỉ? Hắn thì "nước mẹ" gì... hắn thì làm báo thế nào được.

Trước cái tưng hửng của ông chủ nhà, thằng Nhuận vẫn còn trợn trạc nói một cách thẳng thắn:

– Thật là chửi cả nghề làm báo. Ôi! Nhục nhã. Ôi! Khốn nạn.

Thằng Miên ồ một tiếng rất buồn cười, quan Nghị đến ngơ ngác!

– Thế nghĩa là sao?

– Làm báo phải học nghề đất quan Nghị ạ!

– Học nghề?

– Chứ lại!

Thằng Miên còn đang tự đắc, quan Nghị lại hỏi dồn:

– Thật thế à? Sao tôi thấy Nguyễn Háo Danh bán bánh mì lạp xường ở đây độ nọ cũng ra một tờ đại nhựt báo?

Thằng Miên không giữ nổi một tiếng thở dài:

– Ấy mới chửi cả nghề viết báo, nào có ai thèm coi hắn ra gì đâu.

Rồi cả bọn chúng tôi đồng kết luận câu chuyện báo:

– Quan Nghị nên chủ trương lấy tờ báo mới phải, và thế mới danh giá chứ!

Quan Nghị cười ằng ặc và híp mắt lại.

Lúc này ma men đã nhập vào thể quách quan Nghị, nên ngài ăn nói có vẻ hùng hồn hoạt bát lạ. Chúng tôi cứ tưởng ngài đương cãi cọ hăng tiết những vấn đề dân sinh quốc kế giữa ban hội đồng ở Viện Dân biểu.

Ngài kéo chúng tôi đi từ chuyện nhà ra chuyện cửa, khiến chúng tôi ngợp quá và phục lăn ngài như sét đánh.

Được nước, ngài kể cho chúng tôi nghe chuyện ngài về Huế xem Hội chợ và dự hội đồng thường niên ở Viện.

Thoạt ngài kể:

– Vui lắm quý ông à! Tôi đi xem Hội chợ kỳ này biết được nhiều cái đặc sắc lắm, đại khái như thấy quý bà và quý cô trong lúc giời mưa đường sá bùn lầy phải xắn ống quần lên tới... đầu gối, lội nước da trắng hếu trông dễ thương quá...

Thằng Tự tặc lưỡi đến một cái rõ kêu, thằng Nhuận ưỡn ngực ra như chực xô xát, thằng Miên thì "ồ" một tiếng rõ dài. Còn tôi thì lại có vẻ mơ mộng hơn, tôi như sực lại câu thơ của thi sĩ Hàn Mặc Tử ở trong tập *Gái quê*:

Ống quần vo xắn lên đầu gối
Da thịt, trời ơi! Trắng rợn mình

Cả bọn chúng tôi đồng khen nức nở:

– Quan Nghị làm thơ đấy mà không biết. Tả chân đến thế còn gì thần tình bằng.

Cao hứng quan Nghị lại kể đến câu chuyện... mà ngài cho là đại quan hệ cần phải nói để "cảm phục" bọn tôi:

– Thật là rầy rà quá quý ông ạ! Từ khi dự hội đồng về, ngày nào bọn dân cũng đến nhà tôi quấy nhiễu mất cả giấc ngủ trưa. Chúng đem nào gà vịt, rượu nếp, đến cả cái món "hầu" ấy nữa biếu tôi, để tạ ơn tôi đã binh vực họ giữa nghị trường. Thật là rầy rà. Nói của đáng tội nếu ở giữa Viện tôi không đem bầu nhiệt huyết ấy ra... cực lực phản đối vấn đề này, vấn đề nọ và đổ tội riết cho nạn kinh tế khủng hoảng do đồng phật lăng (franc) gây nên thì liệu ngày

nay dân sự đã được an cư lạc nghiệp (!)

Bọn chúng tôi sung sướng quá đến ôm bụng cười như nôn mửa:

– Quý ông nghĩ xem, thành phố ta đây to lớn nhứt, thế thì cần gì phải mở mang nữa. Tôi đã nghĩ kỹ và nhất định không thỉnh cầu về vấn đề này, cốt làm lợi cho ngân sách chánh phủ.

– Thế thì quan Nghị "ái quốc" đến tột bực rồi!

Thằng Tự hất hàm hỏi Miên:

– Thế sao triều đình Huế không ân thưởng hàm phẩm cho quan Nghị nhỉ?

Miên chưa kịp đáp quan Nghị đã cướp lời:

– Sao lại không? Hoàng thượng đã sắc phong cho tôi hàm "cửu phẩm văn giai" độ tôi vứt ra bốn nghìn bạc quyên cho dân lụt miền Bắc.

Thật là "rộn ràng chi chức".

Thoạt quan Nghị như mới nhớ được việc gì thích thú lắm, nói to lên:

– À này, quý ông ạ, tôi quên nói cho quý ông biết cái này nhá, quý ông đừng lấy làm điều nhá.

Chúng tôi đồng trả lời:

– Không dám, không dám!

– Tôi quên cho quý ông biết là giữa nghị trường tôi đã được cái hân hạnh lớn bắt tay Đức Đại Nam hoàng đế.

Quan Nghị dằn từng tiếng một, mặt ngài đỏ dậy lên, sướng vì danh giá hơn là vì thấm rượu.

Bốn đứa chúng tôi đều đánh thót một cái và đồng buột miệng hoan hô:

– Thật là phúc bảy mươi đời cho quan lớn Nghị nhà ta.

Rồi cả bốn đứa cùng đứng dậy:

– *Quan Nghị vạn vạn tuế!*

Những tiếng "tung hô" cãi lẫn với tiếng cười, tiếng cốc sâm banh chạm nhau, tiếng pháo nổ, nẩy thành một thứ âm nhạc vô cùng... náo nhiệt!

Đang lúc say máu ngà, quan Nghị tuôn văn chương ra... như cái

máy hát. Chúng tôi chỉ đực mặt ra mà nghe, mà cười, mà vỗ tay... Một lúc sau, quan Nghị lần bàn viết kéo hộc tủ lấy một tấm hình lớn đưa cho chúng tôi xem. Ngài nói:

– Đấy, quý ông xem cho biết mặt các quan Nghị chụp trong lúc hội đồng khai mạc.

Chợt thằng Tự hỏi:

– Quan Nghị nhà ta ngồi chỗ nào nhỉ, sao chúng mình không thấy?

Thằng Nhuận bỗng dí ngón tay vào tấm hình và cười ré lên:

– Này, này lại quan Nghị nào ngủ gật trên bàn...

Mấy con mắt tò mò cùng "tập trung" lại chỗ ngón tay trỏ của thằng Nhuận: một ông Nghị cúi mặt xuống hình như đương gật gà gật gưỡng...

Quan Nghị cười và bảo:

– Tôi đấy chứ còn ai nữa...

Cả bọn nín cười như chết.

Thằng Tự lại xỏ lá:

– Quan đấy à! Có lẽ quan đang cúi đầu nghĩ câu giả nhời cho Đức Kim Thượng?

Quan Nghị cười ha hả, rồi nói một thôi dài:

– Phải, phải, ông nói nhầm quá, sao ông đoán biết? À, ra ông này giỏi về tâm lý học. Chính tôi đang nghĩ những luận điệu cứng cát để chỉ trích vấn đề tiền tệ, phá giá đồng phật lăng, và yêu cầu tăng thuế thân, thuế sanh ý, và triệu tập một hội nghị bất thường để quan sát, không, để khảo cứu những câu ca dao lẳng lơ ở miền thôn dã...

Cả bọn chúng tôi đều vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt...

– *Quan Nghị vạn vạn tuế!*

Cả bọn chúng tôi rất cảm động (!) vì trước mặt chúng tôi không phải là một quan Nghị tầm thường: ngài là một bực vĩ nhân có nhiều thủ đoạn anh hùng đã biết binh vực lợi quyền cho dân cho nước một cách tận tâm, tận lực... Chúng tôi bỗng sinh ra lòng kính phục và biết ân.

Thằng Miên đứng dậy vái:

– Bẩm quan Nghị, chúng tôi muốn phỏng vấn ngài để được biết tiểu sử một bực cái thế nghị viện. Ngài thật đáng cho quốc dân thờ phụng, và chúng tôi cứ nghĩ tiểu sử ngài còn vẻ vang gấp mấy Hoover, Mussolini và Hitler nữa.

Quan Nghị Gật hấp tấp nói:

– Phải, phải, đời tôi thật là ly kỳ. Ly kỳ hơn Hitler từ địa vị thợ sơn nhảy lên chính quyền nước Đức và Hoover từ địa vị bán báo tới lúc ngồi ghế tổng thống.

Quan Nghị ngài nói một cách thông thạo, tỏ ra người có học vấn uyên thâm, khiến chúng tôi sợ đến chết khiếp.

Rồi quan Nghị nói luôn:

– Chẳng nói giấu chi quý ông, tôi xuất thân cũng hàn vi, cũng bần tiện như các bực vĩ nhân thế giới. Thoạt đầu, tôi quét chợ ở tỉnh này, rồi tôi làm thợ nề quét vôi... và nhờ tôi khôn khéo lắm, biết cách làm đầy tớ các nhà tư bản, biết chìu chuộng các "quan thầy" nên chẳng bao lâu, tôi đã nghiễm nhiên là một viên thầu khoán giàu nhứt tỉnh, có vô số tòa ngang dãy dọc... và quý ông cũng biết chán cái chức nghị viên thành phố còn lọt vào tay ai nữa chớ.

Chúng tôi lại tán thành, lại hoan hô:

– *Quan Nghị vạn vạn tuế!*

Bỗng quan Nghị ra dáng tức tối:

– Thế mà cái thằng đểu Nguyễn Văn Khờ, hắn ganh tị tôi mới chết chứ! Hắn cũng là cựu hội đồng thành phố trong khi ra tranh cử với tôi, hắn thất bại rồi đâm ra nói xấu tôi... Này, này quý ông xem, hắn có đẹp mặt gì với thiên hạ đâu, hắn là thằng bồi... xuất thân đấy quý ông à!

Chúng tôi chỉ biết gật đầu và rót thêm rượu vào cốc để uống, để nghe và để kéo thì giờ.

Quan Nghị Gật ngài đã say quá rồi mà còn nói mãi.

Thằng Miên chợt hỏi:

– Thế chắc với sự nghiệp to tát, với công danh lớn lao này, hẳn quan Nghị sung sướng và mãn nguyện lắm?

Quan Nghị bỗng lắc đầu:

– Không, không, tôi khổ lắm!

Thằng Nhuận ra dáng thương hại:

– À, mà này, bà lớn Nghị đâu nhỉ?

Quan Nghị nói với cái giọng buồn buồn:

– Hắn bỏ tôi đi lấy người khác rồi.

Thằng Miên *đứng phắt dậy, ưỡn ngực ra,* dõng dạc nói:

– Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng.

Trời ơi! Khốn nạn! Nếu quan Nghị Gật hiểu rõ cái danh từ điêu trá của Vũ Trọng Phụng, thì chúng tôi ắt phải một phen trắng máu mặt và mua lấy cái tên ba đồng trinh...

Nhưng may quá, quan Nghị Gật ngài ngây thơ như một cô gái đồng trinh, đưa hai tay lên sờ đầu rồi cười:

– Không, tôi đâu có mọc sừng...

Chúng tôi nháy nhau cùng đứng dậy từ tạ. Quan Nghị liền vội vã tiễn gót chân chúng tôi với bốn điếu xì gà to bằng ngón chân cái...

Trật Sên (tức Hàn Mạc Tử)

(Đã in trong tập *Nắng xuân* – Sách chơi xuân năm Đinh Sửu 1937 do Nguyễn Trọng Trí, 20 Avenue Khải Định, Quy Nhơn xuất bản ; Được in lại trong tập *Thơ văn Hàn Mặc Tử* do Phan Cự Đệ biên soạn. NXB giáo dục. 1993).

HÀN MẶC TỬ

CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG

Trăng là ánh sáng? Nhất là trăng giữa mùa thu, ánh sáng càng thêm kỳ ảo, thơm thơm, và nếu người thơ lắng nghe một cách ung dung, sẽ nhận thấy có nhiều miếng nhạc say say gió xé rách lả tả... Và rơi đến đâu, chạm vào thứ gì là chỗ ấy, thứ ấy vang lên tuy chẳng một ai thấy rõ sức rung động. Nghĩa là trăng rằm trung thu: một đêm siêu hình, vô lượng, tượng trưng của một mùa ao ước xây bằng châu lệ, làm bằng chia ly, và hơn nữa, hiện hình của một nguồn khoái lạc chê chán... Phải không hở chàng Ngâu và ả Chức?

***

Sông? Là một giải lụa bạch, không, là một đường trăng trải chiếu vàng, hai bên bờ là động cát và rừng xanh và hoang vu và thanh tịnh. Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những dòng vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nớt, tiếng cười trong như thủy tinh, và thanh khiết lạ thường. Luôn luôn cứ hỏi tôi và đố tôi cho kỳ được: "Này chị đố em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước?". Tôi ngước mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cũng cười đáp lại: "Cả và hai chị ạ". Sướng quá, chao ôi, hai chị em lại thỉnh thoảng rú lên cười làm náo động luồng tinh khí của hạo nhiên.

Vây chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu, chưa đủ, Ngưu lang và Chức nữ, chúa của đêm trung thu còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến; trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa... Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngờ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không khí,

sông Ngân Hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên: "Đã gần tới sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn Giang!".

Đi trong thuyền chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, trên kia, in hình có một vì tiên nữ đang kêu thuyền để quá giang.

Thình lình vùng trời mộng của chúng tôi bớt vẻ sáng lạn. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn chùa Mo [1] và bảo tôi rằng: "Thôi rồi! Trí ơi! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hở Trí". Tôi cười: "Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn?". Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh khiết như mạch nước ngọc tuyền, chồm lên những vừng lá, hễ trông đến là kinh hãi vì ngó giống con bạch hoa xà như tạc...

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng? Chị tôi làm thinh, – mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Động là một thứ hòn non bằng cát, trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, của lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh – một màu trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn điên cuồng, muốn kề môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát...

Hai chị em đồng dang tay níu áo gượng vào nhau dấn bước lên cao... Thỉnh thoảng mỏi hai đầu gối quá, cả chị liền em đồng ngã lăn ra. Lại một dịp cho tiếng cười của chị tôi được nở ra dòn tan trong không khí. Lên tới đỉnh là hao mòn đi một ít. Nhưng mà ngợp quá, sáng quá, hứng trí làm sao? Đây có phải là nước Nhược non Bồng, động phủ thần tiên ngàn xưa còn sót lại? Nhìn xuống cát cố tìm dấu tích gì lưu lại một vết chân của Đào Nguyên Tiên nữ, nhưng tấm cát phẳng lờ như lụa căng, trinh bạch làm sao:

---

1. Một làng ở hải khẩu tỉnh Quảng Ngãi.

Bất tri thử địa qui hà xứ
Tu tựu Đào Nguyên vấn chủ nhân?

Bây giờ chúng tôi đương ở giữa mùa trăng, mở mắt cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương phật nữa. Cả không gian đều chập chờn những màu sắc phiếu diễu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi mờ đi vì chói lói... Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu...

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là đức tinh truyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: "Có phải chị không hở chị?". Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ: Chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên "A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!".

Ngó lại chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt. Chị tôi hí hửng như xuân, chạy nhảy xênh xang, cơ hồ được dịp phát triển hết cả ngây thơ của người con gái mười lăm tuổi, tôi ngắm mãi chị tôi, và tự vui sướng trong lòng vô hạn. Có lúc tôi đã kiêu ngạo thay cho cái sắc đẹp nhu mì ấy, mà chỉ dưới trời thu đêm nay tôi mới biết thưởng thức. Những phút sáng láng như hôm nay, soi sáng linh hồn tôi, và giải thoát cái "ta" của tôi ra khỏi nơi giam cầm của xác thịt... Tôi bỗng rú lên một cách điên cuồng, và chực ngửa tay hứng một vì sao đang rụng. Chị tôi đằng xa chạy lại bảo tôi: Em la to quá, chị sợ âm thanh rung động đến khí trời, rồi những ánh trăng sẽ tan ra bọt mất...

– Không không, chị ơi! Rồi ánh sáng đêm nay sẽ tan đi, ta sẽ buồn thương và nhớ tiếc. Em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi...

HÀN MẶC TỬ

CHIÊM BAO VỚI SỰ THỰC

Khi ngòi bút của tôi đã thấm nhuần những ý nghĩ cao cường, truyền sang bởi điện tinh truyền của trí tuệ, tôi phơi lên mảnh giấy thanh sạch này những tình cảm nóng ran, tràn trề và thơm lựng. Hỡi quý nhân, người có nghe thấy điều gì mới lạ, tinh khôi, reo lên, hiện lên và sử linh tư tưởng của người? Người cảm giác ra làm sao? Hay là mắt người đã no rồi, hay người đã đầy hơi khoái lạc, thần trí người đã mê man, người linh tính để phân biệt màu sắc và âm thanh của sự vật. Người thấy gì trong ánh sáng? Một chất cao quý thanh khiết trắng hơn hàm răng của người gái đẹp? Người nghe rõ những gì trong giai âm vừa thoáng? những tiếng run run, van lơn, nồng như hơi thở của xuân xanh? Hay là tiếng vỡ lở của những ngôi sao sáng láng?

***

Như có ma lực vô song xô tôi đến bờ huyền diệu. Đêm nay là một đêm hào hoa nên mùa trăng bát ngát, giờ bốn phương thôi không cầu nguyện nữa mà lòng tôi rực lên cảm hứng.

Hễ là hơi khói càng nhẹ, hơi trăng càng trong khi hơi thở của tôi càng thơm tho không khác một mùi hương! Nếu tôi lấy làm lạ, ắt là tôi phải tự giảng: đang khi trăng, sao, mây khói dâng cao hòa hợp thành khí hạo nhiên, tôi không thở bằng phổi nữa, tôi thở bằng hơi thở tinh sạch của hồn tôi... Hơi thở ấy góp cùng muôn hơi đằm thắm sẽ châu lưu khắp bầu thế giới và chung quanh tôi dầu gần gũi, hay bao la đều nhuận một màu sắc phiêu diễu. Nhỡn tuyến đưa tới đâu, cũng gặp chói lói, cũng gặp hào quang. Nên trí tôi rất ngợp, miệng lưỡi tôi không phải bối rối nhưng tựa hồ như mới nếm xong khí vị thanh tao của muôn điệu nhạc, của muôn mạch tinh trai trẻ. Tôi hứng lấy và nhận lấy ở trong hồn muôn ý tứ và muôn thanh sắc của trời mộng xa xưa.

***

Ngoại cảnh đã xâm lấn xác thịt và linh hồn tôi. Bao nhiêu là

tinh anh của non sông đều xông vào tôi rút hết tình tiết của tôi. Tôi có thể bảo đấy là một lối thần giao cách cảm, mà ngoại cảnh hay thâm tâm đồng xáo động, bởi giây khoái lạc vô ngần. Và có thể say mê đến điên dại bắt chước Lý Thái Bạch đại la tiên vồ trăng trên mặt nước.

Từ sự thực đi tới bào ảnh từ bào ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao. Mông lung đã trùm lên sự vật và cõi thực, bị ánh sáng của chiêm bao vây riết...

Bây giờ tôi đố tôi thử có nhận được tính cách của giây phút này không, và tôi ở trong cảnh thực hay là đương bị hãm giữa trùng vây của chiêm bao?

***

Tôi gặp rất nhiều người lạ – cũng như tôi chưa từng thưởng thức những mùi hương quý trọng. Ở chỗ này – không biết là ở chỗ nào. Có điều tôi nhận thấy từ hoa cỏ tới gió trăng đều im lặng trầm ngâm, ít khi lay động... Song le trăng vẫn sáng, hoa vẫn thơm, cỏ vẫn tươi và trí tôi vẫn tinh anh... Có khi thần phách của tôi đã rã rời đê mê vì đột nhiên có đôi môi của người đàn bà nào cọ sát vào môi tôi... Tôi cảm thấy sự khoái lạc vô biên cũng như tôi cảm thấy sự sợ hãi vô cũng một khi tôi phải con thú dữ ở đâu vồ lấy. Và cũng như tôi cảm thấy sự buồn, thương, tiếc lúc người tôi âu yếm mà bỗng nhiên có sức mạnh gì vượt đến cướp mất hoặc bị một tiếng vang gì đến phá đám. Sự hồi phục của thần trí một cách bất ngờ ấy, tức là lối cắt đứt mạch máu, cắt đứt đường gân môi giới giữa hai cảnh: mộng và thực. Bây giờ tôi là chủ quan rồi, vì tôi vừa thoát ly ra khỏi cực lạc giới toàn thân tôi rung động như một sợi đường tơ.

***

Tôi vừa tỉnh giấc chiêm bao, mà tôi vẫn không tin, vẫn còn ngờ vực. Hình như khứu giác của tôi nhận thấy một thứ mùi gì rất mới, rất nồng và rất gần. Tôi ở cách thành mộng bao xa? Không, khít bên tôi đây, nhưng làm sao tôi không đi tới được nữa. Và tôi cũng không rờ được bằng đôi tay như tôi đang ghì chặt cái gối bông đây. Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi, những điều tôi vừa thoáng thấy toàn là huyền hoặc cả? Có lẽ nào! Tôi đã thấy thực như đã thấy sự sống của tôi. Nhưng phút giây trong sáng đây không phải là phút giây mê sảng nữa. Có ai nhận thấy hai hàng nước mắt rưng rưng của tôi không?

***

Chiêm bao rã rời trong khi ánh sáng sự thực dọi tới. Bây giờ ngoại cảnh và nội tâm điều hòa, run lên như những nhịp tiêu thiều thanh bai... Tôi cảm thấy hồn tôi mất đi một nửa, và tôi đương sống trong sự mơ hồ...

Có hay không, hư hay thực là những huyền ảo chập chờn trước mắt. Nếu Đường Minh Hoàng phục sinh, chắc cũng rỉ tai tôi mà nói cái chuyện lên chơi cung trăng với chuyện xuống âm ty gặp Dương Quí Phi là có thực. Tôi cũng tin là có chứ sao!

Và tôi sẽ ký thuyết minh một cách rất nhà Phật là sắc cũng như không, chết cũng như sống, gần cũng như xa và hư cũng như thực...

Những điều phản trái ấy dầu thế nào, cũng có liên lạc mật thiết và thông cảm với nhau.

Xác tôi đây là một lý luận cứng cáp về sự thực, và hồn tôi, tôi thuộc về giới vô tri.

Tôi đương sống ngày hôm nay. Mà ngày qua là một giấc chiêm bao. Có ai bảo là giấc chiêm bao ấy là vu vơ; có ai bảo tôi có xác mà không hồn.

***

Tôi đang đi trên con đường sáng láng tìm lấy chân lý ngàn năm, mà hào quang của tinh tú, của những ngọc ngà, châu báu, trời tuôn xuống không biết hằng hà sa số nào nữa...

CHẾ LAN VIÊN

Chế Lan Viên sinh năm 1920, mất năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tên thật của ông là Phan Ngọc Hoan, quê ở huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Lớn lên theo học ở Quy Nhơn (Bình Định). 1939 ra học ở Hà Nội. Sau đó làm báo ở Sài Gòn rồi dạy học ở Huế và một số tỉnh khác ở miền Trung. Ông là một nhà thơ, nhưng vẫn sáng tác văn xuôi. Trước Cách mạng Tháng Tám (1945) sau *Điêu tàn* (1938) tập thơ đầu tiên của ông, ông cho ra tập truyện *Vàng sao* (1942).

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông đi theo cách mạng, hoạt động văn nghệ, báo chí ở Khu IV và chiến trường Bình Trị Thiên. Hòa bình lập lại (1954), ông công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam, là ủy viên thường vụ Hội Nhà văn và là đại biểu Quốc hội nhiều khóa. Ở vị trí công tác nào và trong hoàn cảnh nào, ông vẫn sáng tác. Ngoài thơ và truyện, ông còn viết bút ký, tùy bút, phê bình văn học.

Ông được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học – nghệ thuật (1996).

Những tác phẩm chính đã xuất bản:

Về thơ: *Điêu tàn* (1938), *Gửi các anh* (1955), *Ánh sáng và phù sa* (1960), *Hoa ngày thường và chim báo bão* (1967), *Những bài thơ đánh giặc* (1972), *Đối thoại mới!* (1973), *Hoa trước lăng người* (1976), *Hái theo mùa* (1977), *Hoa trên đá* (1985).

Tuyển tập Chế Lan Viên (2 tập, 1985), *Di cảo I* (1994), *Di cảo II* (1995).

Văn xuôi: *Vàng sao* (1942), *Thăm Trung Quốc* (1963), *Những ngày nổi giận* (1966), *Giờ của số thành* (1977).

Tiểu luận, phê bình: *Nói chuyện văn thơ* (1960), *Phê bình văn học* (1962), *Vào nghề* (1962), *Suy nghĩ và bình luận* (1971), *Bay theo đường dân tộc đang bay* (1976), *Nghĩ cạnh dòng thơ* (1981), *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* (1981).

ĐÊM GIAO THỪA

Mẹ sầu đau nghiêng xuống bên mình, vụt một cái tôi ngồi ngay dậy. Trong mắt lởn vởn từng chùm bóng tối, trong hồn xao xuyến cả trời mây chưa rụng của chiêm bao. Sợ e tôi nằm xuống giường chăng, mẹ ngọt ngào đã bảo:

– Dậy thôi con! Dậy thôi! Còn lễ giao thừa... Tôi vội vã nhìn ra sân gạch. Nền một chiếc nhà đổ trong năm bão, chỗ ấy, hằng năm, được thầy tôi dùng làm đàn tế hành, khiến hay dâng sao. Trên nền lớn nhỏ khác nhau, ba chiếc án kê theo ba từng cao thấp. Trên án chén tinh thành của chất nước trong, cây nguyện vọng của mùi hương ngát và hai mươi tám ngọn thơ, hai mươi tám ánh nến lung linh nổi lên giữa trời. Nhị thập bát tú lấy đó làm tượng trưng và dấu hiệu. Một vui tươi vô nghĩa như màu hoa sắc lá vụt chiếm lĩnh hồn tôi. Nhảy phăng xuống giường, tôi định chạy ra sân gạch. Nhưng giữ ngay tôi lại, mẹ tôi đã bảo thêm một lần nữa ngọt ngào:

– Con không phải đi, thau rửa mặt đã có đây rồi. Rửa muối lại cho sáng mắt. Nước súc miệng cũng múc sẵn cho con kia.

Tình thương mẹ ở tôi vụt sáng lên như nến. Tôi đã mang ơn mẹ quá nhiều. Giao thừa đến với mùa xuân, mùa xuân hiện cùng ngày tháng. Sao không hiện ra cơ hội nào đặc biệt, để tình thương tôi trút hết những gì chứa đọng ngang lòng. Đứng im mẹ sẽ nhìn từng cử chỉ của tôi, làm như tôi còn bé bỏng. Quen ôm ấp trên tay, các bà mẹ không bao giờ nhớ... con mình đã lớn, quên tuổi tác, quên cả cái làm già chúng hơn tuổi tác, khổ đau, tội lỗi những thứ tháng ngày riêng.

Mẹ đưa cho mấy chiếc quần áo mới vừa lấy ở hòm. Đường ủi quá thẳng khiến tôi ngập ngừng tự hỏi: Mình sẽ mở ra sao? Rồi run run tôi giở từng nét gấp... một hơi lạnh lẩn với mùi thơm bốc lên phảng phất... và cũng là một tình thương đấy nữa, lòng ơi!

*

* *

Tôi đứng ở sân bên cạnh thầy tôi, người vừa xốc lại cổ áo cho tôi, vừa bảo:

– Lễ này là lễ giao thừa. Thần năm cũ giao thế giới Nam thiệm bộ cho thần năm mới. Giờ hành trình của các linh thần bắt đầu vào một chốc nữa đấy. Con phải lạy Như Lai để Ngài bao bọc. Số con năm nay nặng lắm. Con thuộc mạng La hầu.

– La hầu? Thế mẹ và thầy.

– Mẹ con thì sao Kế đô, thầy thì sao Thái bạch – Sao Thái bạch thì sạch cửa nhà.

Tôi lo lắng: Thế có sao không?

Thầy tôi an ủi: Có sợ gì. Nhà ta thờ Phật đã mấy đời nay. Trăm sự nhờ ở trên Ngài tất cả...

Sự băn khoăn của tôi khiến thầy tôi sung sướng. Nó quá lạ lùng. Bao nhiêu lần trước những điều tin nhảm nhí, tôi lên lời cãi lại, và người giận tôi đến mấy ngày luôn. Nhưng giờ đây...

Bầu trời lặng ngắt chìm đắm trong sự thái bình. Bóng tối điều hòa chạy khắp mươi phương. Giữa cảnh ấy nhiệm mầu, chỉ có thể là những ý nghĩ gì u huyền như bóng tối... Đem ánh sáng rọi vào, chỉ tổ bày ra những quãng trống không, những miếng mồi ngon cho... chán nản. Và nỡ nào chạm đến lòng tin của những người mà trong một phút tôi cảm hết cái rộng sâu của tình họ yêu tôi. Cho nên tôi im lặng. Sự nhượng bộ của trí não mỗi lúc một tăng thêm, và từ hoàng hôn tôi đi dần vào đêm tối. Hay từ bình minh ra đến giữa ngày. Khi say sưa ai còn phân biệt xem cái chan hòa kia là bóng đêm hay ánh sáng... Lòng hân hoan tan ra nước cả thịt da...

Tôi nhìn thầy tôi, người già quá rồi. Những nét răn chi chít trên vừng trán rộng. Tuy thế đôi mắt còn quắc thước như gươm sau mặt kính trong. Lời nói của một bậc lão thành không phải để cho mình nghi hoặc. Băn khoăn lần nữa, tôi hỏi thầy tôi:

– Mạng con thuộc sao La hầu. Có thật không thầy.

– Sao lại không? Nặng lắm.

Cái ấy thật không ý nghĩa. Miễn, phúc tinh hay ác tinh, vì La hầu phải là một vì sao đã, trước khi bỏ thiên cung xuống chiếm hồn tôi. A thế ra đầu tôi đây đang nhốt một vì sao, đang chói lói một phương vàng. Ý ngộ nghĩnh nhưng tôi có cười đâu. Nó làm tôi

kiêu ngạo. Và vênh vang tôi ngước mắt nhìn trời sao Bắc Đẩu qua nửa vòng đã xế bảy chiếc thuyền vàng Sao Vịt ngừng bơi, nổi hẳn giữa hồ đêm bát ngát. Đã tối chưa, giờ đây trên vườn sao rộng, mùa thơm tho mà lượn triều dâng sóng quanh tôi? Chắc hẳn thế nào cũng có sóng xuân lướt qua các cung sao ấy. Đấy hơn ngày thường đêm nay chúng lấp lánh như sự nảy nở của những linh hồn... Mà cũng như sự chói ngời trước khi tiêu diệt của những linh hồn... Ai thử giảng cho tôi vì sao giữa buổi ngạt ngào mùa xuân đi đến thế kia, vẫn có những ánh sao... rơi, những kẻ đủ tay áo mà đứng dậy. Phải chăng đấy là những bênh nhân của giường đau vĩ đại, và hoi hóp đến hôm nay mới trút bỏ linh hồn cũng chỉ để vẽ ra nhiều trái ngược chua cay. Đồng thời như thế, ở cõi trần biết bao kẻ đang xế về xứ chết... Muôn vàn ý buồn tuôn theo suối sáng muôn sao. Tôi sợ hãi cúi đầu và bỗng nghe trên đồng rộng rãi của lòng mình vang dậy có tiếng chân ai dày đạp.

*

* *

Nhưng rồi một tin gió qua mang theo một sự an ủi nhiệm mầu. Như những đống vải nằm chờ bàn tay sáng láng của bình minh đến vớt lên, trước mắt tôi lù lù hai hàng cây mực. Không một hơi lá rụng không một thoáng chim kêu. Vũ trụ đặt một bàn tay trên ngực. Bỗng nhiên đấy những dòng suối những thân tràn, trăm nghìn cánh gió vút ra từ rừng im lặng. Ngạc nhiên khắp cả hồn tôi. Nào thấy dấu hiệu gì báo trước. Nào tôi nghe chân gió đến từ xa. Thế mà bỗng nhiên có gió. Gió lại từ đâu? Tôi nghĩ ra rồi: mùa xuân nằm trong lòng thảm đạm của mùa đông, như vậy, nâng bởi tay cây gió "chết" giữa một bầu yên lặng. Sự đau thương chẳng khác, nó vốn ở lòng người. Nó thụ thai trong những chiếc bào thai, không đến tự bên ngoài, không lại từ sự vật. Đấy chỉ là những cái khung sắc mầu bạc nhược cho nó diễn tấn tuồng muôn sắc muôn mầu. Vậy sao còn trốn tránh đau thương? Vậy sao còn oán thù ngoại cảnh. Tôi thôi nhắm mắt, để ngăn ý chết, cúi đầu để giận muôn sao. Phải thương phải yêu tất cả. Cho đến giàu sang như mùa xuân hôm nay vẫn còn mang những chuyện khổ đau. Vì sao xuân tàn, hoa xuân rơi, nhạc xuân... tắt. Vả đến đây, mùa xuân chắc gì đã tự ý của mình. Để thằng nhỏ của tôi kia tự ý nó ngồi đun nước cúng.

Đang bị những ý tưởng viển vông rẻ mạt ấy bao vây, bỗng tôi nghe có tiếng gọi tôi đến lễ. Lạy từ tốn như một ông quan trong đồ triều phục, tôi sợ e cử chỉ của mình sẽ ghi chép bởi những linh thần. Đêm khuya rồi, thầy tôi khởi sự khai kinh Di Đà giọng sắc sảo nâng lên bởi khí•vị của cả mùa xuân ấm.

Vỗ cánh từ trang giấy, những chữ kinh thoát bay qua khỏi đầu thầy tôi, rơi vào đầu tôi, và ở đấy, đậu nên những con chim lạ. Ca lăng tần già có phải, lưu ly, ánh ngời hổ phách, tạo chúng ra ai ngờ chỉ cần đến lời kinh trong một đêm thơm? Và đài tháp bỗng lên trong bầu trời tư tưởng. Ngang qua tất cả, giọng thầy tôi rướn mình nẩy nở như một thân cây. Chung quanh cỏ hoa đã mở hết giác quan linh thính, chúng cúi đầu xuống đất nhuần sương, nô lệ.

Mẹ tôi ra sân lúc nào không biết, bảo rất dịu dàng:

– Con lại đây lắng nghe tiếng chim lạ ra đời.

Tôi ngạc nhiên:

– Chim lạ ra đời lại sao hở mẹ.

– Ô con tôi khờ khạo. Con chim nào kêu đầu năm ấy là con chim lạ ra đời. Tốt hay xấu thế nào một năm đều do đó cả.

Vốn nhìn thấy sự liên lạc ở trong mọi vật, tôi vui mừng mỗi khi, như đưa con về với mẹ, ... có thể họp chung cùng nhau cho thành một gia đình. Một cái giây nhớ xa xôi nhường kia thời gian với một con chim cố nhiên là đã làm tôi sung sướng. Tôi tưởng ra rằng suốt năm nay, của mười phương thế giới, bao nhiêu vị sắc thanh hương đã kết thành viên ngọc quí. Con chim nuốt nó vào hầu. Nuôi nó trong ấp yêu yên lặng... Cho đến hôm nay, vòng ca vỡ sổ, viên ngọc rơi trong lòng rộng rãi của đêm thơm. Không khí rung rinh và muôn loài chim khác cúi đầu hổ thẹn.

*

* *

Tiếng chim đã vụt lên tự một phương trời. Phương nào đấy nhỉ? Thôi không biết nữa. Lúc say sưa hồn bay đi khắp cả, còn chim ra phương hướng làm gì. Hãy đứng lặng chỗ này. Trước bóng chim, năm Cọp đang quì xuống để nghe mệnh lệnh.

*

* *

Tôi còn đứng yên, tiếng chim đã bặt. Sự im lặng bây giờ là cả một cánh đồng đang hiến đất cho cơn tư tưởng cuộn dòng. Tôi muốn biến ra tượng đá, cho nghìn năm, những gì ràng buộc xuân lòng với xuân trời vẫn sai mạch lạc.

*

* *

Một bàn tay đến trút sự êm ấm lên vai tôi. Không phải của ban đêm hằng dùng mơn má tôi đâu để vô hình đây là một bàn tay thực. Nhưng sao lại giấu sự cảm xúc của lòng con hỡi mẹ... Mẹ đã đưa tim con đi đâu mấy ngón... dìu lòng con bay qua bao cung bực thương yêu... Song cũng không xa lắm nữa bàn tay kia đã là sự rời rụng dưới đáy mồ. Soi sáng nó chỉ còn cái lập... lòe của trí tưởng tượng ma trơi. Và chẳng một cành hoa nào đến mọc lên trên (như ước vọng của Anatole France) để mang cho lòng đôi lần hương ảo tưởng.

Trong những xuân còn lại, còn xin hỡi mẹ rất thương hỡi mẹ hiền từ, đem hết lòng con ra như muôn vạn tín đồ để phụng thờ bàn tay mẹ... Nhưng đứng bên mẹ thế này phỏng còn được bao xuân.

Ôi! Hỡi sao phút cuối cùng, con sông mới biết lượng nguồn, sự phát sinh e chừng chậm quá.

*

* *

Tôi ngước nhìn mẹ tôi... mẹ tôi đang ngước nhìn tinh tú. Môi người mấp máy một câu kinh. Tìm mà xem vẫn có sự cầu nguyện cho tôi trong ấy. Lúc nào người lại quên đi được. Nhưng hỏi người có cầu xin chăng Thượng đế, để cầm giữ tôi dưới bóng râm của mái sống tầm thường. Ôi ngoài kia, nghệ thuật kêu gọi còn tha thiết hơn thân xác một người đàn bà, làm cho những dây tơ lụa trong này vụt trở nên những dây ràng buộc... Chậm một phút nữa thôi thế là nó sẽ ùa vào để cướp tôi đi trên cánh tay nóng hổi của gia đình.

Và lúc ấy xuân xuân mẹ tôi sẽ ra đứng sân này: man mác

đêm trời chắc khiến người phải nhỏ lệ cho đời con trong bụi gió. Hỡi ôi! Mai sau sẽ là như vậy, con đường mẹ cha đã vạch không bao giờ lấm dấu chân tôi. Tôi là một thú rừng, tự vào chông gai để tìm lấy cỏ hoa riêng tôi là một ánh sao băng, luôn luôn tự đuổi, chạy mình, bởi. thèm khát hư vô, và ước ao kỳ lạ.

*

*   *

Thầy tôi đã ra sân, đứng ngay bên cạnh mẹ tôi. Như thế; cả hai người, sẽ đứng mai sau, trong đau khổ. Tôi lặng nhìn, mà tưởng như dĩ vãng đấy rồi: bao nhiêu lạnh lùng, bao nhiêu khô héo.

Người đưa cho một bánh pháo và một que hương. Tôi run run châm đốt. Những tiếng nổ vung ra, tưởng chừng bóng tôi tung theo. Một lúc lâu, thời gian yên lặng đó là không gian, bỗng nó lại vang lên, nhưng văng vẳng gần xa trong bao thôn xóm khác: Mùa xuân tự gọi và tự làm vang bóng để trả lời mình. Thỉnh thoảng chúng ngất đi như hai người bị chạy đuổi bị khuất sau cây, rồi lại le lói lên, tưởng vừa bắt gặp... Tôi đi mạnh vào nhà... Nguồn cảm hứng chảy lan trên lòng rộng rãi. Trí óc tung hoành như bão táp, một hơi tôi viết luôn hai mươi mấy đoạn thơ xuân. Ngồi một bên, mẹ tôi khẽ liếc mắt nhìn. Cây bút vừa đặt xong, người đã đưa cho một đĩa bánh mà tôi vồ ăn lấy. Khí vị của mùa xuân ở bên ngoài theo gió ùa vào, nhưng tôi trong một cơn khoái trá nhũn mềm.

Có lẽ chính cái khí vị ấy đã theo tôi vào giấc ngủ, làm thơm cả những cành hoa trong mộng, những mộng hỗn độn về chiếm não tôi như những loạn quân rơi từ cung Trăng hay từ sao Đẩu. Cung Trăng hay sao Đẩu mà tôi hằng thờ lạy bao lâu.

Bình Định giao thừa 1937.

ĐỖ TỐN

Đỗ Tốn tên chính là Đỗ Đình Tốn, quê gốc Hà Nội, sinh năm 1920, sau này di cư vào Nam và mất năm 1974 tại Sài Gòn. Ông không phải là nhà văn có tiếng thời trước Cách mạng Tháng Tám (1945), nhưng *Hoa vông vang*, một truyện tình lãng mạn được nhiều bạn đọc đương thời chú ý.

HOA VÔNG VANG

Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa
Yêu một người ta dâng cả tình thương

H.C.

Ngày ấy Đỗ là một chàng trai mười tám, lòng đang tưng bừng mới nở, trông ai cũng đẹp. Suốt ngày vui cười, sẵn sàng yêu đương, chàng thấy tương lai toàn màu rực rỡ. Đang đầy tin tưởng, một hôm chàng gặp Phượng Trinh, một nữ học sinh tóc còn cặp sau gáy. Tuy không biết nàng bao nhiêu tuổi nhưng Đỗ cứ cho là mười sáu; và chàng nhủ thầm: "Chỉ mười sáu mới có thể có được đôi mắt sáng thế".

Lúc ấy là một buổi trưa mùa đông; dưới gió qua vòm cây, Phượng Trinh đang cười trong ánh nắng rung rinh cùng mấy chị em bạn học. Đỗ mong ước gì đâu mà sao khi vừa gặp chàng đã vội ngây người đứng ngắm rồi kêu khẽ: "Người trong mộng của ta đây rồi". Tay xách cặp, chân đi đôi guốc phi mã gót cao, lúc ấy Trinh mặc chiếc áo màu xanh gió thổi tung bay thấp thoáng ánh mặt trời. Thế là lòng chàng trai mới mẻ vội chọn nàng giữa trăm bông thắm; Đỗ đi xa xa theo Trinh về... thì ra Trinh đi qua nhà chàng, nàng ở phố gần đấy.

Từ đấy mỗi ngày hai buổi tan học. Đỗ vội vàng đạp xe

thật nhanh về để ngắm Trinh qua và những chiều nào được nghỉ sớm thì chàng đi bộ lên gần trường Trinh học đứng đợi nàng về để lẳng lặng đi theo sau. Song vì yêu quá chàng đâm rút rát nên chỉ dám nhìn thôi vả lại sợ Phượng Trinh cho lẫn mình vào con nhà phường phố bậy bạ nên chàng chỉ theo xa xa. Theo đến gần nhà mình thì Đỗ đi sang bờ hè bên kia rảo bước về cửa nhà đứng đợi. Bao giờ chàng cũng nhìn Trinh đi ngang qua với đôi mắt si ngây... và cũng nhiều lần chàng theo đến tận nhà. Cứ như thế mãi, dần dần Trinh cũng hiểu, vì đã có nhiều bận Đỗ thấy Trinh vào trong nhà, rồi vừa đóng cổng vừa đưa lên mắt ngập ngừng trông trộm chàng. Phượng Trinh cũng đã để ý tới chàng trai si mê mình. Mỗi chiều đi học về thường thường nàng hay đi thật chậm vui chuyện ríu rít cùng hai chị em bạn về cùng đường, có bận Đỗ thấy Trinh đứng lại vui thú cười rũ rượi để rơi cả cặp sách như một con chim non say nắng mới, Trinh luôn luôn ríu rít cười nói rả rích làm vui cả lòng Đỗ đứng nhìn.

Từ ngày gặp đôi mắt nhung huyền ảo tươi sáng của Phượng Trinh lòng Đỗ đã mang một nỗi yêu thương không cùng. Chàng đi hỏi dò các bạn quanh vùng về người mơ ước thì biết Trinh theo đạo Gia tô ngoan ngoãn. Gia đình Đỗ cũng theo đạo Gia tô nhưng là con trai nghịch ngợm, chàng không bao giờ đi lễ ở nhà thờ và cũng chẳng cần biết đức Chúa Trời là ai. Tuy thế từ ngày biết là sáng chủ nhật nào Trinh cũng đi lễ nhà thờ thì mặc dầu trời có rét mướt, Đỗ cũng dậy sớm đi lễ rất ngoan chứ không ngủ trưa như trước nữa. Hôm nào được trông thấy Trinh, hôm nào được luồng mắt đen của nàng nhìn lại, dù là bất ngờ, Đỗ ra về cũng sung sướng hát nghêu ngao rầm cả nhà. Và tối tối chàng thường đi qua nhà Trinh để được trông thấy cây dừa cây trúc đào trong sân trước cửa, chỉ thế thôi cũng đủ cho Đỗ trở về ngủ những giấc mê yên lành mà luôn luôn Trinh hiện ra tươi cười.

Tuổi trẻ có một lần và chỉ có một lần mới mẻ nhất Đỗ yêu không có tận cùng bờ bến. Sách học của chàng chỉ nhằng những tên Phượng Trinh viết đủ các kiểu.

Sau những ngày đi nhà thờ, Đỗ mới biết là có nhiều chàng trai khác cũng đi nhà thờ ngắm Trinh như chàng... nhưng chưa có ai được lọt vào mắt đen! Riêng Đỗ được nàng để ý. Đỗ cũng cho một phần là do gia đình chàng mà Trinh đã biết, tỏ ra chàng không phải là con nhà bậy bạ, tình chàng là tình chân thật. Mỗi lần sáng chủ nhật đi nhà thờ, hễ Đỗ thấy dưới luồng mắt của mình Trinh e lệ

luống cuống bước mau nép vào bên chị dâu là chàng cũng đủ thấy vui sướng cả ngày, mấy ngày.

Hoa mai đã nở!... Mùa đông qua! Tết đến! Bên bát thủy tiên hương thơm vấn vít, lòng trai run run lần đầu Đỗ cầm bút viết mấy lời chúc mừng năm mới... anh viết cho Trinh.

Rồi một buổi đầu xuân, Đỗ hỏi Tân, một cô bạn học của Phượng Trinh, thì Đỗ mới biết Trinh là tên gọi ở nhà, chứ ở trường chỉ gọi nàng là Phượng thôi. Tân lại nói cho Đỗ biết là các bạn ở lớp đã biết chuyện Đỗ theo Phượng và trêu chế Phượng nhiều lắm... nhưng Phượng không hề cãi lại mà chỉ đỏ mặt cười chạy trước những dịp cười của các bạn...

– Phượng yêu Đỗ rồi đấy...

Tân nói thế làm Đỗ sung sướng ngây cả người rồi hỏi:

– Thật à?... Thế thì tôi chết mất!

Chàng trai mới có mười chín, mỗi khi sung sướng quá là chỉ kêu chết.

Từ đấy Đỗ là người sung sướng. Có khi chàng đứng nói chuyện một mình với bờ thang là thường; có bận người chú vui tính của Đỗ bắt gặp cười bảo:

– Đứng cười một mình thế thì chó nó cũng biết.

Thế là hai chú cháu nhìn nhau hể hả... và lòng Đỗ vui tưng bừng, bình tĩnh mất hết. Có lúc chàng ôm lấy thằng nhỏ hét:

– Tao yêu mày lắm.

Rồi Đỗ viết một lá thư mà chàng đã tốn bao công nắn nót gọt rũa. Những ngày ấy là những ngày sung sướng hồi hộp mà bao cảnh mộng xôn xao trong lòng! Tới một hôm Đỗ dừng xe đạp ở bên đường đợi xe Trinh đi học về qua. Từ xa Đỗ đã nhận được chiếc xe; đến lúc trông rõ Trinh. Đỗ ngượng nghịu cố mỉm cười làm Trinh cũng phải buồn cười luống cuống thẹn ngoảnh đi. Đỗ đạp xe theo, nhưng mãi cũng không dám đi gần, chàng cảm động quá. Được nửa phố, Đỗ lấy hết can đảm liền đạp xe đi kèm cạnh xe Trinh. Giọng nói đã lạc cả tự nhiên; Đỗ ngập ngừng:

– Chào .

Trinh cũng cảm động và thẹn, nàng chỉ đỏ mặt mỉm cười đưa

chiếc mùi xoa lên miệng bẽn lẽn cắn thoáng nhìn lại Đỗ rồi lại nhìn đi ngay, mắt long lanh rộn ràng bao lời êm ái. Trời, luồng mắt làm Đỗ choáng váng ngây ngất muốn nói mà chẳng nên lời. Đỗ thò tay thả phong thư vào trong xe Trinh. Như sực tỉnh, Trinh vẫn mỉm cười cầm phong thư đưa trả lại miệng kêu khẽ giọng rất thanh:

– Ấy chết!...

Nhưng Đỗ đã hãm xe lùi lại phía sau.

Hồi hộp đợi mấy hôm cũng không thấy Phượng Trinh giả nhời, Đỗ suốt ngày băn khoăn trông ngóng người đưa thư! Rồi có một buổi kia Đỗ gặp Tân, nàng nói:

– Đỗ bỏ một lá thư vào xe Phượng phải không? Phượng nhờ tôi nói với Đỗ từ rày đừng làm thế nhỡ người ngoài người ta trông thấy thì người ta coi Phượng vào hạng người gì... có muốn nói gì cứ nói thì hơn...

Nghe xong Đỗ tươi tỉnh đưa tay lên gãy gáy bừng bừng sung sướng rồi đáp:

– Lúc ấy còn nói thế khỉ gì được mà nói!

Không biết Phượng Trinh có hiểu cho anh như thế? Chỉ biết sau đó Đỗ luôn luôn viết thư nhờ Tân đưa thì Trinh nhận. Nhưng mê say chàng đòi hỏi quá nhiều! Đôi lúc Trinh cũng đáp lại nhưng nói sao được tấm lòng thành thực si mê của chàng trai mười chín, kể sao được hết nỗi bồng bột! Tuy Trinh có trả lại nhưng ít lắm, chẳng đủ lấp một chút trong không gian to tát của lòng Đỗ. Trinh đã trả lại ít hay chính Đỗ đòi mong quá nhiều!... Nhưng lấp sao được lòng anh thuở ấy, lấp sao được biển cả đương lúc sóng tình dồn dập!

Chàng trai yêu đắm đuối buổi ban đầu thì còn đâu là bờ bến! Đỗ không cần, không nghĩ gì ngoài "Phượng Trinh của anh" ra. Hôm nào được Trinh đi học về đã vào đến trong nhà mà còn ngó lại một cái là chàng đủ sung sướng ầm ỹ. Những hôm ấy có ai tra hỏi gì đâu mà Đỗ cứ vui mừng kể cho chị nghe nào Trinh mặc áo màu gì, Trinh nhìn lại thế nào... Và có lần Đỗ khoe: "chị ạ, hôm nay rét, cô Trinh mặc một cái măng tô hơi ngắn hơn áo trong một tí, nhưng em trông lại càng thấy đẹp chị ạ, một vẻ đẹp riêng".

Dần dần chị dâu của Trinh cũng biết Đỗ yêu Trinh (có lẽ Trinh nói). Vì nhiều lần gặp Đỗ, chị nhìn chàng trai rồi nhìn cô em chồng

cười tinh ranh làm Trinh xấu hổ bám nép vào tay chị cười.

Những lúc đó Đỗ sung sướng đứng nhìn bộ tóc cặp xõa xuống lưng rung rinh vui thú.

Có một hôm chủ nhật Đỗ cùng cha đi săn bắn về mệt nên hôm sau Đỗ nằm nghỉ ở nhà rồi viết một lá thư cho Tân. Trong thư chàng nói: "Thế nào, Tân đã xin hộ Trinh cho tôi một tấm ảnh chưa, cố vào nhá, trăm sự nhờ Tân đấy! À, hôm qua tôi vừa đi săn về, mệt và mệt, phải nằm nhà nghỉ... nhưng nhớ Trinh lắm..." Vài hôm sau Tân nói nàng có cho Phượng xem mảnh thư ấy, và mặc dầu nó nguệch ngoạc nhỏ bé, Phượng cũng đã xin lấy lá thư đó. Và Đỗ sung sướng đến ngạt thở khi Tân bảo:

– Thư nào của Đỗ, Phượng cũng giữ cất đi cả...

Thôi, hồn Đỗ phơi phới như lên tới trời xanh!... và những lúc ấy, những lúc quá tin tưởng ấy, anh đã tưởng đời anh sẽ theo một con đường nhất định. Nhưng tính Đỗ cũng rất trẻ con, trong thư luôn luôn chàng viết những câu không đâu, chẳng hạn: "cái mũi Trinh trông ngon như viên kẹo dra - giê ấy" hoặc "tôi thích bắt Trinh mang thả trên đồi cỏ để xem Trinh ca hát chạy nhảy như một con sơn ca". Tuy thế Trinh cũng trả lời: "Thư Đỗ viết vớ vẩn lắm"... nhưng Trinh sung sướng.

Một hôm Đỗ đang đứng ngóng đợi xe Trinh thì có một nữ học sinh đi qua tươi cười nhìn chàng. Lòng trai đang đầy nhựa mạnh sẵn sàng yêu đương, không cưỡng được trước nụ cười cùng đôi mắt đưa tình của cô học sinh tinh nghịch Đỗ nhận ngay mối tình dễ dãi... tuy trong lòng chàng, Phượng Trinh vẫn là vị chúa có một ngai riêng cao quý mà không ai chạm tới được; lúc nào Trinh chả là hoa thơm cỏ quý của lòng anh; nhưng trong một lúc, chỉ trong một lúc thôi Trinh thoáng có ý tưởng rằng Đỗ cũng chỉ như một chim trời thấy rừng xanh thì sà xuống để mai mốt lại bay đi!... Trinh buồn!... nàng hơi ngờ! Một hôm Đỗ viết thư cho Trinh, trong có câu "thời gian trôi chảy, tuổi trẻ qua mau... Trinh còn đợi đến bao giờ mới đáp lại tiếng gọi của lòng tôi" thì nàng giả nhời: "đã có người đáp lại rồi còn gì!" Chàng trai chết đứng người, chàng nguyền rủa chàng, rồi chàng buồn lo hối hận vật vã thâu đêm.

Làm thế nào Trinh hiểu được bây giờ, làm thế nào...

Song mặc thế, tình giữa hai người vẫn bền chặt nhưng cũng vẫn mơ hồ.

Đã mấy tháng giời theo đuổi mà vẫn chưa lần nào Đỗ được Trinh hẹn hò cho gặp riêng một lần. Người thiếu nữ ngoan ngoãn vẫn tin ở tình chàng trai, nhưng chỉ sẵn lòng đợi chàng đến hỏi làm vợ. Tình yêu mà nàng hiểu là thành thực chỉ có thể đưa tới cuộc hôn nhân... mà Đỗ cũng thực muốn thế, song mới có mười chín tuổi chàng đã tính đến chuyện vợ con sao được. Vả lại chưa được cùng nhau hẹn hò một câu, chàng trai chưa dám chắc gì mà dạm hỏi... tuy đã bao lần trong mắt Phượng Trinh chàng tưởng được thấy hạnh phúc, chàng đọc thấy, nhận thấy một vẻ gì dịu dàng xô đẩy lòng chàng.

"Hay đó chỉ là một hạnh phúc đơn sơ khó kiếm" Đỗ vẫn băn khoăn tự hỏi thế những lúc không hiểu.

Sao không hẹn với nhau một câu, sao không thả hết tình yêu? Nhưng duyên số...

Rồi một ngày chủ nhật mà gió đã nóng, Đỗ đang lang thang ở phố thì nghe thấy một giọng nói vui vẻ bay đến tai:

– Phượng đâu? Sao lại đi chơi một mình thế? Không đi với Phượng à?...

... Tiếp theo một dịp cười – Đỗ ngơ ngác nhìn lên thì ra Tuyết, cô bạn học cùng lớp với Phượng Trinh đang đứng trên bao lơn tươi cười nói xuống. Đỗ mỉm cười cám ơn. Độ năm phút sau bất ngờ Đỗ gặp Phượng Trinh thật. Nàng mặc áo màu tím, đang đi mua hàng may áo nực cùng hai chị. Gặp Đỗ, Trinh bẽn lẽn không dám nhìn, nhưng có một lần Đỗ bắt gặp mắt Trinh ghé qua gáy chị nhìn trộm mình làm chàng sung sướng run cả người. Hôm sau Đỗ vội nhờ Tân đưa cho Trinh một lá thư, trong có đoạn:

"Hôm qua đi phố chơi, tôi đang lang thang thì nghe thấy một giọng nói từ trên trời bay xuống hỏi: "Phượng đâu? Sao lại đi chơi một mình thế, không đi với Phượng ạ?" tôi nhìn lên thì Tuyết, Trinh ạ – Đấy, đối với tất cả thì Phượng là của tôi đấy, thế mà tôi cứ chưa dám chắc! Trinh thử hỏi hộ cô Phượng, cô Phượng có cái mũi xinh xinh ấy mà, xem Phượng có phải là của tôi không?".

Tuy thế Trinh cũng chỉ trả lời lại Đỗ: "Thư Đỗ viết vớ vẩn lắm".

Thời gian qua mau! Hoa cánh phượng đà phơi sắc đỏ rực rỡ dưới

nắng gay gắt. Thế là mùa hè đã tới mà hai người vẫn chưa có một lời hò hẹn tuy trong lòng họ thành thực yêu nhau! Người thiếu nữ nền nếp giữ gìn theo luân lý cổ truyền đã đưa chàng trai vào chỗ rừng rậm của tâm tình. Đỗ cảm thấy Trinh yêu chàng đấy, nhưng không hiểu được tại sao nàng lại không cho gặp riêng. Mùa hè đã vô tình chia rẽ mối tình thơ ngây; không còn ai đưa hộ thư của Đỗ đến tay Trinh nữa.

Song tuy xa cách, Đỗ vẫn một lòng tin vào duyên số, tin vào tình yêu, tin vào Trinh, chàng vẫn còn nhớ rõ những lúc Trinh từ trong nhà e lệ nhìn ra, những nụ cười những gót chân luống cuống bước mau, nhưng đôi mắt ngượng ngùng bắt gặp... đôi mắt tươi sáng như tráng nước thu trong đã bao lần làm chàng ngây ngất, Đỗ đã vẫn bảo: "Thật anh chưa từng thấy một đôi mắt đẹp hơn trong đời, mà anh có nói thì chắc em lại chớp mau e thẹn". Đỗ tự an ủi trong những ngày xa cách Đỗ chỉ biết nhớ lại.

Nghỉ hè xong thì Tân ở quê, không ra đi học nữa. Trinh theo học một trường khác. Thế là không còn ai đưa thư hộ Đỗ nữa, chàng chỉ biết đứng nhìn theo xe Phượng Trinh. Sao Đỗ không đến tận bên nàng mà thổ lộ nỗi lòng? Có lẽ chàng e ngại! Chàng trai mới mười chín tuổi ấy mà! Ở đâu thì chàng hung hăng lắm, nhưng khi trước mắt người yêu thì chàng ngoan ngoãn như một con hươu non. Vả lại Đỗ vẫn tin là Trinh yêu mình, hơn nữa chàng sợ nhỡ đến bên làm Trinh phật ý thì sao. Năm ấy hai người ít gặp nhau lắm. Một hôm sắp tới mùa hè, Đỗ đi qua nhà Phượng Trinh... Nhìn vào, chàng thấy Trinh đang bế một đứa cháu nhỏ, con của người anh nàng: Trinh yêu trẻ con lắm. Đỗ đã thấy nhiều chiều vừa đi học về, là nàng vứt cặp chạy vội vào giành lấy đứa bé ở trong tay ru nó. Hôm nay Trinh cũng đang tươi cười bế cháu, nhưng lúc nhìn ra thấy Đỗ đang ngắm mình, nàng liền nghiêng đầu hôn đứa nhỏ, mắt đắm đuối vẫn không rời chàng trai.

Đỗ ra về sung sướng đến đau khổ, chàng biết là chiếc hôn đó riêng tặng chàng. Bữa nay cũng như đã bao lần đôi mắt ướt của Phượng Trinh làm lòng chàng xoa xuyến ngây ngất... Nhưng càng thấy Phượng Trinh cũng yêu mình mà không được thổ lộ nỗi lòng, Đỗ càng đau khổ bứt rứt. Dần dần thời gian qua, không làm sao được, Đỗ đành lẳng lặng buồn rầu trông mối tình xa cách, không phương gì nối lại. Tuy biết là chia rẽ nhưng chẳng hiểu tại sao tự đáy lòng sâu, Đỗ vẫn có một tia tin vu vơ, cái tin vô lý của lòng trai chưa hề biết thất vọng.

*
* *

Những giấc mộng đẹp hay ngắn ngủi, tuổi trẻ vô tình qua mau như đàn mòng khoang vun vút bay qua cánh đồng rộng để vội vã biến vào cảnh trời đông u ám. Nghỉ hè năm sau đã lại tới, rồi tới mùa thu! Một hôm đang ở rừng quê thì Đỗ được bạn viết thư cho biết tin Trinh đi lấy chồng. "Cưới chạy tang, bố chết,... trông Trinh chẳng vui gì sất cả v.v...".

Như những vết thương đứt quá mạnh làm ta tê đi không thấy đau, mấy ngày đầu Đỗ không thấy buồn, nhưng sau, nhiều lúc tự nhiên chàng thấy như mất một mục đích trong đời, chàng cảm thấy trong lòng chán nản. Tuy thế chàng vẫn yêu Trinh như trước và vẫn mang máng tin là Trinh yêu mình. Đỗ vẫn nói một mình: "Cứ để mặc anh tin em nhá".

Chẳng nỡ trở lại ngay chốn cũ, lấy cớ vì năng thức đêm đọc sách nên tâm thần suy nhược, nay cần tĩnh dưỡng, Đỗ ở tịt lại nơi đồi quê tĩnh mịch. Lang thang giữa chốn núi sông điệp điệp, bạn cùng cỏ cây xanh tốt, chàng mong sẽ thấy lại nỗi yên vui... nhưng ngày tháng qua, biết mấy lần trăng rằm đã mọc sau đồi cỏ mà cũng chỉ đủ rọi thêm choáng váng vào cõi lòng tỉnh thức bâng khuâng.

Chàng trai muốn quên mau. Song những ngày buồn nản qua không vội vã nên có lúc dừng ngựa mơ màng ngắm lá vàng bay giữa rừng vắng anh lại đau thương nhắn hỏi:

– Gió ơi, sao làm tình chóng đứt?...

Hoa tình rụng rời, bình tĩnh cũng dần dần trở lại, nhưng trong lòng Đỗ đã bớt tin tưởng!

Với gió đông về, cuộc đời học sinh lại nối tiếp... giữa chốn bạn bè náo nức vui tươi nơi nhà trường, lòng trai đã nhanh bước mau trở lại yêu đời. Rồi một bữa đến, một bữa đông lạnh mà ánh mặt trời chợt bừng sáng chan hòa giữa gió lạnh vang vang đê mê đứng ngẩn trông theo tà áo tươi màu đang phấp phới đi vào trong nắng gió, Đỗ lại thấy lòng bỗng rộn đập tưng bừng. Cứ thế mà qua mãi, người đời tha hồ bảo yêu có một lần. Đỗ chẳng tin; hoa thì tàn như lòng luôn luôn nở lại, cũng vì thế sau Phượng Trinh, biết mấy chuyện tình thơ ngây

đã tan vỡ! Kể sao cho thấu những nỗi vô lý chốn tình trường: chỉ vì lòng trai quá bồng bột si mê nên tình chẳng bền lâu! Tuy thế nhiều hôm bất ngờ tình cũ lại vẩn lên trong lòng, Đỗ lại mang ảnh Phượng Trinh ra ngắm rồi rầu rầu nói sẽ: "nhưng chưa có mối tình nào đẹp như tình em... Trinh ạ".

Khi lớn lên, chàng trai sớm vội đua theo các bạn vào cuộc đời chơi bời phóng đãng; dần dần chàng đã trở thành khôn khéo; quen ra vào nơi tửu điếm nên chàng nói dối đã không ngượng lời, mắt đầy gian trá, nhưng lúc ấy thì người đời lại tin chàng. Từ một đứa trẻ Đỗ đã thành một người, và những mối tình dễ dãi ở mọi chốn chơi bời: cứ tiếp tục mà qua mãi. Giữa cái cuộc vui nhả nhớt, chàng đắm say tươi cười; thật lòng trai quên sầu cũng dễ như yêu, nhưng lòng anh đã kém trong sạch, bây giờ khó tìm đâu cho thấy được vẻ sợ sệt rút rát si ngây thuở mười tám: một ít vẻ đẹp đã mất...

Đỗ đã yêu khắp nơi đến nấc cùng, đâu chàng cũng yêu đến si dại, tuy thế vị ngọt hoa tàn của chuyện qua vẫn mang máng ủ ấp lòng Đỗ một nỗi nhớ thương nhẹ nhàng như làn gió thoảng của một buổi sớm nào êm dịu xa xôi. Đỗ vẫn chẳng thể quên được người xưa, luôn luôn lòng chàng như nhớ tiếc mối tình ngây thơ cũ, như thiếu nắng dịu thiếu vẻ nồng nàn mà mắt Trinh chiếu lại. Đã bao lần yêu, đã bao lần sóng gió trong lòng, mà khi lắng hết chỉ riêng hình Trinh còn lại như vẫn còn sau cơn bão táp một cây cổ thụ đã ăn rễ sâu vào tận thớ tim Đỗ.

Sau đấy ít lâu Đỗ thôi học và về ấp ở với cha mẹ. Hồn Đỗ phức tạp, chàng yêu đồng núi quê hương nhưng chàng cũng không quên làn không khí say sưa của cuộc đời chơi bời; từ nơi ấy Đỗ luôn luôn trở về thủ đô. Một hôm gặp Tuyết nàng nói cho Đỗ biết:

– "Phượng khen Đỗ bây giờ ngoan lắm, về quê làm ăn rồi, lần nào đến nhà tôi chơi, Phượng cũng nhắc đến Đỗ..."

Ngây cả người, Đỗ không hiểu sao Phượng Trinh lại biết mình về quê làm ăn, mà mình có làm ăn gì đâu!... Nhưng Tuyết đã nhìn chàng nói nhỏ:

– Phượng vẫn yêu Đỗ lắm...

Trời, Đỗ muốn khóc lên được! Thấy Đỗ ngây đờ yên lặng, Tuyết mỉm cười nói tiếp:

Lần nào gặp tôi Phượng cũng nhắc đến Đỗ, cũng như Đỗ gặp tôi cứ hỏi chuyện Phượng ấy mà... Sao hai người không lấy nhau nhỉ...

... Rồi Tuyết kể:

– Ngày sắp cưới Phượng ấy, Phượng có chạy đến tôi nói chuyện. Tôi có hỏi sao không lấy Đỗ có hơn không thì Phượng nói "tại Đỗ không đến hỏi,... mà đợi thì biết đến ngày nào!" Với lại Phượng cũng không biết Đỗ có ý định lấy Phượng không mà đợi cơ!... Phượng bảo:

"Chả nhẽ em lại mang giầu cau đến hỏi Đỗ à?..."

Nghe xong, Đỗ đau đớn hỏi trách:

– "Sao Tuyết không nói cho tôi biết ngay từ ngày ấy"... thì Tuyết giả nhời:

– Ngày ấy tôi cũng hỏi, có ý tìm Đỗ, nhưng hình như Đỗ ít khi có mặt ở Hà Nội thì phải...

Khẽ gật đầu, Đỗ yên lặng bâng khuâng.

Từ đấy chàng chỉ biết mang câu duyên số ra để tự an ủi và từ đấy chàng càng tin chắc rằng chẳng bao giờ nữa Phượng Trinh quên mình, chàng vẫn nhủ thầm.

– Ai quên được những ngày đẹp đẽ trong đời...

Chuyện qua Đỗ vẫn giữ quí như một kho vàng. Lắm lúc bâng khuâng nghĩ lại, Đỗ vẫn thường cau có tự hỏi: "sao lại cứ nhớ, sao không quên đi cho tâm hồn được thư thái"... nhưng rồi chàng lại nói ngay: "không, đừng bắt ta quên, ta muốn nhớ cho đến lúc mãn chiều... Ở đời có những những vết thương êm ái. Như ta lúc này ai dám bảo nhẹ buồn là khổ, khi đó là dư âm của một thời rạo rực, trở về vang lại trong hồn". Và những khi ở Hà Nội, Đỗ vẫn hay đi nhà thờ, nhưng nay không phải vì ai nữa mà vì tin tưởng ở đạo giáo. Vả lại xuân đầu chỉ có một lần, chàng không muốn bỏ một cái gì của những ngày tuổi trẻ tươi thắm đã qua.

Một hôm vô tình Đỗ đi xe ngang qua nhà chồng Trinh. Nhìn vào, chàng thấy Trinh đang đứng trong căn vườn nhỏ như mơ màng. Có thế thôi mà về tới nhà chàng cũng sung sướng mãi và cả ngày nhắc nhở "có lẽ phút này Trinh đang nghĩ đến ta, có lẽ... có lẽ!". Rồi trên quyển sổ tay biên trăm thức lặt vặt, chàng viết mấy dòng: "có lẽ

như ngày nào đôi mày hơi đưa lên, em nhìn vào nơi nào không định. Nghĩ gì thế em? thôi, nghĩ chi hạnh phúc quá mơ hồ, cuộc đời éo le bất trắc. Em, trông gì ở nơi xa ấy, có phải là anh? Em, sao chẳng đáp lại tiếng gọi của lòng anh?".

Viết thế, Đỗ lại nhớ tới câu mà trước kia Trinh trả lời "đã có người đáp lại rồi còn gì" thế là chàng lại đấm vào má vò đầu rứt tóc hối hận. Trinh bây giờ đã hiểu lòng chàng mà sao Trinh ngày ấy lại trả lời chàng thế! Phượng Trinh có hiểu đâu lòng trai thuở ấy đương thời mới nở say sưa cảnh đẹp yêu mến cỏ hoa, mê giọng chim tiếng hót, khao khát tình yêu... như một con hươu non xông vào rừng thẳm để tìm cỏ quý, nhưng anh đã ăn cả cỏ dại lá lạ ở dọc đường! Hoa đẹp nhiều quá, lòng đang mới mẻ, anh giữ sao được không hái một hai bông gần. Đôi lúc nghĩ lại, Đỗ vẫn bực tức kêu lên:

– Họ bảo thế là bạc tình! Thật họ không hiểu, nhưng ta nói làm sao được! Ta không bao giờ bạc tình mà chỉ nhiều tình quá...

Ngày tháng qua đi, càng lớn lên càng bận công việc nhiều; ngoài những giấc mơ ngắn ngủi chả mấy khi Đỗ còn được gặp Trinh như xưa mà cũng chả mấy khi Đỗ còn được gặp Tuyết để nàng kể cho nghe ít chuyện về người cũ. Nhưng cứ tết đến, mỗi lần ngửi lại hương thủy tiên nhắc nhở xa khơi, mỗi lần thấy xuân về nở trên cành đào Đỗ lại thấy hoa tình cũ cũng nở lại trong lòng mình, vì thế năm nào chàng cũng vẫn gửi lời chúc mừng năm mới đến người xưa. Tuy chỉ vài dòng ngắn ngủi Trinh cũng hốt hoảng đọc vội đoạn cầm ép lên ngực nhìn trời chớp mau. Những lúc đó đôi mắt đen trong sáng lại mờ ánh lệ.

Họa hoằn có một đôi khi bất ngờ gặp lại trên đường, từ xa Đỗ thường đứng lại bên vỉa hè vờ vĩnh đợi ai để ngắm Trinh qua,... và cặp mắt nhung diễm lệ lại mở to xao động ánh tươi vui khi vô tình đặt tới người cũ,... rồi thôi, cả hai đều bâng khuâng không cười nói với bạn nữa, mà chỉ yên lặng để nghe tiếng thỏ thẻ xôn xao.

Ngắm Trinh qua một buổi rất gần, Đỗ thấy đôi mắt của nàng đã kém vẻ tươi cười như thầm bảo: "em không được sung sướng". Đỗ biết Trinh đã hiểu lòng mình, nhưng còn đâu nữa! Lúc hai người biết được tình sẽ bền chặt mãi mãi thì ai hay chả đã quá muộn rồi. Tuy thế Đỗ vẫn sung sướng với mối tình lỡ làng, mà chàng biết sẽ là nguồn tuổi trẻ mà chàng còn giữ lại được. Đỗ nhận thấy vẻ trong sáng của đôi

mắt người yêu sẽ mãi mãi là ánh sáng của đời chàng. Tình yêu xui Đỗ đôi khi có những mộng tưởng không ngờ, cũng như lắm lúc chàng tin rồi ra sẽ có ngày giọng Trinh nói khẽ bên tai: "ước gì đôi ta cùng bé lại".

Bất ngờ một hôm Đỗ gặp lại Tuyết, hai người vui vẻ trò chuyện xa gần, nhưng rồi cũng nhắc đến Phượng Trinh... Đỗ hỏi:

– Vừa rồi mới gặp, tôi trông Trinh như có vẻ buồn ấy... gia đình Trinh có chuyện gì không vui không?

Tuyết cười đáp:

– Sao Đỗ lại hỏi thế, Phượng Trinh ngoan lắm. Chồng Phượng không trách Phượng điều gì cả,... bố mẹ chồng cũng thế...

Đến lúc Đỗ nhíu đôi mày vui vẻ băn khoăn mỉm cười nói:

– Không biết tại sao tôi trông Phượng như không được vui. Phượng có được sung sướng không thì Tuyết thoảng cười buồn:

– Đỗ cũng biết tính Phượng trẻ con vui đùa là thế, mà chồng thì tính nết như ông cụ ấy...

Tuyết ngừng lại, mắt chớp bâng khuâng rồi mỉm cười nhìn Đỗ nói tiếp:

– Lấy Đỗ thì cố nhiên là vui hơn... À ngày xưa ấy mà, độ Phượng chưa đi lấy chồng ấy, một lần Phượng thấy trong sách ảnh của tôi có tấm ảnh của Đỗ chụp ngồi ở đống rơm, thế rồi Phượng cứ lấy, làm tôi phải đòi mãi...

Đỗ đứng yên lặng bùi ngùi trong lòng. Thấy bạn có vẻ buồn tiếc, Tuyết hạ giọng:

– Thôi chả cần Đỗ ạ, hình Đỗ ở trong tim Phượng cũng đủ rồi.

Từ đấy mỗi lần gặp người yêu cũ là Đỗ thấy như mình đang sống lại thời mê say thuở mười tám. Trong mắt Phượng Trinh chàng thấy lại một ít tuổi nhỏ, một chút nắng sưởi sấm cho lòng chàng ấm dịu, chút nắng thừa của một thời xa xôi. Nhưng lúc đó Đỗ chỉ biết đứng nhìn theo cho tới nẻo đường đã khuất mà tà áo Trinh còn phấp phới bay rồi chàng bàng hoàng ngẩn ngơ nói một mình:

– Trời ơi, đôi mắt đen quá, sáng quá, phải chăng là những tấm gương phản chiếu màu tươi sắc thắm của những ngày rực rỡ...

Đến một hôm chẳng hẹn trước, Tuyết rủ Đỗ đến nhà Phượng Trinh chơi. Gặp lại bao nỗi ngượng ngùng. Trinh càng sung sướng. Song bẽn lẽn cũng ruộm hồng đôi má; còn Đỗ thì ngây người cảm động ngắm bạn lòng cũ. Trước mặt chàng trai giọng Trinh nói chuyện với Tuyết mất cả tự nhiên; Đỗ ngồi nhìn trong lòng lâng lâng sung sướng, có một lúc Trinh quay sang mỉm cười e thẹn hỏi Đỗ:

– Độ này không hay gặp ông đi lễ.

Phượng Trinh gọi Đỗ bằng "ông"!. Nhưng làm thế nào, nàng đã có chồng! Nghe Trinh gọi mình như thế. Đỗ thấy nhói vào tim, nhưng hiểu tình thế mới, chàng vội trả lời:

– Độ này tôi ở nhà quê luôn,... thỉnh thoảng mới về Hà Nội, thành ra Trinh không gặp...

Ngừng một tị, Đỗ mỉm cười nói tiếp:

– Mấy lại ngày xưa tôi có đi lễ bao giờ đâu... từ ngày biết Trinh tôi mới đi nhà thờ đấy chứ. Trinh đã cứu vớt linh hồn tôi mà Trinh không biết...

Răng trên khẽ cắn lên môi dưới e thẹn, Trinh mỉm cười đỏ hồng cả mặt, rồi đưa ngón tay cong cong lên miệng cắn cắn cảm động, đoạn nàng nhìn Tuyết cười ngượng nghịu cất tiếng bảo:

– Đi lễ thế thì chảảả.. được phúc.

Nhưng mắt nàng sáng ngời, phải chăng vì duyên cũ! Ánh sáng ấy cũng đủ khêu lại lòng Đỗ ngọn lửa đã gần tàn; và trông Trinh cười đắm say. Đỗ thấy nụ cười tươi thắm ấy như đưa chàng vào một vườn nắng nhẹ gió vừa. Đỗ ra về với ít hoa nở lại trong lòng với ít tin tưởng rằng sẽ chẳng bao giờ hương tình cũ đến nỗi tan hay hết. Đời còn tươi đẹp và tươi lại vườn tình đang úa. Đỗ sung sướng trở lại nơi đồi núi quê hương và mang theo trong tim đôi mắt tươi cười của Trinh, đôi mắt trong sáng như tráng làn nước trong đã bao lần làm anh ngây ngất khi buổi đầu dịu dàng nhìn lại...

Vài hôm sau, một chiều vừa cưỡi ngựa đi chơi núi về thì Đỗ nhận được một phong thư, trong Tuyết viết: "Hôm qua Phượng lại đằng tôi chơi và bảo: Hôm nọ, lúc vào tới phòng tiếp khách thoát trông thấy Đỗ. Phượng choáng váng ngạc nhiên đứng dừng lại...".

Thôi thế cũng đủ làm Đỗ sung sướng đến rưng rưng nước mắt.

Tay vẫn cầm tờ giấy lơ đãng chàng lững thững đưa bước ra phía đồi sau nhà. Trời mát tóc thoảng nhẹ bay phất phơ trên trán... bâng khuâng vô tình đứng trông những bông vông vang phất phơ bên bụi cỏ đang kín đáo cúp lại trong gió chiều êm đềm, Đỗ lại thấy lòng bỗng tràn đầy tin tưởng như buổi mới... và man mác hy vọng, chàng như khẽ:

– Hoa còn có loài chiều hôm cúp vào để sớm mai nở lại em ạ, thì tình ta sao chả có lúc nối theo...

TRẦN HUYỀN TRÂN

Trần Huyền Trân tên khai sinh là Trần Đình Kim, sinh ngày 13-9-1913. Quê ông ở huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Ông mất ngày 22-4-1989 tại Hà Nội.

Trước Cách mạng Tháng Tám, ông làm báo, viết văn, làm thơ; cộng tác với các tờ tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san*... 1943, ông tham gia nhóm văn hóa cứu quốc. Bạn đọc thường nói đến Trần Huyền Trân với tư cách là một nhà thơ. Nhưng khối lượng tác phẩm văn xuôi của ông thời trước 1945 cũng có vị trí trong toàn bộ sáng tác của ông.

Sau cách mạng, ông tham gia Đoàn sân khấu Việt Nam, công tác ở Bộ tuyên truyền, phụ trách đoàn kịch Tháng Tám. Hòa bình lập lại (1954), ông công tác ở Vụ Nghệ thuật, tham gia Thường vụ Hội văn nghệ Hà Nội và Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Phó trưởng đoàn văn công nhân dân Trung ương. Thời kỳ này, ông chuyển sang hoạt động sân khấu, kể cả trong lĩnh vực sáng tác.

Tác phẩm đã xuất bản: *Sau ánh sáng* (Tiểu thuyết - 1940), *Bóng người trên gác binh* (T.T - 1940), *Tấm lòng người kỹ nữ* (T.T - 1941), *Người ngàn thu cũ* (T.T - 1943), *Lẽ sống* (Truyện ngắn), *Phá xiềng* (Viết chung), *Quan âm Thị Kính* (Chỉnh lý chèo cổ), *Ni cô Đàm Vân* (chuyển thể chèo), *Tú Uyên - Giáng Kiều* (Chèo), *Vân dại* (Chỉnh lý chèo cổ), *Rau tần* (Thơ - 1986).

LẼ SỐNG [1]

Đã lâu lắm, Kim vẫn cắm cúi kéo lê ngọn bút trên trang giấy. Cả những nỗi nhọc nhằn đã đè còng lưng anh, cả những nỗi phẫn uất, đau đớn đã chất nặng lòng anh như trong lòng mọi người, tất cả đang âm thầm trào ra ngọn bút, cùng giọt mồ hôi lã chã chảy xuống cằm.

---

1. In theo báo của Thư viện Quân đội ký hiệu $\frac{P}{77}$ 6339 do Hoa Tiên tái bản 1967 tại miền Nam.

Bỗng Kim dừng tay lại, ngẩng đầu lên. Thấy Linh cũng đang miệt mài chép lại bản thảo của mình, Kim âu yếm bảo vợ:

– Thôi hết giờ rồi. Xin mời bà thư ký về với con.

Nghe câu nói khôi hài của chồng, Linh vòng hai tay lại, lễ phép đáp:

– Dạ, thưa ngài để tôi chép nốt hai trang nữa ạ. Ngài trả thêm cho một giờ "supplément".

Đặt bút xuống bàn, Kim dịch ghế lại gần nắm chặt lấy bàn tay nhỏ nhắn của vợ:

– Khuya rồi em ạ. Em đi nghỉ đi kẻo mệt.

– Nhưng mai đến hạn đưa bài rồi mình?

– Còn cả ngày mai nữa cơ mà? Vì mai nhà in họ còn lên khuôn báo của họ. Đi em, ngừng tay đi nghỉ và quạt cho con. Đêm nay oi, nhiều muỗi lắm.

Linh đặt bút xuống bàn, khẽ tát vào má chồng, nũng nịu:

– Con ngủ rồi. Còn em, em muốn chờ mình, sao mình cứ xua em như xua tà ấy?

Ấp tay vợ vào lòng bàn tay mình, Kim buồn rầu khẽ nói:

– Nhưng em có biết là em vừa băng huyết khỏi không? Làm để mà sống, chứ làm để mua lấy cái ốm vào mình ư? Em phải lo nghĩ, phải vất vả thế này, thật anh tủi lắm. Vì anh thiếu bổn phận người chồng. Thật đấy em ạ! Anh không làm cho vợ, cho con được ấm no đầy đủ, sung sướng như người ta...

– Ồ! Mình điên đấy ư? Sao mình cứ phải băn khoăn với cái giàu sang của người đời? Tuy vợ chồng ta phải vất vả, nhưng như lòng em, thì em thấy sung sướng lắm rồi. Mà đầy đủ hơn ai hết nữa kia. Con, đấy là cả mai sau của chúng ta. Còn sự nghiệp của anh là cái gia tài vĩ đại và bất diệt của đời chúng ta. Em chẳng thiếu gì nữa, chẳng thèm khát tý gì nữa...

Linh ngừng lại, vì thấy mắt chồng đang đăm đăm như đặt cả tâm trí vào bóng lá cây lay động ngoài vườn. Nàng biết là chồng đang âm thầm suy tính về sự sống ngày mai. Cảm động, nàng ngả đầu vào ngực chồng, như một đứa con nũng nịu ép đầu vào ngực mẹ.

Mà thật thế. Ý nghĩ của Linh cũng đang đi theo với ý nghĩ của Kim. Kim đang đang suy nghĩ về sự ham muốn lạ lùng của một số đông bạn đọc, như một y sĩ giải phẫu một căn bệnh người ốm.

Vì hơn một tháng nay, tập "Nhọc nhằn" của Kim xuất bản, không thấy được hoan nghênh như những loại tiểu thuyết huyền hoặc, hoang đường.

Và chiều qua, Kim đi nhặt nhạnh tiền để in tập sau, thì các hàng sách đã trả lời chàng bằng một câu thất vọng vô cùng: "Ông "lia" truyện thần tiên quái quỷ như họ có hơn không?"

Cũng tự chiều qua câu đó Kim nhắc đến không biết là lần thứ mấy. Mà mỗi lần nhắc lại thì cả nỗi phẫn uất ở lòng anh lại như ồ phá ra ở câu nói chua chát ấy.

Nhưng Linh biết làm thế nào? Linh biết nói thế nào? Lòng Linh có phải đâu là lòng độc giả?

Vả lại, Linh cũng không muốn chồng nàng làm tên mọi cho cây viết. Thà rằng đói khát còn hơn là bán rẻ linh hồn! Nàng chỉ còn biết an ủi chồng bằng sự thao thức, cặm cụi chép lại bản thảo đỡ chồng, cho chồng vững tâm quả quyết xa lánh những cám dỗ nhỏ nhen, quả quyết nêu ra cho đời một lý tưởng: một lẽ sống có ý nghĩa.

Về khuya... Gió ban đêm khẽ rung cành lá ngoài vườn, lào xào như hơi thở mệt nhọc của chồng Linh. Lúc này, Linh nghe rõ tiếng đập yếu ớt của trái tim chồng, rè rè như tiếng máy chạy của chiếc đồng hồ đã lâu ngày quên không cho dầu, không lau máy. Bỗng Kim thở mạnh ra một cái, khẽ nâng đầu vợ lên:

– Linh đi nghỉ đi để anh viết... Chóng ngoan.

– Nhưng mình hãy đọc lại em nghe đoạn kết "Nhọc nhằn" đã cơ.

Chiều vợ, Kim với tay lấy trang giấy đang viết dở mà bảo:

– Xem xong mình phải đi nghỉ, mình phải nghe anh nhé!

– ... Và phải quạt cho con nữa chứ? Thôi mình để em đọc lấy.

Linh vừa nói vừa với lấy trang bản thảo ở tay chồng, lẩm nhẩm đọc:

"... Rồi đêm ấy, một đêm cuối cùng của đời Mai, cùng với đời ngọn bút chỉ chuyên viết ra những âm hưởng của lòng đau nhân loại.

Rón rén bước xuống đất, Mai vơ nốt mấy tập giấy trên bàn nhét vội cặp da, rồi đứng thẳng lên nhìn quanh gian nhà như một tên trộm. Mà Mai là một tên trộm thực. Chỉ một phút sau đây. Mai sẽ ăn trộm, ăn cướp cả hạnh phúc, cả sự bình yên của cái gia đình cỏn con kia, gia đình chàng.

Nhưng về phần Mai thì Mai không nghĩ thế. Chàng cho rằng chàng sở dĩ lén vợ, bỏ con ra đi là chỉ cốt để vợ con được sung sướng, được trở về với gia đình cha mẹ đẻ là một gia đình trưởng giả, không thiếu thốn như cái tổ sơ sài của chàng.

Mai từ từ nhìn về phía chiếc giường tre buông sùm sụp cái màn sô đã thủng nhiều chỗ và ám khói vàng khè.

Qua lần sô thưa, vợ và con Mai vẫn ngáy đều đều, bình tĩnh. Chàng phải cắn chặt môi để giữ lấy tiếng thở dài, và chớp mắt luôn mấy cái cho những nỗi thổn thức ở trong lòng ứa ra. Trên má Mai phút chốc ướt đầm nước mắt.

Chàng đứng lặng đi. Bỗng, chàng xua mạnh tay một cái và quả quyết bước ra phía cửa. Chàng khẽ đẩy then gỗ rồi lẻn ra như bị người xô mạnh. Nhưng Mai vội lùi ngay trở vào, vì bên ngoài đang mưa to mà từ nãy Mai vẫn không biết.

Vòm trời lúc này u tối và lạnh giá như lòng chàng. Mai thấy rõ rệt cả cuộc đời mình sau này sẽ lao đao, vất vả như con đường lầm lội, tăm tối mà chàng sẽ phải nặng nề đặt bước đi qua..."

Linh vừa đọc hết đoạn bản thảo, vội ngẩng ngay lên hỏi chồng:

– Thế Mai có bỏ đi thật hở mình?

Kim thở dài:

– Bỏ đi thật chứ? Vì Mai thương vợ, thương con lắm kia. Chàng đã không nâng đỡ nổi vợ con thì phải chịu lấy hết mọi sự đày đọa một mình. Phải chịu hết lấy một mình!

"Phải chịu hết!" Câu đó lạnh như một giọt nước giá ngắt rỏ vào tận hồn Linh. Nàng lo lắng, ngước nhìn chồng:

– Trong tiểu thuyết thì đã đành. Nhưng... nhưng mình đừng theo cách hành động ấy nhé! Mình đừng bỏ em, bỏ con, tội nghiệp!

Thốt nhiên, nàng rùng mình ôm chầm lấy chồng vì thấy trên má chồng có ngấn nước đọng long lanh.

– Mình! Kim ơi! Kim làm sao thế? Kim khóc đấy à?

Kim mỉm cười – nụ cười như che sự rạo rực trong lòng – cúi xuống hôn vợ:

– Không! bức quá, mồ hôi đấy em ạ! Thôi em đi nghỉ để anh viết nốt đi. Em nghe anh đi! Em đang yếu...

– Mình đuổi em?

Linh lại ấp mặt vào ngực chồng, nhắc lại câu nói ban nãy, giọng nói van lơn như tiếng khóc:

– Nhưng mình đừng theo cách hành động của Mai trong tập "Nhọc nhằn" ấy nhé! Mình đừng bỏ em, bỏ con, tội nghiệp!

*

Rồi đêm lần lần qua như cái bóng lướt êm đềm.

Kim vẫn cắm cúi một mình trước ngọn đèn dầu, kéo lê ngọn bút trên những trang giấy trắng... Chàng viết, viết và hy vọng, viết và nghĩ rằng:

"Người chồng trong một gia đình hãy cho là luồng gió, vậy vợ con tất là những ngọn cỏ tươi. Gió có bao giờ thổi mãi một chiều, nhưng gió thổi chiều nào, thì ngọn cỏ phải rạp theo chiều ấy. Vậy có đạo sống nào bảo người chồng cứ phải làm giông, làm bão, và giá cứ giông bão mãi thì cỏ còn tươi nõn được làm sao? Hạnh phúc ở đời bao giờ cũng sẵn sàng dâng ta. Nó góp nhặt tất cả những gì là tầm thường, mà có ta không để ý, tỷ như lúc ta đứng trước bể cả ấy là lúc ta đã đứng trước hàng vạn đầu mối của sông con"

Kim nghĩ thế thì mỉm cười, cái mỉm cười không ra tiếng, nhưng mà thấy nhẹ tênh tênh.

... Thế rồi, lại cả những nỗi nhọc nhằn đã đè còng lưng anh, cả những nỗi phẫn uất, đau đớn đã chất nặng trong lòng anh như trong lòng mọi người, cả những quãng đời thiêng liêng của hai tấm linh hồn đau khổ: vợ và anh, tất cả lại âm thầm trào ra ngọn bút, cùng với giọt mồ hôi trộn nước mắt lã chã chảy xuống cằm.

BỘ ÁO RÉT CỦA NHÀ THƠ

Khi Kim ở nhà bạn ra về thì trời đã khuya lắm, chừng hơn hai giờ sáng.

Gió bấc hắt mưa xiên trên dãy nhà mái ngói cũ, so le, trông như đắp những mền chăn nâu sẫm. Hai bên hè phố, những cây xau táp lá, rũ ra như đứng chịu tang trời.

Điếu thuốc lá bị mưa thấm, cháy gần đến môi mà Kim vẫn không biết. Bước chân anh cứ xào xạc dẫm trên lá rụng ngập đường.

Thỉnh thoảng, anh lại ngẩng nhìn nước mưa đổ như suối từ trên vài ống máng cao xuống thềm gạch.

Hình như đôi giày của anh đã nặng lắm. Và cái đầu không mũ, tóc ướt sũng, nước tự do trôi xuống mặt, kẽ tai, vào cổ, và luồn lọt xuống tận lưng anh.

Vẫn ngửa mặt, Kim tiến lên chiều mưa ngược, miệng khẽ ngâm thơ.

Qua những phố vắng, rồi lại qua những phố vắng, theo dọc đường xe điện, anh đã về đến một cửa ô.

Vài anh xe ngồi gục vào nhau lánh mưa rét dưới một mái hiên rộng, dáng chừng đang ngủ gật, chợt cùng ngóc đầu lên.

– Xe thầy, mưa gió thầy đi xe.

Trong lúc Kim chưa kịp trả lời thì đã có một giọng khác lè nhè ngái ngủ:

– Ối dào! Trông cuốc bộ thế kia thì xe với pháo gì!

Kim điềm nhiên cho tay vào túi và mỉm cười. Rồi, kéo cao cổ áo trùm lấy gáy, anh bước mạnh thêm. Bóng anh lung lay lẫn vào những bóng cây trên đường ướt.

Bảo rằng anh không biết rét thì thật là không đúng, nhất là đêm nay, một đêm mưa gió như thâu góp tất cả hơi lạnh của mùa đông lại, để làm tê tái những lòng cô quạnh.

Nhưng người ta chưa hề thấy anh, lấy một lần, phàn nàn đến cảnh ngộ thiếu thốn của mình. Người ta thường cho anh là gàn dở. Họ không biết rằng anh chỉ là một thi sĩ, một người trời sinh ra để khơi dần mạch sống thấm thía ở một tấm lòng chứa muôn vạn tấm lòng. Anh là một loài ong mật, một loài tầm tơ. Cho nên mưa gió, đói rét, anh thường coi là nguồn sống dồi dào cho linh hồn, cũng như những bữa cơm rau là nguồn sống thanh sạch cần cho xác thịt.

Nên tự bao giờ, người ta chỉ thấy anh rộng rãi tiêu thơ. Còn tiền bạc, có lẽ anh nghèo lắm, nghèo như một cây hồng quế trồng trên miếng đất xác xơ, không màu, không cả người vun xới.

Bởi thế đã trọn một mùa đông, đã nhiều ngày giá rét, đã nhiều thiếu nữ đua nhau mặc áo hồng, đã nhiều căn nhà đua nhau quét vôi hồng – cái màu ấm như lò sưởi – người ta vẫn thấy anh chung tình với bộ áo nát nhầu và trắng lạnh như tang.

Cũng vì vậy nên đêm nay, sau buổi họp bình văn với vài bạn thân, Nguyễn quân nắm chặt lấy tay anh, thân mật bảo:

– Anh Kim! Hình như anh lạnh lắm. Tôi thấy anh yếu quá, chừng anh chưa có áo rét thì phải.

Kim nhìn bạn đăm đăm. Thì Nguyễn đã sợ bạn hiểu lầm ý mình, vội tiếp:

– Đó là lòng thành của tôi. Tôi thấy tôi mặc nhiều áo mà còn giá lạnh thì chắc anh cũng thế. Kim, anh hiểu tôi đi! Nếu anh chưa kịp may thì hãy lấy tạm một bộ của tôi mà mặc.

Như thẹn với cái bề ngoài xộc xệch, bẩn thỉu của mình, khi người ta nghèo thì cũng dễ bẩn thỉu lắm, Kim đã toan nói dối. Song vừa ngước lên, Kim chợt thấy cặp mắt Nguyễn thăm thẳm như chứa chất cả lòng anh. Cảm động, Kim trả lời:

– Áo rét tôi có, nhưng đã phải cầm đi cũng mùa này năm ngoái.

– Sao lại cầm đi? Mà lại cầm đi giữa mùa lạnh?

– Ồ sao nữa? Vì một việc cần đến tiền chứ sao?

Kim toan nói rõ là vì ngày giỗ cha, song Kim lại thôi.

– Vậy anh phải chuộc đi. Đây, anh cầm tạm lấy món tiền nhỏ này, mai chuộc về mà mặc. Tôi thấy anh ho nhiều quá mà trời lạnh thế này buồng phổi chịu được làm sao? Đấy, anh đã biết, mấy bạn chúng ta như anh Trâm chẳng hạn, vì đi gió sương quá lạnh mà bị cảm, rồi ốm, rồi chết, rồi để lại thương tiếc cho văn chương.

Trạnh nghĩ đến chiếc thân đầy đọa, Kim thở dài nắm chặt bàn tay bạn. Chàng thấy hơi ấm tự lòng bàn tay Nguyễn truyền sang tay anh, rung động, thấm thía hình như ai vừa tiếp cho người anh ít máu còn hôi hổi nóng.

Lúc anh ra về, đi đã xa, còn nghe vẳng trong gió mưa tiếng Nguyễn dặn với:

– Sớm mai lên uống rượu nhé, Nguyễn chờ.

Cái phút ấy, cái phút mà như cả thời gian với không gian đều quằn quại nghe những tiếng giao tình của xương của máu hai nghệ sĩ, giờ đã thản nhiên trôi qua rồi, trôi mau như nước rãnh trôi xuống những cống lớn trong thành phố. Nhưng bây giờ, Kim lại thấy rạo rực sống lại ở trong lòng, có lẽ còn sống đến vô cùng, đến mãi mãi...

Bất giác, hai má Kim đẫm ướt không biết là nước mưa hay nước mắt, giữa lúc anh bâng khuâng nói, giọng khác hẳn đi:

– Ta không ngờ ở đời này còn có người tiêu tiền bằng tấm lòng, bằng tình cảm, trong khi cả cái xã hội chỉ biết tiêu tiền bằng lý trí. Ồ! Chỉ có những lòng đau mới biết thương xót nhau ư?

***

Kim ngẩn ngơ không biết quán trọ của chàng ở về phía nào nữa. Anh đã đi lạc đường, và đến đây, mệt mỏi quá, anh dừng lại dưới một vòm cây đang ào ào lật gió.

Một cái hồ mênh mang rộng, nước dâng đầy, mở bao la ra trước cặp mắt ngơ ngác của anh. Sóng hồ đang giẫy giụa như một tấm vải lớn căng trong gió lộng. Đó đây, vài khóm tre đứng ôm nhau rũ xuống nước, nghiêng rạp đi, rít lên răng rắc từng hồi. Và ở đâu trong đêm mù, có tiếng chó lạnh sủa rống lên.

Bâng khuâng nhìn, Kim chợt thấy có người đang giơ cao chiếc vó, bóng nổi lên da trời. Cạnh đấy, trơ vơ một túp lều thấp bé, úp sụp trên một miếng gò con.

Một cảm giác xúc động rất mạnh khiến anh buột miệng kêu lên:

– À, ra đây là Ô Chợ Dừa. Nhà mẹ ta kia và có lẽ cả bóng mẹ ta kia.

Nhưng anh chợ nghĩ đến người đàn bà đã thản nhiên bỏ con, bước đi bước nữa sau khi chồng chết. Cả một dĩ vãng u uất tự đâu, bỗng theo mưa gió trôi qua lòng anh. Giây lát, chẳng biết nghĩ sao, giọng anh cất cao lên gọi:

– Đẻ ơi! Đẻ kéo vó đấy à?

Trong làn mưa có tiếng hỏi rất gấp, trôi qua hồ:

– Ai đấy? Anh cả đấy ư?

– Vâng, con đây.

– Chờ đẻ ra đón, kẻo đường lội trơn đấy.

Rồi cái bóng người kéo vó chui vào lều, và liền đó, lập lòe một mớ đuốc đi ra. Trong ánh lửa lom đom rình tất, có tiếng nghẹn ngào hỏi anh:

– Con giận gì đẻ mà lâu không về thế con? Đẻ cứ tưởng là con đi mất những đâu đâu rồi.

Kim chưa kịp trả lời thì bà mẹ đã ra đến nơi, run run nắm lấy tay anh:

– Ở đâu về mà quần áo ướt sũng ra thế kia? Đi, đi về lều để nhóm lửa mà sưởi, mà hong quần áo. Đêm hôm mưa gió đi thế này lỡ cảm thì rồi làm sao?

Những câu ấy đột nhiên nhói vào lòng Kim và đọng lại như nước mắt. Anh rùng mình thấy không phải là câu nói của người đàn bà đã phụ nghĩa chồng và tình con nữa. Nó là lời rên của một tấm lòng bà mẹ thăm thẳm vô cùng. Anh nắm chặt lấy bàn tay lóng cóng ấy, và nhìn cái lưng đã còng dưới sức mưa sức gió đang lom khom ở trên hai ống chân lẩy bẩy, lẩm cẩm dò từng bước dắt anh đi.

Từ lâu, tất cả cái gì thiêng liêng tha thiết của lòng anh tưởng chừng đã bị ai cướp mất, nay lại trở về. Anh càng cảm động hơn khi thấy bà mẹ anh chỉ mải săn sóc, nghĩ ngợi đến anh, bà quên rằng chính mình, chính cả năm chục tuổi đầu kia, cũng đang dầm trong mưa dầm sương muối, nương nhờ vào cái vó để cố sống trong một hoàn cảnh lù mù như chết.

Lòng anh bỗng dưng se lại, và cuộn lên, như có một cái gì làm chua xót lắm. Giọng anh dè dè hỏi mẹ:

– Đẻ kéo cá làm gì mà khuya khoắt thế? Mà trời lại mưa to, gió lớn...

– Ồ con! Nước cả thì mới có cá to chứ! Trời mưa thế này là trời cho đẻ cái ăn đấy.

– Thường một ngày đẻ có kiếm nổi dăm hào cá không?

– Làm gì? May mắn ra thì mới được vài hào. Vắt mũi mới đủ nuôi miệng thôi con ạ.

Hai mẹ con đã vào đến trong lều. Đây là một cái túp chống lên bởi dăm chiếc cột, và lợp bằng lá gồi lẫn với vài manh chiếu rách. Với Kim, nó chỉ như một quán nước nghèo nàn mà anh thường gặp trên đường giang hồ, bỏ chơ vơ làm quán trọ cho gió bụi ở khắp nơi về ghé tạm để rồi đi.

Kim ngậm ngùi nhìn quanh, rồi ngồi xuống một mảnh ván mục đặt trên mấy hòn gạch. Trong khi ấy, bà cụ lúi húi nhóm những cành rong để hâm nước và nhân thể hơ quần áo cho con. Một tiếng cá quẫy mạnh ngoài hồ bỗng làm mặt bà tươi ra trước ánh lửa.

– Mẻ ấy có khá không?

Có tiếng nói vọng vào trả lời:

– Suông rồi, bà ạ.

– Thế thì ông thả thuyền sang lũy, đón đường cá đi. Ở đấy, nước hồ bên sang mạnh lắm đấy.

Ngoài lều có tiếng thuyền ràn rạt siết lên mặt nước. Kim biết ngay là ông già Năm, người chồng sau của mẹ chàng, đang bơi thuyền về phía lũy tre.

Tự nhiên anh thấy lòng bứt rứt. Ôm lấy đầu, anh toan đứng lên, thì bà mẹ đã chắt được bát nước nghi ngút khói đem đến. Bà mở to cặp mắt kèm nhèm nhìn anh, rồi đưa hai bàn tay dăn deo xoa lên đầu, lên cả mặt, lên cả vai anh, mà âm thầm bảo:

– Đẻ nấu cháo cá con ăn nhé. Chập tối kéo được năm con chép, nấu hai còn để ba mai rán cúng thầy. Ngày còn mồ ma, thầy con thích nhắm rượu với cá chép rán lắm cơ đấy.

Nghe mẹ nói, lòng Kim nấc lên như khóc. Anh bàng hoàng chợt nhớ ra, tự bao giờ xa lắm, ngày mai là ngày cha anh lìa vợ, lìa con. Và năm ngoái, ngày mai là ngày anh phải mang cầm bộ rét lấy ba đồng bạc để lo cúng giỗ.

Tự nhiên anh cho tay vào túi. Tờ giấy năm đồng bạn anh vừa đưa, nước mưa thấm qua lần vải áo, đã làm ướt mềm. Anh mân mê tờ giấy và cúi đầu suy nghĩ.Nếu để yên nó nằm đấy, thì mai sớm, nó sẽ đem về cho anh bộ áo rất ấm, gọn gàng bọc lấy tấm thân đã giá hai mùa đông.

Nhưng anh chợt rùng mình. Ở một thế giới nào xa lắm, anh thấy lờ mờ có một linh hồn vô thừa nhận đang lang thang vơ vất, sống lủi thủi ở giữa người ta.

Anh ngẩng phắt lên, mắt sáng quắc nhìn mẹ:

– Mai đẻ cúng thầy con?

Ngạc nhiên, bà cụ nhìn anh:

– Thế con quên cả ngày giỗ thầy con rồi ư? Chập tối đẻ đã cúng cơm rồi đấy.

Trong mắt mẹ, anh bỗng thấy có lồng bóng đôi mắt huyền bí, sâu thẳm như là mắt cha anh ngày xưa. Anh không dám nhìn nữa. Và anh cúi đầu để đau khổ ở mắt anh tan đi, rơi xuống. Anh thấm

thía, thấy người đã lấy được tất cả linh hồn mẹ anh, cả đời mẹ anh chỉ là người đã khuất. Mà ở anh, thì – than ôi! Tất cả những gì thiêng liêng cao quý của đời đã chiếm mất lòng đứa con ngoan ngoãn ấy rồi.

Ngùi ngùi, anh đặt nhẹ tờ giấy bạc vào lòng tay mẹ, và chỉ nói nhanh ra được một câu rất ngắn ở trong cái cổ họng đã như tắc lại:

– Đây, mai mẹ giỗ thầy!

***

Kim bước vội vàng trên phố vắng, dưới vòm trời quang đãng, gió bấc đã khô. Anh phơi phới nhìn thành phố vừa gội sạch nước mưa, miệng ngâm vơ vẩn, như muốn xua cái hình dáng của mẹ anh khi run run cầm lấy cái tờ giấy đã thu lấy hai hố mắt bà. Ồ! Hai hố mắt mới thảm hại làm sao! Nó đã khô, đã dại, đã vợi hết nguồn sống, thế mà lúc ấy, nó còn long lanh như ứa nốt ra tất cả tình mẹ con còn sót lại.

Nhưng Kim chợt nhớ tới Nguyễn, người đã cho anh năm đồng bạc và, lát nữa, chờ anh lên uống rượu với bộ áo sẫm màu.

Bạn anh sẽ ngạc nhiên, và còn ngạc nhiên mãi mãi, khi thấy anh vẫn áo đơn bốn mùa dầu dãi.

Băn khoăn, Kim chép miệng:

– Chi bằng ta lánh anh ấy đi.

Nói thế, nhưng Kim vẫn biết là không sao lánh được. Cái cớ nó bắt Kim lánh Nguyễn, lại là cớ làm Kim phải nhớ tới Nguyễn luôn. Vả số tiền Nguyễn giúp Kim có áo ấm mà luôn luôn lên thăm nhau, thì có thể nào là cớ làm xa nhau được?

– Hay là ta nói thật?

Kim nghĩ thế, nhưng còn thấy cái sự thật nó ngượng ngùng làm sao, dù nó không thể làm hạ giá trị Kim đối với người bạn thiết.

Anh thở ra một tiếng thật dài. Và lòng anh cứ băn khoăn, vì có bao giờ bạn anh biết được rằng cái bộ áo không chuộc được kia đã bọc ấm được cả một thế giới tình cảm vô hình, trong đó có ba linh hồn lạnh lẽo: linh hồn người đã khuất và mẹ con anh.

MỘT BUỔI CHIỀU MƯA

Cái hình bóng bà ta cứ rạo rực trong lòng tôi từ ngày ấy, nhất là trong mấy hôm nay, giông bão ray rứt mãi tỉnh thành, tôi đứng trên gác trọ thấy mưa ngập tràn đường, lá cây giạt như đóng bè ở hai bên cống rãnh.

Đó là một quả phụ đã luống tuổi, sống lần hồi ở một vùng đầm nước hẻo lánh, cạnh một bãi tha ma về ngoại ô.

Cả cái gia đình góa bụa ấy có một túp lều, một chiếc vó, một con ngan, và ở cả bà ta, tôi chỉ thấy có cặp mắt mới như là còn sống.

Nếu trời có những ngày u ám toàn là buổi chiều mà gió mưa dùng dằng làm vàng úa cả lòng cây cỏ, thì ở bà ta, cặp mắt thăm thẳm lạnh như thép ấy, cũng có thể làm xúc động những cõi lòng đã hiểu sâu xa nghĩa sống.

Chao ôi! Chẳng biết có phải là khi hiểu được thế nào là nghĩa sống, thì chính sự sống không còn có nghĩa nữa không?

Người đàn bà góa bụa ấy có cặp mắt mới thảm hại làm sao! Tôi tưởng chừng đấy là một cái gì u uất đã kết lại đời đời, mà chỉ những đêm tịch mịch bà ta mới đốt nhang đứng nhìn theo khói tỏa lên trăng, mắt sáng lên như cầu nguyện.

Ngày ấy, tôi gặp bà trong một chiều mưa. Vì đi thăm bạn ở một thôn xa về, rủi gặp cơn giông, tôi đành xin vào tạm trú trong lều. Lần đầu tiên chui vào cái vòm nứa uốn như vòm thuyền buộc chặt vào hai thân cây và nước ấy, tự dưng tôi thấy lòng thoáng gợn lên như sóng những cảm giác của một kẻ văn minh lạc vào một cảnh sắc thời xưa.

Có lẽ vì chân đi mãi trong những căn phố rực đèn, mắt gặp luôn những bức tường chói những màu sắc với cột điện chi chít những dây, linh hồn tôi đã bị trói buộc, thắt bóp lại từ lâu.

Cho nên lúc ấy, trong một mái lều cũ, trống thênh thang, không cửa liếp, không phên che, lòng tôi được cởi mở ra với gió đầm, với mưa bãi.

– Thầy cứ ở đây chờ mưa ngớt hãy về. Chờ mưa ngớt. Nhưng suốt buổi chiều ấy mưa cứ bay trắng mặt đầm. Tôi đành ngồi

náu ở trong túp lều mà thỉnh thoảng chiếc bục tre lại rung lên như võng đưa, cơ hồ muốn bay đi theo gió.

– Gió to quá bà lão ơi!

– Cũng chả ngại, thầy ạ! Ở đây trừ phi hai cây vả nước này gẫy thì mới lo. Nhưng giống cây này dẻo lắm. Nó tự dưới đáy nước mọc lên. Sóng gió nào mà sợ!

Và như đã quen thân với những ngày giông bão, bà ta thản nhiên đi thổi mồi lửa châm vào chiếc đèn làm bằng một cái chai vỡ treo ở góc lều.

– Thầy chờ tôi nấu bát nước chè tươi uống cái đã. Mà nếu thầy không chê, thì ở đây lát nữa lót bữa tạm với già một bát cơm gạo đỏ.

Trong lúc tôi kiếm lời từ chối thì bà cụ đi vét một bát đàn cơm nguội ở trong cái niêu đất, đem để vào một cái giỏ to treo lập lờ ở trên một vũng bèo. Liền đó, có tiếng chiêm chiếp kêu lên và tiếng rúc lạch cạch trong giỏ. Bà cụ quay lại bảo tôi:

– Con ngan này chẳng biết thằng cháu mua hay xin được ở đâu, cháu đem về cho tôi tháng trước. Cháu quý con ngan này lắm, và cháu gọi nó là con thiên nga. Nay ngan thì còn mà thằng cháu đã không còn...

– Cụ có người con mới mất?

Câu hỏi của tôi hình như thấm vào lòng bà cụ. Bà nhìn cái giỏ ngan một lúc, rồi tự dưng hai dòng nước mắt bà ứa ra, chảy dài trên hai má.

Bà quay lại nhìn tôi, nửa ra vẻ sợ sệt, nửa ra vẻ trìu mến, mà bảo:

– Cháu tuy còn sống, nhưng cũng không khác gì đã chết thầy ạ. Cháu nó đua anh đua em... đã lâu rồi, không thấy trở về đây nữa... Nay nhìn con ngan ấy, tôi chẳng khỏi nhớ con...

Nghe nói, lòng tôi như se lại. Lời than thở của bà lão ấy tôi thấy còn thảm hơn là tiếng khóc, tiếng gào...

Rồi suốt buổi tối ấy, tôi đã thay một người con cố kiếm lời an ủi bà mẹ đã hiến giọt máu của mình...

Đến nửa đêm, tôi mới lững thững trở về...

*

Từ ngày ấy đến nay đã hơn hai tháng trời. Cuộc sống càng

ngày càng chật vật, giam hãm tôi ở cái thành phố chật hẹp này, buộc thắt lấy thời giờ của tôi.

Lần lữa mãi, tôi chưa lúc nào xuống thăm lại túp lều ở ngoại ô ấy được.

Rồi hết những ngày nắng như thiêu đốt, lại đến những ngày mưa bão ngập cả tỉnh thành.

Mãi đến hôm nay bão rớt vừa tan, tôi lần xuống gần đến nơi thì đã thấy mặt đầm dâng lên rất cao, và túp lều của bà ta ngập gần sát mái. Tôi bồi hồi lên tiếng gọi. Một lúc lâu, tôi mới thấy bà ta như một đống rẻ rách ở trên chiếc cầu vó đứng lên. Lối cỏ vào lều bây giờ nước đã ngập trên đầu gối. Chiếc vó nâu của bà ta thấy mắc lửng lơ ở giữa trời.

Như đã quên tôi, bà ta lên tiếng hỏi:

– Thầy muốn mua cá ư? Đã nửa tháng nay mưa bão, nước đầm sâu không thể nào kéo vó được.

Tôi phải nhắc lại tên mình, bà cụ mới chợt nhớ ra:

– Ồ! Thế ra là thầy! Thế mà già này quên bẵng đi mất. Thế nào? Thầy lội từ ngoài ấy vào có chỗ nào sâu lắm không?

– Không cụ ạ. Chỉ mới trên đầu gối.

Câu đáp của tôi làm mặt bà cụ phút tươi ra. Bà lom khom đi lại bên cái giỏ nuôi ngan bấy giờ vì nước lớn đã treo ở cạnh bục. Bà bắt con vật ra, và bảo tôi:

– Tôi phải bán nó đi thầy ạ. Nuôi nó mà trời cứ mưa gió mãi, nó cũng đến chết đói theo người mất thôi. Mà thả cho nó đi kiếm ăn một mình thì ở đây họ gian ác lắm, họ bắt ngay trước mắt mà mình già yếu cũng chẳng làm gì được họ đâu...

Ngừng lại, bà cụ xách con ngan như nựng một đứa con, rồi nói tiếp:

– Nó bị nhốt mãi nên gầy đi nhiều lắm.

Rồi không hiểu sao, vừa thấy con ngan nhoài cổ, vẫy cánh, như thèm xuống nước, bà lão thả ngay nó ra, và lẩm bẩm nói:

– Thôi ta chẳng bán. Cũng chẳng nhốt nữa. Ta thả.

Nói đoạn, bà đăm đăm nhìn con ngan trắng như bông, vì bị giam hãm lâu ngày trong chiếc giỏ hẹp nên cuồng cẳng, đang bơi lao đao và ngã chúi vào đám bèo, bà bỗng nhiên mỉm cười qua hai khóe mắt rưng rưng...

LÁ RỤNG

Lá rụng!...

– Vơ nhanh tay lên em. Rồi về kẻo bu đợi cơm đấy!

Cái Bèo đang mải nhìn một đàn chim sẻ chòng nhau trên cành bàng, thấy chị giục, nó lại còng người xuống, tay cầm chiếc chổi tre cùn mà vun lá khô lại thành từng đống. Còn cái Chích, chị nó, thì chạy lăng xăng, vơ từng ôm lá vào vạt áo đem ấn vào một cái sọt không.

Hơi may về chiều đã lạnh. Thỉnh thoảng những giọt nước giá ngắt của trận mưa ban chiều còn đọng trên cành cao, lại trút từng loạt xuống đầu xuống tóc, xuống mình mẩy hai chị em đứa bé.

Chợt như sực nhớ ra sự gì, cái Bèo lại đứng ngây người lên, mắt chớp chớp nhìn chị:

– Nhưng chiều nay đã có gạo đâu mà bu chờ?

Thấy em hỏi, cái Chích bèn lựa lời nói dối em:

– Gạo bu đã đong sáng qua rồi. Tiền bán nốt buồng chuối lá sau vườn đấy thôi!

Tuy nói thế, nhưng lòng cái Chích cũng thấy bồn chồn. Vì tiền bán buồng chuối được hơn hào chỉ đã đong gạo ăn mất ba bữa rồi.

Nó ngần ngại nhìn cái sọt lá còn vơi, rồi lại giục em:

– Bèo ơi! Vơ nhanh lấy đầy sọt thì chị em ta về. Chiều nay may ra bán được dăm xu đấy.

Rồi hai chị em lại vơ, lại quét, lại nhặt nhạnh những chiếc lá bàng loang lổ đỏ như những vết máu dây ra đầy đường.

Mỗi ngọn may lại thổi qua, mấy cây bàng già nghèo nàn lại trút nốt từng loạt lá. Chị em cái Chích lại reo lên, vì chúng nó hy vọng rằng quét được nhiều lá, bán được nhiều tiền để dành đong gạo. Chúng nó sẽ không phải bữa ăn bữa nhịn như thường ngày.

Một chiếc lá rơi ngay xuống lưng cái Bèo, chị nó cười khanh khách bảo em:

– Bèo kìa! Một chiếc lá cưỡi lên lưng em đấy!

Cái Bèo quờ tay nắm lấy chiếc lá, reo lên:

– Chú ta đây rồi!

Cả hai chị em cùng cất tiếng cười vang, tiếng cười ròn và trong của hai linh hồn thơ dại, dễ quên lo, dễ quên khổ, mà có lẽ chúng cũng không tự biết được là khổ nữa, bởi vì đã quen đi rồi.

Nửa giờ sau, lá bàng đã nhét đầy sọt. Cái Chích sung sướng bảo:

– Thôi đi về em...

Cái Bèo đứng thẳng người, vươn vai nói:

– Hôm nay được nhiều nhỉ, chị nhỉ. Chắc bu mừng lắm đấy. Mai em đòi bu mua tép để kho với sung chứ ăn cơm rưới nước cà mãi mặn lắm.

Rồi cái Chích lễ mễ đội sọt lá đi trước, Bèo lủi thủi cầm chiếc chổi theo sau. Hai chị em cùng lặng thinh không nói, hình như trong bụng dạ cả hai đứa cùng nghĩ đến bữa cơm chiều.

Bỗng một tiếng quát thét sau lưng làm hai đứa cùng hốt hoảng giạt vào lề đường. Sọt lá trên đầu cái Chích chao đi, suýt bị đổ. Chúng hú vía. Và khi định thần rồi, chúng nhìn ra thì là chiếc xe nhà của bà Phán ở dãy phố ngoài cái ngõ chúng ở; trên xe có hai cô bé trạc tuổi chúng áo quần hoa hoét đang cười rúc lên với nhau, vì anh xe nhà suýt hất đổ cái sọt của hai chị em đứa đi quét lá.

Cái Chích nhìn theo xe, trỏ bảo em:

– Bèo ơi! Chị em cô Cúc cô Mai, con bà lớn gì... ở phố ngoài ấy mà. Em có nhìn thấy không?

Cái Bèo không đáp lời chị, mà chỉ nói:

– Áo các cô ấy đẹp nhỉ?

Cái Bèo nói bằng giọng rất thản nhiên, tưởng như không thèm muốn, không ước ao. Có lẽ tuy nó còn bé mà cũng đã biết được rằng nhà nó nghèo lắm, có ước ao cũng chẳng được cho nào. Có lẽ từ ngày bố nó chết đi, mẹ nó lần hồi chạy ăn từng bữa, nên cái đói, cái rét, đã rèn cho nó biết an phận và biết chịu đựng cả rồi.

Chúng nó vẫn bước đi. Một lát, chừng đã thấy mỏi tay, cái Chích đặt sọt lá xuống vệ đường, bảo em:

– Nghỉ tí đã, Bèo nhé?

Cái Bèo vứt ngay chổi xuống đất và ngồi bệt xuống cái chổi, mà nói:

– Ừ, phải đấy. Em cũng thấy mỏi chân rồi.

Hai đứa thu dọn ngồi châu vào nhau, châu vào sọt lá. Đột nhiên, cái Bèo nghếch mắt ngó về phía trước: một đám khói xanh thấp thoáng trên mấy mái rạ trong vườn chuối đang bốc lên. Nó vui vẻ bảo chị:

– Chị Chích ơi! Có khói, có khói rồi! Kìa! Bu đang thổi cơm đấy. Thôi chúng ta mang nhanh lá về để bu đun.

*

Vừa đến cửa, cái Bèo đã vứt vội chiếc chổi vào góc hè và gọi to:

– Bu ơi! Bu thổi cơm chưa? Hôm nay chúng con quét được nhiều lá lắm cơ, bu ạ.

Không có tiếng đáp, nó vội chạy tọt vào nhà. Vẫn thấy bu nó nằm cuộn tròn trong chiếc chiếu rách trên giường, nó bèn lại gần vừa lay, vừa gọi:

– Bu ơi! Bu! Dậy đi bu!

Luôn bốn năm tiếng vẫn không thấy mẹ đáp, cái Bèo quay ra hè bảo chị:

– Chị Chích ơi! Bu ngủ rồi.

Cái Chích chạy vào thò tay qua đầu chiếu để rờ trán mẹ. Chao ôi! nó mới biết trán mẹ nó đã giá ngắt, vì vất vưởng sốt mấy ngày nay mẹ nó đã không thể cố gắng để được sống với chúng nó nữa rồi.

Liền khi ấy có một luồng gió vù vù thốc vào mái rạ và làm xô xát khóm chuối rách đầu lều. Cái Bèo bé dại chỉ nghĩ ngay đến lá rụng. Nó chạy te lại góc hè, nhặt chổi và bảo chị:

– Gió lại to! Chắc lại nhiều lá rụng lắm. Hãy để bu nằm ngủ đấy, chúng ta đi nhặt lá rụng đi...

Nhưng nó bỗng trố mắt và ngạc nhiên hết sức, vì thấy cái Chích, chị nó cất tiếng òa khóc và gào lăn lộn "mẹ ơi!..."

Lá rụng!...

ĐÀN NGAN CON

Những mảnh nắng gắt với bóng lá thưa loáng thoáng chạy qua cái sàn xe, làm đôi ngan càng ngơ ngác kêu lên chiếp chiếp... Chúng vẫn cố rúc cái cổ bé ra ngoài mắt nứa. Lượt lông măng óng như tơ ở cổ, cọ mãi vào nan lồng, đã sù ra. Mắt chúng vẫn thao láo ngước nhìn tôi, đầu gật gật như khi đói đòi rúc vào cánh mẹ.

Xe vẫn chạy. Chiếc lồng nhỏ quá, run rẩy theo chiếc xe, làm chúng lại ngã dụi vào nhau và loạng choạng như say nắng.

Tiếng kêu không dứt của hai con vật bé bỏng ấy, khiến người phu xe đã luống tuổi đột nhiên nói:

– Đôi ngan con này hẳn nhớ đàn lắm. Chừng mới nở độ nửa tháng ông nhỉ?

– Chừng thế.

– Có đến dăm hào một đôi không ông?

– Cũng độ chừng ấy.

Tôi uể oải đáp, rồi tự dưng thấy trong lòng gờn gợn như bị cái gì có cạnh sắc sướt phải. Giây phút, tôi thấy thắc mắc quá, và có cảm giác của kẻ đi trốn một hối hận sắp hiện ra. Cũng tự dưng tôi thấy khó chịu cả với tiếng dập gẫy của những chiếc lá xấu số đang chao mình trong nắng, ngã xuống mặt đường. Tôi phải ngả hẳn người vào lưng xe vì thấy đầu hơi rức và hâm hấp.

Hết quãng phố có lùm cây. Ánh nắng của khoảng ba giờ chiều cứ xiên chếch vào mặt tôi, tuy không nóng nhưng hơi chói. Mí mắt tôi thấy hơi nặng đi. Song không phải là tại sức nắng đầu mùa hạ đã bốc dội lên trong bụi khô. Cũng không phải là vì sự quyến rũ của giấc ngủ. Tuy chưa hiểu là vì đâu có phút nặng nề ấy, tôi cũng cứ lim dim mắt lại.

Khó chịu làm sao! Tôi lại chợt thấy lờ mờ hiện ra hai bàn tay già nua, đầy những gân, đang bắt đôi ngan bụ bẫm đặt vào cái lồng nứa hẹp. Ồ! Tại sao hai bàn tay của đời bà già cô quả ấy, khi quờ quạng trong cái lồng chật những tiếng khóc bé nhỏ của đàn ngan mới nở, bây giờ vẫn còn run rẩy ở một nơi sâu thẳm nào trong hồn tôi?

Tôi nhắm hẳn mắt như một người thiu ngủ.

Bỗng nhiên, vẫn ở một nơi sâu thẳm nào trong hồn tôi, lại thấy có một cái bóng mờ mờ như ở trong sương hiện dần ra ánh nắng. Mới đầu là một mớ tóc gần ra màu lông ngan, có những bụi đen. Rồi một khổ mặt lèo nhèo những thớ da thiếu thịt. Sau cùng là hai con mắt. Chao ôi! Rõ rệt nhất là hai con mắt ấy! Tôi tưởng đó không phải là vật để ngắm cuộc đời, mà chỉ là hai vết thương sâu hoắm nào, chưa khép miệng, còn rỉ ra ít nước.

Đấy là bà chài thổi cơm trọ cho tôi. Và cái hình dung ấy là lúc bà ta ngồi trước bu ngan, lẩm nhẩm tính ngày phiên chợ để đem đàn ngan đi bán.

Trong khi đó thì tôi ngạc nhiên hết sức, nhưng không dám hỏi. Là vì tôi còn nhớ cái đêm bắt đầu trong ổ trứng nứt ra tiếng kêu thứ nhất thì bà ta vội ngồi nhỏm ngay dậy, hấp tấp đi thổi mồi lửa. Bà soi vội vàng quanh cái ổ ngan, và soi rất lâu. Rồi, rờ tay lên mình con ngan mái, bà vuốt ve đầu nó, cánh nó, đuôi nó. Mặt bà, dưới ánh lửa, khởi sắc ngay lên, khi nghe dưới đôi cánh xòe rộng kia có tiếng kêu chiếp chiếp.

Chừng bà tưởng đó là tiếng của đứa cháu nào chào bà hẳn. Bà mừng rỡ quá. Y hệt một bà mẹ già mừng rỡ thấy con gái mình vừa sinh nở xong.

Bà ôm lấy đầu con vật, và căn dặn:

– Mổ nốt trứng cho con nó ra. Sớm mai, mẹ tròn con vuông đủ cả, thì bà đi vớt bèo tấm non và dọn lại ổ cho gái ạ!

Gái ạ! Đó là tên con ngan mái ấy. Bà gọi thế đã quen đi. Cũng lâu rồi, bà không nghĩ con ngan ấy là con ngan nữa. Đó là con gái bà. Đó là hình bóng, đó là hồn thiêng, đó là tất cả sự nhớ thương người con gái độc nhất của bà đã chết đâu từ bao giờ, xa rồi, xa lắm lắm, nay lại hiện về thác sinh làm con ngan.

Cho nên ngày ngày bà vẫn thủ thỉ với nó. Có khi bà lại nhiếc mắng nó nữa. Vì cô gái lãng mạn kia hay bỏ bà lủi thủi, đi rong chơi những bờ bụi xa lều.

Ở đời, cái gì đã xích lại gần nhau, tất nhiên hiểu biết tình nhau. Và nếu yêu được nhau, thì sẽ chịu đựng được nhau tất cả những nết hay, tật xấu. Con ngan mái ấy cũng vậy.

Từ khi xổ ở nơi nào tới cái ao bèo này, lân la đến bên lều vó của

bà chài, được ăn cơm đỏ, được rúc bèo xanh, được nghe gọi êm đềm, dần dà thành thân thuộc. Càng thân thuộc hơn, từ ngày bà dọn cho nó một cái ổ dưới chân lều và lẵm cẵm đi chợ xa cưới về cho nó một tấm chồng trai trẻ.

Cái gia đình ba mẹ con ấy rất thuận hòa, cứ quấn quýt nhau, không ai nghĩ đến thời gian và không gian nữa. Người mẹ già, sớm chiều vẫn đi kéo vó tôm, vó tép quanh ao, nhưng không còn âm thầm như chiếc bóng, bây giờ bà gọi cái gái luôn mồm. Và cái gái bây giờ cũng đã trở nên một cô con ngoan, một người vợ hiền, không dông dài như trước.

Cô bắt đầu thấy yêu cảnh đầm ấm của gia đình. Cũng bắt đầu, cô thấy những bước đi của mình hơi mệt nhọc, rồi ăn chẳng thấy ngon.

Ấy là thời kỳ cô gái biết phong vị và kết quả của ái tình. Cô đẻ trứng. Thấm thoắn, mười lăm cái trứng nở con. Cô biết mình đã làm bậc mẹ.

Bao nhiêu là mừng vui, là hy vọng, đã sống lại ở một cõi lòng già đơn chiếc làm cho mảnh thân đã hư hỏng hết kia lại thấy muốn bám riết lấy cuộc đời!

Bây giờ thì người đàn bà đã già mỏi như cái cuống lá già mỏi, biết sợ gió mạnh và mưa rào. Bây giờ bà ta thấy mình còn có một bổn phận để say mê, như một người mẹ góa say mê nuôi đàn con mọn, dù cho vất vả.

Bổn phận của bà ta là cả cái đàn ríu rít kia, lẫn vợ chồng ngan mái, vì sau khi ấp con, ngan mái không chịu đi rúc bèo kiếm ăn lấy một mình.

Thế thì tại sao bà nỡ đem bán cái đàn con thơ, cháu dại ấy đi? Chắc bà ta đã lẫn mất rồi! Chắc bà giở chứng để rũ cuộc đời, để dứt hẳn tình nghĩa với bầu đoàn cái gái kia mà đi, đi cho khỏi đau lòng, đi cho khỏi thương tiếc.

Chắc hẳn thế. Vì người ta thường khi xót thương nhau quá lại hay có những lúc quyết liệt với nhau. Đó là những cử động rất tàn nhẫn và thê thảm, cốt để làm cho kẻ yêu thương mình hờn giận hẳn mình đi, nếu biết trước cuộc chung đụng sẽ không thể nào bền đỗ nữa.

Lúc ấy, tôi nghĩ thế, rồi nhìn đàn ngan mà thương chúng vô cùng. Mai đây bà chài nếu đem xuống chợ thì không biết chúng sẽ

tan tác vào bao nhiêu cái lồng chật hẹp, vào bao nhiêu cuộc đời giam hãm, và chết mòn mỏi đi ở những phương nào?

Không! Không nỡ để thế được! Tôi phải mua chúng, mua tất cả. Tôi phải tìm cho chúng những cuộc đời sung sướng hơn, những nơi có cơm trắng, có nước trong, có ổ kín đáo không còn sợ mèo chuột rình mò, lại có những đứa trẻ xinh ngoan suốt ngày đùa với chúng. Người ta sẽ không thường như cõi đời, thường như mọi người, là nỡ vặn cổ, bẻ chân, vặt từng nắm lông măng dính máu đi, cho những cái mình non trơ trụi còn giẫy giụa ấy vào chảo mỡ.

Không! Người ta sẽ không thế. Mà người ta sẽ nhân đạo hơn thế nữa, hơn nhiều. Vì họ đã biết đàn con họ cũng là những con ngan con.

Đó là những anh bạn đồng nghiệp với tôi. Các anh ấy tôi vốn biết, rất giầu về tấm lòng. Nơi các anh ấy ở, tôi đã thấy bừa bãi những sách và lóc nhóc những con. Hai thứ ấy làm cho lòng người ta có những gì thấm sâu hơn, hồn có những gì xa rộng hơn, làm cho người ta biết thấm thía nghĩa yêu thương.

Chắc cũng không còn gì vừa ý các bạn tôi bằng đem cho các con anh vài con ngan nhỏ ấy nữa! Những con ngan ấy sẽ tiết kiệm cho các anh được chút tiền mua quà về cho đàn con vài con giống giả ở hiệu tây, những con giống bằng bông, bằng cao su, thì có bao giờ biết cử động, biết cười và biết khóc.

Sau cùng, tôi bèn nhận mua cả đàn ngan. Tôi bảo bà chài bắt ngay hai đôi mẫm nhất và mừng rỡ đem đi, để mà bây giờ lòng ngậm ngùi, hối hận quá.

Phải, tại sao lúc nãy tôi không cố nghĩ ra rằng người đàn bà ấy sở dĩ chịu để tôi cướp mất hai đôi cháu dại đi, không phải là vì không còn hơi sức để chăm chút lấy cháu mà chỉ vì cần tiền. Ở đời, tôi chẳng nhìn thấy bao nhiêu cảnh bán vợ đợ con chẳng khác bán đàn ngan này ư?

Phải. Nếu không thế sao lúc tôi đưa tiền cho bà ta thì cặp mắt khô dại ấy bỗng sáng lên, và sau đấy, tôi thoáng nhìn lại thấy có hai ngấn nước.

Thế ra tôi đã vì thương đàn ngan con, vì yêu các bạn, mà tôi đã vô tình dập cho tàn hẳn từ nay một cuộc đời thoi thóp, tôi đã giầy xéo lên một tấm lòng sâu ẩn của một con ngan già đáng thương hại nhất!

Chẳng những thế, ngay như đôi ngan đang ngơ ngác trong lồng ở dưới chân tôi kia, nào có biết rằng tôi chỉ thiết tha đến chúng? Đấy, chúng đang giẫy giụa, đang thò cổ ra ngoài những mắt lồng chật hẹp mà nhìn, mà gào, mà khóc, vào tận lòng tôi.

Hẳn là chúng vừa nghĩ đến bà chúng, người bà già nua lẫm cẫm ấy, giờ này đang trông đi ngắm lại cái bu vang lên những tiếng khóc mà mắt khép dần lại. Hẳn là chúng nghĩ đến mẹ chúng cũng đang nhắc đến tên chúng khi thấy dưới đôi cánh thiếu mất hai tiếng gọi. Và chúng còn nghĩ đến cả cái nơi chỉ có bóng tối, với màu xanh mát của ao bèo, của rêu nước, của bụi cỏ, chứ không vàng những nắng lóa mắt và ngạt lên thứ không khí oi nóng như ở đây.

Đúng rồi! Tôi đang là một con diều hâu, một loài chim độc ác! Không! Quyết không thể được! Tôi mà lại nỡ thế ư? Vì chính đời tôi đã tàn tạ đi, đã héo hắt đi, đã chỉ là một con ngan con lạc loài nhớn lên, và thiếu đã lâu nhiều quá những thứ tình!

Vội vàng, tôi dậm chân xuống sàn xe toan bảo quay lại, thì ngửng ra đã thấy tới nhà bạn. Đàn con anh ta đang reo lên tên tôi khi thấy tôi đến có chiếc lồng ngan ríu rít.

Lần đầu tiên, tôi nhìn nhà bạn tưởng như là nhìn một nơi cửa ngục.

Hỡi đấng Thượng đế mà bấy lâu ta chưa hằng tưởng đến cái bàn tay hào quang hay lông lá đã gieo rắc số mệnh trần gian của Người mà cả nhân loại bơ vơ này kinh sợ.

Giờ đây, ta nghiêng mình trước cái ảo ảnh Người hiện ra ở lòng ta. Giờ đây ta chịu đặt Ta vào Người, bên cái đạo sống bất diệt của đời ta.

Vậy Người hãy che chở cho bầy ngan con và bầy cháu dại ta kia! Người hãy chắp thêm cánh cho chúng, và cho những bầy trẻ mọn, và cho ta, và cho tất cả loài người bé nhỏ để thoát ra những cuộc đời giam kín, nhỏ nhặt và khổ não, tuy có xê dịch song vẫn chỉ là những cái lồng con xê dịch trong một cái lồng chắc chắn rộng lớn hơn từ muôn ngàn năm là miếng đất bụi bậm này.

CHIM LỒNG

Mua lại của người bạn được con chim "Mộc", chú tôi hí hửng xách nó về.

Trông con chim mới tiều tụy làm sao! Lông cánh xác xơ, lởm chởm, mắt lim dim gần mất hết tinh thần, nhảy lên nhảy xuống uể oải như không còn nghị lực. Ngắm nó, tôi tưởng đến một anh chàng thất nghiệp, tả tơi đã hai ngày không có một hột cơm nhồi vào chiếc dạ dày trống rỗng.

Nhưng chú tôi bảo nó có cái mỏ "diều hâu", đuôi "lá cờ", chân "quạ" cứng và sắc, là những cái đặc điểm của một con chim hay.

Thế rồi, chú tôi chăm chút nâng niu nó như chăm chút nâng niu một đứa con cầu tự. Nào mua một cái chậu riêng cho nó tắm, nào sắm một cái áo lồng thật đẹp, rộng cho nó vẫy vùng.

Tiền gạo, tiền trứng, cái ăn của nó tốn kém nhiều lắm, khiến thím tôi kêu ca, ta thán luôn miệng:

– Tự nhiên đi rước của nợ ấy về!

Chả biết chú tôi có để ý đến những lời xói móc ấy không, chỉ thấy đi làm về, ăn cơm vừa buông đũa buông bát là, cái tăm ngậm miệng, chú tôi đã ngồi xổm cạnh lồng chim xem nó nhảy nhót. Thỉnh thoảng cao hứng, chú tôi lại gật gù ra dáng thích chí lắm.

Chỉ khổ cho tôi phải giữ việc trộn gạo với lòng đỏ trứng gà đem phơi khô, rồi bóp cho rời từng hạt, đổ vào một cái cóng sứ, còn cóng bên lúc nào cũng phải đầy ăm ắp nước trong.

Được vài tháng sau, lẽ cố nhiên con chim Mộc đã đỏ da thắm thịt. Lông nhung óng mượt, cặp mắt sáng ngời, nó bay nhảy và hát vang lên như một hướng đạo sinh phổng tuổi. Mấy ông bạn chú tôi đến chơi – cố nhiên toàn là bạn chơi chim cả – khen nức khen nở là chú tôi may mắn mua được một con chim tốt hót hay.

Chả biết hay về cái vẻ gì, chứ tôi nghe nó hót như để nhạo báng thằng đầy tớ của nó.

Một ông ra mặt thạo, bảo chú tôi:

– Chỉ một tháng nữa có thể cho ra hội được. Liệu ghép "Nàng thơ" cho "Thi sĩ", ấy thôi!

Ông nữa hình như phóng viên nhà báo, tiếp luôn:

– Nghe đâu làng Nam Tràng sắp mở cửa hội thì phải. Liệu sửa soạn đi thì vừa.

Theo lời bạn, chú tôi mua thêm một con chim mái, đem để cạnh con chim kia. Âm dương gặp nhau tất sinh ra luồng điện mãnh liệt, nổ vang thành tiếng sét. Thì trống, mái gặp nhau cũng thế. Nhưng luồng điện này là luồng điện ái tình, tuy cũng mãnh liệt song phải đè nén, nên đôi chim chỉ vẫy cánh, kêu chiêm chiếp xoay quanh gạ gẫm.

Đứng ngoài, tôi không thể nhịn được cười khi nhớ đến điệu bộ các công tử đuổi tán tiểu thư ngoài phố. Tôi chạy vội vào mách thím:

– Thím ơi thím! Chú vừa cưới vợ cho chim.

Thím tôi bật cười:

– Ừ, chú mày cưới vợ cho nó, rồi khi nào có hội, chú mày sẽ cho cả hai vợ chồng nó đi đấy.

Đi chơi hội! Ý nghĩ ấy cứ quanh quẩn trong trí, khiến tôi sung sướng tự tạo ra những cảnh nhộn nhịp, trống đánh om sòm, cờ bay phất phới. Rồi kia, kiệu bát cống, kiệu long đình với các cô nón dứa, áo nâu non, thắt lưng nhiễu điều, nhịp nhàng bước theo phường bát âm réo rắt.

Nhưng tôi chán ngắt khi nghĩ ra rằng chú tôi chỉ cho vợ chồng chim đi thôi.

Bỗng một hôm, chú bảo tôi ăn mặc tử tế, rồi xách lồng chim đi theo chú tôi.

Bụng mừng rơn, tôi chắc mẩm là được xem hội, xem rước. Tôi xách lồng chim mái, chú tôi xách lồng chim trống, nhưng tôi ngạc nhiên khi ngắm kỹ cái lồng hàng ngày tôi vẫn treo lên sao lại là một cái lồng tuyệt đẹp, chắc chắn, ngoài phủ một cái áo màu đỏ tươi.

– Cái lồng chiến đấy!

Câu đáp của chú tôi khiến tôi nghĩ ngay đến những cuộc vật lộn chiến đấu. Thì quả nhiên, hy vọng xem rước, xem cờ tiêu tán hết. Tôi chỉ thấy một bọn người sang trọng tụ họp trong cái sân đình rộng, người nào cũng có một cái lồng chim na ná như của chú tôi.

Tiếng thầm thì bàn tán, tiếng chim kêu nhớn nhác tứ phía làm tâm trí tôi rối loạn.

Lần này là lần đầu tôi được hưởng cái thú vị của hội chọi chim.

Sau khi đã rút thăm cặp nào vào cặp ấy, ông chủ khảo lên tiếng cho bắt đầu vào cuộc. Mọi người đều xúm quanh một chiếc bàn rộng, chính giữa để một cái cửa chiến nom như quan ải.

Lồng số một vào, lồng số hai đệ lên, cùng quay cửa vào sát cái ải quan ấy, rút then ra, hai lồng chim mái kê liền bên cạnh. Thế rồi đôi chim xâu xé nhau, cắn nhau, giết nhau!...

Ngoài những tiếng đếm dõng dạc to tát của ông giám khảo, tôi nghe có tiếng thì thầm khen ngợi hay tiếng chép miệng của các ông nóng tính than phiền.

Một ông to béo oai vệ lắm, đẩy tôi một cái, quắc mắt:

– Bé cút ra! Biết cái gì mà chen vào đây.

Rồi ông quay sang nói với bạn:

– Kìa ông trông con mái của Nghị Giang hay quá nhỉ. Chả trách số điểm của hắn hơn lão Chánh Tiệp kia nhiều rồi.

– Con mái của lão Chánh cũng hay đấy chứ, chỉ vì con trống không chịu đòn nhảy lên cầu luôn.

– Đánh bật bông thế kia chỉ có mà tốn tiền đặt cuộc.

– À này! Giải nhất những trăm rưởi kia đấy.

– Phải, nhì trăm hai, ba tám chục.

Tôi nghĩ thầm: không biết họ xúm đông ở đây xem cuộc xâu xé khờ dại của loài chim vì thú vui chung của phái trưởng giả hay vì số tiền giải thưởng kia?

Lúc tôi để hết tinh thần giương to mắt, là lúc con chim của chú tôi lên đài. Con chim Mộc đánh hăng lắm. Nó thi hành nhiều miếng đau hiểm độc, thỉnh thoảng có tiếng kêu ghê gớm xé lên không biết là tiếng con nào. Hai con mái nhảy lên nhảy xuống vẫy cánh kêu chiêm chiếp, như có ý bảo:

– Cứ đánh nhau đi rồi em yêu!

Bỗng hai chiến tướng cùng nằm thở. Thì ra họ khóa nhau, chân bóp cổ nhau, móng đâm suốt thịt.

Một tia máu vọt ra!...

Mấy chiếc lông cánh rụng!....

Rít lên một tiếng, buông nhau ra, hai con lại lăn sả vào mổ, đạp.

Máu ra càng nhiều càng hăng. Con kia chạy xộc sang lồng con của chú tôi, như một kẻ đi tiếm địa.

– Thôi gỡ đi!

Một tiếng quát. Tôi giật mình trông lại thì ra chim của chú tôi đã nằm bẹp dí, ở mỏ rỉ ra một dòng máu đỏ tươi. Con chim trông xác xơ, ngơ ngác, như chỉ còn vài phút thoi thóp.

Hôm ấy, chú tôi chẳng được một giải nào cả, chán nản buồn rầu ra về, quẳng phịch lồng chim vào một xó, không ngó tới nữa. Thương hại, tôi săn sóc, chạy chữa hết cách cho nó hồi lại.

Ba ngày sau nó mới hồi tỉnh, mắt đỏ hoe nhớn nhác, và kêu lên những tiếng rền rĩ như tiếng người ốm trên giường bệnh.

Có hy vọng cứu nó sống, tôi mới đi xay gạo trứng cho thật nhỏ, lấy nước thật trong cho nó. Có khi tôi lẩm bẩm nói chuyện với nó để an ủi vết thương đau.

Một hôm, chú tôi xách một con chim khác về, nhưng lần này thì con chim "Thuộc" nghĩa là đã đi dự hội nhiều lần.

Chú tôi cũng chăm chút, cũng nâng niu như một đứa con "cầu tự", rồi đem con mái kia ghép vào. Đứng xem, tôi chỉ buồn cười cho con chim của tôi, ở trong nhà thấy thế cứ nhảy lồng lộng lên, đập cánh, đập đầu vào cửa như muốn phá tung lồng để ra cướp lại người yêu. Miệng nó rít lên và hai mắt long sòng sọc.

Chừng hiểu ý, chú tôi nhếch mép cười, đắc chí mà bảo:

– Cho thế mới đáng kiếp! Ai bảo không cố sức mà giật lấy giải nhất hay giải nhì?

Rồi chú tôi như muốn trêu tức con chim cũ cho bõ ghét, lại mang lồng cặp vợ chồng mới treo gần lồng con chim bại trận kia.

Thế rồi một buổi sáng... Một buổi sáng sương mù ảm đạm, tôi ra thăm con chim của tôi thì tôi thấy nó nằm xù lông, giơ hai chân dúm dó lên trời, mắt nhắm nghiền, mỏ há hốc, cổ ngoẹo hướng về lồng con chim mái.

Con chim của chú tôi đã chết! Con chim Mộc ấy đã chết! Nó chết đi vì thân hèn sức mọn không giữ nổi người yêu, hay vì ân hận đã ngu dại gây cuộc đổ máu với kẻ đồng loại chỉ vì một con chim mái?

MỘT CON CUỐC CHẾT

Gia đình con cuốc ấy ở chung với tôi trong cái đầm Liên Hoa này, từ ngày mặt đầm mới lác đác nở dăm cánh lá sen còn cuộn tổ sâu.

Bầu đoàn thê tử của nó đông lắm: vợ chồng già với bảy tám đứa con thơ.

Con chồng, hằng ngày họa hoằn tôi mới gặp một đôi lần. Chừng đó là một gã thi sĩ phóng khoáng, không chịu được những bịn rịn nheo nhóc của cảnh đèo bòng. Cho nên, cứ mỗi khi mặt đầm rạng sương, gã ta đã đi phiêu lưu ca hát khắp bè rau, búi sậy: đến mãi khi mặt đầm đen sánh lại gã mới dò về. Mà tổ của cái gia đình ấy thì dời đổi luôn, thất thường như mưa nắng. Tảng sáng ở bè rau, sẩm tối đã dọn sang ở búi lộc vừng.

Rồi cứ sáng đổi sáng, chiều đổi chiều, từ khóm lộc vừng đến cây và nước, đến bè rau, đến bụi chút chít, hình như đâu đâu cũng là quán trọ mà anh chồng lang bạt sau khi lặn lội về lại tha vợ con đến trú tạm bợ một đêm, rồi mai lại tha đi.

Nếu các bạn giang hồ được bắt gặp một lần cái gia đình ấy, thì các bạn mới thấy rõ tấm thân câu thúc vì vợ con gần như một đọa đày.

Một đoàn, hai vợ chồng lếch thếch, ríu riu bảy tám con mọn, đi tìm nhanh một chỗ ngủ, đi tìm nhanh một bữa ăn, đi tìm nhanh một nơi kín đáo để lẩn tránh một bóng người. Những khi ấy, xem chừng anh chồng khổ não lắm. Vì, nếu thảnh thơi một mình, anh đã ung dung đứng nghển cổ để ngắm những vẩy chiều gợn mặt hồ, để nghe gió vèo trên bè rau. Hoặc khởi hứng, anh sẽ hát lên một bài ca sóng nước, để lá lộc vừng, lá chút chít lao xao gõ nhịp, trong khi lá và nước như một bầy tiên nhỏ tung hê tà áo, bên những thân lau dài phất lên như một trận xô xát đấu gươm.

Bần thần, cuốc đực vừa toan dừng chân đứng lại, thì chị vợ đã rúc lên mấy tiếng như có ý giày vò:

– Lại sắp thơ với thẩn rồi đấy! Nghe chừng con có đứa kêu mỏi chân, ông liệu mà cõng giùm lấy một vài đứa đi.

Anh chồng, nghĩa là cuốc đực, lại phải còng lưng xuống để đàn con đứng lên trên cánh, trên đuôi, trên cổ. Anh bơi vội qua vùng nước rộng như bay.

Nhưng đàn con nào có để anh cõng đi yên thân. Chúng chen chúc nhau, chúng cãi nhau, xô nhau, kêu rầm rĩ, có con rơi cả xuống đầm.

Cuốc đực hình như bực mình lắm. Anh ta hậm hực quay lại, lấy mỏ cắp lấy chân con, làm cho nó đau kêu thét lên, rồi anh vừa bơi vừa chạy một mạch cho chóng tới bờ.

Có lẽ lúc ấy, trong lòng anh đang xáo động lên những ý nghĩ phóng khoáng của gió sương...

Nhưng đã ba ngày nay, cái vũng ao con ở cạnh đầm Liên Hoa này có tiếng guồng nước đạp đều đều vang lên trong đêm khuya. Chừng trong tiếng nước róc rách ấy có lẫn tiếng than thở ai oán của từng đàn con tôm, cái tép.

Nên hôm đầu, tôi thấy cuốc cái ở bên đầm, chốc chốc lại ngẩn mặt lắng nghe, rồi khẽ rúc lên giữa những tiếng ríu rít của đàn con bu quanh như thì thầm, bàn tán. Mà phải là một chuyện gì quan trọng bí mật, cho nên hễ khi anh chồng dò về thăm lại nước non thì mẹ con nhà cuốc lại im bặt, và bồng bế nhau lẳng lặng như bất đắc dĩ mà phải theo con người lang bạt ấy.

Sáng hôm thứ hai, mới mờ sáng, tôi đã thấy lẫn trong vài chú cò hương, vài chị bói cá lao nhao có cuốc mẹ với đàn cuốc con. Rồi hôm thứ ba, cả cái bầu đoàn ấy không trở về đầm cũ nữa.

CƠN BÃO RỚT

Gió mỗi lúc một thổi lộng.

Những tầu lá gồi lợp mái lều đập phần phật muốn dứt dây lạt bay đi. Cả những chiếc cột tre, vách liếp, hễ mỗi luồng gió thốc lại kêu lắc rắc, xiêu vẹo, như người mỏi mệt vặn mình.

Khẽ hé cánh liếp, thằng Côi ngóc đầu ra lo lắng nhìn trời. Cuồn cuộn bốc lên sau bãi dâu, những tảng mây lớn đang ngùn ngụt, tưởng chừng khói đặc của hàng trăm cái toa máy ở Gia Lâm cùng về nghỉ, và thở dốc ra.

Phía sau, con đường dốc nhà Dầu, lốc cuốn bụi mù. Trời đen xạm lại. Cơn giông.

Lòng thằng Côi cũng đang giông tố không ngừng. Nó đăm đăm nhìn khắp chân trời, cố tìm lấn một phương hừng nắng. Nhưng thất vọng càng hoàn toàn thất vọng. Ánh nắng chiều hè đã bị sức gió hút đi rồi.

Buồn bã, nó quay vào:

– Bão! Bão rớt, bà ạ.

Sau một tiếng rên dài, một bà lão gầy ốm trở mình trên chiếc chõng ọp ẹp, ngóc đầu lên nhìn thằng Côi, giọng nói run run:

– Chết!... bão ư? Lại bão nữa ư? Chết đói mất cháu ạ!

Thằng cháu cố nói vững:

– Không. Bà chớ lo. Chiều nay cháu đã chạy được gạo rồi. Chỉ còn lo có tiền thuốc thôi.

– Củi ướt thì ai mua hở cháu?

Tiếng rên đó làm thằng Côi giật mình. Quay lại phía đống củi vừa vớt được ban trưa vứt ở xó lều, nó cắn chặt môi suy nghĩ.

Một phút. Nhưng một phút với nó bây giờ là dài lắm. Vì gió đã thấy lạnh. Mà phía trên đằng cửa ô Yên Phụ, màu trời đã trắng bệch, đang đổ mưa.

Thằng Côi kéo sệt tấm liếp sang một bên. Rồi nó vơ, nó xếp, nó

buộc những thanh nứa thành từng bó chồng chất vào hai cái quang mây.

Từ nẫy, nét mặt quả quyết và những cử chỉ vội vàng của thằng Côi vẫn không bỏ qua cặp mắt già hốc hác. Bỗng nước mắt bà lão ứa ra, chảy thành dòng xuống hai má đã deo lại. Người bà già ấy đau lòng lắm. Vì bà ta đang trạnh nhớ đến thời xưa, cái thời đã lù mù thành dĩ vãng, bà còn làm mẹ một ông giáo và thằng Côi còn là một đứa con cưng.

Thế mà cũng chỉ vì đời, chỉ vì tuổi thiếu niên sôi nổi mà con bà đi mất biệt một nơi nào, không về nữa, không đợi gì về nữa.

Người con dâu bà, từ đấy nghĩ thương chồng mà mắc bệnh đau tim, ốm mòn đi mà chết, bỏ lại thằng Côi mới lên bảy tuổi đầu. Từ bấy đến nay, vùi lấp cả vào cái vực thẳm thời gian, đã bẩy năm trời gian lao, cái sống nặng nề không còn ra sống nữa.

Bảy năm qua, với bà, nay cũng như một trận bão rớt qua. Luồng gió điên cuồng đã ác nghiệt lôi cuốn mất cái đầm ấm của gia đình bà đang líu díu như cái ổ rơm mà con chim già đang ấp trứng. Ngày nay, còn sót lại giọt máu của tuổi già, một thằng cháu lam lũ, mặt mũi xạm đi vì nắng gió, mảnh thân gầy đét vì bữa đói bữa no.

Lần thứ hai, bà lão giở mình, chống tay cố nhỏm dậy để cho ngực dễ thở. Mắt bà lão nhòe đi.

– Côi ơi!

– Dạ.

– Cháu ạ. Hôm nay gió bão cháu hãy ở nhà. Bệnh bà đã đỡ nhiều rồi, không cần uống thuốc nữa.

Thằng Côi thấy bà nó ứa nước mắt ra thì tưởng bà còn đau vì bệnh não. Nó quả quyết nhấc gánh củi lên vai:

– Bà cứ để cháu đi. Bà uống lấy vài thang thuốc nữa cho khỏi hẳn đã.

Nhưng, như sực nghĩ đến điều gì, nó lại đặt gánh xuống. Và nó chụp vội chiếc nón lá lên đầu vơ lấy manh áo tơi dựng ở xó vách khoác vào người, nó quay lại bảo bà nó:

– Mà thôi. Củi cháu để mai bán vậy.

– Ờ. Mai hãy hay cháu ạ. Hôm nay nổi giông nổi bão thế này, thì

trên phố dây điện đứt khối ra đấy. Đi mà nó quấn cho rồi làm thế nào?

Một thảm cảnh vài đứa trẻ cầu bơ cầu bất bị dây điện quấn cháy tím cả da thịt, chết còng queo ở đầu cống vỉa hè trận bão tháng trước, làm người bà già thốt rùng mình nhắc lại:

– Mai hãy hay! Bỏ áo tơi ra! Hôm nay cháu phải nghỉ nhà. Nghe lời bà, Côi ạ.

– Vâng. Đã đành củi để mai bán. Nhưng bây giờ cháu phải ra bến đây. Hôm nay trời cho cái ăn đấy bà ạ.

Bà nó gắt, giọng nói nhọc nhằn:

– Bão thì ra bến mà làm gì?

– Cháu đi kéo dây hộ các thuyền mành. Cũng như năm ngoái, mỗi ngày bão rớt ít nhất cũng kiếm được dăm hào ấy.

Thằng Côi ngừng lại nhìn bà rồi thiết tha nói tiếp:

– Món tiền đó hai bà cháu ta cũng thừa ăn hai ngày gạo và lấy được hai thang thuốc. Chả hơn đi vớt củi ư? Bà ạ, cháu đi đây.

Dứt lời, thằng Côi hăm hở, vội vàng lách mình qua cánh liếp.

*

– Con nước nhẹ! Thằng ranh kia ghì riết lấy dây đấy!

Một người đàn ông lực lưỡng vừa rút cây sào lên vừa quát tháo thằng Côi.

– Buột dây thì bỏ xác con ạ! Chẳng gì cũng hai hào chỉ công của bà.

Lại một người đàn bà vừa bò rạp trên mui chống sào, vừa xỉa xói nói lên. Còn thằng Côi, như một chiếc cột sắp đổ nghiêng, nó ngửa người trong chiếc áo tơi, miệng thở, tay ghì riết sợi mây.

Nhưng chiếc thuyền bị sức nước và sức gió cuốn, sợi dây càng căng thẳng, cả đến cái "cột người" cũng lung lay như sắp bị nhổ bật lên.

– Buột dây thì mày bỏ xác!

Tiếng lanh lảnh của người đàn bà lại vang lên the thé như lời rủa sả của con mẹ dại. Song sức nước không cùng mà sức một người có hạn, chiếc thuyền đứng dừng lại lúc rồi lừ lừ trôi, lôi cả cái cọc đi.

Một bước... hai bước... rồi dăm bước. Thằng Côi, mỗi bước lê đi

mà những ngón chân vẫn rúm ró, cắm chặt xuống đất bùn.

Trời vẫn như trút nước. Lòng sông, từng mảnh bọt siết băng băng như dòng suối máu đỏ lờ lờ.

Lại một bước... lại hai bước. Thằng bé yếu đuối vẫn cố tin ở sức mình, mím môi ghì riết sợi mây đến nỗi chân tay nó run lên. Vả lại, nó e nếu sức nó thua sức nước thì buổi làm đó sẽ đến không công. Mà nó còn bị người ta sỉ vả đằng khác nữa. Cho nên gió sông càng lộng, người thằng Côi lại càng ướt đẫm mồ hôi.

Rủi ro đến chỗ đất bồi, cát lở, thằng Côi chỉ kịp rú lên một tiếng rồi theo tảng đất sụt cả xuống chỗ con nước xoáy trôn.

Mặt nước bị vật rơi nặng xuống, vỡ tan ra một khoảng rộng, và trong chớp mắt, những đợt sóng lại xô đến lấp liền ngay.

– Trời ơi! Kìa bố nó, thằng Côi...

– Mặc xác nó. Ốm yếu như sên ấy, chết cũng đáng đời! Thế mà lại nằng nặc vật nài những năm hào với chả ba hào! Mình bỏ tôi con dao, nhanh lên thuyền chành...

– Nó bám chặt lấy dây phải không mình?

– Ừ, ranh con thế mà cũng hóm. Này bám nữa... này ngoi nữa đi con!

Miệng nói, tay bác chài đưa ngay lưỡi dao nghe đánh soẹt như một tên đao phủ. Dây mây đứt, trôi được một quãng rồi chìm lỉm, không bọt, không tăm.

Vẫn thản nhiên, người vợ bảo chồng:

– Nó chìm rồi mình ạ.

– Thì ngoi thế nào được với con nước. Mà chả chìm ngay đâu, còn là trôi đi biệt tích.

– Này mình... Nhưng còn bà nó?

– Vô ý thì mất xác. Mà ai biết? Mặc kệ bà nó.

Rồi mưa ngớt, sóng dần lặng, gió đã ngừng. Trận bão rớt đã tan theo nước mưa, chiếc thuyền mành cũng bình yên giạt được vào bờ.

Nhưng lúc ấy, trước một túp lều xiêu vẹo, mái gồi xơ xác, một bà lão già đang run run vịn vào cánh liếp, hai hố mắt lơ láo nhìn ra mặt sông, phía lơ thơ mấy chiếc cột buồm thẳng tắp.

MƯA DẦM

Mưa bụi càng rấm rứt trên mái lá. Phương cũng nghe có từng giọt gianh rấm rứt xuống thềm đất. Xa hơn, có tiếng nước ở cái máng nứa hay cái bẹ cau nào đang long tong rỏ xuống chiếc chĩnh sành.

Nước rỏ vào lòng chĩnh khi gấp, khi thưa, dần dần ít đi, nghe tựa những cái gì nhỏ nhặt khẽ dằn vặt, khẽ rạn vỡ.

Đem mưa, ngõ nhỏ lại càng tịch mịch. Tất cả những túng thiếu đay nghiến nhau, vay mượn nhau, than thở với nhau lúc chập tối, giờ đã ngủ yên. Cả đến những gì gọi là tội lỗi, lúc nãy còn lén ra khỏi ngưỡng cửa, lẩn lút vào với bóng tối, giờ cũng đã chui vào hết những căn nhà đóng kín như những nhà tù. Những tiếng thở dài đâu đó đã nén đi trong những tấm lòng mệt mỏi.

Nhưng Phương trở mình mãi, trở mình mãi.

Ở tiệm nhẩy về, như mọi đêm mưa gió, nàng vẫn thấy ở lòng nàng có một cái gì trĩu nặng, y như kẻ bị bóng đè. Không, không phải là vì mệt nhọc. Cái xác thịt phải chuyển động vài giờ trong những mầu đèn quen mắt ấy, đã quen đi như thành lệ rồi.

Cuộc sống hằng ngày của Phương vẫn như một toa xe điện cũ. Vẫn từng ấy chỗ đỗ, vẫn từng ấy phố, vẫn từng ấy chỗ ngồi. Nàng cũng vẫn đưa cuộc đời của nàng như một người "Watman" dẫn toa xe điện cũ.

Biết bao nhiêu là kẻ quen người lạ với những cõi lòng khép kín, ngược xuôi, lên xuống, gặp gỡ, sát cánh nhau ở trong toa xe kia. Có những kẻ nhẫn mặt. Cũng có những kẻ giương mắt nhìn nhau, nhưng chỉ là cho có chuyện, chứ nhìn thấy gì và nghe thấy gì ở bên trong những cõi lòng?

Bánh xe vẫn quay theo chiều, nhanh chậm có nhịp, cũng có khi bất ngờ sai nhịp, nhưng đến lúc hết giờ thì đều dồn về nhà máy nghỉ, chờ làm lại một hôm sau. Cái quay lộn không biết đến bao giờ, cái nghỉ thì chỉ là tạm bợ. Cứ thế và lại cứ thế cho đến mòn.

Nhưng Phương trở mình mãi, trở mình mãi. Đêm nay, Phương ấp má lên gối, thấy chiếc gối nhẽo quá. Hình như bông gạo nén ở

trong gối đã nẫu rồi. Vật dùng đã cũ. Và cái chăn chiên đắp ngang bụng, mùi hôi của dạ tuy đã quen, nhưng hình như nặng thêm chút ít.

Từng giọt mưa sao vẫn rấm rứt thế? Sự dai dẳng, thành một cảm giác theo lẵng nhẵng, khiến Phương nhớ đến tiếng hót của những con bồ câu đực đã gáy vào tai nàng. Đêm nào cũng thế. Chán lắm rồi! Những câu hót tuy có khác nhau, song vẫn phảng phất như âm vang của một bài kèn nhảy cũ nào. Ồ! Những chàng trai điếm! Nào ai hiểu được cái loài chim ấy tự những phương trời nào, tự những cái lồng nào xổ tới. Mà xa lạ thế, sao chúng vẫn cùng một ý nghĩ cầu lợi như nhau?

Phương trở mình mãi, trở mình mãi. Hình như có một cái gì vô hình nó đay nghiến trong người nàng, chẳng khác một loài mọt ẩn trong tấm phản mục.

Phải, đã từ lâu, cái gì ấy nó cứ theo đuổi nàng. Nó cứ làm thành bụi hết bao nhiêu mong ước để nàng lại phải xây lại bao nhiêu mong ước trong bụi tàn. Để mà sống. Để mà đeo đuổi sống. Cái gì ấy nó như đã có tự hôm nào. Vậy nó là cái gì? Phương tìm đã nhiều lần, đã nhiều lần lắm rồi, ở trong đầu, ở trong ngực, ở trong lòng, mà vẫn chưa thấy. Mà hình như nó cũng vẫn ở đâu trong đầu, trong ngực, trong lòng nàng mà thôi.

Song đêm nay, nhờ ở bao nhiêu lần trở mình, Phương lờ mờ nhận thấy nó như là một cái buồn khao khát.

Phương thấy khao khát từ một sự thay đổi nhỏ nhặt: một tấm áo, một đôi giày, hay một đêm quá dài. Chẳng hạn giữa đêm nay, giữa lúc này, có được một trận mưa to hơn, nếu được là trận mưa rào trút xuống. Để làm gì? Phương cũng không biết rõ là để làm gì nữa.

Mang máng, Phương chỉ nhớ như sau mỗi trận mưa làm loãng trời, loãng đất, thì tất cả những gì trước mắt nàng có khác đi đôi chút.

Trời nắng to hơn. Đường lối sạch bụi hơn. Lá cây xanh bóng hơn. Cõi đời vàng hơn như đượm lửa.

Chỉ thế thôi, cảnh vật chỉ cần hơi đổi khác thế thôi, lòng Phương cũng đã thấy dễ chịu. Rồi Phương cảm thấy sâu xa hơn, lòng khao khát một cuộc sống là lạ, dù sao cũng được, nhưng phải là khác trước.

Bất giác, Phương lẩm bẩm:

– Nhất định là mai thôi. Đành nghỉ. Đành bỏ. Chứ cứ nhảy

nhót mãi như thế này thì thoát thân làm sao được!

Phương ngồi dậy, lấy điếu thuốc và đánh diêm. Ánh diêm vừa cháy, một mảng tối ở trong nhà vụt sáng lên. Nhân thế, Phương lại nhìn phải trên chiếc chõng ngoài mái hiên một đống rẻ rách sù sù. Đó là người vú già ở lâu năm với Phương, gần như là người ruột thịt.

Đã mấy đêm nay, nghe thấy cô chủ than thở muốn bỏ nghề, người vú già ấy rầu rĩ lắm. Vú ta tiếc lắm, tiếc đến xót ruột đi, mất ăn, mất ngủ, vì cái thời trẻ đẹp của mình sao lại không có nghề nhẩy tốt tiền ấy? Để đến nỗi vú ta chỉ có thể làm được một cô đào rượu, rồi hết xuân đành đi ở vú em, và đến nay đã vẻn vẹn thành một vú già.

Lúc này cả cái tuổi già vô dụng của người vú già như cái cây khô mục ở trong rừng rậm hay là như một cái xe nhà cũ nơi thành thị, thốt nhiên làm lạnh trên mái tóc Phương. Cũng như cái đen tối bao quát lại sầm đến trong phòng, khi que diêm vừa cháy hết.

Từ bao giờ làm một gái nhẩy, đến bây giờ Phương vẫn là một gái nhẩy. Mắt cứ đục đi, môi cứ nhạt đi, tóc cứ ngắn bớt đi. Tất cả hư hỏng dần ở trong một cuộc sống hờ.

Chán nản đến não nùng, Phương tự dưng để rơi mình xuống giường. Điếu thuốc nàng ngậm chếch bên môi cứ đỏ chói lên. Điểm đỏ âm ỷ như là có mầm rễ ăn sâu trong đen tối.

Sự khao khát lờ mờ trong lòng Phương cũng đã cháy đỏ như thế. Phương nằm yên ra dáng suy nghĩ lung lắm, nhưng thực ra, chẳng suy nghĩ được tí gì. Trong người nàng, ở một chỗ thẳm sâu nào, sự chán nản cứ ê ẩm đi, như có một liều thuốc ngủ đang ngấm.

Một lát. Có một làn da đặt gờn gợn lên trán Phương. Đó là một bàn tay dăn deo, bàn tay của người vú thân thiết. Tuy chán nản, Phương cũng hỏi một câu gần thành vô nghĩa vào cái bóng ở bên mình:

– Vú chưa ngủ ư? Đi ngủ đi, tôi có sốt đâu mà rờ trán.

Rồi nàng thở dài. Người vú cũng thở dài:

– Tôi chỉ nghĩ mãi về cô, thành thử không tài nào ngủ được.

Nghe câu đáp thành thực của người vú già ấy tự nhiên Phương thấy lòng sướt lên gờn gợn. Nàng mang máng như đã nghe ai nói thế một lần rồi, nhưng cũng lâu lắm rồi, xa lắm rồi. Mãi sau,

Phương mới chợt nhớ ra là ngày xưa, có một lần, nàng đã phải khóc vì câu nói ấy.

Đó là hồi mớ tóc nàng còn xanh biếc những hy vọng của cuộc đời. Và câu nói ấy là của mẹ nàng đã nói vì hạnh phúc của con. Bây giờ thì câu ấy mới thực là chua chát! Bây giờ thì Phương mới biết thấm thía cái người đã làm hại cả đời nàng cũng chỉ là một chàng trai điếm. Ồ! Những chàng trai điếm! Nào ai hiểu được cái loài chim ấy tự những phương trời nào, từ những cái lồng nào xổ tới; mà xa lạ thế, sao chúng vẫn cùng một ý nghĩ cầu lợi như nhau?

Tự dưng, Phương nghĩ lan man đến giờ này, ở trong đời, ở gầm trời, tất cũng có bao nhiêu bà mẹ già đang nói với con gái: "Mẹ chỉ nghĩ vì con, thành thử không tài nào ngủ được!" Rồi, cũng tự dưng Phương nắm chặt lấy bàn tay người vú già, tưởng như được nắm bàn tay của bà mẹ ngày xưa. Nàng cố giữ giọng thản nhiên:

– Tôi thì không còn ai và không có quê hương. Mai nếu, nghỉ việc rồi, tôi sẽ cùng về quê vú. Có ít vốn, ta sẽ cùng buôn bán sống no đói có nhau. Vú đừng lo gì cả.

Rồi một vườn rau, một sân gà, một chuồng lợn, xa xa một ao bèo trong, một dải đồng mạ bát ngát xanh, tất cả vụt hiện trong một giấc mê, êm đềm quá, mộc mạc quá, trong sạch quá.

Và Phương thấy có một cảm giác là lạ dâng tràn lên lòng mình, như nước mưa trong vắt tràn lên miệng chĩnh, miệng vại, sau những trận mưa rào.

Nàng lẩm bẩm nhắc lại:

– Đến mai hẳn có mưa rào.

***

Nhưng trong lòng người có bao giờ có được trận mưa rào giội đi hết những dĩ vãng, hết những tâm sự, hết những dấu vết đau buồn.

Và những cái buồn lo nghĩ phức tạp, những cái buồn ẩm ướt trong lòng như mưa dầm, rồi cũng tạnh đi.

Trời lại hoe nắng. Những ý nghĩ của đêm mưa dầm cũng lại khô đi, lại thành bụi bậm, lại bay đi, bay vào hố dĩ vãng, chồng chất từng lớp, từng tầng.

Hỡi em Phương! Hỡi cô gái giang hồ tâm sự! Đã có một phút, đã có một lần, hay đã có một đêm em nghĩ được thế. Nhưng em không

được thế. Nhưng như thế cũng là đủ rồi, linh hồn em đủ trong sạch lại rồi!

Ta mong trời đừng có bao giờ mưa dầm đến sáng. Để không bao giờ em phải nhìn thấy những giọt gianh vàng khè, cái màu vàng như nước vàng rỉ ở những vết sâu hoắm khó chữa, để cho em phải xót lòng đi. Vì lòng em chính là một vết thương ấy, mà xã hội loài người ở đây chưa tìm được ra thuốc chữa cho em.

YÊU

Lâm ở tòa báo ra, lòng chứa chan hy vọng. Chàng ung dung nện mạnh gót giày đi về phía bờ hồ Hoàn Kiếm miệng thầm thì mấy câu hát yêu đương.

Gần trưa. Những chấm ánh nắng cùng bóng lá thưa lay động trên mặt đường, như giỡn như múa, theo tiếng chim lách chách trên cành cao. Mỗi hình bóng, mỗi chiếc lá rơi, lúc này Lâm cũng thấy như có ẩn một linh hồn.

Đó chính là cảm giác của một tâm hồn tha thiết yêu đời, cảm giác của một nghệ sĩ lần đầu tiên thấy lòng hòa hợp lẫn vào với cái sống hồn nhiên của vạn vật.

Mà có thế. Đã lâu lắm, có lẽ hôm nay Lâm mới thấy lòng dâng lên ánh sáng của trời hè. Là vì chàng nghệ sĩ sớm nay mới được làm quen với một thứ tình mới lạ: đó là một bức thư nét chữ người con gái.

Tiếng lách chách của hai con chim sâu chuyền cành rúc đuổi nhau trong giàn ti gôn ở một dậu nhà tây bên đường càng gợi cho Lâm những ý nghĩ đẹp như là sắc hoa.

Lâm khẽ nói một mình:

– Lòng người khi mà thiếu ái tình, thực chẳng khác căn phòng không ánh sáng.

Hết căn phố dài, Lâm rẽ sang con đường trải sỏi đi xuống ven hồ. Chàng tìm quanh quẩn một chỗ ngồi để lặng lẽ xem lại bài thơ của một nữ độc giả vừa gửi đến họa lại thơ chàng.

Bỗng một thiếu nữ từ phía sau Lâm tiến đến:

– Anh Lâm!

Lâm giật mình quay lại. Chàng nhìn thiếu nữ chòng chọc, và tỏ vẻ khó chịu, nói dằn từng tiếng:

– À cô... à bà Mỹ! Ồ! Sao bà cứ ám ảnh tôi mãi?... Bà còn tìm tôi, còn theo đuổi tôi để làm gì nữa kia?

Mỹ, tên người thiếu nữ, đứng lặng trong mấy giây rồi cố gượng cười, trả lời:

– Em tìm anh cho con anh, cho con chúng ta... Em tưởng anh đừng nên thế. Một ngày là nghĩa, anh ạ!

Lâm bĩu môi nhại lại:

– Một ngày là nghĩa!...

Và chàng ngắm Mỹ suốt từ đầu đến chân, nhún vai ra vẻ nhạt nhẽo:

– Đứa con đấy, chút vật thừa của cuộc tình duyên lãng mạn đấy, tôi đã giữ trọn lời thề trao lại bà rồi... Thế là hết rồi... Sạch nợ!

Hai tiếng "sạch nợ" chàng nói ngọt như không, nhưng với Mỹ hai tiếng đó cộc lốc như hai hòn đá ném vào mặt nàng. Nàng rùng mình, cất tiếng run run bảo Lâm:

– Tình em... tình tôi với ông tuy đã hết... hết hẳn rồi, song còn đứa con thơ nó là máu huyết của ông. Ông nên thương hại nó, bù đắp cho nó, ông ạ. Chứ thân tôi từ trước đến nay đã cam chịu, thì cũng đành cam chịu... Nào tôi có nói gì đâu?

Mỹ ngừng lại, cúi gầm mặt xuống để thấm mồ hôi đang rỏ giọt xuống đôi má nóng bừng. Và nàng quay nhìn ra phía hồ vì nàng có cảm giác là Lâm đang nhìn nàng bằng cặp mắt khinh bỉ.

Xế trưa. Cụm liễu bên hồ rủ cành lá thướt tha, óng lên như dây nắng. Mỗi hơi gió nhẹ phẩy qua, màu xanh mát lại phập phồng như hơi thở.

Mỹ nhìn cảnh vật, ngực cũng phập phồng. Những giọt mồ hôi vẫn cứ theo nhau tự trên má chảy xuống.

Lâm thừa biết những giọt mồ hôi trên má Mỹ chỉ là nước mắt. Người đàn ông ấy bất giác thấy lòng sung sướng. Sự sung sướng đó là tính ích kỷ của loài người khi thấy kẻ thù vì mình mà đau đớn. Cười nhạt, Lâm bảo Mỹ:

– Chắc bà nóng lắm!

Thấy người yêu, người chồng ngày trước bây giờ chỉ còn là một kẻ thù, một kẻ thù thâm độc, Mỹ quay phắt lại, nước mắt ráo hoảnh:

– Không. Không hề gì ông ạ. Nhưng ông... ông đã quên hẳn được con ông?

– Tôi? Bà lầm! Nếu tôi có thể quên được như ai kia thì tôi đã chẳng nhọc nhằn... đói rét...

– Thế nghĩa là ông vẫn nhớ? Nhưng nhớ mà ông đến nỗi ghét được ư? Nhớ con mà đến nỗi không thèm nhìn con nữa ư?

Câu nói đó như gợi Lâm đến lớp dĩ vãng đen tối và buồn rầu. Chàng trạnh nhớ đến những ngày làm cha một gia đình nho nhỏ, chàng, Mỹ, và đứa con thơ.

Lâm gặp Mỹ vì thi văn và, cũng vì thi văn, hai người gọn ghẽ lấy nhau. Rồi hai tâm hồn nghệ sĩ ấy sống với nhau trên dư luận, trên những kiềm chế của đại gia đình, sống trong một túp lều ở ngoại ô: cái tổ uyên ương đầy hương ngát ái tình, đầy hoa và ánh sáng.

Yên ổn lắm! Và cuộc tình duyên ấy đã cho hai người một mụn con đồng thời dắt đến tất cả cái nghèo túng nheo nhóc như những cuộc sống vất vả tầm thường.

Nghĩ đến đấy, Lâm bừng giận Mỹ. Chàng thốt ra một tiếng chua chát:

– Hừ! Tiền !

Ừ cũng chỉ vì nghèo nên người vợ yêu dấu kia không chịu giam mình trong cảnh cùng túng nữa. Rồi một đêm mù tối, nàng bỏ chồng ở lại với túp lều xiêu vẹo mà bế con đi về phía trời hửng sáng: ánh sáng của thị thành.

Thế thì hai người đã như hai dòng nước bị ngọn đồi ngăn rẽ, còn hòng gì gặp được nhau, và cũng không thể nào gặp nhau được nữa. Ngọn đồi ấy là cái nghèo túng ở đời.

Vả lại, bài thơ mà chàng nhận được sáng nay của một cô độc giả, bài thơ đầy những ý, đầy những lời thiết tha tình ái đã là một cái dấu chấm hết cho cuộc đời cũ của chàng rồi!

Quả quyết, Lâm buông sõng lại câu cuối cùng:

– Đời tôi đã như tàn, lòng tôi đã như chết, tôi không còn biết cảm động nữa, bà nhắc nhở lại cũng chẳng ích gì!

***

Mỹ se sẽ đặt con xuống giường, vì sợ con giật mình thức giấc. Nàng lại đắp lên bụng con một chiếc khăn bông, rồi nhẹ nhàng, nàng ngả mình nằm bên cạnh con, quay mặt nhìn ra ngoài.

Qua tấm kính mờ hơi nước, mưa hè đang lặng lẽ bay ngang, gội ướt lên cây hoàng lan già cằn thưa lá.

Trong gió, trong mưa, chốc chốc lại một vài chiếc lá rụng lảo đảo đập mình vào khung cửa kính.

Mưa. Lá bay và lá bay!

Mỹ nhìn theo lá, cứ chiếc này chiếc khác bị mưa táp cho đến khi rơi nặng xuống vũng bùn.

– Thân này ai hay cũng chỉ là một mảnh lá kia thôi!...

Mỹ thở dài toan quay mặt vào. Bỗng nàng thoáng thấy một bóng người đội mưa, vơ vẩn đi dưới đường lầy lội, có dáng băn khoăn và chốc lát lại ngẩng trông lên phía cửa sổ nhà nàng.

Mỹ khẽ nhô đầu, đăm đăm ngó xuống.

Khi nhận rõ bóng ấy là Lâm thì Mỹ cười gằn một tiếng – tiếng cười như thổi ra tất cả nỗi căm hận – nàng với tay kéo mạnh tấm rèm che cửa lại và quay vào ấp má lên mặt con.

Hơi thở đều đều của con làm má nàng ấm lên, và thấy ấm tận cõi lòng. Se sẽ nàng ôm sát con vào ngực.

Chỉ một lát. Chợt như sực tỉnh cơn mê, nàng choàng dậy và ra ngồi bên ngọn đèn, cắm cúi viết:

Ông Lâm,

Bài thơ tôi gửi lại tòa báo sáng nay chắc ông đã nhận và đã xem. Chắc ông cũng nóng ruột muốn được gặp người viết ra những tiếng lòng đau thương ấy.

Cũng như ông, tôi cũng muốn gặp bạn lòng của tôi, và may mắn làm sao! Trưa nay tôi đã được hân hạnh gặp rồi.

Ông đừng ngạc nhiên vội. Vâng, tôi đã gặp ông. Xin ông cũng chớ vội mỉm nụ cười tự cao nữa. Và ông cũng đừng tưởng lầm cho tôi là một thiếu nữ trang nhã hào hoa. Không! Không! Vì tôi chỉ là một người gái góa, một con đĩ bỏ chồng...

Viết đến đây, tay Mỹ bỗng run lên. Hơi thở như nghẽn lại. Nàng ngẩng nhìn con.

Trong một giây, nước mắt nàng bỗng trào ra, lã chã rơi xuống bàn làm hoen cả nét mực. Nàng ngồi lặng ngắt, mắt mở to, long lanh nhìn ngọn đèn như muốn tìm lại hình ảnh những ngày vui xưa, những ngày rực rỡ như ánh lửa..

– Phải! Một con đĩ bỏ chồng!

Nàng lẩm bẩm nhắc lại, rồi kéo vạt áo lên lau nước mắt, và chấm mực viết tiếp:

Phải, tôi chỉ là một con đĩ bỏ chồng! Cũng chỉ vì chồng tôi nghèo! Loay hoay, chật vật với sự sống hằng ngày của vợ trẻ, của con thơ, chồng tôi lãng quên mất cả tháng ngày, trễ nãi mất cả nhiệm vụ một nhà nghệ sĩ.

Cho nên, muốn chồng hy sinh cho nghĩa vụ, chính tôi, tôi phải hy sinh trước thân tôi. Tôi phải tìm cách xa chồng tôi ra. Tôi phải làm cho chồng tôi ghét tôi, quên tôi, giả thử tôi có chết đi nữa, chồng tôi cũng chẳng thèm để tang tôi lấy một ngày.

Vì thế, một đêm kia, tôi gạt nước mắt bồng con lẻn ra đi, gieo lại cho chồng tôi đầy lòng ngờ vực, căm hờn.

Quả nhiên vì phẫn uất về tình người đời thay đổi, ngày nay lòng chồng tôi đã thoát ra được những lời thơ thấm thía đi sâu vào lòng u ẩn của khách chinh phu, người quả phụ. Chồng tôi đã viết ra được những nỗi đau đớn lặng lẽ, kín nhẹm của loài người.

Thế rồi cái tên chồng tôi được người đời nhắc nhở đến, ca tụng đến. Trong lúc ấy thì tên mẹ con tôi – cái tên Mỹ này đã chết, chết, chết hẳn ở cửa miệng chồng tôi.

Đến đoạn này, Mỹ ngừng lại và cắn chặt môi ra dáng suy nghĩ.

Giữa lúc ấy thì con nàng cựa mình gọi má. Chẳng hiểu vì sao nàng gạch nát bức thư và đưa mảnh giấy vào ngọn đèn.

Rầu rầu nàng nhìn những nỗi u ẩn của đời mình với đứa con thơ đang bị ngọn lửa thiêu đốt ra tro cho tới khi tàn hẳn.

Lúc ấy nàng mới đi lại bế con. Nàng ủ con vào bên lòng giá lạnh, và lẳng lặng trông xuống đường theo hút bóng một người đang lang thang đi lẫn vào trong đêm mưa tối...

***

Cũng cùng đêm ấy. Trong lúc ngoài trời mưa hè bay rào rào gột tan hơi nóng của ban chiều, thì bên ngọn đèn dầu, Lâm thấy lòng mát rợi như tắm nước mưa, chàng ngồi viết bức thư tình để gửi cho cô độc giả đã họa thơ chàng, mà chàng không hề biết rằng đó chỉ là người vợ cũ.

Cặm cụi, nắn nót, chàng dạm nốt nét cuối cùng của chữ "yêu"...

TRONG XÓM MAI VÀNG

Giấu mình trong chiếc áo khinh cừu của tên nội giám, Tần Thủy Hoàng cứ rong con ngựa thường không thắng yên cương, vi hành khắp chốn đô thành náo nhiệt.

Cái ông vua bạo ngược, có bàn tay chôn sống đạo lý, chôn sống hết nho sĩ trong thiên hạ ấy, chiều nay trông lại có vẻ hiền lành như nho sĩ. Hiền lành ở nét mặt, ở cặp mắt, ở miệng cười, ở cả cái ống tay áo ưa tàn sát nữa.

Phải, cái ống tay áo ít lâu nay cứ phất lên rũ xuống để hàng ngàn nho sĩ bị róc xương, hàng trăm văn nhân bị tru di ba họ. Cái mảnh vải vô tri bọc lấy ông vua không thiết gì đến văn chương, đạo lý ấy, than ôi! đã trở nên một vật đáng sợ của dân Tần.

Nhưng chiều nay những vật biết giết người ở vua Tần không còn thấy nữa. Cả đến một tấc gươm.

Ở nhà vua, người ta thấy mùa xuân đến tươi cười cũng như đang tươi cười ở khắp đô thành rộng lớn. Trong giải trường thành ngút đi vạn dặm, giờ đây là lúc lời chim đang ran trong lòng hoa cỏ, bài ca thanh bình đang ran trên môi con trẻ bần dân.

Gió bấc, được sưởi trong mấy ngày nắng mới, lúc này hòa hợp với hơi thở của dân gian, hiền hòa như hơi một lò trầm lộng ngát. Cả đến nắng vàng cùng xác pháo đỏ, vương vào dậu cúc, bay sang dậu đào phơi phới như hẹn những giấc bướm êm lành của đêm xuân.

Đưa mắt lướt qua những miệng cười của bầy lê dân bé nhỏ đang nô nức đón xuân về, vua Tần nghĩ ngay đến bầy muông chim thường ngày nuôi trong vườn Ngự. Bầy muông chim ấy cũng hiền lành, ngoan ngoãn, biết yên phận làm sao!

Lòng vua hỉ hả lắm. Vua thấy như có hoa nở và chim hót dưới chân ngựa. Vua tưởng ngay mình là mặt trời cần cho vạn vật, muôn loài.

Song ở lòng người vẫn có những tương phản đi theo nhau. Thấy cái yên phận của đám dân này thì lòng ông vua chuyên quyền ấy nhớ ngay đến cái quật cường của đám dân khác: cái đám dân đã ngang ngạnh không chịu nép dưới nanh vuốt của triều cương.

Đó là các nho sĩ nhà Tần. Bọn ấy, vua Tần đã ví là bầy ngựa rợ Hồ dại dột.

Chẳng khác bầy ngựa kia hễ hơi nghe thấy gió bắc thì cất tiếng kêu, ra điều thương nòi xót giống, cái đám nho sĩ lẩn quất trong cỏ cây của ông cũng làm ông phải bực dọc nhiều lần.

Chúng đã dám khơi gợi lòng dân Tần cựa quậy dưới vó ngựa ông bằng những văn thơ, sách vở. Chúng đã dám thóc mách những tội ác của ngôi vàng. Chính ngay cái bức Vạn lý trường thành do tài trí ông xây dựng lên, chúng dám than thở là đắp bằng xương cốt của muôn dân nghèo ngu dại.

Nhưng bây giờ thì không còn một mống nào nữa! Với chúng, với cái giống chim ri chim sẻ tuy bé mà tinh ranh ấy, ông đã là một cánh đại bàng. Gươm bén ông đã liếc bằng thịt xương nho sĩ. Oai quyền ông đã đốt hết đạo lý thành tro.

Ông có chợt nghĩ đến chúng chẳng qua là để ngắm lại cái quyền thế của mình mà hả dạ bằng lòng chính mình đã xứng đáng một người thâu gồm thiên hạ trong tay.

Vua Tần đang mỉm miệng cười sắp ruổi ngựa về hướng Nam, để vi hành vào miền dân giã, thì chợt nghe có tiếng ngâm thơ sang sảng bay lộng ra ở một quán rượu bên đường. Ông giật mình, túm bờm gò ngay ngựa lại.

... Hùng bút, hùng thời, hùng biện nhân,
Vạn chương xuất khẩu tự thành văn.
Ngao du chiến quốc vô thê xứ,
Độc chiếm cao lâu ngọa viễn trần.

Không có một sự quái gở nào làm vua Tần ngạc nhiên hơn những lời thơ ấy nữa. Làm sao cái giống nho sĩ ấy còn có thể lọt qua kẽ tay ông được? Ông đã rẫy chúng như rẫy cỏ rồi mà! Hừ! Cái giống

này nếu để sót lại trong thành quách của ông thì nó sẽ như rễ cỏ sót lại trên đất thịt.

Tự nhiên vua Tần sờ vào bên nẹp áo khinh cừu để mà tự giận mình đã không đeo kiếm. Nhưng ông cũng cứ ghìm ngựa đứng chờ ở gần quán rượu. Ông nhủ lòng sẽ dò cho được tông tích tên nho sĩ ấy để còn nhổ hẳn rễ của nó đi. Nghĩa là ông sẽ bắt toàn gia hắn đem chôn sống.

Một lúc lâu. Vào khoảng rượu Lưu Linh thì đã tu được liền ba mươi đấu. Vua Tần thoáng thấy một chàng trai trẻ ngất ngưởng trên lưng bạch mã phóng ra. Hắn phi nước đại rồi vụt rẽ vào lối xóm mai vàng phía trước.

Không chịu bỏ, ông vua thâm thù với giống nho sĩ vội thúc ngựa rượt theo. Tà áo khinh cừu phân phất qua từng đợt nắng.

Rồi qua một gióng trúc bắc ngang trên một dòng xuân sóng sánh nắng chiều. Và lại qua một cầu trúc nữa.

Được vài sải đường, vua Tần cứ gò rạp lưng trên ngựa, đến khi ngẩng trông thì chàng nho sĩ ấy đã biến mất rồi.

Bực mình, nhà vua giận lây đến con ngựa thường của nội giám mà ông cho là yếu đuối đã làm lỡ cả công việc của ông. Chẳng trách nó chỉ đáng làm tôi tớ của một tên đi làm tôi tớ!

Hậm hực, ông liếc nhìn quanh. Ông có cảm giác như con ngựa hèn đớn ấy cứ lê đi chứ không cất vó. Nhưng không. Hương thơm của hoa mai vẫn theo từng đợt gió vèo qua bên mình áo khinh cừu và xóm mai vàng đã sát lại. Ông cúi nhìn chân ngựa. Thì ra vó ngựa đang phi rất êm trên một thảm cỏ xanh dầy. Lá cỏ lào xào như tiếng suối.

Đó là một khoảng vườn xanh đang độ nở. Khoảng vườn ấy nở ra một ngàn mai rung rinh như tuyết chảy dưới nắng chiều.

Cặp mắt con người quen nhìn lầu vàng gác tía, quen nhìn máu rụng thịt rơi ấy, còn biết thương gì đến hoa hèn, cỏ nội. Nhất là lúc này ông ta vừa để mất tung tích nho sĩ: nó là giống kẻ thù. Mà nó biến mất cũng ở xóm mai vàng này chứ còn đâu nữa?

Vua Tần kẹp đùi vào bụng ngựa, rồi nhẩy tót xuống, vì đã tới xóm mai. Ông vỗ vào mình ngựa mấy cái ra ý dặn dò. Đoạn, cứ xông xáo tiến vào, ông dẫm nát cả hương thơm sắc thắm.

Quá dăm bước, bỗng tự phía trước có một tiểu đồng lộ ra ở trong hoa, quát lớn:

– Gã điên dại nào kia? Có mắt không mà dám vào đây dẫm nát cả hoa cỏ thế?

Vua Tần thủng thỉnh bước lại. Song thấy tên tiểu đồng còn nhỏ tuổi, ông chỉ mỉm cười:

– Ta là ta. À này chú bé, đây là nhà ai mà cỏ hoa xanh tốt nhỉ?

Tên tiểu đồng nghe giọng kẻ cả ấy lại càng tức giận, mắt hắn thao láo lên:

– Nhà ai? Nhà người ở chứ còn nhà ai nữa? Ngươi biết điều thì bước ngay đi, không ta ra cho vài gậy bây giờ.

Vua Tần hình như không thèm để ý những lời con trẻ ấy. Ông vẫn đưa những bước nghênh ngang. Khi ấy tên tiểu đồng hậm hực chạy tót trở vào.

Thốt nhiên nhà vua chợt cau mày. Rồi nghiêng tai. Rồi vội vàng hút theo tên nhỏ. Đâu đây, vừa vẳng theo gió, lại có tiếng đọc sách ngâm nga. Càng bước vào, cái giọng thống thiết của bọn nho sĩ càng ngạo tai vua hơn là những lời nguyền rủa.

– Hừ! Sao trong giang sơn ta còn lẩn quất nhiều bầy ong độc ấy? Ta phải giết... phải giết cho chúng hết vo ve!

Lần thứ hai, tự nhiên vua Tần lại sờ vào bên áo khinh cừu để mà lại giận mình đã không đeo kiếm.

Tuy thế nhà vua cũng cứ sấn vào như một cái bóng, tràn qua những bóng cây gầy.

Khi thấy mất biến tên tiểu đồng, là lúc một mái cỏ hiện ra. Vua Tần sục thẳng vào. Ông cũng không buồn nhìn cái khoảng sân rêu đầy hoa mai rụng, có bầy chim tước đang đùa nhau quẩn cả bước chân. Và cũng chẳng buồn đuổi đàn ong vàng lạ người cứ dính theo tà áo.

Đến một cánh dại, vua Tần cúi nhòm vào túp cỏ. Mắt ông tròn xoe như mắt vọ nhòm vào một ổ chim con.

Phía trong, dựa bên một cánh song, có hai ông già râu vướng vào nhau, đang châu đầu trước một chồng sách nát. Một ông, lấy sách làm gối kê tay, nâng cao một quyển vàng trước mặt bạn. Giọng hai người cùng thanh thoát như gió lộng ngoài trời.

Tần Thủy Hoàng nheo ngay mắt lại. Ông bước xịch vào khi

tên tiểu đồng đang khoanh tay đứng hầu bên, mắt lim dim như đắm hồn vào những lời trong sách.

Vua Tần đi lại bên. Ông đứng im một lúc mà cả ba thầy trò nho sĩ kia cũng mải mê không biết.

Lát sau, chừng đã đọc hết trang, hai ông già mới gật gù dừng lại. Một ông, lấy móng tay dài khẽ gẩy mép giấy để giở. Cùng lúc ấy tên tiểu đồng mở mắt như tỉnh một giấc mơ.

Hắn ngạc nhiên và tức giận hết sức khi thấy người lạ ban nãy đang đứng lù lù ở trước mặt mỉm cười, nụ cười nhiễm một vẻ ngạo nghễ. Song hắn cũng không dám nói to, chỉ xua tay khẽ bảo:

– Ra ngay! Ra! Không nhà ngươi được nếm gậy bây giờ?

Lúc đó hai ông già kia mới ngẩng đầu lên. Cả hai cùng ung dung đưa móng tay lên gẩy gẩy chòm râu và bảo tên tiểu đồng đang xua người khách lạ:

– Thôi con. Thiên hạ vào nhà khi ta giảng sách thì không nên đuổi. Nhân đầu xuân, con dắt hắn xuống nhà trái cho hắn uống rượu. Lấy vò hoàng mai tửu ngon nhất ấy.

Dứt lời, hai ông lại cùng quét râu phơ phất trên trang giấy thắm những dòng sắc máu.

Thấy thế, vua Tần cười nhạt:

– Những pho sách nát này có gì mà hai người nâng niu và chăm chú thế?

Hai ông già hình như không nghe tiếng. Ở hai chòm râu bạc lại bắt đầu có tiếng rung lên. Nhưng lúc ấy tên tiểu đồng đã nghển lên ngắm kỹ lại mặt khách lạ. Đoạn, túm áo khách, hắn khẽ bảo:

– Trông bác cũng ra dáng nho sĩ, nhưng chắc chỉ nho sĩ ở dáng dấp thôi thì phải? Đấy, chỉ có những pho sách nát ấy mới cảm hóa được lòng người. Bác chẳng thấy vua Tần đã phải mất vía vì những pho sách nát đó ư?

Vua Tần thấy mặt mình nóng lên. Vua ngắm lại tên tiểu đồng mà trái đào mới chấm vai: đó là một thằng bé giá có dắt vào đô thành còn sợ lạc. Vua cười gằn một tiếng:

– Chú còn bé nên không biết nho sĩ, sách vở vốn là kẻ thù của vua Tần. Ở đây không sợ phép nước hay sao?

Vừa nói, vua Tần vừa nhìn như hút lấy cặp mắt bé nhỏ nhưng

ngời sáng của tên tiểu đồng. Ông rất ngạc nhiên vì thấy nó vẫn bình tĩnh đáp, giọng trôi chảy như bao nhiêu nho sĩ đã đáp lại ở pháp trường khi đầu sắp gửi tay đao phủ:

– Có ai lại ngu ngốc đi hỏi cái lẽ cây tùng, cây bách, mùa đông sương tuyết mà vẫn xanh? Đi hỏi con gà trống mưa gió tối tăm mà vẫn gáy? Hừ ! Tôi bé? Bé chỉ vì bác đứng cao hơn tôi đó thôi!

Rồi tên nhỏ cười khanh khách trỏ ra sân, nói luôn như đọc sách:

– Hoa mai rụng dưới sân, hoa mai nở trên cành. Đêm rụng lớp này, sáng nở lớp khác. Bao giờ hết được mùa xuân? Ồ! Đốt sách vở, chôn học trò, vua Tần quả ngu dại như con ngựa dữ lồng trong thiên hạ.

Vua Tần rợn người sửng sốt. Nhưng không phải vì tưởng tên tiểu đồng đã nhận được ra mình. Ông chộp mạnh hai tay lên vai tên nhỏ như một con thú dữ chộp được mồi. Mắt ông đỏ lên nhìn vào tận mặt nó. Song tự dưng ông lại buông ngay tay xuống. Ông vụt ngoảnh nhìn ngoài trời rồi bước vụt ra sân cất tiếng cười ghê rợn.

Vì lẽ đó tên tiểu đồng cũng cười khanh khách chạy vào, nó tưởng khách lạ vội về vì trời sắp tối, tên tiểu đồng khuyên :

– Phải đó. Tối rồi xin mời bác về để tôi còn buông cổng. Về nhà, bác nên đóng cửa lại mà đọc sách. Há vì vua Tần mà cam chịu sống như cây cỏ hay sao?

*

* *

Vua Tần lại đến xóm mai vàng khi bóng tối vừa sập xuống. Nhưng lần này nhà vua đến bằng con chiến mã với một lưỡi kiếm dài. Hai vật đó đã dùng để phanh thây và róc xương hàng ngàn nho sĩ.

Theo hầu nhà vua là một tên đao phủ. Trong đêm xuân mờ hơi sương, hai bóng ngựa cứ bay đi như hai bóng hung thần. Thỉnh thoảng, mới có một tiếng cười gằn thốt ra, khi tiếng vó ngựa rượt nhau trượt trên lối cỏ.

Cái cuộc đi ám sát nho sĩ như thế, lần này đã là bao nhiêu lần rồi, từ khi vua Tần lên trị vì thiên hạ. Đó là một cách đơn giản nhất, hơn nữa, nhà vua còn cho là một trò chơi thú vị. Vì những vẻ đau xót hay căm hờn, thản nhiên, hay hối hận của bọn nho sĩ trước khi lìa

đời thường đem lại cho vua Tần được những trận cười khoái trá. Những trận cười biểu lộ cái quyền thế của mình.

Nhất là đêm nay. Không những được xem vẻ mặt biến đổi của hai lão già và cái tên tiểu đồng như chim non mới nứt mắt đã học hót, học bay ấy, vua Tần còn muốn tránh làm náo động dân gian.

Bất giác vua giơ kiếm lên ngang mặt. Ông vuốt tay qua lưỡi thép sáng, như khi chùi máu giặc còn rây lại, mà cười rộ lên:

– Ừ, đêm hoa mai rụng, sáng hoa mai nở. Ta thử xem đêm nay phạt hết, sáng mai có còn nở được nữa không? Có phải không đao phủ?

Tên đao phủ theo sau, tuy chỉ nghe rõ tiếng cười, song cũng vội vàng đáp lại:

– Muôn tâu, quả đêm nay trời tối lắm.

Rồi hắn cũng khoa kiếm và giục ngựa bám sát vào đuôi ngựa trước...

Một lát. Vó ngựa đã phi trên lối vào xóm mai vàng.

Xóm mai bấy giờ chỉ là một dòng mực nhạt. Càng tiến gần, muôn hoa càng rạng lên, như thấy người chợt bừng thức dậy.

Vua Tần xuống ngựa. Cũng không cần lắng nghe cái giọng đọc sách về đêm tĩnh càng sang sảng nữa. Ông cùng tên hầu tuốt kiếm sục vào.

Lại qua sân. Lại đến gần cánh dại. Bên trong, lại vẫn hai ông già như hai gốc mai cỗi ấy, đang quét râu phơ phất trên những trang giấy vàng. Tên tiểu đồng thì ngồi hầu bên cạnh, tay soi một ngọn sáp đỏ. Sáp chảy, rỏ cả xuống tay từ bao giờ mà tên nhỏ vẫn điềm tĩnh như không hề biết.

Cười khẩy một tiếng, vua Tần rút vèo lưỡi kiếm ra khỏi vỏ. Nhưng ông không lấy mấy cái đầu ấy vội. Ông vung kiếm chỉ để soi cái uy lực mình vào những cặp mắt của văn chương, đạo lý.

Đoạn, ông sai tên đao phủ trói gô cả lại, trong khi ba thầy trò nho sĩ trông nhau cùng cất lớn tiếng cười.

Giờ mới là lúc ông vua bạo ngược ấy nghĩ đến những cực hình để đáp lại những tiếng cười thản nhiên của thầy trò nho sĩ. Những tiếng cười như đã biết trước những việc sẽ xảy ra ấy, đáng ghét biết chừng nào!

Ông không muốn chôn sống họ nữa. Ông không muốn cho họ

được chết ngay, chết nhanh chóng, dễ dàng. Vì như thế ông cho là còn được chết sung sướng lắm.

Gan góc như ba thầy trò tên này thì cái chết phải dai dẳng, để cho ngấu nát cả xác thịt lẫn linh hồn. Những cặp mắt quen nhìn những dòng đạo lý giờ phải nhìn hằng ngày những cảnh trái ngược thương tâm. Những cái tai quen nghe những lời đạo lý giờ phải nghe luôn những điều oan trái. Để lòng họ thương xót đến não nùng, đến tê dại, đến chết lịm đi. Hơn nữa, theo người xưa, ông sẽ làm mắm bằng thịt nho sĩ để lại nuôi nho sĩ.

Nghĩ thế, vua Tần quay bảo tên đao phủ:

– Giờ thì về thành. Sớm mai ta sẽ trị tội bọn này cùng với lũ nho sĩ bắt được trong năm.

*

*   *

Nhưng khi vua Tần vừa bước ra lều cỏ thì rừng mai vụt chuyển động. Hình như có cơn giông bão nổi lên. Nguồn thác đâu đây ầm ầm đổ. Cỏ cây xô xát.

Cái xóm mai vừa êm ả dưới sương đêm bỗng như một cảnh loạn lạc.

Vua Tần đứng sững lại. Song, khi ông đã trấn tĩnh thì ông mỉm cười nhận ra đó chỉ là một bầy dân hèn ồn ào trước mặt.

– À! Ra bầy ngu dân tìm đến nghênh giá ta đây.

Hởi dạ, vua Tần bước đĩnh đạc lên một gò cao, nhìn rộng ra tứ phía. Ông toan kiếm lời vỗ về trăm họ thì đột nhiên ông biến sắc. Vì cái bầy dân, dẫn đầu là chàng nho sĩ đã ngâm thơ ở quán rượu, khi thấy mặt nhà vua thì ào ào cuốn lại. Chớp mắt, vua Tần đã y như một cánh chim mắc bẫy ở giữa một lưới người. Những tội ác của nhà vua bắt đầu bay rào lên tứ phía.

Nhà vua bừng giận. Đó là sự phẫn uất của kẻ cường quyền: ông rút kiếm.

Tay kiếm vung đến đâu thì những tiếng kêu gào ran đến đấy. Từng loạt đầu cứ như quả chín rụng. Máu nhuộm đỏ rừng mai. Song, hết loạt này, tiếp loạt khác, đến khi lưỡi kiếm ông quằn lại thì

những tiếng cười rộ cả lên. Mình nhà vua đã bị lèn bởi thây người.

Hoảng hốt, vua Tần gọi to tên đao phủ trung thành. Khi ấy tên đao phủ đã cởi trói cho ba thầy trò nho sĩ và đang cùng đám dân hùa nhau xúm lại.

Vua Tần lòng đầy giận uất. Mắt nhà vua long lên để một lúc thì nhắm nghiền ngay lại, vì thấy tên đầy tớ đang lướt kiếm lại gần mình.

Cuối cùng, khi đã ngớt tiếng nguyền rủa của dân gian thì vua Tần đã bị trói chặt và lại nghe sang sảng bên tai có giọng ngâm thơ:

... Hùng bút, hùng thời, hùng biện nhân,
Vạn chương xuất khẩu tự thành văn.

Rền rĩ mấy tiếng thật dài, vua Tần mở bừng mắt dậy. Vua ngơ ngác. Thì ra cuộc vi hành vào mắt nho sĩ ở xóm mai vàng chỉ là một giấc mơ trong một tiệc xuân ở Long Phượng Các, giữa những phi tần, giữa những vàng son.

Bàng hoàng, nhà vua ôm đầu ngẫm nghĩ. Ông băn khoăn hỏi bọn phi tần hầu rượu còn đang đứng chực ở bên những thỏi sáp hồng, cháy gần hết bấc:

– Các khanh có biết về phương Nam có xóm mai vàng nào không?

Nhưng ngay khi đó, viên giám ngục tin cẩn của nhà vua đã chạy vào mật tấu có một tên nho sĩ nữa vừa tự vẫn ở trong ngục thất. Và hắn băn khoăn, ấp úng:

– Muôn tâu, xóm mai để chôn nho sĩ đã chất cao, hay tên này thần đem thiêu xác?

Lần đầu tiên, tên giám ngục ngơ ngác vì thấy vua Tần ngồi lặng ngắt, vẻ mặt lo lắng trước cái tin một nho sĩ chết.

HAI NGƯỜI GIANG HỒ

Mái ngoài mưa vẫn tỏng tả trong gió thổi vèo.

Đã khuya lắm. Thỉnh thoảng, đi qua ngõ tối, chỉ còn vài tiếng giầy chừng là của khách đi chơi đêm về, bước uể oải, nặng nề gõ vào trong tịch mịch.

Thấy hai người bạn gái của Nghi đã ngủ say, Hoàng buông tay Nghi ra và bảo:

– Thôi, đành thế vậy. Hai ta tuy chung cảnh đời giang hồ nhưng khác hai bổn phận. Bây giờ thì em ngủ đi kẻo mệt. Để anh về... Vả lại tối mai em còn phải đi làm và anh cũng còn đang viết dở...

– Về gì? Anh gàn lắm. Đấy, thì về. Và rồi anh quên em đi, đừng nhắc đến tên nhau, đừng tìm nhau, thăm nhau nữa. Để cho em cứ an phận mà chịu khổ. Đời như em thì chỉ đáng chịu khổ mà thôi.

Vừa nói Nghi vừa vùng vằng hất tay Hoàng ra.

Không muốn để Nghi dỗi, Hoàng khẽ dỗ:

– Nhưng ba đêm rồi, hai đứa cứ thao thức thế này thì...

– Thì sao? Nào đã chết ai đâu?

– Chưa chết ai. Nhưng chỉ mai là cả hai cùng ốm mất...

Nghi thở dài rồi buông sõng, giọng nàng thấy lạnh đi:

– Ốm thì chết. Chết thì chôn. Thà được chết trẻ còn hơn là chết già trong một cuộc đời dài dặc mà vô vị.

Hoàng gượng cười đáp:

– Thế thì sống cả đôi có hơn không? Vả lại đời chúng ta không có quyền được chết sớm, mà lại chết vì ái tình. Anh còn bổn phận của một người. Em còn bổn phận của bà mẹ.

Nói đoạn, Hoàng rời ở lòng Nghi ra, đứng thẳng lên. Nhưng chỉ được một phút. Cặp mắt long lanh của Nghi lại dìu chàng ngồi xuống. Ý định cương quyết của chàng thấy nao núng, rồi phút tan theo với những giọt nước mắt mà chàng tưởng không còn có nữa ở trên má một cô gái giang hồ đang âm thầm rỏ như oán hờn chàng.

Buồn rầu, Hoàng vùi đầu vào ngực Nghi đang thổn thức như nấc lên. Có lẽ cử chỉ ấy của chàng không phải là để thương xót cho người mà là để băn khoăn lo lắng cho chính lòng mình.

Đã ít lâu nay Hoàng gặp Nghi, rồi hiểu nhau, rồi thương nhau. Vẫn tưởng rằng đem cái tình thương vô cùng, vô biên của một tấm lòng nghệ sĩ đi qua khắp lòng người, như một trận mưa rào đi qua khắp cỏ héo hoa rầu, để giúp cho vườn đời dồi dào thêm mạch sống, Hoàng không ngờ rằng tình thương ấy lại có thể dừng lại ở cô gái giang hồ này và cứ dùng dằng mãi lúc sắp ra đi.

Cho đến tận hôm nay. Hoàng xuống thăm Nghi một lần cuối cùng và thầm nhủ là từ mai chàng sẽ không xuống nữa thì chàng cảm thấy lòng mình đã yêu mất rồi. Có lẽ chàng còn phải xuống lần nữa và lần nữa cũng nên.

Se sẽ thở dài, Hoàng bâng khuâng lòng nhủ lòng như tự hỏi:

– Yêu ư? Có thể như thế được ư?

Ừ, Hoàng không hiểu tại sao chàng lại có thể yêu được Nghi nữa. Không phải là vì Hoàng không tham sắc, tham tiền mà Nghi lại là người đàn bà thiếu cả. Cũng không phải là vì Nghi chỉ còn có mỗi một tấm lòng là khu đất tốt mà Hoàng hằng đi tìm kiếm trong đời để gieo rắc tình yêu.

Hình như Hoàng nhận thấy mang máng rằng hai người hợp nhau vì một quan niệm về lẽ sống ở đời, cái quan niệm sống lên trên dư luận, và không bao giờ chịu giam hãm trong một khung cảnh bình yên.

Có lẽ thế đúng hơn. Vì Nghi chỉ là một người giang hồ, xác thịt đã bị giày vò, linh hồn đã đầy tội lỗi.

Nhưng không hiểu sao cứ mỗi lần Hoàng rùng mình nghĩ như thế là lại thấy bao nhiêu lý lẽ chắc chắn tự dưng đến cãi hộ cho nàng.

Phải, linh hồn Nghi cũng chỉ là một cốc nước mưa mới hứng giữa trời như bao nhiêu cốc khác. Song từ ngày gặp chàng, hình như bụi bẩn đã dần dần lắng xuống và gạn lọc bởi những tư tưởng tốt đẹp của chàng. Để bây giờ đã là một cốc nước trong. Hoàng thường so sánh và cho là có thể trong hơn những cốc khác cũng nên, những cốc mà ở giữa đường đời chàng thoáng gặp cũng thấy trong trắng chứ không được biết là có mát lành và gạn lọc hay chưa.

Còn xác thịt? Thì cái xác thịt còn có ý nghĩa gì với chàng, có lẽ cũng không có ý nghĩa gì với hầu hết người đời nữa. Làm gì có cái gì

là nguyên vẹn? Cô gái – mà cả phố kia rao lên là tử tế – biết đâu chẳng đã hơn một lần thầm vụng với một gã trai trẻ lấy cái hư danh và lại đang sắp bán lần nữa cho một lão già nọ lấy một cái nhà gạch, một cái hò xem, với vài chiếc vòng vàng.

Thế thì Nghi nào có khác gì? Mà có lẽ lại còn cao quý hơn họ nữa. Nghĩa là nàng không bị ai đem bán mình cả, mà chỉ vì cái hoàn cảnh eo hẹp bức bách của riêng nàng.

Ý nghĩ ấy làm Hoàng bật cười lên một tiếng. Nhưng chàng ngừng lại. Vì, từ nãy, chàng đã quên rằng Nghi đang thổn thức khóc theo với trí nghĩ của chàng. Bất giác, Hoàng ngẩn phắt lên, hai tay ôm ghì lấy má Nghi, mắt chàng sáng quắc:

– Thế bao giờ lão ấy lên?

Câu hỏi đột nhiên của Hoàng làm Nghi sửng sốt:

– Lão nào? Anh điên đấy ư, anh Hoàng?

– Không. Anh không điên dâu. Lão ấy là người chồng tạm bợ, người chồng vô nghĩa lý, người chồng "tiền" của em ấy.

– Kìa! Em van anh đừng nhắc đến hắn nữa. Em tủi cực lắm, anh Hoàng! Sở dĩ phải biết hắn cũng chỉ vì con em...

Không đợi Nghi nói hết, Hoàng trả lời rất nhanh như nhắc ra một ý nghĩ vừa vụt qua tâm trí:

– Anh muốn em cấm cửa hắn từ mai. Và từ mai, đời của em phải tự lập. Phải như anh, em phải làm lại cuộc đời, sống lại, trẻ lại, tận tụy trong công việc và bổn phận. Em không được vịn một cớ gì để làm mờ ám cái bổn phận cao quý thiêng liêng của một người mẹ. Còn con em, đứa trẻ vô tội ấy, ngày sau nó sẽ không phải gọi tất cả mọi người là cha mà chính ra những người đó đều không phải. Nó sẽ chỉ có em. Mai em phải mang nó về và chăm nom nuôi lấy.

Hoàng nói luôn một thôi như một thằng điên, khi chàng ngừng lại đã thấy vai mình ướt đầy nước mắt. Chàng nâng đầu Nghi lên thì thấy Nghi sung sướng, mỉm cười...

*

* *

Song những linh hồn giang hồ có bao giờ ở yên được với cuộc đời bình dị, phẳng lặng được đâu.

Cho nên, được nửa tháng sau, Hà thành tự nhiên thấy thiếu cái gia đình nho nhỏ ấy. Người ta không hiểu rằng hai con chim lang bạt ấy đã chắp cánh mang nhau đi về phương trời nào, đi để xa lánh những hiện cảnh của đời thanh nhàn mà bên trong vẩn vẩn lên như những cốc nước mưa không bao giờ lắng bụi.

Thỉnh thoảng, trong những buổi chiều yên tĩnh, người ta kể lể và nhắc lại với nhau:

– Có lẽ đôi ấy đã bỏ nhau rồi, chứ ăn đời ở kiếp với nhau sao được!

HẾT

THẠCH LAM
(1910 - 1942)

Thạch Lam, tên thật là Nguyễn Tường Lân, sinh tại Hà Nội, trong một gia đình công chức gốc quan lại. Đỗ tú tài phần thứ nhất thì thôi học, ra làm báo *Phong hóa*, rồi *Ngày nay*, do anh ruột là Nhất Linh chủ trương. Tham gia Tự lực văn đoàn và là một cây bút quan trọng của nhóm. Tác phẩm đều do Tự lực văn đoàn xuất bản. Chết vì bệnh lao ngày 25-6-1942, tại Yên Phụ (Hà Nội).

Khác với Nhất Linh và Hoàng Đạo, Thạch Lam có một số tác phẩm có khuynh hướng hiện thực và bộc lộ một thiện cảm không che giấu đối với những người lao động. Một số truyện của ông gợi được sự thương cảm và phần nào sự bất bình trước cuộc sống cực khổ của những con người nhỏ bé, số phận hẩm hiu, trước hết là những người dân nghèo. Ông cũng có sự cảm thông sâu sắc với cuộc đời vất vả, mỏi mòn, hy sinh thầm lặng của người phụ nữ trong xã hội cũ. Có điều, tình cảm nhân đạo của ông tuy chân thành, nhưng là thứ nhân đạo tiểu tư sản, đôi khi chỉ là lòng thương hại của người đứng trên nghiêng mình xuống. Một số truyện khác của Thạch Lam đi vào những tình cảm, cảm giác nhẹ nhàng, tinh tế. Ngòi bút phân tích cảm giác ấy có lúc trở nên duy cảm, duy mỹ, nhưng nhiều trang viết của Thạch Lam đã có cái sâu lắng và đậm đà hương vị quê hương đất nước (*Hà Nội băm sáu phố phường... 1943*).

Thạch Lam sở trường về truyện ngắn. Ông coi nhẹ sự hấp dẫn bề ngoài của cốt truyện mà chú ý khai thác chất thơ trong cuộc sống bình thường hàng ngày. Văn ông trong sáng, tinh tế, nhẹ mà thấm thía. Nhưng do tách rời đời sống, nhiều truyện ngắn lãng mạn của ông tuy đẹp đẽ, thơ mộng, nhưng vẫn không tránh khỏi đơn điệu, nhạt nhẽo.

TÁC PHẨM CỦA THẠCH LAM

– *Gió đầu mùa* (tập truyện ngắn), Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1937.

– *Nắng trong vườn* (tập truyện ngắn), Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1938.

– *Ngày mới* (truyện dài), Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1939.

– *Theo giòng* (bình luận văn học), Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1941.

– *Sợi tóc* (tập truyện ngắn), Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1942.

– *Hà Nội băm sáu phố phường* (ký), Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1943.

NHÀ MẸ LÊ

(Truyện ngắn)

Đoàn Thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai dẫy nhà tranh lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái mái nứa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ siêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bưng bít như một cái tổ chim, nhà của một người giầu trong làng làm ra đây để bán hàng. Người ở phố chợ là bẩy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở đâu đến đây kiếm ăn trong những năm trời làm đói kém, làm những nghề lặt vặt, người thì kéo xe, người thì đánh dậm, hay làm thuê, ở mướn cho những nhà giầu có trong làng. Người ta gọi mọi gia đình bằng tên người mẹ, nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đối, nhà mẹ Lê. Những gia đình này giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả.

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả chám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất còn phải bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, một căn nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gẫy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn. Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi từng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà.

Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng

lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ, dưới gió bấc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mượn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi, mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm để mong lấy cái hơi ấm của mình ấp ủ cho nó. Thằng con nhớn nhất từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra, vơ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hột thóc, giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét, mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rỉ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hy, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng Cả ngồi đan lại cái lờ, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng nực, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu, bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại, nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con giống một mẹ con đàn gà, mà những con gà con, người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẫn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đối kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

– Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

– Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người biết bác Lê quí con lắm; tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hy hơn cả, nó là con thứ chín, và ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: "Nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc". Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng mùa hạ, cả phố bắc chõng ngồi ngoài đường, vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò và hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đen và lấp lánh sáng. Đất hãy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một cái mùi riêng lẫn mùi rác bẩn và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện, trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ. Hình như quên cái cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài của người lớn xen lẫn với tiếng khúc khích của các cô gái chúm chụm sát nhau trong bóng tối. Người ta thấy tiếng bác Hiền nói vang, tiếng bác Đối thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra tiếng võng và tiếng hát lanh lảnh của bác Đối gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu khách mua một cân táo tầu rồi nằm võng vừa nhai vừa hát bài trống quân:

Ngày xưa, có anh Trương Chi...

*

* *

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không đông đúc như trước và vãn sớm. Những tiếng nói chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng xáo gánh gạo kĩu kịt trên đê để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lấn trong phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về; còn thường thấy bác Đối kéo cái xe không lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm võng hát trống quân nữa. Bác Lê, trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn; bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhịn đói dần dần liên tiếp nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm: buổi chiều, bác mệt nhọc chán nản trở về, hỏi thằng Cả xem có đánh được ít cá nào không, thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lờ nữa.

Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khốn như nhau.

*

* *

Một buổi chiều, mà đàn con nhịn đói đã suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa con cả đến rồi bảo:

– Ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không.

– Ban sáng u đã vào mà người ta có cho đâu, cậu Phúc lại còn bảo hễ u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

– Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi, tao cứ liều vào lần nữa, xem sao.

Nói xong, bác Lê mở cửa liếp ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng trong buổi sáng, lúc vào xin gạo. Ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cái cảnh sang trọng ấm cúng trong nhà ông Bá. Những chậu sứ, câu đối thếp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giàu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao?

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau đợi trong ổ rơm. Bác đi lâu không thấy về. Thằng Hy lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng, rồi bảo chị nó:

– Hình như u về đấy, chị ạ.

Thằng Cả đi lại bên bếp lửa nhìn ra ngoài. Bỗng có tiếng chân người rầm rập rồi đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đối và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy dòng dòng.

Thằng Cả hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. Bác đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi sau khi dặn:

– Bây giờ bác lấy lá lốt mà dịt cho nó cầm máu. Chó tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thằng Hy vừa mếu máo vừa hỏi:

– U làm sao thế, u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

– Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi lại còn thả chó ra đuổi: tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đối, chứ không, biết bao giờ mới lê được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

– Thế là mẹ con lấy gì mà ăn cho đỡ đói bây giờ.

Thằng Hy òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác Lê giơ tay ôm chúng nó vào lòng, rồi nghĩ thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên cơn sốt. Những cái rùng mình lạnh lẽo nối nhau lướt trên da bác, manh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cả cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ, chỉ toàn những ngày khổ sở, nhọc nhằn. Cái nghèo hèn không biết tự bao giờ đã vào nhà bác. Lúc sinh ra, bác đã thấy nó rồi, và từ đấy, nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng có người mướn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, nhưng bác vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hy và con Tý vui đùa giằng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỏi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thơm, những lúc vò lúa dưới chân... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy cạnh bông lúa sắc sát vào da thịt. Đấy còn là những ngày no đủ. Rồi đến những buổi chợ sáng, những ngày nhịn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác của cậu Phúc, con chó tây nhe nanh chồm đến.

– Trời ơi! Sao tôi khổ thế này!

Tiếng kêu thất thanh của bác làm giật mình lũ trẻ, chúng nó ngồi dậy, đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ.

Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sảng rồi chết. Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một cỗ ván mọt, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vùi dưới bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.

Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy mấy đứa con nhỏ bác Lê ngồi ở vỉa hè. Con Tý đang dỗ cho thằng Hy nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi chợ một lát sẽ về. Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa và họ thấy một cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không biết bao giờ dứt.

Ngày nay, số 43 (17-1-1937). In lại trong
tập *Gió đầu mùa*, Nhà xuất bản Đời nay,
Hà Nội, 1937.

TRỞ VỀ
(Truyện ngắn)

Mùa hè năm nay, Tâm và vợ chàng về nghỉ mát ở nhà một người bạn ở vùng thôn quê. Khi người bạn mời thì Tâm nhận lời ngay, vì chàng tính được chỗ nghỉ mát suốt một tháng hè không phải mất tiền, vả lại tiện hơn nữa, chàng có dịp về thăm nhà cũng ở gần đó.

Hôm ấy trời nắng mà có gió. Buổi sáng, ăn điểm tâm xong, hai vợ chồng Tâm bắc ghế ngồi ngoài hiên hưởng gió mát. Người bạn Tâm vì có việc đã ra tỉnh từ sớm. Tâm sực nhớ đến việc về thăm nhà, mà từ khi về nghỉ đến giờ, chàng cứ để lần lữa mãi. Chàng nói với vợ:

– Hôm nay thế nào tôi cũng phải về thăm nhà mới được.

Vợ đáp:

– Thế còn tôi, tôi làm gì cho hết ngày hôm nay? Ngồi đây mãi thì chán chết.

– Độ năm giờ chiều tôi đã về đây rồi.

Vợ Tâm nũng nịu:

– Thế thành ra suốt ngày tôi ở đây một mình à? Cậu ích kỷ lắm, chỉ biết nghĩ đến công việc của cậu mà không biết nghĩ gì đến tôi cả.

Tâm ngẫm nghĩ. Muốn chiều vợ, chàng bàn:

– Hay là thế này thì tiện nhất. Mợ cùng đi với tôi. Đến ga, chúng ta rẽ vào cao lâu ăn cơm sáng. Rồi mợ đợi tôi ở đấy, tôi về thăm nhà độ một giờ, rồi tôi lại ra ngay.

Vợ chàng bằng lòng. Hai người đánh xe ôtô nhà đi đến ga xe hỏa cách đấy độ một chục cây số. Đến nơi, hai người dạo chơi phố, rồi vào hàng cơm nghỉ.

Tâm bảo:

– Bây giờ mợ đợi tôi ở đây, tôi về thăm bà cụ.

– Phải đấy, nhưng đừng có ở lâu nhé. Cậu chớ có quên rằng tôi đợi cậu ở đây đấy.

Tâm mặc áo đi ra, để vợ ngồi trong căn phòng mát mẻ ở hàng cơm. Chàng đi theo một con đường đất đỏ, hai bên toàn cây râm bụt lá xanh thẫm.

Có đến năm, sáu năm nay, Tâm không về thăm quê nhà. Trong thời gian ấy, ở Hà Nội, Tâm gắng sức làm việc để giành một cái địa vị trong xã hội. Chàng lấy vợ, con một nhà giàu có, cũng không cho mẹ biết. Thỉnh thoảng chàng nhận được ở nhà quê gửi ra một bức thư mà chữ viết non nớt nguệch ngoạc và lời lẽ quê kệch. Tâm chỉ đọc thoáng qua rồi không để ý đến. Sống trong hoàn cảnh giầu sang chắc chắn, Tâm không bao giờ nghĩ đến quê nhà nữa. Hoặc có nghĩ đến, chỉ để lại tự chế giễu mình. Khi còn nhỏ, đã cho cái đời ở thôn quê là giản dị và sung sướng. Chàng mơ màng yêu một cô thôn nữ, và ước mong cùng nhau sống trong cảnh thanh bình dưới một túp lều tranh. Cái mộng ấy, bây giờ làm chàng khi nghĩ đến mỉm cười.

Không còn một cái liên lạc gì ràng buộc Tâm với thôn quê nữa. Những người họ hàng ở làng chỉ làm chàng sinh ghét, vì những sự đi lại nhờ vả lôi thôi. Còn đối với mẹ chàng, Tâm tin rằng đã làm đủ bổn phận khi mỗi tháng gửi về giúp bà cụ một số tiền. Chàng lại càng tin như vậy lắm, khi nghĩ đến những cái khó khăn chàng phải vượt qua để có số tiền ấy. Bao nhiêu sự dối trá chàng phải cần đến để giấu không cho vợ biết!

Tuy vậy, khi đến gần đầu làng, Tâm trong lòng cũng thấy cảm động. Hai bên cánh đồng lúa xanh gió đưa như nổi sóng. Trên đường rải đá, mặt đất khô rắn lại và nứt nẻ nhiều chỗ. Tâm nhớ lại cái đất ấy đã làm đau đớn bàn chân non nớt của chàng khi còn nhỏ ngày ngày cắp sách đi học.

Một cái cảm giác mát lạnh bỗng trùm lên hai vai: Tâm ngẩng đầu lên nhìn; chàng vừa đi vào dưới vòm lá tre xanh trong ngõ. Mấy đứa trẻ nhà quê trần truồng và đen xạm đương chơi khăng ở vệ đường. Khi thấy chàng đi qua, chúng đưa những cặp mắt bẩn thỉu nhấp nháy nhìn, và chùi tay giây bùn vào bắp chân. Nghĩ đến thuở nhỏ, chàng cũng chỉ là một đứa bẩn thỉu như những đứa trẻ này, Tâm tự phụ vì mình bây giờ đã vượt hẳn được cái bậc nghèo hèn ấy.

Khi vừa đến sân nhà, Tâm thấy bốn bề yên lặng, không có bóng người. Cái nhà cũ vẫn như trước, không thay đổi, chỉ có xụp thấp hơn một chút và mái tranh xơ xác hơn. Tâm bước qua sân rồi đẩy cái liếp bước vào. Vẫn cái gian nhà mà chàng đã sống từ thuở nhỏ. Tâm cất

tiếng gọi. Chàng nghe thấy tiếng guốc đi, vẫn cái tiếng guốc ấy thong thả và chậm hơn trước, rồi mẹ Tâm bước vào. Bà cụ già đi nhiều; nhưng vẫn mặc cái bộ áo cũ kỹ như mấy năm về trước.

Khi nhận ra con, bà cụ ứa nước mắt:

– Con đã về đấy ư?

– Vâng, chính tôi đây, bà vẫn được mạnh khỏe đấy chứ?

Câu nói như khó khăn mới ra khỏi miệng được.

– Bà ở đây có một mình thôi à?

Bà cụ cảm động đến nỗi không nói được.

Một lát bà mới ấp úng:

– Vẫn có con Trinh nó ở đây với tôi.

– Cô Trinh nào? Có phải cô Trinh con bác Cả không?

Tâm nhớ mang máng cái cô con gái bé nhỏ ngày trước vẫn hay chơi với chàng.

– Tôi tưởng cô ta đi lấy chồng rồi.

Bà cụ ngồi xuống chiếc phản gỗ đáp:

– Đã lấy ai đâu. Con bé dở hơi chết đi ấy mà. Cũng đã có mấy đám hỏi, mà nó không chịu lấy.

Bà cụ lặng yên một lát.

– Thỉnh thoảng nó vẫn nhắc đến cậu đấy.

Tâm nhún vai, không trả lời. Tuy ngoài trời nắng mà Tâm thấy bên trong cái ẩm thấp hình như ở khắp tường lan xuống, thấm vào người.

Bà cụ âu yếm nhìn con, săn sóc hỏi:

– Năm ngoái bác Cả lên tỉnh về bảo cậu ốm. Tôi lo quá, nhưng quê mùa chả biết tỉnh thế nào mà đi, thành ra không dám lên thăm. Bây giờ cậu đã khỏe hẳn chưa?

Tâm nhìn ra ngoài đáp:

– Như thường rồi.

Rồi nói sang chuyện khác, Tâm hỏi:

– Ở làng có việc gì lạ không?

Bà cụ trả lời:

– Chả có việc gì lạ sất, ngày nào cũng như ngày nào, nhưng được

có con Trinh sang đây ở với tôi nên cũng đỡ buồn. Nó thường vẫn làm giúp tôi nhiều công việc, con bé thế mà đảm đang đáo để, đã chịu khó lại hay làm.

Có tiếng người đi ở ngoài vườn. Bà cụ ngừng lại:

– Có lẽ nó về đấy.

Rồi bà cụ cất tiếng gọi:

– Trinh đấy phải không, con? Vào đây, có cậu Tâm vừa về chơi.

Một thiếu nữ lách cửa liếp bước vào. Tâm trông ra thấy một cô gái quê ăn mặc giản dị, nhưng sạch sẽ. Đôi mắt Tâm gặp đôi mắt cô ta, đen láy, mở to nhìn chàng.

– Cậu Tâm đấy, con không nhớ ư?

Cô Trinh mỉm cười:

– Thưa, có ạ, ai chứ cậu Tâm thì quên thế nào được.

Hình như lỡ lời, cô thiếu nữ cúi mặt, hơi e lệ. Cái cử chỉ ấy, và lời nói đã không làm cho Tâm cảm động, lại làm cho chàng hơi ghét. Cô gái quê mùa tưởng chàng để ý đến chắc? Vì vậy, Tâm cất tiếng hỏi hơi xẵng:

– Thế nào, cô Trinh còn đợi gì mà không lấy chồng đi cho tôi ăn mừng?

Thấy thiếu nữ không trả lời, Tâm để ý nhìn. Chàng thấy cô ta không thay đổi, tuy có nhớn lên mà vẫn là cái cô bé chơi đùa với chàng thuở còn nhỏ. Tâm nhận thấy, ở thôn quê, người ta không thay đổi mấy, và tính tình vẫn giữ được y nguyên. Nhưng chàng, thì chàng thay đổi khác hẳn rồi. Những kỷ niệm cũ đối với chàng bây giờ thành ra trẻ con và vô vị. Tâm không thấy có sự tha thiết giữa chàng và cảnh cũ nữa. Bây giờ, chàng không khi nào có cái ý tưởng điên rồ đi lấy một cô gái quê như Trinh để sống một cái đời tối tăm, nghèo khổ.

Tâm lơ đãng nghe lời mẹ kể về những công việc và cách làm ăn ngày một khó khăn ở làng. Chàng dửng dưng không để ý đến. Con bác cả Sinh lấy vợ, hay chú bác ta chết thì có quan hệ gì đến chàng? Cái đời ở thôn quê với cái đời chàng, chắc chắn, giàu sang, không có liên lạc gì với nhau cả.

Câu chuyện nhạt dần. Những câu hỏi và sự săn sóc của bà cụ về công việc của chàng chỉ làm cho Tâm khó chịu. Chàng trả lời qua loa lấy lệ.

Nghĩ đến vợ đợi, Tâm vội vàng đứng dậy. Bà cụ nhìn theo khẩn khoản:

– Cậu hãy ở đây ăn cơm đã. Đến chiều hãy ra.

– Thôi, bà để tôi về. Độ nay bận công việc lắm.

Tâm lại an ủi:

– Nhưng thế nào có dịp tôi cũng về.

Rồi Tâm mở ví lấy ra bốn tấm giấy bạc năm đồng đưa cho mẹ. Tâm hơi kiêu ngạo, trước mặt cô Trinh, chàng nói:

– Đúng hai chục: bà cầm lấy mà tiêu, có thiếu, tôi lại gửi về cho.

Bà cụ run tay đỡ gói giấy bạc, rơm rớm nước mắt.

Tâm làm như không thấy gì, vội vàng bước ra:

– Thôi, bà ở lại. Chào cô Trinh nhé. Bảo tôi có nhời hỏi thăm tất cả họ hàng.

Ra đến ngoài, Tâm nhẹ hẳn mình. Chàng tự cho đã làm xong bổn phận.

Khi Tâm bước vào hàng cơm, vợ chàng vui mừng lộ ra nét mặt, vì không ngờ chàng về chóng thế. Trời hãy còn sớm. Hai vợ chồng rủ nhau đi ngắm cảnh đợi đến chiều mát sẽ đi xe về hứng gió.

Hai người đi quanh quẩn trong phố, nhìn những cửa hàng nước tiều tụy của ta và những hiệu lớn của người Khách. Mặt trời xế ngang chiếu ánh nắng lóe vào mắt, và giải vàng lên trên những mái nhà tranh. Chợ đã vãn: những người đàn bà gồng gánh sắp ra về, trên mặt đất đầy những rác bẩn, những vỏ dưa, những lá gói. Một cái mùi âm ấm bốc lên, cái mùi đặc biệt, hình như lẫn mùi đất, mùi ẩm, và mùi rác đốt. Tâm nhớ lại rõ rệt những ngày còn trẻ.

Bỗng nhiên, Tâm giật lùi lại: một bà cụ già khom lưng dựa bên một cô con gái, đi ra phía ga. Tâm nhận ra bà mẹ. Có lẽ bà cụ muốn được trông thấy con lần nữa. Chắc bà tưởng Tâm đi xe hỏa. Chàng lộ vẻ khó chịu – Bà cụ còn ra đây làm gì? Tâm sợ lúc bà cụ lại khóc lóc, để cố giữ chàng lại hay nắm lấy áo chàng mà kể lể giữa chỗ đông người. Chàng tưởng nghe thấy những câu bình phẩm to nhỏ, và trông thấy những cái mỉm cười chế giễu của mọi người. Vợ chàng sẽ nói thế nào?

– Thôi, chúng ta về ngay đi.

Tâm nói như người sốt ruột, giật cánh tay vợ rảo bước mau.

Đợi bà cụ đi khuất đầu phố, Tâm và vợ trở lại nhà hàng trả tiền, rồi đánh xe ra ngoài. Máy chạy đều, cái xe êm như ru bắt đầu lướt trên đất.

Khi đến chỗ quặt quá ga, bỗng nhiên Tâm thoáng thấy đứng bên cạnh đường, một bà cụ già khom lưng dựa vào một cô con gái. Chiếc xe chạy bắn vọt bùn lên quần áo hai người. Trong một giây, Tâm thấy cặp mắt đen láy của cô gái quê mở to ngạc nhiên nhìn mình.

Tâm không ngoảnh lại – chàng nghĩ đến bà mẹ, đến cô Trinh vẫn chơi đùa với chàng thuở nhỏ. Song những hình ảnh ấy như xa xăm lắm, và Tâm vẫn thấy dửng dưng không bận tâm trí. Giữa những kỷ niệm ấy với Tâm, như có một cái bờ ngăn cản: xe ôtô, vợ chàng, cái đời sang trọng, sung sướng của chàng hiện giờ.

Phong cảnh đồng ruộng hai bên đường vùn vụt trốn lại sau như càng làm xa cách chàng với cảnh thôn quê cũ.

Gió đầu mùa, Đời nay,
Hà Nội, 1937.

CƠN GIẬN

(Truyện ngắn)

Một buổi tối mùa đông, chúng tôi ngồi trước lò sưởi, trong một căn buồng ấm áp. Tự nhiên trong câu chuyện, một người nói đến những cơn giận tự nhiên đến tràn ngập cả tâm hồn ta và có khi gây nên nhiều cái kết quả không hay. Rồi mỗi người đều bày tỏ ý kiến riêng của mình.

Anh Thanh từ nãy đến giờ vẫn lặng yên có vẻ trầm ngâm, cất tiếng nói:

– Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ. Tôi biết hơn ai hết, vì chính tôi đã trải qua sự đó. Tôi sẽ kể các anh nghe một câu chuyện mà cái kỷ niệm còn in sâu trong trí nhớ tôi.

Cũng một buổi chiều mùa đông như hôm nay, tôi ở tòa báo ra về, trong lòng chán nản và buồn bực. Có những ngày mà tự nhiên, không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cái cảm giác đó rõ rệt hơn.

Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay đằng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tơi tàn. Theo lệ như mọi khi tôi mặc cả:

– Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bò Yên Phụ.

– Thầy cho sáu xu.

– Không, bốn xu là đúng giá rồi.

Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lẩm bẩm: "Bốn đồng xu từ đây về nhà bò". Cái tiếng nhà bò anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

– Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta mới gọi:

– Lại đây mà đi.

Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ đứng nguyên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

– Anh thật là lắm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ.

Anh xe cãi lại:

– Từ đây về đấy thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá!

– Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhấc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe.

*

* *

Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu "con lợn" – cái tên hiệu cũng xứng đáng, – một hạng xe tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tồi tàn của cái xe làm cho tôi càng ghét anh xe nữa:

– Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá.

– Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Anh xe bướng bỉnh cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dẫm mạnh chân xuống sàn xe gắt:

– Thôi, câm họng đi, đừng lải nhải nữa.

Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hắn đã dám cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp Tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi

có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

– Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi, hớt hải van xin:

– Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết nhăn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác; chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

Người cảnh sát Tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sõi:

– Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!

Người phu xe ấp úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp:

– Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh long lanh nhìn tôi, như cầu khẩn van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi làm anh bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

– Tôi đi từ phố Hàng Bún.

– Vậy phiền ông xuống.

Rồi ông ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:

– Allez! Đi về bóp!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thong thả trên bờ hè. Cơn giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi; tôi thấy một cái chán nản bực tức rung động trong người.

Tôi rùng mình nghĩ đến số phận của anh xe khốn nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta sẽ phải vay trả cai xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cai xe hành hạ, đánh đập vì thù hằn?

Tôi càng nghĩ đến bao nhiêu lại càng khinh bỉ tôi bấy nhiêu. Qua

ô Yên Phụ, nhìn thấy những thợ thuyền tấp nập làm việc dưới ánh đèn trong những căn nhà lá lụp xụp, tôi rảo bước đi mau, hình như trông thấy tôi họ sẽ biết cái hành vi khốn nạn, và nhỏ nhen đáng bỉ của tôi ban nãy.

*

* *

Những ngày hôm sau thực là những ngày khổ sở cho tôi. Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh anh phu xe cũng hiển hiện ra trước mắt.

Tôi nhất định đem tiền đến cho người xe kia để chuộc tội lỗi của mình. Đến phố Hàng Bột hỏi dò những người chung quanh xưởng xe, tôi biết được anh xe bị phạt đêm ấy là Dư, và ở trong một dẫy nhà qua ngã tư Khâm Thiên.

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn khổ sở như thế. Các anh thử tưởng tượng một dẫy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn cả vào đến thềm nhà. Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khốn nạn những người gầy gò, rách rưới như những người trong một cơn mê.

Người phu xe Dư ở trong ấy. Một bà cụ già gầy giơ xương ngồi cắn chấy ở vệ hè chỉ cho tôi một cái cửa thấp bé ở đầu nhà. Tôi cúi mình bước vào, chỉ thấy tối như bưng lấy mắt và thấy hơi ẩm lạnh thấm vào tận trong mình. Có tiếng người đàn bà sẽ hỏi:

– Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ngồi ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngước mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảnh giẻ rách nát vắt trên xà.

– Bác Dư có nhà không?

– Bẩm, chú nó đi về quê vắng từ hôm nọ.

Một vẻ sợ hãi thoáng qua trên mặt đủ tỏ cho tôi biết họ không nói thật, tôi giảng giải:

– Không, cụ cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đến để giúp bác ta chứ không có ý gì khác.

Bà cụ nhìn tôi nghĩ ngợi một lát rồi nói:

– Thế thầy đã biết việc chú nó bị bắt xe hôm nọ?

Tôi gật đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói.

– Hôm ấy cai nó bắt phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chú nó đã xin khất với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khốn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó lột quần áo đánh một trận thừa sống thiếu chết thầy ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cất tiếng ốm yếu nói theo:

– Nó còn bảo hễ không trả nó sẽ bắt lấy thẻ.

– Thế giờ bác ta đâu?

Bà cụ trả lời:

– Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó – Thật cũng là cái vạ; nghe đâu chú nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chớ không cũng chẳng việc gì.

Tôi yên lặng, trong lòng nao nức.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

– Tội nghiệp cho vợ con chú đây, ốm đã mấy ngày hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không.

Tôi đứng lại gần xem. Trên cánh tay người mẹ, chỉ còn là một dúm thịt con đã răn reo: đứa bé há hốc cái miệng thở ra mặt xám nhợt. Người mẹ thỉnh thoảng lấy cái lông gà dúng vào chén mật ong để bên cạnh, phết lên lưỡi đứa bé.

– Cháu nó sài đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc nên bệnh lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng nức nở khóc. Bà cụ già lê nhích lại gần, cúi xuống khe khẽ kéo lại những cái tã rách như xơ mướp.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rơm rớm nước mắt. Một cảm giác nghẹn ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội vàng ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngờ vực.

Qua ngưỡng cửa, tôi va phải một người đàn ông ốm yếu tay cắp một cái áo quan con bằng gỗ mới. Đến bên đường, tôi thấy trong căn nhà lụp xụp đưa ra tiếng khóc của hai người đàn bà.

Đứa bé con đã chết.

*

* *

Anh Thanh yên lặng một lát như nghĩ ngợi rồi nói tiếp:

– Cái kỷ niệm buồn rầu ấy cứ theo đuổi tôi mãi mãi đến bây giờ, rõ rệt như các việc mới xảy ra hôm qua. Sự đó nhắc cho tôi nhớ rằng người ta có thể tàn ác một cách dễ dàng. Và mỗi lần tôi nghĩ đến anh phu xe ngoại ô kia, tôi lại thấy đau đớn trong lòng, như có một vết thương chưa khỏi.

NGƯỜI LÍNH CŨ

(Truyện ngắn)

Một buổi tối về tháng chạp, tôi cùng với một người bạn có việc cần phải về quê. Khi ở tầu xuống một cái ga nhỏ thì đã gần mười giờ đêm. Chúng tôi còn phải đi qua một quãng đồng vắng đến bảy, tám cây số nữa.

Trời rét như cắt ruột, mà gió lại thổi mạnh. Chúng tôi vừa cúi lom khom đi, vừa run cầm cập, tuy đã mặc rất nhiều áo: bộ quần áo tây bằng dạ, ngoài khoác áo bađờxuy, ngoài nữa lại khoác một cái áo tơi đi mưa. Một chiếc khăn quàng bằng len quấn kín lấy cổ và mặt lên đến mang tai.

Cánh đồng chúng tôi đi qua là một cánh đồng mầu, bấy giờ chỉ còn trơ cuống rạ trên đất nẻ khô. Làng mạc đã ngủ yên lặng trong đêm tối, không còn một bóng lửa nào. Thỉnh thoảng, bên con đường

khúc khuỷu chúng tôi đang đi, hiện ra cái vừng đen thẫm của một cây nhãn, nổi lên nền trời đen nhạt hơn.

Hai chúng tôi cắm đầu rảo bước mau chỉ mong chóng về tới nhà. Đi được một quãng khá dài, chân đã thấy mỏi, bỗng người bạn tôi chỉ tay về phía trước, nói:

– Sắp đến quán đa rồi, đến đấy ta hẵng nghỉ một chút đã rồi hãy đi.

Tôi gật đầu biểu đồng tình. Quán đa là một cái nhà nhỏ xiêu vẹo, sắp đổ nát; ban ngày, có một bà cụ già dọn hàng nước bán ở đấy cho những người đi làm đồng, nhưng đến tối bà cụ lại dọn hàng về. Những khi về quê chúng tôi vẫn thường ghé vào đấy uống chén chè tươi, và nói dăm ba câu chuyện với những người nhà quê vào nghỉ ở đó.

Gần đến nơi, tôi đã nghe tiếng ào ào của lá đa lật gió, một cây đa cỗi, mà vùng đấy, người ta bảo là đã sống lâu lắm. Chúng tôi cúi mình bước vào quán, tới cái bục bằng đất, phủ một manh chiếu của bà hàng trải lên đất thay ghế cho khách ngồi.

Vừa ngồi xuống, chúng tôi đã ngạc nhiên nghe thấy tự trong xó tối đưa ra một tiếng rên khừ khừ như tiếng rên của người ốm.

Bạn tôi nghe thấy tiếng hỏi:

– Ai đó?

Chúng tôi nghe thấy tiếng người cựa mình, tiếng chiếu sột soạt; hình như người đó ngồi dậy. rồi một tiếng nói khàn khàn trả lời, tiếp theo mấy tiếng ho rũ rợi:

– Tôi. Các thầy đi đâu bây giờ?

– Chúng tôi về Son.

Tuy có nghe tiếng, nhưng chúng tôi không trông thấy gì cả, vì trong quán tối như mực. Bạn tôi lại hỏi:

– Ai đó? Sao lại ra đây mà ngủ, có rét chết không?

– Các thầy tính không nhà không cửa thì phải ra đây vậy chứ biết làm thế nào.

– Làng bác có gần đây không? Sao không ngủ nhờ người trong làng?

Người ấy lại ho rũ một hồi nữa mới trả lời được:

– Tôi ở ăn ngay đây. Nhưng mình nghèo khổ ai người ta cho ngủ nhờ. Và người ta khinh trọng tôi cũng không thích. Ấy, thà rằng ra ở nhờ bà cụ hàng nước đây lại còn hơn, bà ta tử tế.

Lời nói khí khái đó làm chúng tôi ngạc nhiên. Người đàn ông lại hỏi:

– Thầy có thuốc lào cho tôi xin...

– Có. Nhưng mà không có điếu.

– Điếu đây.

Tôi nghe thấy anh ta sờ soạng trong bóng tối. Chúng tôi nhích lại gần. Tôi cho tay vào túi lấy thuốc, rồi nói với bạn tôi một câu bằng tiếng Pháp:

– Thật là rét quá nhỉ.

Tức thì người đàn ông trả lời:

– Vâng, rét thật.

Tôi sửng sốt hỏi:

– Bác cũng biết tiếng Tây à?

– Thưa, gọi là biết qua loa một vài chữ. Hồi trước chúng tôi cũng có đi lính sang Pháp.

Que diêm đánh lên, thoáng ánh lửa sáng, tôi nhận ra một người đã đứng tuổi, gầy còm và hốc hác, ngồi co ro trên cái bục đất sát vách. Quần áo bác ta rách nát, trên vai phủ một cái bao gạo đã thủng nhiều chỗ.

Không đợi cho chúng tôi hỏi, bác ta hấp tấp kể chuyện về thân thế bác, như hể hả vì được kể lại với người lạ cái đời gian truân của mình:

– Hai thầy nghe, tôi cũng đã có lúc sung sướng, chứ có phải khổ như bây giờ đâu. Lúc bấy giờ tôi đăng lính sang Tây mới có ngoài hai mươi tuổi. Ở bên ấy bốn năm được lon bếp. Tôi lại có cả vợ đầm, nó thương yêu tôi lắm. Nhưng từ khi về nước đến giờ, lo việc làm ăn, nên tôi cũng chẳng gửi tin tức gì sang cả. Không biết ở bên ấy nó ra sao.

Rồi anh ta thuật lại cho chúng tôi nghe cái đời anh đã được sống ở bên Pháp. Những khi khoác tay vợ đi xem chớp ảnh, trong túi có ba, bốn trăm quan, vào hàng cà phê uống rượu rồi đi tiệm khiêu vũ. Những khi theo vợ về quê ở miền Provence, ra cánh đồng hái nho, rồi cùng đoàn kéo nhau về nhảy hát vui vẻ quanh cái giếng rượu nho ở giữa làng. Anh ta nhắc lại những tên tỉnh đã ở qua, bây giờ xa xôi mù mịt: Tuolouse, Bordeaux, những tên làng nhỏ anh ta qua chơi: Militry, Saint-Etreuil.

– Bác đã qua Paris chưa?

– Có, tôi được ở Paris năm tháng. Montmartre, Bois de Boulogne tôi đã đi xem cả.

Chúng tôi yên lặng nghe anh kể – không khỏi buồn cười khi tưởng đến những cảnh tượng sán lạn ánh sáng ở thành phố Paris, lại nghĩ đến bác lính này, bây giờ là một anh nhà quê An Nam nghèo khổ ngồi bó gối hút thuốc lào trong một cái quán vắng giữa chốn đồng không mông quạnh.

Bạn tôi hỏi:

– Thế làm sao mà bây giờ bác như thế này?

Bác lính thở dài, như trút bao điều uất ức ra hơi thở, chép miệng đáp:

– Cũng là cái vận mình như thế, hai thầy ạ. Khi tôi mãn hạn về, nhà cũng có trâu, ruộng cày cấy đủ dư dật. Một năm sâu ăn, mấy năm mất mùa, nước lụt, thành hết sạch cả. Lại thêm một vài cái kiện vì rắc rối trong họ, thế là gia tài khánh kiệt. Đến bây giờ thì thật là một thân, một mình, không nhà, không cửa.

– Thế sao bác không tìm việc làm, hay là xin nhà nước giúp?

– Có, tôi đã đi làm ở tòa sứ được hơn một năm, thì ông quan thầy tôi về Pháp, tôi cũng bỏ việc. Từ độ ấy, người ta cũng có giúp kỳ được mươi đồng, kỳ dăm đồng. Nhưng hai thầy tính sao đủ: tôi lại bị bệnh ho ra máu và lòa mắt nữa, bao nhiêu tiền thuốc men hết cả.

Bác ta nói đến đấy lại vớ cái điếu cầy đánh diêm châm hút. Tôi thấy mặt bác hốc hác thêm; bác hút xong, đặt điếu, ho rũ rợi một hồi rồi lại ngồi yên lặng trong bóng tối.

Chúng tôi không biết nói gì để an ủi bác, sửa soạn đứng dậy đi. Bác ta xin vài chiếc diêm và mấy điếu thuốc lào. Khi que diêm sau cùng sáng lên, tôi thấy bác nhìn chúng tôi ngập ngừng như muốn nói gì mà không dám nói. Tôi ngờ bác ta muốn xin tiền mà không dám xin chăng? Đã toan đãi bác mấy hào chỉ, nhưng tôi lại lưỡng lự không đưa, sợ làm tủi bác ta quá. Tôi thấy bác khẽ thở dài.

Ra khỏi quán, gió thổi mạnh làm tung tà áo. Trời lấm tấm mưa, rét buốt cả chân tay. Chúng tôi đi yên lặng, nghĩ đến người lính khốn nạn kia, bây giờ lại đắp manh chiếu rách không đủ che thân, nằm nhớ lại những lúc khoác tay vợ đầm bước vào tiệm nhiều ánh sáng, tận bên kia trái đất. Những kỷ niệm sung sướng ấy bây giờ đối với anh ta chua xót biết bao.

Như cùng một ý nghĩ, người bạn tôi thong thả nói:

– Chắc anh ta bây giờ đang mơ mộng nhiều cái đẹp lắm thì phải.

Tôi yên lặng, không trả lời. Chung quanh chúng tôi, cái đen tối của đêm khuya dầy dằng dặc.

Gió đầu mùa, Đời nay, Hà Nội, 1937.

NGƯỜI BẠN CŨ

(Truyện ngắn)

Tôi với Khanh – người bạn duyên nợ trăm năm – đang ngồi cùng bàn câu chuyện làm ăn, ấm nước chè giải khát pha đã hầu nhạt. Chuông đồng hồ điểm mười một giờ; ngọn đèn lụi dần, dầu hỏa trong bầu do một tay rót có điều độ chỉ cháy được đến thế là hết. Cảnh tịch mịch một đêm khuya ở tỉnh nhỏ thật buồn bã, khiến tôi lại nhớ đến những đêm náo nhiệt, đầy ánh sáng ở Hà Nội.

Khanh sửa soạn sắp ẵm con đi nghỉ, thì bỗng có tiếng gõ cửa rồi vú già vào.

– Thưa cậu, có người đàn bà nào hỏi cậu.

Tôi thất ý bảo:

– Sao vú không nói tôi vắng, bảo người ta lúc khác hãy đến có được không?

– Thưa, người ấy có việc cần, con không dám tự ý.

Tôi ngạc nhiên ngửng lên nhìn vợ, thì Khanh cũng đang ngạc nhiên nhìn tôi, đôi lông mày lá liễu đã bắt đầu díu lại. Tôi bảo vú già:

– Vú ra hỏi ai đã.

Người vú vừa quay đi thì Khanh đã sầm ngay mặt lại lườm tôi mà rằng:

– Đàn bà, con gái, nửa đêm còn hỏi với han gì? Sao cậu không sai vú già tống khứ đi cho rồi.

Ngay lúc ấy, người vú trở vào:

– Thưa cô Lệ Minh đấy, cậu ạ.

Tôi ngẩn người ra. Lệ Minh, người bạn đồng chí gặp gỡ ở Hà thành ba năm về trước, sao nay cô lại về đây? Cô đến bí mật thực. Không biết cô đến tìm tôi có việc gì trong lúc đêm khuya khoắt này?

Đến nhà tránh nạn chăng? Trong một buổi mà tấm lòng nhiệt huyết còn sôi nổi, tôi đã hứa lúc nào cũng sẵn lòng giúp cô trong bước khó khăn. Lời hứa đó, và cái kỷ niệm một thời thiếu niên hăng hái thoáng qua trí nhớ khiến tôi băn khoăn; một mối lo ngại bỗng nhiên đến ám ảnh tâm trí làm tan nát cái yên tĩnh tôi đã giữ gìn trong mấy năm này.

Vú già vẫn đứng đợi. Tôi bảo Khanh:

– Mợ vào trông em nó ngủ trước. Tôi phải ra có việc.

Rồi vội bước để tránh câu bấc chì mà tôi có thể đoán được, tôi ra gian ngoài tiếp khách. Trông khách mà kinh ngạc, không biết có phải Lệ Minh người cũ không. Áo sa chùm ngoài áo cánh trắng càng làm rõ cảnh nghèo khổ ẩn ở trong: hai túi nhét đầy những thứ lạ gì, há hốc miệng như kêu đói; một giải lưng lụa đã ám màu xơ xác thoáng qua sợi sa thưa. Tôi lại nhớ đến Lệ Minh ngày xưa, óng ả biết bao trong chiếc áo vải rồng, đi đâu cũng cổ động dùng nội hóa mà chính cô hiến cái gương diễm lệ.

Ngay đến dung nhan cô xét cũng khác xưa, đôi mắt tinh nhanh buổi trước bây giờ lờ đờ như bị ám sau cái màn lo nghĩ; đôi gò má hây hây nay không biết vì tuổi hay vì phiền não ở đời, đôi má kia đã thành ra hóp lại, hai gò má nổi cao, phải chăng như để tiêu biểu cho kẻ số phận vất vả long đong. Tôi ngại ngùng, lâu chưa nói được câu hỏi han, cô cũng ra vẻ sượng sùng, e lệ; một lát, cô khẽ nói:

– Mạnh quân chắc thấy em khác trước lắm.

Nào tôi có trách gì cô! Trong một phút nhìn sự thực, tôi hiểu chính tôi thay đổi nhiều lắm, mà tự thẹn với người nữ đồng chí. Cái thân trưởng giả nửa mùa tôi nay đã nghiễm nhiên thành một người tòng sự công sở, họa chăng có lo lắng cho vợ con đủ ấm no là mãn nguyện. Cái đời nghĩa hiệp lãng mạn đã thuộc về thời quá khứ, cô đến đây thật là tiếng sét trong quãng bình minh. Rồi không biết tự nhủ mình hay nhủ ai, tôi đáp:

– Vâng, người đời ta mỗi lúc một khác.

Lệ Minh như không để ý đến câu triết lý ngớ ngẩn ấy:

– Em đến đây muốn phiền ông anh một việc, chả biết ông anh có sẵn lòng không?

Tôi hơi chột dạ. Không hiểu nhà nữ đồng chí này lại muốn bày ra chuyện gì. Song cũng gượng đáp:

– Việc gì, cô cứ cho biết.

Lệ Minh bắt đầu thuật lại quãng đời vừa qua.

– Anh em bây giờ mỗi người một nơi, người nào lo phận người ấy. Còn em thế cô, một thân lang thang nay đây mai đó, chẳng làm được việc gì, rồi một buổi chán nản, yếu hèn, em đã đem thân gửi một nhà lái buôn.

Nghe thấy cô có chồng tôi như đỡ được một gánh nặng, dằn lòng nghe nốt câu chuyện. Chuyện cô cũng giống như chuyện trăm nghìn gia đình éo le khác. Gã lái buôn đã dối cô: gã đã có vợ cả. Cả, lẽ ghen tuông, cô vốn người học thức, không chịu được phận tôi đòi, một hôm cô ẵm con lên đường tìm phương tự lập. Cô đến nhờ tôi tìm cho một chỗ dạy tư, nhất được nhà nào chịu nuôi thày dạy con ở nhà thì càng hay, vì cô chỉ mong được một chỗ "yên thân" là quí.

Cô nói xong, cúi nhìn đi chỗ khác, như tự lấy làm xấu hổ vì cái điều mong mỏi tầm thường ấy. Yên thân! Bây giờ chúng tôi chỉ cầu có thế thôi ư? Tự nhiên tôi thấy khó chịu trong bộ quần áo lụa, trong căn phòng của tôi bày biện nào đỉnh đồng, tủ chè, sập gụ, những thứ đồ đạc làm nẩy vẻ thèm muốn trong con mắt những người đồng sự ở cái tỉnh nhỏ này. Tôi không giấu được cái mối thẹn thùng đưa lên làm nóng mặt. Tôi quay lại phía Lệ Minh vừa gặp lúc nàng cũng đưa mắt nhìn tôi. Hai chúng tôi nhìn nhau ngượng nghịu.

Cô khẩn khoản thêm:

– Thế nào anh cũng cố giúp hộ tôi nhé.

Tôi nhận lời cho qua chuyện. Song tôi cũng thừa hiểu, trước cái hoạn nạn không xứng đáng kia, một lời hứa xoàng chẳng cũng quá ư nhạt nhẽo. Không tìm được phương cứu giúp cô một cách kiến hiệu hơn, tôi tự thấy mình hèn nhát. Nhưng biết làm thế nào? Mời cô ở lại đây ư? Tôi nghĩ đến cái giận dữ của Khanh mà sợ: nàng chẳng sẽ làm tan hoang nhà cửa ra mất?

– Hỏi thế này khí không phải, cô sao không đến chơi sớm hơn một chút?

Lệ Minh như mới hiểu mình đến giờ vô lý. Cô bối rối xin lỗi:

– Em chỉ còn nhớ chỗ ở Ngô huynh biên cho trước. Đến hỏi từ sáu giờ tối, họ chỉ quanh quẩn, và em không thuộc phố tỉnh này thành ra cứ đi vơ vẩn mãi. Và khi còn ở trên Hà Nội anh hay thức khuya lắm cơ mà. Anh thường vẫn nói, đêm là ngày của bọn trí thức, em vẫn tưởng thế nên mới dám đường đột đến đây.

Tìm công việc hộ cô, giới thiệu một thiếu nữ như cô vào một gia đình nền nếp cũ, tôi cho là khó khăn, mà nghĩ không có can đảm làm. Giúp cô cái vốn nhỏ để cô tìm cách tự lập, tôi vẫn cho là phận sự của tôi. Song mợ cháu giữ chìa khóa, mà Khanh đâu có phải là người có thể lấy nghĩa khí mà chuyển được lòng. Muốn tìm câu khuyên giải cô, song tôi thấy chính cần phải khuyên giải cho tôi nhiều hơn, nên tắc cổ không nói được nên lời.

Đồng hồ đánh mười hai tiếng lanh lảnh trong đêm khuya. Tôi giật mình nhìn Lệ Minh, lo sợ. Đã một giờ đồng hồ ở nhà ngoài rồi, chắc Khanh ngờ vực, mà từ nãy đến giờ tôi chắc đã lẩm bẩm chán.

Lệ Minh như biết ý, đứng dậy xin cáo từ.

Tôi mở cửa tiễn cô ra ngoài. Trông cô đi khuất vào bóng tối, tôi lại nhớ đến những ngày nào hồi còn trẻ vẫn cùng nhau hội họp khuya trong một căn phố tối tăm ở ngoại ô Hà Nội.

Tôi đóng cửa trở vào, thấy Khanh vẫn còn giong đèn ẵm con ngồi đợi trên ghế. Tôi vào, nàng kể lể lôi thôi, trách móc nào là không biết thương vợ thương con, nào là đã ngần ấy tuổi - (tuổi mới có ba mươi!) - mà còn toan tính những ai. Giọng Khanh tấm tức như bị điều gì khổ sở lắm, rồi nàng cúi mặt tỉ tê khóc. Tôi phải liệu nhời khuyên giải mãi, nàng mới nín.

Khi nàng đã ẵm con vào màn đi nghỉ, khi cái yên lặng tịch mịch của đêm khuya đã trở lại trong phòng, tôi cúi đầu suy nghĩ.

Từ cái dĩ vãng xa xôi thăm thẳm, tôi thấy hiện lên một hình ảnh rõ ràng, hình ảnh tôi trong lúc còn niên thiếu, một thanh niên hăng hái, nhiệt thành, bồng bột những điều hay, sự đẹp, lúc nào cũng mơ màng những việc thành công to tát, một thanh niên chưa biết đến cái sự thực chua chát của cuộc đời.

Tội lại nghĩ đến cái thân thế tôi bây giờ, một viên chức ở tỉnh nhỏ, sống cái đời yên lặng, trưởng giả, một đời ăn no mặc ấm, không phải lo lắng cái gì. Tôi hình như cảm thấy một sự ý hợp hơn.

Rồi tôi băn khoăn tự hỏi xem trong hai cái hình ảnh ấy, hình ảnh người thiếu niên hăng hái và hình ảnh người trưởng giả an toàn, cái hình ảnh nào *thật* là của tôi?

Tôi không dám trả lời.

Gió đầu mùa, Đời nay, Hà Nội, 1937.

HAI LẦN CHẾT

(Truyện ngắn)

Dung là con thứ bốn. Vì vậy khi nàng ra đời, không được cha mẹ hoan nghênh lắm. Thực ra, không phải cha mẹ nàng hất hủi con, vẫn coi người con như một cái phúc trời ban cho, nhưng lúc bấy giờ cha mẹ nàng đã nghèo rồi. Với ba người con trước, hai trai, một gái, cha mẹ Dung đã thấy khó nhọc, vất vả làm lụng mới lo cho đàn con đủ ăn, và hai con trai đi học. Sau Dung, lại còn con bé út nữa, nên cảnh nhà càng thêm túng bấn.

Khi sinh ra Dung, mẹ nàng vì bận buôn bán, nên giao phó nàng cho người u già trông nom. Người u già này ở nhà Dung đã lâu lắm, đã nuôi và săn sóc tất cả các anh chị Dung từ lúc bé. Nhưng, không biết vì có phải thấy Dung ra đời trong sự lãnh đạm, mà u già đem bụng thương yêu Dung lắm. U săn sóc, bế ẵm nàng, và chăm chút nàng, quý như con đẻ vậy, tuy Dung lúc bé ốm yếu khó nuôi và lại ghẻ lở bẩn thỉu nữa.

Cha Dung chẳng làm gì cả. Từ xưa đến nay vẫn thế. Hình như ông ta sinh ra đời là chỉ để ngồi ở nhà cho lúc nào cũng có người và để những ngày giỗ tết trong họ, khăn áo chỉnh tề đi ăn cỗ mà thôi. Không ai thấy ông ta làm một việc gì, mà cũng không ai nghĩ đến sự ông ta phải làm một việc gì.

Ông lúc nào cũng ngồi rung đùi bên cạnh cái điếu ống mà ông sửa chữa rất kêu, thỉnh thoảng hút một điếu, rồi trầm ngâm như đang nghĩ ngợi một sự gì quan trọng. Những lúc ấy, u già biết là ông chả nghĩ sự gì quan trọng cả, bèn đem Dung đến cho ông bế. Ông giơ hai tay ẵm Dung vào lòng hôn hít, xong sốc Dung lên trên đùi, ngoáy bụng cho nó cười, rồi lại trịnh trọng đưa trả u già. Xong, ông lại ngồi nghĩ ngợi.

Có lẽ ông nghĩ tình cảnh nhà ông, hồi còn ông cụ đi làm việc quan, rất giầu có và hách dịch suốt một vùng này. Từ khi cụ cố mất đi, cơ nghiệp ăn tiêu dần mất cả.

*

* *

Cha mẹ Dung cũng không nghĩ đến sự bắt nàng cùng đi học như anh chị nàng, có lẽ vì nghĩ rằng lo cho ba người cũng đã đủ.

Dung càng nhớn càng gầy gò đi. Suốt ngày nàng chỉ chạy đánh khăng đánh đáo với lũ trẻ con nhà "hạ lưu" – cha nàng gọi thế, những người nghèo khổ trú ngụ ở chung quanh – ở xóm chợ. Nhiều khi đi đâu về trông thấy, cha nàng gọi về, đánh cho mấy roi mây và cấm từ đấy không được chơi với lũ trẻ ấy. Nhưng trận đòn xong, Dung lại mon men chơi với lũ trẻ, và thấy hình như cha nàng cũng chỉ cấm lấy lệ chứ không thiết gì đến, nàng lại vững tâm nhập vào bọn hạ lưu đó suốt ngày dông dài ở ngoài chợ.

Một đôi khi, mẹ nàng có dịp về đến nhà, trông thấy nàng quần áo lôi thôi lếch thếch và chân tay lấm bùn, chỉ chép miệng thở dài nói:

– Con này rồi sau đến hỏng mất thôi.

Rồi bà lại quay đi buôn bán như thường, sau khi đã để lại cho chồng một món tiền tiêu pha trong nhà, và sau khi anh chị Dung mỗi người đã nũng nịu đòi được một hào để ăn quà.

Dung thấy thế cũng chẳng ganh tỵ, vì nàng xưa nay đối với các anh chị cũng không thân thiết lắm. Những khi đang chơi thấy đói, nàng lại chạy về xin u già bát cơm nguội hay thức ăn gì khác – thế nào u già cũng đã để phần – rồi lại chạy nhảy như một con vật non vậy.

Những sự ấy đã làm cho Dung có một cái tính an phận và nhẫn nại lạ lùng. Ngày trong nhà có tết nhất, các anh chị và em nàng được mặc quần áo mới vui chơi, còn nàng vẫn cứ phải áo cũ làm lụng dưới bếp. Dung cũng không ta thán hay kêu ca gì. Mà nàng biết kêu ca cũng không được. Nhiều lần nàng đã thấy u già nói với mẹ nàng may cho cái áo, thì mẹ nàng trả lời:

– May cho con nặc nô ấy làm gì. Để nó làm rách nát ra à?

Còn nói với cha, Dung biết là vô công hiệu, vì cha nàng không dám tự ý cái gì bao giờ cả.

*

* *

Cuộc đời cứ đi như thế trong cái xó chợ con con ấy. Thấm thoắt Dung đã mười bốn tuổi. Nàng mười bốn tuổi, nhưng ai cũng tưởng hãy còn trẻ con, mà tính tình nàng như đứa trẻ con thật. U già đã có khi phải gắt lên với nàng:

Bây giờ cô phải đứng đắn lên một tý chứ. Nhiều tuổi rồi còn gì nữa.

Dung ngây thơ hỏi:

– Đứng đắn là thế nào cơ, u?

– Đứng đắn là đứng đắn chứ còn là thế nào nữa, cô hỏi lẩn thẩn lắm. Cô không có vẻ người nhớn một tý nào cả.

– Ừ, thì tôi không người nhớn. Nhưng không người nhớn thì làm sao hả u?

U già vác quạt đánh, thì Dung chạy lại ôm lấy, rồi âu yếm ghé tai u già nói khẽ:

– Tôi có người nhớn, cậu mợ cũng không yêu hơn cơ mà.

Thế là hai u cháu lại lặng yên không nói gì nữa.

Một hôm, mẹ Dung đưa một bà trên tỉnh về chơi. Thấy người lạ, nhất là cách ăn mặc thị thành của bà khách, Dung cứ đứng dán mắt lên nhìn. Mà lạ thay, lần này Dung không thấy mẹ quát mắng lui đi chỗ khác như mọi bận có khách khác. Mà bà khách lạ cũng chăm chú nhìn Dung từ đầu đến chân, lại hỏi han Dung nữa.

Sau hai bà thì thầm với nhau mãi. Mẹ Dung mời khách ở lại ăn cơm, rồi thân hành tiễn bà ra ga.

Bẵng được ít lâu, một hôm mẹ Dung đổ hàng về, gọi Dung lại gần, lấy ra một gói bọc giấy mà bảo:

– Đây, áo mới của cô đây. Lấy ra mà thay mặc, chứ ai lại ăn mặc rách rưới như thế kia bao giờ.

Dung se sẽ cầm gói giấy mở ra, thấy hoa cả mắt: nào áo nhiễu trắng, áo bom bay hồng, áo lụa màu hoa lý. Lại còn mấy chiếc quần lụa cạp đỏ, mấy cái áo cánh phin, mấy cái cổ yếm máy và mấy chục thước vải. Dung cất tiếng run run hỏi:

– Của những ai đây, mẹ?

– Không, riêng của con đấy thôi.

Dung sung sướng mân mê các áo. U già cũng lại gần suýt soa khen.

Từ hôm ấy, mẹ Dung chiều chuộng Dung lắm, không ghét bỏ như trước. Bà bắt Dung ăn mặc chỉnh tề, tập đi giầy – (nhưng vắng mặt mẹ, Dung lại vứt giầy đi chơi, vì nàng không quen đi) – bắt vấn tóc, và nhuộm răng.

Cuối tháng tám năm ấy, bà khách lại xuống chơi và ở lại ăn cơm.

Mẹ Dung gọi Dung vào buồng, đóng cửa rồi thì thào đến hơn một tiếng đồng hồ.

Sau cửa mở, thấy Dung bước ra mắt đỏ hoe như mới khóc, và bẽn *lẽn không dám trông bà khách. Nhưng u già dỗ dành ít lâu, Dung lại vui vẻ và cười đùa như cũ. Hễ trẻ láng giềng có chế nhạo, Dung chỉ* mỉm cười.

*

* *

Thế là Dung đi lấy chồng.

Nàng đi lấy chồng cũng bỡ ngỡ và lạ lùng như người nhà quê lên tỉnh. Dung coi đi lấy chồng như một dịp đi chơi xa, một dịp rời bỏ được cái gia đình lạnh lẽo và cái xóm chợ quen mắt quá của nàng. Đi lấy chồng là hưởng một sự mới.

Vì thế, khi bước chân lên ôtô về nhà chồng, Dung không buồn bã khóc lóc gì cả. Nàng còn chú ý đến những sự lạ mắt lạ tai của nhà giai, không nghe thấy những lời chúc hơi mát mẻ và ganh tị của hai chị và em bé nàng nữa.

Về đến nhà chồng, Dung mới biết chồng là một anh học trò lớp nhì, vừa lẩn thẩn vừa ngu đần. Nàng đã bé mà chồng nàng lại còn bé choắt hơn. Nhưng bà mẹ chồng với các em chồng nàng thì to lớn và ác nghiệt lắm.

Qua ngày nhị hỉ, Dung đã phải tháo bỏ đôi vòng trả mẹ chồng, ăn mặc nâu sồng như khi còn ở nhà, rồi theo các em chồng ra đồng làm ruộng. Nhà chồng nàng giàu, nhưng bà mẹ chồng rất kiệt, không chịu nuôi người làm và bắt con dâu làm.

Khốn nạn cho Dung, từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi; chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì lại ghê gớm hơn nữa, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại đay nghiến:

– Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

– Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc không dám nói gì. Nàng đã viết ba, bốn lá giấy về kể nỗi khổ sở của nàng, nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

*

* *

Một hôm tình cờ cả nhà đi vắng, Dung vội vàng ăn cắp mấy đồng bạc trinh lẻn ra ga lấy vé tàu về nhà. Đến nơi, mẹ nàng ngạc nhiên hỏi:

– Kìa, con về bao giờ thế? Đi có một mình thôi à?

Dung sợ hãi không dám nói rằng trốn về, phải tìm cớ nói dối. Nhưng đến chiều tối, nàng lo sợ quá, biết rằng thế nào ngày mai mẹ chồng nàng cũng xuống tìm. Nàng đánh bạo kể hết tình đầu cho cha mẹ nghe, những nỗi hành hạ nàng phải chịu, và xin cho phép nàng ở lại nhà.

Cha nàng hút một điếu thuốc trong cái ống điếu đã khảm bạc, rồi trầm ngâm nghĩ ngợi. Còn mẹ nàng thì đùng đùng nổi giận mắng lấy mắng để:

– Lấy chồng mà còn đòi ở nhà. Sao cô ngu thế. Cô phải biết cô làm ăn thế đã thấm vào đâu mà phải kể. Ngày trước, tôi về nhà này còn khó nhọc bằng mười chứ chả được như cô bây giờ đâu, cô ạ.

Sớm mai, bà mẹ chồng Dung xuống. Vừa thấy thông gia, bà đã nói mát:

– Nhà tôi không có phúc nuôi nổi dâu ấy. Thôi thì con bà, tôi lại xin trả bà chứ không dám giữ.

Mẹ Dung cãi lại:

– Ô hay, sao bà ăn nói lạ. Bây giờ nó đã là dâu con bà, tôi không biết đến. Mặc bà muốn xử thế nào thì xử. Chỉ biết nó không phải là con của tôi nữa mà thôi.

Bà nọ nhường bà kia, rút cục Dung được lệnh của mẹ phải sửa soạn để đi với mẹ chồng.

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời đay nghiến, những nỗi hành hạ

nàng phải chịu, Dung lạnh người như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì cả. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lờ mờ thấy cái thành cầu, thấy dòng nước chảy. Nàng chỉ tỉnh lại khi nước lạnh đập vào mặt, rồi lại uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màn đen tối dần che lấp cả.

*

* *

Bỗng nàng mơ màng như nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ, Dung ú ớ cựa mình muốn trả lời.

– Tỉnh rồi, tỉnh rồi, không lo sợ gì nữa. Bây giờ chỉ đắp chăn cho ấm, rồi sắc nước gừng đặc cho uống là khỏi.

Dung dần dần nhớ lại. Khi nàng mở mắt nhìn, thấy mình nằm trong buồng, người u già cầm cây đèn con đứng đầu giường, nhìn nàng mỉm cười một cách buồn rầu:

– Cô đã tỉnh hẳn chưa?

Dung gật:

– Tỉnh rồi!

Một lát, nàng lại hỏi:

– Bà cả đâu, u? Bà ấy về chưa?

U già để tay lên trán Dung, không trả lời câu hỏi:

– Cô hãy còn mệt. Ngủ đi.

Hai hôm sau, Dung đã mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

– Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào, trời có mắt chứ, đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

– Con xin về.

Khi theo bà cả ra ga, Dung thấy người hai bên đường nhìn nàng bàn tán thì thào. Nàng thấy người ta tò mò chú ý đến nàng.

Trông thấy dòng sông chảy xa xa, Dung ngậm ngùi nghĩ đến cái chết của mình. Lần này về nhà chồng, nàng mới hẳn là chết đuối, chết không bấu víu vào đâu được, chết không còn mong có ai cứu vớt nàng ra nữa.

Dung thấy một cảm giác chán nản và lạnh lẽo. Khi bà cả giở ruột tượng gọi nàng lại đưa tiền lấy vé, Dung phải vội quay mặt đi để giấu mấy giọt nước mắt.

Ngày nay, số 65, ngày 27-6-1937. In lại trong
Gió đầu mùa, Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1937.

NGƯỜI BẠN TRẺ

(Truyện ngắn)

Anh Bình!

Tôi đang mải ngắm một cửa hàng, vội vàng quay lại, ngơ ngác nhìn xem ai gọi. Trên bờ hè phía bên kia, một người nhỏ bé, bận quần áo ta, miệng cười và giơ tay vẫy. Tôi chưa nhận rõ là ai. Người đó, đợi cho mấy chiếc xe tay đi khỏi, rồi tất tả chạy qua đường đến gần tôi, tay giơ ra vui vẻ.

– À anh Bào.

Chúng tôi mừng rỡ, Bào nắm chặt lấy tay tôi, lay đi lay lại:

– Anh chưa quên tôi cơ mà?

Tôi đáp:

– Quên thế nào được một người bạn học cũ. Nhất là anh thì tôi lại càng nhớ lắm.

Một tia vui thoáng qua trong mắt Bào. Anh thong thả nói:

– Lâu lắm rồi anh nhỉ. Thấm thoát thế mà đã hơn bảy, tám năm đấy. Anh trông tôi có khác trước lắm không?

Tôi nhìn Bào từ đầu đến cuối, rồi đáp:

– Không khác mấy, chỉ có hơi gầy đi một chút. Nhưng cái vẻ "con gái" của anh thì vẫn vậy, không khác tí nào!

Hai chúng tôi cùng cười. Khi còn học ở trường, anh Bào vẫn có

cái huy hiệu là "con gái" do anh em tặng. Vì hồi ấy, anh mới có mười ba tuổi, – chúng tôi học ở lớp nhất – hai má anh hồng hồng và vẻ mặt anh nõn nà trông xinh xinh như một cô con gái thật. Mà tính tình anh cũng ngây thơ nữa.

Mới đầu còn gọi đùa, sau cái tên ấy thành quen, các bạn học ai cũng gọi anh Bào như thế. Chúng tôi thường trêu anh bằng cách gọi anh lại gần, xoa đầu anh – mái tóc anh rất đẹp – hôn đùa vào má rồi bảo: "Cô gái bé tôi xinh chửa?" hoặc một câu khác tương tự. Anh Bào cố sức giằng tay chúng bạn ra, mặt anh thẹn đỏ lên, trông lại càng đáng yêu và càng giống cô con gái lắm.

Sự nhắc lại những kỷ niệm chung ấy làm chúng tôi trở nên thân mật như xưa. Tôi khoác tay Bào vừa đi vừa nói chuyện.

– Tôi nghe hình như anh đang học ở ban Thành chung Nam Định cơ mà. Sao bây giờ anh lại lên đây?

Bào buồn rầu đáp:

– Tôi bị đuổi rồi anh ạ. Từ đầu năm ngoái.

Anh kể lại cho tôi nghe cái duyên cớ: anh đang học năm thứ tư sắp thi ra, thì xảy ra việc các học trò để tang một nhà chí sĩ. Cả lớp cùng bị đuổi. Sau ít lâu, mọi người lại lục tục xin vào và được phép trở về học. Chỉ có anh và mấy người nữa, mà không biết kẻ nào đã vu cáo là cầm đầu cuộc bỏ học, bị đuổi hẳn. Anh không minh oan được. Cả cha anh ở bên Thái cũng sang nói với ông Đốc, nhưng vô hiệu [1].

Từ độ ấy thầy tôi giận tôi lắm. Nhà tôi nghèo, anh cũng biết, mà tôi lại là hy vọng độc nhất của cả gia đình; các em tôi thì còn bé. Thầy mẹ tôi khổ sở lắm mới nuôi được tôi ăn học đến thế. Vậy mà đột một cái bị đuổi.

Ngừng một lát, anh Bào tiếp:

– Tôi về nhà không chịu được. Thầy tôi cứ uống rượu say, rồi chửi mắng tôi là đứa con bất hiếu phụ công cha mẹ, không nghĩ gì đến nhà cửa, chỉ đua đòi anh em đến nỗi bị đuổi. Thầy tôi bắt ra Hà Nội tìm việc làm, bảo nếu không được thì đừng về trông thấy mặt nữa.

Anh Bào khẽ thở dài:

---

1. Khi in vào sách, đoạn này (từ "*Anh kể lại...*" đến "... *nhưng vô hiệu*") bị cắt bỏ. Chúng tôi khôi phục lại theo bản in lần đầu, đăng báo *Ngày nay* số 79, ra ngày 8-10-1937 (NBS).

– Nếu không có công việc thì thật tôi cũng không dám về. Thầy tôi nghiêm lắm anh ạ.

– Sao anh không đi làm?

– Không được.

Anh Bào trở nên yên lặng. Một lát, tôi hỏi:

– Còn các nhà buôn? Các sở tư?

– Ấy, tôi cũng chỉ còn hy vọng ở những chỗ ấy. Với lại tôi cũng không có các giấy chứng chỉ, vì có đi làm bao giờ.

Chúng tôi thôi nói, lặng đi rảo bước trên hè phố. Đến chợ Cửa Nam, Bào giằng tay tôi ra bảo:

– Tàu điện đến rồi, tôi phải về nhà không họ đợi.

– Anh ở đâu?

Bào nở một nụ cười buồn trên miệng trả lời:

– Tôi ở trọ một hàng cơm nhỏ ở dưới ô Cầu Giấy. Không dám mời anh xuống chơi.

– Thì anh đến chơi đằng tôi. Anh nhớ số nhà rồi chứ?

Bào nhảy vội lên xe điện, giơ tay chào. Tôi nói thêm:

– Thế nào anh cũng đến chơi nhé.

Xe chạy khuất vào chỗ rẽ phố Hàng Đẫy.

Tôi thong thả trở bước về nhà trong óc miên man nghĩ ngợi.

Sự gặp gỡ này với lại bao nhiêu kỷ niệm về quãng đời học sinh của tôi ở tỉnh Thái. Những nét mặt bạn cũ đã quên lại hiện ra trong trí nhớ, với những buổi học vui vẻ, những cuộc nô đùa vô tư lự. Bao nhiêu ngày sung sướng của tuổi trẻ!

Nghĩ đến Bào, tôi đem lòng thương hại. Cậu bé con xinh xinh giống con gái ấy, với cái vẻ ngây thơ, hồi ấy làm cho chúng bạn yêu mến. Tôi thường theo anh đến nhà chơi, một căn nhà lá ở đầu tỉnh. Hai người ngồi trên chiếc chõng tre nói chuyện, bên cạnh, bà mẹ anh Bào tráng bánh trứng và thổi xôi để đem bán. Thỉnh thoảng tôi mới gặp thầy anh ta: ông có vẻ nghiêm nghị lắm, và hình như lúc nào cũng ung dung không làm gì.

*

*   *

Không nhớ là mấy tháng sau, anh Bào đến chơi tôi. Trông anh khác hẳn, người gầy đi một chút, và xanh xao như ốm. Anh hình như đã đi bộ nhiều ở ngoài đường, nên quần áo và giầy đầy những bụi.

Tôi mời anh ngồi, ân cần hỏi:

– Anh đã tìm được công việc làm chưa?

Bào lắc đầu:

– Chưa, anh ạ, suốt trong mấy tháng nay, tôi đi khắp nơi ở Hà Nội mà chẳng tìm được việc gì. Đến đâu người ta cũng từ chối.

Anh nghĩ một lát, rồi nói thêm:

– Người ta thật là vô lý quá.

Lời nói nghẹn ngào trong cổ họng anh. Anh ngồi thừ người ra, không buồn uống chén nước chè của tôi mời. Tôi cũng yên lặng, không biết nói gì. Những lời an ủi lúc bấy giờ, tôi cảm thấy hình như vô ích.

Anh cứ chịu khó đợi ít lâu nữa xem.

– Cũng đành phải chờ, chứ biết làm thế nào. Nhưng cũng phải có tiền để trả tiền trọ chứ.

Anh Bào cố mỉm cười. Cái cười thật đáng thương và ái ngại. Tôi nhìn kỹ anh: chiếc áo lương anh mặc đã cũ bạc, vá kín đáo một vài chỗ. Trên mặt anh có bao nhiêu nốt lấm chấm đỏ dày đặc cả hai má. Vô tình, tôi hỏi:

– Anh bị muỗi đốt dày cả mặt kia kìa.

Anh Bào có vẻ thẹn:

– Chỗ tôi ở không có màn và không được thoáng. Có khi muỗi đốt cả đêm không sao ngủ được.

Thấy người nhà tôi sửa soạn dọn cơm, anh đứng cáo từ. Tôi tiễn anh ra ngoài cửa. Con đường về ô Cầu Giấy thẳng tăm tắp và bụi mù. Anh bắt tay tôi, toan quay đi thì tôi hỏi:

– Anh không đợi xe điện mà về à?

Bào lắc đầu, vỗ vào túi:

– Không, hết cả tiền rồi.

Tôi ái ngại, giữ anh lại: "Anh hãy đợi tôi một chút". Rồi tôi vào nhà lấy mấy hào chỉ còn lại trong túi áo, ngượng nghịu đưa cho anh: "Anh cầm tạm mà đi xe".

Bào không nhìn đến tiền, bỏ vào túi rồi khẽ nắm chặt lấy tay tôi khẽ nói:

– Cám ơn anh.

Anh quay ra. Tôi nhìn theo cho đến khi anh lẫn vào đám người đi làm về.

Một tuần sau, tôi đang qua chợ Cửa Nam, bỗng nghe thấy tiếng gọi. Một chiếc xe tay dừng lại sát hè. Tôi nhận thấy anh Bào, nằm ngay trên xe, bên cạnh có một người đàn bà đã đứng tuổi. Anh cố ngóc đầu dậy bảo tôi:

– Tôi về Thái đây, anh Bình.

Tiếng nói phều phào như người hết hơi. Mặt anh đỏ gay, hai mắt sáng lên một cách khác thường. Tôi sợ hãi hỏi:

– Chết chửa, anh làm sao thế?

– Tôi ốm, anh ạ. Bà chủ trọ sợ tôi chết ở nhà bà nên nhờ bà này đưa tôi về. Xin chào anh nhớ.

Tôi sửng sốt yên lặng. Người đàn bà nhìn tôi nói như định phân trần:

– Cậu ấy sốt đã bảy tám hôm nay rồi. Bà Hai cũng đã sắc cho cậu ấy mấy chén thuốc bệnh nhưng không đỡ, nên mới nhờ tôi đưa cậu ấy về vậy. Ông cũng biết, nhà người ta làm ăn buôn bán, cần phải kiêng giữ.

– Nhưng anh đương ốm thế này thì về làm sao?

Anh Bào nhìn tôi không trả lời, có vẻ mệt nhọc lắm. Tiếng còi xe hỏa bỗng vang động ở phía ga. Người đàn bà giục anh xe:

– Thôi đi nhanh lên kẻo nhỡ.

Tôi nắm tay anh Bào. Bàn tay anh nóng rực như lửa. Tôi thấy lòng tôi thắt lại khi xe anh quay đi.

*

* *

Hơn một năm đã qua. Từ hôm ấy tôi không được tin tức gì về anh Bào nữa. Hình ảnh anh mờ dần trong trí nhớ tôi.

Rồi một buổi chiều, tôi đang ngồi xem báo dưới bóng đèn thì cửa

bỗng mở. Hai cậu bé mặc áo thâm thập thò ở ngoài rồi dụt dè bước vào. Tôi ngạc nhiên. Cậu nhớn úp cái mũ trắng trên ngực lễ phép hỏi:

– Thưa ông, có phải đây là nhà ông Bình không ạ?

– Phải, tôi đây. Hai cậu hỏi gì?

Cậu bé lặng yên thò tay vào trong người lấy ra một cái gói con bọc giấy để trên bàn trước mặt tôi rồi nói:

– Thưa ông, chúng tôi là em anh Bào.

– À... Thế anh Bào đâu?

Cậu bé sẽ trả lời:

– Anh chúng tôi tự tử rồi ạ.

Tôi bàng hoàng cả người, nhìn hai cậu bé. Tôi nhận thấy hai cái mũ trắng đều có quấn khăn tang. Thế ra thực ư, anh Bào tự tử? Cái chán nản, đau khổ gì đã xui anh chết trong lúc còn trẻ trung chưa đầy hai mươi tuổi?

Hỏi chuyện, tôi mới biết anh Bào ở trên này về cứ ốm liên miên. rồi anh ở nhà không đi đâu nữa. Một buổi chiều đầu tháng vừa rồi, bà mẹ đi chợ về đến buồng thì đã thấy anh treo cổ trên xà. Người nhà vội khiêng đến nhà thương cứu chữa. Anh tỉnh lại một chốc rồi đến mười một giờ đêm thì mất.

Cậu bé kể xong tiếp thêm:

– Trước khi chết, anh tôi có gọi hai chúng tôi lại bảo: "Anh chỉ có một người bạn tốt là ông Bình. Các em nhớ đem cái gói này đưa lên cho ông ấy".

Tôi giở ra thấy có hai cái ảnh đã cũ. Một bức chụp chung cả lớp học, hồi tôi còn học ở Thái. Tôi nhận thấy tôi đứng bên cạnh Bào. Còn bức kia là tấm ảnh nửa người của anh. Nhìn thấy cái vẻ xinh trai và ngây thơ của người bạn cũ, lòng tôi thấy nao nao thương tiếc. Nước mắt tràn lên mi, tôi thấy nghẹn ngào như muốn khóc.

Hai cậu bé cũng lặng lẽ, buồn rầu, đưa mắt nhìn tôi. Hai đứa trông giống anh Bào quá, cũng đôi mắt thông minh và cái vẻ kháu khỉnh ngây thơ như thế. Tôi chợt nghĩ đến sự nghèo nàn của nhà anh, đến hai đứa trẻ kia không chỗ nương tựa để ăn học, thật đáng thương.

Tôi xếp hai cái ảnh lại rồi ngọt ngào bảo hai đứa ngồi xuống ghế. Tôi khẽ hỏi:

– Hai em có thương anh ấy không?

Hai cậu cùng yên lặng. Cậu bé nhất bỗng ôm mặt khóc, hai vai nấc lên dưới tấm áo vải thâm đã cũ.

Ngày nay, số 79 (8-10-1937). In lại trong tập *Gió đầu mùa.* Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1937.

ĐÓI

(Truyện ngắn)

Một cơn gió lọt vào làm Sinh tỉnh giấc. Anh ta thấy cái hơi lạnh của mùa đông thấm qua lần chăn mỏng, và thấy người mệt mỏi vì suốt đêm đã co quắp trên chiếc phản gỗ cứng.

Sinh cuốn chăn ngồi dậy. Thế là, cũng như những buổi sáng khác, một cái buồn rầu chán nản, nặng nề ở đâu đến đè nén lấy tâm hồn.

Những đồ vật quanh mình ẩn hiện trong bóng tối lờ mờ khiến Sinh lại nghĩ đến cảnh nghèo nàn khốn khổ của chàng. Một cái bàn con xiêu vẹo bên góc tường, một cái chõng tre đã gẫy dăm ba nan, một cái ấm tích mất nắp và mấy cái chén mẻ, nước cáu vàng. Trong cùng, một cái hòm da, dấu vết còn lại của cái đời phong lưu độ trước...

Tất cả đồ đạc trong căn phòng chỉ có thế. Mà đã lâu lắm, quanh mình cảnh vẫn chỉ có những thứ đồ tồi tàn ấy, đã lâu lắm, chàng đến ở cái căn phòng tối tăm, ẩm thấp này...

Những ngày đói rét không thể đếm được nữa. Tiếng gió vi vút qua khe cửa ban đêm với chàng nghe đã quen, cả đến cái mệt mỏi lả đi vì đói, chàng cũng đã chịu quá nhiều lần rồi.

Sinh thở dài. Chàng nhớ lại cái ngày bị thải ở sở chàng làm, cái giọng nói quả quyết và lạnh lùng của ông chủ, cả nét mặt chán nản, thất vọng của mấy người anh em cùng một cảnh ngộ với chàng... Từ lúc đó, bắt đầu những sự thiếu thốn, khổ sở cho đến bây giờ...

Một tiếng guốc ngoài hè làm cho Sinh ngẩng lên trông ra phía cửa. Vợ chàng về. Nàng vén cái màn đỏ treo ở cửa bước vào. Sinh thoáng trông cái thân hình của vợ in rõ lên nền sáng, một cái thân

thể mảnh giẻ, gầy gò trong chiếc áo the mỏng phong phanh. Cảnh tượng ấy làm cho chàng xót thương...

Vợ chàng đi lại cạnh giường, yên lặng nhìn Sinh không nói gì.

Sinh với lấy tay nàng kéo xuống bên mình, âu yếm hỏi:

– Em đi đâu mà sớm thế?

– Em lại đằng bà Ba ở cuối phố vay tiền.

– Thế có được không?

Vợ Sinh nhìn chồng, thở dài lắc đầu:

– Ai cho chúng mình vay bây giờ. Bà ấy còn nhớ đâu đến khi trước vẫn nhờ vả mình.

Sinh buồn rầu, nói một cách chán nản:

– Thói đời vẫn thế, trách làm gì. Nhưng bây giờ làm thế nào?

Chàng nghĩ đến cái thạp gạo đã hết, mà trong túi không còn một đồng xu nhỏ...

Đã hai hôm nay, chàng và vợ chàng thổi ăn bữa gạo cuối cùng, đã hai hôm cơn đói làm cho chàng khốn khổ...

Làm thế nào?

Vợ chàng nhắc lại câu hỏi ấy, rồi cúi mặt khóc. Một mối tình thương tràn ngập vào trái tim chàng như một làn sóng mạnh. Sinh nắm chặt lấy tay vợ ôm vào lòng, đắm đuối thiết tha. Chàng chỉ muốn chết ngay lúc bây giờ để tránh cái nghèo khốn khổ, nặng nề quá, đè nén ở tâm can.

*

*   *

Buổi chiều đến đem theo những cơn gió lạnh lùng. Sinh bắc ghế ra cái hiên nhỏ trước cửa phòng, tựa vào bao lơn nhìn xuống dưới nhà... Chỗ chàng thuê là một căn nhà hẹp và dài, chia làm nhiều phòng, mỗi gian phòng là một gia đình chen chúc ở, toàn là những người buôn bán nhỏ ở các nơi.

Giờ này là giờ họ làm cơm. Trông thấy họ tấp nập làm lụng, Sinh lại nghĩ đến cái bếp nhà mình bây giờ vẫn còn tro lạnh: chàng lại lo không biết vợ đi từ sáng đến giờ sao mãi không thấy về, mà về không biết có đem cái gì về không, hay chỉ đem một mối thất vọng như nhiều lần...

Nghĩ đến, Sinh lại đem lòng thương, thương người đàn bà xưa nay vẫn quen thói đài điếm phong lưu, mà bây giờ phải chịu khổ vì chàng... Hai bên gặp gỡ nhau trong một tiệc rượu dưới xóm cô đầu. Hồi ấy, chàng còn là một người có việc làm, còn là một người có lắm tiền. Quen biết nhau, rồi yêu mến nhau, chàng đã chẳng quản sự ngăn trở của nhà lấy nàng về. Đôi vợ chồng đã cùng nhau sống những ngày sung sướng ái ân, những ngày còn để lại trong trí chàng một cái kỷ niệm êm đềm, mà mỗi khi nghĩ tới, chàng không khỏi bồi hồi. Rồi sự nghèo nàn đến đem theo những cái nhọc nhằn khổ sở, đem theo những ngày đói rét.

Tuy vậy, sự khổ sở chàng nhận thấy không làm cho vợ chàng bớt tình yêu đối với chàng. Cũng vẫn nồng nàn, cũng vẫn đằm thắm như xưa, cái ái tình của đôi bên chỉ có thêm màu cay đắng vì xót thương nhau, cái hình ảnh một thân thể yếu đuối, mảnh giẻ in lên nền trời sáng buổi sớm mai lại thoáng hiện ra trước mắt Sinh. Chàng nhớ lại cái thất vọng không vay được tiền, đôi con mắt buồn rầu, đắm đuối nhìn chàng như ngụ biết bao nhiêu âu yếm, bao nhiêu hy sinh thấy lạnh buốt tới xương. Chàng thấy đói, một sự đói vô cùng như trong đời chàng chưa thấy bao giờ.

Đói như cào ruột, làm người chàng mệt lả đi, mắt hoa lên, trông vật gì cũng lờ mờ như lay động.

Khi còn đủ ăn, đủ mặc, chàng không hề để ý đến cái đói, không bao giờ nghĩ đến. Bây giờ chàng mới được hiểu biết cái đói như thế nào. Chàng rùng mình. Khi nghĩ đến trước cái mãnh liệt của sự đói, chàng cảm thấy cái cần dùng của thân thể trấn áp được hết cả những luật lệ của tinh thần.

Mùi xào nấu đồ ăn ở dưới sân nhà đưa lên làm cho chàng khó chịu vô cùng. Sinh cúi đầu trên bao lơn nhìn xuống xem họ làm bữa cơm chiều. Các thứ ăn tuy tầm thường nhưng Sinh lấy làm lạ rằng chàng chưa bao giờ thèm muốn những cái đó như chàng thèm muốn bây giờ. Mấy miếng đậu vàng trong chảo mỡ phồng dần trên ngọn lửa, mấy con cá rán bắt đầu cong lại, làm cho chàng ao ước đến rung động cả người.

Không bao giờ chàng thèm muốn như bây giờ cái miếng ăn kia.

Trước kia, khi nghe chuyện người ta tranh dành nhau vì miếng ăn, chàng vẫn mỉm cười khinh bỉ. Chàng cho rằng miếng ăn là một sự không đáng kể. Chỉ có cái thanh cao trong sạch của linh hồn mới

là cần. Nhưng bây giờ, trong cái phút đói này, chàng mới thấy rõ cái cần mạnh mẽ của miếng ăn là thế nào.

Vợ chàng, trước kia phong lưu trưởng giả, trước kia khi đi qua đám bình dân bẩn thỉu và nghèo nàn này, nàng vẫn khinh và tự hỏi không biết họ sống để làm gì mà còn ham mê quyến luyến. Bây giờ chàng lại ao ước được một miếng ăn như họ để sống qua cái ngày rét mướt, bây giờ...

*

* *

Một cái bàn tay nhẹ nhàng để lên vai. Sinh quay lại, vợ chàng tươi cười, giơ ra trước mắt mấy cái gói giấy bóng gọn gàng sạch sẽ, mà thoáng trông, Sinh cũng nhận biết ngay là những thức ăn được, mà rất ngon, ở các hiệu tây mới có. Mùi thịt ướp và mùi giò thoang thoảng đưa. Sinh rung động cả tay khi lần cởi những dây buộc chung quanh.

Chàng sung sướng hỏi:

– Ồ! Ở đâu thế này? Em Mai lấy tiền đâu mà mua thế?

Mai nghe Sinh hỏi, cúi đầu đáp:

– Anh cứ ăn đi đã! Ăn xong cho đỡ đói, rồi em kể chuyện cho anh nghe. Thật là may quá, mà cái bà ấy thực phúc đức quá, anh ạ.

– Ai thế? Kể cho anh nghe.

Mai âu yếm nhìn chồng:

– Không, anh cứ ăn đi đã kia. Vừa ăn em sẽ vừa nói chuyện....

Rồi nàng nhanh nhẹn đặt mấy gói giấy lên bàn, bóc bọc ngoài. Sinh nhìn thấy mấy miếng thịt ướp hồng hào, mỡ trắng và trong như thủy tinh, mấy khoanh giò nạc mịn màng, mấy cái bánh tây vàng đỏ...

Mai cất tiếng vui vẻ:

– Thế này nhé, em ở nhà đi cũng là đi liều, chứ thật không biết đến nhờ vả ai được. Anh còn lạ gì các bạn hữu bây giờ họ thấy mình nghèo khổ, thì ai người ta giúp vì có mong gì mình trả lại người ta được. Vì thế em cứ lang thang ngoài phố, nghĩ lúc bấy giờ cực thân quá anh ạ, chỉ muốn đâm đầu xuống sông cho rảnh... Nhưng nghĩ đến anh, em lại không đành lòng... May quá, vừa lúc ấy, lại gặp ngay bà Hiếu, một người quen biết từ trước. Bà trông thấy em vồn vã, hỏi han như người bắt được của...

Mai nói nhanh, liến thoắng:

– Bà ta tử tế quá... Cho em vay tiền lại còn hứa giúp vốn để em buôn bán nữa. Rồi nay mai, em đi buôn rau, anh nhớ. Thật không ngờ có bà biết thương người đến như thế...

Sinh sung sướng nói:

– Nếu không thì chúng ta đành nhịn đói ngày hôm nay. Nhưng sao em mua hoang thế này?

Mai cúi đầu cười, hai má đỏ hồng, mấy sợi tóc rối tung trên trán càng tăng thêm vẻ kiều my của nàng.

– Anh không lo. Em còn nhiều tiền. Đây anh xem.

Nàng thò tay vào trong túi áo, rút ra một tập giấy bạc, vứt ra trước mặt Sinh, rồi nhanh nhẹn vui vẻ bước vào trong nhà.

– Anh đợi một lát, em đi lấy dao cắt bánh.

*

* *

Nàng quay lưng đi, Sinh chợt thấy trên mặt đất, một miếng giấy rơi xuống. Chàng vô tình cúi xuống nhặt lên mở ra đọc:

Em Mai,

Đây, anh đưa cho em số tiền, anh đã hẹn. Em muốn lấy nữa, anh sẽ cho em nốt, nhưng thế nào tối nay em cũng phải đúng hẹn đến đấy, anh đợi.

Tờ giấy trên tay Sinh rơi lúc nào chàng cũng không biết. Cái sức nặng nề như đè nén lấy quả tim, làm cho chàng ngừng thở.

Hình như một giây phút, bao nhiêu cái hy vọng sung sướng của đời chàng tan đi mất.

Sinh tưởng có thể chết ngay trong lúc ấy.

Cái đau đớn chàng cảm thấy thấm thía và sâu xa quá.

Còn mong gì đó là một sự không thật, một giấc mộng nữa.

Không còn phải ngờ vực gì, cái số tiền kia chính là cái số tiền nào mới được chứ! Sinh nhớ lại những ngày đi hỏi tiền, những buổi trở về thất vọng và buồn rầu, những lời tha thiết và oán hờn của vợ chàng kể lại, về cái lãnh đạm, hững hờ của những người nàng quen biết. Bà Hiếu là bà nào!

Chẳng qua là một sự bịa đặt ra để che mắt chàng.

Sinh thấy cơn giận dữ nổi lên mãnh liệt trong lòng, đôi môi chàng tự nhiên nhách lên một cách khinh bỉ, chàng run người lên, khẽ dằn từng tiếng:

– Đồ khốn nạn.

Quả tim như có kim đâm. Sinh nắm chặt lấy thành ghế, nhìn cuốn bạc giấy để trên bàn, nhìn gói đồ ăn đang mở giở, rồi cúi mình xuống nhặt tờ giấy gấp lên.

Một lát yên lặng... rồi Sinh nghe rõ tiếng tấm màn vải ở cửa cất lên trước gió, tiếng dép đi nhẹ nhàng, gần đến bên chàng... Sinh cố hết sức cắn môi để đè nén cơn giận dữ đang sôi nổi trong lòng, nắm chặt tay hơn nữa cho khỏi rung động cả người.

Tay vuốt nhẹ nhàng trên tóc Sinh, vợ chàng đứng sát hẳn ngay bên người. Nàng giở giấy ra, lấy dao cắt bánh vui vẻ:

– Anh xem bánh này có ngon không? Em mua ở Hàng Trống kia đấy. Miếng thịt ướp này là hạng ngon nhất em phải trả đến năm hào đấy, anh ạ. Để em cắt cho anh ăn nhé. Hình như anh đói lắm thì phải. Em cũng thế. Thôi, chúng ta hãy ăn cho no đã, rồi sẽ liệu sau...

Nàng cắt xong miếng thịt ướp, xếp lên đĩa tươi cười nói tiếp:

– Kìa anh ăn đi đã chứ? Thật là may cho chúng mình quá. Nếu hôm nay em không có bà Hiếu giúp thì chúng ta không biết thế nào nhỉ?

– ... Làm thế nào? Lại nhịn như mọi hôm, chứ còn làm thế nào nữa, anh Sinh nhỉ! Anh nên cám ơn bà ta đi. Bà thật là một người tốt, hiền hậu biết thương người, em vừa mở miệng hỏi, thì bà đã lần ruột tượng đưa cho em mười lăm đồng tất cả đấy, anh ạ. Cuốn giấy bạc anh chưa đếm à? Em không nói dối anh đâu...

Cái giận của Sinh lên đến cực điểm: chàng không nén nổi được nữa. Cái tên bà Hiếu làm chàng uất ức, vì chàng rõ những lời giả dối một cách khôn khéo, tự nhiên như thật vậy... Mai lại đến nỗi thế ư? Đôi mắt trong, cái khuôn mặt hiền hậu như thế kia không ngờ lại có thể giấu được những sự tối tăm như bây giờ...

Vùng mạnh cánh tay, Sinh hất Mai ra xa như người ta hất một con vật đáng ghê sợ. Mai lảo đảo lùi lại sau ngã dúi vào tường, vành khăn tung, tóc xổ; nàng giương to con mắt ngạc nhiên nhìn chồng:

– Ô hay! Anh làm sao thế?

Sinh cất tiếng cười hai hàm răng rít lên. Cái tiếng cười ghê gớm như tiếng cười của một người điên.

– Làm sao à? Cô còn hỏi tôi tại làm sao nữa... Thôi, đừng vờ đi, đừng giả dối nữa...

Sinh mở bàn tay giơ ra tờ giấy gấp đã nát nhầu.

Mai trông thấy mặt xám đi, hai tay ôm lấy đầu, người run lẩy bẩy. Giọng nói của Sinh càng thêm vẻ chế riễu, mỉa mai, chua chát:

– Bà Hiếu tử tế đấy! Ui chà! Nào là bà ấy tử tế, nào là thương người, nào là hiền hậu... Sao không nói, bà ấy hẹn đến đêm nay lại đến nữa...

Mai cúi đầu ôm mặt khóc nức nở. Cái tiếng khóc ấy không làm cho Sinh bớt giận, lại chỉ làm tăng thêm lên.

Như ngọn lửa đổ thêm dầu. Càng nói, Sinh lại càng thấy cái giận như sôi nổi, bồng bột trong lòng. Mai sợ hãi nép vào tường, thổn thức, ngập ngừng, khẽ gọi:

– Anh Sinh... Anh...

Sinh như không nghe thấy tiếng, nói luôn:

– Cô còn khóc làm gì nữa... Cô đi ngay đi, đi ra khỏi cái nhà này, tôi không muốn trông thấy mặt cô một phút nào nữa, cô cầm lấy cái này...

Sinh giơ tay vồ cuốn giấy bạc trên bàn, ném mạnh vào người Mai, giấy bạc tung ra, rơi lả tả trên thân. Chàng hất cả mấy thứ đồ ăn xuống đất, những mẩu bánh, miếng thịt lăn tung tóe dưới bàn.

– Không ai thèm ăn những thứ khốn nạn này!

Rồi chàng mệt nhọc ngả người trên ghế, hai tay ôm lấy trán, không để ý đến Mai đang sợ hãi giơ tay về phía chàng cầu khẩn, van xin. Rồi nàng nấc lên khóc, kéo vạt áo che mắt, đi ra phía ngoài.

Sinh cúi đầu ngẫm nghĩ, cái giận dữ đã tan đi, để lại một nỗi buồn rầu chán nản vô cùng. Sinh thấy trong lòng nguội lạnh, một cảm giác lạnh lùng như thắt lấy ruột gan. Nghĩ đến những ngày đói rét, khổ sở đã qua, đến mấy năm sống trong cảnh nghèo nàn, Sinh uất ức, căm giận cho cái số phận của mình. Nhưng tại sao lại có thêm một sự đau đớn nữa, tại sao Mai trước kia đã từng bao phen khổ sở cùng chàng, đến bây giờ đem thân bán đi lấy một vài đồng bạc, tại sao Mai lại làm sự khốn nạn ấy như bây giờ...

Bao nhiêu đau đớn trong tâm can, làm Sinh thổn thức, nghẹn ngào. Quả tim không đủ chứa nỗi đau thương, Sinh gục xuống bàn.

Một cơn gió hắt hiu thổi đến làm cho chàng rùng mình. Bỗng nhiên tất cả người chàng chuyển động: chàng vừa thoáng ngửi thấy cái mùi thơm và béo của những miếng thịt ướp mà mỡ còn dính ở tay.

Cơn đói lại nổi dậy như cào ruột, xé gan, mãnh liệt, át cả nỗi buồn.

Chàng muốn chống cự lại, muốn quên đi, nhưng không được, cái cảm giác đói đã lấn cả khắp người như nước triều tràn lên bãi cát.Mỗi lần cơn gió, mỗi lần chàng ngửi thấy mùi ngậy béo của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng, mũi Sinh tự nhiên nở ra, hít mạnh vào, cái mùi thơm thấu tận ruột gan, như thấu nhuần vào xương tủy.

Sinh cúi xuống nhìn gói đồ ăn tung tóe dưới bàn; chàng lấm lét đưa mắt nhìn quanh, không thấy Mai đứng đấy nữa... Khẽ đưa tay như ngập ngừng, sợ hãi, Sinh vơ lấy miếng thịt hồng hào.

Sinh ăn vội vàng, không kịp nhai, kịp nuốt. Chàng nắm chặt miếng thịt trong tay, nhây nhớp mỡ, không nghĩ ngợi gì, luôn luôn đưa vào miệng...

*

* *

Trông gói giấy, đồ ăn đã hết, chỉ còn những cái vụn nhỏ dính trên mặt giấy bóng mỡ. Sinh thấy nóng ran trong bụng. Chàng ưỡn người ra đàng sau, khoan khoái thở dài. Nhưng chàng nhớ lại bức thư, cuốn giấy bạc, nhớ lại tiếng khóc thổn thức của Mai nép bên tường, nhớ lại những nỗi khinh bỉ, mỉa mai, chua xót. Chàng nhớ lại cái uất ức, đau đớn của mình.

Một sự chán nản mênh mông tràn ngập cả người. Sinh lấy hai tay ôm mặt cúi đầu khóc nức nở.

In trong tập *Gió đầu mùa*, Nhà xuất bản
Đời nay, Hà Nội, 1937.

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

(Truyện ngắn)

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua giời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kỹ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lăn những cái lá khô lạo sạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắt lại vì rét.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vơ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi chị. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan:

– Con vào buồng lấy thúng áo ra mẹ mặc cho em đi.

Rồi quay lại bảo Sơn:

– Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo để cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, rồi co ro đứng dậy sang phản bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót cho một chén, Sơn cầm lấy chén chè nóng áp vào mặt, vào má cho ấm, rồi để mắt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo làm thế chóng tỉnh mắt.

Người vú già sù sù cái áo bông cánh rách, xách siêu nước từ dưới nhà lên, vừa xuýt xoa vừa nói:

– Rét quá! Múc nước cóng cả tay.

Vú giơ tay hơ trên hỏa lò. Mẹ Sơn hỏi:

– Năm nay rét sớm hơn mọi năm vú nhỉ?

Người vú già ra vẻ nhớ lại, đáp:

– Cũng chả bằng cái năm mợ đi cân gạo bên sông. Gớm, mới rét làm sao! Sáng tôi dậy, bà sai đi chợ, cứ run lên cầm cập.

Sơn cũng nhớ cái rét năm ấy rõ rệt lắm, như mới đây thôi. Buổi sớm hôm ấy, mẹ Sơn cũng ngồi uống nước chè như sáng hôm nay và cũng lấy áo rét ra mặc.

Chị Lan tự trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét. Sơn nhận ra cũng những cái áo Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia, một cái áo vệ sinh màu nâu xẫm với một cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giơ những cái áo lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn lại nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói:

– Đây là áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. Vú già là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ:

– Giá bây giờ em nó có còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc với Sơn lại gần để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

*

* *

Sơn đã mặc xong áo ấm áp: cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm dài. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại ba, bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo. Sau cùng mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo:

– Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy

chắc bây giờ đương đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

Không phải ngày phiên nên chợ vắng không. Mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới dịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tý, con Túc sán gần dương mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại và, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng nó lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

– Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ?

Đứa khác nói:

– Ngày trước thầy tao, cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngây ngô giương mắt lên hỏi Sơn:

– Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

– Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

– Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên.

Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

– Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

– Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

– Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiên, đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

*

*   *

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già:

– Mợ tôi đâu hả vú?

– Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mợ còn đi ăn cỗ đến trưa mới về.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi:

– Có phải cậu đem cho con Hiên cái áo bông cũ phải không?

Sơn ngạc nhiên đáp:

– Phải. Nhưng sao vú biết?

– Con Sinh nó nói với tôi đấy. (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với vú già nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hễ mợ về nó sẽ sang mách mợ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van:

– Thế bây giờ làm thế nào, hở vú? Mợ tôi biết thì chết.

– Ai bảo cậu dại dột đem áo cho nó? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiên trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiên nhưng không thấy con bé ở đó, đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ, đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo. Lan trách em:

– Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mợ mắng chết không.

– Ai bảo chị về lấy? Nếu chị không về lấy thì em biết đâu? Chị Lan đấu dịu:

– Thôi, bây giờ phải về nhà vậy chứ biết làm thế nào.

– Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi:

– Đằng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mợ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng dắt nhau lẻn về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào; hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiên đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngửng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

– Kìa, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiên vừa cười vừa nói:

– Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ. Thôi, bây giờ, xin phép mợ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi:

– Con Hiên nó không có áo à?

– Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng lấy tiền đưa cho bác Hiên:

– Đây, tôi cho mượn năm hào cầm về mà may áo cho con.

Khi bác Hiên bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo:

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?

Gió đầu mùa, Đời nay, Hà Nội, 1937.

NGƯỜI ĐẦM

(Truyện ngắn)

Hôm ấy ngày thứ hai, nên ít người đi xem, trước cửa rạp chớp bóng Pathé chỉ lơ thơ có dăm bẩy cậu học sinh đứng nghếch đầu nhìn mấy cái quảng cáo lộn xộn dán trên tường. Một hai người lính Tây đi vơ vẩn, miệng ngậm thuốc lá, tay đút túi quần, điệu bộ lơ đễnh và buồn tẻ, hình như họ không có cuộc đi chơi gì nữa, nên bất đắc dĩ phải đến xem chớp bóng vậy.

Khi tôi bước vào trong rạp, giờ hãy còn sớm. Tuy vậy hàng ghế "lô" và hạng nhất cũng đã đông người ngồi, toàn là người Pháp. Tôi đi vào dãy hạng nhì, chọn một chiếc ghế ở giữa. Tất cả độ hơn một chục người ngồi rải rác cùng một hàng với tôi.

Lập tức, tôi sửng sốt chú ý đến một người đầm ngồi cách tôi mấy ghế, đang quay sang phía bên nói chuyện với một cô gái nhỏ. Cái cảm tưởng tôi có trước nhất là sự ngạc nhiên. Một người Pháp, mà lại một người đàn bà, ngồi ở hạng nhì lẫn với mọi người! Tôi tự hỏi tại sao người đầm ấy lại không lấy vé lô, hay ít ra vé hạng nhất, để ngồi chung với những người Pháp sang trọng mà tôi thấy bệ vệ và mãn nguyện trên các dãy ghế kia? Từ xưa đến nay, chúng ta quen nhìn thấy người Pháp ngồi ở hạng trên, đến nỗi tôi không thể tưởng tượng được rằng họ có thể ngồi ở các hạng dưới. Cũng không một lúc nào tôi có cái ý nghĩ rằng người đầm kia không có đủ tiền để trả cái vé hạng nhất.

Tôi nhận thấy, cũng như tôi, những người khác ngồi chung quanh

tò mò nhìn vào người đầm. Nhưng họ nhìn một cách sống sượng và chăm chú quá; trong những con mắt đó, đôi khi lại thoáng qua một tia lãnh đạm và ác cảm nữa.

Người đàn bà Pháp hình như cũng nhận thấy thế, nên bà ta cố thu hình cho nhỏ bé lại, và luôn luôn cúi mặt xuống tờ chương trình để trên lòng. Cô bé quỳ ở trên ghế bên cạnh, quay lưng lại màn ảnh, chơi đùa với cái mũ da của mẹ. Cô thỉnh thoảng cất tiếng cười và huýt sáo miệng; lúc ấy bà mẹ vội vàng đưa mắt nhìn quanh, rồi ra hiệu bảo con im. Và cái nhìn của bà ta rụt rè e lệ quá, khiến tự nhiên tôi ái ngại và cảm động.

Đột nhiên tôi tin chắc người đàn bà đó, và đứa con, mới ở Pháp sang bên này. Nhiều cử chỉ của bà ta đã để tôi đoán như thế. Bà ta có cái vẻ lạ lùng bỡ ngỡ của người mới bước chân đến một nơi xa lạ, ngồi vào chung quanh những người khác giống không hiểu mình, và bà có cái vẻ rụt rè, nhũn nhặn mà ta không thấy ở nhiều người đầm đã sống lâu bên này.

Tôi ngắm nhìn bà ta với một cảm tình chân thật mà tôi không ngăn cấm được. Bà ăn mặc rất giản dị, toàn một màu đen. Có lẽ bà để tang. Tang cha mẹ, người thân thích hay chồng? Không biết tại sao, tôi chắc chồng bà đã mất, để lại cho bà cô gái bé kia. Mỗi khi cô bé quay lại phía bên này, tôi lại nhận thấy hai người – hai mẹ con– giống nhau quá: cùng cái khuôn mặt trái soan, cũng mớ tóc vàng, và nhất là đôi con mắt to, đưa chậm chạp, lúc nào cũng như nhìn ra ngoài xa.

Một vẻ buồn lặng lẽ và trầm mặc phảng phất trên nét mặt người đàn bà đó. Thỉnh thoảng bà ôm lấy con ghì chặt vào lòng như se lại trước cái ác cảm bà đoán thấy ở chung quanh. Hai mẹ con thủ thỉ với nhau những câu tôi không nghe rõ, nhưng tôi chắc là những câu đầy vẻ yêu thương đằm thắm.

Khi trong rạp tối đi, tôi cũng không nghĩ đến xem phim nữa. Bao nhiêu chú ý của tôi đều đặt vào người đàn bà đó. Trí tôi tưởng tượng cái đời của bà ta, một người đàn bà hạng trung lưu bên Pháp, một người làm công có lẽ, vì chồng chết nên chán nản sang thuộc địa để xa mà quên đi. Tôi cảm thấy bà ta trơ trọi quá, bỡ ngỡ quá ở nơi xứ sở này. Tôi hiểu cái buồn và cái lạnh lẽo của bà, lúc này có lẽ bà đang mơ màng nghĩ đến quê hương ở tận bên kia phương Tây, cái làng nhỏ ở sườn đồi, cái chuông nhà thờ cao lên trên rặng cây, cánh

đồng cỏ, mấy con bò đủng đỉnh trên cái suối trong mà bọn chị em bạn cùng làng đang quay đập quần áo trên bàn giặt. Tôi đã đọc nhiều tiểu thuyết của người Pháp quá, nên có thể tưởng tượng được rõ rệt cái đời của người ấy. Cho nên tôi hiểu cái nỗi nhớ thương quê hương của bà.

Có lẽ bà quen như ở bên Pháp, nên mới lấy vé hạng nhì. Có lẽ bên ấy giá vé hạng nhì đối với bà là to rồi. Bởi thế, bà không biết ở xứ này, một người đàn bà Pháp không bao giờ lấy vé hạng ấy.

*

* *

Khi đèn bật sáng trong giờ nghỉ, bà dắt con đứng dậy, lách khe ghế đi ra. Đến trước mặt tôi, bà nhìn tôi một cách dịu dàng, và rất lễ phép:

– Xin lỗi ông.

Giọng nói của bà ngọt ngào, không có chút gì kiêu ngạo. Tôi ít khi được nghe một người đầm nói với mình lễ phép như thế. Tôi chợt nghĩ đến cái lễ độ nhã nhặn của người Pháp, của những người Pháp thật, những người chưa bị cái hoàn cảnh bên này làm xấu đi. Tôi nghĩ đến cái lòng nhân từ rộng rãi, cái tình cảm dồi dào của người đàn bà Pháp, lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ và cúi mình trên những đau khổ của người ngoài. Và tôi thấy cái ý muốn được thân thiện hiểu biết những người đàn bà ấy.

Tôi theo ra ngoài rạp, thấy hai mẹ con bà đứng ở đầu hè, nhìn mặt nước hồ Hoàn Kiếm phẳng lặng như tấm gương. Trong đám người đi xem không ai để ý đến bà ta cả.

Một đứa bé bán kẹo, lấm lét nhìn quanh để trông cảnh sát, chạy đến gần bà, giơ hộp kẹo trước mặt cô bé. Tôi nghe thấy tiếng cô bé đòi mua, rồi bà ta chọn mấy cái kẹo trong hộp đưa cho con. Vừa mở ví lấy tiền bà vừa hỏi thằng bé bán kẹo:

– Bao nhiêu?

Đứa bé giơ ba ngón tay ra hiệu, miệng cười sung sướng:

– Ba xu, bà đầm!

Nghe câu trả lời của đứa bé, tôi thấy bà ta mỉm cười, lấy tay xoa đầu nó và hỏi bằng tiếng Pháp:

– Mày không lạnh ư, con?

Đứa bé nhe răng cười, lắc đầu vì không hiểu gì, rồi vội chạy vào chỗ tối bởi nó đã thấy bóng thầy cảnh sát ở đằng xa. Bà ta hơi ngạc nhiên nhìn theo, và nét mặt trở nên buồn như cũ.

Tôi tự nhiên đem lòng thương mến người đàn bà Pháp ấy. Cái vẻ buồn âm thầm của bà làm cho tôi cũng buồn lây. Tôi mơ màng ao ước người Pháp nào cũng tốt như bà; chúng ta sẽ yêu mến nước Pháp đẹp đẽ và rộng lượng kia bao nhiêu, và hai giống người khác nhau trên mảnh đất này sẽ hiểu biết nhau, coi nhau thân như anh em một nhà.

Lúc chớp bóng tan, trời bắt đầu mưa bụi và gió lạnh. Thấy hai mẹ con bà lủi thủi đi trên con đường vắng tôi chỉ muốn chạy theo nói cho bà biết cái cảm tình đằm thắm của tôi, lòng kính trọng của tôi trước sự đau đớn, lòng mến yêu của tôi đối với một kẻ nhân từ. Nhưng mà tôi chỉ đứng lặng yên, đứng nhìn theo đến khi hai người khuất vào bóng tối, rồi tôi thong thả trở về, trong lòng thấy băn khoăn, bực tức không duyên cớ.

Từ đó, tôi không bao giờ được gặp bà ta nữa. Về sau, nhiều lần đi xem chớp bóng, tôi để ý tìm nhưng không thấy bóng hai mẹ con bà ấy đâu cả. Có lẽ bà ta đã đi tỉnh khác rồi chăng?

Và mỗi khi đêm khuya ở rạp chớp bóng ra về, tôi hay đi vòng Bờ Hồ để nhớ lại hình ảnh dịu dàng của người đàn bà đó. Bây giờ chắc bà ta đã có công việc làm rồi.

Nắng trong vườn, Đời nay, Hà Nội, 1938.

HAI CHỊ EM [1]

(Truyện ngắn)

Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ, từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều về. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tan trong lò. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt lên nền trời.

---

1. In lại trong tập *Nắng trong vườn* (Đời nay xuất bản, 1938), tác giả đổi tên truyện là *Hai đứa trẻ*.

Chiều, chiều rồi. Một buổi chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi lặng yên bên mấy chiếc quả sơn đen: đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần, và cái buồn của chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của cô; Liên không hiểu tại sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

– Em thắp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

– Hẵng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kẻo ở trong ấy muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn, cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cót két.

– Cái chõng này sắp gẫy rồi, chị nhỉ?

– Ừ. Để chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phó Mỹ, đèn hoa kỳ leo lét trong nhà ông Cựu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát từng chỗ lấp lánh, và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vãn từ lâu rồi. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ấm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát, bụi, quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa; đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt thanh tre thanh nứa, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại. Liên trông thấy động lòng thương, nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ hai chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tý, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng tre trên đầu, và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

– Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tý để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

– Ôi chào, sớm với muộn thì có ăn thua gì.

Ngày chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? – Mấy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tý chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng, ghế, dịch ngọn đèn hoa kỳ lại ngồi têm trầu, còn thằng cu thì loay hoay đóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

– Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ: chết chửa! Rồi đứng dậy giục em:

– Vào đóng cửa hàng thôi, không me ra mắng chết.

An đáp:

– Hôm nay chưa chắc me có ra không, chị ạ. Me còn bận làm sao cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mải ngồi nhìn phố quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm, ngăn ra bằng một tấm phên nứa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi – bà còn bận làm hàng sáo, – và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đấy để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lào, xấp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

– Có phải buổi trưa em bán cho bà Lục hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

– Vâng, bà ta mua hai bánh, còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp không tính nữa.

– Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội tráp tiền với một chiếc khóa chị đeo vào dây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khóa chị mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái nhớn và đảm đang.

– A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng.

Đó là bà cụ Thi, một bà già hơi điên vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu ty đầy đưa cho cụ: chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ chỉ mong cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên, rồi cười ròn rã nói:

– À, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chép miệng vừa lần ruột tượng trả tiền – cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lảo đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lẩn vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng...

*

* *

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoáng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im ỉm, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau chơi ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thèm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chõng, đưa mắt theo dõi những bóng người về muộn, lừ lừ đi trong đêm.

Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vết sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay lẫn vào cành cây. An và Liên lặng ngước mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông

Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn hai đứa trẻ như đầy bí mật và xa lạ, và làm mỏi trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại cúi nhìn về mặt đất, về quầng sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Ty. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra. An trỏ tay bảo chị:

– Kìa, hàng phở của bác Siêu đã đến kia rồi.

Tiếng đòn gánh kĩu kịt nghe rõ rệt, khói theo gió tạt lại chỗ hai chị em; bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống nhóm lại lửa, thổi vào cái ống nứa con. Bóng bác mênh mang ngả xuống đất một vùng kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngõ. An và Liên ngửi thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quà bác Siêu bán là một thứ quà xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở Hà Nội chị được hưởng những thức quà ngon lạ – bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền – được đi chơi Bờ Hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỷ niệm còn nhớ lại không rõ rệt cái gì, chỉ là một vừng sáng rực và lấp lánh. Hà Nội nhiều đèn quá! Từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc bàng với cái tối của quãng phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Ty, và cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát, với trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột ánh sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Ty. Thêm được một gia đình bác sẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Ty phe phẩy cành lá khô đuổi ruồi bọ trên mấy thức hàng, chậm rãi nói:

– Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà của cụ thừa, cụ lục và những khách hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vẩn vơ:

– Hôm nay trong ông giáo cũng có tổ tôm. Dễ họ không phải đi gọi đâu.

Vợ chồng bác sẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu, bần bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những rác bẩn vùi trong cát bên đường. Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi cho sự sống nghèo khổ hàng ngày.

*

* *

An và Liên đã buồn ngủ díu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tàu xuống – đường sắt đi ngang qua ngay trước mặt phố – để bán hàng, may ra còn một vài người mua. Nhưng cũng như mọi đêm, Liên không trông mong gì còn ai đến mua nữa. Với lại, đêm họ chỉ mua bao diêm hay gói thuốc là cùng. Liên và em cố thức là vì cớ khác, vì muốn được nhìn chuyến tàu. Chín giờ có chuyến tàu ở Hà Nội về đi qua huyện. Chuyến tàu đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

An đã nằm xuống, gối đầu lên đùi chị, mi mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

– Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.

– Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên; chị ngồi yên không động đậy. Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh: một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vừng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa bàng rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống cầm canh ở huyện đánh tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay trong bóng tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Ty mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và ăn thuốc lào. Nhưng một lát, từ phố huyện đi ra, hai, ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài: mấy người làm công ở hiệu khách đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu nghển chân nhìn ra phía ga, lên tiếng:

– Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma

trơi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vẳng lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Liên đánh thức em:

– Dậy đi, An. Tàu đến rồi.

An nhổm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh khi vào ghi. Một làn khói bừng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người ta lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai. Trước kia, ở sau ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ, họ đóng cửa cả rồi cũng im lặng và tối đen như ngoài phố

Hai chị em chờ đợi không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên đặt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng, lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đống than nhỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất đi sau rặng tre.

– Tàu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Ty và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

– Thôi, đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chõng. Tà áo chị, An co nặng xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ rồi và mất dần vào bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật là hết xao động, chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đen lồng với bóng người đi về; chị Ty đương sửa soạn đồ đạc và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác sẩm ngủ gục trên manh chiếu từ bao giờ.

Liên quay lại nhìn em, thấy An cũng ngủ say, tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai. Liên nhìn quanh đêm tối một lát, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng đã díu lại. Chị gài cửa cẩn thận và vặn nhỏ ngọn đèn đặt lên trên chiếc quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm xuống. Chị gối đầu lên tay, nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lặng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình, mờ mờ trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi, không biết, như chiếc đèn con của chị Ty chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu: mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngập vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.

In trong tập *Nắng trong vườn*,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1938.

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

(Truyện ngắn)

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường gạch bát tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhẩy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bực cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt vali trên chiếc trường kỷ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

– Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh dương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mãn:

– Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy cong. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

– Nhà không có ai ư bà?

– Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Dễ chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

– Dạ chưa. Con ở tầu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

– Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

– Có một tý đường đất cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rợi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điếu cũ kỹ. Con mèo già

tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

– Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phất trần lên đầu giường:

– Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, tỳ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía

ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

– Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

– Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

– Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

– Cô trông em có phải gầy đi không? Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngửng nhìn Thanh, cười:

– Đấy em nói có sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

*

* *

Lúc Nhân bưng cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

– Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

– Ăn cho vui, cô Nga.

– Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

– Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẻ, cầm chừng, và buông đũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

– Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

– Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mải nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn mạnh khỏe và xinh trai như ngày trước. Còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cậu cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giã cối trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh đã lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

– Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

– Bao giờ anh lên tỉnh?

– Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bầy trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

– Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

– "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lưỡng lự. Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

– Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây. Khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn.

*

* *

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc vali chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn họa lý. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhảu cầm đỡ vali cho chàng, Thanh dặn khẽ:

– Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

Sợi tóc, Đời nay, Hà Nội 1942.

CÔ HÀNG XÉN

(Truyện ngắn)

"Chợ Huyện một tháng sáu phiên,
Gặp cô hàng xén kết duyên Châu Trần".
(Ca dao)

Cô Tâm bớt mệt hẳn đi khi nhìn thấy cây đa và cái quán gạch lộ ra trong sương mù. Cùng một lúc, dẫy tre đầu làng gần hẳn lại, cành tre nghiêng ngả dưới gió thổi và cô nghe thấy tiếng lá rào rào và tiếng thân tre cót két. Cô sắp về đến nhà rồi; gánh hàng trên vai nhẹ đi, và những cái uốn cong của đòn gánh bây giờ dịp với chân cô bước mau. Cô thấy chắc dạ và ấm cúng trong lòng, bỏ hẳn nỗi lo sợ từ nãy vẫn quanh quẩn trong trí khi cô qua quãng đồng rộng, trơ gốc rạ dưới gió bấc vi vút từng cơn.

Qua cái cổng gạch cũ, cô vào hẳn trong làng. Ngõ tối hơn, đất mấp mô vì trâu bước, nhưng cô thuộc đường lối lắm. Chân cô dẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen: mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ ướt đưa lên, ẩm ướt. Đi ngang các nhà quen cô thấy ánh sáng đèn chiếu qua rào, và tiếng những người quen thuộc ở trong đưa ra. – "À, bác cả Sĩ đã về rồi". Lần nào hàng bác cũng bán hết sớm, bác cũng ra về trước vì nhà có con mọn. Còn cô, cô cũng có thể về sớm được, vì chợ chiều cũng vắng người mua. Nhưng cô còn cứ vui chị vui em, lần khân ở lại. Chỉ tại con Liên nó cứ giữ mình để về một thể. Bây giờ nó đã về đến nhà chưa? Cô Tâm lại nghĩ đến mình, mẹ già đang mong đợi và các em đang nóng ruột vì quà. Gói kẹo bỏng cô đã gói cẩn thận để ở dưới thúng, mỗi đứa sẽ được hai cái. Chắc hẳn chúng sẽ vui mừng lắm...

Tâm vội vã bước mau. Trước đình, sân gạch rộng đầy bóng tối và yên lặng; con sấu đá vẫn phục yên trên bệ ở ngoài, hình dáng quen thuộc quá. Bỗng cô dừng lại; cô xuýt va phải một người ở ngõ rẽ ra. Người kia cũng tránh sang bên, sát vào hàng rào. Nhưng Tâm nhận ra ngay:

– Bác Vỹ đấy ư? Đi đâu mà tối thế.

Người kia tiến một bước, nhìn tận mặt:

– Ai? À, cô Tâm, cô đi chợ về.

Tâm đã bước xa rồi; tre vi vút thêm, trời lại lấm tấm mưa lạnh rơi xuống mặt. Cô đi qua nhà bà cụ Nhiêu rồi về đến ngõ. Cánh cửa gỗ chưa đóng. Cô xoay đầu đòn gánh ẩy cửa, rồi bước vào. Tất cả cái tối tăm rét mướt, và cánh đồng hoang vắng cô để lại ở ngoài. Đây là nhà rồi. Mùi phân trâu nồng ấm sặc ngay vào cổ: thoáng qua, cô nghe thấy tiếng chân trâu đập trong chuồng. Con vá thấy động sủa lên, rồi chạy lại vấp vào chân, quấn quýt. Trong nhà mấy đứa em reo:

– A, a! Chị Tâm đã về.

Tâm đặt gánh ở trên thềm. Ánh đèn chiếu ra, cô thấy quần áo lấm tấm ướt vì mưa bụi. Thằng Lân chạy ra trước nhất, xuýt nữa vấp vào cửa bức màn. Rồi thằng Ái, con Bé cũng theo ra.

– Quà của chúng em đâu, chị?

Nó cúi xuống định lục vào gánh hàng. Tâm vội bảo em:

– Ấy chờ, để chị lấy cho, không kẻo vỡ cả kính.

Cô nhìn xuống ô hàng: mưa chỉ hơi phớt trên kính, chưa việc gì, hàng không có cái gì ướt.

– Kẹo đây, mỗi đứa hai chiếc.

Chúng nó xúm cả xung quanh chị. Em bé ngoan ngoãn quá, đây phần riêng chị dành em đây này. Bỗng tiếng dịu dàng của bà Tú ở dưới nhà đưa lên:

– Tâm con đã về đây ư?

– Thưa u, vâng ạ.

Bà Tú đến dắt lũ con, khẽ bảo:

– Chúng mày háu ăn quá, không để cho chị vào đến nhà nữa – rồi quay lại Tâm – con rửa chân tay rồi đi ăn cơm kẻo đói. Sao về muộn thế, con.

– Thưa u, hôm nay con ngồi chợ Son ạ.

Con ở gái từ nãy ở dưới bếp lên, cứ đứng mải góp chuyện ở trên thềm. Bà Tú quay ra bảo:

– Kìa, không xếp hàng vào cho cô, còn đứng làm gì ở đấy.

Trong căn nhà ấm cúng, khác hẳn ở ngoài. Ngọn đèn thân mật chiếu trên án thư, những nét vàng đã cũ của câu đối hoành phi lờ mờ ánh trong bóng tối. Mâm cơm đậy lồng bàn còn để ở giữa phản.

– Con ngồi đây rồi ăn cơm. Trời rét thế này thì mai nghỉ chợ một hôm con ạ. Đi làm gì cho nó khổ.

Em bé nói theo:

– Chị ở nhà với chúng em chị ạ. Mai chủ nhật chúng em được nghỉ.

Tâm mỉm cười xoa đầu em. Cô sung sướng vì thấy mẹ săn sóc, các em mến yêu. Bao nhiêu nỗi mệt nhọc cô thấy tiêu tan cả. Những lúc này khiến cô quên hết bao nhiêu nỗi e ngại khó khăn. Cô thấy vui vẻ và nẩy nở trong thâm tâm những ý muốn tốt đẹp cho gia đình. Bà Tú lại âu yếm giục:

– Con ăn cơm đi, không đói. Thôi, hãy để đấy rồi bảo con sen nó cất cho có được không.

Tâm đáp: "vâng" nhưng cô vẫn chưa lại ngồi ăn ngay. Cô còn thu xếp hàng đã: hai cái hộp gỗ vuông đựng các thức hàng, và những gói buộc kỹ trong thúng. Tất cả vốn liếng quý báu, bởi nó, cô kiếm lời nuôi các em, giúp đỡ cha mẹ từ ngày trong gia đình sút đi và ông Tú ở trên tỉnh dọn về. Đã ba bốn năm nay rồi. Ruộng nương chỉ còn hơn mẫu cấy đủ thóc ăn, và căn nhà gạch cũ này, là nhà thờ chung cả họ. Ông Tú từ độ mắt kém cũng thôi không dạy học nữa. Tâm hỏi mẹ:

– Thầy con chưa về cơ, u?

Bà Tú chậm rãi đáp lời con, an phận:

– Thầy sang chơi bên ông Chánh từ hôm qua, dễ thường còn ở vài ngày mới về.

Hai mẹ con biết rằng có về nhà ông Tú cũng buồn chẳng biết làm gì, rồi lại đến đi chơi quanh quẩn các người trong làng.

*

*   *

Bữa cơm ngon lành quá. Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và thương mến của mẹ. Các em cô quây quần cả xung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp ba ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cắp sách đi

học, và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ Nho. Nhưng đã lâu, cô rời bỏ quyển sách, để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chặt chẽ. Buôn bán bây giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô vốn ít. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục bạc. Giá nàng có nhiều tiền để buôn vải bán các chợ như Liên...

– Thôi, các em đi ngủ đi; mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lân cười trả lời chị:

– Mai chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à? Tối nay em thức rõ khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh, chỉ có Tâm và bà Tú ngồi trên phản; cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thức hàng để mai đi phiên chợ Bằng chính. Những thứ hàng nho nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lơ, một trăm thức lặt vặt qua lại trên ngón tay nhỏ bé của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lờ mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thức hàng mới, bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp bằng đồng – hào rưỡi một cái – đựng một chất đỏ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ. Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang trọng. Có lần, một đêm khuya, Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngắm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ Cô Ba. Cô hơi thẹn thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu...

– Độ này, hàng có bán được không, con?

– Thưa u cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai cứ hay quanh quẩn chỗ cô ngồi và buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô không để ý. Tâm thấy vững vàng ở vị trí và lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, với lại, trừ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc, đối với Tâm, là cái lệ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm có ý nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.

Nhưng Tâm cũng không khỏi thắc mắc vẩn vơ cho thân thế; Tâm

ngửng lên nhìn nét mặt hiền từ của bà Tú, rồi lại quay đi, hơi e thẹn. Vì nàng có tâm sự kín riêng. Hình ảnh một người con trai lanh lợi, miệng tươi như hoa, ăn nói mềm mỏng dễ nghe. Những ngày phiên chợ Bằng, Tâm thường thấy người ấy ra hàng Tâm mua kim chỉ. Nàng cúi mặt xuống hàng, thấy cái nhìn âu yếm của người con trai ấy đè nặng trên người. Má Tâm phơn phớt đỏ. Câu chuyện ngượng nghịu và gióng một, nhưng nàng thấy tâm hồn say sưa như nhấp rượu..

Người ta bảo đó là cậu giáo trường làng. Vẻ người đứng đắn, có tư cách, chứ không chớt nhả như những anh trai làng khác. Nhưng nhìn cái áo lương cũ, Tâm cũng đoán là cậu giáo nghèo thì phải. Cũng như nàng.

Lúc lên giường nằm, dưới tấm chăn mỏng và lạnh, Tâm còn tơ tưởng mãi đến con người xinh trai ấy. Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên ngọn đèn hoa kỳ, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng, những đứa em thông minh và ngoan ngoãn quá. Không biết nàng có tảo tần mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi đi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại được sung túc và mát mặt như xưa.

Người chị mộc mạc và âu yếm ấy nghĩ ngợi trong đêm yên lặng. Tiếng trống cầm canh đã quá nửa đêm, nàng mới thở dài, nhắm mắt ngủ.

Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ ngơi yên tĩnh.

*

* *

Sáng sớm hôm sau, trong gió bấc lạnh Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoảng bốc lên, mùi quen của quê hương và của đất mầu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng rảo bước mau cho chóng đến chợ.

Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kĩu kịt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó, từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngợi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa: tất cả cuộc đời

nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô: trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn trong khi nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tâm cứ bước đều chân và đến chợ hãy còn sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm: những cuộn chỉ mượt, những cái cúc sà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ, ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén.

Không khí giá và trong buổi sáng làm hồng da dẻ và khiến máu chảy mạnh. Tâm thấy vui vẻ nhanh nhẹn trong người. Chị Liên với thằng nhỏ gánh vải cũng đã đến rồi. Hai chị em cười nói chuyện trò như đôi chim sẻ:

– Hôm qua mày bán được bao nhiêu? Tao ngồi mãi chỉ bán cho bà Lý có một tấm lụa.

Tâm đáp:

– Thế còn gì nữa; bằng cả ngày lãi của tao kiếm.

Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp đã đông. Cái đông đúc và ồn ào ấy khiến cho Tâm lịm đi. Tiếng người nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả mấy gian hàng. Sự hoạt động rực rỡ và nhiều màu. Các hàng quà bánh, các thứ hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chua chát hái xanh trong vườn nhà – và bên kia đường, mùi thơm nồi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt.

Tâm không nghĩ ngợi, lo lắng gì nữa. Sự buôn bán, mặc cả bao bọc lấy nàng như một hơi gió nóng.

Tất cả hàng tổng trong buổi phiên này. Từ những người đàn bà nghèo ăn mặc rách rưới, cho đến bà tổng, bà lý, vát sồi, thắt lưng đũi và áo bông mềm, túi nặng những tiền. Một, hai cô trên tỉnh, chừng con gái ông thừa hay ông chủ ty ở huyện, vui đùa đi lại trong chợ, răng trắng và môi đỏ. Tâm thấy họ hình như vô tâm và sung sướng lắm thì phải: các cô bá vai nhau mua hết thức này thức nọ không tiếc tiền, ngây thơ như con trẻ. Tâm và Liên nhìn nhau mỉm cười.

Gần trưa cậu giáo ra. Vẫn con người mảnh dẻ và nho nhã trong

chiếc áo lương cũ. Bốn mắt nhìn nhau: Tâm má đỏ bừng, tay không biết làm gì. Cậu giáo ngượng nghịu, nửa muốn ngồi xuống bên hàng, nửa không dám. Chỉ có Liên là tinh nghịch, sống sượng lại hay nói đùa:

– Kìa ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi.

Rồi cô ngả đầu ra sau cười ngặt nghẽo, trong lúc Tâm đưa mắt trách và cậu giáo sẽ mỉm cười...

*

* *

Vụ gặt hái xong, cậu giáo Bài nhờ người mối lái đến hỏi Tâm. Bà mối là người cô trong họ nhà bà Tú. Sau khi khen ngợi cậu giáo là người chí thú nết na, bà mối bảo:

– Tôi cũng vì tình chị em nói giúp cho cháu nó nên vợ chồng. Cậu giáo tuy nghèo nhưng con nhà thế gia, ông cụ trước cũng có đi dạy học. Cháu Tâm nó mà về làm dâu nhà ấy thì không còn phải quản ngại điều gì nữa.

Bà Tú cảm ơn và đáp:

– Vâng, bà để cho rồi tôi hỏi cháu xem thế nào đã.

Bà mối cười, vừa đứng dậy vừa trả lời:

– Được nơi xứng đáng, mình bằng lòng thì gả, chứ còn cần gì phải hỏi nó nữa.

Sau khi bà mối về, bà Tú đem câu chuyện hỏi ông Tú, ông bảo:

– Bà xem chỗ nào nên gả thì gả, không phải hỏi tôi làm gì.

Rồi ông lại xách ô đi chơi sang làng khác. Bà nhìn theo ông, thở dài. Từ ngày trong nhà sút kém đến giờ, ông Tú như người mất hồn, chẳng còn để ý đến công việc gì nữa. Việc trong nhà ông để bà trông nom. Bà nghĩ đến Tâm, âu yếm. Nếu không có nó sớm hôm buôn bán thì bà cũng biết xoay sở vào đâu. Nhà năm, sáu miệng ăn, lại hai con đi học, hơn mẫu ruộng cấy chỉ đủ thóc dùng. Bà lại chợt nghĩ: nếu Tâm đi lấy chồng thì làm thế nào?

Tuy vậy, buổi chiều hôm ấy, bà gọi Tâm vào buồng và nói cho Tâm biết. Tâm yên lặng nghe, rồi thưa:

– Con mà đi lấy chồng thì ai kiếm tiền cho các em ăn học? Thôi u cứ để con ở nhà buôn bán và trông nom nhà cửa cho u thầy.

Bà Tú nhìn con, thương mến:

– Không được, con gái đến tuổi phải đi lấy chồng, chứ con ở nhà mãi hay sao. U sẽ làm hàng sáo để kiếm thêm chi tiêu trong nhà. Con cứ nghe u đi.

Bà thêm:

– Với lại, không đám nào hơn đám này nữa. Bà cụ đàng ấy cũng hiền lành và cậu Bài là người nết hạnh đứng đắn. Con về nhà ấy thì u mừng lắm.

Tâm cúi mặt thẹn đỏ hai gò má; nàng tưởng đến cậu giáo, con người xinh trai và nhã nhặn, mà mới gặp buổi lần đầu, nàng đã mến yêu ngay. Nhưng bỏ nhà đi lấy chồng? Thằng Lân và thằng Ái lấy tiền đâu mà mua sách vở học? Nghĩ đến mẹ già phải làm lụng vất vả, lòng Tâm lại không nỡ. Nàng khóc nói:

– Thôi, u cứ để con ở nhà hầu hạ thầy và săn sóc các em. Chúng nó còn bé dại cả, nếu con đi thì ai là người trông nom cửa nhà.

Nhưng thương con, bà Tú không ngần ngại chút nào. Bà bằng lòng cho Tâm và nhắn tin cho bà mối biết. Bên nhà trai xin cưới ngay trước Tết.

Ngày về nhà chồng, Tâm buồn rầu không thiết gì trang điểm. Nàng gọi các em vào trong buồng để từ biệt: Lân và Ái níu lấy cổ Tâm quấn quít, không muốn rời ra. Nàng âu yếm dặn dò:

– Các em ở nhà chịu khó ăn học nhé, đừng để cho thầy u phải phiền lòng. Rồi tháng tháng chị sẽ gửi tiền về cho các em tiêu.

Tâm ngừng lại, ứa nước mắt không nói được nữa. Nàng xốc em bé lên hôn rồi ra ngoài lễ tạ cha mẹ. Đám rước dâu theo con đường nhỏ trong làng đi ra cánh đồng. Hai bên ngõ, người trong làng đứng xem cô dâu chú rể mới.

Buổi chiều hôm ấy, trong nhà bà Tú trở nên lạnh lẽo và vắng không. Bữa cơm chỉ có mấy mẹ con ngồi ăn. Lúc thắp đèn, bà Tú gọi con sen lên nói chuyện về Tâm cho đỡ buồn. Thằng Lân và Ái cũng ngẩn ngơ nhớ chị. Không còn những buổi tối chờ đợi chị Tâm gánh hàng về, nghe tiếng cười nói vui vẻ của chị và mong đợi chia quà nữa. Chúng ngồi nghe chuyện bà Tú mãi tới khuya rồi gục trên sách ngủ.

*

* *

Về nhà chồng được vài hôm, Tâm lại phải đi bán hàng ngay để khỏi mất mấy phiên chợ Tết. Nhà chồng nàng cũng nghèo, nhà cửa không có gì. Cậu Bài dạy học trong làng được dăm bảy đồng bạc lương. Bao nhiêu việc chi tiêu trong nhà lại trông cả vào mình nàng.

Bây giờ gánh hàng trở nên nặng quá trên đôi vai nhỏ bé. Chiếc đòn gánh càng cong xuống và rền rĩ. Ngoài giang sơn nhà chồng nàng phải gánh vác, Tâm lại còn lo sao kiếm được đủ tiền để gửi thêm cho các em ăn học. Trong sương muối sớm, xót và giá lạnh, nàng đã phải bước ra ngõ để đi chợ rồi. Trên con đường mấp mô và đất rắn, Tâm bước những bước nhỏ và mau. Đời nàng lại đi như trước, chẳng khác gì. Những ngày khó nhọc và cố sức lại kế tiếp nhau. Có khi Tâm tưởng nàng vẫn còn ở nhà, vẫn còn con gái và buổi chiều nàng sẽ gánh hàng về căn nhà cũ, thấy các em ra đón và nghe tiếng mẹ nàng dịu dàng săn hỏi. Nhưng không, bây giờ nàng không được về nhà mẹ luôn nữa. Gia đình của chồng là gia đình của nàng; nàng phải lo tiền cho chồng vụ thuế, những lúc giỗ tết, phải may vá cho Bài: chiếc áo lương mới chàng sắm ngày cưới bây giờ đã bắt đầu bạc và rách rồi.

Ngày phiên chợ đối với nàng cũng kém vui. Má nàng hồng hơn, môi nàng thắm thêm, người ta bảo nàng bây giờ đẹp ra hơn trước. Nhưng nàng cần gì những cái đó nữa. Bọn trai làng không còn chòng ghẹo nàng, và trong lòng nàng cũng không còn cái vui tươi như trước. Với nàng, cái thời con gái duyên thắm và chờ mong đã hết rồi. Nàng chỉ còn là một người đàn bà tảo tần hôm sớm để nuôi chồng.

Buổi phiên chợ Bằng. Liên ngồi cạnh nàng nhí nhảnh khoe:

– Này Tâm xem, tôi mới sắm được cái này đẹp lắm.

Liên đưa ra một đôi khuyên vàng cô mới gửi đánh ở trên tỉnh. Tâm cầm lấy ngắm nghía trên tay. Mắt nàng sáng lên, Tâm nghĩ đến những buổi nói chuyện với Liên khi nàng chưa lấy chồng. Hai chị em bàn về những đồ trang sức, và đôi khuyên là cái ước vọng tuyệt đích của hai cô gái quê. Hai người buổi nào cũng nhắc đến, và cùng hẹn nhau dành dụm để sắm một đôi đeo Tết...

– Đẹp quá nhỉ. Chị mua hết bao nhiêu?

Nàng ngẩn ngơ đưa trả lại Liên, yên lặng nhìn bạn mắc vào tai. Tâm nghĩ không bao giờ nàng có thứ ấy nữa. Làm sao dành dụm được chừng ấy tiền, mà nếu có số tiền ấy nữa, nàng cũng còn phải để tiêu việc nhà, hay gửi cho các em. Em Lân đã lên học trường tỉnh, sự tốn kém lại tăng lên. Dạo hè năm ngoái, nó đã lấy của nàng hơn chục bạc. Hôm qua, bà Tú lại nhắn người bảo gửi thêm cho nó để nộp giấy đi thi. Nàng lo quá. Những số tiền nàng cho em là tiền dành dụm riêng của nàng; Tâm phải đưa giấu, sợ mẹ chồng và chồng nàng biết. Nhiều lần Bài đã gắt với nàng vì Tâm không còn tiền đưa. Và những lời của mẹ chồng nàng đã bắt đầu có vẻ đay nghiến và nghi ngờ.

*

*   *

Hai năm sau, Tâm đẻ đứa con giai. Ở cữ được nửa tháng, nàng phải để con cho mẹ chồng trông nom, rồi lại gánh hàng đi chợ. Mấy năm khó nhọc đã đổi thay hẳn người nàng, Tâm bây giờ không còn là cô gái xinh xắn hồi trước. Nàng già đi nhiều lắm. Đã lâu nàng không còn chú ý đến sắc đẹp của mình và cũng không biết nó tàn lúc nào. Sắc đẹp cũng vô ích cho nàng khi đã có chồng rồi. Tâm thấy mình già và yên tâm trong sự đứng tuổi. Những ngày phiên, nàng nhìn các cô gái với ý nghĩ an phận của người đã qua tuổi trẻ rồi. Bây giờ nàng còn thì giờ đâu trang điểm nữa. Cái cô hàng xén xinh đẹp trước kia nổi tiếng cả một vùng, bây giờ không còn ai nhớ đến nữa. Đã có những cô con gái khác mới nhớn lên, rực rỡ và tươi tắn, cười nói có duyên với những cậu con trai khác. Nhiều khi nhìn vẻ hân hoan sung sướng của họ. Tâm lại nghĩ đến ngày trước kia, hình như đã lâu lắm, nàng còn là cô hàng xén má hồng môi đỏ, e lệ cúi mặt dưới cái nhìn âu yếm của cậu giáo Bài nho nhã và đứng đắn trong tấm áo lương. Thời ấy bây giờ đâu? Chị Liên may mắn đã lấy được chồng giầu, lên buôn bán trên tỉnh; chị ấy vẫn trẻ đẹp như xưa. Tâm khẽ thở dài: bây giờ các chị em bạn cũ không còn ai ở lại để cùng chia sẻ những nỗi khó nhọc với nàng.

*

*   *

Tâm rảo bước đi qua cánh đồng, nghĩ ngợi. Đã lâu, nàng không có dịp sang thăm nhà vì bận con mọn và buôn bán. Chiều nay. Lân ở trên tỉnh về, nên nàng đến để gặp em và hỏi thăm ông Tú mệt đã mấy tháng nay.

Cây đa cỗi và cái quán gạch vẫn đứng đợi nàng ở đầu làng. Đường ngõ vẫn lồi lõm vì trâu đi, hai bên vệ vẫn mùi bèo và mùi rạ ướt. Trong làng chẳng có gì thay đổi. Khi nghe thấy tiếng bà Tú âu yếm đón hỏi trên thềm, tiếng thằng Ái và em bé reo mừng chị, lòng Tâm dịu lại như ngày nàng còn gánh hàng về. Tâm bước vào ngồi trên phản bên cạnh mẹ; căn nhà đối với nàng hình như rộng rãi và lặng lẽ hơn trước nhiều.

– Em Lân đâu, u?

– Nó vừa mới chạy đâu sang hàng xóm. Chả biết cần gì mà nó còn đợi con để xin tiền.

Tâm thở dài:

– Con chả có đồng nào để ra cả.

Bà Tú nhìn con ái ngại:

– Cậu giáo lại thôi dạy học, thì nhà con túng thiếu thật.

Hai mẹ con yên lặng không nói nữa. Tâm thấy mẹ già đi quá, hai mái tóc đã bạc phơ. Bỗng nhiên nàng thấy đau xót trong lòng, thương mẹ và buồn cho cảnh nghèo.

– Kìa, chị đã đến. Em chờ chị mãi từ sáng đến giờ.

Lân ở ngoài bước vào, nhanh nhẹn. Cậu nhớn hẳn lên, dáng điệu mạnh mẽ và hơi xấc lấc, rõ ra một cậu học trò lanh lợi trên trường tỉnh. Tâm nhìn em mừng rỡ. Mắt nàng sáng lên vì kiêu hãnh có người em như thế:

– Em chơi đâu về? Bao giờ lại lên tỉnh học?

Nàng ân cần săn sóc, hỏi em. Lân trả lời chị qua loa, hơi bực mình về những câu hỏi lẩn thẩn của chị. Cậu nói ngay đến câu chuyện cần:

– Em xin chị một chục bạc để mua sách học.

Tâm hoảng sợ:

– Sao nhiều thế, chị lấy đâu ra. Độ này buôn bán khó khăn lắm, một ngày vài hào chỉ lãi, em bảo chị làm thế nào được.

Thấy Lân có vẻ không bằng lòng, Tâm vội đáp:

– Hãy để thong thả chị lo rồi gửi chị Liên cho em.

– Thế thì lấy tiền đâu mà nộp đơn và mua sách bây giờ? Không có thà rằng ở nhà cho xong.

Lân vùng vằng đứng dậy bước ra ngoài thềm. Bà Tú ngước mắt trông theo, rồi lại buồn rầu cúi xuống. Tâm nhìn mẹ rồi vội vã bước ra gọi em lại. Nàng dịu giọng, ngọt ngào:

– Gớm, chưa chi đã giận. Có phải chị tiếc em đâu, vì chị chưa có thật.

Lân yên lặng rồi không nói gì, quay mặt đi chỗ khác. Lòng chị lại không nỡ thấy em buồn:

– Thì đây, chị có chục bạc này là tiền lấy họ cho anh ấy đây. Em cầm lấy rồi chị liệu vay sau cũng được.

Tâm lần ruột tượng lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy về định trang trải các công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên: Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù vào chỗ tiền đưa cho em? Tâm nhớ lại những lời dằn vặt của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán kém gần đây, hàng họ chẳng ra gì, ngày bán được, ngày không. Tâm dấn bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bằng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dầy đặc: Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già, toàn khó nhọc và lo sợ, ngày nọ dệt ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối.

Ngày nay số 143 (22-10-1938). In lại trong tập truyện ngắn *Sợi tóc*, Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1942.

TỐI BA MƯƠI

(Truyện ngắn)

Đến cửa buồng số 12, Liên chuyển những đồ lề sang bên trái cúi cầm xuống giữ cho chặt, còn tay phải vặn quả nắm. Những gói giấy chỉ chực chòng chành rơi. Liên cất tiếng khàn khàn gọi:

– Huệ ơi! Huệ!

Nàng tưởng sẽ thấy nét mặt vui vẻ của Huệ thò ra đón, vớ lấy các thứ mua và hỏi "sao mày về chậm thế?". Nhưng trong phòng vẫn yên lặng. Liên mở cửa bước vào: Huệ đương cuộn chăn nằm ngủ trên giường, tóc xõa cả ra trên gối trắng. Vẻ lạnh lẽo của căn phòng đến ngay bao bọc lấy Liên, khiến cái vui trong lòng nàng mong manh sắp tắt. Liên để các gói xuống bàn, rũ bụi mưa trên áo rồi vội vàng đánh thức bạn:

– Dậy đi, Huệ!

Huệ ậm ự mở mắt lờ đờ nhìn, rồi lại định quay mặt vào trong ngủ. Bực mình Liên tung chăn ra bên, vừa xốc Huệ lên vừa nói:

– Gớm ngủ cả ngày không biết chán.

Huệ đã tỉnh hẳn, vươn vai ngáp rồi ngồi dậy, kéo chăn chùm lên vai:

– Mày bảo chả ngủ thì làm gì?

Rồi nàng rùng mình:

– Lạnh quá! Kìa cô ả, vào không khép cửa lại; mà sao đi lâu thế!

Liên ra đóng cửa phòng, quay trở vào:

– Tao phải chạy vội khắp các phố đấy. Các hiệu đã sắp đóng cửa cả. Giá cứ nghe mày thì chả kịp mua bán gì, đành là nhịn đói ăn Tết.

– Thì đã chết chưa. Không ăn ngủ cũng được.

Liên nhận thấy nét mặt mỏi mệt của bạn. Nàng nhìn quanh căn phòng bẩn thỉu. Dưới ánh ngọn đèn mờ, lổng chổng các đồ đạc quen thuộc: cái giường Hồng Kông cũ, đồng han và rỉ sạm, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân. Liên nghĩ đến sự trơ trọi của đời mình. Tết đến nơi rồi. Tết đến thăm nàng ở đây, trong cái buồng

nhà săm này cũng như đến những nơi thơm tho đầm ấm.

Nàng không muốn nghĩ vơ vẩn nữa. Cái buồn ghê gớm chỉ chực kéo đến dày vò nàng. Liên vội cười lên. Nàng đến cạnh bàn giở các bọc gói giấy nhật trình buộc bằng giây cói: những thức ăn rẻ tiền mua hấp tấp ở các hiệu khách trước giờ đóng cửa đêm ba mươi.

– Nào, xem mày mua những gì nào.

Huệ cũng trở dậy đến bên giúp Liên giở các gói và để thức ăn ra ngoài.

– Lạp xường này, bánh chưng này, giò lụa, lại cả gan khô nữa cơ à, oai nhỉ. Còn gói gì thế này? À... cam. Tuyệt! Cam này thì phải biết!

Mấy quả cam đỏ lăn ra bàn. Huệ cầm một quả toan bóc. Liên giằng lấy:

– Con khỉ! Ăn trước à? Còn để cúng đã chứ.

– Ừ thì để mà cúng! Nhưng vàng hương đâu?

Liên đáp:

– Chỉ có hương thôi. Còn vàng không cần. Tiềm tiệm thôi cũng được.

Huệ im lặng, tự dưng thoáng nghĩ đến thân thế lưu lạc của hai chị em và lòng se lại. Huệ nhìn bạn âu yếm. Giờ chỉ còn Liên là người thân thiết với nàng.

Xếp các giấy gói sang một bên, Liên quay lại bảo Huệ:

– Chúng mình bày cỗ cúng đi chứ?

– Bày làm quái gì vội. Bây giờ mấy giờ rồi?

– Không biết. Dễ gần mười một giờ rồi đấy. Sửa soạn đi thì vừa.

Huệ không đáp, đi đến cửa sổ, tì trán vào cửa kính nhìn xuống đường. Mưa bụi vẫn bay tơi tả, hình như bóng tối khắp nơi dồn lại quãng phố hẹp này. Trên hè ướt át và nhớp nháp bùn, không một bóng người qua lại. Cái vắng lạnh như mênh mông ra tận đâu đâu, ở khắp cả các phố Hà Nội đêm nay. Huệ tưởng đến những căn nhà ấm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tấp nập sửa soạn đón năm mới trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có hai chị em nàng xa cửa, xa nhà. Nhưng nàng còn nhà đâu nữa mà về? Mẹ chết rồi, cha lấy vợ khác không biết ở đâu. Đã bảy, tám năm nay, nàng không về đến làng. Những người quen thuộc còn ai không? Huệ nghĩ đến lại thương hại cho Liên, chị em họ của nàng. Liên còn cha mẹ, nhưng Liên cũng không dám về. Hai người sống cái đời trụy lạc

ở Hà Nội từ lúc bỏ nhà ra đi. Hôm nay, ngày cuối năm xum họp hai người ở căn buồng này, trong một cảnh ăn Tết lạnh lẽo.

Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rơm rớm ở mi nàng. Huệ chớp khẽ rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái, ở nhà quê. Một buổi sáng mồng một Tết, – nàng không nhớ rõ là Tết năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải – nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở ở trước vườn. Tại sao nàng lại chỉ nhớ rõ có cái cảnh ấy? Huệ không biết; nàng chỉ mang máng cảm giác một sự gì trong mát, tươi non... Khác hẳn bây giờ. Tâm hồn Huệ u ám và nặng chĩu xuống.

Bỗng Huệ giật mình quay lại; Liên vỗ vai nàng cười:

– Nghĩ gì mà thần người ra thế? Phải vui vẻ lên một tí chứ! Sắp giao thừa rồi đây này.

Huệ theo Liên đi vào và gật đầu:

– Thôi, cúng đi. Chị sửa soạn xong chưa?

Trên chiếc bàn rửa mặt đầy vết bẩn. Liên đã đặt đĩa cam quít, cái bánh chưng. Mấy gói lạp xường và giò cũng để ngay bên. Các đồ cúng nghèo nàn bỗng bày lộ ra trước mắt hai người. Huệ tìm thấy thẻ hương. Nàng quay lại hỏi Liên:

– Chị có mua gạo không?

– Có, gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?

Hai chị em nhìn quanh gian buồng, nghĩ ngợi. Liên bỗng reo lên:

– Đổ vào cái cốc này này. Phải đấy, rất là...

Nàng im bặt dừng lại. Hình ảnh ô uế vừa đến trí nàng. Cái cốc bẩn ở góc tường, mà cả đến những khách chơi cũng không thèm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên! Liên cúi mặt xuống, rồi đưa mắt lên trông Huệ; hai người thoáng nhìn nhau. Liên biết rằng những ý nghĩ ấy cũng vừa mới đến trong trí bạn.

Huệ cất tiếng nói trước, thản nhiên như không có gì:

– Hay cắm trên cái chai này... Không! Cắm trên tường này cũng được, mày nhỉ.

Liên không dám trả lời, sẽ gật đầu.

Nàng đến cạnh giường lật đệm lên lấy bao diêm.

Nhưng giật mình nàng quay lại: có tiếng người gõ cửa buồng.

– Ai đấy?

– Tôi. Cô mở cửa cho tôi với.

Hai chị em luống cuống nhìn các đồ cúng trên bàn. Hai người muốn cất dọn hết, nhưng chắc không kịp. Nhanh trí, Huệ đứng dựa bên bàn che khuất đi, trong lúc Liên ra mở cửa. Người bồi săm ngó đầu vào.

– À, bác Tâm. Hỏi gì thế?

– Tôi gửi cô giữ hộ chiếc chìa khóa.

– Bác về đằng nhà bây giờ à?

Anh bồi săm tươi cười:

– Vâng, phải về ăn Tết chứ. Thôi, cô làm ơn trông hộ nhà nhé. Giờ này cũng chẳng có ai đến nữa mà sợ.

Liên thấy đằng sau, tiếng Huệ đáp:

– Đêm nay thì còn ma nào đến. Bác cứ về.

Người bồi sắp bước đi, lại quay lại:

– À chút nữa quên, tôi xin chúc mừng trước hai cô nhé! Chúc hai cô sang năm mới được... được...

Người bồi ấp úng, không biết nói thêm gì. Liên vội đỡ lời, cảm ơn, rồi đóng cửa buồng lại. Một lát, tiếng cánh cổng sắt dưới nhà rít lên trong yên lặng lạnh lùng.

Giờ chỉ còn hai chị em trong căn nhà. Gian buồng bỗng nhiên trở nên rộng rãi quá chừng: một cái lạnh thấm thía đến tâm hồn. Ngoài đường trời hẳn còn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong bóng tối. Trong gian buồng ẩm ướt tăng thêm. Liên và Huệ đưa mắt nhìn mọi vật chung quanh. Cái giường sắt lạnh, đệm và gối hoen bẩn, cái thau rỉ, cái bô, và cái bàn rửa mặt gỗ đã mọt... Đó là khung cảnh của cuộc đời trụy lạc đã từ lâu...

Huệ đứng dậy hỏi bạn để cho tan sự yên lặng:

– Chị đã thắp hương chưa?

Liên cũng tự nhiên gọi Huệ là chị:

– Chưa. Chị thắp đi. Bao diêm ở bên cạnh đĩa ấy.

Khói hương lên thẳng rồi tỏa ra mùi thơm ngát đem lại cho hai

nàng kỷ niệm những ngày cúng giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những cô gái trong sạch và ngây thơ.

– Sắp đến mười hai giờ rồi đấy. Liên nhỉ?

– Có lẽ đến rồi. Năm mới!

Huệ đặt lại các đĩa trên bàn, xếp cho ngay ngắn. Nàng quay lại bảo Liên:

– Chị ra khấn đi.

Liên tiến đến trước bàn thờ, đứng yên.

– Em biết khấn làm sao bây giờ?

Nàng bỗng nấc lên rung động cả hai vai rồi gục xuống ghế, tay ấp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mi mắt nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mênh mang tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thế nàng lướt hiện qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

– Liên, khóc làm gì nữa, buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy trơ trọi quá. Liên ngửng mặt lên nhìn Huệ, cố gượng một nụ cười héo hắt:

– Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn không trả lời, nước mắt cũng ứ lên rồi lặng lẽ trào ra má. Nàng quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên.

Tiếng pháo giao thừa bỗng nổi vang gần đấy, rồi từ nhà nọ sang nhà kia lan rộng mãi vào đêm tối. Liên nói sẽ như thì thầm:

– Giao thừa.

Huệ không trả lời. Hai chị em nép vào nhau, yên lặng.

Ngày nay, số 149 (15-2-1939). In lại trong
tập *Sợi tóc*, Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1942.

TÌNH XƯA
(Truyện ngắn)

Ngày theo học trường tỉnh Thái Bình, tôi ở trọ nhà ông Cả Vinh, một nơi quen biết của thầy mẹ tôi. Ông Cả cũng có người con trạc tuổi chúng tôi đi học, bởi vậy ông cho học trò đến ở, lấy cớ rằng để anh Hòe, con ông, được vui anh vui em. Thực ra, ông bà Cả muốn chứa trọ để kiếm lời. Nhà ông nghèo lại đông con, và số tiền tháng của ba chúng tôi cũng đủ giúp cho bà Vinh một cái vốn nhỏ để buôn bán.

Ông Cả ở một lớp nhà cổ, một cái nhà ngói năm gian chạy dài mặt phố và một căn nhà lá rộng, đầy những hàng hóa của bà Cả, rồi đến nhà dưới và bếp. Đằng sau nhà có một miếng đất trồng cây cối, ngăn với bãi cỏ hoang của tỉnh bằng một hàng rào râm bụt thấp. Ngay trước nhà gạch trông ra, có một cái sân vuông và hẹp, có bể nước lớn. Cái sân đó là giang sơn riêng của ông Cả: một cái núi non bộ nhỏ trong cái bể con bằng xi măng và hai dẫy chậu trồng đủ các thứ lan. Cũng như nhiều người rỗi khác, ông Cả có cái ham mê những công việc tỉ mỉ. Sớm chiều lúc nào tôi cũng thấy ông lom khom ở cái sân, cúi mình tỉa xén các chậu lan hay sửa sang non bộ. Thật là một dịp trọng vọng nếu chậu lan có chùm một dò hoa. Phải nhìn vẻ vui sướng trên mặt ông lúc bấy giờ mới hiểu. Ông gọi chúng tôi ra xem hoa, với cái tự kiêu của một chủ nhân ông khéo léo; rồi hàng giờ ông đứng lặng ngắm chậu lan, dường như để đợi chờ bông hoa nở.

Sân gạch ngay chỗ cửa sổ buồng học chúng tôi trông ra, và lúc nào ngửng lên trên sách, chúng tôi cũng thấy bóng ông. Sự chăm chút âu yếm và cẩn trọng của ông làm chúng tôi buồn cười. Nếu không có anh Hòe cùng ngồi đấy, chúng tôi đã bàn định tinh nghịch đùa ông một chuyến.

Bữa cơm họp đông đủ cả nhà: chúng tôi, anh Hòe và ông Cả ngồi ăn cơm nhà trên, còn bà Cả với hai cô con gái và đứa em nhỏ ăn riêng dưới bếp. Hai mâm cơm khác nhau: bữa cơm chúng tôi ăn ngày nào cũng có thịt cá, còn bữa cơm ở dưới nhà chỉ toàn rau muống và đậu phụ. Không bao giờ chúng tôi thấy có món ăn khác, và có lúc chúng tôi thầm phàn nàn cho sự khám khổ của bà Cả và hai cô con

gái. Vẻ xanh xao của Lan và Huệ không làm chúng tôi ngạc nhiên. Đó là hai thiếu nữ lặng lẽ và kín tiếng, không lúc nào cười nói to.

Bởi vậy tuy hai cô cũng trạc tuổi với chúng tôi, tôi cũng không để ý đến. Ở trong buồng học trông ra, thỉnh thoảng tôi thấy bóng Lan đi qua sân xuống nhà dưới hay với tay múc nước trong bể. Nhưng cách đi đứng khép nép và cách phục sức nhã nhặn của cô không gợi ý chúng tôi bao giờ.

*

* *

Chúng tôi ở trọ nhà ông Cả đã được ngót hai năm. Tôi thích ở đấy, giữa những người giản dị, và riêng đối với tôi, ông Cả rất có cảm tình.

Anh Hòe là một cậu học trò rất đần và dốt, chậm trí khôn; cùng vào học mà tôi lên lớp nhất, anh mới học lớp nhì. Bởi vậy ông Cả nhờ tôi rèn cập cho anh ta, và bảo ban thêm. Tôi gắng làm công việc đó một cách chu đáo, nên ông Cả tỏ ý biết ơn. Những lúc nào anh Hòe chậm hiểu bài hay làm tính hỏng, ông Cả thường gắt bảo:

– Mày không xem cậu Bình đấy mà bắt chước. Cậu ấy học sáng bao nhiêu, mà lại chịu khó nữa.

Tôi lặng yên và tìm cớ lánh ra ngoài để anh Hòe khỏi ngượng.

Từ đấy, tôi được gia đình ông Cả trọng vọng và yêu quý. Số tiền trọ trả sòng phẳng, và những quà cáp mà me tôi không bao giờ quên mang đến biếu ông Cả mỗi khi lên thăm con, khiến bà Cả có ý biệt đãi tôi. Tiếng bà dịu đi và trở nên êm ái mỗi khi nói với tôi: khi nào về muộn, bà dành phần riêng cho tôi những món ăn ngon và một mâm cơm tươm tất. Hai bạn tôi ganh tị, thường nói mát:

– Thôi, sắp làm rể bà Cả đi thì vừa. Cho chúng tao ăn cỗ cưới với nhé!

Tôi mỉm cười không trả lời, vừa nghĩ đến cô gái cả bà chủ trọ: cô thiếu nữ ấy không làm tôi có chút ý gì. Mà thật ra, tôi cũng không biết mặt mũi cô ta thế nào cả: tôi chưa bao giờ nhìn kĩ cô ta.

Về cuối tháng tám năm ấy, sau ngày nhập trường ít lâu, một việc xảy đến làm náo loạn các học trò: một thiếu nữ, cô Bích, vào học lớp

nhất lẫn với bọn con trai. Ở Thái bấy giờ trường con gái chưa có lớp trên, mà cô này đã học hai năm liền ở lớp nhì rồi. Cha mẹ cô không thể gửi cô lên Hà Nội, bèn xin cho cô vào học trường con giai. Sau khi đấn đo mãi, ông đốc trường bằng lòng để cô học lớp nhất. Ngày đầu cô đến trường, bọn học trò thầm thì bàn tán và chỉ tay về phía cô. Ngay thày giáo chúng tôi cũng có vẻ ngượng nghịu. Nhưng chỉ bọn học trò chúng tôi là xôn xao nhất. Chúng tôi không thể quên được có một người con gái lẫn vào trong lớp. Cô Bích lại đẹp và rất có duyên. Tất cả lớp ra công cố sức để bắt chim cô. Những bức thư tình gửi đi như bươm bướm. Chính tôi, tôi cũng yêu thầm nhớ vụng cô ta. Và vì thế mà tôi bắt đầu để ý đến các cô thiếu nữ.

Rất lâu, việc cô Bích vào học là đầu đề câu chuyện trong bữa ăn của chúng tôi. Chúng tôi thuật lại cho nhau nghe những cử chỉ của cô và của những anh mê cô. Anh Hòe cục mịch quá, không biết nói gì về chuyện ấy, nhưng ông Cả, tuy ngày thường rất đạo mạo, cũng thỉnh thoảng tự cho phép một câu nói đùa hóm hỉnh. Ông vuốt hai bên mép râu và nhìn chúng tôi cười một cách tự đắc. Tiếng ồn ào của chúng tôi đến tai bà Cả ở gian bên, và bà cũng chen vào một câu nói:

– Cô ta ở đấy thì học với hành gì được. Không khéo lại tằng tịu với anh nào thôi.

Ngưng một lát, bà lại hỏi đùa:

– Sao cậu Bình không nhân ngãi phăng với cô ta có được không?

Tôi chưa kịp trả lời, hai anh bạn tôi đã nhao nhao lên đáp:

– Có, có đấy ạ. Cô ấy để ý đến anh Bình lắm ạ, vì anh ấy học giỏi nhất lớp.

Tôi toan cãi, nhưng lại thôi, lòng cũng hơi thích vì lời nói ấy. Một lát yên lặng theo sau câu chuyện. Rồi có tiếng thanh và nhỏ của con gái bên kia. Cô Lan nói chuyện với mẹ; tôi lắng tai chú ý, nhưng tiếng nói khẽ quá, không nghe rõ gì cả.

Một hôm giờ ra chơi, anh Ngạc, người bẻm mép và láu chuyện nhất lớp, bỗng tự dưng vỗ vào vai tôi, bảo:

– Sáng nay nhân tình mày ra phố mua sắm cho mày ăn phải không?

Tôi ngơ ngác chưa hiểu Ngạc nói gì, thì anh đã nhìn tôi nháy một bên mắt rất ý nghĩa, tiếp:

– Lại còn vờ mãi. Cô Lan con ông Cả chứ gì!

Rồi hắn quay lưng bỏ đi, để tôi đứng sững người, yên lặng; tôi chưa kịp cãi lại điều gì.

Về đến nhà, tôi thấy trong buồng học, ngay trên bàn về phía tôi ngồi, một đĩa sấn gọt sẵn để đấy. Câu nói của Ngạc trở lại trí nhớ tôi, làm cho tôi ngạc nhiên. Làm sao hắn ta biết được cô Lan mua sấn, và để phần cho tôi? Vừa lúc ấy, anh Chi đi học về, chạy vào. Thấy đĩa quà, anh kêu lên:

– Á sấn! Trông ngon quá.

Không lưỡng lự, anh cầm lấy ăn liền. Cử chỉ ấy khiến tôi khó chịu.

– Anh biết sấn của ai đấy mà cũng ăn?

Chi cầm miếng sấn cắn dở, quay lại phía tôi:

– Không phải sấn của anh à?

– Không. Tôi không biết của ai để đấy.

Nghe thấy tiếng chúng tôi nói, bà Cả ở ngoài sân bước vào:

– Các cậu cứ ăn đi. Sấn của em nó mua phần các cậu đấy. Khi bà Cả ra rồi, Chi nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch, vừa cầm miếng sấn nữa trên đĩa:

– Cô ấy phần riêng anh đấy, chúng tôi ăn có được không?

Bực mình, tôi không trả lời, yên lặng ngồi xuống ghế. Chi không nhìn tôi nữa, và anh cúi mình ăn sấn với một vẻ khoan khoái rất rõ rệt. Tôi nhìn trộm anh ta. Tự nhiên tôi nghi cho Chi và Hoạt đã đặt điều thêu dệt về tôi với các bạn ở trường. Hai anh đều là những người lém và hay bịa chuyện lắm.

*

*   *

Từ hôm ấy có những cái săn sóc nho nhỏ tỏ rằng cô Lan chăm chú đến tôi. Đi học về, bao giờ tôi cũng thấy một vài thứ quà dành sẵn, để ngay trên bàn chỗ tôi vẫn ngồi. Có khi một bó hoa tươi cắm trong ống bút. Sách vở ngăn nắp và sạch sẽ khiến cho tôi biết cô Lan có vào buồng học lúc chúng tôi đi vắng. Tuy vậy, tôi cũng không dám chắc hẳn rằng Lan để ý đến tôi; tôi cũng không bao giờ cố ý giáp mặt nàng.

Một buổi chiều, chúng tôi ra vườn đằng sau nhà. Bấy giờ đầu

tháng chín, hai cây hồng ở góc vườn trĩu những quả. Hai chị em Lan đang cầm quèo trẩy. Chúng tôi bước lại gần. Anh Chi nói:

– Nào, cô Lan cho chúng tôi mấy quả nào?

Lan lặng yên cầm quèo với một cành cao. Thân thể trẻ tươi và dẻo dang của nàng vươn cong dưới bóng cây, và tấm áo mảnh căng, sát để phô hẳn những đường mềm mại. Khi nàng hái chùm quả xuống, Chi và Hoạt xúm lại cướp ngay trên tay nàng những quả ngon. Tôi vẫn đứng riêng ra, và thèm muốn cái vẻ tự nhiên của hai người bạn. Nhưng sau cùng, Lan đến gần bên, đưa cho tôi một quả ngon nhất mà nàng đã giấu trong lúc các bạn tôi tranh. Tôi giơ tay đón lấy và ngón tay tôi chạm vào ngón tay nàng. Lan nói khẽ:

– Anh cầm lấy.

Đôi mắt nàng nhìn tôi, tôi bỗng rung động cả người; đôi mắt nàng phản chiếu một tình yêu mãnh liệt và tha thiết quá. Tôi hiểu ngay rằng nàng yêu tôi. Tự nhiên, một sự cảm động tràn lấn vào người; tôi cũng nhìn lại nàng. Nét mặt của Lan lúc bấy giờ tôi mới biết rõ. Nàng không đẹp, nhưng khuôn mặt dễ coi, và lúc này nàng có một vẻ xinh xắn đáng yêu, một cái duyên tươi thắm và kín đáo. Trước tôi, nàng cúi mặt xuống; một nỗi e thẹn làm ửng hồng hai gò má. Khi nàng quay đi, tôi nhìn theo khen phục cái dáng điệu uyển chuyển của nàng.

Sau buổi ấy, tôi biết chắc chắn ý tứ của nàng đối với tôi. Lan tìm hết cách làm cho tôi vừa lòng. Những sự chăm nom săn sóc riêng của nàng làm tôi tự kiêu. Đôi khi, nàng cố ý tìm cách gặp tôi. Nhưng lúc tôi đi học về, tôi thấy nàng như tình cờ ra đứng ở ngõ. Khi tôi đi qua, nàng khép nép vào bên tường và nhìn tôi mỉm một nụ cười sung sướng. Tôi cũng mỉm cười trả lại nàng; tôi còn trẻ và tình yêu của một cô con gái khiến tôi tự đắc.

Một đêm giữa tháng, tôi ngồi buồn trong buồng học, không biết làm gì. Cả nhà đã đi ngủ, và anh Chi với anh Hoạt đi xem tuồng vặng. Tôi ngồi gần bên cửa sổ trông ra sân. Ở ngoài, trăng rằm vằng vặc, tường vôi sáng trắng lên chói lọi. Hai dãy chậu lan cắt bóng xuống mặt sân, và các lá lan đen sẫm lấp lánh ánh trăng cong. Thời khắc rất êm dịu và thú vị. Tôi lặng yên hưởng luồng gió mát của ban đêm.

Bỗng nhiên một bóng người len vào các chậu cây, rồi tôi nghe thấy tiếng nước khẽ rớt xuống. Cô Lan tưới hoa. Tôi nhớ mỗi khi

chậu lan có dò hoa nở, ông Cả lại bắt nàng tưới ban đêm. Có khi, khuya lắm, chúng tôi hãy còn nghe thấy tiếng cô ở ngoài vườn. Một ý ham muốn bỗng đến chiếm lấy tâm hồn tôi. Mùi thơm nhẹ và sắc của hoa lan thoang thoảng ở ngoài. Lan vẫn cúi mình trên chậu cây, dường như không biết có tôi bên cạnh. Tuy vậy, tôi đoán rõ sự cảm động của nàng. Tôi đến bên cạnh nàng khẽ gọi:

– Lan, em Lan...

Tôi để tay lên tay nàng. Lan rung động cả người, toàn thân nàng mềm lại. Nàng ngả người trên vai tôi... Tôi biết rằng từ đây Lan sẽ là một vật của tôi, và tôi muốn làm gì nàng cũng được.

Sau độ ấy, tính nết nàng hình như đổi hẳn, hay bây giờ nàng mới biểu lộ cái tính nết thực của nàng ra. Nàng không còn là cô gái lặng lẽ và kín đáo trước kia nữa. Lan nói năng luôn miệng và tiếng cười của nàng vang lên trong nhà; mắt nàng sáng lên, và hơi một chút việc cũng làm cho nàng vui sướng. Bà Cả lấy làm lạ về con và nhiều khi bà định ngăn cản cái vui tràn lan ấy:

– Ô! Con Lan độ này làm sao ấy. Không biết có gì mà vui vẻ thế.

Hai bạn tôi hình như hiểu biết. Họ thường nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch và cười với nhau một cách tùng đảng. Tôi làm lơ như không biết gì.

Ái tình đã khiến Lan thành một người khác. Tâm hồn nàng phô bày ra rõ rệt. Nàng thành ra con trẻ và ngây thơ quá. Nàng tưởng làm tôi vừa lòng bằng những cử chỉ săn sóc âu yếm. Những thức quà liên tiếp nhau trên bàn học, khiến chúng tôi ăn no bỏ cả cơm. (Chỉ béo cho hai anh bạn tôi, họ được hưởng tự nhiên và lại còn có chuyện để chế giễu tôi nữa). Lúc nào nàng cũng nghĩ cách để chiều ý tôi. Những cử chỉ vụng về của nàng khiến tôi vừa cảm động lại vừa ngượng với anh em. Nhưng Lan hình như không nhận thấy.

Một buổi chủ nhật, mấy người bạn đến rủ chúng tôi đi chơi. Vừa đi qua chợ ở đầu phố, bỗng thấy Lan tất tả chạy theo, gọi. Tôi dừng lại, cau mày, không bằng lòng. Nàng trông lên, và lúc bấy giờ hình như mới biết tôi không đi một mình. Hai má đỏ bừng vì thẹn. Lan lúng túng:

– Anh... anh cầm lấy cái này mà ăn.

Nàng giở trong bọc áo mấy bẹ ngô nướng vừa mua ở chợ. Tiếng cười của các bạn tôi vang lên. Bực mình, tôi đâm gắt:

– Ai bảo cô cho tôi? Tôi không dùng cái của ấy.

Lan sững người, đứng lặng nhìn. Tôi biết tôi đã làm phật ý nàng, nhưng ai lại đem cho quà giữa phố như thế. Anh Chi hỏi lỡm:

– Sao, của *chị ấy* mua cho mà anh lại chê à?

Họ cười với nhau, rồi Hoạt giới thiệu với mấy người bạn:

– Nhân tình đẹp của anh tôi đấy.

Tôi không trả lời, khó chịu. Lúc về, tôi cố ý tránh nàng, và giữ vẻ mặt giận. Nhưng Lan vẫn trẻ con và vô lý như cũ.

Ngày mồng năm tháng năm, không biết nghĩ thế nào, Lan đưa tặng tôi một bộ bùa bằng vóc nhiễu xanh đỏ. Đó là công trình tỉ mỉ mà nàng đã thức suốt đêm để khâu. Trông thấy vật ấy rõ ràng để trên tập sách của tôi, anh Chi và Hoạt rũ ra mà cười. Họ chuyên tay nhau xem quả đào và quả ớt sặc sỡ ấy, và những câu mỉa mai lại gấp đôi lên. Xấu hổ, tôi giằng lấy và vứt ra ngoài cửa sổ. Cái bùa túi rơi ngay vào rãnh nước.

Chiều đến, khi gặp Lan, tôi thấy nàng nhìn tôi có vẻ âm thầm oán trách. Vừa bực mình cho tôi lại vừa bực mình cho nàng, tôi lặng yên giả vờ lãnh đạm rồi tránh mặt ra chỗ khác.

Ông bà Cả đã bắt đầu nghi ngờ một sự gì. Điều ấy khiến tôi lo ngại. Tôi đã nhiều lần bảo nhỏ Lan phải kín đáo. Nhưng mặc những điều khuyên nhủ cẩn thận của tôi, Lan hình như không thể giữ gìn được. Nàng có một tâm hồn giản dị và quê mùa trong tình yêu. Lan làm quà cho tôi những thức rất buồn cười và vô lý, và tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi không bằng lòng:

– Những thứ ấy em biếu anh, anh không thích ư?

Biết không thể làm nàng hiểu được, tôi chỉ trả lời:

– Tôi không thích cô cho tôi cái gì cả.

Sự yêu mến của tôi với nàng có lẽ Hoạt và Chi đã kể cho nhiều người nghe rồi. Ở trường các bạn học nhiều lần đã nói bóng gió xa xôi đến. Câu chuyện cái bùa túi ngày mồng năm họ đã biết. Ngạc, một hôm, tự dưng đến thò tay vạch áo tôi ra, bảo:

– Nào, xem cái bùa túi của mày đâu nào...

Tôi giận dữ gạt hắn ra, quay đi. Ngạc chế với:

– Ê, ê, nhớn thế kia mà còn đeo bùa túi kìa!

Những lời chế giễu ấy làm tôi bực tức đến cực điểm. Tôi thầm trách Lan đã gây cho tôi những nỗi khó chịu ấy. Tình yêu mộc mạc của nàng bắt đầu đè nén tôi. Những cách yêu mến săn sóc của nàng chỉ làm tôi bận bịu.

Tôi bắt đầu tìm cớ tránh nàng. Lan, trái lại, càng quấn quýt lấy tôi. Lòng ham mê khiến nàng quên hết cả giữ gìn. Hễ gặp tôi chỗ khuất là nàng nhẩy đến ôm lấy, và tôi khó khăn mới gỡ được ra. Chúng tôi như thế đã suýt bị ông bà Cả bắt gặp mấy lần.

... những vẻ chế giễu của các bạn học và những câu mỉa mai lại thoáng qua trong trí. Tôi không còn cái yên tâm để sẵn sàng hưởng tình yêu nữa. Tôi vội xa nàng. Lan không hiểu, và những câu trách móc, tuy rất kín đáo, với những giọt nước mắt của Lan mỗi khi thấy tôi thờ ơ, chỉ càng khiến tôi khó chịu thêm.

Một buổi chiều, cả nhà đi ăn cỗ vắng, Hoạt và Chi sang Nam Định chơi. Tôi ở ngoài về thấy mâm cơm chờ sẵn ở nhà với hai đôi đũa và hai cái bát. Lan đứng khuất một chỗ khúc khích cười. Rồi, như con chim non, nhảy nhót chạy ra nắm lấy tay tôi mắng:

– Hôm nay cậu về muộn quá! Cơm nước nguội cả rồi!

Câu trách cợt đùa, nàng cố lấy giọng đứng đắn để giống như lời người vợ trách chồng. Tôi buồn cười, nhưng cau mày không đáp.

Lan nhìn tôi như đứa trẻ dò ý người lớn:

– Gớm, làm gì mà lầm lầm cái mặt thế? Thôi, tôi xin cậu đi.

Nàng bưng miệng cười, mở lồng bàn, rình sự bằng lòng của tôi trước những món ăn khéo làm mà nàng biết là tôi vẫn thích.

Nhưng tôi vẫn không nói. Tôi uể oải vào buồng bên, ngồi sau bàn học giở sách ra coi. Biết nàng đang tiến lại gần, tôi cũng không quay lại.

– Anh Bình sang xơi cơm.

Tôi không đáp, nàng lại mời:

– Mời cậu Bình đi xơi cơm... Xin mời cậu Bình đi xơi cơm ạ!

Tiếng cười nàng giòn giã reo lên sau câu nói ấy. Nàng chạy đến bên định kéo tôi dậy, nhưng nét mặt nghiêm nghị của tôi bắt nàng ngừng im.

Vẻ sững sờ của nàng và sự oán trách buồn rầu ứa trên đôi mắt khiến tôi có ý ái ngại cho nàng, song tôi cũng nói:

– Được, cô cứ để mặc tôi, tôi chưa muốn ăn.

– Kìa, nhưng mà...

– Không, chốc nữa tôi ăn cũng được.

Nàng toan nói, nhưng sau cúi đầu im lặng, nhìn tôi một lần nữa rồi quay ra.

Tôi ăn cơm một mình, ăn rất nhanh, và không để ý đến sự giận dỗi của Lan; xong bữa tôi đi chơi tức khắc.

Ở ngoài phố, tôi gặp Chi và Hoạt bên Nam về, Chi làm bộ ngạc nhiên:

– Kìa sao không ở nhà tự tình?

Hoạt thêm một câu:

– Ông bà đã giận nhau chứ gì?

Rồi cả hai nấc lên cười. Tôi cau mày để đáp lại.

Đêm hôm đó tôi bực mình và trằn trọc không ngủ được. Nghĩ đến tình yêu của Lan đối với tôi, nghĩ đến bữa cơm chiều, tôi hơi lấy làm hối hận, và bởi thế lại càng thấy bực mình thêm.

Sáng hôm sau tôi nghe thấy bà Cả hỏi:

– Lan, mày mệt đấy à?

Tiếng Lan đáp:

– Thưa đẻ không ạ.

Khi Lan ở dưới nhà đi qua sân, tôi thấy nàng mặt rầu rầu, hai mắt quầng thâm, dáng điệu lặng lẽ và chán ngán. Nàng xách cái thùng tưới đến để bên bể nước và hình như cố tình giữ lại trong lòng những tiếng thở dài.

Tôi thấy lòng nao nao vừa bực vừa buồn, như thấy một sự gì êm đẹp đang mất đi mà không còn can đảm giữ lại được nữa.

Từ hôm ấy, Lan lại yên lặng như trước. Nàng ít nói và cũng không hay gặp mặt tôi. Nàng tỏ ra một thái độ đúng mực, lãnh đạm và lúc nào cũng buồn rầu. Sự đó để cho tôi được bình yên, nhưng cũng làm cho tôi phật ý. Tôi tưởng nàng chỉ thế trong ít bữa, chắc có buổi nàng không gan được nữa, sẽ phải tìm đến tôi, sẽ phải hỏi han tôi, và sự chờ đợi cái lúc nàng làm lành với tôi lại càng khiến tôi tức bực trong sự kiêu hãnh.

Cùng ở một nhà, chúng tôi như người xa lạ, và lâu dần, nghĩ đến nàng, tôi thấy lòng dửng dưng. Hơn một tháng trời, thỉnh thoảng mới

trông thấy nhau, Lan với tôi thản nhiên hỏi nhau hay trả lời những câu không giấu một ý tứ gì thân mật hay hờn giận.

Tôi cũng không để mắt đến dung nhan nàng nữa, và đôi khi tưởng tượng đến chuyện cũ, tôi ngạc nhiên như tìm thấy một tính tình dị kỳ.

Rồi mùa thi tới nơi. Chi, Hoạt và tôi chăm chỉ luyện tập. Sự ganh đua sốt sắng cuối năm là điều quan tâm hoàn toàn của người đi học. Ở nhà ông Cả trong những bữa cơm, chỉ nói đến chuyện thi cử và bàn bạc đến những đầu bài khó hay dễ sẽ ra trong kỳ thi này.

Lan bị xóa bỏ hẳn trong đời tôi. Không bao giờ sự lãng quên lại mau chóng như trong tâm trí tôi hồi bấy giờ, và không bao giờ cuộc tình duyên của tuổi thanh niên lại đơn bạc đến như thế. Giữa cô con gái ông chủ nhà cùng với người ở trọ học, hình như không có một tình nghĩa nào cả và cái đêm trăng ân ái trước đây dăm ba tháng chỉ là hình ảnh hờ hững của một giấc mộng thoáng qua.

Hồi ấy kỳ thi cơ thủy chưa mở ở Thái Bình. Tôi cùng các bạn hữu phải sang trường Nam và ở luôn đó bốn ngày để chờ đợi kết quả. Ngày thứ năm tôi trở về Thái với cái mừng được trúng tuyển và tức khắc nghĩ đến sự thu xếp về quê. Anh Hòe, con ông Cả, cũng may mắn như tôi, và hai anh Chi và Hoạt. Tôi để cả tâm trí vào sự vui vẻ của mọi người. Vợ chồng ông chủ làm một bữa cơm sang trọng như bữa tiệc để khao chúng tôi. Cả nhà ngồi ăn trừ cô Lan khó ở từ mấy hôm trước. Tôi hỏi thăm qua quýt lấy lệ và cười nói giảo hoạt nhất nhà. Chi thỉnh thoảng trêu tôi bằng một câu ranh mãnh khác. Một lần, khi rượu ngà ngà say, và nhân thấy Chi đứng làm mối xin cô Lan cho tôi, ông Cả cười thích chí:

– Cái gì chứ cái đó thì được. Nhưng ai lấy con gái tôi thì phải ở gửi rể ba năm.

Tôi "xin vâng" và cười một cách rõ ràng tỏ ra tính cách đùa cợt của câu chuyện.

Tôi không kịp có thì giờ hối hận cho sự tàn ác vô tình có thể thấy trong câu đùa cợt. Tôi cũng không muốn nghĩ rằng Lan lúc đó có thể đau lòng vì tôi. Lan không còn liên lạc với tôi nữa.

Hôm sau tôi từ giã nhà ông chủ, lòng hớn hở tưởng đến sự mừng rỡ của mẹ tôi lúc thấy tôi về. Trong cái thì giờ đi xe từ Thái đến bến Tân Đệ và đợi tàu ở Nam qua, tôi mải nghĩ chuyện nghỉ hè, chuyện

lên Hà Nội học ban Thành chung; không một lúc nào có một ý mến tiếc cô thiếu nữ con gái ông Cả.

Khi tàu Nam tới tôi đáp thuyền lên, chọn chỗ cất hành lý và vui vẻ ngó đầu ra trông một lần cuối cái bến tôi vẫn đi về trong mấy năm qua. Hai dãy nhà lá bồng bềnh ở hai con đường quạnh quẽ đang thong thả lùi lại và nhỏ dần. Một sự bâng khuâng nhẹ nhàng dìu tâm hồn người đến những tình cảm man mác, tôi bỗng thấy cả người xúc động vì nhận ra trong bọn người lác đác ở bến một cái xe đỗ vội, và trên xe bước xuống một người con gái ngơ ngác nhìn về phía tôi.

Tàu đã xa hẳn mạn sông. Mặt người trên bến không nhìn rõ. Tuy vậy, tôi không thể lầm được, người thiếu nữ kia chính là con người tội nghiệp đã hờn giận tôi và thương tôi.

Chỉ một lát, bến đò Tân Đệ đã khuất hẳn ven sông. Từ đó, tôi không gặp Lan lần nào nữa.

Sợi tóc, Đời nay, Hà Nội, 1942.

HÀ NỘI
36 PHỐ PHƯỜNG
(Bút ký)

HÀ NỘI BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG

Người Pháp có Paris, người Anh có London, người Tàu có Thượng Hải... Trong các sách vở, trên các báo chí, họ nói đến thành phố của họ một cách tha thiết, mến yêu... Ta phải nghe người Pháp nói đến Paris, người ở Paris, mới hiểu được sự yêu quý ấy đến bực nào.

Chúng ta cũng có Hà Nội, một thành phố có nhiều vẻ đẹp, vì Hà Nội đẹp thật (chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy ra), và cũng vì chúng ta yêu mến. Yêu mến Hà Nội với tâm hồn người Hà Nội, cũng như người Parisien chính hiệu yêu mến Paris... Trong những cuộc phiếm du, – phiếm du ngoài các phố Hà Nội là một cái thú vô song chỉ người Hà Nội có – ta nên chú ý đến những nét đổi thay của thành phố, nên nhận xét những vẻ đẹp cũng như vẻ xấu của phố phường, thân mật với những thú vui chơi hay những cảnh lầm than, với những người Hà Nội cũng như ta.

Hà Nội có một sức quyến rũ đối với các người ở nơi khác... Ở những hang cùng ngõ hẻm của làng xa, hay ở những nương mật thẩm trong rừng núi, ban chiều vẫn có nhiều người ngóng về một phương trời để cố trông cái ánh sáng mờ của Hà Nội chiếu lên nền mây. Để cho những người mong ước kinh kỳ ấy, và để cho những người ở Hà Nội, chúng ta khuyến khích yêu mến Hà Nội hơn, chúng ta nói đến tất cả những vẻ riêng của Hà Nội, khiến mọi sự đổi thay trong ba mươi sáu phố phường đều có tiếng vang ra khắp mọi nơi.

THẠCH LAM

NHỮNG BIỂN HÀNG

Đã có nhiều người nhận ra rằng phố Hàng Đào là của... loài vật. Ở đây, có đủ để làm một gánh xiếc. Trước hết, có hiệu trâu vàng, đi với hiệu chuông cũng vàng, hẳn thế. Ấy là câu chuyện huyền của ông Khổng Minh Không đã được hình tượng ra bằng hai cái biển. Rồi đến hiệu bò vàng, cá chép vàng (cá chép hóa long thì đúng hơn và con cá này đã trái luật chạy lên Hàng Ngang rồi), con lạc đà không biết đến đây để làm gì?, con gà sống – kim kê hẳn thôi -, con hươu sao, con kỳ lân, con phượng (lại hoàng), con rùa rùa (kim quy), (con rùa rùa này về núi rồi), con vịt che ô, con voi (con này cũng về rừng), và con tê giác. Các nhà hàng còn lâu mới dùng hết được tên các loài vật. Và chúng ta nên nhận rằng trong các con vật đã dùng, không có con nào dữ cả. Con tê giác thì kể là vật dữ, nhưng con tê giác ở Hàng Đào thì lanh lắm: nó không cắn ai bao giờ. Không có hổ vàng hay sư tử vàng, chẳng hạn. Vì những con vật trên kia là những con vật thần linh chăng, hay là vì những con vật chỉ lành, có thể gợi lòng tin của khách mua? Con trâu, con hươu, con bò... những con vật ấy có làm hại được ai bao giờ đâu? Vào nhà con trâu, con hươu mua vải, lụa, chắc không bị hớ, chắc sẽ được nhà hàng tiếp đãi niềm nở và tử tế (như các bà bán hàng Việt Nam biết tiếp khi khách chỉ mặc cả mà không mua, hay muốn mua mà trả rẻ), và nếu có bị dại như một con bò thì cũng được an ủi rằng ít ra cũng là một con bò vàng.

Tôi chỉ không hiểu tại sao bỗng dưng lại có con lạc đà. Con vật này hình như lạc loài vào đám ấy, giữa những con vật mà nó không quen bao giờ. Người phương Tây khinh ai thường gọi: cái anh lạc đà ấy... Theo nghĩa đó thì con lạc đà ám chỉ nhà hàng hay khách mua hàng?

Chúng ta còn phải hỏi tại sao con vật khác không được dùng, và tại sao địa phận chúng chỉ có phố Hàng Đào thôi? Lên đến Hàng Ngang, xuống đến Bờ Hồ, là đã không có loài vật rồi (con cá hóa long lên Hàng Ngang là trái với lẽ trời).

Có một người kể chuyện với tôi rằng đó là tại nhà hàng ganh tị nhau. Nguyên hồi bấy giờ phố Hàng Đào còn hẹp, nhà hai bên phố không cách nhau xa mấy. Có hai ông chủ hiệu to, ngẫu nhiên một

hôm cùng có một ý, là lấy con hươu làm biển hiệu. Hai con hươu cùng treo một lúc. Có nhiều sự nhầm lẫn xảy ra về sau, nhưng hai ông cùng ganh, không ông nào chịu đổi con khác. Như thế được một năm. rồi bỗng nhiên, một ông lấy ngay con báo làm biển hiệu, và phao ngôn lên rằng chỉ ít lâu nữa là báo sẽ cắn hươu chết. Ông chủ hiệu kia tức khí lấy biển hiệu con hổ và phao ngôn ngược lại. Ông chủ hiệu này chẳng chịu kém đổi ngay con báo ra con sư tử. Ông kia cũng lập tức đổi ra con voi.

Đến con voi thì ông này tức quá: vì không có con nào khỏe hơn voi nữa. Voi đứng đầu trong giống vật rồi. Chỉ có cách là làm con voi to hơn. Thế rồi ông làm con voi to hơn. Ông kia cũng chẳng chịu kém, lại làm con voi to hơn nữa. Hai con voi cứ thi nhau mà to mãi ra. Phố thì hẹp, cho nên một ngày kia hai con voi đụng vòi nhau, lấp cả lối đi.

Việc đến cửa quan. Ông quan phân xử, bắt voi hai bên đều bé lại, và ra lệnh từ đấy chỉ được dùng những con vật hiền (như voi chẳng hạn) làm biển hàng mà thôi. Những con vật dữ như báo, hổ, gấu, mèo, v.v... đều cấm tiệt.

Ấy người ta kể cho tôi nghe câu chuyện như thế. Chuyện chả biết có thật hay bịa, nhưng giảng tại sao người ta không dùng các thú vật dữ thì có, (tuy vậy, con tê giác?), còn tại sao các vật chỉ có trong phạm vi phố Hàng Đào, không lên Hàng Ngang, không xuống Bờ Hồ, thì tuyệt nhiên không.

NGƯỜI TA VIẾT CHỮ TÂY

Cái biển hàng nào viết bằng chữ Pháp đầu tiên treo ở phố Hà Nội? Thật khó mà biết được. Nó là một điều thuộc về lịch sử cần phải tìm ra, để đánh dấu cái ngày mà một người Việt Nam bắt đầu dùng thứ chữ phong phú nhất của phương Tây.

Từ bấy đến nay, ít ra cũng ngoài sáu chục năm. Sáu chục năm người mình học chữ Pháp, tưởng đã đến lúc thâu thái được hoàn toàn. Bây giờ các biển hàng viết chữ Pháp chiếm đến chín phần mười trong các biển hàng. Nhiều hàng, tuy chỉ giao thiệp với khách hàng Việt Nam thôi, cũng để toàn chữ Pháp, cũng như ngày xưa họ đã dùng toàn chữ Nho.

Ngày tôi còn nhỏ, ông thầy dạy vẽ của tôi bỏ nghề ra mở một xưởng vẽ ở phố Bờ Hồ. Ngoài cửa hàng treo một cái biển vẽ một cô gái rất xinh chỉ tay vào mấy dòng chữ. Vì cô gái, tôi đi học về lần nào cũng đứng lại nhìn, và vì vậy mới thuộc mấy dòng chữ đó đến bây giờ. Mấy dòng chữ như thế này: "*Ici, il existe un dessinateur portrailiste, aquarelliste et architecture*".

Đã hơn mười năm rồi, mà mỗi lần nhớ đến câu chữ Pháp ấy tôi vẫn không khỏi buồn cười. Nhân thế hôm nay tôi nẩy ra cái ý muốn dạo qua tất cả 36 phố của chốn "nghìn năm văn vật", nay để đọc các biển hàng chữ Pháp, và xem người mình dùng chữ Pháp đã tiến bộ đến bực nào.

Thì quả thực đã tiến bộ rất nhiều:

Này đây, những biển: *Salon de coiffeur, X... bon coiffure, T.D. Coiffeur de Beauté, hay: M. librairie, mercerie, relieur, M.S. Prothèse dentaire, Beauté hygiénique de la bouche, M.S. d'orure et d'argenture, T.T. fabricateur de pousse-pousse, T.O. vente et réparateur de machine de tout sorte, D.T. Eerronnerie, quinconnerie, H.Vanerie, O.Serée, Filets de sports.* Chữ *Élégant* hình như được nhiều người yêu chuộng nhất: vì tỏ ra élégant có phải không?

"P.T. *Coiffeur élégant* (Bạch Mai), *Boulangerie élégante* (Hàng Bông), *A la coupe de Paris – D.M. tailleur élégant* (Hàng Quạt), – *Aux paradis des élégants* (Hàng Trống), – *Aux trousseaux des élégants..* (Lê Quý Đôn), hiệu này đâu trước là: *Au gout des élégants... P.T. Tailleur des élégants* (Hàng Quạt)...

Toàn những *Élégancel à Élégance,* thật xứng đáng với "Hà thành hoa lệ".

Và tôi nhận thấy, nội trong các hiệu dùng nhiều chữ Tây nhất, và dùng một cách đáng yêu nhất là hiệu thợ may. Có lẽ vì các ông chủ hiệu đó may quần áo cho thiên hạ nên họ tự nghĩ như bắt buộc phải dùng chữ Tây mới hợp thời.

Một hiệu khoe các hàng: *"Dernières nouveautés de Paris: laine Elboeuf, laine Red Star, laine Dormeuse..."* (qui fait bien dormir hẳn thế).

Hiệu kia: *"laine pieds de poule Prince de gales"*.

Một hiệu khác tham bác cả Tây lẫn ta, và tạo nên được cái tiếng thần tình này: *Satin súp.*

Nhưng đến tên các hiệu thì sự văn hóa và cầu kỳ thực đã đến cực

điểm: *"Au parfait tailleur"* (Hàng Bông), *"Maitre tailleur", "Paris tailleur"* (Hàng Quạt). Chữ *luxe*, chắc hẳn trong trí các ông chủ hiệu thợ may, là biểu hiện của cái tuyệt đích trong sự sang trọng, nên có đến ba ông dùng: *La Mode, tailleur de luxe D.P.T., tailleur de luxe* (Hàng Gai), *Tr.tailleur de lux* (Lê Quý Đôn), (ông này lại viết *luxe* không có e, ý chừng tỏ ra *luxe* một bực nữa). Nhiều ông khác ưa tỏ ra biết tiếng ngoại quốc hơn: *Modern tailor* (chợ Hôm), *Gentlemen's modern tailor* (hiệu chỉ có một cái máy khâu cũ và tấm vải xanh che bên ngoài) và *CH. R Gent's* (?) *tailor* (Hàng Trống)...

Thế tưởng cũng đủ rồi. *Ca va, tailleur*! (Hàng Trống), *De la tenue, tailleur et de la fantaisie, tailleur* (Hàng Trống).

Rồi lại còn: *D.T. Spécialist des chemises et des pyjamas; T.L. Coupe incroyable aux pyjamas dirigée par S...*

Nếu một ngày kia chúng ta thấy đề: *X. Tailleur, prix, soigne, travail impeceable, coupe modérée,* thì cũng chẳng nên ngạc nhiên tý nào.

Nhưng hòn ngọc đẹp nhất có lẽ phải dành riêng cho hiệu này ở phố Hàng Buồm: *L.S. photographe, marchande de Chinoiserie.*

*

* *

Ấy là mới dạo qua một vài phố đông đúc, chúng ta đã được đọc nhiều câu chữ Pháp lạ lùng như thế rồi. Ở các hang cùng ngõ hẻm, đối với người tò mò, hẳn con tìm thấy nhiều cách áp dụng chữ Pháp một cách thân tình hơn nữa.

Nhưng ngẫm kỹ ra thì cũng chẳng nên lấy làm lạ, vì ở một xứ có tờ báo (nghĩa là do hạng trí thức viết), dịch *Hôtel de ville* là khách sạn của thành phố và *Stars à Hollywood* là dân tộc Star ở Mỹ châu, thì các ông chủ hiệu trên kia kể còn là giỏi nhiều.

Mà, có phải không, tờ báo *Phụ nữ tân văn ở* trong Nam đã treo biển "Le Journal des Dames", và tờ *Phụ nữ thời đàm ở* ngoài Bắc, "La première organe de la femme Annamite".

Hà Nội ba mươi sáu phố phường.
Hàng Mứt, Hàng Đường, Hàng Muối trắng tinh.

Hà Nội đã thay đổi nhiều lắm. Những phố cũ, hẹp và khuất

khúc, với những nhà thò ra thụt vào, những mái tường đi xuống từng bực như cầu thang, những cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo, đã nhường chỗ cho những phố gạch thẳng và rộng rãi, với từng dãy nhà giống nhau đứng xếp hàng. Thẳng và đứng hàng, đó là biểu hiện của văn minh. Khi ông cầm lái chiếc ôtô thì ông lấy làm dễ chịu vì đường rộng, vì phố thẳng lắm. Nhưng đối với người tản bộ đi chơi, lòng thư thả và mải tìm sự đẹp, thì phố xá mới không có thú vị gì. Không có những cái khuất khúc dành cho ta nhiều cái bất ngờ, không có một ngọn cây hoa nhô sau bức tường thấp, khiến chúng ta đoán được cả một thửa vườn nhỏ bên trong, ở đấy biết đâu lại không thướt tha một vài thiếu nữ khuê các như xưa.

Chỉ còn một vài cái ngõ con... ngõ Phất Lộc, ngõ Trung Yên... mấy ngọn cỏ trên mảnh tường cổng ô Quan Chưởng, là gọi dấu vết của Hà Nội cũ. Ngày ấy, đường hẹp, chắc hàng xóm láng giềng ăn ở với nhau thân mật hơn. Người cùng hàng phố tự coi như có một liên lạc cùng nhau. Bên này một cửa hàng tạp hóa có đầy quả sơn đen, có chồng giấy bản và ống bút nho, có cô hàng thùy mị mà hàng phố vẫn khen là gái đảm đang. Bên kia, nhà một ông cụ tú, có tiếng trẻ học vang, có cậu học trò xinh trai đứng hầu chè thầy bên tràng kỷ.

Những nhà cũ của ta có một lối kiến trúc riêng. Ở các phố Hà Nội hiện giờ, thỉnh thoảng cũng còn được một vài. Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dẫy chậu lan, có bể đựng nước, và trên tường có câu đối chữ Nho. Đôi khi đi qua, một cánh cửa hé mở, chúng ta được thoáng nhìn vào: bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một ông cụ già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ.

Không còn gì của Hà Nội ngoài năm sáu mươi năm trở về trước. Thăng Long của vua Lê, của chúa Trịnh không còn dấu vết nào: đâu còn những cung điện ngày xưa, những phụ đế của các bậc công hầu khanh tướng? Thỉnh thoảng một vài tên gọi còn nhắc lại, một vài đống đất còn ghi dấu, thế thôi. Chúng ta không biết được mấy về dĩ vãng, về cảnh phố xá kinh kỳ hồi cụ Lãn Ông, một túi thơ, một bồ thuốc, đi từ Bát Tràng đến Hồ Tây để chữa cho hoàng tử.

Trong một số trước, tôi đã nói (Hà Nội XVIIè siècle) rằng cái "nghệ thuật biển hàng" ở Hà Nội đã mất. Ngày xưa, cái biển hàng còn là một cái gì hơn chỉ là một cái biển hàng mà thôi. Đó là một bộ

phận gì liền với cơ nghiệp và số phận của người buôn, cái biển hiệu thực hiện của những cố công nhẫn nại và những đức tính ngay thật của chủ hàng. Đề biển phải chọn ngày tốt, phải xin chữ của những người viết giỏi có tiếng, và người ta thận trọng giữ gìn như một thứ của gia bảo ở những cái biển cũ đã róc sơn, mà gió mưa bao nhiêu năm đã làm lạt cả vàng sơn, những nét chữ mạnh mẽ và rắn rỏi vẫn còn như nguyên mới. Tôi không khỏi bao giờ đi qua không dừng bước lại ngắm nghía ba chữ đại "Vạn Thảo Đường" trên cái biển cũ kỹ của hiệu thuốc ấy ở đầu phố Hàng Đường.

Ba chữ "Đông Hưng Viên" cũng sắc nét và còn mới hơn. Ngày trước còn mấy chữ "Cộng Hòa Đường" viết bằng son đỏ tươi, lối nửa chân nửa lệ, chữ bay bướm, trông đến thích.

Nhưng bây giờ người ta đã xóa đi để thay vào bằng lối chữ "vuông tân thời" trong các quảng cáo ở báo tàu hay bằng những chữ điện tím hoa cà, xanh lá mạ đêm đêm sáng ngời một góc trời. Tất cả cái gì cũng thay mới: người ta không những thấy có biển hàng, người ta thấy cả bề mặt cái cửa hàng nữa. Và sự thay đổi bề ngoài ấy đem đến cho phố xá Hà Nội một vẻ mới riêng, hơi lạ lùng và đột ngột.

Trong đêm khuya, chúng ta thử dạo chơi các phố, lúc đó không bị những ánh sáng và thức hàng làm lóe mắt. Lúc đó những cửa hàng mới mẻ đã đóng cả, và cái phố với căn nhà đều phô bầy vẻ thật. Các nhà chỉ thay đổi có phía dưới: sự thay đổi ít khi lên đến từng trên. Và bây giờ, nếu người ta có phép gì cất bỏ các từng dưới và đặt các từng trên xuống đất, chúng ta sẽ có một hàng phố cũ kỹ với những hình bát quái, mảnh gương và dơi bay: một phố tựa như phố của kinh kỳ xưa, chắc thế.

Có một ban nào trông coi về vẻ đẹp của thành phố Hà Nội không? Hình như có thì phải, tuy rằng ban đó không thấy làm cho người ta nói đến mình. Nhưng cái đó không hề gì, miễn là ban đó cứ làm việc là đủ.

Ngày trước, ở trước cửa phủ Toàn quyền, còn có một nhóm tường mà người ta đã phá đi rồi, cách đây đâu mươi năm gì đó. Nhóm tường đó trông xa giống như mâm xôi; ở đỉnh có những hình thù gì, tôi không nhớ, nhưng ở phía dưới, có tượng hai người đàn bà nằm choài ra như bơi, tóc buông xõa và lẩn mình vào thành bể. Hai người đàn bà đó người ta bảo là hình dung hai con sông Nhị Hà và Mêkông.

Nhóm tường ấy, nghe đâu định dựng ở giữa hồ Hoàn Kiếm – chỗ cái tháp – và như vậy tất phải bỏ cái tháp đi.

Chúng ta tưởng tượng phong cảnh hồ Hoàn Kiếm với cái mâm xôi bằng đá lù lù ấy. May thay không biết có ai phản đối, người ta bỏ cái dự định ấy, và đem nhóm tường dựng trước cửa phủ Toàn quyền, để rồi sau đó ít lâu phá đi.

Sự phản đối ích lợi ấy có lẽ là công việc của ủy ban coi về vẻ đẹp của thành phố hẳn?

Sau đó ít lâu, một dạo, ngay bên cổng của đền Ngọc Sơn, chúng ta được trông thấy đứng sừng sững và thẳng tắp một cái cột dây điện chằng chịt và cả đèn điện với những cái "bình tích" bằng sứ trắng, khiến cho cái cột sắt sơn hắc ín đó như một thứ cây già mọi rợ vụng về. Cái cây đó làm cho vẻ đẹp của cổng đền Ngọc Sơn giảm mất đến chín phần mười.

Nhưng lại may thay, cũng cách sau ít lâu, cái cột đó không còn nữa. Công việc của ủy ban kia chắc thôi.

Sau đó ít lâu nữa, cảnh đền Ngọc Sơn lại chịu phải một sự thêm thất xấu xa khác.

Có lẽ theo lời yêu cầu của những ai trông nom cái đền đó, người ta đã cho bắc suốt từ ngoài cổng, qua cầu, vào đến trong đền, những vòng sắt nền, có những đường uốn lượn ngoằn ngoèo, cũng sơn hắc ín, và để mắc đèn.

Mắc đèn cho sáng, cho tiện những người đi lễ đền. Một ý tốt, rất tốt. Nhưng sao lại phải trả bằng một cách bôi nhọ vẻ đẹp của đền thế? Muốn sáng cổng và sáng cầu thì thiếu gì cách: mắc đèn vào những chỗ lõm khuất khúc của cổng và của cầu: đèn để như thế vừa được kín đáo, vừa không làm giảm vẻ đẹp, không kể cái lối ánh sáng đập lại ấy dịu dàng và làm tôn cảnh đền hơn lên.

Đằng này, mắc những vòng sắt với cách hoa hoét rẻ tiền kia vào cái cổng đẹp đẽ có lối kiến trúc riêng, có vẻ cổ sơ ấy, thực là một cách đập phá mỹ thuật tai hại không gì bằng.

Cho cả đến ba chữ "Ngọc Sơn Tự" bằng sắt dán trên một tấm lưới cũng sắt, và có hoa lá cũng sắt nốt, cả cái biển ấy cũng chướng mắt không kém.

Những thanh sắt ấy ở đó cũng khá lâu rồi thì phải, mà chưa thấy cái ủy ban nào đó – nếu ủy ban ấy có – làm việc gì cả. Việc thì rất giản dị: nghĩa là bỏ những cái đó đi là xong.

*
* *

Dạo này, người ta đã xây nhiều bóp cảnh sát phụ ở lác đác khắp Hà Nội, Yên Phụ, Cửa Nam, Bờ Hồ, Quán Thánh, v.v...

Kiểu bóp như là một cái hòm vuông bốn góc thẳng cạnh, có cửa vào (tất nhiên) và cửa sổ.

Việc xây các bóp ấy chắc là ích lợi nhiều cho việc trị an của thành phố. Chúng tôi xin cũng nhận thế. Và chỗ đặt bóp chắc cũng đã lựa chọn rất tiện lợi nữa.

Những bóp khác, chả nói làm gì. Duy chỉ có cái bóp ở Quán Thánh, là làm giảm mất vẻ đẹp của ngôi đền đẹp đẽ ấy.

Tuy rằng người ta đã cẩn thận cho cái bóp ấy – đại để vẫn hình vuông – một hình dáng muốn giống chùa chiền bằng cái mái cong con, bằng vài cái trang điểm theo lối cũ. Nhưng mà cái chùa giả ấy– trong đó thấy cảnh sát thay nhà sư – không đánh lừa được ai hết, nhất là người yêu mỹ thuật, yêu Hà Nội, yêu cái vẻ cổ kính của đền chùa.

Chỉ quá một tý nữa, làm xa ra một tý nữa ở phía đường bên kia, hay ở ngay vườn hoa đầu đường Quán Thánh, vườn hoa Eckert nếu tôi không nhầm, thì có phải hay biết bao không. Gia chi dĩ, những đường vạch thẳng ngay ngắn của vườn hoa ấy lại hòa hợp với cái hình thù vuông vắn của nhà bóp làm.

QUÀ HÀ NỘI

Quà Hà Nội xưa nay vẫn có tiếng là ngon lành và lịch sự. Ở các thôn quê, chút "quà Hà Nội" là của mong đợi, và tỏ được lòng quý hóa của người cho. Con cháu ngày giỗ kỵ đưa về dâng cha mẹ, hay các bà mẹ ra tỉnh mua về cho các con, và chồng đi làm nhà nước ngày nghỉ mua tặng cho cô vợ mới cưới... Bao nhiêu ý tốt tình hay gửi vào trong chút quà nơi đô hội, món quà đem đến cho khắp nơi các vị sành và trang nhã của băm sáu phố phường.

HÀNG QUÀ RONG

Người Hà Nội, ăn thì ngày nào cũng ăn, nhưng thường không để ý. Nếu chúng ta về ở các tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới sẽ biết quà ở Hà Nội ngon là chừng nào. Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.

Trong một ngày, không lúc nào là không có hàng quà. Mỗi giờ một thứ khác nhau; ăn quà cũng là một nghệ thuật; ăn đúng cái giờ ấy và chọn người bán ấy, mới là người sành ăn.

Tang tảng sáng, tiếng bánh tây đã rao, lẫn với tiếng chổi quét đường. Đó là quà của những thợ đi làm sớm. Rồi, có từng độ, phố xá vang lên tiếng rao "bánh rán nóng, trinh một, xu đôi" của một lũ trẻ con. Cái bánh rán vừa cứng vừa xấu, thật làm giảm thanh thế của quà Hà Nội, do một cửa hàng nào đó muốn kiếm lời, cứ muốn bắt thiên hạ ăn bánh rán lúc còn ngái ngủ.

Này đây mới là quà chính tông: bánh cuốn, ăn với chả lợn béo, hay với đậu rán nóng. Nhưng là bánh cuốn Thanh Trì mỏng như tờ giấy và trong như lụa. Vị bánh thơm, bột mịn và dẻo. Bánh chay thì thanh đạm, bánh mặn đậm vì chút mỡ hành. Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và rổ trên đầu, từng túm năm, bảy người từ phía Lò Lợn đi vào trong phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn.

Rồi mùa nực thì hàng xôi cháo: cháo hoa quánh mùi gạo thơm, xôi nồng mùi gạo nếp. Xôi đậu, xôi lạc, xôi vừng mỡ và dừa. Ơ, cái xôi vừng mỡ, nắm từng nắm con, ăn vừa ngậy vừa bùi. Mà có đắt gì đâu! Ăn một, hai xu là đủ rồi. Mùa rét thì xôi nóng, hãy còn hơi bốc lên như sương mù, ăn vừa nóng người vừa chắc dạ.

Và có ai ngẫm nghĩ kỹ cái vị hành khô chưng mỡ ở trong bát ngô nếp bung non; hành giòn và thơm phức, những hạt ngô béo rưới chút nước mỡ trong... Ngô bung (xôi lúa) thì có nhiều hàng ngon, nhưng ngon nhất và đậm vị nhất là ngô bung của một bà già trên Yên Phụ. Cứ mỗi sáng, bà từ ô xuống phố, theo một đường đi nhất định, đã ngoài hai mươi năm nay, để các nhà muốn ăn cứ việc sai người ra

đứng chờ. Bà đội thúng ngô, tay thủ vào cái áo cánh bông, và cất lên cái tiếng rao, tựa như không phải tiếng người, một tiếng rao đặc biệt và kỳ lạ: "Eéé... éc", "Eé... éék..."

Đối với các bà, các cô đi chợ, cô hàng vải, cô hàng cau v.v... là những người ưa món quà gì vừa rẻ vừa ngon, lại vừa no lâu – các cô khó tính, sành ăn và hay xét nét lắm – đã có món quà của cô hàng cơm nắm lẳng lơ với hai quang thúng bỏ chùng. Món quà này sạch sẽ và tinh khiết, từ quà cho đến cả quang thúng, cả cô hàng, tóc vấn gọn, áo nâu mới, quần sồi thâm, cô hàng trông cũng ngon mắt như quà của cô vậy.

Cơm nắm từng nắm dài, to nhỏ có, nằm trên chiếc mẹt phủ tấm vải màu trắng tinh để che ruồi, muỗi. Con dao cắt, sáng như nước, và lưỡi đưa ngọt như đường phèn. Cơm cắt ra từng khoanh, cô hàng lại cẩn thận gọt bỏ lớp ngoài, rồi lại cắt ra từng miếng nhỏ, vuông cạnh và dài, để bày trên đĩa. Cô muốn xơi với gì? Với chả mới nhé hay giò lụa mịn màng?

Các cô vừa ăn vừa nhai nhè nhẹ và thong thả vừa hỏi han thân mật cô hàng: cùng bạn làm ăn cả, một gánh nuôi chồng nuôi con, đóng góp thì nhiều. Âu cũng là cái phận chứ biết làm thế nào.

Đối với các bà ăn dở và thích của lạ miệng, – và độc nữa – đã có bà hàng tiết canh và lòng lợn. Một mâm đầy những bát tiết canh đỏ ối, ngòng ngoèo sợi dừa trắng, điểm xanh mấy lá húng tươi. Thế mà họ ăn ngon lành, một lúc hai, ba bát. rồi đánh thêm một đĩa vừa lòng vừa dồi, cổ hũ với tràng giòn. Ăn xong quét miệng đứng dậy, bước đi thành chậm chạp.

*

* *

Sao bằng ra đầu phố ăn một bát phở bã của anh hàng phở áo cánh trắng, *gilet* đen, và tóc rẽ mượt? Nồi nước sôi sùng sục, tỏa mùi thơm ra khắp phố. Nếu là gánh phở ngon – cả Hà Nội không có đâu làm nhiều -, thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh, ớt, với hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa. Ăn xong bát thứ nhất, lại muốn ăn luôn bát thứ hai. Và anh hàng phở chả phải gánh nặng đi đâu cả, chỉ việc đỗ

một chỗ nhất định, cũng đủ bán một ngày hai gánh như chơi. Và người hàng phố tìm dấu hiệu để gọi tên anh cho dễ nhớ: anh phở Trọc, anh phở Bêrê, anh phở Mũ Dạ, anh phở Cao... và dặn thằng nhỏ chớ mua hàng khác về "ông không ăn mà chết đòn".

Phở là một thứ quà thật đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng ở Hà Nội mới có, nhưng chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon. Đó là thứ quà suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa, và ăn phở tối.

Phở bán gánh có một vị riêng, không giống như phở bán ở hiệu. Các gánh phở có tiếng ở Hà Nội đều được người ta đặt tên và tưởng nhớ: phố Ga, phố Hàng Cót, phố Ô Quan Chưởng, phố Cửa Bắc v.v...

Bây giờ nhiều tài năng trẻ trong nghề phở mới nhóm lên, và trái lại, những danh vọng cũ trên kia không chắc có còn giữ được "hương vị xứng kỳ danh" nữa. Có người nào thử chịu khó đi khảo nếm lại một lượt xem sao? Một vòng quanh Hà Nội bằng vị phở, chắc có lắm điều mặn, chát, chua, cay đấy.

Nhưng có một nơi phở rất ngon mà không có ai nghĩ đến và biết đến: ấy là gánh phở trong nhà thương. Trong nhà thương vốn có một bà bán các thứ quà bánh ở một gian hàng dựng dưới bóng cây. Cái quyền bán hàng đó là quyền riêng của nhà bà, có từ khi nhà thương mới lập. Bà là người ngoan đạo nên tuy ở địa vị đặc biệt đó bà cũng không bắt bí mọi người và ăn lãi quá đáng. Thức gì bán cũng ngon lành, giá cả phải chăng. Nhưng gánh phở của bà thì tuyệt: bát phở đầy đặn và tươm tất, do hai con gái bà làm, trông thực muốn ăn. Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút. Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một chút cà cuống, thoảng nhẹ như một nghi ngờ. Mà nhân tâm tùy thích, nhà hàng đã khéo chiều: ai muốn ăn mỡ gầu, có, muốn ăn nạc, có, muốn ăn nửa mỡ, nửa nạc, cũng có sẵn sàng.

Cứ mỗi buổi sáng, từ sáu giờ cho đến bảy giờ – chỉ trong quãng ấy thôi, vì ngoài giờ là gánh phở hết - chung quanh nồi nước phở, ta thấy tụm năm tụm ba, các bệnh nhân đàn ông và đàn bà, các bác gác san, các thầy y tá, và cả đến các học sinh trường Thuốc nữa. Chừng ấy người đều hợp lòng trong sự thưởng thức món quà ngon, nâng cách ăn phở lên đến một nghệ thuật đáng kính.

*

* *

Cùng một thứ quà nước và mặn như phở, Hà Nội còn có hàng mì và mằn thắn. Hai món này chắc hẳn là món ăn của người Tàu, cho nên hễ người Tàu làm thì ngon hơn, cũng như họ làm ngon nhiều món khác.

Cái chí của người Việt Nam ta cũng khác: món quà bán thì cứ muốn bán cho rẻ và nhiều, thích thế để xiêu lòng khách còn cái phẩm có tốt hay không, không quan tâm đến. Cho nên bát mằn thắn của người mình thì có đủ cả rau thơm, xá xíu, đôi khi mấy miếng dồi, và một phần chia tám quả trứng vịt. Mằn thắn thì làm rất to bột, nặn xuề xòa để trông càng to hơn, nhưng nhân thì hết sức kín đáo và nhỏ bé, vì được một tí thịt chỗ bàng nhạc, mua rẻ của các hàng thịt lậu ôi ở ngoại ô, lúc trút hàng bán rẻ. Nước cũng rất nhiều nữa, dềnh lên như ao sau trận mưa, nhưng nhạt ví như nước bèo. Ấy thế mà tất cả chỉ bán có năm xu. Tưởng đắt hàng là phải.

Thế mà không: người Hà Nội ăn quà sành, nên khó mà lấy nhiều hoa mắt người ta được. Có lẽ người bán nghĩ rằng quà rao là *sực tắc*, hai thanh tre già gõ vào với nhau như tiếng guốc đi của một gái về đêm, mà *sực tắc* chính là hai tiếng Tàu *thực đắc* mà ra. *Thực đắc* là ăn được, cho nên quà chỉ cốt ăn được, không cốt gì ăn ngon.

Về thức quà này, tôi lại nhớ đến một câu chuyện nhiều ý nghĩa, và có thể là một bài học hay cho người mình.

Trong lúc mọi người bán hàng Việt Nam mỏi vai lê gánh đi khắp phố mòn đốt tre vì tiếng gọi mà vẫn không bán được mấy, thì bỗng nhiên một hôm ở một phố Hà Nội nhỏ hẹp và đông đúc, nẩy ra một chú khách bán hàng rất dở người. Chú ta cũng bán mì với mằn thắn, cũng với giá năm xu, nhưng mì thì chỉ có mì không và mằn thắn chỉ có mằn thắn trần, đủ mười lăm cái. Nhưng nước rất trong và rất ngọt, mì thì đậm vị và dẻo, mằn thắn thì bột mềm và mỗi cái có nhân một con tôm. Ăn mãi vẫn ngon không thấy chán.

Bác bán không cần gánh đi đâu, và cũng không cần gì bát. Ai muốn ăn đến hàng mà ăn, ai muốn mua đem bát lại mà mua, và người nhà mang về, chứ một bực thang ngắn bác cũng không chịu bước lên. Bác bán hàng cửa quyền như thế, người ta tuy tức vì cái làm bộ kiêu kỳ của bác, chê vì quà của bác đắt hơn quà của các hàng thường, nhưng người ta vẫn phải mua, vì quà của bác ngon. Người

mua ngày dần đông: một gánh bác bán không đủ, phải làm hai gánh, rồi ba, rồi bốn, rồi năm, sáu. Mỗi gánh bác lại thuê một người bán, mỗi tháng công năm đồng. Những người này bèn nghĩ cách ăn bớt: một lượng bát mì bác bán, cứ ba bó mì thì họ bớt lại một; mười lăm cái mằn thắn thì họ bán có mười hai.

Nhưng mặc lòng, hàng bác vẫn bán chạy. Mỗi gánh ít nhất bác cũng được lãi ba đồng một ngày. Sáu gánh vị chi là mười tám, một tháng lãi năm trăm hơn. Sáu tháng sau khi bác ở Hải Phòng đặt chân lên Hà Nội, bác đã nghiễm nhiên trở nên một người giàu.

Thế mới biết nghề gì là không có lãi, mà cái nghề chúng ta tưởng là hèn mọn ấy lại chóng làm cho người ta giàu hơn chán vạn nghề khác. Miễn là thức hàng bán xứng với đồng tiền, đừng lừa dối người mua: của ngon thì người ta ăn, đắt rẻ không kỳ quản. Đó là một sự thực giản dị trong nghề buôn bán, mà tiếc thay, nhiều nhà buôn người mình không biết đến, hoặc người mình làm tồi bán rẻ hoặc họ đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng.

Tôi quên nói nốt rằng chú khách bán mằn thắn trên kia, giá cứ giữ lối bán gánh như thế thì không sao. Có tiền, chú lại muốn làm ông chủ hiệu: chú mở hàng cao lâu to ở phố Mã Mây. Cái chí này không có gì là đáng trách. Nhưng chú lại muốn giống các ông chủ khác ở chỗ đánh bạc: chú đánh phán thán, rồi chú thua. Ba tháng sau, chú vỡ nợ.

Nhưng đấy là tại chú, chứ không tại cái cửa hàng của chú, và cái phương pháp bán hàng của chú vẫn giữ quyền giá trị khiến chúng ta nên theo.

Sau khi vỡ nợ, tay trắng trở về, chú lại ghé lưng xuống gánh lấy gánh hàng mằn thắn cũ: tiếng vẫn rao vang, và miệng vẫn tươi cười như trước: Đó là một tấm gương mà chúng ta lại càng nên theo nữa.

VẪN QUÀ HÀ NỘI

Kể về các thứ quà mặn, thì Hà Nội còn nhiều: nào bún riêu, bún chả, thang cuốn, nem chua, nào miến lươn và bún ốc. Mỗi thứ, tất nhiên có một vị riêng, và cả đến mỗi hàng, lại cũng có cái ngon riêng nữa.

Tôi thích nhất cô hàng bún ốc; không phải vì món hàng cô tôi thích ăn, – xin thú thực rằng tôi sợ các bác ốc lắm – nhưng vì tôi

thích nhìn người ta ăn, vì nghe thức quà của cô là cái điểm không thể thiếu được của một cảnh bình dân hoạt động trong các ngõ con và trên các bờ hè. Người ta xúm lại ăn quà bún ốc một cách mới ngon lành làm sao! Có ai buổi trưa vắng hay buổi đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phấn và mệt lả, miếng ớt cay làm xoa xuýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.

Cô hàng ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn. Một cái gõ nhẹ, và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọn gàng rơi mình vào bát nước. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp, trông thấy người ta ăn ngon lành, chính cô cũng sinh thèm. Ấy cô có thú thực với tôi như thế.

Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc này: thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, vì hai lẽ: một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lạ có một điều: nhà mình làm lấy, dù bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua của các hàng rong, nhất là hai thứ thang và riêu. Tại sao vậy? Có ai tìm ra cái lẽ triết lý thứ ba không?

Miến lươn là thức quà ăn bổ âm, nhiều người bảo thế. Đàn ông thì không hay tin, nhưng đàn bà thì dễ tin lắm. Thế cho nên đã thấy nhiều ông chồng không thích ăn lươn, mà vẫn bị các bà vợ ép cho ăn dù tiền các bà ấy trả lấy. Tình nghĩa đằm thắm của vợ chồng đôi khi có thể lấy nhiều ít miến lươn mà đo được.

Ấy, suýt nữa đi khỏi các thức quà cốt bún, mà tôi quên không nói đến thức quà bún quan trọng và đặc điểm nhất của Hà Nội băm sáu phố phường: đó là thức quà bún chả.

Phải, cái thức quà tầm thường đó, sáu tỉnh đường trong, bốn tỉnh đường ngoài, chẳng có đâu ngon bằng ở kinh đô. Ai cũng phải công nhận như thế, hay ít ra những người sành thưởng thức. Một ông đồ cuồng chữ ở nhà quê, một hôm khăn gói, ô lên Hà Nội, đã phải ứng khẩu đọc hai câu thơ như thế này, khi ngửi thấy mùi khói chả:

Ngàn năm bửu vật đất Thăng Long
Bún chả là đây có phải không?

Mà cảm hứng thế là chí phải. Khi ngồi cuối chiều gió, đói bụng

mà đón lấy cái khói chả thơm, thì ngài dễ thành thi sĩ lắm. Khói lam cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài, và tiếng quạt khẽ đập như cành cây rung động, quà bún chả có nhiều cái quyến rũ đáng gọi là mê hồn, nếu không là mê bụng.

Những thứ rất là tầm thường, rất là giản dị mà đi gần nhau sao lại sinh ra được mùi vị riêng như thế? Ai là người đầu tiên đã nghĩ ra bún chả? Người đó đáng được chúng ta nhớ ơn và kính trọng ngang, hay là hơn với người tạo nên được tác phẩm văn chương... Có lẽ người kia còn làm ích cho nhân loại hơn là người này nữa. Tiếc thay tên người tài tử đó thất truyền, để không kê liệt vào cái sổ vàng của những danh nhân *"thực vi đạo"*.

Thứ bún để ăn bún chả, sợi mảnh và cuộn từng lá mỏng, khác với các thứ bún thường. Chả phải thịt ba chỉ, mà phải dùng cặp tre tươi nướng mới ngon. Quái, sao cái nước chấm của các hàng bún chả ngon thế! Có lẽ họ dùng nước mắm hạng vừa, nghĩa là không quá chua, cho nên thành ngon chăng? Nước chấm ấy mà điểm thêm mấy giọt chanh vào thì tuyệt: có thể thấm nhuần được cả bún, cả rau, cả chả mà không mặn, không gắt như nước chấm của nhà.

Nhưng bún chả Hà Nội đặc biệt có lẽ vì cái rau húng Láng. Vì chỉ có rau húng ở Láng là có mùi vị húng, đem trồng chỗ đất khác, sớm chậm rồi cũng đổi ra mùi bạc hà – Viết đến đây tôi lại nhớ đến bác Tú Mỡ thường mời bạn hữu ăn và thường khoe là mình ẩn dật ngay trong rừng húng – Thế cho nên bún chả thì phải là bún chả Hà Nội mới đủ vị cho người thưởng thức và phải là bà bún chả xưa vẫn ngồi trước đền Bạch Mã, Hàng Buồm, mới là bà bán hàng ngon. (Tất nhiên còn nhiều các hàng khác ở phố cũng ngon chẳng kém, nhưng tiếng tăm chưa nổi đó thôi).

PHỤ THÊM VÀO PHỞ

Nói về phở, tôi còn quên không nhắc tới những sự thay đổi mới đây ở cái quà đặc biệt đó. Nghĩ rằng thay đổi là tiến bộ, có người đã bỏ phở cũ làm vị phở gà. Nhưng sự cải cách ấy hình như không được hoan nghênh.

Có người khác rụt rè hơn, chỉ thay đổi một vài thứ gia vị: người

BÚN SƯỜN VÀ CANH BÚN

Lại một vị khác hẳn, ấy là hai thứ bún sườn và canh bún. Bún sườn thì hiền lành thôi, về sắc sảo chẳng có gì. Cứ quý hồ nước cho ngọt, bún cho dẻo là được rồi. Người ta ăn bún sườn cũng như đọc những tiểu thuyết ngon ngọt, thích thôi chứ không dám mê. Không có người ghét nhưng cũng không có người tha thiết quá. Cái gì cũng ở nửa chừng.

Canh bún thì cao hơn một bực: vì có rau cần, sánh và gắt, và nhất là có cá rô con, lạng từng miếng một, cũng có nơi nấu với cải, nhưng không ngon bằng. Thịt rô ấy đem lại cho thức ăn một vị đậm ngọt khác thường, không hiền lành, bởi vì chỉ ngon trong một độ nào đó, khiến người ăn có cái cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đầu này và ở đầu kia, và bởi thế, càng khiến cho thức quà thêm ngon hơn, có cái ngon của sự chênh vênh và lo sợ... Thực vậy; canh bún để nguội thì tanh mà đun già nóng quá thì nồng ruỗng. Ấy chỉ lúc nóng vừa đổ miệng, ăn phải là xuýt xoa. Và người ta cho hồ tiêu vào, để thêm cái cay nóng có mực thước.

"MÌN PÁO" VÀ "GIẦY GIÒ"

Bánh tây chả là một thứ quà rất thường và cũng chẳng lấy gì làm ngon lắm. Ấy thế mà có một người đã khiến cho nó thành một thức quà rất chạy, nhờ vì nó mà bà ta – người ấy là một người đàn bà – trở nên giàu có, tậu nhà gạch để ở và cho thuê.

Cứ quãng từ chín mười giờ, có khi khuya hơn nữa, trong lúc các sòng bạc, các người đánh đã thua cay; lúc trong các tiệm hút, cái diện tẩu đã có khi nóng xái là giờ bà hàng ấy đội thúng đi rao. Những khách ăn quen đã có ý chờ đợi: họ đói, nghe cái tiếng rao kỳ lạ của bà, một tiếng rao đặc biệt, nếu không là người tò mò chơi khuya thì không ai hiểu. Câu rao nguyên là một tràng tiếng Tàu (Quảng Đông) bà nói với một cái giọng riêng: Lầu sường, lầu hạ, dầu sực mìn páo mẩu? (gác trên gác dưới có ăn bánh tây không?).

Bánh tây của bà cũng chỉ là bánh tây hạng thường, hồi rẻ chỉ có mười hai xu một chục, nhưng bà mới lấy ở lò ra, và ủ khéo khiến bao giờ cũng nóng.

Chả có hai thứ: chả lợn và chả bò, thứ sau này điểm thêm cái vị thìa là. Bà cũng bỏ lò cho mỡ chảy, và cũng giữ nóng như bánh tây. Cái nóng nọ cặp lấy cái nóng kia, rắc thêm chút muối tiêu để sẵn trong một cái lọ, thành một thứ quà vừa rẻ, vừa chắc bụng, vừa ngon. Ba cái lợi mà những người nghiện biết thưởng thức lắm.

Bà hàng đã trở nên giàu. Nhưng mỗi buổi tối, ăn vận vẫn xuềnh xoàng như cũ, bà vẫn đội cái thúng quà đi bán, và vẫn cất tiếng rao lạ lùng kia.

*

* *

Đêm khuya nữa... ở các con đường vắng, một bóng người lủi thủi đi, một chấm lửa nhỏ lung lay theo từng bước. Chậm chạp và thong thả, bác hàng quà, đi nhẹ như chân ma, thỉnh thoảng cất lên một tiếng rao khe khẽ, ngắn và chóng chìm vào quãng tối: "Giầy giò... giầy giò..."

Tiếng rao buồn thảm, yếu ớt và uể oải như hàm một mối thất vọng không cùng. Cái đời tối tăm ấy, ở những các đường phố xa, hẻo lánh, như không còn mong mỏi chút gì. Cả cái thức quà của bác ta cũng vậy: mấy khoanh giò nguội, mấy chiếc bánh giò chua, ăn lạnh như sương trên mồ người chết. Cho nên bác cứ đi như thế, lẩn lút ở các ngõ tối đêm khuya, chả mong bán được mà cũng chả mong ế, lặng lẽ và chán nản như một linh hồn có tội...

CÒN QUÀ HÀ NỘI

Trong một bài trước, tôi đã nói đến thứ bánh cuốn Thanh Trì, là thứ quà Hà Nội. Nhưng đây là thứ bánh cuốn không nhân, tuy cũng gọi là bánh cuốn, mà không cuốn gì hết. Hà Nội còn thứ bánh cuốn khác nữa, mấy lần bánh mỏng bọc lấy nhiều vị làm nhân, mà gần đây được người hàng phố hoan nghênh đặc biệt.

Chắc nhiều người còn nhớ hương vị của những chiếc bánh cuốn "hai mươi bốn gian". Thuở ấy, hai mươi bốn gian còn là một xóm thịnh vượng của cô đầu, mà sự hoạt động vui vẻ còn kéo dài mãi đến đêm khuya. Trước cửa những nhà hát ấy, về phía bên này đường xe

điện, có một chiếc nhà lá bé con, ẩn núp dưới bóng cây xoan xanh tốt. Trong cái nhà nghèo nàn ấy tự mười hai giờ đêm cho đến sáng, một bà già và hai cháu nhỏ cúi mình trên một cái nồi con bí mật làm ra những chiếc bánh cuốn nóng sốt và ngon lành. Khách chơi đêm khi lách mình qua cửa liếp bước vào, đã ngửi thấy mùi hành thơm phi mỡ, và trông thấy làn khói trắng bốc lên ở chiếc nồi.

Của đáng tội, bánh cuốn của bà cụ, cứ kể về giá trị riêng thì cũng không lấy gì làm ngon lắm. Nhưng người ta ăn thấy ngon, vì phải tìm tòi đến mà ăn, phải chờ đợi từng chiếc một. Vì đêm khuya, sau những cuộc hành lạc còn để lại dư vị đắng trên đầu lưỡi, người ta thèm được nếm cái vị cay chua của nước chấm, quất mạnh như chiếc roi vào cái chán nản của sự chơi bời.

Sau đó, khi xóm cô đầu dọn đi chỗ khác, thì bà cụ cùng hai đứa cháu cũng không bán hàng nữa, có lẽ không biết bán cho ai. Và cái món bánh cuốn cũng hình như không được ưa chuộng nữa.

Cho đến gần đây, các hiệu bánh cuốn mới lại thi nhau mở. Hiệu bánh cuốn Hàng Đồng, hiệu bánh cuốn phố Nhà Thờ, hiệu bánh cuốn phố Mã Mây. (Hồi đó là hồi thang cuốn khởi đầu được hoan nghênh, cùng với hiệu phở Bình Dân). Người ta bán khắp cả: đủ các hạng từ một xu cho đến một hào một chiếc, không kể những hàng bánh cuốn bán rong, mỗi tối lại làm vang phố phường Hà Nội với cái tiếng rao lanh lảnh và kéo dài.

Không kể mấy anh hàng bánh cuốn lập dị và có vẻ đôi chút thượng lưu, đáng lẽ đội thúng thì họ gánh một gánh như gánh phở: một bên đựng thùng bánh cuốn lúc nào cũng bốc hơi. Rồi họ đặt ra một thứ tiếng rao kỳ lạ: lốc bểu. Nghĩa là gì? Tôi chịu không biết nguồn gốc của hai tiếng ấy ra sao.

Nhưng cái đó không cần lắm: điều cần là thức hàng của họ ăn ngon. Tiếc thay, lại ít khi được như thế lắm. Bột bánh của họ phần nhiều thô không được mịn, còn nhân cũng không phải là thứ thịt ngon.

Bánh cuốn muốn ngon thì phải nhà làm lấy. Cách làm như thế này, và tôi trình bày ở đây cái phương pháp bí truyền làm bánh cuốn, đã nẩy ra trong óc tôi một ngày đáng ghi nhớ ở trên bờ Hồ Tây. (Tại sao lại Hồ Tây, xin xem qua xuống dưới sẽ biết).

Cốt bánh để bọc thì dùng bánh cuốn Thanh Trì, là thứ mà bột dẻo và thơm hơn hết. Như vậy, đã đỡ được công xay bột và tráng

bánh,mà vị tất làm đã ngon bằng. Còn nhân thì một ít thịt vai nửa nạc nửa mỡ thật tốt, mấy cái nấm hương, vài lá mộc nhĩ và một ít tôm tươi Hồ Tây, bóc vỏ và thái miếng. Tôm Hồ Tây, của những thuyền siết mang lên bán vào khoảng mười hai, một giờ trưa, là thứ tôm ăn ngậy và ngọt vị.

Chừng ấy thứ, thêm mấy nhát hành, chút nước mắm ngon, hồ tiêu bắc, xào qua với mỡ trên chảo nóng. Rồi lấy bánh cuộn nhân vào; công việc này nên để tay mềm mại và khéo léo của các bà làm, để nâng niu cái màng bột mỏng cho khỏi rách. Xong, bỏ vào nồi hấp.

Lúc ăn chấm nước mắm Phú Quốc, chanh, ớt và cà cuống nguyên chất Hồ Tây; tùy thích có thể kèm thêm đậu rán nóng; một miếng ăn là một sự khoái lạc cho khứu quan và đầu lưỡi, và chúng ta cảm ơn Thượng Đế đã dành riêng cho loài người những thứ vị ngon.

*

* *

Tôm là cái nhân cốt cần cho nhiều thứ bánh: bánh cuốn, bún cuốn, chả rán, thang v.v... Cho nên một thứ bánh bột cũng ngon là thứ bánh ít nhân tôm, (nhưng mà nhiều).

Sáng sớm, thường có một vài bà hàng đội cái thúng trên đầu đi bán; họ bán một thứ gọi là bánh tôm và một thứ kêu là bánh ít.

Bánh trên là những cái chén bằng bột trắng nho nhỏ, thứ bột ăn giòn. Khi bán họ múc vào cái thứ chén ấy, một ít tôm khô tơi vụn, tẩm vào một ít mỡ rất trong. Thứ quà trông tựa như một thứ hoa lạ, đài trắng và nhị hồng.

Còn bánh ít thì lần bột chín trong để cho người ta đoán thấy cái màu đỏ của lưng tôm, và màu đen của mộc nhĩ. Họ trình bày chiếc bánh như những hòn tròn, cứ trượt trơn dưới đũa. Tôi ưa thích hơn cái hình thù bánh bao, bánh bẻ của những nhà sang trọng ngày giỗ tết. Trong cách nặn bánh theo một hình thể thanh thanh, người ta cảm thấy cái hoa tay mềm mại của các cô thiếu nữ; cái tìm tòi nghệ thuật ấy giúp cho bánh ngon thêm nhiều lắm. Không cứ phải có của ngon, còn cần phải nâng niu kính trọng nữa.

Hết mặn, lại đến ngọt.... Có lẽ một độc giả nào đó không thích cái mục *Hà Nội... phố phường*, sẽ nói thế khi bắt đầu đọc bài này.

Nhưng tôi không thể bỏ qua những quà rong Hà Nội, mà lại không nói đến các thứ quà ngọt. Vì quà ngọt, ở Hà Nội, cũng nhiều bằng quà mặn, và nếu người ta ưa ăn mặn lắm, thì người ta ưa ăn ngọt cũng không phải không nhiều.

Nhưng mà tôi cũng chỉ nói sơ qua thôi. Vì các thứ quà ngọt ở Hà Nội cũng không có gì là đặc sắc, nhất là quà nước.

Đêm đêm các phố vẫn vang động tiếng rao của người bán hàng lục tầu xá và người bán chè sen. Quà trên là một thứ chè đậu xanh, ngọt đậm từ thứ nấu cả vỏ đến thứ bỏ vỏ, từ thứ đặc sệt như bột của phần nhiều người bán Việt Nam, đến thứ loãng hơn và sặc mùi vỏ quýt của chú khách vẫn bán kèm với "chí mã phù" ở các ngõ Quảng Lạc và Hàng Buồm. Còn chè sen thì chỉ người ta bán, mà bao giờ người bán hàng cũng là một bác đàn ông đứng tuổi mặc áo cánh nâu và quần nâu. Nhưng cái thứ chè của bác ta ngọt quá, và đắt nữa. Một xu thường chỉ được bốn, năm nhân hạt sen. Thứ quà của bác người ta không ăn luôn, chỉ để mời mấy ông cụ nhà quê ra chơi tỉnh, hoặc chỉ để cho bà trưởng giả nuông chiều mấy cậu con yếu dạ dày.

Cùng một thứ quà nước ngọt và nóng ấy, thỉnh thoảng ở Hà Nội, tôi còn nghe thấy cái tiếng rao là lạ "Sa cốc mày". Lần đầu nghe, tôi tưởng là một thứ quà ngon lắm, ít ra cũng có những vị lạ như cái tên gọi nửa tàu, nửa mán kia. Tôi gọi mua ăn. Nhưng hớp được vài hớp, thì miếng quà trở nên khó nuốt và ngán như lúc phải nói hết một câu khôi hài mình thấy là nhạt rồi. Nó có gì đâu: chẳng qua là một thứ bột viên nhỏ và tròn, nấu với nước đường.

Sao bằng mát ruột và lạnh hơn lúc đương nực, ăn một xu chè đậu đen của các cô hàng đòn gánh cong ở sau phố Sinh Từ? Trong buổi đêm mùa hạ, khi các hè phố ngổn ngang những người nằm ngồi hóng mát, từ viên công chức cho đến bác thợ thuyền, thì các cô qua lại luôn luôn bật ra cái tiếng rao: "Ai cháo đậu xanh, chè đậu đen ra", lanh lảnh và kéo dài như một luồng gió mát.

Giờ tôi nói đến mấy thứ quà nước ngọt có lẽ chỉ riêng Hà Nội mới có. Mà cũng không phải là phố nào các hàng quà ấy cũng đi qua. Các thứ ấy chỉ bán quanh quẩn trong mấy đường lối gần Hàng Buồm và phố Mã Mây, phần nhiều trong các ngõ tối tăm. Bán cho ai? Cho những người hút thuốc phiện – nghiện hay không – là những người vừa thích ăn của ngọt, lại của ngọt mát để nó nhuận tràng, và đủ cầu kỳ để ưa những món quà phiền phức ấy.

Khi ngài say thuốc rồi, muốn ăn thứ quà ngọt để hãm dư vị của Phù Dung, nóng để khỏi giã cái say sưa, và rẻ để đủ no với vài xu nữa, thì xin gọi mua một bát "Sùi ỉn" – (hay duỷn, sùi din, hoặc tương tự) – của chú khách trọc đầu ngồi bán ngoài cửa tiệm. (Tiện đây xin nói rằng chú ưa ngồi đấy, một là để bán hàng, mà hai nữa cũng là để hít lấy mùi hương khói). Đó là một thứ bánh trôi nước, bột bọc nhân vừng, dừa và đường, thả lềnh bềnh trong một thứ nước cũng đường. Thứ quà rất nóng hổi, vô ý cắn vào thì buốt chết răng. Quà ấy có ngon không? Tôi chịu không biết được. Và theo, như đời một đồ đệ lão luyện của Phù Dung Tiên Tử, muốn thưởng thức được hoàn toàn cái hương vị của thứ quà ấy, thì phải ăn lúc bụng đói và sau khi đã say sưa. Nhưng có một điều chắc là thức quà đó hẳn khó tiêu.

Hút thuốc hay ráo cổ. Thì có khó gì. Đã có thứ mía ngọt, nhưng mà hâm nóng, luộc trong một thứ nước riêng, có những vị gì tôi không biết, vì mấy lần hỏi, chú bán hàng cứ giữ bí mật của nhà nghề. Khẩu mía và chén nước ấy, người ta rao bốn tiếng lạ lùng là: "Mạo cán chè, sủi!".

Nếu ông lại muốn vừa đỡ khát, vừa bổ âm, bổ tì hay bổ vị nữa, thì gọi mua một chén nước nóng "Bát bảo lường xà". Bát bảo là tám của quý, tám vị thảo mộc trong thuốc bắc, chú khách bán hàng đã cẩn thận phơi bã ở trên ria mép cái bình, để tỏ ý món hàng chân thật. Cái thứ nước ngon ngọt lờ lợ ấy đã xuýt làm tôi buồn nôn. Nhưng nhiều người uống ngon lành lắm, hứng từng giọt cho đến cặn.

Giờ nếu ông muốn được tiêu và nhuận tràng thì lại xin ăn một bát chè khoai. Khoai là khoai thường, cách nấu cũng rất thường, nhưng người ta gọi bằng ba tiếng nghe rất có vẻ tàu: "Phàn sì thoòng".

Tất cả những tiếng rao tàu ấy, đêm khuya văng vẳng trong những ngõ tối quanh co hòa với tiếng reo của nhĩ tẩu, với khói thơm của Phù Dung, đã tạo nên một không khí riêng cho Hà Nội, có lẽ không đâu có.

NHỮNG THỨ "CHUYÊN MÔN"

Những thứ quà đặc biệt riêng của từng vùng, ngày trước ta có nhiều: Ninh Giang có bánh gai, Yên Viên có bánh giò, Lim có bánh lam, Ghềnh có bánh giầy dài và chả nướng, Quán Gánh có bánh giầy tròn, Nam Định có bánh bàng, Hải Dương có bánh đậu.v.v... Những thứ quà ấy nơi thì còn giữ được vị ngon như cũ, nơi thì chỉ còn cái tiếng không. Người sành ăn bây giờ mỗi ngày một ít, người ưa chuộng của tốt cũng không còn có nhiều. Người ta bây giờ chỉ ham cái sự rẻ, và chỉ cần có cái mầu mỡ bề ngoài. Sự giả dối, điêu ngoa, và luộm thuộm, thay thế cho sự thật thà, cẩn thận. Không cứ gì trong các thức ăn, cả đến những sản phẩm khác cũng vậy.

Nhà đạo đức thì lấy thế làm lo riêng cho cái tinh thần của nước nhà, nhưng người sành ăn thì lo riêng cho cái vị ngon của những thức quà đáng quý. Cái nọ không phải là không có liên lạc đến cái kia: *biết ăn*, tức đã là một điều tiến bộ lớn trong các điều tiến bộ, nếu không phải là trong hàng những điều quan trọng nhất.

Những ý nghĩ về thế đạo trên này không khỏi lôi kéo chúng ta đi xa quá.

Vậy thì, nếu nơi nào có thức "chuyên môn" riêng của nơi ấy thì Hà Nội cũng có thức chuyên môn riêng của 36 phố phường.

Một người Hà Nội về thăm quê, muốn đem ít quà thật là đặc biệt, thì người ấy lựa chọn những thức gì?

*

* *

Bánh cốm Hàng Than... Một thứ bánh ngon mà cũng không đắt, một thứ bánh gợi cho ta những kỷ niệm rất nhiều màu. Bánh cốm chính là thứ bánh cưới, trao đi đổi lại trong những ngày mùa thu, để chứng nhận cho cái sung sướng của cặp vợ chồng mới, và cái vui mừng của họ hàng. Vuông vắn như quyển sách vàng, bọc lá chuối xanh buộc lạt đỏ; cái dây lạt đỏ như sợi dây tơ hồng buộc chặt lấy những cái ái ân... Nhân đậu xanh giã nhuyễn, vương mấy sợi dừa, và đường thì ngọt đậm. Có lẽ chúng ta có quyền phàn nàn rằng cái thức

bánh ấy – và nhiều thức bánh khác của ta nữa, – phần nhiều ngọt quá, ăn hay chóng chán. Nhưng bánh mừng đám cưới lại nhạt ư? Cho nên họ làm ngọt, hết sức ngọt, để tận hình dung cái đằm thắm của cặp vợ chồng (cũng vì thế mà tình yêu chóng chán).

Bánh cốm thường đi đôi với bánh xu xê. Cái tên kỳ khôi này ở đâu mà ra? Thứ bột vàng và trong như hổ phách ấy, dẻo và quánh dưới hàm răng, là một thứ bánh rất ngon. Dù sao, cũng là một thứ bột thẳng thắn, vì nó dễ cho ta đoán thấy trước – để mà thèm thuồng– những cái ngon ngọt hơn ẩn náu bên trong. Qua các màu vàng óng ánh ấy, màu trắng của sợi dừa và màu xanh nhạt của đậu thêm một sắc nóng ấm và thân mật. Tôi bao giờ cũng ưa thức ăn nào có một hình sắc đẹp đẽ: cái đẹp lúc trông ngắm giúp nhiều cho cái thưởng thức lúc ăn lắm.

Hai thứ bánh cốm và bánh xu xê của Hàng Than Hà Nội, có thể nói là đã nổi tiếng khắp Bắc Kỳ, từ kẻ chợ cho đến thôn quê. Ở Hàng Than, chỉ còn có hai nhà là chính hiệu. Ngày xưa, tên người làm bánh cũng bất tử liền theo với thứ bánh họ làm ra. Cái danh tiếng của cả một gia đình ghi trên nền lá chuối và tôi tưởng cô con gái của gia đình ấy chắc hẳn là đắt chồng. Bây giờ, cái tên hiệu được ghi nhớ hơn. Nhà bánh cốm "Nguyên Ninh" tôi tưởng là một nhà làm bánh cốm cũng đã lâu đời, cùng với nhiều nhà khác. Họ biết giữ cho cái vị bánh được ngon đều, và điều này cần nhất, biết thay đổi trong cách trình bày và trang điểm cho thứ quà được lịch sự và trang trọng thêm lên.

(Một nồi cốm thắng đường, lúc lấy ra, thế nào cũng còn lại ít nhiều chỗ cháy. Cái thứ cháy cốm ấy, ngọt sắc và dẻo cũng như "mè xửng", người ta bán năm xu một miếng cho những người ít tiền dùng, nhất là những người nghèo mà lại đánh bạn với ả Phù Dung, là những người tìm được cái ngon bất cứ ở thứ quà gì).

Một nhà khác ở phố Hàng Giấy – mà tôi không còn nhớ số nhà hiện giờ làm những bánh mảnh cộng cũng khá ngon. Đó là một thứ bánh vuông và nhỏ, bột xanh thẫm như lá mảnh cộng, tất nhiên, ăn mềm và thơm. Tôi không rõ họ có làm bánh gấc nữa không: hai thứ bánh ấy vốn đi đôi với nhau, một thứ xanh, một thứ đỏ. Người ta vẫn ăn, nhưng chỉ ăn thỉnh thoảng. Vì các thứ bánh bột của ta đều phải một tật là chất bột nặng quá. Nếu tìm cách nào làm cho thứ bột được "nhẹ" hơn, thì những thứ bánh ấy mới có thể bán nhiều được.

BÁNH ĐẬU

Chắc nhiều bạn đọc còn nhớ cái thứ bánh đậu Hải Dương, đã nổi tiếng, mà ngày bé, chúng ta thường nhận được do tay bà mẹ đã đi đâu một chuyến xa về? Cái thứ bánh đậu khô, bột nhỏ như phấn, đóng hình vuông, có in dấu một hai chữ triện. Thuở nhỏ, chúng ta thích ăn thức quà ấy lắm, nhưng nếu chúng ta mắc bệnh ho, thì đã không khỏi lắm lúc bực mình. Miếng bánh vừa bỏ mồm chưa kịp nuốt, một cơn ho đã làm bật ra ngoài như làn khói... Mắt chỉ còn tiếc ngẩn ngơ nhìn.

Bây giờ thứ bánh đậu Hải Dương ấy không còn nữa. Có lẽ người ta thấy cái bất tiện của bột khô cho các trẻ bé và cho các ông cụ già. Ở Hà Nội, người ta làm một thứ bánh đậu ngon hơn, đó là một thứ bánh đậu ướt, thứ bánh đậu có mỡ. Một thứ bánh để ăn trong khi uống chè tầu, cái vị béo ngọt của bánh rất ăn với các vị đắng của nước chè.

Đó là thứ bánh rất hợp dùng trong lúc thưởng thức ấm chè ngon và tôi lấy làm tiếc rằng sao người ta lại không nghĩ chế thêm ra một vài thứ bánh tương tự như thế nữa; để có đủ bánh mà đặt ra cái lệ "chè bánh" vào quãng năm giờ chiều, như thói tục của người Anh. Một tục lệ đáng quý, khiến một ngày đầy đủ hơn, và sau cùng sự làm bánh trái cũng khéo léo và tinh khiết hơn. Cũng là một công việc đáng làm như sự khuyến khích các mỹ thuật khác trong nước.

Bánh đậu ướt ngon nhất là bánh đậu của Hàng Bạc và Hàng Gai. Bây giờ hai phố ấy vẫn cạnh tranh nhau để lấy tiếng, và thêm vào cuộc tranh giành, còn có phố Hàng Đào và phố Hàng Đường nữa. Nào hiệu Ích Nguyên Hàng Gai, hiệu Giụ Nguyên và Thanh Quang Hàng Bạc, hiệu Cự Hương và Việt Hương Hàng Đào, hiệu Ngọc Anh và Thanh Hiên Hàng Đường, v.v... mỗi hiệu đều trình bày một thứ bánh với một hương vị riêng. Ai chiếm giải quán quân bánh đậu? Thật là khó giải quyết. Tôi đã lần lượt dùng hết chừng ấy thứ, đã ngẫm nghĩ và suy xét nhiều về cái vị ngon trước một chén chè tầu bốc khói. Tôi không có cái kiêu vọng bắt buộc người khác phải theo cái quyết định của mình. Nhưng tôi không khỏi có cái sở thích riêng trong việc đó.

Bánh đậu của Ích Nguyên thì thẳng thắn và thực thà, mịn vì đậu

ngon nguyên chất. Bánh của Thanh Quang nhiều hương thơm vani, nhưng đường dùng hay loạn soạn, của Giụ Nguyên thì ướt vì nhiều mỡ quá; của Cự Hương thì nhạt vị, của Việt Hương thì dẻo quá: tựa như đậu trắng, của Ngọc Anh thì hơi khô khan, của Thanh Hiên thì hơi cứng mình... Kể về vị ngon, thì mỗi thứ của một hiệu đều có một đặc sắc riêng, đủ để cho người ta chuộng. Nhưng tôi thì ưa thích thứ bánh đậu của Hàng Gai hơn, vì giản dị và mộc mạc. Đậu thì nguyên chất đậu, và hương thơm cũng chỉ là hương thơm riêng của bột đậu xanh. Cho nên bỏ vào mồm thì tan đều, ăn ngẫm nghĩ rồi mới thấy béo, suy xét rồi mới thấy thơm. Cái ông cụ già làm bánh ở hiệu đó có nói chuyện rằng: trước kia, vì theo thời, ông cũng cho thêm hương vani vào bánh. Nhưng các khách hàng quen, trong số đó có vài ông khách hàng già ở ngoại ô, đều yêu cầu nên giữ nguyên hương vị đậu như xưa, và nhà hàng từ đó cứ theo như thế. Đấy thật là một ý kiến hay.

BÁNH KHẢO, KẸO LẠC

Đi với bánh đậu, còn có các thứ bánh khảo, và các thứ kẹo lạc, kẹo vừng. Về bánh khảo, hoặc nhân hạt sen, đậu đen hay đậu xanh, thì hiệu Cự Hương là nhất. Ngày trước, hiệu Ngọc Anh có tiếng khắp kẻ chợ thôn quê; nhưng từ ngày Cự Hương ở tỉnh Đông dồn lên, thì ngôi bá chủ đã thay người. Trong khi Cự Hương mỗi ngày một tiến bộ trong cách tìm tòi khiến cho bột bánh được mềm dẻo, nhân đậu được nhuyễn trong, và cách trình bày được sạch sẽ tinh tươm, thì Ngọc Anh nằm ngủ trên cái danh vọng cũ của mình, uể oải bán hàng cho khách. Hiệu đó hình như giàu rồi mà lại... mà người Việt Nam mình phần nhiều giàu có rồi thì không hay cố nữa. (Đó là cái tật chung của người mình, khiến cho không có một công cuộc nào phát đạt được lâu dài, cả từ trong cách buôn bán cho đến những công nghệ khác). Thế mà Ngọc Anh còn thứ kẹo lạc ngon, ngon vì mùi vani cho vừa phải, vì cái rải vừng vừa chín không hăng sống và cũng không khét cháy, và nhất là đường của kẹo không dính răng... Cái ngon đó tôi cho cũng là một sự tình cờ, ngay chính nhà hàng bán có lẽ cũng không biết rằng hàng của mình ngon hơn hàng khác. Vì ta thử và mua ở hiệu đó mà xem: chẳng có ai săn đón mời chào khách, nhà hàng thản nhiên và dửng dưng như không cần bán, mua hay không đều tỏ ý không cần. Nếu ta giục lắm, bấy giờ mới có hai cậu nhỏ

quần vải, áo nâu, quệt tay vào tà áo, rồi thò vào lọ bốc kẹo, gói vào mảnh nhật trình cũ, nếu ta mua có năm xu hay một hào. (Ấy là hồi giấy còn rẻ, chứ bây giờ...).

Thật là đáng tiếc. Ồ, sao sự cố gắng ở nước này không được lâu bền nhỉ? Hiệu Cự Hương phát đạt một độ, giờ xem ra hình như cũng đã có những triệu chứng – tuy chưa rõ rệt – của một sự mệt mỏi, chểnh mảng rồi.

Mà tài làm bánh của người mình không phải là kém cỏi. Cái thứ bánh dẻo Trung thu của Cự Hương không kém gì bánh của Tầu, và các thứ bánh kem của Việt Hương không thua gì bánh của Tây. Ta chỉ còn thua cái chí, cái cố gắng nữa mà thôi: nghĩa là còn thua nhiều, nhiều lắm.

Cho nên ngày tết Trung thu, thấy người Việt Nam xô nhau đến mua bánh nướng của Đông Hưng Viên, chen đẩy nhau như họp chợ, và chịu khó chờ đợi hàng giờ, nghe những câu vô lễ và nhìn cái vẻ không cần của mấy chú bán hàng, chúng ta chớ nên lấy làm lạ vội. Người Việt Nam mình – nghĩa là ông với tôi – nhẫn nhục và kiên nhẫn cũng nhiều lắm.

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được hạt cốm dẻo, thơm và ngon được bằng ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến

mùa cốm các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...

Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết? Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nhoáng và thô kệch bắt chước người ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu mà thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?)

*

*   *

Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng *lá cốm*, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Cho có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chắt chiu mà vuốt ve... Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quà ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm xào, thắng

đường rất quánh. Thành ra một thứ quà ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta lại còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đạm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ.

Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng và còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lành. Nhưng cũng chẳng gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về.

QUÀ... TỨC LÀ NGƯỜI

Chúng ta đã lần lượt điểm qua các thứ quà rong ở Hà Nội, cả quà ngọt như đường mía lẫn quà mặn như muối Trương Lẫm. Tất cả những thứ quà đó chứng tỏ cái thay đổi lắm màu của sự thưởng thức của người Hà Nội, cái phong phú và cái tế nhị vô cùng. Có cả một chút ưa thích cái quá đáng, cái rờn rợn, thế nào nhỉ? Cả một chút tà hiếu nữa. Ớt thì thích ớt rất cay, cà cuống thì rất hăng, chanh thì ưa thứ chanh non cốm. – Trong cái chua dấm dứt của nước bún ốc, trong cái béo ngầy ngọt của thịt lươn, trong cái vị khai nồng của sứa đỏ, biết đón hưởng cái thú mình làm ghê mình, như ăn mơ chua với gừng, khế dầm với nước mắm, chứ không thẳng thắn, không thật như quà mộc mạc và giản dị các nơi làm bằng gạo mới, đỗ nành – những món quà *lương thiện* không đánh lừa vị miệng và dạ dày. Những người của Hà Nội 36 phố phường phức tạp hơn, và đáng yêu hơn cũng vì chỗ ấy.

Ngày trước, ngày tôi còn nhỏ, đã được thưởng thức một thứ quà rong đặc biệt gọi là *bánh bật cười*. Gói quà phong giấy tựa như phong thuốc lào, nhưng phồng hơn. Giá cũng rẻ; có một xu hai phong. Kẻ bán hàng là một người đàn bà có tuổi, mắt sắc và miệng tươi, đon đả mời chào các cậu bé ở trường về hay thơ thẩn chơi ở vệ hè. Ấy hình dung người đàn bà ấy tôi chỉ còn nhớ được có thế, vì không ai được trông thấy người ấy hai lần.

Xin mãi mới được đồng xu mới, tôi vội vàng và hí hửng ra mua thứ bánh lạ lùng ấy. Đem về mở ra khoe với mẹ, thì chỉ thấy bay ra... hai con ruồi. Nó bay đi mất. Tôi ôm mặt khóc, còn cả nhà thì nổi lên cười. Nhưng tưởng mất một xu mua được trận cười (tuy cười mình) tưởng cũng là không đắt và còn mụ kia thật đáng thưởng tiền vì đã

biết đánh trúng vào các lòng ham lạ của trẻ con Hà Nội.

Nhưng cái tục lệ đẹp đẽ ấy nay mất dần đi... Sự sành ăn và cái thưởng thức của người nơi văn vật đã kém sắc sảo, ý nhị rồi chăng? Có thế mới ra đời được những thứ phục linh cấu xanh đỏ và nhây nhớt, những thứ kem "Việt Nam" và "Hải Phòng" và "Thượng Hải" và trăm thứ bà dằn vừa nhạt vừa tanh, cái thứ ghê gớm "chè trân châu (!) glacé"; còn có thứ kẹo rắn như đá núi Cai Kình của chú khách đập hai thỏi sắt vào nhau làm hiệu, cái thú thịt bò khô với củ cải (hay đu đủ?) dầm đậm, chế thêm ít phẩm đỏ, một thứ quà bẩn thỉu và độc vô cùng mà các học trò Hà Nội hay ưa thích... Tôi còn tha thứ hơn cái thứ "kẹo vừng, kẹo bột" ngày xưa tuy nó không ngon, nhưng ít ra cũng đem lại cho phố phường Hà Nội cái tiếng rao kéo dài và hơi buồn của lũ trẻ bán hàng.

VÀI THỨ CHUYÊN MÔN NỮA

Chút nữa thì tôi đi hết những thứ quà đặc biệt của Hà Nội mà không nói đến cái thứ bánh tôm nóng, đã là sở ước và thú vị của suốt một đời học sinh. Lúc bấy giờ đương là mùa rét. Gió bấc lạnh thổi vi vu qua khe cửa nhà trường, làm thâm tím môi và cóng tay vài chục cậu học trò trong lớp. Càng sung sướng biết bao khi ra ngoài cổng trường, ngồi xúm quanh cái chảo mỡ nóng của bác hàng bánh tôm bốc hơi trên ngọn lửa... rồi hồi hộp chờ đợi bác đong cái đĩa bột trắng, để lên trên hai ba con tôm khô, điểm thêm mấy nhát khoai thái nhỏ, và dúng vào mỡ sèo sèo... Ruột hơi se lại trước, chúng tôi nhìn cái bánh bột vàng dần, vàng dần, con tôm co lại, nhát khoai nở ra, và cái bánh hơi cong lên như nóng nẩy muốn nằm ra đĩa. Một mùi thơm ngấy tỏa nhẹ lên không khí, mà chúng tôi hít một cách khoan khoái cùng với cơn gió lạnh phía Bắc về... Chiếc kéo của bác bán hàng thoăn thoắt cắt nhỏ ra từng miếng. Chúng tôi không kịp so đũa, đã hỏi bác rót nước chấm có dấm chua và ớt bột thật cay. Và chúng tôi ăn trong lúc bánh còn nóng hôi hổi, bỏng cả miệng, cả môi, cả lưỡi – chảy nước mắt vì ớt xông vào cổ họng, xuýt xoa cho vị bánh đượm lâu. Ngon biết chừng nào!

Cái hăng hái, ngốn ngấu ấy, bây giờ không còn nữa, và dẫu ta có muốn cũng không trở lại nào. Mỗi tuổi có một cái thích khác nhau

(và không ích gì lấy ở đây ra những điều triết lý).

Cái vị bánh tôm mạnh mẽ bao nhiêu thì cái thứ bánh sau đây lại dịu dàng bấy nhiêu. Tôi muốn nói thứ "bánh bò chê" trắng như sữa và nhẹ như bông... Không phải thứ bánh của bất cứ người bán hàng nào, nhất là không phải của các người bán hàng Việt Nam, chỉ đem ra những cái bánh vừa nặng bột vừa chua (Một lần nữa tôi nhận thấy cái kém của người mình). Nhưng là thứ bánh bò của một chú khách người tầm thước, nếu không hơi lùn; chú chỉ bán buổi sáng, vào quãng từ bảy giờ đến chín giờ, và chỉ quanh quẩn trong mấy phố gần trung tâm Hà Nội: Hàng Bè, Gia Ngư, Hàng Bạc, Hàng Buồm... với một thứ tiếng rao riêng. Bánh chú bán hai xu một chiếc: đó là thứ bánh hình tròn, to bằng cái đĩa chén chè, và phồng hai bên tựa như chiếc bánh đúc nhà quê.

Hình như người khách mới biết cái thuật cho bột được nhẹ, và sốp, bằng cách men. Cho nên chiếc bánh bò chê của chú khách trên kia ăn rất nhẹ nhàng, với một cảm tưởng rất dễ tiêu, vì bánh hơi ngòn ngọt, thơm thơm, bột dẻo và bông như sợi tơ. Có thể cắn một miếng to, nhưng rút lại vẫn vừa miệng, và đủ nóng bốc hơi để tỏa ra cái mùi gạo mới. Kể là một thứ quà điểm tâm buổi sáng thì rất hợp, rất thanh.

Tiện đây tôi nhắc đến thứ cháo hoa buổi sớm cũng của người khách bán. Thứ cháo tên là "bạc chúc", gạo nhỏ biến và mịn như nhung, thỉnh thoảng điểm cái vị thơm mát của ý dĩ, và cái vị bùi của thảo quả. Hoặc ăn cháo không, hoặc ăn cháo với "dâu chặc quây", một thứ bánh bột mì rán vàng và phồng, mà cái béo ngấy và sự ròn tan ra hòa hợp rất kín đáo và rất mỹ thuật với cháo loãng. Trong thức quà buổi sớm đó, có một cái nhỏ nhắn, tế nhị, và thanh tao; chỉ những người nào sau một đêm mệt nhọc, đương háo nước, mới thưởng thức được hết.

*

* *

Cũng một hàng bánh làm bằng bột có men ấy, còn có một thứ đặc biệt nữa, mà người khách rao là "chê cà cô", và người mình gọi nôm là "bánh bò tàu" (lại Tàu). Phải, nó là thứ bánh bò tàu chứ không phải bò tây, hay bò ta. Vì thế nó ngon hơn nhiều lắm.

Cái thứ bánh ấy, lúc hấp gần chín, thì chất men bốc hơi. Nhưng

bong bóng hơi rất nhỏ, và rất nhiều, từ dưới đáy đi vút lên, rồi tan vỡ ra ở trên mảng bột. Thành thử cái mặt bánh ấy có một hình thù kỳ lạ, lỗ chỗ như rỗ hoa; và thân bánh rất xốp, từng sợi ghép vào nhau, óng ánh như nhũ thạch trong một cái động đá hoa. Bánh vừa dẻo lại vừa ròn, trong cái ngọt lại thoảng cái vị hơi chua, nên ăn một miếng lại muốn ăn miếng nữa.

Tuy là thứ bánh của người Tàu, nhưng chừng như không phải bất cứ người Tàu nào cũng làm được. Thứ bánh đó, nghe đâu ở Hà Nội chỉ có một nhà chuyên môn làm, và bán mối cho những người đi bán rong. Tôi ước ao rằng, ở nhà đó, thứ bánh ấy sẽ do tay một thiếu nữ Tàu xinh đẹp nấu, bởi vì người đẹp mà lại làm bánh ngon, thì đến Trời cũng không nhịn đừng ăn được.

*

*   *

– Thế là gần hết các thứ quà của Hà Nội.

Tôi nói gần hết bởi vì cũng còn nhiều thứ hàng ngày chúng ta vẫn nghe rao, mà ở đây không nói đến. Phần thường, tôi chỉ chú ý đến những thức quà vĩnh viễn, mà có chút gì đặc biệt, đáng yêu. Vì có nhiều thức quà, tựa như sao băng vụt qua bầu trời mùa hạ, hiện ra rồi lại mất đi, không còn dấu vết gì để lại. Cái đời ngắn ngủi ấy, duyên cớ ở chỗ các thức đó chỉ hợp với cái thị hiếu một thời: không phải chỉ ở trong y phục, trong trang sức hay trong văn chương, mới có những cái "mốt", những cái đua đòi mà thôi. Cả đến trong việc ăn uống cũng vậy. Người ta theo nhau ăn thức quà này, cũng như người ta theo nhau mặc kiểu áo kia. Và chỉ có những thức quà nào có những hương vị chắc chắn và phong phú, mới có thể bền lâu được. Cũng như một cuốn tiểu thuyết nếu không có cái hay tiềm tàng, mà mỗi ngày một tỏ ra mới lạ, thì chỉ được hoan nghênh nhất thời, hoặc dài hay ngắn. Sự bất tử ở văn chương và ở thực phẩm thật có giống nhau.

Xét những thức quà của ta, thật có nhiều thứ quà ngon mùi vị rất dồi dào. Phần nhiều là những thức quà đã có xưa, đã có nền nếp, có quy củ hẳn hoi, và mang trong hương vị cái mùi ngon đằm thắm của đất nước nhà. Sản phẩm của đồng ruộng, của núi sông, những thức quà ấy là dấu hiệu sự thưởng thức của người mình, vừa tao nhã lại vừa chân thật. Từ ông cụ đồ nho khẽ nhấp rượu để ngẫm nghĩ về cái vị ngon đến bậc mệnh phụ nhà gia thế, từ trong buồng the kín đáo và nghiêm cẩn,

truyền bảo cho cô gái tơ những bí mật của cách đổ bột, pha đường.

Đó là những vật quý mà sự mất đi, nếu xảy đến, sẽ khiến người sành ăn phải ngậm ngùi. Người mình ham thanh chuộng lạ, đã bắt đầu khinh rẻ những thứ đáng yêu ấy, có cái ngon mà họ đã gần quên mùi vị. Một đằng khác, không ai chịu để ý và hết sức làm cho mỗi ngày một hoàn hảo hơn lên, cải cách cho hợp với thời mới. Những cái gia truyền dần dần mất đi, những cái khéo léo không còn giữ được. Chúng ta đã khinh bỉ cái ăn cái uống quá, tuy không tự thú rằng những cái đó là cần, rằng tự mình vẫn thích. Giờ đến lúc phải nên thẳng thắn, và thành thực: trọng cái mình yêu và công nhận cái mình thích.

NHỮNG CHỐN ĂN CHƠI

Muốn biết rõ một thành phố, không cần phải biết những lâu đài mỹ thuật, những nhà bảo tàng, những tờ báo, hay những nhà văn, nhưng cần phải biết những chốn mà dân thành phố ấy ăn chơi. Ăn và chơi, phải, đó là hai điều hành động mà trong ấy người ta tỏ rõ cái tâm tính, cái linh hồn mình một cách chân thực nhất.

Với lại đó không phải là hai cái hành động cốt yếu của đời ư? Trong sự ăn chơi, có cả dấu hiệu của dân thành thị, cả những tật xấu hay nết hay, những cái yếu hèn cũng như những cái kiêu ngạo.

Biết ăn và biết chơi, không phải là dễ dàng như người ta tưởng. Và chính bởi vì từ xưa đến nay, sự ăn chơi ở nước ta bị khinh miệt, bị dè bỉu, nhưng người ta vẫn cứ phải chịu theo luật lệ chặt chẽ, nên cách ăn chơi của người mình mới luộm thuộm, và cẩu thả, và tục tằn, rồi ngược lại, có một ảnh hưởng xấu xa đến tất cả cuộc đời, cả xã hội.

Ồ, nhưng mà từ nãy đến giờ tôi đã nói những gì nhỉ? Thôi, vứt bỏ quách những lời bàn phiếm, những tư tưởng khó khăn ấy đi. Chúng ta hãy để ý quan sát bọn người ngồi ăn trong hiệu kia, nhận xét những cử chỉ, những nét mặt, và những tiếng cười của họ. Một cách cầm đũa, một cách đưa thìa lên húp canh, bảo cho ta biết nhiều về một hạng người hơn là trăm pho sách. Và nhất là những thức mà họ ăn... *Bảo cho tôi biết anh ăn gì, tôi sẽ nói anh là người thế nào.*

Hà Nội là động tiên nga,
Sáu giờ tắt hết đèn xa đèn gần,
Vui nhất là chợ Đồng Xuân.

Trước khi nói đến những nơi ăn chơi của Hà Nội, tưởng cũng nên dạo qua chợ Đồng Xuân, – cái "bụng" của thành phố, – là nơi mà những vật liệu cần cho các cao lâu từ các vùng quê và ngoại ô dồn đến. Ở đây, chúng ta được thấy các thực phẩm còn giữ nguyên hình trước khi biến thành những món xào nấu ngon lành dưới tay các đầu bếp nổi danh hay các bà nội trợ. Tất cả của ngon vật lạ các nơi đều đem đến đấy, để hiến cho sự thưởng thức sành sỏi của người Hà Nội.

Có lẽ tìm được nhiều cái hay, nếu chịu khó tính xem dân Hà Nội một ngày tiêu thụ bao nhiêu mỗi thứ, bao nhiêu rau, bao nhiêu thịt. Nhưng ở đây không phải là một cuộc điều tra, cũng không phải là một bài phóng sự. Cho nên, nói đến chợ Đồng Xuân, tôi muốn trình bày cái hình thức khác, cái vẻ riêng tấp nập, cái không khí ồn ào, cái màu sắc đặc biệt, hơn là tính cách cùng xấu tốt của các thức ăn kia. Chợ Đồng Xuân là chợ của người Hà Nội, không giống các chợ nhà quê, mà cũng không giống các chợ Bến Thành Sài Gòn, hay Chợ Mới ở Chợ Lớn. Bạn hãy vào chợ một ngày phiên, và để mắt ngắm nhìn cùng nhận xét; từ người buôn kẻ bán, cho đến những người mua; từ bác bồi bếp, cậu nhỏ, cô sen, cho đến các bà sành sỏi hay các cô thiếu nữ rụt rè sợ hớ, tất cả chừng ấy người hoạt động trước mắt ta, hình dáng phức tạp và thu nhỏ lại của cái xã hội người Phường Phố. Không có bức tranh nào linh hoạt và thắm màu hơn.

CHỢ MÁT BAN ĐÊM

Ngày phiên chính thì chợ bắt đầu họp từ ba giờ khuya.

Không phải là họp ở trong, nhưng là họp ở ngoài cổng, ngay giữa đường, do những người, tuy có thức hàng bán, mà có lẽ không bước chân vào chợ ngày nào.

Hai ba giờ đêm, khi các đường phố của Hà Nội đã trở lại yên tĩnh và vắng lặng, sau cái hoạt động cuối cùng của những người đi xem hát hay đi coi chớp ảnh về, thì từ phía các ngoại ô, từng tốp một, các người trồng hay bán "la ghim" bắt đầu đem hàng của họ vào. Những gánh hàng nặng trĩu và kẽo kẹt trên vai, theo cái đưa đẩy có dịp của bước đi, những người ấy vội vàng và yên lặng, không nói một lời nào. Họ không có thì giờ. Có khi từ nơi cách xa Hà Nội bốn, năm cây số, họ phải rảo bước để đến kịp; và cứ trông cái thân người uốn

cong dưới gánh nặng, chúng ta biết ngay là những người cần lao và chịu khó, quen đi với những công việc nhọc nhằn, và nhẫn nại, ít nói trên mẩu đất. Thỉnh thoảng, vài nhà khá giả hơn – tương đối – mang hàng đi trên những chiếc xe tay bánh gỗ ngày xưa, cũ kỹ và tơi tả, lộc cộc lạch cạch theo bước chân của một anh nhỏ kéo, gầy gò và áo rách vai. Những mớ rau tươi mới hái, còn ướt sũng sương đêm hay là nước mát, rỏ từng giọt xuống đường thành một vệt dài. Đủ cả các thứ rau và quả của những mảnh vườn phì nhiêu và chăm bón ở chung quanh Hà Nội: những củ su hào tròn lớn và màu như ngọc thạch, những củ cải đỏ thắm như máu tươi, những củ cà rốt vàng thắm như màu da cam, nằm cạnh những quả cà giải bóng và tím như men tầu, những quả su su xanh ngắt, những củ *radis* phớt hồng và xinh xắn, mà người ta đoán sẽ ròn tan dưới hàm răng và những thức rau, mà cái vẻ mặt tươi xanh tốt trông dịu mát và đỡ khát cho thân thể; những mớ tỏi tây xếp thành chồng cao, những bắp "sà lách" chắc chắn và quấn quýt, những bông "cải hoa" mềm mại và ngon lành, bên các mớ cần hay muống mượt tươi, khiến ta nghĩ đến những ao xanh rờn như tấm thảm ở thôn quê.

Họ gánh hàng đến và bầy ra ở trước chợ, ngay trên đường nhựa để đợi các người đến mua buôn. Dưới ánh sáng đèn điện, và trong luồng gió thoảng đêm khuya, đấy là một phiên chợ của cái mát mẻ, non tươi, "phiên chợ xanh" của cả Hà Nội họp mà người Hà Nội không biết. Những thức hàng mỏng manh ấy không thể đợi được cái ánh sáng gay gắt của ban ngày để mà héo úa, nên trước khi trời sáng, trước khi phiên chợ chính thức bắt đầu họp dưới mái tôn, thì phiên chợ xanh đã tàn. Những người bán lại quang gánh không đi trở ra các ngoại ô, và những chiếc xe gỗ cũ kỹ lại lộc cộc dắt về các đường đất quanh thành phố.

BÀ CỤ BÁN XÔI

Trong khi chợ xanh đang họp, tuy đêm khuya, mà quang cảnh cũng không thiếu phần tấp nập. Những người bán gọi thêm một số người mua, cả người bán lẫn người mua lại gọi thêm một số hàng quà. Gánh hàng phở nóng trước chợ Đồng Xuân lúc ba giờ đêm cũng là một gánh phở ngon, có lẽ trong không khí mát và lặng ban đêm, mùi phở thơm quyến rũ người ta hơn. Rồi hàng xôi, hàng bánh cuốn

nóng, hàng bánh tây chả, vân vân, cũng tụ họp nhau vào để lập thành cho đầy đủ một dãy quà ngon, nhiều hương vị.

Nhưng các hàng quà đó chỉ có bán những buổi phiên chợ mà thôi. Ngoài ra, có một hai hàng quà bán quanh đêm, dù phiên chợ xanh có họp hay không. Vì trước chợ Đồng Xuân không bao giờ lâm vào cảnh vắng lặng và tịch mịch. Bao giờ cũng có người: một vài thầy đội xếp đến "tua" đi tuần đêm, một vài người đi bán vé, một số đông các bác kéo xe... và một vài người thích chơi khuya, hoặc ở các rạp hát hay nhà chớp bóng về, còn vui chân lang thang mãi trên các vỉa hè Hà Nội để nghe tiếng gót giày của mình vang động; hoặc ở cao lâu ra, muốn đi hóng mát cho tiêu, hoặc ở các tiệm thuốc phiện ra – cái này thì phần nhiều – đã có một vài điệu chếnh choáng trong chân, muốn đi đây, đó, không mục đích, không cần nghĩ giờ về, và thấy đời lúc ấy dung dị dễ chịu và tàm tạm sống được...

Muốn thức quà no, thì lại hàng xôi, cơm của bà cụ phố Hàng Khoai. Bà dọn hàng trước cửa chợ đã từ lâu lắm, không biết đã mấy năm rồi, và chỉ dọn từ lúc chín, mười giờ tối trở đi cho đến sáng. Bà bán đủ các thức xôi: xôi vò, ăn bùi và béo, xôi đỗ ăn đậm vị, xôi lạc ăn vui miệng, đôi khi cả xôi gấc đỏ tươi, lúc xới ra, khói bốc thơm phức... Ăn với những miếng đậu thái vuông to, rán phồng (tuy rất ít mỡ) và mắm muối sẵn sàng; hay những miếng chả trâu không ngon lành lắm – người nghèo có kỳ quản đâu! Đã lâu, bà có làm một thứ giò sỏ, mỡ ròn và mộc nhĩ, ăn cũng thú vị.

Khi nào độ chừng khách hàng đã ngấy xôi, thì bà bán cả cơm, với cá giếc rán, với trứng gà "ôm lét" (mà tôi ngờ là trứng vịt!) với vó bò hay giò lợn, và cả một nồi mọc đông quánh như keo sơn, béo ngậy như thịt đông.

Ở đây, không có gì đáng quyến rũ một người sành thưởng thức, quả vậy. Nhưng phải trông các bác xe, các người phu ngồi ăn, mới hiểu cái ngon lành có thể đến được bực nào!

Nhắp một vài chén rượu, thong thả gặm một mảnh vó bò may còn dính nhiều thịt, vo tròn nắm xôi trong tay trước khi đưa lên miệng, họ có cái sung sướng của nhà nghệ sĩ thưởng thức áng văn hay, (có lẽ họ là những nghệ sĩ không biết). Mà nếu hôm ấy buổi xe lại có lãi, thừa được vài hào, thì cái thú của họ thực là vô cùng tận.

Cho nên quanh mẹt hàng của bà cụ phố Hàng Khoai, bao giờ cũng vây một hai vòng người. Thỉnh thoảng chúng ta được thấy một

vài nhân vật lạ; một vài người, không biết ở đâu, và sống bằng cách gì, gầy gò và rách rưới, nhưng quần áo rách là những thứ quần áo sang trọng trước kia. Nhìn kỹ thì biết là những người nghiện; phải, mà chỉ có những người nghiện mới biết đưa miếng giò lợn lên ngắm nghía một cách âu yếm và thiết tha nhường ấy, mới biết khà hớp rượu một cách ngon lành như vậy, mới biết đưa tay có móng đen véo đĩa xôi một cách chắt chiu thế kia; họ tính từng xu, thêm bớt từng tí mỡ, và mặc cả từng khoanh giò; nhưng cái nhấm nhía, cái lờ đờ mắt ngẫm nghĩ đến vị miếng ăn, đủ tỏ một tâm hồn cảm giác không thường, cùng với một sự từng trải đã quá nhiều đau đớn.

Cái ngon ấy cũng dễ lây lắm. Cả đến chính bà hàng cũng theo được cái nên thưởng thức. Những lúc vắng khách, bà cũng rót một chén rượu to để cạnh, và thong thả tự nhấm những thức ăn chính tay mình làm ra... Có lẽ bà tự lấy làm bằng lòng: vì mắt bà lâu dần mờ say đi, tay bà dính thêm nhiều mỡ, và bên thúng thêm một đống xương con... Ít ra ở đâu mà được người bán cùng với người mua cùng là tri kỷ, hiểu các vị một cách thấu đáo như thế, và cùng bàn chuyện về xôi, giò chả với cái dễ dàng thân mật của những người kính phục lẫn nhau. – Ở đâu, nếu không ở chốn Hà Nội 36 phố phường.

...

"Giờ ăn đã no rồi, rượu đã làm cháy khô cuống họng. Còn gì bằng một chén nước chè nóng, một lá trầu tươi, một điếu thuốc lào ở cái điếu rõ kêu? Vậy xin mời các ông sang bên "*Hàng nước cô Dần*"...

HÀNG NƯỚC CÔ DẦN

Cô Dần là một thiếu nữ hãy còn trẻ, cứ nghe tên cô thì đủ biết (cái lối đặt tên của cổ nhân ta nghĩ cũng thẳng thắn và thực thà: mang cái tuổi trong tên mình, không cần giấu giếm). Tuy vậy cô là một thiếu nữ đảm đang lắm. Tất cả các cô hàng nước đều đảm đang. Một mình cô trông nom cái cửa hàng nước ở trước chợ Đồng Xuân, bên cạnh bà bán hàng xôi, và cũng như bà, cô bán hàng từ chín, mười giờ tối, suốt đêm cho tới sáng.

Cửa hàng của cô cũng không có gì: một vài miếng trầu, một vài phong thuốc lào, một bao thuốc lá bán lẻ, vài cái bát uống nước, như các bát uống nước ở tất cả các hàng nước Việt Nam, đặt úp xuống

mặt chõng. Nhưng hàng cô Dần có một chút đặc biệt hơn: cô không bán nước vối hay nước chè tươi. Cô bán nước chè, tôi cũng không biết là chè mạn hay chè hột, chỉ biết là một thứ chè cũng dễ uống. Và có lẽ bán cho người ở đất "văn minh", nên cô bán nước chè uống với đường. Và ấm chè của hàng cô bao giờ cũng nóng sôi, dù trời rét hay trời nóng, mùa đông hay mùa hạ. Ấm chè bọc một cái áo gai rất cẩn thận, dựng bên một cái hỏa lò than cũng hồng, mang một ấm nước bao giờ cũng reo sôi.

Ai uống nước đường thì đã có cốc thủy tinh, một xu một cốc. Cô múc vào cốc một thìa đường, – tuy đường đắt mà xem ra cô cũng múc nới tay lắm -, nghiêng bình chè rót đầy cốc, và đưa lên cho khách với cái nhìn của đôi mắt nhỏ, lanh lẹn, hai con ngươi đen bóng loáng, như hai con mắt của một con vật non nào.

Ăn cơm, uống rượu xong mà được một cốc nước chè đường rất nóng thì ai chẳng thích. Nên hàng cô Dần đông khách lắm, có khi cô trở tay bán không kịp. Kẻ đứng, người ngồi xúm vòng quanh – nhưng ngồi xổm mà thôi, vì hàng nước ấy lại còn cái đặc biệt khác nữa là không có ghế ngồi. Những bác phu xe đặt nón, lần túi lấy một điếu thuốc lào, vài thày đội xếp uống chè từng ngụm nhỏ trên xe đạp gác ở hè, với vài khách hàng áo ngắn, còn trẻ tuổi, hay điểm thêm vào vị nước một vài câu bông đùa nhè nhẹ đối với cô hàng. Thỉnh thoảng, một bác phu già, rụt rè thầm khẽ bên tai cô hàng nước, hoặc trả tạm một vài xu ở món nợ còn lại, hoặc nằn nì xin chịu nữa. Cô hàng díu đôi lông mày nhỏ lại một chút, nhưng cô dễ tính, rồi cũng bằng lòng.

*

*   *

Một hàng nước đắt khách vì các thức quà bán đã đành, nhưng đôi khi cũng đắt khách vì cả cô hàng. Cô hàng nước Việt Nam là nhân vật biểu hiện nhất của sự sinh hoạt Việt Nam – dù ở dưới bóng đa, bên ruộng lúa, hay ở dưới mái hiên của thành phố, ở đâu cũng vậy, miệng cười tươi của cô nàng là dây liên lạc khắp cả mọi người. Cô hàng nước Việt Nam, từ xưa đến nay đã chiếm một địa vị quan hệ trong lịch sử, và trong văn chương: đã có nhiều tiểu thuyết bắt đầu ở một hàng nước và kết cục cũng ở đấy.

Ồ, nhưng mà chúng ta hãy trở lại cô hàng nước của 36 phố phường. Cô nhũn nhặn lắm: cô mặc một cái áo tứ thân nâu cũ, giản

dị và đảm đang như các cô gái Việt Nam. Trong mấy ngày tết, người ta mới thấy cô khoác cái áo mới hơn một chút, vấn vành khăn tròn trặn và chặt chẽ hơn. Và dưới mái tóc đen, lúc đó mới lấp lánh mặt đá của đôi hoa vàng, bà cụ đánh cho cô năm vàng còn rẻ, làm cái vốn riêng, chắc thế.

Cô không đẹp, chỉ xinh thôi. Và tính cô, cũng như tuổi cô, còn trẻ con lắm. Thấy khách hàng nói một câu bông đùa, cô đã tưởng người ta chòng ghẹo mình, díu đôi lông mày lại, và ngoe nguẩy cái mình. Khách trông thấy chỉ cười. Nhưng cô cũng không giận ai lâu: chỉ một lát cô lại vui tính ngay.

Một hai năm nữa, lớn lên đi lấy chồng, ai là người thay cô trông nom ngôi hàng nước của "Hà Nội là động tiên sa"? – Cô bé em cô, hẳn vậy, sẽ ngồi bán hàng thay chị, lại que diêm, điếu thuốc, miếng trầu, – để kéo dài mãi mãi cái phong vị bình dân và mộc mạc của các cô hàng nước, cùng với các cô hàng xén kĩu kịt đi chợ Đông, chợ Đoài, là cái tinh hoa thuần túy của người Việt Nam từ xửa xưa đến giờ.

NHỮNG CHỐN ĂN CHƠI

CÁC HIỆU CAO LÂU KHÁCH

Những chốn ăn chơi của Hà Nội là nhất Bắc Kỳ, nhất cả Đông Dương nữa, cái đó đã rành rành, không ai chối cãi. Nhưng chúng ta phải buồn phiền mà nhận ra rằng những hiệu cao lâu có danh và bền vững, đều là của người Tàu. Về cách tổ chức một chốn ăn, về danh vọng của một ngôi hàng cơm, thật quả chúng ta không có nền nếp, tục lệ và quy củ. Hồi Hà Nội còn là kinh đô của vua Lê, chúa Trịnh, chắc cũng có nhiều quán rượu tươm tất do người mình chủ trương. Nhưng giờ vết tích còn đâu? Cái quán rượu mà cụ Nguyễn Du, lúc còn trẻ tuổi đã dắt ba, bốn người bạn vào uống rượu và bàn chuyện về lũ kiêu binh, cái quán rượu ấy chẳng hạn mà còn đến bây giờ, còn cả bộ trường kỷ mà Nguyễn Du đã ngồi, thì hẳn là một chốn đáng cho chúng ta trọng vọng dường nào.

Nhưng không có cái chúng ta muốn thì đành yêu mến cái mà chúng ta có. Mà những cái chúng ta – người của 36 phố phường – đang có thì cũng chẳng phải là không đáng yêu: bạn chắc đã nhiều lần thưởng thức cái món cánh gà rán, da ròn, thịt mềm vị thơm, của

Đông Hưng Viên, – hoặc một buổi chiều buồn bã, mượn cái men say của rượu Mai Quế Lộ sánh trong chén, để nhắm nhía cái bùi béo của những miếng phi tản trong như thạch đen, lẫn với cái vị cay ướt của nhát gừng muối hoặc rót một chút Thanh Mai còn nồng cái hương chua của những quả mơ ngàn, lên trên chiếc bánh dừa quánh nước; hoặc gọi một bát cơm lá sen để ngửi thấy mùi thơm ngát của mùa hạ trên hồ... bạn chắc đã thưởng thức cái mềm béo – ồ, tất cả cái thú vị của thớ thịt và của xương ròn – của món chim quay hiệu Quảng Sinh Long [1]; hoặc màu vàng óng ánh của đĩa "gà sì dầu"; bạn đã thưởng thức cái món thịt bò của hiệu "nhà khách cháy" Tự Lạc Hiên, có chú bếp béo quay và cô hàng nhí nhảnh; tất cả các món bằng thịt bò, sào cải làn, áp chảo, mì bò nước hay khô, mà bao giờ thịt cũng mềm, cháy xém ngoài mà trong vẫn sũng nước ngọt. Ấy là hồi năm ngoái, năm kia, chứ bây giờ thì chủ với tớ ở hiệu đã chia rẽ nhau rồi: ông chủ Tự Lạc vẫn ngồi gật gật cái đầu sau quầy hàng, mà chú bếp béo thì đã nghiễm nhiên trở nên một ông chủ khác của hiệu Nam Viên; còn cô gái khách nhí nhảnh ngày trước thì đã đi lấy chồng...

Ở Hàng Buồm còn hiệu Mỹ Kinh, nhưng cái ngon về món ăn thì hình như không trú chân ở đó; Hàng Trống có hiệu cao lâu Tứ Xuyên, Hàng Bông có Vân Nam tửu gia, Tự Hưng Lâu và Đại Á Tế Á, hiệu sang nhất Hà thành; đó là những hiệu cao lâu, cũng như các phòng ngủ, thi nhau mọc lên như nấm sau cái hồi dân Trung Quốc chạy loạn sang ta. Không có gì đáng kể, người Asia mà cái sang trọng lịch sự cũng được người ta coi trọng ngang với cái vị ngon, và chúng ta sẽ có dịp trở lại sau này.

Trở lên, đấy là tất cả những cao lâu của người Tàu ở Hà Nội, của một giống người có lẽ hơn ai hết đã nâng việc ẩm thực lên mực một nghệ thuật hết sức phiền toái, tỷ mỉ và cầu kỳ. Ngủ giường phương Tây, lấy vợ Nhật Bản, ăn thức ăn Tàu... Có dân nào vừa thanh cao trong chén rượu hâm nóng trên tuyết, hay trong chén trà núi Vũ Di

---

1. Các chim quay của hiệu này bao giờ cũng mềm, cũng béo, và cũng ngon như thế, bất cứ lúc nào và mùa nào. Ăn con chim quay hôm nay mà tưởng như vẫn ăn con chim quay hôm qua. Cái "đều hàng" ấy là một trong những cớ đắt hàng của hiệu và cũng là cái bí quyết riêng của đầu bếp Tàu. Cái bí quyết "quay chim" đó tôi vì các bà nội trợ Việt Nam muốn chiều chồng mà bày tỏ ra đây: một cái chảo to, sâu lòng, mỡ đầy đến miệng, (họ nói là mỡ nhưng tôi chắc cũng có một phần dầu), đun cho rõ nóng sôi; con chim sửa soạn đâu đấy, – một tí húng lìu cho thơm chăng? – chỉ còn việc đem dúng ngập vào chảo mỡ, liệu vừa được, vàng da chín thịt, thì vớt ra. Cái lối này, nếu làm một; hai con thì tốn mỡ nhưng mỡ đó có lẽ vẫn dùng được. Chim tất nhiên phải chim non, nếu chim đã có cháu chắt, thì bí quyết giời cũng chẳng làm cho ngon được

pha vào chén sứ mèn như ngọc thạch, lại vừa bề bộn thừa mứa trong những bữa tiệc đầy hàng chục món, cầu kỳ đến bắt một giống nhái ở Hồ Nam, gẩy bụng lấy nguyên miếng mỡ để nấu với nước dùng? Thật đi từ đầu nọ đến đầu kia, dùng hết cả giác quan và tìm hết cả cảm giác của linh hồn và của thân thể.

*

* *

Muốn thết bạn xa, hay đãi một người khách quý, hoặc trong một dịp long trọng hay đặc biệt nào đó, người của Hà Nội chỉ biết đưa nhau đến một trong những hiệu cao lâu ấy. Nhưng cũng chỉ ở những trường hợp ấy thôi; có lẽ vì ăn luôn những thức cầu kỳ và nhiều vị ấy chóng chán, hay cũng vì giá tiền có đôi chút hơi cao. Còn trong những lúc thường, lúc đi chơi mát vẩn vơ, hay ở các rạp tuồng, rạp chiếu bóng đi ra, người Hà Nội ưa đến những chỗ khác hơn; những hiệu nem, hiệu phở, hiệu cháo lòng, nho nhỏ, rải rác khắp các phố, phần nhiều của người ta trông nom; ở đấy, với một vài hào, họ đã có thể có dăm ba món dễ ăn, một cút rượu Văn Điển hay cút rượu Con Hươu, vài lá rau thơm quen thuộc, để khề khà nhấm nhía cái thú đi ăn hiệu. Ở đây, mới hội họp tất cả Hà Nội, sang cũng như hèn, đủ các hạng người, từ ông trưởng giả giàu có đến nhà văn sĩ nghèo nàn, trong cái hoạt động vui vẻ của cái không khí đặc biệt của Hà Nội.

Nhà xuất bản Đời Nay, Hà Nội, 1943.

NGÀY MỚI

(Tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

I

Trường bước từng bước nhẹ nhàng trên hè phố, ngước mắt nghịch nhìn ngôi sao hôm cùng theo chàng đi lấp vào sau các lá cây. Trời mùa hạ đen và trong thăm thẳm, các vì sao lấp lánh như cùng một điệu. Trường thấy tâm hồn mình cũng cùng một điệu vui vẻ như thế, và vòm trời, ngàn sao, với những cơn gió mát thoảng đến đối với Trường như hòa hợp, thân mật lắm.

Cái vui của Trường chỉ là một cái vui rất giản dị. Hai ngày trước, chàng vừa thi đỗ bằng Thành chung [1] một cách không ngờ. Khi nhận thấy tên mình trên bảng, Trường hồi hộp cảm động. Tuy chàng coi sự thi đỗ là một việc thường, và thấy người ta chú trọng đến cuộc thi một cách thái quá, chàng sinh ra khinh bỉ cuộc thi, vậy mà chàng không giữ nổi được sự vui mừng. Đến bây giờ Trường vẫn còn thấy người nhẹ nhõm và khoan khoái. Chàng muốn đi mau lên để chóng về tới nhà.

Qua một phố, Trường thấy đông đúc và ồn ào quá. Vì nóng nực, nên mọi người đều bắc ghế hay trải chiếu nằm ngổn ngang cả trên hè. Trẻ con chạy nhẩy nô đùa, và các hàng quà cất tiếng rao lanh lảnh.

Trường phải đi chậm lại, vì rìa đường người ta gánh nước rỏ ướt như tưới. Nhìn vào các căn nhà, Trường thấy tối tăm và có hơi nóng nặng nề đưa ra; thỉnh thoảng, một nhà mới có ngọn đèn còn leo lét. Chàng cảm thấy cái sống eo hẹp của những người phố ấy, cái nghèo hèn của họ.

Sự liên tưởng nhắc Trường nghĩ đến căn nhà mình ở, cũng nhỏ

---

1. *Thành chung:* (tốt nghiệp) cao đẳng tiểu học, tương đương trung học cơ sở.

hẹp và nóng bức như thế. Nhà chàng từ quê dọn lên trên này được ba năm. Dọn được nhà lên tỉnh là nhờ hồi đó Xuân, anh cả chàng cũng đỗ bằng Thành chung như chàng bây giờ, và được bổ đi làm việc nhà nước. Mẹ chàng bèn thu xếp để lại ngôi hàng xén ở chợ quê, rồi đem cả gia đình lên thuê một căn nhà nhỏ ở Ngõ Huyện chỗ chàng ở bây giờ.

Một lần nữa, Trường thấy rõ rệt sự thi đỗ của chàng sẽ có một kết quả tốt cho cái đời sống chung của gia đình chàng. Đó là cái hy vọng độc nhất của những nhà nghèo như nhà chàng để bước lên được một địa vị cao hơn. Mẹ chàng đã để vào đấy bao nhiêu điều mong ước! Lúc chàng nộp giấy má để thi, mẹ chàng không ngần ngại mở cái tráp con lấy ra năm tờ giấy bạc mới nguyên đưa cho; sự tin cậy ấy Trường thấy ân cần và thấm thía, bởi vì vốn nghèo chàng đã hiểu biết giá trị của đồng tiền.

Trường bước đi, nghĩ ngợi, về đến đầu phố nhà lúc nào không biết. Bóng tối của căn phố nhỏ bao bọc lấy chàng. Trường rảo bước mau. Gần đến nhà, chàng thấy trên hè, những người ở bên cạnh bắc ghế ngồi hóng mát. Tiếng nói chuyện vui vẻ: chàng nhận ra lẫn trong đó một tiếng nói trong trẻo và dịu dàng của một người con gái.

Đẩy cửa bước vào nhà, Trường thấy đèn thắp sáng hơn mọi ngày thường. Biết là có khách đến chơi, Trường ngập ngừng toan quay ra; nhưng em gái chàng đã vui vẻ chạy ra hỏi:

– Anh đi chơi đâu mà bây giờ mới về? Bác Hai đến đợi anh mãi.

– Bác đến tự bao giờ?

– Đến đã lâu rồi. Bác ăn cơm ở đây, giờ đang nói chuyện với mẹ trong kia.

Trường treo mũ trên mắc, theo em đi vào buồng trong. Vừa thấy con, mẹ Trường âu yếm bảo:

– Con đi đâu không về ăn cơm. Cả nhà đợi mãi, vừa mới ăn xong thôi, (và quay lại phía con gái). Lan dọn cơm cho anh con ăn đi.

Bà Hai nhìn Trường, cất tiếng nói to: "Đây, có lê táo tôi mang đến mừng cậu cử mới đấy". Một dịp cười khanh khách để lộ hai hàm răng đen của bà và làm răn cái mặt hồng hào phinh phính.

– Xin cám ơn bác, bác lại còn cho...

Trường vừa lúng túng nói vừa nhìn bà Hai một cách vui vẻ.

Chàng ngồi xuống ghế, vô tình với tay mân mê mấy quyển sách để

trên bàn; những quyển sách không bìa, góc giấy đã cong, chằng chịt những chữ và nét mực. Bao nhiêu đêm thức khó nhọc để làm việc?

Bà Hai săn sóc hỏi:

– Hết hè, cậu Trường mới xin vào học chứ?

– Thưa bác, học đâu cơ ạ?

– Vào Cao đẳng chứ còn đâu nữa.

– À, vâng. Nhưng cũng còn lâu.

Trường vừa trả lời vừa mơ màng nghĩ ngợi: "Với lại cháu cũng chưa định xin vào ban nào".

– Tôi tưởng chỉ có một trường Cao đẳng thôi.

Bà Hai quay về phía mẹ Trường: "Cậu Tuyết đỗ Tham biện cũng ở Cao đẳng ra đấy bà ạ".

Trường đáp:

– Vâng, ông ấy học trường Luật. Còn nhiều trường nữa, như trường Sư phạm, trường Thuốc, trường Lục lộ, Canh nông.

Tự nhiên chàng nói thêm:

– Có lẽ cháu xin vào học Canh nông. Để về làm ruộng.

Bà Hai khanh khách cười, vì bà cho là câu nói đùa không quan hệ. Có lẽ bà cũng không hiểu trường Canh nông là gì. Đối với bà, chỉ có trường học thi đỗ ra làm Tham biện mà thôi.

Trường ngẫm nghĩ: chính chàng cũng chưa biết hết hè sẽ làm gì. Xin đi làm hay lo vào Cao đẳng học nữa? Trường lấy làm lạ thấy đối với một vấn đề quan hệ đến tương lai của đời chàng như thế, mà chàng không thiết tha lắm. Thật ra, từ lúc nhỏ bắt đầu đi học cho đến bây giờ, chàng chưa bao giờ thấy sự học biết là thích. Chỉ có những cái thỏa mãn cỏn con của lòng tự ái: đứng đầu lớp, được giải thưởng, lời thầy ban khen hay một lời cảm phục thốt ra ở miệng những bạn học về một bài luận. Còn ngoài ra, Trường thấy đi học cũng như làm một việc gì khác, chàng học bởi vì chung quanh chàng người ta cũng học. Tuy nhà chàng nghèo, và chàng vẫn nghe thấy các cha mẹ khuyên con cố học để sau đi làm lấy tiền, chàng cũng không thấy cái liên lạc gì trong việc học và tiền bạc cả.

Khi chàng còn nhỏ ở nhà quê, ông cậu họ ngoại của chàng thi đỗ về mở tiệc ăn khao linh đình, mời cả hàng huyện. Trường đứng dựa một bên cột nhà nghe những lời chúc tụng, nhìn vẻ mặt hân hoan

sung sướng của bà cụ "Cố", lấy làm lạ lùng lắm. Nhưng khi nhìn đến mẹ chàng cũng được mời sang ăn cỗ, thấy mẹ ngồi trầm ngâm có vẻ khác, Trường tuy bé cũng cảm thấy có một cái gì mà chàng không nhận biết được sự quan trọng của nó.

Thấy Trường nghĩ ngợi, bà Hai nhìn chàng có vẻ âu yếm và kính phục. Bà quay lại phía mẹ Trường, khẽ nói:

– Cậu ấy bây giờ xanh và gầy nhỉ. Tôi có mấy lạng cao của bà Cửu để lại, tốt lắm. Để mai tôi cho nó mang lại cậu ấy dùng nhé.

Bà lại lộ vẻ lo lắng:

– Bà phải cho cậu ấy tẩm bổ luôn mới được. Học mãi nó rạc người ra. Như cậu gì con bà Huyện Thanh ấy, về sau ho lao mà chết đấy.

Trường nghe nói buồn cười. Mẹ Trường cũng cười, và hơi có vẻ kiêu, đáp:

– Cậu nó nhà tôi thì chả bao giờ ho lao vì học cả, vì có học mấy đâu! Hễ tôi có khuyên bảo thì nó lại nói chẳng cần học cũng thi đỗ.

Bà cụ cười, tiếp thêm:

– Ấy bà tính con nhà rắn đầu rắn cổ thế đấy.

Cả hai bà lại cùng nhau cười vang lên ròn như tiếng nhạc. Mẹ Trường giở gói lê, táo, từ nãy vẫn để nguyên, lấy dao gọt vỏ:

– Thứ này bây giờ cũng đến năm, sáu hào chỉ một cân, nhỉ bà nhỉ?

Bà Hai trả lời dung dị, ra vẻ không quan tâm đến:

– Tôi cũng chẳng biết nữa. Ấy, cháu ở nhà nó mua đấy. (Rồi bà nhìn cân lê, táo, gật gù cái đầu). Dễ cũng như thế. Bây giờ cuối kỳ tầu nên hoa quả đắt.

Bà quay gọi Lan:

– "Này chị mang ra cho anh ấy ăn", và chọn đĩa ngon nhất đưa cho.

Trông thấy đĩa lê, táo, cắt từng miếng xinh xắn và gọn ghẽ, Trường tưởng đến những ngón tay búp măng của một thiếu nữ con nhà nền nếp xén gọt thức ăn mời khách. Chàng mỉm cười; người thiếu nữ mà chàng tưởng tượng đó chính là cô Hảo con gái cả bà Hai. Chàng có sẽ lấy cô Hảo không? Trường chưa bao giờ trả lời câu hỏi ấy và chàng cũng không muốn quyết định nữa.

Trường được nghe nói đến cô Hảo từ lâu lắm, hồi chàng hãy còn nhỏ. Mẹ chàng với bà Hai là bạn thân, hai bạn lối cổ ngày xưa, nghĩa

là không những hai bà chơi thân với nhau, cả đến chồng con và họ hàng cũng thành quen biết nhau nữa. Ai là người có ý và nói đến trước? Chỉ biết hai bà đã định với nhau sẽ gả lẫn con. Anh Xuân thì nhiều tuổi; cho nên chàng rể của bà Hai định sẽ là Trường.

Mẹ chàng đã nhiều lần nói đến chuyện ấy với Trường, nhưng lần nào chàng cũng chỉ yên lặng nghe, không tỏ ý kiến gì cả. Vả lại, Trường có ý kiến gì mà tỏ bầy? Chàng chẳng hiểu việc nhân duyên ra sao: chưa bao giờ chàng nghĩ đến sự ấy. Cũng như những người còn trẻ tuổi khác, nếu có ai hỏi về sự lấy vợ, có lẽ chàng sẽ không biết trả lời đấy là một việc tốt hay xấu. Tuy vậy, khi còn ở nhà quê, Trường thường được xem những đám cưới mà cô dâu chú rể hãy còn bé con. Trường thấy mọi người tỏ vẻ trân trọng về việc ấy như một việc rất quan trọng, chàng tự nhủ rằng đấy là công việc của người lớn mà chàng không hiểu được.

Chỉ có một sự chắc chắn là: bà Hai vì thế đối với Trường rất ân cần. Bà săn sóc đến sức khỏe, đến sự học của chàng, giúp đỡ chàng trong việc ăn học, và giúp đỡ cả mẹ chàng tiền để buôn bán nữa.

Trường lại nhìn bà Hai, quan sát nét mặt và dáng điệu của bà. Trường biết hôm nay, bà sung sướng và mãn nguyện lắm. Một cái vui chắc chắn và giản dị, vì tâm hồn bà ta cũng giản dị. Bà là một người đàn bà ở hạng trưởng giả, sống và nghĩ theo một vài khuôn khổ đã định sẵn, những khuôn khổ truyền nối mãi trong gia đình. Cho nên lúc nào bà cũng bình tĩnh thản nhiên, không có lúc nào nghĩ quanh quẩn.

Trường để mặc hai bà trò chuyện với nhau, bắc ghế ra ngoài hè ngồi. Trời lại nóng và oi ả hơn lúc trước. Một thân sấu cằn và khô héo đứng sững bên kia đường, cành lá im lặng như chờ đợi. Đây là tất cả cây cỏ xanh tươi mà chàng được nhìn ngắm từ khi đến ở căn phố chật hẹp này.

Những người ở bên cạnh đã vào cả trong nhà. Mấy cái ghế với một cái bàn mây nhỏ, trên bầy bừa bãi khay và ấm chén, hãy còn để ngoài. Một lát sau, Trường thấy một người thiếu nữ đi ra xếp dọn. Trong bóng tối, chàng đoán một khuôn mặt trái soan, một thân hình nhỏ nhắn và yểu điệu. Thiếu nữ thu dọn rất nhanh chóng, rồi lễ mễ một mình khiêng bàn ghế vào. Trường vui mắt nhìn theo mãi.

Gió nhẹ đã bắt đầu hiu hắt, cùng với cái êm dịu của ban đêm; trời trong ban nãy không còn nữa. Mây kéo che kín cả, và ánh mấy ngôi sao lờ mờ như sắp tắt.

Lan trong nhà bước ra, đứng tựa bên ghế anh, nghiêng đầu một tay giữ mớ tóc, một tay vuốt cho chóng khô. Tóc của Lan rất dài và đẹp, nàng chăm chú đến luôn.

Trường hỏi em:

– Hai bà đã xong chuyện chưa? Không biết bao giờ mới được đi nghỉ.

Trường nghĩ phàn nàn cho mình vì căn nhà chật hẹp không có buồng riêng để nằm trong khi mẹ tiếp khách.

– "Còn lâu anh ạ". Lan cúi xuống nói khẽ: "Em thấy hai bà đương bàn chuyện quan trọng lắm. Đố anh biết chuyện gì?" Rồi không để Trường kịp trả lời, Lan cười, tiếp: "Chuyện cô Hảo với anh đấy. Em thấy bác Hai mai rủ mẹ đi xem bói ở Cầu Giấy".

Trường cau mày nói:

– Bói với toán, chỉ vẽ nhảm. – Thực ra chàng khó chịu vì thấy bà Hai và mẹ chàng lại bàn chuyện ấy. Nhưng không muốn để em biết, chàng hỏi lảng: – Anh Xuân đi đâu chưa về?

– Anh ấy bảo đi xem chớp ảnh. Em chả tin tí nào. Hôm nay thứ bẩy, chắc anh ấy lại đi chơi suốt đêm chứ gì.

Hai anh em thoáng nhìn nhau, yên lặng. Đã mấy tháng nay, từ ngày chị cả giận chồng trở về quê thì Trường thấy anh hay đi chơi khuya luôn luôn. Anh Xuân trước khỏe mạnh, bây giờ thành ra bơ phờ, mắt sâu và có quầng đen. Trường nhớ lại những câu gắt gỏng của anh cả nói với mẹ, chàng có khi chợt thấy mẹ ngồi một mình nghĩ ngợi, mắt đỏ lên như mới khóc. Trường biết mẹ buồn, nhưng không dám hỏi rõ việc gì. Chàng cũng không muốn nghĩ hơn về chuyện ấy nữa, và bảo em:

– Em Lan, em vào xem mẹ có sai gì không đi.

Lan vâng lời nhẹ nhàng đi vào. Trường nhìn em âu yếm.

Khi bà Hai về rồi, Trường vào trong nhà thay quần áo đi nghỉ.

Ngọn đèn dầu tây có chụp bằng lụa xanh mỏng đã để lên giữa bàn học. Ánh đèn dìu dịu chiếu một khoảng sáng xuống mặt bàn, thân mật và êm đềm. Trường nhớ lại những đêm chàng thức khuya ngồi học, bên mẹ, anh và em Lan, cảnh gia đình đầm ấm dưới bóng đèn khuya như trong những truyện cổ của Tầu mà chàng được nghe đọc hồi còn nhỏ.

Trường muốn hưởng lại cái thú đơn sơ ấy. Chàng kéo ghế ngồi

bên bàn. Mẹ chàng vừa thu dọn xong mặt giường bề bộn những sơ cau và vỏ gọt, đến trước tủ đứng xếp mấy quả lê, táo còn lại trên đĩa:

– Bà Hai thấy con đỗ mừng lắm đấy. Mai bà ấy lại không đi khoe hết mọi người cho mà xem.

Trường không trả lời. Lan đứng quạt màn cho anh, nói chen:

– Tính bác ấy vui chuyện mà hay nói. Nói chuyện với mẹ từ chiều đến giờ mà không biết mệt, con chịu.

Bà Phán vui vẻ đến bàn ngồi trước mặt con. Trong vòng ánh đèn sáng, Trường thấy nét mặt mẹ hoan hỉ, hai con mắt long lanh vui sướng. Mẹ chàng hơi cúi mặt xuống xem quyển lịch, mái tóc điểm nhiều sợi trắng phía trên và hai bên thái dương. Những đường răn dài và sâu đi ngang trán, sát xuống lông mày, càng thêm rõ rệt.

Trường cảm động nhìn mẹ. Nét mặt lo nghĩ của mẹ, Trường đã quen lắm. Đã nhiều lần, không biết bao nhiêu lần nữa, khi đi học về, thỉnh thoảng Trường thấy mẹ đang ngồi coi hàng tự nhiên yên hẳn người, mắt nhìn vào quãng không, và trán răn lại, đang suy nghĩ sự gì khó khăn và đau đớn lắm. Nỗi đau đớn mà Trường đoán trong những lúc đó làm chàng e sợ, lẳng lặng vào nhà cất sách và rón rén ra sân sau, không dám động mạnh.

Bây giờ chàng cũng ngồi lặng yên, Lan buông màn xong, dịu dàng đến bên mẹ, nhập vào vùng ánh sáng của ngọn đèn. Hai má nàng trơn tru và mái tóc mượt đen, trái ngược hẳn với nét mặt già nua của mẹ.

Trường cảm thấy cái đầm ấm của gia đình. Chàng muốn cái thời khắc ấy cứ lâu. Chàng nhìn theo những con bọ xanh lá mạ bay vòng quanh đèn và nhẩy trên giấy trắng, nói vu vơ:

– Ở đây cũng có những con này như ở nhà quê, Lan nhỉ.

– "Không nhiều bằng, anh ạ". Lan đưa tay tinh nghịch đuổi bắt một con: "Ở nhà quê, khi anh với em ngồi học ngoài sân, nó bay đến bao nhiêu. Có kể hằng hà sa số".

Bà Phán bỏ quyển lịch xuống, ngẩng lên nhìn hai con:

– Cả con muỗm này nữa. Ngày xưa, thầy không cho giết, cứ bảo có nó đến thì giầu.

Lan bật cười đáp:

– Thế mà nhà ta cũng chẳng thấy giầu đâu cả.

Bà cụ nghĩ ngợi không trả lời, rồi nói:

– Giá thầy còn thì hôm con thi đỗ thế nào cũng phải giết gà ăn mừng.

– Vâng.

Trường hơi lo thấy mẹ nhắc đến dĩ vãng. Chàng sợ cái vui sẽ mất. Lần nào cũng thế, hễ ngồi nói chuyện với mẹ, là Trường lại thấy mẹ nói đến những sự đã qua; hoặc than thở những chuyện trong gia đình. Thành ra tuy yêu mẹ, mà Trường ít khi dám nói chuyện một mình với mẹ lâu. Chàng trốn tránh những lúc đối diện ấy.

Nhưng lần này, bà Phán không nói thêm nữa. Bà gấp quyển lịch, đứng dậy treo vào cái đinh trên tường, vươn vai rồi bảo con gái:

– "Thôi đi ngủ đi con", và bảo Trường: "Con cũng đi nghỉ thôi, khuya rồi".

Lan cúi xuống dưới bàn khoa chân tìm guốc, rồi đứng dậy thắp cái đèn hoa kỳ nhỏ. Cử chỉ đã quen ấy khiến Trường trông thấy sinh buồn ngủ.

Chàng ra phòng ngoài, buông màn rồi trèo lên giường. Không bao giờ chàng đợi giấc ngủ một cách tin cẩn như đêm nay.

Chàng khoan khoái duỗi mình trên nan tre giường kêu cót két, đẩy cái gối sát vào tường, rồi để tay lên ngực, nhắm mắt lại. Mơ màng chàng thấy hiện ra cái quang cảnh các thí sinh đợi xem bảng, dưới rặng soan tây, hoa đỏ lẫn lá xanh bên đường lên Bưởi. Rồi nét mặt vui vẻ, thực thà của bà Hai, mớ tóc bạc của mẹ bên đèn, những hình ảnh ấy thoáng qua trước mắt.

Trường xoay mình cho đỡ mệt. Chàng thoáng nghe tiếng mẹ và em thì thào trong buồng trong, mơ thấy cô Hảo, con gái bà Hai, tới nằm bên cạnh chàng. Rồi Trường đắm đuối trong giấc ngủ say sưa của tuổi trẻ.

II

Ăn cơm sáng xong, bà Phán gọi Trường bảo:

– Chiều hôm nay đằng bà Hai có kỵ, tối con lại ăn cỗ.

Trường chưa kịp đáp, bà mẹ lại tiếp:

– Cả mẹ cũng đến. Con chỉ đến có việc ăn mà thôi.

– Vâng, vẫn biết thế, nhưng...

Trường lưỡng lự. Chàng không muốn đi, nhưng cũng không dám từ chối:

– "Mẹ đi cũng đủ. Con không đến có được không ạ?" Trường vừa nói vừa nhìn mẹ:

– "Ăn cỗ phiền chết thế này này".

Chàng sắp sửa nhăn mặt để tỏ vẻ khó chịu, lại phải đổi nét mặt đi, vì thấy mẹ đã hơi gắt:

– Thằng này rõ dở hơi. Đến ăn cỗ thôi chứ có làm việc gì mà sợ. Với lại thế nào mày cũng phải đến.

Trường lặng yên không dám trả lời. Bà Phán nói chàng phải đến như là bổn phận bắt buộc tuy Trường không hiểu tại sao lại phải như thế. Chàng rất sợ đi ăn cỗ, nhất là đi ăn cỗ ở nhà bà Hai. Đến những chỗ ấy, Trường tự thấy mình rụt rè và ngượng nghịu. Chàng phải vấn đáp với những người đạo mạo, giữ từng câu nói cho đúng phép, lễ bàn thờ trước mặt mọi người. Cái thế giới ấy không hợp với chàng, trong đó người ta giữ gìn lề lối một cách kiểu cách và câu nệ; chàng xưa nay chỉ quen nói chuyện tự nhiên với những người quê mùa giản dị thôi. Ở nhà bà Hai ngày giỗ lại có những người cũng trẻ tuổi như chàng, nhưng chàng thấy họ khác hẳn. Họ ăn nói trong bữa cỗ và tiếp chuyện các ông già một cách rất dung dị, nói những câu thường và chẳng có ý nghĩa gì hết. Trường cũng muốn nói những câu như thế, nhưng không hiểu tại sao chàng trở nên lúng túng. Có những cử chỉ, những cách trả lời những câu mời mọc trong bữa ăn, cách đón đỡ những miếng người ta gắp vào bát, mà Trường không biết. Cho nên bữa ăn cỗ nào cũng chỉ là một cái khó chịu đối với chàng và chàng muốn thoát ra cho mau.

Bà Phán thấy con cau mặt nghĩ ngợi không khỏi băn khoăn. Nhưng bà không hiểu được những nỗi e ngại của Trường. Bà ngạc nhiên lấy làm lạ cho là do sự muốn đi chơi chỗ khác của con. Bà dịu giọng bảo:

– Thế nào chiều con cũng lại nhé. Mẹ sẽ đi trước.

– Vâng.

Muốn cho con vui vẻ bằng lòng, bà Phán cho con biết:

– Hôm nọ, bác Hai đến đây đã có mời, hôm nay lại sai con Tuyết đến mời hai lượt nữa.

Tưởng được lòng con, bà cụ thêm:

– Với lại đến cho người ta mừng cậu Cử mới chứ. Chắc thế nào cũng có Chương ở đấy.

Chương là người có họ với bà Hai, đương học trường Bảo hộ năm thứ tư. Trường cũng không quen biết Chương lắm, nhưng không hiểu tại sao Trường nhận thấy giữa chàng và Chương như có một sự ganh nhau về việc học và thi cử. Nay thấy chàng thi đỗ chắc là Chương khó chịu lắm. Bà Phán coi việc chàng đỗ như một sự thắng trận đáng kiêu ngạo.

Không muốn mẹ để ý đến những chuyện ấy. Trường lại nhận lời lần nữa và hứa chắc chắn. Tuy vậy lúc ra đi, bà cụ vẫn còn áy náy và gọi Lan dặn thế nào cũng phải nhắc anh đi ăn cỗ.

Mẹ đi rồi, Trường bắt đầu hối hận đã làm mẹ phiền lòng. Đi ăn cỗ thì làm sao mà ngại? Chàng tự cười mình là vô lý, gọi em gái lên hỏi:

– Lan có đi ăn cỗ không?

– Có, các cô, các bà thì năm giờ, còn các ông ăn vào khoảng sáu giờ. Em sắp sửa phải đi làm giúp đây.

– Lan đi ăn cỗ có thích không?

Lan nhìn anh cũng cười đáp:

– Sao lại không thích? Ăn cỗ thì ai chả muốn. Anh không biết, cỗ đằng bác Hai ngon lắm, cô Hảo rất khéo tay.

Lan lại cười cho đôi má núng lại:

– Em phải cốc vì cô ta luôn đấy. Mẹ cứ mắng sao không bắt chước làm được như cô ấy.

Trường vui vẻ:

– Thế à? Vậy thì cô nên đi ăn cỗ lắm. Tôi cũng đi.

Trường không thấy đi ăn cỗ là khó chịu nữa.

Chàng lại muốn đến ngay dự tiệc và nói chuyện. Lúc sắp đi, chàng ăn mặc rất tề chỉnh, thắt cái ca vát đẹp nhất, và mở hộp đựng đồ trang điểm của Lan, nhỏ một giọt nước hoa vào khăn tay lụa. Chàng bỗng thấy mình bạo dạn và dễ chịu.

Nhà bà Hai trang hoàng và trần thiết một cách rất sang trọng, rực rỡ. Bàn thờ được chăm chút hơn hết. Các đỉnh đồng, cây nến mới đánh sáng loáng dưới ánh đèn. Hai bó sen trắng cắm trong bình tỏa ra mùi thơm mát lẫn với mùi trầm và mùi hương vòng. Cái khung

ảnh ông cụ ngồi nghiêm trang trong ghế, cũng đã lau rửa sạch sẽ, như sẵn sàng để dự tiệc. Một chiếc màn the đỏ che trước bàn thờ, treo từ bức hoành phi rủ xuống.

Khách đến đông, các cụ già lẫn với người trẻ, chức vị và tâm tính khác nhau, nhưng cùng chung một giai cấp, ngồi hỗn độn trên mấy dẫy ghế kê sát tường, vừa uống nước chè vừa cắn hạt dưa. Trên chiếc sập gụ, sát tủ chè, mẹ Trường, bà Hai và mấy bà bệ vệ nữa, ngồi quanh lấy cơi trầu, tráp đỏ đựng thuốc lá. Các bà nói chuyện nhỏ nhẻ, và thong thả, thỉnh thoảng với tay lấy ống phóng để nhổ quết trầu, hay lấy điếu thuốc lào. Bà Hai mặt đỏ hồng, tiếng dõng dạc và to, đôi khi lại cười ròn như nắc nẻ, luôn tay pha nước và xếp trầu cau vào quả. Cô Tuyết chạy loanh quanh bên sập, tiếp nước và hạt dưa cho khách. Còn cô Hảo chốc chốc lại từ trong bếp đi ra, ghé tai mẹ hỏi thầm hiệu lệnh rồi lại vội vàng đi vào.

Ông Cửu là người huynh trưởng trong họ, ung dung ngồi xếp bằng trên ghế tựa, trải chiếu cạp mới, bên cạnh ông phán Bích, ông đồ Tiên và vài ông cụ nữa. Bọn trẻ hơn ngồi ở ghế quanh bàn, ông phán Ty và cậu Tiến, em ông, học ở trường Luật, cậu Hiệp đã đi làm và cậu Sơn cùng nói chuyện cười đùa và vui vẻ. Họ đều mặc quần áo tây rất lịch sự và gọn ghẽ, trừ cậu Tiến. Cậu này mặc chiếc áo sa hoa, đội khăn lượt xếp, tóc chải mượt lật ra đằng sau. Người cậu mảnh dẻ yếu ớt như con gái, hai bàn tay trắng xinh xắn để duỗi trên đầu gối. Lẫn vào bọn đó có mấy người ra vẻ nhà quê, tuy kể thứ bực chú bác, nhưng vì nghèo và vay mượn tiền bà Hai luôn, nên không được kính trọng lắm. Họ ngồi yên lặng nghe người khác nói chuyện, đợi chờ bữa ăn một cách kiên tâm.

Như trong mỗi buổi hội họp xã giao khác của người Việt Nam, câu chuyện không chung cho cả mọi người cùng dự. Có người nào khởi xướng lên vấn đề gì rất thông thường mà ai cũng có thể bàn được, thì chỉ vài câu rồi lại hết. Người ta lại quay ra bàn chuyện riêng trong một vài người với nhau, những người cùng một công việc hay quen biết nhau; có khi nói thì thầm như thuật một câu chuyện gì bí mật, trong khi những người khác làm như không nghe thấy, ngồi cắn hạt dưa đỡ buồn, và thỉnh thoảng đưa mắt nhìn lên mấy bức hoành phi câu đối treo ở tường.

Riêng có ông Cửu được mọi người kính trọng và chú ý đến nhất. Tiếng ông nói vang khắp cả nhà, át hẳn những tiếng nói rụt rè của

người khác. Thỉnh thoảng, ông hất đầu ra đằng sau, đưa hai ngón tay lên quét đôi môi đỏ vì quết trầu; rồi ông vuốt râu mép cong xuống, một cách thong thả và khoan khoái.

Câu chuyện bấy giờ đang xoay về vấn đề quan hệ là nên đi làm giáo học hay nên đi làm thông phán ở các sở hơn. Mọi người bàn tán và cân nhắc cái lợi hại của hai nghề.

– "Theo ý tôi – lời ông Cửu nói – thì đi xin làm thông phán Tòa sứ là hơn cả. Dạy học chóng hại người lắm. Chính tôi đã dạy học một dạo ở nhà quê nên tôi biết".

Ông tắc lưỡi rồi hạ giọng thấp xuống như nói một điều kinh nghiệm riêng:

– Với lại bây giờ tình thầy trò bạc bẽo lắm, không có đằm thắm như ngày trước.

Cậu Sơn, với lòng hăng hái của tuổi trẻ, vội vã:

– Thưa cụ, miễn là mình làm hết bổn phận thời thôi, chứ còn sự đó cần gì. Làm giáo học thích nhất được tự do, không ai quản thúc mình.

– Thế đi làm thông phán thì ai quản thúc? Cậu nói không đúng. Đằng nào cũng có quan trên, còn tự do mình vẫn được tự do chứ.

Ông phán Ty, cậu Hiệp cũng đều cùng với ông Cửu một ý kiến: làm thông phán các sở sướng hơn làm giáo học. Họ hăng hái dẫn giải những cái lợi và danh giá của ông phán Tòa sứ, chắc hẳn được ý tán thành của các bà và các cô. Cậu Sơn thấy mình kém thế, đành ngồi yên. Mặt cậu hơi đỏ, vì chính cậu học ở trường Sư phạm.

Riêng cậu Tiến ngồi yên lặng nghe, không nói: câu chuyện ấy không bận gì đến cậu. Vì cậu sắp ra làm tham biện, một chức mà không ai bàn tán thiệt hơn nữa.

Ông Cửu muốn đẹp lòng cậu, ân cần hỏi:

– Cậu chỉ còn một năm nữa đã thi ra đấy nhỉ?

– Thưa vâng.

– Thôi, làm ông tham vài ba năm rồi xin xuất chính thì vừa. Quan huyện trẻ tuổi lúc bấy giờ đừng quên chúng tôi nhé?

Ông Cửu ngửa đầu ra đằng sau cười. Mọi người cũng cười theo. Riêng cậu Tiến sẽ mỉm miệng khiêm tốn, xếp lại vạt áo sa hoa trên

lòng. Mấy ngón tay búp măng của cậu nâng chén nước chè nhỏ, khoan thai đưa lên miệng nhấp.

Còn mấy người nhà quê, suốt từ đầu không nói câu gì, chỉ lặng lẽ giương mắt nhìn các ông kia một cách kính trọng và khiếp phục.

*

*   *

Giữa lúc ấy thì Trường đến.

Ở trên xe xuống. Trường nhìn vào nhà bà Hai thấy đèn thắp sáng và bóng người tấp nập đang cười nói. Chàng ngần ngừ chưa bước qua ngưỡng cửa. Sự lưỡng lự ấy làm Trường lại thấy mất hết cái mạnh bạo từ lúc ở nhà đi. Chàng thành ra rụt rè như cũ.

Khi Trường vào trong nhà, mọi người đều quay lại nhìn chàng một cách chăm chú. Trường ngả mũ không biết chào ai trước, mà cũng không biết gọi những người đó thế nào; chàng chỉ lúng búng trong miệng mấy câu nói mà chính chàng cũng không hiểu là những câu gì.

May quá, bà Hai đến giúp chàng. Vừa trông thấy chàng vào, bà đứng ngay dậy, tươi cười đon đả chạy lại kéo ghế mời rối rít: "Cậu ngồi đây, cậu ngồi đây!" Rồi bà quát người nhà pha nước và mang thuốc lá lại.

Trường ngồi xuống ghế, thu chân vào trong, cái mũ vẫn để trên đùi. Bà Hai vừa đặt chén nước xuống bàn, vừa hỏi:

– Sao cậu bây giờ mới đến?

Rồi không đợi nghe câu Trường trả lời, bà ngơ ngác nhìn quanh, ngoảnh về phía trong và lớn tiếng gọi:

– Cậu Bình đâu, không ra tiếp khách à?

Sau bàn thờ có tiếng đáp lại, rồi Bình bước ra, xúng xính trong bộ quần áo mới. Bình là con trai út bà Hai, mới có mười một tuổi. Thật là một đứa trẻ con ẻo lả, có nước da xanh của người không mấy khi ra nắng. Cậu không có một tý gì là cái vẻ nhanh nhẹn và nghịch ngợm của trẻ ngần ấy tuổi. Trông cậu như một người lớn, đạo mạo, nghiêm trang, như hiểu rõ cái địa vị quan trọng của mình là người con trưởng trong một ngày giỗ.

Trường rất lấy làm cảm phục Bình, tuy cậu này nhỏ tuổi. Bởi vì Trường thấy cậu bé con ấy làm nhiều việc khó khăn một cách rất dễ dàng, những việc mà chàng không làm được. Cậu Bình biết cúi chào và thưa bẩm rất đúng phép, ăn nói rất mềm mỏng và đáp lễ những người đến thăm một cách rất trịnh trọng.

Bình sửa lại khăn đội đầu cho tề chỉnh, đến bên Trường thân mật hỏi:

– Anh đến muộn thế. Mẹ em lại vừa cho người lại mời nữa, sợ anh quên. À, còn anh Xuân đâu anh? Sao không thấy đến. Cả chị ấy nữa.

– Anh ấy phải đi làm. Chị tôi về quê đã lâu.

Bình có vẻ sửng sốt: "Kìa, sao bảo chị Xuân về mua ruộng đã ra rồi kia mà!" Rồi ghé sát Trường nói nhỏ: "Còn anh Xuân thì đi làm gì bây giờ. Anh ấy đi chơi thì có". Bình nói xong nhìn Trường cười rất ranh mãnh.

Trường bắt đầu thấy khó chịu. Chị Xuân về mua ruộng? Chính chàng cũng không biết việc ấy, và lấy làm ngượng vì Bình hình như lại biết rõ chuyện hơn mình. Chàng quay người về phía trong chỗ các bà ngồi. Bà Phán thấy con nhìn liền đưa mắt trông bàn thờ ra hiệu. Trường sực nhớ tới điều quan hệ nhất trong việc đi ăn cỗ là lễ bàn thờ. Chàng vội vàng đứng dậy, nhưng nhìn đến bộ quần áo tây đang mặc, chàng lưỡng lự chưa biết làm thế nào. Bà Phán tinh ý nói đón ngay:

– Con đứng vái cũng được.

Bà Hai vội vàng đáp:

– Thôi, chả phải bầy vẽ nữa. Các cậu ấy bây giờ tân thời, cụ cũng chước cho cả.

Tuy vậy bà vẫn đứng yên không làm gì ngăn trở Trường. Chàng đành phải đứng trước bàn thờ cúi đầu vái. Không biết vái mấy cái cho đúng lệ, Trường tự thấy ngượng nghịu lạ. Chàng tưởng như mọi người ở sau lưng đều đang để ý đến mình.

Khi ngửng mặt lên, Trường thấy thấp thoáng sau bức màn the đỏ, bóng cô Hảo đang đứng bên án thư sửa soạn cỗ cúng. Chàng hơi nghiêng mình đi: cô Hảo dưới ánh đèn, trông hồng hào và tươi tốt như đóa hoa mới nở. Mái tóc lòa xòa rủ xuống giữ ánh sáng trong sợi tơ, đôi má mịn màng và miệng chúm chím đỏ. Cô đưa mắt ra thấy Trường nhìn, vội vàng cúi xuống rồi lẩn mặt sau cây hương có ý thẹn.

Trường vái xong ra ngồi bên bàn góp chuyện với mọi người, ông Cửu nhìn chàng tỏ ý có cảm tình, ân cần hỏi Trường bao giờ thì nộp đơn xin vào Cao đẳng và định theo học ban nào. Lại những câu hỏi mà từ khi đỗ đến giờ chàng phải trải lời đã không biết bao nhiêu lượt.

Trường nhìn nét mặt vui tươi và tự túc của những người ngồi đấy, tưởng sắp được biết điều gì hay và lạ. Chàng chăm chú nghe mọi người nói, sợ mất những câu chuyện có bổ ích; mắt chàng đưa hết người nọ đến người kia, như một đứa trẻ trong căn hàng bày đồ chơi. Sau Trường lại gần bọn Sơn và Hiệp vì thấy họ bàn cãi hăng hái lắm. Chàng lặng yên nghe, đợi chờ một dịp để tỏ ý kiến mình.

Chợt Trường giật mình dưới một cái vỗ mạnh vào vai.

Chưa kịp quay lại, chàng đã thấy một bàn tay nắm chặt lấy tay mình lay mạnh, một cái bắt tay mạnh mẽ và thân mật. Sơn và Hiệp cùng reo:

– "Anh Chương!". Rồi nói đùa: "Thế nào hôm nay không phải "công sinh" [1] trong trường ạ".

Chương cười không trả lời, vỗ vai Trường hỏi:

– Kỳ thi năm này có khó hay không anh? Hình như vào vấn đáp hỏng nhiều lắm thì phải?

Chương ngẫm nghĩ, lại thêm:

– Tuy vậy mà năm nay số người đỗ hơn mọi năm nhiều lắm.

Trường tò mò nhìn người đối diện mình. Chàng thấy mặt Chương đỏ hơn mọi khi, mắt nhấp nháy luôn và cả cái mũi xù xì cũng hình như cử động để hợp không khí, Chương trông lúc nào cũng vui vẻ và nhanh nhẹn. Nhưng trên mặt thoáng lộ vẻ tự kiêu.

Trường nhận thấy trong giọng nói của Chương một ý ganh ghét và tức tối. Tiếng cười của anh ta gượng gạo và không thực thà, tuy lúc nào cũng vui vẻ, và vẫn nói chuyện với chàng một cách vồn vã.

Trường tự hỏi tại sao Chương lại có cái thái độ ấy. Chàng không thể hiểu sao người ta có thể ganh tị nhau về sự thi cử được, chàng xưa nay vẫn coi sự thi đỗ là một việc rất thường trong đời người học trò. Trường muốn nói rõ cho Chương biết rằng chàng không lấy sự đã thi đỗ làm kiêu và tự cho mình là hơn Chương đâu.

---

1. *"Công sinh"*: tiếng Pháp (consigné), nghĩa là bị phạt giữ lại (đối với học sinh, quân nhân).

Nhưng mọi người khác như không nghĩ thế. Trường nhận thấy cái giá trị của Chương đã kém hẳn trong ý họ. Không như mọi ngày giỗ trước, ông Cửu lần này không hỏi han Chương về sự học hành của anh ta nữa. Ông lắng tai nghe câu chuyện của bọn trẻ, những câu trả lời của Chương, đầu thỉnh thoảng se sẽ gật gù và mỉm cười kín đáo sau bộ râu.

Các bà, nhất là bà Hai và mẹ Trường, nông nổi và bộp chộp hơn đàn ông, nên cái ý so sánh hơn kém của họ lộ ra rõ rệt trong lời nói. Trong lúc mải câu chuyện, Trường đã đứng ngay bên cạnh Chương, hai người cùng dựa vào cái tủ thấp kê sát tường. Bà Hai trông thấy, vô tình nói:

– Cậu Trường đứng bên Chương trông lại càng xanh và gầy quá nhỉ?

Ai nấy đều quay lại nhìn. Mẹ Trường vui vẻ cười, nói:

– Chuyện, người ta học đêm học ngày mà lại! Làm gì chẳng gầy.

Rồi bà cất tiếng cười sung sướng, cái sung sướng của người mẹ tự kiêu vì con. Bà Hai cũng híp mắt cười rất ròn rã, cái cười của bà ta tự nhiên và ngay thực, dễ lây, nên mấy bà khác ngồi cùng sập cũng cất miệng cười theo.

Bên đàn ông yên lặng không nói gì. Chương cúi xuống ngắm nghía đôi giầy, mặt hơi đỏ vì thẹn. Cậu Tiến vẫn thản nhiên như không, vẫn lạnh lùng, nghiêm trang ngồi nhìn thẳng phía trước mặt như không để ý đến ai.

Chỉ Trường thấy vừa ngượng vừa khó chịu. Lòng kiêu vì con của mẹ chàng rõ rệt quá, và câu nói lúc nãy mỉa mai Chương quá. Chàng muốn cho mẹ thôi đừng nói đến chuyện ấy, nhưng không có cách gì, chàng đành cũng yên lặng. Rồi Trường thành ra tự giận dỗi mình. Chàng sợ người ta tưởng chàng cũng nghĩ như mẹ chàng và bà Hai, nghĩa là so sánh sự thi đỗ, và lấy đấy làm một cớ để kiêu ngạo.

Một vài lần, Trường đã thấy thoáng trên môi Tiến một nụ cười khinh khỉnh, cái nụ cười của kẻ tự biết mình giỏi hơn. Chàng chắc Tiến hẳn có ý chế nhạo mình và cả Chương. Cái cảm giác ấy càng làm tăng sự khó chịu của Trường, khiến chàng lại tự giận mình hơn nữa.

III

Cậu Bình bước lên sập, lại gần bàn thờ thay hương. Một lát người nhà bà Hai lễ mễ bưng mấy mâm cỗ ra, những mâm cỗ đầy, bát đĩa chồng chất lên nhau hai, ba từng, mà người ta vẫn dọn ngày giỗ tết trong những nhà sang trọng.

Các câu chuyện bỗng ngừng lại cả. Mọi người đều yên lặng chờ đợi. Ông Cửu vội vàng ngồi lui vào trong góc sập, thu gọn điếu và ấm chén sang một bên, để chỗ cho đầy tớ đặt mâm xuống. Ông làm những công việc ấy với vẻ thân mật của người nhà, tự tay sửa sang lại mâm cỗ, đặt lại những đĩa món ăn, hay gọi lấy thêm các cốc chén. Vừa làm ông vừa lên tiếng gọi những ông cụ khác đến ngồi cùng mâm.

Bọn người nhà quê rụt rè và lúng túng. Họ không biết ngồi vào đâu, cứ để mặc bà chủ và cậu Bình xếp đặt. Còn Trường và bọn cùng tuổi thì đã ngồi riêng ở quanh một bàn; không một người nào để ý đến mâm cỗ bầy trước mặt. Sơn và Hiệp mải cúi đọc một mẩu báo họ lượm được trên mặt tủ; cậu Tiến dựa đầu vào thành ghế nhìn lên trần. Còn riêng Trường, hơi lo lắng vì sắp đến lúc phải nói những câu mời mọc hay vô phép các bà và các người hơn tuổi. Chàng đã tưởng chỉ có bọn trẻ ngồi ăn với nhau, dễ chịu hơn. Nhưng chàng thấy bà Hai gọi một người đứng tuổi trong bọn nhà quê đến gần ghé tai thì thầm, rồi người ấy lại bàn Trường, kéo ghế ngồi xuống:

– Tôi xin ngồi đây thừa tiếp các ông.

Bọn Chương cùng quay lại, nhưng không ai trả lời. Trên sập, ông Cửu cùng với các ông cụ khác đã bắt đầu nhấm rượu. Trường đưa mắt nhìn mọi người rồi cầm đũa.

Một lát ngượng nghịu yên lặng trên bữa tiệc, ai nấy nhìn nhau, người nọ đợi người kia đứng dậy mời. Bà chủ đã chực sẵn gần bàn, hai tay xoa vào nhau một cách khoan khoái; và ngắm nghía kỹ càng mâm cỗ xem có thiếu thức gì không.

Chương tỏ mình là người lịch thiệp nhất, thong thả đứng dậy quay lại phía các bà nói mấy câu "thất lễ" rất lúng túng, nhưng được cái cũng không ai để ý. Bà Hai đến sát bên bàn, xếp lại mấy cái đĩa: – "Xin mời các cậu cứ tự nhiên đi cho. Đây là bữa ăn xoàng thôi mà".

Bà vừa cười vừa nói, nhưng ai cũng biết là bà không tin ở lời mình một chút nào.

– "Kìa, các cậu uống rượu đi!"

Bà giục luôn hai, ba câu. Trường cầm cốc lên, nhưng cũng phải đặt xuống, hai ba lần đợi, mọi người mới cùng nhau bắt đầu ăn.

Bên mâm các bà ngồi, tiếng mời mọc nhau tíu tít. Bà Hai lăng xăng chạy đi chạy lại, nhìn mâm này mâm khác. Một bà khách gọi với:

– Thôi bà chủ ngồi lại đây ăn với chúng tôi chứ. Cô Hảo đâu, bảo cô ra ngồi ăn một thể.

– Không, không, mời các bà cứ xơi đi, cháu nó sẽ ăn sau.

Nhưng bà Phán không bằng lòng:

– Lại còn vẽ ăn sau với ăn trước, thế nào cũng bảo cô ấy ra đây.

Quay lại phía các bà khác, bà Phán thêm, có ý khoe khoang hộ:

– Chính tay cô ấy làm lấy cả đấy. Vậy phải để cô ấy ngồi ăn một thể, có phải không các bà?

Các bà đều tán thành vâng theo, trừ bà Phán Ty còn dở bận trông nom và giữ tay đứa con lên ba ngồi bên cạnh. Bà Hai ra vẻ lưỡng lự một lát lấy lệ, rồi quay vào phía trong, cất tiếng gọi rất âu yếm: – "Hảo đâu ra ăn một thể con". Bà bảo Tuyết: "Con vào gọi chị con ra đi. À mà còn cô Lan đâu? Sao con không mời cô ra xơi cơm"?

Tuyết đáp:

– "Thưa đẻ, chị con ở trong nhà", rồi nàng nhanh nhẹn đi vào.

Một lát, cô Hảo từ buồng trong, vén màn e lệ bước ra. Lan theo sau, vừa đi vừa lau tay ướt vào vạt áo. Các bà vội vàng dẹp chỗ, thi nhau mời: "Cô ngồi đây, ngồi đây". Bà Phán Ty nói đùa:

– Cô ngồi đây để chúng tôi khen cô làm khéo chứ.

Cô Hảo đưa mắt nhìn mẹ, rồi vén áo khép nép ngồi ghé lên cạnh sập. Nàng cúi đầu quay vào mâm cỗ, mặt hơi đỏ và không dám trông ra phía ngoài. Trường lặng yên nhìn. Dáng điệu e thẹn của Hảo, Trường nhận thấy là tại vì có chàng ở đây. Sự đó khiến chàng thấy khoan khoái lòng tự ái.

Khi quay mặt lại, chàng thấy Tiến cũng đang đăm đăm nhìn Hảo một cách chăm chú, mắt để yên không chớp. Trường cho nhìn soi mói như thế là vô lễ, và lòng ghét Tiến chàng thấy càng tăng lên. Tất cả

các cử chỉ của Tiến làm chàng khó chịu: vẻ lãnh đạm, đài các, và nhất là nét mặt kiêu kỳ, dáng điệu ẻo lả của Tiến. Trường không ưa một chút nào. Chàng nhìn bàn tay trắng nổi gân xanh của Tiến như muốn nắm thật mạnh cho đau.

Tiếng đũa Trường để dằn xuống mâm làm Tiến quay lại: bốn mắt thoáng gặp nhau; Trường thấy mắt Tiến sáng lên, như hàm một ý thử thách.

Bữa tiệc gần tàn. Người nào cũng hơi say, nên ăn uống một cách thực thà và nhanh chóng hơn. Những vẻ lễ phép, giữ gìn không có nữa. Ông Cửu cười nói luôn miệng và đang kể cho bạn ngồi cùng mâm nghe mấy bài thơ Nôm mà ông đã được dân làng cử ra làm khi có các quí quan trên tỉnh về khánh thành nhà hộ sinh.

Trường ăn rất ít; nhìn mâm cỗ đầy với các món ăn kiểu cách, chàng đã thấy ngán từ trước. Chàng buông đũa, ngồi nhìn mọi người.

Bà Hai nét mặt cũng hân hoan như lúc mang lê, táo đến mừng chàng thi đỗ. Bà luôn luôn mời mọc và gắp đồ ăn vào bát các bà khách, thỉnh thoảng lại đút miếng giò cho đứa bé con bà Ty. Còn cô Hảo ngồi quay lại nên Trường chỉ nhận thấy cái lưng thon thon, mái tóc lưỡi trai đen nổi bật lên trên cái cổ trắng và xinh xắn.

Đèn nến vẫn sáng trưng trên bàn thờ, khói hương bốc lên nghi ngút. Tiếng ồn ào, mùi hương thơm và ánh đèn sáng bỗng khiến Trường nhớ đến những ngày giỗ ở quê nhà, sau khi cha chàng mất đi. Nhà nghèo nên cỗ bàn sơ sài, để trên một cái án thư đã mục nát và siêu vẹo làm bàn thờ. Trường không hiểu tại sao mẹ chàng lại cứ muốn mời đủ họ hàng đến ăn cỗ. Biết bao nhiêu nỗi nhục nhằn mà mẹ chàng đã phải chịu! Bởi vì những người sang và giàu có trong họ làm kiêu mời mọc mãi mới chịu đến.

Trường nhớ rất rõ rệt những cử chỉ kiêu hãnh của các anh em họ hàng, con những người giầu có kia. Khi ăn cỗ bọn họ chê bai những thức ăn mà mẹ chàng và Lan đã thức suốt đêm hôm trước làm ra. Tuy bọn anh em đó toàn trẻ tuổi, chưa biết giữ gìn lời nói, và Trường cũng mới có mười ba tuổi, chàng đã cảm thấy đau xót và uất ức trước những lời chế riễu.

Khi khách khứa đã về hết rồi. Trường thấy mẹ và em gái trân trọng vun vén những thức ăn còn lại để dành đến ngày mai. Tất cả cái nghèo nàn khốn khổ của gia đình lúc chàng còn thơ ấu, nổi lên trong trí nhớ Trường theo những kỷ niệm buồn rầu ấy.

Tiếng bà Hai mời đồ nước làm Trường trở lại hiện tại. Trước mặt chàng đã thấy bầy ra la liệt những quả tốt tươi, những bát sứ đựng chè và thạch ướp nước đá. Sự sung túc của nhà bà Hai và cái khéo léo của cô Hảo như hiển hiện trong những thức ăn sang trọng và lịch sự đó.

Trường lặng yên quan sát những người họ hàng nhà quê; chàng thấy mắt họ sáng lên trước những thức tráng miệng, mà có lẽ cả một đời họ ít khi được ăn đến. Họ cầm những quả lê, táo đưa lên ngắm nghía một cách chăm chú. Tuy vậy họ hình như không muốn ăn; Trường đoán họ có ý muốn dành phần đem về nhà để vợ con cùng được hưởng. Chàng thương hại và bỗng mỉm cười trong miệng, khi nhớ đến cái thái độ của chàng lúc còn bé ở quê nhà, được đứng ngoài nhìn trộm một bữa cỗ sang trọng bên họ ngoại. Đứa trẻ con là Trường lúc bấy giờ giương mắt để nhìn những thức ăn lạ và quí bầy trên bàn, một cách thèm thuồng. Nó tưởng rằng, trong đời nó, có lẽ không bao giờ được nếm những cao lương mỹ vị như thế...

Nhưng bây giờ Trường nhìn hoa quả, bánh trái một cách dửng dưng, vì biết đó chỉ là một thức ăn, và cái giá trị miếng ăn đối với chàng không to nữa.

Chung quanh chàng, vẻ mãn nguyện đều hiển hiện trên nét mặt mọi người. Người nào cũng say và no nê; tiếng nói chuyện chỉ lâm râm, thì thào như họ sợ làm náo động cái thời khắc nghỉ ngơi quan trọng sau bữa ăn. Trường nghe rõ tiếng chép miệng, và tiếng cọ sát của chiếc tăm ông Cửu lia trên hai hàm răng đen nhánh mà ông vén môi chìa hẳn ra ngoài.

Tiến đứng dậy trước nhất, báo hiệu giờ ra về, Trường cũng vội vàng xin phép bà Hai; chàng nóng muốn xa lánh những bộ mặt đỏ gay kia để đi ra ngoài. Chàng cũng muốn tránh khỏi phải đưa mẹ và em cùng về nhà, để khỏi phải nghe những câu chuyện về gia đình mà lúc này chàng không muốn để tâm đến.

Cơn gió mát ngoài phố làm Trường dễ chịu. Đêm đã khuya, nhưng ở phố này vẫn còn nhiều người đi lại, và trên hè người ta nằm ngồi ngổn ngang trên chõng hay trên chiếu trải đất. Nhà bà Hai ở phố Bắc Ninh, Trường qua góc phố Hàng Vôi ra đến hồ.

Một mảnh trăng mờ chiếu sáng trên các chòm cây đen. Mặt hồ, về phía xa, hơi lăn tăn gợn sóng dưới luồng gió nhẹ; còn gần bờ, nước trong và sâu yên lặng như một tấm gương; bóng chiếc cầu và đền

Ngọc Sơn trắng in lộn xuống, rõ rệt và huyền ảo như một lâu đài trong các truyện thần tiên.

Trường nhìn những dẫy nhà san sát quanh hồ, những mái xám lẫn với nền trời. Đằng xa về bên kia, chàng nhận thấy những ánh đèn lấp lánh ở một hiệu còn mở cửa. Trên đường, một vài cái xe thong thả đi, và thỉnh thoảng một đứa trẻ bán quà bước rảo, tiếng rao lanh lảnh làm vang động cái yên tĩnh của ban đêm.

Trường cũng bước nhanh về nhà. Quang cảnh của phố xá khiến chàng vui vẻ. Hà Nội đối với chàng vẫn có một cảm tình thân mật. Trường thấy mình cùng sống theo một nhịp với sự hoạt động mà chàng đoán thấy ở chung quanh.

IV

Xuân về đến nhà, lơ đãng vất áo, mũ trên ghế và ngả mình nằm xuống giường. Cuộc vui mà chàng dự từ buổi tối đã đem đến cho chàng mệt nhọc và chán nản. Cảm giác ấy đêm nào chàng cũng thấy, từ khi đã ngót một năm nay, Xuân bắt đầu chơi bời. Nhất là từ khi vợ chàng giận dỗi về quê, thì chàng lại thấy buồn bực và khó chịu hơn nữa.

Hôm nay, chàng đã từ chối lời mời đến ăn cỗ của bà Hai, chắc có Trường đi thay mình. Ở sở ra, Xuân đi thẳng đến nhà mấy người bạn vẫn cùng họp mặt. Theo một lệ đã quen; Xuân và bọn bạn hữu lại rủ nhau đi tìm những thú vui ở nhà hát ả đào, hay ở mấy tiệm khiêu vũ. Đến khuya lắm mới cùng nhau về, ngủ vật vờ một giấc để rồi sáng hôm sau lại vào sở làm.

Xuân tối nay về sớm hơn mọi lần. Đến nhà, chàng chưa thấy mẹ và hai em về. Ngọn đèn con leo lét vẫn để ở giữa bàn, Xuân cũng không muốn vặn to lên nữa. Chàng quằn quại trên giường cố nhắm mắt ngủ, nhưng không ngủ được.

Đã lâu nay, Xuân sống trong một sự khó chịu, mình lại tự giận dỗi với mình. Tâm trạng ấy mới bắt đầu có từ ngày Xuân được đi làm ở Hà Nội. Trước kia, ở nhà quê, khi còn là một cậu học trò, chàng sống một đời giản dị và yên lặng lắm. Lúc bấy giờ, Xuân chỉ có một mục đích: học thế nào để thi đỗ.

Chàng là người con cả trong gia đình, vậy bổn phận chàng là

phải đi làm để lấy tiền giúp đỡ mẹ và cho các em đi học. Con đường chàng phải theo đã vạch sẵn. Và Xuân thấy trong tâm can mẹ bao nhiêu là hy vọng, cả ở những người thân thuộc chung quanh bao nhiêu là mong ước, khiến chàng phải hết sức để khỏi làm cho mọi người bị thất vọng vì chàng.

Xuân tự coi là thuộc hẳn về gia đình, chàng không có nghĩ ngợi tính toán riêng về tương lai của chàng mà chỉ tính toán những việc ích lợi chung cho cả nhà. Làm thế, Xuân thấy mình hy sinh cho bổn phận.

Thêm nữa, sự hy sinh đó đối với chàng thật là cao thượng, và sự biết mình theo đuổi một việc phải, làm cho Xuân thấy tự cao và giúp thêm can đảm cho chàng trong những lúc khó khăn chán nản.

Đến khi lên Hà Nội đi làm, Xuân bắt đầu giao thiệp với những bạn trẻ cùng sở, và bởi họ, bước vào một xã hội ăn chơi và xa hoa khác hẳn hoàn cảnh cũ của chàng. Trong xã hội này người ta chỉ nghĩ đến những lạc thú riêng, người nào cũng chỉ nghĩ đến mình mà thôi. Lòng ích kỷ của họ to đến đỗi họ lấy làm ngạc nhiên khi thấy người ta có thể chịu thiệt về phần mình để làm sung sướng cho người khác được.

Mấy người mà Xuân chơi thân với đều là con cái nhà giầu có. Họ không phải đi làm để nuôi nhà; nhưng chính cha mẹ đã chạy chọt cho họ một chỗ làm để lấy danh tiếng. Họ tiêu pha chơi bời quá cái số tiền lương mà họ kiếm được, có khi phải lấy thêm ở nhà nữa. Cũng có một hai người không phải ở nhà giầu có, nhưng họ không vì thế mà không phung phí. Số lương tháng thừa đủ cho họ mua vui.

Xuân bị lôi kéo vào trong vòng trụy lạc ấy. Chàng dần dần bắt đầu tự hỏi tại sao chàng lại phải đi làm khó nhọc cho người khác. Nếu không phải đem tiền về nhà, thì chàng sẽ được hưởng thú bao nhiêu! Xuân cho thế là một sự bất công mà chàng phải chịu. Chàng thường thèm thuồng so sánh đời chàng với đời của mấy bạn cùng sở, và ân hận thấy mình kém họ đủ mọi đường.

Thỉnh thoảng, chàng nghĩ lại, cho những cuộc chơi bời vui thú riêng của mình là không phải. Nhưng, những lúc ấy, không có ai giúp đỡ và khuyến khích cả. Nếu chàng tỏ ý rụt rè về sự đóng góp tiền để đi chơi, thì các bạn chàng lại dùng lời chế riễu. Trái lại, khi chàng tỏ ý không cần gì gia đình cả, thì người ta lại tán thành và kính phục chàng.

Dần dần, Xuân cũng theo những ý nghĩ ích kỷ ấy. Chàng cho cái thích của mình là cần hơn cả, lạc thú của mình là cột trụ của cuộc đời. Điều cốt nhất là làm thế nào đạt được những sở thích đó; trong mắt chàng chỉ có sự thỏa thích của chàng mà thôi. Thế rồi Xuân trở nên một người khác hẳn; cậu thanh niên chăm chỉ và giầu lòng hy sinh là Xuân lúc hai mươi tuổi, cứ mỗi ngày một xa dần, và hình ảnh cũng cứ mờ dần trong trí nhớ chàng.

Sự thay đổi ghê gớm ấy, thực ra, bắt đầu từ lúc Xuân thôi không tự tin ở mình nữa. Bây giờ chàng chỉ tin ở người khác, chỉ nghe theo những câu chỉ bảo của người khác. Việc này chàng thấy dễ dàng hơn.

Tuy vậy, Xuân vẫn không dám công nhiên nói những ý nghĩ ấy. Một mối do dự hoài nghi vẫn còn lởn vởn trong tâm trí chàng. Đôi khi thoáng qua một ý nghĩ khác khiến chàng bứt rứt, nhưng chàng vẫn không ngừng những cuộc chơi bời. Chàng muốn cứ theo hẳn lòng ích kỷ của mình: nhưng khi về nhà thấy mẹ buồn rầu lo nghĩ, một chút hối hận lại đến ám ảnh chàng. Vì thế Xuân thành ra băn khoăn khó chịu. Sau mỗi bận đi chơi về, cùng với sự mệt nhọc, cảm giác ấy lại càng rõ rệt hơn.

*

* *

Không ngủ được, Xuân nhỏm dậy bắc ghế ra ngoài hè ngồi hóng mát. Chàng lấy làm lạ rằng mẹ và hai em chưa về. "Chắc ăn cỗ xong còn ở lại nói chuyện". Xuân nghĩ thế rồi thử tưởng tượng cảnh náo nhiệt và đông đúc ở nhà bà Hai. Trái lại, căn nhà vắng và tối tăm trong giờ này làm chàng buồn bã. Chàng muốn có người nào bên cạnh an ủi và vuốt ve chàng.

Chàng nghĩ đến vợ, thở dài. Vợ chàng về quê đã bốn, năm tháng nay rồi, mà Xuân cũng không viết thư gọi ra, như hai lần trước. Tại sao lại giận dỗi bỏ về? Xuân tự đặt câu hỏi ấy, và trong trường hợp này, chàng tìm câu trả lời dễ dàng lắm: bao nhiêu lỗi chàng đổ cả cho vợ. Xuân trách vợ đã làm hỏng cả một đời mình, bởi cái lẽ rất giản dị là đã bằng lòng làm vợ chàng. Khi chàng vừa mới thi đỗ xong, mẹ chàng liền hỏi Dung, Xuân đã bằng lòng vì chàng coi sự lấy vợ là một bổn phận trong những bổn phận khác của người con cả trong gia đình. Chàng không quen biết Dung và từ khi Dung về làm dâu, hai vợ chồng vẫn sống với nhau một cách điều hòa như những

đôi vợ chồng khác, nghĩa là không có một chút tình gì cả. Xuân không yêu Dung; chàng cũng chưa hề biết yêu là gì nữa.

Bây giờ, Dung là một bó buộc mà có lẽ chàng phải chịu suốt đời. Xuân lại tức tối: giá đến bây giờ mà chàng vẫn chưa có vợ! Chàng sẽ tự do lựa chọn một cô thiếu nữ xinh đẹp và giầu – nhất là giầu – chàng sẽ không phải sống cái đời nghèo nàn của một người làm công xoàng, chỉ những khó nhọc và thiếu thốn. Xuân thấy mấy người bạn chàng đều lấy được vợ sang trọng và giầu có, mà thèm muốn cái địa vị của họ.

So sánh, chàng lại càng chán Dung hơn nữa. Dung là cô gái con nhà nền nếp, nhưng nghèo. Nàng có lẽ cũng hết sức yêu chồng, nhưng yêu theo cách kín đáo của một cô gái quê; nàng hiểu yêu là phải gìn giữ chồng và trông nom nhà cửa, chính cái cách yêu ấy Xuân không thích một tý nào và lấy làm khó chịu.

Mỗi khi ở những cuộc hội họp về, nhìn thấy vợ ăn mặc lôi thôi và sơ sài – Dung cũng như các người vợ khác, cho sự trang điểm khi đã có chồng rồi là một thói lẳng lơ – Xuân lại bực mình và nghĩ đến những thiếu nữ tươi tắn lộng lẫy mà chàng đã gặp. Từ đấy, chàng lại càng đi chơi, không hỏi han gì đến vợ. Dung ngỏ lời can gián một cách vụng về: trong gia đình xẩy ra luôn những cuộc cãi nhau, ngày một đào sâu cái hố đã chia rẽ hai người.

Để vợ đi, Xuân nhận thấy ở mẹ chàng và ở các em một ý trách móc chàng không phải. Nhưng đã lâu, Xuân không quan tâm đến những ý nghĩ của người trong nhà nữa.

Một bóng người ở đầu phố đi lại khiến Xuân chú ý. Nhận ra Trường, Xuân ngồi yên lặng đợi em đến. Trông thấy anh, Trường hơi ngạc nhiên, vì không mấy khi thấy anh về sớm thế; nhưng Trường không để lộ ra nét mặt. Điềm nhiên, chàng vào trong nhà bắc ghế ra ngồi cạnh.

– Mẹ chưa về cơ, chú? Đằng bà Hai chắc hôm nay có cỗ sang trọng lắm.

Trường đáp:

– Vâng, rất đông người ăn. Bà ta có nhắc sao anh không đến. Trường lại hỏi: – Mà sao anh không đến ăn cỗ?

Xuân không trả lời, ngả đầu dựa thành ghế nhìn lên trời. Không biết bàn chuyện gì nữa, Trường vẩn vơ nói:

– Hôm nay, trời đã dễ chịu, anh nhỉ. Bớt nóng hơn mấy hôm trước.

– Ừ.

Hai anh em lại yên lặng, một sự yên lặng nặng nề và đầy ý nghĩa. Trường cảm thấy có một ngượng nghịu giữa hai người. Bao giờ cũng thế, chàng nhận ra rằng anh em một nhà không nói chuyện với nhau được lâu và niềm nở như bạn. Có lẽ vì biết rõ nhau lắm, nên không có gì nói với nhau nữa. Trường rất dễ dàng nói chuyện với một người bạn thân, nhưng trước mặt anh, chàng tự nhiên ngượng không nói được. Thành thử Xuân và Trường chỉ nói những câu đâu đâu trong khi ở hai người đều sôi nổi những ý nghĩ và tư tưởng muốn giãi bầy cho nhau biết.

Trường đưa mắt nhìn anh; chàng thấy Xuân có vẻ mệt nhọc. Nét mặt cau có, hai vầng mắt thâm quầng bởi thức khuya nhiều. Đôi mắt trước kia nhanh nhẹn, bây giờ trở nên lờ đờ, và thỉnh thoảng yên hẳn lại, như đang say đắm trong một hình ảnh nào. Trường buồn rầu tưởng đến những hình ảnh không hay mà Xuân giữ trong trí nhớ.

Chàng thấy với Xuân, càng lớn lên lại càng xa cách nhau. Từ khi Xuân đi làm đến giờ, hai anh em không thân mật như trước nữa. Những lúc ngỏ nỗi lòng cho nhau càng ít đi, mà những ý nghĩ, những tư tưởng người nào giữ riêng cho người ấy càng nhiều lên.

Trường tiếc những ngày còn bé, hai người cùng đi học một trường tư nhỏ ở trong làng. Không có một điều gì, hai anh em không nói cho nhau biết. Cha mất sớm, mà nhà thì nghèo, thường bị các bạn học khác chế riễu hay khinh bỉ, nên Xuân và Trường càng nép vào nhau để tự vệ và tự an ủi. Sự nghèo hèn càng thắt chặt tình thân ái giữa hai người; hai anh em không những yêu mến nhau như anh em ruột một nhà, mà còn thân mật với nhau như một đôi bạn.

Sự thay đổi của Xuân gần đây, Trường cũng nhận thấy. Nhưng chàng cố không nghĩ đến, bởi vì chàng tự xét không có quyền chỉ trích người anh. Chàng chỉ buồn rầu và đau đớn khi thấy anh mỗi ngày một đi xa gia đình. Nhiều khi nghe mẹ phàn nàn về Xuân, rồi rơm rớm nước mắt, Trường thấy nghẹn ngào bực tức như người khó thở trong buồng kín. Lúc ấy, Trường giận anh lắm, giận vì anh đã làm cho mẹ không được vui lòng. Rồi nỗi giận ấy mất đi, nhường chỗ cho một sự ân hận và sự lo nghĩ cho cái tình đầm ấm giữa mẹ con.

Trường cũng biết rằng Xuân đã chịu nhiều nỗi thiệt thòi nhất. Lúc

còn trẻ thơ, Xuân đã phải nhường nhịn rồi. Trường còn nhớ những lúc mẹ đi đâu xa về; hai anh em sung sướng lục thúng quà của mẹ để tìm bánh trái hay đồ chơi, Trường bao giờ cũng được cái đồ chơi đẹp hơn; Xuân cố nhìn quà của em để so sánh thì mẹ lại nói "Con nhớn, phải nhường cái đẹp cho em chứ". Và không biết tại sao, Trường nhận thấy rằng Xuân không được mẹ yêu bằng mình và em Lan.

Rồi đến tuổi biết lo nghĩ. Xuân chỉ cắm đầu vào học, không một lúc nào dám rời bỏ quyển sách để chơi bời. Có lẽ cái trách nhiệm của Xuân nặng nề quá, nên tuy còn trẻ, mà Xuân cũng đã hiểu biết bổn phận của mình. Và bây giờ anh Xuân tựa như đã già nhiều, cằn cỗi hơn, nhưng háo hức những cuộc chơi bời như cây khô thèm nước, bởi vì trước kia anh không được sung sướng mấy.

Tất cả những ý nghĩ ấy lộn xộn trong óc Trường. Quãng đời ngây thơ lúc còn trẻ hiện lên trong trí nhớ, và một cảm tình thương mến đối với anh dồn đến tâm hồn chàng. Trường muốn nói cho anh biết niềm yêu mến và kính trọng ấy, nhưng không tìm được câu gì, chàng đành yên lặng cũng ngửng lên nhìn vòm trời quang trên cao: mảnh trăng đã lặn, mấy ngôi sao phía bắc lấp lánh sáng trên dẫy mái nhà.

V

Mặt trời đã lên cao, Trường mới trở dậy. Ánh sáng tự khe cửa sổ thẳng vụt chiếu vào trong nhà, soi lên tấm màn trắng và chiếc gối bông. Trường bước xuống giường đi ra cửa.

Buổi sáng rực rỡ. Một cơn gió mát từ đâu đưa đến làm rung động chòm lá cây sấu trước nhà. Trời xanh và rất trong, khiến Trường sinh ra nhớ cây cỏ xanh tươi ở cánh đồng quê mà đã lâu lắm chàng không được nhìn. Mấy làn mây trắng mỏng mắc ngang trời nhắc Trường nhớ đến sợi tơ hồng theo chiều gió bay trên mặt cỏ những ngày khô ráo quãng tháng mười. Trong tâm hồn Trường bỗng thoáng qua tất cả hương vị mộc mạc của cảnh quê. Và chàng tự nhiên có ý muốn nhìn lại các khuôn mặt quen biết nơi chàng ở lúc trẻ thơ.

Bỗng nhiên, Trường lắng tai, mừng rỡ. Ở căn buồng trong, chàng nghe thấy, lẫn với tiếng nói của mẹ và em Lan một tiếng nói rất quen từ thuở nhỏ. Trường chú ý: cái tiếng nói vừa dịu dàng vừa đầm ấm ấy gợi cho chàng tất cả quãng đời niên thiếu, mà chàng vừa nhớ

đến. Trường mỉm cười vì sự ngẫu nhiên đó, rồi nhắc trong miệng tên người khách đến chơi: bà Nhì.

Một hình ảnh rõ rệt trước mắt chàng: hình ảnh một người đàn bà mảnh dẻ, mái tóc bạc phơ trên khuôn mặt trái soan, và hai mắt đầy một vẻ vừa buồn rầu vừa hiền từ vô hạn, luôn luôn nhìn ra xa sau đôi kính trắng gọng đồng. Bà Nhì vốn là bạn thân vẫn đi buôn bán với mẹ Trường. Lúc còn nhỏ, Trường và em Lan rất mến bà ta. Vì như một bà tiên nhân từ trong các truyện cổ tích mà hai anh em được người u già kể cho nghe, bà Nhì cứ lại thăm mẹ Trường vào giữa lúc Lan và anh đang bị mẹ đánh mắng vì đã phạm lỗi. Những lời khuyên can khéo léo và vui vẻ của bà ta làm mẹ Trường nguôi giận, rồi tiếng nói dịu dàng của bà an ủi và vuốt ve hai anh em như một lời ru.

Trường vội vàng rửa mặt trong thau nước lạnh rồi đi vào buồng trong. Quả nhiên chàng thấy bà Nhì đương ngồi trên sập nói chuyện với mẹ. Lan đang chầu bên cạnh nghe. Vừa trông thấy chàng, bà Nhì đã nhanh nhẹn hỏi trước:

– "Kìa cậu Trường. Cậu còn nhớ tôi không?" Bà vừa nói vừa mỉm cười. Trường nhận thấy vẫn cái cười hơi buồn rầu và rất có duyên, ngày trước. Chàng đáp lễ lại, rồi đứng yên, không biết nói gì. Tuy nhiên Trường thấy vui vẻ trong lòng, cái vui được gặp người mình kính mến.

Tiếng nói dịu dàng và đầm ấm lại cất lên:

– "Cậu ngồi xuống xơi nước. Nghe tin cậu đỗ tôi vui quá, nên phải vội lên mừng cậu cử mới đây. Ấy thế mới là học, chứ như em nó ở nhà thì rõ chán". Bà muốn nói đến người con mình học kém. Rồi bà lại quay lại phía mẹ Trường: – "Bà Phán bây giờ rõ thật sướng, hai con đỗ đạt cả hai, còn gì nữa".

Trường biết bà Nhì đã thất vọng vì con. Bà ta nghèo nên sự con học hành không thi đỗ là một điều đáng lo ngại cho nhà bà lắm.

Thấy trên mặt bà thoáng lộ vẻ buồn, Trường lại nhận rõ một điều: cái nghèo nặng nề đè nén lên bao nhiêu gia đình. Ở quê, chung quanh chàng, Trường chỉ nghe thấy những tiếng than phiền, uất ức của các người nghèo khổ.

Bà Nhì cũng là một trong những người ấy. Bà ta phải buôn bán cân gạo để nuôi con ăn học, nhưng cũng như nhiều bà mẹ khác ở An Lâm, không được cái may mắn thấy con đỗ đạt.

Trường để ý nhìn bà. Vẫn như những ngày Trường còn trẻ, bà hình như không già đi chút nào. Mái tóc vẫn bạc phơ, – tuy bà chỉ độ vào quãng năm mươi tuổi – và khuôn mặt vẫn trái soan. Vết răn trên trán có lẽ nhiều hơn trước; nhưng đôi mắt sau cặp kính trắng, vẫn giữ cái vẻ nhân từ, hiền hậu khiến Trường yêu mến bà, coi bà như một người thân mật trong nhà.

Gặp bạn cũ, mẹ Trường vui vẻ nhắc lại những lúc đi buôn ngày trước, những ngày vất vả và lo sợ, những buổi trở về nhà, mệt nhọc và buồn bã, vì không kiếm đủ tiền nuôi con. Bây giờ đã qua khỏi những ngày đó, đã đến một địa vị chắc chắn, bà Phán thích nhắc lại thời gian nan ấy. Nhưng bà Nhì vẫn nghèo như trước, chuyện cũ làm cho bà thêm buồn: Trường sinh lòng ái ngại cho tình cảnh của bà.

Lúc sắp đứng dậy ra về, bà tự nhiên hỏi chàng:

– Mùa nghỉ này, cậu không về An Lâm chơi ư?

– Thưa bà có. Tôi cũng định về chơi ít lâu.

– Bà Phán có về không?

Mẹ Trường dừng tay thu xếp cơi trầu, đáp:

– Không, bà ạ. Tôi còn phải ở trên này trông nom nhà cửa. Ấy, không có việc gì mà cũng bận cả ngày.

Bà Nhì quay lại phía Trường, giọng nói dịu dàng:

– Thế này thì hay quá. Cậu về quê nghỉ, lại ở nhà tôi thì tiện lắm. Tôi vẫn ở nhà cũ bên cổng Huyện, cái nhà ấy cậu đã biết rồi chứ gì.

Bà Phán ngắt lời, cười nói:

– Làm gì chả biết. Lúc nhỏ hai anh em vẫn cứ vào phá vườn hồng của bà thôi.

Trường mỉm cười. Chàng nhìn bà khách vui vẻ nhận lời:

– Xin vâng. Có về quê, tôi xin sẽ lại ở nhà bà.

Bấy giờ bà Nhì mới lộ vẻ vui mừng, và nói câu bà muốn nói từ lúc nẫy:

– Nhân thể tôi nhờ cậu chỉ bảo cho em nó học. Cậu giúp tôi việc ấy nhé?

Trong lời nói của bà có bao nhiêu ý cầu khẩn thiết tha. Trường nhận lời.

Bà Nhì về rồi, mẹ Trường với cái tráp sơn lại gần mình, nhìn hai con phân bua:

– "Thế là mất mười đồng. Chẳng lẽ bà ấy nói khẩn khoản mãi lại không cho vay, mà bà ấy vay thì biết đến bao giờ trả". Rồi bà Phán mở tráp soát lại tiền, ngẫm nghĩ.

Trường yên lặng một lát, rồi nói với mẹ:

– Bà ta nghèo khổ, mẹ cũng chả nên tiếc. Không biết bây giờ bà ấy còn buôn bán gì nữa không?

Lan trả lời anh:

– Đi buôn phải có vốn, chứ anh tưởng. Mà vốn thì bà ta làm gì có.

– Thế họ hàng đâu, sao không vay mượn?

Lan không biết. Bà mẹ rời bỏ quyển sổ, ngửng lên đáp:

– Bà Nhì làm gì có họ hàng. Hay có nhưng không ai nhìn nhận bà ta cả. Bà ta cư ngụ ở An Lâm, chứ có phải quê bà ta ở đó đâu.

Thân thế bà Nhì đối với Trường vẫn bí mật. Chàng nhớ khi còn nhỏ, một hôm chàng vô tình hỏi mẹ, cũng sau một buổi bà ta đến chơi: "Thưa mẹ, ông Nhì đâu nhỉ, sao con không thấy ông ta đâu?" Lúc bấy giờ có vài người khách đàn bà nữa đang ngồi nói chuyện với mẹ Trường. Thấy con hỏi, bà cụ không trả lời, trừng mắt nhìn rồi bảo:

– Trẻ con biết gì mà hỏi. Ra ngoài kia chơi đi.

Trường sợ hãi lẩn xuống nhà dưới. Từ đấy chàng không dám hỏi mẹ về ông Nhì nữa. Mà mỗi khi chàng đem câu ấy hỏi người lớn khác trong nhà ai cũng lắc đầu không biết, và nhìn Trường như chàng đã làm điều gì không phải.

Mãi về sau, nghe những mẩu chuyện người ta nói với nhau, chàng mới biết mập mờ rằng ông Nhì ngày xưa không biết làm gì, đã phải tội xử tử. Những lời bàn tán thì thầm và sợ hãi của người chung quanh và chuyện ấy, càng làm cho Trường thấy sự bí mật của cái chết đó, và coi như một việc ghê gớm không dám nói đến. Đến bây giờ chàng cũng không hiểu rõ gì hơn. Nhưng chàng không muốn hỏi mẹ nữa. Chàng đoán vì thế mà bà Nhì lúc nào cũng có vẻ buồn rầu; và nụ cười an phận của bà có lẽ gây nên bởi sự hiu quạnh mà bà phải chịu, bởi vì ngoài mẹ Trường ra, bà không còn bạn nào khác nữa. Những người ở An Lâm thì hình như không muốn giao thiệp thân thiết với bà ta lắm.

Cho nên, lúc nhỏ, hai anh em Trường đến chơi được bà rất quí mến. Trường nhớ một góc vườn đầy hồng đằng sau nhà, ven bờ sông Tiên, một nếp nhà gạch cổ năm gian yên lặng. Trường và em chơi đùa với hai con bà Nhì, một cậu bé mặt tròn phúng phính, vừa chậm chạp vừa ngờ nghệch và một cô bé nhí nhảnh, mà bây giờ chàng chỉ nhớ có hai con mắt to và đen.

VI

Trong nhà bà Hai ngày hôm ấy, trông nét mặt mọi người, ta có thể đoán được vừa mới có sự gì quan trọng xẩy ra. Mà thật, sự quan trọng ấy là việc chung thân của cô Hảo, cô gái cả của bà Hai.

Buổi sáng hôm đó, bà Cửu đến chơi. Bà này là một người chỉ có hai công việc ở đời: đi lễ bái hết đền kia phủ nọ, và đứng làm mối dựng vợ gả chồng cho các gia đình bà quen biết. Mà bà quen biết nhiều gia đình lắm, lúc nào bà cũng có sẵn một "đám" con trai hay con gái, rất môn đăng hộ đối, đủ những tính nết tốt, và bà dùng vào những việc môi giới ấy, lời nói ngọt ngào và sự kiên tâm vô hạn của bà.

Lúc bà Cửu đến, Hảo đang đứng trang điểm trước cái gương lớn trong buồng, bên cạnh em gái. Thấy bà, hai chị em cảm giác mỗi người một khác. Hảo thì bỗng tự nhiên thấy trong lòng hồi hộp, còn Tuyết thì vui mừng lộ ra nét mặt, vì nó sắp được nghe nhiều chuyện hay lạ của bà Cửu, những chuyện của gia đình người khác cô rất thích biết, để được đi kể lại với các chị em bạn. Khi nghe tiếng mẹ gọi đi têm trầu và pha nước, cô nhanh nhẩu bước ra ngoài, quanh quẩn ở chỗ hai bà nói chuyện để nghe lỏm.

Bà Hai tiếp khách vui vẻ niềm nở lắm. Bà coi bà Cửu là một người quan trọng và cần thiết, có thể giúp bà trong cái công việc khó khăn là gả chồng cho con gái. Cũng như ở những bà mẹ khác, việc ấy là việc mà bà để tâm đến nhất. Tuy rằng bà với mẹ Trường đã giao ước gả con cho nhau, bà vẫn muốn biết cái đám mà bà Cửu sẽ nói với bà.

Còn Hảo ngồi yên lặng trong buồng, dáng suy nghĩ. Thực ra, nàng không chú ý đến một sự gì cả. Nhiều ý nghĩ cứ rối loạn trong óc nàng, và những cảm giác khác nhau cứ liên tiếp đến làm cho nàng băn khoăn. Biết bà Cửu và mẹ đang bàn đến chuyện chung thân của mình, nàng bối rối.

Nếu có ai hỏi nàng về sự lấy chồng, nàng sẽ không biết trả lời ra làm sao. Trong hai người đàn ông, nàng có lẽ sẽ không thể biết nên lựa chọn người nào. Bởi vì, về việc nhân duyên, từ bé nàng không bao giờ nghĩ đến một cách kỹ càng. Nàng chỉ nhớ lại những cảm giác mới lạ mà thỉnh thoảng nàng nhận thấy trong tâm can khi được nghe những câu bóng gió về việc vợ chồng, và những nỗi e thẹn của nàng khi có một người trẻ tuổi quen biết đến chơi nhà hay gặp gỡ người ta ở ngoài phố.

Trường đối với nàng cũng như các người con trai khác, nhưng tuy vậy cũng được nhiều cảm tình của nàng hơn. Vì ngay từ hồi còn nhỏ nàng đã quen nghe người trong nhà nói đến Trường rồi. Nàng còn nhớ rõ những câu nói đùa mà mẹ nàng và mẹ Trường hay dùng đến, mỗi lần Trường ở nhà quê lên chơi.

Nhắc đến những kỷ niệm cũ, Hảo tự e thẹn mỉm cười. Bởi vì, độ ấy, sau mỗi bận Trường đến, rồi về quê, nàng lại bâng khuâng, nhớ nhung mất vài hôm. Có đêm nằm nghỉ, nàng mơ màng phảng phất tưởng như có Trường nằm bên mình. Nàng xếp bên cạnh đầu cái gối con, để dành cho Trường. Có khi nàng dang tay ra, như để chàng gối đầu vào đấy, và tưởng tượng rằng sau này lớn lên, nếu lấy nhau thì cũng sẽ nằm như thế.

Những ý nghĩ và các điều mong ước trẻ con ấy, Hảo không biết có phải là tình yêu không. Hồi đó, nàng mới vào quãng mười một mười hai tuổi, và Trường cũng trạc độ ngần ấy. Cử chỉ và lời nói của nàng đều biểu lộ tất cả cái ngây thơ của tuổi trẻ vô tư lự. Những cảm giác vui buồn nàng đều nhận thấy một cách rõ rệt, và làm thay đổi nét mặt nàng. Người ta thấy vậy càng trêu ghẹo và nói đùa, và việc ấy lại khiến nàng thấy liên lạc thân thiết với Trường hơn lên. Hễ nghe ai nói đến tên Trường là nàng thấy thẹn.

Nhưng mấy năm sau, nàng đã khôn lớn hơn, tâm hồn nàng đổi khác hẳn. Càng lớn, Hảo càng thấy phải giữ gìn những ý nghĩ của mình hay bắt buộc phải thế, vì nàng phải ăn ở cho đúng cái khuôn phép và nề nếp của những cô thiếu nữ gia đình trưởng giả như gia đình nàng.

Hảo mất dần tính tự nhiên đi, nàng phải nhìn mọi vật xung quanh nàng và cuộc đời theo một lề lối đã định sẵn. Nàng phải xa lánh bạn trai, vì nàng đã bắt đầu không coi họ như một người bạn

hay người quen biết thường nữa, nhưng như một người có thể làm chồng nàng được.

Cũng vì thế, Hảo bớt nghĩ đến Trường. Những ý nghĩ ngây thơ về Trường thuở trước, nàng xua đuổi như những điều phạm lỗi. Mỗi lần Trường đến chơi là nàng phải lẩn tránh. Em Tuyết có ngỏ lời bông đùa, thì bị bà Hai mắng át đi ngay. Cả mẹ nàng, cả mẹ Trường, với các người chung quanh, mỗi khi có bàn về việc của nàng, đều giữ một vẻ nghiêm trang và trịnh trọng.

Từ ngày ấy, nàng bị một trở lực ngăn cấm nàng không được nghĩ đến ái tình. Những tính tình chân thực của tâm hồn không quan trọng nữa. Cái quan trọng là cái nề nếp, cái khuôn phép mà nàng bắt buộc phải theo.

Cho đến bây giờ, Hảo là một cô thiếu nữ không tốt mà cũng không xấu và không biết một chút gì về cuộc đời, như nhiều thiếu nữ khác cũng gia thế như nàng.

Nhà ngoài, bà Cửu với bà Hai vẫn nhỏ to trò chuyện rất thân mật. Hảo ngó đầu ở cửa buồng nhìn ra, thấy em nằm tựa vào thành sập phía sau mẹ chăm chú nghe. Trông nét mặt của Tuyết, mắt nhìn không chớp và miệng hé mở, Hảo đoán là câu chuyện đang hay lắm. Nàng khẽ lên tiếng gọi em.

Tuyết ngoảnh mặt lại thấy chị, nhưng không vào ngay, còn cố đứng rốn lại nghe nốt mẩu chuyện. Rồi cô tươi cười đi vào, đôi mắt thoáng một vẻ tinh nghịch và nhí nhảnh. Cô lại gần bên chị, cũng soi vào tấm gương để trên bàn. Hảo giơ cánh tay choàng lên vai em, âu yếm hỏi:

– Bà Cửu nói chuyện gì thế?

Tuyết trả lời thẳng ngay: – "Ấy, làm mối cho chị đấy". Rồi không để chị nói, Tuyết vội vàng tiếp:

– Thật đấy, chốc nữa chị hỏi mẹ mà xem.

Hảo hồi hộp trong người. Nàng muốn hỏi em xem người bà Cửu định làm mối cho nàng là ai, nhưng ngập ngừng chưa dám. Tuyết đã nói thêm:

– Bà Cửu nói chuyện cậu Tiến, em bà Phán Ty ấy mà. Chị có biết không? Bà ta nói cậu ấy đang học Cao đẳng sắp thi ra làm Tham biện.

Hảo yên lặng, nghĩ vơ vẩn. Nghe em nói, nàng tự nhiên thấy thinh

thích, không biết tại sao. Tiến là con một nhà vừa danh vọng lại vừa giầu có; nhờ có bà Cửu đến làm mối mà giá trị của Hảo tăng thêm. Hảo cố nhớ lại hình dáng cậu mà thỉnh thoảng nàng được thoáng trông thấy; nàng chỉ nhớ có cái dáng điệu nghiêm trang và đứng đắn. Nàng lại nghĩ đến Trường, đến vẻ tươi trẻ và giản dị của chàng.

Tiếng bà Hai gọi Tuyết làm Hảo rứt bỏ những ý nghĩ ấy. Nàng vội vàng nhìn vào gương, lấy lược ra chải tóc, và chăm chú rẽ đường ngôi, để không nghĩ ngợi gì nữa.

Chợt nghe có tiếng dép của mẹ từ ngoài đi vào. Hảo cúi đầu sát vào gương, làm như không biết, tuy nàng đoán chắc sau lưng mẹ đang nhìn mình. Bà Hai dừng lại trong khung cửa, ngắm con gái một lát, rồi bà bước lại bên Hảo. Đoán mẹ sắp nói việc gì quan trọng, nàng hồi hộp chờ. Nhưng bà Hai chỉ bảo:

– Bà Cửu vừa lại đấy.

– Vâng.

Hai mẹ con lại yên lặng. Bà Hai ngập ngừng như muốn nói chuyện gì nhưng lưỡng lự, bà lại thôi.

Bà lại gần, tựa vào thành ghế đằng sau Hảo, rồi đưa tay ra vuốt món tóc mà nàng đang chải. Hảo cảm thấy trong cái cử chỉ thường ấy bao nhiêu tình yêu mến của mẹ con, nàng ngửng lên nhìn thấy nét mặt mẹ vui tươi hơn mọi ngày.

Bà Hai vui sướng thật; bà tự kiêu có một cô con gái như Hảo, một cô gái nết na và hiền hậu, lại có tài buôn bán, nghĩa là một "đám" rất được các bà mẹ có con trai chú ý đến. Lời đánh tiếng của bà Cửu, và của nhiều người khác ở làng nữa, tỏ cho bà biết cái giá trị của con gái mình; bà tự coi như có một của quý trong nhà mà bà là chủ. Bà lại thỏa mãn hơn nữa, vì đã có thể dành cho Hảo một cái lưng vốn khá to, và một lớp nhà gạch ở Hà Nội chính tay bà xây dựng lên. Bổn phận của người mẹ, bà cho thế là đã đầy đủ; thực ra bà cũng không hiểu đấy có phải là một cái bổn phận không: bà chỉ biết hễ con gái bà càng giầu bao nhiêu là bà càng lấy làm mãn nguyện và sung sướng bấy nhiêu. Có lẽ nếu có phải hy sinh hạnh phúc của bà để gây dựng hạnh phúc cho con gái, chưa biết bà có làm không, nhưng cứ trong cái tình hình bây giờ, thì hạnh phúc của bà và con chỉ là một, và có lẽ cái phần của bà lại nhiều hơn.

Không bao giờ trong tâm hồn giản dị của bà có luẩn quẩn một ý

hồ nghi cỏn con về sự ấy. Bà Hai không bao giờ tự hỏi xem, nếu lấy người này, người nọ, con mình có được sung sướng không?

Bà nghĩ rằng, lấy một người con nhà gia thế, có công ăn việc làm và vài điều kiện khác, con bà không thể không sung sướng được. Bà không tưởng tượng được có thể có một hạnh phúc ngoài cái lề lối, cái khuôn phép xã hội đã định và chung quanh bà người ta vẫn theo.

Chính bà cũng đã sống trong cái lề lối ấy. Bà Hai thường nghĩ đến quãng đời đã sống của bà, từ lúc còn nhỏ tuổi. Bà đã lấy ông Hai bởi vì chồng bà lúc bấy giờ là một đám có đủ những điều kiện cần yếu cho việc cầu thân của hai nhà. Trước khi về nhà chồng, bà chưa hề biết ông Hai, mà đến khi lấy nhau, bà cũng không biết gì hơn về chồng. Hai người sống cạnh nhau như trong nhiều gia đình khác, cùng nhau đồng ý đẻ con, và buôn bán làm ăn để đạt tới cái mục đích hai bên cùng mong ước là làm giầu.

Đôi vợ chồng sống như thế trong vòng mười lăm năm, không có một chút bất hòa. Đến khi cậu Bình lên ba, thì ông Hai mất. Bà hai cũng khóc lóc thương tiếc chồng, nhưng bà không thấy có sự thay đổi gì cả; bà lại vẫn sống như thường và vẫn làm ăn buôn bán như trước.

Các con dần lớn lên, bà Hai thấy đến lúc phải lo liệu đến tương lai của chúng. Cô gái đầu lòng, vì sự nhiều người tranh nhau hỏi, đã hết là một mối lo cho bà mà trở nên một mối vui mừng. Cô Tuyết thì hãy còn nhỏ. Chỉ còn Bình là cái hy vọng và cái cột trụ của tất cả gia đình. Bà chiều chuộng cậu con út như những bà mẹ chỉ có một con trai; bà lấy làm sung sướng khi nhận thấy Bình được họ hàng ngợi khen là một cậu bé ngoan ngoãn, dễ bảo, và rất có hiếu, nghĩa là biết chăm nom và săn sóc một cách trịnh trọng đến bàn thờ những ngày có giỗ. Trước bao nhiêu vẻ nghiêm trang của cậu bé ấy, những người trong họ đều đoán một cách quả quyết rằng Bình sẽ là một cậu thanh niên hoàn toàn đáng làm mẫu cho các người khác.

*

* *

Buổi chiều sau bữa cơm, tất cả gia đình nhà bà Hai hội họp ở gian nhà ngoài. Chỗ đó kê bộ trường kỷ, mấy cái án thư nhỏ và cái sập gụ ở trước bàn thờ. Giờ này là giờ bàn chuyện phiếm để tiêu cơm và chờ lúc đi ngủ.

Ngoài bà Hai và các con, lại có cả bà Cửu đã đến chơi ban sáng, và Chương. Chương vừa mới đưa Bình đi xin học ở một trường tư, vì tuy nghỉ hè, bà Hai vẫn muốn cho con mình theo học: bà yên trí rằng hễ cứ học nhiều là tất nhiên phải giỏi, phải thi đỗ, tuy Chương đã nói cần để Bình nghỉ, vì cậu sức yếu.

Bà Hai âu yếm nhìn con, nhưng cái vẻ xanh xao mảnh khảnh của Bình không làm bà chú ý:

– Để em ở nhà nó cũng buồn không biết làm gì. Thà cứ cho nó đi học lại còn vui chúng vui bạn hơn.

– "Vâng, bác nghĩ cũng phải", Chương lơ đãng trả lời, vì chàng còn mải nghĩ đến chuyện khác.

Thực ra, chàng cũng không quan tâm đến sức khỏe của Bình lắm; chàng nói thế để bà Hai khỏi nhờ chàng mỗi ngày đến kèm dạy Bình như bà đã khẩn khoản. Nhưng rồi thấy bà Hai quả quyết, chàng đành phải theo ý vậy.

Bà Cửu lúc nào cũng muốn mọi người chú ý đến Tiến, quay lại nói với Chương:

– Có học nhiều thì mới chóng giỏi được chứ. Như cậu Tiến đằng kia đấy, năm nay mới có hai mươi ba tuổi mà đã sắp thi ra ở Cao đẳng.

Bà vừa nói vừa đưa mắt nhìn về phía cô Hảo đang ngồi têm trầu trên ghế trường kỷ – "Lúc còn bé, cậu ta cũng nhờ có anh kèm, nên mới học chóng được như thế".

Rồi từ câu chuyện học, bà xoay ra nói về gia thế cậu Tiến, khen bà mẹ hiền lành, và rộng lượng, ông cụ rất yêu con và yêu cậu ta nhất nhà, những câu chuyện mà bà quên rằng đã nói với bà Hai lúc buổi sáng. Bà này cứ yên lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng lại gật đầu ra dáng để ý lắm! Tuy trong lòng bà đã định từ chối lời cầu thân của bà Cửu rồi. Nhưng bà vẫn thích nghe những lời ca tụng của bà Cửu đối với Tiến.

Hảo ngồi trên trường kỷ, chăm chú têm trầu xếp vào tráp: nàng lắng nghe câu chuyện, và sung sướng nghĩ rằng tất cả những lời ca tụng ấy là vì mình. Tự nhiên nàng lại nghĩ đến một người chị em bạn là cô Đông, một cô gái nhà nghèo, nhưng vì có nhan sắc nên đã được một người Tham biện hỏi làm vợ. Hảo còn nhớ cách ngày cưới mấy tháng sau, hai vợ chồng cô ta đến thăm mình: hai vợ chồng ở trên một cái ô tô sang trọng bước xuống, cô Đông mọi khi buồn rầu

và ủy mị vẫn đến hỏi vay tiền nàng, bây giờ Hảo thấy khác hẳn, mặt tươi sáng lên, miệng cười luôn luôn, và nhất là ăn nói một cách mạnh bạo chứ không rụt rè, e lệ như ngày trước. Hảo nhớ rõ, khi tiễn bạn ra về, lòng nàng bấy giờ hơi se lại vì ganh tị với cái số phận sung sướng của Đông.

Chỉ có Tuyết là không thích nghe nói đến Tiến một tí nào. Cô vẫn ghét cái dáng điệu kiểu cách và đạo mạo của cậu ta. Vì vậy, nên Tuyết chỉ chờ dịp là nói đến Trường cho bà Cửu biết, vì đối với Trường nàng rất có cảm tình:

– Có phải hết hè này, anh Trường cũng vào học Cao đẳng phải không, anh Chương?

– Tôi cũng chẳng biết. Chương khó chịu trả lời. Nhưng chàng lại dịu giọng ngay: – Hình như thế thì phải. Nhưng tôi không biết anh ta định xin vào ban nào.

– Ban luật chứ còn ban nào nữa.

Chương nhìn Hảo, cười ra vẻ người hiểu biết:

– Không phải chỉ có trường Luật như trường cậu Tiến học. Còn có nhiều trường khác nữa.

Ngừng một lát, Chương tiếp:

– Thường thường, những người nào học kém thì vào các ban khác. Chàng muốn nói ý rằng Trường tuy đã đỗ nhưng sức học hãy còn non lắm.

Tuyết cũng hiểu như thế, nàng muốn cãi lại, mà không biết nói gì. Nhưng một đứa trẻ như nàng không biết giữ kín những cảm giác của mình, nàng cau mặt tỏ vẻ không bằng lòng đứng dậy đi vào trong phòng.

VII

Một tháng sau, Trường xin phép mẹ về An Lâm chơi. Đã ba, bốn năm chàng không có dịp nào về thăm quê nhà, thăm những người thân thuộc vẫn còn lại ở đấy. Trường muốn trở về nhìn lại những chỗ đã giữ bao nhiêu kỷ niệm êm đềm trong quãng đời trẻ thơ của chàng. Với lại, chàng muốn xa cách ít lâu cái náo nhiệt trong căn phố chàng ở, và quên những bộ sách khô khan mà chàng đã nghiền ngẫm mấy tháng trước khi thi.

Trên chuyến tầu đưa chàng đi, Trường vui vẻ nhìn đồng ruộng đằng xa kéo lại, tấm thảm lúa xanh thẫm mà cơn gió làm nổi lên những làn sóng bạc. Thỉnh thoảng, một mảnh ruộng có nước, sáng như một tấm gương phẳng lặng, phản chiếu vùng trời xanh ngắt và rộng rãi.

Trường thở hít mạnh không khí trong sạch, lắng tai nghe những câu chuyện mộc mạc và tiếng cười nói của các hành khách trên tầu. Chàng cảm thấy tâm hồn mình trở nên giản dị và trong sáng như những ngày còn trẻ ở quê nhà.

Gần đến An Lâm, tầu đi trên cầu sông Tiên, và tiếng ầm ầm rung động nhắc Trường nhớ lại khi còn đi học ở trường làng, chàng thường cùng với các anh em bạn ra đứng dựa vào thành cầu để nhìn xe hỏa đi qua. Chàng lại nhớ lúc bấy giờ nhìn các người đi trên tầu một cách thèm thuồng, bởi họ đang đi tới những tỉnh thành xa lạ mà chàng hằng ao ước được để chân đến.

Trường nghiêng người ra ngoài cửa toa nhìn xuống, thấy mấy chiếc thuyền gỗ chen nhau đỗ bên bờ, một vài đứa trẻ đang bơi lội dưới nước đều ngưng lại, giương những con mắt ngạc nhiên nhìn chiếc xe qua.

Mấy dẫy nhà ở đầu phố Huyện, thấp thoáng sau lũy tre xanh hiện ra, rồi xe đỗ. Trường xuống ga theo con đường trải đá đi khuất sau rặng cây. Một cơn gió mát ở cánh đồng ruộng đưa tới bay tung vạt áo Trường, đem lại cho chàng cái mùi dễ chịu của đất ải mới cầy lẫn với hương thơm của cỏ xanh. Buổi chiều rất yên lặng tỏa xuống cảnh quê; một cảm giác êm đềm như ở dưới đất bốc lên, bao phủ lấy mọi vật.

Qua hai dẫy phố chợ, Trường men bờ sông Tiên tìm đến nhà bà Nhì. Chàng định nghỉ hè ở nhà bà, và để kèm dạy người con bà như lời chàng đã hứa trước. Và chàng cũng muốn sống lại trong mấy gian nhà cổ và trong mảnh vườn hồng ven sông những ngày ngây thơ khi còn nhỏ.

Lên hết mấy bực xếp bằng gạch cũ. Trường đẩy hai cánh cửa tre của một cái cổng nhỏ nấp sát vào rặng cây xanh tốt làm hàng rào. Bà Nhì đương ngồi trên chiếc chõng ở ngoài sân, nghe tiếng động ngoảnh ra nhìn. Thấy Trường, bà vội vàng đứng dậy, nét mặt vui tươi hẳn lên và nói líu cả lưỡi:

– Kìa cậu Trường, cậu về bao giờ thế? Sao không gửi giấy báo tôi biết trước để cho em nó ra đón. Cậu ngồi xuống đây đã.

Bà giật cái va li của Trường để lên thềm nhà rồi quay lại thu xếp các đồ dùng để trên chõng. Sự vui mừng thành thực và vẻ luống cuống của bà khiến Trường cảm động và buồn cười. Chàng thấy đầm ấm trong lòng, vì bà Nhì đối với chàng đã thành thân mật như người trong một nhà.

Trường nhìn quanh mình. Cảnh vật trước mắt chàng vẫn y nguyên, không thay đổi. Căn nhà năm gian vẫn có vẻ rộng rãi; thềm gạch rêu phủ, cả cái bể nước con con, mấy chậu cây si dưới gốc cau cũng y nguyên như hồi còn nhỏ chàng đến chơi.

Bà Nhì vào trong nhà bưng một bộ khay chén ra để trên chõng. Trường toan hỏi, bà đã cất tiếng gọi:

– Trinh đâu ra mẹ bảo.

Thoáng có tiếng người thưa, rồi từ phía vườn đầu nhà, một thiếu nữ sau giàn cây bước ra. Thấy có người lạ, thiếu nữ đứng sững lại ngạc nhiên giương mắt nhìn.

Trường nhận ra cô gái có đôi mắt to và đen vẫn thường chơi với chàng và Lan ngày trước.

Thấy con khép nép dưới giàn hoa, bà Nhì quay lại bảo:

– Cậu Trường đấy mà, có phải ai lạ đâu? Rồi quay lại phía Trường, bà thân mật hỏi: "Em Trinh đấy, cậu còn nhớ không?"

Trường vừa đáp: "Thưa có ạ" vừa đứng dậy nghiêng mình cúi chào. Trinh ngượng nghịu chào lại. Hai má nàng ửng đỏ và e thẹn, nhưng mắt nàng sáng lên như thoáng qua một sự vui mừng. Rồi nhanh nhẹn nàng bước vào trong nhà.

Bà Nhì âu yếm nhìn theo con, bảo Trường:

– Hôm nọ tôi lên chơi trên bà, em nó cứ khẩn khoản đòi theo lên để gặp cô Lan nói chuyện. Nhưng nhà vắng người nên nó không đi được.

Trường thừa biết rằng vì nghèo, nên bà Nhì không muốn đưa con gái đến nhà ai. Mấy mẹ con chỉ quây quần sống với nhau trong nếp nhà cũ này; ngay đến những người ở An Lâm bà cũng không giao thiệp với.

Trường hỏi:

– Anh Bích đâu nhỉ, con không thấy.

Bích là cậu con trai thi trượt mà bà Nhì nhờ chàng dạy học.

– Tôi cho nó sang bên sông khất nợ từ sớm. Dễ bây giờ em nó cũng sắp về đấy.

Trường ngồi xuống chõng uống nước chè do bà Nhì pha lấy. Chén chè thoang thoảng hương vị hoa mộc, mùi thơm mát và dịu dàng. Chàng hỏi:

– Chè này bà ướp lấy phải không ạ?

Bà Nhì mỉm cười:

– Vâng, mộc ở vườn nhà đấy. Em nó vẫn lấy ướp chè cho tôi uống.

Rót thêm vào chén của chàng, bà tiếp:

– Cậu uống nữa đi. Giờ tôi chỉ còn có cái thú này thôi. Nhớ ngày trước đi cân gạo với bà Phán chẳng sáng nào là không dùng hết một ấm chè.

Bà đứng dậy vào nhà. Trường ngồi yên lặng, linh hồn thư thả và nhẹ nhàng. Chiều đã xuống. Da trời tím lại, và gió mát nổi lên rào rào trong mấy khóm tre gần ngõ. Qua bờ cây, về phía xa, còn thấp thoáng mấy tia nắng vàng yếu ớt. Từ dưới sông Tiên đưa lên tiếng nước róc rách đổ vào bờ, như tiếng kêu của buổi chiều rộng rãi.

Một cảm giác thấm thía và êm đềm như tự những ngày đã qua đưa lại mối dịu dàng. Chiều ở thôn quê đối với Trường vẫn giữ vẻ bí mật ngày xưa. Chàng nhớ lại tất cả các buổi chiều khi còn nhỏ, trong cửa hàng của mẹ: mấy cái quả sơn đen loáng dưới ánh lờ mờ của ngọn đèn dầu nhỏ, tiếng muỗi vo ve kêu bên tai, và cái yên lặng buồn nản của ngày tàn đè nén lên tâm hồn trẻ của chàng.

Bà Nhì lên tiếng gọi chàng vào ăn cơm. Bích đã về, vừa rửa chân tay xong ở bên bể cạn. Ba người cùng ngồi chung quanh chiếc án thư cũ kê gian giữa, dưới một cái đèn treo. Trường tuy không thấy đói nhưng chàng cũng phải gượng ăn mấy miếng trong mâm cỗ đầy mà bà Nhì với con gái đã ra công làm cho ngon lành. Mặc lời chàng từ chối, bà Nhì cứ chốc chốc lại gắp vào bát chàng những món ăn: chàng vừa ăn vừa trả lời những câu hỏi của bà Nhì về tin tức ở Hà Nội, về gia đình chàng. Được một lát, Trinh lặng lẽ đến ngồi bên mẹ. Bữa cơm trở nên vui vẻ và thân mật, trong một không khí đậm đà.

Sau bữa ăn, Trường xin phép đi nghỉ. Bà Nhì đã dành riêng cho

chàng một căn buồng ở đầu nhà, chỗ có giàn hoa lý. Tuy đi đường mệt mỏi, mà Trường cũng không thấy buồn ngủ. Chàng ngồi tựa vào cửa sổ, nhìn ra vườn. Muôn tiếng khe khẽ rì rầm khiến chàng nhận thấy cái hoạt động của ban đêm. Trường sung sướng nghĩ đến mấy tháng được ở đây. Phong cảnh của mảnh vườn trước mắt, với xa xa giòng sông Tiên thấp thoáng trong cánh đồng lúa xanh tươi, đối với chàng như đã quen thuộc.

Sáng sớm hôm sau, Trường đã trở dậy. Ánh nắng xiên qua khe cửa chiếu vào các xà ngang và mái ngói, làm sáng cả gian buồng. Tiếng cánh bay vụt và tiếng kêu ríu rít của đàn chim sẻ từ các kẽ ngói đưa ra làm sang sảng vang động cả buổi mai. Trường tự nhiên thấy vui vẻ vô cùng.

Chàng bỏ giầy cho mát chân, mở cửa bước ra ngoài, len qua mấy luống hồng và gốc khế, đi xuống phía sông Tiên. Hơi mát lạnh của nước sông như bốc lên thấm thía vào cảnh vật. Trường men theo bờ ra cánh đồng. Mùi thơm của cỏ làm chàng say sưa. Khoảng rộng và trời xanh khiến chàng nhẹ nhõm và khoan khoái. Trường ngồi trên thảm cỏ, tay rứt, miệng nhai những cánh lá thơm; tất cả giác quan như chờ đợi những cái thú và hương vị của cánh đồng quê mà chàng sợ không hưởng được hết.

Trở về, Trường đã thấy bà Nhì ngồi pha chè trên chiếc trường kỷ, đang đợi chàng. Trường ngồi xuống ghế, đưa chén chè nóng lên miệng. Mùi thơm ngát của cánh chè đầu xuân nhắc Trường nhớ lại những buổi uống chè khi sáng sớm trời còn tối, trước khi mẹ chàng và bà Nhì ra hàng cân gạo, những buổi sớm mà cánh đồng còn mờ sương đã vang động những tiếng xì xào của các người nhà quê hàng xáo gánh gạo lên chợ bán. Trường hỏi bà Nhì xem sự hoạt động ấy có còn đến bây giờ không, nhưng bà buồn bã trả lời:

– Mấy năm nay ở đây buôn bán kém lắm, không được như trước. Bây giờ kiếm ăn mỗi ngày một khó hơn.

Bà Nhì yên lặng, có vẻ nghĩ ngợi. Nụ cười âu sầu và an phận lại thoáng nở trên môi, và đôi mắt hiền từ của bà như nhìn đăm đăm tới những ngày nào, xa lắm. Trường thương hại: bà vẫn lận đận với cái nghèo trong khi quanh mình bà, những người cũ đã trở nên khá giả và sang trọng. Chàng muốn tìm câu chuyện để nói, thì bà Nhì bỗng hỏi:

– Ban sáng cậu đi chơi đâu? Đã vào trong nhà chưa?

– Chưa ạ.

Bà Nhì có nhắc, Trường mới nhớ đến. Trong nhà là họ ngoại của chàng. Trước kia, khi chưa lên Hà Nội, gia đình Trường vẫn ở bên cạnh xóm nhà của họ ngoại. Đó là một cái trại rộng rãi, vườn trồng đầy cây hoa lạ, mấy nếp nhà gạch dựng chung quanh một cái sân lát. Qua rặng găng tây, người đi đường có thể trông thấy mấy cái mái lợp ngói tây, với chòm lá của một cây mít lớn. Câu "nhà ngói, cây mít" ở cửa miệng các người nhà quê thật là đúng với cái dinh cơ to tát ấy, ngạo nghễ đứng giữa phố chợ, trong đám nhà tranh lụp xụp và xơ xác của bọn nghèo hèn ở chung quanh. Họ ngoại nhà Trường toàn những người giầu có, nhưng rất kiệt và hà tiện, xưa nay đối với nhà chàng nghèo túng, vẫn lãnh đạm và dửng dưng. Mẹ chàng khi xưa không chịu nhờ vả, chỉ một mình tần tảo nuôi con. Cho đến bây giờ, Xuân và Trường đã đỗ đạt, mẹ chàng coi đó như một cách đáp lại những lời mai mỉa mà trước kia họ hàng đã dùng để chê bai cái cảnh nghèo nàn của gia đình chàng.

Vì có những mối ác cảm ấy, nên tuy đã lâu lắm Trường chưa về quê, mà chàng cũng không muốn vào thăm trong họ. Bà Nhì cũng biết thế, nên khi thấy chàng lưỡng lự và tỏ ý ngần ngại, bà vội giục:

– Cậu vào chơi trong ấy đi, rồi về ăn cơm thì vừa.

Tính giản dị hồn nhiên, bà không ghen ghét hay ganh tị ai bao giờ, tuy người ta lãnh đạm với bà. Đối với ai bà cũng muốn thân thiện và tử tế. Lòng hiền hậu của bà khiến Trường quên hết cả những nỗi ngần ngại. Chàng quả quyết đến thăm ông bác, và nhân thể xem căn phố chợ An Lâm mà lúc còn đi học trường làng ngày nào chàng cũng đi qua.

Vừa bước ra khỏi cổng, Trường gặp Trinh đi chợ về. Nàng cắp bên người một cái rổ con đựng mấy mớ rau xanh tốt. Một con gà trống nằm ép mình trong rổ, thò đầu ra ngoài. Trông thấy, Trường vui vẻ hỏi đùa:

– Cô đi chợ về đấy à? Chàng buồn cười khi nghĩ đến con gà ấy lát nữa sẽ là bữa tiệc của mình.

– Cô mua gì mà nhiều thế?

Trinh khép nép đứng lui vào bờ giậu. Nàng nhấc vành nón lên nhìn Trường, khẽ trả lời một câu không rõ. Một nụ cười rất duyên nở

trên cặp môi đỏ, và hai lúm đồng tiền in rõ trên đôi má hồng hào. Nàng trông dịu dàng và tươi thắm.

Lòng mến yêu, Trường thấy mạch máu chạy mạnh trong người và một niềm vui ham sống tự nhiên tràn ngập cả tâm hồn. Trường muốn nói một câu để tỏ rõ cái bồng bột sung sướng trong lòng, nhưng ngượng nghịu lại thôi. Lặng lẽ chàng tránh sang bên cho Trinh đi, rồi quay lại nhìn theo dáng điệu mềm mại của Trinh cho đến khi nàng khuất sau khóm cây đầu vườn.

VIII

Trường đi qua cổng Huyện, rẽ về bên trái. Mấy lớp nhà đầu phố hiện ra trước mắt chàng. Vẫn mấy nếp nhà tranh xiêu vẹo của bọn người nghèo khổ các nơi trú ngụ ở An Lâm. Tuy xa cách đã lâu, mà Trường thấy những dẫy nhà đó không có gì thay đổi, có chăng là xiêu vẹo và điêu tàn hơn một chút. Chàng đoán cuộc đời tối tăm và khốn nạn trong đó cũng vẫn như ngày trước khi chàng còn ở đây.

Trường bước nhanh để vội qua những nơi ấy. Trên các thềm nhà, chàng vẫn thấy một lũ trẻ bẩn thỉu và rách rưới đùa nghịch; chúng giương những con mắt ngạc nhiên nhìn Trường đi qua. Trong các khung cửa dưới mái tranh xơ xác, Trường nhận thấy một vài người đàn bà quen, những người ở phố chợ này đã lâu lắm, đã từng trông thấy Trường chơi đùa dưới mắt họ cùng với một lũ trẻ cũng bẩn thỉu như những đứa trẻ kia.

Những người đàn bà nghèo khổ này vẫn thường đến vay mượn mẹ Trường. Chàng ngậm ngùi cho cái số phận đáng thương của họ, có lẽ suốt đời phải lầm lội trong cảnh đói khổ như thế này mãi. Trường nghĩ đến trước kia, gia đình chàng cũng không hơn gì gia đình những người này. Chàng đã sống chung với con cái họ. Nhưng tấm lòng hy sinh của mẹ đã khiến Trường và anh có thể theo học được, và đến bây giờ, thoát khỏi sự cùng cực, sống một cuộc đời đầy đủ hơn một chút: Trường thấy nổi lên trong lòng một tấm tình yêu mến, kính phục đối với mẹ, với tất cả những người mẹ khác đã hy sinh cho con.

Chàng đoán chắc những bà mẹ xấu số kia đang nhìn theo chàng một cách ao ước, thèm thuồng. Chàng thoáng nghe thấy họ nói với nhau:

– Cậu Trường đấy, Trường con bà Phán đấy mà. Gớm, cậu ấy bây giờ trông nhớn quá.

Trường mỉm cười. Chàng lưỡng lự không biết có nên dừng lại hỏi han họ không. Nhưng chàng sợ, những lời than phiền, và cảnh nghèo khổ thương tâm của họ khiến chàng muốn tránh xa, Trường lại bước nhanh đi đến nhà ông bác.

Qua dẫy phố chợ, đến phố Huyện là chỗ những người giầu có ở. Những nhà gạch dựng sát tường nhau, liên tiếp hai bên đường. Trong dẫy nhà ấy Trường lại trông thấy hai căn nhà to lớn của người Khách, mà lúc còn bé, chàng cho là vĩ đại nhất, không còn có cái gì khác có thể cao và to hơn được. Bây giờ nhà đó đối với chàng không có gì lạ lùng nữa. Nhưng mấy người Khách béo tốt ngồi yên lặng sau quầy hàng vẫn có cái vẻ giầu sang vững chãi đột ngột trong những cảnh nghèo khổ chung quanh.

Đến nhà họ, Trường thấy người bác gái cùng với mấy đứa con đang ngồi ở cửa hàng, một cửa hàng trông ra phía chợ. Trường vui vẻ bước vào. Bà Cả thấy cháu đến, không vẻ gì ngạc nhiên hay mừng rỡ. Bà điềm nhiên bảo Trường ngồi xuống ghế, rồi ôn tồn hỏi:

– Cậu về đây có việc gì thế? Thím độ này có mạnh giỏi không? rồi bà chép miệng nói thêm:

– Lâu nay hàng họ bận quá, thành thử bao nhiêu lần bác muốn lên thăm thím và các cháu trên ấy mà không sao đi được. Đấy, cậu xem, luôn tay có lúc nào rỗi đâu.

Trường lễ phép đáp lại. Thực ra, chàng cũng biết bác Cả chẳng phải vì bận việc mà không lên chơi với mẹ chàng được: bà ta lên Hà Nội luôn nhưng không lần nào đến, vì bà không có lợi gì mà giao thiệp với nhà Trường. Câu nói đãi bôi của bà làm cho Trường khó chịu, nhất là chàng lại nhớ đến những cử chỉ khắc nghiệt của bà ngày xưa đối với mẹ chàng. Cái kỷ niệm đau đớn và uất ức này còn in sâu mãi trong óc Trường: tối đêm ba mươi tết, năm Trường lên mười tuổi, bà Cả đứng ngoài sân réo đòi nợ năm đồng bạc, khiến mẹ Trường tức ngất người đi và bà chẳng phải đợi hết mưa gió đến gõ cửa nhà môt người quen trong Huyện vay tiền đem về trả.

Sự khinh bỉ cái lòng tàn ác ấy cũng đến theo với cái kỷ niệm buồn rầu kia. Trường nhìn thẳng vào bà Cả, tìm trên khuôn mặt phúng phính của bà những nét khắc nghiệt ích kỷ, cái vẻ điêu ngoa

và gian ác mà thời gian không che bớt đi. Tuy vậy chàng cố nén tâm trở lại bình tĩnh, và thong thả trả lời câu hỏi của bà:

– Thưa bác, mẹ cháu vẫn ân hận vì đã lâu chưa về thăm bác được. (Chàng vui vẻ tiếp chuyện ra vẻ ân cần lắm). Độ này bác đã được bình phục như thường rồi chứ? Năm ngoái khi nghe tin bác mệt, cháu cứ áy náy mãi không về được.

Nhưng Trường bỗng tự nhiên mỉm cười. Vì chàng cũng vừa đã giả dối như bà Cả. Sức khỏe của bà, chàng có bao giờ để ý đến đâu! Mà nếu bà ta ốm yếu, có lẽ chàng lại còn mừng nữa. Rồi Trường thấy những câu thăm hỏi mình sắp nói là vô vị và không thực thà. Chàng yên lặng.

*

* *

Vừa lúc ấy, mấy người đàn bà nhà quê vào mua hàng. Bà Cả bảo Trường:

– Cậu lên chơi trên nhà. Bác ở trên ấy đấy. Trường đứng dậy vào phía trong, đi qua một cái sân gạch rộng. Mấy con chim bồ câu đang nhặt thóc thấy động vụt cánh bay lên trước mặt chàng. Trong gian phòng ngang bên tay trái, một đám người, quần áo cũ kỹ và rách rưới, đang đứng chờ đợi, giữa những quang gánh và thúng mủng. Đó là những người đến vay thóc. Bên mấy cót thóc cao đến mái nhà, Trường thấy cô Tâm con gái bà Cả đứng coi bảo mấy tên người nhà. Tiếng cô nói gắt và the thé, che lấp cả những lời van xin se sẽ của đám người kia.

Đến nhà trên, một căn nhà lối mới ta thường thấy ở các vùng quê, Trường nghe thấy tiếng nhiều người nói chuyện. Chàng ghé đầu vào cửa sổ, thấy ông Cả đang ngồi cùng mấy người khác, chung quanh chiếc bàn mặt đá. Trông nét mặt và dáng điệu mọi người, Trường đoán họ đương bàn luận một việc gì quan trọng lắm. Chàng còn đang lưỡng lự không vào, thì Tín, con trai ông Cả, đã trông thấy chạy ra vồn vã:

– Kìa anh Trường, về bao giờ thế? Mời anh vào chơi.

Trường tỏ vẻ ngần ngại:

– Hình như bác đang bận dở việc gì thì phải.

– Không, anh cứ vào. Tín kéo tay chàng dắt vào trong nhà. Mọi người dừng lại, ngẩng lên nhìn. Trường lễ phép cúi chào. Ông bác nhìn chàng sẽ gật đầu, rồi lại quay về bọn khách nói chuyện. Trường lặng lẽ theo Tín đến ngồi trên chiếc ghế gụ kê sát tường, một chiếc ghế kiểu lố lăng, pha Tầu, pha Tây, nhưng rất đắt mà các nhà sang trọng hay bày biện. Chàng thấy chiếc ghế đầy những bụi, hình như lâu không có ai ngồi đến.

Tín mang đến một cái ấm tích cũ, rót vào cái chén cáu bẩn một thứ nước đen ngòm và lạnh, rồi điềm nhiên mời khách uống. Trường nhìn bàn tay to lớn của Tín, cái thân hình mập mạp của anh ta, và nét mặt thản nhiên, đôi con mắt không có một ý tứ gì. Tất cả những người ở bên họ ngoại, vẫn làm cho Trường lạ lùng và khó hiểu. Ông Cả đã suốt một đời chàng không thấy làm việc gì: ông chỉ ngồi nhà, mặc vợ và con gái buôn bán nuôi mình. Ông lúc nào cũng thong dong nhàn nhã. Mùa hạ ông mặc chiếc áo cánh lụa, phe phẩy chiếc quạt, rồi ăn cơm xong, miệng ngậm cái tăm, ông ung dung đi bách bộ trong sân nhà, hay ra phố chợ nói dăm ba câu chuyện không đâu với những người ở đấy. Lúc còn nhỏ ông làm cho Trường kính phục lắm, vì mọi người chung quanh vẫn coi ông là biểu hiện của sự sung sướng cực điểm, cái sung sướng được thư nhàn; không phải làm ăn vất vả.

Đến lượt Tín cũng thế. Trường cũng không thấy anh ta làm việc gì. Mười năm trước, Tín cũng cắp sách đi học với chàng nhưng sau khi trượt bằng Sơ học, Tín bỏ trường và từ đấy không theo học nữa. Trường lấy làm lạ, sao anh ta có thể sống một cuộc đời yên lặng như thế được, mà không băn khoăn. Chàng tò mò muốn biết công việc và ý nghĩ của Tín ra thế nào, chàng hỏi:

– Độ rày anh làm gì?

Tín ngạc nhiên, nhìn Trường rồi mỉm cười:

– Tôi ấy à? Chả làm gì sất.

– Thế anh không thấy buồn à?

– Buồn? Tín ngẩng đầu ra đằng sau, như nghĩ ngợi: – Buồn thì cũng có buồn. Anh tính ở chỗ nhà quê này thì có gì vui. Hết ăn rồi lại ngủ. Tín chép miệng, thêm: – Giá tôi được ở Hà Nội như anh thì thích.

– Anh nói có lẽ.

Trường yên lặng. Tín không hiểu câu hỏi của chàng. Trường nhìn Tín một lần nữa, tự hỏi sao anh ta không thấy cái vô dụng của đời

anh ta, không áy náy mảy may vì không làm gì trong khi chung quanh, ai nấy cũng có công việc. Nhưng Trường chợt nghĩ đến ông Cả, chẳng phải ông đã làm gương cho cậu con sao? Chàng nhận ra trong xã hội có nhiều gia đình mà người đàn ông không làm gì, bao nhiêu công việc về phần đàn bà phải gánh vác.

Câu chuyện ông Cả bàn với mấy người khách đang đến một chỗ kịch liệt thì phải, vì Trường thấy ông đã to tiếng, và đã tắt cái đóm châm hút thuốc lào đến ba lần. Để mặc Tín yên lặng ngồi bên, Trường lắng tai nghe. Họ đang bàn về việc sửa soạn rước mã cho hàng phố. Người ngồi trước mặt ông Cả, mà Trường nhận ra là ông chủ ty rượu ở An Lâm, thì muốn cho cuộc rước giản dị, gọi là đủ lệ thôi. Ý kiến ấy không được ông Cả và hai người nữa ngồi cạnh ông tán thành. Người đứng tuổi ở bên trái, đập cái quạt xuống giường nói:

– Ông chủ ty bàn thế thì tôi không phục chút nào cả. Đã không làm thì thôi, chứ đã làm thì rước phải cho ra rước. Luộm thuộm chả bõ người ta cười cho.

Ông Cả thêm:

– Phải, từ khi hàng phố ta biệt lập ra chưa làm cái gì. Bây giờ nên rước thật long trọng để làng họ phải sợ.

Phố An Lâm trước vẫn sát nhập vào làng sở tại ở đó. Đầu năm nay ông Cả và vài người tai mắt trong phố, tìm cách làm cho phố biệt lập hẳn làng ra, lấy cớ rằng thành phố cần phải mở mang rộng rãi, và phải có một Hội đồng riêng mới trông coi được. Họ ao ước như vậy để được một chân trong Hội đồng ấy, và sẽ thu lợi về số thuế chợ và thuế nhà trong phố, một số tiền lớn. Vì việc này, bên làng và bên phố đã kiện nhau mãi, rút cục bên hàng phố được nhờ thế lực ông Cả, vì ông này có người em vợ ở tỉnh làm thư ký riêng cho quan Tuần.

Người ngồi bên phải để búi tóc, mặc chiếc áo lương mới, từ nãy vẫn im lặng, bây giờ thong thả cất tiếng:

– Ông Cả và ông Lâm bàn phải. Không những để làng họ sợ, mà còn để quan trên trông xuống biết hàng phố ta làm được việc nữa. Giọng ông nói dõng dạc và bệ vệ, tỏ ra người có chức việc hệ trọng. Trường hỏi Tín mới biết chính là ông trưởng phố An Lâm.

Thấy chỉ có một mình riêng một ý kiến, ông chủ ty rượu hết sức biện thuyết:

– Tôi tưởng cuộc rước cứ đủ lễ voi, ngựa, cũng đã long trọng chán. Từ đền ra đến chợ chỉ có một quãng ngắn không. Với lại...

Người trưởng phố ngắt:

– Ông này thật không nghĩ xa.

– Để yên tôi nói – ông chủ ty rượu tiếp – Với lại hàng phố ta có phải hà tiện tiền mà không làm được cái rước long trọng đâu! Ta cũng tiêu từng ấy tiền, nhưng cái lễ mã thì làm giản dị, còn cái lễ thần thì làm rất trọng thể. Từ ngày phố biệt lập ta chưa cho đàn em chúng nó hưởng cái ân huệ gì.

Trường vẫn cứ lặng ngồi nghe, ngạc nhiên một cách chán nản. Tất cả công việc và cuộc đời của bọn người này là thế ư? Chàng vẫn biết ông bác, và cả gia đình họ ngoại của chàng, chỉ là những kẻ giầu có, nhờ thế lực của tiền để bóc lột dân quê. Nhưng chàng cũng không thể ngờ rằng những hành vi và tư tưởng của họ lại vô vị và trẻ con như vậy. Sự bất công rõ rệt khiến Trường tức bực đến đau đớn; trong khi các con cái những nhà này có đủ điều kiện để ăn chơi hoang phí và làm những việc không đâu, thì nhà chàng, và tất cả những người nghèo khổ chung quanh vùng phải chật vật khó nhọc mới đủ nuôi con ăn học. Trường quay lại nhìn Tín: người em họ của chàng đã ngửa đầu lên thành ghế mắt lim dim như muốn ngủ. Nét mặt nặng nề và cục mịch chứng tỏ một tâm trí tối tăm và đầy vật dục.

Lúc ông Lâm và người trưởng phố đứng dậy ra về, ông Cả mới để ý đến Trường.

– Cháu lại đây. Thế nào, bao giờ thì vào Cao đẳng? Định học ban nào?

Trường khó chịu: lại câu hỏi đã nghe không biết bao nhiêu lần! Tự nhiên chàng trả lời:

– Thưa bác, ban luật.

– Cháu nghĩ phải. Bây giờ chỉ có học luật là có giá trị. Rồi quay ra phía ông chủ ty, ông Cả có ý khoe khoang, giới thiệu:

– Cháu Trường đấy, ông Huy có biết không. Mới đỗ bằng Thành chung kỳ vừa rồi, nay sắp vào Cao đẳng.

Trước vẻ mặt ngơ ngác của ông Huy, ông Cả nói rõ thêm: Trường, con thím tôi đấy mà.

– À!

Ông Huy đáp xong nhìn Trường một cái rất nhanh, rồi ông lại tiếp câu chuyện bàn dở.

– Vậy thì cứ như ta đã nói, phải hai ngựa, hai voi với nhiều cờ quạt mới đủ...

Trường hơi mỉm cười. Trong cái nhìn của ông Huy chàng nhận thấy rõ rệt rằng ông ta cho chàng là trẻ con, không đáng để ý đến. Ông Huy nhìn chàng như nhìn một người không có thể hiểu được câu chuyện quan trọng ông đang bàn. Trường chua chát nghĩ đến cái quan trọng ấy và tự hỏi sao lại có người có thể vẽ ra những chuyện vô ích và nhảm nhí như rước mã được. Trong phố An Lâm còn bao nhiêu việc đáng làm. Lập thêm trường học, đào giếng, thắp đèn cho sáng, những công việc giúp cho sự sống của mọi người sao không làm? Chàng thấy trong óc dồi dào bao nhiêu ý nghĩ. Nhưng Trường hiểu rằng nếu mình đem những ý kiến ra tỏ bầy, ông Huy và ông Cả chắc sẽ cho là chuyện trẻ con. Với lại, họ sẽ cho rằng chàng còn trẻ quá, chưa có địa vị gì và chưa đến cái tuổi nói cho người khác nghe.

Trường buồn rầu đứng dậy chào ông Cả ra về. Chàng muốn rời bỏ nhanh chóng cái hoàn cảnh không hợp với ý nghĩ và tâm hồn chàng. Qua nhà ngoài, bà Cả đang bận bán hàng cho khách, cũng vội ngẩng lên mời với:

– Cậu Trường hãy ở chơi ăn cơm đã.

Trường làm như không nghe tiếng, rảo bước ra không ngoảnh lại. Tiếng ồn ào của chợ đã họp đông bao bọc lấy chàng. Trường thấy chung quanh mình những người nhà quê giản dị và mộc mạc, nói chuyện một cách rất vui vẻ, thực thà; chàng thấy đối với họ gần gũi và thân mật hơn.

IX

Không muốn lại qua phố, Trường rẽ xuống cánh đồng, men theo các bờ cỏ mà đi. Gió từ quãng rộng đưa lại, trong sạch và mát mẻ. Ruộng lúa xanh rờn trải mãi tận chân trời, đến những làng mạc thẳm xa xa. Trên các con đường nhỏ quanh co giữa cánh đồng, từng đám người đi chợ thong thả len theo bờ lúa. Gió đưa lại tai Trường tiếng cười nói của họ, vang trong không khí buổi ngày rực rỡ này.

Đến sông Tiên, chàng đi ngược lên về phía Huyện. Nóc nhà bà

Nhì dần hiện sau dẫy tre ven sông, với mấy ngọn cau cao vút, yên lặng giữ trong khe lá những mảnh trời xanh. Hình ảnh Trinh lại dịu dàng trước mắt chàng. Trường thấy bao nhiêu tình cảm trong tâm rung động, như sắp gặp một hạnh phúc đẹp đẽ, nhưng chàng không rõ đấy là cái vui sống của tuổi trẻ hay là lòng yêu. Hai thứ ấy hình như cùng hòa hợp làm một.

Trường dừng lại trên mấy bực gạch từ trong vườn bà Nhì đi xuống sông. Bên kia bờ, mấy người đánh cá đang cất những mảnh lưới sáng loáng dưới ánh nắng; giòng sông chảy lặng lờ và thong thả, nên những giọt nước ở lưới rơi xuống ghe rào rào như mưa nhẹ. Trong chỗ bóng rợp của dẫy cây men bờ, nước trong và mát, khiến Trường lại muốn như lúc còn bé, hứng nước lên bàn tay để giữ lấy cái mát rợi ít lâu.

Trong vườn bỗng thấp thoáng bóng người đi ra phía sông. Không ngẩng mặt trông lên, Trường cũng biết chắc đấy là Trinh. Tâm hồn chàng yên lại như đợi chờ. Nước sông Tiên trong hơn, cỏ tươi thêm và ngày rực rỡ khác thường. Cảnh vật chung quanh chàng trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Nàng ở gần, ngay bên chàng. Nhìn lên chàng thấy Trinh đứng bên khóm cây mộc, đang nhặt trong khe lá những chùm hoa nho nhỏ, để đem về ướp chè. Trường lặng yên nhìn thân hình mềm mại của Trinh trên nền cành lá: nàng bận một chiếc áo trắng mỏng; trên vành khăn nhung, trong mái tóc đen có giắt mấy bông hoa sói. Những buổi vui đùa ngày trẻ với cô bé có đôi mắt to và đen thoáng qua trong trí nhớ, dậy nổi trong lòng chàng nguồn tình cảm mến yêu đằm thắm.

Say sưa và mạnh bạo, Trường bước lên vườn. Trinh ngoảnh ra thấy chàng, nàng luống cuống và e lệ. Nàng muốn tránh ra chỗ khác, nhưng vẫn cứ đứng yên. Trường lại gần. Chàng ngượng nghịu vịn một cành cây xuống, hồi hộp không biết nói gì. Hai người đứng yên lặng như trong giấc mộng, hơi thở hòa nhịp với nhau, với mùi thơm kín đáo và dịu dàng của bông hoa mộc lấm tấm trắng trong cành lá.

Trường cảm động nhìn những ngón tay xinh xắn của Trinh hái hoa. Chàng cũng đưa tay lên, rồi không biết mình làm gì nữa, nhẹ nhàng giữ lấy tay Trinh hái hoa trên chùm nụ. Chàng thấy Trinh rung động cả người. Nàng ngước đôi mắt đen lên đắm đuối nhìn chàng, miệng khẽ ấp úng:

– Anh... rồi bỗng rút tay ra, nàng vùng quay đi chạy qua vườn như con bướm trên cỏ mùa xuân.

*

* *

Từ hôm ấy trở đi, sự giao thiệp giữa hai người bắt đầu thay đổi. Trường và Trinh ở vào cái trường hợp của hai người còn trẻ, cả hai cùng ngây thơ và trong sạch, thấy mến yêu nhau và muốn gần gụi nhau luôn.

Khi Trường đương ngồi nói chuyện với bà Nhì trên ghế trường kỷ ngoài hiên, mà Trinh ở trong nhà bước ra, hay có thấp thoáng bóng nàng ở trong vườn, thì tất cả mọi vật đối với chàng như sáng sủa hẳn lên, cuộc đời như rực rỡ, vui tươi. Trong những lúc ấy, câu chuyện nói với bà Nhì đậm đà hơn, và tự nhiên đối với bà, Trường thấy kính trọng và thân yêu như đối với người mẹ hiền. Không những lúc Trinh có mặt hay nghe tiếng nói trong trẻo của nàng, Trường mới cảm động; chỉ cái nghĩ nàng có ở đấy, nàng sống ở cạnh mình là đủ làm cho chàng thấy sung sướng, vui vẻ rồi. Và khi chàng có sự gì buồn bực chàng chỉ nghĩ đến Trinh, là nỗi buồn tiêu tán đi mất cả. Về phần Trinh, nàng cũng thấy cảm giác như thế.

Từ lúc gặp nhau trong vườn, mà lần đầu Trường hưởng cái thú vị say sưa của tình yêu, chàng với Trinh không mấy khi giáp mặt nhau nữa. Những câu chuyện giữa chàng với nàng thường vẫn có bà Nhì chứng kiến, những buổi nói chuyện như thế, hai người cùng ham thích, bởi vì qua những câu nói tầm thường, họ cảm thấy cái tình yêu dịu dàng và tha thiết. Còn những lúc chỉ có hai người gặp nhau, câu chuyện của đôi bên lại trở nên ngượng nghịu. Hai người cùng thấy e thẹn và muốn tránh xa nhau ngay.

Tình yêu của Trường và Trinh cứ một ngày một trở nên đằm thắm, suốt trong thời kỳ Trường nghỉ ở An Lâm. Bà Nhì cũng biết hai người yêu nhau, nhưng bà không nói gì, bởi vì lòng nhân từ của bà cho rằng không có sự gì xấu có thể xảy ra được. Đối với bà, một đôi trai gái yêu mến nhau là một sự tự nhiên, không có gì đáng ngại. Mà Trường yêu Trinh bằng một lòng yêu trong sạch của tuổi trẻ, không nghĩ ngợi, không suy đoán. Trường thấy mình tự nhiên yêu, cũng như tự nhiên sống.

*

* *

Những ngày ở An Lâm cứ đều đặn qua. Buổi sớm, Trường đã trở dậy, men bờ sông Tiên ra cánh đồng, đi trên những bờ cỏ còn ướt sương. Những gió mát từ đằng xa đưa lại, ánh sáng rực rỡ của mặt trời lên, tiếng chim sẻ đồng hót trong bụi, cho đến những câu chuyện của người cầy ruộng hay người nhặt cỏ, Trường cũng tưởng như để ca tụng đến tình yêu, chàng thấy man mác trong lòng. Trời đối với chàng trong hơn, ruộng lúa xanh hơn, và cảnh vật cũng tốt tươi hơn; tất cả mọi sự đối với chàng cùng là sung sướng và vui vẻ.

Khi đã đi mệt mỏi, Trường lại theo bờ sông trở về nhà, không muốn đi qua phố để thấy cảnh nghèo khổ của những người ở chung quanh chợ và nhất là để khỏi trông thấy cái dinh cơ sang trọng của bác, khỏi nghĩ đến cuộc đời toàn những sự hà hiếp, nhỏ nhen của các người trong ấy. Trường thích xuống giòng sông Tiên tắm mát, rồi bước những bực gạch lên vườn sau nhà bà Nhì, đứng lặng yên lúc lâu, để hưởng cái mùi thơm dịu dàng của hoa mộc hòa lẫn với cái mát mẻ của buổi mai. Chàng đứng đấy để thấy thấp thoáng qua các cành lá, cái dáng điệu mềm mại của Trinh trong lúc nàng làm những việc vặt hàng ngày rồi chàng đến đột nhiên gần bên nàng, trong lúc Trinh cho chim ăn hay hái hoa sớm, để trao đổi một cái nhìn hay một nụ cười.

Rồi sau khi uống nước chè với bà Nhì ở ngoài hiên, Trường dạy Bích học. Chàng đã kê một cái bàn nhỏ bên cạnh chiếc giạt tre gần giàn hoa lý. Vừa dạy học, xem sách, Trường vừa ngắm những bông hoa hồng trong vườn, hay nhìn theo mấy con chim sâu chuyền từ cành nọ sang cành kia. Thỉnh thoảng, Trinh mang đến cho chàng một bông hoa đẹp nàng đã chọn lựa, hay một bó những hoa mộc mạc của cánh đồng. Trinh hái trong khi đi thăm ruộng. Bó hoa cắm trong bình để đầu bàn học, nhắc đến sự có mặt của nàng.

Những buổi chiều tối, sau bữa cơm ăn, là những thời khắc mà Trường muốn sống mãi; bên ngọn đèn, chàng ngồi nói chuyện với bà Nhì và Bích trên trường kỷ; mỗi khi Trường nhìn lên lại thấy đôi mắt đen của nàng long lanh nhìn mình; lúc chàng cùng bà Nhì nhắc lại những ngày chàng còn bé đến chơi đùa trong vườn và ngắt trộm hoa trong luống hồng, Trường lại thấy Trinh mơ màng nghĩ ngợi, hình như nàng cũng đương diễn lại trong trí những hình ảnh đó. Các kỷ niệm chung ấy lại càng khiến hai người yêu mến nhau hơn. Trong những lúc đó, Trường thấy mình như một người con thân yêu trong gia đình bà Nhì. Chàng lại nhớ đến những buổi sum họp rất hiếm ở

nhà, trước khi anh Xuân chưa bắt đầu chơi bời, cả nhà quây quần chung quanh ngọn đèn, cùng chung một cái không khí đầm ấm. Chàng tưởng tượng Trinh ngồi bên cạnh Lan, hai chị em cùng nhau dịu dàng nói chuyện. Cái ý nghĩ ấy làm chàng hồi hộp hy vọng.

Trường thấy bồng bột lòng hăng hái của một người tuổi trẻ, lần đầu, tự hiểu biết tất cả cái quan trọng và vẻ đẹp của cuộc đời đầy đủ vì tình yêu. Thường khi về những đêm sáng trăng, chàng không ngủ được, bởi cảm thấy tràn ngập cả người cái vui sống trẻ trung. Chàng trở dậy ra ngoài vườn ngắm bóng trăng yên lặng chiếu trên các lá cây. Sương ướt thấm lạnh người, Trường mới trở vào nghỉ, có khi còn ngoảnh lại nhìn một lượt nữa cảnh vườn đầy ánh trăng, như mến tiếc. Ái tình mỗi ngày một thấm thía trong lòng chàng. Những ngày ở An Lâm là những ngày sung sướng trong đời Trường, những ngày mà sau này, chàng thường nhớ đến như một cái nguồn những tính tình thanh khiết và cao quý.

X

Tháng mười đã đến. Ngày nghỉ sắp hết. Trường phải sửa soạn về Hà Nội để vào học. Buổi sớm hôm ấy, khi chàng đương ngồi uống nước với bà Nhì, người phu trạm An Lâm vào đưa bức thư của Xuân gửi báo tin chàng đã được nhận đơn xin vào học. Nghĩ đến sự sắp phải rời bỏ mảnh vườn quen thuộc này, Trường buồn rầu; thời giờ đi chóng quá, mấy tháng chàng nghỉ ở An Lâm đã thoáng qua như một giấc mộng. Thấy chàng có vẻ nghĩ ngợi, bà Nhì hỏi:

– Thư gì thế cậu?

– Thưa, giấy gọi lên học. Con phải trở về để sửa soạn vào trường.

Bà Nhì đặt chén nước xuống bàn, có vẻ ngạc nhiên: – Ồ, chóng quá nhỉ. Tôi cứ tưởng cậu về đây mới được hơn một tháng. Thế mà đã hết nghỉ hè rồi đấy.

Bà lại hỏi:

– Bao giờ thì cậu lên?

Trường đáp:

– Sáng mai ạ.

Vừa lúc ấy, Trinh ở ngoài vườn đi vào, tay cầm mấy bông hoa hồng mới ngắt ở vườn. Sáng nào nàng cũng lấy một bó hoa để cắm

vào bình trên bàn học của Trường. Thấy con bà Nhì gọi:

– Trinh ơi, anh Trường ngày mai về Hà Nội đấy.

Trinh đứng sững lại trên bực cửa, bó hoa nàng cầm trong tay rung động. Một lát nàng nhìn Trường sẽ hỏi:

– Mai anh về thật ư?

Trường thấy đôi mắt trong của nàng mờ đi, và một vẻ buồn rầu trên nét mặt nàng. Chàng thong thả trả lời:

– Vâng. Rồi không biết nói gì nữa, chàng cúi mặt xuống mân mê bức thư trong tay. Ba người cùng yên lặng.

Buổi sáng rực rỡ ở ngoài vườn. Ánh nắng lấp lánh xiên ngang qua giàn hoa, chiếu lên thềm những hình bóng lung lay. Trong vẻ đẹp của cảnh vật, Trường cảm thấy cái buồn man mác của sự phân ly.

Bữa cơm chiều, mọi người cùng ăn vội vàng không nói chuyện như ngày thường. Ăn xong, Trường xếp lại sách vở và quần áo để mai đi sớm. Bích lăng quăng giúp đỡ chàng, còn bà Nhì ngồi trên ghế, lặng lẽ. Bà đã quen có Trường ở bên cạnh, nay thấy chàng đi bà cũng nhớ. Từ ngày Trường về ở An Lâm, bà Nhì đã yêu mến chàng và coi chàng như một người con yêu quý. Trong thâm tâm, bà hy vọng cái mong ước bao nhiêu năm trước của bà sẽ thành: khi mẹ Trường còn ở An Lâm bà ao ước sẽ gả Trinh cho Trường, nhưng nhiều cớ khiến bà không dám nói cái địa vị hèn kém của bà, sự nghèo nàn của gia đình bà so với nhà Trường bấy giờ. Nên sự mong ước ấy bà không dám nghĩ đến, và cũng không nói cho ai biết.

*

* *

Đêm trong trẻo và có gió mát. Trăng đã lên cao vượt qua đầu ngọn tre, chiếu xuống giường. Trường mở cửa bước ra, đứng dưới giàn hoa. Không khí ban đêm thoang thoảng những mùi thơm của các bông hoa, mùi hoa mộc hòa lẫn với mùi thơm mát của hoa lý, mùi hắc của cỏ ướt sương. Qua hàng rào, Trường thấy dòng sông Tiên lấp lánh ánh trăng, và vẫn nghe thấy tiếng róc rách khe khẽ của nước đập vào bờ.

Trường lắng tai để ý đến những tiếng động trong nhà. Bà Nhì và Bích đi ngủ đã lâu rồi. Chàng cũng được giục nằm nghỉ để sáng mai

còn đi sớm. Nhưng Trường không thấy buồn ngủ, và bóng trăng qua khe cửa gọi chàng dậy. Chàng nghĩ đến Trinh, đến đôi mắt buồn rầu của nàng khi biết tin chàng phải đi. Trường đoán bây giờ nàng cũng còn thức. Và chàng muốn gặp, ôm nàng vào lòng để an ủi và để nói cho nàng biết tất cả tình yêu lúc này chàng thấy đầy ngập trong lòng.

Trường đi qua mấy luống hồng: những bông hồng đỏ thẫm chìm trong bóng tối, còn những bông hoa trắng, dưới ánh trăng, trông trắng mát thêm. Chàng tưởng đến bó hoa sáng ngày của Trinh hái, cắm trong bình để ở đầu bàn. "Những bông hoa đó sẽ héo sau khi ta đi", chàng nghĩ và tự nhiên, Trường có cái ý trẻ con muốn đem đi một chút kỷ niệm gì của những giờ sống trong thửa vườn này. Chàng ra phía bờ sông đến bên khóm cây mộc, vin một cành xuống ngang mình. Dưới chiếc lá ướt sương, Trường hái mấy chùm hoa nhỏ, để vào lòng bàn tay. Mùi thơm của hoa dịu dàng như dáng điệu và kín đáo như tính tình nàng. Chàng nhớ đến lần gặp Trinh ở đấy, sự cảm động của chàng khi lần đầu thấy nàng ấp úng gọi tên mình. Trường lại thấy hồi hộp trong người; chàng thở dài một cái, rồi hít mạnh không khí mát lạnh của ban đêm.

Chung quanh chàng yên lặng. Mặt trăng đã lên qua đỉnh đầu, sáng lên trên nền trời trong vắt. Sương xuống đã thấm vào người. Trường thong thả trở về buồng. Đến dưới giàn hoa, chàng quay lại nhìn cảnh vườn, và qua dẫy tre thưa lá, quãng rộng mà giòng sông đưa lên tiếng róc rách của nước chẩy. Đột nhiên, chàng giật mình. Trong bóng tối của giàn hoa, chàng thoáng thấy bóng người đứng nép vào khóm cây. Chàng bước lại gần. Một tiếng nói quen thuộc khẽ gọi tên chàng, giọng dịu dàng và cảm động. Trường đứng sát bên nàng. Trong bóng tối, chàng thấy đôi mắt Trinh long lanh sáng và nghe tiếng thở không đều của người thiếu nữ. Quả tim chàng bỗng đập mạnh, và một tình cảm mến yêu dồn dập đến; Trường cầm lấy bàn tay nhỏ nhắn của Trinh và kéo lại gần mình.

Có những lúc, trong ái tình của đôi trai gái, lòng yêu tràn ngập cả, bao nhiêu những ý nghĩ, suy xét, dục vọng đều mất đi, nhường chỗ cho sự hòa hợp của hai linh hồn. Trường và Trinh cùng cảm thấy hạnh phúc ấy trong thời khắc này, họ quên hết cả mọi vật chung quanh, và không còn gì đối với họ quan hệ nữa ngoài cái tình của đôi bên.

Hồi lâu, Trinh sẽ gỡ tay Trường ra, đưa chàng cùng ngồi xuống bực gạch bên thềm. Đêm đã khuya; tiếng nước róc rách ngoài sông

Tiên khẽ đi; sương mù đã xuống phủ đầy vườn, trắng xóa như một đám mây, chỉ còn chùm lá dầy của cây lựu lấp lánh sáng. Hai người lắng nghe cái yên lặng của ban đêm. Một lúc sau Trinh sẽ nói:

– Sương xuống lạnh rồi. Thôi, anh đi nghỉ không mệt.

Trường quàng tay ra sau lưng nàng, âu yếm hỏi:

– Mai anh về, em có nhớ không?

Trinh không trả lời ngước mắt lên nhìn chàng, Trường thấy bao nhiêu tình yêu đắm đuối trong đôi mắt; trên cánh tay chàng thấy Trinh ngả tấm thân mềm mại của nàng, Trường cúi xuống đặt một cái hôn lên cặp môi hé nở như cánh hoa. Một cảm giác say sưa đến tâm hồn mà chàng mới thấy lần đầu.

Hôm sau, trên chuyến tầu lên Hà Nội, Trường buồn rầu nhìn phong cảnh An Lâm xa dần trong ánh sáng của một buổi sớm mùa thu. Giòng sông Tiên quanh co giữa đồng ruộng lúa xanh, mấy lũy tre tươi tốt bao bọc lấy phố Huyện, mấy ngọn cau cao rũ lá trên dẫy mái nhà tranh, tất cả cảnh vật quen nhắc chàng những ngày thân mật vừa qua. Hình ảnh mảnh vườn nhỏ lại hiện ra trước mắt chàng, với những luống hồng và khóm cây mộc hoa trắng lấm tấm dưới kẽ lá xanh. Trường nghĩ đến Trinh, cô thiếu nữ ngây thơ và âu yếm, hiện ra dưới giàn hoa với đôi mắt đen của ngày còn trẻ, buổi chiều lần đầu chàng bước chân vào nhà bà Nhì. Bây giờ sao chàng yêu mến thế! Trường thấy mình sung sướng và đầy đủ vì tình yêu và tên người thiếu nữ mỗi lần nhắc đến, lại làm cho chàng cảm động như một sự gì sáng láng và trong sạch vô cùng.

XI

Dung ngồi khâu trên chiếc ghế gần cửa sổ. Tay nàng đưa mũi kim một cách uể oải, thỉnh thoảng ngừng lại để trông đứa con đùa nghịch ở góc buồng. Tiếng cười nói vui vẻ của bọn học trò đi qua phố nhắc Dung nghĩ đến thời giờ. Dung ngẩng lên nhìn đồng hồ lẩm bẩm:

– Hơn mười một giờ rồi. Sao chưa thấy về.

Rồi nàng lại yên lặng. Vì Dung nhận ra rằng câu ấy nói vì thói quen mà thôi: nàng không mong đợi ai. Bây giờ nàng thấy thản nhiên trong lòng khi nghĩ đến chồng, và sự đó làm cho nàng buồn rầu.

Sau bốn tháng ở nhà quê, bà Phán đã về đón nàng lên. Dung mừng rỡ đem con ra Hà Nội. Nhưng khi thấy Xuân đối với nàng vẫn lãnh đạm như trước, Dung chán nản như đã ao ước một cái gì mà thất vọng. Rồi nàng cũng khuây khỏa dần, các cuộc đời lại đi như thường, với những cái bận rộn và lo nghĩ hàng ngày.

Buổi sáng hôm ấy, gió lạnh đầu mùa đem đến cho nàng nỗi nhớ tiếc những ngày vui đã qua. Nàng gọi thằng Sinh tới, lấy chiếc áo dạ cũ mặc cho con. Nàng thấy trong lòng lạnh lẽo, ruột như thắt lại khi nghĩ đến mình không có ai yêu mến nữa. Tất cả quãng đời từ nhỏ hiện ra trong trí nhớ nàng.

Dung nhớ lại lúc còn ở nhà, nàng sống cuộc đời giản dị và bình tĩnh của một cô gái nhà nền nếp ở vùng quê. Cha nàng là một ông Tú, suốt ngày chỉ xem sách. Dung nhớ rõ không bao giờ nàng bước lên nhà trên, một căn nhà gạch năm gian, mà không rụt rè sợ hãi. Lúc nào nàng cũng thấy cha nghiêm nghị ngồi trên sập, bên cạnh một chồng sách cao. Hình như căn nhà đó là một thế giới dành riêng cho đàn ông, đàn bà con gái không được bước chân vào. Nàng không thấy ông Tú tỏ vẻ âu yếm quí mến nàng bao giờ; chỉ mấy đứa em trai nàng là được ông săn sóc đến.

Nhưng mẹ nàng là một người đàn bà rất vui vẻ và hiền từ. Bao nhiêu công việc trong nhà, bà trông nom quán xuyến cả, và không thấy bà than phiền về sự khó nhọc bao giờ. Dung yêu mến mẹ và lúc nào cũng chỉ quanh quẩn bên chân mẹ như con chim còn non. Hình ảnh mẹ lúc nào cũng phảng phất trong trí nhớ Dung, như hình ảnh một sự đằm thắm, thân yêu mà nàng không được hưởng nữa.

Rồi đến năm về nhà chồng, những ngày sống bên cạnh Xuân, một người chồng nàng không hiểu và thấy lúc nào cũng như băn khoăn, lo nghĩ về một sự gì. Nàng biết mình không có lỗi, nhưng cứ thấy mỗi ngày Xuân một lãnh đạm dần với nàng. Cho đến gần đây, hai người hình như không còn liên lạc gì với nhau.

Dung buồn rầu thở dài. Nàng dừng kim, bỏ tấm vải vào thúng khâu rồi quay ra gọi con:

– Sinh, đừng nghịch nữa. Lại đây với mẹ.

Đứa bé bỏ đồ chơi trên đất, đến gần Dung áp má vào tay mẹ. Nàng xoa đầu con, nghĩ ngợi. Cuộc đời nàng chán nản quá! Những buổi thức khuya mong đợi Xuân, những hôm cãi nhau, sự khó nhọc nuôi con,

trông nom chúng như người vú già. Tất cả những công việc nhỏ mọn mà ngày ấy qua ngày khác nàng vẫn làm. Và Dung nghĩ đến bao nhiêu người vợ khác cũng như nàng, cũng buồn rầu, lo nghĩ vì những cái nhỏ mọn, vì một cuộc đời không có gì vui vẻ và sung sướng.

Tiếng người nói ngoài cửa làm Dung giật mình. Nàng xua đuổi những ý nghĩ lan man, rồi nhanh nhẹn đứng dậy. Dung chỉ còn là một người đàn bà nhẫn nại và yên phận; nàng sắp sửa xuống bếp để trông nom cơm nước thì nghe tiếng xe đỗ ngoài cửa. Bà Phán và Lan bước vào, mỗi người mang một bọc lớn. Người phu xe theo sau, nặng nề đặt xuống thềm một cái thúng đậy vỉ buồm.

Dung vội vàng chạy ra đón:

– Thưa mẹ, mẹ đã đi chợ về.

Bà Phán không trả lời, đi vào để cái bọc trên bàn, rồi quay ra chỉ cái thúng:

– Chị bảo nó cất vào trong nhà, khiêng khéo không giập mất cả đấy. Rồi nhìn đồng hồ, bà cụ hỏi: Anh ấy bây giờ chưa về cơ à?

Dung buồn rầu đáp: – Thưa mẹ chưa. Dễ thường hôm nay lại không ăn cơm nhà. Muốn nói chuyện khác, nàng ngoảnh lại hỏi Lan:

– Mua làm gì nhiều hoa quả thế, cô?

– Chị không biết ư? Hôm nay nhà có giỗ đấy.

Với lại còn để đem biếu bà Hai nữa.

Mẹ Trường đang xếp cẩn thận những quả hồng ra đĩa, ngửng lên nhìn con dâu nói thêm:

– Vừa để biếu vừa để làm lễ sêu cho em nó một thể. Hôm nay nó cũng sắp ở trong trường ra đấy.

Dung nhìn mấy đĩa hồng, bất giác mỉm cười. Nàng nhớ lại những đĩa hồng mà bà Phán đã đem lại nhà nàng trước kia, khi sắp xin cưới nàng. Bao nhiêu những sêu tết, lễ nghi như thế để đi đến một cuộc nhân duyên buồn rầu như cuộc nhân duyên bây giờ! Vậy mà trước kia nàng đã để biết bao hy vọng vào đó. Dung nghĩ đến những chị em bạn nàng, khi đến chơi đã nhìn những quà biếu đó một cách ganh tị, tựa như đấy là cái biểu hiện của một sự vui mừng nhất trong đời người con gái.

Trông Lan khéo léo xếp đặt hoa quả, Dung hỏi đùa:

– Còn cô Lan nữa. Bao giờ thì có người mang quà đến biếu?

Lan e thẹn, đôi má hồng hào, đưa tay vén mấy sợi tóc trên trán, và trả lời: – Chị chỉ hay nói đùa em thôi. Nhưng câu hỏi của Dung đã thoáng gợi trong trí nàng một nỗi mơ màng. Lan tự nhiên thấy bâng khuâng trong lòng một ước mong vơ vẩn không đâu.

Hai chị em đang nói chuyện thì Trường bước vào. Chàng đã phải xin phép về, vì mẹ chàng bắt thế; tuy bà Phán đã nói vì nhà có giỗ nhưng Trường cũng đoán biết vì có sự gì khác nữa. Mấy đĩa hồng bầy trên bàn khiến chàng hiểu ngay. Trường khó chịu khi nghĩ đến sự mẹ chàng đã sắm những thức ăn mà không nói cho chàng biết. Bà Phán thấy con về chỉ vui vẻ hỏi:

– Sao con về sớm thế? Buổi chiều không phải học à? Và bà chỉ vào mấy đĩa hồng, khoe:

– Con xem những quả hồng xinh đẹp này. Thật là nhất chợ, mẹ phải mặc cả mãi mới mua được đấy.

Lan nói chen vào:

– Giá không cần đến, thì chả phải mua đắt như thế, mẹ nhỉ!

Trường yên lặng ngồi xuống ghế. Chàng muốn nói câu gì để tỏ ý không bằng lòng của mình nhưng lại thôi. Chàng thấy mẹ vui vẻ và như sung sướng khi nghĩ đến việc nhân duyên của chàng, nên chàng không dám làm cho mọi người thất vọng. Thật ra, chưa lúc nào chàng nghĩ hẳn rằng sẽ từ chối lấy cô Hảo. Chàng không biết có nên từ chối không, nhưng chàng cũng chưa bao giờ tỏ ý bằng lòng hẳn. Cũng như mấy năm về trước, chàng không muốn nghĩ gì đến việc ấy cả.

Nhưng bây giờ Trường nhận ra rằng cứ yên lặng, tức là bằng lòng. Mẹ chàng sẽ cứ tự nhiên như lúc này tuần tự lo việc vợ chồng cho chàng. Trường nhớ lại, buổi trước khi vào học, chàng đến chơi nhà bà Hai. Sự tiếp rước niềm nở và quá kính trọng của bà, vẻ thân mật của Bình khi nói chuyện với chàng, cho đến cả sự e lệ, thẹn thò của Hảo, lúng túng và ngượng nghịu khi thấy chàng bước vào, tất cả những cử chỉ đó đều tỏ rõ cho Trường biết cái địa vị mà người ta muốn chàng nhận lấy. Cảm tưởng của chàng lúc ấy lại là một sự vui thích khi thấy gia đình bà Hai săn sóc, ân cần đến mình thế. Lòng tự kiêu nẩy nở trong lòng chàng, Trường thấy mình hơn người khi được một bà giầu có, có cô gái đẹp như Hảo để ý. Ý nghĩ đó khiến Trường tự nhiên giao thiệp với gia đình bà Hai như là chàng sẽ sắp làm rể bà ta vậy. Chưa có sự gì nhất định, chưa có một lời nói quả quyết

trong việc ấy. Nhưng Trường vẫn có cái cảm giác ràng buộc mình.

Trường lại nghĩ đến Trinh, đến căn vườn nhỏ đầy hoa cỏ bên bờ sông Tiên. Chàng thấy trong lòng rung động một mối tình mến yêu tha thiết. Ái tình của chàng đối với Trinh trong sạch và đằm thắm quá, không có một sự gì có thể ngăn trở được. Chàng tưởng nếu bây giờ chàng ngỏ ý hỏi Trinh làm vợ, thì ý muốn đó rất tự nhiên; không có gì đáng tội lỗi trong đó cả. Trường như thấy đôi mắt hiền từ của bà Nhì nhìn mình, tấm lòng tốt vô hạn và êm dịu của bà thấm thía vào tâm. Chàng can đảm nhìn, rồi hỏi:

– Những hồng này mẹ mua để đem biếu bà Hai à?

Bà Phán cười, nhưng không nhìn con, đáp:

– Phải, để đem biếu với để sêu vợ cho anh một thể đấy.

Trường có vẻ ngạc nhiên:

– Cho con? Mẹ hỏi ai thế?

Bà Phán chưa kịp trả lời, Dung đã nhìn Trường vừa cười vừa nói:

– Chú lại còn vờ hỏi ai nữa. Rồi nói đùa: – Cô Hảo trông xinh đấy chứ, chú nhỉ?

Trường lặng thinh không đáp, ngẫm nghĩ. Bà Phán xếp các thứ hoa quả lên mặt tủ, quay lại bảo:

– Thôi chị Dung sửa soạn hộ tôi những cái này đi. Còn về nhà làm cỗ nữa thì vừa.

– Vâng, con sẽ đi ngay.

Lan khẩn khoản nói với mẹ: "Mẹ cho con đi với nhé!", rồi không đợi bà Phán trả lời, nàng vui vẻ như đứa trẻ được quà nắm lấy áo Dung và giục:

– Vào sửa soạn đi, chị.

Dung nhìn em, âu yếm mắng:

– Thì hãy vào dọn cơm ăn đã. Làm gì mà vội vàng thế?

Trường nhìn đồng hồ, hỏi chị:

– Gần mười hai giờ rồi. Không đợi anh Xuân về ăn một thể, hử chị?

Bà Phán quay ra gắt:

– Cứ ăn trước đi. Đợi thì biết bao giờ cậu ấy mới về.

Câu gắt rơi vào một sự yên lặng ngượng nghịu. Không ai nói gì. Những ý nghĩ băn khoăn đến ám ảnh mọi người. Dung lặng lẽ đưa mắt nhìn Trường, rồi kéo tay Lan đi vào trong nhà.

Khi hai chị em đã đi khuất, Trường ngẩng lên nhìn mẹ. Chàng nhận thấy trên nét mặt mẹ một vẻ buồn rầu. Một vài nét răn nổi ngang trên trán, dưới mái tóc đã sắp bạc. Trường lại nhận thấy nét mặt của mẹ chàng đã quen, khi bà có sự gì lo nghĩ. Trường biết mẹ đương đau khổ lắm, vì Xuân vẫn cứ đi chơi bời như trước, không thiết gì đến nhà cửa. Nhưng không phải sự ấy đã làm mẹ chàng buồn; bà cụ buồn vì thấy Xuân không nghe lời mình, và mẹ con bây giờ thành không có liên lạc, quan hệ với nhau nữa. Trường cũng biết như thế.

Chàng giận anh và tự nhiên thấy trong lòng nao nao một tâm tình thương mẹ. Trường nghĩ đến những ngày xa xôi về trước, trong cái dĩ vãng nghèo nàn và thảm đạm hồi chàng và Xuân hãy còn nhỏ, ở An Lâm, đến những buổi chiều tối buồn rầu trong một căn hàng nhỏ, khi các nhà hàng xóm đã lên đèn, mà mẹ chàng còn lo nghĩ, cúi mình trên chiếc bàn tính cũ.

Bà Phán bỗng dịu dàng bảo con:

– Chiều hôm nay con ra sớm về cúng nhé. Mẹ đã mời bà Hai và bà Cửu lại chơi đấy. (Một lát, bà nói thêm). Cả cô Hảo và cậu Bình cũng đến.

Trường cúi mặt xuống, đáp:

– Nhưng thưa mẹ... Tiếng chàng trở nên run run, nhưng... việc cô Hảo đối với con làm gì mà cần vội thế? Trường khẽ thở dài. Chàng định tỏ ý từ chối, mà lại thành một câu khác hẳn.

Bà Phán ngồi xuống cái ghế trước mặt con, thong thả bảo:

– Con bảo còn vội gì nữa, bây giờ con đã ngoài hai mươi tuổi, mà mẹ cũng đã già rồi. Mẹ chỉ muốn lo liệu cho con sớm ngày nào hay ngày ấy.

Bà nhớ đến buổi nói chuyện với bà Hai trong khi Trường về quê; bà Hai đã ngỏ ý cho cưới ngay vì không có dịp nào tốt hơn nữa, với lại vì cô Hảo có một bà cô đã già lại hay ốm đau luôn, nếu để lâu sợ lại phải chờ đợi thêm. Mẹ Trường bằng lòng, và cả hai bà cũng muốn việc ấy chóng xong.

Nhưng bà Phán không đem những sự ấy nói cho Trường biết. Việc cưới cô Hảo cho con là một việc bà mơ ước đã từ lâu và coi như

là đã quyết định rồi. Không bao giờ bà hỏi xem Trường có bằng lòng hay không, hay thấy cần phải dò xét những tính tình của con đối với cô Hảo. Trong cuộc hôn nhân này, bà thấy cái lợi, và bà tin chắc rằng Trường không có lẽ gì từ chối.

Thấy con yên lặng nghĩ ngợi, bà Phán lại hỏi:

– Con nghĩ thế nào? Nhưng không đợi Trường đáp, bà tiếp thêm, nói sang chuyện khác:

– Bà Hai thật là người tử tế. Tuy nhà ta nghèo, nhà bà ấy giầu mà bà vẫn không quên lời hứa. Tháng trước đã có em bà Phán Ty hỏi, nhưng bà Hai không nhận lời.

Trường toan đáp:

– Kể bà ấy nên nhận lời là phải. Tiến sắp làm Tham biện còn gì nữa, vì chàng biết bà Hai có quý mến mình cũng bởi chàng là học sinh Cao đẳng. Nhưng chàng lại thôi, không muốn trái ý mẹ.

Trường đẩy ghế đứng dậy, đến gần bên cửa sổ trông ra ngoài. Trong óc chàng băn khoăn bao nhiêu ý nghĩ. Trường nhận thấy nếu lấy cô Hảo, chàng sẽ làm cho tất cả mọi người được vừa lòng nhất là mẹ chàng. Trường cũng nhận thấy cái tương lai rực rỡ mà cuộc nhân duyên ấy sẽ đem đến cho mình, sự giầu có sang trọng mà gia đình chàng đã theo đuổi bao nhiêu lâu.

Nhưng hình ảnh Trinh hiện ra trước mắt chàng với tất cả vẻ dịu dàng âu yếm của đôi mắt đen trong. Trường thấy sôi nổi trong người lòng hăng hái và yêu đời của tuổi trẻ. Lúc bấy giờ không có cái gì quan hệ đáng để ý nữa ngoài lòng yêu của chàng.

Trường nhớ lại rõ rệt cái đêm sáng trăng cuối cùng ở An Lâm. Đêm ấy, Trinh đã ngả mình trong cánh tay chàng với bao nhiêu là tình yêu tha thiết và chân thật. Lòng tin cẩn ngây thơ của cô thiếu nữ chất phác đã làm chàng cảm động. Lần đầu chàng hiểu cái giá trị của những tính tình thanh cao và tốt đẹp. Bên cạnh những cái quý báu Trường thấy rung động trong lòng, những sự ham muốn về giầu sang, danh giá, đối với Trường chỉ là những cái kiêu ngạo, nhỏ nhen.

Chàng quay lại định nói rõ những ý nghĩ ấy với mẹ, nhưng bà Phán đã vào trong nhà từ lúc nào rồi. Trên mặt tủ mấy đĩa hồng ngay ngắn bầy bên cạnh các hoa quả khác. Trường nhìn những quả hồng đỏ, tự nhiên mỉm cười. Những thức đó như biểu hiện các lễ nghi trong xã hội. Cái hạnh phúc người ta xây dựng chỉ là cái hình bóng bề ngoài, một sự xếp đặt và cân nhắc khéo léo. Không có một chút gì

chân thật. Trường nghĩ đến cuộc hôn nhân của mình, sự giao thiệp của chàng đối với bà Hai và cô Hảo từ trước đến nay.

Chàng lại đến gần cửa sổ, áp trán vào chấn song. Gió lạnh nhè nhẹ thổi bay mái tóc xõa xuống trán. Trường vui vẻ ngước mắt nhìn lên. Trời cao trong xanh thẳm như phản chiếu những ý nghĩ băn khoăn của chàng.

PHẦN THỨ HAI

I

Trường mệt nhọc đi trên hè phố, lẫn vào đám đông người. Lòng chàng cũng chán nản và buồn bã như buổi chiều mùa đông mưa bụi. Trường đã vén cổ áo lên và thu mình trong chiếc áo tơi cũ, nhưng cái lạnh vẫn thấm thía vào trong người. Chàng không biết rõ đấy là cái lạnh của gió mưa hay cái lạnh của lòng chàng.

Đèn điện trong thành phố đã bật. Nhưng cái ánh sáng vàng yếu hòa lẫn với bóng tối buổi chiều chỉ làm cảnh vật thêm bẩn thỉu và ảm đạm. Thỉnh thoảng, trên đường nhựa ướt, một chiếc ô tô bóng loáng vụt rẽ đám người đi, thoáng đem qua một cảnh ấm cúng và giầu sang những nét mặt sung sướng và vô tư lự. Trường không ngoảnh nhìn theo nữa; chàng lẳng lặng rảo bước cùng với bọn thợ thuyền, những người đi làm, cũng như chàng trở về nhà sau công việc hằng ngày.

Trường đi ra phía bờ sông rồi rẽ vào một cái ngõ con. Lập tức chàng nghe thấy tiếng ồn ào đã quen của chỗ đông người. Căn phố chàng ở là một khu nhỏ hẹp toàn những nhà cho thuê nhiều chủ ở. Giờ này là buổi họ sửa soạn bữa cơm chiều, Trường phải đi qua những mảnh sân đẫm nước, đầy những chum vại với rổ rá. Mấy người đàn bà đang vo gạo, rửa những mớ rau xanh và các miếng đậu trắng, điềm nhiên làm việc giữa đám trẻ kêu khóc hay đùa nghịch bên rãnh nước.

Trường qua một cái cửa hẹp. Bóng tối bao bọc lấy chàng như một tấm màn lạnh lẽo; tiếng muỗi vo ve bên tai, và một mùi ẩm thấp xông lên mũi. Chập choạng chàng lần từng bực một chiếc thang dốc và ướt, lên gác. Một bóng người trên sân ra đón chàng:

– Cậu đã về.

Trường không trả lời, mở cửa bước vào nhà, nhưng vấp ngay vào cái ghế. Chàng quay lại, gắt:

– Đèn đâu, sao bây giờ chưa thắp?

Người vú em đổi tay bế đứa bé, đáp:

– Con vừa đưa em đi chơi mới về. Chiếc đèn để ở trên tủ đấy ạ.

Trường hỏi:

– Mợ chưa về cơ, u em?

– Chưa ạ. Mợ con dặn cậu cứ xơi cơm trước. Hình như mợ con lại chơi đằng bà.

Trường bỏ mũ, vắt áo tơi lên ghế, rồi đánh diêm châm đèn. Ngọn lửa đèn dầu chiếu sáng căn gác nhỏ hẹp, bầy biện rất sơ sài. Một cái bàn, vài chiếc ghế, cái giường ngủ, những thứ đồ đạc rẻ tiền, thông dụng trong các nhà nghèo. Không khí trong căn phòng nặng nề lạnh lẽo. Gió lọt vào khe cửa làm lay động các bóng trên tường.

Trường không buồn nhìn cái quang cảnh tiều tụy đã quen; chàng vội ra ngồi xuống chiếc ghế cối ở ngoài hiên, tỳ tay trên bao lơn gạch, nhìn ra ngoài. Từ khi vì bắt buộc, chàng phải thuê những căn nhà ít tiền, Trường vẫn cố tìm kiếm nhà nào có hiên trên gác. Cái hiên trên gác đem lại cho chàng một chút trời rộng và quãng không mà trong thâm tâm Trường vẫn giữ cái ao ước mơ màng.

Hôm nay mảnh trời đông mây u ám và buồn rầu gợi những thương tiếc trong lòng Trường. Chàng yên lặng để những kỷ niệm dồn dập nổi lên trong trí nhớ; chàng cảm thấy một cái thú hơi buồn và chua chát sống lại những ngày đã qua.

*

*   *

Cái lạnh lẽo ướt át buổi chiều khiến Trường nghĩ đến những buổi mùa hạ rực rỡ ở An Lâm; một giấc mộng sáng láng và chiếu qua như ánh mặt trời trong đám sương mù. Bao nhiêu thời giờ đi mất! Trường thở dài: chàng cũng không nhớ rõ là đã bao nhiêu lâu nữa. Những kỷ niệm của buổi sung sướng ấy hình như hãy còn gần gụi, và làm cảm động lòng Trường mỗi khi chàng nghĩ.

Trường nhớ lại cái ngày cuối cùng mà chàng còn có thể nhận lời. Hôm ấy, mẹ Trường đến chơi nhà bà Hai từ buổi sáng, mãi đến chiều tối mới về. Sau bữa cơm, khi chị Dung đã đem con đi nghỉ, bà Phán ngồi uống nước trên sập, gọi Trường:

– Con lại đây mẹ bảo.

Trường biết là có việc quan trọng. Chàng hiểu là có việc gì, và lần này chàng phải quyết định. Trường tẩn mẩn xếp lại mấy quyển sách trên bàn, để có thì giờ nghĩ ngợi. Nhưng chàng bối rối, và những mối băn khoăn trái ngược tự nhiên đến xâm chiếm lòng chàng. Trường lo lắng lại gần bà Phán, ngồi xuống giường.

– Mẹ bảo gì ạ?

Mẹ Trường thong thả nói:

– Này con, hôm nay bà Hai lại nhắc tới cái việc ấy. Ý bà muốn mẹ trả lời nhất định ngay. Con đã biết việc cậu Tiến em bà phán Ty nhờ người đến hỏi rồi chứ?

– Thưa mẹ có. Bà Hai hình như đã từ chối cơ mà.

– Không phải là từ chối hẳn. Lần trước, bà ấy mới trả lời lưỡng lự. Vì thế hôm qua cậu ta lại nhờ bà Cửu đến dạm hỏi cô Hảo lần nữa.

Bà Phán nghĩ nói thế khiến Trường phải nhận lời ngay. Nhưng trái lại tin ấy chỉ làm cho chàng thêm khó chịu. Trường thưa:

– Như thế bà Hai còn đợi gì mà không nhận lời. Con tưởng đám ấy đối với cô Hảo cũng xứng đáng lắm.

Bà Phán trừng mắt nhìn con, ngạc nhiên:

– Thế con không bằng lòng lấy cô Hảo à?

Trường thu hết can đảm trong người lại, trả lời:

– Thưa mẹ, không – Và Trường bỗng thấy hết băn khoăn, khó chịu: cái điều quan hệ nhất chàng đã nói rồi.

– Không! Mày điên hay sao, Trường? Tại làm sao không bằng lòng? Thấy con yên lặng, bà Phán dịu dàng tiếp: "Con nghĩ kỹ lại xem. Nhà ta nghèo mà bà lại vẫn có ý mến con, thế là người ta tốt lắm chứ. Từ trước đến giờ, hai nhà vẫn đi lại thân mật như một. Con không nhớ người ta vẫn giúp đỡ mẹ đấy hay sao?"

Bà buồn rầu, giọng nói thấp xuống:

– Bây giờ mẹ biết trả lời người ta thế nào?

Trường cúi mặt, trong lòng hồi hộp. Nỗi buồn của mẹ làm chàng cảm động. Chàng muốn nói rõ cho mẹ biết cái tình yêu đằm thắm của mình, những tính tình thanh cao và đáng quý đã nẩy nở trong lòng chàng. Tên người thiếu nữ trong vườn hoa ngập ngừng đến trên môi – nhưng Trường yên lặng, không nói được.

Rồi mỗi lần sau mẹ nhắc lại câu ấy, Trường tỏ ý chối từ; mỗi lần chàng định nói đến Trinh, nhưng rồi lại thôi. Mẹ chàng buồn rầu nhưng thấy con ương ngạnh bà cũng giận dỗi không nói đến chuyện ấy nữa.

Mấy tháng sau, cô Hảo đi lấy chồng. Đám cưới rất sang trọng và lịch sự. Trường cũng được mời nhưng chàng không đi. Rồi một buổi tối, cả nhà đương quây quần dưới bóng đèn, thì hai vợ chồng Hảo đến chơi.

Trường thấy Hảo bước qua khung cửa, rực rỡ và lộng lẫy trong bộ áo nhung đen. Hai má nàng hồng hào, mắt sáng, và một vẻ vui sướng thoáng hiện trên đôi môi tươi thắm, lúc nào cũng sắp hé một nụ cười. Tiến theo sau, dáng điệu quan trọng và mãn nguyện. Dung và Lan đứng dậy vồn vã đón chào, dắt tay Hảo vào ngồi trên sập, tiếng vui đùa ríu rít và thân mật. Trường tiếp Tiến trên bộ ghế cạnh bàn ngoài. Tự nhiên chàng thấy có ý muốn nói chuyện rất hoạt bát và lanh lợi. Chàng phô hết tài học của mình. Trường còn nhớ buổi ấy, chàng nói có duyên và ý tứ nhất; Tiến chỉ yên lặng ngồi nghe.

Khi vợ chồng Hảo ra về, bà Phán quay lại bảo con, với một ý tiếc trong giọng nói:

– Trông cô Hảo bây giờ trẻ và đẹp hơn trước. Không ai trả lời, đều có vẻ nghĩ ngợi. Trường nhận thấy mọi người như cùng có ý tiếc cho mình.

Một năm sau, Trinh đã là vợ chàng. Trường không nhớ rõ việc ấy đã thành ra làm sao. Gia đình chàng không có ai bằng lòng, và chàng cảm thấy chung quanh một sự phản đối ngấm ngầm.

Tuy vậy, chàng đã được hưởng một thời sung sướng. Hai vợ chồng yêu nhau, và cái tình yêu ấy khiến hai người thấy đầy đủ, vui vẻ trong cuộc đời. Trường và Trinh còn trẻ cả, trong lòng còn bồng bột bao nhiêu hy vọng và ước mong tốt đẹp; hai người chưa nghĩ đến những nỗi khó khăn của sự sống sau này.

Trinh là một nàng dâu dịu dàng và dễ bảo. Nàng được hưởng cái tính tốt của mẹ, một tấm lòng nhân từ khiến cho nàng chỗ nào cũng trông thấy yêu vui. Nhưng dần dần, Trường nhận thấy nàng không được mẹ mình quý mến. Bà Phán không tha thứ nàng đã làm cho Trường chối

từ Hảo, và khiến cho hy vọng bà ao ước từ bao nhiêu lâu không thành. Bà cho Trinh là có trách nhiệm trong sự thất vọng của bà.

Trường đem vợ ra ở riêng. Nhưng có một điều mà từ lúc yêu Trinh cho đến khi lấy nàng, Trường chưa bao giờ nghĩ đến: Trinh nghèo, bà Nhì buôn bán chỉ đủ để gia đình sống một cuộc đời bình thường và giản dị. Sự nghèo, đối với Trường hồi ấy chỉ là một sự đáng nên thơ. Căn nhà cũ năm gian với mảnh vườn con trồng đầy hoa, chàng thấy là một cảnh rất đẹp để bao bọc tấm tình yêu của hai người. Nhưng bây giờ, Trường thấy cần phải nuôi sống cái gia đình riêng của mình. Chàng bắt buộc phải bỏ học để tìm việc làm. Những sự không may hình như cứ theo đuổi ám ảnh Trường. Chàng chỉ tìm được một việc nhỏ mọn trong một sở buôn, số lương ít ỏi chỉ đủ sống một cách khốn khổ ở Hà Nội. Bà Nhì buôn bán càng ngày càng thua lỗ, năm sau Trinh đẻ đứa con, sự túng bấn đến ràng buộc lấy cái gia đình nhỏ. Những cái thiếu thốn cỏn con của sự sống làm Trường khó chịu và bực mình. Cuộc đời đối với chàng bây giờ khe khắt và khó nhọc quá. Thỉnh thoảng, một nỗi chán nản lùa vào tâm chàng như một cơn gió lạnh mùa đông; Trường mơ màng nghĩ đến những mơ ước chàng nhận thấy ẩn hiện trong lòng; một cuộc đời giầu sang, dễ dãi, có khi đến huyền diệu trước mắt Trường, chàng đắm đuối đưa ý nghĩ theo những hình ảnh tươi đẹp ấy.

II

Ánh sáng mờ dần trong bóng tối chung quanh. Những mộng tưởng rực rỡ trong óc Trường cũng nhạt dần đến cuộc đời hiện tại nghèo nàn, Trường co mình thấy lạnh trong manh áo mỏng không đủ giữ cái ấm áp của người. Chàng rùng mình nhìn ngơ ngác, như vừa ra khỏi một giấc mơ.

Trời đã tối hẳn. Gió lạnh làm rung động chòm lá cây ở trước nhà. Ánh đèn lấp loáng trên con đường lầy lội đầy vũng nước ở ngõ rẽ ra. Một vài người thợ làm muộn về, đi nép trên bờ hè lặng lẽ dưới mưa bay.

Tiếng guốc lên thang gác gọi Trường đứng dậy vào trong nhà. Ngọn đèn vẫn chiếu sáng mâm cơm để trên bàn. Người vú ngoài sân gác bước vào, giục:

– Mời cậu đi xơi cơm kẻo nguội.

Trường nhấc lồng bàn rồi lại đậy lại, cau mày.

– Cơm có thế này thôi ư, hở vú?

– Vâng.

Tiếng trả lời của vú em khiến Trường thấy câu hỏi của mình là vô ích. Chàng yên lặng ngồi, sắp ăn thì Trinh ở thang gác bước lên. Nàng nhanh nhẹn giũ những hạt mưa đọng trên áo, rồi đến bên Trường, vui vẻ:

– Cậu chưa ăn cơm à? Trinh ngồi xuống chiếc ghế trước mặt Trường, để một cái gói nhỏ lên mặt bàn.

– Chưa. Tôi đợi em về ăn một thể.

Trinh nhấc lồng bàn, âu yếm nhìn chồng:

– Cậu chẳng ăn trước lại đói. Em đã bảo vú em dặn cậu đừng đợi cơ mà.

Nàng so đũa, Trường hỏi:

– Em đi đâu bây giờ mới về?

– Tôi lại chơi đằng mẹ về đây. Đợi mãi mới được cái này.

Trinh vừa nói vừa chỉ tay vào cái gói nhỏ, miệng cười.

– Cái gì thế?

– Hai đồng bạc. Tôi phải nhờ cô Lan đi vay mới được đây.

Trường lặng yên không đáp. Trông nét mặt vui vẻ của Trinh khi nói đến số tiền nhỏ mọn ấy, chàng buồn rầu. Đã lâu nay có lẽ nàng không dám mơ tưởng một số tiền to hơn nữa. Một đồng bạc đối với nàng rất quý, cũng như hồi nàng còn ở An Lâm, bên cạnh bà Nhì.

Trường tự nhiên thấy nao nao trong lòng. Một tấm tình thương mến đối với Trinh thấm thía vào tâm can chàng. Cô thiếu nữ ngây thơ của mảnh vườn bên bờ sông Tiên, khi bằng lòng lấy chàng có ao ước một cuộc đời sang trọng và giầu có không? Trường thấy một mối lo khi nghĩ đến câu hỏi ấy.

Chàng đưa mắt nhìn vợ. Dưới ánh đèn, mấy sợi tóc mai buông sáng như sợi tơ. Trong bóng tối của vành khăn, ánh vàng của chiếc hoa tai chiếu một vết lấp lánh trên má. Trường buồn rầu nghĩ đấy là thứ trang sức cuối cùng mà vợ chàng không muốn bán. Chàng trông chiếc áo lương cũ mỏng mảnh Trinh đang mặc âu yếm hỏi:

– Em mặc thế kia có lạnh không?

Trinh nhìn chồng, sẽ cười:

– Không, em không thấy lạnh mấy. Độ còn ở An Lâm, lắm khi em đi chợ sớm mùa rét mà cũng chỉ mặc có thế này.

Nàng nói thêm: Em quen chịu lạnh đi rồi.

Hai mắt đen của nàng nhìn thẳng vào quãng không, nét mặt thẫn thờ như thoáng nghĩ đến sự gì.

Đứa bé chợt khóc làm nàng giật mình đứng dậy. Trinh đi lại chỗ giường nằm, ẵm con vào lòng bế ra ngồi trước mặt Trường. Đứa bé chói vì ánh đèn, đưa hai tay lên giụi mắt, rồi nhận thấy người quen, cười đưa bàn tay xinh xắn vẫy. Nhìn đứa con hồng hào mũm mĩm, Trường quên hết cả những nỗi lo nghĩ, buồn rầu. Chàng cúi xuống cười đùa với con; mái tóc chàng chạm vào mái tóc đen tơ của vợ, hai người gần nhau khiến chàng thấy hơi nóng của tấm thân non. Cái kỷ niệm đêm sáng trăng ở An Lâm lại rõ rệt trong trí nhớ với lòng thương yêu đằm thắm. Một mối cảm động hòa hợp hai vợ chồng. Trường và Trinh cùng yên lặng trong nụ cười thơ ngây của đứa trẻ.

Nhưng cái phút sung sướng ấy chóng qua. Trường lại trở lại những cái thực tế nhỏ mọn hàng ngày. Trinh bế xốc con ngồi dậy, quay gọi vú em:

– Vú đưa bát bột ra đây tôi cho em ăn nào.

Người vú đem trên mặt tủ xuống bát bột đậy cái đĩa nhỏ; Trinh đón lấy, dùng thìa xúc cho con ăn. Trường cúi nhìn hỏi vợ:

– Vẫn cho nó ăn thứ bột này đây à?

Trinh đáp:

– Vâng.

Đứa bé không chịu ăn, quay đầu đi mỗi khi Trinh đưa thìa bột đến. Nàng dỗ con:

– Ăn đi, Mai. Ăn đi chóng ngoan, mợ yêu. Mai quay đầu lại đớp một miếng, nhưng hình như thứ bột nhạt nhẽo không được ngon lành nên nó lại đẩy tay mẹ ra không ăn nữa.

Trường bảo:

– Tôi đã dặn mua thứ bột khác cho em nó ăn cơ mà. Sao lại không mua?

Trinh ngửng lên nhìn Trường, trả lời:

– Bột khác! Thứ bột khác nhiều tiền. Tôi mua đằng này có một hào một gói thôi.

Trường không biết nói gì nữa. Chàng thấy trong người khó chịu ngấm ngầm. Chàng đưa mắt nhìn trên mặt tủ một dẫy năm, sáu hộp sắt bột *Nestlé* đã han rỉ. Đã lâu, con chàng không ăn thứ bột đắt tiền ấy nữa, từ ngày chàng bị sụt lương đến bây giờ.

Đứa bé ưỡn cổ ra đằng sau, định tránh cái thìa bột mà mẹ nó giơ ra trước mặt. Trinh cứ cố ép bắt nó ăn. Bột chẩy cả xuống cằm đứa bé. Nàng lấy thìa gạt lên, lại đổ xuống miệng con. Trường ngắt:

– Nó không muốn ăn thì thôi, lại cứ ép.

– Thế cậu để nó đói sao?

Trường lặng yên. Câu trả lời của vợ làm tăng thêm nỗi khó chịu của chàng. Cách cho ăn của Trinh không được sạch sẽ. Nhưng Trường biết rằng dẫu có bảo nàng cũng vô ích; Trinh sẽ không hiểu gì cả. Đã nhiều lần chàng phải phàn nàn về những cái vụng về trong cách trông nom con của vợ.

Trường đứng dậy đến bên tủ với một quyển sách xuống xem. Nhưng chàng lơ đãng dở từng trang mà đọc. Trong lòng, Trường không được yên tĩnh. Chàng cố nghĩ đến cái lạc thú êm ấm của gia đình xum họp dưới bóng đèn, cố hưởng lấy cái lạc thú ấy, và nhớ đến những buổi xum họp nào, xa xăm lắm trong dĩ vãng, mà chàng còn giữ cái kỷ niệm mơ màng. Chàng chỉ thấy lạnh lẽo. Gió mùa đông lùa khe cửa làm lạnh lẽo thêm. Trường bứt rứt bỏ sách, ra ngoài hiên nhìn xuống đường. Cảnh nghèo nàn, tối tăm trước mắt của xóm nhà chen chúc, khiến chàng bớt băn khoăn.

III

Đây, đây! Đi lối này. Mời chị lên chơi.

Nghe tiếng Trinh nói, Trường đang ngồi đọc sách ngửng đầu lên. Chàng thấy vợ đứng cúi mình xuống thang gác, đợi người nào ở dưới.

– Ai đó, em?

Trinh ngoảnh lại chưa kịp đáp. Một người thiếu phụ vừa bước lên đã cất tiếng vang vang:

– Gớm, ở khuất khúc thế này thì ai tìm được. Tôi hỏi thăm mãi mới được đấy.

Trường nhận ra cô Tâm, con bác Cả ở An Lâm. Nàng ăn bận rất sang trọng, lối những người giầu có ở nhà quê; hai cổ tay đeo đầy những vòng xuyến bằng vàng, để ra ngoài tay áo, người ta hiểu rằng nàng đã mang hết của cải của mình ở trên người. Trường mỉm cười nhớ đến cô gái quê mùa đứng gạt thóc cho vay mà chàng được thoáng trông thấy ở gian nhà ngang khi vào thăm bác Cả. Trường nhớ lại vẻ hách dịch của cô và tiếng quát tháo the thé. Tuy vậy, chàng lấy giọng nói ngọt ngào:

– Mời chị ngồi chơi.

Tâm vén áo cẩn thận rồi mới ngồi xuống ghế. Nàng đưa mắt nhìn quanh khắp gian buồng, và nhìn Trinh hỏi:

– Cái nhà đẹp nhỉ. Thím thuê bao nhiêu?

– Năm đồng thôi, chị ạ. Ở phố này nhà cho thuê giá rẻ.

Tâm lại ngắm gian phòng một lượt nữa, rất ghê sợ.

– Kể năm đồng thì cũng không đắt. Nhưng ở chỗ này bẩn chết. Sao chú thím không thuê chỗ khác mà ở có được không?

Trinh đặt quả trầu mới têm lên mặt bàn, khẽ trả lời:

– Ấy, nhà tôi cũng đã định thuê chỗ rộng rãi hơn. Nhưng chưa tìm được nhà vừa ý. Ở Hà Nội tìm được căn nhà cao ráo khó lắm, chị ạ.

Trường biết vợ đã không nói sự thật. Chàng có định tìm nhà chỗ khác đâu, bởi cái lẽ rất giản dị là chàng không tiền. Nhưng nói thác đi để làm gì? Trường nghĩ đến cái tính keo kiệt của Tâm, tuy bây giờ nàng giầu có nhất ở vùng An Lâm, đến căn nhà gạch tối tăm nàng mới dựng. Một người như thế còn lên mặt chê chỗ ở của chàng? Trường mỉm cười nói mát:

– Có đâu được rộng rãi như căn nhà của chị mới làm.

Thấy nói đến nhà của mình, mắt Tâm sáng lên. Nàng không hiểu ý chế riễu của Trường, nở một nụ cười sung sướng, đáp:

– Cái nhà ấy tôi làm hết hai nghìn đấy. Lúc mới đầu tưởng không hết ngần ấy thế mà về sau hết nhiều thế. Nhà tôi cứ kỳ kèo tôi mãi về chỗ đó.

Cô nhìn Trinh, kiêu ngạo:

– Nhưng sau tôi nghĩ, mình có tiền thì nên làm cái nhà đẹp đẽ mà ở, chứ tội gì mà ở bẩn thỉu chui rúc. Phải không chú thím?

Hai vợ chồng Trường cùng đáp:

– Vâng.

Nhưng mỗi người một ý khác nhau. Nàng yên phận không ao ước sự giầu sang của Tâm, người mà trước kia ở An Lâm nàng đã phải nhiều lần vay mượn, còn Trường thì mỉm cười khinh cái tư cách của người có tiền mà không biết thưởng thức vẻ đẹp; và một ý ganh ghét ngấm ngầm đến bứt rứt lòng chàng.

Trường sực nghĩ đến chồng Tâm, một anh học trò ngờ nghệch cùng học với chàng một lớp. Chàng nhớ lại vẻ ngây ngô của anh ta khi bị chúng bạn chế riễu và đùa nghịch. Vậy mà bây giờ, vì lấy Tâm và nhờ tiền của vợ, anh ta đã nghiễm nhiên trở nên một nhà kỹ nghệ và buôn bán to (Trường cũng không hiểu anh buôn bán gì), có danh vọng ở An Lâm. Trường lại nghĩ đến mình, hơi buồn rầu. Chàng tại sao không sang trọng và giầu có như hắn được? Tại sao?

– Anh Hiền không cùng lên với chị à?

– Có. Nhà tôi còn đến phủ Thống sứ để... Tâm ngập ngừng, nàng không nói rõ chồng phải ra đấy làm gì. Nhưng thế là đủ rồi. Nàng cho sự ra phủ Thống sứ là quan hệ và danh giá lắm. Sung sướng, Tâm được dịp khoe:

– Nhà tôi độ này bận lắm chú ạ, vì sắp xin ra làm nghị viên nên phải giao thiệp với nhiều người lắm. Trong nhà, khách khứa bận rộn suốt ngày, có mấy lúc được rỗi đâu. Hôm nọ có mấy quan tỉnh về chơi, mấy cái ô tô đỗ ở cửa. Thành thử hàng xóm ở đấy họ cứ thì thào với nhau, bảo: quái, không biết nhà ông bà Hiền làm gì mà có quan to ra vào thế?

Tâm nói xong, cười một tiếng cười vô vị. Trinh cũng cười theo.

Vẻ mãn nguyện tự kiêu lộ ra khắp người Tâm, trên khuôn mặt đầy đặn khiến Trường tưởng đến bác Cả ngồi ở cửa hàng, chàng nhận thấy như thoáng một ý thương hại cho cảnh hèn kém của mình. Trường nói đùa:

– Như vậy, chị sắp được làm bà nghị. Còn gì danh giá bằng.

Có tiếng người lên gác. Tâm lắng tai nghe rồi mừng rỡ:

– Có lẽ nhà tôi đến đón tôi đấy.

Trường đứng dậy. Hiền ở dưới nhà đi lên tay cắp một cái cặp da lớn. Chàng tiến lại gần Trường niềm nở bắt tay:

– Đã lâu lắm không được gặp anh. Bây giờ ở đây à?

Rồi cũng như Tâm, Hiền đưa mắt nhìn quanh gian buồng. Trường cũng theo cái nhìn ấy. Tự nhiên chàng thấy ngượng nghịu cho căn phòng chật hẹp của mình, ngượng về những đồ đạc sơ sài và rẻ tiền. Chàng lúng túng kéo chiếc ghế chắc chắn nhất, khẽ mời:

– Anh ngồi chơi. Trường yên lặng, tự thấy mình rụt rè trước người mà trước kia chàng coi thường.

Tâm nhìn chồng, có ý hỏi:

– Cậu ở phủ Thống sứ về đấy chứ? Công việc đã xong cả chưa?

Hiền vỗ vào cái cặp da để trên đùi, cười một cách tự đắc:

– Xong cả rồi. Tôi làm việc gì cũng phải được mợ nghe chưa? Ngừng một lát, Hiền nói với: Với lại đối với tôi, ai cũng có lòng vị nể.

Rồi đột nhiên hỏi Trường:

– Bây giờ chú làm gì?

– Tôi... tôi vẫn làm ở chỗ cũ.

– Ở nhà buôn ấy à? Sao chú không xin đi làm việc nhà nước có phải dễ chịu hơn không?

– Tôi cũng đã gửi đơn xin nhưng chưa có chỗ làm.

Tâm nói xen vào, có ý khoe họ hàng với chồng.

– Trước chú ấy đã học Cao đẳng cơ đấy. Rồi sau mới bỏ.

Hiền đặt chén nước xuống bàn ra vẻ ái ngại:

– Có, tôi có biết. Thật đáng tiếc. Giá chú cứ học có phải bây giờ đã làm ông Tham rồi không.

Quay lại phía vợ, chàng tiếp: – Như ông Tham Tấn hôm nọ đến chơi nhà ta ấy mà, mợ có nhớ không?

Rồi Hiền nhắc lại:

– Đáng tiếc thật. Bao nhiêu công phu học tập. Nhưng làm sao chú lại bỏ, tôi không hiểu?

Trường nghĩ ngợi không đáp. Tại sao chàng lại bỏ học dở dang? Tại sao? Một câu trả lời đến môi chàng, nhưng Trường dừng lại, không đi hết ý nghĩ của mình. Chàng nhớ lại ngày xin thôi học, khi xếp sách vở ở trong trường ra về, chàng có cái cảm tưởng từ đây sẽ đi

vào một cuộc đời khác, cuộc đời chàng vẫn mơ ước bấy lâu. Lúc ấy, Trường chỉ thấy một sự cần thiết: chàng phải đi làm nuôi lấy gia đình nhỏ của mình. Chàng vui lòng rời bỏ cái mơ ước cũ, không hề nghĩ rằng sự đó một ngày kia có thể làm cho chàng phải ân hận.

Nhưng bây giờ một ý tiếc vẩn vơ và kín đáo bắt đầu nẩy nở trong lòng Trường. Chàng nghĩ đến cuộc sống hiện tại của mình, những cái thiếu thốn nhỏ nhặt hàng ngày. Trường tự thấy mình đem lòng thèm muốn cái địa vị giầu sang của người khác, cái địa vị mà chàng có thể đến một cách dễ dàng nếu không có những việc đã xẩy ra.

Mải theo đuổi ý nghĩ của mình, Trường không nghe thấy tiếng vợ chồng Tâm kiếu xin về...

Chàng đứng dậy tiễn xuống thang gác. Ra khỏi cửa, Hiền còn quay lại nói:

– Hôm nào mời chú thím về khánh thành nhà mới với chúng tôi nhé.

IV

Hai vợ chồng Tâm đi rồi. Trường lẳng lặng trở vào ngồi xuống ghế. Những ý nghĩ không vui đến ám ảnh chàng. Trường nhớ cái vẻ mãn nguyện của Hiền, những câu khoe danh giá của Tâm; chàng thấy một mối bực tức trong người, bực tức cho mình và khinh ghét đôi vợ chồng trưởng giả quê mùa ấy. Câu mời cuối cùng của Hiền chàng nghĩ đến mỉm cười: khánh thành nhà mới! Cái nhà ấy mới đẹp đẽ làm sao! Trường đã được trông thấy nó một lần. Chàng tưởng đó không phải là cái nhà nữa, mà là một cái hòm vuông, bốn mặt có những cửa sổ nhỏ không đủ cho ánh sáng chiếu vào. Tuy chưa xem bao giờ, chàng cũng có thể đoán biết được những đồ đạc bầy biện trong đó thế nào; chắc cũng những bàn ghế còng queo, những sập gụ và tủ chè kiểu lố lăng, như các đồ đạc trong bác Cả ở An Lâm.

Nụ cười khinh bỉ thoáng trên môi chàng, khi Trường tưởng tượng cặp vợ chồng quê kệch kia ngồi bệ vệ trên sập để tiếp những người đến khúm núm vay tiền. Trường bỗng thấy ghét Hiền lạ và thương hại cho hắn có nhiều tiền như thế mà không biết ở một cái nhà đẹp, bầy những đồ thanh nhã, và sống một cuộc đời sang trọng hơn.

Nhưng bỗng một mối hoài nghi đến làm Trường khó chịu, băn

khoăn. Chàng tự hỏi không biết lòng khinh ghét của mình có phải là một sự thèm ước, một sự ganh tị vì không được giầu có như Hiền chăng? Trường thở dài, không trả lời câu hỏi ấy. Chàng buồn rầu nhận ra rằng họ không đáng thương, bởi họ đã sung sướng, mà người đáng thương hại chính là chàng.

Trường đưa mắt nhìn quanh mình: cái vẻ tiều tụy và nghèo nàn của gian nhà ẩm thấp, của những đồ đạc sơ sài, làm chàng đau khổ. Đã lâu, chàng sống không nghĩ ngợi gì, chàng sống với những mơ ước ở trong, bởi vì cảnh vật bên ngoài không vừa lòng chàng. Mỗi lần đi làm mệt về, chàng lặng lẽ ra ngồi ngoài hiên, nhắm mắt theo đuổi những hình ảnh đâu đâu, hay nhìn cảnh hoạt động ở đường để quên đi.

Trường tự chắc mình biết thưởng thức cái đẹp, biết lựa chọn cái gì thanh nhã. Giá chàng có nhiều tiền! Chàng sẽ ở một cái nhà sáng sủa, sẽ có những đồ đạc rất mỹ thuật; căn phòng chàng nằm sẽ rộng rãi, sạch sẽ, tất cả những thức trang hoàng đều giản dị, vừa mắt. Nhưng tưởng tượng ấy chỉ làm cho sự thực thêm chán nản. Trường ngẩng đầu lên quan sát mọi vật trong nhà, những đồ đạc tuy bao lâu nay vẫn ở cạnh mà chàng không nhìn kỹ đến bao giờ. Chàng thấy rõ rệt sự cùng túng của mình: chiếc giường gỗ tạp xiêu vẹo, màn đã cũ vàng và rách nhiều chỗ; tấm ghế ngựa mọt kê sát tường, chiếc tủ đứng đã nứt nẻ. Những thức đồ dùng cần thiết và tầm thường trong nhà, đều lộ cái vẻ nghèo nàn và tiều tụy.

Trường chua xót. Chàng ngạc nhiên thấy mình đã để ý đến những cái mà xưa nay chàng vẫn cho là nhỏ mọn. Chàng buồn rầu thấy mình đã náo nức những điều mơ ước tầm thường quá. Chàng lẩm bẩm: "Ta thật trẻ con! Làm gì phải băn khoăn về những cái vặt ấy". Nhưng cùng một lúc, chàng hiểu rằng đó chỉ là những lời để tự an ủi mình, còn trong thâm tâm chàng vẫn thèm muốn những cái tầm thường đó. Sự nhận xét chắc như thế khiến Trường tự giận dỗi mình và một mối bực tức không đâu đến cấu xé chàng.

*

*   *

Thấy chồng có vẻ băn khoăn nghĩ ngợi, Trinh đi lại khẽ rón rén, không dám động mạnh! Nàng bế con trên cánh tay hôn hít. Đứa bé đang ở lúc vui vẻ của nó; đôi mắt nó sáng lên, tươi tỉnh, hai má luôn

luôn lúm xuống những đồng tiền xinh xắn. Giá lúc khác, Trinh đã gọi chồng lại để đùa nghịch với con. Nhưng thấy đôi lông mày Trường cau lại, nàng không dám thực hành ý muốn của mình.

Đã lâu nay, Trinh buồn rầu thấy chồng đổi khác. Chàng ít khi vui vẻ như trước, lúc nào cũng như khó chịu và hay gắt gỏng luôn. Thỉnh thoảng nàng thấy Trường ngồi yên lặng hàng giờ. Những lúc ấy nàng sợ hãi không dám nói to. Trinh lo ngại vẩn vơ và như cảm thấy một sự nguy hiểm gì sắp đến. Nàng không hiểu tại sao Trường nghĩ ngợi, và không biết duyên cớ những cơn giận dữ của chàng. Nàng khổ sở thấy Trường hình như mỗi ngày thêm lãnh đạm với nàng, hình như không mến yêu nàng đằm thắm như trước nữa. Chàng như ngượng nghịu và bứt rứt không muốn ngồi chuyện trò với nàng lâu. Những buổi hai người nói chuyện với nhau, khi trước, là những buổi đầm ấm trong gia đình, làm nàng nhớ tới những cuộc hội họp quanh ngọn đèn ở An Lâm; trong không khí thân mật, nàng lặng lẽ ngồi nghe Trường nói chuyện với bà Nhì, nét mặt nhìn hiền từ vui vẻ của mẹ, và dáng điệu yêu mến của chàng. Có khi xong câu nói, mọi người yên lặng một lát để nghe trong cái tịch mịch của đêm khuya đưa lên tiếng nước róc rách của dòng sông Tiên chảy.

Những kỷ niệm đó làm Trinh cảm động. Nàng muốn sống lại những thời khắc sung sướng đã qua. Tất cả tâm hồn nàng khao khát sự mến yêu và rung động vì hình ảnh những ngày đẹp đẽ trong ký vãng. Nàng đưa mắt nhìn Trường rồi nựng con:

– Mai, con gọi cậu đi, con.

Nàng nâng tay đứa bé vẫy về phía Trường. Mai bập bẹ mấy tiếng trong miệng, ngửa cổ ra đằng sau cười, Trinh xốc con lên hôn vào má âu yếm bảo: Úi chà con tôi ngoan quá, rồi tiến lại bên chồng, nàng để bàn tay bé nhỏ của Mai lên vai Trường:

– Nó theo anh đây này. Những lúc âu yếm nàng vẫn gọi chàng bằng anh.

Nhưng Trường ngẩng đầu lên nhìn con, khẽ nhấc tay đứa bé, hơi gắt:

– Mang nó ra chỗ khác đi.

Trinh chùng chình chưa đi vội, nàng khẩn khoản:

– Thì cậu hãy bế nó một tí.

– Tôi đã bảo mang nó đi chỗ khác mà lại.

Trường quay mặt ra phía ngoài; sự khó chịu của chàng lại tăng thêm, vì chàng thấy cái lãnh đạm vô lý của mình trong lúc này.

Trinh hơi bẽ, hai má nóng bừng. Nàng nghẹn ngào chỉ muốn òa lên khóc; nhưng cố giữ nước mắt đã long lanh dưới vành mi, nàng lấy giọng tự nhiên:

– Bảo bế nó một chút cũng gắt.

Nàng ẵm con quay đi. Mai thấy vẻ nghiêm nghị của bố cũng sịu má ra sắp hờn, ôm lấy vai mẹ. Trinh với một cái hộp giấy trên mặt tủ, giơ ra trước mặt con, dỗ: Đây, mẹ cho con cái đồ chơi. Rồi nàng buồn rầu ẵm sát con vào người như muốn giữ chặt nỗi đau đớn của lòng nàng.

Trường nhìn theo những cử chỉ của vợ; một tình thương khẽ rung động trong tâm can chàng, lẫn với một cơn giận dữ không duyên cớ. Trường muốn đứng dậy đến bên Trinh nói mấy câu dịu dàng, an ủi; nhưng cơn giận bực tức làm tan cái ý định ấy, và mạnh thêm bởi Trường cảm thấy mình có lỗi.

Chàng lên tiếng gắt:

– Để nó nghịch cái hộp ấy lại hỏng bây giờ. Có cất ngay đi cho tôi không?

Cái hộp giấy đựng danh thiếp đã cũ, không có giá trị gì. Trinh dừng tay con quay lại nhìn chồng ngạc nhiên. Trường thấy trong đôi mắt mở to một ý oán trách. Nhưng chàng tiếp thêm cay nghiệt:

– Cái gì của người ta xếp cũng lục tung ra, không có thứ tự gì cả!

Trường bỏ ghế đứng dậy. Mắt chàng nhìn đến một dẫy những chai cũ, hộp không, bẩn thỉu bề bộn một góc trên mặt tủ. Chàng nhớ lại những lời khuyên hằng ngày.

– Tôi đã bảo vất những cái này đi một chỗ cơ mà. Bầy ra làm gì? Chỉ thêm bẩn. Miệng chàng cau lại một cách khinh bỉ: – Dễ tưởng những cái này đẹp đẽ, sang trọng lắm đấy.

Càng nói Trường lại càng giận dữ. Những cử chỉ của chàng trở nên hấp tấp, tay chàng run lên. Trường gạt mạnh những đồ đạc rơi vỡ xuống đất.

– Thì cậu để rồi tôi cất đi.

Mắt Trinh nhòa những lệ; nàng bế con cúi xuống nhặt, xếp lại những mảnh chai, Mai sợ hãi níu lấy tay mẹ, giương mắt ngây thơ

nhìn lên. Trinh thấy uất trong cổ họng, nàng muốn nấc lên khóc mà không dám. Trường khoanh tay lặng yên đứng nhìn; vẻ sợ hãi của Trinh khiến chàng động lòng, nhưng chàng cảm thấy một cái thú chua chát khi làm đau đớn người chàng yêu mến.

Người vú già nghe tiếng động từ ngoài sân gác đi vào. Vú ngạc nhiên nhìn hai vợ chồng, đưa mắt qua mặt tủ rồi kêu lên:

– Thôi vỡ hết cả rồi. Vú đến bên cạnh Trinh, cúi xuống: Mợ để con nhặt cho.

Thấy vú em đến, Trinh luống cuống. Nàng không muốn cho vú biết rằng nàng khóc, vội quay mặt đi.

– Không không, u để mặc tôi. U bế em ra ngoài kia đi.

Nàng trao con cho vú em bế, rồi ngoảnh vào trong, lấy vạt áo chùi nước mắt. Một lát, nàng đứng dậy, ôm những mảnh vỡ trong lòng bước ra ngoài.

Trường nhìn theo vợ rồi chán nản ra hiên gieo mình trên chiếc ghế. Cơn giận của chàng đã tan rồi. Một cảm giác buồn rầu và lạnh lẽo thấm thía vào người. Trường tựa tay trên bao lơn. Những ý tưởng trái ngược nhau và không rõ rệt lộn xộn trong óc chàng. Trường cảm thấy cái hèn nhát của chàng, nhưng cũng như một người đánh bạc không nghĩ đến sự thua nguy hiểm. Trường không nghĩ đến nỗi đau khổ chàng đã gây nên. Chàng nhắm mắt, và lại thấy nổi dậy trong lòng cái ham muốn giầu sang. Những hình ảnh rực rỡ, những mơ ước thầm kín bao nhiêu lâu nay lôi kéo trí tưởng tượng của chàng đến một cảnh đời đầy đủ xa hoa khác.

Chàng say sưa mê mải với những hình ảnh đẹp đẽ, những nụ cười hớn hở, nhưng nét mặt mãn nguyện nở nang, không nghe thấy bên trong, tiếng thổn thức của Trinh, vợ chàng, đang úp mặt xuống bàn tay khóc.

V

– Dung đâu? Con cầm cho mẹ quyển lịch ra đây. Bà Phán ngồi trên sập, đeo đôi kính lên mắt và thong thả dở từng tờ quyển lịch tầu. Dung đứng tựa vào chiếc ghế bên cạnh, cúi xuống hỏi:

– Mẹ xem lịch để chọn ngày tốt ngày xấu à?

Bà Phán dừng tay nhìn con dâu và chép miệng trả lời:

– Ngày tốt ngày xấu mà làm gì. Mẹ xem để biết năm nay có phải là năm sao hạn của mẹ không, mà lắm sự vất vả thế.

Bà khẽ thở dài, rồi cúi xuống xem lịch. Dung cũng lặng yên. Nàng hiểu bà Phán muốn nói gì. Sự vất vả mà bà than phiền đó không phải là sự vất vả khó nhọc về công việc làm ăn. Đã lâu nay, từ khi lên ở Hà Nội, mẹ Trường đã thôi không buôn bán nữa. Thỉnh thoảng bà có cầm họ cầm hàng cùng với bà Hai và mấy người quen thuộc khác, nhưng công việc ấy vẫn trôi chảy. Chỉ từ ngày Trường nhất định lấy Trinh và từ chối cô Hảo là nhiều sự không vừa lòng đã xẩy đến cho bà. Vì không có bà Hai bảo đảm giúp đỡ, nên sự cầm trở nên khó khăn, những mối lợi không những không thu vào được lại thêm mắc nợ nữa. Đồng tiền chi tiêu trong nhà trở nên hiếm và khó kiếm. Cả gia đình phải trông mong vào số lương hàng tháng của Xuân, nhưng Xuân vẫn chơi bời như trước, tiền đem về, tháng có tháng không.

Nghĩ đến Xuân, Dung lại khổ sở. Hai vợ chồng đối với nhau cũng lãnh đạm, hững hờ như trước, tuy không cãi cọ nữa. Xuân vẫn làm như không biết có nàng ở bên cạnh. Hai người chỉ nói với nhau những điều cần nói, và không can hệ, về việc nhà cửa hay về đứa con. Lòng Dung thắt lại khi nghĩ kỹ đến tình cảnh ấy: nàng hiểu rằng sự thờ ơ đó có hại cho nàng hơn một sự hờn giận nhau, Xuân thờ ơ lãnh đạm với nàng tức là không còn một chút tình yêu mến gì đối với nàng nữa. Nàng muốn chồng để ý đến nàng hơn, dù là để ý bằng sự giận ghét cũng được. Nhiều khi Dung cố ý làm Xuân khó chịu, tưởng chàng phải sôi nổi vì mình. Nhưng Xuân vẫn dửng dưng như không; Dung hiểu rằng tình yêu đối với mình đã chết hẳn trong lòng chàng rồi.

Nàng rùng mình khi nghĩ đến những chốn mà Xuân vẫn thường lui tới chơi bời, nghĩ đến hình ảnh những người con gái đáng ghê sợ mà chồng nàng ôm ấp. Dung tuy không như các người vợ khác đi dò xét và ngăn cấm chồng, nhưng nàng cũng biết mang máng Xuân mê một cô ả đào và định sắp lấy. Nàng không hiểu rõ về những hạng đàn bà ấy; Dung cho rằng cái sức mạnh quyến rũ của họ là nhờ những phép bùa yêu bí mật, không có cách gì trị nổi. Nàng không hiểu rằng sức mạnh của họ chính là ở cái nền nếp, cái đoan chính của nàng, không có cái ý vị chua cay, đột ngột của những vẻ lẳng lơ

đĩ thõa. Chính cái nền nếp và cái đoan chính ấy đã khiến Xuân chán ngán và xa nàng.

Ít lâu nay trong gia đình lại thêm nhiều sự buồn rầu nữa. Dung thấy những cuộc cãi cọ gắt gỏng thường xẩy ra luôn giữa Xuân với mẹ, vì vấn đề tiền nong. Không khí trong nhà trở nên lạnh lẽo và buồn tẻ, khiến nàng có cái cảm giác như lúc nào cũng đứng ở đầu cơn gió làm tiêu tán hết cả những cái đầm ấm của lòng.

Bà Phán thấy Dung yên lặng không nói, bà để quyển lịch xuống sập, ngửng lên nhìn. Thấy vẻ mặt đăm đăm và như ngơ ngác, bà vô tình hỏi:

– Con nghĩ gì mà ngây người ra thế?

Nghe tiếng mẹ, Dung giật mình. Nàng vội lấy lại vẻ mặt tự nhiên, chối:

– Con ấy ư? Không, con có nghĩ gì đâu.

Rồi nàng cúi xuống, sẽ mỉm cười. Nhưng cái cớ đau thương của Dung cũng vừa mới thoáng qua trong trí bà Phán như một cơn chớp loáng. Bà ngượng nghịu về câu nói ban nẫy, quay mặt nhìn đi chỗ khác. Hai mẹ con cùng yên lặng, buồn rầu.

– Hôm nay bao nhiêu tây rồi con nhỉ?

Dung nhìn lên quyển lịch treo trên tường, đáp:

– Thưa mẹ, ba mươi mốt.

Bà Phán lẩm bẩm trong miệng: Đã hết tháng rồi. Và trông đồng hồ bà tiếp:

– Đã hơn năm giờ mà cậu ấy chưa về. Hôm nay lĩnh lương đấy, con nhỉ?

– Thưa mẹ vâng.

Dung chợt nghĩ đến ngày lĩnh lương; chắc thế nào Xuân cũng đi chơi với chúng bạn như mọi đầu tháng khác. Nàng nhìn mẹ chồng, rồi dịu dàng:

– Chắc nhà con lại đi chơi đến tối mới về.

Bà Phán thở dài, chép miệng:

– Nhà hết cả tiền rồi. Chẳng còn một xu nào cả. Để chốc nữa cậu ấy về tôi hỏi lấy tiền tiêu mới được.

Dung cúi xuống không nói gì. Nàng nghĩ lát nữa Xuân về lại gắt gỏng với mẹ như những lần khác. Dung lo sợ và thấy nao nao trong

lòng. Nàng vuốt tóc như để xua đuổi những hình ảnh không vui, nói sang chuyện khác:

– Đằng chú thím Trường hình như dạo này cũng túng. Vừa hôm nọ, thím ấy có đến hỏi vay con. Nàng nói thêm: Nhưng con làm gì có mà cho vay.

Bà Phán cười:

– Vợ chồng nó thì kêu túng cả đời. Đi làm được ba chục bạc lương thì sao đủ.

Hai mẹ con bỗng dừng lại. Ngoài cửa có tiếng xe đỗ xuống hè. Dung quay nhìn ra ngoài, nói:

– Nhà con đã về.

Xuân đẩy cửa bước vào. Chàng không nhìn mẹ và vợ, lẳng lặng đi thẳng đến bên tủ, treo mũ trên mắc. Cử chỉ của chàng có vẻ uể oải và mệt nhọc. Dung muốn săn đón và hỏi han chồng như mọi bận Xuân về khi hai người mới lấy, nhưng đã lâu rồi nàng quên mất thói quen ấy. Nàng ngượng nghịu đứng lên, chỉ đưa mắt nhìn theo chồng.

Bà Phán với lấy âu đồng đựng trầu, rút cây vỏ ra cắt một cách chăm chỉ. Một lát bà mới nhìn Xuân ngọt ngào hỏi:

– Sao hôm nay con về sớm thế?

Xuân đang ngồi dở tờ báo trên bàn, cũng không buồn ngửng đầu lên nhìn mẹ. Chàng lơ đãng trả lời:

– Có sớm gì đâu. Cũng như mọi hôm.

Dung nói chen vào:

– Hôm nay đồng hồ nhanh hơn nửa giờ.

Nghe tiếng vợ, Xuân hơi cau mày. Chàng nhấc tờ báo lên gần mắt, chú ý đọc, nhưng chàng không biết mình đọc gì. Tiếng nói của Dung làm chàng tự nhiên khó chịu. Chàng không hiểu được rõ sự khó chịu ấy nguyên cớ tại đâu. Sự thực từ xưa tới nay Xuân vẫn không yêu Dung. Nhưng chàng thấy rằng có lẽ chàng sẽ không lãnh đạm với nàng và sẽ có tình thương nếu Dung không yên lặng chịu đau khổ một cách âm thầm. Chàng muốn Dung kêu gào, hay tỏ ý không bằng lòng của mình một cách rõ rệt hơn nữa. Chàng ưa thế hơn là sự yên lặng an phận, lòng oán trách thầm kín của Dung làm cho chàng khó chịu vì cho chàng thấy rõ cái lỗi của mình.

Muốn tránh hai vợ chồng khỏi cãi nhau, bà Phán thong thả bảo Dung:

– Con vào bảo nó dọn cơm đi. À, mà Lan đi đâu?

– Con cũng không biết. Hình như cô ấy lại thu họ đằng bà Hiên thì phải.

Bà Phán ngạc nhiên:

– Vẫn chưa thu được cơ à?

– Vâng, bà ta cứ hẹn lần mãi, năm bẩy lượt rồi.

Khi Dung vào khuất sau cánh cửa, bà cụ chép miệng phàn nàn, có ý để Xuân nghe thấy: – Lại bà ấy chưa đóng nữa. Lấy tiền đâu mà tiêu bây giờ...

Xuân vẫn điềm nhiên xem báo như không nghe thấy gì. Chàng biết rằng mẹ không bằng lòng mình, vì số tiền chàng đưa về mỗi tháng ít đi. Chàng cũng muốn đưa nhiều hơn để làm vui lòng mẹ, nhưng công nợ và những món chàng phải tiêu đã chiếm hết nửa số lương của chàng. Mà những món tiền ấy chàng không dám nói ra. Chàng bứt rứt nghĩ đến những lúc đi vay mượn khó khăn, đến những lúc phải dối trá để tìm cớ cho số tiền chàng đã tiêu. Một ý nghĩ ích kỷ xen lấn vào tư tưởng của Xuân; cái bổn phận phải nuôi cả một gia đình đối với chàng trở nên nặng nề và bất công quá. Xuân thầm ao ước đời sung sướng của những bạn chàng, không phải giúp đỡ ai, chỉ săn sóc đến có một thân mình.

Bà Phán nhìn con ngập ngừng khẽ hỏi:

– Anh... anh đã lĩnh lương chưa?

Xuân bỏ tờ báo, nhìn mẹ đáp:

– Lĩnh rồi ạ. Vừa mới chiều nay.

Bà Phán yên lặng, cúi xuống têm trầu, bà đợi Xuân đứng dậy lấy tiền đưa cho bà. Nhưng Xuân còn mải theo ý nghĩ của mình, không để ý đến sự chờ đợi của mẹ.

Bữa cơm chiều lặng lẽ và buồn tẻ. Mỗi người đều băn khoăn về những tâm sự riêng. Lan đi thu họ đã về, cố hết sức nói vui vẻ và kể những chuyện đâu đâu để làm mọi người cười. Nhưng nụ cười thỉnh thoảng nở trên miệng Dung và bà Phán là những nụ cười ngượng nghịu và mất đi ngay.

Dung đưa mắt nhìn chồng, thấy Xuân thỉnh thoảng lại ngừng đũa lại: một hình ảnh gì khó chịu như đang hiện ở trước mặt chàng.

VI

Ăn cơm xong, Xuân sửa soạn sắp đi. Chàng đã mặc quần áo sẵn sàng, nhưng vẫn đi lại trong buồng như lưỡng lự. Có lẽ lần này là lần đầu chàng mới cảm thấy rõ rệt sự lãnh đạm của mình đối với gia đình. Chàng muốn không đi chơi nữa, muốn ở lại để hưởng cái thú xum họp dưới ngọn đèn buổi tối. Xuân thấy nét mặt buồn rầu của vợ khi chàng mặc quần áo. Chàng cố tưởng tượng cái êm đềm, đầm thắm của cảnh xum họp, mà chàng vẫn thường thấy ở nhiều gia đình khác.

Vừa lúc ấy. Trường mở cửa bước vào.

Bà Phán thấy con mừng rỡ. Bà nhìn Trường ân cần hỏi:

– Con ở đằng nhà lại đấy à? Đã ăn cơm chưa?

Trường ngồi xuống ghế, đáp:

– Đã, con ăn rồi. Và quay lại phía anh, chàng hỏi:

– Anh đi chơi bây giờ?

Xuân trả lời không rõ:

– À... có lẽ.

– Hôm nay ở rạp chiếu bóng Bờ Hồ có chiếu phim hay lắm.

Xuân quay lại, đứng dựa lưng vào tường, đáp:

– Chớp bóng thì chán chết. Tôi chả đi xem bao giờ cả.

Trường không nói gì. Chàng nghĩ muốn khuyên anh nên đi xem chớp bóng, hay đi dự những cuộc giải trí không có hại như thế, nhưng không phải lúc nói nên Trường lại thôi. Bà Phán và Dung cũng yên lặng, nghĩ ngợi.

Chỉ có Lan vui vẻ vỗ hai tay vào nhau reo mừng:

– Phải đấy. Phim ảnh tối nay hay lắm, anh Xuân đi và cho chúng tôi xem với. Chị Dung cũng đi nhớ?

Dung cũng vội vàng nói:

– Tôi chả đi đâu, tôi cũng không thích xem chớp bóng.

Nàng hiểu ý Lan muốn nói cho Xuân với nàng cùng đi xem, như vợ chồng những gia đình khác. Nhưng đã lâu lắm, Xuân không cùng đi đâu với nàng nữa. Dung sợ bây giờ Xuân lại bằng lòng đưa nàng

đi; không phải nàng không thích, nhưng tự Xuân không mời nàng, và nếu có nghe theo lời Lan, nàng cũng không muốn có những sự ép buộc như thế. Nàng đã bị đau khổ nhiều lần rồi, nên bây giờ Dung tự kiêu trong cái lãnh đạm của mình.

Bà Phán nhắc mọi người quay trở lại mối lo nghĩ của bà:

– Cô Lan thì cái gì cũng thích xem. Nhưng tiền đâu mới được chứ?

Lan đang vui bỗng buồn ngay nét mặt lại, cúi xuống mân mê cây vỏ trong âu trầu, hai môi mím chặt. Đôi mắt trong và ngây thơ của Lan đã nghiêm nghị, và trên vầng trán sáng sủa của em, Trường nhận thấy thoáng qua một sự lo nghĩ.

Nghe mẹ nói đến tiền, Trường sực nhớ đến cái mục đích của mình khi về thăm nhà. Chờ lúc mọi người không ai để ý, chàng ra hiệu cho chị rồi đứng dậy bước ra phía cửa. Dung theo ra, Trường hỏi nhỏ:

– Thế nào chị? Chị đã nói với mẹ hộ em chưa?

Dung lắc đầu đáp:

– Chưa, vì tôi biết hôm nọ mẹ cũng chả có. Tôi đã có hỏi vay riêng mấy người chị em bạn cho chú, nhưng không được.

Trường lưỡng lự rồi hỏi:

– Anh ấy có tiền chưa?

– Có rồi.

– Thế bây giờ chị nói với mẹ cho em đi.

Dung quay vào lại gần bà Phán cúi xuống nói thì thầm. Mẹ Trường gật đầu vẫy chàng lại gần:

– Con đợi một lát mẹ đưa cho.

Trường vâng lời ngồi xuống ghế, trước mặt mẹ. Xuân gấp quyển sách mà từ nẫy chàng vẫn để xem trên mặt tủ, rồi như người mới quyết định, chàng đi lại bên mắc áo lấy mũ.

Bà Phán nhìn theo con, ngập ngừng. Xuân ra gần đến cửa, bà mới gọi:

– Này... anh...

Xuân quay lại, hơi phật ý, đôi lông mày cau lại

– Cái gì ạ?

– Anh đưa tiền cho tôi, còn cho em nó mượn bây giờ.

Xuân lẳng lặng thò tay vào túi áo lấy tập giấy bạc. Chàng đếm

riêng ra một tập, bỏ chỗ còn lại vào túi, rồi để tập bạc trên bàn, trước mặt Trường. Bà Phán với tay cầm lấy, ngửng nhìn hỏi Xuân:

– Chỗ này là bao nhiêu đây?

– Hơn ba chục.

Bà Phán để tập giấy bạc xuống bàn dịu dàng nói:

– Anh đưa thế này sao đủ tiêu. Tiền nhà, tiền ăn, trăm thứ tiền đều trông vào anh cả, mà chừng này thì sao đủ.

Xuân tỏ vẻ khó chịu, không nói gì. Bà Phán tiếp:

– Đã mấy tháng nay, anh đều đưa thế này cả. Anh tiêu gì mà nhiều thế? Yên lặng một lát, bà thêm: Anh không biết nghĩ một chút nào cả.

– Không biết nghĩ! Giọng Xuân trở nên gắt gỏng: – Mẹ bảo không biết nghĩ thế nào nữa. Con cũng phải có những món cần tiêu chứ, số tiền còn lại đây vị tất đã đủ.

Không đợi Xuân nói hết, bà Phán lớn tiếng:

– Anh tiêu gì, tiêu chơi bời, tiêu hát xướng ấy có phải không? Tôi còn lạ gì những món cần tiêu của anh nữa.

Xuân không đáp, hai tay đút túi quần, đi đi lại lại trong phòng. Bước chân chàng mỗi lúc một gấp và nhanh thêm.

Không khí trong nhà trở nên nặng nề và khó chịu. Hai mẹ con lại sắp cãi nhau vì tiền, như nhiều lần khác đã xẩy ra. Dung và Lan sợ hãi, ai nấy đều cúi mặt xuống, cùng ước mong cho cuộc đối đáp chóng xong nhưng không dám ngăn cản. Trường ngồi yên lặng, lòng đau đớn vì mẹ và anh đã mất cái tình thân thiết của mẹ con. Chàng thầm trách anh đã không biết chiều lòng mẹ. Tuy vậy, chàng muốn lòng yên tĩnh để tránh khỏi dự vào việc buồn rầu ấy. Trường thong thả cầm quản bút nguệch ngoạc trên bìa quyển sách ở trước mặt.

Chàng muốn xin mẹ thôi đi, nhưng bà Phán cứ nói, như muốn trút hết cả những nỗi tấm tức trong lòng.

– Anh chỉ biết nghĩ đến mình anh thôi. Vợ con anh ở nhà anh không nhìn gì đến, con anh nó ốm anh cũng mặc, chỉ đi chơi bời suốt ngày đêm, rồi đem tiền cung phụng cho người khác. Anh không biết mấy tháng nay tôi đâm công mắc nợ bao nhiêu. Nhưng anh cần gì.

Xuân vung tay giận dữ, bước tới mở cửa, quay lại gắt:

– Ồ, bà nói tôi khó chịu lắm. Không để cho người ta yên một

chút nữa! Chàng xập cửa đến sầm một cái, bước vội ra ngoài.

Ngòi bút trong tay Trường sướt mạnh trên tờ giấy, mực bắn tung cả vào áo. Chàng cầm quản bút lên xem, cố nói một cách bình tĩnh như không để ý gì đến những sự vừa xẩy ra:

– Thôi xong, gẫy mất ngòi bút rồi.

Lan đến gần Trường cúi xuống nhìn:

– Anh làm hỏng mất ngòi bút của em rồi còn gì nữa. Bắt đền anh đấy.

Hai anh em nói những câu vơ vẩn đâu đâu. Trường không dám nhìn về phía mẹ. Bà Phán ngồi yên không động đậy, vẻ mặt buồn rầu. Mấy giọt nước mắt lặng lẽ chẩy trên đôi má đã hóp lại vì lo nghĩ.

Trường thấy mỏi mệt và chán nản trong tâm hồn. Chàng khẽ đứng dậy, bước ra cửa.

Dung theo sau, giữ chàng lại ngoài hè, đưa mấy tờ giấy bạc:

– Chú không cầm về mà tiêu à?

Trường lắc đầu:

– Không cần nữa, chị ạ. Chàng ngăn Dung bảo: Thôi chị vào đi, rồi rảo bước đi mau khuất trong bóng tối.

VII

Trường qua phố Hàng Trống ra phía Bờ Hồ. Chàng vừa bước vừa nghĩ ngợi, không để ý cảnh vật chung quanh. Những người đi và xe cộ mờ dần trước mắt chàng, và những hình ảnh khác nổi lên rõ rệt. Mái tóc đã gần bạc, những vết răn sâu trên trán và vẻ lo nghĩ của mẹ chàng... Trong trí nhớ, Trường đi ngược lại về dĩ vãng, nghĩ đến những ngày còn hàn vi ở An Lâm, những ngày mẹ chàng còn phải tần tảo buôn bán để nuôi con. Trường nhớ lại cái cửa hàng tạp hóa nhỏ, sơ sài và đầy bụi bám; những quả bầy hàng sơn đen đặt trên xếp cánh cửa bức bàn, những ngày hàng ế, chờ đợi không có người mua.

Trường buồn rầu nhận thấy mẹ, đến bây giờ vẫn không được sung sướng. Chàng tự trách sao không nghĩ đến nhà mà chỉ nghĩ riêng đến mình. Nếu chàng không thôi học, có phải đã có thể giúp đỡ được mẹ không? Trường lại nghĩ nếu không lấy Trinh, nếu cứ nghe

theo lời bà Phán mà lấy cô Hảo, chàng bây giờ đã giầu và sung sướng. Tâm can Trường nẩy nở một ý ham muốn và ghen tị; Trường thèm muốn cái địa vị của Tiến và so sánh với địa vị mình. Nghĩ đến căn nhà tối tăm và nhỏ hẹp chàng sắp về, đến cái ngõ khuất khúc và bẩn thỉu chàng sắp đi. Trường thấy thấm thía cái nghèo nàn khốn khổ của mình.

Gió lạnh trên hồ đưa lại từng cơn. Trường thong thả đi trên bờ, nhìn mặt nước đen, loáng ngập, những đường ánh sáng vàng từ trước ngọn đèn chiếu xuống. Bỗng nhiên chàng dừng lại đứng yên, từ trong một tiệm khiêu vũ đưa ra tiếng đàn trầm bổng. Chàng lắng tai nghe: người ta có lẽ đang họa một bản âm nhạc buồn; tiếng đàn êm ái và du dương bao bọc lấy Trường và làm rung động tâm hồn chàng. Trường thấy tự nhiên nổi dậy trong lòng một nỗi nhớ nhung những vùng trời xa lạ và rực rỡ mà chàng vẫn mơ màng trong các truyện đã đọc. Một dẫy ô tô mới nguyên và đẹp đẽ đỗ ở vỉa hè; qua khe cửa kính, Trường thấy trong tiệm đầy ánh sáng, những cặp trai gái lịch sự đang bước theo nhịp đàn. Cảnh ấm cúng và giầu có ấy nhắc Trường nghĩ đến cái nghèo khốn của mình; chàng lại nghĩ đến những người cũng nghèo như chàng, ở tận những xứ đâu đâu, cũng đứng ngoài trời gió lạnh mà ngắm nhìn cảnh đầy đủ xa hoa trong những chốn ăn chơi sang trọng, Trường thấy hình như mình khổ sở thêm lên.

Đêm đã khuya chàng mới quay đi; con đường yên lặng và vắng vẻ dưới ánh đèn, Trường thấy cũng lạnh lẽo và trống không như tâm hồn chàng.

Rồi căn phố bỗng nhiên hẹp đi và tối lại. Từ nãy, mải theo đuổi những hình ảnh đâu đâu, Trường không biết mình đã về tới ngõ nhà, cái ngõ khuất khúc và nhỏ hẹp mà chàng ở. Ngọn đèn điện lờ mờ chiếu ra một vùng ánh sáng mầu vàng yếu ớt; bóng tối và sự tịch mịch bao bọc lấy Trường khiến chàng có cái cảm giác cách biệt hẳn những chỗ rực rỡ và sang trọng khác ở Hà Thành. Vẻ tồi tàn và tiều tụy của những căn nhà trong ngõ hôm nay chàng chú ý đến hơn; chàng nghĩ đến những gia đình cũng nghèo nàn như gia đình chàng, những gia đình thợ thuyền hay buôn bán nhỏ mà chàng thấy sống chen chúc trong những buồng tối tăm và chật hẹp. Qua khe những tấm cửa gỗ ghép không kỹ, thỉnh thoảng tia ánh đèn trong nhà chiếu ra vệt một đường sáng trên mặt đất, và tiếng người nói thì thầm, tiếng trẻ con khóc lọt vào tai chàng. Cuộc đời của những người ấy

hiển hiện ra trước mắt Trường, với những thiếu thốn, những nỗi khó khăn và vất vả của họ. Trường tự hỏi không biết những người đó có lúc nào được sung sướng không: họ có bao giờ quên cái nghèo của họ, có lúc nào được hưởng một chút vui vẻ, một chút hạnh phúc trong suốt đời người không? Trường thấy một nỗi buồn nản nặng nề đè nén trên tâm hồn; chung quanh mình, chàng chỉ thấy cái nghèo, cái nghèo rộng rãi và mênh mang như nước thủy triều lôi cuốn bao nhiêu cuộc đời vào cái giòng chẩy mạnh mẽ. Sự sống đối với chàng bỗng mất hết ý nghĩa, thờ ơ và lãnh đạm, tàn ác đưa số mệnh người đến những chốn tối tăm và đau khổ.

Trường lại nghĩ đến gia đình mình, đến những sự phiền muộn lo nghĩ mà chàng đã trải qua, đến những ước muốn và thèm thuồng mà chàng đã nuôi nấng trong lòng. Bây giờ chàng tiếc rằng đã bị ràng buộc bởi Trinh, đã yêu và chót lấy nàng. Nếu không Trường biết mình có thể đến một cách dễ dàng tới một địa vị sang trọng hơn. Tiến bây giờ sống một cuộc đời phong lưu nhàn nhã lắm. Anh ta đã tậu mấy cái nhà, một cái trại ở ngoài thành phố. Hảo đứng làm chủ một hiệu buôn to, cô Hảo ngày xưa lộng lẫy và vui tươi hôm cưới... Cuộc gặp gỡ hôm thứ bẩy, một thứ bẩy cách đây đã lâu, lại hiện ra rõ rệt trong trí nhớ Trường.

Buổi chiều hôm ấy chàng ở sở về, người mệt mỏi và chán nản hơn mọi hôm. Sau mấy giờ làm việc trong một căn phòng chật hẹp và đầy sổ sách bám bụi, cảnh tấp nập và hoạt động của một buổi chiều đầu tháng ở ngoài đường rộn rập. Chàng theo những chiếc xe lịch sự đi về các phố lớn đông đúc, có những cửa hàng rực rỡ, phô bầy trong cửa kính tất cả những thức sang trọng và xa hoa nhất. Ở đấy, Trường nhìn ngắm cái giầu sang bao bọc lấy chàng. Trong đám đông người nhiều tiền ấy, Trường thấy mình như lạc loài vào một nơi xa lạ.

Rồi Trường vội đứng khuất vào trong bóng tối: chàng vừa mới thoáng trông thấy hai vợ chồng Hảo từ trên một chiếc ô tô bước xuống hè. Ánh đèn điện lấp lánh trên những đồ trang sức bằng vàng ngọc Hảo đeo trên người. Chàng nhận thấy Hảo vẫn xinh đẹp và trẻ tươi như trước, đôi môi hé nở, và một vẻ vui sướng phảng phất trên mặt nàng. Bên cạnh, Tiến bệ vệ và mãn nguyện trong bộ quần áo mới rất sang trọng, đi từng bước thong thả và chắc chắn. Hai vợ chồng cùng vào một cửa hàng.

Khi họ đi qua trước mặt, Trường vội cúi đầu lẩn tránh. Chàng

không muốn để cho Tiến trông thấy. Tự nhiên mà chàng cũng không ngăn giữ được mình, Trường thấy xấu hổ và e thẹn cho cái nghèo của chàng. Bộ quần áo chàng đang mặc bỗng trở nên tiều tụy khác thường. Chàng lẳng lặng rẽ sang phố khác.

Bây giờ nhớ lại cuộc gặp gỡ ấy, Trường vẫn thấy nửa khó chịu và nửa bực tức. Hình như cái địa vị của Tiến đáng lẽ là của chàng; chàng nghĩ đến Trinh; chính nàng đã mang sự nghèo khổ đến cho chàng. Nếu không có Trinh, có lẽ đời chàng đã thành khác hẳn. Lần đầu, Trường thấy Trinh chỉ là một cái gánh nặng trên vai, một cái trở lực cho đời sung sướng và đầy đủ mà chàng ao ước.

Máu trên thái dương chàng đập mạnh; một mối căm giận bốc lên đầu như ngọn lửa, Trường bực cho mình đã thơ ngây và mơ mộng quá... Thơ ngây! Miệng chàng tự nhiên nhếch lên chua chát khi nghĩ đến người thiếu niên say sưa tình ái dưới giàn hoa. Kỷ niệm của những ngày trong sáng và chân thật ở An Lâm không làm cho Trường cảm động nữa; chàng lắc đầu xua đuổi các hình ảnh cũ, cúi mình trước gió lạnh thổi từ ngoài sông vào và dấn bước mau trở về nhà.

*

* *

Lên khỏi bực cầu thang, Trường trông thấy bóng Trinh đương đứng trước tấm gương treo, tay với lên đầu sửa mái tóc. Nghe tiếng chân của Trường, nàng vội vàng quay lưng lại, rồi đến nằm ngả mình trên giường, hai tay vòng để dưới gáy, lặng yên nhìn chồng đi vào. Hai má nàng hồng hào, miệng chúm chím, và một vẻ tinh nghịch, sung sướng, long lanh đôi mắt của nàng.

Nhưng Trường không trông thấy. Chàng đứng dừng ngay lại, đưa mắt nhìn quanh gian phòng, ngạc nhiên: những đồ đạc trong nhà đều xếp đặt lại hết cả. Bộ bàn ghế giữa buồng đã kê vào một bên, cái tủ con để sang phía trái, chiếc giường ngủ kê sát vào phía tường bên trong. Những đồ lặt vặt, vô giá trị và tồi tàn, cũng đều đã thay đổi chỗ hết cả. Cách xếp đặt mới, tuy vậy, không hơn gì cách bầy biện cũ, lại có phần vụng về và khiến căn phòng chật chội hơn.

Trường chưa kịp cất tiếng hỏi, Trinh đã nhoẻn miệng cười, nói:

– Anh xem tôi kê lại có đẹp không?

Nàng vẫn nằm yên trên giường vì muốn khoe với chồng đôi chiếu nàng mới mua. Suốt cả buổi chiều, Trinh loay hoay trải đi trải lại chiếc chiếu cho ngay ngắn, chắc thế nào Trường về cũng tỏ ý bằng lòng. Trong trí nghĩ giản dị của nàng, đôi chiếu mới là biểu hiện của sự hòa thuận vui vẻ trong gia đình. Nàng đợi chồng, nóng ruột muốn nói cho chàng biết. Nhưng giờ thấy nét mặt giận dữ của Trường nàng lại lưỡng lự không dám hé răng. Mắt nàng đưa theo từng cử chỉ của chồng không chớp.

Trường treo mũ lên mắc rồi đi lại vài bước. Vẻ chật hẹp của căn buồng và không khí nặng nề đè nén khiến chàng khó thở và bứt rứt. Chàng nhìn, những đồ đạc tiều tụy lại càng làm cho Trường khó chịu. Những thứ xấu xí như thế thì xếp đặt lại làm gì? Trường tự nhiên thấy cơn giận đưa lên. Chàng hỏi xẵng:

– Ai bảo kê lại? Sao không để nguyên như cũ?

Trinh ngạc nhiên nhìn chồng. Giọng giận dữ của Trường khiến nàng không hiểu:

– Tôi tưởng kê lại cho nó đẹp.

Trường nhắc lại, dằn mạnh từng tiếng:

– Đẹp! Cô biết thế nào là đẹp!

Nếu Trinh cứ yên lặng hay ngọt ngào đáp lại, thì hai vợ chồng có lẽ lại trở nên hòa thuận. Nhưng nàng không chịu được sự vô lý của Trường, bỏ giường vùng đứng dậy miệng lẩm bẩm phàn nàn:

– Hôm nào về cũng gắt với mắng. Không hiểu độ này làm sao thế!

Nàng vấn lại tóc, bước ra ngoài hiên. Trường nhìn theo, nhún vai. Bao nhiêu những tức tối bực dọc mà chàng cảm thấy khi trông cảnh giầu sang của người khác chàng đem quy lỗi cả cho vợ. Hình như Trinh đã làm thiệt chàng thì không có quyền phàn nàn gì nữa. Chẳng phải vì nàng mà chàng phải chịu sống cuộc đời tối tăm ư?

Chàng lên tiếng gọi ác nghiệt:

– Không vào đây cất dọn đi, còn đứng ngoài ấy làm gì nữa?

Chàng cúi mình thấy trên giường có trải chiếc chiếu mới nguyên, cạp vải đỏ, một màu đỏ rợ.

– Còn cái chiếu này nữa, vứt nó ra ngoài kia!

Trường đưa mắt nhìn Trinh, thấy nàng uất ức sắp khóc. Sự đó làm tăng cái khó chịu của chàng. Trường đem hết cả những nỗi bực

tức của mình ra lời nói, tiếng chàng mỗi lúc một thêm gay gắt, chàng như say sưa vì cơn giận mạnh của mình.

– Cô tưởng tôi sung sướng lắm đấy! Suốt ngày đầu tối mặt tất để làm việc, về đến nhà trông thấy cái cảnh tiều tụy này mà buồn. Tôi chán lắm rồi, khó chịu lắm rồi, không thiết gì nữa.

Chàng nhắc đi nhắc lại – Chán lắm, chán lắm...

Trinh tay ôm lấy mặt, nín lặng. Một lát nàng khẽ đáp qua nước mắt:

– Anh chán thì tôi cũng phải chịu. Có phải tại lỗi ở tôi đâu... Những tiếng nức lên nghẹn ngào rồi vỡ ra trong cổ họng nàng. Nước mắt nàng trào ra má: – Nếu tôi biết nông nỗi như thế này thì thà rằng chả lấy nhau cho xong.

– Thì ai bảo lấy? Tôi có cầu đâu.

Trường không nhớ đến tấm tình yêu đằm thắm và trong sáng ngày xưa nữa. Bây giờ chàng chỉ thấy cái kết quả khổ sở của cuộc nhân duyên mà chính chàng đã muốn. Trường trách nàng đã bằng lòng nhận lời, điều mà chính chàng xưa kia đã hết sức yêu cầu nàng nhận. Chàng giận Trinh vì chính sự quyết định của chàng.

Mai đang ngủ giật mình tỉnh dậy cất tiếng khóc, Trinh trở vào ôm con lên lòng, ngồi xuống giường cho con bú. Nàng nắm chặt lấy tay con, thổn thức:

– Bây giờ anh muốn làm thế nào, tôi cũng xin chịu. Tôi chẳng dám kêu ca gì bởi tôi biết thân phận tôi nghèo hèn, không đủ cho anh quý...

Nàng òa lên khóc. Nước mắt rỏ xuống ướt cả má đứa bé. Trinh lấy khăn lau cho con; Mai giơ tay lên với mấy sợi tóc buông xõa, và ngây thơ không biết cơn giông tố đang chia rẽ hai người, mỉm cười nhìn mẹ. Thấy nụ cười của con, Trinh xót xa trong ruột, chỉ muốn chết ngay đi để tránh khỏi những nỗi đau đớn đang vò xé lòng nàng.

Trường đi lại, bối rối. Chàng thoáng thấy trong thâm tâm cái ác nghiệt vô lý và hèn nhát của mình nhưng chàng vội tránh không nghĩ đến. Chàng muốn đến bên vợ, an ủi và xin lỗi nàng, nhưng một ý nghĩ xấu cứ giữ chàng lại. Trường chỉ thấy đưa mình vào quãng trống rỗng buồn nản, và cảm thấy một sự mệt mỏi mênh mang, cả người lẫn trí óc. Chàng không muốn để ý đến việc gì nữa, không muốn nghĩ đến việc gì nữa. Chàng nằm xuống giường, để tay qua

ngực và lắng nghe tiếng tích tắc của đồng hồ, từng giọt, từng giọt một, rỏ sự yên tĩnh trên tâm hồn chàng.

Đêm đã khuya. Trinh khẽ đặt con ngủ, rồi buông màn xuống. Những cử chỉ của nàng thong thả và lặng lẽ, các sự săn sóc ấy nhắc Trinh nhớ lại những kỷ niệm êm đẹp khi vợ chồng mới lấy nhau. Tủi thân nàng lại không cầm được nước mắt, vội bước ra ngoài hiên, gục xuống bao lơn khóc.

Tâm hồn giản dị, nàng không hiểu được cái phiền phức của lòng Trường, và như thế, nàng càng đau khổ hơn: Những nỗi băn khoăn của chồng, mà Trinh đoán thấy bấy lâu nay, khiến nàng phải nghĩ ngợi, tuy nàng không biết duyên cớ bởi vì đâu. Trinh cảm thấy một mối lo sợ không rõ rệt lẩn quẩn trong tâm trí nàng, như trước một tai nạn sắp xẩy ra.

Nàng chỉ âm thầm đau khổ mà không lúc nào có ý oán trách Trường. Nàng oán giận sao được? Nàng vẫn yêu Trường, như nàng yêu ngay từ lúc bắt đầu mới gặp chàng. Lòng yêu của nàng không giảm bớt chút nào; nàng không thể tưởng tượng được sẽ không yêu chàng nữa. Cái tình yêu đã làm rung động cả linh hồn Trinh trong buổi nói chuyện dưới bóng trăng bên giàn hoa lý, bây giờ đổi thành một tình cảm bình tĩnh và vững bền, sâu xa đến lẫn cả với những ý nghĩ, những ham muốn tận trong thâm tâm. Và ái tình đó đối với nàng thật ra mật thiết và tự nhiên quá, như sự sống của nàng, khiến Trinh không bao giờ nghĩ đến cách làm biểu lộ ra. Nàng không có những cử chỉ bồng bột, những dáng điệu hay lời nói ái ân, nhưng mỗi khi nhìn chồng, đôi mắt của nàng lại sáng lên và đắm đuối trong *tình yêu mến.*

Thế mà bây giờ... Bây giờ Trinh thấy rằng hạnh phúc của nàng đã gần lung lay sắp đổ. Tâm sự của Trường giờ đối với nàng trở nên bí mật, nàng không hiểu rõ nữa. Giữa hai vợ chồng không còn sự tin cẩn ngây thơ và sáng sủa như trước kia, mỗi ý nghĩ hay tư tưởng của Trường đều có phản chiếu và vang động ở lòng nàng. Mỗi ngày Trường đối với nàng xa lạ hơn một chút, và Trinh đau khổ vì không biết làm gì trước sự đau khổ của chồng. Những nỗi buồn của nàng lắng xuống, và trong tâm hồn giản dị của Trinh bắt đầu dâng lên một chút vị chua cay và chán nản. Nàng muốn gần chồng để yêu mến bao nhiêu...

Tiếng cửa mở ở dưới nhà kêu lên trong tĩnh mịch của đêm

khuya. Trinh cúi mình trên bao lơn nhìn xuống. Nàng thấy Trường ở trong cửa bước ra, vừa đi nhanh vừa mặc áo. Trinh toan cất tiếng gọi, nhưng tiếng nói nghẹn lại trong cổ họng. Nàng ngồi phịch xuống ghế, nhìn theo Trường đi khuất vào bóng tối.

Gió lạnh ở đâu đưa đến làm Trinh rùng mình. Nàng đứng dậy vào trong nhà. Căn phòng bỗng vắng vẻ và buồn rầu lạ, chỉ còn đầy tiếng tích tách thong thả của chiếc đồng hồ. Trinh bước tới bên giường, kéo chăn lên đắp cho con. Mai đang ngủ, mỉm một nụ cười trên cái miệng xinh như mơ một sự gì vui vẻ. Đứa bé với tay sờ soạng rồi nắm chặt lấy tay mẹ. Trinh để yên bàn tay bé nhỏ của con trong tay nàng, rón rén ngồi rồi thấy trong lòng bỗng rung động bao nhiêu nỗi xót thương, nàng lại cúi đầu lặng lẽ để nước mắt tràn thấm áo.

VIII

Vừa bước chân vào trong nhà, Trinh đã vội vàng vứt gói thuốc trên bàn, chạy đến bên chiếc giường con kê sát tường. Nàng đẩy vú em ra, cúi xuống vén tấm màn nhìn vào: dưới mấy lần chăn mỏng, Mai đang nằm ngủ yên, tay để dưới đầu.

– Em đã đỡ chưa vú?

Người vú khẽ trả lời:

– Chưa, mợ ạ. Từ lúc mợ đi đến giờ, hình như em lại sốt thêm lên nữa.

Trinh lo sợ, để tay lên trán đứa bé: nàng thấy nóng rực và ướt đẫm mồ hôi.

– Chết chửa, bây giờ làm thế nào hở vú? Hay là thôi không cho uống thuốc ông lang ấy nữa. Đã hai thang rồi mà không thấy chuyển.

Vú em mân mê tà áo. Một lát mới nói:

– Thuốc mợ lấy về để đâu? Hay cứ cho em uống thêm một bát nữa xem sao.

– Ở trên bàn kia. Vú ra lấy mà sắc.

Người vú vừa quay đi, Trinh đã gọi giật lại hỏi:

– Buổi trưa cậu có về không?

– Thưa có. Mợ đi một lát thì cậu con về ngay.

Trinh ngập ngừng. Nàng không muốn hỏi câu nàng định hỏi, một linh khiếu như báo trước cho nàng biết câu trả lời của người vú sẽ khiến nàng thất vọng và buồn rầu. Nhưng nàng không thể ngăn mình:

– Thế u có nói là em lại sốt thêm không?

– Có ạ. Nhưng con vừa nói thì cậu gắt, rồi lại mặc áo đi ngay.

– Thôi được, u đem thuốc xuống sắc cho em đi.

Nàng thở dài, ngồi xuống chiếc ghế để bên giường rồi vắt chiếc màn lên hai bên. Ánh sáng ở khe cửa chiếu vào: Trinh nhận rõ thấy con xanh xao quá. Đứa bé thở hổn hển như mệt nhọc, thỉnh thoảng tay nắm chặt lấy mép chăn. Trinh cúi mình khẽ vuốt tóc Mai. Lòng mẹ cảm động và lo sợ trước vẻ ốm yếu của con.

– Khổ cho con tôi quá!

Trinh rơm rớm nước mắt khóc. Đứa bé sốt đã ba ngày hôm nay rồi, mà Trường vẫn không để ý đến. Ở sở về, chàng ăn cơm xong lại đi ngay, nét mặt lúc nào cũng như giận dữ, khiến nàng sợ không dám hỏi. Chiều hôm qua, Mai sốt quá, nàng lo lắng nhìn Trường sửa soạn đi. Khi chàng sắp bước xuống cầu thang, nàng mới rụt rè sẽ hỏi:

– Này anh, nó sốt quá.

Trường quay lại vội vàng đáp:

– À... nó cảm đấy chứ làm sao. Mua thuốc cho nó uống.

– Nhưng... anh...

Trinh ngừng bặt không nói tiếp, vì Trường đã bước xuống dưới nhà rồi. Nàng lắng nghe tiếng giầy của Trường đi ra cửa, lòng nàng se lại.

*

*   *

Suốt cả một đêm, nàng đã thức trông con. Trong cái tĩnh mịch của ban đêm bao nhiêu ý nghĩ băn khoăn đến ám ảnh. Trinh nhớ lại tất cả quãng đời từ khi mới lấy nhau. Những ngày sung sướng hình như đã xa xăm lắm. Trinh chỉ thấy rõ rệt những hình ảnh buồn rầu gần đây, những lúc hai vợ chồng giận nhau, những buổi nàng khóc thầm một mình bên ngọn đèn.

Tiếng Mai gọi làm nàng sực tỉnh. Nàng bế con lên ẵm vào lòng.

Mai ôm chặt lấy mẹ, đòi bú. Trong mấy ngày, đứa bé đã gầy hẳn đi. Không phải là đứa trẻ hồng hào và mũm mĩm vẫn tươi cười và đùa nghịch như mọi khi; Mai trông yếu ớt và nhỏ bé lại. Thấy con như thế, Trinh không cầm được lòng thương. Vậy mà Trường không săn sóc gì đến, cứ để mặc mình nàng trông nom lấy.

Trinh bỗng thấy ao ước một sự hy sinh để con nàng được chăm chút hơn. Nàng muốn chịu khổ sở, chịu đau đớn cho Mai được sung sướng. Ý tưởng rời bỏ nhà này, trở về quê sống cái đời đơn sơ như trước, thoáng qua trong trí nàng. Trinh không muốn cho Trường phải khó chịu vì mình nữa. Nàng chỉ nghĩ đến cách làm cho chàng được vui lòng, còn về phần nàng, Trinh sẵn sàng chịu cái cảnh nghèo nàn. Nàng đã quen với cái nghèo rồi.

Vú em ở dưới nhà bưng lên bát thuốc để trên bàn, gọi chủ:

– Thưa thuốc đây, mợ cho em uống.

Trinh nâng con dậy, đưa bát thuốc ra trước mặt.

Thuốc đắng, Mai không chịu uống, hắt tay mẹ rồi giẫy giụa khóc, Trinh âu yếm dỗ:

– Uống đi con, chóng ngoan. Uống cho khỏi sốt.

Nàng nói dối:

– Con chịu khó uống đi, rồi cậu về cậu mua bánh cho con nhé...

Nhưng Trinh ngừng lại. Nàng chua xót vì đã phải nói dối con. Đã mấy hôm nay, Trường không về tới nhà nữa. Nàng thấy nước mắt tràn lên mi, vội ôm Mai vào lòng, sờ lên trán đứa bé:

– Con tôi còn sốt quá.

Ngoài kia, ngày đã về chiều, Trinh nghe thấy trong các gian nhà bên cạnh, tiếng cười nói của những người đi làm về, và tiếng mâm bát sửa soạn bữa cơm. Càng về tối, gió lại càng lạnh lẽo thêm.

Người vú em bỗng hỏi vu vơ:

– Không biết cậu con đi đâu mợ nhỉ? Em ốm mà cậu cũng không chịu về.

Thấy Trinh lặng thinh không trả lời, vú em kể thêm:

– Con bác Hai ở dưới nhà cũng sốt đấy. Bác ta thương con đáo để; đi làm về một cái là chạy đến săn sóc đứa bé ngay. Bác Hai gái chả phải làm gì sất cả.

Trinh chép miệng, và tự thấy mình ao ước cái cảnh tầm thường ấy:

– Vợ chồng người ta như thế mà sướng. Tuy nghèo khổ nhưng lúc nào cũng hòa hợp vui vẻ. Chẳng như nhà mình...

Trinh không nói được nữa. Nàng nghẹn ngào cúi mặt xuống. Vú em thấy gợi đến việc buồn trong nhà, cũng nói lảng sang chuyện khác:

– Đã lâu nay, sao bà không lên chơi, hở mợ?

– Ừ nhỉ. Tôi quên khuấy đi mất. Để phải gửi giấy về mời mẹ tôi lên đây ít lâu mới được.

– Chắc bà con bận buôn bán hẳn. Dạo này ngày mùa.

Nghĩ đến mẹ, Trinh động lòng thương. Từ khi nàng đi lấy chồng, Trinh ít có dịp về thăm mẹ và em, mà bà Nhì cũng không mấy khi đến chơi nhà nàng. Vì mỗi khi đến thấy Trường gắt gỏng và hình như có ý không muốn tiếp, nên bà không ở lâu.

Trinh thở dài, buồn cho mẹ đã già mà vẫn còn phải xuôi ngược buôn bán để nuôi Bích ăn học. Trước kia, ngày còn ở An Lâm, nàng vẫn giúp đỡ mẹ; hai mẹ con làm lụng tuy vất vả, nhưng vui sướng có nhau. Bây giờ thì không ai giúp đỡ nữa.

Nàng tưởng tượng những buổi sớm trời còn tối, sương ướt và gió rét, mẹ nàng đã phải trở dậy đi cân gạo bên kia sông. Không biết em Bích có chịu khó ra sân lấy nước mưa để pha trà cho mẹ uống không? Trinh nhớ lại những buổi sáng ấy, cái cảm giác của nước lạnh cắn vào da, ngọn lửa ấm áp trong chiếc hỏa lò và tiếng reo vui của nước sôi. Bên cạnh ngọn đèn, nàng và mẹ nàng ngồi uống chè nóng, và sửa soạn để đi.

Nàng lại nhìn thấy mái tóc đã bạc phơ của mẹ và bàn tay gầy nhỏ và răn reo, rất dịu dàng mỗi khi đặt lên vai nàng.

Trong tâm trí Trinh đang bàng hoàng vì đau khổ, hình ảnh người mẹ già nua hiền từ nổi dậy, sáng láng bởi lòng thương rộng rãi, bao nhiêu tha thứ và mến yêu... Tự nhiên, nàng nghĩ trở về mẹ, như ngày còn bé ẩn náu dưới cánh tay tìm sự an ủi và che chở...

– Mẹ!...

Nàng tưởng có mẹ gần gụi ở đâu đây. Trinh thấy bớt cô độc trong gian phòng vắng vẻ, và những giọt nước mắt từ từ thấm ướt vạt áo nàng.

IX

Đã mấy hôm nay tâm trí Trường hỗn độn vì nhiều ý nghĩ.

Nhưng không phải chàng băn khoăn về những thèm muốn giầu sang ẩn nấp trong lòng chàng nữa. Trường băn khoăn vì cảm thấy mình đã nhỏ nhen và vô lý quá trong khi đối với vợ. Cuộc cãi nhau hôm trước làm cho chàng hối hận, và Trường thấy cảm động ứa nước mắt mỗi khi nghĩ đến.

Chàng nhớ dáng điệu của Trinh, vẻ tinh nghịch trong mắt khi nàng nằm trên giường đợi chàng về. Đáng thương! Trinh đã tưởng làm vui lòng chàng với đôi chiếu mới mua, nàng đã đem trải cẩn thận trên chiếc giường hai người nằm. Trong cái cử chỉ trẻ thơ ấy, Trường nhận thấy bao nhiêu âu yếm đối với chàng; lòng chàng nao nao khi nghĩ đến điều ước mong giản dị và chân thật của Trinh, ước mong một gia đình đầm ấm trong sự thanh bần. Nàng đã quen với cái nghèo đi rồi và không thấy khó chịu vì đấy nữa. Nàng vẫn là cô gái chất phác ở An Lâm, với tấm ái tình trong sạch. Chính Trường đã đem nỗi băn khoăn của chàng đến làm lay động lòng yêu của vợ, bình tĩnh như mặt nước hồ sâu. Trường thấy bao nhiêu lỗi đều về phần mình cả. Nhưng chàng mới nhận biết như thế.

Chàng không muốn tự suy xét mình hơn nữa, không muốn nghĩ lâu về tâm trạng của chàng.

Trường tìm cách quên đi, và tránh không về nhà để khỏi nhắc lại những hành vi nhỏ nhen ấy. Luôn mấy hôm nay, Trường đi chơi bời với các chúng bạn, song những cuộc vui chơi ấy chỉ để lại trong tâm hồn chàng một dư vị chua chát thêm.

Hôm nay ở sở ra, Trường đi lẫn vào trong đám người cùng đi làm về như chàng. Trời đã gần tối, buổi chiều lạnh và ẩm ướt bao phủ trên thành phố. Không biết bao nhiêu buổi chiều đã buồn bã như buổi chiều này, mà chàng cũng đi làm về, lòng chán nản và bực tức.

Trường nhìn vào một cửa hàng xem đồng hồ. Đã hơn bẩy giờ rồi, chắc bây giờ Trinh đang mong đợi chàng ở nhà. Trường nghĩ đến đứa con ốm, đến nỗi lo sợ của vợ. Bây giờ chàng chỉ thấy thương. Trường rảo bước đi mau, muốn về ngay tới nhà để an ủi vợ, săn sóc Mai. Chàng nóng muốn san sẻ ngay lòng yêu mến mà chàng bỗng thấy tràn ngập trong người.

Nhưng đến khi rẽ vào ngõ, chàng đi chậm lại. Bước chân chàng trở nên lưỡng lự và không quả quyết. Trường tưởng trông thấy đôi mắt đầy ý oán trách của Trinh, và đứa con ốm yếu. Tự nhiên Trường không muốn trở về nhà nữa. Chàng tự mình thấy xấu hổ cho mình.

Trường quay ra phía bờ sông. Con đường dài dưới ánh đèn trông buồn rầu vắng lặng. Qua bên kia đê, quãng không tối đen như mực, thăm thẳm và rộng rãi. Nhưng Trường thấy hơi gió thoáng lại lạnh như đã qua chỗ khoảng rộng trên mặt sông. Và trong lòng chàng, chàng cảm thấy trên cái đêm tối của những ham muốn nhỏ nhen thoảng qua từ chỗ sâu xa tận tâm hồn đưa lại, một tình cảm mát mẻ và yêu đương, như hương thơm của những ngày tươi sáng đã lâu khi hai người mới biết nhau.

Trường cứ theo phố bờ sông rẽ sang vườn hoa Hàng Đậu. Chàng sực nhớ đến Quang, một người bạn cũ, đã dặn chàng đến chơi ở phố này. Quang cùng học với chàng ngày ở An Lâm. Nhà cũng nghèo như nhà chàng. Quang với Trường là hai anh em bạn thân nhất trong lớp. Nhưng từ khi Trường lên Hà Nội chàng không được gặp nữa. Mãi tối chủ nhật trước, Trường đương đi vơ vẩn ở giữa phố, có người đến vỗ vai:

– Trường đấy à?

Chàng quay lại, thấy trước mặt mình một người thấp bé, ăn mặc sang trọng mà chàng ngờ ngợ quen. Chàng chưa kịp hỏi, người kia đã nói:

– Quang đây mà. Quên tôi rồi à?

Lúc bấy giờ Trường mới nhận ra người bạn cũ. Chàng yên lặng ngạc nhiên nhìn Quang từ đầu đến chân. Người bạn bây giờ đã thay đổi; không phải Quang gầy gò và ăn mặc lôi thôi ngày trước. Trường chỉ thấy một người sang trọng, vẻ mặt mãn nguyện và kiêu ngạo.

– Bây giờ anh làm gì? Mà đi lang thang thế?

Bỗng nhiên, Trường sinh ghét. Điềm đạm lại, chàng trả lời:

– Vẫn làm như thường, còn anh?

Một cái cười rộng rãi làm toét miệng, Quang đáp:

– Tôi hiện làm chủ một hãng buôn lớn ở đây.

Trường không trả lời. Chàng tự thấy ngượng nghịu, không biết nói gì thêm. Hai người đứng nhìn nhau một phút.

Rồi Quang giơ tay bắt tay Trường, lay mạnh và nói:

– Thôi, anh đi. Độ này tôi bận lắm. Trường quay đi, Quang mới

nói với: Hôm nào anh lại chơi, nhà tôi ở số 50 Hàng Đậu.

Lúc ấy, Trường không để ý đến. Chàng không thấy chút cảm tình gì đối với Quang cả. Nhưng bây giờ, Trường bỗng nhiên có ý muốn đến thăm người bạn cũ, chàng ngẩng lên tìm số nhà.

Chàng vừa gõ cửa, vừa nhớ lại hình dáng Quang trong buổi gặp gỡ. Cánh cửa mở ra, thân hình to béo của Quang che lấp làn ánh sáng.

– Ai đấy? À... anh Trường. Mời anh vào chơi.

Trường bước vào. Ánh đèn rực rỡ làm chàng chói mắt. Trong nhà bầy biện rất sang: sập gụ, tủ chè và một bộ ghế mặt đá kiểu Tầu. Trên tường treo la liệt những câu đối, bức thêu và các tranh ảnh, còn ở dưới không có một chỗ hở nào là không bầy cái lọ cổ hay cái đôn sứ. Trường sắp bước, Quang đã giơ tay vội ngăn:

– Ấy, anh đi phía này. Chỗ ấy khéo chạm phải cái đôn.

Rồi Quang nhe răng cười, giảng giải:

– Hôm nọ thằng người nhà tôi vô ý đi lối ấy làm rơi vỡ mất cái chóe cổ. Cái chóe đời nhà Minh anh ạ, có người trả tôi trăm bạc tôi không bán.

Trường cũng cười để lấy lòng bạn, nói:

– Sao nhà anh lắm đồ cổ thế?

Quang sung sướng, đôi mắt hơi híp lại:

– Phải không, anh? Những đồ này toàn là thứ có giá trị cả, tôi mất nhiều công tìm kiếm mãi mới được. Đây, anh xem đôi lọ này, tôi mới mua lại của một quan Châu trên mạn ngược đấy.

Quang cầm tay Trường dắt lại trước đôi lọ sứ rồi bắt đầu vào một sự cắt nghĩa dài về cái khéo léo của người Tầu, về nước men và nét vẽ trên những đồ sứ cổ. Trường nghe thấy rặt những câu sáo cả, mà Quang có lẽ học được của những người đã bán thứ ấy cho anh ta. Vì Trường biết chắc rằng Quang không hiểu một chút gì về mỹ thuật.

Chàng lặng yên đứng nghe Quang nói, trong trí bỗng hiện hình ảnh của Quang ngày trước, khi anh ta còn là một người học trò nghèo nàn. Trường không nhận thấy bạn cũ trong con người to béo đang nói bên cạnh chàng nữa.

Ý chừng biết mình bắt khách đứng ngắm cái lọ sứ cũng đã lâu, Quang mời Trường ngồi xuống ghế:

– Anh ngồi chơi. Rồi cất tiếng dõng dạc gọi thằng nhỏ pha nước.

Trường vội bảo:

– Anh đừng cho uống nước nữa. Tôi không khát.

– Ấy, phải uống chứ. Chè Tầu đấy thôi mà.

Rồi Quang xoa tay ngồi xuống ghế trước mặt Trường.

– À, thế nào... à quên, bây giờ anh làm gì?

Có lẽ là một thói quen của Quang, vì Trường đã nghe thấy hỏi câu này rồi. Một lần nữa chàng trả lời:

– Tôi vẫn đi làm như thường.

Câu trả lời không rõ rệt. Quang cũng chẳng để ý đến lắm, cúi xuống sửa soạn bộ ấm tách trên bàn, còn Trường ngước mắt nhìn lên cái hoành phi treo sát trần nhà. Chàng tự hỏi không biết mình đến đây để làm gì.

Như chợt nhớ ra, Quang nhìn Trường hỏi:

– Hình như trước anh học ở Cao đẳng kia mà. Sao lại bỏ?

Trường khoát tay một cách vơ vẩn, Quang tiếp:

– Anh thật dại. Cứ học rồi ra làm Tham biện có hơn không. Đấy con ông chánh Vị ấy mà, anh còn nhớ không? Bây giờ đã lên Tham tá hạng nhất rồi đấy. Hôm nọ tôi mới gặp đi với ông Huyện ở An Lâm.

Tiếng An Lâm nhắc Trường nhớ lại những buổi đi học cùng với Quang ở trường làng, cái trường nhỏ nhấn nấp dưới gốc bàng, nhớ lại ông giáo đầu tóc bạc và hiền từ, những vẻ mặt anh em bạn cũ, phần nhiều là những người quê mùa và giản dị, hiện bây giờ vẫn sống một cuộc đời thường ở thôn quê. Chàng cảm động hỏi Quang:

– Anh còn nhớ trường học ở An Lâm không nhỉ? Những anh em bạn học cũ không biết có ai ở trên này không?

Quang so vai đáp:

– Anh nhắc đến cái trường ấy làm gì. Trường thì dột và thấp. Tôi ngày sau có con thì nhất định cho học trường tỉnh. Với lại để nó chung đụng với đám con người nhà quê ấy, chúng nó sinh đần ra. Có phải không anh?

– Có lẽ.

Trường hững hờ đáp lại, mơ màng. Chàng nghĩ Quang trước kia cũng là một đứa trẻ học trò nhà quê đần độn, mẹ Quang là một người

hàng sáo đảm đang buôn bán nuôi con. Trường thấy rằng nếu bây giờ chàng nhắc đến cái nghề của bà cụ khi xưa, chắc Quang sẽ lấy làm xấu hổ.

Chàng hỏi:

– Bây giờ cụ bà cũng ở trên này?

– Vâng, tôi đón mẹ tôi lên trên này ở với tôi cho tiện. Mẹ tôi cứ không muốn lên; bà cụ người cổ ở đâu quen đó, không chịu đi đâu sất cả. Tôi phải nói khẩn khoản mãi mẹ tôi mới chịu. Chết cái ở dưới ấy họ hàng với người quen thuộc, họ hay đi lại nhờ vả lôi thôi lắm, tôi không thích. Thế mà có khi họ còn lên tận trên này nhờ tôi việc kia, việc nọ, thật phiền quá.

Trường không đáp, Quang hỏi thêm:

– Ấy, vừa mới hôm nọ ông giáo cũng lên đây. Anh còn nhớ không?

– Ông giáo dậy chúng ta trước chứ gì?

– Chính thế. Ông đến khẩn khoản xin vay mượn ít tiền. Từ độ ông về hưu kể cũng túng. Nhưng tôi lấy đâu ra mà cho vay mãi được.

Nhìn chàng, Quang cười, tiếp:

– Ông ta có kể tình nghĩa thầy trò cũ, và mẹ tôi cũng bảo cho ông ấy vay, nhưng tôi đã cho vay hai lần rồi chứ có phải không đâu. Tình nghĩa thì cũng phải có hạn. Mình tử tế quá người ta lại không biết cho đâu.

Trường đưa mắt qua những đồ vật sang trọng và quý giá bầy ở trong phòng, tưởng tượng cái dáng điệu khẩn khoản của ông giáo già nua. Chàng sực nhớ rằng trước kia ông giáo vẫn thương Quang là con nhà nghèo và thỉnh thoảng vẫn chu cấp cho giấy bút và sách vở. Trường chắc khi ông giáo đi rồi, bà mẹ Quang tất bị con rầy rà.

Chàng nhìn mặt Quang lúc bấy giờ thấy béo quá, đầy lòng kiêu căng và ích kỷ. Hai con mắt híp, với cái má phính, cái cổ ngấn biểu hiện những ham muốn vật dục được thỏa mãn. Trường thoáng nghĩ đến Quang ngày xưa, hồi còn ở An Lâm, một người trẻ tuổi cũng giầu những tính tình tốt đẹp như chàng.

Trường đứng dậy cầm lấy mũ rồi lãnh đạm bắt tay chủ nhân.

– Thôi, xin phép anh tôi về.

Quang niềm nở giữ lại:

– Ấy, anh ở chơi uống nước đã. Anh em mấy khi gặp nhau, chưa chi anh đã vội về.

Trường nghĩ những câu thân mật ấy có lẽ cũng là một thói quen của Quang, chứ không phải là những tình cảm thật thà. Trường thấy mình không có cái gì có thể khiến cho Quang thân thiết được. Chàng trả lời lấy lệ:

– Để khi khác, lo gì. Hôm nay tôi mắc bận.

Quang tiễn chàng ra cửa.

Chàng bước xuống hè, đi không ngoảnh lại. Trong căn phòng ấm cúng ra, chàng càng thấy lạnh thêm. Và phố xá giờ này đã vắng để Trường một mình với những ý nghĩ của chàng. Trường không xua đuổi được hình ảnh con người ú mập và mãn nguyện, kiêu ngạo vì tiền của, vì mánh khóe nhẫn tâm của mình. Sự thay đổi của người bạn cũ khiến Trường buồn rầu và khinh bỉ lòng người. Anh học trò thơ ngây ngày trước bây giờ xấu hổ vì cái nghề hèn mọn của mẹ, hãnh diện vì đã thí vài đồng cho thầy học cũ. Tiếc thương chua chát và chán nản bỗng đượm vị trong lòng Trường. Chàng nghĩ rằng những người như Quang chỉ có một cái của quý nhất là sự nghèo nàn: của quí ấy, bây giờ Quang đã đánh mất rồi. Anh ta đã trở nên giầu...

Trường khép tà áo và se lòng lại trước gió lộng trên đường vắng. Mưa bụi đã rơi xuống phơi phới, như sương mù. Trường rẽ vào một cái ngõ con, ngập mình trong bóng tối như trong một cái gì mênh mang và dày đặc.

X

Đã hai hôm bà Nhì ở nhà con rể. Nhận được thư của Trinh nói con ốm, bà tất tả lên ngay, để đến nơi thấy Trinh ngồi khóc bên cạnh giường đứa bé, Mai vẫn chưa khỏi, lại có phần ốm nặng thêm. Trinh lo sợ và thương con, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà. Nàng trông mong Trường không thấy về; trong căn phòng vắng, Trinh tự thấy trơ trọi và bé nhỏ quá; nàng vội nghĩ đến mẹ; và gửi thư nhắn bà Nhì lên trông nom săn sóc đứa trẻ giúp nàng. Cả ngày hôm ấy nàng đợi mẹ như hồi còn nhỏ có sự buồn bực gì, nàng đợi mẹ đi cân gạo về để được vài lời an ủi. Bà Nhì đến vừa cất tiếng hỏi:

– Cháu nó làm sao thế, con?

Trinh chưa đáp đã chạy lại gục vào lòng bà khóc nức nở. Nàng không cố giữ nước mắt nữa, cứ để cho tự nhiên chẩy trên gò má. Nàng khóc như ngày còn bé vẫn khóc trong lòng mẹ, và bao nhiêu nỗi uất ức đắng cay nàng phải chịu bấy lâu nay trào lên cổ họng nàng.

Bà Nhì đứng lặng nhìn Trinh khóc, bàng hoàng.

Bà đã tưởng rằng khi gả cho Trường, Trinh sẽ được sung sướng. Tiếng khóc của con bây giờ khiến bà bối rối. Bà sẽ nâng Trinh lên, dìu nàng đến cạnh giường.

– Làm sao thế, Trinh? Con đừng khóc nữa.

Trinh gạt nước mắt nhìn mẹ. Nàng thấy trên mặt bà Nhì hiện bao nhiêu vẻ xót thương. Đôi mắt hiền từ của bà đầy lệ và những vết răn trên trán giờ rõ rệt và sâu thêm. Trinh chợt nghĩ rằng mẹ mình đã đau đớn quá, đã chịu khổ nhiều quá, trước kia, và bây giờ khi thấy con gái yêu của bà không được sung sướng. Trinh vội nén ngay sự thổn thức lại trước nỗi đau khổ của mẹ. Nàng không muốn mẹ phải phiền não vì mình nữa, đời của mẹ nàng đã là một bài học vô cùng nhẫn nại cho nàng. Trinh cố mỉm một nụ cười yếu ớt và qua nước mắt, trả lời bà Nhì:

– Cháu nó ốm, con lo quá.

Nàng không dám nói những nỗi khổ của nàng phải chịu vì thái độ của Trường. Trinh phải nói thác rằng vì Mai ốm mà nàng buồn rầu. Nàng kể tiếp cho mẹ nghe:

– Cháu nó mệt đã hơn tuần lễ nay rồi, mẹ ạ. Con cho uống bao nhiêu thuốc mà vẫn không khỏi.

Bà Nhì nhìn nàng rồi sẽ lắc đầu. Bà biết tâm sự của Trinh, không phải khóc vì con ốm. Những lần đến chơi đã lâu, bà đã đoán được sự bất hòa giữa hai vợ chồng. Bà hiểu rằng Trường có lúc đã hối hận vì lấy nàng, và trách vợ đã là một trở lực trên bước đường tiến thủ của mình. Bà biết đó là một sự vô lý và không công bằng, nhưng bà không oán giận Trường bao giờ cả. Bà không hề có nghĩ đến phần lỗi về phần ai, bà chỉ thương Trinh vì thấy con khổ mà thôi.

Nhưng bà cũng không đả động gì đến chuyện ấy. Thấy Trinh đã nín khóc, bà chỉ hỏi:

– Cháu đâu con?

Trinh đưa mẹ đến cạnh giường Mai nằm. Đứa bé vẫn ngủ, đầu ngả trên chiếc gối bông trắng, mái tóc dài xòa xuống mặt. Mai trông ẻo lả và yếu ớt quá. Bà Nhì để tay lên trán đứa trẻ, lo lắng:

– Đầu nó hãy còn nóng lắm.

– Thưa mẹ, vâng. Cháu nó đến chiều là lại lên cơn sốt.

Hai mẹ con cùng ngồi xuống. Bà Nhì đưa mắt nhìn quanh gian buồng sơ sài và lạnh lẽo, ngập ngừng một lát rồi khẽ hỏi Trinh:

– Nhà con đâu mà bây giờ chưa về?

Trinh nhìn đồng hồ, trả lời:

– Mới có mười một giờ, nhà con cũng sắp về đấy ạ.

Bà Nhì thực thà bảo:

– Cậu ấy đi làm về trễ thế cơ à?

Trinh nói dối:

– Vâng. Có khi bận việc phải ở lại làm cả buổi trưa mới được nghỉ. Độ rày ở sở nhiều công việc lắm.

Nàng vừa nói vừa nghĩ không biết bây giờ Trường ở đâu, và hôm nay không biết chàng có về nhà không, hay lại đi biệt như mọi hôm. Trong lúc này, nàng vừa mong lại vừa sợ Trường về. Nàng sợ khi thấy bà Nhì, Trường lại tỏ vẻ không bằng lòng như mấy lần trước.

– Nhà con vẫn cứ bảo con viết thư về mời mẹ và em Bích lên chơi cho vui, nhưng con cũng chắc mẹ bận buôn bán chẳng lên luôn được.

Nàng thở dài. Sự săn sóc ấy có đã lâu lắm rồi, từ lúc mới lấy nhau. Hồi ấy Trường luôn luôn hỏi thăm tin tức mẹ và em nàng. Hễ có ngày nghỉ nào là Trường lại cùng nàng trở về An Lâm. Hai vợ chồng lại cùng nhau chơi đùa vui vẻ ở góc vườn, vun xới khóm cây mọc bên giàn hoa lý, và cùng nhau đi theo ven bờ sông Tiên ra tận cánh đồng cỏ rộng.

Song những ngày sung sướng đã không trở lại. Từ lúc Trường bỏ học ra ở riêng, từ lúc nghèo nàn đến ám ảnh cái gia đình bé nhỏ, thì thái độ Trường khác hẳn. Nàng thấy chồng lo nghĩ và buồn bực, cho đến gần đây, sự lãnh đạm của Trường khiến nàng bắt đầu sống những ngày đau đớn.

Nàng nhớ lại tất cả quãng đời ấy lòng rối loạn. Trước mặt mẹ, nàng ấp úng muốn nói rõ cái ý định một hôm chán nản đã vụt đến trong trí nàng. Trinh muốn thưa với mẹ cùng trở về An Lâm, để trả

lại tự do cho Trường. Nàng muốn hy sinh hạnh phúc của nàng để Trường được sung sướng, dẫu sự sung sướng ấy không phải chính tay nàng được gây nên. Nhưng Trinh không dám ngỏ thẳng ý ấy ngay với mẹ. Nàng nói thác:

– Mẹ ạ, hay cho cháu nó về quê có lẽ sẽ chóng khỏi. Vì ở trên này chật hẹp và không có chỗ thoáng khí. Con sợ vì thế mà cháu nó ốm lâu.

Bà Nhì ngẫm nghĩ một lát, rồi có vẻ lo ngại đáp:

– Con nói cũng phải. Nhưng con về thì ở trên này ai trông nom nhà cửa. Để cậu ấy ở một mình à?

Trinh bất giác trả lời chua chát:

– Con tưởng không hề gì. Nhà con lại thích ở một mình hơn là ở với vợ con.

Bà Nhì nhìn Trinh yên lặng. Trinh thấy hình như đôi mắt hiền từ của mẹ soi thấu tâm hồn nàng. Nàng cúi đầu xuống, với tay kéo lại chăn đắp cho con.

Một lát, bà Nhì mới cất tiếng dịu dàng, cái tiếng nói ngọt ngào và êm như ru mà Trinh hằng được nghe thấy luôn hồi còn nhỏ, khi nàng có lỗi gì mà bà sắp khuyên bảo. Nàng nhớ lại giọng nói ấy và cảm động.

– Con không nên nghĩ thế. Bây giờ con về, rồi cậu ấy nghĩ thế nào? Mẹ chắc con có điều gì giận nhau với chồng con hẳn.

Trinh ngồi yên không đáp. Bà Nhì nói tiếp:

– Vợ chồng thì thế nào chả có khi bất hòa, con ạ. Con cũng không nên lấy thế làm nghĩ ngợi. Với lại, con tưởng nếu về An Lâm, chồng con không nhớ thương con sao? Người ta có khi gần nhau thì giận dữ, nhưng xa nhau lại nhớ. Con nên nhẫn nại, và hết lòng thương con, thương chồng, thế nào rồi chẳng có ngày hai con lại yêu mến nhau như cũ.

Những lời khuyên giản dị ấy ở mẹ nói ra có một mãnh lực khiến Trinh nao nao trong dạ. Nàng tủi thân muốn khóc, những tiếng nức nở như sắp ở tận sâu trong lòng nàng đưa lên; nhưng cùng một lúc nàng thấy sự bình tĩnh êm dịu đến tràn vào tâm hồn. Nước mắt đầy lên khóe mắt nàng, nhưng Trinh cảm thấy là những giọt nước mắt nhẹ và trong. Nàng ngửng đầu nhìn ra ngoài; ánh sáng của mảnh

trời xanh lóe qua hàng lông mi ướt những tia loáng thắm màu rực rỡ. Hình như nỗi đau khổ đã bớt đè nặng đi trên vai nàng.

Mai trở mình rồi ngồi dậy với tay gọi mẹ.

Trinh ẵm con vào lòng, khẽ ru cho ngủ. Hai mẹ con không nói chuyện gì nữa. Bà Nhì mang cái thúng khâu ra gần chỗ cửa sổ sáng, dở những áo rách của Mai ra vá lại.

Trong căn phòng yên lặng, sự yên lặng như đứng lại của một buổi trưa. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ thong thả đều đều nghe rõ rệt, rồi bỗng nhiên, phím chẩm cầm trong đồng hồ bắt đầu buông ra những tiếng đàn lanh lảnh như từng giọt khẽ rơi xuống dòng nước của một cái suối con. Trinh thôi không hát; nàng lắng nghe khúc đàn du dương, tuy nàng đã nghe nhiều lần, nhưng không lần nào vang động trong lòng nàng như lần này. Nàng ẵm chặt con trong lòng, cái nóng ấm của đứa trẻ truyền sang người nàng như một cảm giác khoan khoái và dễ chịu. Trinh cúi nhìn con, lại nhớ đến Trường, vì con chàng giống chàng như đúc, cũng hàng lông mi dài che mắt và đôi lông mày vòng cung, đã nhiều lần vì giận dữ nhíu lại khiến nàng lo sợ. Tự nhiên Trinh thấy nổi dậy trong lòng những tình yêu mến mà nàng tưởng đã chìm xuống tâm hồn; nàng nghĩ đến Trường không biết bây giờ chàng ở đâu? Sao chàng không về để nàng được săn sóc và an ủi chàng, để chia sẻ cho chàng cái ấm cúng nàng thấy trong lòng? Trinh tự trách mình sao đã có ý muốn bỏ Trường mà đi; nàng nhìn mẹ và cảm ơn thầm bà Nhì đã khéo ngăn cản nàng.

Trinh kéo vạt áo ủ lại cho con. Mai cựa quậy nhưng vẫn nhắm mắt không tỉnh dậy. Tay đứa bé đưa lên nắm chặt tay mẹ. Trinh cúi xuống áp má vào trán con; nàng ngồi như thế với những kỷ niệm từ xa xôi dĩ vãng trở lại trong trí nàng.

Bà Nhì bỗng dừng kim chỉ, ngừng tay như đang có một ý nghĩ thoáng qua. Bà nhìn Trinh, toan nói một câu gì, nhưng lại thôi. Bà cúi xuống lục những mụn vải, vuốt kim trên mái tóc đã bạc, rồi lại cặm cụi vá những chiếc áo cũ của cháu.

XI

Chiều tối, trong nhà đã thắp đèn. Buổi chiều hơi lạnh, gió vi vút thổi trong khe lá cây như báo trước những ngày mưa gió lầm lội của

mùa đông sắp tới. Bà Nhì khoác cái áo bông trên vai; bà đã nhiều tuổi nên rét sớm, và cứ mỗi mùa đông đến, bà lại thấy rét hơn lên một chút. Bà ngồi trên giường, để Trinh sửa soạn bữa cơm chiều vì đã hơn bẩy giờ tối.

– Năm nay trời rét lắm, con nhỉ?

Trinh nhìn mẹ:

– Thưa mẹ vâng.

Và như sực nghĩ sự gì, nàng hỏi:

– Năm nay mẹ có đi cân gạo nữa không?

Bà Nhì chép miệng trả lời:

– Con tính mua bán mấy năm nay thì ăn thua gì. Nhưng mẹ cũng phải đi cân chứ. Em Bích nó học trường trên bây giờ tốn kém lắm. Tiền mua sách vở giấy bút, nó xin luôn.

Trinh buồn rầu. Nàng thương mẹ đời đã về chiều vẫn còn phải vất vả.

– Em Bích dạo này có chịu học không mẹ? Mẹ phải bảo em nó cố học lên mới được, đã chậm mất một năm rồi.

– Không, độ rày hình như nó học cũng khá. Thầy giáo vẫn khen luôn.

Trinh vui mừng nghĩ đến em. Mẹ nàng lại nói:

– Nhưng giá nó được lên trên này ở gần cậu ấy rèn cặp cho thì chắc chóng tấn tới lắm.

Trinh không đáp, không dám nhận lời vì nàng chưa biết Trường có bằng lòng cho em nàng lên ở trên này không. Nàng nhìn đồng hồ, mong đợi.

– Đã gần 8 giờ rồi. Thôi mời mẹ đi ăn cơm trước đi, nhà con không biết lúc nào mới về.

Hai mẹ con đang ngồi ăn, bỗng Trinh lắng tai nghe rồi buông đũa đứng dậy:

– Có lẽ nhà con đã về đấy.

Nàng chạy ra chỗ cầu thang, thì vừa gặp Trường mở cửa bước vào. Trinh lùi lại một bước trước mặt chồng, nép vào phía tường. Nàng hỏi:

– Sao anh về muộn thế?

Rồi nàng tiếp luôn, tiếng nói rất khẽ, gần như không nghe thấy:

– Mẹ lên chơi đấy anh ạ.

Trường không trả lời. Ngay bấy giờ, Trinh nhận thấy nét mặt buồn bã và mệt nhọc của Trường, nàng động lòng thương, với lấy chiếc mũ trên tay chồng.

– Anh để em cất đi cho.

Bà Nhì cũng đã gác đũa đứng dậy. Bà nhìn Trường vồn vã:

– Cậu về ăn cơm. Tôi với em nó cũng vừa mới ngồi ăn thôi. Và bảo Trinh: – Con bảo nó lấy thêm bát đũa, đi.

Bà thân hành kéo chiếc ghế ra bảo Trường ngồi.

– Mẹ để mặc con.

– Sao cậu về muộn thế? Tôi cứ bảo để đợi cậu về ăn một thể cho vui, nhưng em nó cứ cố nài ép tôi ăn trước.

Bà nói như để tạ lỗi. Trường thấy ái ngại và tự thẹn: chàng đã đối đãi không tốt với người đàn bà mà nụ cười hiền hậu đã bao lần an ủi chàng ngày còn nhỏ. Cái việc thần tiên lại xẩy ra, Trường bỗng thấy một sự dịu ngọt không chừng ôm ấp tâm hồn như làn nước rất trong, và không ngăn được, giọng chàng tự nhiên trở nên kính mến và lễ phép:

– Vâng, mẹ cứ xơi cơm trước chứ đợi con thì biết đến bao giờ. Có khi đến khuya con mới được về.

Bà Nhì nhìn con rể, ân cần:

– Trong sở nhiều công việc lắm phải không? Trông độ này cậu xanh và gầy đi quá.

Lòng Trường dần thấy êm ả và dễ chịu. Chàng thấy thân yêu với bà Nhì hơn những lần trước và Trường cảm động, vì bà thực thà muốn làm vui lòng chàng. Chàng hối hận đã lãnh đạm với bà trong bấy nhiêu lâu.

Bữa cơm hôm ấy thật vui vẻ. Trường ăn rất ngon miệng và trả lời thân mật những câu hỏi săn sóc của bà Nhì. Trinh là người sung sướng nhất. Nàng không giữ được nỗi mừng lấp lánh hiện ra trong mắt. Đã lâu nàng không được thấy quang cảnh này. Trinh không muốn ăn cơm nữa, nàng chỉ dựng đũa nhìn hai người nói chuyện. Nàng tưởng vẫn là bữa chiều trong gian nhà cổ ở An Lâm khi nàng với Trường mới gặp nhau. Thấy chồng đặt đũa, nàng khẩn khoản:

– Anh ăn thêm bát nữa. Độ này anh ăn thế chả trách người gầy đi được.

Nàng nhìn mẹ:

– Có phải dạo này nhà con yếu hơn trước phải không hở mẹ? Con đã khuyên uống thuốc, nhưng nhà con cứ nhất định không chịu uống.

– Cậu phải uống thuốc mới được. Không lỡ ra mỏi mệt quá thì khốn.

Trường cười đáp:

– Nhưng con có việc gì đâu? Vẫn mạnh khỏe như thường đấy chứ.

Chàng nắm chặt bàn tay, vén áo để lộ cánh tay dưới đèn, rồi quay tay uốn những thớ thịt. Trường thấy khỏe mạnh thật, một nguồn sinh lực mới đang chạy trong mạch máu chàng. Chàng nhìn Trinh, và lần đầu nhận thấy vợ gầy đi nhiều quá, nước da xanh nhợt và mắt có quầng thâm, tuy một chút hồng hào và vui mừng phơn phớt trên gò má. Trường thương hại:

– Có em phải uống thuốc thì có. Trông em yếu lắm.

Chàng để tay mình lên bàn tay Trinh ở trên ghế, sẽ nắm những ngón tay nàng, nhỏ bé và thon như búp măng. Chàng nhìn rõ vào mặt vợ. Trinh bỗng dưng e lệ, chớp những sợi lông mi dài rồi cúi xuống đất.

Hồi lâu nàng rút tay ra và kêu:

– Chết chửa, không biết con tôi đã dậy chưa?

Nàng đi lại gần buồng, vắt cửa màn bước lên giường. Bà Nhì trông theo con, bảo Trường:

– Cháu nó ốm làm sao mà mãi chưa khỏi. Xem chừng nó mệt lắm.

Trường sửng sốt không biết trả lời thế nào. Chàng đã quên không nghĩ đến con ốm nữa.

Lo sợ, chàng đứng dậy đến bên giường thấy Trinh ngồi ẵm con trong cái chăn quấn kín lấy chân đứa bé. Mai đã tỉnh nhưng có vẻ mệt nhọc, nghiêng đầu dựa vào tay mẹ. Hai con mắt mở to và long lanh như đang cơn sốt. Thấy Trường, Trinh nựng con:

– Mai, cậu đã về kia kìa.

Trường để tay lên trán đứa bé. Mai rụt cổ lại rồi ngửa đầu ra

đằng sau, như khó chịu trong người lắm. Hai vợ chồng nhìn nhau, lo ngại. Trinh khẽ nói:

– Em nó mệt hôm nay là bẩy hôm rồi đấy.

Trường đáp:

– Mai anh phải mời đốc tờ đến xem mới được. Chàng ngồi xuống mép giường, buồn rầu. Mai ốm, mà chàng tự biết không thể làm gì cho con được. Và chàng nghĩ đến những ngày chàng không về tới nhà, cứ mặc Trinh một mình trông nom săn sóc đứa con. Trường hối hận vì lòng ích kỷ của chàng, chỉ băn khoăn đến cái sướng khổ của mình mà không nghĩ đến vợ. Trường cúi gần xuống nhìn con, lòng thấy rung động một tình thương sâu xa và thấm thía.

Trinh lặng lẽ trải đệm và sửa gối lại cho Mai. Nàng sẽ đặt con xuống, kéo chăn lên đắp cho đứa bé, rồi rón rén bước xuống đất, khép lại cẩn thận cửa màn. Nàng thì thầm bảo Trường:

– Khẽ để con ngủ, anh ạ.

Trường cũng rón rén đi lại ghế. Chàng ngồi xuống trước mặt bà Nhì, khoanh tay để trên mặt bàn, nghĩ ngợi.

Bà Nhì yên lặng nhìn Trường qua đôi kính trắng, sắp muốn nói một chuyện gì nhưng còn lưỡng lự. Đôi mắt bà thong thả chớp, và một vẻ nhân từ tỏa ra trên nét mặt già nua của bà. rồi một nét buồn thoáng qua khiến cho vẻ hiền từ của người mẹ già thêm đằm thắm và rộng rãi. Bà khẽ thở dài như chợt nghĩ đến những kỷ niệm đâu đâu trong cái ký vãng nhẫn nại và đau khổ hồi niên thiếu. Bà thôi nhìn Trường, đưa mắt theo Trinh đang đi lại dọn dẹp trong phòng. Trinh trông còn trẻ quá, còn thơ dại quá. Thân hình mảnh dẻ của nàng cũng yếu ớt và nhỏ bé như bà khi còn trẻ; nhưng trước kia bà đã chịu đau thương biết bao nhiêu! Bà Nhì nghĩ đến người chồng xấu số ngày xưa, vì quên mình mà đã chịu tử hình. Bà còn nhớ con người mảnh khảnh như một cậu học trò, lúc nào cũng hòa nhã, dáng điệu khoan thai và thư thái. Hai người lấy nhau được hơn năm năm. Rồi sau cái ngày tàn ác ấy, bà tỉnh lại thấy mình trơ trọi ở đời với hai con còn trẻ thơ, họ hàng thân thích không ai trông nom đến. Từ độ ấy, bà nhẫn nại và yên phận sống với một nghề nhỏ mọn để nuôi con. Gian nhà cũ với mảnh vườn nhỏ ở An Lâm là cái di sản còn lại của chồng bà, nên tuy đã nhiều lần túng thiếu, mà bà không bao giờ chịu bán đi.

Bà cố xua đuổi những ý nghĩ buồn rầu ấy. Không biết tại sao chiều hôm nay, những hình ảnh xa xăm đã mờ trong ký vãng lại còn trở lại trong trí nhớ bà. Có lẽ những nỗi đau khổ của Trinh đã gợi đến những nỗi đau khổ của bà. Bà Nhì âu yếm nhìn con gái, như muốn trút hết cho con bao nhiêu tình thương mến.

Trinh thấy mẹ có vẻ không vui, nâng lại gần săn sóc:

- Hơn mười giờ rồi. Mời mẹ đi nghỉ không mệt.

Trường cũng nói thêm:

– Vâng, mẹ đi nghỉ thôi. Em sửa soạn giường chiếu đi.

Bà Nhì nhìn hai con, vui vẻ:

– Không mẹ chưa buồn ngủ. Mới có mười giờ đã lấy gì làm khuya. Ở An Lâm, có khi mẹ còn thức hơn nữa. Với lại có hai con mẹ vui cũng không muốn nghỉ.

Bà ngẫm nghĩ một lát, rồi nói tiếp, giọng nhẹ nhàng và êm dịu:

– Mẹ trông hai con vui vẻ, mẹ sung sướng lắm. Ước gì cứ được như thế này mãi.

Trường cảm động:

– Từ rầy mẹ ở chơi trên này luôn với chúng con cho vui. Nhà con có mẹ ở chơi cũng đỡ buồn, mà cháu nó cũng thích.

Chàng quay lại nhìn vợ. Trinh đứng tựa lưng vào cái tủ, nửa người phía trên khuất ánh sáng đèn vì cái chao lụa che đi. Trong bóng tối hồng nét mặt của nàng không rõ, nhưng Trường thấy mắt nàng long lanh và đôi môi hơi hé nở như sắp sẵn một nụ cười.

Trường cũng tự nhiên thấy sung sướng và thư thái. Những bóng tối buồn rầu đã tan đi không ám ảnh chàng nữa; một bình minh mới rạng lên chiếu sáng lòng chàng. Trường mới biết được một điều rất giản dị là: cái vui ở tự lòng mình, chứ không phải ở những sự vật bên ngoài. Không bao giờ như lúc này, chàng hiểu thấm thía ý nghĩa của cái chân lý ấy. Trường lấy làm lạ rằng đã bao nhiêu lâu chàng như người u mê, và cứ mơ màng đi tìm hạnh phúc ở đâu đâu.

Những vật quanh mình, Trường nhận thấy bây giờ có một hình sắc khác, mà hình sắc ấy chỉ là phản ảnh của lòng chàng. Trường thấy cái cảm giác ấm cúng của mối tình yêu mến, và ánh sáng hồng của ngọn đèn trước mặt như đem tỏa vẻ ấm cúng ấy ra khắp cả gian

phòng. Một kỷ niệm vui bất giác phảng phất qua trí chàng, khiến Trường mỉm cười.

Trinh lại gần nhẹ nhàng đặt tay lên vai chồng, rồi ghé sát vào tai Trường thầm thì hỏi:

– Anh Trường, anh cười gì thế?

Trường không đáp, ngửa mặt trông lên vợ, lặng cười rõ rệt hơn. Chàng nhìn ngắm cái cằm xinh xắn của Trinh và vẻ tròn trĩnh của cổ nàng. Trên tấm áo, qua mấy sợi tóc thưa, cái cúc đỏ sáng lên như một ngôi sao lửa.

Bà Nhì khẽ quay mặt đi trước cảnh âu yếm của đôi vợ chồng. Một lát bà mới cất tiếng:

– Chủ nhật này hai con về An Lâm chơi với mẹ. Về mà xem vườn hồng, độ này em Bích săn sóc đến luôn trông đẹp lắm.

Trinh chắp hai tay vào nhau, sung sướng:

– Phải đấy. Về xem cây mộc bây giờ ra làm sao. Nếu có hoa, con sẽ ướp chè cho mẹ uống như độ trước ấy mẹ nhỉ. Anh Trường, thế nào anh cũng về nhé.

Trường mỉm cười, gật đầu, bà Nhì nói tiếp với chàng:

– Con Trinh ngày bé thích hoa mộc lắm đấy. Có bao nhiêu hoa là cô ta giắt lên mái tóc cả ngày làm trụi cả khóm mộc trong vườn. Nhiều lần tôi mắng mãi mà nó cũng không chừa.

– Bây giờ, con cũng vẫn thích hoa mộc, mẹ ạ. Trinh nhìn bà Nhì, cười đáp. Nàng vừa nghĩ đến buổi gặp Trường dưới cành cây mộc, sáng sớm hôm ấy: – Lần này về, có bao nhiêu hoa, con hái tất cho mẹ xem.

Bà Nhì trả lời vui vẻ:

– Vâng, mời cô cứ hái, chỉ sợ chưa có hoa thôi.

Tiếng Mai bỗng nghe thấy ú ớ trong màn. Trinh bỏ chuyện, đi vào để dỗ con. Bà Nhì nhìn Trinh đi rồi quay lại khẽ lắc đầu bảo Trường:

– Vợ con nó còn trẻ con quá, chẳng biết làm gì cả.

Bà mỉm cười dịu dàng:

– Nó còn trẻ người non dạ, cứ động gặp đâu là nói đấy, chứ không suy nghĩ trước sau gì. Tôi đã dặn bảo nó nhiều lần lắm nhưng

cậu cũng phải bảo ban nó thêm mới được. Và giá em nó có lầm lẫn điều gì không phải xin cậu cũng đừng chấp.

Trường cúi đầu chưa biết trả lời thế nào. Bà Nhì nói giọng thấp và ân cần hơn trước:

– Mẹ xem ra em nó không biết ăn ở, thành ra nhiều khi làm cho cậu không vừa lòng. Những cái đó khiến mẹ ân hận lắm.

– Nhưng thưa mẹ...

– Không, cậu đừng che chở cho em nó. Mẹ chỉ xin cậu bỏ qua những điều lầm lỗi của nó đi thôi. Vợ chồng hòa hợp với nhau là quý, cốt sao cho trong nhà lúc nào cũng vui vẻ. Ấy, mẹ vẫn khuyên bảo em nó như thế luôn. Bà khẽ thở dài: Bây giờ mẹ đã già rồi, chỉ mong trông thấy các con hòa thuận là mẹ được vui mừng.

Tiếng nấc khẽ đằng sau làm Trường quay lại. Trinh đã ra ngồi trên ghế từ lúc nào, đang cúi mặt xuống khóc. Hai vai nàng rung động, và vạt áo cầm lên vò nát trong tay. Trường thương mến, trong lòng hồi hộp. Chàng thưa với bà Nhì:

– Thưa mẹ dậy phải. Nhưng chỉ lỗi tại con, chứ nhà con có lỗi gì đâu.

Chàng đến bên cạnh Trinh, gỡ tay nàng ra và ngọt ngào:

– Làm sao em khóc, em? Thôi nín đi, không mẹ buồn.

Trường dìu vợ đứng dậy, đưa nàng ra ngoài hiên. Đột nhiên chàng có cảm giác hình như dỗ dành một cô gái bé ngây thơ đương có sự gì buồn bực, mà một lời nói dịu dàng đủ an ủi được. Chàng tự thấy mình cũng như trẻ lại, rút khăn tay khẽ lau nước mắt cho Trinh và dỗ:

– Em nín đi, rồi đến chủ nhật này anh đưa về quê thăm vườn nhà... Anh sẽ hái hoa mộc cho em ướp chè chứ.

Vạt áo buông rơi, đôi mắt Trinh hãy còn ngấn lệ. Một nụ cười sắp hé nở trên miệng nàng, nhưng Trinh e thẹn, vội quay nhìn đi phía khác:

– Anh để mặc em..

Nàng ngượng nghịu chùi nước mắt. Những giọt lệ còn để rớt lại trong lòng nàng một mối buồn nhè nhẹ, và cùng một lúc, nàng thấy trong tâm hồn có cái gì sẽ vang lên như tiếng hát của con chim buổi sớm.

Nàng đặt tay lên vai Trường, ngả người vào gần chàng. Nàng sẽ

áp cái đầu nhỏ bé trên ngực chồng, để những sợi tóc rối vương vào ngón tay. Hai người đứng lặng như thế rất lâu.

XII

Buổi sớm chủ nhật thật rực rỡ. Nắng và lạnh hòa hợp với nhau như hai thứ rượu, khiến cho thời tiết say sưa và dễ chịu. Không khí trong sạch; những mầu ảm đạm mọi ngày qua làn mưa bụi, bây giờ đều tươi sáng và mới mẻ.

Trường đứng trên hiên trông xuống phố. Mầu trắng của mấy bức tường lóe dưới ánh nắng, và vùng lá cây xanh tốt hơn mọi hôm. Chàng thấy cảnh vật vui tươi, và trong lòng chàng cũng có những tia nắng đang reo ấm như một nhịp đàn.

Trường quay người vào, hỏi vợ:

– Em xong chưa?

– Chưa, anh đợi em một lát.

Trinh đang ngồi trang điểm trước tấm gương. Cái bông phấn êm như nhung phớt trên má nàng, bụi phấn thơm bay tung lên mái tóc đen; Trinh sung sướng nhìn hình ảnh tươi đẹp của mình ở trong gương, khẽ đưa thoi sáp đỏ lên môi. Đã lâu lắm, hôm nay nàng mới lại dùng đến các thứ trang điểm. Ban nẫy lúc nàng khoác áo toan đi, Trường trông ngắm nàng rồi bảo:

– Em trang điểm vào, chứ ai lại để đầu bù tóc rối thế kia.

Nàng đáp, giản dị như mọi ngày:

– Thôi cứ thế này cũng được. Lại đằng mẹ chứ đi đâu mà phấn sáp.

Nhưng Trường nhất định không nghe. Chàng hơi cau đôi lông mày lại, bắt buộc một cách âu yếm:

– Không, em trang điểm đi kia. Anh muốn thế.

Nàng chiều chồng, vắt áo lên ghế, rồi lại tủ lấy hộp đựng phấn. Hộp để bỏ trong ô kéo đã lâu, nên bụi bám đầy, Trinh phải lấy khăn chùi sạch. Khi mở hộp ra, nàng vui mừng vì các thứ trang điểm vẫn còn nguyên. Trinh để hộp phấn trên bàn, mở giấy. Một mùi thơm dịu và quen bốc ra, khiến nàng nhớ lại ngày sắp cưới nàng, lần đầu nàng dùng thứ phấn này của một người chị em bạn tặng. Lúc bấy giờ nàng tưởng cái hương thơm lạ ấy – lần đầu nàng dùng phấn – sẽ là hương

thơm ngát của những ngày sung sướng từ đây. Bây giờ, hương ấy đối với nàng càng ngát thơm hơn, qua những ngày đau khổ.

Trinh sửa mái tóc rất gọn ghẽ, vuốt đi vuốt lại mấy sợi tóc mai buông đen nhánh trên da trắng. Nàng muốn xinh đẹp, muốn tươi tắn, để được vừa ý Trường. Bỗng nàng mỉm cười vì thấy hình Trường sau hình nàng hiện ra trong tấm gương. Chàng đã lại gần lúc nào nàng không biết, cúi xuống sát bên vai, nàng thấy hơi thở nóng của chồng trên gáy.

– Thôi trông đẹp lắm rồi!

Thấy Trường khen, Trinh sung sướng cúi mặt xuống, hai má ửng hồng vì thẹn, nàng hỏi:

– Có cho con cùng đi không anh?

– Có chứ. Đem nó lại không bà nhớ.

– Thế để mặc áo cho con đi.

Trường đứng dậy ra hiên, Trinh nghe tiếng chàng nói ở ngoài:

– Trời hôm nay mà về quê thì thích quá. Nắng như thế này...

Nàng toan muốn nhắc Trường, nhưng lại thôi.

Trong sự hòa hợp của đôi vợ chồng bây giờ nàng thấy lời nhắc ấy là thừa. Cái vui trong lòng nàng rực rỡ quá, không thể chàng không biết, và không cùng một ý muốn với nàng. Trinh chắc chàng cũng ao ước như nàng được về quê thăm vườn cũ.

Nàng gọi vú em mang con vào. Mai cũng còn xanh xao và mệt nhọc. Bệnh nặng vừa qua để lại trên khuôn mặt ngây thơ một vẻ nghiêm trang và đôi mắt như mở to quá dưới hàng mi. Thấy mẹ, Mai trụt xuống chạy đến bám vào vạt áo. Hộp phấn nhiều mầu khiến Mai chú ý, với tay đòi lấy. Trinh chiều con, đưa con cái bông phấn; đứa bé bắt chước mẹ cũng đập phấn lên mặt. Người vú cười:

– Ái chà, cậu Mai cũng biết đánh phấn đấy?

Nàng gọi Trường:

– Này anh vào đây mà xem. Con nó làm dáng chưa?

Trường trở vào, sung sướng. Chàng cúi xuống ẵm thẳng Mai lên hai cánh tay, rồi bế xốc con lên người, đùa nghịch. Trinh đã trang điểm xong, ngồi yên trên ghế, ngước mắt nhìn chồng và con yêu quý, mắt long lanh sáng. Rồi nàng đứng dậy rút chiếc khăn tay trong túi áo:

– Để em lau đi, phấn cả thế này.

Cái bông đã để phấn lên cả tóc Mai và trên áo Trường. Nàng lấy khăn phủi sẽ. Mai giơ tay vít lấy cổ áo mẹ kéo lại gần. Trường thấy sát mặt chàng đôi má mịn màng và phấn hồng của Trinh mơn mởn như cánh hoa đào. Chàng nghiêng con lại gần vợ, tiếng nói thấp hơi run:

– Nào Mai, con hôn mợ đi.

Đứa bé quàng tay lên cổ Trường rồi vụng về đặt môi lên má mẹ. Qua đầu con, Trường và Trinh cùng nhìn nhau âu yếm.

Hai vợ chồng xa nhau ra, e thẹn, như đôi tình nhân mới. Trường nhìn vợ mỉm cười như cùng chia xẻ một sự bí mật gì. Rồi chàng lấy giọng tự nhiên nói:

– Thôi chúng ta đi đi, không sợ mẹ đợi.

Bà Nhì đến nhà thông gia từ sáng sớm, dặn hai vợ chồng thế nào cũng đến sau. Từ hôm thấy hai con lại hòa thuận như cũ, và cháu lành mạnh, bà rất vui mừng ở luôn ngay với Trinh, không nghĩ đến về nữa. Mấy ngày ở trên này, bà săn sóc đến Trường như săn sóc một người con quý, thầm cám ơn chàng đã làm hết những nỗi lo ngại của bà bấy lâu nay. Buổi chiều hôm qua, khi bà đương ngồi khâu trên giường bên cạnh cháu, Trinh lại gần, khẩn khoản:

– Mẹ ở trên này với chúng con rõ lâu nhé. Mẹ về thì chúng con buồn lắm.

Bà sẽ cười hỏi:

– Thế cô muốn tôi ở đây suốt đời à? Còn nhà cửa lấy ai trông nom.

Trinh tươi nét mặt lên, nàng đáp:

– Con chỉ cầu được thế. Và ngậm ngùi, nàng tiếp: – Bây giờ mẹ đã có tuổi rồi, chả còn sống được bao lâu nữa, tội gì mẹ còn phải vất vả. Mẹ cứ ở đây với chúng con; tiền em Bích ăn học chúng con sẽ gửi về, mẹ không phải lo đến nữa.

Nàng thêm:

– Hôm nọ nhà con đã bảo với con như thế.

Bà Nhì ngửng lên nhìn Trinh, rồi lại cúi đầu tư lự. Lòng bà cảm động, đầy thương mến các con. Tay bà dừng kim trên mảnh vải và đôi kính của bà bỗng mờ đi như nhòa lệ. Ngoài kia chiều tối xuống. Và lần đầu trong đời dằng dai đau khổ của bà, buổi chiều đến không đem lại những ý nghĩ và hình ảnh buồn rầu vẫn thường ám ảnh bà bấy nhiêu lâu nay.

Bà Nhì đang ngồi nói chuyện với bà Phán thì hai vợ chồng Trường đẩy cửa bước vào. Trinh đặt Mai đến trước mẹ chồng, bảo con:

– Con chào bà đi.

– Nào lên đây với bà. Úi chao, cháu tôi ngoan quá.

Bà Phán cúi xuống ẵm Mai lên, đặt cháu vào lòng. Trong cái cử chỉ âu yếm ấy, có một vẻ thân thiết vì tình máu mủ hơn. Bà Nhì bỗng thoáng buồn vì sực nhớ Mai chỉ là cháu ngoại mình. Nhưng bà lại vui vẻ ngay, nghiêng người xuống gần Mai nói dịu dàng:

– Bà trông cháu độ này có vẻ khỏe mạnh hơn trước.

Trinh đỡ lời, đáp:

– Giá không ốm thì cháu còn mập mạp nữa kia đấy ạ.

Trường ngồi xuống ghế, đưa mắt nhìn chung quanh. Đã lâu, chàng không tới thăm mẹ và em. Những đồ đạc trong nhà vẫn không có gì khác, chỉ có tập sách để trong ngăn tủ lâu ngày không ai dở đến nên bụi phủ dầy. Một vẻ lạnh lẽo như phảng phất trên mọi vật. Trường cho đấy có lẽ là cảm giác riêng của chàng: đã lâu nay chàng không nghĩ đến mẹ. Mái tóc nửa bạc của bà Phán khiến chàng thương mẹ và ân hận trong lòng.

Trường lắng tai nghe hai bà nói chuyện. Hai tiếng nói quen khiến chàng tưởng như hồi còn ở An Lâm, những lúc chàng dựa vào ghế nghe bà Nhì bàn chuyện buôn bán với mẹ chàng. Trường thấy mình trẻ lại với bao kỷ niệm của thời xưa. Chàng nhìn vợ để tìm trên khuôn mặt xinh cái vẻ ngây thơ của cô gái bé có đôi mắt đen vẫn cùng chàng đùa nghịch bên khóm hồng. Trinh ngồi bên mẹ têm trầu, dáng điệu khép nép và ngoan ngoãn như một cô thiếu nữ.

Dung và Lan đi chợ về, đem một chút huyên náo vào trong nhà. Vừa trông thấy chị, Lan đã vội vàng đặt rổ thức ăn xuống đất, vồn vã chạy lại nắm lấy hai tay Trinh, hỏi han như người đã lâu lắm không gặp nhau. rồi nàng lùi lại, ngắm nghía Trinh từ đầu đến chân, ngạc nhiên:

– Ồ, chị tôi dạo này xinh đẹp quá! Trông trẻ như cô gái mười tám vậy.

Trinh khẽ đập yêu vào vai Lan, đáp:

– Cô chỉ rõ khéo nịnh tôi thôi.

– Không, chị đẹp ra thực đấy, em không nói dối đâu.

Dung từ nãy vẫn điềm đạm cũng phải mỉm cười:

– Thôi, liệu mà vào làm cơm đi. Hai chị em cứ khen nhau mãi.

Lan cũng cất tiếng cười tươi tắn, rồi dắt tay Trinh giục:

– Vào đây chị, vào đây với em nói chuyện.

Dung đứng lại tần ngần, trên mặt thoáng có vẻ buồn. Trường nhìn chị, hỏi:

– Mấy giờ anh về hở chị?

Dung thong thả đáp:

– Anh cũng sắp về rồi đấy. Bây giờ đã hơn mười giờ.

Dung đi xuống bếp. Trường trông theo, lòng nao nao thương. Những sự đau khổ mà vợ chàng đã phải chịu khiến Trường hiểu biết hơn nỗi buồn của Dung bị anh ghét bỏ. Dung có lẽ đã khóc nhiều, tuy chàng chưa từng thấy chị thốt ra một lời than phiền hay oán trách nào. Sự âm thầm chịu đựng của Dung đau đớn quá.

Một lát, Trường nghe thấy ở nhà dưới đưa lên tiếng cười nói của ba chị em, tiếng trong sáng của Lan lẫn với tiếng dịu dàng và hòa nhã của Trinh. Trường nghĩ rằng trong ba người, Trinh là người sung sướng hơn cả, và chàng thấy cái cảm giác ấm cúng là lúc này, Trinh hẳn cũng đang nghĩ đến chàng. Trường tự nhiên mỉm cười một mình rồi đứng dậy đến bên tủ dở mấy quyển sách cũ. Đó là những sách học của chàng ngày xưa. Nhìn những nét gạch và những chữ biên của mình trên các trang giấy, Trường tưởng nhớ lại cả quãng đời học hành chăm chỉ, với những điều ước vọng lúc bấy giờ. Hồi ấy chàng, chỉ mơ ước thi đỗ để ra đi làm kiếm tiền. Có lẽ tình cảnh nghèo nàn của gia đình chàng và chung quanh đã khiến chàng chỉ tha thiết mong có thế. Thi đỗ rồi đi làm công sở, đó là mục đích của cả một đời. Nhưng bây giờ Trường mới rõ cái nhỏ mọn của điều mong ước ấy. Sự sống đã cho chàng bao nhiêu bài học hay. Trường không băn khoăn vì cảnh nghèo của mình nữa. Chàng không ganh ghét với những người sang trọng, giầu có hơn chàng – Trường nghĩ đến Quang, đến người bạn học cũ ở quê nhà – và tự thấy mình giầu hơn họ nhiều, giầu những tính tình tốt đẹp, những ý nghĩ đằm thắm mà những người chỉ biết đến mình không bao giờ có được.

– Anh Trường, mời anh bỏ sách để ăn cơm thôi.

Tiếng Lan gọi bắt Trường dừng nghĩ. Chàng cúi nhìn trang sách một lần cuối nữa, rồi từ từ gấp lại, cùng một lúc gấp trong trí nhớ một trang sách của đời mình. Trường có cảm giác những ngày cũ,

những ngày băn khoăn ám ảnh đã qua như một giấc mộng, chỉ một chút mơ màng ân hận còn rớt lại. Một cuộc đời mới đang chờ đợi để đón chàng.

Mâm cơm bưng lên để trên giường, Dung và Trinh má hãy còn hồng hào vì gần lửa, tóc hãy còn vương bụi tro, tranh nhau sửa soạn đũa bát. Lan tươi tỉnh vui vẻ như con chim nhỏ, cô nhìn Trường một cách tự đắc, như để khoe với anh những món ăn ngon chính tay cô đã làm ra.

Trinh đưa mắt về phía Trường, rồi hỏi chị:

– Đợi anh Xuân về rồi mới ăn một thể chứ?

Dung nhìn bà Nhì và mẹ đáp:

– Thôi, mời mẹ với bà cứ ăn trước. Nhà con về ăn sau cũng được.

Mọi người ngồi quanh mâm. Ánh nắng buổi trưa lấp lánh ngoài khe cửa làm cho thời khắc thêm rực rỡ. Bà Phán cầm đũa ân cần mời bà Nhì như ngày nào bà vẫn mời sau các buổi đi cân về. Sinh, con Dung và Mai ngồi quây quần lấy bà cụ. Mẹ Trường âu yếm xoa đầu Mai và gắp đồ ăn vào bát cho cháu bé. Bà nhìn khắp các con rồi đến con dâu thì ngừng lại, mắt dịu dàng. Đã lâu bà biết lòng chân thật và nết hiền hậu của Trinh và thấy nàng trẻ dại, thấy cháu kháu khỉnh đáng yêu; bà cũng đem lòng thương mến.

Ăn xong, hai bà vào buồng trong nói chuyện cũ. Trinh và Lan đùa với các trẻ trên bực cửa. Tiếng cười trong trẻo và ngây thơ của Lan át cả tiếng cười nói của Sinh và Mai. Ít khi trong nhà có quang cảnh vui vẻ thế.

Cạnh Trường, Dung ngồi im lặng, nét mặt vẫn đượm vẻ nghiêm trang. Suốt bữa cơm, Trường nhận thấy chị không vui, và nụ cười thỉnh thoảng ngập ngừng trên miệng Dung kín đáo và buồn rầu quá khiến chàng ái ngại. Trường trông đồng hồ rồi ngạc nhiên:

– Giờ mà anh Xuân còn chưa về chị nhỉ?

Nhưng vừa hỏi xong, chàng hối hận. Dung trả lời, giọng khác hẳn đi, tuy vẫn cố giữ điềm đạm:

– Hôm nay trời nắng có lẽ anh ở luôn ngay trong sở không về.

Trường khẽ thở dài. Trong cái vui của lòng chàng, Trường muốn cho anh chị cũng được sung sướng. Chàng hiểu những nỗi đau đớn mà Dung đã phải chịu vì thái độ lãnh đạm của Xuân. Tuy vậy, giờ nghĩ

đến anh, Trường không thấy bực tức như trước nữa. Sự thay đổi của Xuân gần đây, chàng đã đoán biết những duyên cớ. Có lẽ Xuân cũng đã có những hành vi và ý nghĩ của mình. Xuân không có can đảm trở về với cuộc đời chàng có, với những vui và những buồn sủa sự sống hằng ngày.

– Chúng ta xin phép mẹ về thôi chứ, anh?

Trường quay người lại, cầm lấy tay vợ. Mai cũng chạy đến quấn quít bên chân, Trường đặt tay lên đầu con, bảo Trinh: – Em chào mẹ đi. Và nói với Dung, tiếng chàng trở nên ngọt ngào và êm dịu vô cùng:

– Chiều mời chị với cháu lại chơi đằng em nhớ.

*

* *

Mấy hôm sau, hai vợ chồng cùng với bà Nhì trở về An Lâm. Trường và Trinh, lúc sửa soạn ra đi, sung sướng như hai đứa trẻ về thăm nhà. Vợ hỏi chồng:

– Em đố anh biết hồng nhà đã có hoa chưa nào?

Trường ra vẻ nghĩ ngợi hồi lâu, rồi cười đáp:

– Có nụ rồi, nhưng còn đợi em về mới nở. Bà Nhì thật thà nói chen vào:

– Năm nay rét sớm, dễ thường chưa có hoa đâu. Lúc mẹ lên cây mới có mầm non thì phải.

Hai người đưa mắt nhìn nhau. Trinh cúi đầu cười, rồi ngồi xuống xỏ giầy cho con. Trường đứng yên nhìn nàng, lạ rằng sao bây giờ trong mỗi cử chỉ của Trinh chàng thấy có một ý ân cần và âu yếm đáng yêu. Trước kia... nhưng Trường vui vẻ, không nghĩ nữa. Chàng đi lại trong phòng miệng ca hát sẽ.

Lúc xe sắp chạy, Trường thấy một đôi vợ chồng với đứa con hấp tấp lên xe. Người thiếu phụ dắt con đến ngồi trước mặt chàng, trên ghế bên kia. Người chồng theo sau, săn sóc. Trường chú ý người đàn bà hãy còn trẻ, trông nét hơi quen; Trường ngờ ngợ hình như đã gặp ở đâu. Đột nhiên chàng nhớ ra: thiếu phụ chính là cô gái ngày trước ở bên cạnh nhà chàng. Tối hôm ấy chàng đã trông thấy cô đi ra cất dọn bàn ghế ở ngoài thềm. Bất giác Trường mỉm cười vì cái kỷ niệm xa xôi ấy. Bây giờ thiếu nữ đã có chồng con, đã sống cuộc đời của cô,

có lẽ với những buồn, vui lẫn lộn... Bao nhiêu thời giờ đã qua, từ hôm chàng thi đỗ trở về nhà, lòng mang đầy ước vọng, sung sướng và hăng hái. Cuộc đời lúc ấy mở ra trước mặt Trường hoa lệ và sang trọng. Nếu chàng cứ theo con đường của mọi người, không biết bây giờ đời chàng sẽ thế nào... Chàng lại sinh lòng hối tiếc chăng?

Trường đặt Mai lên ghế rồi ngồi sát bên vợ. Nhẹ nhàng chàng cầm lấy tay Trinh; chàng muốn nói với vợ những lời dịu dàng và thành thực, những lời mà chàng để hết cả thân yêu. Trinh nhìn lại chồng âu yếm, và cái hạnh phúc bây giờ Trường bỗng thấy quý giá vô ngần. Chàng tự kiêu đã xứng đáng với lòng yêu của vợ và thấy những nỗi băn khoăn, bực tức của chàng trước kia nhỏ mọn không đáng kể. Trường đã mong ước sự giàu sang vì không biết đến những cái phong phú trong lòng chàng, đã tìm danh vọng và địa vị vì chưa tự đầy đủ với tâm hồn.

Mai ngắt những ý nghĩ của Trường, hé miệng xinh xắn hỏi:

– Đã sắp đến nơi chưa hở cậu?

Tháng chạp, 1937.

Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1939.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM – TẬP 26

KHẢI LUẬN 7

KHÁI HƯNG 21
- Hồn bướm mơ tiên 23
- Nửa chừng xuân 83
- Gia đình 275
- Thoát ly 453
- Thừa tự 599
- Đẹp 725

LƯU TRỌNG LƯ 889
- Khói lam chiều 891
- Chiếc cáng xanh 914

HÀN MẶC TỬ 989
- Quan Nghị... Gật 989
- Chơi giữa mùa trăng 997
- Chiêm bao với sự thực 1000

CHẾ LAN VIÊN 1003
- Đêm giao thừa 1004

ĐỖ TỐN 1011
- Hoa vông vang 1011

TRẦN HUYỀN TRÂN 1025
- Lẽ sống 1025
- Bộ áo rét của nhà thơ 1029
- Một buổi chiều mưa 1036
- Lá rụng 1039
- Đàn ngan con 1042
- Chim lồng 1047
- Một con cuốc chết 1051
- Cơn bão rớt 1053

Mưa dầm	1057
Yêu	1061
Trong xóm mai vàng	1066
Hai người giang hồ	1075
THẠCH LAM	1079
Tác phẩm của Thạch Lam	1080
Nhà mẹ Lê (truyện ngắn)	1081
Trở về	1086
Cơn giận	1092
Người lính cũ	1097
Người bạn cũ	1101
Hai lần chết	1105
Người bạn trẻ	1111
Đói	1117
Gió lạnh đầu mùa	1125
Người đầm	1130
Hai chị em	1133
Dưới bóng hoàng lan	1140
Cô hàng xén	1146
Tối ba mươi	1158
Tình xưa	1163
Hà Nội băm sáu phố phường (bút ký)	1174
Ngày mới (tiểu thuyết)	1216

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung .

TẬP 26

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

NGUYỄN TRƯỜNG MINH - HUỲNH THỊ HÒA

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú - TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 - 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP
VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP